

Vũ Thư Hiên

*đêm*

*giữa*

*ban*

*ngày* □

*Tôi tặng cuốn sách này cho:*

*Những người con của đất Việt*

*đã cống hiến đời mình cho một nước Việt Nam*

*độc lập, tự do và dân chủ.*

*Hương hồn cha tôi,*

*và những người cộng sản*

*đã chết bởi tay các đồng chí của họ.*

*Mẹ tôi,*

*người dạy tôi sống không cúi đầu.*

*Vợ tôi,*

*người cùng chia sẻ*

*vô vàn khổn khó trong những năm tháng đen tối của đời tôi.*

*Các bạn tù của tôi,*

*cộng sản cũng như không cộng sản.*

*Các thế hệ sau tôi,*

*hy vọng họ sẽ không bao giờ phải sống như tôi đã sống,*

*dưới bất cứ gông cùm chuyên chế nào.*

## Tự bạch

Ba mươi năm đã trôi qua kể từ khi ở miền Bắc Việt Nam nổ ra một vụ án lớn, cho đến nay vẫn còn là chuyện khó hiểu đối với nhiều người.

Trong nhân dân, vụ án này có tên nôm na là vụ “Xét lại chống Đảng”. Tên chính thức của nó ít ai được biết, kể cả các đảng viên cộng sản, là “Vụ án tổ chức chống Đảng, chống Nhà nước ta, đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài”<sup>1</sup>. Đây là tấn bi kịch lớn nhất trong hàng ngũ những người cộng sản Việt Nam, gây hại cho nhiều người, nhiều gia đình, từ nhà cách mạng lão thành suốt đời đấu tranh cho độc lập dân tộc, cho tới đứa trẻ vừa lọt lòng mẹ trong nền độc lập đã giành được<sup>2</sup>.

Trong vụ án này Đảng<sup>3</sup> cầm quyền bất chấp luật pháp do chính nó đặt ra đã xuống tay hạ ngục, giam cầm và lưu đày nhiều năm không xét xử những người có quan điểm chính trị bất đồng. Nằm trong phạm vi trấn áp của vụ án do Ban tổ chức Trung ương Đảng khởi xướng còn phải kể rất nhiều cán bộ, đảng viên có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với những người bị bắt. Ngoài số đó ra, nhiều dân thường cũng bị Đảng nhân tiện chụp cho cái mũ “xét lại hiện đại” để “xử lý”. Tất tật bị nhét chung vào một rọ, bị Đảng trừng phạt bằng nhiều cách khác nhau, với mức độ khác nhau.

Bị bắt năm 1967, những người tù không có án, còn gọi là tù “xử lý nội bộ”, tới năm 1973 mới lần lượt được thả.

Chưa hết. Sau sáu năm giam cầm, họ còn phải chịu những năm lưu đày biệt xứ và quản thúc tại gia.

Tưởng chừng vụ án đến đây là kết thúc, nhưng không phải.

Người cuối cùng trong số tù nhân được Đảng ban cho ân sủng “xử lý nội bộ” mãi tới tận tháng Chín năm 1976 mới được ra khỏi cổng nhà tù.

Người tù ấy là kẻ viết những dòng này.

Đáng ngạc nhiên là sau nhiều năm “im lặng đáng sợ”, nói theo cách của nguyên tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, những ban lãnh đạo Đảng kế tiếp nhau tính từ thời tổng bí thư Lê Duẩn trở đi, vẫn khăng

<sup>1</sup> Mãi tới năm 1995, tức là từ khi tôi bị bắt (1967), tôi mới được biết tên gọi chính thức của vụ án nhờ bức thư đề ngày 3. 2. 1995 của ông Nguyễn Trung Thành, Vụ trưởng Vụ bảo vệ Đảng, gửi Bộ Chính trị. Trong bức thư này ông Thành yêu cầu giải oan cho hơn 30 đồng chí bị bắt và bị xử lý. Tính riêng số người bị bắt mà tôi biết cũng đã vượt quá con số do ông Thành đưa ra. Có lẽ trong bức thư này tác giả chỉ nói tới những người là đảng viên cộng sản mà ông gọi bằng “đồng chí”.

<sup>2</sup> “Có thể nói, sau những sai lầm, oan trái rộng rãi trong Cải cách ruộng đất và Chính biến tổ chức (1956), thì đây là vụ án oan sai lớn nhất trong lịch sử Đảng ta, xét về qui mô, tính chất. Và có thể nói không ngoa, đây là vụ án oan sai lớn nhất trong hàng ngũ những người yêu nước Việt Nam của thế kỷ XX” (trích thư của ông Lê Hồng Hà, nguyên Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ tổng hợp Bộ Nội vụ trong thời gian xảy ra vụ án, gửi cho Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa VII, đề ngày 18. 7. 1995, về vụ “nhóm xét lại chống Đảng”).

<sup>3</sup> Trong các tài liệu chính thức ở Việt Nam, từ “đảng” được viết hoa để chỉ “Đảng cộng sản Việt Nam” với ý nghĩa tôn sùng. Trong cuốn sách này nó cũng được viết hoa như vậy, nhưng là để cho tiện, cho vắn tắt, chứ không hàm nghĩa đó.

khẳng khẳng định rằng đảng của họ đúng trong cách xử lý vụ án, rằng những kẻ vi phạm luật pháp (của Đảng và chỉ của Đảng mà thôi) xứng đáng chịu những án hình lẽ ra phải nặng hơn những án hình mà Đảng nhân từ đã ban cho.

Trong chín năm tù, tôi chỉ làm được một việc có ích cho bản thân và cho những người mà tôi thương yêu là già từ được ảo ảnh về một xã hội cộng sản được tô vẽ như là thiên đường dưới thế.

Sự nhìn lại đời mình cũng như sự quan sát số phận của đồng bào trong những nhà tù tôi đi qua đã mang lại cho tôi cái nhìn tinh táo không riêng với những hành động phi nhân của những vua chúa mới, mà cả một thể chế xã hội trong đó con người dù muốn dù không đều đánh mất mình.

Cuốn sách mà bạn đang cầm trong tay là một phần những quan sát của tôi, một phần những suy nghĩ của tôi về cái xã hội khó hiểu mà số mệnh đã an bài cho tôi sống trong lòng nó.

Xã hội này là khó hiểu, bởi vì căn cứ những gì tôi biết, nó khởi sinh từ những ý muốn tốt đẹp, bắt đầu bởi những con người lương thiện. Cũng căn cứ những gì tôi biết, tôi dám đoán chắc rằng trước kia, khi mới nhập vào dòng chảy của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, họ không hề áp ủ những mưu đồ xấu xa.

Trong sự biến dạng của những người cộng sản, trong sự tha hóa của họ, cái gì là tác nhân - chủ thuyết mà họ theo đã nhào nặn con người họ thành ra như thế hay chính họ tự biến đổi để trở lại nguyên hình, cho đúng với bản thể do trời đất tạo ra, hay là cả hai cái đồng thời, tôi không rõ.

Cuốn sách này chỉ là một chút ánh sáng soi rọi vào một vụ án cụ thể nhưng mang tính tiêu biểu cho nền cai trị của Đảng cộng sản, một mảnh gương con phản ảnh một số mặt ít người biết đến của xã hội miền Bắc Việt Nam. Cho nên, vụ án chỉ là cái cớ để nói về cái lớn hơn – về một thể chế được áp đặt lên mọi số phận người đã bị tước đoạt mọi quyền lựa chọn để được sống xứng đáng là người.

Là cái nhìn từ phía người trong cuộc, hồi ức của tôi, cũng như mọi hồi ức khác, không thể tránh khỏi những gì mang tính chủ quan trong sự lựa chọn, trình bày các sự kiện. Nhưng, cũng lại với tư cách hồi ức, nó vẫn là một thứ bằng chứng, cho dù chỉ là bằng chứng từ một phía. Tôi cố gắng, trong chừng mực có thể, đưa ra bằng chứng của riêng tôi, với cái nhìn khách quan tối đa, về vụ án nói trên, qua đó người đọc cũng có thể thấy được bằng chứng về cái xã hội trong đó vụ án đã xảy ra.

Trong cuốn sách này chỉ có sự thật theo cách mà tôi hiểu. Hình thức văn học mà tác giả sử dụng trong cuốn sách chỉ vừa đủ cho bức tranh sự kiện không thành quá tệ nhạt. Văn học đích thực không có chỗ nơi đây.

Vì mục đích cuốn sách giới hạn trong một vụ án, cho nên nó không thể là cuốn sách nói về chế độ lao tù ở Việt Nam. Để nói về nhà tù Việt Nam cần một cuốn sách khác. Mà đó là một đề tài đáng được chú ý, chí ít cũng là một sự quan tâm không thể thiếu đối với số phận đồng loại trong một nửa thế kỷ.

Quá khứ sẽ chẳng có ích cho ai bởi sự hồi tưởng đơn thuần. Quá khứ chỉ có ích khi con người lấy nó làm cái để mà suy ngẫm, rút ra trong lòng những sự kiện quá khứ bài học cho tương lai.

Cuốn sách này không phải là lời lên án một xã hội nay mai sẽ trôi vào quá khứ.

Tôi không dám đặt cho mình mục đích buộc tội. Chỉ vì lịch sử thường có sự lặp lại, cho nên tôi muốn giống lên hồi chuông cảnh báo.

Tôi cũng không thể đóng vai người buộc tội, không nên yêu cầu tôi đóng vai đó, bởi trong cái xã hội được miêu tả tôi không đơn thuần là nạn nhân. Về mặt nào đó, trong chừng mực nào đó, tôi còn là thủ phạm.

Tôi viết vì tôi không thể nói lên tiếng nói của mình. Tôi quan niệm kẻ không dám nói “không” trước tội ác là kẻ đồng lõa với tội ác.

Và sau hết, theo cách biểu đạt của nhà văn Nga Prishvine, tôi chỉ là “một cái lá trong hàng triệu cái lá của cây đời, và nói về một cái lá thì cũng là nói về những cái lá khác”. Số phận tôi được nói đến trong cuốn sách này cũng là số phận của nhiều người cùng thế hệ.

Xin hãy coi cuốn sách này là lời sám hối trước đồng bào của cha tôi nay đã không còn. Nó được thực hiện theo lời trăn trối của Người.

Cuốn sách này là một vòng hoa muộn, một nén hương thêm đặt lên mồ những nạn nhân xấu số của một thời kỳ đen tối, những con người bất hạnh đã không chờ được đến ngày cuộc đời lập lại sẽ công bằng cho họ.

Tác giả

# 1

Lễ mừng Thiên chúa Giáng Sinh năm 1967 tại Hà Nội chẳng hứa hẹn một sự náo nhiệt thường có. Quá nửa số dân đã sơ tán khỏi thành phố. Người ở lại phần nhiều là cán bộ nhân viên các cơ quan Trung ương và địa phương, dân quân tự vệ, cộng với một số dân thường vì lý do này hay lý do khác không thể đi được. Phố xá mất hẳn vẻ sầm uất. Nhiều nhà đóng im ỉm. Bên trên mái đá đen các công thự cũ thời thuộc địa, trên các nóc nhà cao tầng mới xây, tua tủa nòng đại liên trung liên ngóc lén trời xanh nhiệt đới. Vỉa hè lỗ chỗ hầm trú ẩn cá nhân làm bằng những ống cống xi-măng đúc.

Chiến tranh thực sự chưa dạo bước trên ba mươi sáu phố phường, nhưng bóng đen của nó đã trùm lên mái ngói âm dương thanh bình của kinh thành Thăng Long cổ kính.

Trong phố vắng những người ở lại, phần lớn thuộc lớp tuổi trẻ, quần áo gọn gàng, dáng tất bật, cắm cúi đi sát tường, khẩu AK trên vai. Phóng viên AFP ở Hà Nội nhận xét: “Hà Nội bình thản và nhanh chóng hòa nhập với nếp sống thời chiến, dù cho ở bên kia Thái Bình Dương Lầu Năm góc chưa vội vã tuyên bố chiến tranh với nước Việt Nam cộng sản”.

Hà Nội sẵn sàng chống trả, báo Nhân Dân viết.

Người Hà Nội làm việc, ăn ngủ, yêu thương, sinh con đẻ cái trong bầu không khí căng thẳng chốc chốc lại vỡ oà bởi tiếng nổ của mọi cỡ súng lớn nhỏ rộ lên từng đợt mỗi khi máy bay Mỹ bay ngang; trong tiếng nữ phát thanh viên quen thuộc vang vang trên các phố vắng “Đồng bào chú ý! Đồng bào chú ý! Máy bay địch cách Hà Nội ba mươi cây số! Máy bay địch cách Hà Nội hai mươi cây số! Máy bay địch cách Hà Nội mươi lăm cây số!”, dưới những vệt khói trắng mỏng manh của tên lửa đất đối không SAM-1, SAM-2 được chế tạo tại Liên Xô... , chúng vun vút kẻ những vệt trắng lên trời xanh nhiệt đới.

Cuộc xung đột vũ trang tại miền Nam với một bên là quân du kích do Hà Nội bí mật tổ chức và yểm trợ ngay từ khi Hiệp định Geneve 1954 được ký kết, cộng với sức mạnh của quân chính quy trái hình xâm nhập bằng đường mòn Hồ Chí Minh qua vĩ tuyến 17, và bên kia là chính quyền Sài Gòn được Hiệp chủ nghĩa Hoa Kỳ yểm trợ về mọi mặt, khởi đầu bằng những trận đánh lẻ tẻ đầu thập niên 60 đã lớn

lên mau chóng để trở thành nội chiến, hiểu theo nghĩa những người sống và chết trên chiến trường đều là người Việt.

Sự có mặt ngày càng đông đảo các lực lượng vũ trang Mỹ ở miền Nam Việt Nam đã biến cuộc chiến tranh giữa những người cùng một máu thành chiến tranh Việt-Mỹ, như người ta thường nhìn thấy nó như vậy, từ bên ngoài. Về thực chất, đó chính là cuộc đối đầu giữa hai phe cộng sản và tư bản thế giới. Trong bối cảnh chiến tranh lạnh toàn cầu, cuộc chiến tranh nóng ở Việt Nam còn kéo thêm một số quốc gia vào lò lửa của nó, hứa hẹn một sự dai dẳng không biết khi nào mới kết thúc.

Trên lãnh thổ miền Bắc Việt Nam cuộc giao tranh độc đáo và dữ dội chưa từng có giữa bầu trời và mặt đất, bắt đầu từ năm 1965, là sự phát triển tất yếu của cuộc chiến tranh cục bộ nọ. Bằng những trận không tập ồ ạt, rất ác liệt, không ngưng nghỉ, tổng thống thứ 36 của Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ quyết tâm bắt Hà Nội phải quỳ gối trước sức mạnh của vũ khí<sup>1</sup>.

Đêm trước, người Hà Nội thở phào nhẹ nhõm nghe giữa lao xao sóng điện đài gần đài xa tin các bên tham chiến trên bán đảo Đông Dương đã thỏa thuận được với nhau một ngày ngừng bắn nhân kỷ niệm Chúa Kitô ra đời. Lễ mừng Thiên Chúa Giáng sinh 1967 đến với Hà Nội như một ngày hòa bình bất ngờ, một ngày không bình thường trong cuộc chiến, không phải nhờ ơn người, mà nhờ ơn Chúa.

Thành phố yên tĩnh như thể chưa bao giờ nó yên tĩnh như thế.

Từ sáng sớm không có còi báo động. Chỉ có tiếng loa điện oang oang nhắc nhớ mọi người cảnh giác trước hành động bất trắc của kẻ thù. Quanh hồ Hoàn Kiếm nhân dân đi lại nhộn nhịp hơn ngày thường. Nhân đợt ngưng chiến ngắn ngủi, những người sơ tán gần thành phố hối hả đạp xe về nhà. Họ dùng vội khoảng thời gian yên tĩnh ngắn ngủi để đi khám bệnh, đi mua bán, thăm hỏi người thân, đến chơi với bè bạn, ăn với nhau một bữa cơm, uống với nhau một tuần trà, để rồi sớm hôm sau lại tất tả lên đường. Bên miệng hầm tập thể vắng bóng những bà mẹ nhỏ bé bé con nèp dưới những khẩu hiệu nhiều cỡ “KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO” của chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nước hồ phẳng lặng. Tháp Rùa hiện lên không rõ nét trong sương mù lắng đọng. Gió bắc thổi nhẹ. Trời se lạnh. Hà Nội vào đông muộn hơn mọi năm.

Tôi đang thong thả đạp xe từ Hàng Trống qua Hàng Bài thì bỗng nghe tiếng người gọi tên mình. Mãi suy nghĩ tôi không nghe thấy ngay, đến khi nghe thấy thì đã đạp quá mất một quãng.

Người gọi tôi dừng xe, khua tay loạn xạ để tôi nhận ra anh ta. Thấp béo, đầu sùm sụp cát-két dạ trên cái mặt tròn, trong bộ đồ bảo hộ lao động nhau nhã, anh ta hớn hở khi thấy tôi quay mặt về phía mình. Ai thế nhỉ?

<sup>1</sup> L. B. Johnson (1908-1973) cho rằng Mỹ có thể chiến thắng trong một thời gian ngắn. Bắt đầu mở rộng cuộc chiến tranh còn giới hạn trong phạm vi miền Nam Việt Nam bằng cách ném bom miền Bắc Việt Nam vào cuối năm 1965. Hậu quả của nhận định này là ông Johnson tạo ra những khó khăn cho chính mình trong cương vị tổng thống Hoa Kỳ, để rồi vì cuộc chiến ở Việt Nam mà ông phải rút khỏi chính trường vào tháng 3. 1968.

Đành phải tạt vào vỉa hè, dừng xe trước một cửa hàng đóng im im trong những cánh gỗ nham nhở, trước kia là hiệu chuyên doanh đồ sơn mài.

- Gớm, tìm anh gần chết! - anh chàng phanh xe lại ngay trước mặt tôi, cười tí, người chui về phía trước, hai mắt chỉ còn là hai đường chỉ - Anh về ngay cơ quan, thủ trưởng đang đợi anh. Nhanh lên, để kịp tiếp khách! Em qua nhà, chị nói anh vừa đi, em phỏng theo, nhưng không kịp...

Ủy ban liên lạc văn hóa với nước ngoài, cơ quan cấp trên của báo ảnh "Việt Nam", nơi tôi làm việc, thỉnh thoảng lại lấy tôi qua làm việc. Công việc tôi được Ủy ban giao cho là giúp chủ nhiệm Ủy ban tiếp khách. Khách đến phần nhiều từ Liên Xô hoặc các nước Đông Âu, đều biết nói tiếng Nga, là thứ tiếng tôi thông thạo. Người ta dùng tôi vào việc này chẳng qua cho đỡ tốn, bớt được một phiên dịch. Tôi có thể kiêm nhiệm hướng dẫn viên du lịch đưa họ đi thăm các danh lam thắng cảnh ở thủ đô hoặc các địa phương. Công việc kể ra cũng dễ chịu, nếu như khách là những nghệ sĩ hoặc những nhà hoạt động văn hóa. Nhưng không phải lúc nào cũng được như thế, đôi khi rơi vào số khách mang danh ngành văn hóa của nước bạn lại là những cán bộ chính trị thuần túy làm việc trong lĩnh vực văn nghệ chỉ để nắm cương vị lãnh đạo. Trong trường hợp này công việc của tôi chẳng còn dễ chịu nữa. Những chính trị gia được đôn lên thành nhà văn hóa đến thăm viếng hữu nghị chỉ ưa những cuộc họp liên miên với những diễn văn được chế sẵn lê thê đến phát ngán về "tình hữu nghị không gì lay chuyển nối giữa hai dân tộc trên cơ sở chủ nghĩa Marx-Lênin bách chiến bách thắng", những bài diễn văn này làm tôi mệt nhoài. Còn nói chung, trong đại đa số trường hợp, công việc mà tôi được làm là thú vị. Những người khách phương xa (nhiều người sau này trở thành bạn tôi), phần lớn lịch sự và phong nhã, đã mang lại cho tôi những giờ phút vui vẻ và hơi hướng xứ lạ, là cái bao giờ cũng làm cho cuộc sống hàng ngày đơn điệu bớt tẻ nhạt.

Điều làm tôi ngạc nhiên là khoảng nửa năm nay Ủy ban đã không còn dùng tôi vào việc tiếp khách nữa, không hiểu sao nay lại cho người gọi tôi đến?

Chuyện ấy có nguyên nhân của nó.

Kể từ năm 1964, khi cuộc đổi đầu Trung-Xô trở thành đặc biệt căng thẳng thì bầu không khí chính trị ở Việt Nam cũng nóng theo. Ở khắp nơi, trong những cuộc họp, những người cộng sản cốt cán, với vẻ mặt nghiêm trọng, la lối đến khản tiếng về nguy cơ của chủ nghĩa xét lại hiện đại và sự cần thiết phải vận dụng toàn lực chống lại nó. Cái nguy cơ ở quá xa dạ dày chẳng làm cho những người dân đói bụng lo sợ, do đó ngoài những lời hường ứng không thể dừng, thiên hạ vẫn bình chân như vại. Chỉ có giới trí thức vốn không ưa Trung Quốc trong tinh thần căm ghét truyền thống nhằm vào ông hàng xóm dữ tợn với xu hướng bành trướng và bá quyền không giấu giếm là còn tỏ ra khó chịu với thái độ Trung Quốc của đảng cầm quyền. Đảng cầm quyền tất nhiên không cho phép một sự bướng bỉnh như thế được tồn tại trên đất đai mà Đảng toàn quyền cai trị. Từ ngày có cuộc "đấu tranh giữa hai đường lối" bất cứ cán bộ nào dám ngang ngược phát biểu những quan điểm khác với Đảng về bất cứ vấn đề gì, không cứ về đường lối đối nội hay đối ngoại của Đảng, đều bị coi là phần tử xét lại, chí ít thì cũng là phần tử hữu khuynh không đáng tin cậy.

Tôi bị liệt vào số đó.

- Anh hôm nay không bận gì đấy chứ?

Một câu hỏi để mà hỏi. Vớ vẩn. Ủy ban đã cho gọi thì tôi nhất định phải đi rồi, có thoái thác cũng chẳng được.

- Anh về trước đi! - tôi lạnh nhạt - Tôi qua nhà một lát, thay quần áo cái đã.

Tôi đã có chương trình cho hôm nay. Tôi không thích nó bị phá vỡ. Tôi đã tính đưa vợ con đi chơi. Được đi chơi trong một ngày hiếm hoi không có báo động thật là tuyệt. Chúng tôi sẽ đến thăm một người bạn cũ lâu không gặp. Nghe nói anh bị ốm bất thường. Có thể, chúng tôi sẽ ăn cơm ở đó. Vợ tôi muốn cho các con đi cùng, nhân tiện kiếm mua mấy thứ lặt vặt.

Tôi ngán ngẩm nhìn thẳng cha phá quấy. Chán quá, ủy ban không báo trước để tôi có thể sắp xếp việc riêng của mình. Mà tay này ở đâu ra nhỉ? Có lẽ ở phòng bảo vệ. Ngoài bộ phận đó ra, có ai đi làm chủ nhật?

- Dào, chẳng sao đâu. - y nhẹ hàm răng cài mả, cười không ra tiếng - Đang đánh nhau, mặc thế nào chả được. Thế này tươm chán rồi. Khách lại đang đợi.

Trên người tôi có cái áo bông xanh, cái quần ka-ki, cả hai đều mới, nhưng nhau nát. Đã lâu chúng tôi quên hẳn việc là quần áo. Không ai trách ai vận đồ không có nếp. Thời chiến quần áo giặt sạch quá, phẳng phiu quá, nếp là rõ quá, còn bị phê phán là sang trọng rởm. Nó là cái gì nếu không phải tàn dư của nếp sống tư sản?

Tôi còn lưỡng lự, thì anh chàng nọ đã trườn về phía tôi.

- Anh về làm gì?! - y chồm tới, nắm lấy ghi-dông xe tôi - Xe đến rồi kìa!

Tay y nổi giận vì nắm chặt. Tôi chưa kịp ngạc nhiên thì một chiếc com-măng-ca Liên Xô đã phanh két bên cạnh. Cửa xe bung ra. Hai thanh niên đen nhẽm phóng xuống. Không nói không rằng chúng túm lấy tôi, lôi tuột lên xe. Tôi còn nhìn thấy anh chàng vừa gọi tôi. Bộ mặt nhăn nhở biến mất, thay vào đó là đôi mắt cá ươn và tiếng cười gằn:

- Lên xe ngay! Biết điều đừng chống cự!

Giờ, ở khoảng cách gần, tôi mới nhận ra y - thẳng cha này thường lèo đẽo bám theo tôi mấy ngày gần đây. Vận đồ bộ đội, cái xà-cột lủng lẳng bên hông, y lấp ló như một con chuột trong đám đống.

Cũng trong thoáng ấy tôi nhìn thấy hơn một chục xe đẹp tản ra từ chỗ chiếc com-măng-ca vừa đổ. Đó cũng là những tên tham gia vụ bắt cóc, nhưng sự việc diễn ra gọn gàng, những tên này chưa phải động thủ. Mọi tình huống đã được lường trước, được sắp xếp trước, y như một trường đoạn trong một phim gangster.

Không một người qua đường nào biết ở nơi này vừa xảy ra chuyện gì. Những chiếc xe đạp vẫn vun vút phóng qua. Trong tiệm đồng hồ, sau tủ kính, tôi nhìn thấy anh Sinh cầm cúi làm việc. Tôi quen anh Sinh đã nhiều năm. Trong khi mọi thợ đồng hồ đều phải vào các tổ hợp tác hoặc hợp tác xã, anh vẫn được phép hành nghề với một cửa hàng riêng, có thể nhờ một ân sủng nào đó, hoặc nhờ có thành tích đặc biệt nào đối với cách mạng, tôi không rõ. Hiền lành, lễ phép với bất cứ khách hàng nào, phong thái của anh gây ấn tượng về một người sẵn sàng cam chịu, nhưng qua những gì tôi biết về anh, nhiều nhất là những câu chuyện tâm sự, tôi hiểu đó chỉ là cái vỏ ngoài che giấu sự khinh mạn đến cùng cực chế độ trong đó anh phải sống. Nếu Sinh ngẩng đầu lên, hẳn anh sẽ nhìn thấy tôi bị lôi lên xe. Tôi thầm mong anh ngẩng đầu lên. Nhưng anh không ngẩng lên. Hình ảnh ghi lại trong trí nhớ của tôi vào mấy giây cuối cùng là một người đàn bà bồng con vượt qua mũi xe. Đứa bé ngủ say trong tấm ni-lông cứng quèo, má hồng lênh trong gió bắc.

Theo cái cách kỳ cục như thế, tôi trở thành kẻ tham gia cái mà người ta gọi bằng một chuỗi từ ngữ sang trọng là “cuộc đấu tranh giữa hai đường lối” trong phong trào cộng sản quốc tế.

“Thế là việc phải đến đã đến!”, tôi tự nhủ, ngả người trên tựa ghế xe, lòng bình thản.

Không hiểu sao, vào đúng cái khoảnh khắc gay cấn nhất, tệ hại nhất trong đời mình, tôi không nhớ đến cái gì khác mà lại nhớ tới một câu nói nổi tiếng của Nguyễn Tuân<sup>1</sup> “Nước ta là một pháp trường trắng. Không có đầu rơi, không có máu chảy, mà có người chết”.

Bác Nguyễn Ơi, bác sai rồi. Pháp trường Việt Nam, kể từ năm 1945, không hề trắng. Đã có nhiều đầu rơi, đã có nhiều máu chảy. Và có rất nhiều người chết. Bằng rất nhiều kiểu chết khác nhau. Chẳng qua trong vô vàn những cái chết ấy, cảnh không có đầu rơi, không có máu chảy là nhiều, nên bác mới có sự ngộ nhận.

Bây giờ tôi mới hiểu Nguyễn Tuân thốt lên câu đó trong hoàn cảnh nào. Trong một phút phân thân, nhà văn già bỗng bàng hoàng nhìn thấy trước mắt mình một quần thể nhân sinh quái đản không hiểu sao lại kết thành hàng ngũ để sống trong nghi kỵ và thù hận, trong cuộc chiến không lúc nào ngưng nghỉ. Một cuộc chiến âm thầm, không tiếng súng, với những xác chết không thương tích, hoặc sống vật vờ, với bộ não vô dụng, như những zombi<sup>2</sup>

Giờ đây, trong cuộc chiến mà Nguyễn Tuân nói tới, tôi đã trở thành con mồi của nó. Tôi đang được đưa đi đâu đây? Tới pháp trường nào?

Đó là chủ nhật 24 tháng 12 năm 1967.

<sup>1</sup> Nguyễn Tuân (1910-1987), nhà văn nổi tiếng với những tiểu thuyết Tàn Đèn Dầu Lạc, Vang Bóng Một Thời, Tóc Chị Hoài, Chiếc Lư Đồng Mắt Cua, Quê Hương, Chùa Đàm, Đường Vui...

<sup>2</sup> Zombi, khởi đầu là từ chỉ những xác chết được các thầy pháp châu Phi làm cho sống lại, nhưng không có trí khôn, không nhớ gì về cuộc sống trước kia, chỉ biết thực hiện các mệnh lệnh của chủ, bị sử dụng như những con vật trong các công việc đồng áng. Sau, nó được dùng phổ biến chỉ những xác chết biết đi.

Tôi nhớ từng chi tiết của ngày hôm đó. Trong hồi tưởng, tôi thấy rõ mồn một, như trước mắt tôi mọi chuyện được diễn ra một lần nữa. Thời gian đang trôi đột ngột dừng lại. Như một cadre-stop trong cuốn phim đang chiếu. Nó là ngày bước ngoặt, ngày cắt đôi, ngày ranh giới của đời người. Về sau tôi mới biết cảm giác đó chẳng phải của riêng tôi - bất cứ ai từng bị bắt cũng nhớ từng chi tiết vụn vặt nhất của cái ngày đáng nguyễn rủa đó.

Tôi ra khỏi nhà lúc chín giờ sáng và mất tăm từ đó. Cả nhà tôi bỗn đi tìm, nhưng không thấy tôi ở bất cứ đâu, ở nhà họ hàng cũng như ở nhà bè bạn. Ngày hôm sau, rồi hôm sau nữa, vẫn biến biệt. Thủ nhà báo, giấy chứng minh nhân dân tôi thường mang theo người được tìm thấy trong ngăn kéo bàn viết. Như vậy, nếu chẳng may xảy ra tai nạn giao thông người ta cũng chẳng biết nạn nhân là ai.

Vợ tôi đạp xe khắp Hà Nội, đập cửa bè bạn báo tin dữ. Bạn bè tôi nháo nhác. Họ lao tới các bệnh viện, các trạm cấp cứu, xục tìm trong những nhà xác tanh tưởi với những xác chết đủ mọi dạng, trong mọi tư thế. Thời chiến, trong nhà xác la liệt cả đống thi thể vô thừa nhận, nhưng không ở đâu có xác tôi.

Mẹ tôi bình tĩnh hơn mọi người. Bà im lặng, suy nghĩ. Không khí hoảng hốt trong gia đình không lây được sang bà.

Ngay từ đêm không thấy tôi trở về nhà, mẹ tôi đã đoán tôi bị bắt.

Hai tháng trước, đêm 18 tháng 10 năm 1967, cha tôi đang nằm đọc báo thì một toán công an hùng hổ xông vào nhà dựng ông dậy, đọc lệnh bắt khẩn cấp và lệnh khám nhà. Một nhóm đầy ông lên xe chở đi, nhóm còn lại chia nhau ra lục lọi các phòng cho tới gần sáng, lấy đi nhiều giấy tờ, sách báo và ảnh chụp.

Đêm cha tôi bị bắt, cũng là sinh nhật tôi, tôi đang ở Nam Định. Thành phố thợ dệt chìm trong bóng tối. Đèn đường tắt ngấm. Tôi lang thang trong các phố hiu quạnh, dưới ánh sáng nhợt nhạt của trăng rằm lọt qua kẽ lá. Cuộc leo thang của không lực Mỹ đã vượt quá Nam Định lên phía Bắc. Thành phố đang chịu bom hàng ngày. Nhà máy sợi sắp từng mảng, khu dân cư Hàng Thao bị san bằng. Dưới chân tôi là gạch vỡ nhà đổ lẫn với đủ mọi thứ tạp nham của đời thường bị thuốc nổ và mảnh bom phá nát - những cái bát vỡ, manh chiếu cháy dở, những trang vở học trò phất phơ trong gió thoảng, con búp bê cụt đầu lăn lóc bên cạnh cái xe nôい tơi tả...

Trong những ngày đó tôi không nghĩ tới cuộc chiến tranh nào ngoài cuộc chiến với nước Mỹ. Thế nhưng một cuộc chiến tranh khác, hoàn toàn không ngờ tới, đã xảy ra.

Thực ra, vụ bắt bớ những người có quan điểm<sup>1</sup> bất đồng với Đảng cầm quyền trong cái gọi là “cuộc đấu tranh giữa hai đường lối” bắt đầu từ tháng 7 năm 1967. Nạn nhân đầu tiên của nó là viện trưởng Viện Triết học Hoàng Minh Chính, phó tổng biên tập tờ Hà Nội Mới Phạm Viết và vài người khác<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Vào thời gian được nói tới trong cuốn này khi nói tắt “quan điểm” là hàm nghĩa quan điểm đối với hai đường lối “giáo điều” và “xét lại” trong phong trào cộng sản quốc tế.

Như một cơn gió đen, tin Ban tổ chức Trung ương Đảng vừa phát hiện kịp thời và bóp chết từ trong trứng một âm mưu phản loạn lan nhanh trong thành phố.

Đến lượt cha tôi và thiếu tướng Đặng Kim Giang<sup>2</sup> cũng bị bắt thì dư luận ồn hắn lên. Chỗ nào người ta cũng thi thào bàn tán về sự kiện này. Những người cộng sản thuộc thế hệ già ngán ngẩm: “Thôi thôi, lại như cái đận Cải cách ruộng đất rồi, nào có khác gì. Mấy ông lãnh đạo nhà ta nhìn đâu cũng thấy phản động, bắt bớ lung tung, sau đó thì lại xin lỗi, lại sửa sai, chán chuyện! Mạng cán bộ thời nay đúng là không bằng mạng ngoé”. Số cán bộ cấp thấp hơn to nhỏ với nhau: đây là một cuộc sát phạt lẫn nhau, rành rành thế, chứ các đồng chí lão thành cách mạng thế kia sao có thể là phản động được? Đảng sau vụ bắt bớ này chắc chắn có một âm mưu gì đó, của ai đó, nhưng chắc chắn không phải vì cách mạng gì ráo, mà chỉ vì tranh giành quyền lực, vì địa vị, vì hưởng thụ; các ông kẽm<sup>3</sup> bây giờ chỉ nghĩ tới cái đó, tới quyền uy, tới vị trí ở trên thiên hạ kèm theo tiêu chuẩn được hưởng, chứ có chuyện xét dì xét lại gì đâu? Có người cho rằng đây là cống vật dâng lên Thiên triều để tỏ lòng trung thành. Việc tấn công vào những mầm mống “xét lại”, bất kể là có thật hay bịa ra, đều làm Mao hài lòng, tất nhiên<sup>4</sup>.

Những người trước nay trong lòng không ưa chế độ cộng sản thì mở cờ trong bụng: “Chúng bắt đầu thịt nhau rồi! Đã bảo cộng sản là thế mà, chúng nó không sống yên được một ngày không có máu. Chỉ tội nghiệp cho mấy người hiền lành không cùng cánh với chúng, tuy họ cũng là cộng sản”.

Ngày hôm sau, không thấy tôi trở về, mẹ tôi tức tốc đạp xe tới Hỏa Lò. Trước một bà mẹ hung dữ vì vừa mất chồng nay lại mất con, những cán bộ công an tiếp bà chối đây đẩy rằng ở chỗ họ không có ai tên là như thế. Viên giám thị Hỏa Lò còn lật đật mang cả sổ tù ra tra trước mặt mẹ tôi cho bà thấy: bác đừng nghĩ quẩn, nếu anh ấy ở đây thì phải có tên trong sổ, anh ấy phải làm gì phạm pháp thì mới bị

<sup>1</sup> Hoàng Minh Chính (sinh năm 1922, quê Nam Định, tên thật là Trần Ngọc Nghiêm, nguyên Tổng thư ký Đảng dân chủ Việt Nam, nguyên Tổng thư ký Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam, viện trưởng Viện Triết Học) được coi như người đứng đầu trong cái gọi là “nhóm xét lại chống Đảng”. Phạm Viết (1929-1971), nguyên sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, thương binh, nhà báo, phó tổng biên tập tờ Hà Nội Mới.

<sup>2</sup> Đặng Kim Giang (1910-1983), hàm thiếu tướng, xuất thân hào lý (còn có tên là Lý Giang) trong kháng chiến chống Pháp làm bí thư khu ủy Liên khu 3, phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, chủ nhiệm hậu cần mặt trận Điện Biên Phủ.

<sup>3</sup> Ông lớn, quan chức lớn.

<sup>4</sup> Cùng bị bắt với cha tôi và tướng Đặng Kim Giang trong đợt này có Trần Minh Việt (Lê Quang Dụ) - phó bí thư thành ủy kiêm phó chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố Hà Nội; Phạm Kỳ Vân - phó tổng biên tập tạp chí Học Tập; Nguyễn Kiến Giang - biên tập viên tạp chí Học Tập; Đinh Chân - biên tập viên báo Quân Đội Nhân Dân; Nguyễn Văn Thẩm - bí thư của thứ trưởng Bộ Văn hóa Lê Liêm...

bắt chứ. Không, không có tên anh ấy ở đây đâu, tôi tra hết rồi, xem kỹ lắm rồi, hay là bác sang bên Bộ mà hỏi<sup>1</sup>.

Tại phòng tiếp khách Bộ Nội vụ ở 16 Trần Bình Trọng, một sĩ quan mặc áo dà<sup>2</sup> không đeo quân hàm tiếp mẹ tôi. Anh ta tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Chết chết, sao bác lại nghĩ thế! Bắt người thì phải có lệnh bắt chứ, kể cả trong trường hợp bắt khẩn cấp thì bộ phận trực ở đây cũng nắm được. Không phải đâu, bác ạ, sao lại thế được, làm gì có chuyện bắt cóc thời bây giờ. Bác đợi chút, tôi sẽ liên lạc với các quận để kiểm tra ngay lập tức xem có chuyện gì xảy ra với anh Hiên không.

Trước mặt mẹ tôi anh ta gọi điện hỏi các quận công an Hà Nội. Không ở đâu có tin về tôi. Tiễn mẹ tôi, viên sĩ quan còn ân cần dặn bà khi nào tôi về nhà thì xin bà báo ngay cho Bộ Nội vụ biết.

“Phải công nhận hắn ta đóng kịch khéo. - mẹ tôi kể lại - Nhưng khéo thì khéo, không qua được mặt mẹ. Miệng hắn leo lěo, nhưng mặt mày lại nhợn nhác, tay chân quýnh quáng. Bụng bảo dạ: nếu bọn này có tập quán giống bên công giáo chắc hắn sẽ kêu tên Marx mà thè quá”.

Như bao lần gia đình tôi gặp bão táp mẹ tôi chứng tỏ bà là cây cột cái vững chắc gánh toàn bộ sức nặng của ngôi nhà trên vai, quyết không cho nó sụp đổ. Bà lau nước mắt, chu đáo lo toan trăm thứ việc có tên và không tên cho con cái, như thể không có chuyện gì xảy ra.

Trong những ngày này, mẹ tôi kể, bà nghĩ đến thần tượng của bà rất nhiều.

Đêm đêm bà ngồi một mình trong căn nhà vắng lặng. Bà đã tin chủ tịch Hồ Chí Minh. Bà đã tin ông lắm lắm. Còn hơn tin, bà sùng kính ông, người anh cả của cách mạng, lãnh tụ của bà. Bức chân dung cỡ 18x24 ông Hồ Chí Minh tặng bà với dòng chữ “Thân ái tặng thím Huỳnh” trước ngày ông lên đường dự hội nghị Fontainebleau<sup>3</sup> năm 1946 được bà gìn giữ như của gia bảo. Suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, nhiều lần chạy giặc càn mất hết đồ đạc nhưng tấm ảnh vẫn còn đó. Nó chỉ bị thu khi công an khám nhà.

Nhiều người khuyên bà hãy cầu cứu ông Hồ. Dù muốn dù không tổng bí thư Lê Duẩn<sup>4</sup> và Trưởng ban Tổ chức trung ương Lê Đức Thọ<sup>1</sup> vẫn còn phải nể ông, họ nói thế. Mọi người tin rằng ông Hồ không

<sup>1</sup> Giám thị trại Hỏa Lò không tìm thấy tên tôi là phải. Sau chừng hai tháng ở Hỏa Lò tôi mới biết tên tôi đã bị thay đổi. Cán bộ quản giáo chỉ biết tôi dưới một tên khác.

<sup>2</sup> Áo dà, theo qui định trong Quân đội Nhân dân Việt Nam, được dành riêng cho cấp tá trở lên.

<sup>3</sup> Hội nghị được tổ chức tại dãy nhà ngang của lâu đài Fontainebleau ở ngoại ô Paris chứ không phải ở trong tòa lâu đài này, chứng tỏ sự khinh thị của chính quyền thực dân đối với những người đại diện cho nước Việt Nam vừa tuyên bố độc lập.

<sup>4</sup> Lê Duẩn (1908 - 1986) người Quảng Trị, năm 1928 tham gia Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội, đảng viên đảng cộng sản năm 1930, bị tù hai lần (1931-1936, 1940-1945), từng làm Bí thư Trung ương cục miền Nam trong

biết việc xảy ra. Nếu ông biết, ông không thể để xảy ra chuyện nồi da nấu thịt thế này, họ nói. Vài năm nay, do sức khỏe kém, ông Hồ không còn trực tiếp điều khiển công việc đất nước, theo lời đồn.

Mẹ tôi không tin. Bà cho rằng để khỏi lén vụ án lớn như thế này, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ không thể không hỏi ý kiến ông Hồ, ông Hồ không thể không biết. Vụ bắt bớ chỉ được tiến hành một khi có sự đồng ý của chủ tịch nước.

Bà nhận xét: không phải vô cớ mà trong khi khám nhà, công an quan tâm đặc biệt những tấm ảnh cha tôi chụp chung với ông Hồ, những tư liệu liên quan tới ông Hồ... Tất cả đều bị mang đi. Cha tôi bắt đầu giữ những tư liệu về cách mạng, đặc biệt về ông Hồ Chí Minh, kể từ khi ông nhận sự phân công của Trung ương Đảng làm bí thư cho chủ tịch nước. Vào những năm đầu cách mạng chưa có cơ quan chuyên trách lo bảo quản những tư liệu lịch sử, cha tôi nghĩ ông có trách nhiệm lưu trữ những gì trong tầm tay, không để chúng bị mất. Cha tôi giữ được khá nhiều ảnh - từ những bức chụp ông Hồ tại chiến khu Tân Trào với đội liên quân Việt Mỹ, những ngày ông Hồ vừa từ chiến khu về Hà Nội, Lễ Tuyên bố Độc lập tại vườn hoa Ba Đình, chuyến chủ tịch nước sang Pháp năm 1946, nhiều nhất là ảnh trong An toàn khu của chính phủ kháng chiến.

Những ảnh khác cha tôi chụp chung với các nhân vật lãnh đạo như nguyên tổng bí thư Trường Chinh<sup>2</sup>, thủ tướng Phạm Văn Đồng<sup>3</sup>, đại tướng Võ Nguyên Giáp<sup>4</sup>, bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh<sup>5</sup>... cũng bị thu hết. Một bức phác thảo chân dung ông Hồ Chí Minh do họa sĩ Pablo Picasso vẽ, cuốn "Paris

kháng chiến chống Pháp, từ năm 1956 làm bí thư Trung ương Đảng, bí thư thứ nhất (1960-1976), sau khi Hồ Chí Minh chết năm 1969, là nhân vật số 1 của đảng cộng sản. Thời gian 1976-1986 là tổng bí thư.

<sup>1</sup> Lê Đức Thọ, tên thật: Phan Đình Khải (1911-1990), quê xã Địch Lễ, huyện Ý Yên, Nam Định, tù Sơn La (1939-1944). Trong thời gian được nói tới trong cuốn này Lê Đức Thọ là Ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên thường trực Ban bí thư, trưởng Ban tổ chức Trung ương Đảng, ủy viên Quân uỷ Trung ương, phó bí thư Trung ương Cục Miền Nam.. Được cử vào Nam năm 1946 với tư cách ủy viên Ban thường vụ Trung ương Đảng, cấp bậc Đảng này nhiều phần là do Tổng bí thư Trường Chinh chỉ định, không phải do bầu trong Đại hội.

<sup>2</sup> Trường Chinh (1917-1988) tên thật: Đặng Xuân Khu, nguyên quán xã Hành Thiện, phủ Xuân Trường, Nam Định, hoạt động cách mạng từ năm 1927, đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương từ 1930, quyền tổng bí thư Đảng một thời gian trước Cách mạng Tháng Tám, ủy viên Bộ Chính trị và Tổng bí thư Đảng Lao động Việt Nam từ năm 1951-1956), Trường ban cải cách ruộng đất (từ 1953).

<sup>3</sup> Phạm Văn Đồng (1906-2000) người huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi. Tham gia cách mạng sớm (1926), từng là ủy viên Trung ương, ủy viên Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam, Thủ tướng chính phủ từ 1954 đến 1986. Sau 1986 được cử làm cố vấn của trung ương Đảng và Chính phủ.

<sup>4</sup> Võ Nguyên Giáp (1911-) đại tướng đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam, nguyên Bí thư Quân uỷ trung ương. ủy viên Bộ Chính trị, Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

<sup>5</sup> Nguyễn Duy Trinh (1910-1985), hoạt động cách mạng từ 1925 trong Tân Việt Cách mạng Đảng, từng có chân trong Bộ Chính trị ĐCSVN, một thời gian dài làm phó thủ tướng kiêm bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

thất thủ” của nhà văn Ilya Ehrenburg<sup>1</sup> với lời đề tặng cha tôi tại Paris năm 1946, chẳng liên quan gì tới vụ án, bọn chúng cũng thu tuốt. Tuy nhiên, đây là chuyện dễ hiểu - nhân viên công an thường được chọn lựa trong thành phần nông dân ít học, họ chẳng biết, và cũng chẳng cần biết Picasso hoặc Ehrenburg là ai. Dưới mắt họ, ảnh những thằng Tây mũi lõi tìm được trong nhà một kẻ thù của cách mạng, tất yếu gợi nên sự nghi ngờ - hẳn đây phải là ảnh của bọn phản động quốc tế.

Chính do những suy nghĩ như vậy mà mẹ tôi không nghe theo lời khuyên của bè bạn. Bà không xin gấp, không thèm viết một dòng nào cho ông Hồ Chí Minh. Bà cho rằng khi ông biết việc xảy ra mà không can thiệp thì điều đó có nghĩa là ông đồng tình, bất kể là thế nào.

Bà cũng không nghĩ tới chuyện cầu cứu ông bạn cũ Trường Chinh. Từ khi mất chức tổng bí thư vì những sai lầm trong cải cách ruộng đất, Trường Chinh làm lũi ở ẩn trong sự đe dọa bệ còn sót lại, kinh nhường lần tránh mọi sự can thiệp vào công việc của hai lãnh tụ mới - Lê Duẩn và Lê Đức Thọ. Vả lại, cho dù trong khi còn đương chức, Trường Chinh sau năm 1954 đã không còn giống Trường Chinh trước tổng khởi nghĩa. Nếu như trong thời kỳ bí mật, Trường Chinh chu đáo với anh em bao nhiêu thì bây giờ ông ta lạnh nhạt với đồng chí bấy nhiêu. Hết như đã xảy ra một cuộc đánh tráo vậy.

Tôi xin kể chuyện này làm thí dụ. Ông Trần Đình Long, người bạn và đồng chí gần gũi của Trường Chinh bị người của Quốc dân đảng thủ tiêu năm 1946, để lại vợ và ba đứa con<sup>2</sup>. Hòa bình lập lại, bà Long từ vùng tản cư Phát Diệm trở về Hà Nội. Năm lần bẩy lượt bà tìm đến Trường Chinh, nhưng vật nài đến mấy cũng không được Trường Chinh tiếp. Người kể cho tôi nghe chuyện này là ông tài xế Đoàn Xuân Sơ, từng là cơ sở cách mạng, từng giúp việc liên lạc cho trung ương với các cơ sở đảng ở Tây Bắc và Hạ Lào. Ông phó viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao Bùi Lâm<sup>3</sup> đến thăm ông Sơ, bị ông Sơ chất vấn về chuyện ông Trường Chinh xử sự tồi tệ với bà Trần Đình Long thì ông Bùi Lâm bảo: “Cái con mẹ Long nó làm như chỉ mình chồng nó hy sinh cho cách mạng. Hy sinh cho cách mạng có hàng đống, thế mà nó làm mình làm mấy, nằng nặc đòi cách mạng phải lo cho các con thằng Long, rõ là đồ ngu! Anh Thận<sup>4</sup> không tiếp nó là phải”. Nghe nói thế, ông tài xế Đoàn Xuân Sơ nóng mắt, tống ngay ông quan

<sup>1</sup> Pablo Picasso (1881-1973), danh họa của thế kỷ XX, người Pháp gốc Tây Ban Nha, Ilya Ehrenburg (1891- 1967), nhà văn, nhà báo Liên Xô.

<sup>2</sup> Trần Đình Long (1905-1946), đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương từ 1930, được đào tạo tại trường Đại học Đông phương Moskva. Cách mạng Tháng Tám thành công, ông Long được Đảng dự kiến giữ chức bộ trưởng Bộ Ngoại giao, nhưng chức này rồi được ĐCS quyết định nhường lại cho ông Nguyễn Tường Tam để “thể hiện sự đoàn kết rộng rãi trong thành phần chính phủ cách mạng lâm thời”. Ông bị người của Quốc dân đảng đột nhập vào nhà riêng của ông bà ở phố Chợ Đồng Xuân bắt mang đi thủ tiêu, không rõ xác chôn ở đâu.

<sup>3</sup> Bùi Lâm (1905-1974), xuất dương làm thợ, gia nhập ĐCS Pháp, năm 1927 được ĐCS Pháp cử đi Moskva học ở Học viện Phương Đông. Trong kháng chiến chống Pháp làm công tác toà án quân sự Liên Khu 3, sau năm 1954 làm phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

<sup>4</sup> Thận, Năm, hai bí danh của Trường Chinh.

tòa Bùi Lâm ra khỏi cửa: "Cút khỏi nhà tao! Vợ đồng chí gặp khó khăn thì tìm đến đồng chí chứ còn biết tìm ai? Biết chúng mày là giống ăn cháo đá bát, chắc vợ thằng Long đã chẳng thèm gặp. Đồ đếu! Cả lũ chúng mày là đồ đếu! Cút!" Người vợ và ba đứa con của người cộng sản Trần Đình Long bị các đồng chí chối bỏ lách thêch dắt nhau xuống Hải Phòng nhập vào dòng người di cư vào Nam. Hai con trai ông Long sau năm 1975 vượt tiếp sang Úc. Chỉ còn lại một người con gái ở lại Sài Gòn. Chị ở lại vì chồng, bác sĩ Phan Thế Vấn, anh cũng bị bắt tù cùng chúng tôi trong vụ "xét lại chống đảng". Nhân tiện, tôi cũng xin nói thêm rằng ông Bùi Lâm này, hồi hoạt động bí mật đã ở nhà tôi trong một thời gian dài, là đồng chí rất thân thiết của ông Long và cha tôi. Với gia đình tôi, ông được coi như người nhà, nhưng từ khi cha tôi bị bắt, ông không hề lai vãng. Ông không đến với gia đình tôi chưa chắc vì sợ hãi hay vì muốn bảo vệ ghế ngồi như nhiều người khác, theo tôi suy luận. Ông không tội tệ đến như vậy. Ông thuộc lớp người tin Đảng như tín đồ tin Chúa. Vì lập trường cách mạng của ông, ông xa lánh những kẻ mà ông cho là phản cách mạng.

Nói thế nào thì nói, đó vẫn là sự biểu hiện của tình đồng chí trong những người cộng sản sau khi đã giành được chính quyền, đã phân chia ngôi thứ.

Những người cộng sản vẫn còn đến với gia đình tôi trong những ngày sóng gió không nhiều, nhưng họ đến vì tình bạn, không phải vì tình đồng chí.

Mẹ tôi cũng không nghĩ tới thủ tướng Phạm Văn Đồng<sup>1</sup>. Ông quen cha mẹ tôi từ những năm 40 khi còn là một thanh niên mặc áo sơ-mi cộc tay, quần soóc, đang tán tỉnh người vợ tương lai ở hàng kem Zephyr bên Hồ Hoàn Kiếm. Mẹ tôi biết, có tới gặp ông cũng vô ích. Phạm Văn Đồng, theo bà nhận xét, là người không tồi, không tệ bạc, nhưng ba phải, vụng về và cực kỳ vô tích sự. Ông lúng túng trước bất cứ việc cụ thể nào, dù chỉ để đóng một cái đình giúp hàng xóm. Dư luận ca ngợi ông uyên bác, ông liêm khiết, nhưng những ai quen biết ông đều hiểu ông không làm nổi bất cứ trò gì trong những việc lẽ ra ông phải làm. Những người từng là bạn ông trong thời kỳ cách mạng còn trong "bóng tối" chẳng may gặp rắc rối với chính quyền mới cực chẳng đã phải cầu cứu ông còn thất vọng hơn nữa. Họ tìm đến ông vì chẳng giở ông cũng là một trong những người đứng đầu nhà nước, ở cương vị ông mà nói giúp cho họ lấy một câu thì cũng đỡ. Của đáng tội, ông đối xử với họ cũng không đến nỗi nào, ông không quan cách như Trường Chinh, không nhẫn tâm xua đuổi họ, thậm chí trong khi tiếp họ ông còn an ủi họ vài câu, ông còn hứa hẹn với họ điều này điều khác, nhưng rồi ra ông chẳng làm gì hết. Có khi những gì người ta nhờ, ông cũng nhớ đấy, ông cũng áy náy đấy, có vẻ ông cũng muốn giúp họ lắm, nhưng để tránh tiếng, ông lại đi nhờ người khác đứng ra giải quyết hộ ông, cái sự nhờ lại ấy rồi có được việc hay không ông không cần biết. Ông đã nói hộ rồi đấy chứ, có phải ông không nói đâu, khốn nỗi đây là việc khó giải quyết, khổ thế, các đồng chí có trách nhiệm mà đã từ chối có nghĩa là họ có cái lý của họ, hay là của Đảng thì cũng vậy, họ có vì nể ông mà giúp cũng chẳng được, Đảng đã quyết là

<sup>1</sup> Phạm Văn Đồng (sinh 1906 tại Quảng Ngãi) hoạt động cách mạng từ cuối thập niên 20. Năm 1929 bị thực dân Pháp bắt giam 7 năm. Được bầu vào Bộ chính trị Đảng lao động Việt Nam từ 1951, làm bộ trưởng Bộ ngoại giao rồi thủ tướng chính phủ từ năm 1954 tới năm 1987 (kiêm nhiệm bộ trưởng Bộ Ngoại giao từ 1954 - 1961).

xong, không thể thay đổi. Ông không muốn mất lòng một ai, nhất là không muốn mất lòng cấp trên, mặc dầu cấp trên của ông trong thời kỳ này chỉ có Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, dưới hai người này là Hồ Chí Minh.

Quả nhiên đúng. Một đồng chí cũ thương mẹ tôi đến nói với Phạm Văn Đồng chuyện cha tôi bị bắt. Ông thủ tướng lắng nghe, rồi buồn rầu thở dài: “Việc tập thể quyết định, tôi làm gì được!”

Mẹ tôi chỉ còn biết tìm người bạn thân thiết nhất của cha tôi trong thời kỳ hoạt động bí mật là ông Trưởng ban Kiểm tra trung ương Nguyễn Lương Bằng<sup>1</sup>.

Ông đi vắng, người ta nói thế mỗi lần bà đến. Lần nào cũng như lần nào. Ông vẫn ở nhà, bà nghĩ, nhưng ông tránh mặt.

Từ Nam Định trở về, nhìn cảnh nhà tan hoang, tôi hỏi mẹ chuyện xảy ra thì bà cười cay đắng, mắt ướt nhòa:

- Chúng nó đến, con có tưởng tượng được không, còn tệ hơn cả mật thám Pháp nữa kia. Tay bố to, còng không vừa, chúng nó cố ních khóa vào đến bật máu ra mà chúng nó vẫn cố khóa bằng được. Đến khi biết không khóa nổi, chúng nó lấy thùng trói giật cánh khuỷu rồi điệu bố ra xe bịt bùng chở đi. Lúc chúng nó khám nhà, mẹ quẳng cái khung kính có giấy chứng nhận Huân chương Kháng chiến hạng nhất của bố vào mặt chúng nó: “Các người khám kỹ cái này đi, xem ở mặt trái nó có gì? Chúng nó xử sự, hùm, đúng như cụ Nguyễn Du tả: “Người nách thước, kẻ tay đao. Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi...”

Trong lòng bà, ông Hồ Chí Minh chết vào đêm cha tôi bị bắt.

- Lòng người khôn lường, con ạ! Mới biết không thiếu gì kẻ quên đạo làm người khi ngồi vào ghế vương giả.

Bàng hoàng trước sự việc bất ngờ, bà không sao tin được rằng nó xảy ra, không sao tin được rằng chính quyền được xây dựng nên bởi cuộc cách mạng mà vợ chồng bà hiến dâng cả đời mình lại có thể nhẫn tâm với vợ chồng bà đến thế.

Khi tôi mất tích, có nhiều người cho rằng tôi trốn. Riêng mẹ tôi không tin. Là mẹ, bà hiểu con bà. Hơn bất cứ ai, bà tin tôi vô tội. Không những tin tôi vô tội, bà tin tôi đủ dũng khí để đương đầu với bọn tiếm quyền cách mạng. Chạy trốn, theo quan niệm của mẹ tôi, không phải là hành động của người quân tử. Bà muốn thấy chồng con mình đứng hoàng bảo vệ chính nghĩa trước công luận.

<sup>1</sup> Nguyễn Lương Bằng (1904 - 1979), hoạt động cách mạng trước 1930, đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương từ 1930, từ 1945 là ủy viên Trung ương Đảng, đại sứ Việt Nam tại Liên Xô 1952 - 1957. Năm 1969 làm phó chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng như Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bà buồn rười khi nghe những đồng chí cũ đến thăm bà, phân tích tình hình đất nước, rồi kết luận rằng sẽ chẳng bao giờ có một phiên tòa mà bà muốn có đâu.

Khoảng một tuần trước khi tôi bị bắt, anh Nguyễn Trọng Luật, vụ trưởng Vụ bảo tồn và bảo tàng Bộ Văn hóa, nhắn tôi tìm cách cắt đuôi<sup>1</sup> đến gặp anh tại nhà riêng ở ngõ Chân Cầm. Trong số các vụ trưởng của Bộ, tôi quý anh Luật hơn cả.

Bề ngoài giản dị, thậm chí hơi thô kệch, thoát trông ai cũng nghĩ anh là một nông dân nòng cốt được Đảng bồi dưỡng lên làm lãnh đạo. Nhưng chỉ nói chuyện với anh một lần là người ta biết bên trong vẻ chân quê làm cho họ lầm, anh Luật là người lịch lãm, hiểu nhiều biết rộng.

Tôi quyết định đến gặp anh. Anh là người mà tôi tin cậy. Tôi muốn nghe ở anh một lời khuyên. Trước đây, khi tình hình bắt đầu xấu đi, anh đã dặn tôi có chuyện gì cứ đến gặp anh, nhưng coi chừng bị mật thám theo. “Cắt đuôi” là một việc chẳng khó gì đối với người trong một gia đình có nhiều năm hoạt động bí mật. Thời Pháp thuộc, cha mẹ tôi đã dạy tôi đủ mọi cách đánh lạc hướng mật thám. Ông bà thường sai tôi mang mật thư đến nơi này nơi khác trong thành phố. Tôi là trẻ con, mật thám không để ý.

Anh Luật có hồi cùng hoạt động bí mật với cha tôi tại các tỉnh ven sông Hồng. Đối với cha tôi anh kính trọng, coi như người anh tinh thần. Vì tình cảm với cha tôi mà anh quý tôi.

Gặp tôi, anh vồ lấy, hối hả:

- Tình hình gay lắm, chú phải trốn ngay, trốn lập tức, đừng để bị bắt! Anh nghĩ rồi, ta sẽ làm thế này, thế này...

Theo kế hoạch của anh Luật, tôi sẽ chọn ngày giờ thuận lợi rồi báo cho anh biết. Tốt nhất, tôi báo qua bác sĩ Phan Thanh Hoài, em nuôi anh, cũng là bạn thân của tôi. Anh Hoài là người không bị nghi ngờ, anh sẽ mang lời nhắn của tôi tới anh Luật. Sau đó tôi sẽ “cắt đuôi” để tới Chùa Thầy, nơi sơ tán của cơ quan anh. Từ đây anh Luật sẽ dùng xe hơi của cơ quan đưa tôi về Hưng Yên, nơi trước Cách mạng Tháng Tám có thời kỳ anh làm bí thư tỉnh ủy. Con trai một cơ sở cách mạng nay là trưởng công an một huyện là em kết nghĩa của anh, một người tốt, anh ta sẽ nghe lời anh Luật bảo vệ tôi. Tôi sẽ được thay tên đổi họ, anh công an sẽ lo chuyện ấy, rồi đưa tôi tới một vùng hẻo lánh nương náu ở đó chờ cho tình hình sáng sủa.

Tôi im lặng.

- Chú nghe anh đi, anh nghĩ kỹ lắm rồi, phải trốn thôi. - anh ôn tồn thuyết phục tôi - Thủ nghĩ mà xem, nếu trong thời kỳ Cải cách ruộng đất tất bật những người bị xử trí<sup>2</sup> oan đều trốn cả, và trốn thoát, thì

<sup>1</sup> Đánh lạc hướng những tên theo dõi.

<sup>2</sup> Xử trí là một từ có nghĩa rất rộng, từ bị bắt cho tới xử tử, bắn, giết, thủ tiêu.

sai lầm của Đảng đâu đến nỗi trầm trọng đến thế, tổn thất về nhân mạng đâu có cao đến thế. Đảng làm sao hiểu được ta bằng chính ta? Biết mình vô tội, bị Đảng ngờ oan mà vẫn xuôi tay mặc cho Đảng bắt, mặc cho Đảng giết, không phải là tuân thủ kỷ luật cách mạng đâu, không phải là trung thành với Đảng đâu, mà là làm hại Đảng đấy, chủ hiểu không? Anh hiểu lần này Đảng lại đang sa vào sai lầm nên anh mới khuyên chú trốn.

Thấy tôi vẫn không nói gì, anh bần thần một lát rồi nói tiếp:

- Tùy chú thôi, nghe anh thì nghe, không nghe thì thôi, nhưng chú phải nhớ: tuy hiện nay Đảng bị thằng Duẩn, thằng Thọ lũng đoạn, nhưng trước sau Đảng vẫn là Đảng của ta, chẳng chóng thì chầy Đảng sẽ thanh lọc bọn chúng.

Tôi muốn cười mà không dám cười. Ngẫm ra cách lập luận của anh có cái lý của nó, cái lý chỉ tồn tại được trong lòng người đảng viên trung thành, lúc nào cũng lo lắng cho sức chiến đấu và uy tín của Đảng.

Bằng nhiều dẫn chứng rút ra từ huyền thoại về vị lãnh tụ anh minh, anh Luật khẳng định chuyện này ông Hồ không biết, hoặc giả ông bị désorienté<sup>1</sup> bởi Lê Đức Thọ mà đã đồng ý cho hắn bắt các đồng chí trung kiên, chứ ông Hồ quyết không phải người xấu.

- Lê Duẩn là thằng nhiều tham vọng, điều này những ai từng gần hắn đều biết, nhưng anh nghĩ: tự hắn, hắn không muốn gây gỗ trong lúc này. Gạt ra bên ngoài các thứ chủ nghĩa, xét cho cùng chỉ là cái cớ để trấn áp những người không ủng hộ hắn, thì vụ này Thọ khởi xướng là cái chắc, không phải Duẩn. Nhưng Thọ muốn thì Duẩn cũng không ngăn, mọi việc Thọ làm từ trước tới nay đều vì lợi ích của cả hai. Duẩn chọn Thọ sát cánh với mình không ngoài mục đích đó. Thọ là chỗ dựa cho Duẩn, vì mới từ miền Nam ra Duẩn còn lạ nước lạ cái. Chính là nhờ Thọ hiến kế mà Duẩn đã loại được vây cánh của Trường Chinh khỏi những chức vụ then chốt...

Anh dần ra, ưu tư:

- Nhưng thằng Thọ làm việc đó để làm gì, nhằm mục đích gì? Anh ngờ bên trong vụ này có điều uẩn khúc, liên quan tới thời kỳ Thọ ở Sơn La. Chú có nghe ông cụ hay bác Giang nói đến chuyện thời kỳ thằng Thọ làm bồi cho công sứ Coussو không? Hồi ấy có nhiều việc ban lãnh đạo nhà tù mật bàn mà thằng Coussо lại biết...<sup>2</sup>

Tôi lắc đầu.

<sup>1</sup> Lừa, làm cho hiểu sai (tiếng Pháp).

<sup>2</sup> Trong cách suy luận của mình, anh Nguyễn Trọng Luật có lý của anh: trong vụ trấn áp “nhóm xét lại chống Đảng”, trong số những người tù cách mạng cũ ở các nhà lao của Pháp chỉ có những người tù ở Sơn La cùng với Lê Đức Thọ là bị bắt mà thôi.

Tối hôm đó tôi chỉ ngồi nghe anh nói, không tranh luận. Đầu tôi trống rỗng. Tôi mệt mỏi. Trong anh vẫn có một niềm tin ở Đảng. Trong tôi, niềm tin ấy không còn.

Nghe tôi kể lại cuộc gặp gỡ với anh Nguyễn Trọng Luật, mẹ tôi hỏi:

- Ý con thế nào?
- Con cho rằng đi trốn là cho người ta cái cớ để nói mình có tội, mình sợ nên phải trốn tránh...
- Còn con? - mẹ tôi hỏi vợ tôi.
- Con cũng nghĩ không nên trốn. - vợ tôi nói - Mình làm gì mà phải trốn?
- Đúng vậy. Cây ngay không sợ chết đứng.

Tôi mỉm cười. Mẹ tôi quen miệng nói thế, chứ ai chả biết chính cây ngay mới chết đứng, chỉ có dây leo mới không bao giờ chết đứng mà thôi.

Hồi ấy tôi còn ngu ngốc lắm. Thế hệ cha tôi, rồi thế hệ tôi mang trong mình khái niệm Đảng của những ngày cách mạng còn trứng nước: Đảng là tổ chức của những chiến hữu cùng chung một mục đích thiêng liêng, cao cả - đấu tranh cho dân tộc thoát ách nô lệ nhọc nhằn và nhục nhã. Không hiếm những thí dụ về tình đồng chí đùm bọc thương yêu nhau, thậm chí hy sinh tính mạng để bảo vệ nhau trong những ngày xa xưa ấy. Một khái niệm, tiếc thay, đã lỗi thời.

Sống trong một gia đình mà cha mẹ đều hoạt động cách mạng, tôi nhập vào dòng chảy của công cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc, cũng là dòng chảy của thời đại tôi, một cách tự nhiên, như muôn sống thì phải thở khí trời. Cũng tự nhiên như vậy, tôi đi theo những người dẫn đầu cuộc cách mạng như con vật trong đàn đi theo con đầu đàn của nó.

Tôi không có đầu óc tinh táo trong cái nhìn những lãnh tụ cách mạng, do còn non nớt, mà cũng có thể do lười suy nghĩ. Ở tuổi đã có thể suy nghĩ độc lập, tôi mới chỉ bắt đầu ngờ vực đức hiền minh được quảng cáo bằng mọi cách của các vị ấy vào thời gian cuộc Giảm tô giảm tức được phát động ở khu 4 kháng chiến, năm 1953.

Mùa hè năm 1953 đêm đêm chúng tôi nằm thao thức nghe trong mịt mùng những thôn xóm tối tăm tiếng loa âm u hờ gọi nông dân vùng lên đánh đổ “kẻ thù giai cấp”. Từ sáng sớm tinh mơ, hàng đoàn người rầm rập trên các nẻo đường làng còn tối đất, khản tiếng hô vang những khẩu hiệu có mùi máu. Dân chúng ùn ùn đổ về những sân đình, những bãi rộng, nơi sẽ diễn ra những cuộc đấu tố “bọn địa chủ cường hào gian ác”.

Điều làm tôi sững sốt là những cán bộ kháng chiến trong chính quyền xã bị thẳng cánh gạt ra ngoài lề cuộc đấu tranh. Mà tôi biết rõ họ. Mới hôm trước còn là những người lãnh đạo đầy uy tín ở địa phương, bất thình lình họ không còn được tin cậy nữa, bị tước bỏ mọi quyền hành. Tại sao lại như thế? Tôi hỏi một cán bộ trong đội giảm tô giảm tức và được anh ta giải thích: Đảng bảo phải cảnh giác trước các loại kẻ thù giai cấp. Chúng biết chúng yếu, chúng không thể ra mặt chống phá cách mạng,

nên đã tìm đủ mọi cách chui vào trong các tổ chức của ta, nắm giữ các vị trí lãnh đạo. Hiện nay không thể biết trong các cơ quan Đảng và chính quyền ai là địch, ai là ta, nếu không kiên quyết gạt những người cũ ra thì nông dân được Đảng phát động vẫn bị kẻ thù giấu mặt khống chế, họ sẽ không dám vùng lên giành lấy địa vị lãnh đạo. Đó là quan điểm chính thống được phổ biến đến tận mỗi đảng viên trước khi thực hiện giảm tô giảm tức. Và họ tin theo lời Đảng dạy: ta chỉ có thể trông cậy vào những nông dân bần cùng, bị địa chủ bóc lột đến xương tủy, chỉ có họ mới là chỗ dựa vững chắc và lâu dài của Đảng. Cứ như thế sự nghèo khổ, tự bản thân nó, đã là một phẩm chất cách mạng.

Vào thời kỳ ấy tôi, và thế hệ tôi, không hiểu rằng cải cách ruộng đất chỉ là cái vỏ ngoài cho một mưu đồ chính trị. Tất cả những khẩu hiệu ca ngợi nông dân: “nông dân là quân chủ lực”, “giải phóng nông dân”, “tiêu diệt cường hào ác bá, đánh đổ địa chủ, phú nông”; “ruộng đất về tay dân cày”, “nông dân vùng lên giành lấy chính quyền”..., chỉ nhằm để củng cố vị trí cai trị đất nước của Đảng. Đảng cần tiêu diệt những người đi tiên phong trong cuộc kháng chiến chống Pháp là những người mang trong đầu tư tưởng bình đẳng được đề cao trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, vì thế họ không phải, và không thể, là những thần dân ngoan ngoãn. Cái mà Đảng cần là một lớp tay sai tuyệt đối trung thành, gọi dạ bảo vâng. Cái gọi là cải cách ruộng đất hoàn toàn không có mục tiêu cải cách ruộng đất. Không có, và không hề có, một cuộc điều tra nào về tình hình phân bổ ruộng đất trong xã hội, là điều tất yếu phải làm trước khi tiến hành cải cách ruộng đất. Hơn nữa, mâu thuẫn ruộng đất hoàn toàn không phải là vấn đề nóng bỏng ở vùng giải phóng (vùng chính quyền kháng chiến) trong giai đoạn cả nước cần tập trung tinh thần và sức lực vào mục tiêu giành độc lập.

Đầu tố diễn ra liên miên, ngày một khốc liệt. Người dân cày dung dị hôm trước, được Đảng phóng tay phát động, vụt trở thành hung tợn, mặt bừng bừng khoái trá trong niềm vui hành hạ đồng loại. Tôi kinh hoàng nhìn cảnh tượng không hiểu nổi: nườm nượp lướt qua mắt tôi từng bầy đàn người bị kích thích bởi mùi máu, hăm hở đi dưới lá cờ đỏ sao vàng không phải để chiến đấu với quân xâm lược mà với chính đồng bào mình.

Tại xã Ngô Xá, làng Ngò, Thanh Hóa, nơi có dinh cơ gia đình cụ Nguyễn Thượng Hiền<sup>1</sup>, người ta trói chặt hai tay rồi dong mẹ một người bạn tôi đi khắp làng chỉ vì bà trót dại nói điều gì đó mất lập trường hoặc không vừa lòng cán bộ giảm tô giảm tức. Tôi biết rõ bà là ai. Khi chiến tranh vừa bùng nổ bà là hội trưởng hay hội phó Hội Liên hiệp Phụ nữ Thái Bình. Mất đất, bà mang con cái chạy vào Thanh Hóa theo chính phủ kháng chiến, làm nghề hàng xá, buôn thúng bán mệt. Chúng tôi nghe tiếng kêu khóc chạy tới thì thấy mấy anh du kích quen đang xèn xéch kéo bà đi. Hai tay bị trói giơ lên trời, bà xiêu vẹo bước sau họ, kêu gào thảm thiết: “Ói cụ Hồ ơi, Cụ trông xuống mà xem người ta đối xử với con dân Cụ thế này đây!”

<sup>1</sup> Nguyễn Thượng Hiền, (1867-1925) bạn của các nhà cách mạng Tăng Bạt Hổ, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Thượng Hiền hỗ trợ phong trào Đông Du, cùng với Phan Bội Châu lập ra Việt Nam Quang Phục Hội ở Trung Quốc

Ở một xã khác, một người đàn bà bị trói vào hai cây nứa bắt chéo, bên dưới là một đống lửa. Con mẹ ni là phú nông phản động, ngoan cố lăm, những người bâu quanh nhao nhao nói thế. Người đàn bà quằn quại mãi, tới khi ngất đi mới được người ta hạ xuống.

Cha một người bạn khác của tôi, ông chỉ là một cán bộ quèn trong ngành giáo dục, nhưng hoạt động cách mạng từ trước năm 1945. Khi cuộc Giảm tô giảm tức bắt đầu, ông bị bắt vì tội là đảng viên Quốc dân đảng. Ông thắt cổ tự tử, để lại bức thư tuyệt mệnh: "Oan cho tôi lầm, Cụ Hồ ơi. Tôi trung thành với Cụ, với Đảng. Tôi không phản bội. Hồ Chí Minh muôn năm!" Việt Nam Quốc Dân Đảng, được thành lập từ năm 1925, trước Đảng Cộng Sản 5 năm, cùng chung mục đích đánh Pháp giành độc lập, chưa từng có tranh chấp với Đảng Cộng Sản về vai trò lãnh đạo cách mạng trước năm 1945, mặc dầu một bộ phận lưu vong của đảng này đã mắc sai lầm khi trở về nước đi chung với Hoa quân nhập Việt nhằm dựa vào thế lực của quân Tưởng chống Pháp – một sai lầm cố hữu của những người có xu hướng dựa dẫm vào ngoại bang để giành độc lập - đã gây ra những đụng độ với Việt Minh. Nhưng điều đó không hề có nghĩa là tất cả những đảng viên Quốc Dân Đảng trên toàn quốc đã rời bỏ mục đích giành độc lập, không còn là những người yêu nước. Bằng chứng là họ vẫn tích cực tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp. Quốc dân đảng được nêu lên như một mục tiêu trấn áp chính trong cải cách ruộng đất, trong thực tế chỉ là cái cớ để quét sạch những người kháng chiến tiên phong, như tôi đã trình bày ở trên. Người ta vu cho bất cứ ai mà họ muốn giết là Quốc dân đảng.

Trong một ngôi đình, tôi thấy người ta lấy gai buỗi cắm vào đầu ngón tay một cô gái. Có trời biết cô ta bị tội gì, có thể cô ta chỉ có một tội duy nhất là con địa chủ, cứ mỗi câu hỏi những kẻ tra tấn lại nhấn những cái gai sâu thêm một chút làm cho cô gái rú lên vì đau, quằn quại trong dây trói.

Một cụ già tóc bạc phơ bị tròng dây vào cổ, bị lôi xèn xech trên đường như một con chó. Lũ trẻ làng rùng rùng chạy theo sau. Chúng vỗ tay, chúng reo hò, chúng cười ngặt nghẽo. Tôi nhìn chúng, rùng mình - những đứa trẻ này chắc chắn sẽ lớn lên với trái tim không phải của giống người. Rồi đây, với tâm hồn chai sạn, làm sao chúng có thể sống chung với những anh em khác màu da và tiếng nói trong một thế giới đại đồng mà chủ nghĩa cộng sản<sup>1</sup> hứa hẹn?

Tôi cảm thấy trong mình cục cựa một cảm giác bất bình, điềm báo trước sự thức tỉnh.

Không phải ai cũng có một cảm nhận như thế trước những gì Đảng đang làm. Niềm tin ở Đảng ăn sâu trong lòng mỗi đảng viên cộng sản, đến nỗi vừa buông miệng khuyên tôi trốn, lúc chia tay anh Luật lại vót vát: "Nói thì nói vậy thôi, chứ anh không thể nào tin được Đảng lại có thể nhẫn tâm bắt một lúc cả hai cha con một gia đình cách mạng kiên cường như gia đình chú. Mình không nên nghĩ quá ra như thế!".

<sup>1</sup> Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* năm 1848, Marx và Engels viết: "Những người cộng sản có thể tuyên bố học thuyết của mình bằng một câu thô: bãi bỏ tư hữu". Về mặt lý thuyết cải cách ruộng đất là sự thực hiện thủ tiêu tư hữu tài sản, thông qua cái gọi là đấu tranh giai cấp. Giảm tô giảm tức là màn đầu của cải cách ruộng đất.

Mẹ tôi không muốn tôi trốn, nhưng tôi không trốn thì bà lo. Tôi mà cũng bị bắt thì trong nhà không còn người đàn ông nào. Hai em trai tôi đều còn nhỏ. Lại đang có chiến tranh. Bà cảm thấy những gì xảy ra với người khác nay đang xảy ra với mình.

Mẹ tôi nhớ đến bà bạn có chồng bị mất tích trong những ngày Cách mạng Tháng Tám. Người đàn bà khổn khổ lang thang đi đến hết đền này phủ nọ cầu xin Trời Phật cho chồng bà trở về với bà. Bà gần như mất trí.

Khi còn trẻ, ông Nguyễn Thế Vinh, chồng bà, gia nhập Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội<sup>1</sup>. Bị lộ, ông chạy sang Pháp, gia nhập Đảng cộng sản Pháp. Từ Pháp ông sang Nga. Tốt nghiệp trường Đại học phương Đông<sup>2</sup>, ông hăm hở trở về Tổ quốc tiếp tục cuộc chiến đấu. Vừa bước xuống cảng Hải Phòng ông sa vào tay mật thám. Xa nước quá lâu, ông trở về không quen biết ai, chưa kịp liên lạc với ai trong các tổ chức cách mạng. Mật thám tra tấn ông, ông chẳng có gì để khai, đơn giản vì ông không biết những gì họ muốn biết. Tra mãi không được gì, chính quyền thuộc địa thả ông, thậm chí để cột chân ông lại, chính quyền này còn chiếu cố cho ông được tòng sự tại Thủ Thống sứ. Trong chuyện này tất nhiên không thể thiếu sự chạy chọt của bà vợ con nhà khá giả. Làm việc trong phủ Thủ Thống sứ, ông Vinh vẫn không ngừng tìm mọi cách liên lạc với những người cộng sản. Nhưng không ai dám giao thiệp với ông, kể cả cha tôi. Với ông, cha tôi đóng vai người đã nhụt chí, nay trở về với vợ con làm ăn chân chả. Người Pháp đến lúc đó đã hoàn toàn không còn nghi ngờ gì ông, ông là một công chức mẫn cán.

Nhưng đó chỉ là bề ngoài. Lòng yêu nước trong lòng ông không bao giờ tắt. Cách mạng Tháng Tám nổ ra, ông hăng hái xuống đường tham gia cướp chính quyền. Thế rồi trong những ngày sôi nổi ấy, như một hòn đá rơi xuống nước, ông biệt tích.

Không ai biết ông biến đi đâu nếu như một hôm ông Trường Chinh không nói riêng với mẹ tôi: "Chị Huỳnh ạ, chị liệu cách an ủi chị Vinh kéo chị ấy cứ xem bói, xin xăm mài, tội nghiệp! Nói riêng để chị biết: ta "thịt" anh ấy rồi!"

Mẹ tôi lạnh toát người: "Sao các anh nhẫn tâm thế, tàn ác thế? - bà kêu lên - Anh thừa biết: anh Vinh tuy có không kiên định cách mạng thật, nhưng anh ấy có phản bội xưng khai gì đâu, có gây hại gì cho đoàn thể<sup>3</sup> đâu, mà các anh nỡ giết anh ấy?"

<sup>1</sup> Một tổ chức yêu nước có xu hướng cộng sản, thành lập vào tháng 6 năm 1926. Năm 1929, trong một đại hội của Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội tại Hồng Kông, hai hội viên là Ngô Sĩ Quyết và Quốc Anh đã bỏ về thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn ở Trung Kỳ. Tiếp theo, ở Nam Kỳ tổ chức An nam Cộng sản Đảng cũng được thành lập. Những nhóm cộng sản này không hợp tác với nhau, mà còn có thái độ kình chống nhau. Trước tình hình này Quốc tế Cộng sản (Comintern) gửi một bức thư kêu gọi những người cộng sản nhanh chóng thống nhất với nhau trong một tổ chức cộng sản trên toàn cầu Đông Dương.

<sup>2</sup> Trường do Quốc tế cộng sản (Comintern) mở tại Moskva sau Cách mạng Tháng Mười Nga để đào tạo cán bộ cách mạng vô sản.

<sup>3</sup> Một cách gọi Đảng cộng sản trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, dùng trong nội bộ Đảng.

Trường Chinh lúng túng phân trần rằng ông không hề chủ trương giết ông Vinh, người ta giết rồi ông mới biết. Lúc đó ông có muốn can thiệp thì đã muộn.

Về cái chết của ông Vinh, mẹ tôi không buộc tội Trường Chinh. Bà hiểu rằng trong cuộc cách mạng những việc tương tự có thể xảy ra, bởi những người kém hiểu biết nhưng lại quá hăng hái. Riêng tôi để cấp dưới lồng hành, thái độ coi thường sinh mạng con người, thì bà không bao giờ tha thứ cho Trường Chinh. Ở cương vị ông, một chỉ thị kiên quyết không cho phép cấp dưới tự quyền xử tử bất cứ ai thì việc ấy chắc chắn không thể xảy ra.

Khốn nỗi, thủ tiêu đối thủ và những người tình nghi phản bội là chuyện thường tình trong Cách mạng Tháng Tám. Người ta không coi việc làm ó là tội ác.

Nhà văn Lan Khai<sup>1</sup> bị bỏ rọ trôi sông ở khúc Ghènh Quýt trên sông Lô chỉ vì vào thời gian Nhật cai trị, ông làm thư ký cho một hăng buôn của người Nhật là một thí dụ. Cha tôi quen Lan Khai từ những ngày ông còn đi học ở Tuyên Quang. Kể cho tôi nghe về cái chết của Lan Khai, ông tỏ ra rất đau lòng.

Bà ngoại tôi thường gặp các đồng chí của cha mẹ tôi tại nhà tôi khi bà tôi đến chơi với các cháu. Không hiểu vì lẽ gì một số người trong bọn họ không gây được cảm tình nơi bà. Bà ngoại nói thẳng cho mẹ tôi biết bà không thích họ. Đến nỗi mẹ tôi giận bà vì sự không thích ấy. Hóa ra bà ngoại tôi có lý khi nhận xét người này người kia trong bọn họ không phải là những người tử tế. Bằng sự mẫn cảm của phụ nữ, bà thấy trước được cách sống không nhân nghĩa, không có trước có sau, không có tình người, như cách ta thường nói bây giờ, của những người về sau trở thành những nhà lãnh đạo cách mạng như Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt<sup>2</sup>.

Trường Chinh đã không làm một hành động nhỏ nào để cứu cha tôi - người bạn, người đồng chí gần gũi của ông ta trong thời kỳ bí mật. Ông ta cũng không đến thăm mẹ tôi lấy một lần trong những năm cha con tôi ở tù. Cha tôi được thả rồi ông cũng không đến. Một số người biết tình bạn của hai ông cho rằng Trường Chinh không đến vì sợ Lê Duẩn và Lê Đức Thọ, nhưng tôi cho rằng trong thái độ này Trường Chinh trung thực với con người ông ta - ông ta không bao giờ coi trọng tình bạn với bất cứ ai. Và để bảo đảm an toàn cho bản thân trong giai đoạn đó, Trường Chinh thản nhiên quên băng có lúc ông ta từng hoan nghênh việc lén án tệ sùng bái cá nhân Stalin mà Khrutshov khởi xướng, lạnh lùng sắm vai mác-xít chân chính để đồng tình với việc lén án cha tôi và các đồng chí khác, coi họ như những phần tử chống Đảng. Trong sự đồng nhất cá nhân mình với Đảng từ khi trở thành người lãnh đạo, Trường Chinh là người trước sau như một.

<sup>1</sup> Nhà văn trước Cách mạng tháng Tám (giai đoạn 1930-1945). Ông nổi tiếng với những tác phẩm: Lầm Than, Cô Dung, Chế Bồng Nga, Cái Hột Mận, Chiếc Ngai Vàng, được giới phê bình coi là nhà văn của “truyện đờng rừng”.

<sup>2</sup> Tên thật là Hạ Bá Cang (1905-1992), hoạt động cách mạng sớm, bị thực dân Pháp đầy ra Côn Đảo (1930-1936), từ 1937 đã là bí thư xứ ủy Bắc Kỳ ĐCSĐD.

Hoàng Quốc Việt còn tệ hơn - ông ta trở thành một trong những nhân vật tích cực trong Ban chuyên án của vụ trấn phản<sup>1</sup>. Mà chính vì cứu hai ông, cha tôi đã bị chính quyền thuộc địa bắt sau khi đưa họ đi trốn vào năm 1939.

Người như vậy, theo quan niệm của người Việt Nam bình thường, không thể được coi là tử tế.

Vợ tôi kể sau khi tôi mất tích, đêm đêm mẹ tôi lặng hàng giờ, mái tóc bạc xổ xuống vai. Bà như hóa đá. Linh tính người mẹ báo cho bà biết tôi đã gặp tai họa. Phân tích mọi dữ kiện bà tin chắc tôi đã bị bắt một cách ám muội.

- Trong những ngày ấy mẹ lo nhất con bị thủ tiêu. Chúng nó có thể làm chuyện đó lăm.

Bà nghẹn ngào nói, ôm chặt đứa con trai đầu lòng.

Cuối cùng, may thay, rồi nó cũng đã vượt qua được cái chết để trở về với bà, chín năm sau đó.

## 2

Vừa lôi thốc tôi lên xe, tên ngồi bên phải lập tức bẻ quặt tay tôi ra sau lưng. Bàn tay y cứng như thép. Một nòng súng lục thúc mạnh vào sườn tôi bên trái. Tôi nhăn mặt vì đau.

Trong đợt này, cùng với tôi, còn có những ai bị bắt? Đó là ý nghĩ đầu tiên đến với tôi, không hiểu sao lúc ấy lại dửng dưng với số phận mình đến thế.

Người lái xe quặt mạnh vô-lăng. Chiếc xe lạng sang một bên, xoay nửa vòng rồi lao về phía Tràng Thi.

---

<sup>1</sup> Nói tắt: trấn áp phản cách mạng.

Tôi vẫn cầm bông hồng Nam Dương, quà tặng của một người bạn vong niên, trong bàn tay trái còn được thả lỏng.

Nghé tin nghiệp ảnh gia Trần Văn Lưu ốm nặng, anh mắc chứng lao phổi đã nhiều năm, sáng hôm ấy tôi đạp xe đến thăm anh. Như vậy, Trần Văn Lưu là người cuối cùng và duy nhất gặp tôi hôm đó. Không thấy tôi trở về, chắc chắn vợ tôi sẽ tìm đến anh Lưu và gia đình tôi sẽ đoán được tôi mất tích vào lúc nào. Nhưng biết tôi chỉ ở nhà anh một lát rồi đi, mọi người có thể nghĩ sau khi ở nhà anh Lưu ra tôi còn đi nơi nào khác, sẽ nháo nhào tìm khắp nơi để rồi cuối cùng mới hiểu rằng tôi đã mất tích.

Chao ôi, mẹ tôi, vợ tôi sẽ hốt hoảng lắm đây. Tại sao bọn khốn nạn không bắt tôi ở nhà, như thế có đáng hoàng hơn không? Trong tay chúng nó có cả bộ máy đàn áp khổng lồ, chúng giờ trò bắt cóc làm gì? Để thủ tiêu chăng? Có lẽ không phải. Nếu muốn thủ tiêu tôi thì bắt cóc giữa Hà Nội là quá dở. Việc đó làm ở một nơi đèo heo hút gió nào khác tốt hơn nhiều. Mà tôi thì lại thường công tác xa nhà.

Hay có chuyện gì xảy ra với cha tôi?

- Không cần phải nắm chặt như thế. - tôi cục cựa cánh tay bị bẻ quặt.

Có vẻ câu nói của tôi có tác dụng - những ngón tay của tên anh chị dao búa ngoi bên phải tôi lỏng ra được một chút.

Tôi đưa bông hồng lên ngắm nghĩa. Nó nhỏ hơn hòn hoa hồng ta thường gặp, chỉ nhỉnh hơn bông nhài một chút, nhưng thật là đẹp. Cánh của nó trắng lên một màu trắng tinh khôi, mịn màng, cho ta cảm giác cánh hoa hơi xốp. Cách phân bố các cánh rất hài hòa với đường cong mĩ miều của đài. Anh Lưu khoe anh cậy cục mài mới xin được một cành hồng Nam Dương làm giống. Anh giâm nó trong một bồn nhỏ, nâng niu chăm bẵm mấy tháng trời. Cành hồng con lớn lên chậm chạp thành một cây hồng mảnh mai và trổ bông đầu tiên. Từ bông hoa bé bỏng trên tay tôi bay lên một mùi thơm dịu dàng.

Lướt nhanh về phía sau là những ngôi nhà đóng kín. Phố Tràng Thi trong buổi sáng hôm ấy vắng tanh vắng ngắt. Hè phố ngập lá vàng không người quét dọn. Tôi chú mục nhìn những người thưa thớt đạp xe ngược chiều, nhưng không gặp một ai quen.

Bị kẹp chặt cứng giữa hai tên công an, trước mặt tôi chỉ có một khoảng trống hẹp. Tôi buồn rầu ghi vào trí nhớ như thể lần cuối được nhìn thấy những cảnh đang lướt qua. Mọi cái đều quen thuộc, quen thuộc tới mức không còn để ý tới chúng. Kia, những con đường trải sỏi vàng dưới bóng râm những hàng đại thụ quanh Thư viện Quốc gia. Còn đây là ngôi nhà quét vôi hồng nằm trong khu vườn rộng đầy cỏ mần trầu một thời tôi đã ở sau ngày tiếp quản Hà Nội. Lướt nhanh bên phải là Cửa hàng mô-tô xe đạp thường xuyên đóng cửa im im. Ở đây tôi mua chiếc xe đạp đầu tiên cho vợ. Tôi nhớ tới kỷ niệm liên quan tới cửa hàng này. Chả là vợ tôi thích chiếc Mercier bằng đồng-inox, còn tôi thì ngang bướng nhất định chọn chiếc Thống nhất nội hóa. "Ta phải ủng hộ hàng nội hóa, em à. Nếu ta mà cũng không chịu ủng hộ hàng nội thì nền sản xuất nước mình sẽ ra sao?" tôi nói với vợ bằng giọng gia trưởng. Chiếc Thống nhất được chọn bởi lập trường chống lén lút xuống, năm ngày ba tật. Nhìn tôi dắt xe đi sửa vợ tôi tưng tưng cười, nhưng không trách tôi một lời. Kia nữa, hiệu cắt tóc quen thuộc của tôi, nay là một

hợp tác xã cắt tóc. Qua tấm kính lớn tôi thấy bác phó cao già hay chuyện đang lúi húi tát tót mái đầu muối tiêu của ông khách đứng tuổi, chắc cũng loại khách quen như tôi... Vào thời gian này khách hàng đi cắt tóc phải lấy số, đến số mình thì vào ngồi ghế vừa trống. Để chờ được bác phó cao quen cắt cho mình có khi mất cả giờ.

Chiếc com-măng-ca rẽ vào đường Phủ Doãn, quặt sang Lý Thường Kiệt, chạy thêm một quãng ngắn rồi lại rẽ trái.

Đến đây thì tôi hiểu mình được đưa đi đâu. Trước mặt tôi sừng sững bức tường đá Hỏa Lò.

Cái nhà ngục nổi tiếng khắp nước này được thực dân Pháp xây dựng trong những năm cuối thế kỷ thứ XIX<sup>1</sup>, đồng thời với Nhà Dây Thép (nay là Bưu Điện Trung Tâm) và nhà thương Đồn Thủy (nay là Bệnh Viện Quân Y 108) cầm giữ bên trong những bức tường đá của nó nhiều thế hệ cách mạng Việt Nam, từ những nhà ái quốc Cần Vương, Văn Thân, Đông Kinh Nghĩa Thục, cho tới những đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng thời anh hùng Nguyễn Thái Học<sup>2</sup>, và tất nhiên, những đảng viên cộng sản. Năm 1925 nhà ái quốc nổi tiếng Phan Bội Châu<sup>3</sup> cũng bị giam ở đây. Trong gia đình tôi, Hỏa Lò được nhắc tới luôn do sự có mặt thường xuyên trong đó của các bạn cha tôi và của chính ông, hết người này đến người khác.

Mặc dầu nổi tiếng là thế, Hỏa Lò không phải là nhà ngục kiên cố nhất Việt Nam. Bằng chứng là tại đây đã xảy ra nhiều cuộc vượt ngục, lớn nhất là cuộc vượt ngục đông đảo cả trăm người vào tháng 3 năm 1943.

Tên chính thức của Hỏa Lò là Maison Centrale (Nhà lao Trung ương), nhưng cái tên đó chỉ tồn tại trong các văn bản hành chính thuộc địa. Với dân chúng nó mãi mãi là Hỏa Lò, cái phổ biến từ thời “Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì phố Hiến”, nơi phường gỗ sản xuất một mặt hàng duy nhất là hỏa lò, thứ bếp dùng than tàu (than hoa) mà ngày nay họa hoằn ta mới gặp. Tuy nhỏ bé, nó vẫn được gọi là một phố, với một số nhà duy nhất. Phần lớn người Hà Nội không biết gốc tích dung tục của Hỏa Lò, nghĩ rằng nó là tên gọi tượng trưng cho sự khủng khiếp bên trong cái nhà tù nổi tiếng. Tên gọi của nó gợi lên liên tưởng gớm ghiếc về hỏa ngục Thiên chúa giáo hùng hực lửa vạc dầu và nhung nhúc quỷ sứ.

<sup>1</sup> Từ năm 1880, người Pháp bắt đầu xây dựng lại Hà Nội theo quy hoạch mới. Nhà ngục nổi tiếng này được xây dựng trên đất làng Phụ Khánh, tổng Vĩnh Tường, trên một diện tích khoảng 2 hecta. , được khai trương vào năm 1886. Lúc đầu nó được đặt tên là Prison Centrale, sau đổi thành Maison Centrale. Theo Bách khoa Toàn thư Việt Nam thì Hoả Lò được khởi công năm 1901.

<sup>2</sup> Nguyễn Thái Học (1902-1930), người sáng lập Việt Nam Quốc dân đảng, chủ trương dùng bạo lực cách mạng để đánh đuổi thực dân Pháp, tổ chức cuộc khởi nghĩa bất thành tại Yên Bái, bị thực dân Pháp xử tử.

<sup>3</sup> Phan Bội Châu, tên thật Phan Văn San (1867-1940), Khi còn ít tuổi, chủ trương đánh Pháp giành độc lập, khôi phục nền quân chủ, thành lập Duy Tân Hội, khởi xướng phong trào Đông Du, xuất ngoại đi Nhật, Trung Quốc tìm cách phục quốc. Đến đầu thế kỷ 20 ông bỏ chủ trương khôi phục quân chủ. Bị Pháp bắt, xử khổ sai chung thân, rồi đưa về Huế giam lỏng cho đến chết.

Hai cánh cửa sắt được mở ra với một tiếng rít lạnh lanh, kéo dài. Chiếc com-măng-ca rồ máy chui tốt vào trong cái miệng kim loại há hốc của nó.

Hai tên cô hồn nhảy xuống, hất hàm:

- Xuống!

Tôi xuống. Trước mặt tôi là một cái sân mênh mông, vắng ngắt.

- Đợi đây!

Đó là tên ngồi bên trái tôi nói. Mặt nhẳng nháo, y nhét súng vào cạp quần rồi kéo vạt áo sơ-mi phủ lên. Cử chỉ của y làm tôi nhớ tới điệu bộ của những tên côn đồ nhẳng nháo trong những bộ phim đấm đá rẻ tiền. Đồ vật hóa ra có khả năng làm cho con người trở thành giống nhau. Tôi dám chắc cái tên du côn trong biên chế nhà nước kia chưa hề được xem dù chỉ một phim thuộc loại đó.

Chiếc com-măng-ca được lái đi. Hai tên cô hồn biến mất, để lại sau chúng mùi khói thuốc sừng bò hôi rình. Tôi không biết chúng đi lúc nào.

Có lẽ đây là góc im ắng nhất thành phố. Trong vòm cổng Hỏa Lò, hai chàng trai trong quân phục công an nhân dân vũ trang mải mê đánh bóng bàn, chẳng thèm nhìn tôi lấy một lần. Ngoài tiếng lách tách của bóng nhựa đập xuống mặt gỗ trong cả một vùng tĩnh lặng không còn tiếng động nào khác. Tưởng chừng cái nhà tù lừng danh một thuở nay đã trở thành Viện bảo tàng tội ác của chế độ thực dân.

Không thấy bị canh chừng, tôi lững thững thả bộ trong cái sân rộng và sạch bong, với những bồn hoa trống trơn đặt trước những khối nhà dài.

Tôi có cảm thấy sợ hãi không khi bị đưa tới nhà ngục nổi tiếng này?

Trong phút đó, không hiểu vì sao, chính tôi cũng ngạc nhiên, lẽ ra phải run sợ thì tôi không thấy một chút xao xuyến nào. Mới hay lòng mình chai sạn quá rồi, tâm hồn mình lạnh lẽo quá rồi, lại do mình đã biết chắc cái sự khốn kiếp này nhất định sẽ xảy ra, chẳng cách nào tránh được, chỉ có sớm hay muộn mà thôi, nay nó xảy ra rồi, coi như số phận mình đã an bài, khỏi cần lo nghĩ nữa.

Từ vài tháng nay, tôi biết mình bị theo dõi chặt. Vừa bước chân khỏi nhà đã thấy một lũ công an mật bám theo. Phát hiện chúng chẳng có gì khó. Chỉ cần rẽ ngoặt nhiều lần trong mạng nhện phố xá là đã nhận ra những kẻ bám sát mình không rời.

Tôi thường đi cùng Vũ Thu Hòa, em gái áp út của tôi. Thu Hòa đặc biệt sáng ý, chỉ cần đảo mắt nhìn qua em tôi đã biết xe nào đang theo xe mình. Nhà tôi ở góc đường Hai Bà Trưng - Phan Chu Trinh, trạm quan sát của mật thám đặt trên tầng thứ ba trường phổ thông trung học ở góc đường đối diện, hơi chêch về tay trái. . Từ trên gác ấy, những tên “cá chìm” làm nhiệm vụ cảnh giới liên lạc bằng điện thoại với đám trinh sát chực sẵn trong một ngôi nhà nằm trên đường Lý Thường Kiệt. Khi được báo tôi rời nhà lũ “cá chìm” ở Lý Thường Kiệt lập tức phóng xe ra để bám theo. Thu Hoà còn ghi được cả số xe bọn chúng. Có vẻ, bọn mật thám thấy việc theo dõi như thế này chỉ là trò hề, một sự doạ nạt lố lê,

chứ để bắt chúng tôi thì chúng bắt lúc nào mà chẳng được, cho nên những tên mật thám chẳng buồn che giấu công việc phải làm. Về phía tôi, tin mình chẳng làm gì phạm pháp, tôi chẳng sợ chúng chút nào. Bực mình lên, thỉnh thoảng hai anh em tôi còn trêu chọc chúng nữa kia.

Tôi bình thản được còn vì tôi ý thức được thân phận mình. Trong chuyện này tôi phải cảm ơn Lênin (hay Engels?). Nếu tôi nhớ không lầm thì trong tập Bút Ký Triết Học của ông, Lênin có nói: “Tự do là sự ý thức được cái tất yếu”. Chí lý thay!

Cái tất yếu trong chế độ này là thế nào tôi đã biết. Tôi, hay bất cứ ai, đều là chim trong lồng, là gà trong chuồng, nhà cầm quyền độc tài muốn lôi ra cắt tiết lúc nào được lúc ấy. Con người chẳng là cái gì hết trước Đảng độc nhất, độc tôn, toàn năng và toàn quyền. Đảng là trên hết – trên giai cấp, trên nhân dân, trên tổ quốc.

Trước đó mấy ngày, linh cảm thấy khả năng bị bắt tăng lên rất nhiều, tôi đã chuẩn bị cho tình huống xấu nhất. Vợ tôi sẽ tìm thấy trong ngăn kéo bàn viết của tôi, nếu không ngay lập tức thì một thời gian sau, bức thư tôi dặn dò mọi việc trong nhà. Tôi muốn vợ tôi giúp tôi thực hiện trách nhiệm của người con cả đối với gia đình. Đó là gánh nặng, nhưng tôi biết vợ tôi sẽ không từ nan.

Nghĩ mà bực mình. Tôi dính vào vụ trấn phản này một cách thậm vô duyên, chẳng ra làm sao. Tôi là cái gì kia chứ? Một nhà báo quèn, không tên tuổi, không cả bồ dày cách mạng, nghĩa là chẳng có gì đáng để bọn lãnh tụ phải gờm, để có thể trở thành kẻ thù của chúng. Tôi cũng chẳng làm gì để chúng phải điều một lô một lốc những tên ăn không ngồi rồi lăng nhăng theo tôi cả ngày lẫn đêm.

Sách lược “nhổ cỏ phải nhổ tận rễ” vốn có tính truyền thống trong các quốc gia châu Á. Chỉ ở châu Á mới có những án hình tàn bạo như chu di tam tộc, chu di cửu tộc. Những triều đại phong kiến ở Trung Quốc, ở Việt Nam đều dùng cách này xử tội những quần thần bất tuân. Cái xã hội tôi đang sống trong đó được gọi là xã hội chủ nghĩa, hàm ý lợi ích của các thành viên của nó phải tốt hơn bất cứ xã hội nào trước nó, nhưng nhà cầm quyền của cái xã hội ấy lại xử sự với dân chúng tồi tệ hơn rất nhiều. Từ lâu rồi nhà cầm quyền áp dụng cách đối xử rõ ràng không công bằng chẳng những đối với các phần tử bị nghi ngờ có đầu óc chống đối mà cả với con cái của những người ấy. Những đứa trẻ chưa kịp có ý thức về cách mạng thì đã bị cái gọi là cách mạng ấy chi cho một khoản căm thù tạm ứng trước khi bị đạp xuống tận bùn đen, không cho ngóc đầu dậy.

Tất cả những lời lẽ đạo đức giả chỉ được dùng như một nước sơn qua quít. Những lãnh tụ cách mạng phán truyền toàn những lời đạo đức trong khi họ không tin chính lời từ miệng họ phát ra. Tôi thích tính cách Lê Duẩn. Dù sao mặc lòng Lê Duẩn vẫn là một tên độc tài thằng thắn, so với những tên độc tài mang mặt nạ nhân nghĩa

“Kẻ nào không theo ta, kẻ đó chống ta”, Lê Duẩn nói toạc móng heo trước bàn dân thiên hạ. Không quanh co, không uốn éo. Tôi nhớ Hồ Chí Minh, Trường Chinh không bao giờ nói được một câu thằng thắn như thế. Hồ Chí Minh, Trường Chinh thích nói đến nhân dân trong mọi khái niệm mơ hồ: nhân dân cách mạng, nhân dân lao động, quang đại quần chúng Quan niệm chuyên chính hiện đại về kẻ thù được đương kim tổng bí thư rất tâm đắc. Nó được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, ở nhiều cuộc họp, trước

đông đảo cán bộ ngồi im phẳng phắc nghe lãnh tụ huấn thị, bằng giọng tự hào, chính tai tôi được nghe.

Chuyên chính, chuyên chế hay độc tài, những từ đồng nghĩa làm nhân loại hết hồn, kinh tợm, ở nơi khác thường được che phủ bằng ngôn từ hoa mỹ, nhưng trong chế độ xã hội chủ nghĩa hiện tồn lại có dáng dấp một đức tính sang trọng, lại là cái được nhiều người lấy làm hanh diện phô ra. Bộ trưởng Bộ Nội vụ Trần Quốc Hoàn<sup>1</sup> phụ họa theo tổng bí thư: “Nhiều đồng chí chúng ta còn tỏ ra thiếu kiên quyết trong việc trấn áp bọn phản cách mạng, thiếu nhiều lầm. Họ run tay. Họ sợ nhầm. Họ không biết rằng trong công tác của chúng ta lợi ích của cách mạng là cao hơn hết, là thiêng liêng hơn hết! Sai thì sửa, việc gì mà sợ!” Đi ngược chiều lịch sử ta thấy trong Cải cách ruộng đất, Trường Chinh cũng đã từng khuyến dụ “Nhầm mười (người vô tội) còn hơn sót một (tên địch)”. Biện pháp phòng ngừa chưa từng tỏ ra không hữu hiệu. “Sát nhất nhân vạn nhân cự”<sup>2</sup>, lời cổ nhân nói không sai.

Tôi còn phải chờ hơn một tiếng đồng hồ nữa mới thấy Huỳnh Ngự dẫn xác đến. Y xuống xe, xăm xăm bước tới, hất hàm hỏi tôi:

- Anh đang mần chi đó?

Tôi cau mặt nhìn y.

Huỳnh Ngự không phải người xa lạ đối với gia đình tôi. Chính y dẫn thuộc hạ đến nhà tôi đêm 18 tháng 10 để bắt cha tôi. Sau khi đưa cha tôi đi, y còn quay lại chỉ huy việc lục soát tới tận sáng. Phòng vợ chồng tôi ở cũng bị khám kỹ, chỉ chừa một cái tủ. Vợ tôi nói tôi sơ ý mang chìa khóa theo khi đi công tác Nam Định, nếu muốn khám thì cứ việc phá ra mà khám. Chúng ngần ngừ rồi không phá, mà niêm phong lại, đợi tôi về khám tiếp.

Mẹ tôi kể, khi Huỳnh Ngự khám nhà, y thấy mẹ tôi cứ đứng lì ở khung cửa giữa hai căn phòng đang bị lục soát, y khuyên mẹ tôi: “Chị cứ ngồi xuống, mặc chúng tôi làm việc”. Đáp lại, mẹ tôi nói: “Tôi phải đứng ở đây để xem các người có bỗng liệu gì vào nhà tôi không. Cái lối chôn rượu lâu trong vườn người khác, chúng tôi biết lắm. Chúng tôi không khờ”. Huỳnh Ngự nuốt giận, coi như không nghe thấy câu nói vỗ mặt. Chúng tôi không biết tên y, cho tới khi một người quen tôi làm trong Bộ Nội Vụ cho biết y có tên là Huỳnh Ngự, giữ chức cục phó Cục chấp pháp.

Trong vai trò người hùng đã chặn đứng một mưu toan lật đổ ban lãnh đạo Đảng, trưởng Ban tổ chức Trung ương Lê Đức Thọ được dư luận nhắc tới nhiều nhất. Những thông báo số 1 rồi số 2, được chính Lê Đức Thọ soạn thảo, nghe cứ oang oang như những bản tin chiến thắng. Hai bản thông báo này, với

<sup>1</sup> Tên thật: Nguyễn Trọng Cảnh, biệt hiệu Cảnh Con (1916-1986), quê ở Nam Đàm, Nghệ An. Năm 1945 Trần Quốc Hoàn là bí thư xứ ủy Bắc Kỳ. Trong Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ II (1951) Hoàn được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương. Vào thập niên 60 Trần Quốc Hoàn là bộ trưởng Bộ Nội vụ, ủy viên Ban bí thư, ủy viên Bộ Chính trị.

<sup>2</sup> Giết một người vạn người sợ.

những lời lẽ nửa kín nửa hở về một cuộc nổi loạn bất thành được phổ biến trong các cuộc họp hạn chế, nửa công khai nửa bí mật trong các tổ chức đảng ở cấp Trung ương.

Không khí khủng bố đe nặng lên mỗi cán bộ trước nay vốn không được Đảng tin tưởng.

Khi không được Đảng tin, có nghĩa là anh bị Đảng nghi ngờ đấy. Mà khi anh đã bị Đảng nghi ngờ thì điều đó có nghĩa là anh có thể bị Đảng trấn áp bất kỳ lúc nào. .

Số đông cán bộ lão thành, tức là những những cán bộ đã tham gia phong trào giải phóng dân tộc từ trước và trong thập niên 30, rất xót xa các đồng chí chẳng may rơi vào tay Sáu Búa<sup>1</sup>.

Không ai hi vọng Lê Duẩn, kẻ cùng giuộc với Lê Đức Thọ, sẽ làm điều gì đó ngược lại. Trong tình hình như thế người ta chỉ biết còn biết trông chờ chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ có ý kiến. Họ hi vọng Ông Cụ, với tư cách bộ óc sáng suốt của cách mạng, sẽ không để xảy ra thêm một sai lầm khốc liệt nữa. Một Cải cách ruộng đất, một Chính đốn tổ chức đã quá đủ cho Đảng rồi.

Từ Nam Định về, tôi sững sờ biết cha tôi đã bị bắt. Mẹ tôi gục vào vai tôi. Bà gầy rộc. Cú đánh tàn nhẫn làm bà kiệt lực.

Tôi thương mẹ quá! Ở xa mọi diễn biến trên chính trường, bà không biết cuộc cách mạng của bà từ lâu rồi đã rẽ sang nẻo khác.

Bên cạnh bà, tôi hoàn toàn bình tĩnh. Tôi nhìn mọi việc vừa xảy ra bằng con mắt lạnh lùng, ráo hoảnh..

Trong chuyện này sự bình tĩnh ấy không có gì đặc biệt, nó chẳng phải do sáng suốt mới có. Chẳng qua thế hệ tôi ít ảo tưởng hơn về cách mạng so với các thế hệ đàn anh và cha chú, lại không bị cái gọi là ý thức tổ chức làm cho mù quáng, cho nên tôi mới không bị đòn đánh làm cho té tái, làm cho mất khả năng suy nghĩ. Nhìn ngôi nhà bị xáo trộn tan hoang như vừa qua trận giặc càn, tôi chỉ rùng mình. Nó càng lạnh lẽo khi vắng bóng cha tôi. Hồi ông chưa bị bắt, ngôi nhà không lúc nào vắng khách. Böyle giờ chẳng còn ai lai vãng.

Tôi cho rằng cuộc tổng khủng bố mới chỉ bắt đầu. Sau cha tôi sẽ đến lượt nhiều người khác. Trong đó có thể có tôi.

Ngày hôm sau, tôi tới Bộ Nội Vụ để báo tôi đã về. Tôi làm đúng như lời dặn của nhà chức trách để họ không có cơ gây sự thêm với tôi, chứ có cả một lũ công an mật đồng đảo theo sát tôi từng bước, họ thừa biết tôi ở đâu. Tôi cũng chuẩn bị sẵn để có bị bắt cũng không bị bất ngờ.

<sup>1</sup> Trong thời kỳ công tác tại miền Nam Lê Đức Thọ được cán bộ đặt biệt hiệu “Sáu Búa”. Biệt hiệu này ít được nhớ đến khi Lê Đức Thọ ra Bắc, trở thành cánh tay phải của Lê Duẩn. Nhưng khi nói đến Lê Đức Thọ và những hành động xảo quyệt, tàn bạo của y, biệt hiệu này liền được nhắc tới.

Vợ tôi nước mắt rưng rưng, giúp tôi xếp hai bộ quần áo, bàn chải răng, khăn mặt và vài đồ dùng lặt vặt khác vào ba-lô<sup>1</sup>. Khi tôi dắt xe ra khỏi nhà, mẹ tôi lặng lẽ đặt tay lên vai tôi và nhìn lâu vào mắt tôi. Trong giây lát, mắt bà nhòa lệ.

Vợ chồng tôi đạp xe tới thẳng phòng thường trực Bộ Nội Vụ ở số 16 Trần Bình Trọng. Chúng tôi đi trong im lặng. Tôi đạp, vợ tôi ngồi ủ rũ trên đèo hàng.

Vợ tôi cũng có mặt trong buổi nói chuyện giữa tôi với anh Nguyễn Trọng Luật. Ngoài miệng vợ tôi đồng ý với tôi, nhưng trong thâm tâm vợ tôi vẫn phân vân - nếu anh Luật đã giúp cho một chỗ trốn thì tại sao tôi lại không chịu trốn, lại để mặc cho bị bắt? Ngồi sau tôi, vợ tôi úp mặt vào lưng tôi thốn thức.

Đó là cuộc tiễn đưa của người vợ đưa chồng đến cõi chết.

Trên đường Nguyễn Du rẽ sang Trần Bình Trọng, tôi gặp Nguyễn Hồng<sup>2</sup> đi ngược chiều. Trên người anh vẫn cái áo pi-gia-ma xanh nhạt đã ngả sang cháo lòng, vẫn cái quần ximili xám vén gấu, vẫn cái xà-cột đụng bẩn thảo tờn ten bên hông. Chòm râu anh mới nuôi năm trước giờ chấm cổ áo. Đang tư lự trên hè, nhác thấy tôi anh giật mình đứng lại. Tôi xuống xe, định đến bắt tay anh thì bỗng thấy Nguyễn Hồng hấp tấp lùi lại, tránh sang vệ cỏ. Đôi mắt anh bùi ngùi nhìn tôi. Rồi rất trịnh trọng, anh chắp tay xá tôi, xá dài theo kiểu người xưa, môi mấp máy nói gì không rõ. Tôi đứng lặng, không biết nên ứng xử thế nào? Nguyễn Hồng đùa hay thật? Không, anh không đùa. Mặt anh nghiêm trang như những lúc anh nghiêm trang. Đành cúi đầu xá anh, đáp lễ.

Nguyễn Hồng làm thế là phải. Anh không thể, không nên làm khác. Đã mấy tháng nay nhất cử nhất động của gia đình tôi đều bị theo dõi. Rất có thể anh đã phát hiện những tên theo dõi tôi, và anh sợ. Hoặc chính anh cũng bị doạ nạt nếu có quan hệ với tôi. Tôi hiểu tâm trạng Nguyễn Hồng. Không cứ anh, ai trong trường hợp đó cũng phải làm như thế<sup>3</sup>.

Nguyễn Hồng lặng lẽ đi, đầu cúi. Nhìn anh làm lũi trên phố vắng, vợ tôi hỏi:

- Ông nhà quê nào đấy hả anh?

<sup>1</sup> Tôi ngây thơ đến nỗi mang theo cả dao cạo, cả bút máy và vài cuốn sách để đọc. Sau mới biết trong nhà tù xã hội chủ nghĩa người tù không được phép đọc hoặc viết, đừng nói gì đến được sử dụng bất cứ đồ vật kim khí nào nhọn hoặc sắc.

<sup>2</sup> Nguyễn Hồng (1918-1982), bắt đầu viết văn từ năm 1936, nổi tiếng từ thập niên 40 với những tiểu thuyết hiện thực Bỉ Võ, Qua Những Màn Tối, Những Ngày Thơ Ấu... Tham gia phong trào Mặt trận Dân chủ (1936-1939) ở Hải Phòng; năm 1940 bị chính quyền thuộc địa bắt đi trại tập trung ở Bắc Mê (Hà Giang). Năm 1943 Nguyễn Hồng tham gia Hội Văn hóa Cứu quốc bí mật cùng với Nam Cao, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng...

<sup>3</sup> Quả nhiên, tại Hòa Lò người ta bắt tôi phải viết một báo cáo về Nguyễn Hồng. Phải chặt vật lắm tôi mới thuyết phục được họ rằng tôi không biết gì về quan điểm chính trị của Nguyễn Hồng. Không nhà văn nào thoát khỏi con mắt Tào Tháo của cơ quan an ninh.

Khổ, chòm râu dài, cái mũ lá sụp xuống trán, nước da đen nhẽm của anh đã làm cho vợ tôi không nhận ra Nguyên Hồng. Vợ tôi đã gặp anh, đã ăn cơm với anh ít nhất cũng vài lần ở nhà tôi và nhà Bùi Ngọc Tấn<sup>1</sup>, những lần chúng tôi đến Hải Phòng. Anh thay đổi nhiều kể từ ngày về Yên Thế. Anh đã tin nhiều để rồi không tin nữa cũng trong những năm ấy.

Tôi nhìn theo tác giả Bỉ Vỏ. Anh đi không ngoảnh lại. Cuộc gặp gỡ Nguyên Hồng để lại trong tôi cảm giác xót xa. Tôi không giận Nguyên Hồng. Tôi chỉ buồn. Buồn lắm. Buồn tái. Trong những ngày ấy, mọi người đều xử sự như thế cả. Như thế mới là khôn ngoan<sup>2</sup>. Chẳng bao giờ tôi được gặp lại Nguyên Hồng nữa, mặc dầu khi tôi ra tù anh còn sống. Tôi yêu mến Nguyên Hồng hơn bất cứ nhà văn nào cùng thời. Anh là người có trái tim trong sáng và tư cách kẻ sĩ. Anh sơ, cái đó có, là sự thật, nhưng anh không nhập bọn với đạoặc.

Huỳnh Ngự lạnh nhạt ra tiếp tôi. Y gườm gườm nhìn cái ba-lô tôi mang theo, nhưng không nói gì. Bằng giọng không gay gắt như tôi chờ đợi ở y, y hẹn ngày khám tú, như nói về một công việc không quan trọng, rồi lạnh nhạt bảo tôi cứ về, ngày nào y đến được y sẽ báo sau. Vợ tôi đồ rằng đó là dấu hiệu tốt, rằng căn cứ cách đối xử nhẹ nhàng của Huỳnh Ngự, chắc nhà cầm quyền sẽ không đụng tới tôi.

Đúng hẹn, vào buổi tối Huỳnh Ngự đến mang theo hai nhân viên. Nhìn con người nhỏ thó, gày còm trong bộ dạ đen, tiếng cười chua loét chọc thẳng vào màng nhĩ, tôi không ngờ rồi đây tôi sẽ còn phải đối mặt với y nhiều, trong một thời gian dài.

Mắt hoay hoáy sau cặp kính lão gọng sừng trâu, y vừa khám xét, vừa cười he hé tự tán thưởng những câu bình luận vô duyên. Tiếng mỗi cuốn sách bị quăng xuống sàn trong yên lặng dội vào tim tôi. Được cha mẹ giáo dục từ nhỏ thái độ kính trọng đối với sách báo, và nói chung đối với mọi sản phẩm của trí tuệ, tôi không ngớt ngạc nhiên trước hành động vô văn hóa của bọn mặt thám ngày trước và bọn công an bây giờ. Về mặt này chúng không khác nhau. Dường như chỉ có loại chúng sinh đặc biệt này mới có cái thích thú được dày đạp lên trí tuệ. Chỉ có chúng mới cảm thấy hạnh phúc được phi nhổ trí tuệ.

Cuối buổi khám xét, chúng thu được một bị lớn gồm tất cả những gì có chữ viết - bản thảo, thư từ, sổ ghi chép của tôi và của vợ tôi. Cả những băng ghi âm và bộ đầu từ dự trữ cho máy ghi âm chúng cũng thu tuốt.

- Máy ghi âm đâu? Huỳnh Ngự hỏi.

- Bán rồi. - tôi đáp.

<sup>1</sup> Bùi Ngọc Tấn (sinh năm 1934) tác giả của nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn được độc giả hâm mộ. Bị bắt tù 6 năm không xét xử vì “có quan điểm xét lại”. Nhiều năm sau khi ra tù anh có cho in hai cuốn Một Thời Đã Mất (về Nguyên Hồng), và Những Người Rách Việc, và về sau này Chuyện kể năm 2000.

Y không bằng lòng thấy tôi trả lời trống không. Nhưng y hỏi trống không thì tôi cũng trả lời trống không. Lịch sự với y chỉ có thiệt.

- Ghê thật, dám *choi* máy ghi âm. - y dài giọng - Anh có biết rằng phải có giấy phép mới được *choi* máy ghi âm không?

- Không biết. Tôi *dùng* chứ không *choi*.

- Trừ các cơ quan đặc biệt, tư nhân không ai được phép sử dụng máy ghi âm. – y dồn giọng - Quy định của Nhà nước là thế, rõ chưa?

- Tôi chưa được thấy quy định này trên báo chí.

- Không phải quy định nào cũng cần phải đăng báo.

Nhân chứng hình thức cho cuộc khám xét là bà tổ trưởng dân phố, người quen của chúng tôi. Bà này tính tình hiền lành, bà chẳng hiểu chuyện gì đang xảy ra, đành ngồi yên một góc với vẻ mặt buồn phiền vì phải tham gia vào một việc làm bắt buộc. Bà ngồi quay mặt đi, tránh nhìn những gì đang diễn ra.

Bây giờ, đứng giữa sân Hỏa Lò, trong lãnh địa của y, Huỳnh Ngự bé nhỏ khuỳnh khuỳnh hai tay chống nạnh, cái mặt quắt vênh lên:

- Tôi hỏi: anh đang mần chi?

- Các anh đưa tôi đến đây bảo đợi thì tôi đứng đây tôi đợi, chứ còn làm gì? - tôi nhún vai - Đợi ai, đợi cái gì, để làm gì, thì lại không thấy nói. Đứng chán, tôi đi dạo. Anh muốn biết tôi làm gì à? Thì đấy, tôi đang ngắm cảnh. Xem nó có gì khác trước...

- Nè, anh đừng có láo nghen! Anh chưa từng bị bắt vô Hỏa Lò khi mô mà phách lối: coi nó có chi thay đổi?

Ơ hay, cái lối gì thế này? Câu chuyện giữa chúng tôi vừa mới bắt đầu, hà tất phải giở giọng quát nạt? Một thứ đòn phủ đầu, có lẽ thế. Về sau mới biết, tôi hiểu lầm từ “láo” của Huỳnh Ngự - ở quê hương y nó có nghĩa là không đúng sự thật chứ không phải hồn láo. Còn thói lớn giọng, như sau này tôi được biết, là cỗ tật của y.

- Tôi sẽ giải thích cho anh hiểu: tôi đã vào đây một lần vào năm 1939 - không phản ứng, tôi thản nhiên đáp - Hồi ấy Mặt Trận Bình dân<sup>1</sup> ở bên Pháp vỡ, bên này bọn thực dân tổng khủng bố. Cha tôi bị bắt.

<sup>1</sup> Mặt trận Bình Dân (Front Populaire), bao gồm các đảng cánh tả của Pháp, trong đó liên minh hai đảng xã hội – cộng sản là nền tảng. Năm 1936 Mặt trận giành thắng lợi, chính phủ Léon Blum của Mặt trận Bình dân giải tán các tổ chức phát-xít, ấn định tuần làm việc 40 giờ cho người lao động, ngăn chặn các hành vi phát-xít trong sự đối xử với nhân dân các nước thuộc địa... Năm 1938 Mặt trận Bình dân yếu dần rồi tan vỡ do những mâu thuẫn bên trong.

Bọn mặt thám giở đủ ngón tra khảo không ăn thua, chúng cho phép mẹ tôi mang con vào thăm, hy vọng cha tôi sẽ đổi ý. Nhưng ông vẫn im lặng. Tôi còn nhớ chỗ này có một bức tường ngắn, còn ở góc đằng kia có một giàn nho điếc...

Huỳnh Ngự hiểu ẩn ý trong câu nói. Y khít mũi mẩy cái, tìm câu đối đáp. Tìm không ra, y sẵng giọng:

- Nè, anh có hiểu anh đang đứng ở nơi mô không đó? Nơi ni kêu bằng Hỏa Lò, rõ chưa? Anh biết nó là cái chi không? Biết, hả? Nói thiệt cho anh hay: anh bị bắt rồi đó!

Tôi bật cười:

- Ủa, anh tưởng đến giờ tôi còn chưa biết sao? Anh báo khí chậm: tôi biết ít nhất cũng cách đây hai tiếng đồng hồ rồi!

- Theo tui!

Y hầm hầm ngoắc tay ra hiệu cho tôi đi theo.

Tôi lảng lặng theo y về phía ngôi nhà dài và thấp, đối diện với cổng Hỏa Lò.

Gần tới nơi Huỳnh Ngự đi chậm lại, nói với tôi:

- Nói thiệt cho anh hay: cơ quan an ninh thật ra cũng chưa muốn bắt anh mô! Loại cán bộ tép riu như anh bắt làm chi cho uổng công. Đảng đã ra thông báo, đã cho các anh thời gian để các anh xin tự khai báo. Nhiều người đã đến xin Ban tổ chức Trung ương cho họ được thú tội, những người nớ có sao mô. Họ vẫn sống yên lành với vợ con. Còn anh thì bị. Anh bị là bởi anh không biết điều. Nghĩ mà coi: trước Đảng, anh là cái thứ chi? Anh chẳng là cái thá chi hết trọi. Một con muỗi mắt. Một hạt cát... Nhân tiện tôi cũng cho anh hay: đích thân anh Sáu ra lệnh bắt anh đó!

Tôi bật cười:

- Anh thật sự nghĩ rằng nếu tôi được Trưởng ban Tổ chức Trung ương đích thân hạ lệnh bắt thì tôi có hân hạnh nhiều hơn người khác hay sao? Ai hạ lệnh bắt thì cũng thế cả thôi, anh hay anh Sáu, anh Ba, anh Năm<sup>1</sup>, hay anh nào khác. Chưa tới lúc các anh phải đổ lỗi cho nhau.

Huỳnh Ngự đứng phắt lại:

- A! Anh láo! - y gầm lên, nếu như cái giọng the thé của y có thể gọi là gầm - Vào đến đây rồi mà vẫn còn láo! Anh nhớ lấy: đây là Hỏa Lò! Hỏa Lò, anh hiểu chưa?

Lần này tôi không lầm. Chữ “láo” mà y dùng lúc này chính là “hỗn láo”. Tôi quắc mắt nhìn lại y. Cái đồ cóc nhái nhảy lên làm người này làm tôi nổi nóng thực sự.

<sup>1</sup> Các bí danh: Sáu, tức Sáu Thọ (Lê Đức Thọ), Ba, tức Ba Duẩn (Lê Duẩn), Năm (Trường Chinh).

Ý hất hàm ra hiệu cho tôi theo y. Chúng tôi bước vào một căn phòng không có cánh cửa, thay vào đó là một hàng song sắt có thể đẩy qua đẩy lại. Hai tên cô hồn đã có mặt, như từ dưới đất chui lên. Không hiểu chúng vào bằng đường nào, từ bao giờ. Chúng xun xoe bên Huỳnh Ngự, nhưng Huỳnh Ngự gạt ra.

- Cởi quần áo!

Giọng nói hách dịch của Huỳnh Ngự làm tôi lộn ruột. Trước nay chưa có ai nói với tôi bằng cái giọng như thế. Tôi quắc mắt nhìn y, cởi phăng áo bông, nhưng không đưa cho Huỳnh Ngự mà quăng nó xuống sàn.

Y lườm tôi rồi nhẫn nhục nhặt cái áo bông lên, lật qua lật lại, lộn trái các túi, bỏ các vật tìm thấy lên bàn: chùm chìa khóa, khăn mu-soa, ví tiền, các thứ giấy tờ lặt vặt...

Tôi có thói quen ghi những điều cần nhớ lên những mẩu giấy bất kỳ rồi sau đó để vãi lung tung. Trong mấy mẩu giấy Huỳnh Ngự thu được, có một mẩu ghi số biển đăng ký xe đẹp của lũ “cá chìm”<sup>1</sup>. Tôi ghi lảng nhăng chơi, chứ chẳng để làm gì. Của đáng tội, tôi cũng có ý định chuyển cho các bạn tôi, những người cũng bị coi là “phần tử không đáng tin cậy”, để các bạn để ý xem họ có bị theo dõi hay không, nhưng chưa kịp.

Trông cái cách Huỳnh Ngự lần từng đường chỉ ở nẹp áo bông, tôi nghĩ hắn y ngờ tôi có mang một cái gì đó có thể dùng làm bằng chứng buộc tội tôi, một bức thư mật chẳng hạn. Nhưng chẳng có cái gì hết. Vừa khám y vừa chun mũi lại, chỉ dùng ngón cái và ngón trỏ, còn những ngón khác vểnh lên, như sự đụng chạm với quần áo của tôi làm y gớm. Tôi nhớ tới tên mật thám Pháp khám nhà chúng tôi năm 1939, cung cách cũng y như vậy.

- Cởi nốt!

Tôi lột nốt sơ-mi, quần, quăng tuốt xuống đất.

Đứng mãi cũng mỏi, Huỳnh Ngự ngồi thụp xuống, lần mò khám xét đống áo quần dưới chân tôi. Trong bộ cánh mùa đông bằng dạ đen, hai cổ tay gày gò với những ngón tay khô xác thò ra ngoài hai ống tay áo cũn cõn, trông y giống một con ruồi.

- Há mồm!

Tôi há mồm. Cặp mắt nhỏ và khô của Huỳnh Ngự nghiêng ngó qua tròng kính viễn nhìn sâu vào hốc miệng tôi.

Chẳng lẽ y thực sự nghĩ trong đó có gì?

Y có vẻ mặt thất vọng. Cuộc bắt cóc giữa đường được tổ chức chu đáo, một cách bất ngờ nhất, với những tính toán chi li nhất, đã không mang lại kết quả.

<sup>1</sup> Công an mật, do chữ CA được biến thành CÁ mà ra.

Trên người tôi chỉ còn áo may-ô, quần đùi. Để chơi chướng, tôi cởi tuốt tuột vứt nốt cho y.

Căn phòng không có cửa, gió thông thống. Trong bộ cánh Adam tôi phải cố gắng để không run rẩy. Mùa đông đến muộn, thời tiết mấy ngày qua đặc biệt khó chịu, nay nóng, mai lạnh. Mới hôm trước còn nóng như đầu thu, hôm nay từ nửa đêm về sáng trời đột nhiên trở rét. Càng về chiều nhiệt độ càng xuống thấp.

Một anh công an đứng bên bàn ái ngại nhìn tôi rồi lảng lặng bỏ ra ngoài. Quay lại, anh ta đưa cho tôi bộ đồng phục tù mới tinh: áo cánh, quần dài chân què, với những sọc lớn màu huyết dụ trên nền nâu non. Thứ quần áo tù này tôi đã nhìn thấy trên báo, trên người các phi công Mỹ. Nhưng báo chỉ in hình đen trắng, cho nên không biết là chúng màu gì.

Huỳnh Ngự cho anh ta một cái nguyệt dài.

- Cảm ơn anh. - tôi nói.

Bộ quần áo mới tinh, còn chua mùi hồ. Tôi lóng ngóng mặc. Không hiểu Bộ Nội vụ đã sáng tạo ra thứ quần áo kỳ cục này từ khi nào: áo không cúc cài, quần không dải rút, hồ lại quá dày làm cho nó cứng như mo nang. Trong phòng không có gương, nhưng tôi cũng hình dung ra hình ảnh tức cười của tôi trong bộ cánh mới: áo vắt chéo vạt lại cho kín mà vẫn hở ngực, quần thắt lá tọa kéo cả hai ống lên cao để lộ đôi cẳng chân.

Không thấy gì có gì đáng ngờ trong số đồ vật thu được, Huỳnh Ngự chuyển sự chú ý qua bông hồng Nam Dương. Y gỡ tờ pơ-luya mà anh Lưu bọc cuống hoa (anh thích làm đẹp cho bất cứ cái gì), soi nó lên nền trời xám xịt. Bỏ kính ra, đeo kính vào cũng chẳng thấy gì nốt, y sai một tên cô hồn bật đèn để y soi nó lên ánh điện. Cũng chẳng có gì. Một trong mấy tên phụ tá dùng ngón trỏ và ngón giữa cắp lấy tờ giấy, nhẹ nhàng bỏ nó vào một bao polyethylen, hắn để đem đi xét nghiệm. Cảnh tượng diễn ra trước mắt tôi giống đoạn tả vụng về trong một truyện trinh thám ba xu.

Huỳnh Ngự hỏi tôi:

- Bông hồng ni ở mô ra?

Tôi nhún vai. Y dồn giọng lặp lại câu hỏi.

- Một người bạn tặng tôi.

Ngó nghiêng bông hồng thêm một phút, y néo mắt nhìn tôi:

- Mật hiệu, hử?

Cái lối nhìn thấy gián điệp ở bất cứ chỗ nào của các nhà thực hành chuyên chính vô sản làm tôi ngán quá. Biết trả lời tên này thế nào cho y vừa lòng? Tôi ném cho tên Sherlock Holmes<sup>1</sup> nội hóa một cái nhìn khinh bỉ.

- Bông hồng ni ở mô ra, tui hỏi?
- Tôi nói rồi: một người bạn tặng tôi.
- Ai?

Nói hay không nói cho cái thằng quan cách mạng này biết bông hồng là của anh Lưu? Biết thế thà chẵng nhận bông hoa cho xong.

- Tôi đợi mãi cây hồng mới trổ bông này để tặng cụ nhà. - anh Lưu nói khi cắt cho tôi cành hoa - Phải là người sành thưởng hoa như cụ mới đánh giá được công sức tôi chăm bẵm cây hồng quý. Tiếc quá, đến lúc có được bông đầu tiên thì cụ lại bị rời. Thôi thì anh thay mặt cụ nhận món quà mọn này cho tôi, kể như tôi thực hiện được ý mình muôn.

Trong cái sân rộng bốn thước vuông đầy ắp cây cảnh, dưới ánh sáng mờ mờ lọt qua tấm ni lông rách thay cho mái che, trông anh gày quá, xanh quá. Tôi không nghĩ rằng anh còn sống được lâu với chúng tôi.

- Tôi rất quý cụ. Hồi 45, cụ nhà ta có cấp cho tôi một cái giấy ra vào Bắc Bộ phủ để chụp ảnh Cụ Hồ đấy. Cụ nhà khoáng đạt lắm, đối với văn nghệ sĩ thì ba chê<sup>2</sup> đươc... Chà, thật là buồn. Tôi không sao hiểu nổi: những bậc tiền bối cách mạng ngày trước vào sinh ra tử có nhau, sao mà bây giờ lại có thể tàn nhẫn với nhau đến thế? Cụ Hồ bây giờ ở đâu? Tôi còn giữ được tấm phim chụp cụ Hồ với cụ nhà ta bên nhau trên tàu Dumont Durville năm 46, khi tàu vừa cập bến Hải Phòng... Tôi sẽ in tặng anh một tấm.

- Cảm ơn anh. Bây giờ nó không còn giá trị gì đối với tôi nữa.
- Ủ nhỉ! Tôi không nghĩ ra.

Liệu tôi nói ra tên anh Lưu, tên nhà quê này có làm phiền anh không? Anh đang mang bệnh, gia đình đang gặp khó khăn, có thể nói là túng quẫn. Nhưng không nói ra còn lôi thôi hơn. Chúng nó theo dõi tôi từng bước, có thể chúng đã biết tôi đến nhà ai trong buổi sáng nay. Chắc chắn, nếu nghi ngờ, chúng sẽ đến tận nhà anh Lưu, sẽ cật vấn anh, sẽ khám xét... Giữa lúc anh đang ốm yếu như thế!

<sup>1</sup> Nhân vật thám tử tư của nhà văn Anh Conan Doyles (1859-1930), rất nổi tiếng với những cuốn tiểu thuyết trinh thám trong đó Sherlock Homes là vai chính.

<sup>2</sup> Không chê vào đâu được. "Chê" là từ Việt, "ba" là từ gốc Pháp pas = không, một cách nói thịnh hành vào những năm 40 tại Hà Nội.

Sau một lát ngần ngừ, tôi quyết định nói:

- Có gì đáng giấu đâu. Bông hồng do một nghệ sĩ nhiếp ảnh tên là Trần Văn Lưu tặng tôi. Các anh có thể dễ dàng xác minh chuyện này.

Có vẻ cái tên Trần Văn Lưu chẳng nói lên điều gì.

- Trần Văn Lưu, hử? Được!

Ý hí hoáy ghi sổ tay. Cái cách y chú ý ghi tên anh chứng tỏ Huỳnh Ngự không biết Trần Văn Lưu là ai. Với y văn nghệ sĩ là thứ công dân hạng bét, là bọn xướng ca vô loài. Thế nhưng bọn ngu xuẩn này có thể làm phiền anh lắm, tôi nghĩ. Mình ngu hay hèn khi nói ra tên anh?

Trần Văn Lưu là một lăng tử chính cống trong nghệ thuật. Cả cuộc đời anh, anh không ngớt mơ ước về một salon ảnh nghệ thuật, một salon của riêng anh, trong đó anh sẽ là chúa tể trong các thứ ánh sáng làm ra Cái Đẹp. Đến ngày đó anh sẽ trở thành Mạnh Thường quân cho chúng tôi, đám nghệ sĩ thất cơ lỡ vận, hay là “thất cơ lơ vận”, theo cách nói đặc biệt Hà Nội của anh. Chúng tôi chờ mãi cái ngày mai tươi sáng ấy, khi “salon Trần Văn Lưu” ra đời. Tiếc thay, nó chẳng bao giờ ra đời cả.

Không, chúng chẳng làm được gì hơn vài lần gọi Trần Văn Lưu đi thẩm vấn, tôi tiếp tục nghĩ. Không thể không nghĩ được vì điều mình coi là thường rất có thể sẽ có những hậu quả không ngờ. Không, chúng chẳng làm gì được anh. Bởi vì thực sự anh chẳng có gì để chúng gây sự. Sẽ có vô số người bảo đảm cho anh, rằng với chính trị anh không có quan hệ thân tình. Và anh sẽ có thêm một chuyện cười để kể cho bạn bè.

Tôi nhớ đến lần chót tôi và hai anh Trần Văn Lưu, Bùi Xuân Phái<sup>1</sup> ngồi với nhau ở quán cà phê Lâm Toét trên đường Nguyễn HữuÂN. Chẳng hiểu ai đã gieo vào đầu Trần Văn Lưu và Bùi Xuân Phái vào lúc nào ý nghĩ sản xuất mực bút máy. Thời kỳ này mực bút máy rất hiếm. Mực tốt, nhất là mực ngoại, hầu như không có ở bất cứ hiệu nào. Làm được mực để bán là lời lắm. Bùi Xuân Phái là tác giả của dự tính ấy. Trần Văn Lưu chỉ là đồng tác giả, gọi thế cho sang. Bùi Xuân Phái rất tự hào về kỹ thuật làm mực xanh đen của mình. Anh nói so với rất nhiều loại mực đặc chế cho ký họa bút sắt mà anh đã dùng thử anh tìm ra là thứ tốt nhất. Mực cho bút máy không là cái gì với nó. Mực của anh đạt được cả hai chỉ tiêu nhất thiết phải có: nó không nhòe cũng không phai. Mực Parker nổi tiếng cũng chẳng hơn.

Tôi hân hạnh được tham gia mấy cuộc họp sản xuất của hai anh. Cứ nghe hai doanh nhân bất đắc dĩ tuyên bố thì tương lai của thứ mực hai vị sản xuất sẽ vô cùng sán lạn. Trong một buổi họp cho việc

<sup>1</sup> Bùi Xuân Phái (1921-1988), họa sĩ tài danh, người khám phá mực Hà Nội chưa ai biết. Vì những bức tranh này nhà văn Nguyễn Tuân đặt tên cho các phố cổ Hà Nội là phố Phái. Nguyễn Sáng (1923-1988), họa sĩ có công đưa nghệ thuật sơn mài lên một bước đáng kể bằng sự sử dụng những gam màu trước nay tưởng chừng chỉ có thể tồn tại trong sơn dầu. Nguyễn Tư Nghiêm (1922), họa sĩ nổi tiếng với phong cách độc đáo, đặc biệt trong tranh đề tài nông thôn. Dương Bích Liên (1924-1988), lăng tử trong tranh sơn dầu. Bốn họa sĩ này được vinh danh là tứ trụ trong hội họa Việt Nam.

chuẩn bị sẵn xuất, Bùi Xuân Phái hứng lên vẽ ngay tại chỗ một bức tranh quảng cáo: một ngòi bút máy cách điệu và bên dưới nó một dòng suối mực chảy quanh co. Màu đen nhánh của mực tàu cứ lung linh trên nền giấy vàng nghệ. Chị Lưu phẩn khởi xuất vốn, giúp hai đấng nam nhi rửa chai lọ và nấu mực theo công thức Bùi Xuân Phái. Mẻ mực đầu tiên vừa nấu chưa bán được lọ nào, nhưng chị vẫn hờ hởi ứng tiền cho hai ông chủ tương lai uống cà phê, cộng với tôi được ăn theo là ba. Chúng tôi nhâm nhi cà phê đen của Lâm Toét, thả hồn theo khói thuốc, mơ màng về một tương lai huy hoàng của hãng mực Lưu-Phái.

- Anh cười cái chi? - Huỳnh Ngự vặn.
- Tôi chợt nhớ tới một câu chuyện vui.

Có lẽ còn lâu (hay chẳng bao giờ nữa?) tôi mới được trở lại quán cà phê quen thuộc của các văn nghệ sĩ nghèo ở Hà Nội.

Lâm Toét, tên thật là Nguyễn Văn Lâm, chủ quán, là người đặc biệt yêu mến văn nghệ sĩ, nhất là các họa sĩ. Bùi Xuân Phái, Dương Bích Liên, Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Văn Cao<sup>1</sup>, Trọng Kiệm, Lưu Công Nhân,... hết thảy đều là khách quen của Lâm Toét. Các họa sĩ đều nghèo. Họ thường uống chịu, ghi sổ. Ông chủ quán gầy còm, nhỏ bé, mắt hố him, không bao giờ muối mặt đòi nợ họ. Dào, các vị cứ dùng đi, đắng bao nhiêu đâu, không có tiền thì trả bằng tranh cũng được, tranh của các vị thiên hạ không biết giá trị thì các vị cứ đưa lại đây, tôi nhận hết. Các vị đưa cho tôi giữ là các vị cho tôi, chứ tiền nào mua nổi tác phẩm của các vị. Nhận tranh của các họa sĩ gán nợ, Lâm Toét không bao giờ trả giá, không bao giờ cò kè bớt một thêm hai. Ông bảo các vị cho ông tranh để ông treo là quý rồi. Tranh gì cũng được, ông không phải cán bộ tuyên giáo, ông không xét nét phê bình, không khe khắt lựa chọn. Hiện thực, siêu thực, lập thể, nguyên khai hay đa đa... đối với ông thì cũng thế cả thôi, miễn được mất ông.

Lâm Toét yêu hội họa bằng tình yêu bản năng. Cũng bằng bản năng, ông biết phân biệt tranh đẹp với tranh rất đẹp, tranh sáng tạo và tranh đường mòn. Ông có con mắt tinh đời trong sự cảm nhận cái đẹp, chí ít thì cũng hơn những nhà phê bình hội họa quan phương. Một bức sơn dầu cỡ nhỏ (các họa sĩ không có tiền để làm tranh to) của Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng có giá tương đương sáu, bẩy chục bửa sáng gồm hai quả trứng lập là, một miếng lạp xưởng bằng ngón tay và một ly cà phê đen (còn gọi là cà phê bít tất). Ai cũng biết rằng tranh mà giá có thể thôi thì mạt quá. Nhưng thử hỏi, liệu có ai là người đã dám giúp các họa sĩ qua cơn đói lòng mỗi sáng, kèm theo cả cà phê, thuốc lá? Mà trong túi các họa sĩ lại thường xuyên không có tiền. Với một ông chủ quán như Lâm Toét, các họa sĩ sẵn sàng biếu không tranh của họ. Nhờ vậy mà Lâm Toét có cả một phòng tranh trên tầng hai của quán cà phê. Chỉ những người được ông trọng nể lắm mới được ông mời lên thưởng tranh. Ông không chỉ có tranh của khách

<sup>1</sup> Văn Cao (1923-1995), nhạc sĩ, nhà thơ, họa sĩ nổi tiếng, tác giả Tiến Quân Ca, một bài hát rất phổ biến trong những ngày nổ ra cuộc Cách Mạng Tháng Tám, được chủ tịch Hồ Chí Minh đề xuất và Quốc Hội nước VNDCCH chọn làm quốc ca. Sinh thời ông bị chính quyền bạc đãi vì những tư tưởng tự do.

ăn chịu mà còn có tranh và phác thảo của những bậc thầy quá khứ: Nguyễn Tường Lân, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Đỗ Cung, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Tiến Chung... , thậm chí cả Tardieu<sup>1</sup>, hiệu trưởng đầu tiên của Trường Mỹ thuật Đông Dương.

- Có đúng là không có chi trong bông hồng ni không?
- Anh cứ khám cho kỹ! - tôi cười hòa nhã - Bông hồng là bông hồng. Nó không phải khẩu súng. Để mang một bông hồng, theo tôi hiểu, không cần có giấy phép.
- Hừm! Anh giỏi đối đáp đó! - Huỳnh Ngự lườm tôi - Được, để coi ở Hỏa Lò anh còn giỏi được bao lâu? Đưa nó đi!

Huỳnh Ngự ký số tù. Anh công an lúc lắc chùm chìa khóa, ra hiệu cho tôi đi theo. Tôi gioi tay định cầm lấy bông hồng, nó hiển nhiên là của tôi, nhưng Huỳnh Ngự đã gioi tay phác một cử chỉ ngăn lại.

Nhin bông hồng mảnh mai nằm cô đơn trên mặt bàn lạnh lẽo lần cuối, tôi buồn rầu chia tay với nó, lững thững đi theo anh công an.

---

<sup>1</sup> Victor Tardieu, họa sĩ Pháp, từng đoạt giải hội họa Đông Dương năm 1920. Là bạn học của các danh họa Rouault và Matisse, ông đã tích cực vận động chính phủ bảo hộ cho thành lập trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Khóa đầu tiên của trường này (năm 1925) đã cho ra các họa sĩ Nguyễn Phan Chánh, Lê Phổ, Mai Thúy vv...

### 3

Cai ngục của tôi, chính là anh công an mang cho tôi bộ quần áo, dẫn tôi tới trước một cánh cửa lim sơn đen, nằm giữa loạt cánh cửa giống hệt nó trong một hành lang hoang vắng và mốc thêch. Tất cả hiện lên mờ mờ trong ánh sáng bừng beo đầu đông. Tôi đứng lặng, ngắm giang sơn mới của mình. Dội vào óc tôi tiếng mở khóa, tiếng then kim loại trượt lạch xạch trong hồng. Ngoài những tiếng động chát chúa, khu giam người này vắng lặng và ảm đạm như một hầm mộ.

“Những nấm mồ chôn người sống”, tôi nghĩ.

- Anh vào trong này!

Tôi ngạc nhiên. Đúng hơn, tôi sững sốt. Tôi không chờ được nghe ở đây một giọng nói hiền lành như thế. Tôi hình dung mọi cái ở chốn này phải tồi tệ hơn nhiều, phải phi nhân hơn nhiều, kể cả cách cai ngục nói với tù.

Bước ngoặt cuộc đời diễn ra quá lệ. Sau một Huỳnh Ngự hách dịch, giọng nói bình thường mà người ta nói với nhau hàng ngày đã đủ làm tôi sững sờ.

Tôi lắng lặng quan sát viên cai ngục. Trên gương mặt nồng dân thuần phác, nước da thô đầy những sẹo trứng cá, cái mũi to quá khổ, không có lấy một nét gian giảo hoặc ác độc mà ta định ninh phải có. Một gương mặt như thế ta có thể gặp ở bất cứ đâu trong vùng châu thổ sông Hồng.

Đã bước một chân vào xà lim, tôi dừng lại:

- Tôi có việc muốn phiền đồng chí.

Anh ta nhướng mắt:

- Việc gì vậy?

- Nhờ đồng chí báo giúp cho cơ quan tôi ở số 76 Lý Thường Kiệt biết tôi hiện ở đây. - tôi nói và nghe thấy giọng mình ngập ngừng bởi không tự tin rằng mình cư xử hợp lẽ - Đồng chí làm ơn gọi điện thoại số 3508, cơ quan tôi lúc nào cũng có người trực.

Hình như anh ta mỉm cười. Tôi sức nhớ điều đã được nghe: trong nhà tù không được gọi công an bằng “đồng chí”.

- Được.

- Nhân thể xin anh nhẫn giúp người phụ trách cảng-tin bảo chuyển cho tôi thuốc lá tiêu chuẩn. Và một cái bật lửa.

- Được.

Kiên nhẫn nghe hết lời nhẫn của tôi, anh ta quay ra.

Cuộc đối thoại hôm ấy giữa tôi với cai ngục hắn đã cho những người tù ở các xà lim bên cạnh một trận cười, như sau này tôi hiểu. Nó giống chuyện tiểu lâm.

Cánh cửa lim đóng xầm. Sau cái tiếng động không lịch sự là tiếng then rít lên trong hồng, tiếng bấm khóa, tiếng chân xa dần. Căn phòng tối hẳn lại.

Quay vào, tôi thấy một cái đầu bù xù ngẩng lên trong tranh tối tranh sáng. Thì ra ở đây đã có sẵn một cư dân.

Người này cất giọng khàn khàn hỏi tôi:

- Anh mới vào?

Tôi hiểu đó là một câu chào. Tôi chào lại.

- Vâng.

Mắt tôi quen dần với bóng tối. Trước mặt tôi là một người đàn ông đứng tuổi, mái tóc dài rũ rượi bao quanh gương mặt xương xẩu, đen xạm, râu ria tua tủa. Anh ta khoác tấm chăn sợi Nam Định đã rách tả tơi và chắc là rất bẩn, ngồi bó gối trên phản, giống hệt một con cú mèo.

- Anh vừa bị bắt?

Người tù trùng trùng quan sát tôi. Hình hài tiêu tụy cộng với cái nhìn thất thần dính chặt vào mặt tôi làm tôi cảm thấy khó chịu.

- Vâng, cách đây mấy giờ tôi còn ở ngoài kia.

- Thế à?

Xà lim của chúng tôi là một căn phòng hẹp, chiều ngang khoảng dưới hai mét, chiều dài hai mét rưỡi, với hai tấm phản xi măng bắt chéo vào những trụ bê tông cách nhau bởi một lối đi vừa cho một người. Cuối mỗi phản, sát cửa, là một cái cùm sắt.

Tôi ngồi xuống tấm phản đối diện với người tù. Cái lạnh lẽo của khối xi măng đặc lọt qua lần vải chạm vào da thịt. Tôi rùng mình. Xà lim phảng phất một mùi khó tả, hòa trộn mùi mồ hôi người chua chua, nồng nồng, mùi nước tiểu lưu niêm khẩn khẩn với mùi tanh của đờm rã thường gặp trong nhà thương làm phúc.

Chà, xà lim Hỏa Lò, nó thế này đây!

Lần đầu tiên tôi được thấy nơi giam tù trong phòng riêng, còn gọi là xà lim cá nhân, là ở nhà tù Petropavlovsk, mùa hè năm 1955. Khi ấy tôi là một sinh viên đại học chưa có ria mép, được nhà trường cho đi tham quan các di tích lịch sử của nước Nga. Nhà tù Petropavlovsk nằm bên kia sông Neva, mà bên này là thành phố Leningrad<sup>1</sup>. Nghe cô hướng dẫn viên giải thích thì trước kia nó là một pháo đài, sau được xây lại thành xưởng đúc tiền, Nhà Tiền<sup>2</sup>, thuộc sở Kho bạc, sau nữa mới được sửa lại để dùng làm nhà tù.

Trong xà lim dành cho những nhà cách mạng ở nước Nga quân chủ có một giường, một bàn, một bồn rửa mặt, một bàn cầu, tất cả đều bằng sắt, được gắn chéo vào nền bê-tông. Ngoài ra có một tủ tường để đựng sách và đồ dùng. Xà lim Hỏa Lò hẹp hơn nhiều, diện tích chưa được bằng nửa, lại trống trơn. Đem hai cái xà lim ra so sánh thì xà lim thời Nga hoàng giống một phòng trọ rẻ tiền, còn xà lim Hỏa Lò giống một chuồng thú.

- Anh ở đây bao lâu rồi? - hai tay ôm ngực cho đỡ rét, tôi hỏi anh bạn tù.

Anh ta không trả lời ngay:

- Năm năm.

Tôi ớn lạnh. Năm năm? Trong cái chuồng này?

<sup>1</sup> Sau khi Liên Xô tan rã thành phố này được đổi tên thành Sant-Petersburg.

<sup>2</sup> Hình như kiến trúc của mọi xưởng đúc tiền đều giống nhau ở chỗ chúng có nhiều khu riêng rẽ, hoặc ở tính chất kiên cố trong xây dựng, cho nên chẳng riêng ở nước ta, ở nhiều nước khác cũng vậy, khi cần thiết người ta liền biến chúng thành nhà tù. Nhà tù Petropavlovsk trước kia là một Nhà Tiền thuộc Nha Ngân khố của nước Nga quân chủ. Nhà Tiền Hà Nội trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp 1946-1954 bị chính quyền chiếm đóng sửa lại thành trại giam. Nhà máy in Tiến Bộ được xây dựng trên nền của nhà tù này.

Người tù thở nặng nhọc. Anh ta quay mặt vào tường, chậm rãi hút thuốc lào. Tôi không nghe tiếng lọc xọc quen thuộc của điếu ống hay điếu bát. Khói thuốc cay nồng lan tỏa làm cho căn phòng ấm lên được một chút.

- Hà Nội bây giờ có gì khác không anh? - anh tù hỏi, hùng hổ ho.

- Năm năm, chà... - tôi đáp - Cũng chẳng khác trước mấy đâu. Xem nào, so với năm năm trước Hà Nội bây giờ khác cái gì? Hai bên hè phố có nhiều hố cá nhân, cứ vài mét một cái. Nhiều tự vệ đeo súng. Trên những nhà cao đặt nhiều đại liên, trung liên. Phong cảnh mới của Hà Nội là thế. Thành phố, tất nhiên, vắng hơn trước nhiều.

- Nhưng vẫn còn đông chứ?

- Vẫn đông. Hà Nội bao giờ cũng vẫn là Hà Nội. Vắng đi một anh, một tôi, chẳng nghĩa lý gì đối với nó.

Anh tù thở dài.

- Anh bị tội gì?

Người tù không trả lời.

- Tôi tò mò hỏi vậy thôi, anh không muốn trả lời thì thôi, đừng nghĩ ngợi.

Anh ta ngẩng lên lặng lẽ quan sát tôi. Rồi nói, rất khẽ:

- Tôi giết người.

Một tên sát nhân đấy ư? Không có lẽ. Trong hình dung của tôi, tên sát nhân phải dữ tợn hơn, với đôi mắt xéch đầy lòng trắng chẳng hạn.

- Ngộ sát, chắc vậy?

Anh ta đáp, giọng miễn cưỡng:

- Chuyện dài. Mà rắc rối lắm.

- Anh bị xử mấy năm?

- Nào đã được xử đâu mà biết!

- Mà đã năm năm rồi?

Anh tù lúng túng. Chắc hẳn muốn chọc tên lính mới tò te anh ta đã thổi phồng số thời gian ở đây. Bây giờ anh ta ngượng.

- Còn đang giam cứu. - anh ta thở dài đánh sượt - Chưa biết đến bao giờ.

- *Giam cứu* nghĩa là thế nào?

- Là người ta cứ *giam* mình đấy đã để điều tra *nghiên cứu*. Bao giờ điều tra xong, nghiên cứu xong thì đem xử.

Chuyện này tôi chưa từng nghe. Cái gì cũng có giới hạn của nó chứ. Không lẽ nếu chưa điều tra xong thì cứ *giam* miết những người chưa thể kết luận về tội trạng.

- *Giam* cứu thường có lâu không?

Người tù trả lời bằng giọng lùng khùng:

- Biết thế nào được. Cũng tùy vụ, tùy người... Nhanh thì sáu tháng, một năm, chậm thì vài ba năm không chừng.

Tôi hỏi tiếp vì tò mò:

- Xử rồi người ta có trừ đi thời gian đã ở tù không?

- Trừ chứ.

- Thế nếu điều tra xong anh lại trắng án? Hoặc án xử lại ít hơn thời gian anh đã ngồi tù, vì tội ngộ sát chẳng hạn?

- Thì người ta cho về.

- Có thể thôi?

- Được về là phúc rồi, còn muốn cái gì nữa? Bắt người ta ngồi tù đền à?

Chòm râu rung rung, anh ta cười không có tiếng.

Bên ngoài có tiếng chân người. Miếng tôn ở cái khung hình vuông bằng bàn tay ở cửa dịch sang bên. Một con mắt ngó vào. Miếng tôn khép lại.

- Cái gì thế?

- Các *ông bộ đội* đi kiểm tra. Kệ, không sao đâu.

- Bộ đội sao lại gác ở đây?

- Công an quản lý trại, gác trại là công an nhân dân vũ trang, họ vận đồ lính, chỉ khác phù hiệu với quân hàm màu xanh, chúng tôi gọi là bộ đội.

- Lôi thôi nhỉ? Đã có công an rồi lại còn thêm công an nhân dân vũ trang.

Hình như anh ta tẩm tẩm cười.

- Mỹ ném bom Hà Nội có nhiều không anh?

Tôi ngạc nhiên:

- Trong này anh không nghe thấy gì sao?

- Có chứ, có nghe thấy còi báo động. Nghe thấy tiếng nổ. Nhưng trong phòng kín như bưng thế này nghe chỉ ầm ầm, ầm ầm, không phân biệt được đâu là tiếng tên lửa phòng không, đâu là tiếng bom... Anh ở đây lâu rồi khắc biết.

Bom đạn Mỹ rót xuống đất Thăng Long phi chiến địa, theo lời sấm Trạng Trình, không phải bây giờ là lần đầu. Mùa thu năm 1944, những pháo đài bay B-26 đã bay đến đây ném bom khu Tám Mái, ném bom bên cạnh Quần Ngựa. Những mẩu tro của đám cháy lớn từ kho Tám Mái bay khắp Hà Nội, rơi xuống những hầm trú ẩn gần đền Hai Bà còn nguyên hình nồng vải kaki. Máy con ngựa đua của ông Đỗ Kim Hải, bạn cha tôi, chết cứng trong tàu vì mảnh bom, bốn cẳng duỗi thẳng đơ, trông như ngựa gỗ, với những con mắt ngây dại bằng thủy tinh.

Người tù nằm xuống, kéo chăn lên, lạnh lùng quay mặt vào tường.

Tôi còn lại một mình.

Cảm giác đầu tiên ập đến, làm tôi choáng váng, là thời gian đang chảy trôi bỗng ngừng lại đột ngột. Tưởng chừng thấy được, bằng thị giác, bằng xúc giác cái thanh chấn, cái cột mốc ngăn đôi cuộc đời - bên kia là quá khứ, là phần đã mất, còn bên này, nơi tôi hiện diện, là sự ngưng đọng mở đầu cho cõi bất tri, thăm thẳm, khôn cùng.

Tôi sẽ phải ở đây bao lâu? Bao nhiêu tháng? Hoặc, trời hời, bao nhiêu năm?

Tôi không được chuẩn bị để phải chịu đựng cảnh này. Tôi có thể hình dung mình trong nhà tù đế quốc, nhưng không bao giờ tôi hình dung mình trong nhà tù cộng sản.

Nhớ lại những ngày Tháng Tám tung bừng, khi tôi còn là đứa trẻ, mà tiếc. Trước mắt tôi cuộc đời mở ra toàn một sắc hồng. Cờ đỏ sao vàng tràn ngập Hà Nội. Tiếng trống ếch thiếu nhi vang rền trên các phố. Những đám đông rầm rập như những dòng lũ người, ồn ào tiếng hát, tiếng thét vui mừng.

Cách mạng thành công rồi, mẹ tôi nói. Nhìn thành phố biến đổi như do một phép màu trong niềm vui chung của mọi người, mọi nhà, mẹ tôi nước mắt rưng rưng, miệng cười mếu máo vì xúc động. Thế là nước ta độc lập rồi! Chúng tôi reo mừng, chúng tôi nhảy cồn lên vì sung sướng. Thế là từ nay chẳng bao giờ mẹ con chúng tôi còn phải thao thức đêm đêm, giật mình với mỗi tiếng phanh ô tô rít lên ngoài đường. Chẳng bao giờ hai mẹ con tôi còn phải chầu chực bên ngoài bức tường đá Hỏa Lò chờ đến lượt mình được gọi tên vào thăm cha tôi trong đó. Cùng với những lá cờ đỏ sao vàng tung bay khắp Hà Nội, tâm hồn chúng tôi mọc cánh trong niềm vui tự do.

Tuổi thơ của tôi chấm dứt từ đó. Tôi lăn vào các công tác cách mạng đáng lẽ của người lớn, bắt đầu bằng một đội viên tuyên truyền xung phong. Chúng tôi diễn kịch, chúng tôi ca hát cho đồng bào nghe, chúng tôi lang thang làng này qua làng khác, trong không khí hội hè bất tận. Rồi lớn lên, tôi thành người lính, thành cán bộ. Những năm xen kẽ giữa các công tác, thỉnh thoảng lại bị bố mẹ bắt về đi học,

là những năm tôi bứt rút lăm, ngứa ngáy chân tay lăm; sẩn ra tôi lại lên đường. Chiến tranh, tất nhiên, gắn liền với bom đạn, với hy sinh. Nhưng chúng tôi không sợ.

Lớp trẻ chúng tôi đi vào chiến tranh với những khúc quân hành hùng tráng và những bản tình ca lãng mạn. Chúng tôi không sợ hy sinh, chúng tôi không sợ chết. Thế hệ chúng tôi là thế hệ quyết tử quân của cách mạng. “Các em quyết tử cho tổ quốc quyết sinh... !”<sup>1</sup> Chúng tôi nghe thấy giọng nói sang sảng của Bác Hồ giục giã. Chúng tôi hăng hái ra đi theo lời Bác gọi. Không khó khăn gian khổ nào có thể làm chúng tôi chùn bước.

Đó là những ngày đẹp nhất trong cuộc đời tôi. Nếu, nói ví thử điều không thể có, tôi sống thêm một lần và lịch sử lại lặp lại những ngày Tháng Tám, chắc chắn tôi sẽ lại sống như tôi đã sống. Trước mặt chúng tôi là quân xâm lược, sau lưng chúng tôi là nền độc lập vừa giành được, là Tổ quốc. Không có chọn lựa nào khác.

Chuyện sau Cách mạng Tháng Tám là cái gì thì lúc đó chẳng ai nghĩ đến. Những người cộng sản trong những ngày Tháng Tám không xưng mình là cộng sản. Mà cho dù họ có xưng như thế chẳng nữa thì cũng chẳng ai hiểu cộng sản là cái gì. Người ta chỉ biết vui mừng khi được trút bỏ thân phận nô lệ, trở thành dân của một nước độc lập.

Nhưng kháng chiến chống Pháp vừa kết thúc thì cuộc cách mạng của tất cả chúng tôi bỗng dừng trở thành không phải của chúng tôi nữa. Một ma thuật đã xảy ra. Cách mạng vẫn đấy, nhưng không còn là nó. Trước mắt chúng tôi là một cái gì lạ lẫm, hoàn toàn không giống cái mà chúng tôi hình dung khi lên đường chiến đấu.

Người ta nói với chúng tôi: chúng ta đang bước vào giai đoạn mới, chúng ta đang xây dựng một xã hội mới, một thể chế mới, nền nếp mới. Phải học tập để quen với nó, để hội nhập vào nó. Mọi quá trình tiếp nhận cái mới, cái tiến bộ đều là gian nan, đều không dễ dàng, đều phải trả giá bằng sự từ bỏ quan niệm cũ, lè thói cũ.

Cái xã hội mới ấy hình thành dần, mỗi ngày một rõ nét. Càng ngày nó càng trở nên xa lạ. Càng ngày nó càng giống cái mà chúng tôi vừa chiến đấu để xóa bỏ. Chỉ có bề ngoài là khác, với những ngôn từ khác, rất ồn ào, rất sang trọng, với nội dung mơ hồ. .

Tôn ti trật tự của xã hội mới được thiết lập ngay từ những ngày đầu chúng tôi từ chiến khu về Hà Nội.

Một thí dụ nhỏ: theo quy định trong quân đội, từ binh nhì tới chỉ huy trung đội phải mặc áo đại quân có hai túi trên, vai áo có đệm dày (để mang vác) với nhiều đường chỉ may cho bền, tôi không đếm nên không biết có bao nhiêu đường tất cả, nhưng lính tráng gọi cái vai áo chi chít đường chỉ may ấy là “ba mươi hai đường gian khổ”. Cán bộ từ cấp đại đội trở lên được mặc áo không có “ba mươi hai đường gian khổ”, lại được thêm hai túi dưới, gọi là đại cán.

<sup>1</sup> Lời kêu gọi của chủ tịch Hồ Chí Minh trong ngày toàn quốc kháng chiến.

Cán bộ dân chính, cũng theo qui định, phải mang đại cán nhưng khác màu bộ đội. Đó là thứ áo cổ đứng cài đúi cúc, được những ông phó may gọi là kiểu Tôn Trung-sơn<sup>1</sup>. Khi lệnh này ban ra, đoàn quay phim chúng tôi đang ở thành phố Nam Định vừa giải phóng. Trên không kịp cấp phát quần áo, người trong đoàn được lịnh tiền tự đi may. Tôi không thích cái kiểu dáng cứng nhắc trông rất Tàu, bèn dùng tiền được phát để may quần áo theo quy định đi may quần áo thường: áo sơ-mi, quần ximili. Thế là sóng gió nổi lên ầm ầm, tôi bị đưa ra mẩy cuộc họp kiểm điểm và bị các bạn cùng công tác phê phán rất gay gắt về tội vô kỷ luật. Đành phải thành khẩn nhận khuyết điểm trước tập thể, hứa hẹn sẽ may ngay một bộ đại cán đúng quy định, tôi mới được buông tha.

Kỳ cục nhất, buồn cười nhất là chuyện quy định về việc sử dụng xe cộ. Cấp cục, vụ được đi xe chung, loại Moskovich. Cấp thứ, bộ trưởng được đi xe Pobeda riêng, với rèm che hai kính hông. Cấp ủy viên Trung ương đi xe có che thêm rèm ở kính hậu. Còn các Ủy viên Bộ Chính trị, Ban bí thư đi xe Volga, thêm rèm ở hai kính cửa trước. Lãnh tụ tối cao, tổng bí thư sang hơn nữa, có Chaika. Khi tiếp khách hoặc trong những dịp khánh tiết thì dùng xe Zil bọc thép, có trang bị kính chống đạn. Tất cả những loại xe này đều do Liên Xô sản xuất.

Vừa về tới Hà Nội, mỗi vị lãnh tụ đã chiếm một dinh thự khang trang của Tây, hoặc của các nhà giàu bỏ chạy vào Nam, mỗi nhà là một hành dinh với đầy đủ các bộ phận phục vụ, thư ký, lái xe, bảo vệ, cần vụ, cấp dưỡng. Các vị làm việc tại nhà, các thư ký, giao thông viên chạy như đèn cù giữa các hành dinh để “các cụ” liên lạc với nhau.

Khó chịu nhất là cái sự phải gò mình vào trong cái gọi là dân chủ tập trung. Bất cứ quyết định nào của Trung ương cũng là chân lý, là duy nhất đúng đắn và vô cùng sáng suốt, cấp dưới chỉ có việc học tập cho thông để thực hiện. Không ai có quyền phát biểu trái với những nghị quyết do Trung ương ban xuống.

Không còn đâu bóng dáng của sự bình đẳng giữa những người cùng chung một chiến hào. Tôi nhớ một ca khúc rất tình cảm của Tô Hải. Anh sáng tác nó trong thời kỳ kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp. Lính tráng thích bài ấy lắm, tên chính thức của nó là gì tôi không nhớ, nhưng nó lại là bài hát bị cấm. Nó bị cấm vì lời ca ẩn晦, theo quan điểm của Đảng, người ta giải thích như thế. Thế nhưng những người lính vẫn thuộc nó, vẫn hát, tất nhiên là không thể hát to. Nhưng trong bài hát có một từ bị đổi, một từ thô, biến một chữ *triệu* thành chữ *vài*, tâm trạng người lính sau ngày chiến thắng được bộc lộ:

*Ngày về tươi vui.*

*Nhưng giữa thủ đô ai chẳng ngậm ngùi.*

*Bao mái tóc xanh quấn vành khăn trắng,*

<sup>1</sup> Kiểu áo cổ cứng phổ biến ở Trung Quốc. Tôn Trung-Sơn, hay Tôn Dật-Tiên (1866-1925), nhà cách mạng chủ trương chủ nghĩa tam dân. Tổng thống đầu tiên của Trung Hoa Dân Quốc.

*Bao má nhăn nheo lệ cuốn tươi bời.*

*Chờ chồng mong con ngày về chiến thắng,*

*Trông toàn quân về đếm thiếu những ai.*

*Đây cầm hòn dựng lên ngàn phố*

*Máu xương xây **vài** chiếc lâu đài*

*Hồn quân đi còn vương đây đó*

*Với đô thành kiếp kiếp khôn nguôi!*

Người ta nói rằng nhiều người cách mạng biến chất sau thắng lợi.

Tôi loại trừ khả năng đó. Chất của con người nó thế nào thì nó thế ấy. Không phải người cách mạng nào cũng biến chất. Những tên cơ hội trong cách mạng hiện nguyên hình thì đúng hơn. Có điều mắt chúng ta kém, tầm nhìn của chúng ta hẹp, hoặc nói theo cách hiện đại là chúng ta không cảnh giác nên chúng ta không thấy trước được mà thôi.

Anh tù lục cục bò dậy. Hình như anh ta khó ngủ.

- Nay, Mỹ đã bỏ bom những phố nào hở anh?

- Mỹ chưa bỏ bom Hà Nội. – tôi đáp - Nam Định thì có, bị khá nhiều. Tôi vừa ở đấy về cách đây vài ngày.

- Sao người ta nói Hà Nội cũng bị?

- Người ta lầm. Có hai lần máy bay Mỹ phóng tên lửa vào nội thành: một lần ở chợ Hôm, một lần sát đại sứ quán Pháp ở góc Hàm Long - Bà Triệu.

- Chết nhiều không anh?

- Lần ở chợ Hôm chết cũng khá. Lần sau thì không. Hình như chỉ có mấy người bị thương thôi.

Anh ta lẩm bẩm câu gì không rõ.

- Khi có báo động người ta có cho tù ra hầm trú ẩn không? - tôi hỏi.

Anh ta bật cười khe khẽ.

- Ra hầm trú ẩn?

- Chứ sao.

- Còn lâu! - anh ta bĩu môi - Mà này, sao từ sáng tới giờ không thấy có còi báo động nhỉ?

Tôi ngạc nhiên thực sự.

- Hôm nay ngừng bắn mà. Anh không biết à?
- Ngừng bắn? Mà sao lại ngừng bắn cơ chứ?
- Ủa, anh không biết thật?
- Thì ngồi đây làm sao mà biết được?!
- Hôm nay là 24 tháng Chạp dương lịch. Nửa đêm sẽ có lễ mừng Thiên Chúa giáng sinh.

Anh từ ngẩn người. Như kiểu thất vọng. Nghe ngóng một lát, anh móc từ trong hốc phản ra một cái đinh năm phân, không vội vã khắc lên tường một cái dấu. Tường xà lim rất cứng. Chặt vật lầm anh mới khắc được một nét.

- Tôi làm ngày mất rồi. - anh buồn bã - Thế quái nào mà làm được mới lạ chứ? Tôi cứ ngỡ mai mới Nô-en. Còn anh, làm sao anh bị bắt?

Tôi không trả lời ngay.

- Biết giải thích thế nào cho anh hiểu. - tôi nhún vai - Chính tôi cũng không biết vì sao người ta bắt tôi. Tôi muốn nói, tôi không hiểu người ta định buộc tội tôi vào tội gì...

Chẳng lẽ anh ta hỏi mà mình không trả lời, tôi nghĩ, chuyện của mình thường phạm hiểu sao được.

- Tại sao lại không biết? - anh ngạc nhiên - Khi bắt phải có đọc lệnh bắt chử, mà trong lệnh bắt bao giờ người ta cũng nói tội gì.

- Người ta bắt tôi ở giữa đường rồi đưa thẳng vào đây.

Cái đầu bù xù trầm ngâm:

- Vậy thì hiểu rồi, hiểu rồi - bị bắt mà không rõ vì tội gì thì chỉ có món số lẻ thôi. Lạ nhỉ, sao lại bắt giữa đường?

- Tôi cũng chẳng biết.

- Thế thì đích thị chính trị rồi. Là số lẻ. Chính trị, nó như con đĩ ấy, kinh lầm...

Tôi bật cười.

- Sao anh lại gọi chính trị là cái món số lẻ?

- Anh không biết à? Ờ, mà làm sao anh biết được -, anh chưa vào tù bao giờ... Gọi chính trị là số lẻ nguyên do thế này: tù không cần có tên mà có số, người ta cho tù chính trị mang số lẻ, nên gọi là số lẻ, còn tù hình sự thì mang số chẵn.

- Ra thế! Tôi không biết. Không thấy họ nói tôi mang số nào.

- Anh mới bị bắt, họ chưa cho anh biết số, chứ số là phải có ngay từ lúc người ta lập hồ sơ tổng giam kia. Chắc anh bị ghép vào tội tuyên truyền phản động?

- Tôi cũng chẳng rõ.

- Tội này rộng. Mà lại không rõ ràng. - anh ta thở dài - Ăn nói không giữ gìn, lỡ mồm lỡ miệng đụng đến chính quyền hay lãnh tụ là đi tong. Cứ có đưa báo cáo là người ta tom ngay, không oong đơ gì hết... Trong này ối trường hợp như anh. May thì được đưa ra tòa xử. Không may, bị một suất *tập trung cải tạo* coi như rồi đời.

- *Tập trung cải tạo* nghĩa là thế nào?

- Nghĩa là cứ tù mút mùa. Bao giờ người ta thích tha thì người ta tha.

- Tại sao lại có thể như thế được?

Người tù im lặng sửa lại cái chăn trên vai vừa tụt xuống, lại quay mặt vào tường, hút tiếp một điếu thuốc lào. Trong phòng mỗi lúc một lạnh thêm. Nghe rõ tiếng gió hú bên ngoài.

- Anh là cán bộ kháng chiến chống Pháp phải không?

- Phải.

- Thế thì không bị *tập trung cải tạo*<sup>1</sup> đâu, đừng lo. Cán bộ tham gia kháng chiến chống Pháp được bỏ ra ngoài lệnh này.

- Tôi chẳng lo. Họ có quyền bắt thì họ cứ việc bắt.

- Anh không nên nói thế. Người ta đã bắt, nghĩa là mình phải có tội.

Tôi nhún vai.

- Mình không nghĩ là tội, nhưng người ta cứ nghĩ là tội thì vẫn thành tội như thường... – anh ta nói.

<sup>1</sup> Lệnh tập trung cải tạo được thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội mang số 49NQ/TVQH do chủ tịch Trường Chinh ký ngày 20. 6. 1961. Nghị quyết này được coi (một cách bất bình thường) như một pháp lệnh. Theo nghị quyết này chính quyền (tức là Bộ Nội vụ, được Quốc hội uỷ nhiệm) có toàn quyền bắt giam công dân không cần đến thủ tục tố tụng, mỗi hạn tập trung cải tạo được ấn định là ba năm. Khi hết một hạn, người bị tập trung cải tạo có thể và thường bị ở thêm hạn tiếp theo, và cứ thế kéo dài mãi. Trong cuốn này, nghị quyết nói trên thường được các nhân vật gọi là “luật”, theo cách hiểu đúng nghĩa, chứ không đúng chữ. Ở Trung Quốc, hình thức tập trung cải tạo đã có từ sau khi Đảng cộng sản Trung Quốc chiếm được chính quyền ở toàn Hoa lục với hình thức “trường 7. 5”. Mãi tới tháng 2. 1980, nó mới được thể chế hóa bằng một chỉ thị của Quốc vụ viện, theo đó, bất cứ công dân Trung Quốc nào cũng có thể bị đưa vào trại cải tạo đặc biệt trong một thời hạn nhất định. Trong chuyện chính thức hoá hình thức trấn áp Chu Ân Lai rõ ràng đã đi sau Trường Chinh.

Có nên trò chuyện với anh chàng giết người này không nhỉ? Nói cũng chẳng sao, đằng nào thì cũng thế.

- Nói của đáng tội, giữa tôi và Đảng cũng có vài chuyện lủng củng. – cuối cùng tôi cũng nói chung chung cho anh ta biết nội dung vụ tôi bị bắt - Đảng không bằng lòng tôi.

- Chết chửa, thế thì căng lắm! - anh tù trợn mắt, lắc đầu - Mà sao các ông ấy lại cho anh vào xà lim này nhỉ?

Tôi không hiểu ngay ý nghĩa câu nói.

- Anh nói thế nghĩa là thế nào?

- Thường người ta không giam lẫn lộn số chẵn với số lẻ. Mà anh thì rành rành là số lẻ rồi...

Ra thế.

- Hừm, tôi hiểu. – tôi nhếch mép cười - Nghĩa là tôi là *đối tượng<sup>1</sup> của cách mạng*, còn anh thì không. Chính tôi cũng không hiểu tại sao người ta lại giam kẻ thù của nhân dân lẩn với bạn của nhân dân đấy?

- Tôi không có ý nói thế.

Trong những cuộc giáo dục chính trị, các giảng viên thường xuyên dạy chúng tôi phải phân định cho rõ bạn thù. Hiển nhiên cách phân định này vẫn giữ nguyên ý nghĩa trong cả Hỏa Lò - những tên lưu manh trộm cướp, những tên sát nhân là bạn của nhân dân, còn người bị Đảng buộc tội chống chế độ là kẻ thù của nhân dân.

- Anh có thể phản đối nếu người ta lầm. - tôi nói thêm - Họ đưa tôi vào đây thì tôi vào đây. Họ có hỏi ý kiến tôi đâu. Tôi cũng không đề nghị...

Tôi không kịp nói hết câu. Không khí lạnh trong phòng làm tôi hắt hơi chan chát.

- Anh không có quần áo ấm à?

Anh bạn tù ngẩng nhìn tôi. Giọng nói của anh có chiều ái ngại.

- Chúng nó thu hết quần áo của tôi - tôi vẫn tiếp tục ho - rồi đưa tôi bộ này.

Người tù nhợn nhác. Cái nhìn của anh hướng về ô cửa kiểm tra. Tai tôi cũng bắt được một tiếng động lạ.

---

<sup>1</sup> Xin hiểu: kẻ thù của Cách Mạng.

- Dào, rồi *các ông ấy* sẽ cho anh nhận lại thôi, việc quái gì mà sốt ruột. - anh ta cất cao giọng, cố ý nhấn mạnh hai chữ *các ông ấy* kính cẩn để xóa đi hai chữ *chúng nó* xách mé của tôi, cố để người bên ngoài nghe thấy.

Tôi chợt nhớ ra tên gọi tiếng Pháp của của cái lỗ cửa nọ: *le judas*. Tên của tông đồ thứ 13 của Chúa Giê-su Ki-ri-xi-tô, kẻ bán thầy cho quan Phi-la-tô lấy ba mươi đồng đi-na.

Tiếng chân đi xa dần.

- Nếu anh rét quá thì cứ lấy tạm đồ của tôi mà dùng.

Thái độ ân cần của anh làm tôi ngượng. Nhưng dùng đồ của anh ta? Tôi rùng mình. Không khi nào!

- Cảm ơn anh. Chúng nó phải trả lại cho tôi quần áo chứ, ít nhất cũng phải trả chiếc áo bông. Chúng nó không có quyền...

- Anh vừa vào không biết luật lệ trong này thế nào đâu. - anh ta hất tấp cắt ngang - Đã vào đến trong này là mình không còn cái quyền nào hết. Trả hay không trả, trả cái gì, không trả cái gì, trả lúc nào là tùy *các ông ấy*. Người ta đã tính toán cả.

Cả cái sự tôi bị đưa vào xà lim ở chung với người tù có bộ dạng gớm ghiếc này cũng đã được tính toán, chắc thế. Một phương án, theo ngôn từ nghề nghiệp của công an.

Có tiếng dép nhựa loẹt quẹt trên nền xi-măng ở bên ngoài. Tiếng mở khóa lạch xạch. Rồi cửa xà lim mở toang.

- Cơm!

Viên cai ngục nồng dân đặt xuống trước mặt tôi một cái tô tráng men. Trong ánh sáng mờ mờ lọt qua cửa thông gió ở tít trên cao tôi nhìn thấy trong cái bát men lồn nhổn một thứ gì đó giống như rau muống, nhưng đen xì. Nhìn kỹ thì thấy là rau muống thật. Những cọng rau già bập bềnh trong nước lõng bõng, ở trên có hai miếng mì luộc trông giống như cặp bánh dây con ở các gánh dây giờ thường bán ở bến tàu bến xe, nhưng mỏng hơn.

Liếc nhanh quan sát tôi, viên quản giáo quay ra, khóa cửa lại. Tiếng cài then lạch xạch xuyên vào óc.

- Còn suất của anh đâu? - tôi hỏi.

- Tôi ăn lâu rồi. - anh tù quay mặt đi - Cơm trưa ở đây người ta cho ăn từ 11 giờ đến 12 giờ.

Lúc ấy tôi còn đang bị khám.

Tôi ngán ngẩm nhìn bữa cơm đầu tiên trong tù.

Tôi chưa ăn ngay. Trên đồng bánh mì luộc xác những con mọt tí xíu nổi lên lấm tấm như rắc vừng. Rau muống đen là phải: nấu trong chảo gang rau muống bao giờ cũng có màu như thế. Tôi khều mấy cọng

rau lên ngắm. Rau muống già lại không được nhặt và rửa kỹ, hoặc không nhặt cũng không rửa, còn nguyên rễ và tua tủa và lá vàng.

Tôi ngồi bất động một lát trước tô cơm.

- Chịu khó mà ăn. - anh tù ái ngại nhìn tôi - Hỏa Lò chỉ có thế thôi.

Tôi xếp chân bằng tròn trên phản, từ từ đưa vào miệng, từng miếng một, cái khẩu phần quái gở. Chưa bao giờ tôi phải ăn một thứ gì tệ hại hơn, kể cả trong năm 1949, năm gian khổ nhất của cuộc kháng chiến chống Pháp. Hồi ấy bộ đội chúng tôi thường xuyên ăn cơm gạo mốc với thức ăn là canh bí đỏ nhạt thêch vì thiếu muối.

Tôi chiến thắng bản thân. Một lát sau, viên cai ngục quay trở lại lấy bát rέch. Anh ta ngẩn người trước cái bát sạch sẽ, lǎng lặng cầm lấy nó, đi ra.

- Anh giỏi! - người bạn tù buông một lời khen.

## 4

Tôi lặng lẽ quan sát người từ nay tôi phải sống cùng, không biết là bao lâu: vài tuần, dăm tháng hay cả năm?

Tôi nhớ tới chuyện cha tôi kể về những lần ông bị Pháp và Nhật bắt. Ông nói đối với người tù quan trọng nhất là mấy ngày đầu. Mọi thủ đoạn của địch nhằm bẻ gãy mình nằm trong mấy ngày đó. Tra tấn dữ nhất cũng nằm trong mấy ngày đó. Sau thì không đáng kể. Mình quen rồi. Địch ngắn rồi.

Người bị bắt lần đầu thường không biết rằng vào thời gian đầu địch thường cài chỉ điểm vào xà lim, cho ở chung với mình. Những ngày ấy, vừa bị tách khỏi cuộc sống bình thường, người tù cảm thấy một nỗi cô đơn ghê gớm, tưởng chừng phát điên được. Thế là trong nỗi cô đơn ấy, những điều bí mật mà anh ta cắn răng không hề khai với địch một tiếng thì lại thông thốt kể cho tên chỉ điểm trong những câu chuyện tâm tình.

Trời tối lúc nào không biết. Sau cái chạng vạng nhập nhòa, không rõ của trời hay của xà lim, ngọn đèn trong lối sắt bừng sáng. Dưới ánh sáng điện anh tù trông cũng không đến nỗi gớm ghiếc cho lắm.

Cửa lại mở, lần này không có tiếng động dữ dằn như lúc tôi mới vào. Viên cai ngục nông dân hiện ra, cái áo bông của tôi vẫn ngang tay:

- Anh!

Tôi hỏi lại:

- Tôi hả?

Anh ta gật đầu, đưa cho tôi cái áo bông:

- Anh mặc vào rồi đi với tôi.

Tôi uể oải xỏ giày, đi theo anh ta.

Chúng tôi đi, lặng lẽ, không ai nói với ai một câu, trong một cái sân hẹp và tối, tiếp đến là mấy ngôi nhà kiểu trại lính, từ trong đó bay ra tiếng người rì rầm như một tổ ong. Sau khi đi qua một xưởng thợ ngắn ngang sắt thép, chúng tôi bước vào một ngôi nhà lớn tăm tối. Trong một góc đen ngòm leo lép mấy ngọn đèn màu măc trên một cành thông. Từ xó tối đó một cái loa vô hình rền rĩ:

*Hồng Hà mênh mông trời cát tới chân làng quê...*

*Cuối í sông... ngoài bến Việt Trì có những chàng áo nau về...*

*Say mê đồng lúa...*

*Vui tràn trề.. ề...*

Ánh đèn mờ mờ cho thấy nơi này có một hành lang ngắn, một cái ngách, với hai dãy cửa. Tôi đoán đây là khu tù binh. Người cộng sản vô thần không chiều tù nhân Thiên chúa giáo bản xứ tới mức tha vào đây cho họ một cây thông. Lại càng không để ý tới chuyện cho họ một chút âm nhạc đang phát ra kia, từ một máy ghi âm cà khổ. Dây cu-roa máy đã rao lầm, nó chạy èo éo làm cho bài ca trữ tình của Đỗ Nhuận<sup>1</sup> trở thành rầu rĩ đến nao lòng.

---

<sup>1</sup> Đỗ Nhuận (1922-1991), nhạc sĩ nổi tiếng ở miền Bắc Việt Nam, nguyên Tổng thư ký Hội nhạc sĩ Việt Nam hai khoá (từ 1958 đến 1983). Ông tham gia đấu tranh cách mạng sớm, từng bị thực dân Pháp giam ở Sơn La. Tác giả nhiều ca khúc cách mạng và kháng chiến.

Không biết người ta sẽ cho tù binh Mỹ mừng Nô-en theo cách nào đây? Chẳng lẽ lại điệu tưng tên ra, cho nó đi những bước dè xén quanh cái càنه thông nhà quê kia một lát, cho nó hưởng khúc nhạc thê lương kia một lát, rồi điệu về, nhường chỗ cho tên khác? Xem ra với cung cách này, lễ Thiên chúa Giáng sinh cho tù binh chắc chắn sẽ diễn ra đúng như vậy. Thật buồn cười.

Kể từ 5 tháng 8 năm 1964, khi những máy bay Mỹ lần đầu xâm nhập vùng trời miền Bắc Việt Nam, đã có không ít phi công Mỹ bị bắt làm tù binh, mở đầu danh sách là Everett Anvarez danh tiếng Ngoài số phi công bị bắn rơi trên lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kể từ khi có cuộc leo thang bằng không lực trên miền Bắc Việt Nam, còn có nhiều tù binh Mỹ khác. Đó là tù binh thuộc các binh chủng khác của quân đội Mỹ từ các chiến trường miền Nam, Lào và Campuchia được đưa về giam tại các trại bí mật nằm rải rác trong vùng rừng núi.

Bài báo cuối cùng của tôi về cuộc đánh bom của Mỹ vào khu vực dân cư ở phố Hàng Thao Nam Định chắc đã lên khuôn. Hai hôm trước tôi đã ký “bông”<sup>1</sup> lần ba. Liệu bài báo có bị bỏ đi không, khi tôi bị bắt? Còn cuốn Năm Người Im Lặng ở Nhà xuất bản Văn Hóa nữa? Cho dù là sách dịch từ tiếng Nga của Miguel Otero Silva<sup>2</sup>, một tác giả thiên tả người Venezuela, chưa chắc người ta đã cho nó ra vì kẻ dịch sách lại là một tên chống Đảng<sup>3</sup>. Vợ con tôi thế là mất đứt khoản nhuận bút. Mà vợ tôi đã hi vọng bao nhiêu vào cuốn sách ấy.

Cần phải nói thêm cho rõ rằng lương của một anh nhà báo quèn như tôi không nuôi nổi vợ con đã đành, ngay những nhà báo có lương cao cuộc sống cũng chẳng hơn là bao nhiêu. Trừ những nhà báo nhưng không biết viết báo ở báo Nhân Dân ra, phần lớn chúng tôi đều phải làm thêm để kiếm sống bằng đủ cách. Ngoài công việc dịch sách, tôi còn viết cả mục kể chuyện làm kỹ xảo điện ảnh cho một tờ báo tuần chuyên giới thiệu và quảng cáo phim mới. Mà không phải ai cũng có thể viết thêm cho báo này báo kia. Ngoài cái tài và những mối quan hệ không thể thiếu để có được việc làm, người viết còn phải được những người có trách nhiệm ở mỗi tờ báo nọ tuyệt đối tin tưởng rằng anh ta không gài vào trong những bài viết của mình những ý tưởng “không trong sáng” .

Trong cái xã hội gọi là xã hội chủ nghĩa có một cái luật không thành văn nhưng mạnh hơn bất cứ điều luật nào được công bố. Ấy là: người cầm bút, tức là nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà biên kịch hay nhà phê bình văn học... vân vân (không cứ ở Việt Nam, ở bất cứ nước cộng sản nào cũng vậy) phải là người

<sup>1</sup> Bản dập thử để sửa lỗi của nhà in.

<sup>2</sup> Miguel Otero Silva (1908 - 1985), nhà văn, nhà báo, nhà chính trị. Những tác phẩm của ông gắn liền với lịch sử chính trị - xã hội của Venezuela.

<sup>3</sup> Cuốn Năm Người Im Lặng rồi vẫn được xuất bản trong năm 1968, khi tôi đã ở trong tù. Người quyết định cứ in cuốn sách, bất chấp thói thường thời ấy không dám in sách mang tên người bị bỏ tù, dù chỉ là tên người dịch, là Lý Hải Châu, giám đốc Nhà xuất bản Văn Hóa. Trong kháng chiến chống Pháp, Lý Hải Châu chỉ huy đội biệt động Sài Gòn - Gia Định, bị chính quyền chiếm đóng kết án tử hình, rồi giảm xuống chung thân và đày ra Côn Đảo.

có lý lịch trong sạch, có lập trường vững vàng, có thâm niên cao “trong tổ chức<sup>1</sup>” càng tốt. Các báo và các nhà xuất bản tuyệt đối không in tác phẩm của những phần tử “có vấn đề”. Ở các nước cộng sản châu Âu còn khá, chứ ở những nước cộng sản châu Á thì chuyện đó cảng lăm lăm. Tôi biết có những nhà văn nhà báo đã tham gia kháng chiến chống Pháp, có thành tích hẳn hoi, thế mà chỉ vì một chút dính líu với các văn nghệ sĩ “có vấn đề” là đã không được in sách, không được đăng báo nữa rồi. Chẳng có văn bản nào quy định sự cấm đoán cụ thể với người này hay người khác. Tất cả những chuyện đó đều được quyết định trong những cuộc họp mà người thường, trong nhiều trường hợp cả người trong Đảng nữa, không được biết. Những quyết định từ những cuộc họp mật ấy trước sau rồi thiên hạ cũng biết cả, nếu không được nghe phổ biến chính thức từ “trên” xuống thì cũng nghe hơi nồi chõ, mà cái sự nghe hơi nồi chõ này dù chỉ đúng một phần thì cũng đã đủ làm cho người ta vì sợ mà tránh trước đi những điều làm “trên” không hài lòng. Cho nó chắc.

Số phận nhà văn Thanh Châu<sup>2</sup> trong nhóm Tiểu thuyết Thứ bảy trước cách mạng là một thí dụ. Tên của anh không bị một nghị quyết nào, một chỉ thị chính thức nào liệt vào nhóm Nhân văn - Giai phẩm, nhưng vì anh có quan hệ với những người bạn thuộc nhóm ấy, cho dù chỉ là quan hệ bạn bè bình thường, không phải quá thân mật, quá gắn bó, nhưng anh vẫn cứ bị treo bút như thường. Các tờ báo, các nhà xuất bản lịch sự mời anh uống trà mỗi khi anh ghé thăm, nhưng không một nơi nào dám in cho anh lấy một truyện ngắn. Cho đến lúc người ta xét lại cho anh, cho anh được phép viết, được phép in, thì tuổi anh cao mất rồi, sức anh kiệt mất rồi.

Kim Tân may mắn thoát nạn trong cái đập Nhân văn - Giai Phẩm. Anh khôi hài nói rằng sau vụ này hết thầy nhà văn đều xây xát, chỉ có các “cung văn”<sup>3</sup> là lành lặn.

Nếu tôi bị bom chết trong chuyến công tác Nam Định, chắc hẳn ở cơ quan sẽ có một điều văn thống thiết rằng sự hy sinh của tôi là một tổn thất to lớn không thể nào đền bù được cho gia đình và nhà nước, còn tôi trở về nguyên vẹn để bị bắt thì người ta lại uốn ngược lưỡi để xung xung lớn tiếng rằng tên phản động Vũ Thư Hiên mà ta theo dõi từ lâu đã bị tống giam.

Từ vài năm nay lòng trung thành của tôi đối với cách mạng đã bị đặt dưới sự soi mói không khoan nhượng. Cái đó có nguyên ủy của nó. Năm 1958 tôi từ Liên Xô về nước để lấy tài liệu cho đề tài thi tốt nghiệp khoa kịch bản thì ở trong ký túc xá sinh viên, một ông bạn họa sĩ cùng sang học với tôi một chuyến đã lục lợi đồ đạc của tôi để lấy cuốn nhật ký đem nộp sứ quán. Cuốn nhật ký ghi những kỷ niệm trong chuyến về Việt Nam năm 1957 với nhà quay phim xô-viết Otilya Reizmann để thực hiện bộ

<sup>1</sup> Nói “trong tổ chức”, tức là trong Đảng, là đảng viên.

<sup>2</sup> Thanh Châu, tên thật là Ngô Hoan, (1912-2007) một cây bút của tờ Tiểu Thuyết Thứ Bảy trước năm 1945, trong kháng chiến chống Pháp làm báo Vệ Quốc Quân ở Việt Bắc, tác giả của nhiều truyện ngắn lăng mạn nổi tiếng trên văn đàn Việt Nam thời thuộc Pháp.

<sup>3</sup> Người chơi đàn tranh trong cuộc hầu đồng, trong dàn nhạc lễ bái. Cung còn có nghĩa là ngôi nhà tráng lệ, cung điện. Cung văn đây được mọi người hiểu như nhà văn cung đình, bồi bút.

phim Ánh Sáng Tháng Mười, trong đó tôi có những nhận xét rất xấu về Cải cách ruộng đất, về ông Hồ Chí Minh. Cuốn nhật ký lập tức được gửi về Bộ Công an<sup>1</sup>.

Nghé nói Nguyễn Văn Kỉnh, uỷ viên trung ương Đảng khoá 2 và 3, trước Cách mạng tháng Tám cũng là một trí thức ở Nam Bộ, được nhiều người mến mộ. Trong việc chỉ đạo ông bạn họa sĩ đảng viên ăn cắp nhật ký của tôi, ông ta còn tỏ ra có khiếu làm mật thám, là điều không ai biết. Thời ấy nồng khiếu mật thám được coi là một năng khiếu đáng khuyến khích. Tôi bị Lê Văn Rạng, vụ trưởng Vụ đại học và Trung học chuyên nghiệp, một tay trí thức bảo hoàng hơn vua, giữ lại trong nước. Việc tôi có được trở lại Liên Xô học tiếp hay không sẽ được xét sau.

Tôi trở về Xưởng phim Việt Nam, từ đó tôi ra đi. Ở đó được gần một năm tôi phải bỏ nghề điện ảnh vì không chịu nổi tên trưởng phòng tổ chức vốn là một tay thư ký của một đội Cải cách ruộng đất. Tên hanh tiến này gọi tôi lên gặp y rồi vặn tôi: "Cả xưởng chào tôi, sao anh không chào?" Tôi lẽ phép hỏi tên y, rồi cũng lẽ phép như thế tôi thưa với y rằng rất có thể y quan trọng, y có ích, tựa như cái cột đèn vậy, không có nó điện không vào nhà được, tôi sẽ không có ánh sáng để đọc, tôi biết chứ. Nhưng, tôi kính cẩn thưa tiếp, không phải vì thế mà tôi sẽ dừng lại trước cái cột đèn để chào nó.

Tôi quyết định sang nghề báo. Bạn bè tôi ở các tòa soạn muốn tôi về với họ. So sánh các tờ báo muốn nhận tôi, tôi thấy báo ảnh Việt Nam, hay còn gọi là họa báo Việt Nam, hợp với tôi hơn cả. Nó là tờ báo dành cho độc giả nước ngoài, bài vở không nhất thiết phải viết theo công thức của các báo trong nước. Hơn nữa, mấy anh trong bộ biên tập báo ảnh mến tôi qua những truyện ngắn và bài báo đã đăng, chèo kéo bằng được tôi về với tờ báo của các anh.

Trong những cuộc đụng độ lặt vặt kiểu như chuyện xảy ra với anh chàng tổ chức Xưởng phim, tôi không thể tránh được những câu nói lě ra không nên nói. Cơ quan tổ chức, cũng như cơ quan công an, rất mẫn cảm thu thập thông tin về thái độ chính trị của cán bộ. Chỉ cần anh ăn nói không giữ gìn một chút, để lộ ra những suy nghĩ không theo dòng chính thống một chút, là tội của anh lập tức được ghi nhận, anh bắt đầu bị theo dõi mà không biết. Cho tới ngày anh chợt nhận ra mình bị theo dõi thì đã muộn - anh đã bị ném khỏi boong con tàu cách mạng.

Còn nhớ năm 1961, mọi người trong tòa soạn báo ảnh đã được nhận Thẻ nhà báo rồi mà mãi tôi vẫn chưa được nhận. Tôi chỉ ngạc nhiên tí chút, cho rằng những cái bàn giấy quan liêu bao giờ mà chả thế, chúng không vội vã trong bất cứ việc gì. Thư ký tòa soạn gọi điện thoại hỏi. Người ta nói ảnh của tôi bị thất lạc. Tôi đưa tiếp ảnh khác. Vẫn không xong. Hóa ra không phải chuyện mất ảnh. Chỉ sau khi chủ nhiệm tờ báo đích thân lên Sở báo chí kiện cáo thế nào không biết, tôi mới được nhận thẻ. Bây giờ nghĩ lại tôi mới hiểu ra, chẳng qua người ta ngần ngại, người ta còn phải xin ý kiến trên, bởi vì tên tôi nằm trong một danh sách nào đó đòi những người trực tiếp quản lý các nhà báo phải suy nghĩ. Cấp

<sup>1</sup> Theo báo cáo đọc trong nội bộ của Lê Đức Thọ thì trong nhật ký tôi có ghi: "Cần phải bắn chết tất cả chúng nó, từ Hồ Chí Minh trở xuống". Tôi không nhớ, và tin chắc tôi không ghi dòng nào như vậy. Một nhận xét rất xấu về Hồ Chí Minh thì có, chắc chắn có, nhưng thú thực, đến nay tôi không nhớ nổi mình đã viết gì trong nguyên văn.

trên trực tiếp của tôi chắc chắn chẳng khó chịu với tôi, nhưng ở trong lòng xã hội chủ nghĩa chẳng ai muốn chịu trách nhiệm về ai hết.

Sau vụ này tôi bắt đầu để ý đến thái độ của lãnh đạo, tức là các quan chức cấp trên của tôi, ngang cũng như dọc. Mới thấy rằng trong công việc hàng ngày người ta tránh không phân công tôi làm những đề tài có dính tới bí mật quân sự hoặc những bí mật khác. Mà bí mật trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì lại quá nhiều, cái gì cũng bí mật, kể cả những cái hoàn toàn không dính líu tới quốc phòng. thành thử tôi chỉ được phân công đi các địa phương khi tờ báo cần có các bài về văn hóa, nông nghiệp, công nghiệp. Hoặc cứ ngồi nhà làm công việc chữa cháy cho các số báo chẳng may bị ông Trường Chinh, người khai sinh ra tờ báo, bất ngờ gạch bỏ một bài, thậm chí vài bài một lúc<sup>1</sup>.

Đến lúc thấy mình không có tên trong danh sách những nhà báo được cử đi B<sup>2</sup> thì tôi mới biết chắc chắn rằng cái sự cảnh giác cách mạng của cơ quan tổ chức quyền lực vô biên đã được áp dụng cho tôi rồi. Chả trách đợt vào Vĩnh Linh công tác, khi tôi muốn ra đảo Cồn Cỏ thì bị người ta từ chối. Hòn đảo nhỏ bé lúc ấy đang cô độc chiến đấu chống lại những cuộc tấn công bão táp của hải quân Mỹ. Như bất cứ nhà báo nào, tôi muốn có mặt ở đó. Nhà văn Nguyễn Khải<sup>3</sup> ở Vĩnh Linh cùng thời gian với tôi. Anh được ra Cồn Cỏ, còn tôi thì không. Tàu đi Cồn Cỏ chỉ có một chỗ dành cho văn nghệ sĩ, mà chỗ ấy đã được dành cho anh Nguyễn Khải là người đăng ký từ lâu, người ta nói thế.

Những tin tức rò rỉ từ Bộ Nội vụ cho biết tôi nằm trong “diện” những phần tử không phải chỉ không đáng tin cậy, mà còn đáng chú ý. Từ “diện” không đáng tin cậy và đáng chú ý sang “diện” có vấn đề chỉ là một bước, mà là một bước không dài. Các bạn tôi nhắc tôi phải thận trọng, phải giữ gìn lời ăn tiếng nói. Nghe thì nghe, chứ trong thâm tâm tôi không hẳn tin lời các bạn dặn. Chẳng lẽ người ta lại có thể nghĩ bậy bạ đến thế?

Mọi việc chỉ sáng tỏ khi tôi đã ở trong Hỏa Lò.

Thì ra từ lâu rồi tôi đã bị nhà cầm quyền nghi ngờ. Thậm chí họ còn lo tôi sẽ chạy sang bên kia chiến tuyến khi gặp cơ hội thuận tiện nữa kia.

<sup>1</sup> Có thể nói Trường Chinh là cha đẻ của tờ báo ảnh Việt Nam. Nó ra đời từ sáng kiến của ông. Cho tới năm 1965, Trường Chinh vẫn duyệt từng số báo ảnh, như khi tờ báo vừa ra đời, mặc dù ông không có trách nhiệm đó. Sự đưa tổng bí thư duyệt báo trước khi ra không bị coi là kiểm duyệt, mà là để xin ý kiến. Cho tới nay ở Việt Nam, về mặt công khai, không hề có chế độ kiểm duyệt nhà nước.

<sup>2</sup> Cách gọi tắt các chiến trường: B - miền Nam Việt Nam, C - Campuchia, D - Lào, E - Thái Lan. Tại những chiến trường này đều có mặt bộ đội Việt Nam. Tại Thái Lan, trong thời kỳ còn chiếm đóng Campuchia, bộ đội Việt Nam chỉ vào sâu trong nội địa Thái Lan có một lần, chừng hai chục cây số.

<sup>3</sup> Nhà văn (sinh năm 1932) nổi tiếng với những tác phẩm Xung Đột, Mùa Lạc, Cha Và Con Và...

Tôi cay đắng được biết sự thật. Tôi coi cuộc kháng chiến chống Mỹ, do những biến chuyển lịch sử run rủi, là bước kế tiếp trên con đường tiến tới thống nhất đất nước. Thống nhất là khát vọng ngàn đời của người dân nước Việt, từ thời nước mắt tui hòn chia cắt còn lã chã trên sông Gianh, mặc dầu trong thâm tâm, tôi và những người bị chụp cho cái mũ “xét lại”, đều không đồng tình với đường lối thống nhất đất nước bằng bạo lực của ban lãnh đạo cộng sản.

Trong nghề báo, tôi may mắn được tiếp cận với một số ít ỏi những nguồn thông tin khác với thông tin chính thống. Đó là những sách báo thuộc loại “địch” nhưng không bị cấm hoàn toàn, chúng vẫn có trong thư viện Trung ương ở mấy phòng đọc dành cho số độc giả hạn chế và số độc giả quen biết với ông giám đốc thư viện. Ngoài ra, sự gặp gỡ với một số phóng viên ngoại quốc, tuy họ cũng thuộc những tờ báo cộng sản đấy, nhưng tư duy của họ phóng khoáng hơn nhiều so với những gì được coi là duy nhất đúng, không được phép bàn cãi, ở Việt Nam. Còn phải kể thêm vào đấy những cuốn kinh điển mác-xít nữa. Chúng, như một nghịch lý, cũng góp phần làm cho phương pháp tư duy của chúng tôi thay đổi, khác hẳn tư duy của đám lãnh tụ đọc Marx theo cách ăn đong, đã thế lại chẳng bao giờ chịu đọc bản chính, dù là bản dịch.

Chúng tôi tin chắc rằng thế giới ấy phải thay đổi theo chiều hướng ngày một nhân bản hơn. Chúng tôi không chịu nổi chế độ toàn trị của miền Bắc, nhưng chúng tôi cũng không ưa gì chế độ gia đình trị của ông Ngô Đình Diệm, căn cứ những gì chúng tôi được biết (không phải qua báo chí chính thống) về hệ thống quyền lực ở miền Nam.

Những gì tôi đọc được cho tôi một hình ảnh không mấy đẹp về Ngô Đình Diệm. Ông chưa bao giờ là một nhà cách mạng trong nghĩa người dấn thân tranh đấu cho công cuộc giải phóng dân tộc. Ông có thể là một ông quan thanh liêm, pha chút cứng đầu đối với mẫu quốc, nhưng không hơn. Trong hoàn cảnh đất nước chia đôi, ông là người may mắn leo lên địa vị lãnh đạo miền Nam, nơi ông không cần lựa chọn cũng có sẵn nền cộng hoà, là cái tất yếu phải có của một đất nước nằm trong hệ thống tư bản, gọi theo cách của những người cộng sản. Nền cộng hoà hiển nhiên tốt hơn bất cứ nền chuyên chế nào. Cho nên nó hiển nhiên tốt hơn chế độ chuyên chính vô sản ở miền Bắc. Tốt hơn không có nghĩa là tốt.

Điều khó hiểu, căn cứ những tài liệu và tin tức lọt ra qua vĩ tuyến 17, là ông Ngô Đình Diệm đã có lúc cho rằng muốn có một miền Nam ổn định thì phải bắt chước cách cai trị của cộng sản ở miền Bắc. Từ đó đã nảy sinh sự hấp dẫn dựng lên một chủ thuyết đối lập với chủ thuyết cộng sản (chủ thuyết Nhân Vị), xu hướng lập một đảng cai trị tương tự đảng cộng sản (đảng Cầm Lao), việc người cầm quyền bính thích giao những chức vụ then chốt cho thân tộc. Tất cả những cái đó chẳng những đã không tạo ra sự ổn định mà lại trở thành mảnh đất màu mỡ cho mọi bất ổn sau này. Nhưng không phải chỉ có ông Ngô Đình Diệm nghĩ thế. Các quốc gia châu Á mới phát triển sau thế chiến thứ 2 đều trải qua thể chế độc tài rồi mới xây dựng được nền dân chủ, như ta thấy.

Những dữ liệu về chế độ cộng hoà ở Nam Việt Nam trong những bài báo nước ngoài cho chúng tôi thấy còn lâu nó mới là một chế độ dân chủ thực sự.

Những người cộng sản Việt Nam, vốn chủ trương “bạo lực là bà đỡ của cách mạng” theo những giáo điều mác-xít, từ ngay sau kết thúc cuộc chiến tranh với Pháp (1946-1954) đã chuẩn bị chiếm chính quyền trong cả nước bằng bạo lực, liền lợi dụng tình thế rối ren để phát động cuộc nội chiến nhằm xoá bỏ nền cộng hoà ở miền Nam, không phải vì căm thù chế độ cộng hoà mà vì lòng ham muốn đặt nền cai trị của đảng cộng sản trên toàn quốc.

Sự bất bình với chính quyền này còn mạnh mẽ hơn nữa khi những người cầm quyền sau ông Ngô Đình Diệm đã để cho người Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam Việt Nam. Lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc không cho phép người ta bàng quan trước hiện trạng một quân đội nước ngoài cầm súng đi lại như trong đất nước họ trên đất đai của tổ tiên để lại. Chính sự hiện diện của quân Mỹ đã làm lợi cho ý đồ thôn tính miền Nam bằng bạo lực, được chuẩn bị từ trước, của Lê Duẩn.

Người Mỹ tự thị đã đi lầm nước cờ. Dân tộc Việt Nam có truyền thống chống ngoại xâm là điều người Mỹ hoàn toàn không biết, hoàn toàn không tính đến, và khi hiểu ra thì đã muộn. Sau năm 1965 người ta không thể trở về với năm 1954, cho dù có muốn.

Đây là đề tài rắc rối và tế nhị, thuộc thẩm quyền các sử gia, và của các nhà chính trị ở cả hai phía, tôi không dám lạm bàn. Có nhiều chi tiết mà người dân thường như tôi không được biết. Tuy nhiên, nhìn cuộc chiến từ góc độ người làm báo, tôi cho rằng trong suốt thời gian chiến tranh không phải hoàn toàn không có cơ hội để thoát khỏi nó, và trong chuyện không muốn tìm cơ hội thoát ra, lỗi không phải ở một bên, mà là ở cả hai.

Nhưng đó là chuyện khác.

Đi qua khu tù binh, viên cai ngục nông dân đưa tôi tới một cái nhà dài phía trái cổng Hỏa Lò, có rất nhiều cửa vào các phòng. Phòng hỏi cung mà tôi được đưa tới là một phòng nhỏ, chừng mươi sáu thước vuông, không hơn, lờ mờ sáng nhờ một bóng điện 60 oát.

Huỳnh Ngự đã chờ sẵn. Thấy tôi bước vào, y ngẩng lên. Mặt nhẹ nhõm, không hằn học, không căng thẳng, trông y thật hiền lành. Khó tưởng tượng được vừa mới đây y còn hầm hè với tôi như với kẻ thù của cá nhân y, chứ không phải của Đảng.

- Ngồi xuống, ngồi xuống đây, anh Hiên! - y vồn vã chỉ cho tôi ghế đối diện - Anh dùng trà, hỉ?

Phòng hỏi cung được bày biện như một phòng khách nghèo - mấy cái ghế ba nan quây quanh một bàn nước chân quỳ. Trên bàn là một ấm sứ Hải Dương bắt chước kiểu men rạn đời Lý, không hợp chút nào với mấy chén sứ Bát Tràng rẻ tiền. Bộ đồ trà được đặt trong một đĩa sắt tráng men sứt sẹo với mấy con tôm Tề Bạch Thạch bạc màu. Hoạ sĩ Lưu Công Nhân, bạn tôi, đã vẽ cho nhà máy sắt tráng men Hải Phòng nhiều họa tiết đẹp, nhưng nhà máy không chịu dùng sáng tác của anh vì phải trả nhuận bút. Dùng tranh của Tề Bạch Thạch hay Từ Bi Hồng không phải trả bản quyền.

Mặc dầu đã có áo bông, tôi vẫn run rẩy - nhiệt độ xuống quá nhanh, buổi sáng trời còn ấm, vậy mà bây giờ đã lạnh dữ. Căn phòng hỏi cung còn lạnh hơn cả xà lim, lại có mùi gỗ mốc, như thể nó bị bỏ hoang lâu ngày.

Huỳnh Ngự bốc trà cho vào ấm, tỉ mẩn nhặt từng cánh trà rơi xuống mặt bàn cho vào tiếp rồi mới từ tốn với tay lấy cái phích Trung Quốc, cũng từ tốn như thế, chế nước sôi. Đợi một lát cho trà thật ngấm, y mới chuyên chàm chàm vào hai chén. Cung cách pha trà cho thấy viên sĩ quan công an này là tay nghiện trà thâm căn cố đế. Hồi ấy uống trà là thú vui duy nhất và hợp túi tiền của mọi cán bộ đứng tuổi.

Tôi lặng thinh quan sát.

- Uống đi, anh Hiên! - y chìa bàn tay gầy, với những ngón dài và xương xẩu, về phía tôi - Kéo nguội.

Tôi vẫn nín lặng.

- Tiết trời như ri uống trà thiệt thú vị, phải không? Anh dùng đi, tự nhiên nghen. Anh thấy đó, ở ngoài nhìn vô ai cũng nghĩ cái sự bị bắt, cái sự ở tù nó ghê gớm lắm lắm kia, khủng khiếp lắm lắm kia, chớ thiệt ra thì, hì hì... có chi ghê gớm lắm mô...

Y đẩy một chén về phía tôi.

- Tác giả “Chiếc vali”<sup>1</sup> đã báo trước cho anh biết anh sẽ bị bắt, phải không? Hắn còn nói với anh những chi nữa, hè?

Ấy là Huỳnh Ngự nói về Hoàng Đạo. Nói lửng lơ. Như thể đó là điều hoàn toàn không có gì quan trọng. Tôi không ngạc nhiên. Chuyện không quan trọng thật. Chẳng qua y muốn khoe y biết hết, đừng hòng giấu y điều gì.

Đúng là Hoàng Đạo có báo trước cho tôi điều sẽ xảy ra.

Tôi gặp Hoàng Đạo tuần trước. Tôi không chủ bụng tới anh, tiện thể đi ngang phố Nguyễn Chế Nghĩa thì rẽ vào. Anh có căn nhà nhỏ ở đó. Từ phòng ngoài nhà anh nhìn ra, tôi vẫn thấy thấp thoáng mấy bóng công an mật lởn vởn trong ánh sáng vàng vụt rỉ ra từ những chao đèn phòng thủ.

“Họ sẽ bắt anh”, Hoàng Đạo nói. “Hôm nọ tôi có việc rẽ vào Bộ, thấy cảng lắm. Họ còn bắt nhiều nữa. Tôi thì chỉ quan tâm tới anh thôi”.

Tôi cười: “Vậy thì bỏ rượu ra, chúng ta uống một trận chia tay”. Tôi cố ý nhắc lại câu Hoàng Đạo nói với một sĩ quan Phòng nhì Pháp trong một lần tính mạng anh ở vào thế ngàn cân treo sợi tóc<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Năm 1950, Hoàng Đạo vào Hà Nội dưới vỏ bọc đảng trưởng của một đảng Đại Việt bịa đặt. Tình báo Pháp hoan hỉ đón tiếp anh, rồi bí mật kiểm tra anh. Giữa đêm hôm khuya khoắt họ cho viên sĩ quan Phòng nhì, người được anh coi như bạn thiết, giả vờ lén đến nhà anh, báo cho anh biết anh sắp bị bắt. Viên sĩ quan khuyên Hoàng Đạo nên trốn ngay trong khi còn kịp. Hoàng Đạo cười ngất, nói anh cảm ơn, nhưng anh sẽ không trốn, anh đã dự kiến tình huống này, người Pháp đa nghi rồi sẽ ân hận, còn bây giờ anh muốn rủ ông bạn uống ly rượu chia tay. Bài toán thử của tình báo Pháp thất bại. Sau thái độ cứng rắn của anh, họ cho rằng họ nhầm và tiếp tục sử dụng anh.

Trong thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp Hoàng Đạo là trưởng ty công an Thanh Hóa. Anh tự ý làm ra một chiến khu giả ở miền Tây Thanh Hóa, rồi tự ý vào Hà Nội với tư cách người chủ của chiến khu mang tên địa phương Ngọc Lặc. Lãnh tụ giả mạo của một đảng không có thật vượt qua được thử thách của tình báo Pháp, trở thành bộ trưởng không bộ nào của chính phủ Bảo Đại. Do không thỉnh thị Trung ương, Hoàng Đạo bị tổng bí thư Trường Chinh thi hành kỷ luật. Điệp vụ do Hoàng Đạo tổ chức kết thúc bằng việc đánh đắm thông báo hạm Amyot d'Inville tại vùng biển Thanh Hóa năm 1950. Anh tiếc sáng kiến không được chấp thuận và làm rốn việc cuối cùng có thể làm, lần này cũng không thỉnh thị Trung ương. Một nữ điệp viên tên là Nguyễn Thị Lợi tình nguyện sắm vai vợ lãnh tụ Đại Việt Hoàng Đạo đi nhờ tàu Pháp ra Hải Phòng mang theo một va-li thuốc nổ và làm nó nổ tung<sup>1</sup>. Trong thời gian ở miền Nam, Hoàng Đạo đã gặp Ngô Đình Diệm, Năm Lửa, Ba Cụt, Bẩy Viễn... và nhiều nhân vật chính trị khác. Sau khi biết chắc người Mỹ có ý định dùng Ngô Đình Diệm thay thế Bảo Đại, Hoàng Đạo đề xuất với Trung ương cho phép anh thủ tiêu Ngô Đình Diệm để thế chân ông ta. Kế hoạch này của Hoàng Đạo bị Trường Chinh bác bỏ. Trường Chinh nói rằng việc Hoàng Đạo tổ chức chiến khu giả ở Thanh Hóa là việc làm xấu uy tín của chính phủ kháng chiến, lợi bất cập hại. Theo Trường Chinh, Hoàng Đạo là người ham mê tựu sắc, nếu làm việc với Mỹ sẽ bị Mỹ mua chuộc, “đến lúc ấy đánh nhau với nó còn khó hơn đánh nhau với Ngô Đình Diệm nhiều”, ông ta nói. Về sau này Hoàng Đạo có viết một cuốn hồi ký nhan đề “Hà Nội - Huế - Sài Gòn - Đà Lạt” về điệp vụ trên, tôi được đọc bản thảo, nhờ đó mà được biết nhiều chi tiết thú vị của điệp vụ này. Cuốn sách chưa bao giờ được xuất bản. Rất có thể, nó đã thất lạc. Nhưng chính nhờ đọc nó mà trong đầu tôi nảy ra ý định viết kịch bản về hoạt động của một tổ điệp báo kết thúc bằng vụ đánh đắm thông báo hạm Amyot d'Inville. Cũng nhờ nó mà quan hệ giữa Hoàng Đạo và tôi trở thành thân thiết.

Chúng tôi dẹp mọi chuyện qua một bên, bàn tiếp việc viết kịch bản.

“Anh không thể xử nhữn một chút được sao? - Hoàng Đạo hỏi khi tôi ra về - Anh dây vào chính trị làm chi?”

“Không được, anh ạ. Tôi không quan niệm nói ra ý kiến của mình là dây vào chính trị. Tôi không làm điều gì sai trái. - tôi nói - Tôi chỉ có tội cho rằng con người có quyền tự do tư tưởng”.

Hoàng Đạo ôm lấy tôi. Chúng tôi bùi ngùi chia tay.

- Anh không muốn nói cũng không sao. - Huỳnh Ngự nói bằng giọng kẻ cả - Chuyện Hoàng Đạo chẳng có gì quan trọng. “Hắn ta” không phải đối tượng đáng chú ý. Cũng không phải kẻ chúng tui cần anh báo cáo. Nhân tiện thì tui hỏi cho biết, tức là chúng tôi biết hớt, nhưng chúng tui muốn nghe anh nói,

<sup>1</sup> Vì hành động không cần thương lệnh của Hoàng Đạo mà mấy chục năm sau người ta mới chịu công nhận chí Lộc là liệt sĩ thời chiến tranh chống Pháp.

coi ra rằng. Những chuyện khác cũng rúa. Anh thích nói thời nói. Không thích thời thôi. Tui sẽ chờ. Bao chờ giác ngộ tự anh sẽ nói. Cơ quan an ninh chúng tui rất kiên nhẫn.

Tôi tưởng y sẽ nói thêm: "Chúng tôi sẽ chờ năm năm, mươi năm, hai mươi năm, hay lâu hơn nữa" theo cách ông Hồ Chí Minh nói với người Mỹ về cuộc chiến tranh. Hình như y định nói thế thật, nhưng kìm lại được.

- Nói thiệt cho anh hay để anh đừng sợ: Đảng đưa anh vô nơi ni là để ta có chỗ mần việc cho thuận tiện mà thôi. - Huỳnh Ngự nhẹ rằng trong nụ cười không thành tiếng - Đảng muốn hỏi anh một số việc, hỏi xong thời cho anh về, Đảng cũng không giữ anh mần chi. Ngoài tê anh công tác phục vụ Đảng, phải không nào? Nơi ni anh cũng mần việc đó, không có chi khác. Anh là cán bộ của Đảng, phải biết chấp hành mệnh lệnh của Đảng. Bữa ni Đảng biểu anh mần việc ở nơi ni thì anh mần việc nơi ni. Mai mốt Đảng biểu anh vô Nam thì anh vô Nam, còn khi mô Đảng biểu chừ phải qua Liên Xô thì anh xách va-li qua bển. Vậy đó, thanh niên phải như rúa, hè hè, nơi Đảng cần thanh niên có, nơi nào khó có thanh niên...

Ngon lành chưa?! Cứ như thể nay mai Đảng sẽ cử tôi đi công tác Moskva, hoặc xa hơn nữa, tới Paris hoặc New York chưa biết chừng.

Mặc cho y ba hoa, tôi đúng đinh nhấp trà. Trà ngon. Không phải ai cũng pha trà Hồng Đào<sup>1</sup> được thế này. Té ra Huỳnh Ngự cũng sành uống trà ra phết.

- Tui nói vậy là trúng chớ? Không trật chớ? - y nói bằng giọng tin chắc ở lẽ phải mà y đang ngồi ở trên - Vậy, chờ Đảng chỉ thị cho anh ở nơi ni, vị trí chiến đấu của anh lúc này là ở nơi ni, anh hãy yên tâm phục vụ ở vị trí mới. Chỉ thị của Đảng là cái mà chúng ta, những cán bộ của Đảng, chỉ có việc tuân theo...

Một con cùu trong đàn cùu Panurge, tôi nghĩ. Kết quả của cuộc hoài thai hầm bà làng kỳ cục giữa các thứ chẳng có gì chung với nhau: chủ nghĩa Marx bị thiến, chủ nghĩa Mao<sup>2</sup> đang cơn động dục, và chế độ phong kiến hiện đại có tên là xã hội chủ nghĩa.

Trong yên lặng tôi nghe tiếng mấy con sẻ rên rỉ vì rét trên mái nhà. Ở đâu đó, từ một thế giới khác, vâng tới tiếng xe tải nặng lăn bánh trên đường. Mà cũng có thể là xe bọc thép. Những chuyến xe đi về phương Nam nối tiếp nhau không ngớt, ì ì ầm ầm.

Huỳnh Ngự mời tôi uống tiếp. Tôi nhã nhặn nâng chén, chờ y rót thêm.

<sup>1</sup> Một loại trà gói rất phổ biến trong những năm ấy. Trà gói loại sang có Ba Đình, nhưng cán bộ thích Hồng Đào hơn vì nó vừa rẻ tiền lại vừa ngon.

<sup>2</sup> Mao Trạch Đông, Mao Zedong hoặc Mao Tse-tung (1893-1976). Lãnh tụ Đảng cộng sản Trung Quốc. Chủ nghĩa Mao được nói tới nhiều bắt đầu từ sau cái chết của Stalin, chủ trương bạo lực cách mạng là con đường giải phóng duy nhất cho giai cấp vô sản.

- Nào, uống xong ta mần việc! - có vẻ ấm trà ngon làm cho Huỳnh Ngự cảm thấy sảng khoái và độ lượng - Anh không thấy sao, trong ni cũng bảnh chǎng kém chi ngoài tê, hả? Cũng Hồng Đào loại một, cũng Điện Biên<sup>1</sup> bao bạc như ai. Anh hút đi, khi ta mần việc trên cho trà thuốc thoải mái. Tiêu chuẩn, chớ không phải của tui đâu. Phải nhịn thuốc cả ngày, khó chịu lắm hè?

Tôi nhìn bao thuốc y đẩy tới trước mặt. Chao ôi, giá mà được rít một hơi lúc này nhỉ, chỉ một hơi thôi! Tôi cảm thấy một cơn thèm ghê gớm không sao cưỡng nổi chạy rầm ran trong cơ thể.

- Cảm ơn. - tôi nói - Tôi không hút.

Y ngả hẳn ra trên ghế để nhìn tôi, theo cách người viễn thị.

- Ủa? Anh? Mà không hút?

- Thị có gì lạ?

Huỳnh Ngự làm mặt giận:

- Tui mời thiệt tình mà. Bộ anh giận hả?

- Cảm ơn. Tính tôi thế, đã không hút là không hút.

- Mà sao vậy chớ? Hay là anh chê thuốc Điện Biên của ta không ngon bằng Gold Flake? Cảnh văn nghệ sĩ các anh khoái Gold Flake lắm thì phải?

Hồi ấy ở Hà Nội thuốc lá ngoại chỉ có độc một thứ Gold Flake. Ai cũng biết rằng thứ thuốc lá thơm này lọt ra từ một nguồn duy nhất là sứ quán Indonesia. Việt Nam đang ra sức lấy lòng người hùng Suharto sau sự sụp đổ bất ngờ của cái gọi là lực lượng mới trỗi dậy và ghế tổng thống suốt đời của Sukarno, người anh em của ông Hồ Chí Minh, cho nên phải ngoảnh mặt đi trước việc nhân viên sứ quán Indonesia buôn lậu<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Thuốc lá điếu loại sang. Trên nó chỉ có Thăng Long. Dưới Điện Biên bao bạc còn có Điện Biên bao thường, rồi đến Tam Đảo (bao bạc và bao thường). Đứng hạng chót là Bông Lúa. Như vậy có nghĩa tôi được đối xử khá tốt, tất nhiên, để mua chuộc.

<sup>2</sup> Năm 1965 uy tín của tổng thống suốt đời Sukarno (1901-1970) xuống tới mức thấp nhất kể từ Hội nghị Bandung (khối các nước không liên kết) năm 1955. Đường lối thân Trung Quốc đã dẫn tới một cuộc tàn sát của phe hữu chống lại Đảng cộng sản và các lực lượng cánh tả. Phe quân sự do tướng Suharto giành được chính quyền năm 1965, lật đổ Sukarno, chấm dứt thời kỳ hỗn loạn. Suharto chính thức lên làm tổng thống năm 1967. Sukarno bị giam tại gia cho tới khi qua đời. Số người bị giết trong thời kỳ xảy ra cuộc binh biến là ở khoảng từ 300.000 tới 1.000.000, tuỳ theo những nguồn tin. Ban lãnh đạo miền Bắc Việt Nam tỏ ra rất lúng túng trong quan hệ với chính quyền mới của Indonesia sau Sukarno. Ông Hồ Chí Minh nói ông và ông Sukarno kết nghĩa anh em, và ông gọi ông Sukarno là "chú". Tuy nhiên, qua báo chí ngoại quốc tôi không thấy ông Sukarno nói gì về chuyện kết nghĩa này.

Cái ghế kê cột kẹt dưới tấm thân còng của Huỳnh Ngự.

- Tôi không chê Điện Biên. Nhưng tôi không hút.
- Chà, anh Hiên nè, anh coi thường cơ quan an ninh tụi tui hơi nhiều đó! - mặt Huỳnh Ngự toác ra trong nụ cười khoái trá - Anh nghĩ tụi tui biết về anh quá ít thì phải?

Tiếng cười khanh khách của y làm tôi nóng mặt.

- Tôi chẳng coi trọng mà cũng chẳng coi thường cơ quan an ninh. Tôi cũng chẳng quan tâm chuyện các anh biết tôi nhiều hay ít. Tôi không có thời giờ để nghĩ vớ vẩn.

Huỳnh Ngự nghiêm nghị trở lại.

- Nè, nói cho anh hay, trước khi bắt một người tụi tui nghiên cứu về người đó rất kỹ. Tui biết mọi khuyết tật của anh, mọi thói quen của anh. Tui biết anh ghiền thuốc lá, mà còn ghiền nặng nữa kia.

Đến lượt tôi bật cười.

- Thế thì không đúng rồi. Tôi chưa bao giờ liệt mình vào loại nghiện nặng.
- Chẳng ai bắt bẻ anh chuyện ghiền thuốc hay không ghiền thuốc. Có chi mà phải chối!
- Hút thuốc lá đến độ bô điếu này ra phải nạp ngay điếu khác vào, không thì không chịu được mới là nghiện nặng. Tôi có hút nhưng chưa tới mức đó.
- Anh bắt đầu hút từ năm nào hỉ?
- Từ năm tôi mười sáu.

Chẳng có cuốn trinh thám nào viết về sự hỏi cung kỳ cục thế này. Không có lấy một dụng cụ tra tấn nào - không một cái magnéto, không một sợi thừng, không một roi, không một móc xích lủng lẳng trên trần. Lại còn hỏi về cái sự nghiện hay không nghiện thuốc lá nữa.

- Sớm quá, hút thế sớm quá! - Huỳnh Ngự lắc đầu - Thuốc lá có hại lắm, chẳng nói anh cũng biết. Ung thư phổi, ung thư vòm họng từ đó mà ra. Để coi, bao nhiêu phần trăm người hút thuốc bị ung thư hè? Tui có đọc mà không nhớ. Nhưng hút chút chút thì không sao. Tui lâu lâu cũng hút một điếu, ghiền thì không, tui không ghiền.

Thì cứ nói chuyện chơi với thằng cha này một lát xem y định dẫn câu chuyện tới đâu? Một nghệ thuật hỏi cung độc đáo? Buồn cười, y trẻ con quá!

- Hồi ấy chúng tôi đói. - tôi dịu giọng - Hút thuốc quên đi được phần nào cảm giác khó chịu.
- Nói chi lạ? Anh mà đói?
- Anh người khu 5, phải không?

Huỳnh Ngự cau mặt. Y bỏ điếu thuốc ra khỏi cặp môi thâm.

Tôi chợt hiểu - y bị chạm nọc. Trong số những người từ bên kia vĩ tuyến 17 tập kết ra Bắc theo Hiệp nghị Genève, người liên khu 5 đông hơn cả. Ngoài cán bộ và gia đình họ, còn có một đám lúc nhúc tù hình sự được tập kết theo. Người ta nói Khu ủy Khu 5 sợ không đưa tù đi theo thì rồi chúng sẽ chạy theo địch. Trong lúc công tác đón cán bộ tập kết diễn ra lộn xộn, chẳng hiểu sao những người tù này lại được thả ra, thậm chí còn được bố trí công tác, phần đông sung vào ngành thuế và quản lý thị trường, gây nên nhiều tiếng tăm không đẹp. Nói chung, hồi ấy cả dân Bắc lẫn dân Nam bộ tập kết đều có định kiến xấu và rất xấu với những người từ khu 5 ra. Đến nỗi một anh bạn tôi, cán bộ khoa học người Liên khu 5, khi đi thuê nhà phải nhờ tôi đi hộ vì sợ nghe giọng anh chủ nhà không cho thuê.

- Ý tôi muốn nói ở chiến trường Liên khu 5 các anh không bị đói, - tôi nói chưa, trong lòng có chút ân hận thấy mình thiếu tế nhị - chứ ngoài này năm 1949 là năm bộ đội chúng tôi đói lảm, đói vô cùng, đến sắn cũng không có mà ăn...

Tôi đã làm cho y hiểu tôi không có ý nói xỏ, nhưng mặt y vẫn lạnh như băng.

- Hừm.

Y không muốn nghe chuyện tôi đã ở trong quân ngũ, chắc thế. Rất có thể, trước đây y cũng từng ở bộ đội như phần lớn cán bộ kháng chiến, nhưng lúc này đây y không muốn thấy giữa tôi và y có cái gì đó giống nhau, là cái làm nhòa đi ranh giới giữa cán bộ chấp pháp và tên tù. Tuy nhiên, đó là sự thật không thể bác bỏ. Y nói y nghiên cứu kỹ lý lịch tôi, thế tất y phải biết tôi đã ở bộ đội.

Nhưng rồi y cũng lấy lại sắc mặt bình thường:

- Anh không có thuốc hút là tại tui. - y bỗng nhiên hiền lành trở lại, y nói như thể phân trần - Anh nào ghiền vô đây cũng có tiêu chuẩn thuốc lá như khi ở ngoài. Tui mắc nhiều công chuyện quá. Lẽ ra anh phải có thuốc ngay mới đúng. Thôi được, cứ hút tạm thuốc tiêu chuẩn của tui cái đã. Mai mốt rồi tính.

- Cảm ơn. Nhưng tôi đã quyết định thôi không hút nữa.

- Anh tính nhân tiện vô đây cai thuốc luôn, hỉ? Hay đó.

Tôi lắc đầu:

- Không phải. Chẳng qua là thế này: tôi không muốn trở thành một Ngô Đức Trì<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Năm 1927, Ngô Đức Trì học tại trường Đại học Phương Đông cùng với Bùi Công Trừng, Nguyễn Thế Rục, Trần Phú, Bùi Lâm, Nguyễn Xích... Nhóm cộng sản Việt Nam đầu tiên được thành lập tại Moskva, trong phòng ngủ của Nguyễn Xích, gồm 5 người nói trên. Lê Hồng Phong còn đang học Trường hàng không ở Leningrad, nên không có mặt. (Theo hồi ký Phải Sống Cho Đời Sống của Bùi Công Trừng). Tháng 10 năm 1930 Ngô Đức Trì được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương cùng với Trần Phú và Nguyễn Trọng Nhã.

Huỳnh Ngự đang uống dở ngụm nước, y ngưng lại, đặt mạnh chén xuống bàn. Cái nhìn soi mói xoáy chặt vào mắt tôi:

- Anh vừa nói đứa nào? Thằng Trì nào?

Đến lượt tôi ngạc nhiên. Chẳng lẽ y, vụ phó một bộ quan trọng là Bộ Nội vụ, chẳng gì cũng là một cán bộ có cõi, lại không biết Ngô Đức Trì là ai.

- Thế này, Ngô Đức Trì là ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng vào thời kỳ trước khi Mặt trận Bình dân vỡ...

Y nhíu lông mày nhìn tôi.

- Khi bị Pháp bắt, bị tra tấn, - đành phải giải thích cho y vậy - Ngô Đức Trì đã bán đứng cho Pháp một số cơ sở của Đảng để đánh đổi lấy một lần gặp vợ và, thật khó tưởng tượng nổi, để được chúng cho... hút thuốc lá. Giữa hai thứ mà Ngô Đức Trì đem mạng sống của các đồng chí ra đánh đổi tôi không rõ cái nào quan trọng hơn: vợ hay thuốc lá? Có người nói Ngô Đức Trì phản bội vì thèm một mụ con trai nối dõi tông đường...

Ẩn ý của câu nói thật dễ đoán. Huỳnh Ngự ném cho tôi một cái nhìn bốc lửa. Tôi nghĩ y sẽ nổi khùng, sẽ quát nạt, nhưng không, y tỏ ra biết tự kiềm chế.

- Anh ngồi ngay ngắn lại.

Tôi quan sát tư thế của mình - tôi vắt chân chữ ngũ theo thói quen, cái áo bông để hở làm lộ ra cái áo tù không cài cúc. Tôi bỏ chân xuống.

- Thế này được chưa?

- Nghe đây! - y dồn giọng - Hôm nay tui cho gọi anh ra trước hết là để phổ biến cho anh nội quy trại giam.

- Tôi đang nghe.

- Thứ nhất, kể từ bây giờ, khi anh đã nằm trong trại giam thì quyền công dân của anh không còn nữa, quyền đó tạm thời bị tước bỏ...

- ...

- Anh không được phép kêu cáo bộ thực hành pháp luật ở nơi ni, từ cáo bộ chấp pháp cho tới bộ đội gác trại bằng đồng chí! Với bất kỳ công dân nào khác là người tự do cũng vậy...

Cái sự tung hứng ngôn từ và đánh tráo khái niệm được thực hiện tuyệt vời ở mọi lĩnh vực, mọi nơi chốn, không trừ cả trại giam! Những khái niệm còn đó cả nhưng đã rỗng ruột. Các ngôn từ vẫn bay lượn, nhưng chỉ là những cánh diều giấy mà sợi dây nằm trong tay nhà cầm quyền.

Chao ôi, tôi, kẻ bị bắt cóc giữa đường đưa thẳng vào xà lim mà gia đình không được báo, bản thân không biết bị kết tội gì, mà còn có quyền công dân để bị tước bỏ cơ đay! Hân hạnh chưa?

Tôi có nghe kể trong trại giam tù nhân phải gọi cán bộ bằng ông bằng bà<sup>1</sup>. Tôi không tin. Thì ra không phải chuyện bịa. Cách quy định xưng hô này bắt nguồn từ thời kỳ Cải cách ruộng đất. Hồi đó, để hạ nhục các đối tượng của cách mạng, cán bộ đội Cải cách ruộng đất bắt địa chủ, phú nông phải gọi bất cứ ai là người tự do bằng ông, bằng bà: ông đội, bà đội, ông nông dân, bà nông dân...

Vợ tôi hiện nay là người tự do. Nếu bây giờ tôi được gặp vợ thì, theo đúng cái quy định quái gở kia, tôi cũng phải lễ phép chào vợ tôi: "Chào bà ạ!"

Vui thật!

Tôi bật cười. Thái độ hách dịch của Huỳnh Ngự không làm tôi sợ y, mà ngược lại, làm tôi thấy dễ chịu. Y quát nạt, có nghĩa là y thấy cần phải trấn áp, y thấy y không thể chiến thắng dễ dàng. Tôi nói:

- Chà, chẳng hóa ra tôi đã thực hiện đúng nội qui của các anh ngay cả khi chưa được nghe anh phổ biến hay sao? Từ khi gặp anh tôi chưa một lần gọi anh bằng đồng chí, đúng thế không nào?

- Hừm. - y đành xác nhận với vẻ mặt chung hửng.

Tôi dấn thêm một bước:

- Không phải tôi nghe ai nói hoặc thông minh mà đoán ra đâu. Chẳng qua, nói thực với anh, tôi sinh ra và lớn lên trong một gia đình cách mạng, trong gia đình chúng tôi hai tiếng đồng chí được coi là rất thiêng liêng, tôi đã thấy vì tình đồng chí những người cách mạng sẵn sàng hy sinh cả tính mạng mình...

- Hừm.

Huỳnh Ngự tím mặt. Y lúng túng, không biết nên xử sự thế nào khi thấy tôi đổi đáp bằng giọng điềm đạm. Lẽ ra nên kết thúc, y lại ngu xuẩn kéo dài cuộc đối thoại:

- Không những không được xưng hô đồng chí, mà anh còn phải kêu cán bộ tụi tui bằng ông hoặc bằng bà...

Hoàn toàn bất ngờ đối với y, tôi đã sẵn sàng để đập lại.

- Một cách xưng hô tuyệt vời, thưa ông! - tôi nói, làm bộ còn vui vẻ hơn trước nữa - Thú thực, tôi vui mừng được biết ngành công an, tiếc thay lại không phải ngành văn hóa chúng tôi, đã có công trong việc phục hồi những từ ngữ chẳng may chết uổng. Kể từ Cách mạng tháng Tám những từ lịch sử như "ông, bà, ngài..." tự nhiên bị ác cảm, bị miệt thị, cứ như thể chúng thuộc về một thứ ngôn ngữ kém cỏi

<sup>1</sup> Tôi nhớ hồi Cách mạng tháng Tám, công an gọi tù cũng bằng "đồng chí", tù cũng gọi công an như vậy.

của riêng những giai cấp thống trị. Vô lý, và hơn thế, còn đáng buồn, có phải không ạ? Tôi hoan nghênh sự phục hồi những từ đó. Bản thân chúng vô tội. Để mất chúng, tiếng Việt của ta nghèo đi, trong khi nó cần được bổ sung càng nhiều cách diễn đạt càng tốt để trở nên phong phú hơn. Hay lắm, hay lắm! Vậy thì, thưa ông cán bộ, về phía các ông, các ông sẽ gọi tôi bằng gì?

- Chúng tui kêu các anh bằng anh chớ bằng cái chi?
- Chết chết, sao lại thế? Gọi như vậy đâu có được?! Như vậy là không công bằng.

Huỳnh Ngự trề môi, cười đều:

- Bộ anh muốn tui kêu anh bằng ngài chắc?

Tôi nghiêm mặt:

- Nói về xưng hô, tôi yêu cầu phải có sự sòng phẳng. Chúng tôi đã lịch sự gọi các anh bằng ông thì về phía các anh tôi yêu cầu các anh cũng phải gọi chúng tôi bằng ông.

Huỳnh Ngự bật khỏi ghế. Y đã mất bình tĩnh.

Từ đầu cuộc nói chuyện, y chơi mèo vờn chuột với tôi, đến đây vai trò bị đảo ngược. Y cảm thấy nhục nhã bị tên tù giỡn mặt.

- A, anh láo! Vô tới nơi ni rồi mà vẫn còn láo! Anh... anh dám ví tui với anh hủ? Anh dám đặt tui ngang hàng với anh hủ? Tui là ai? Tui là người trông coi pháp luật, anh hiểu chưa? Còn anh là ai? Anh là kẻ vi phạm pháp luật. Rứa, hiểu chưa? Anh là can... can phạm, anh... anh... là thằng tù! Bình với chả đắng! Bình đắng cái con c... tui nè! Được, rồi tui sẽ cho anh biết thế nào là bình... bình... đắng! Tui... tui sẽ vặt... vặt cổ anh!

Mặt tôi nóng bừng. Khi có quyền trong tay cái lũ hư đốn này coi người bằng nửa con mắt. Chúng nói leo léo về những người cách mạng hiên ngang trước mặt kẻ thù, nhưng không bao giờ chúng có can đảm thừa nhận rằng có những người anh hùng bị bỏ tù ở trước mặt chúng.

- Hãy bình tĩnh nghe tôi nói nào. - tôi bình thản nhìn thẳng mặt y - Anh bảo tôi là can phạm ư? Đó mới chỉ là quan điểm của các anh. Của riêng các anh thôi. Chúng tôi có quan điểm của chúng tôi. Nó khác quan điểm của các anh, khác hẳn đấy. Theo quan điểm này, chính các anh mới là can phạm. Các anh phạm tội lợi dụng chức quyền tước đoạt những thành tựu của cách mạng. Các anh ngang nhiên vi phạm Hiến pháp, chà đạp những quyền tự do dân chủ của nhân dân...

- Láo!

- Đừng vội nóng. Rồi đây lịch sử sẽ phán xét tất cả, chính anh sẽ được thấy sự phán xét đó, chính anh cũng sẽ hiểu ra ai đúng ai sai, ai vì nhân dân, ai phản bội nhân dân... ...

- Câm ngay! Câm ngay lập tức!

Huỳnh Ngự ré lên. Toàn thân y run bần bật. Trong phút chốc mặt y méo xệch, dãi nhổ ra nơi khóe miệng.

Tôi đâm lo. Thằng cha này mắc chứng kinh phong? Tôi sẽ phải làm gì nếu đột nhiên y lăn dùng ra? Trong trường hợp này phải luôn một cái thà giữa hai hàm răng để bệnh nhân khỏi cắn phải lưỡi, người ta nói thế. Nhưng đào đâu ra một cái thà bây giờ? Mà y thì đang lén cơn. Tệ hơn nếu y chảy máu não? Y có thể chết.

Tôi chẳng muốn làm chết một ai. Tôi không muốn trở thành nguyên nhân cái chết của cả thằng phải gió này.

Luống cuống vì không biết nên làm gì, tôi rót một chén nước đưa cho y.

Nhưng Huỳnh Ngự đã trấn tĩnh lại được. Y gạt mạnh tay tôi ra làm chén nước đổ tung tóe.

- Chờ đó! Cái... thứ... cái thứ anh còn... còn ở nơi ni còn lâu! Đồ... đồ... ! Nói trước cho... cho anh hay: cái thứ anh rồi sẽ... sẽ chết rục xương trong Hỏa Lò này! - cuối cùng, rồi y cũng nói được thành lời - Anh sẽ được biết thế nào là... là chuyên chính vô sản! Trong Hỏa Lò này đến thép cũng phải chảy, nói chi cái thứ ruồi muỗi như anh...

Toàn thân tôi run bắn lên trong một cơn giận không kiềm chế nổi. Giờ thì y có giấy đành đạch mà chết trước mặt tôi, tôi cũng mặc.

- Hừm, cái đó thì còn phải chờ xem!

- Không phải chờ lâu đâu. Láo đến như Hoàng Minh Chính mà vô đây còn phải quỳ mlop xuống xin tha tội kia!

Y lấy ngón trỏ chọc chọc vào không khí:

- Đó, hắn ta quỳ chõi nór đó!

Tôi cười phá:

- Đâu, chõi nào?

- Đó, chõi tui chỉ đó!

Sao mà một quan chức như y mà ngây thơ đến thế! Chẳng lẽ y nghĩ tôi là đứa trẻ lên ba? Hay là trong đầu y có cái gì không ổn.

Tôi phá lên cười:

- Thú vị quá nhỉ? Vậy thì thưa ông, ông có thể vui lòng cho tôi được thấy cảnh tượng ấy một lần không? Một lần thôi! Tôi quen Hoàng Minh Chính. Tôi biết rõ tính cách anh ấy. Tôi không tin Hoàng Minh Chính lại có thể sa sút tinh thần như vậy. Một con sư tử quỳ gối trước một con chuột? Không, không thể có chuyện đó được.

- A, anh lão hử?! - Huỳnh Ngự kêu chœ chœ - Tui... tui bẻ cổ anh bây chừ...

Ý lại thở hổn hển, mặt tái nhợt.

Viên cai ngục hốt hoảng chạy vào, theo sau là một anh chàng bung ra sữa, hình như là thư ký của Huỳnh Ngự.

Tôi những tưởng chúng sẽ bổ tới để đánh tôi, khóa tay tôi, nhưng chuyện đó không xảy ra. Cả hai đứng sững, ngơ ngẩn nhìn cảnh tượng diễn ra trước mắt.

- Böyle giờ các anh hãy nghe tôi nói đây! - hai tay khoanh trước ngực, tôi cao giọng diễn thuyết trước cái cử tạ ít ỏi trời cho - Các anh có tất cả: súng đạn, gông cùm, nhà tù. Còn chúng tôi, chúng tôi chỉ có một thứ: chính nghĩa. Các anh có thể thủ tiêu tôi, tôi biết, nhưng công khai giết tôi thì đến bọn chủ các anh cũng không dám. Nói thật đấy, cho ăn kẹo cũng không dám. Cứ hành hạ thân xác chúng tôi đi, đó là việc trong tầm tay các anh, bởi vì ở đây tôi không có gì để chống lại, nhưng bẻ gãy tinh thần chúng tôi thì các anh không làm nổi đâu, đừng hòng.

Huỳnh Ngự rít lên:

- Được! Được! Rồi anh sẽ biết thế nào là chuyên chính vô sản!

- Tôi đã nói rồi, không muốn nhắc lại nữa: dọa nạt tôi vô ích!

- Tui không thèm dọa anh!

Nỗi giận với tay sai này làm gì, tôi tự nhủ: Vô ích. Mà hùng hồn thuyết giáo như vừa rồi, mình không nhìn thấy mình đấy thôi, chứ nhìn thấy thì phải đỏ ửng mặt lên vì xấu hổ, phờ phờ tuồng ơi là phờ phờ tuồng!

Hai anh chàng cấp dưới của Huỳnh Ngự nhìn tôi bằng cặp mắt van lơn, thật lạ. Có vẻ như họ muốn đụng vào tôi, để nhắc nhở chứ không có ý gì khác.

- Vả lại, còn điều này nữa là điều anh chưa biết, và tôi thấy cần phải nói ngay để cho anh biết. - tôi lạnh lùng tiếp - Đó là: ngay tại chốn này, ngay trong Hỏa Lò của các anh, tôi vẫn còn có quyền của tôi, cái quyền cuối cùng không kẻ nào tước đoạt nổi...

- Anh nói chi lạ? Anh? Mà còn có quyền? Hứ! Quyền, quyền cái con... Chỉ chúng tui mới là người có quyền, hiểu chưa, đồ...

Máu tôi lại bốc lên mặt:

- Lê ra tôi không nói thêm với anh nữa, vì anh lại dở giọng duôn, cho nên tôi phải nói cho anh hiểu...

- Quyền chi mô? Nói coi thử!

Khoanh tay trước ngực, tôi nhìn thẳng vào cặp mắt ngây dại của y:

- Còn cái quyền này: tôi-tuyên-bố-không-nói-gì-với-anh-nữa!

- Tui... tui sẽ... gang họng anh ra, bắt anh phải nói!

Y lại hé t, giọng đã đuối.

- Không ăn thua gì đâu. - tôi dồn từng tiếng - Anh chẳng là gì đối với tôi. Đừng phách lối. Nhờ anh chuyển lời tôi tới bạn chủ của các anh, bảo họ cử người khác đến gặp tôi. Bằng không, tôi sẽ không nói gì hết. Các người cần nói chuyện với tôi, không phải tôi cần nói chuyện với các người.

Không thèm nhìn Huỳnh Ngự, tôi quay ngoắt, bước nhanh về phía cửa. Viên cai ngục lật đật chạy theo.

- Đưa tôi về xà lim! - tôi ra lệnh cho anh ta.

## 5

Năm 1956 được ghi lại trong trí nhớ của tôi như một năm đầy sự kiện.

Tôi ở trong một căn phòng ba người trên tầng thứ tư của ký túc xá sinh viên Trường Đại học Điện ảnh Liên Xô nằm ở phía Bắc Moskva gần ga xe điện ngầm VDNK (Triển lãm Thành tựu Kinh tế Quốc dân). Ký túc xá của chúng tôi không lớn, nhưng lúc nào cũng nhộn nhịp tiếng chân người xầm xập ngoài hành

lang, những cuộc tranh luận nghệ thuật thâu đêm suốt sáng. Đó là thời gian của những giọng ca vàng Imma Sumac, Yves Montand, Robertino Loretti<sup>1</sup>, những bộ phim tân hiện thực của Ý với những tên tuổi sáng chói một thời: Roberto Rossellini, Luchino Visconti, Vittorio De Sica, Giuseppe de Santis<sup>2</sup>... ; thời gian Serguei Eisenstein<sup>3</sup> sống lại với bộ phim *Ivan Bạo đế* nhiều năm nầm chết dí trong kho lưu trữ...

Tôi thiếu quá nhiều thứ để có thể tiếp cận cái mới - cả trí thông minh lẫn vốn kiến thức cần có. Theo truyền thống cha ông, tôi tìm cứu cánh trong sự học gạo. Đúng vào lúc tôi vùi đầu chuẩn bị thi kiểm tra, thì Đại hội lần thứ XX Đảng cộng sản Liên Xô khai mạc.

Tôi chẳng để ý gì tới nó. Những Đại hội Đảng, những hội nghị Trung ương của đảng này đảng nọ trong phe xã hội chủ nghĩa là chuyện chán ngấy, chuyện cơm bữa, cái nào cũng giống hệt cái nào. Tôi phát ớn những diễn văn dài dằng dặc kín mít trang báo, những từ ngữ ồn ào, sáo rỗng và mòn vẹt vì lặp đi lặp lại. Chính trị, như tôi biết nó, chưa bao giờ quyến rũ tôi. Với tôi chính trị là thứ chỉ dành cho một số người phi thường và những tên cơ hội, hai loại nhân sinh có tài tìm thấy niềm vui trong trò chơi lá mặt lá trái của nó. Vì thế, ngồi dưới cái loa suốt ngày lải nhải tin tức và bình luận chính trị, tôi vẫn học bài được như thường.

Đó là một cái loa hộp già lão đã hỏng chiết áp, hỏng từ bao giờ không biết, tôi đến thì nó đã có đáy rồi. Già nua, xơ xác, nó làm nhảm suốt ngày, nỉ non suốt ngày cho tới tận khuya, với sự kiên trì chỉ có ở máy móc. Tôi đánh vật với nó để bắt nó câm miệng, nhưng thất bại thảm hại. Làm đủ cách không xong, tôi lấy vải dày bít nó lại, nhưng chỉ làm cho tiếng nó nhỏ đi được chút ít. Đành đọc sách, làm bài trong tiếng lầm bẩm không dứt của cái loa cần mẫn, riết rồi cũng quên được sự hiện diện của nó.

Tôi đang chìm đắm trong số phận bi đát của Vua Lear thì Shpalikov<sup>4</sup> xồng xộc chạy vào:

- Trời đất ơi, đồ mợt sách! Đang xảy ra chuyện động trời mà cậu còn cặm cụi với cái ông Shakespeare của cậu được thì lạ quá! Nghe đi kìa!

<sup>1</sup> Những ca sĩ nổi danh giữa thập niên 50.

<sup>2</sup> Những đạo diễn tên tuổi của trào lưu Làn sóng mới của điện ảnh Ý.

<sup>3</sup> Serguei Mikhailovich Eisenstein (1898-1948), đạo diễn, nhà lý luận điện ảnh Liên Xô. Bộ phim *Ivan Bạo Đế* gồm ba phần: phần một được giải thưởng Stalin năm 1945, phần hai miêu tả Ivan Bạo đế có nhiều nét giống Stalin nên không được dựng và chiếu, mãi tới năm 1956 mới được đưa ra công chúng, phần ba tác giả chưa hoàn thành, tôi chỉ được xem toàn bộ phim này vào năm 1991 tại Viện bảo tàng điện ảnh.

<sup>4</sup> Về sau Guenadi Shpalikov viết kịch bản, làm đạo diễn, làm thơ. Cuộc đời anh kết thúc bi thảm. Anh nghiện rượu nặng rồi tự vẫn, thất vọng thấy cuộc sống xã hội chủ nghĩa không đẹp như anh muốn thấy. Shpalikov để lại những bộ phim mà khán giả xô-viết rất yêu mến: “Lang thang trên phố phường Moskva, Cửa ô Illich, Những chuyến xe điện đi về tỉnh xa. Thời gian trở lại nước Nga sau ba chục năm tôi chỉ tìm được đứa con gái độc nhất của bạn mình, đã trở thành một diễn viên điện ảnh, rồi bỏ điện ảnh vào sống trong một tu viện.

Tôi ngẩng lên nhìn cái loa. Trong đầu tôi vua Lear tội nghiệp vừa bị các cô con gái cắt tiền tiêu, cắt cả lính hầu, khi vương quốc của ông không còn là của ông nữa, ông đã đem nó cho các cô con gái yêu của ông mất rồi. Tôi đang thương ông, đang ngán ngẩm cho tình đời. Cái loa lầm bẩm điều gì đó, còn Shpalikov thì tươi cười, đôi mắt đen lấp lánh. Tôi không nhận ra ngay giọng nói của Nikita Khrushov<sup>1</sup>. Những tràng vỗ tay lớn và kéo dài quá mức làm cho cái khăn bịt màng loa rung lên bần bật.

Tôi tháo nó ra để nghe cho rõ. Thì ra chuyện động trời!

“Vào những năm cuối đời mình Yosif Vissarionovich Stalin<sup>2</sup> đã phạm những sai lầm nghiêm trọng... - giọng Nikita Khrushov sang sảng - Ông coi thường và vì thế đã vi phạm thô bạo những chuẩn mực sinh hoạt dân chủ... Những tội ác xảy ra trong thời kỳ Stalin đứng đầu Đảng và Nhà nước... Tệ sùng báu cá nhân là xa lạ với bản chất của đảng cộng sản... !!”

Tôi bàng hoàng. Cha mẹ ơi, gì thế này?! Đại nguyên soái Stalin, người thầy, người cha của nhân dân lao động toàn thế giới<sup>3</sup> và... tội ác??

Ngoài trời, tuyết bay thành những dải chênh chêch. Mới tháng Hai, mùa xuân Nga còn lâu mới bắt đầu.

- Nghe thấy chưa? Một cuộc cách mạng! Cậu hiểu không, một cuộc cách mạng? - Shpalikov nhảy lên, hoa chân múa tay dưới cái loa sứt sẹo. - Một quả bom nguyên tử ném thẳng vào dinh lũy của nền chuyên chế! Tự do muôn năm!

Tôi ngẩn người. Anh chàng xuất thân thiếu sinh quân học viện quân sự Suvorov, tất phải nồng nhiệt yêu chế độ xô-viết, sao lại có thể vui mừng đến thế trước cuộc tấn công trực diện vào lãnh tụ Stalin vĩ đại? Mà người mở đầu cuộc tấn công lại không phải là ai khác Nikita Khrushov, người mà báo chí hôm qua còn gọi là “học trò xuất sắc và trung thành” của ông?

Đến lúc ấy tôi mới nghe tiếng chân người đi lại rầm rập ngoài hành lang, tiếng mở cửa, đóng cửa ầm ầm ở các phòng. Giọng ai đó rung lên mãi một khúc aria không rõ lời. Tiếng vỗ tay rộn ràng theo nhịp một bài ca cách mạng năm 1917.

<sup>1</sup> Nikita Sergeevich Khrushov (1894-1971), Bí thư thứ nhất Đảng cộng sản Liên Xô 1953-1964. Tên của Khrushov phiên theo cách phát âm Nga, ở phương Tây họ của ông được viết là Khrushchev.

<sup>2</sup> (1879-1953). Tên thật là Iosif Vissarionovich Dzugashvili, con một gia đình nông dân tỉnh Gori (nước Cộng hòa Gruzia), thời niên thiếu theo học Chủng viện Tbilisi, bị bắt và đi đày ở Siber vào những năm 1902-1904, tham gia Đảng xã hội dân chủ Nga từ năm 1899, “học trò và bạn chiến đấu của Lenin”, như được ghi trong lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô. Sau khi Lenin chết (1924), trở thành tổng bí thư Đảng cộng sản Liên Xô.

<sup>3</sup> Những danh hiệu được các đảng cộng sản dùng để tôn vinh Stalin, đã trở thành quen thuộc với dân chúng ở các nước gọi là xã hội chủ nghĩa.

Từ hôm đó, nhóm bạn Nga tổ chức tại phòng tôi một bữa tiệc sinh viên. Chúng tôi uống vốt-ka Stolichnaia, nhấm với cá vobla sấy, xúc xích tiết lợn, bánh mì khô và tin nóng hồi nhận được từng giờ từ phòng họp Đại hội. Bữa tiệc kết thúc bằng cuộc cãi vã to tiếng giữa phái đến cùng đòi ngay lập tức phải tiếp tục đi xa hơn nữa những kết luận của Đại hội và phái chủ trương cải tổ từ từ. Phái “ngay lập tức” bỏ đi. Phái “từ từ” ở lại.

Tôi buồn ngủ. Trong cơn mơ màng tôi nghe Shpalikov hỏi:

- Cậu hiểu rồi chứ?

Tôi im lặng. Tôi không hiểu hoặc chỉ mới hiểu lờ mờ. Nhưng tôi tin Shpalikov. Nếu anh vui mừng đến thế mà tôi không cảm thấy như anh thì tôi cần xem lại mình. Chắc rằng trong tôi còn nhiều tăm tối, còn nhiều u mê. Cũng như tôi không hiểu hết được cái đẹp trong thơ Pushkin<sup>1</sup> vậy. Trong ngày hôm nay Puhskin được nhắc tới rất nhiều. Bài thơ Những Người Tháng Chạp<sup>2</sup> của ông được cả hai bên tranh luận ngâm nga.

Đại hội XX không phải chỉ vạch trần tệ sùng báy cá nhân Stalin, đòi phục hồi các chuẩn mực dân chủ trong mọi mặt sinh hoạt xã hội, trong sinh hoạt đảng... Nó còn mở ra tầm nhìn mới cho cả thế giới cộng sản. Nó mạnh mẽ bác bỏ quan điểm coi bạo lực là phương pháp giành chính quyền duy nhất của giai cấp vô sản, quan điểm coi mâu thuẫn giữa hai hệ thống thế giới là không thể điều hòa. Đó là Đại hội của tinh thần hòa bình - cùng tồn tại trong hòa bình, hợp tác hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau, tinh thần giải quyết mọi tranh chấp bằng thương lượng, chấm dứt mọi thứ chiến tranh nóng cũng như lạnh, giải trừ quân bị... Tuyệt vời! Trên lời nói, tinh thần Đại hội XX đúng là như thế.

Đó là ngày 25 tháng Hai năm 1956.

Hôm sau tôi vào trung tâm thành phố để xem phim Chiến tranh và Hòa bình của Mỹ tại Cung Điện ảnh. Hồi bấy giờ các rạp chiếu bóng không chiếu phim Mỹ và nói chung phim của các nước phương Tây. Những phim “tư bản” chỉ được chiếu ở vài rạp đặc biệt và phải có giấy mời. Tôi tưởng tôi không thể đến kịp giờ chiếu vì mọi con đường đều tắc nghẽn. Các ga xe điện ngầm đông nghịt. Những con đường dẫn tới Hồng trường cuồn cuộn cơn lũ dân chúng vui vẻ, hò reo, ca hát, mang cờ đỏ búa liềm, chân dung Nikita Khrushov tới điện Kreml để chào mừng Đại hội. Họ ôm nhau, họ hôn nhau, họ nhảy múa trong tiếng nhạc đệm của đàn bayan, đàn babalaika<sup>3</sup> chơi những bài dân dã. Một đám đông ngẩng cao đầu, mắt rưng lệ, trịnh trọng hát Quốc tế ca. Rải rác trên vỉa hè là những bức chân dung Stalin, cái còn

<sup>1</sup> Pushkin A. S. (1799-1837), nhà thơ lớn của nước Nga.

<sup>2</sup> Các sĩ quan quý tộc trong cuộc nổi dậy chống lại Nga hoàng Nikôlai Đệ nhất vào Tháng Chạp năm 1825. Cuộc nổi dậy bị đè bẹp, ngoài 5 người bị treo cổ, 120 người bị đầy đi vùng băng giá hoang vu Sibir. Những người vợ trung thành và dũng cảm của họ đã đi theo chồng tới tận nơi lưu đày, nêu một tấm gương sáng cho phụ nữ Nga.

<sup>3</sup> Hai thứ nhạc cụ phổ biến ở Nga. Bayan giống như ắc-coóc-đê-ông, babalaika giống đàn măng-đô-lin với hộp đàn hình tam giác.

nguyên, cái bị xé nát, nhem nhuốc dưới gót giày khát bộ hành. Chưa bao giờ tôi được thấy một cảnh tượng vui mừng của đám đông, thường được gọi là quần chúng, như thế. Những người hôm qua tưởng chừng chỉ sống cho mình bỗng nhiên tìm được nhau, có với nhau niềm vui chung trong ý nghĩa một cuộc sống khác, người với người biết sống cho nhau.

Tôi rùng mình. Những gì đang diễn ra trước mắt làm tôi bàng hoàng.

Những người chưa từng bị giáo dục (hiểu đúng là: chưa bị nhồi sọ) lòng yêu mến và kính trọng sâu sắc đối với lãnh tụ vĩ đại Stalin thì không thể nào hiểu nổi nỗi xúc động của chúng tôi khi thần tượng của mình bị lột mặt, bị quật ngã, bị phỉ nhổ, bị chà đạp.

Tôi còn nhớ tin Stalin qua đời đến với chúng tôi như thế nào. Cuộc kháng chiến trường kỳ bước vào năm thứ bảy.

Tôi đang ở Thanh Hóa. Hàng ngày, từng tốp máy bay Hellcat và Spitfire từ Hà Nội chở chở lại bay vào quần đảo trên những làng mạc thanh bình vùng tự do<sup>1</sup>. Thỉnh thoảng chúng thu hẹp vòng lượn và bên dưới, từ mặt đất, bốc lên những cột khói đen.

Tin Stalin qua đời đến với chúng tôi một ngày như thế. Người ta quên băng những máy bay - thần chết khi tiếng loa cất lên vang vang trong thôn xóm báo tin người Cha, người Thầy vĩ đại của nhân dân lao động toàn thế giới không còn nữa.

Lớp trẻ chúng tôi lặng đi. Ít lâu sau, học sinh các trường phổ thông đã ra rả học bài thơ Đời Đời Nhớ Ông của Tố Hữu<sup>2</sup>, trong đó nhà thơ khóc Stalin:

*Thương cha, thương mẹ, thương chồng*

*Thương mình thương một, thương Ông thương mười.*

*Yêu con, yêu nước, yêu nòi,*

*Yêu bao nhiêu lại thương Người bấy nhiêu,*

*Ngày xưa khô héo quạnh hiu,*

<sup>1</sup> Vùng thuộc quyền kiểm soát của chính phủ kháng chiến, để phân biệt với “vùng tề” do quân đội Pháp và quân đội Bảo hoàng chiếm giữ.

<sup>2</sup> Tố Hữu, tên thật: Nguyễn Kim Thành (1920-2002), Nhà thơ cộng sản, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, ủy viên Bộ Chính Trị trong thập niên 60. Sau vụ đánh “Nhân Văn-Giai Phẩm”, trở thành tổng tư lệnh nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong một thời gian dài. Một thời gian làm phó thủ tướng phụ trách kinh tế.

*Có Người mới có ít nhiều vui tươi...*

Tôi quyết định bỏ Shakespeare đấy đã để tìm hiểu những gì đang xảy ra. Tôi đem những thắc mắc của mình hỏi giáo sư Valentin Konstantinovich Turkin. Ông là một trong những con chim đầu đàn của nền điện ảnh xô-viết, với tư cách tác giả kịch bản. Trong trường chúng tôi Turkin là giảng sư môn biên kịch điện ảnh. Nghe tôi hỏi, ông trợn mắt, xua xua hai tay như muốn đẩy ra xa một cái gì đó rất đáng sợ:

- Chính trị không phải thứ dành cho chúng ta đâu, anh bạn trẻơi. Chớ! Chớ đừng vào nó. Khi còn ở tuổi 20 tôi, nói tình thật, tôi cũng chú ý tới nó, y như anh bây giờ, sau đó thì... thôi, tôi chán. Chán ngấy. Mà không phải chán - tôi sợ. Thật đấy. Anh bạn hãy quên nó đi, tôi khuyên anh. Những việc anh thấy hôm nay có vẻ ghê gớm thật đấy, có vẻ chắc chắn thật đấy, nhưng ngày mai mọi sự lại có thể khác. Đây vào mà làm gì!

Không tìm được lời giải thích ở ông giáo sư già, tôi tìm gặp Nina Anosova, giáo sư môn văn học nước ngoài. Bà còn trẻ, trong những bài giảng bà thường đưa vào những quan điểm mới, được trình bày một cách thận trọng, nhưng đủ để cho chúng tôi nhận ra. Bà lắng nghe câu hỏi của tôi rồi lắng lặng ra hiệu cho tôi đi theo bà. Chúng tôi đi xuống tầng hầm của trường. Trong một góc tối, bà chỉ cho tôi cái thang dựng sát tường:

- Đối với tôi, thời Stalin gắn liền với cái thang này. Nó đã trở thành biểu tượng. – Nina Anosova nói khẽ, như thì thào - Anh có thấy chân dung các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước xô-viết treo trên hội trường không? Thời Stalin còn sống, cái thang được dùng đến luôn. Thỉnh thoảng anh thợ điện Stefan lại vác nó lên để tháo vài vị xuống, treo vài vị khác thế vào. Báo Pravda (Sự thật) thông báo: chúng là những tên phản bội, là "kẻ thù của nhân dân xô-viết". Rồi chính những vị vừa được treo lên ấy, đến một hôm khác lại bị gỡ đi. Hóa ra họ cũng là "kẻ thù của nhân dân xô-viết" nốt. Tất cả đều từng được ngợi ca là bạn chiến đấu, là học trò ưu tú của Lenin và Stalin. Cứ mỗi vị bị bắt thì một loạt cán bộ khác bị bắt theo, cứ như là một đợt sóng vậy. Ngay tại trường ta này cũng có những cán bộ bỗng nhiên bị công an đang đêm tới nhà khoá tay tống lên xe chở tù. Hồi ấy chúng tôi chỉ biết ngạc nhiên thôi: chế độ mình đẹp thế, tốt thế, mà sao lại có lăm người chống lại nó đến thế, sao mà lăm "kẻ thù của nhân dân xô-viết" đến thế? Trong lòng, tôi không tin những người nọ là kẻ thù của nhân dân, tôi biết rõ họ mà, những người khác cũng thế, chẳng khác gì tôi, họ cũng không tin, nhưng chẳng ai dám nói ra.

Tôi bần thần nhìn bà.

- Thật xấu hổ, nhưng chúng tôi đã sống hèn như thế đấy! – bà thở dài.

Anosova là người trung thực. Bà không bịa đặt. Chẳng lẽ bà cũng là một trong những "kẻ thù của nhân dân xô-viết" giấu mặt?

Sau đó ít lâu tôi lại được nghe một người vừa từ trại tập trung Kolyma nổi tiếng<sup>1</sup> trở về phát biểu trong một cuộc họp chi bộ cộng sản trong trường<sup>2</sup>. Người đàn ông đứng tuổi, gày còm, mặt hốc hác, đen đúa, ch襂 ch襂 lại khịt mũi, nghe nói trước kia làm việc tại văn phòng trường, nói những lời không machsen lạc về công lao của đảng cộng sản trong sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa, thế rồi đang nói ông ta bỗng bật khóc nức nở: “Các đồng chí ơi! Tôi bị đưa đi giáo dục mười một năm. Trở về, tôi như bị lạc vào một thế giới khác. Tất cả đều khó hiểu, mọi cái đều xa lạ. Hãy giúp đỡ tôi, các đồng chí! Tôi muốn làm một người bình thường... như mọi người”.

Người tù được tha không hề thốt lên một lời oán trách Đảng trong những câu nói ngô nghê, rất khó hiểu. Đặc biệt là ông ta chẳng nói gì tới lý tưởng cộng sản hết. Ông ta chỉ nói đến Đảng, hay đúng hơn, câu nào của ông ta cũng có chữ Đảng. Đường như cơn ác mộng vẫn còn đó, vẫn tiếp diễn, về tới Moskva rồi ông vẫn chưa hết sợ<sup>3</sup>. Nhưng lý trí phản bác rằng cảm giác của tôi sai, rằng nhờ tính đảng cao nên trải qua đọa đày, người tù được tha ấy vẫn một mực trung thành với Đảng. Chỉ đến khi chính mình nếm trải những gì mà những người cộng sản nếm trải, tôi mới hiểu trực cảm của tôi là đúng.

Đó chính là cái sợ.

Không phải cái gì khác. Cái sợ không từ trên trời rơi xuống. Nó được gieo trồng, được vun xới, một cách có tính toán, một cách có ý thức. Dần dà, thấm vào từng chút một, nó trở thành tính cách của người dân xã hội chủ nghĩa. Valeri Fritz, một nhà biên kịch điện ảnh từng ở tù 11 năm trong các nhà tù và trại tập trung trong cái mà Solzhenitsin gọi là Quần đảo ngục tù GULAG<sup>4</sup>, đồng ý với nhận định của tôi. Ông nói rằng sự sợ hãi dưới thời Stalin đã trở thành bản sắc xô-viết.

<sup>1</sup> Một trong những trại tập trung nổi tiếng nhất Liên Xô thời Stalin, được miêu tả tỉ mỉ trong tiểu thuyết “Quần đảo ngục tù” của Solzhenitsyn.

<sup>2</sup> Hồi bấy giờ Đảng cộng sản Liên Xô chủ trương công khai hóa mọi công việc của đảng, trong một lý thuyết được gọi là đảng toàn dân. Khrushov cho rằng đảng cộng sản không có gì bí mật đối với dân bởi vì mọi công việc đảng làm là vì dân. Trong cuộc họp mở rộng mà tôi được dự người ta chỉ bàn chuyện mắc thêm máy điện thoại công cộng cho nhà ở tập thể của sinh viên, chuyện làm vệ sinh quanh trường sở, chuyện kết nạp đảng viên mới.

<sup>3</sup> Trại tập trung với 3 đặc điểm: 1/ người bị giam không được xét xử, 2/ thời hạn giam giữ là tùy tiện, 3/ chế độ giam giữ, trừng phạt là tùy tiện, xuất hiện từ cuối thế kỷ thứ 19. Người Tây-ban-nha đã lập các trại tập trung tại Cuba từ năm 1898, người Anh đã lập các trại tập trung giam 20.000 người mà đa số là đàn bà và trẻ em tại Nam Phi. Tại Mỹ 70.000 công dân Hoa Kỳ gốc Nhật và 42.000 người Nhật định cư tại Mỹ bị dồn vào những trại tái định cư trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ II... Tại Liên Xô, trại tập trung được lập ra từ năm 1918 để giam giữ những “kẻ thù bên trong”, hệ thống trại tập trung này đặc biệt phát triển trong thập niên 30-40. Tại Đức, nhà nước Quốc Xã sau khi giành được chính quyền năm 1933 lập tức thiết lập hệ thống trại tập trung với chế độ giam giữ hà khắc và sự thủ tiêu tàn bạo nổi tiếng thế giới.

<sup>4</sup> Tổng cục Quản lý Các Trại Cải tạo Lao động *Glavnoye Upravleniye Ispravitelno-trudovykh Lagerey i kolonii*.

Trong những cuốn sách được xuất bản sau Đại hội XX, nhiều tác giả viết rằng khi nước Đức Quốc xã vượt qua biên giới Ba Lan tiến vào lãnh thổ Liên Xô, xé toạc hiệp ước không xâm phạm lẫn nhau Xô - Đức, Stalin mới ngã ngửa người ra thấy các tướng lĩnh và cán bộ chỉ huy quân đội đã nằm gần hết trong các trại tập trung. Ông hạ lệnh tha khẩn cấp để họ trở về đi đánh nhau với Đức.

Điều đáng ngạc nhiên và hơn nữa, đáng khâm phục, là tất cả những người được tha đều sẵn sàng ra ngay mặt trận để chiến đấu chống quân xâm lược. Tôi được biết về tâm trạng kỳ lạ đó qua những cuốn hồi ký viết bằng giọng văn giản dị và trong sáng của những người không viết văn mà chỉ đơn giản kể lại chuyện đời mình,

Bên cạnh câu chuyện cảm động về lòng yêu nước của họ, họ cũng cho ta biết một chuyện quái đản là những người bị bắt oan nợ khi được tha về còn phải ký vào một tờ giấy cam đoan không nói lại với ai rằng mình bị đi tù.

Một trung tướng quân đoàn trưởng gấp cấp dưới của mình, một viên tư lệnh sư đoàn, tại nhà an dưỡng miền Nam Liên Xô: “Kia, Ivan, lâu lắm rồi mới gặp lại đồng chí! - ông mừng rỡ kêu lên - Đạo này đồng chí gày quá!”, “Báo cáo thủ trưởng, tôi vừa đi công tác xa về. - tư lệnh sư đoàn trả lời - Tôi trông thủ trưởng cũng không được khỏe?”. Quân đoàn trưởng cười: “Tôi cũng vậy, đồng chí ạ, tôi cũng vừa đi công tác xa về”.

Trong từ điển tiếng Nga có một thành ngữ: “đi đến một nơi không xa lắm” để chỉ sự bị đi tù. Tiếng lóng này xuất hiện trong thời kỳ xô-viết.

Tôi không tin những người nói rằng do sống biệt lập trong điện Kremlin, Stalin không hề biết gì về việc các nguyên soái, các tướng lĩnh của ông bị bắt hoặc bị đi đày. Cái huyền thoại về vị lãnh tụ anh minh bị cấp dưới bịt mắt, bị lừa dối, do đó không biết những việc xảy ra với các chiến hữu của ông, hoàn toàn bị những sự thật hàng ngày diễn ra bên cạnh những người dân biết suy nghĩ như giáo sư Anosova bác bỏ.

Một người bạn tôi ở khoa lý thuyết điện ảnh, anh Naum Kleiman<sup>1</sup>, kể cho tôi nghe chuyện chính anh và gia đình anh bị đày đi Sibir gần chục năm như thế nào. Tôi của họ dễ hiểu: họ là người Do Thái. Mà người Do Thái, theo Stalin, là giống người không tin được, mọi tên Do Thái, bất luận lớn bé già trẻ phải chịu tội chung cùng với những bác sĩ Do Thái bị bắt trong cái gọi là “vụ án bọn áo choàng trắng” ở Leningrad<sup>2</sup>. Trong chuyện này giữa Stalin và Hitler không có sự phân biệt. Mãi tới khi Stalin qua đời,

<sup>1</sup> Naum Kleiman về sau trở thành nhà phê bình điện ảnh, chuyên gia về Sergey Mikhailovich Eisenstein (đạo diễn Chiến hạm Potemkin, Ivan Bạo đế...)

<sup>2</sup> Vụ này bắt đầu bằng một bức thư tố giác của nữ bác sĩ Timashuk, người sau này được trao giải thưởng Stalin. Ngày 13. một. 1953 tờ Pravda loan tin chính quyền xô-viết vừa khám phá một âm mưu phản loạn của “một nhóm khủng bố gồm các chuyên gia y tế”. Thoạt đầu, có 9 rồi sau 15 bác sĩ bị bắt, trong số đó quá nửa là người Do Thái. Họ bị buộc vào các tội: hãm hại Andrei Jdanov (chết năm 1948) và Alexandre Sherbakov (chết năm 1950), hoạt động tình báo cho Intelligence Service (Anh). Tiếp đó nhiều chuyên gia y tế khác cũng bị bắt và bị

Naum mới được trở về Moskva. Anh nói anh không bao giờ quên chuyến đi tới miền Cực đông băng giá trong toa tàu chở súc vật với những thanh gỗ đóng chéo ngoài cửa. Cách di chuyển dân Do Thái đi tới các nơi lưu đày của cơ quan an ninh Liên Xô cũng lại giống hệt cách phát-xít Đức chuyển tù Do Thái tới các lò thiêu.

Câu chuyện của Naum Kleiman<sup>1</sup> làm tôi choáng váng. Chủ nghĩa cộng sản trong hình dung của tôi hẳn hòi là không có, và không thể có gì chung với tệ kỷ thị chủng tộc. Tôi quan niệm mọi giống người là như nhau, bình đẳng với nhau, người ta sinh ra là để thương yêu nhau. Tôi rất thích một ca khúc của anh Lưu Hữu Phước, một người Nam Bộ hồn nhiên, mở đầu bằng hai câu “*Vàng, đen, trắng, nước da không chia tấm lòng. Biên giới kia khôn ngăn mối dây tâm tình...*”<sup>2</sup> Đó chính là thế giới mà tôi muốn được thấy khi đi với chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa cộng sản của Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và Huỳnh Ngự không giống thế. Chẳng những không giống, nó khác hẳn, là hình ảnh ngược lại của cái chủ nghĩa cộng sản mà chúng tôi hình dung. Trong đầu những tên độc tài, Stalin cũng như Hitler và lũ lâu la của chúng trên khắp thế giới, không hề có khái niệm các dân tộc là bình đẳng. Trong khi sùng phục các nước cộng sản lớn là Liên Xô, Trung Quốc, đám lãnh tụ cộng sản mà tôi biết, trong mối quan hệ với những nước nhỏ láng giềng như Lào và Campuchia thực sự là những tên thực dân khinh rẻ người bản xứ. Lần đầu tiên tôi được thấy chủ nghĩa cộng sản phân biệt chủng tộc. Tất nhiên là tôi hiểu sai, mà họ mới là người hiểu đúng. Trong tôi, chủ nghĩa cộng sản có giáng dấp Thiên chúa giáo, nơi mọi người đều là con cái của Chúa. Trong họ, cái chủ nghĩa cộng sản đang được thực hiện kia mới là chủ nghĩa cộng sản đích thực, cho dù chính người khai sinh ra nó có lẽ cũng không hình dung nổi nó sẽ là như thế.

Cả những đứa trẻ cũng không được yên khi cuộc trấn phán đã bùng lên thành cơn cuồng tàn sát. Nhân danh cách mạng, những người cộng sản đích thực nọ chuyên chính với cả con nít. Cách suy nghĩ của nhà cầm quyền chuyên chính vô sản Liên Xô thật đơn giản: nếu cha mẹ của những đứa trẻ đã là “kẻ thù của nhân dân xô-viết” thì con cái chúng lớn lên nhất định cũng sẽ trở thành “kẻ thù của nhân dân xô-viết”. Một trong những nghị định của Bộ Nội vụ thời Stalin ghi rõ: “... Vợ con những tên phản bội Tổ quốc phải bị giam giữ trong các trại tập trung với thời hạn không dưới 5 - 8 năm tù, tùy theo mức độ nguy hại cho an ninh xã hội. Những đứa trẻ có hai cha an ninh xã hội phải đem xử án, tùy theo tuổi,

hành quyết. Ngày 19. 2. 1953 thứ trưởng Bộ Ngoại giao Ivan Maisky cũng bị bắt vì tội làm tình báo cho nước ngoài. Những biện pháp tra khảo thời trung cổ được áp dụng. Stalin ra lệnh trói viện sĩ Vinogradov bằng xích sắt. Mục đích của nhà tộc tài xa hơn - qua vụ “áo choàng trắng” ông muốn lợi dụng lời khai của các bị can để triệt hạ các đối thủ tiềm tàng của mình trong Bộ chính trị.

<sup>1</sup> Sau Đại hội XX, những người Do Thái bị đi đày lần lượt được cho phép trở về nguyên quán. Naum Kleiman sau trở thành một chuyên gia về lịch sử điện ảnh, giám đốc Bảo tàng điện ảnh Nga tại Moskva.

<sup>2</sup> Lưu Hữu Phước, nhạc sĩ, tác giả nhiều ca khúc cách mạng, trong đó có hai bài được chính quyền Việt Nam Cộng Hòa và chính quyền lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam chọn làm quốc ca (quốc ca của Việt Nam Cộng Hòa là bài Tiếng Gọi Sinh Viên, được đổi thành Tiếng Gọi Công Dân, quốc ca của Cộng hòa miền Nam Việt Nam là bài Giải phóng Miền Nam, ký tên Huỳnh Minh Siêng).

tùy theo mức độ nguy hại và khả năng cải tạo chúng, chúng phải bị giam giữ trong các trại tập trung, các trại cải tạo lao động của Bộ Nội vụ hoặc giam giữ tại các nhà trẻ với chế độ đặc biệt”<sup>1</sup>.

Thì ra dưới lớp vàng son lộng lẫy trưng ra mặt tiền một xã hội tuyệt vời lại là những vụ thanh toán cung đình, những vụ thủ tiêu mờ ám, những vụ trấn phản đẩy hàng triệu dân chúng vô tội vào các trại tập trung khủng khiếp, không trừ cả phụ nữ và trẻ em.

Tôi bị sốc thật sự.

Một phần trong những tội ác của Stalin - tôi nói “một phần” vì sau này người ta còn phát hiện nhiều tội ác khác, thí dụ như vụ thủ tiêu binh lính, sĩ quan và các nhà chính trị Ba Lan vào năm 1940 (lực lượng những người kháng chiến Ba Lan không cộng sản này chạy sang đóng quân nhờ đất bạn) tại khu rừng Katurn thuộc tỉnh Smolensk (nay thuộc Ukraina). Con số được nói tới khoảng 30. 000 người. Không thể nào tưởng tượng nổi: người ta hành quyết 30. 000 người rồi vùi trong các huyệt tập thể.

Còn khủng khiếp hơn nữa khi nghe lời bình trong một bộ phim tài liệu, rằng ở khu rừng ấy còn có cả di thể của chính các công dân xô-viết: “không rõ họ là những ai, con số họ là bao nhiêu, bởi vì chẳng ai quan tâm tới những người xấu số ấy”. Đấy mới là mặt thật của nước Nga vô tình với số phận chính những đứa con của nó. Bộ phim này cũng chỉ có thể ra đời sau khi chế độ xô-viết sụp đổ. Trong thời kỳ tồn tại của chế độ chuyên chế, mọi sự thật bất lợi cho nhà cầm quyền đều bị bưng bít.

Những gì được nêu lên trong Báo Cáo Mật<sup>2</sup> do Nikita Khrushov trình bày trước Đại hội XX, tuy vậy cũng còn xa mới tới được sự thật trong nghĩa đúng của nó. Nhà cầm quyền cộng sản sau Stalin, vì nhiều lý do đã không dám phơi bày hết những gì đã xảy ra sau bức màn sắt. Cái chính là họ không đủ can đảm miêu tả để chế xô-viết như chế độ của tội ác, bắt nguồn từ chính mô hình cai trị xô-viết.

Không biết bằng cách nào, nhưng chỉ vài tuần lễ sau Đại hội, Báo Cáo Mật đã được đăng tải trên trang nhất những tờ báo lớn ở “thế giới tự do”. Những người cộng sản Liên Xô chỉ được biết về những

<sup>1</sup> Trích chỉ thị của bộ trưởng Bộ Nội Vụ nhân dân số 00486, đề ngày 15. 8. 1937. Sau cuộc chính biến mùa thu năm 1991 báo chí Liên Xô (cũ) khui ra được rất nhiều văn kiện mật và tối mật của chính quyền xô-viết liên quan tới những vụ trấn áp. Chỉ thị này tôi chỉ được biết năm 1992 khi đã trở lại Moskva sau hơn 30 năm.

<sup>2</sup> Tên chính thức của bản Báo Cáo Mật là: “Về tệ sùng bá cá nhân và hậu quả của nó” do Nikita Khrushov đọc gần 4 giờ đồng hồ lienvào đêm 24 rạng ngày 25 tháng Hai năm 1956 trong một phiên họp bí mật của Đại hội XX ĐCSLX, mà người ngoài không được dự. Sau đó, bản báo cáo được trao tay cho các đoàn đại biểu các đảng anh em. Theo một nguồn tin phương Tây thì John Rettie, người của hãng thông tấn Reuters, đã được biết về bài diễn văn này nhờ một người thân cận của giới lãnh đạo Liên Xô cho biết vài giờ trước khi Rettie rời Liên Xô. Bản báo cáo được nói đến ở phương Tây vào đầu tháng 3. 1956. Đến tháng 6 thì nó được đăng trên tờ New York Times lần đầu tiên. Người đọc ở Việt Nam trong nhiều năm sau Đại Hội XX không hề biết đến sự tồn tại của một bản báo cáo như thế. Tờ Tiếng Thơ - cơ quan tuyên truyền của Nhóm trốt-kít Việt Nam ở Pháp - đã trích dịch nhiều đoạn và viết bài bình luận về bản báo cáo này, tuy nhiên mãi tới năm 1982 nó mới được in riêng thành tập trong Tủ sách Nghiên cứu của nhóm này.

chuyện kinh khủng xảy ra ở nước mình được nêu ra trong Báo Cáo Mật rất lâu sau những độc giả vô công rồi nghè ở các nước khác.

Lẽ đương nhiên, các đoàn đại biểu dự Đại hội đều được nhận Báo Cáo Mật. Ngay cả trong hình thức không đầy đủ của nó, nó cũng làm cho những người nhận được phải rùng mình vì những vụ thanh trùng đẫm máu được Nikita Khrushov phanh phui. Báo Cáo Mật là sự vạch trần đầu tiên những dối trá được che đậy bằng những lời lẽ mị dân mỹ lệ.

Ở Việt Nam, trừ các ủy viên Bộ Chính trị và vài ủy viên Ban Bí thư, không ai được đọc Báo Cáo Mật. Tôi được biết nội dung Báo Cáo Mật là do tướng Lê Liêm<sup>1</sup> kể lại tì mỉ, nhìn vào những dòng ghi chép trong sổ tay. Lê Liêm chỉ là ủy viên Trung ương dự khuyết, ông không có tiêu chuẩn đọc Báo Cáo Mật, muốn đọc nó ông phải đi mượn. Ông là người có quan hệ tốt với mấy ủy viên Bộ Chính trị nên mới mượn được, chứ nhiều ủy viên Trung ương khác thậm chí chưa được cầm nó trong tay.

Báo Cáo Mật là tiếng nói bất bình, là sự lên án lối cai trị tùy tiện, độc đoán, tàn bạo nhưng chưa phải sự đoạn tuyệt với nó. Nikita đã không đi đến cùng. Điều này càng về sau càng rõ. Hoặc ông chưa đủ gan, hoặc ông còn bị kiềm chế bởi các thế lực thân Stalin, hoặc chính ông thấy xấu hổ nếu phơi bày tuốt tuột những cái xấu của chế độ xô-viết mà ông phục vụ. Hoặc, tệ hơn thế, ông vẫn là một người cộng sản mang trong đầu cái não trạng cộng sản Stalin mà không ý thức được điều đó. Vì thế báo cáo mới là mập, mới không là công khai. Cái còn thiếu rõ ràng trong bản báo cáo là thái độ sám hối. Trong báo cáo, Nikita xuất hiện chỉ với tư cách người buộc tội. Ông xấu hổ trước những gì xảy ra trên đất nước xô-viết. Ông lên án những việc làm bất nhân, vô đạo. Nhưng chẳng lẽ không phải chính ông đã từng ở trong đám thuộc hạ của Stalin trong khi tội ác diễn ra, nếu không trực tiếp thì cũng gián tiếp nhúng tay vào máu? Ông cũng chưa một lần nói “Không!” để chặn đứng bàn tay giết người của Stalin.

Như một nghịch lý, những người dựng lên chế độ xã hội chủ nghĩa lại thiếu đức tính mà họ có thừa khi còn đấu tranh chống nền chuyên chế. Ấy là lòng dũng cảm. Chỉ tới Đại hội XX các đại biểu mới bàng hoàng trước sự thật được công bố: trong số 139 ủy viên Trung ương được Đại hội XVII (1934) bầu ra đã có tới 98 người bị bắt và tống giam. Vị chi là trên hai phần ba. Không một ai trong những người còn sống sót dám lên tiếng. Stalin đã thành công trong việc đánh thức bản năng sinh tồn trong mỗi nạn nhân của ông ta. Ai cũng sợ cái chết cầm chắc khi động tới lãnh tụ vĩ đại. Không cứ Ban chấp hành Trung ương, trong số 1. 956 đại biểu đi dự Đại hội XVII có tới 1. 108 người sau này bị kết án phản cách mạng, bị bắt và bị giết.

Hiện tượng Khrushov gây ra sự ngạc nhiên có lý trong hàng ngũ những người cộng sản Việt Nam. Kể cả những người có tư tưởng cấp tiến nhất trong thời kỳ ấy cũng không hiểu nổi vì sao ngay trong lòng chủ nghĩa xã hội đã được thiết lập vững chắc ở Liên Xô lại nảy nòi ra một Khrushov bẩm trợn, dám đạp đổ thần tượng.

<sup>1</sup> Lê Liêm, cục trưởng Cục Dân quân kiêm cục trưởng Cục Chính trị QĐNDVN từ 1947, chủ nhiệm chính trị mặt trận Điện Biên Phủ, ủy viên trung ương dự khuyết khoá VI ĐCSVN. Bị khai trừ khỏi Đảng năm 1968.

Tôi cho rằng trong khi giải thích hiện tượng Khrushov, người ta có khuynh hướng làm rối rắm vấn đề. Sự thật, theo tôi, đơn giản hơn.

Khrushov cũng là con người. Như mọi con người, ông thèm tự do. Chế độ toàn trị tước đoạt mọi quyền tự do không riêng của bầy nô lệ, mà của cả quần thần của nó. Chỉ có thâm nỗi đau bị mất tự do, ý thức được nỗi nhục nhằn của thân phận tôi tớ, Khrushov mới có đủ dũng khí từ bỏ quyền độc tôn thống trị “cho sống được sống, bắt chết phải chết” mặc nhiên có của ông trong cương vị bí thư thứ nhất của Đảng khi phanh phui tệ sùng bái cá nhân Stalin<sup>1</sup>.

Trong ý nghĩa này Khrushov còn hơn một anh hùng, ông là một Con Người, viết hoa.

Cuộc tấn công của Đại hội XX vào tệ sùng bái cá nhân không phải chỉ là quả bom siêu mạnh ném vào dinh lũy chế độ chuyên chế ở Liên Xô. Nó còn làm rung chuyển toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa. Bất kỳ nước nào thuộc hệ thống này cũng có sự sùng bái cá nhân y như thế.

Nhưng nghịch lý vẫn còn đó: những người cộng sản mới hôm trước đi đầu trong việc xóa bỏ sùng bái cá nhân, bảo vệ quyền con người, thì hôm sau lại đàn áp những người dân thường tại Hungari chỉ vì những người này dám đòi thêm một chút tự do. Ông Khrushov chống sùng bái cá nhân biện bạch: xe tăng Liên Xô đến Budapest để bảo vệ chủ nghĩa xã hội<sup>2</sup>!

Thì ra sống bảo thủ dễ chịu hơn nhiều so với sống trong sự tự mình phải đổi mới. Người dám đổi mới là người dám mới chính mình trước đã.

Một lần nữa, cuộc sống cho ta thấy nó đầy nghịch lý – trong chính có tà, trong tà có chính, trong người anh hùng của đại nghĩa vẫn có thể ẩn náu một tên tiểu nhân đểu cảng.

Hoàn toàn bị bất ngờ trước bước ngoặt trong phong trào cộng sản quốc tế do Đại hội XX ĐCSLX gây ra, ban lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam khéo léo chọn thái độ kẻ ngoài cuộc: dàò, chống sùng bái cá nhân là phải thôi, là đúng lầm, lãnh đạo là phải tập thể chứ, lãnh đạo cá nhân đâu có được, nhưng đó là chuyện của Liên Xô, của các nước Đông Âu, đâu phải chuyện nhà mình. Ở ta làm gì có những chuyện tệ như bên họ.

<sup>1</sup> Đáng ngạc nhiên là trong chuyện vạch tội Berya, Nikita Khrushov cũng dùng đúng những phương pháp bịa đắt đặc trưng của thời kỳ Stalin. Berya bị xử như một tay sai đế quốc. Thực ra, như ngày nay mọi người đã biết, Berya vào đảng từ năm 1930, trở thành ủy viên Trung ương năm 1934 (cùng một lượt với Khrushov và Bunganin), là ủy viên Bộ Chính trị từ năm 1939. Berya còn là bộ trưởng Bộ Nội Vụ, thống chế quân đội Liên Xô, một trong ba ủy viên Bộ Chính trị được vinh dự đọc điếu tang Stalin. Berya phạm tội ác, chắc chắn là như vậy, nhưng tại sao lại cứ phải lén án Berya là tay sai đế quốc?

<sup>2</sup> Ngày 23. 10. 1956, nhân dân Hungari, với trí thức và sinh viên đi đầu, nổi dậy chống chế độ độc tài. Imre Nagy (1896-1958), một nhà lãnh đạo chủ trương cách tân trong đảng cộng sản lên làm thủ tướng. Ông kêu gọi chính phủ liên hiệp, dân tộc tự trị, kinh tế nhiều thành phần, nhưng ngày 4. 11 quân đội Liên Xô mang sang Rumani, rồi bị chính quyền Hungari (thân Liên Xô) mang về nước năm 1957, hành quyết năm 1958.

Và thế là trong khi cả thế giới cộng sản chống sùng bái cá nhân hối hả dẹp đi những trò chướng mắt của thói xấu ấy, thì ở Việt Nam người ta vẫn ngang nhiên trương chân dung ông Hồ Chí Minh, ông Lê Duẩn, ông Trường Chinh, cỡ lớn trong những cuộc mít tinh, biểu tình.

Đại hội XX lôi tôi ra khỏi nghệ thuật, bắt tôi mở mắt ra để thấy ở bất cứ nước nào có chế độ độc tài, tình hình cũng thế cả. Những nhà độc tài của mọi nước chỉ cho phép tồn tại thứ nghệ thuật tay sai, nghệ thuật bồi bếp, để thực hiện chức năng tôn vinh nền chuyên chính và nhà độc tài, để đánh bóng mạ kền cho chế độ. Mọi hoạt động nghệ thuật ở bên ngoài không gian sinh tồn đã được qui định đều bị coi là bất hợp pháp.

Hậu quả trực tiếp của Đại hội XX ĐCSLX xảy ra ngay trong trường tôi.

Mùa đông năm 1956, sinh viên nước Cộng hòa Nhân dân Triều Tiên Ho Un Pei, nhà thơ, đảng viên cộng sản, trong cuộc họp bất thường của chi bộ mà anh là bí thư, đã lên tiếng đòi Đảng Lao động Triều Tiên phải nghiêm khắc kiểm điểm chủ tịch Kim Nhật Thành<sup>1</sup> về những hiện tượng phi dân chủ, sùng bái cá nhân.

Trước khi sang Liên Xô học, Ho Un Pei là sĩ quan tình báo, hoạt động tại Hán Thành, nhiều lần bị thương, từng bị địch bắt. Sau khi anh gửi bản kiến nghị của chi bộ lên sứ quán, các nhân viên mật vụ Triều Tiên đột lốt cán bộ ngoại giao lập tức đến trường mời anh tới gặp đại sứ. Sẵn sàng để tranh luận, anh đến, nhưng vừa bước vào trong sứ quán thì lũ mật vụ đã lục soát xúm vào đánh anh, giam anh lại trong một phòng của sứ quán. Ho Un Pei đã dùng mèo nhà nghề lừa được bọn mật vụ. Anh năn nỉ xin chúng cho đi tắm rồi đậm cửa sổ phòng tắm chui ra, nhảy từ tầng lầu thứ tư xuống, vùng thoát ra ngoài. Tuyết gom thành đống dưới chân tường đã giảm nhẹ cú rơi từ độ cao hơn hai chục thước. May cho anh, người lính Liên Xô gác cửa sứ quán đã không ngăn cản anh chạy ra.

- Chúng nó định thủ tiêu cậu? Ngay trong sứ quán? Thật càn rỡ!

Được tin anh thoát hiểm, chúng tôi kéo đến hỏi thăm.

- Không, chúng nó nói sẽ áp giải mình về nước. - anh kể về cuộc đào thoát, cánh tay bị rái treo trước ngực - Mình đề nghị chúng nó cho gặp vợ mình trước khi về (anh có vợ, cũng người Triều Tiên, học tại trường y Moskva), đề nghị cho mình quay lại ký túc xá lấy quần áo thì chúng nó cười đều: “Về đến Triều Tiên mày không cần vợ nữa đâu, quần áo thì một bộ đã thừa đủ”.

Nước mắt ròng ròng, Ho Un Pei đọc cho tôi nghe những bức thư anh gửi Trung ương Đảng, chính phủ, quốc hội, gửi chủ tịch Kim Nhật Thành: “Tôi tuyên bố từ bỏ Đảng đã phản bội nhân dân Triều Tiên anh hùng và đau khổ... Tôi đau lòng từ bỏ quốc tịch Cộng Hòa Nhân Dân Triều Tiên, vì nó không xứng đáng

<sup>1</sup> Kim Il Sung, tên thật là Kim Song Ju, (1912-1994), Kim Nhật Thành, theo phiên âm tiếng Việt, chủ tịch nước Cộng Hòa Nhân Dân Triều Tiên. Trước khi được Liên Xô đưa về Triều Tiên sau chiến thắng phát-xít Đức, Kim Nhật Thành phục vụ trong Hồng quân Liên Xô, cấp bậc trung úy.

với tôi, vì nó không phải là quốc tịch của tôi mà là dấu ấn đóng trên trán tên nô lệ... Trong mình tôi mãi mãi chảy dòng máu của tổ tiên và tôi mãi mãi mang trong tôi niềm tự hào là người Triều Tiên..."

Tôi gai người khi nghe Ho Un Pei đọc những dòng chua xót.

Người của Kim Nhật Thành thất bại trong vụ bắt cóc Ho Un Pei.

Liên Xô sau Đại hội XX đã là Liên Xô khác. Nhưng cũng chưa khác lắm. Trường Đại học Điện ảnh Liên Xô đã làm một việc đáng xấu hổ. Người ta công bố lệnh đuổi học đối với sinh viên Ho Un Pei mà không nêu lý do.

Ho Un Pei bỏ đi Tashkent<sup>1</sup>, ở đó anh được nhận làm giảng viên văn học Triều Tiên. Sau Đại hội XX, Liên Xô không hoàn toàn còn là Liên Xô cũ.

Sau việc xảy ra với Ho Un Pei, tôi kinh tỤn Kim Nhật Thành và cái nhà nước của ông ta. Viên cựu trung úy Hồng quân Liên Xô đã biến Bắc Triều Tiên thành một trại lính, trong đó dân chúng bị cai trị theo cách lính tẩy.

Phản ứng của Mao Trạch Đông<sup>2</sup> đối với những kết luận của Đại hội XX mạnh mẽ hơn cả. Mao không tha cho Khrushov tội dám tấn công vào trật tự đã được thiết lập một lần cho mãi mãi tại cái quốc gia cho đến lúc ấy còn đứng đầu phe xã hội chủ nghĩa, mà phản ứng dây chuyền của nó chắc chắn sẽ làm lung lay ngai vàng của Mao.

Chống sùng bái cá nhân ở Liên Xô không thể không ảnh hưởng tới vị trí độc tôn của Mao. Để đối phó với tình hình mới, khi những tiếng nói đòi dân chủ và tự do vang lên ngay bên trong "bức màn tre" Trung Quốc, Mao nham hiểm già bãy "Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh" (trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng) cho "cỏ dại", "tiếng lạ" lộ hình để trừ diệt. Một mưu kế thật hiểm độc. Cuộc vận động này được Mao Trạch Đông phát động từ tháng 5-1956, được đặc biệt đẩy mạnh sau Đại hội VIII ĐCSTQ, kỳ I (từ 15. 9-27. 9 năm 1956). Nó mở đầu cho cuộc tấn công nhằm vào những người muốn thay đổi trật tự xã hội Trung Quốc, gọi bất cứ ai không ưa Mao và không được Mao ưa là "phần tử hữu khuynh chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội".

Những lời bài bác Liên Xô vốn có sẵn trong Mao nay được nhấn mạnh thêm. Sự rạn nứt trong khối xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế bắt đầu.

Cuộc họp mặt các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới năm 1957 và đặc biệt Hội nghị 81 đảng cộng sản và công nhân thế giới tại Moskva vào tháng 11 năm 1960, bốn năm sau Đại hội XX Đảng Cộng

<sup>1</sup> Thủ đô nước Cộng hòa xô-viết Uzbekistan.

<sup>2</sup> Mao Trạch Đông, hay Mao Trạch-đông (1892-1976), cố chủ tịch nước CHNDTH.

sản Liên Xô, với bản Tuyên bố chung gượng gạo, chỉ là những thỏa hiệp bất đắc dĩ. Bị lôi kéo vào cuộc chiến ý thức hệ không những chỉ có những đảng cầm quyền ở một số nước xã hội chủ nghĩa, mà còn một loạt các đảng cộng sản và công nhân. Tình trạng phân liệt xảy ra trong hầu hết các đảng, có những nước có tới hai ba đảng, đảng nào cũng xưng mình là mác-xít-lê-nin-nít.

Trong cuộc chiến ý thức hệ, Mao hy vọng rồi đây Bắc Kinh dưới sự lãnh đạo của Mao sẽ trở thành trung tâm lãnh đạo phong trào cộng sản quốc tế. Báo chí Trung Quốc kêu chiêng gõ mõ về một thời đại mới - thời đại “gió Đông thổi bạt gió Tây”, trung tâm cách mạng chuyển về châu Á.

Đến lượt mình, Khrushov lại phạm vào sai lầm tổ tông truyền của chủ nghĩa nước lớn: Liên Xô đơn phương cắt viện trợ cho Trung Quốc, rút toàn bộ chuyên gia giỏi về nước. Nếu căn cứ vào những nguồn tin Trung Quốc thời kỳ đó thì tháng 7-1960 Khrushov đã xóa bỏ 600 hiệp định và hợp đồng, rút toàn bộ chuyên gia đang làm việc tại Trung Quốc, làm tổn hại nặng nề cho nền kinh tế Trung Quốc. Một số tài liệu Liên Xô thì lại nói rằng chính Trung Quốc đã yêu cầu Liên Xô cho rút chuyên gia về. Khó có thể biết được trong hai nguồn tin trên cái nào là thật.

Lập tức các phương tiện truyền thông của cái quốc gia gần một tỷ dân được huy động toàn lực để vạch mặt những tên phản bội chủ nghĩa Marx-Lênin, vạch mặt bọn xem xét lại hiện đại và chủ nghĩa xét lại hiện đại. Những người dân Trung Quốc hiền lành chẳng biết gì đến các thứ chủ nghĩa xét lại hay không xét lại nọ liền bị huy động xuống đường đánh trống đánh phèng, ngớ ngẩn hô theo những khẩu hiệu được chế tạo từ Trung Nam Hải<sup>1</sup>. Phố xá loè loẹt khẩu hiệu viết bằng chữ lớn tố cáo, phản đối bọn xem xét lại Liên Xô dám làm lung lay ngai vàng của hoàng đế đỏ họ Mao.

Cuộc tấn công bằng nước bọt và mực in diễn ra theo đúng bài bản mà người Việt Nam đã hân hạnh được biết trong Cải cách ruộng đất: bắt đầu bằng đấu lưng (vạch tội kẻ bị đấu ngồi quay lưng lại), sau mới đấu mặt (đấu trực diện, chỉ tận mặt, gọi đích tên ra mà đấu).

Trong giai đoạn đầu tiên của cuộc cãi vã giữa hai nước đàn anh, ông Hồ Chí Minh, nhạc trưởng của cái dàn nhạc khôn lỏi chỉ biết chơi có một bài tủ “Kết đoàn chúng ta là sức mạnh”, liền cho cử nhạc lên, nhưng lần này tiếng kèn yếu ớt của ông bị tiếng trống của hai bên xung đột đang say máu ăn thua đậm tắt.

Do học thức kém, các văn kiện lý thuyết của Liên Xô làm các nhà lãnh đạo Việt Nam thất đắm bởi giọng văn hàn lâm cao đạo, trong khi cách lý giải theo lô gích tam đoạn luận rất bình dân của các lý thuyết gia Bắc Kinh lại hợp với tầm kiến thức của họ, làm cho họ thấy cái gì Trung Quốc nói cũng phải. Ấy là chưa kể giữa hai nước cộng sản châu Á trước nay vẫn có một mẫu số chung là gốc rễ phong kiến, trong lòng mỗi người dân có một ông quan. Trong tâm trạng hoang mang trước một tương lai bỗng dưng trở thành không xác định của phong trào cộng sản, các nhà lãnh đạo Việt Nam, mặc dầu đã ngả

<sup>1</sup> Biệt khu gồm những lâu đài và biệt thự dành riêng cho những nhà lãnh đạo đảng cộng sản và chính quyền cộng sản Trung Quốc, một thứ Tử Cấm Thành thời các vua chúa Trung Hoa.

theo Trung Quốc, vẫn kiên trì chủ trương đường lối khôn ngoan của nhà nghèo - gửi tiền vào hai ngân hàng cùng một lúc. Cho nó chắc ăn. Ít nhất thì đó cũng là lập trường của ông Hồ Chí Minh.

- Ông Cụ lừng khừng vì ông ấy lúng túng trong những vấn đề phức tạp của cuộc đấu tranh lý thuyết. - cha tôi giải thích lập trường trung dung của ông Hồ trong cuộc cãi vã quốc tế - Ông Cụ không rành lý thuyết. Ông ấy chỉ thích những cái đơn giản. Cái vụ ông chọn Đệ tam quốc tế chứ không chọn Đệ nhị quốc tế ở Đại hội Tours<sup>1</sup> là một thí dụ. Quốc tế tốt là Quốc tế ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa.

Ông Hồ thuộc sử nước nhà lăm. Đánh nhau với thiên triều, thắng thì thắng đấy, mà vẫn phải sai sứ sang cầu hòa, xin được làm chư hầu. Nói gưống các cụ, ông nhũn nhẽn với bất kể Trung Quốc nào, Trung Quốc Tưởng hay Trung Quốc Mao. Đường đường là chủ tịch một nước độc lập, năm 1945 ông Hồ vẫn hạ mình thân đến chào các tướng Tiêu Văn và Lư Hán<sup>2</sup> vào ngày họ tới Hà Nội. Ông căn dặn cha tôi phải lo đầy đủ thuốc phiện cho Long Vân con<sup>3</sup> “Kéo nó giận thì lôi thôi lăm, thằng nhóc ấy có thể ảnh hưởng xấu đến mối bang giao của ta với họ”. Khi La Quý Ba<sup>4</sup>, đại sứ đầu tiên của Trung Quốc Mao tới Việt Bắc, ông sai cha tôi phải chọn địa điểm cho đẹp, dựng nhà cho đẹp để họ La ở: “Mình thế nào cũng xong, chứ với người ta thì phải chu đáo. Họ xét nét lăm đó!”. Ông nhớ lần ông bị bắt ở Hồng Kông<sup>5</sup>, ngày một ngày hai sẽ bị chính quyền Anh trao cho chính quyền thuộc địa Pháp, nhưng các đồng chí Trung Quốc của ông thì lại lờ đi, mặc cho ông tự xoay xở. Ông cũng không quên lần ông tới Bắc Kinh để đi tiếp Moskva, năm 1950, bị Mao bắt chầu chực chán chê ở nhà khách rồi mới cho tiếp kiến. Ông nhớ, và ông để bụng.

Biết ông viện trưởng Viện Sử học Trần Huy Liệu<sup>6</sup> đang điên tiết vì bức ảnh đăng trên Nhân dân nhật báo Bắc Kinh với dòng chú thích: “Đồng chí Trần Huy Liệu, trưởng đoàn đại biểu Việt Nam đã được hân hạnh Mao chủ tịch cho bắt tay” nhân một forum Bắc Kinh bàn về hình thái xã hội chủ nghĩa năm

<sup>1</sup> Đại hội lần thứ 18 của Phân bộ Pháp thuộc Quốc tế Công nhân (SFIO) nhóm họp ngày 25. 12. 1920 tại thành phố Tours. Trong Đại hội này tổ chức SFIO bị vỡ ra làm hai khi đa số đại biểu đứng tra thành lập Phân bộ Pháp thuộc Quốc tế Cộng sản (Đệ Tam Quốc tế), tức là DCS Pháp sau này.

<sup>2</sup> Hai tướng chỉ huy các cánh quân của quân đội Trung Hoa Dân quốc vào Việt Nam (gọi là quân tiếp phòn) để giải giáp quân đội Nhật bại trận.

<sup>3</sup> Một tướng của quân tiếp phòn Trung Hoa, để phân biệt với tướng Long Vân bố ở lại Vân Nam chứ không sang Việt Nam

<sup>4</sup> La Quý Ba ((1908-1995) đại sứ đầu tiên của nước CHNDTH tại Việt Nam, đến chiến khu Việt Bắc ngay từ năm 1950, La Quý Ba còn kiêm nhiệm chức vụ trưởng đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc tại Việt Nam.

<sup>5</sup> Ông Hồ Chí Minh bị cảnh sát Hồng Kông bắt năm 1931

<sup>6</sup> Trần Huy Liệu (1901-1969), đảng viên Quốc dân đảng, năm 1928, gia nhập hàng ngũ cộng sản trước 1930 ở Côn Đảo. Sau 1954 là Viện trưởng Viện Sử học, Phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam.

1965, ông Hồ Chí Minh an ủi ông Liệu: “Thôi, người ta bao giờ chả rửa, thiên triều mà!” Chuyện này tôi được nghe ông Liệu kể lại.

Một hôm tôi đến thăm ông Liệu, thấy bức ảnh Mao Trạch Đông vẫn thường treo trong nhà không còn ở chỗ cũ, tôi hỏi thì ông Liệu kể cho nghe chuyện xảy ra với ông ở Bắc Kinh, chuyện ông Hồ an ủi ông. Ông nói: “Tao cũng như Bắc Hồ, tao ỉa vào thiên triều, tao là thằng dân tộc chủ nghĩa”. Chính thái độ lùng khùng trong giai đoạn này của Hồ Chí Minh làm cho lớp đàn em đang hăng máu chống Liên Xô coi thường ông<sup>1</sup>. Một ngoài họ làm ra vẻ kiên trì đường lối đứng giữa, trên thực tế họ đã sà vào chiểu bạc rồi, đã xia tiền vào cửa Trung Quốc rồi.

Phóng viên Klaus Pommerening của hãng thông tấn ADN (Cộng hoà Dân chủ Đức) thường trú tại Hà Nội vào thập niên 60 nhận định rằng từ năm 1960 đã thấy có một sự chuyển hướng rõ rệt của ban lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam về phía lập trường của Trung Quốc. Bằng chứng là việc đẩy mạnh chiến tranh chống Cộng hoà Việt Nam, cùng với việc thành lập Mặt trận Giải phóng Miền Nam Việt Nam - dấu hiệu chống lại đường lối cùng tồn tại trong hòa bình giữa các chế độ khác nhau. Đến hội nghị trung ương 9 (tháng 12. 1963) thì lập trường cách mạng bạo lực của Bắc Kinh chiếm lĩnh con tim và khối óc của nhà cầm quyền Hà Nội<sup>2</sup>. Cũng từ đó những đảng viên tán thành đường lối cách mạng phi bạo lực và cùng tồn tại trong hòa bình bị đối xử xấu, rồi bị trấn áp.

Khởi đầu “cuộc đấu tranh giữa hai đường lối” ở Việt Nam là như vậy, theo cách nhìn của Pommerening. Trong nhận định ấy nó có diện mạo một cuộc thánh chiến vì lý tưởng mác-xít. Nhìn từ bên trong thì càng về sau, nó càng lộ ra tính chất đồi thường với những tham vọng thế tục của mấy cá nhân nắm quyền lãnh đạo đảng, cũng là quyền cai trị cả nước.

Nói chung, chính trị cởi bỏ áo quần thì nó là đời thường, như tôi thấy.

Cuộc tấn công lý thuyết nhằm vào điện Kremlin đã được họ Mao tính kỹ. Nó giúp Mao Trạch Đông bắn một mũi tên mà được hai con thỏ. Một mặt nó che lấp hậu quả nặng nề của “bước nhảy vọt vĩ đại”<sup>3</sup> đã và đang làm suy kiệt nền kinh tế Trung Quốc, mặt khác nhân cơ hội này Trung Quốc sẽ giành lấy vị trí lãnh đạo thế giới cộng sản. Mà đây đâu phải chuyện danh vọng hão. Với đường lối bành trướng của Mao về cả lãnh thổ lẫn kinh tế, Trung Quốc rồi sẽ được cả tiền thật, chứ không phải bạc giả.

<sup>1</sup> Năm 1965, trong một cuộc nói chuyện với cán bộ tuyên giáo ở Hưng Yên, trưởng ban Tuyên giáo Trung ương Tố Hữu nói: “Ông Cụ lẩn cẩn rồi, mọi việc bây giờ đều do anh Ba (Lê Duẩn) và tụi tôi giải quyết”.

<sup>2</sup> Tài liệu được bạch hoá sau khi nước Đức thống nhất.

<sup>3</sup> Bước Nhảy Vọt Vĩ Đại nằm trong ba chủ trương lớn do Mao Trạch Đông đề xướng (Đường lối chung, Đại nhảy vọt, Công xã nhân dân), trên thực tế là mệnh lệnh trại lính, bắt toàn dân tuân theo. Hậu quả là nền kinh tế Trung Quốc sa vào suy thoái trầm trọng, một nạn đói khủng khiếp kéo dài 6 năm làm cho hàng chục triệu người chết (những con số được nói tới, không bao giờ chính xác vì không có thống kê, nằm trong khoảng xấp xỉ 40 triệu người).

Thế giới cộng sản đang tách đôi: hai con đường, gần như hai mô hình xã hội.

Bị trói buộc bởi ý thức hệ cộng sản, chúng tôi chỉ có sự lựa chọn hai lối một. Không có con đường thứ ba cho những người còn nằm trong ý thức hệ cộng sản. Không lưỡng lự, chúng tôi âm thầm bỏ phiếu cho mô hình Liên Xô. Mô hình này, theo chúng tôi, tốt hơn hẳn mô hình Trung Quốc. Tại Liên Xô sau Đại hội XX đang mạnh nha một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó những quyền tự do và dân chủ được luật pháp bảo đảm. Nhà nước này chủ trương hòa bình tiến lên chủ nghĩa xã hội, chứ không lấy bạo lực áp đặt chủ nghĩa xã hội lên các dân tộc, là cái phù hợp với tình hình thế giới hiện tại.

Chế độ xã hội Trung Quốc, cũng như chế độ xã hội Việt Nam không hứa hẹn một cái gì tương tự. Nếu ở Trung Quốc là chế độ toàn trị cởi truồng thì ở Việt Nam, vẫn chế độ ấy, còn giữ lại manh khố.

Lấy Trung Quốc làm thí dụ.

Mao muốn thế giới thấy dưới sự lãnh đạo của ông ta, trong một thời gian cực ngắn Trung Quốc sẽ vươn lên ngang tầm với các nước tiên tiến trên thế giới. Chẳng hạn ông chủ trương trong vài năm Trung Quốc phải đạt được sản lượng gang vượt nước Anh. Ông hô hào, ông ra lệnh. Thế là từ năm 1958 trên đất nước bao la các lò luyện thép sân sau mọc lên như nấm. Nhà nhà luyện gang, người người luyện gang. Các hợp tác xã nông nghiệp không chú ý tới trồng lúa, trồng cao lương nứa, dồn sức vào luyện gang. Người ta phá tủ quần áo, chém bàn học, mang cả ban thờ ông bà ông vải ra đốt lò. Gang ra ùn ùn. Nhưng chẳng nền công nghiệp nào cần tới thứ gang ấy, chúng chẳng để làm gì.

Mấy anh bác học nhà quê trình lên Mao một con toán lập theo quy tắc tam suất: nếu một con chim sẻ một ngày ăn hết bắp này hạt thóc thì toàn bộ chim sẻ ở Trung Quốc một ngày sẽ ăn hết bao nhiêu, một năm sẽ ăn hết bao nhiêu? Hiện ra những con số khủng khiếp. Người cầm lái vĩ đại bèn hạ bút một nhát ra lệnh tiêu diệt bắp hết lũ chim ăn hại. Gần một tỷ dân đổ ra đồng, khua chiêng, gõ mõ, thúc trống, đập mèt, đập thùng, đốt pháo... làm cho trăm họ chim chóc kinh hồn táng đởm bay tán loạn, bay mãi, bay mãi, không dám đáp xuống, không còn chỗ nào yên để đáp xuống, cho tới khi rã cánh thì rơi xuống mà chết, hoặc để bị đập chết. Tôi rùng mình khi nhìn thấy những bức ảnh chụp xác chim chồng chất cao như đống rạ trên họa báo Trung Quốc. Thiên nhiên lập tức cho Mao một cái tát trời giáng. Mất mùa. Sâu bệnh. Không còn chim để bắt sâu. Cùng với chim sẻ, mọi giống chim biến mất trên đại lục mênh mông. Nạn đói hoành hành.

Chẳng bao giờ người cầm lái vĩ đại lẩn đám đệ tử của ông ta lặng lẽ nhận sai. Cái vụ tàn sát chim, cũng hệt như những vụ tàn sát người, rồi bị lờ tịt, cho chìm vào quá khứ, coi như chưa từng xảy ra<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Càng thấy rõ Mao Trạch Đông chẳng hề đọc sách của Marx và Engels. Trong cuốn Phép Biện Chứng Của Tự Nhiên, Engels đã cảnh cáo loài người chớ có kiêu ngạo, chớ tưởng mình có thể chế ngự thiên nhiên. Cứ mỗi lần loài người mưu toan chế ngự thiên nhiên là mỗi lần bị thiên nhiên cho một cái tát xiếc kèm theo lời mắng mỏ: “Hãy ngồi lại vào chỗ của mình, hỡi loài người cao ngạo. Người chỉ là một thành viên của thiên nhiên mà thôi” (ghi lại theo ý trong sách, không phải nguyên văn).

Cơn cuồng phong bắt đầu từ Đại hội XX Đảng cộng sản Liên Xô lớn dần thành cơn bão trong khối nhân sinh cộng sản, mà mắt bão ở Trung Quốc. Chúng tôi cảm thấy rõ rệt bầu không khí ngột ngạt báo trước cơn bão sẽ tràn tới Việt Nam. Nhưng chúng tôi không có cách nào tránh nó.

Đành tự an ủi: mình còn may chán - ở Việt Nam chỉ có bão rớt thôi!

## 6

Hôm sau, tôi lại bị gọi ra. Thầy Huỳnh Ngự ngồi trong phòng hỏi cung, tôi quay ngoắt. Huỳnh Ngự nghiến răng ken két sai cai ngục đưa tôi sang phòng bên. Tôi ngồi đấy, một mình trong căn phòng trống rỗng, ngáp ngắn ngáp dài. Đến gần trưa quản giáo mới đến, đưa tôi về.

Suất ăn lạnh ngắt đợi tôi ở xà lim. Trên phản, bên cái bát men đựng suất cơm tù là bộ quần áo tôi mặc trên người khi bị bắt.

Trong khi tôi vắng mặt, quản giáo đã đem thức ăn vào cho tôi, nhân tiện trả lại tôi quần áo. Về sau, nhờ anh bạn tù, tôi mới biết rằng việc quản giáo đưa cơm vào tận xà lim cho tù là ngoại lệ. Theo anh ta thì người trong vụ chúng tôi được đối đãi cách khác, có vẻ được nể nang hơn so với tù thường. Tôi nghĩ không phải chúng tôi được Đảng yêu mến, mà chắc Đảng lo chúng tôi có thể gây chuyện om sòm, không có lợi.

Chẳng có chuyện gì để nói, anh bạn tù nhẩn nha giới thiệu cho tôi biết về cảnh sống trong xà lim.

Thường lệ, đến giờ ăn thì quản giáo mở cửa cho tù trong các xà lim ra nhận phần cơm, sau đó đóng cửa lại. Độ nửa tiếng sau, tính rằng tù đã ăn xong, họ lại trở vào mở cửa cho tù ra trả bát rếch. Đối với tù xà lim, không có hiệu lệnh cho giờ ăn, không kẻng cũng không trống. Người tù không có quyền được ăn đúng giờ. Quản giáo có khỉ bận việc riêng, để nhà bếp gánh cơm cho khu xà lim cả tiếng đồng hồ rồi anh ta cũng chưa buồn vào mở cửa cho tù ra nhận. Mùa hè còn đỡ, chứ mùa đông ăn nguội đối với tù là một cực hình.

Tôi rất muốn biết có ai cùng vụ với mình ở đây không, nhưng ngoài mấy tiếng ho khan, tiếng đằng hắng khe khẽ vắng đến từ những xà lim gần, tôi không nghe thấy người ta nói chuyện với nhau. Trong xà lim, tù không được phép nói to. Mỗi lần tôi quên, hơi cao giọng một chút là anh bạn tù đã nhắc:

- Chết, chết, anh nói khẽ chứ!

Nói to, gây tiếng động lớn bị cấm ngặt. Chỉ có một lần tôi thấy người tù nói to, nói oang oang, bất chấp mọi cấm đoán. Anh ta điên. Điên thì phải cho đi bệnh viện, lệ phải thế, ở nước nào cũng thế. Nhưng để tin chắc người tù điên thật chứ không điên giả, Ban giám thị để anh ta trong xà lim một thời gian để theo dõi cái đã - ấy là tôi đồ rằng như thế. Suốt thời gian anh ta ở đây, những người tù trong khu xà lim phải chịu trận với những tiếng kêu gào xé họng, những bài ca ư ử như tiếng người bị bóp cổ, những cơn khóc lóc thảm thiết nghe rợn tóc gáy giữa đêm khuya.

Cái cum săt dưới chân phản lúc nào cũng sẵn sàng ngoạm lấy cổ chân người tù nếu anh ta vi phạm nội quy, mà tội dễ bị phát hiện nhất, cũng là tội thường nhất, là tội nói chuyện với xà lim bên cạnh.

Thế hệ ông tôi trở lên không biết đến loại cum này. So với cum lim thời phong kiến, đó là sự cải tiến mà bản quyền thuộc về nền văn minh thuộc địa. Nó là một thanh sắt bản rộng nối với một thanh sắt khác bằng bản lề. Khi người tù đã tra hai cổ chân vào hai chỗ lõm được đánh lõi, cai ngục mới chốt lại bằng khóa ở bên ngoài. Cái cum không có corkscrew, dùng chung cho mọi loại chân. Anh bạn tù dí dỏm nói rằng trông nó hao hao giống cái cổng tam quan.

Vì cái cum là biểu hiện quyền uy, cho nên cán bộ quản giáo khoái trưng nó ra lăm. Họ cũng chẳng ngần ngại dùng nó mỗi khi có dịp.

Quản giáo thường xuyên rình mò bên ngoài, người ở trong khó mà biết được. Tưởng quản giáo đi rồi, tù buồng nọ liền i ới gọi buồng kia, thế là bị bắt quả tang. Cách rình mò của đám quản giáo giống hệt trò trốn tìm của trẻ con - quản giáo vờ loẹt quẹt đi khỏi khu xà lim, rồi rón rén đi những bước chân mèo quay trở lại. Không phải chỉ có quản giáo rình mò, các "ông bộ đội" cũng khoái rình mò lăm. Tóm được một tên tù phạm nội quy để cum chân nó cái chơi là thú vui gần như duy nhất của cảnh lính tráng coi tù.

Tôi chiến thắng lần thứ hai trong ngày tù đầu tiên, không để sót cọng rau nào. Chỉ có nước rau đen xì, quá mặn, là tôi bỏ. Những con mọt luộc hoàn toàn không gây phiền nhiễu cho đường tiêu hóa, cả bèo tẩm cũng vậy.

Huỳnh Ngự trả lại quần áo nhưng lại quên phát chăn chiếu. Anh bạn tù nói rằng đêm Noen, hơn nữa lại chủ nhật, thủ khoa nghỉ. Tôi nghĩ khác: nếu đã có người để phát quần áo thì cũng có thể phát chăn chiếu chứ. Người ta không phát là vì trong kịch bản của vụ bắt, ngành công an gọi là phương án, đã ghi không phát, để cho tôi nếm cái rét Hỏa Lò.

Đêm xà lim khó chịu nhất ở cái bóng điện sáng choang, có dễ tới 200 oát, treo ở chính giữa, bên trong một cái rọ sắt. Nó sáng suốt đêm. Sau cái tranh tối tranh sáng ban ngày, ngọn đèn chói chang làm cho

mắt rất nhức nhối. Tôi lấy cái quần gấp lại che mắt, nhưng ánh sáng vẫn luồn qua được mấy lần vải để chui vào võng mạc.

- Kệ nó, rồi quen tuốt ấy mà! - từ phản bên anh tù nói vọng sang.

- Hồi mới vào đây anh có khó chịu lắm không?

- Ai chẳng khó chịu. Chẳng ai muốn sống thế này.

Anh bạn tù ngủ không cần che mắt. Để cho tôi đỡ rét, anh đưa cho tôi cái màn.

- Anh cứ dùng, đừng ngại. Mùa đông ở đây thảng hoặc mới có vài con muỗi mắt, tôi chịu được.

Trong ánh sáng điện chói lòa, những con muỗi chui sâu vào bên trong gầm phản ẩn nấp chờ thời. Những con choai choai thiến kiên nhẫn xông lên đốt chúng tôi đều bị tiêu diệt nhanh chóng. Trên tường đầy vết máu khô, di tích cuộc chiến hàng ngày của tù với muỗi và rệp. Anh bạn tù nói số tôi đỏ, Hỏa Lò vừa mới được phun DDT vài ngày thì tôi vào. Một tháng nữa xem, thuốc hả rồi ấy à, muỗi lại bùng trầu, rệp lại nhung nhúc. Hồi ấy chẳng ai nghĩ tới tác dụng xấu của DDT đối với môi sinh. Chuyện những thứ thuốc diệt các loại ký sinh có thể gây ung thư cho người là chuyện xa vời. Tù còn xin những quản giáo tốt bụng bột DDT rắc lên đầu để diệt chấy. Không có DDT, người tù còn là khổ với đám ký sinh nọ.

Anh bạn tù kể rệp khôn hơn muỗi nhiều. Khi người tù chống lại bằng cách trải nylon lên phản, chui vào màn rồi gấp chân màn lại nhiều lần, tạo ra một ma trận rắc rối cho rệp không chui vào được, tức thì chúng dùng cách nhảy dù từ trên trần xuống, tìm những chỗ vải thưa mà luồn vào.

Tôi tặc lưỡi, trùm cái màn lên người. Tôi nghĩ nói phải hôi lắm. Nhưng không phải, nó không hôi, chỉ có mùi ẩm mốc. Ở đây có được cái đắp lên người là may rồi. Nếu người khác quen được, thì rồi mình cũng sẽ quen.

Lúc mới bước chân vào tôi không sao chịu nổi bầu không khí tù hãm đầy mùi xú uế trong xà lim. Thế mà mới có mấy giờ đồng hồ qua, tôi đã không còn thấy khó chịu như trước. Lúc mới vào, cái im ắng trong khu xà lim đè nặng lên tôi, giờ tôi lại thấy nó thú vị - ở ngoài không phải lúc nào tôi cũng được yên tĩnh như thế.

Nói tóm lại, không phải là không thể chịu được.

Anh tù hóa ra không đến nỗi hèn tiện lời như tôi tưởng. Dần dần anh cũng tâm sự với tôi chút ít. Anh cho biết anh tên Thành, hồi kháng chiến chống Pháp là bộ đội tình nguyện ở Thượng Lào.

Thấy tôi không có ý định cởi mở với anh, anh ngừng ngay lời tâm sự. Nét mặt anh không vui. Biết làm thế nào được, cần phải quan sát anh cái đã. Tôi tin rằng chúng tôi ở cùng nhau cũng là một phương án của công an.

Tôi thao thức. Phản bên, anh bạn tù ngâm thơ:

*Lần này chị bước sang ngang,  
Là tan cả giấc mộng vàng từ đây.  
  
Rượu hồng em uống cho say,  
Vui lên cùng chị vài giây cuối cùng  
  
Rồi đây sóng gió bão bùng,  
Đầy thuyền hận chị lo không tới bờ.  
  
Miếu thiêng vụng kén người thò  
Nhà hương khói lạnh chị nhở cậy em.  
  
Đêm nay là trăng ba đêm,  
Chị thương thân chị con chim lìa đàn.  
  
Một vai gánh vác giang san,  
Còn vai nữa gánh muôn vàn nhớ thương.  
  
Lòng sầu tóc rối tơ vương,  
Em còn cho chị lược gương làm gì?...*

Trong tù tôi còn nhiều lần được nghe người ta ngâm Lời Bước Sang Ngang. Những vần thơ của Nguyễn Bính<sup>1</sup> không hiểu sao lại hợp với tâm trạng người tù đến thế? Cũng là một thử lỡ bước trong cuộc đời, mỗi người một cách, chắc vậy.

Mỗi người tù là một số phận riêng, chẳng số phận nào giống số phận nào. Mà chẳng phải người tù nào cũng có nỗi niềm oan ức. Hầu hết họ đều phạm tội đối với xã hội, phạm tội thật sự, và họ đang bị sống cách ly, bị trừ phạt xứng đáng với tội của họ. Họ có chung nỗi buồn của kẻ cô đơn, bị giam cầm trong cái chuồng thú giống cái chuồng của tôi và họ than thở nỗi mình qua những vần thơ Nguyễn Bính.

Nguyễn Bính qua đời, theo người ta kể, vào đêm trù tịch Bính Ngọ (1966) trong một hoàn cảnh bi thảm. Hàng xóm thấy mấy ngày ông không ra khỏi nhà, báo công an đến phá cửa vào thì thấy nhà thơ nằm chết còng queo bên chai rượu uống dở, trên manh chiếu rách. Cũng lại xóm giềng chung tiền mua cho ông cỗ ván mộc và cùng nhau đưa chân nhà thơ đã để lại một Lời bước sang ngang đến nơi an nghỉ cuối cùng. Hội nhà văn chỉ được biết về cái chết của ông sau khi ông đã mồ yên mả đẹp.

---

<sup>1</sup> (1918-1966) Nhà thơ dân dã nổi tiếng với các tập Lời bước sang ngang, Hương cố nhân, Mười hai bến nước... Đoạn người tù ngâm có khác với nguyên bản của bài thơ.

Tôi không có hân hạnh quen biết Nguyễn Bính. Hồi Nguyễn Bính làm báo Trăm Hoa thì tôi đang ở Liên Xô. Tôi chỉ có hân hạnh quen Thiết Vũ, cán bộ Sở báo chí, người đã đánh Nguyễn Bính (theo nghĩa đen, thượng cẳng chân hạ cẳng tay). Trong một cơn yêu Đảng ác tính, cho rằng Nguyễn Bính dám chửi xỏ Đảng, Thiết Vũ đã nện Nguyễn Bính một trận dữ dội, đến nỗi các báo phải lên tiếng. Kể chuyện cũ, Thiết Vũ tỏ ra ân hận, anh nói sau đó anh đã xin lỗi Nguyễn Bính. Và Nguyễn Bính đã tha lỗi cho anh.

Theo lời đồn, và theo những lời kể không rõ ràng trong Cát Bụi Chân Ai của Tô Hoài, Nguyễn Bính chết đi còn để lại đứa con trai. Trước hôm chết, ông bế con ra phố, cho không một người qua đường. Người xin chắc cũng chẳng biết người cho là Nguyễn Bính. Đứa bé sẽ lớn lên với họ khác tên khác, không biết nó là con nhà thơ dân dã tuyệt vời, một nhà thơ lớn của thi ca Việt Nam. Những thiên tài thường giàu linh cảm. Nguyễn Bính tiên đoán cuộc ra đi cuối cùng của ông sẽ diễn ra trong nỗi cô đơn bậc nhất mà con người có thể gặp:

*Chân bước hững hờ theo bóng lẻ,*

*Một mình làm cả cuộc phân ly.*

Cũng theo Tô Hoài thì dường như tờ Trăm Hoa là một tờ báo do Đảng chủ trương, bằng chứng là nó được cung cấp giấy in giá rẻ<sup>1</sup>.

Tính từ ngày khởi đầu vụ đánh Nhân văn - Giai phẩm cho tới nay là sắp trọn một con giáp. Phải chăng lịch sử trận chiến hứa hẹn với những vết thương có thật đã đi được một vòng để quay lại với hình dạng khác?

Trước ngày bị bắt không lâu, tôi gặp Trần Dần<sup>2</sup>. Anh dơ xe điếu dứ dứ vào mặt tôi mà phán:

- Nay, cẩn thận đấy ông nhá! Nhìn đây này!

<sup>1</sup> Hồi ấy, theo lệ cũ của chính quyền chiếm đóng Hà Nội, nhà nước cung cấp giấy in cho các tờ báo còn được phép tồn tại, lời chứng của Tô Hoài khiếu người ta có thể nghĩ rằng tờ Trăm Hoa là do Đảng Lao động Việt Nam chủ trương, mà Nguyễn Bính là người thực hiện, nhằm đối phó với phong trào đòi tự do, dân chủ của văn nghệ sĩ, trí thức. Nếu Nguyễn Bính làm báo theo chỉ thị của Đảng thì ở Sở báo chí những cán bộ cõi Thiết Vũ phải được biết, và như thế vụ Thiết Vũ đánh Nguyễn Bính khó có thể xảy ra. Trong những lần trò chuyện với Thiết Vũ, tôi không thấy Thiết Vũ nói đến chuyện Nguyễn Bính làm việc cho chính quyền.

<sup>2</sup> (1926-1996) Nhà thơ cách tân, năm 1946 cùng với một số nhà văn nhà thơ tiên phong: Trần Mai Châu, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Địch, Vũ Hoàng Chương thành lập nhóm thơ tượng trưng với bản tuyên ngôn *Dạ dày*. . Tác giả tập thơ Ta Nhất Định Thắng, tiểu thuyết Người Người Lớp Lớp, một trong những nhân vật bị coi là đứng đầu nhóm Nhân văn-Giai phẩm.

Anh chỉ cái sẹo ở cổ, nó được Nguyễn Sáng ghi lại trên bức ký họa bút sắt trên tờ Nhân Văn, kỷ niệm một cuộc tự vẫn không thành.

Văn Cao khó chịu với Trần Dần. Lý do: Trần Dần trong khi tự kiểm thảo đã đụng tới nhiều người, kéo họ vào cuộc với anh, làm cho họ điêu đứng.

- Thằng Dần tiếng thế mà không có gan. - Văn Cao nói - Mới bị đánh đã gục, đã phản tinh lung tung. Nó khai với Tố Hữu rằng Văn Cao khuyên tụi nó phục xuống mà đánh. Mà mình có nói thế bao giờ đâu. Mình chẳng chủ trương đánh ai. Thằng văn nghệ làm văn nghệ, thằng chính trị làm chính trị, mỗi thằng mỗi việc. Mình chỉ bảo tụi nó: làm gì thì làm, phải từ từ, phải ngó trước ngó sau. Làm gì có cái câu “phục xuống mà đánh”...

Văn Cao kể anh có gặp Nguyễn Hữu Đang<sup>1</sup>, Trần Dần, Hoàng Cầm, Trần Duy vài lần thật, trong thời gian báo Nhân Văn ra, nhưng chỉ bàn chuyện sáng tác, chuyện làm báo, không phải họp bàn chuyện chống lãnh đạo.

Qua những lần trò chuyện với Trần Dần, Trần Duy<sup>2</sup>, và những người khác trong vụ Nhân văn - Giai phẩm, được nghe các anh kể những chuyện rất khác nhau về giai đoạn cực kỳ đen tối đối với văn nghệ sĩ và trí thức trong những năm 1956 - 1957, thì trong rất nhiều chi tiết rối rắm, bùng nhùng, cái thật, cái giả, cái phải, cái trái lẩn lộn, không biết đâu mà lần, tôi thấy nổi bật lên một điều - những nhà lãnh đạo cộng sản rất giỏi xui nguyễn giục bị. Sau trận đánh, hàng ngũ văn nghệ sĩ tan tác, người nọ sợ người kia, người này hận người khác, mọi người nói không đúng về nhau, thậm chí nói xấu nhau. Nghe mà buồn, mà ngán cho thế thái nhân tình.

Tôi tin Văn Cao, nhưng tôi không nghĩ Trần Dần hèn<sup>3</sup>. Tôi đã được biết chỉnh huấn là thế nào. Trong không khí chỉnh huấn, con người có thể bị biến đổi trong một tập thể tự kỷ ám thị, như trong cuộc lén lồng. Trần Dần, khi tâm thần hoảng loạn, lại bị xúi giục, có thể bị ám thị rằng Văn Cao đã nói như thế. Còn Văn Cao, trong tâm trạng hậm hực cũng dễ hiểu nhầm bạn mình lầm.

<sup>1</sup> Nguyễn Hữu Đang (1913), bị thực dân Pháp bắt (1930) vì tham gia cách mạng, nhưng vì nhỏ tuổi nên chỉ bị quản thúc. Tham gia Mặt Trận Dân Chủ Đông Dương, viết báo Ngày Mới, Thời Báo và các báo Tin Tức, Đời Nay, tham gia Hội truyền bá quốc ngữ cùng Võ Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai. Đảng viên cộng sản từ năm 1943, năm 1945 là thứ trưởng Bộ Thanh Niên. Năm 1956 bị kết án 15 năm tù. Mãn hạn, còn bị quản thúc 20 năm.

<sup>2</sup> Nhà thơ Trần Dần, nhà thơ Hoàng Cầm, họa sĩ Trần Duy là mấy nhân vật được nói tới rất nhiều trong vụ Nhân văn - Giai phẩm. Trần Dần được coi như người đứng đầu nhóm Nhân văn - Giai phẩm, người phát ngôn của bộ phận trí thức “đòi chia quyền lãnh đạo” với Đảng.

<sup>3</sup> Theo một số nhân chứng, Trần Dần là người không biết sợ, Trần Dần không hèn. Câu “phục xuống mà đánh” là do Hoàng Cầm phát ra, nhưng Trần Dần đã gánh cho Hoàng Cầm. Tôi cũng ngiêng về nhận định như vậy, căn cứ những gì tôi được biết về Trần Dần.

Thỉnh thoảng lầm tôi mới rẽ vào thăm Trần Dần, vào nhanh rồi đi ngay. Anh cũng muốn thế, tôi ngồi lâu một chút là anh giục, sợ cho tôi hơn là sợ cho anh. Nhà cầm quyền nhìn anh như con bệnh suốt đời có khả năng gây ra lây nhiễm. Tôi thì lại không thấy ở anh bất kỳ sự nguy hiểm nào. Hồi mới ở Liên Xô về tôi thương Trần Dần, tôi nghĩ mình may mắn hơn anh. Bây giờ anh thương lại tôi, anh bảo anh còn may mắn hơn tôi. Dường như Trần Dần đã thấy trước, bằng trực giác, trận đòn thù tôi sẽ phải chịu.

Trần Dần ít nói (hay bị đánh nặng quá mà thành ít nói?). Có khi ngồi cả buổi với nhau anh chỉ nói vài câu tào lao. Nói cho đúng, nói thì vẫn nói, nhưng không bao giờ có chuyện về một đề tài cụ thể, mà là những mẩu độc thoại cần có hai người để thành đối thoại. Tôi nhớ một hôm anh thủ thỉ: "Này, mình cũng người Nam Định đấy, cậu ạ. Cái vùng đất thịt này nổi tiếng vì những văn tài và những kẻ bất phục. E rằng trong máu chúng ta có cả hai thứ." Anh hút thuốc lào liên tục, tiếng điếu bát ròn tanh tách trong căn phòng vắng lặng. Tôi tha hồ mày mò những mẩu bản thảo vương vãi quanh cái điếu, lặng lẽ đọc, thỉnh thoảng lại giật mình bắt gặp một tia chớp chói lòa trong chữ nghĩa của anh. Nhưng dù anh rất quan tâm tới bộ cánh cho ý nghĩ của mình, tôi thấy những ý thơ của anh luôn luôn cảm thấy chật chội vướng víu trong cả bộ cánh cách tân. Anh là người suốt đời đi tìm mà không thấy. Những kẻ chẳng bao giờ tìm ghét anh. Chúng sợ một lúc nào đó anh sẽ tìm được cái anh muốn tìm và cái đó sẽ làm lu mờ chúng. Sau những cuộc đối thoại tâm thần ấy, lúc chia tay, anh thường hỏi tôi: "Cậu hiểu mình muốn nói gì chứ?". Tôi gật đầu. Thú thực, tôi chẳng hiểu gì hết trong những lời ngắn ngủi và lộn xộn của anh, câu trước không ăn nhập với câu sau, chưa nói hết mà đã tưởng nói hết rồi. Nếu anh muốn truyền tâm trạng anh sang tôi bằng ánh mắt của anh để tôi hiểu tâm trạng đó thì đúng là tôi đã hiểu. Tôi hiểu và tôi buồn. Buồn cho anh. Buồn cho tôi.

Trần Dần thương tôi, muốn tôi học được nết sơ hãi. Như anh đã học.

Thế hệ chúng tôi bất hạnh: chúng tôi ra đời trong thân phận nô lệ, lớn lên trong khói lửa chiến tranh và trưởng thành trong nỗi sợ hãi các đồng chí.

Tôi chạnh nghĩ đến cha tôi. Giờ này ông ở đâu? Theo lời đồn thì ông bị giam trong một biệt thự đầy đủ tiện nghi tại Hà Nội. Tôi không tin. Lời đồn không thể kiểm chứng nợ chắc hẳn do một trung tâm có chỉ đạo tung ra. Cũng như trong mọi việc đồi bại khác, các nhà lãnh đạo Hà Nội bao giờ cũng thích trưng ra bộ mặt tử tế - "các đồng chí tuy có sai lầm khuyết điểm thật, nhưng đều là người có công với cách mạng, cho nên đối xử với các đồng chí phải khác".

Tôi lo cha tôi đêm nay lại bị cơn đau gan dày vò. Bệnh gan là hậu quả những cơn sốt rét rùng mà ông kiểm được từ trại giam Sơn La của Pháp. Nhưng ông còn đau đớn hơn bởi sự đối xử tàn nhẫn của những đồng chí ngày hôm qua.

Dòng suy tưởng lan man dồn tôi về năm 1949, khi tôi bắt đầu cuộc đời người lính. Khi ấy tôi chưa đủ mươi sáu tuổi. Để được nhận vào bộ đội, tôi và mấy người bạn thân rủ nhau nhét đá vào túi quần cho đủ cân để vượt qua cuộc sát hạch. Súng sinh trong bộ quân phục kaki mới tinh do mẹ may cho, tôi đứng vào hàng ngũ bộ đội, lòng tràn đầy tự hào. Cả trường Nguyễn Khuyến đổ ra tiễn chúng tôi. Mẹ

tôi, nước mắt lưng tròng, dúi cho tôi mẩy đồng bạc phòng khi tôi cần đến. Sự săn sóc của mẹ làm tôi xấu hổ. Tôi vùng khỏi mẹ, chạy đi. Tôi đã là anh bộ đội cụ Hồ rồi mà mẹ còn coi tôi như bé bỏng lắm.

Chúng tôi hành quân theo đường Kim Tân, Kiểu, Bá Thượng, qua Nho Quan, giữa những đồi sim hoa tím Hữu Loan<sup>1</sup>, qua những rừng lau sậy Trọng Hứa, trong ráng chiều Phạm Duy<sup>2</sup>, xóa đi những mỏi mệt, những cơn sốt rét bằng những bài thơ, bài hát của các anh: “*Bông lau ngập ven đồi. Đây đồi xưa, đây rừng xưa in bóng cô nàng... Chiều ơi, lúc chiều về rực nắng nương khoai, trâu bò về giục mõ xa xôi, hỡi chiều*”...

Tôi nhớ chuyến đi gian nan vượt đường số 6, ở quãng giữa hai bốt Đồng Bến và Đồng Bá gần Lương Sơn. Lần đầu tôi giáp mặt với cái chết hiện hình trong những bộ xương người trắng hếu trong cỏ rậm mà những tên lính mới chúng tôi phải chui vào đó để trốn đạn cối địch bắn cầm canh trong ánh hoàng hôn ảm đạm.

Tôi nhớ đêm vượt dốc Sông Trâu trên đường từ Khu 3 lên Việt Bắc trong mưa tầm tã, trong ánh chớp xé rách bóng tối dày đặc của rừng già. Chúng tôi chặt cây làm gậy chống, người nọ bám vào người kia mà đi, mà vẫn ngã oanh oạch trên triền dốc dựng đứng. Lên được đến đỉnh rồi, bắt đầu đổ dốc thì tôi bị cảm lạnh. Run lẩy bẩy, tôi loạng choạng ngã sấp mặt vào bùn, sắc sụa. Tôi cứ nằm đấy, nhổ phì phì những vốc bùn lợm giọng, cố hết sức cất mình lên mà không nổi. Trên lưng tôi là cái ba lô sưng nước mưa, quanh bụng tôi là cả yến gạo chứa trong hai ruột tượng, kèm theo khẩu mút-cơ-tông<sup>3</sup> nặng chịch bám chặt vào vai. Bỗng có ai đó dừng lại bên tôi, cúi xuống tháo từng thứ trên người tôi, tháo hết, rồi vực tôi dậy. Tôi luống cuống bám chặt lấy người ấy. Khi trên người tôi không còn vật nặng nào, tôi thấy tôi nhẹ bỗng, nhẹ đến mức tưởng chừng trong khoảnh khắc đó, không còn gì giữ lại, tôi sẽ bay vụt lên trên bầu trời đen kịt. Một ánh chớp lóe lên, tôi nhìn thấy anh Môn, trung đội trưởng của tôi, đang ôm chặt tôi trong tay. Anh lấy khăn lau mặt cho tôi và dùi tôi đi, trên người anh chồng chất gấp đôi trọng lượng hàng ngày. Tôi xấu hổ vì sự kém cỏi của mình, tôi nambi nặc đòi anh trả tôi những thứ anh phải mang đở tôi, anh nhất định không nghe. “Cậu sốt bùng bùng rồi đây này, đừng gặng thêm nữa. Đường ta đi còn dài”.

Cuộc cách mạng này là cái gì vậy, khi người của nó không còn tình thương? Chỉ cần thấy một đứa trẻ như tôi trong một đêm hành quân cực khổ vì cách mạng thôi, người cách mạng có lương tri không nỡ đối xử với nó thế này.

<sup>1</sup> Nhà thơ (sinh năm 1916 tại Thanh Hóa), rất nổi tiếng với bài những bài thơ Đèo Cả, Mùa Tím Hoa Sim, Nhưỡng Làng Di Qua, Hoa Lúa... Bất bình với chính sách coi văn nghệ sĩ trí thức như nô lệ của Đảng cộng sản và nhìn thấy bản chất việc ruồng bỏ văn nghệ sĩ trong vụ “Nhân văn - Giai phẩm” ông bỏ việc làm với chức vụ cao ở Bộ Văn hoá về sống ở Nga Sơn, Thanh Hóa.

<sup>2</sup> Nhạc sĩ rất nổi tiếng trong thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, sau bỏ vào thành.

<sup>3</sup> Mousqueton, một loại súng trường cổ của Pháp, rất phổ biến trong thế chiến thứ nhất.

Một tiếng sấm nổ gần làm tôi giật mình. Thành bật dậy, mắt đỏ ngầu:

- Cái gì thế?

Một tiếng sét tiếp theo làm màng nhĩ muỗi rách. Trong những xà lim bên cạnh, những người tù cũng đồng loạt tỉnh giấc. Tiếng ho hùng hắng. Tiếng người thì thào. Tiếng nước tiểu chảy vào bô.

Lắng nghe, tôi biết mình lầm. Bên ngoài xà lim có ai đó đang đậm rầm rầm vào những tấm tôn, như thể giờ cao rồi ném mạnh chúng xuống nền xi măng trong cơn giận dữ. Những tiếng động vang dội bên trong những bức tường xà lim làm chúng tôi tưởng là sấm sét.

Tiếng động chát chúa vừa lặng đi thì lại đến tiếng béc-giê tru lên từng hồi. Thì ra có một con chó được thả vào khu này. Nó lồng lộn đòi ra. Mọi lối ra đều đóng, nó nhảy chồm chồm lên những tấm tôn xếp nghiêng ngoài sân.

- Quái lạ, sao họ lại thả chó vào đây nhỉ?

Thành ngồi hắn dậy, lẩm bẩm. Anh chậm chạp vê rất lâu một điều thuốc lào.

Con chó lại tru lên một hồi dài, như tổ tiên nó từng tru như thế trong những rừng thẳm nguyên khai. Tôi biết chắc đó là một con béc-giê. Những năm lâu rồi, khi gia đình tôi còn ở phố Nhà Rượu, đêm đêm tôi vẫn nghe tiếng những con béc-giê tru lên từng hồi như thế từ những chuồng sắt, cũi sắt của Nhà thương chó ở đầu Lò Đức.

- Buổi chiều nghe có tiếng người ta xếp gì loảng xoảng bên ngoài mình đã nghi ngờ - Thành nói - Mình nghĩ: xưởng thợ còn rộng chán, họ xếp nguyên liệu vào đây làm gì? Lúc đi cung ông có thấy gì ngoài sân không?

- Tôi không để ý.

- Lúc về cũng không?

Tôi gật đầu.

Chúng tôi không ngủ lại được. Thành hút thuốc lào. Điều thuốc đầu tiên sau giấc ngủ làm anh say đúi dụi. Tôi sợ anh ngã xuống sàn nhưng anh chỉ đảo đồng đảo địa một hồi rồi tỉnh.

- Hôm nay ông đi cung chắc có chuyện không bình thường?

- Là thế nào?

- Có căng không?

- Cũng như mọi khi.

- Không xảy ra cãi cọ gì?

Tôi không muốn kể cho Thành nghe chuyện tôi làm cho Huỳnh Ngự tức tối. Nhưng tôi cũng không muốn nói dối.

- Nói cho đúng, cũng không được êm dịu cho lắm.
- Thế thì hiểu rồi. - Thành cười - Con chó được đưa vào đây là có tính toán cả đấy, ông ạ. Cả những tấm tôn nữa. Người ta chơi ông đâm ra chơi luôn tụi tôi, tệ quá!

Tôi cười gằn:

- Tệ gì? Chó má ấy thì có!
- Thây kệ, nghĩ làm đέch gì! - Thành đưa hai bàn tay lên mặt vuốt râu, từ trên xuống, như tín đồ đạo Hồi - Coi như chuyện vặt đi. Ông biết chơi cờ không?

Tôi lắc đầu. Về cái khoản cờ bạc tôi đặc cán mai. Tôi không biết chơi bất cứ thứ gì. Của đáng tội, hồi còn nhỏ tôi có biết chơi tam cúc. Nhưng tam cúc không được coi là bài bạc. Trẻ con nhà quê đứa nào mà không biết chơi tam cúc. Những ngày Tết trẻ con có tiền mừng tuổi, chúng chơi tam cúc để tập làm người lớn. Người lớn quê tôi mê đủ mọi thứ bài bạc, từ xóc đĩa cho tới tổ tôm. Nhất là cánh lái gỗ. Rời quê hương lên rừng làm thuê, giàu lên thì mở lối, trở thành lái. Những ông lái gỗ làm nhà trên bè, tài sản có nhất được trong nhiều năm, đánh tổ tôm tài bàn suốt con đường lênh đênh về xuôi, đánh cho tới nhẵn túi, cho tới khi trở thành anh chân sào cho một lái khác, trên con bè trước kia là của mình.

Thành ngáp trẹo quai hàm, nói:

- Ngày tù nhiều khi dài ơi là dài. Rồi tôi sẽ dạy ông chơi cờ cho khuây khỏa. Ông mới vào chưa biết, chứ sống trong xà lim nhiều lúc mệt lắm. Phát điên lên được. Chơi cờ cũng vợi đi được một phần. Nhưng chơi một mình thì chán...

Con chó lại tru lên. Nó chỉ ngừng từng lát khi quá mệt.

Tôi định bụng hôm sau tôi sẽ phản kháng chuyện này. Họ muốn hành tôi thì cứ việc hành, nhưng không được làm khổ lây người khác.

- Họ cũng đã chơi anh thế này? - tôi hỏi.
- Không phải y như thế. Họ có nhiều bài bản. Với mỗi người mỗi khác. - Thành lảng lơ - Mình cứ phải tỉnh táo, ông ạ, tùy cơ mà ứng biến. Đã ở trong tay người ta rồi nhất cử nhất động đều phải cân nhắc. Nhưng cũng chẳng nên gây sự với họ làm gì...

Cứ rỉ rả như thế, Thành cho tôi rất nhiều kiến thức bổ ích cho đời tù của tôi sau này.

- Đã nói gì thì cứ thế mà nói, trước sao sau vậy, kẻo họ hành cho tới số đấy. Lại nữa, nói về mình thì lỡ miệng còn được - mình làm mình chịu. Lỡ lời làm hại người khác thì ân hận cả đời. Trong một vụ án người ta chú trọng nhất cái anh đầu vụ. Với người có liên quan thì họ nhẹ nhàng thôi. Cũng có khi không bẻ gãy được người đầu vụ, họ đôn người khác lên thay...

Thành nằm xuống. Lát sau tôi đã nghe anh ngáy khe khẽ. Con chó vẫn cứ thế, thỉnh thoảng nó lại trù lên một hồi, giọng mỗi lúc một yếu. Nó thấm mệt, nó tuyệt vọng, hay là chúng tôi đã quen với nỗi tuyệt vọng của nó, tôi không rõ.

Tôi tập trung tư tưởng vào một điểm trong hư vô, cố tách mình khỏi những ý nghĩ vẩn vơ, thở đều theo phương pháp khí công.

## 7

- Cung, cung, cung!

Viên quản giáo nông dân đứng trong khung cửa, mặt dững dững buông một câu trống không. Thành ngồi im, đầu gối quá tai, mặt phớt tinh, không tỏ một phản ứng.

Tôi ngơ ngác: anh ta gọi tôi? Hay gọi Thành?

- Cung, cung, cung!

Anh ta nhắc lại.

Đến lúc ấy Thành mới khẽ nói:

- Ông quản giáo gọi ông kia!

Ra thế! Vậy mà anh chàng quản giáo cù lần kia không nói là đi khai cung cho rồi, cứ lăng nhăng mãi cái từ ngữ thổi tả của nhà tù, bắt tội tôi phải hiểu.

- Mặc quần áo vào còn đi chứ! - Thành lại giục.

Khốn nạn, tôi có còn gì nữa mà mặc! Tôi đã mặc hết rồi. Trong xà lim lạnh buốt tôi đã phải đắp lên mình tuốt tuột những gì tôi có mà vẫn còn thấy rét. Nhiệt độ mấy ngày qua tụt xuống đúng đùng. Mùa đông thực sự đã đến. Nằm khàn trong xà lim, không bị gọi ra hỏi cung, tôi ngán ngẩm nghe gió bắc thổi ù ù bên ngoài. Thật là tệ, nếu tôi bị bắt muộn vài ngày, chắc chắn tôi đã có thêm một cái áo len. Hôm bị bắt trời còn ấm, may mà tôi lại vận áo bông.

- Nhanh lên! - viên quản giáo nhắc, giọng khẽ khàng.

Tôi cẩn thận khép chặt hai vạt áo bông cho gió khỏi lùa vào trong người. Chỉ còn có việc xỏ chân vào giày là xong. Giày cũng không cần buộc dây. Dây giày đã bị thu, không hiểu vì sao. Chắc người ta nghĩ có thể dùng dây giày để treo cổ.

Phải dành vài dòng cho đôi giày, nó đáng được nói đến. Tôi bị té thấp. Lo sắp tới mùa đông vợ tôi xăng xá kiếm cho tôi một đôi giày vải để đi công tác. Tình cờ lại vớ được đôi giày đen, da Mông Cổ hẵn hoi, bất thình lình xuất hiện ở cửa hàng Tràng Tiền, đồ viện trợ. Hồi ấy giày da hiếm lắm. Chỉ có các ngoại giao quan, các cán bộ cao cấp mới đi giày da. Dân thường thì đi dép lốp. Đôi giày bị Huỳnh Ngự khám rất kỹ, tôi tưởng y sẽ dùng dao banh cả để ra để tìm cái y muốn thấy. Đôi giày đẹp là thế, da mềm lắm, đóng cũng khéo, nhưng về mặt thực dụng, khốn nạn cho tôi, nó lại thua xa đôi dép lốp rẻ tiền.

Tù xà lim buổi sáng được ra ngoài làm vệ sinh thân thể một lần cho cả ngày. Mỗi lần được dăm phút, không tính thời gian đóng cửa mở cửa. Xà lim có hai người, mỗi người được ngót nghét hai phút rưỡi. Chúng tôi phải đi như chạy (nhưng không được phép chạy thật) để vào phòng tắm đổ bô, rửa bô, rửa mặt rồi đi về. Thế mà sau này, áp dụng vận trù học tôi và Thành còn đi đại tiện được (xin lỗi), còn tắm được trong mấy phút ngắn ngủi ấy mới tài.

Tôi còn có thể làm nhanh hơn nếu không vướng đôi giày. Đi rửa phải xếp nó ở xa cái vòi nước chảy tồ tồ trong phòng tắm chật hẹp. Rửa xong phải nhảy cò cò tra chân vào giày cho nhanh để trở về phòng giam, có khi phải đi cà nhắc vì một bàn chân chưa xỏ hẵn vào được. Bất tiện là thế nhưng lại không thể quăng nó đi. Nhà tù Việt Nam không có lệ phát dép cho tù. Trừ một bộ quần áo, một cái chăn sợi, một manh chiếu, người tù nhập trại không được phát một thứ đồ dùng thiết thân nào khác. Bàn chải,

thuốc đánh răng, xà-phòng đều do gia đình tiếp tế<sup>1</sup>. Bên cạnh Thành, tôi là người vô sản chính cống. Khác tôi, khi bị bắt anh đã biết phải mang theo cái gì.

Viên quản giáo dẫn tôi đi qua xưởng thợ, nơi mẩy người tù áo xọc đang căm cuội gò hàn. Họ có vẻ chăm chú làm việc, không để ý đến chúng tôi. Nhưng không phải, những con mắt tò mò thỉnh thoảng vẫn ném những cái liếc xéo về phía người tù đi qua. Một viên quản giáo ngắn tũn đứng trên đống sắt ngổn ngang la hét, giọng Nghệ An đặc sệt: “Ê, anh té, mần đi chơi! Ngó ngọ cải chi? Vào nơi ni rồi phải chăm chỉ lao động! Không chăm chỉ lao động thì đừng cỏ hòng về, chị cỏ chết mục xương!”

Trong khu xà lim tù binh, cây thông Noen ủ rũ vẫn đứng đó, mẩy ngọn đèn màu leo lét. Cái máy ghi âm vẫn chạy, tiếng méo xẹo. Đỗ Nhuận vẫn ê a: “Hồng hà mènh mông... trôi cát tới chân làng quê. ê. ê... Cuối sông, ngoài bến Việt Trì có những chàng áo nâu về...”

Lần này viên quản giáo không đưa tôi tới phòng hỏi cung lần trước mà đi xa hơn, tới gần cổng Hỏa Lò, nơi có một lối hẹp dẫn vào những ngôi nhà dài thuộc cánh phải. Anh ta bảo tôi đứng đợi trong lối hẹp đó.

Từ chỗ tôi đứng mở ra một nhánh nhỏ với một dãy phòng đóng kín cửa. Nhìn bề ngoài những phòng này giống các phòng tập thể cho cán bộ độc thân, nhưng tôi nhanh chóng gạt đi ý nghĩ đó - ở cửa mỗi phòng là một cái khóa Tuto<sup>2</sup> treo lủng lẳng.

Tôi bỗng giật mình: cách tôi chừng mươi mét, phía ngách hành lang, một người tù già tóc bạc phơ, dáng đi nặng nhọc, hai tay bưng tô cơm, một con cá khô cẩm đầu xuống, giương chẽ đuôi cứng đơ lên trời. Người tù ngẩng mặt lên và tôi nhận ra tướng Đặng Kim Giang.

Bác Giang gày xombok, râu mọc dài, cũng bạc như cước. Chao ôi, chúng nó đã làm gì bác mà mới có hơn hai tháng tù bác thay đổi nhiều đến thế? Nhưng phong thái ông xem ra vẫn không thay đổi, vẫn đàng hoàng lấm. Nhìn thấy tôi, ông mỉm cười: “Đừng sợ, cháu! Phải cứng rắn lên!”, cái nhìn của ông nói. Một giây sau ông đi khuất vào một khúc quanh, theo sau là một quản giáo mầu hoàng thổ. Có phải với cái nhìn ấy, nụ cười ấy ông muốn nhắn tôi phải kiên định, không nhận gì hết. Khốn nạn cho tôi, tôi thì kiên định cái quái gì kia chứ! Tôi có gì để mà nhận với chúng nó? Chắc ông muốn nhắn nhủ: đừng để bị lung lạc, dù dỗ, đừng sợ khi chúng nó ép cung mà khai bậy bạ, làm người khác bị liên lụy?

Tướng Đặng Kim Giang hoạt động cách mạng cùng với cha tôi từ trước những năm 30, từng ở tù cùng cha tôi tại ngục Sơn La. Trước khi trở thành đảng viên cộng sản ông chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Quốc dân Đảng, nhưng không phải đảng viên của đảng này. Tôi biết thế vì trong các đồng chí của cha

<sup>1</sup> Quà gia đình gửi vào cho người tù. Gọi bằng “tiếp tế” trong thời kỳ này rất sát nghĩa, bởi vì phần nhiều quà gửi vào là thực phẩm để cho người tù đỡ đói. Ở trong Nam nó được gọi là “thǎm nuôi”.

<sup>2</sup> Một loại khoá rất phổ biến ở Việt Nam hồi ấy (đọc tuy-tô).

tôi, ông là người có nhiều bạn cũ trong Quốc dân đảng. Trong kháng chiến chống Pháp, ông làm bí thư khu uỷ Liên khu 3, rồi tổng cục phó Tổng cục hậu cần, là chủ nhiệm hậu cần mặt trận Điện Biên Phủ.

Hòa bình lập lại, ông phụ trách khối bộ đội chuyển sang làm công tác nông nghiệp, với chức vụ thứ trưởng Bộ Nông trường. Nhanh nhẹn trong chiếc áo choàng bằng dạ kaki cấp tướng, ông xăng xá lúc ở chỗ này, lúc ở chỗ khác trên địa bàn rộng lớn miền Bắc. Chúng tôi, những đứa cháu con bạn ông, rất yêu ông. Trong ông chẳng có gì của vị tướng trong cái hình dung thông thường của mọi người. Ông giản dị, xuề xòa và hồn hậu. Cũng giống như chúng tôi, những người lính nông dân vừa rời tay súng về cầm cày không coi ông là tướng, mà là người cha, người chú trong gia đình.

Khi nổ ra cuộc xung đột ý thức hệ Trung - Xô, ông không do dự đứng ngay về phía Liên Xô. Là đảng viên cộng sản lão thành, như mọi đảng viên lão thành cùng thế hệ, ông không rành lý thuyết cộng sản. Ông, theo chỗ tôi biết, là một trong những nho sĩ cuối cùng của một thời đã xa với phuơng châm xử thế bất biến: lấy nhân, nghĩa, lễ, trí, tín làm đầu. Với tinh thần nho sĩ, chứ không phải với tinh thần à uôm mác-xít, ông gay gắt lên án Stalin giết hại đồng chí để củng cố quyền lực, ông chống Mao, mà ông gọi là “tên đồ tể” cũng mạnh mẽ không kém.

- Stalin ngập trong máu, bác biết lắm chứ, nhưng đó không phải là chủ nghĩa xã hội. - ông nói với tôi - Cái nhà không xấu chỉ vì chủ nhà là một thằng khốn nạn, bác nghĩ thế. Hòn quân có thể làm sập một vương triều, nhưng không làm mất nỗi một đạo. Cháu thấy không, các triều vua thay nhau đổ trong khi Nho giáo, Khổng giáo vẫn trường tồn. Chủ nghĩa Marx với tư tưởng giải phóng nhân loại sẽ còn mãi. Chủ nghĩa Marx không muốn thấy một nhân loại như bây giờ. Nhân loại phải được sống hạnh phúc. Con người phải được sống như con người. Khrushov lên án sùng bái cá nhân là phải lầm, người có luân thường không thể làm khác. Mao mới là tên ăn cháo đá bát. Lợi dụng chống Khrushov chống luôn Liên Xô. Thủ hỏi không có Liên Xô làm sao Trung Quốc có ngày nay? Công nghiệp gang thép ai dựng cho? Rồi công nghiệp máy cái, tàu bay, tàu biển, ô tô? Trước kia Trung Quốc có gì? Ngày nay có gì? Ừ thì lãnh đạo Liên Xô cư xử không nên không phải khi nổ ra bất đồng, nhưng ai là người đổ mồ hôi sôi nước mắt giúp Trung Quốc vững vàng được như bây giờ? Là nhân dân Liên Xô chứ, là người lao động Liên Xô chứ. Xét cho cùng, cũng chẳng lấy làm gì lạ - mộng vương bá là cốt tật của người Trung Hoa. Cứ xem sử Trung Quốc thì thấy, mỗi vùng mỗi vua, anh nào cũng lăm le bá chủ thiên hạ, chưa bá chủ được chưa yên. Nước ta rồi còn khổ với mấy cái anh bá này!

Tôi nghe ông mà buồn. Trong câu nói của ông toát ra điều mà lớp trẻ đã có nghiên cứu chút ít học thuyết Marx không thể chấp nhận, nhưng là sự thật – trong tâm thức, phần lớn đảng viên cộng sản coi chủ nghĩa cộng sản như một tôn giáo. Tôi không nói quá - nếu không đến nỗi thế thì họ cũng tin vào chủ nghĩa Marx với một đức tin ngang bằng với đức tin tôn giáo. Chúng tôi đã rũ bỏ được cái tinh thần ấy, chí ít thì cũng không còn mang trong lòng sự tôn sùng chủ thuyết Marx như mục đích cuộc đời. Cha tôi hơn hẳn ông Giang trong chuyện này, mặc dầu cũng không phải đã rũ sạch.

Trong thời gian làm thứ trưởng Bộ Nông trường, Đặng Kim Giang là một người thực tiễn. Ông chăm chú nghe ý kiến quần chúng, ông hiểu nguyện vọng của họ, từ đó ông đề xuất những chủ trương táo bạo đối với đường lối cứng quèo của Đảng. Ông dám khuyến khích sản xuất bằng lợi ích vật chất, chia

ruộng phần trăm cho nông trường viên, ông chủ trương hợp tác đầu tư với các nước xã hội chủ nghĩa, cho các nông trường liên doanh với các nông trường nước bạn. Tất cả những chủ trương cách tân đó đều bị Lê Duẩn và Lê Đức Thọ coi là “xét lại”, “đi theo con đường tư bản chủ nghĩa”.

Tướng Giang đi khuất rồi, tôi còn phải đứng đợi một lúc nữa mới thấy viên quản giáo nông dân xuất hiện.

Anh ta lảng lặng dẫn tôi tới một phòng hỏi cung khác nằm sâu trong dãy nhà bên cánh trái Hỏa Lò. Đợi tôi ở đó là một người đàn ông cao to, da thiết bì, nhưng bóng láng, đẹp trai như một con hà mã. Trong quân phục dạ dành cho cấp tá, không quân hàm, bên trong chiếc áo choàng cũng bằng dạ, y lù lù nhìn tôi.

Thế là chúng nó phải thay người làm việc với mình rồi, tôi nghĩ. Nhìn Huỳnh Ngự khum núm bên cạnh y, tôi đoán y là cấp trên của Huỳnh Ngự.

Đã một tuần lẽ trôi qua kể từ hôm tôi bị bắt, nếu không hơn. Trong những ngày đó, sau cuộc cãi vã tay đôi làm Huỳnh Ngự tức điên, y còn gọi tôi ra vài lần nữa, nhưng cứ vừa nhìn thấy y là tôi bắt viên quản giáo đưa tôi lộn lại xà lim. Cái lối chơi chướng ấy thế mà được việc. Cần phải cho chúng nó biết tôi không dễ nhá. Cha tôi nói về đối sách của ông với nhân viên sở Liêm phỏng: “Chỉ cần run sợ một chút là chúng lấn tới. Cho chúng nó đánh, cho chúng nó tra khảo, tra chán rồi chúng nó mệt, chúng nó bỏ. Chứ tỏ ra sợ đòn thì cứ cần hỏi gì là chúng nó lại lôi ra, lại đánh”.

- Tôi đã đọc những báo cáo về anh. – con hà mã đặt tập hồ sơ đang đọc khi tôi bước vào lên bàn - Hôm nay tôi bố trí thời gian gặp anh...

Tôi lặng thinh nhìn y.

- Chỉ để khuyên anh một điều, với tư cách người lớn tuổi...

Tôi không nói gì.

- Trước hết, tôi khuyên anh không nên cố chấp. - bằng giọng không có hồn, y dề dà nói - Anh là trí thức, hẳn anh biết cổ nhân có câu: “Chấp kinh thì phải tòng quyền”...

Tôi liếc nhìn Huỳnh Ngự. Bên cạnh con người này, y nhỏ bé hẳn, so rụi hẳn, chẳng giống Huỳnh Ngự những ngày trước.

Không đợi con hà mã nói hết, tôi hất hàm chỉ Huỳnh Ngự, làm ra vẻ không biết hoặc không nhớ tên y:

- Nếu anh có ý định phổ biến nội quy trại giam cho tôi một lần nữa, như anh này đã phổ biến, thì tôi xin cảm ơn, tôi đã được nghe kỹ...

- Khoan đã. – y phóng bàn tay ra phía trước, chặn câu nói của tôi lại - Tôi hiểu anh đang bức bối trong lòng. Bức bối là phải thôi, ai lại muốn mình bị Đảng coi là kẻ thù của cách mạng? Nhưng cho tới giờ đã có ai coi anh là kẻ thù đâu! Sai thì có, sai quá đi ấy chứ. Do nhận thức sai nên mới có hành động sai. Cũng là thường tình thôi. Sai thì sửa. Mao chủ tịch dạy: chỉ có hai thứ người không sai thôi - ấy là đứa

trẻ trong bụng mẹ và người nằm trong quan tài. Mình chưa hiểu ra cái sai, Đảng biết thì Đảng chỉ ra cho, uốn nắn cho, sửa chữa cho. Vì thế, như tôi vừa nói với anh, tôi nhắc lại lần nữa anh nghe cho rõ: đừng cố chấp. Nội quy, xét cho cùng, nó là cái gì? Nó chẳng là cái gì hết - một quy ước được soạn ra cho cuộc sống tập thể mà mọi người có trách nhiệm tuân thủ để duy trì trật tự chung...

- Tôi nói rồi: tôi không thích cái nội quy ấy. - tôi lạnh nhạt, đồng thời cương quyết - Tôi không chấp nhận nó.

- Bình tĩnh, bình tĩnh nào! Nghe tôi nói đã. Sáng nay anh Thành<sup>1</sup> thay mặt anh Sáu, có vào đây gặp các anh, từng người một. – con hà mã vẫn bình thản, nhưng qua giọng nói, cách nói của y, tôi hiểu y phải cố gắng lắm mới giữ được vẻ mặt bình tĩnh như thế - Nhưng rồi do công tác đột xuất lại phải quay về ngay, không gặp được. Anh Thành ủy nhiệm tôi phổ biến cho các anh quyết định mới nhất của Bộ Chính trị và Ban tổ chức Trung ương...

Người được bổ nhiệm của Bộ Chính trị và Ban tổ chức Trung ương không thèm tự giới thiệu. Sau mới biết tên y là Trúc, không rõ họ gì, cục trưởng Cục chấp pháp. Trúc là nhân vật quan trọng nhất trong đám quan binh mà tôi được tiếp kiến kể từ khi bước chân vào Hỏa Lò. Trong ngành công an người giữ chức vụ cục trưởng còn sang hơn thứ trưởng ở các bộ khác.

Y đúng là một nhà mác-xít-lê-nin-nít chân chính, theo cách hiểu Việt Nam. Y nói nhân nghĩa, nhưng không nhích một ly khỏi lập trường chuyên chính vô sản. Tôi không ngạc nhiên nếu sau những lời phi lộ dài dòng đầy nhân ái, y sẽ nói tới những quyết định tàn bạo. Những quyết định sắt máu không được viết ra bằng lời, nhưng tinh thần của chúng hùng hực trong cái gọi là Nghị quyết 9. Trong cuộc đời cán bộ của tôi, tôi đã buộc phải học tập nhiều nghị quyết của Đảng, nhiều đến phát ngán, không thể nhớ nổi, chúng lộn tung phèo trong đầu tôi, cái này lẫn với cái kia. Nhưng Nghị quyết 9 là cái không bao giờ tôi quên. Nó đặt một dấu nung đốt lên trán xã hội để khẳng định một lần cho mãi mãi rằng đảng cộng sản (lúc đó còn mang tên Đảng Lao động Việt Nam) quyết đóng hàm thiếc và yên cương cho con ngựa dân tộc, bắt nó phải ngoan ngoãn đi theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết 9 là nghị quyết của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 9, khoá 2, họp vào ngày 11. 12. 1963. Nó là một nghị quyết có vỏ ngoài tù mù, lăng nhăng, với những câu chữ chung chung, tưởng như không có lập trường rõ ràng đối với cuộc xung đột tư tưởng đang diễn ra gay gắt trong lòng phong trào cộng sản quốc tế. Trong nghị quyết này Đảng Việt Nam vừa nói “chống chủ nghĩa xét lại

<sup>1</sup> Nguyễn Trung Thành (1913-2006), là một trong những nhân vật quan trọng trong vụ trấn áp nhóm “xét lại chống đảng”. Trong thư gửi Tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam, ông Trần Minh Việt (Lê Quang Dự), phó bí thư thành ủy Hà Nội kiêm phó chủ tịch ủy ban hành chính Hà Nội, bị bắt ngày 18. 10. 1967 có viết: “Hai người trực tiếp tham gia vụ đàn áp này là ông Thành (nguyên vụ trưởng Vụ bảo vệ Đảng, Ban tổ chức Trung ương) và ông Dương Thông (Bộ Nội Vụ)”. Dương Thông trong kháng chiến chống Pháp là trưởng quận Công an huyện Kim Sơn (Ninh Bình).

hiện đại” vừa nói chống “chủ nghĩa giáo điều”<sup>1</sup>, với câu chữ kín kẽ, rất kinh vien, trong một hệ khái niệm không giống ai, khó mà hiểu được người viết nghị quyết muốn nói cái gì. Theo lời đồn thì tác giả của cái nghị quyết có vẻ nước đôi này, hay nói cho đúng hơn, người chấp bút nó, là nhà kinh vien Trường Chinh. Tác giả của những bài chính luận hào hùng không ai sánh kịp trong những ngày tiền khởi nghĩa 1945 lần này đã nhoài người ra giúp rập chủ soái Lê Duẩn đóng thật đạt màn kịch “em chã, em chã” với cả hai bên tranh chấp. Trong thực tế nó là cái xác quyết lập trường của Đảng: chuyên chính vô sản, cách mạng bạo lực, triệt để xoá bỏ tư hữu, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc, võ trang giải phóng miền Nam. Nó mở màn cho cuộc tấn công nhằm vào “chủ nghĩa xét lại”, cụ thể là nhằm vào những cán bộ có xu hướng không tán thành đường lối chuyên chính vô sản và cách mạng bạo lực. Nghị quyết này là kết quả trực tiếp của chuyến đi Hà Nội vào tháng 5. 1963 của Lưu Thiếu Kỳ<sup>2</sup>, chủ tịch nước CHND Trung Hoa nhằm lôi kéo Hà Nội về phía Bắc Kinh chống lại đường lối của “chủ nghĩa xét lại” do Đại hội XX DCS Liên Xô khởi xướng. Tiếp theo chuyến đi lịch sử của họ Lưu là sự xuất hiện những bài báo của Hồng Chương (tạp chí Học Tập, tháng 7. 1963), Lê Đức Thọ (báo Nhân Dân, 2. 9. 1963), lên án tiểu thuyết “Vào Đời” của Hà Minh Tuân<sup>3</sup>, ghép một cách ngớ ngẩn và vô căn cứ vào với “chủ nghĩa xét lại” của “tên phản bội Tito”, đòi phải “thi hành kỷ luật thích đáng” những cán bộ đảng viên có tư tưởng hữu khuynh, xét lại.

Có thể nói toàn thể cán bộ công an, và nói chung các cán bộ của “bộ máy trấn áp phản cách mạng” hồi ấy được Đảng nhuộm đỏ một màu máu. Bạo lực được tôn sùng như biểu hiện của tính kiên định cách mạng. Những câu cách mạng hung hăng đầu lưỡi được đánh giá như nhiệt tình chiến đấu cho thắng lợi cuối cùng của đường lối mác-xít.

Ngoài những buổi học tập nghị quyết 9 được tổ chức nửa bí mật, nửa công khai theo các cấp khác nhau, với mức độ khác nhau, tại tòa soạn, chúng tôi phải học tập liên miên. Tài liệu học tập là những bài giảng của Trung ương gửi xuống, của Nhà xuất bản ngoại văn Bắc Kinh do sứ quán Trung Quốc phát không. Công việc củng cố lập trường chiếm hết thời giờ làm báo. Được cái làm báo xã hội chủ nghĩa

<sup>1</sup> Vào thời gian đó, thông thường khi người ta nói chống “chủ nghĩa xét lại” thì có nghĩa là chống Liên Xô (theo cách nói của Trung Quốc), khi người ta nói chống “chủ nghĩa giáo điều” có nghĩa là chống Trung Quốc (theo cách nói của Liên Xô).

<sup>2</sup> Lưu Thiếu Kỳ (1898-1969) khi đó là chủ tịch nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, chính trong thời gian này, được gọi là “đêm trước của Cách mạng Văn hoá”, ông đang bị Mao Trạch Đông âm mưu hạ bệ. Năm 1968, Lưu bị khai trừ khỏi ĐCSTQ, năm 1969 bị bỏ đói, người thối khắm và thở hơi cuối cùng trong nhà tù Khai Phong. Xem ra Lưu Thiếu Kỳ cũng là người rất trung thành với “tư tưởng Mao Trạch Đông”.

<sup>3</sup> Hà Minh Tuân (1929-1992), nhà văn. Trong kháng chiến chống Pháp, Hà Minh Tuân từng làm chính ủy đại đoàn 312, sau khi hòa bình lập lại, ông chuyển sang làm công tác xuất bản, giữ chức phó giám đốc rồi giám đốc Nhà xuất bản Văn học. Cuốn tiểu thuyết đầu tay của ông là cuốn Hai Trận Tuyến được khen ngợi, nhưng cuốn thứ hai Vào Đời thì bị phê phán nặng nề. Nhà thơ Xuân Sách viết chân dung Hà Minh Tuân: “Bốn mươi tuổi mới vào đời/ Ăn đòn hội chợ tơi bời xác xo”.

không khó. Tờ báo là công cụ giáo dục nhân dân, cho nên báo không cần bán chạy, thị hiếu của độc giả, hay nhu cầu của độc giả không cần đếm xỉa, chỉ cần minh họa các chủ trương chính sách của Trung ương sao cho tốt, cho khéo là được. Không ai trách anh nếu anh viết giống hệt bài nào đó đã in rồi trong báo Đảng. Nhai lại những gì báo Đảng viết đã không mang tội đạo văn thì chớ, lại còn được khen có ý thức tổ chức cao. Hay có viết giống Đài phát thanh Bắc Kinh hoặc Nhà xuất bản ngoại văn Bắc Kinh thì cũng được khen không kém: lập trường vững.

Trong những buổi kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết 9, các nhà báo ngồi cùng các nhân viên tòa soạn, cả anh tiếp phẩm lẫn chị cấp dưới. Mọi người đua nhau lên án “bọn xét lại hiện đại” chủ trương chung sống hòa bình giữa các chế độ xã hội khác nhau, thi đua hòa bình, quá độ hòa bình lên chủ nghĩa xã hội. Ai đọc được nhiều tài liệu của Đảng, của Trung Quốc, lại có trí nhớ tốt, phát biểu hăng hái, thì được coi là tích cực học tập.

Trong Hỏa Lò, Huỳnh Ngự cũng ông ổng chửi chung sống hòa bình:

- Là người không thể sống với dã thú. Mà bọn tư bản là dã thú, chung sống làm sao được với chúng nó? Bây giờ anh đã thấy đường lối nó sai chưa?

- Chưa. - tôi đáp - Mình muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải có hòa bình trước đã, tôi quan niệm như vậy. Còn cụm từ chung sống hòa bình mà báo chí quen dùng là do dịch sai gây ra hiểu nhầm. Người Nga nói *mirnoe soshushestvovanie*, người Pháp nói *coexistence pacifique* không có nghĩa chung sống hòa bình, mà là cùng tồn tại trong hòa bình.

Huỳnh Ngự hừ một tiếng không rõ rệt.

Vài năm sau, khi Đảng đã biến hoá lập trường, không còn mặn mà với Trung Quốc nữa, thì báo chí không thấy dùng cụm từ *chung sống hòa bình* nữa. Người ta dùng đúng như tôi nói hôm đó: *cùng tồn tại trong hòa bình*.

Cuốn “*Người với người là bạn*” của nhà văn Liên Xô Boris Polevoy<sup>1</sup> bị đặt lên bàn mổ. Nó bị phỉ nhổ là lá cờ rách của “chủ nghĩa nhân đạo chung chung”, “thứ đồ bở nhặt từ trong đống rác thối tha của chế độ tư bản”. Các cán bộ tuyên giáo<sup>2</sup> nói rằng cái “chủ nghĩa nhân đạo chung chung” của “bọn xét lại hiện đại” không mê hoặc nổi ai. Nhưng cứ phải cảnh giác (!), họ nhấn mạnh, bởi vì nó thường dùng hình thức văn học là cái đi vào lòng người một cách êm ái.

<sup>1</sup> Boris Polevoy (1908-1981) bị những lý thuyết gia cộng sản Việt Nam đậm đà bởi về lập trường tính người chung chung. Không phải chỉ riêng Polevoy, nhiều nhà văn, nhà thơ khác của Liên Xô (cũ) và các nước cộng sản Đông Âu cũng bị phê phán dữ dội.

<sup>2</sup> Nói tắt: tuyên truyền và giáo dục. Ban tuyên giáo (sau này còn có tên là Ban Tư tưởng – Văn hoá) trong hệ thống tổ chức của Đảng cộng sản chiếm một vị trí rất quan trọng trong đảng và trong sinh hoạt xã hội. Nó đứng trên và chỉ đạo mọi ngành có dính dáng tới chữ nghĩa.

Chủ nghĩa cộng sản, cũng theo các nhà tuyên giáo, đương nhiên hàm chứa chủ nghĩa nhân đạo tiến bộ nhất, văn minh nhất, rộng rãi nhất, cao cả nhất. Mọi thứ chủ nghĩa nhân đạo khác, không phải của giai cấp vô sản, chỉ là những ngôn từ rỗng tuếch, là lời lẽ mị dân.

Chúng tôi họp suốt ngày. Không phải một, hai ngày, mà ngày này qua ngày khác. Dưới cái quạt trần quay vù vù và sự chủ tọa của thư ký tòa soạn Nguyễn Thanh Địch, các cán bộ của tờ báo mồ hôi nhễ nhại phê phán tính chất nhân đạo phi giai cấp của những bộ phim xô-viết: “Số Phận Con Người”, “Đàn Sếu Bay Qua” và “Bài Ca Người Lính”<sup>1</sup>. Đó là những bộ phim hay, báo hiệu sự khởi sắc của nền điện ảnh xô-viết sau một thời gian dài trì trệ với những sản phẩm minh hoạ đường lối của đảng và tôn vinh đảng. Nền điện ảnh ấy trong thực tế đã trở thành xác ướp được đánh phấn bôi son trong nhiều thập niên sau những tác phẩm nổi tiếng như “Chiến hạm Potemkin”, “Ivan Bạo Chúa” ra đời trong niềm hưng phấn cách mạng. Mặc dù trong lòng không tán thành, mỗi người cũng phải phụ họa đôi ba câu vô thưởng vô phạt. Tôi ngồi im. Ngồi im cũng là một thái độ, và các nhà mác-xít cấp phường nhìn tôi bằng con mắt hần học. May cho tôi, bí thư chi bộ Hoàng Nguyên Kỳ là một họa sĩ, cũng tức là một người thuộc lớp trí thức, biết ăn ở sao cho phải đạo. Là người lãnh đạo trong tòa soạn, anh hiển nhiên phải có lập trường vững vàng, nhưng anh chỉ giữ ý thức tổ chức đến mức vừa đủ. Anh ân cần dặn tôi: “Im lặng cũng được. Nhưng chớ có phát biểu ngang xương đấy nhé!”.

Nhân đợt học tập “chống chủ nghĩa xét lại hiện đại”, những chồng báo lưu của tòa soạn được mang ra. Dưới ánh sáng của Nghị quyết 9, người ta đọc lại các số báo xuất bản một hai năm trước bằng kính lúp. Một số bài bị mang ra phê phán, trong đó không thể thiếu những bài của tôi. May cho tôi - những câu chữ bị đem ra mổ xẻ, bị lên án hóa ra lại là của quý vị Phạm Văn Đồng, Trường Chinh, Lê Duẩn, mà tôi đã lười biếng kop vào bài viết của mình. Thậm chí tôi còn đóng vai phản tỉnh, đề nghị cho tôi được nghỉ học để ngay lập tức viết thư lên các vị lãnh đạo. Tôi giận các vị lắm, tôi nhất quyết buộc các vị phải công khai nhận sai lầm, chính vì tin ở các vị mà tôi sai lầm theo. Thư ký tòa soạn tinh giắc đấu tranh, vội vã ngăn tôi lại.

Không khí chỉnh huấn tưởng đã vĩnh viễn lùi xa vào quá khứ, nay trở lại với sức mạnh gấp đôi.

Nạn nhân đầu tiên của cuộc tiến công ầm ĩ vào “chủ nghĩa xét lại” là Minh Tranh, giám đốc Nhà xuất bản Sự Thật. Là một nhà xuất bản chuyên cho ra những sách kinh điển của chủ nghĩa Marx-Lênin, lẽ thường giám đốc phải là người con trung thành bậc nhất của những giáo điều mác-xít. Ai ngờ Minh Tranh lại là một trong những tên “xét lại”, và là một tên xét lại cứng đầu, nhất nhất không tuân phục trung ương. Mấy anh cán bộ tuyên giáo không có thông tin cập nhật, không biết tôi là “phản tử có nghĩa vụ” nói với tôi: “Bạn xét lại có ba pháo đài kiên cố là Viện Triết, Nhà xuất bản Sự Thật và Uỷ ban khoa

<sup>1</sup> . Những tác phẩm này bị các cơ quan tuyên giáo Trung Quốc, Việt Nam tấn công dữ dội. Đài phát thanh Bắc Kinh dành hàng tháng trời để phê phán chúng.

học nhà nước. Viện Triết có Hoàng Minh Chính, Nhà xuất bản Sự Thật có Minh Tranh, còn Ủy ban khoa học nhà nước thì có Tạ Quang Bửu”.

Minh Tranh không bị hạ ngục. Ông được Đảng ban cho ân huệ được an toàn rời bỏ cái ghế giám đốc mà chính ông không thiết tha. Trước khi rời Hà Nội, ông tới chia tay với cha tôi. Hai người lững thững đi bộ dọc đường Hai Bà Trưng. Tôi không biết họ nói gì với nhau trong buổi chiều đầy lá rụng hôm đó. Cha tôi trọng Minh Tranh, coi Minh Tranh là một đồng chí có học và có tinh thần cách mạng kiên định. Tôi không rõ Minh Tranh đi đâu. Ông biến khỏi thành phố, như rời xa ổ dịch. Không ai nghĩ ông sợ. Mọi người đều hiểu – ông bỏ đi vì chán ngán.

Tôi buồn. Tôi ngơ ngác. Tôi không thể hiểu nổi những lời thỏa mạ bỗng dung nỗi lên dùn dùn nhằm vào một kẻ thù không biết mặt. Cứ như thể mọi người chung quanh tôi bất bình linh phát điên. Không điên thì không thể nói ra những luận điệu phi nhân như thế với bạn bè mình, với anh em mình. Nhưng tôi nhầm – họ không điên. Đến chủ nghĩa Marx họ cũng chỉ biết bập bõm thì làm sao họ biết được mặt ngang mũi dọc cái chủ nghĩa xét lại chủ nghĩa Marx nó thế nào.

Nhin sâu vào phong trào chửi bới “chủ nghĩa xét lại”, tôi rùng mình. Sau cải cách ruộng đất, đây là một sự sa sút của tâm hồn người, với mức độ tinh vi hơn. Nếu như cải cách ruộng đất diễn ra trong bầu không khí lên đồng tập thể, thì trong “cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa “xét lại hiện đại”” người ta lạnh lùng bới lông tìm vết trong các đồng chí cùng một hàng ngũ, rồi người nọ vu cáo người kia, anh này hại anh khác, đấu đá nhau không thương tiếc. Nhưng đó là ở cấp cao, chứ số đông cán bộ cấp dưới chỉ thụ động tham gia cuộc đại đấu đá do Bộ Chính trị khởi xướng một cách vừa phải, vừa đủ để trình ra cái lập trường không thể thiếu, để cấp trên khởi quên họ trong những đợt xét lên lương, xét thăng chức. Mỗi người đều có những đứa con phải nuôi, một ngân sách gia đình eo hẹp, tất cả đều bị *viêm màng túi*, như chúng tôi thường cay đắng tự nhạo báng. Nỗi sợ hãi bị Đảng nghi ngờ làm cho người ta phải ra sức chứng minh rằng họ trước sau một lòng trung thành với Đảng.

Cái sợ được vun trồng, chăm bón nhiều năm đã cho vụ mùa bội thu.

Năm 1963 tôi có viết một kịch bản điện ảnh nhan đề “Đêm Cuối Cùng, Ngày Đầu Tiên”. Nội dung kể chuyện một anh du kích đường sắt trong đêm chót của chiến tranh 1946-1954 đã lặn lội đi gỡ trái mìn anh đặt và dự tính sẽ được giật nổ sáng hôm sau. Lệnh ngừng bắn làm đảo lộn kế hoạch của anh. Anh du kích đã mất cả gia đình trong chiến tranh. Anh coi chú bé liên lạc đi cùng anh như con ruột. Hai người bị quân Pháp trong một đồn ven đường phát hiện. Chú bé hy sinh. Vượt qua nỗi đau, anh du kích tiếp tục gỡ mìn, thực hiện lệnh trên. Kịch bản được thông qua để đưa vào sản xuất. Những biên tập viên Xưởng phim truyện Hà Nội tâm đắc đoạn cuối tả con tàu dừng lại trước người du kích đường sắt vừa gỡ xong quả mìn. Những người lính Pháp trên chuyến tàu “ngượng nghẹn tháo những cái mũ sắt nặng nề xuống, cầm trước bụng bằng hai tay, như cách cầm mũ phớt, đầu cúi thấp trước thi hài người du kích tí hon, người anh hùng đã cứu họ khỏi cái chết cầm chắc... Trước khi là lính, mọi người lính đều là dân”.

Anh Phạm Văn Khoa<sup>1</sup> đề nghị tôi để anh làm đạo diễn. Đoàn làm phim được thành lập. Tôi được lĩnh một món tạm ứng khá hậu hĩnh, là của hiếm trong những năm ấy. Kịch bản hoàn toàn phù hợp với tinh thần hướng về nền hòa bình chung và tình hữu nghị giữa các dân tộc. Những nhà điện ảnh Việt Nam vừa dự Liên hoan phim ở Leipzig về đã nghĩ tới Giải thưởng lớn hoặc một Huy chương vàng cho nền điện ảnh nước nhà.

Đùng một cái, tướng Nguyễn Chí Thanh<sup>2</sup> đăng đàn diễn thuyết trong một hội nghị cán bộ trung cao cấp quân đội, kịch liệt lên án kịch bản này. Ông tướng nông dân buộc tội tác giả kịch bản trắng trợn tuyên truyền cho chủ nghĩa nhân đạo chung chung, tính người chung chung bên ngoài tính giai cấp. Giọng điệu của Nguyễn Chí Thanh khi phê phán các tác phẩm văn học không khác giọng điệu Đài phát thanh Bắc Kinh là mấy.

Bộ phim chưa được quay bị đình lại, coi như xóa sổ.

Hồi ấy lãnh đạo Xưởng phim truyện Việt Nam đã cho đánh máy kịch bản “Đêm Cuối Cùng, Ngày Đầu Tiên” thành nhiều bản để chuyển cho các cơ quan văn nghệ nghiên cứu, hy vọng dùng ý kiến của nhiều nguồn dư luận khác nhau buộc Nguyễn Chí Thanh rút lại ý kiến của ông. Nhưng chẳng ai dại gì đối đầu với viên đại tướng nhà quê tự thị trong cảnh loạn lạc của cuộc đấu tranh không ai biết lối ra nằm ở đâu.

Thời gian này các nhà lãnh đạo bỗng nổi cơn sínх văn chương. Các nhà-thơ-lãnh-tụ xuất hiện, lúc đầu còn bẽn lẽn, còn dè dặt, càng về sau càng tự nhiên, hoặc nói cách khác, càng trắng trợn. Nguyễn Chí Thanh không làm thơ được như Trường Chinh, Lê Đức Thọ<sup>3</sup> thì làm nhà phê bình. Các tác phẩm vốn đã bị các tên lính gác cống tư tưởng ở các Nhà xuất bản, các cấp tuyên giáo xét nét duyệt đi duyệt lại, nay lại có thêm ông tướng Quảng Lạc<sup>4</sup> nhảy vào soi mói. Lác đác cũng có những tác phẩm không đến nỗi tồi, nhưng chỉ cần trong đó có vài dòng không vừa lòng ông tướng, thế là sấm sét lại nỗi lên dùng dùng

<sup>1</sup> Phạm Văn Khoa (1914-1992), biệt hiệu Khoa Tếu, hoạt động cách mạng trước 1945, nguyên giám đốc Quốc doanh chiếu bóng và chụp ảnh (1953), năm 1954 là giám đốc Xưởng phim truyện Hà Nội, rồi đạo diễn phim truyện. Ông thông thạo tiếng Trung Quốc (cả Quan thoại lẵn Quảng Đông). Có hai người thường được ông Hồ Chí Minh chọn đi dịch cho ông trong những cuộc đàm phán với phía Trung Quốc (cả Trung Quốc Tưởng lẩn Trung Quốc Mao) là ông Nguyễn Đức Thụy, biệt hiệu Thuỵ Tàu, và Phạm Văn Khoa, biệt hiệu Khoa Tếu.

<sup>2</sup> Nguyễn Chí Thanh, tên thật Nguyễn Vịnh (1914-1967), hoạt động cách mạng trước Cách mạng Tháng Tám, trong quá khứ là tá điền (theo tiểu sử chính thức), biết tiếng Pháp tuy không khá (theo nhà báo Bùi Tín). Những người biết Nguyễn Chí Thanh cho biết tiểu sử bần cõi nông của ông ta là nguy tạo.

<sup>3</sup> Trường Chinh có một tập thơ được in trang trọng mang bút danh Sóng Hồng, Lê Đức Thọ (Phan Đình Khải) cũng có một tập, dùng chính bí danh Lê Đức Thọ.

<sup>4</sup> Khu vực ngõ Sầm Công (Hàng Bạc) của Hà Nội xưa có ba rạp hát, Hiệp Thành, Quảng Lạc và Sán Nghiên Đài, Quảng Lạc nổi tiếng hơn cả với các vở tuồng cổ, khi bước ra sân khấu các ông tướng với cân đai bối tử bao giờ cũng vỗ ngực xưng danh “Như ta đây... !”.

trên bầu trời văn chương, tác giả của chúng bị đánh rơi tả. Đó là những trường hợp xảy ra với Hà Minh Tuân (tiểu thuyết Vào Đời), với Phù Thăng<sup>1</sup> (tiểu thuyết Phá Vây).

Tôi đã đi hơi xa sự kiện trong Hỏa Lò.

Cục trưởng Cục chấp pháp bắt tôi phải chờ đợi một lúc lâu để tôi ý thức được tầm quan trọng của điều y sẽ nói:

- Quyết định mới nhất của Đảng về việc xử lý vụ của các anh là như sau...

Nói đến đây y ngừng lại, muốn tôi phải nóng lòng chờ đợi câu tiếp theo.

Tôi chẳng bao giờ hiểu nổi khái niệm Đảng trong những ông cán bộ này. Họ thường nói Đảng chủ trương thế này, Đảng quyết định thế nọ, nhưng Đảng là Đảng nào - Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban tổ chức Trung ương, hay là đảng đoàn Bộ, hay Đảng uỷ xã... thì người ta lại không nói rõ. Tại đồng bằng sông Hồng thậm chí tôi còn được nghe một câu hoạt kê thế này trong hội nghị cán bộ xã: "Chúng ta đã cấy hết diện tích theo đúng kế hoạch trên giao xuống trong điều kiện "toute Đảng toute dân ho gà..." Hóa ra toàn Đảng trong câu ấy có nghĩa là cái Đảng bé tí ti của xã, có khi chỉ là một chi bộ mươi người, chứ không phải cái Đảng to. Không hiểu cái Đảng mà ngài cục trưởng đang nói tới có phải là Đảng to không, hay cũng chỉ là một cái Đảng bé, Đảng đoàn Bộ Nội vụ chẳng hạn?

Tôi làm ra vẻ dán mắt vào mặt y, chờ đợi lời phán quyết của Đảng.

- Bộ Chính trị đã họp và quyết định để vụ của các anh trong phạm vi nội bộ.

Tôi không tin ở tai mình.

Thế có nghĩa là chủ trương của cái Đảng lớn rồi! Không phải của Đảng bé!

- Do đó - y nói tiếp, cố ý để tôi nuốt từng lời - vụ án sẽ được "xử lý nội bộ", coi như nó là mâu thuẫn nảy sinh trong nội bộ Đảng, nội bộ nhân dân, nội bộ phong trào cộng sản quốc tế. Tức là trong vụ này Đảng không áp dụng luật pháp hoặc các biện pháp xử lý hành chính...

Chao ôi, chẳng lẽ một sự bắt bớ ồn ào như thế, rùm beng dư luận như thế, để rồi kết thúc lặng lẽ thế này ư? Nhà cầm quyền đã tỉnh, hay là dư luận xã hội đã đánh thức họ?

"Xử lý nội bộ" có nghĩa là chúng tôi sẽ được thả, sẽ được trở về nhà mình, sau khi phải viết những bản xưng tội dài, phải đấm ngực thùm thụp mà kêu lên thống thiết "mea culpa, mea maxima culpa"<sup>2</sup>. Một thứ xà lách chỉnh huấn trộn xà lim?

<sup>1</sup> Phù Thăng, tên thật Nguyễn Trọng Phu (1928), bút danh Phù Thăng là nói lái hai chữ "thăng phu". Tác phẩm được biết đến nhiều là Những Đứa Con Nuôi Trung Đoàn, Phá Vây.

<sup>2</sup> Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng (tiếng la-tinh, lời cầu nguyện hàng ngày của tín đồ Thiên Chúa Giáo).

Hãy cảnh giác, không có lẽ moi chuyện lại đơn giản như vậy.

- Có phải chúng tôi sắp được về? - tôi thọc một mũi thăm dò – Tôi biết, Đảng bao giờ cũng sáng suốt mà.

- Cái đó tôi không biết - Trúc nhăn nhó - Đảng sẽ thả các anh hôm nay, ngày mai hay là thả các anh lúc nào là do Đảng quyết định. Mà giá có biết chúng tôi cũng không được phép nói trước khi Đảng lệnh xuống cho chúng tôi.

Bằng giọng tâm tình, y tràng giang đại hải một hồi về chính sách nhân đạo của Đảng, rằng chủ trương của Đảng bao giờ cũng nhất quán, trước sau như một, là trị bệnh cứu người. Vả lại, phòng bệnh hơn chữa bệnh, thậm chí có trường hợp chưa tới mức phải bắt mà Đảng vẫn bắt, thì chẳng qua cũng chỉ nhằm “để các anh không đi quá xa”. Đảng đau lòng lắm khi phải bắt cán bộ của mình, , nhưng trong sự việc cụ thể này những hành động sai trái của các anh đã vượt quá giới hạn mà Đảng có thể chịu đựng, cho nên Đảng buộc phải dùng biện pháp giam giữ, tuy nhiên giam giữ thế này cũng không nhằm mục đích nào khác là “giáo dục các anh, để đưa các anh trở lại trong lòng Đảng... ”

Nghĩa là, than ôi, chẳng có gì mới. Chúng tôi vẫn tiếp tục ở tù. Lạy Chúa tôi lòng lành! Đảng của chúng tôi tốt quá, tử tế quá!

Tôi buồn ngủ. Dù sao con béc-giê của Huỳnh Ngự cũng làm tôi ngủ ít hơn là không có nó. Tôi nói ngủ ít hơn, chứ không phải không ngủ được. Đòn đánh của Huỳnh Ngự không gây được hiệu quả mong muốn. Thành xé một mạn giẻ, tước sợi tơi ra như bông, chúng tôi vê lại làm nùi nhét vào lỗ tai, gắng rồi cũng ngủ được.

Tôi cúi xuống, giấu cái ngáp trẹo quai hàm.

- Sở dĩ Đảng giao việc trông nom các anh cho cơ quan an ninh chúng tôi vì cơ quan chúng tôi có điều kiện tốt nhất, thích hợp nhất để giúp đỡ các anh cải tạo tư tưởng...

Tôi không nhịn được cười. Thì ra người ta tin rằng xà lim Hỏa Lò là điều kiện thích hợp nhất, tốt nhất cho sự cải tạo tư tưởng. Cứ đà này Đảng sẽ lần lượt cho hết thầy cán bộ vào ở xà lim để cho tư tưởng họ tiến bộ hơn, để họ trở nên trung thành với chủ nghĩa xã hội hơn.

- Các anh đang làm một công việc rất cần thiết cho Đảng, - qua đoạn khó nói, làm y ngắc ngứ, y lại hùng hồn - đó là: bằng những báo cáo của mình các anh đang đóng góp phần nhỏ bé của mình giúp Đảng củng cố tổ chức, để cho Đảng đã vững mạnh rồi còn vững mạnh hơn nữa. Có nghĩa là ngay tại đây, các anh cũng có công tác để làm, cũng là vẫn tiếp tục tham gia chống Mỹ cứu nước... Chúng tôi có trách nhiệm giúp đỡ các anh hoàn thành nhiệm vụ. Công việc của chúng ta càng được tiến hành khẩn trương bao nhiêu thì Trung ương càng có điều kiện quyết định tương lai của các anh sớm bấy nhiêu. Tôi mong chóng được gặp lại các anh trên những cương vị công tác mới...

Cứ như tôi là đứa trẻ không bằng! Ban tổ chức Trung ương muốn quăng một mẻ lưới lớn đây. Nhưng sai những con chim mồi ngớ ngẩn đi làm mệ mìn thì Đảng ngu quá!

Viên cục trưởng không nhận thấy cái nhếch mép của tôi.

- Tôi cũng thông báo để các anh được biết: chiếu cố công lao của các anh đối với cách mạng, Đảng giữ nguyên biên chế cho các anh. Giữ nguyên biên chế có nghĩa là các anh vẫn được hưởng nguyên lương, nhưng gia đình chỉ được lĩnh một nửa, một nửa chỉ dùng cho các anh trong thời gian ở đây, cho tới khi các anh trở về với công tác cũ hoặc nhận nhiệm vụ mới. Mọi tiêu chuẩn cung cấp ở ngoài thế nào ở đây thế vậy, nguyên như trước... Tiêu chuẩn thịt của anh bao nhiêu nhỉ?

- Một cân.

- Hơn cả tôi đấy. Đường bao nhiêu?

- Cân rưỡi.

- Nhiều thế?

Nghe trong câu hỏi của y có âm sắc khó chịu. Y tiếc cho nhà nước hay ghen tị với tôi?

Tôi lạnh nhạt:

- Đó là tiêu chuẩn cho phóng viên thường phải công tác xa tòa soạn trong điều kiện chiến tranh<sup>1</sup>...

- Ra thế! Anh sẽ được hưởng đúng tiêu chuẩn của anh khi còn ở đây, coi như đang công tác xa tòa soạn...

Từ chỗ chúng tôi đang ngồi chờ phòng làm việc của tôi tại tòa soạn chưa đầy hai trăm mét tính theo đường chim bay. Theo cách y diễn đạt thì không phải tôi đang ở tù, tôi-chỉ-công-tác-xa-tòa-soạn mà thôi.

Không biết trong những ngày này ở tòa soạn người ta đang nói gì về tôi?

Tôi làm việc ở tờ báo tính ra cũng đã hơn sáu năm. Anh em làm báo phần nhiều là người tốt, có tình nghĩa. Chắc chắn có nhiều người thương tôi, tôi biết. Kể cả những người buộc phải nói theo Đảng rằng tôi là tên phản động. Tôi hiểu và không giận họ.

<sup>1</sup> Vào thời gian này cán bộ được mua nhu yếu phẩm theo tiêu chuẩn hàng tháng như sau: gạo 13,5kg, thịt 0,3kg, đường 0,5 kg, đậu phụ 1kg, vải 4,5m/ năm... Nhưng không phải các hàng đều được mua đúng với tên gọi của chúng: gạo thường được thay bằng ngô hoặc nửa ngô nửa gạo, thịt thường được thay bằng đậu phụ hoặc cá khô vv...

Có điều, tôi lo lắng. Không lo lắng sao được khi vợ tôi, với lương kỹ sư chỉ đủ sống cho một mình, cộng với nửa lương bé bỏng của tôi, sẽ khó bề xoay xở để nuôi hai đứa con. Khi chưa bị bắt, lương tôi nhà báo của tôi đã chẳng ra gì, nhưng hàng tháng tôi vẫn còn kiếm thêm được chút ít bằng nhuận bút dịch và viết những bài lăng nhăng cho các báo khác, nhờ đó mà cuộc sống trong gia đình cũng đỡ.

Trong những ngày đó, tôi hoàn toàn không biết tôi sắp có đứa con thứ ba.

Sau khi cha tôi bị bắt, gia đình tôi được một tổ sản xuất thương binh tìm đến giúp đỡ. Không hề quen biết riêng cha tôi hoặc tôi, các anh thương binh thời chống Pháp tỏ ra có lòng nhân ái không ngờ. Ái ngại cho một gia đình cách mạng bị trấn áp, các anh bàn cách giúp chúng tôi sinh sống. Đó là một việc rất mạo hiểm. Ngôi nhà số 5 Hai Bà Trưng bị theo dõi ngày đêm. Những người đến thăm đều bị công an hỏi: đến gặp ai, có việc gì, nói những chuyện gì?

Mẹ tôi lúc đầu còn e dè: hay họ là “cá chìm”? Chẳng bao lâu sau chúng tôi hiểu ra: tình đồng chí vẫn còn lại trong những con người bình dị.

Tổ sản xuất thương binh có những hợp đồng dán túi ni-lông cho các nhà máy ở gần Hà Nội. Chúng tôi được các anh hướng dẫn cách thức dán ni-lông thủ công bằng mỏ hàn điện. Tôi và các em tôi chăm chú học. Được cái đó là một nghề đơn giản, không đòi hỏi phải có tay nghề.

Các anh thương binh này thật chân thật và mộc mạc trong sự phản kháng thầm lặng chống lại cái Đảng mà họ đã đi theo trong cuộc kháng chiến 9 năm. Họ trước hết là những người Việt Nam của truyền thống “người trong một nước phải thương nhau cùng”. Họ không thể ưng được cái cách đối xử với đồng chí đồng bào của các nhà lãnh đạo đã quên họ. Các anh đã có mặt bên cạnh gia đình tôi trong suốt thời gian hai cha con tôi nằm trong tù. Chúng tôi mãi mãi coi các anh là ân nhân. Làm sao có thể quên anh Trường cụt một tay một chân, anh Phúc thương tích đầy mình, đã nhường cơm xé áo cho chúng tôi (trong đúng nghĩa của câu “nhường cơm xé áo”) trong những ngày khốn khổ.

Cho đến ngày tôi bị bắt, chúng tôi đã được lĩnh hai lần tiền công dán túi ni-lông trong hợp đồng mà các anh thương binh nhường cho.

Anh Trường dẫn tôi đi giao hàng ở nhà máy que hàn điện ở Thường Tín. Anh, với tư cách, người nhận hàng gia công, mới được giao hàng và nhận nguyên vật liệu cho đợt làm hàng tiếp theo.

Mẹ tôi đếm tiền tôi mang về, nhẩm tính, vui mừng ra mặt:

- Sống được các con ạ!

Đang vui, bà bỗng ngẩn người:

- Nếu chúng nó chặn nốt cả đường sống này nữa thì biết làm sao đây? Thời Pháp thuộc, bố đi tù, mẹ còn chống chọi được, bọn thực dân tiếng thế chứ không đến nỗi ác như bọn này. Nay giờ khó lắm, mọi sự làm ăn đều khó, chúng nó bịt kín mọi đường sống, bắt mọi người muốn sống thì phải phụ thuộc chúng nó. Các con chó có bếp xép về chuyện các anh ấy giúp nhà mình. Càng giữ kín càng tốt. Lạy Trời,

nếu chúng nó không phá thì các anh ấy còn giúp được. Mẹ tin các anh ấy, có các anh ấy mẹ thấy yên tâm hẳn. Nhưng nếu các anh không giúp được nữa thì các con phải tự lo, tính trước đi là vừa...

## 8

- Nào, ta mần việc, hỉ?

Huỳng Ngự nói, run rẩy xoa xoa hai bàn tay vào nhau cho đỡ công.

Thái độ Huỳnh Ngự mềm mỏng hẳn. Cứ như thể nhờ cấp trên xuống giải quyết, chúng tôi đã giảng hòa được với nhau rồi, giờ đã có thể thân mật với nhau được rồi.

Tôi thấy cũng nên quên đi cuộc cãi cọ bữa trước. Muốn hay không, tôi vẫn phải làm việc với một tên chấp pháp, mà làm việc với tên mình biết rồi tốt hơn là làm việc với tên mình chưa biết.

Huỳnh Ngự bận rộn bày ấm chén lên bàn, lấy nước sôi pha trà, ra dáng chủ nhà. Vừa chuyên trà từ chén nọ qua chén kia, y vừa ôn tồn nói với tôi:

- Nè, tui nói anh đừng tự ái, chớ đám nhà văn các anh là chúa hay nghĩ lung tung. Việc bình thường rơi vào tay các anh là cứ rối tinh rối mù lên không còn biết đâu là đầu đâu là cuối nữa. Còn về lập trường thì ôi thôi, khỏi nói, khi tả khuynh khi hữu khuynh, nói tóm lại dao động lung tung. Trong bọn nhà văn các anh, Nguyễn Đình Thi<sup>1</sup>, Nguyễn Khải được coi là lập trường vững nhất, đúng vậy không?

Tôi nói lửng lơ:

- Tôi không rõ có phải thế không? Có thể anh Nguyễn Đình Thi, anh Nguyễn Khải<sup>2</sup> là có lập trường vững hơn cả. Tiếc rằng trong giới văn nghệ chưa có sự bình bầu lập trường. Tạm coi là vậy đi. Thì sao?

- Vậy mà, tui nói cho anh hay, kể cả mấy anh nớ, cũng không thể làm việc trong cơ quan an ninh tui tui lấy một ngày. – y nhẫn mạnh - Nói rứa để anh rõ Đảng lựa chọn người mần chuyên chính vô sản khe khắt ra rắng. Cơ quan an ninh tui không lạ chi ba cái lập trường tả hữu bất thường của mấy ảnh... Anh cũng rứa, lập trường cái chi, Đảng tính cái chi, mà vừa bị bắt đã bi quan muối chết, mất hết lòng tin ở Đảng. Đó, anh coi, Đảng đã có quyết định rồi, có giống như các anh nghĩ mô...

Tôi không hiểu y muốn nói gì. Tôi lặng thinh.

- Hì hì, nghe trên phổi biến rồi, bữa ni anh còn thắc mắc không? Hết rồi chớ? Có thắc mắc thì cứ phát biểu, Đảng cho phép các anh nói thẳng, nói thật, nói hết, thì cứ mạnh dạn mà nói. Tui có trách nhiệm giải quyết mọi thắc mắc của các anh, tuốt tuột. Anh phải biết khi tư tưởng chưa thông suốt thì ta làm việc với nhau sẽ khó, khó lắm. Mà trách nhiệm của ta là phải làm sao cho công việc Đảng giao được tốt nhứt, hiệu quả nhứt. Anh hiểu chớ?

Câu đáp bật ra theo phản xạ tự nhiên, như không phải tôi nói:

- Khoan nói tới chuyện hiệu quả. Trước khi làm việc chúng ta cần phải thoả thuận với nhau chuyện hôm nọ còn bỏ dở cái đã.

Chà, sao tôi lại thế nhỉ? Tôi đã định bụng quên cái chuyện đôi co bữa trước trong ngày hôm nay rồi kia mà. Có lẽ thái độ coi tôi như trẻ con của Huỳnh Ngự làm tôi phát khùng.

<sup>1</sup> Nguyễn Đình Thi (1924-2003), nhà văn, nhạc sĩ, nhà thơ, nổi tiếng với những tác phẩm văn xuôi Xung Kích, Người Chiến Sĩ, Con Nai Đen, Vào Lửa..., ca khúc Bài Hát Của Người Hà Nội, Diệt Phát Xít... Tham gia hoạt động yêu nước trong phong trào học sinh và bị thực dân Pháp bắt tạm giam ở Hà Nội và Nam Định. Năm 1945, là Tổng thư ký Hội Văn hóa cứu quốc. Sau kháng chiến chống Pháp, Tổng thư ký Hội Nhà văn VN cho đến năm 1990, rồi Chủ tịch Ủy ban toàn quốc của Hội Văn học nghệ thuật VN. ,

<sup>2</sup> Nguyễn Khải (1930), nhà văn. Trong kháng chiến chống Pháp chiến đấu trong hàng ngũ tự vệ ở Hưng Yên. Bắt đầu viết văn năm 1950. Nổi tiếng với nhiều tác phẩm viết về đời sống: Xung Đột, Mùa Lạc, Cha Và Con...

Huỳnh Ngự ngạc nhiên, hay làm ra vẻ ngạc nhiên:

- Chuyện chi hè?

Tôi thấy ái ngại cho y. Y thiệt thòi quá! Đáng lẽ đương nhiên được gọi bằng “ông” ngon lành thì y lại đụng đầu với một thằng dở hơi và cù nhầy là tôi, để phải mà cả lăng nhăng cả buổi chỉ vì một từ. Mà tôi cũng dở. Quay lại đề tài cũ trong một ngày có điều kiện để không cãi nhau làm gì cơ chứ? Khi bị gọi đi cung tôi đã vạch cho mình cách ứng xử. Tôi định bụng nếu có gặp một chấp pháp khác hay gặp lại Huỳnh Ngự thì tôi cũng sẽ không gây sự nữa, mà sẽ mềm mỏng để moi ở người đối thoại những điều tôi cần biết. Không có những tên chấp pháp thì làm sao tôi có thể biết được sự gì đang xảy ra bên ngoài? Mà tôi thì hoàn toàn mù tịt về tin tức bên ngoài kể từ hôm đặt chân vào đây. Nhưng gọi y bằng ông, để y cứ thoải mái gọi mình bằng anh là bất bình đẳng, là nhục, tức không chịu được!

Chúng tôi im lặng hồi lâu.

Tôi quyết định rút chân ra khỏi bãy lầy:

- Hay là thế này vậy: gọi bằng anh thì không được, quy định cấm, chính tôi cũng không muốn. Gọi bằng ông thì tôi đã nói rồi, tôi không chịu - nó quá ư bất bình đẳng...

- Hừ...

- Thôi thì, nếu anh không phản đối, chúng ta sẽ chọn một cách xưng hô khác, ở giữa, vừa phải cho cả hai...

- Anh cứ nói.

- Anh lớn tuổi hơn tôi nhiều, tuổi anh nằm giữa hai thế hệ cha tôi và tôi, chỉ bằng tôi gọi anh bằng bác xưng tôi, còn bác cứ gọi tôi bằng anh là xong. Như vậy tuy không hợp với nội quy cho lắm, nhưng cũng không hẳn là trái với nó...

Huỳnh Ngự lưỡng lự vài giây. Rồi chặc lưỡi:

- Vậy cũng được.

Rốt cuộc, chúng tôi đã đạt được một thỏa hiệp không đến nỗi tồi. Nếu không chúng tôi lúng túng còn lâu, chưa biết khi nào mới thoát khỏi ngõ cụt. Huỳnh Ngự còn khó chịu, tôi biết. Về phía mình, tôi hài lòng. Đến lúc phải chấm dứt, bằng cách này hay cách khác, cuộc tranh luận vô bổ. Tôi hiền lành nhìn Huỳnh Ngự, nói bằng giọng yêu cầu được thông cảm:

- Bác đừng buồn tôi, bác Ngự ạ. Con người thường có những nguyên tắc không thể vượt qua. Bác vừa nói đám nhà văn hay nhiều sự. Cái đó có phần đúng...

- Chu cha, lại còn có phần đúng! - Huỳnh Ngự lườm tôi, nhưng trong cái lườm không có ý ghét bỏ - Đúng quá đi chớ! Các anh là rứa, chỉ thấy cây mà không thấy rừng. Đã vậy lại còn thích chẻ sợi tóc làm tư, chẻ làm tư rồi còn muốn chẻ làm tám. Rút cuộc đa thư loạn thị, mới hiểu sai đường lối của Đảng,

hiểu sai rồi đâm mất lòng tin. Nghĩ làm chi cho mệt trong khi ở trên đã có Đảng, có Trung ương nghĩ hộ cho hết trơn hết trọi. Đảng là trí tuệ, là báu đuốc soi đường, là lương tâm thời đại<sup>1</sup>... Đảng được võ trang bằng chủ nghĩa Marx-Lênin, cho nên Đảng không thể sai lầm. Chúng ta, như anh hùng Lôi Phong bên Trung Quốc đã nói, mà nói rất đúng, chỉ là những cái đinh ốc của cách mạng. Nhưng phải là những cái đinh ốc không rỉ kìa!

Tôi bất giác mỉm cười.

Anh chàng Lôi Phong mà Huỳnh Ngự nói là một anh hùng từ nông dân được những nhà lãnh đạo mao-ít Trung Quốc đôn lên làm anh hùng, làm tấm gương sáng cho cả nước noi theo. Anh chàng gàn bát sách này quyết không đi xe điện để dành hai xu cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Anh ta nhặt bàn chải rằng người ta vứt đi trong thùng rác, rửa sạch để dùng lại, cũng vì mục đích cao cả đó. Để đồng đội khỏi phải đi cả chục cây số đến hiệu cắt tóc, Lôi Phong lấy tiền dành dụm mua cái tông-đơ rồi đè đầu một đồng chí Lý nào đó ra mà cắt. Sau đây là đoạn tôi nhớ gần như nguyên văn trong cuốn sách mang tên anh ta: “Đồng chí Lý kêu vang lên, nói tông-đơ rút tóc chịu không nổi. Lôi Phong “bèn mở sách Mao chủ tịch ra đọc”. Đọc rồi, thông rồi, Lôi Phong thêm quyết tâm, lại tiếp tục cắt. Đồng chí Lý vẫn kêu la. Lôi Phong vò đầu bứt tai, rồi “lại mở sách Mao chủ tịch ra đọc”. Anh tiểu đội trưởng Giải phóng quân Lôi Phong nọ chính là người đề xướng cái thuyết nổi tiếng toàn Trung Quốc rằng mỗi con người trong xã hội phải là cái đinh ốc không rỉ của Đảng, của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Tất nhiên, mỗi người mỗi nghề, tui không đi sâu, tôi không hiểu giới văn nghệ sĩ bằng anh, - mắt kém, Huỳnh Ngự không nhìn thấy nụ cười thoảng qua trên mặt tôi - nhưng tui cũng có gặp người này người nọ trong đám văn nghệ sĩ chớ, tui cũng hiểu được các anh phần nào chớ. Nói thiệt, tui thấy các anh đồng tây kim cổ cái chi cũng biết, nhưng cái chính, cái cốt lõi là chủ nghĩa Mác vô địch thì, hè hè, các anh lại chẳng nắm được là bao...

- Thị bác chả nói mỗi người mỗi nghề đó sao! - tôi nhấp trà, hiền lành đáp - Bác có nghề của bác, tôi có nghề của tôi, bác thạo nghề của bác, chúng tôi thạo nghề chúng tôi...

Huỳnh Ngự không để cho tôi nói hết câu, y chặt ngang:

- Nhưng trong chế độ của chúng ta thì làm nghề nào cũng vậy, phải lấy chủ nghĩa Mác làm đầu. Nhiều người mắc sai lầm là bắt đầu từ chỗ nớ, từ chỗ không đánh giá đúng tầm quan trọng của chủ nghĩa Mác, không chịu học tập chủ nghĩa Mác, khoa học của mọi khoa học. Nó là kim chỉ nam cho mọi hành động. Chỉ có dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác ta mới nhìn mọi sự được minh bạch, trăng ra trăng, đen ra đen...

Đĩa hát cũ, chẳng cần nghe cũng biết trong đó có gì.

Không khí trở lại như ban đầu, không còn căng thẳng.

<sup>1</sup> Huỳnh Ngự lặp lại đúng câu chữ của thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Tôi tận hưởng chén trà ngon đậm đặc trong căn phòng lạnh căm căm, dưới ánh sáng không phải của chủ nghĩa Marx, mà của ngọn đèn vàng vụt trong buổi sáng ảm đạm. Ở ngoài nhìn vào chắc hẳn ai cũng phải nghĩ ở đây có hai người đang dông dài chuyện trà dư tửu hậu.

- Bữa ni ta chưa dùng tới giấy bút. - Huỳnh Ngự đổ bã ấm thứ nhất rồi không vội vã pha ấm thứ hai - Chuyện vẫn cũng là một hình thức làm việc, anh có nhứt trí vậy không? Nhứt là đối với những người làm công việc trí óc như tụi mình. Ủa, râu anh sao mà mọc nhanh quá vậy?

Tôi bất giác đưa tay lên mặt. Đúng là râu mọc nhanh thật. Tôi chẳng bao giờ có ý định để râu, thành thử chẳng quan tâm đến râu ria. Tôi có thói quen cạo mặt hàng ngày kể từ khi trở thành đàn ông.

- Cạo đi! Để vậy gớm chết được!

- Kệ, chẳng sao. - tôi chặc lưỡi - Có phải tôi đang ở nhà mình đâu. Cũng chẳng có việc gì phải ra phố.

Huỳnh Ngự sững một giây, nghĩ xem có phải tôi định nói xỏ không.

- Để tui kêu quản giáo cắt tóc cho anh. Tóc cũng tốt rồi. Hôm nay anh cạo đi cái đã, tui sẽ đưa dao bào cho anh.

- Cảm ơn.

Huỳnh Ngự đưa tôi tới cửa ngách. Nó mở ra một mảnh sân tí din, nơi rỉ rả một vòi nước hỏng van. Chỉ cần động khẽ vào cái vòi nước là nước chảy tung tóe, nhưng không dễ khóa nó lại. Muốn khóa nó phải vặn nhẹ nhàng cho tới khi nước ngừng chảy, nín thở mà hâm nó lại đúng vị trí ấy rồi rón rén đi ra. Tôi thừa cơ rửa mặt mũi chân tay cho thỏa mái trong khi chờ viên quản giáo đi lấy dao cạo.

Mảnh sân tiếp giáp với tường Hỏa Lò, mặt quay ra đường Hàng Bông Thợ Nhuộm. Đứng bên vòi nước tôi nghe rõ mồn một tiếng bánh xe đẹp lăn trên mặt đường nhựa, tiếng người lao xao. Chao ôi, giá mà lúc đó có được mảnh giấy trong tay nhỉ! Tôi sẽ viết mấy dòng nhắn tin cho gia đình rồi lợi dụng một phút sơ hở của Huỳnh Ngự, xin ra rửa ráy và ném nó qua bức tường kia. Người nhặt được, biết đâu chẳng phải một người tốt, sẽ đem mẫu thư tới cho gia đình tôi, mẹ tôi và vợ tôi sẽ biết tôi đang ở đâu. Tôi tin vẫn còn nhiều người tốt bụng. Nhưng trong tay tôi chẳng có mẫu giấy nào, chẳng có cái bút nào.

- Nè, dao bào đây, cạo đi!

Nhin thấy con dao, tim tôi thắt lại.

Tôi nhận ra nó, con dao cạo cũ mà lớp mạ kền kền bong từng mảng. Đó là con dao của cha tôi. Ông dùng con dao nhãn hiệu Gillette này đã nhiều năm.

Nghĩa là cha tôi đang ở đây, ngay trong Hỏa Lò này. Nghĩa là tin đồn ông bị Đảng giữ tại một biệt thự đầy đủ tiện nghi là tin vẹt. Bằng việc cho tôi thấy con dao, Huỳnh Ngự muốn tôi hiểu một điều: nếu cha tôi cũng đang ở Hỏa Lò, thì điều đó có nghĩa là Đảng đã thẳng tay trừng phạt, không chiếu cố gì hết.

Không có chuyện người ta nể nang gia đình cách mạng mà nương nhẹ cho cha con tôi. Chúng tôi chỉ có một con đường: đầu hàng, chịu khuất phục.

Tôi điềm tĩnh cạo mặt, cối tình không cho Huỳnh Ngự được hí hứng thấy kết quả dự liệu. Thậm chí tôi còn khe khẽ huýt sáo.

Trả lại Huỳnh Ngự con dao, tôi hồn nhiên nói:

- Bác có biết không, cạo mặt sướng nhất là dùng loại dao cạo này, nhưng lưỡi phải đúng là lưỡi Gillette kia, và phải nhúng dao vào nước thật nóng, lúc ấy râu cứ đi êm như ru.

- Vậy hả?

Huỳnh Ngự chưng hửng.

Càng thấy rõ việc tôi nhìn thấy tướng Đặng Kim Giang chẳng phải là ngẫu nhiên. Huỳnh Ngự dựng vở, có điều y là đạo diễn vụng... Y muốn đánh tiếng cho tôi biết những bậc lão thành cách mạng, thành tích đầy mình, vào đây rồi cũng đành chịu tho, huống hồ tôi.

Cái gọi là xử lý nội bộ của Đảng là thế. Nó không hơn một lời hứa suông nhằm moi ở chúng tôi lời nhận tội theo ý muốn. Cụm từ “xử lý nội bộ” chỉ tố đậm thêm tính chất phi lý của vụ án. Đảng, mà lại làm án đã là phi lý rồi. Chẳng Đảng nào có quyền lập án, xử án cả.

- Tui mừng cho anh. - Huỳnh Ngự đặt tay lên vai tôi - Nếu Đảng đã quyết định để vụ này trong nội bộ có nghĩa là ở đây không có mâu thuẫn địch ta, mâu thuẫn đối kháng, mà chỉ có mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân mà thôi. Rứa, anh thấy chưa? Dù trong bất kỳ hoàn cảnh mô người cộng sản cũng cứ phải tin tưởng ở Đảng cái đã. Đảng bao giờ cũng anh minh, cũng sáng suốt. Đã bảo là không phải mâu thuẫn địch ta thì tức là mâu thuẫn trong nhà với nhau, Đảng chỉ gio cao đánh sě, ví như cha mẹ thấy con cái hư thì phải đánh, chứ đánh con mình lòng cha mẹ cũng đau đớn lắm...

Tội nghiệp Đảng quá!

Tiếp theo, Huỳnh Ngự cho chạy đĩa hát khác về các loại hình mâu thuẫn được Mao Trạch Đông tổng kết trong trước tác *Bàn Về Mâu Thuẫn*. Tôi đã đọc cuốn này qua bản viết lại theo cách Việt Nam cho dễ hiểu của Hồ Chí Minh. Đối với Mao, đó là cẩm nang chia để trị dành cho các giáo đồ, phân biệt các loại kẻ thù lớn kẻ thù bé, kẻ thù xa kẻ thù gần, các loại đồng minh lâu dài và giai đoạn. Nó là một chương trong bộ Sấm truyền mao-ít.

Huỳnh Ngự không phải là ngoại lệ trong lớp cán bộ cõi gia nhập cách mạng theo phong trào, tiến thân bằng lý lịch. Võ ngực khoe thành phần cơ bản, hơm hĩnh với những ưu đãi tinh thần được Đảng ban phát, những loại cán bộ này luôn phô ra, một cách rất hoạt kê, vốn hiểu biết nghèo nàn của họ bất cứ lúc nào, ở bất cứ đâu. Họ vênh vang tự đắc về những hiểu biết chỉ riêng họ mới có. Các lãnh tụ - những người độc quyền chân lý - bao giờ cũng dành cho họ những suất chân lý lớn hơn hẳn lũ thần dân dưới đáy. Nhưng không phải vì thế mà họ có hiểu biết khá hơn. Chúng tôi, những thần dân dưới đáy, muốn được hưởng những suất chân lý được đảng ban phát ấy thôi, cũng không phải dễ dàng. Không hiếm

lần chúng tôi phải chầu chực ở nhà ông chủ nhiệm báo để được nghe ông nói lại những gì ông được trên phổi biến. Thông thường, mỗi khi có những sự kiện lớn hoặc chính sách mới ban hành thì Trung ương phổi biến cho cấp tỉnh, cấp tỉnh phổi biến cho cấp huyện, cứ thế chân lý của Đảng đi lần lần xuống đến người cuối cùng trong bậc thang xã hội, cứ mỗi bậc lại teo dần cho tới khi chỉ còn một câu ngắn tũn “Đảng đúng, chúng nó sai”.

Xã hội miền Bắc Việt Nam là một xã hội khép kín. Một lỗ thủng để dân chúng có thể nhòm được ra ngoài là sơ suất của ngành an ninh, là trọng tội đối với kẻ đã dám khoét cái lỗ thủng đó hoặc phát hiện ra nó để sử dụng. Mọi thứ sách báo nước ngoài đều là sách báo địch, mọi thứ đài nước ngoài đều là đài địch, trừ các sản phẩm văn hóa của các nước xã hội chủ nghĩa. Mà cũng không hoàn toàn như thế. Sau Đại hội XX ít lâu, thậm chí sách báo Liên Xô và các nước Đông Âu cộng sản cũng bị cấm nốt, cũng bị coi là những sản phẩm văn hóa độc hại<sup>1</sup>. Tin của Việt Nam Thông tấn xã cũng chia làm nhiều loại: loại thường, loại mật và loại tối mật. Loại thường là tin tức trong nước, tin nước ngoài được biên soạn lại cho các báo, cho sự sử dụng rộng rãi ở các cơ quan. Cán bộ cấp cao mới được đọc tin mật, hoặc tin tối mật. Tin mật và tối mật, không phải lấy từ kho tin tình báo mà lấy từ các đài phát thanh nước ngoài, là thứ bị cấm ngặt, dân thường không được nghe. Cán bộ cấp thấp, cấp cơ sở hoặc dân đen thì nghe loa truyền thanh cũng đủ. Người dân, không trừ cả giới trí thức, trí thức kỹ thuật hay trí thức nhân văn thì cũng thế, chỉ còn cách tự túc món ăn tinh thần bằng những câu chuyện ngồi lê đôi mách.

Ngu dân là chính sách không của riêng Việt Nam. Chỉ sau Đại hội XX người dân xô-viết mới được biết đến *Giã Từ Vũ Khí* của Ernest Hemingway, *Chùm Nho Nổi Giận* của John Steinbeck<sup>2</sup>. Đến cả thơ của Sergey Esenin<sup>3</sup> cũng bị cấm trong thời gian dài, người Nga chỉ được đọc thơ ông qua các bản chép tay. Vào năm 1957, khi thơ Esenin được phép xuất bản nhờ phép mầu của Đại Hội XX, trước mỗi cửa hiệu sách là những dòng người xếp hàng rồng rắn cả cây số. Tôi cũng phải xếp hàng cả nửa ngày để mua bằng được cuốn *Bút Ký Triết Học* của Lenin<sup>4</sup>.

<sup>1</sup> Giới thiệu kể rằng chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô A. N. Kossyguin (1904-1981) trong một cuộc hội đàm với thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng (tôi không nhớ rõ năm 1964 hay 1965) đã hỏi thẳng về chuyện báo chí Liên Xô bị cấm bán. Thủ tướng Phạm Văn Đồng chối. Kossyguin đề nghị ngưng ngay cuộc hội đàm để cả hai đi cùng ra phố xem hư thực ra sao, thì Phạm Văn Đồng từ chối. Để giữ hòa khí với nước bạn anh, người ta vẫn mua sách báo Liên Xô với khối lượng lớn như trước, nhưng chở thẳng đến nhà các máy giấy ngâm cho rá rồi nghiền nát chúng thành bột giấy để tái chế.

<sup>2</sup> Ernest Miller Hemingway (1899-1961), nhà văn Mỹ nổi tiếng trong dòng hiện thực. John Ernst Steibeck (1902-1968), nhà văn Mỹ, giải thưởng Nobel văn chương.

<sup>3</sup> Sergey Esenin, nhà thơ trữ tình (Nga), rất nổi tiếng trong thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (1917).

<sup>4</sup> Cuốn *Bút Ký Triết Học* do nhà xuất bản Sư Thật phát hành lần đầu tiên bằng tiếng Việt chính là cuốn sách mà tôi mang từ Liên Xô về, ông Minh Tranh đã mượn để cho dịch.

Ở Việt Nam kiến thức được chia thành hai loại: chính thống và phi chính thống. Người giám định văn hóa duy nhất có thẩm quyền là Đảng, hiện thân trong cái gọi là Ban Tuyên-Giáo, Ban Tuyên-Huấn, Ban Khoa-Giáo, Ban Văn hóa-Tư tưởng v.v.... Những gì không được các Ban nói trên cho là chính thống thì nhân dân không được dùng. Cho nên những vụ đốt sách Victor Hugo, Shakespeare, Guy de Maupassant, Molière... đậm dĩa nhạc của Beethoven, Verdi, Mozart<sup>1</sup>... được lặp đi lặp lại nhiều lần không phải chuyện lạ. Nhà cầm quyền không muốn nhân dân được biết những gì họ không muốn cho biết. Và ở đây, một nghịch lý nảy sinh: trong khi các lãnh tụ ngủ yên trên chức vị, thì nhân dân ngày một trưởng thành về nhận thức do sự học hỏi vụng trộm, còn các vị thì mỗi ngày một lùn thêm trong mắt họ.

- Tôi muốn hỏi bác câu này – tôi làm bộ rụt rè nói – Nếu bác cho phép.

Huỳnh Ngự cho phép:

- Được, anh cứ hỏi.

- Theo bác thì chừng nào tôi sẽ được về nhà với vợ con?

Huỳnh Ngự trợn mắt lên. Rồi lắc đầu:

- Cái nớ tui không trả lời được.

- Tại sao lại không trả lời được?

- Cái nớ phụ thuộc ở anh nhiều hơn ở tui. Căn cứ vào thái độ của anh mà Đảng sẽ cho anh về lúc nào.

Tôi tiếp tục dò:

- Theo tôi nghĩ, chắc cũng không lâu nữa đâu.

Huỳnh Ngự mở to mắt:

- Căn cứ nơi mô mà anh nghĩ rứa?

- Thị căn cứ vào quyết định của Đảng mà cấp trên vừa phổ biến đó. Đảng đã nói rõ: đây là mâu thuẫn trong nội bộ Đảng, nội bộ nhân dân, Đảng không áp dụng luật pháp cũng như các biện pháp hành chính...

- Đúng vậy!

<sup>1</sup> Victor Marie Hugo (1802-1885), William Shakespeare (1564-1616), Jean Baptiste Poquelin Molière (1622-1673), Guy de Maupassant (1850-1893), Ludwig Van Beethoven (1770-1827), Wolfgang Amadeus Mozart (1756-1791), Giuseppe Verdi (1813-1901)... - các nhà văn, nhà soạn kịch, nhạc sĩ nổi tiếng thế giới.

- Nhưng đó là đối với các đảng viên của Đảng thôi chứ! Tôi không phải đảng viên thì Đảng giữ tôi làm quái gì? Có phải không ạ? Đã không phải đảng viên thì lẽ đương nhiên tôi không phải chịu bất cứ kỷ luật nào của Đảng...

Huỳnh Ngự ngør ra. Y không ngờ cách suy luận ngây ngô của tôi lại đưa y vào ngõ cụt.

- Vả lại, theo thiển ý của tôi, Đảng cho bắt đảng viên thế này cũng là vạn bất đắc dĩ, Đảng không nghĩ được cách nào khác nên mới làm như thế. Nó không đúng Điều lệ. Kỷ luật cao nhất đối với đảng viên chỉ có khai trừ là hết, không thể có chuyện bắt giam. Chẳng riêng trong Điều lệ của Đảng, mà với đảng phái nào cũng vậy.

Huỳnh Ngự bĩu môi:

- Anh lý sự gớm.

Tôi vẫn lì:

- Cho nên Đảng mới có quyết định vừa rồi. Thả ra là phải. Nếu các đảng viên còn được thả thì dĩ nhiên, là người ngoài Đảng, tôi phải được thả sớm hơn họ, cũng là lẽ đương nhiên...

Huỳnh Ngự lắc đầu:

- Cái nớ tui không dám khẳng định. Các hình thức kỷ luật của Đảng không phải là bất di bất dịch. Đảng luôn luôn linh hoạt trong đổi sách, luôn luôn sáng tạo những hình thức đấu tranh mới, kể cả trong lĩnh vực đấu tranh tư tưởng...

Y đối đáp kẽ cũng giỏi. Y có cái lô-gích của y. Nhưng cách y phát triển lô-gích mới tài. Y bảo.

- Còn chuyện anh bị bắt cùng các đảng viên thì anh thử nghĩ coi, nghĩ kỹ chút thì hiểu liền à? Anh tham gia cách mạng từ lúc còn là đứa trẻ, đúng vậy không hè?

- Nếu tính cả những việc cha tôi và các bạn ông sai tôi làm hồi bí mật là tham gia cách mạng thì đúng thế... Còn nếu tính từ ngày tôi ăn cơm của cách mạng, lĩnh phụ cấp của cách mạng để làm việc cho cách mạng thì có thể tính từ năm 1946 khi tôi gia nhập một đội tuyên truyền xung phong ở Nam Định.

Huỳnh Ngự cười hì hì:

- Thấy chưa? Tui là tui nắm lý lịch anh rõ lắm. Anh đã ở trong hàng ngũ cách mạng từ năm ấy năm, từ năm ấy năm anh chiến đấu dưới lá cờ của Đảng, được Đảng giáo dục, bồi dưỡng để trở thành trí thức cách mạng như bây chừ, cho nên Đảng mặc nhiên coi anh như đảng viên. Anh phải lấy làm hanch diện mới phải. Còn bây chừ có khuyết điểm thì Đảng lại giáo dục cho tốt lên. Sửa chữa xong khuyết điểm thời lại về với Đảng.

Ngụy biện đến nước ấy là cùng!

Tôi không cãi. Tôi còn ngịch ngợm đeo lén cho tôi cái mặt lạ xúc động nữa kia. Thủ nghĩ mà xem, có thể nào không xúc động cho được khi Đảng dành cho mình vinh dự lớn đến thế! Nếu mang cái cuộc đối thoại kỳ cục đó nhào nặn thành một chuyện ngắn kiểu Azis Nesin<sup>1</sup> thì át hẳn phải đặt cho nó cái tên: Tôi Được Coi Như Đảng Viên Của Đảng Vĩ Đại Như Thế Nào?

Tôi không còn gì để nói nữa. Câu chuyện vẫn cho một ngày làm việc đến đó kết thúc được rồi.

- Bữa ni có vậy thôi, anh về nghỉ. - Huỳnh Ngự đứng lên, vuông vai nặn ra một cái ngáp thân mật - Quê, còn chuyện thuốc lá cho anh. Tui đã báo cơ quan anh gởi trà thuốc của anh vô, không hiểu sao chưa thấy gởi... Đợt cung cấp này hơi chậm. Cơ quan tui cũng rúa hè, bửa đực bửa cái, thời chiến mà... Anh cầm tạm bao này về hút cho đỡ ghiền.

Trong suốt buổi gặp gỡ, Huỳnh Ngự nhiều lần nhả khói thuốc về phía tôi nhưng không thấy phản ứng y muốn thấy. Bao thuốc để trên bàn, trước mặt tôi, không được tôi đụng đến.

- Cảm ơn. Tôi đã quyết định không hút nữa là không hút.

Huỳnh Ngự điềm nhiên bỏ bao thuốc vào túi.

- Còn việc này nữa! Anh Hoàn<sup>2</sup> sẵn sàng cho anh gặp. Anh có đề nghị được gặp anh Hoàn không?

- Không! Tôi nghĩ rằng tôi chẳng có gì để nói với ngài bộ trưởng.

Cách gọi Trần Quốc Hoàn bằng “ngài” rõ ràng chướng tai Huỳnh Ngự, nhưng lần này y không bắt bẻ. Nếu cái gì cũng bắt bẻ, chắc y chẳng còn thời giờ nào làm việc với tôi về những chuyện khác.

- Tùy anh.

Chúng tôi chia tay, lần này không giống như hai kẻ thù, nhưng cũng không phải là hai người bạn.

Tôi trở về xà lim, lòng trĩu nặng. Bỏ ra ngoài tính chất bất cần đời pha chút tinh nghịch cố hữu đã giúp tôi sống qua mấy ngày tù đầu tiên, tôi thấy trước mặt một tương lai xám xịt.

Không thể nói trước cái gì sẽ đến với chúng tôi. “Xử lý nội bộ” chỉ là một cách nói. Họ chẳng dại gì mang chúng tôi ra xử công khai. Họ thừa hiểu chúng tôi là người thế nào. Họ sợ khi có diễn đàn chúng tôi sẽ dùng nó để vạch trần tội ác của họ trước quần chúng, vạch trần sự lộng quyền đã mang lại những tai họa cho dân tộc, cho đất nước. Cho dù sau đó pháp trường hoặc thủ tiêu.

<sup>1</sup> Azis Nesin (1898-1995), nhà văn châm biếm Thổ Nhĩ Kỳ, nổi tiếng trong độc giả Việt Nam với tập truyện Nếu Tôi Là Đàm Bà.

<sup>2</sup> Trần Quốc Hoàn, tên thật Nguyễn Trọng Cảnh (1916-1986), bộ trưởng Bộ Nội vụ vào thời gian xảy ra vụ án “nhóm xét lại chống Đảng”.

"Con người là một sinh vật kỳ lạ. Chỉ mình nó thích nghi được với mọi hoàn cảnh", Dostoevsky vĩ đại<sup>1</sup> đã nói như thế trong Hồi Ký Nhà Chết. Quả nhiên, rồi tôi cũng quen dần với cuộc sống bị giam cầm. Nói quen thì không đúng, tôi dần thích nghi được với nó, hơn nữa còn thích nghi được một cách không đến nỗi quá khổ sở.

Tôi tự khẳng định rằng một khi đã sa vào tay bọn độc tài thì đừng hy vọng được chúng rủ lòng thương. Những tên độc tài ở mọi thời đại, mọi quốc gia đều giống nhau. Chúng hoặc là những tên vị kỷ đến cùng cực, trong trường hợp tốt hơn cũng là những tên cuồng tín tham cắn cổ đế. Chúng sẵn sàng hy sinh đến giọt máu cuối cùng của người khác để thực hiện mục đích. Thằng hoặc cũng có những tên độc tài có công làm cho quốc gia trở lên thịnh vượng, trong một hoàn cảnh nào đó, một thời điểm nào đó. Nhưng những cái tưởng chừng là công trạng ấy chẳng che lấp được tội ác của chúng khi vinh quang được xây dựng trên những núi xác chết và những đai dương bi kịch.

Không thể so sánh bi kịch của cá nhân với bi kịch của một dân tộc, để nói rằng bi kịch của cá nhân không có ý nghĩa. Bi kịch nào cũng là bi kịch. Một con người cảm nhận bi kịch của nó cụ thể hơn sự cảm nhận của số đông về nỗi đau đớn chung.

Thành lồm cồm bò dậy đón tôi:

- Về sớm thế?
- Họ bảo đi thì đi, họ bảo về thì về. Anh có phải đi đâu không?
- Không.

Thành trả lời, tránh cái nhìn của tôi. Tôi cảm thấy anh lúng túng. Không hỏi thêm, tôi lắng lặng về chỗ mình.

Nếu người ta bắt tên chỉ điểm gặp họ để báo cáo về tôi thì gọi y ra vào lúc tôi đi cung là tiện nhất.

- Ăn đi, cơm canh nguội ngắt rồi.

Thành bối rối đẩy suất cơm tù đến trước mặt tôi.

Tôi ngồi xuống, xếp chân bằng tròn trước khổ hình hàng ngày.

<sup>1</sup> Fiodor Mikhailovich Dostoevsky (1821-1881), nhà văn nổi tiếng của Nga cuối thế kỷ XIX, tác giả Tội Ác Và Trừng Phật, Thằng Ngốc, Anh Em Nhà Karamadốp vv... Mấy năm trước đó tôi có dịch cuốn Hồi Ký Nhà Chết theo kế hoạch Nhà Xuất bản Văn hóa. Bản thảo đã chuẩn bị xong, nhưng cuốn sách không được phép in vì Dostoevsky bị Maxim Gorky nhận định là "một thiên tài độc ác".

## 9

Chiến thắng Cao-Bắc-Lạng (1950) của Quân đội Nhân dân Việt Nam không chỉ xóa sổ hai binh đoàn cơ động dưới sự chỉ huy của hai đại tá Pháp Le Page và Charton, giải phóng một vùng rừng núi rộng lớn, nó còn mở tung cửa biên giới phía Bắc, chấm dứt tình trạng cô lập của nước Việt Nam kháng chiến.

Ngay lập tức sau khi biên giới hai nước được nối liền, người anh em cộng sản phương Bắc đã viện trợ cho nước Việt Nam kháng chiến đủ thứ - lương thực, vũ khí, quân dụng. Cùng với các thứ hàng hóa thiết yếu, đời sống tinh thần của chúng tôi phong phú hẳn lên với những điệu Ương ca tưng bừng, những buổi chiếu bóng lưu động ngoài trời với những bộ phim hấp dẫn: Bạch Mao Nữ, Nam Chinh Bắc Chiến, Chiến Sĩ Gang Thép... Chúng tôi được phát bát men, ca men thay cho cái gáo dừa khổ hạnh của nhà chùa. Trên ngực chúng tôi chói sáng huy hiệu Mao chủ tịch.

Chẳng bao lâu sau tôi phát hiện ra rằng kèm theo những niềm vui mới, sự nối liền biên giới Việt-Trung còn đem đến cho chúng tôi vô số điều khó chịu.

Đập vào mắt chúng tôi là sự phân biệt phẩm trật kỳ cục trong Giải phóng quân. Đằng sau khẩu hiệu “tất cả để phục vụ cách mạng”, những anh lính tròn và hạ sĩ quan Trung Quốc sống như trâu ngựa, cúc cung tận tụy phục vụ cấp trên, bảo gì làm nấy, như những cái máy. Cuộc cách mạng Việt Nam khởi đầu bằng một lối sống khác hẳn, không có sự phân biệt quá đáng giữa cấp chỉ huy và chiến sĩ như thế. Chúng tôi sững sờ trước cảnh tượng khó hiểu nọ. Sững sờ, rồi buồn. Chúng tôi không đến nỗi ngu đần để không thấy được các lãnh tụ Việt Nam hoàn toàn tin theo hình mẫu Trung Quốc. Điều đó có nghĩa là nếp sống của quân đội Trung Quốc sẽ là nếp sống tương lai của quân đội Việt Nam.

Thời kỳ này tôi đang theo học khóa 6 Trường sĩ quan lục quân Trần Quốc Tuấn. Đây là nơi quân kỹ quân phong được tôn trọng và thi hành khắt khe hơn hẳn ở các đơn vị khác, quân chính quy cũng như quân địa phương. Nhưng kỷ luật sắt của bộ đội Việt Nam không có gì giống trật tự phong kiến trong quân đội nước bạn.

Như ở mọi đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam, chúng tôi sống với nhau như trong một gia đình lớn, ăn cùng mâm, nằm cùng lán, mọi tiêu chuẩn gần như ngang nhau. Những cái đó hoàn toàn không thể có trong Giải phóng quân Trung Quốc, ít nhất thì cũng trong các đơn vị Giải phóng quân đầu tiên qua Việt Nam.

Lần đầu tôi được thấy tận mắt trong quân đội cách mạng cũng có lính hầu là ở trạm Quảng Nạp, một trong những cửa ngõ vào ATK<sup>1</sup> từ ngả Thái Nguyên. Trước đó tôi không bao giờ hình dung có người đi làm cách mạng chỉ để hầu ai đó. Trong quân đội Việt Nam cũng có các vệ sĩ, hồi mới kháng chiến còn gọi là gác-đờ-co<sup>2</sup> nhưng họ không phải lính hầu. Một cơn sốt rét rùng bất chợt buộc tôi phải nằm lại trạm này đã cho tôi có dịp quan sát mấy đoàn cố vấn Giải phóng quân đi ngang. Những cố vấn Trung Quốc, thường là cấp tướng, đến Việt Nam mang theo cả đoàn lính hầu nhộn nhịp, nào bảo vệ, nào cần vụ, nào cấp dưỡng, nào giám mã. Khi một cố vấn lên đường, anh cấp dưỡng quẩy nồi niêu xoong chảo, anh cần vụ lỉnh kỉnh gánh chǎn, màn, gối, đệm, anh giám mã lon ton chạy tới, gặp mình xuống làm cái kê cho cấp trên đạp lên lưng mình mà lên ngựa. Cố vấn đến nơi cần nghỉ ngơi thì cần vụ hối hả kê giường trải nệm, bày ra nào chậu nào thau cho cấp trên rửa mặt rửa chân, cấp dưỡng te tái lo nấu cơm nấu nước, bảo vệ lăm lặc súng đứng gác, giám mã ù té đi cắt cỏ ngựa. Rầm rắp, rầm rắp, không chê vào đâu được.

Nhin cảnh đó, tôi vừa phục vừa tòm. Phục cái kỷ luật chưa từng thấy. Tòm cái thói nô lệ trong người lính. Có lẽ không có quân đội nào trên thế giới có thứ lính hầu khổn khổn nạn như lính cần vụ Trung Quốc.

Ăn uống trong quân đội Trung Quốc cũng phân biệt rõ rệt theo cấp bậc, hay nói đúng hơn, theo đẳng cấp. Nó như thế này:

Lính trơn cho tới cấp chỉ huy trung đội ăn theo tiêu chuẩn “đại tá” - đại ở đây không phải là nhiều nhất, lớn nhất, mà là mức ăn phổ thông, quảng đại, áp dụng cho cấp thấp.

Trên “đại tá” là “trung tá”, dành cho cấp chỉ huy đại đội tới tiểu đoàn.

“Tiểu tá” dành cho cấp trung đoàn trở lên.

Cao nhất là “đặc tá”, chỉ dành riêng cho các nhà lãnh đạo, hoặc để đãi khách. Được ăn đặc tá còn là một vinh dự. Đó là yến tiệc vua ban.

Nỗi kinh ngạc của chúng tôi kéo dài không lâu - về mặt này những người chỉ huy quân đội Việt Nam học theo quân đội đòn anh rất nhanh. Trong rừng Việt Bắc tôi đã được thấy những thứ “táo” ấy - những người đi cùng nhau trên đường công tác cùng ăn với nhau một cách bình đẳng ở hàng quán hoặc nấu cơm nhờ nhà dân, nhưng khi đến cơ quan cần đến thì lại chia ra ngồi ở những bàn khác nhau với những chế độ ăn khác nhau.

<sup>1</sup> Tên gọi tắt Khu An Toàn (ATK=An Toàn Khu) của chính phủ kháng chiến tại địa bàn hai tỉnh Tuyên Quang và Thái Nguyên (Liên khu Việt Bắc). Bộ Tổng tư lệnh và Bộ Tổng tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam cũng nằm trong khu vực này.

<sup>2</sup> Garde de corps, vệ sĩ (tiếng Pháp)

May mắn thay, sự phân biệt các thứ “táo” khốn nạn tồn tại ở Việt Nam không lâu, và ở mức độ thấp hơn nhiều. Ở ngoài mặt trận không kẻ nào dám liều lĩnh sao chép nguyên bản cái trật tự đảng cấp kỳ cục trong quân đội Trung Quốc. Trước mặt người lính là kẻ thù xâm lược, anh ta là người thực hiện sứ mệnh thiêng liêng bảo vệ Tổ quốc. Không thể có sự phân biệt mang tính chất nhục mạ giữa những người đang thực hiện sứ mệnh cao cả ấy. Sự phân biệt có thể làm người lính nổi giận. Mà ở chiến trường chẳng ai dám nói chắc anh ta sẽ hành xử thế nào một khi anh ta nổi giận. Điều có thể biết được, là sức chiến đấu của quân đội sẽ giảm sút vì sự phân biệt ấy.

Tiếp đến là *chỉnh huấn*. Ở quê hương nó, nó mang tên *chỉnh phong*, gọi tắt cuộc vận động chỉnh đốn tam phong: học phong, văn phong, đảng phong trong Đảng cộng sản Trung Quốc<sup>1</sup>.

Chỉnh huấn là chuyện hết sức lạ lùng đối với chúng tôi, những chàng trai vừa xếp bút nghiên lên đường kháng chiến. Chúng tôi hình dung mình tựa những tráng sĩ thanh gươm yên ngựa ra sa trường, như tổ tiên mình đã làm. Đến chỉnh huấn mới ngã ngửa ra rằng cuộc chiến đấu chống ngoại xâm giành độc lập không đơn giản như thế. Từ bộ phận đầu não của cuộc kháng chiến truyền xuống các cấp dưới một chân lý chưa từng biết - muốn đi theo cách mạng, muốn được cách mạng thu nạp mình vào hàng ngũ của nó, trước hết phải cải tạo những tư tưởng thối tha, bao giờ cũng sẵn có trong mỗi người, như trái táo Adam, như tội tổ tông truyền. Phải ra sức cải tạo tư tưởng để trở thành con người mới, trong sạch, vững vàng, xứng đáng là người của Đảng, của xã hội mới. Tất cả ưu điểm các anh có được là nhờ ơn Đảng, nhờ ơn cách mạng, người ta giảng giải. Tất cả các khuyết điểm các anh mang trong mình là do phong kiến, đế quốc truyền cho.

Nhờ chỉnh huấn chúng tôi mới biết ngoài thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và tay sai, cách mạng còn một lũ một lì kẻ thù khác – chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cục bộ địa phương, đầu óc gia trưởng, đầu óc quân phiệt, đầu óc lãnh tụ, đầu óc công thần... Vân vân và vân vân. Hy vọng rồi đây sẽ có người viết kỹ về chỉnh huấn, dưới dạng nghiên cứu hoặc hồi ức, thậm chí dưới dạng chuyện hài hước, bởi vì kể về hiện tượng quái đản không biết nảy sinh từ lúc nào, sáng kiến để ra nó là của ai, thì không thể nói ngắn được. Không điều tra, phân tích, không nghiên cứu kỹ về chỉnh huấn thì không thể hiểu cái cơ địa tâm thần kỳ lạ, cái não trạng điên rồ hình thành rất tự nhiên từ trên xuống dưới của vài thế hệ cách mạng, không giải thích được vì sao con người Việt Nam sau những cuộc tẩy não bắt buộc có, tự nguyện có, lại có thể trở thành ù lì trong một thời gian kéo dài mấy thập kỷ, và di chứng của nó còn tồn tại cho đến tận bây giờ. Gọi đơn giản bằng hai chữ tẩy não chẳng những không đủ, mà còn không đúng. Chỉnh huấn là một cái gì lớn hơn nhiều. Nó là một phép phù thuỷ không tiền khoáng hậu, làm tê liệt nhận thức của con người, tạo ra sự lười biếng suy nghĩ đến cùng cực, tước đoạt mọi khả năng phản kháng, biến con người thành một thứ robot của Đảng, chỉ biết một mục đích thành với Đảng.

<sup>1</sup> Ngày 1. 2. 1942, trong lễ khai giảng trường Đảng của Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc tại Diên An Mao đã đọc diễn văn về “chỉnh đốn tác phong của Đảng”. Đó chính là cuộc vận động chỉnh phong đầu tiên ở Trung Quốc nhằm chống chủ nghĩa giáo điều, về thực chất là chống ảnh hưởng của Quốc tế Cộng sản.

Tôi được biết chỉnh huấn lần đầu tiên vào năm 1951, trong một hội nghị cán bộ của Liên đoàn Thanh niên Việt Nam. Trong hội nghị này, Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam được thành lập, thay cho Đoàn Thanh niên Cứu quốc có trước, trong vai trò trợ thủ và hậu bị của Đảng, trên ngực mỗi đoàn viên từ nay sẽ sáng chói huy hiệu tay cầm cờ đỏ sao vàng tiến lên do họa sĩ Tôn Đức Lượng vẽ.

Cuộc chỉnh huấn được tổ chức trong hội nghị nằm ngoài chương trình đã được thông báo trong công văn triệu tập. Một số cán bộ vừa được dự cuộc chỉnh phong của Đảng cộng sản Trung Quốc ở Hoa Nam trở về làm hướng dẫn viên. Những người này, mặt mũi nghiêm trang, cử chỉ trầm trọng, trong bộ đồng phục cán bộ Trung Quốc, với cây bút Kim Tinh gài trước ngực, với cuốn sổ tay có hình Mao chủ tịch phuơng phi, xuất hiện trước các học viên ngỡ ngàng giống như những sứ giả đến từ một thế giới khác. Họ phải thực hiện một sứ mệnh trọng đại: cải tạo tư tưởng cho những kẻ đầu óc còn đầy ắp “tư tưởng địch”.

Thoạt đầu các hướng dẫn viên giới thiệu một số tài liệu – những bài giảng về cách mạng phản phong phản đế của Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Bành Chân, Ngãi Tư Kỳ... Sau khi đọc các tài liệu, mỗi học viên phải liên hệ những điều đã học được với tư tưởng và hành động của bản thân, trình bày thu hoạch học tập của mình trước tổ học tập (thường khoảng trên chục người) để tập thể góp ý, phân tích phê phán. Trong chúng tôi với nhau, chúng tôi gọi những buổi phê phán như thế là những buổi “tự xỉ vả”. Ai đạt được sự “tự xỉ vả” nhiều, và ở mức độ cao, thì được coi là “thành khẩn”. Những bản cung khai tội lỗi xuất sắc nhất được báo cáo trước toàn hội nghị, gọi là “báo cáo điển hình”.

Cái chuyện khai báo tội lỗi này kỳ cục lắm.

Đã đành, ai chẳng có một cái tội nào đó, nhưng phải là tội với cách mạng kia, mới là tội, mới khó tìm. Vắt óc mãi không nghĩ ra được tội gì khả dĩ coi được, tôi đành bộc lộ một vài cái tội lăng nhăng. Rằng tôi có tư tưởng thương địa chủ, giai cấp thù địch của cách mạng. Bằng chứng là trong cuộc giảm tô giảm tức ở Thanh Hoá tôi đã lén lút đem khoai lang cho mấy đứa con của kẻ thù đói lả. Rằng tôi có tư tưởng sợ địch khi tình cờ thấy trong tờ Paris Match nhật được trong một đồn địch bức ảnh chụp hàng đòn máy bay cường kích với những trái bom bay ra như trầu vãi dưới bụng chúng. Mặc dầu đã tố thêm cho ra vẻ thành khẩn, tội lỗi của tôi vẫn chưa ăn thua gì với tội lỗi những người cùng tổ.

Chao ôi, sao mà họ giỏi thế, tài thế, sao mà họ nghĩ ra được lầm tội thế! Người này bóc lộ cha mẹ là phú nông, địa chủ, và anh ta đã cùng với cha mẹ bóc lột nông dân như thế nào. Người kia khai đóng quân ở đâu là hủ hóa<sup>1</sup> ở đó, với đủ mọi loại đàn bà, không chừa cả cán bộ, đảng viên. Có anh còn khai đã ngủ với em ruột mình...

<sup>1</sup> Xin hiểu hủ hóa ở đây không có nghĩa gốc là tồi tệ đi, xấu đi, hư hỏng đi. Nó có nghĩa hoàn toàn khác là sự ăn năn trái phép với phụ nữ, thí dụ ngủ với người không phải là vợ mình (ngủ với vợ hoặc chồng chưa cưới cũng bị coi là hủ hóa). Trong các cuộc chỉnh huấn người ta thường lục vấn nhau chuyện hủ hóa, dường như nó quan trọng hơn những khuyết điểm khác.

Học viên vận dụng kiến thức vừa học được xỉ vả thậm tệ những người bộc lộ. Nào là với tư tưởng bóc lột của cha mẹ truyền lại, đồng chí không xứng đáng là cán bộ cách mạng. Nào là hủ hóa với con gái nông dân lao động, là quân chủ lực của cách mạng, khác nào con hủ hóa với mẹ. Vân vân và vân vân. Nói chung, sự suy diễn theo luật tam đoạn được tha hồ đẩy tới mọi tầm phi lý. Tôi nhớ mãi một buổi báo cáo điển hình, khi một anh chàng hùng hổ đứng lên xơi xỉ vả người báo cáo: “Đồng chí có biết với tư tưởng như thế, với hành động như thế, đồng chí là cái giống gì không? Đồng chí là... là... con chó, là... là con chó ghẻ... , con chó ghẻ lang thang... trên... trên... ” Đến đó anh ta ngắt ngư mãi không tìm ra đoạn tiếp cho câu ví. Thế rồi đánh liều, anh ta nói một hơi: “... lang thang trên... cánh đồng... cánh đồng xanh”.

Tôi nhìn quanh. Mặt người nào người ấy đỏ lựng. Không phải vì căm thù tư tưởng địch, mà vì nhịn cười.

Thâm ý của các tác giả chỉnh huấn, theo tôi nghĩ, nhằm làm cho con người tự ti đi, hạ mình xuống mức thấp nhất bên cạnh Đảng cao vời vợi, đấng cứu thế vô song, để trở thành dễ trị.

Cái mớ tạp pí lù *made in China* ngày một lớn sau khi chiến tranh Triều Tiên kết thúc. Một phái bộ Trung Quốc với La Quý Ba (cố vấn tối cao về chính trị), Vi Quốc Thanh (cố vấn tối cao về quân sự) đặt bản doanh trong ATK, tham gia vào mọi công việc của ban lãnh đạo Đảng (La Quý Ba và Vi Quốc Thanh còn tham gia các cuộc họp của Bộ Chính trị) khẳng định thêm vị trí hình mẫu Trung Quốc trong mọi mặt sinh hoạt ở khu kháng chiến. Họ đều có mặt trong những bức ảnh cha tôi giữ, với ông Hồ, với Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh.

Tôi phải nói lại chuyện cũ, có hơi lạc đề một chút, chỉ cốt để giải thích việc đang xảy ra trong Hỏa Lò.

Đùng một cái, Huỳnh Ngự bảo tôi:

- Ta ngừng ở đây. Anh viết lý lịch cái đã.

Lại lý lịch! Tôi muốn kêu trời. Chúng bắt tôi viết lý lịch làm gì khi chúng có thể lấy lý lịch cán bộ của tôi tại cơ quan?

Cần phải làm dân Trung Quốc hoặc dân Việt Nam mới biết đến tận cùng nỗi bức mình do chứng lý lịch cuồng gây ra. Trước hết, đó là cái sự phải khai không chỉ cuộc đời mình, cha mẹ anh em mình, mà cả chú bác cô dì nội ngoại, khai đầy đủ chi tiết họ tên, thành phần, nghề nghiệp, trước cách mạng làm gì, ở đâu, sau cách mạng, làm gì, ở đâu v. v... Những thế hệ đã nằm yên dưới mộ cũng bị dựng dậy để khai trước Đảng họ là ai.

Mà có phải viết một lần mà xong đâu. Thỉnh thoảng lại có lệnh viết lại lý lịch, không biết để làm gì. Trong kháng chiến, lý lịch thường xuyên bị mối xông, bị thất lạc khi cơ quan chuyển địa điểm, phải viết lại đã đành, hòa bình rồi vẫn cứ phải viết và viết. Thuỷ chuyển công tác - viết, chuyển cơ quan - viết, đi học nghiệp vụ - viết, vào Đoàn - viết, vào Đảng - viết. Để khỏi phải viết quá nhiều, tôi nhờ cô văn thư cơ quan đánh máy sẵn cho một tập. Khốn nỗi người ta lại không nhận lý lịch đánh máy mới cực.

Tôi còn khổ sở với sự khai lý lịch ở chỗ tôi cảm thấy mình là kẻ dối trá. Để tránh bị lục vấn lôi thôi, tôi lờ tịt một ông bác bên nội, một ông bác bên ngoại. Từ khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, nào tôi có biết hai ông ở đâu, làm gì? Chỉ biết hai ông dinh tê<sup>1</sup> vì không chịu được gian khổ, thế thôi. Nghe nói một ông buôn bán chi đó, ông kia làm thư ký Nhà Dây thép (Bưu Điện). Có anh cán bộ tổ chức chẳng hiểu tình cờ thế nào lại biết tôi có hai ông bác ấy, nhưng anh ta là người dễ tính, hoặc là người tốt bụng, anh ta lờ đi cho tôi. Thế là tôi đâm ra mắc nợ anh ta, tuy anh ta chẳng bao giờ lợi dụng cái nợ ấy.

Sự quản lý cán bộ và dân chúng nói chung bằng lý lịch là đặc điểm chung cho tất cả các nước xã hội chủ nghĩa. Ở Việt Nam, trong hai thập niên 50 và 60 nó được đẩy tới mức cao nhất nhờ chủ nghĩa thành phần. Nếu anh là bần nông, cố nông nữa càng tốt, ba đời không dính dấp gì với các giai cấp bóc lột, không có thân thuộc làm việc cho chính quyền cũ, đi lính chẳng hạn, thì anh được coi là cán bộ có lý lịch trong sạch, anh cứ yên tâm thẳng tiến. Ngược lại, chẳng may anh ra đời trong một gia đình giàu có, phú nông hoặc địa chủ, hoặc tệ hơn, cường hào gian ác, thì đời anh ra tóp. Một anh bạn cùng công tác với tôi có ông chú ruột ở miền Nam. Chẳng hiểu anh ta nghe ai nói, mới thành khẩn khai trong lý lịch rằng anh ta có một ông chú làm việc cho chính quyền Sài Gòn. Từ đó anh không được giao một công việc quan trọng nào nữa, mỗi lần xét tăng lương là một lần lý lịch anh được giở ra, rồi vì có người nhà trong hàng ngũ địch, lần nào anh cũng bị xếp cuối bảng, lên lương rất chậm. Sau khi đất nước thống nhất mới biết ông chú làm cho địch của anh chỉ là một ông tùy phái trong một trường tư thực, gọi nôm là loong-toong.

Nhà báo Chính Yên cay đắng kể:

- Thế đấy, khi nào có suất đi nước ngoài, nhất là các nước tư bản, thì y như rằng chúng nó rêu rao: thẳng Chính Yên là con quan tuần phủ<sup>2</sup>, để nó đi Tây cho nó chạy sang với địch à? Còn khi nào phải sang Lào viết phóng sự chiến tranh thì chúng nó khiêm tốn nhường ngay cho đồng chí Chính Yên, đồng chí ấy có kinh nghiệm chiến đấu. Tổ sư đời!

Chính Yên làm biên tập viên báo Nhân Dân, một nhà báo có tài theo chúng tôi đánh giá, một “bồi bút siêu hạng” theo anh tự nhận. Anh tham gia tổng khởi nghĩa Tháng Tám, tham gia chiến đấu bảo vệ thủ đô, là sĩ quan lâu năm trong quân đội. Nhưng suốt cuộc đời đi với cách mạng (đi theo cách mạng, nói cho đúng cách thời ấy), anh chỉ là kẻ ăn nhờ ở đậu, gánh vác mọi khó khăn, phần ngon anh chưa kịp nhường đã có kẻ khác cướp mất.

Chẳng phải chỉ chúng tôi khổ về chuyện lý lịch. Ngay thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng khổ. Ông Đặng Xuân Thiều, anh em con cháu con bác với nguyên tổng bí thư Trường Chinh, không rõ từ đâu lại biết

<sup>1</sup> Bỏ vùng kháng chiến về nội thành, do tiếng Pháp entrer.

<sup>2</sup> Thực ra Chính Yên cũng không phải con quan tuần phủ. Tôi quen thân với Chính Yên nên biết rõ: cha anh chỉ là một ông huyện, nhưng quê ở ngay thành phố Hà Nội, nhà cửa khang trang, khiến những cán bộ không biết gì về hệ thống hành chính thời Pháp thuộc đôn ông lên làm ông tuần phủ.

được câu chuyện hi hữu trong lịch sử nước ta, rằng do sự trớ trêu của số phận, vị thủ tướng thâm niên cao nhất thế giới lại... chưa từng gia nhập Đảng cộng sản<sup>1</sup>.

Huỳnh Ngự hài lòng. Tôi hoàn thành bản lý lịch một cách xuất sắc, không nói gì tới hai ông bác. Chắc hẳn y cũng chẳng đọc bản lý lịch bắt tôi viết. Tôi viết, nghĩa là tôi đã cuộc nghe lời.

- Anh thấy đó! Anh sinh trưởng trong một gia đình cách mạng nòi, có lý mô anh lại đi với bọn phản cách mạng? Con đường anh đi đã được Đảng vạch sẵn. Đó là con đường duy nhất: đi theo sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ vĩ đại. Được đi dưới lá cờ vinh quang của Đảng, của Bác là hạnh phúc vô cùng lớn lao của mỗi cán bộ cách mạng!

Từ trên bức tường đối diện, ngay trên đầu Huỳnh Ngự là Bác Hồ tiên phong đạo cốt, với vầng trán cao lồng lộng, cặp mắt anh minh và chòm râu thưa phơ phất, đang hiển từ nhìn xuống đứa cháu bị bỏ tù. Bên dưới chân dung Bác là lời Bác dạy “Công An Là Bạn Dân” viết nắn nót, chữ đỏ rực trên nền giấy vàng!

Chúa ơi, tôi đang ở đâu thế này? Phải sống với một ông bác và những ông bạn dân thế kia mà gọi là hạnh phúc được ư?

Tôi buồn. Hy vọng mau chóng được ra khỏi đây nguội dần.

Thành tìm cách an ủi tôi. Nhưng anh không vẽ ra một viễn cảnh dễ chịu, mà làm ngược lại - cho tôi quen với sự thật.

- Ai sa chân vào đây mà mang tội chính trị là coi như đời tàn. Anh chỉ có một lựa chọn: hoặc là quyết sống, hoặc là tự sát.

Nghe mà tuyệt vọng.

- Anh cho rằng với tù chính trị người ta cứ giam miết, không thả?

- Sao không? Có thả chứ. Nhưng người ta chỉ thả khi nào tin chắc tên tù đã mất hết ý chí. Mà biết đến mùa quí nào người ta mới tin chắc rằng họ đã đạt được điều đó?

Trong những cuộc học tập chính trị, giảng viên bao giờ cũng nhấn mạnh mục đích tiêu diệt ý chí của địch. Tiêu diệt sinh lực đã dành là quan trọng, nhưng tiêu diệt ý chí mới là cơ bản. Tiêu diệt sinh lực

<sup>1</sup> Ông Đặng Xuân Thiều (1909-1965) tham gia cách mạng rất sớm, bị tù nhiều năm. Theo cha tôi, có lẽ ở đây chỉ có vấn đề thủ tục kết nạp không được rõ ràng (ngày tháng, người giới thiệu), chứ cuối năm 1940 các ông Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Hoan cùng dự một lớp huấn luyện ở Hoa Nam do ông Hồ Chí Minh tổ chức, có nghĩa là ngay từ hồi ấy ông Đồng đã hiển nhiên là đảng viên cộng sản. Chuyện Phạm Văn Đồng không phải đảng viên chắc hẳn đã được Lê Đức Thọ lợi dụng để khống chế Phạm Văn Đồng nhân dịp rà soát lý lịch đảng viên, chứ sự việc do ông Đặng Xuân Thiều nói ra hoàn toàn không có ác ý.

cũng nhầm mục đích cuối cùng là tiêu diệt ý chí. Nói về mặt binh pháp, tôi cho rằng đây là một sách lược tuyệt vời.

Bây giờ tôi là địch rồi. Họ sẽ sử dụng đối sách như đối với địch. Mà tôi thì có ý chí quái gì đâu cơ chứ!

- Anh có hay nhận được thư nhà không? - tôi hỏi Thành.

- Thỉnh thoảng.

- Chị với các cháu lười viết à?

- Đâu phải. Chấp pháp người ta có cho nhận thì mới được nhận chứ. Trong thời gian mới bị bắt, tôi không được phép nhận thư, họ sợ sự thông cung. Sau, họ cho nhận, nhưng kiểm duyệt kỹ lắm, cái nào đúng lập trường, người nhà khuyên mình cải tạo tốt thì họ cho nhận, thư nào có giọng oán trách Đảng thì họ hủy. Được nhận thư hay không còn phụ thuộc vào thái độ cải tạo của mình nữa...

Tôi rõ ràng không phải là tù cải tạo tốt rồi. Ngay từ ngày đầu tiên.

Cái sự vô công rồi nghề làm tôi rầu rĩ. Không rầu rĩ sao được khi cả ngày ngồi bó gối nhìn vào bức tường trước mặt và không sao xua đuổi được hàng đống bòng bong những ý nghĩ quậy lộn trong đầu.

Huỳnh Ngự cho quản giáo mang vào cho tôi mấy tờ Nhân Dân có đăng “Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng”. Tôi hiểu: y muốn cho tôi thấy chúng tôi là loại tội phạm nào theo pháp lệnh này.

Khi đã ra tù tôi có ý tìm lại, mới biết Trường Chinh ký cái “Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng” ấy vào ngày 30. 10. 1967, nhưng hồi đó tôi không chú ý, tôi chỉ nhớ rất rõ rằng tôi được đọc nó trong Hỏa Lò, tức là vào cuối tháng 12 chứ không sớm hơn. Sự việc Trường Chinh ra sức hợp pháp hóa việc làm của Lê Duẩn và Đức Thọ chứng tỏ Trường Chinh đã biết điều mà cum cúp tuân lệnh Duẩn-Thọ rồi, chứng tỏ chúng đã kết lại với nhau thành một băng rồi. Như vậy, chúng tôi chẳng còn gì để mà trông đợi. Giọng hàn lâm phổ huyện của pháp lệnh này, mang dấu ấn bút pháp Trường Chinh, với những câu chữ rất mơ hồ về sự quan hệ với “nước ngoài” và “người nước ngoài” xới lên mảnh đất mầu mỡ cho những hành động tự tung tự tác không kiềm tỏa của bọn độc tài.

Thành nhìn tôi ái ngại. Bằng những câu chuyện xa xôi, anh khuyên tôi đừng tuyệt vọng. Người tù mang tâm trạng tuyệt vọng sẽ thua ngay từ trận đầu trong cuộc chiến dai dẳng với những nỗi khốn khó trong cuộc sống giam cầm. Người tù chỉ có thể sống được đến ngày ra khỏi nơi tù ngục nếu anh ta không để nỗi tuyệt vọng hủy hoại. Cách tốt nhất là buộc mình quên mình đi, tự xóa sổ mình đi trong tâm thức, như cách các đạo sĩ yoga thường làm.

Tôi buồn rười. Làm sao học được cách biến mình thành gỗ đá vô giác đây? Con người từ tấm bé vốn chỉ quen học sự khẳng định mình, bằng mọi cách nó nhắc nhở mọi người rằng nó có, nó đang hiện diện trong cộng đồng, nó không phải vô hình vô ảnh, thế mà giờ đây nó lại phải học cách quên mình đi, xóa mình đi, khốn nạn là thế!

Phải mất bao nhiêu thời gian tôi mới học được nghệ thuật đó?

Viên cai ngục không nhởm gì tới việc tôi nhờ anh ta nữa. Tôi nghĩ anh ta chưa có thời gian. Sau mới biết lời hứa của cai ngục với tù là thứ lời hứa tào lao nhất trần đời. Chẳng bao giờ anh ta nhẫn hộ tôi cả.

Sau mấy ngày hỏi cung liên tục, với những câu hỏi lăng nhăng nhảy từ đề tài này qua đề tài khác, đề tài nào cũng xa cách cái mà tôi muốn biết - họ định buộc tôi vào tội gì - Huỳnh Ngự bỗng nhiên bỏ bắng, không gọi tôi ra đi cung tiếp.

Một hôm tôi lại bị điệu ra. Lần này không phải đi cung. Đón tôi là mẩy tay công an trẻ, lạ hoắc, trong đó có một tay da trắng bóc, căn cứ vào quần áo và dáng dấp thì biết y vừa từ Cộng hòa Dân chủ Đức về. Họ đưa tôi tới một góc sân đầy rêu, bảo tôi ngồi xuống một cái ghế đầu, đằng sau là một mảnh vải xám bẩn thỉu mắc vào một sợi dây phơi quần áo.

Thì ra họ đưa tôi ra chụp ảnh, lăn tay. Một phó nháy ra lệnh cho tôi ngồi trong mọi tư thế thẳng, nghiêng phải, nghiêng trái. Tôi phải đeo một biển số trước ngực, đúng cách chụp ảnh tội phạm. Một người khác, phụ việc cho anh ta, ép mười đầu ngón tay tôi vào cái bảng mực in đen xì để lấy dấu. Tên công an ở mới về chỉ đóng vai quan sát. Chắc đây là một tay chân tin cậy của Lê Đức Thọ đến để giám sát việc làm của đám công an nọ. Sau đó tôi được đưa đi rửa tay. Không có xà phòng, tôi phải chà tay vào đất cát đến khi hai bàn tay đỏ ửng. Thế mà cái mực in quái ác vẫn không đi. Cả tuần sau tay tôi vẫn còn đen.

Thế là rõ. Đây là cách người ta làm với tù chứ chẳng phải “xử lý nội bộ” gì hết.

Tôi cho rằng diễn biến của tình hình có chiều hướng xấu đi, chí ít thì cũng không tốt lên. Là đoán vậy thôi, chứ làm sao biết được ở ngoài kia cái gì đang xảy ra. Từ khi vào xà lim tôi không được đọc một tờ báo nào.

*Que sera sera*<sup>1</sup>, ngồi bó gối trong cái chuồng chật hẹp tôi hát khẽ, tự an ủi, cảm thấy lòng mình dần tĩnh lại. Bên ngoài, bầu trời mùa đông vẫn xám xịt một màu chì bức bối.

Thường một lần đi cung kéo dài cả buổi sáng hoặc chiều, thành thử tôi cứ đinh ninh trong lúc tôi vắng mặt những người tù ở xà lim bên cạnh cũng bị gọi ra đi cung như tôi. Hóa ra không phải. Chỉ những người mới bị bắt mới đi cung nhiều. Sau một thời gian làm việc liên tục, thỉnh thoảng họ mới bị gọi ra. Thành nói anh không đi cung đã hơn hai tháng. Có xà lim cả năm không đi cung.

Cũng Thành cho biết, ở Hỏa Lò có vài khu xà lim nằm rải rác ngoài rìa, giữa là trại chung gồm những nhà giam lớn mà tôi đã đi qua. Nơi chúng tôi đang ở gọi là xà lim 3, nằm ở khu vực bên trái Hỏa Lò, tính từ cổng vào, gần nhà bếp. Con đường gần xà lim 3 nhất là đường Hai Bà Trưng. Nhà tôi nằm ở đầu đường đằng kia con đường này, phía sông Hồng. Từ đây đi bộ về nhà tôi mất chừng mười lăm phút.

<sup>1</sup> Muốn ra sao thì ra (tiếng Tây-ban-nha), lời một bài hát.

Tù xà lim Hỏa Lò không được đi dạo hàng ngày. Cũng không được đọc báo, không được mượn sách. Hỏa Lò, như sau này tôi được biết, không có cả thư viện cho công an, đừng nói gì thư viện cho tù. Nói tóm lại, nó chẳng giống như cái nhà tù mà tôi hình dung qua sách báo và phim ảnh nước ngoài một tẹo nào.

Một ngày cửa xà lim được mở ra năm lần: buổi sáng một lần cho tù ra đổ bô, rửa ráy; trưa và chiều mỗi bữa hai lần cho tù ra nhận cơm và trả bát rếch.

Thay vào viên cai ngục nông dân hôm trước là một người đàn ông, cũng dáng nông dân nhưng đã được cách tân, rất hách dịch, rất ít lời, tù sợ một phép. Thành nói y tên Hách, nhưng tôi đồ rằng đó là biệt hiệu tù đặt cho y chứ không phải tên thật. Quả vậy, về sau này tôi mới biết tên cúng cơm của y là Dư, chắc hẳn cha mẹ y đặt cho với hy vọng đời y sẽ sung sướng trong thừa thãi.

Cai ngục thường không tự giới thiệu tên họ với tù. Phép lịch sự ở đây đại khái cũng giống như phong tục nước ngoài đối với người Việt, biết thì biết, nhưng không theo. Viên cai ngục tôi gặp khi thoát vào Hỏa Lò có hai biệt hiệu: Sứ giả Hòa bình hoặc Điền Mũi đỏ. Tên Sứ giả Hòa bình là do tù đặt. Viên quản giáo này bao giờ cũng thân mật đáp lễ khi tù chào chứ không khen kiệu lặng thinh như các quản giáo khác. Đi kiểm tra khu xà lim anh ta luôn dừng lại ở các *judas*, nói một câu hỏi thăm, cho tù lửa hút thuốc hoặc vui vẻ đáp lại một câu hỏi về ngày giờ. Người tù cảm thấy mình được an ủi với một viên quản giáo như thế. Điền là tên thật. Anh ta có cái mũi lúc nào cũng đỏ lựng như mũi người nát rượu, mặc dầu anh ta không phải dân nghiện.

Tôi thích quan sát Hách. Tôi nghĩ nếu rồi đây tôi có may mắn được làm phim về nhà tù Việt Nam thì anh ta sẽ là nguyên mẫu không chê vào đâu được. Cai ngục phải như anh ta mới đúng là cai ngục chứ. Một cai ngục giống Sứ giả Hòa bình thì thể nào cũng bị khán giả chê, cho là không giống, không đúng. Thể mới biết cuộc đời phong phú hơn trí tưởng tượng, còn chúng ta thường nô lệ cho những hình dung giáo điều.

Thấp bé, với số tuổi đáng trọng, Hách đi những bước đĩnh đạc, khoan thai, rõ ràng là vay mượn, nhưng đã nhập thần. Người tù cúi đầu len lén chui qua cái nhìn lù lù bên trên cặp tròng kính lấp loáng của viên quản giáo quyền uy. Hách đứng đó, nhìn những con vật ở trong chuồng chui ra, mái đầu còn xanh của y hơi cúi, như thể sức nặng của vẻ đường bệ đè xuống, đôi giày tây khẽ nhún nhảy trong một nhịp chậm chạp cố ý. Tôi khoái mẫu người của Hách đến nỗi nhiều lần tôi nghịch ngợm bắt chước dáng điệu trịnh trọng của anh ta cho Thành xem. Thành cười rúc rích khen tôi bắt chước khéo, còn tôi thì hình dung nếu có lúc phải hướng dẫn cho diễn viên thì phải biết cách đóng thế nào cho thật giống.

Khi mở cửa xà lim bao giờ Hách cũng lùi ra xa, nhún nhảy ở bức tường đối diện. Tôi nghĩ y cẩn thận, lo bị tù tấn công bất ngờ.

- Dào, không phải thế đâu - Thành giải thích - Trong xà lim hôi thối lắm. Mình ở quen không nhận thấy chứ người ở ngoài vào uế khí xộc vào mũi, chịu không nổi.

Niềm mong ước của cha mẹ Dư đã thành. Y không giàu, nhưng so với các quản giáo khác, y có nhiều thứ sang trọng hơn người. Trong Hoả Lò mọi thứ đều rẻ - một phong thuốc lào có thể đổi lấy một cái quần simili mới, một bao Tam Đảo là giá cho một cái áo len. Thành kể, cặp kính gọng đồi mồi của Hách giá ba cái bánh mì. Đổi chác là một hình thức thương mại phổ biến trong mọi trại tù.

Kể ra ở trong xà lim ngày này qua ngày khác mà không có lần đi cung nào cũng chán. Đi cung cũng ví như một sự đổi gió, cho dù nó căng thẳng. Căng thẳng thì căng thẳng, vẫn còn hơn là sự đơn điệu kéo dài. Người tù ở hàng năm trong xà lim không đi cung hết như con thú bị nhốt trong chuồng.

Năm trong xà lim những ngày đầu tiên, ngoài nỗi nhớ vợ con, tôi bỗng nỗi cơn nhớ Hà Nội da diết. Ai đời năm giữa lòng Hà Nội mà nỗi nhớ cứ bồi hồi bồi hồi như thể mình đang ở nơi nào tít tắp bên kia địa cầu. Nhớ còn cào. Nhớ lầm lầm. Bỗng thấy Hà Nội như một người. Bỗng phát hiện Hà Nội có bộ mặt không lẫn với bất cứ bộ mặt nào khác. So sánh Moskva với Hà Nội, tôi thấy Hà Nội đáng yêu vô cùng. Có lẽ chỉ có người Hà Nội mới coi thành phố là ngôi nhà của mình. Người Moskva coi Moskva là thành phố, là tài sản của nhà nước, không phải của mình. Người Moskva chỉ ra đường khi có việc. Người Hà Nội bắc cái chống ra hè, ngồi đấy mà cảm thấy như ngồi trong nhà. Sau 1954 người tú chiếng theo chân đoàn quân chiến thắng ùa vào, người Hà Nội tản mát khắp bốn phương trời, kẻ di cư vào Nam, người bị đẩy đi mạn ngược lập vùng kinh tế mới. Tưởng chừng Hà Nội không còn là Hà Nội nữa, thế mà không - Hà Nội vẫn là Hà Nội. Nó nuốt chửng những người xa lạ vào lòng, nhào nặn họ theo kiểu của nó, biến họ nếu không thành người Hà Nội hẳn thì cũng thành người của hè phố, nhưng là hè phố của nó. Chỉ có tiếng nói của Hà Nội là biến đổi cùng với âm sắc của những phương ngữ mới nhập cư - nó cao vống lên.

Tôi là người Hà Nội tính theo đàng mẹ. Hà Nội là quê ngoại của tôi, là nơi tôi ra đời, vì mẹ tôi là "con gái Hàng Bạc". Người Việt quen với phụ hệ, tính theo bên nội, mà như thế thì tôi lại là người của đồng bằng đất thịt.

Để về quê, tôi phải đón xe lửa tới Nam Định, qua Đò Quan sang hữu ngạn sông Hồng, đi ô tô theo đường hàng tỉnh số 21 tới thị trấn Cổ Lễ rồi từ đó cuốc bộ vài cây số nữa theo con đê Vàng mới về đến làng. Tôi cũng gắn bó với cái quê nội đất thịt lầm, một phần tuổi thơ của tôi đã trôi qua ở đó. Thỉnh thoảng ở đâu đó bên ngoài Hoả Lò người ta đốt lá rụng đầy đồng, gió đưa khói những đống lá cháy âm ỉ lọt vào tận xà lim, y như khói những đống rầm ở nông thôn, và thế là nỗi nhớ cái quê đất thịt lại nổi lên xao xuyến lạ lùng.

Những ngày đầu tiên trong tù tôi không hề nghĩ tới một thời hạn giam giữ lâu tới vài năm. Chỉ vài tháng thôi, trong cái chuồng người gọi là xà lim, đã đủ chết rồi.

Suốt ngày anh bạn tù của tôi ngồi bó gối nhìn chòng chọc vào một điểm nào đó rất xa, mặc dầu trước mặt anh là bức tường xám xịt lốm đốm máu muỗi máu rệp và những tên người, trái tim bị mũi tên xuyên thủng, hai cổ tay bị xích, ngày bị bắt, những lời than vãn, những lời nguyền rủa, những câu chửi đời... Thành thử bức tường giống như những vách đá Chùa Hương hoặc ở hang Đầu Gỗ trên vịnh Hạ Long.

Lâu lâu đang ngủ Thành choàng tỉnh, ngồi dậy cục cựa một lát để sửa soạn cái nghi thức trang trọng của sự hưởng lạc trong xà lim. Trước hết, anh sờ soạng lấy cái điếu và gói thuốc giấu trong bọc quần áo ra, vê rất lâu những sợi thuốc màu cánh gián cho tới khi chúng xoắn vào nhau thành một viên tròn xoe đúng kích cỡ và tiêu chuẩn ngầm định rồi mới từ tốn nhồi vào nõi. Những sợi rời ra ngoài được anh thu vén nhặt cho bằng hết cho khỏi phí. Đoạn, anh khẽ khàng quẹt diêm lấy lửa, châm vào mảnh giấy đã vê sẵn thành đóm, dùng đóm này hút thuốc. Hút xong, Thành từ từ nhả khói rồi gục mặt vào hai đầu gối hồi lâu, người hơi dung đưa. Đó là anh đang ngụp mình trong khoái lạc mà điếu thuốc mang lại.

Tôi thèm thuốc lá lắm nhưng làm sao có được nó trong bốn bức tường xà lim bây giờ? Thành mòi tôi thuốc lào, nhưng lần nào hút tôi cũng ho sặc sụa.

Tôi không thể không nói thêm vài lời về cái điếu tự tạo của anh bạn tù. Nó là một cái hộp dẹt, hình chữ nhật, làm bằng hai vỏ bao diêm ghép lại, được bồi cho cứng thêm bằng giấy. Nõi điếu là khúc đầu của ống kem răng lộn ngược. Cái điếu có bề ngoài sắc sỡ bởi những ảnh màu cắt trong họa báo, chắc hẳn từ giấy gói đồ tiếp tế. Tuy không có nước bên trong nhưng cái điếu kín hơi thỏa mãn được cơn ghiền chẳng kém gì điếu ống hoặc điếu bát.

Để tiết kiệm diêm, Thành chẻ một que thành hai, dùng tới đâu chẻ tới đó. Khi tôi vừa vào anh còn kín đáo quay mặt vào tường để chẻ diêm, cái chǎn lòa xòe che khuất hành động giấu giếm. Trong xà lim chỉ có hai người với nhau, giấu cũng chẳng được, cuối cùng anh đành tiết lộ:

- Trong tù cấm ngặt không được giữ dao hoặc vật gì có thể dùng làm dao. Chết nỗi con dao ở đây lại cần lắm, bao nhiêu việc phải dùng nó, không có khôn xong: cắt móng chân móng tay, vót que tăm hay là chẻ diêm thế này chẳng hạn... - anh rì rầm giải thích - Không phải người ta sợ mình dùng dao đâm cán bộ đâu, thứ dao này thì đâm chết ai, cơ mà người ta sợ cái khác...

Anh cho tôi xem con dao anh chế tạo. Nó là một mẩu sắt đai thùng dài lối bốn năm phân, rất bén. Tôi không hiểu anh làm cách nào để cho mẩu đai thùng nọ trở thành cứng và bén như thế. Trong xà lim tất nhiên không có lửa để tôi, không có đá để mài. Với kích cỡ liliput con dao dễ dàng chui gọn vào nẹp quần nẹp áo.

- Họ sợ cái gì?

- Còn cái gì nữa? Con dao bé tí này chẳng giết được ai, nhưng tự giết mình thì được.

- Họ cũng sợ tù tự sát cơ à?

- Cũng chỉ trong thời kỳ giam cứu thôi, ông ạ. - Thành lắc mạnh cái đầu bù xù - Trong thời kỳ này, là khi còn đang hỏi cung, người ta cần tù sống cho việc điều tra, cán bộ chấp pháp phải chịu trách nhiệm về mọi mặt. Có trường hợp cán bộ chấp pháp dám thế nào không biết, anh tù vừa mới vào được mấy ngày đã treo cổ chết tốt. Điều tra xong mới biết anh ta chẳng có tội tình gì ráo. Dĩ nhiên, trách nhiệm là liên đới - không riêng cán bộ chấp pháp, cả cán bộ quản giáo, cả bộ đội gác cũng có khuyết điểm.

- Chỉ là khuyết điểm thôi ư? Có ai trong bọn họ bị truy tố không?

- Làm gì có! Tất nhiên, cũng có khi bị lôi thôi tí chút. Giả thử anh tù nợ bà con với cán bộ cỡ, người ta moi móc ra, cố tình kiện cáo thì cũng phiền đấy. Nhưng kiện công an thì phải coi chừng, công an họ bênh nhau lắm, có khi đã chẳng được gì mà còn mắc vạ. Con kiến mà kiện củ khoai. Với dân đen thì họ chẳng lo, cứ lờ tịt đi là xong. Thằng tù ấy mà, cái mạng nó có giá gì!

- Anh tù lấy đâu ra thùng mà treo cổ?

- Xì, có gì khó, xé cái quần ra, hoặc cái chăn, bện lại một loáng là xong.

Thảo nào, người ta phát cho tôi cái quần không có dải rút.

- Còn xong cung rồi thì xin mòi, muốn tự sát tự sinh gì mặc mẹ mày. Càng đõi tốn gạo. Ấy là nói tù xà lim, chứ tù ở các trại làm ra của cải gấp bao nhiêu lần tiền nuôi họ ấy chứ. Thủ tính mà xem, nuôi thằng tù hết có mười hai ký rưỡi gạo một tháng, mà bắt nó làm như trâu. Thằng tù chẳng cần ai nuôi, tự nó làm ra cái để nuôi nó, nhà nước chẳng mất gì sất. Nước sông công tù, đã có câu như vậy.

- Thế thì nhà nước lợi nhỉ? Càng nhiều tù càng lợi.

- Thời Pháp thuộc chỉ có mấy trại ai cũng biết - Hỏa Lò là một, Chí Hòa là hai, Sơn La là ba, Ban Mê Thuột là bốn, Lao Bảo là năm, Bá Vân là sáu, Côn Đảo là bẩy... - Thành thủng thằng liệt kê các nhà tù của Tây - đếm đầu ngón tay còn thừa. Thời ta thì sao? Trung ương hàng chục trại, tỉnh nào cũng trại... Chẳng nói đâu xa, ngay ở Hà Nội ngoài cái Hỏa Lò ra, còn có một nhà tù nữa, cũng lớn lắm, thuộc Bộ quản lý, là trại B, hay là trại Thanh Liệt. Ông có nghe nói đến trại Thanh Liệt bao giờ không?

- Không.

- Ông không nghe nói là phải. Chẳng ai biết cái trại này đâu, người ta giữ kín lắm. Nó đâu ở gần thị xã Hà Đông. Xà lim ở đấy mới thật ác, không có chút ánh sáng nào lọt vào. Diện tích còn hẹp hơn xà lim Hỏa Lò nhiều. May ngày rồi ông chưa đi cung nhỉ?

- Bốn.

Anh gật gù.

- Lạ thật. Thường tù mới bắt vào người ta hỏi cả ngày lẫn đêm, cho đến khi mệt lử ra rồi họ còn chưa tha,蹚 này... Cái ông chấp pháp của ông có dễ chịu không?

- Tôi không rõ anh cho thế nào là dễ chịu? Có thể tay này là dễ chịu cũng nên, phải qua vài tay tôi mới so sánh được. Mà này, anh có biết vì sao người ta gọi cái anh công an hỏi cung là chấp pháp không? Trước kia người làm việc hỏi cung là dự thẩm, nếu tôi không nhầm.

Thành suy nghĩ một lát.

- Tôi nghĩ đó là do mấy chữ chấp hành pháp luật nói tắt.

Cách Thành giải thích không đủ thuyết phục tôi.

- Chấp hành pháp luật thì mọi công dân đều phải chấp hành, ở nước nào chả vậy. Nếu anh ta thura hành pháp luật thì sao không gọi là thura pháp, hoặc hành pháp? Lại còn cái lối nói đi cung nữa, nghe chướng không chịu được.

- Thoạt kỳ thủy, tôi cũng không hiểu như ông, nghe cũng chướng lắm, nghe mãi rồi quen, thấy nó cũng bình thường. Ngôn từ trong ngành công an này tựa như tiếng lóng của lưu manh, không ở trong nghề của họ nghe cứ như vịt nghe sấm. Thế mà ở tù ít lâu là hiểu hết, chẳng cần ai giải thích.

Cách so sánh của Thành làm tôi bật cười.

Thành kiên nhẫn giải thích cho tôi những điều đối với tôi là lạ lẫm, anh độ lượng không coi lỗ hổng kiến thức của tôi là sự đần độn. Mà làm sao tôi có thể biết được những từ quý quái ấy kia chứ, khi trại giam là một thế giới cách biệt hoàn toàn với thế giới đời thường. Người Việt Nam hầu như chẳng biết gì về cái thế giới đóng kín ấy. Đề tài trại giam là đề tài cấm kỵ. Các nhà báo không được phép thò mũi vào công việc của ngành trừng phạt, xin lỗi, tôi nói nhầm, ngành cải tạo, đừng nói gì viết về nó. Trong những người tôi quen chỉ có anh Trần Đĩnh, phóng viên báo Nhân Dân, là đã có dịp tham quan Hoả Lò để lấy tư liệu cho cuốn hồi ký Bất Khuất anh ghi chép cho ông từ cách mạng Nguyễn Đức Thuận. Trần Đĩnh chưa đi tù bao giờ. Anh được vào xem Hoả Lò vì anh cần hình dung ra cái xà lim nó thế nào. Vài năm sau khi cuốn Bất Khuất ra đời, Trần Đĩnh cuối cùng lại bị rơi vào số những phần tử *xét lại hiện đại*, nhưng anh chỉ bị ép về hưu non, bị trù úm dài dài, chứ không bị đưa vào ở trong những cái xà lim anh đã được xem trong Hoả Lò.

Về sau tôi mới biết thẳng hoặc cũng có vài nhà văn nhà báo được mời đi xem để viết về trại giam xã hội chủ nghĩa. Họ ngồi trên com-măng-ca phóng vù vù qua những cánh đồng, những xưởng thợ, những lán sản xuất thủ công của tù, để tối đến dự các cuộc chè chén say sưa với Ban Giám thị, với tư cách khách quý của ngành. Để hiểu tâm tư người tù, các nhà văn nhà báo vừa ngồi xỉa rǎng vừa nghe một anh tù nào đó do Ban Giám thị chọn cho gấp. Anh tù được lựa chọn tất nhiên một mực ca tụng hệ thống cải tạo của Đảng và Nhà nước tốt đẹp là thế nào. Về sau tôi có được đọc mấy bài báo loại này. Cứ như mấy nhà văn nọ miêu tả thì hệ thống cải tạo của Việt Nam là tuyệt hảo, là một sáng tạo không tiền khoáng hậu của Đảng, nói tóm lại là cây gậy thần gõ vào đầu tên tội phạm nào là tên ấy lập tức cải tạo tốt, thành người tử tế, thành công dân lương thiện, thậm chí thành công dân gương mẫu.

Trong thời gian ở trại Phong Quang (Lao Cai) tôi biết nhà văn Bùi Huy Phòn tức Đồ Phòn<sup>1</sup> có đến thăm trại này. Chắc chắn ông ta phải biết tôi đang ở đó, nhưng Đồ Phòn không gặp tôi, hoặc vì người ta can gián, hoặc chính ông coi tôi là tên cầm bút phản động, hoặc đơn giản vì ông ta sợ. Những người tù

<sup>1</sup> Đồ Phòn, tên thật Bùi Huy Phòn (1911-1990), nhà văn trào phúng, viết văn từ lâu trước Cách mạng Tháng Tám. Những tác phẩm sau 1945 của ông biểu hiện tính xu nịnh chế độ ở mức độ cao.

được Ban Giám thị lựa chọn trong số cải tạo tốt sau cuộc gặp gỡ kể rằng họ vừa gặp “một thằng nhà văn nói láo nhà báo nói điêu”.

- Thế còn cai ngục? Böyle giờ được gọi là *quản giáo*, có phải ngoài việc canh giữ tù, anh ta còn phải dạy dỗ chúng mình không?

Thành cười toác. Anh có tiếng cười thật hồn hậu.

- Làm gì có chuyện dạy dỗ! Trình độ của họ thường chỉ trên mức thoát nạn mù chữ thì giáo dục ai? Giáo dục cái con khỉ!

Anh cho biết ngành công an đặc biệt coi trọng lý lịch cán bộ. Người được chọn vào ngành này nhất thiết phải thuộc thành phần cơ bản (tức là bản thân hoặc cha mẹ thuộc các tầng lớp vô sản - công nhân, nông dân hoặc bộ đội). Hơn thế, phải tuyệt đối trong sạch, tức là không có dây mơ rễ má gì với các giai cấp bóc lột bởi huyết thống, trực hệ cũng như bàng hệ. Người ta nói vào ngành công an bị truy xét lý lịch bốn đời là chuyện không ngoa, nếu không phải bốn thì cũng ba. Nếu anh đã là công an thì con anh, cháu anh được nhận vào công an dễ hơn hẳn so với người khác, cho dù họ cũng con bần cháu cố. Cũng theo Thành thì trong ngành này đông nhất dân Thanh Nghệ Tĩnh, những tỉnh không có chiến sự trong kháng chiến chống Pháp, cán bộ sống dai. Những cán bộ đắc thọ này, kháng chiến thành công rồi, mới dắt díu con cháu vào theo. Trong ngành quản lý trại giam nhiều người Sơn Tây và Thanh Hóa, cái đó cũng có ý nghĩa truyền thống - hai tỉnh này có những trại giam đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

Tôi nghe Thành dẫn giải, phục lăn. Càng ngày tôi càng tin Thành không phải một tên giết người. Anh phải là cán bộ đã lăn lộn nhiều, hiểu biết rộng, có cách nhìn nhận, phân tích sự việc sắc bén, quyết không phải cán bộ thường. Dần dần, qua những câu chuyện tâm tình tôi thấy trong anh lộ ra hình ảnh một cán bộ quân đội dày dạn. Bằng cách gợi đến những chiến dịch lớn trong kháng chiến chống Pháp, nhắc đến những người tôi quen ở các cấp tiểu đoàn, trung đoàn, Thành cho biết anh đã từng gặp ai trong những người đó. Quan hệ giữa chúng tôi vì thế càng thêm gần gũi. Điều tôi không hiểu là nguyên nhân nào làm anh không dám thổ lộ với tôi về vụ án của anh?

Khi tôi làm ra vẻ tinh cờ nói tới tướng Đặng Kim Giang, hỏi anh có biết tướng Giang không thì anh nói:

- Ông ấy, tôi biết chứ. Ông ấy còn có một cái tên nữa là Lý Giang. Chả là trước ông có chân lý trưởng hay là phó lý trong hội đồng kỳ mục<sup>1</sup>. Thế mà tác phong lại rất chi là bình dân mới lạ, lính tráng lắm. Hồi Điện Biên ấy, tiếng là ông Trần Đăng Ninh làm tổng cục trưởng, chứ toàn bộ công tác hậu cần cho mặt trận này, tôi biết, là do một tay ông Giang làm chủ nhiệm lo, công to lắm. Anh cũng biết ông Giang à?

<sup>1</sup> Một hình thái quản lý hương thôn cổ, gồm những người có uy tín trong làng, được tập hợp lại theo sự tiến cử của những bậc tiền nhiệm và các bô lão chứ không phải do dân cử, có nguồn gốc từ xã hội bộ lạc.

Tôi lắc đầu:

- Tôi không quen.

Lát sau tôi nói lửng lơ:

- Nghe nói ông Giang vừa bị bắt.

Đang nắm gối đầu trên đôi tay, Thành bật dậy:

- Sao? Anh nói sao?

Tôi nhắc lại.

- Böyle, làm sao có thể có chuyện ấy được? Ông Giang là bậc lão thành cách mạng, hoạt động chống Pháp từ trước khi có Đảng, là bậc khai quốc công thần, công lao còn hơn cả mấy ông lãnh đạo bây giờ, ai bắt được ông ấy?

Nhin về mặt Thành, tôi hiểu tin này làm anh choáng váng.

- Vừa qua nhiều người bị bắt lầm. Cùng bị với tướng Đặng Kim Giang còn có một số người nữa, như viện trưởng Viện Triết học Hoàng Minh Chính...

Thành chầm chầm nhìn tôi:

- Anh nghe nói hay biết chắc?

- Tôi nghe, nhưng chuyện đó là chắc chắn. Cả Hà Nội biết.

- Lạ thật! Lạ thật! - Thành lắc đầu mấy lần rồi lẩm bẩm - Phải anh Hoàng Minh Chính trước kia làm công tác thanh niên không?

- Chính anh ấy. - tôi đáp.

- Tôi không quen Hoàng Minh Chính, nhưng nghe tiếng anh ấy thì nghe nhiều - anh nói, tư lự - Anh Chính này hồi xưa lãnh đạo một đội quyết tử quân đánh sân bay Gia Lâm mà, người giỏi lắm, được ông Trường Chinh quý lầm. Sao lại thế được? Chà chà, chuyện gì đang xảy ra ở ngoài kia vậy? Anh còn nghe nói những ai bị nữa?

- Cục trưởng Cục quân báo Lê Trọng Nghĩa, anh biết chứ?

- Anh Nghĩa, cục trưởng Cục 2<sup>1</sup>?

Thành kêu lên. Lần này anh nhảy hẳn sang bên phản tôi, nhìn chăm chăm vào mắt tôi.

<sup>1</sup> Cục tình báo quân đội, nay là Tổng cục tình báo quân đội. Tên Cục 2 sở dĩ có là do bắt chước tên cơ quan 2 è Bureau của quân đội Pháp, ta thường gọi là Phòng Nhì.

- Thật thế không? - anh thì thào.

- Thật. Anh biết anh Nghĩa à?

Thành vỗ đùi đánh đét.

- Biết quá đi chứ. Ai nữa?

- Còn ai nữa nhỉ? À, còn ông này, không biết anh có biết không: ông Vũ Đình Huỳnh, nguyên vụ trưởng Vụ Lễ tân Bộ Ngoại giao?

Thành trợn mắt.

- Cả ông Vũ Đình Huỳnh nữa ư?

Tôi giả bộ ngạc nhiên:

- Anh cũng quen ông ấy?

- Không. - Thành thầm ra, lắc đầu - Tôi cũng chỉ biết tiếng. Trước ông này làm bí thư cho cụ Hồ.

- Đúng đấy.

Thành bập môi suy nghĩ rồi thở dài:

- Tôi biết tiếng ông ấy là do thế này. Tôi có anh bạn thân, anh ấy chịu ơn ông ấy lắm. Nếu không có ông Vũ Đình Huỳnh thì ông cụ anh ta đã bị bắn. Công ông ấy là công sống tiết chết giỗ với gia đình bạn tôi. Hồi Cải cách ruộng đất nghe nói ông ấy còn cứu nhiều người nữa, không phải chỉ mình gia đình anh bạn...

- Chuyện ông Huỳnh bị bắt là chính xác. Nhà ông chú tôi ở sát nách nhà ông ấy, không sai được. Ông chú tôi còn trông thấy công an xích tay ông ấy giải đi cơ mà.

- Chà chà, - Thành buồn bã lắc đầu - Chẳng lẽ cụ Hồ còn đấy mà để mặc cho người ta muốn làm gì thì làm?

Tôi im lặng một lát rồi nói:

- Biết đâu chả phải chính cụ Hồ muốn thế? Anh thử nghĩ xem: Cụ là lãnh tụ tối cao cơ mà, ai dám qua mặt Cụ.

- Anh nghĩ thật vậy à?

Anh nhìn tôi như nhìn một tên khiêu khích.

- Tôi không biết, - tôi lắc đầu - nhưng trước nay có việc gì quan trọng ở đất nước mà không có sự chỉ đạo của cụ Hồ?

- Ủ nhỉ.

Thành thở dài:

- Tôi nghiệp quá!

Đúng là Thành chẳng biết gì về vụ án chúng tôi. Anh không đóng kịch. Và anh thương những người bị bắt.

- Anh có nghe vì sao các ông ấy bị bắt không?

- Ban Tổ chức Trung ương Đảng có thông báo gì đó, nhưng chỉ trong phạm vi nội bộ Đảng. Tôi không được dự, cũng không biết đích xác là thế nào. Nghe nói các ông ấy bị buộc tội có âm mưu phản loạn...

- Bậy quá. Anh có tin thế không?

- Chuyện quốc gia đại sự ai thèm cho dân đen chúng tôi biết. Thông báo vậy thì biết vậy, biết có thật hay không?

Thành buồn xỉu. Anh bò về phản mình hút hai điếu thuốc liền.

- Không hiểu nổi! Chịu! Không thể tưởng tượng được!

Suốt hôm ấy anh không nói gì nữa. Một nỗi buồn, mà cũng có thể nỗi lo âu, xâm chiếm lòng anh. Trước khi đi ngủ, anh xem xét mọi xó xỉnh trong xà lim, rồi ngồi xuống bên tôi.

- Nay, anh đừng có nói gì về chuyện hôm nay nhá! - anh thì thào - Nói chẳng có lợi gì đâu, mà chỉ có hại. Cho cả hai. Ở trong nhà tù, tốt nhất là câu trả lời: không. Không biết, không nghe, không thấy.

- Tại sao vậy?

Thành nhát gừng, không giải thích:

- Trong tù nó thế.

Tôi ngạc nhiên:

- Mình có nói chuyện gì ghê gớm đâu.

- Rồi anh sẽ hiểu. Nhà tù, nó phức tạp lắm. Phức tạp vô cùng. Tôi không dọa anh đâu, có khi chỉ vì những chuyện không đâu mà mình đâm ra thêm tội. Tôi đã có một tội kinh tế rồi, thêm một tội chính trị nữa là tàn đời...

Con người có số mệnh hay không có số mệnh?

Câu hỏi này luẩn quẩn suốt trong óc tôi vào những ngày tù đầu tiên. Tôi ghi lại ở đây câu chuyện về một hiện tượng thoát nhìn có vẻ chẳng ăn nhập gì với cuốn sách, nhưng là cái làm lung lay tận gốc thế giới quan tưởng chừng đã vững chắc trong tôi, ảnh hưởng tới tâm trạng tôi trong những năm tù sau này.

Trước hết, cần phải nói ngay rằng hồi ấy tôi duy vật từ đầu đến chân. Tuy nhiên, chủ nghĩa duy vật trong tôi có nguồn gốc tầm thường chứ không cao quý gì. Cha mẹ tôi duy vật thì tôi duy vật, như lẽ đương nhiên phải thế. Nghe mẹ tôi kể thì vào thời con gái của bà, chủ nghĩa duy vật đặt chân lên nước ta không phải với tư cách một triết thuyết mà như một cái mốt. Nó như ánh sáng điện bỗng bừng sáng trong ngôi nhà xưa nay leo lét đèn dầu. Phàm người thuộc thế hệ bà mà có chút ít tây học đều trở thành duy vật tuốt. Chí ít thì họ cũng khoe mình là như thế. Người có chân trong tổ chức cách mạng lại càng duy vật hơn ai. Duy vật vào hồi ấy đồng nghĩa với cách mạng. Bạn bè cha mẹ tôi đều duy vật cả, trừ ông Tiến cố. Ông có số phận rất long đong. Vốn là một nhà duy vật cuồng nhiệt, đảng viên Đảng cộng sản Pháp, không hiểu sao ông khi trở về Việt Nam ông lại nhảy sang Thiên Chúa giáo. Rồi trong một mưu toan đầy thiện chí nhằm làm mai cho hai thứ mà ông yêu, Thiên Chúa giáo bác ái và chủ nghĩa cộng sản bạo hành, ông bị các đồng chí tống ra khỏi hàng ngũ<sup>1</sup>.

Tôi chưa bao giờ tin cả thần thánh lẫn ma quỷ. Bà ngoại tôi sùng Phật, thích đi lễ chùa và ăn chay, làm việc bố thí. Bên nội hanh diện về mấy đời theo Thiên Chúa giáo, xưng mình đạo gốc, chăm đọc kinh, chăm xưng tội chịu lễ. Bên ngoại lặng lẽ nhập đạo Phật với đạo thờ cúng tổ tiên, coi hai thứ là một.

Cha tôi bỏ đạo khi thành cộng sản. Việc cha tôi bỗng dung không đi nhà thờ nữa, không xưng tội chịu lễ nữa, làm cho ông bà tôi rụng rời chân tay, cả họ nhức nhác. Người làng xì xào cha tôi vào hội kín, vì thế ông bỏ đạo. Cha tôi nói: ông bỏ đạo vì ông cho rằng thực dân Pháp đã dùng Thiên Chúa giáo để thôn tính nước ta. Mẹ tôi giải thích việc cha tôi bỏ đạo bằng sự tiếp xúc của cha tôi với ông Đinh Chương Dương<sup>2</sup> và phong trào cách mạng. Cha tôi cho rằng người cách mạng phải dứt khoát với mọi cái gắn liền với những mưu mô của thực dân.

<sup>1</sup> Ông Tiến Cố (tên thật là Nguyễn Văn Tiến) có lần bị mật thám bắt tại nhà tôi, hồi ấy ở phố Huế, khoảng năm 1937. Lúc mật thám Pháp đến gia đình tôi sắp ăn cơm. Mẹ tôi đề nghị viên thanh tra mật thám người Pháp tên là Lanèque để ông Tiến ăn xong bữa cơm đã rồi hãy bắt vì “Trời đánh còn tránh bữa ăn”. Mẹ tôi còn mời Lanèque dùng cơm cùng gia đình tôi. Lanèque nhận lời. Bữa cơm chia tay được chụp ảnh kỷ niệm nhưng bức ảnh này đã bị mất trong vụ công an khám nhà năm 1967. Mẹ tôi nhận xét: “Mật thám Pháp đối với kẻ thù lịch sự và tử tế hơn công an bây giờ đối với dân”. Do quan hệ với các chức sắc Thiên Chúa Giáo ông Tiến bị chính quyền bắt đi cải tạo nhiều năm. Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện có một thời gian là bạn tù của ông Tiến Cố.

<sup>2</sup> Đinh Chương Dương (1885-1972) là một trong những người sáng lập Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội, người tổ chức và đào tạo rất nhiều nhà cách mạng có xu hướng cộng sản tại Việt Nam. Một số cán bộ trẻ được

Cái còn lại của đạo Chúa trong cha tôi là lời dạy của Đức Chúa Giê-su Ki-ri-xi-tô: “Hãy thương yêu người ta như mình vậy”. Ông thường căn dặn chúng tôi rằng nhân vô thập toàn, con người ta ai cũng có khuyết điểm, mình cũng vậy, cho nên phải độ lượng với nhau, phải sống khoan dung, nhân ái. Gặp hời chỉnh huấn, cán bộ luôn miệng nói phải vì nhân dân quên mình, thì cha tôi cười. Ông nói rằng chẳng bao giờ ông tin những người khoe họ yêu nhân dân hơn yêu bản thân. “Yêu người bằng yêu mình là tốt lắm rồi! - ông dạy tôi - Chúa cũng chỉ dám mong người ta yêu người bằng yêu mình mà còn không xong. Hai ngàn năm rồi nhân loại vẫn chưa thực hiện được lời Chúa dạy, mà nay muốn thực hiện điều hơn thế là nói khoác”.

Mẹ tôi thờ ơ với cả hai thứ đạo. Bà không từ chối đi nhà thờ, không chăm chỉ đi chùa, nhưng cũng không phản đối các bà chị chồng đưa các con bà đi rửa tội, chịu Mình Thánh Chúa. Cả bên nội lẫn bên ngoại đều không trách được mẹ tôi, bà chỉ không siêng năng chứ không báng bổ đạo như cha tôi, nhưng cả hai bên đều ngầm ngầm hài lòng về bà. Bà ngoại không chịu được những lời sàm sùng của con gái đối với giới sư sãi, nhưng nhất quyết bắt mẹ tôi phải trung thành với đạo thờ cúng tổ tiên thuần Việt, là thứ đạo mẹ tôi bao giờ cũng tôn trọng.

Vào thời gian xảy ra vụ xét lại chống Đảng, tôi đang viết tiểu thuyết Pháo Đài Xanh, cuốn sách được ấp ủ từ nhiều năm. Đó là cuốn biên niên sử của một làng. Nó cũng sẽ là hình ảnh của sự thay đổi diễn ra trên đất nước. Ngôi làng trong cuốn sách chính là quê nội của tôi. Tôi sống lâu hơn, nhiều hơn với cái quê nhà gạch và đường nhựa, nhưng trong tình cảm tôi gắn bó nhiều hơn với cái quê nghèo bùn lầy nước đọng.

Quê nội để lại dấu ấn đậm nét trong tuổi thơ của tôi. Nó là miền đất ruột rà của tôi. Nó chiếm hết tình yêu bé bõng của tôi.

Tôi được mẹ tôi đưa về quê nội năm tôi lên sáu. Cha tôi vừa bị Pháp bắt. Mẹ tôi không thể cùng lúc vừa nuôi mấy anh em tôi, vừa đi làm thuê, vừa hoạt động cách mạng. Bà đưa tôi về quê cho bà chị chồng nuôi đỡ. Đó là một bà già cô độc, cao lớn, mặt mũi dữ tợn, đuồn đuỗn như một cái phất trần, tên là bà Gái. Cô tôi sống trọn đời đồng trinh trong ngôi nhà ông bà tôi để lại khi đàn em của bà đã tú tán phượng xa. Trong thời gian mấy năm ở với cô Gái, tôi quyến luyến bà, và qua những lời dẩn tích của bà, nhà ái quốc chân chính của làng mình, tôi quyến luyến mảnh đất của cha ông.

Đinh Chương Dương gửi sang Tàu dự các lớp huấn luyện do Hồ Chí Minh tổ chức. Quê ở huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa. Bị Pháp cầm tù nhiều lần tại nhiều nhà tù khác nhau với số năm tù tổng cộng là 33 năm. Sau Cách mạng Tháng Tám, Đinh Chương Dương ít được nói đến. Trong một bài viết về phong trào cách mạng ở Nam Định đầu thế kỷ 20 có đoạn nói đến ông như sau: “Giữa năm 1925, Lê Hồng Sơn, phái viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên từ Quảng Châu về Nam Định gặp Đinh Chương Dương đặt vấn đề vận động thanh niên yêu nước ở Nam Định sang Quảng Châu học tập. Sự kiện này diễn ra tại ngôi nhà số 7, phố Bến Ngự và một số cơ sở ở Cát Đằng, huyện Ý Yên”.

Chúng tôi ở trong một ngôi nhà gỗ năm gian, với mẩy gian nhà ngang bằng tre nứa mọc ra ở một đầu hõi, kết thúc bằng một gian bếp thấp hè và một chuồng lợn lụp xụp. Nơi đây các bác tôi, các cô tôi (tức là các bà chị của cha tôi) ra đời và lớn lên trong sự ấp ú của cha mẹ, một ông nhà nho không gặp thời làm nghề bốc thuốc, với một bà vợ không biết chữ, nhưng tần tảo và đảm đang như bất cứ người vợ nào trong những năm xa xưa ấy. Trong ngôi nhà trước kia hẳn rất ồn ào, nay vắng lặng vì chỉ còn lại hai cô cháu tôi, tôi tìm thấy những quyển vở bằng giấy bản với những chữ nho ngòng ngèo - vở học của cha tôi khi ông bắt đầu é a Tam thiên tự của một nền học đã chìm trong quá khứ.

Tình yêu đối với đất nước ở mỗi con người cũng khó giải thích như tình yêu trai gái. Trong sáu anh chị em của cha tôi chỉ có mình ông đi làm cách mạng. Với đất nước ông có một tình cảm ruột thịt lạ lùng, khó hiểu đối với chính tôi, đứa con ông. Dường như ông không thể sống không có tình yêu dâng hiến đó, như tình yêu Chúa trong lòng tín đồ tử vì đạo. Tôi nhớ ông đã bức bối như thế nào khi đọc được trong cuốn sách giáo khoa của con gái tôi lời phán truyền của một nhà lãnh đạo dạy học sinh rằng “các cháu phải yêu nước vì “nước ta giàu và đẹp”. Đó là tình yêu vụ lợi, chứ đâu còn là yêu nước, ông kêu lên, nếu nước ta nghèo và xấu thì sao? Không cần yêu nữa à?

Mặc dầu rời bỏ quê hương từ khi còn nhỏ, cha tôi lúc nào cũng quyến luyến nó, và ông truyền tình yêu đối với mảnh đất ruột rà lại cho những đứa con mình.

Trong cuốn sách dự định, khởi đầu bởi tình yêu đó, tôi muốn ghi lại những số phận người trong làng tôi, như là hình ảnh thu nhỏ của cách mạng giải phóng dân tộc qua những thời kỳ tiền khởi nghĩa, kháng chiến chống Pháp, Cải cách ruộng đất... Tôi hy vọng qua những sự kiện xảy ra, qua những số phận người trong một làng bình thường ở châu thổ sông Hồng mà dựng lại một mảng lịch sử với những bước thăng trầm không phải chỉ của một thế hệ nông dân mang trong mình khát vọng truyền nối về một cuộc sống no đủ, thanh bình.

Mấy cuốn sổ tay của tôi kín đặc tên người tên đất, phong tục, tập quán, thổ ngữ, gia phả, thần phả, những phác họa nhân vật, tính cách, tiểu sử của những nhân vật ấy, cả những tư liệu về chức vụ, quân hàm của quân đội lê-dương, quân đội viễn chinh Pháp v. v...

Kể chuyện này ra thì buồn cười, nhưng đúng thế: cái mà tôi còn thiếu cho cuốn tiểu thuyết là một ông thầy bói. Tôi đã chọn được một ông. Ông này, theo tư liệu thu được, phụ trách một cơ sở kháng chiến trong thành phố. Nhà chiêm tinh phương Đông được viên đại tá tư lệnh xéch-tơ<sup>1</sup>, một cựu sinh viên toán-lý ham nghiên cứu phương Đông thần bí, coi như thầy học. Ông thầy bói cũng đem lòng yêu mến đệ tử của mình. Trong ông tình yêu cuộc kháng chiến và tình yêu anh học trò đánh nhau chí tử. Cuối cùng tình yêu cuộc kháng chiến thắng. Ông thầy bói làm nội ứng cho quân Việt Minh đánh vào chỉ huy sở của xéch-tơ. Trong ánh lửa của đòn cháy, ông ôm lấy xác người học trò mà khóc.

<sup>1</sup> Tiếng Pháp secteur: tiểu khu, thường bao gồm lãnh thổ của một vùng, một tỉnh (province) chẵng hạn, thời thuộc Pháp. Không có khái niệm tương đương trong thuật ngữ quân sự Việt Nam.

Tôi không biết gì về bói toán, nhất là khoa tử vi. Từ ngữ của cái nghề cổ xưa nhất thế giới, tên gọi các vì sao không có thật trên bầu trời thế tục hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Để có được những nhân vật sinh động tôi không ỷ vào trí tưởng tượng vốn không được giàu có, mà thường tìm kiếm trong đời thực những nguyên mẫu cho tới khi có thể, như các nhà văn thường nói, sờ thấy được nhân vật tương lai. Hemingway chia sẻ kinh nghiệm viết văn cho người đi sau “Cái bịa lớn bao giờ cũng giống thật”. Tôi bịa kém. Tôi nghĩ khác Hemingway: cái thật phong phú hơn cái bịa. Nói cách khác, cuộc đời mới là người bịa chuyện giỏi nhất.

Đúng vào lúc tôi đang viết mấy chương đầu cho cuốn sách thì cha tôi bị bắt, nhà tôi bị khám, bản thảo bị tịch thu. Vào thời điểm rồi ren như thế mà tiếp tục viết thì thật gàn dở, nhưng tôi không muốn công việc bị gián đoạn. Tôi chán nản, tôi hụt hẫng, tôi có cảm giác mình chẳng còn lúc nào để viết nữa. Tôi chạy tới với sáng tác như thể nó là cứu cánh. Mà cũng có thể tôi cần được ngụp lặn trong bận rộn để tách mình khỏi những ý nghĩ đen tối về tai họa đang đến.

Tôi đã gặp kẻ hủy diệt thế giới quan của tôi trong bối cảnh như vậy.

Đồn rằng gần đền Hàng Trống có một ông thầy bói giỏi. Ông có thể nói vanh vách chuyện quá khứ của mình, còn những gì ông nói về tương lai thì sau nghiệm ra thấy đúng cả.

Người khuyên tôi đến xem bói là cô em dâu tôi, rất tin ở bói toán, và vợ tôi, vốn chẳng bao giờ mê tín dự đoán.

Được chứng kiến cảnh nửa đêm công an hung hổ tới nhà bắt cha tôi, vợ tôi lo cho số phận của tôi. Mà số phận tôi cũng tức là số phận cái gia đình bé nhỏ của chúng tôi. Nếu tôi cũng bị bắt thì gia đình tôi tan nát. Lương vợ tôi không đủ nuôi thân, nói gì nuôi hai đứa con. Trong hoàn cảnh chúng tôi, bất cứ ông thầy bói nào cũng đáng tin nghìn lần hơn một chính quyền dối trá.

Ông thầy bói mù cảm thấy sự có mặt của chúng tôi qua những tiếng dép bước rón rén vào nhà. Ông nói, giọng sê sàng:

- Xin các vị chờ cho một lát.

Chúng tôi đã đến sớm, nhưng có người còn sớm hơn. Ông thầy bói đang xem cho một bà đứng tuổi mặt mày thiểu não, luôn miệng vâng dạ, thỉnh thoảng lại suýt soạt khấn khứa.

Nhà chật, ông hành nghề trên cái phản. Người trong nhà đi lại loẹt xoẹt, ra đụng vào chạm ầm ĩ, coi như không có ông. Chúng tôi ngồi ghé vào mép cái phản không mấy sạch sẽ. Tôi thất vọng. Tôi tưởng sẽ gặp một cụ đồ nho thất thế với cặp mắt sáng anh minh, giọng nói sang sảng, chứ không phải ông già mù với đôi tay xương xẩu sờ soạng trên chiếc chiếu bẩn để tìm cái đĩa ông vừa đặt xuống. Giọng ề à ông nói với bà khách những chuyện tương lai tầm phào: tháng này bà có lộc, nhỏ thôi, nhưng cũng là lộc, còn tháng sau thì phải cẩn thận kẻo mất cắp, tháng sau nữa sẽ có người nhà ở xa về mang đến tin vui...

Ông không có chỗ trong cuốn tiểu thuyết của tôi. Ông sẽ lạc lõng trong đó như một nhân vật quặt quẹo. Đã định đứng lên ra hiệu cho vợ tôi lén về thì quẻ bói của bà khách đến trước cũng vừa xong.

- Mời ông bà ngồi.

Vẫn yên vị, xếp bằng tròn, ông thầy bói quay mặt về phía chúng tôi, hướng rất đúng, như thể đàng sau cặp kính đen là đôi mắt sáng.

Đành lê chân ngồi vào chỗ bà khách vừa bỏ đi.

- Sáng nay tôi độn, biết ông sẽ đến. - cắp kính đen nhìn tôi - Thánh dạy: có quý nhân đến nhà!

Trời đất quỷ thần ơi, tôi mà là quý nhân của ông ư, ông thầy bói? Quý nhân theo cái nghĩa nào vậy? Ông nhầm rồi. Tôi chẳng có thể là quý nhân trong bất cứ nghĩa nào, cho bất cứ ai. Thậm chí tôi cũng chẳng còn tiền để đặt quẻ cho hậu hĩnh.

- Không dám. - tôi lúng túng - Chúng tôi đến phiền cụ xem cho một quẻ.

- Vâng. Ông muốn xem hung cát? Hay công danh, tài lộc?

- Cụ cứ nói những gì cụ thấy, xin lỗi, những gì Thánh dạy...

Một nụ cười độ lượng thoảng qua mặt ông thày.

- Xin ông cho biết ngày sinh tháng đẻ.

Tôi nói. Nhìn xéo qua cặp kính đen, tôi thấy một đôi mắt trăng đục - ông già bị lòe thật. Ông ngẩng đầu lên, trán nhăn lại, lẩm bẩm một hồi rồi sờ soạng tìm cái đĩa. Bằng hai bàn tay thành kính, ông nâng cái đĩa lên ngang trán, suýt soạt khấn. Rồi hạ cái đĩa xuống, ông trầm ngâm gieo tiền. Ba đồng trinh rơi xuống mặt đĩa kêu rốn rảng. Sau khi rờ rẫm sờ từng đồng một để biết sấp ngửa, và hẳn cũng để kéo dài thời gian suy nghĩ, ông xoa xoa chúng trên mặt đĩa một lát rồi chậm rãi nói với tôi:

- Tôi sẽ nói ba điều. Nếu ông thấy tôi nói đúng thì xem tiếp. Nếu sai, tức là Thánh không cho, xin ông lại đây vào bữa khác.

Tôi sẽ không trở lại đây nữa, bất kể Thánh cho hay không cho.

- Xin cụ cứ nói.

- Thứ nhất, ông đã từng xuất ngoại.

Một câu chẳng quan trọng, không có ý nghĩa. Nhưng kể cũng lạ, căn cứ vào đâu mà ông già mù kia đoán được tôi đã từng ở nước ngoài? Giọng nói của tôi tố cáo tôi? Không, tôi không ở nước ngoài lâu tới mức giọng nói bị thay đổi. Một mùi lạ, xà phòng thơm hoặc nước hoa? Cũng không thể có chuyện đó. Tôi vừa mới từ những hố bom trở về. Ở thành phố Nam Định nước lúc chảy lúc không. Trước khi về Hà Nội tôi ở vùng Chợ Chùa, huyện Nam Trực, nơi chịu mấy trận bom liên tiếp, ở đó tôi tắm nước

ngòi, nước ao tù, không xà phòng, chỉ cốt gột sạch bùn đất. Người mù có khứu giác tinh tường, nhưng ông không thể thấy ở tôi mùi nước ngoài nào.

- Có đúng vậy không?
  - Dạ, thưa cụ cứ nói tiếp.
  - Thứ hai, mùa thu năm nay nhà ông có hỉ, hỉ qua tiếp đến hạn.
  - Dạ?
  - Hỉ đây ứng vào anh em ông, hoặc em trai lấy vợ, hoặc em gái lấy chồng. Còn hạn, nó ứng vào cụ thân sinh ra ông.
- Ông thầy bói nhẫn nha nói trúng vào những sự kiện vừa xảy ra trong gia đình tôi - mùa thu em trai kế tôi lấy vợ, sau đó đến cha tôi bị bắt. Tôi sững sờ.
- Sao mà lại có người số lận đận thế! - ông già ngẩn người, tư lự - Lạ thật, lạ thật!
  - Là sao, thưa cụ?
  - Cứ như Thánh dạy thì hiện nay cụ thân sinh ra ông đang *mắc hạn tụng đình*, tức là có chuyện lôi thôi nơi cửa quan...

Tôi vờ ngạc nhiên, phản bác:

- Sao có chuyện như thế được, thưa cụ? Cụ thân sinh tôi đã về hưu, hiện sống ở Tam Đảo. Cụ đã có tuổi, chẳng làm gì để có thể mắc vào chuyện lôi thôi.

Ông thầy bói nghiêng đầu kiên nhẫn nghe.

- Vậy mà cứ như quẻ này thì cụ nhà bị bắt rồi.

Ông nói sau một lát im lặng, như thể khi tôi nói ông bận lắng nghe ai đó đang nói với ông, chứ ông không nghe tôi.

Tôi lặng đi. Có thể có sự thật như thế không: một ông già xa lạ, và ông ta biết được những việc xảy ra trong nhà người khác?

- Nhưng...
- Lận đận quá! - ông già lắc đầu ái ngại - Tính ra thì thời Tây Tây bắt, thời Nhật Nhật bắt, đến thời ta cũng không yên. Con người sao mà khổn khổ thế! Cương cường quá, thẳng tính quá, nên mới bị tai vạ. Cự mòn đắc địa lại gặp Hỏa tinh, Thất sát... Lại còn thêm mấy hung tinh nữa, mới nguy... Cứ như tôi suy thì cụ nhà không vướng vào chuyện kinh tế đâu, mà đây là chuyện chính trị...

Tôi không còn muốn chối nữa. Nhưng tôi chỉ nói:

- Tôi sẽ đi Tam Đảo thăm cụ ngay.

- Ông đi đi! Tuy chẳng giúp gì được cụ nhà đâu, nhưng đạo làm con ông phải đi. Mà lạ, cụ nhà gặp nạn ít ra cũng gần cả tháng rồi mà sao không ai báo cho ông biết?

- Thưa cụ, tôi vừa đi công tác khu 4 về.

Vợ tôi đưa mắt cho tôi.

- Böyle giờ phiền cụ xem cho tôi.

Ông thầy bói cúi đầu xuống. Ngón cái đi những bước chậm chạp trên những ngón tay xương xẩu.

- Tôi nói thẳng ra nhá?

- Vâng, cụ cứ nói thẳng.

- Thế này: chính ông cũng sẽ gặp hạn, ông ấy, nhưng không phải ngay bây giờ. Qua tháng này đã, trong tháng sau...

Tôi liếc vợ tôi. Mặt nàng nhợt đi khi nghe câu nói đó.

Tội nghiệp, vợ tôi thương tôi biết bao nhiêu!

- Hạn sẽ xảy ra bất ngờ... - ông ta nói tiếp - Tôi biết, ông không tin đâu, nhưng nó sẽ đến đấy. Hạn này là hạn có kẻ gắp lửa bỏ tay người, việc không có nó bảo là có, việc xong rồi nó bảo là chưa...

Tôi suy nghĩ. Thế là thêm một người khẳng định tôi sẽ bị bắt. Khác ở chỗ người này không nhìn vào tình hình chính trị mà căn cứ ở những vì sao không có thật.

- Hạn liệu có dài không, thưa cụ? - tôi hỏi.

Ông thầy bói lắc đầu:

- Tôi không nói trước được. Nếu ông cúi mình xuống, không cãi lại, người ta nói gì cũng gật, buộc cho mình cái gì cũng ừ, cứ nhận hết thì xong. Bằng không hạn sẽ kéo dài: hai thành bốn, bốn thành tám, tám thành mười sáu... cứ thế nhân lên mãi...

Vợ tôi nước mắt đã lưng tròng.

Xong quẻ, tôi đưa cho ông thầy bói nhiều hơn số tiền tôi định đưa. Tôi hỏi ông về chữ quý nhân mà ông dùng cho tôi thì ông nói:

- Quý nhân là người đáng quý, không có nghĩa nào khác. Không phải ông cho tôi tiền hay cho tôi quà mới là quý nhân. Mong còn có dịp gặp lại nhau.

Trước khi ra về tôi đặt câu hỏi cuối cùng:

- Thưa cụ, cụ đã xem cho nhiều người, biết nhiều số phận, tôi muốn hỏi cụ: có phải thời nay người xấu nhiều hơn người tốt không?

Ông cười khà khà:

- Cuộc đời phải có âm có dương, có đức có cái, có xấu có tốt, mới là cuộc đời chứ. Dĩ nhiên, có hối âm thắng dương, có hối dương thắng âm, tựu trung chông chênh là thường tình, cân bằng là hẵn hữu. Ông có số nhìn xa trông rộng, ông thừa hiểu sự đời, còn hỏi tôi làm gì?

Trong khi đối thoại với Huỳnh Ngự ở sân Hỏa Lò tôi lại nhớ đến lời tiên tri của ông thầy bói mù: hạn này là hạn có kẻ gắp lửa bỏ tay người, việc không có nó bảo là có, việc xong rồi nó bảo là chưa...

Vậy cái kẻ gắp lửa bỏ tay người kia là ai?

Rõ ràng không phải cái anh chàng thư lại đang đứng trước mặt tôi rồi. Y bất quá là một tên công sai nhiệt tình.

Kẻ gắp lửa bỏ tay người là chủ của y kia. Tôi nghĩ tới Lê Đức Thọ. Nhưng cả khi đó, cả bây giờ tôi vẫn không hiểu: Thọ muốn gì ở tôi?

Tôi không thích chính trị. Tôi làm việc, như bất cứ ai trong bất cứ xã hội nào. Tôi thích chủ nghĩa xã hội bởi nó hứa hẹn một tương lai đẹp - tự do, công bằng xã hội, kinh tế phồn vinh. Nhưng những thứ bán kèm với nó như đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, ý thức tổ chức, dân chủ tập trung không được lòng tôi.

Cuộc đấu tranh gọi là “chống chủ nghĩa xét lại hiện đại” mà nhà cầm quyền vừa dấy lên không phải của cái chủ nghĩa xã hội mà tôi hình dung. Càng không phải của nhân dân Việt Nam, không phải của dân tộc Việt Nam. Lại càng không phải cuộc đấu tranh của tôi, vì tôi, cho tôi. Tôi chẳng thích chủ nghĩa xét lại nào hết, hiện đại cũng như không hiện đại.

“Hạn này có kẻ gắp lửa bỏ tay người, việc không có nó bảo là có, việc xong rồi nó bảo là chưa...”. Tôi không thích chính trị mà nhà cầm quyền cứ lôi tôi vào với nó là trùng với câu “việc không có nó bảo là có”. Tôi đã xa lánh chính trị mà nhà cầm quyền cứ đính tôi vào nó, rồi giữ rịt tôi trong nó, là ứng với câu “việc xong rồi nó bảo là chưa”...

Rất có thể người ta không ưng được tôi vì tôi đã vi phạm không phải một lần những điều cấm kỵ. Lần đầu với truyện ngắn Đêm Mất Ngủ<sup>1</sup> (báo Văn Nghệ, 1961), tôi bị Tố Hữu lên án “Vũ Thư Hiên lộ rõ tâm trạng bất mãn với chế độ hiện hành”, trong bài viết “Giương cao ngọn cờ tính Đảng, chống chủ nghĩa

<sup>1</sup> Đêm Mất Ngủ - truyện ngắn nói về một thương binh đã chuyển ngành. Vết thương ở đầu gây ra chứng mất ngủ triền miên. Trong một đêm không ngủ được anh đi lang thang trong thành phố. Trên đường anh phát hiện một bóng đen bám sát anh lẳng nhẳng. Anh hiểu đó là một anh công an. Họ chạm trán lúc trời hửng, trò chuyện với nhau và nhận ra nhau là hai người lính ở hai đơn vị chiến đấu đã từng phối hợp đánh một đòn địch.

xét lại hiện đại trong văn nghệ". Cùng bị vạch mặt chỉ tên như những tên xét lại hiện đại trong văn học còn có Nguyên Ngọc và Ngô Ngọc Bội. Tố Hữu coi Nguyên Ngọc nói móc họng Đảng, ví lòng dân như mạch nước ngầm (trong truyện ngắn Mạch Nước Ngầm), không dễ thấy nhưng lại quật đổ được những công trình lớn. Ngô Ngọc Bội (với truyện ngắn Chị Cả Phây) bị Tố Hữu gọi là freudiste<sup>1</sup>. Ở Việt Nam chẳng mấy ai biết freudisme là cái gì, nhưng bị Đảng coi như freudiste là nặng lắm.

Lần thứ hai tôi bị đánh là vì kịch bản Đêm Cuối Cùng, Ngày Đầu Tiên, tôi đã kể trong chương trước. Lần thứ ba nhẹ hơn cả, do truyện ngắn Đêm Mùa Xuân. Nó không bị đánh trên mặt báo, nhưng tập truyện ngắn cùng tên (Nhà xuất bản Lao Động, 1963) bị lảng lặng thu hồi.

Đòn nặng nhất là bài báo của Tố Hữu. Nó xuất hiện trên báo Nhân Dân, sau đó được tất cả các báo nhất tề đăng lại, không trừ cả báo Văn Nghệ đã đăng truyện ngắn này. Giáo sư Hoàng Xuân Nhị<sup>2</sup> còn gán thêm cho tôi một tội mà nhà lãnh đạo văn nghệ bỏ sót: "Vũ Thư Hiên đã phát cao ngọn cờ ấn tượng chủ nghĩa nhằm chống lại đường lối văn nghệ xã hội chủ nghĩa của Đảng". Trong trận đòn hội chợ, nhà phê bình văn học Phong Lê bồi thêm cho tôi một quả đấm muộn trên tập san Nghiên cứu Văn Học, cũng với ý ấy. Tôi giận Phong Lê hơn giận vị giáo sư khả kính. Phong Lê thuộc lớp trẻ chúng tôi, lẽ ra anh không đến nỗi bảo thủ như thế mới phải. Anh em nói Phong Lê chậm hiểu, nhưng không cơ hội. Hai chục năm sau quả nhiên anh cũng bị đánh vì những ý nghĩ vượt ra ngoài khuôn phép.

Từ sau những sự kiện đó tôi không được in nữa.

Nói chung, nhà văn, nhà thơ nào một lần lỡ bút hoặc lỡ lời đều bị như vậy. Vũ Bão<sup>3</sup>, tác giả cuốn Sắp Cưới, một cuốn sách hay về Cải cách ruộng đất vì giọng văn dân dã hiếm có, để cho nhân vật nói Trường Chinh bị mất chức tổng bí thư bằng câu "mất bay cái chức Đảng trưởng", mà nhiều năm bị treo bút, còn hơn cả Lev Tolstoi bị Nhà Thờ Chính giáo Nga phạt vạ anaphema<sup>4</sup> vì tội báng bổ.

<sup>1</sup> Người theo chủ nghĩa Freud, theo tên của Sigmund Freud (1856-1939), nhà tâm thần học người Áo. Freud là người xây dựng ngành tâm thần học, chủ trương bản năng dục bị dồn nén vào vùng vô thức chỉ huy cách hành xử của con người. Ông là tác giả những cuốn Khoa Học Các Giác Mơ (1901), Ba Khảo Nghiệm Về Lý Thuyết Tình Dục (1905), Tâm Lý Tập Thể Và Sự Phân Tích "Cái Tôi" (1923).

<sup>2</sup> Hoàng Xuân Nhị (sinh 1914), giáo sư khoa Văn, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, đóng góp nhiều cho nền phê bình văn học xã hội chủ nghĩa, nhất nhất theo quan điểm bảo thủ mác-xít.

<sup>3</sup> Tên thật là Phạm Thế Hộ (1931\_2006), một nhà văn với lối viết trào lộng, không được lòng các nhà lãnh đạo. Cuốn tiểu thuyết Sắp Cưới của Vũ Bão, trong đó tác giả gọi tổng bí thư Trường Chinh là "đảng trưởng" bị thu hồi. Trong thời gian dài sau vụ "Nhân Văn - Giai Phẩm", Vũ Bão không được in sách.

<sup>4</sup> Lev Nikolaevich Tolstoi (1828-1910), nhà văn cổ điển Nga, tác giả Chiến Tranh Và Hòa Bình, Anna Karenina. Do những tư tưởng tiến bộ, Lev Tolstoi bị Giáo Hội Chính Thống Nga rút phép thông công.

Cái khác là khi phạt vạ một con chiên, Nhà Thờ có thông báo hắn hoi, có cha đạo cao rao trên tòa giảng cho hết thảy đàn chiên được biết, còn chúng tôi thì bị rút phép thông công ngầm, bằng chỉ thị ngầm, bằng những lệnh miệng.

Năm 1964, theo tinh thần Nghị quyết 9, tại tất cả các cơ quan văn hóa thông tin người ta tổ chức những cuộc rà soát mọi ấn phẩm để tìm ra những cái có tư tưởng xét lại hoặc bị ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại.

Ai nấy sợ xanh mắt. Bói ra ma quét nhà ra rác, đầu chẳng phải cũng phải tai. Đến nhà văn Đỗ Quang Tiến ở báo Văn Nghệ, người chọn đăng truyện ngắn Đêm Mất Ngủ của tôi, vốn hiền lành, “xét đi” chẳng biết, “xét lại” chẳng hay, không ai có thể buộc ông có xu hướng “xét lại”, cũng chối phăng, đổ vấy mọi tội cho tập thể. Tất nhiên, truyện ngắn được in phải qua mấy người duyệt, Đỗ Quang Tiến đã ranh mãnh cho nó qua được những con mắt cảnh giác lúc chúng mệt mỏi. Đỗ Quang Tiến cười hì hì bảo tôi: “Không làm thế truyện ngắn của cậu không thể ra được, nó ra rồi mình chối phăng, làm gì nhau tốt?”

Tôi quý Đỗ Quang Tiến không phải chỉ vì ông đã tìm cách “lăng xê”<sup>1</sup> tôi. Đối với người mới vào nghề đó là cái ơn lớn. Năm 1956 tôi mới có vài truyện ngắn in trên các tờ Văn Học, Tổ Quốc và Độc Lập. Đỗ Quang Tiến, với tư cách biên tập viên báo Văn Học, đã chọn in Đường Số 4 và sau đó Đêm Mất Ngủ, vào năm 1961. Ông nhà văn xuất thân công chức, trước Cách Mạng Tháng Tám ở Nha Thương chính hay Ty Kiều lộ tôi không nhớ rõ, đã có sự hy sinh thầm lặng cho việc vun xới các mầm non văn nghệ. Tôi và các bạn văn trẻ thường tới nhà ông. Chúng tôi chen chúc nhau trên chiếc chiếu hẹp, uống trà đặc, nói chuyện văn chương. Đỗ Quang Tiến có nhiều ý hay, nhiều câu chuyện dí dỏm và rất nhiều dự định viết không thành. Có người chê Đỗ Quang Tiến hèn. Tôi không nghĩ như vậy. Tôi tiếc những tác phẩm không ra đời của anh. Tôi không coi sự hèn chút ít, tức là hèn nhưng không hại ai, được lịch sự gọi bằng không có gan, là thói xấu. Hầu như các nhà văn vào thời kỳ đó đều hèn một chút, nếu không hèn nhiều. Đó là bản năng tự vệ có sẵn trong bất cứ sinh vật nào. Không hèn, chính anh sẽ rơi vào sổ đen của Đảng, nhẹ thì không được lên lương, hoặc mất đứt cơ may ra nước ngoài một chuyến. Nặng, anh có thể bị đẩy đi lao động, chuyển công tác, hoặc bị tống ra ngoài biên chế.

Không kể vụ Nhân Văn - Giai Phẩm xảy ra đã hơn chục năm, với Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Phan Tại, Hoàng Công Khanh, Phùng Cung<sup>2</sup> bị đi tù, hình thức bắt giam chưa được dùng cho văn nghệ sĩ. Trừ trường hợp Tuân Nguyễn<sup>3</sup>, nhà thơ, cán bộ Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam, bị bắt mùa hè năm 1965.

<sup>1</sup> Từ tiếng Pháp lancer= ném ra, tung ra, ở đây có nghĩa là giúp đỡ vào văn đàn, để làm quen với độc giả.

<sup>2</sup> Những nhà văn hóa và văn nghệ sĩ bị đi tù liên quan tới vụ Nhân Văn - Giai Phẩm, trong đó có những người có án và những người không có án.

<sup>3</sup> Tuân Nguyễn, (1931-1983), nhà thơ. Sau khi được tha, vì trước khi bị bắt anh là cán bộ miền Nam tập kết, cho nên anh được hưởng trợ cấp hàng tháng. Trở về thành phố Huế quê hương sau năm 1975, Tuân Nguyễn vào Sài

Một sáng chủ nhật tôi đến rủ Tuân Nguyễn đi ăn sáng thì thấy cửa nhà anh khóa trái. Tôi ngạc nhiên. Bình thường vào ngày nghỉ nhà thơ lười của chúng tôi chẳng bao giờ dậy sớm. Chủ nhật, mười hai giờ trưa anh vẫn còn trên giường. Tuân Nguyễn có thói quen đọc sách khuya.

Uống cà phê một mình thì buồn, tôi dong xe đi tiếp, đến Vũ Huy Cương<sup>1</sup>. Cương rầu rầu báo cho tôi tin dữ: Tuân Nguyễn bị bắt rồi. Đầu đuôi câu chuyện là thế này: Tuân Nguyễn hớ hênh đưa cho một ông bạn nào đó cuốn sổ tay trong có mấy bài thơ anh mới làm. Cuốn sổ rơi vào tay công an. Ông bạn của Tuân Nguyễn, hoặc là một nhà mác-xít chân chính, hoặc là một tên chỉ điểm, trong trường hợp này rất có thể là hai cùng một lúc. Đáng tiếc, chẳng bao giờ chúng tôi được biết kẻ làm việc nhơ bẩn đó là ai.

Chúng tôi đoán và đoán không sai: Tuân Nguyễn bị bắt vì bài thơ Trái Tim Hồng Ngọc. Nó được làm nhân đám tang ông Dương Bạch Mai. Anh rất quý ông, gọi ông bằng thầy, ví trái tim ông như viên hồng ngọc vĩnh viễn ngời sáng: “Một tiếng nói chúng tôi chờ đã mất. Đau đớn này đau đớn nào hơn. Chân lý không muốn nằm dưới đất...”. Tôi tiếc không tìm được bài thơ của anh để giới thiệu ở đây. Nó vĩnh viễn biến mất. Bài thơ gây xúc động sâu sắc trong chúng tôi hồi ấy. Vì bài Trái Tim Hồng Ngọc, và vì một số bài thơ khác chưa từng đăng báo, anh bị tù tám hoặc chín năm tôi không nhớ rõ.

Khi bị bắt Tuân Nguyễn là người ốm yếu. Anh em đồng anh bị lao phổi. Các đồng chí quăng anh vào tù, ở trong tù anh lại được các bạn tù, phần đông là lưu manh, chăm sóc. Đêm đầu tiên từ trại tù trở về Hà Nội anh ngủ gục ở ga Trần Quý Cáp. Một cô điểm đi ăn sương gấp anh, thương tình đưa anh về túp lều của cô trong khu ổ chuột đằng sau phố Khâm Thiên. Cô an ủi anh, cưu mang anh trong những tháng đầu tiên trở về với cuộc sống, khi anh quá chán nản, không muốn gặp mặt bè bạn, thậm chí muốn tự sát. Tuân Nguyễn đứng lên được là nhờ cô. Cảm động trước lòng nhân ái của người con gái không quen biết, anh ngỏ ý muốn gá nghĩa cùng cô, nhưng cô từ chối: “Anh ơi, chúng mình khác nhau nhiều quá, anh làm sao có hạnh phúc với em được. Anh sống sao nổi trong xã hội này nếu vợ anh là em, một con điểm?!”

Thời kỳ này là thời kỳ phần lớn những cây bút trẻ im tiếng. Họ không chịu gò mình vào nền văn nghệ quan phương khô xác và khen kiệu.

Trong bầu không khí ngột ngạt đầy những cấm kỵ khó ai có hứng để mà viết. Nguyễn Tuân phân trần về những cái ông viết để trả nợ cho những chyện đi: “Khi ngồi vào bàn nhà văn phải thấy thoải mái trong lòng thì may ra, may ra thôi, hắn mới viết được một cái gì đó ra hồn. Ngồi bút khi viết mà ngập ngừng, mà run rẩy thì chỉ cho ra những văn phẩm nước ốc, có khi lại còn bốc mùi thum thùm. Khốn nỗi, thời nay im lặng không xong. Im lặng người ta bảo mình không bằng lòng họ. Cho nên anh đừng

Gòn sinh sống, rồi mất vì một tai nạn giao thông. Trong lời điếu anh, một người bạn thân của Tuân Nguyễn nói về anh “Thời đại như ngã ba sông. Anh như con thuyền giữa dòng nước xoáy. Thuyền anh vượt thẳng mà sông lại cong. Chạm bờ sông nước dìm anh tận đáy...”

<sup>1</sup> Biên tập viên Xưởng phim hoạt họa. Sau bị bắt trong vụ “nhóm xét lại chống Đảng” vào đầu năm 1968.

lấy làm lạ thấy tôi viết mấy cái lăng nhăng. Chẳng qua là thỉnh thoảng tôi phải nhảy ra mà hô présent<sup>1</sup> một cái cho phải phép, để cho người ta khỏi bê hành bẻ tôi... ”.

Ông thầy bói đúng. Có kẻ gấp lửa bỏ tay người...

Sau khi bị bắt, tôi tin có thật một Nostradamus<sup>2</sup>, cũng như có thật một Trạng Trình.

Nhưng nếu mọi hành động của con người đều nằm trong tiền định thì con người còn là cái gì? Nó chẳng quyết định được gì hết sao, loại sinh vật có trí khôn là chúng ta? Nó chỉ là con rối trong tay định mệnh sao? Nguyễn Du của chúng ta đúng hay sai khi ông nói “Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều”?

Và còn cái mà người ta thường gọi là vận nước? Nước có vận hay không có vận, và con người trong đó có thể làm được gì một khi mọi sự đã là tiền định?

Trong nhà tù tôi còn gấp một số hiện tượng lạ thuộc lĩnh vực con người chưa giải thích được. Tôi đã gấp được người có khả năng đọc được ý nghĩ người khác. Tôi đã gấp được người biết được sự việc xảy ra hai năm trước và cách nơi người đó ngồi cùng chúng tôi 500 cây số đường chim bay, với đầy đủ chi tiết.

Nhà tù, về mặt nào đấy, có ích cho tôi lắm. Nó gỡ cho tôi cái màng che đồng tử, giúp tôi nhìn thế giới bằng cái nhìn tinh táo và phóng khoáng.

Tôi nhớ tới ông Nostradamus của tôi không phải một lần trong những năm tù lê thê. Tôi lấy làm tiếc ông đã không nói, hoặc không nói được cho tôi cái hạn của tôi kéo dài bao lâu?

Tuy nhiên, tôi quyết định lựa chọn thái độ ngược với lời khuyên của ông. Tôi thà chết chứ không chịu quỳ gối cho dù ông có báo trước rằng do đó mà hạn kéo dài: hai thành bốn, bốn thành tám, tám thành mười sáu... cứ thế nhân lên mãi...

Tôi đã và sẽ còn mất nhiều để có được cái mà mỗi con người cần có: lòng kính trọng đối với bản thân.

<sup>1</sup> Có mặt! Tiếng đáp lại khi điểm danh (tiếng Pháp).

<sup>2</sup> Nostradamus (tên thật Michel de Nostredame, 1503-1566) nhà vật lý và thiên văn Pháp, nổi tiếng với cuốn Thé Sấm Ký, gồm những lời tiên tri từ năm 1500 tới ngày tận thế, được coi như sẽ xảy ra vào năm 3797.

## 11

- Anh ngủ tốt chớ, anh Hiên?

Không ngẩng lên, Huỳnh Ngự vừa lúi húi soạn chồng hồ sơ trên bàn vừa hỏi tôi thay lời chào. Tôi biết thừa: y chẳng bận gì hết, y làm ra vẻ bận bịu để bắt tôi phải chờ cho những gì sẽ xảy ra sau đó thêm phần quan trọng.

- Cảm ơn, tôi ngủ được. - tôi nhạt nhẽo đáp.

Ngồi vào vị trí thường ngày, tôi lơ đãng nhìn quanh.

Công việc hỏi cung được Huỳnh Ngự tiến hành theo lối du mục, không cố định một nơi, nay phòng này mai phòng khác, không hiểu tại Hỏa Lò thiếu phòng làm việc hay do nguyên nhân nào khác. Căn phòng hôm nay hẹp nên có vẻ ẩm hơn. Cách bài trí bên trong thì phòng nào cũng như phòng nào - bàn chấp pháp đặt sát tường hậu, sau lưng chấp pháp là chân dung chủ tịch Hồ Chí Minh, với vài băng khâu hiệu bên dưới. Ghế cho “phạm”<sup>1</sup> được đặt cách chỗ ngồi của chấp pháp hơn một tầm với, chắc hẳn để đề phòng sự tấn công bất ngờ. Bên phải hoặc bên trái, là cái bàn nhỏ dành cho phạm viết lời khai, phần lớn là bàn mộc, cái nào cái nấy lem nhem mực tím. Ghế cho phạm là ghế đầu, thấp hơn ghế chấp pháp. Ở vị trí này bao giờ người bị hỏi cung cũng phải ngược mắt lên mới nhìn được kẻ hỏi mình. Một cách tính toán rất trẻ con để nâng cao uy thế cho chấp pháp. Cũng có lần tôi được đưa tới một căn phòng khác loại, bài trí theo kiểu phòng khách, được ngồi ghế có tựa, ở khoảng cách gần chấp pháp hơn ở phòng này. Đó là khi tôi chấp nhận một sự lùi bước. Mới biết đám công an ngớ ngẩn bịa ra đến là lầm trò vè.

---

<sup>1</sup> Một từ chung mà cán bộ ngành Công an dùng để chỉ bắt cứ người nào bị bắt, còn trong thời kỳ giam cứu (điều tra) hay đã có án.

- Hừm, bữa hổm ta làm tới mô rồi hè? Anh nói anh ngủ được, hả? Vậy mà trong y bạ của anh vừa lấy về tui thấy bác sĩ toàn kê thuốc ngủ với thuốc an thần - Huỳnh Ngự nói, giọng thân mật cố ý - Dùng nhiều mấy thứ nör hại lắm đó.

Tôi hiểu ẩn ý câu nói: anh bạn, tụi tui nghiên cứu anh kỹ lăm, anh khoẻ hay anh yếu, anh bị bệnh tật gì chúng tôi cũng biết; anh coi, tài liệu cả đống đây nè, tụi tui biết về anh không ít chút nào đâu<sup>1</sup>.

Huỳnh Ngự sắp xếp xong đống giấy má, đặt gọn gàng vào góc bàn.

- Còn nếu khó ngủ thì tốt nhất là trước khi đi ngủ anh thở theo khí công. Anh biết luyện khí công chó?
- Không, tôi chưa tập khí công bao giờ.

Tôi nói dối. Tôi biết cách tập khí công và yoga. Nhưng tôi thích nói dối Huỳnh Ngự, cho dù trong những chuyện chẳng có gì quan trọng. Tôi làm việc đó nhằm thăm dò xem Huỳnh Ngự biết những gì về tôi. Cách tốt nhất để đối thủ không hiểu được mình là tạo ra một mê cung lẩn lộn cái thật và cái giả. Thêm vào đấy, nói dối để thấy đối thủ bị mắc lừa cũng là một thú vui trong tù. Mà trong tù cần được vui lăm lăm. Nó làm cho mình thêm sức chịu đựng.

Huỳnh Ngự nghiêng ngó nhìn tôi:

- Tui sẽ bày cho anh cách chữa căn bản. Coi tui thị phạm<sup>2</sup> cho anh nè. Cứ làm theo cách tui bày ít lâu là bình mất ngủ hết liền à.

Ý ngả người trên ghế, nhắm mắt lại, chầm chậm hít vào thở ra nhiều lần. Tôi cố nhịn cười. Cách nói “đi ngủ” thay cho “đi ngủ” làm tôi nhớ tới một anh bạn tôi thường nhại vợ mình: “Eng ơi eng, téc đèn đi ngủ!<sup>3</sup>”. Ở vợ anh cái gì anh cũng ưa, trừ cách phát âm của cô, anh uốn mõi, nhưng cô không sửa được. Trong giọng nói, cách nói của Huỳnh Ngự sau hơn một chục năm ở đất Bắc đã không còn nguyên chất giọng quê hương, nhưng khi nào tức giận lên thì y nói một tràng dài, nói nhanh, thì tôi không hiểu gì cả.

- Phải hít cho thiệt sâu, hít vô bụng dưới nè, đẩy cái khí nör xuống, nhịn thở lâu thiệt là lâu, sau đó mới thở ra từ từ, từ từ như rửa cho tới khi hết khì rồi vẫn còn vận nó lên hoành cách mõ đặng tổng cho bằng hớt ra ngoài. Cứ thở như vậy lối mươi, mười lăm phút là ngủ liền hà. - Huỳnh Ngự cười hì hì - Anh không biết chớ nhiều người ở Hỏa Lò này một thời gian ra là hớt sạch mọi bệnh đó.

<sup>1</sup> Về sau này tôi mới được nhà văn Xuân Phượng, lúc ấy là y sĩ của cơ quan Văn hoá đối ngoại, cho biết bên Bộ Nội Vụ đã cho người mang theo y bạ của tôi đến để hỏi chị về tình trạng sức khoẻ của tôi. Tất nhiên, họ không quan tâm đến chuyện săn sóc sức khoẻ cho tôi, mà để tìm hiểu tình trạng tinh thần vật lý của tôi để tiện bề khai thác.

<sup>2</sup> Làm mẫu cho học trò học.

<sup>3</sup> Anh ơi anh, tắt đèn đi ngủ!

Thảo nào, để tăng cường sức khỏe cho nhân dân Nhà nước tăng số lượng nhà tù lên vòn vọt trong một thời gian kỷ lục!

Chúng tôi thong thả uống trà, nói chuyện vãnh. Huỳnh Ngự có sắc khí của người hài lòng về mình. Y có vẻ vừa vượt qua một chặng đường vất vả. Tôi đồ rằng cái đó có liên quan tới tình hình mới. Từ khi biết Đảng có quyết định mới về cách xử lý vụ án, có thể anh em trong vụ tôi cũng bớt căng thẳng với y.

Ngoài tôi ra, Huỳnh Ngự còn làm việc ít nhất cũng với mấy người nữa. Thường, y ngồi với tôi một lát, “ra đề” cho cuộc hỏi cung, nói theo cách của y, bảo tôi ngồi đó nhẩn nha viết, rồi tất bật chạy đi đâu đó. Lát sau y chạy về, sắc mặt khi buồn khi vui, bực bộ nhiều hơn phấn khởi, thỉnh thoảng còn nổi khùng lên một cách vô lý, chắc hẳn vừa trải qua một cuộc cãi cọ căng thẳng.

Hỏi thăm sức khỏe tôi xong, Huỳnh Ngự huyên thuyên đủ mọi chuyện tầm phào. Thậm chí y còn quan tâm tới sắc đẹp của tôi nữa. Y hỏi tôi có muốn cạo râu không, râu tôi mọc dài, trông gớm chết, mất cả đẹp trai. Tôi cảm ơn, nói bửa khác cạo cũng được, trong xà lim bộ râu chẳng làm phiền tôi bao nhiêu, cái mà tôi cần bây giờ là bàn chải và thuốc đánh răng. Y phàn nàn nói đã nhắn vợ tôi gửi mấy thứ đó vào cho tôi rồi mà sao vẫn chưa gửi, chắc bả bận đi công tác địa phương.

Y nói dối ráo hoảnh - nhà tôi đông người, không người này đi gửi thì người khác đi, không khi nào để tôi ở đây phải thiếp.

- Trong tù mọi người đều dối trá, cả anh cai ngục lẫn anh tù. Mỗi trường nhào nặn con người theo mẫu của nó. - Thành nhận xét.

Chẳng cần nhiều thời gian ở tù tôi mới thấy Thành nói đúng.

- Mấy bửa rày tui bận quá xá! - Huỳnh Ngự cười hì hì, tự mãn - Anh biết không, từ hôm biết tin Vũ Thư Hiên bị bắt, bè bạn anh nườm nượp kéo tới văn phòng xin được báo cáo, tiếp không xuể. Đành phải lén lịch tiếp từng người một.

Tôi nhìn y, lặng thinh,

- Bộ anh không tin hả?

Đành phải trưng lên vẻ mặt hồn nhiên nhất.

- Có gì mà không tin. – tôi làm bộ vui vẻ - Gặp cơ hội kiểm xác được trong thời buổi khó khăn này chắc có khối kẻ bâu lại. Đảng rất khuyến khích sự lập công: “thành khẩn bộc lộ khuyết điểm của mình và hăng hái tố cáo người khác là thước đo lòng trung thành với Đảng”, Đảng sẽ chiểu cố. Có điều những người này có thực là bạn tôi không? Bạn của cơ quan công an là cái chắc rồi, không còn nghi ngờ gì nữa.

- Nè, bỏ cái lối xóc óc đi nghen. Chẳng có lợi chi cho anh đâu, thiệt đó. May cho anh gặp tui, chứ phải người khác họ quyết không để cho anh yên.

- Tôi cũng nghĩ thế, may thật!

Huỳnh Ngự nguýt tôi một cái dài.

Công bằng mà xét, Huỳnh Ngự không phải người xấu. Y chẳng qua là một công bộc trung thành với nhà nước hoặc với cái ghế y được ngồi - y làm việc như một robot không biết đến hổng hác. Y ngày ngà, y dai hoi, nhưng y cũng không làm gì tồi tệ hơn, đôi lần tôi thấy y có vẻ ái ngại cho tôi nữa là khác. Nếu Đảng mang tôi đi bắn chắc y cũng bùi ngùi một phút, mà cũng có thể là hai.

- Hôm nay ta không làm tiếp việc bữa trước, mà bắt đầu làm việc chính thức. - y bình thản nói điều thuốc kế tiếp rồi thông thả nhả khói về phía tôi. - Trước tui hỏi anh, anh trả lời, nay anh tự khai báo với Đảng những tội lỗi của anh cũng như của những kẻ mà anh có liên quan.

- ??

- Tức là tui sẽ đề ra câu hỏi. Anh trả lời bằng miệng. Tui gợi ý thêm. Anh khai vô giấy. Đơn giản vậy thôi hà. Anh hiểu chớ?

Buồn cười thật! Tôi tự khai báo, nhưng y vẫn hỏi cung tôi. Y như cũ.

Tôi đáp gọn lỏn:

- Không.

Cặp kính trắng loáng lênh:

- Không cái chi?

- Tôi không hiểu.

- Sao lại không? Có chi khó hiểu đâu.

Huỳnh Ngự ngừng hút, điều thuốc thây lẩy trên môi.

Tôi nói:

- Tôi không phải là phạm nhân, sao lại phải khai?

Huỳnh Ngự hiểu ra.

- Bộ anh không thấy anh là người có tội với Đảng à?

- Tôi gì chứ?

Huỳnh Ngự nhếch mép, không ra cười, không ra định bĩu môi:

- Anh nghĩ đi, nghĩ cho kỹ, anh sẽ thấy anh có tội chi! Nếu không có tội thử hỏi Đảng bắt anh làm chi?

Cái lô-gích tuyệt vời này chỉ có ở những kẻ ấm đầu! Nhưng tôi không muốn cãi nhau với y. Tôi chỉ muốn cù nhầy một chút để suy nghĩ: thằng cha định lái câu chuyện đi theo hướng nào?

- Anh không phủ nhận anh không có tội với Đảng chớ?

- Tôi phủ nhận.

Câu trả lời tinh bợ làm y sững sờ.

- Anh? Phủ nhận?

- Tôi đã kiên nhẫn chờ đợi, - tôi lạnh lùng - nhưng rất tiếc, cho đến hôm nay tôi vẫn chưa được nghe Đảng công bố cho tôi biết tôi phạm tội gì?

Huỳnh Ngự trợn mắt. Y bắt đầu mất bình tĩnh.

- Anh không biết thiệt? Đến hôm ni vẫn không biết?

- Đúng thế! Khi bị bắt, tôi nghĩ Đảng buộc phải đưa tôi vào đây để hỏi vài điều gì đó mà để tôi ở ngoài hỏi thì không tiện, như anh gì hôm nọ nói. Sau, được nghe phổ biến cách xử lý của Đảng đối với vụ này tôi lại càng tin mình hiểu đúng.

- Hứ?

- Thật vậy, một mâu thuẫn đã được coi là mâu thuẫn nội bộ thì không phải là vụ án. Mà đã không có vụ án thì không thể có phạm nhân. Tôi hoan nghênh Đảng đặt việc này trong phạm trù mâu thuẫn nội bộ. Nhưng tôi thắc mắc: bất kỳ đảng chính trị nào cũng chỉ có những hình thức kỷ luật như phê bình, cảnh cáo, nặng quá thì khai trừ, tuyệt nhiên không có chuyện giam giữ, đúng thế không ạ? Huống hồ tôi không phải đảng viên.

- Hừm.

- Muốn giam giữ một công dân, chế độ nào cũng phải thông qua các thủ tục tố tụng thông thường, phải có lệnh khởi tố, lệnh tạm giam, mà tạm giam cũng chỉ được phép trong thời hạn luật định. Tôi không hiểu sao trong vụ này lại không có những cái tôi vừa nói. Như vậy có quá đáng không? Hơn nữa, tôi thấy tôi chẳng có tội gì, nếu đối chiếu các việc làm của tôi với Hiến pháp và luật pháp nhà nước...

Huỳnh Ngự lúng túng. Y không chờ đợi ở tôi một thái độ ngang như cua sau khi đã được nghe phổ biến về ân sủng của trên.

- Tui đã biểu anh rồi mà, cứ nghĩ cho kỹ đi khắc hiểu vì sao anh bị bắt.

- Nghĩ kỹ đến mấy cũng thế mà thôi. Tôi thật sự không hiểu, và nếu Đảng không cho biết thì tôi đành chịu tiếng ngu mà hỏi nữa, hỏi mãi, cho tới khi nào hiểu được mới thôi.

- Tui đã biểu đừng vội mà. Chưa nghĩ kỹ đừng trả lời.

Vui thật, thì ra người ta bắt tôi vào đây để ra cho tôi một câu đố: đố đằng ấy biết tại sao đằng ấy bị bắt?

- Một công dân bị bắt có quyền đặt câu hỏi: họ bị bắt vì tội gì, thậm chí có quyền không trả lời khi chưa được gặp luật sư của mình.

Huỳnh Ngự cười ngất. Tiếng cười hé hé căng thẳng, giả tạo của y vang to đơn độc trong căn phòng trống.

- Chà, sao mà hai cha con nhà anh giống nhau quá vậy! Anh còn trẻ hổng nói làm chi chớ ông già anh hoạt động cách mạng từ năm ấy năm mà vẫn còn mơ hồ mới lạ! Trong đầu cha con nhà anh rặt một thứ khái niệm dân chủ tư sản! Anh phải hiểu: nền dân chủ của ta khác hẳn nền dân chủ tư sản, như ánh sáng và bóng tối, như đêm với ngày, nghĩa là khác về chất, rõ chưa nào? Bởi vì nó là nền dân chủ được xây dựng trên cơ sở chuyên chính vô sản, một nền chuyên chính vì lợi ích của đại đa số nhân dân lao động chống lại thiểu số bóc lột... Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mới thiệt là dân chủ, nó dân chủ gấp triệu lần nền dân chủ của các ngài tư sản, như Lênin đã dạy...

Lại một cách chạy trốn câu hỏi trực diện.

- Tuyên bố với người phạm tội về tội của họ phỏng có mâu thuẫn gì với chuyên chính vô sản? - tôi tiến tới - Chuyên chính vô sản là đường lối công khai, Đảng tuyên bố thắng thắn, Đảng cần gì phải giấu giếm hành động chuyên chính của mình?

Huỳnh Ngự đỏ bừng mặt.

- Anh tưởng Đảng không biết chi về những hành động của các anh sao? Chẳng qua Đảng muốn anh tự giác nhận ra tội mình mà thành khẩn khai báo, để qua đó đánh giá mức giác ngộ của anh mà thôi.

Tôi vặn lại:

- Nhưng nếu chính tôi không biết mình phạm tội gì thì làm sao tôi có thể trình bày với Đảng tội của tôi được. Tôi lỗi là một khái niệm không đồng nhất. Cái mà người này coi là tội, người kia lại coi là không.

Huỳnh Ngự phát bắn.

- Nói rứa mà nghe được! Vô đây mà còn lý sự. Trước hết anh phải thấy mình có tội với Đảng cái đã! - giọng y bắt đầu the thé - Anh phải khẳng định một ngàn lần rằng Đảng là anh minh, Đảng-bao giờ-cũng-sáng-suốt, Đảng bao giờ cũng đúng đắn. Bắt cán bộ của mình Đảng xót xa lắm chor. Anh không có tội thì không đời nào Đảng bắt anh. Anh có biết phương châm của Đảng chỉ cho chúng tui ra rằng không? Nếu bắt cũng được mà không bắt cũng được thì kiên quyết không bắt!

Trong các nghị quyết của Đảng, nói cho công bằng, tôi không thấy có phương châm này. Theo tôi biết, nó chỉ là một câu nói của Trần Quốc Hoàn trong một huấn thị cho cán bộ ngành công an, có thể trong một cơn bốc đồng, rồi nó được ngành này khoe khoang ầm ĩ như thế đó là mẫu mực của lòng nhân ái vô sản. Tại sao lại có thể *bắt cũng được mà không bắt cũng được?* Đáng ngạc nhiên là một chủ trương phô bày sự đần độn như thế lại được tờ Học Tập, tạp chí lý luận của Đảng nhiệt liệt tán dương.

- Thế những người bị xử trí oan trong Cải cách ruộng đất thì sao? - mặc cho Huỳnh Ngự giận dữ, tôi lại vặn tiếp - Họ bị quy kết, bị bắt buộc phải nhận tội, rồi sau đó Đảng phải thừa nhận sai lầm, phải xin lỗi, phải sửa sai...

- Anh đừng có móc máy chuyện Cải cách ruộng đất! - y vỗ bàn, gầm lên - Từ bấy tới chừ cách mạng ta đã tiến bộ rất nhiều, cả về lý luận lẫn thực tiễn. Không phải Đảng cứ sai một lần thì những lần khác Đảng cũng sai mô... Rồi coi: lần ni Đảng có sai không?

Tôi mỉm cười, nhớ tới câu nói dân dã: "Một lần ỉa bậy, lần sau thấy cứt người ta gọi đến".

Mặt Huỳnh Ngự tím lại:

- Nè, đừng giỡn mặt tui nghen. Bất cứ khi nào Đảng cũng có thể thay đổi nhận định hôm nay đối với lũ các anh. Tới lúc đó thì chỗ của các anh không phải là xà lim nữa, mà là pháp trường, pháp trường! Các anh là bọn phản Đảng. Mà phản Đảng coi bằng phản quốc. Chỉ có đem bắn. Bắn tuốt!

Bàn tay cầm điếu thuốc của y run bần bật.

Chúng tôi nhìn thẳng vào mắt nhau. Giống như trong trò chơi trẻ con, bên nào chớp mắt trước bên ấy thua, chúng tôi nhìn nhau trùng trùng, không ai chịu ai.

Tôi quyết thắng. Nếu tôi thua, tôi không chỉ thua trong trò chơi. Tôi thua có nghĩa là tôi sợ Huỳnh Ngự, có nghĩa là tôi có tội, nhưng không có can đảm nhận tội.

Huỳnh Ngự bỏ cuộc. Y quay đi, không chịu nổi cái nhìn lạnh giá của tôi. Nhưng chẳng bao giờ tôi có địa vị kẻ thắng, ngay cả trong trò chơi này. Vấn đề thua hay không thua chỉ đặt ra trước một mình tôi thôi.

Tôi được đưa trở lại xà lim.

Tôi làm mất thời giờ bạn đọc, kể một câu chuyện nhạt phèo. Nhưng câu chuyện dù có nhạt tới mấy cũng không nhạt bằng cái thực tế mà tôi gấp. Nó chẳng những nhạt mà còn phi lý. Phi lý đến mức không tưởng tượng nổi. Như thực tế trong một nhà thương điên.

Tôi mệt rũ. Tôi chán nản. Tôi tuyệt vọng.

Thành đã trải qua cảm xúc đó. Anh khuyên tôi phải luyện cho mình thói quen không ngạc nhiên trước bất cứ điều gì:

- Ông ngây thơ lắm. Với Nhà nước ta, công dân nào mà chẳng có tội. Khác nhau ở chỗ tội nhiều hay tội ít mà thôi. Nghĩ mà xem: nếu mỗi công dân lúc nào cũng nơm nớp thấy mình có tội thì tiện cho Đảng lắm chứ! Đảng chỉ còn việc nghĩ xem có nên bắt thẳng A hay thẳng B không, bắt hôm nay hay để đến mai? Ông cho là tôi nói quá à? Tôi không nói quá đâu. Ông cười? Đừng cười, bởi vì nó đúng là như thế đấy. Bộ máy chính quyền nào cũng gồm những con người, như ông với tôi đây, nó cũng biết nghĩ đấy, nó có bản năng tự vệ của nó đấy... Nó biết lo lắng, biết sợ hãi cho sự sinh tồn của nó đấy, nó biết tự bảo vệ đấy. Ngoài cái đó ra, bộ máy chính quyền nào cũng sǐ diện lắm. Nó thích được ca ngợi, nó không thích bị chỉ trích, bao giờ nó cũng tìm cách phô rằng nó sạch sẽ... Ông có biết rằng khi bắt một

đảng viên, người ta phải khai trừ anh ta trước đã để làm gì không? Để đến lúc bị bắt anh ta không còn là người của Đảng nữa, để Đảng không phải xấu hổ...

Chuyện khai trừ Đảng trước khi bị bắt đã không xảy ra với những người trong vụ “nhóm xét lại chống Đảng”<sup>1</sup>. Tại sao, tôi không hiểu. Tôi cho rằng trong thời điểm đó những nhà lãnh đạo chưa có thái độ dứt khoát trong sự trấn áp những người cộng sản bất tuân. Việt Nam không phải là Trung Quốc. Những việc mà người Trung Quốc làm phứa không cần suy tính thì ở Việt Nam người ta còn phải dò dẫm, cân nhắc.

Cái ngoại lệ này kể cũng lạ. Tên cục trưởng Cục chấp pháp nói đúng chăng? Hiểu theo lời y thì một hình thức trấn phản chưa có tiền lệ đang được dùng cho chúng tôi: vừa bắt vừa không bắt. Xử lý nội bộ được hiểu như người bị Đảng còng tay đưa đi không phải bị giam giữ, mà chỉ bị gom lại một chỗ để giáo dục thôi (!).

- Khi bắt một con người, việc trước tiên người ta phải làm là bắt hắn nhận tội cái đã. - Thành giảng giải
- Có tội hay không có tội, mặc. Đã bảo Đảng không bao giờ sai lầm cơ mà. Thế thì bằng bất cứ giá nào trong tay Đảng phải có bản nhận tội của thằng bị Đảng bắt cái đã. Nó có nhận tội thì rồi ra Đảng mới không sai, cho dù có bắt nhầm. Vụ việc để đó, xét sau cũng chẳng muộn...

Huỳnh Ngự đang cố gắng áp dụng bài bản này với tôi. Tôi muốn Thành phát triển đề tài mà tôi muốn biết nên vờ thích thú:

- Như thế đâu có được.
- Rồi ra ông còn biết ối chuyện lạ hơn nữa kia. - Thành nói - Tôi biết có người hoàn toàn vô tội, ở tù sơ sơ cũng vài năm, thế mà ra tù rồi cậy miệng anh ta cũng không dám nói anh ta bị oan. Thậm chí anh ta còn một mực nói Đảng bắt anh ta là đúng, rằng sở dĩ anh ta được tha, không bị đem ra xử là nhờ lượng khoan hồng của Đảng... Ông có biết vì sao không? Là vì anh ta nhận tội rồi, ký vào bản cung người ta mớm cho rồi, bây giờ há miệng mắc quai, lại còn sợ bị trả thù vì phản cung nữa chứ. Tôi nghiệp, bị oan rồi mà đến một cái lệnh tha cũng chẳng được cấp, chỉ được thí cho một cái lệnh tạm tha thôi. Tạm tha là thế nào? Là người ta tạm cho về, nhưng coi chừng, bất cứ lúc nào anh cũng có thể bị bắt lại, đừng có đùa! Trong lệnh tạm tha người ta ghi: xét tội trạng chưa tới mức phải xử lý theo pháp luật...

Tôi kêu lên:

- Như thế là vi phạm nhân quyền!

<sup>1</sup> Chỉ sau khi ra tù tôi mới biết các ủy viên Trung ương Đặng Kim Giang, Lê Liêm, Bùi Công Trừng, Ung Văn Khiêm và các cán bộ Trung ương Hoàng Minh Chính, Vũ Đình Huỳnh, Lưu Động... bị khai trừ cùng một lúc vào tháng 5-1968, có nghĩa là khoảng nửa năm sau khi bị bắt.

Thành cười hức hức:

- Ông bạn ngốc nghếch của tôi ơi! Để có thể vi phạm một cái quyền thì điều kiện tiên quyết là phải có nó đã, ông bạn ạ!

Rồi anh thở dài, giọng yếm thế:

- Trong xã hội chúng ta, ông ạ, mỗi công dân chỉ là một người tù dù khuyết.

Tôi im lặng. Tôi buồn.

Có tiếng gào khóc ở đâu đó vọng đến, không biết từ xà lim nào. Thành lắng tai nghe.

- Cái gì thế, anh Thành?

- Tôi không rõ. Trong xà lim nghe tiếng khóc là chuyện thường. Khi nào nghe người ta cười, ấy là có người đã phát điên.

- Công an ở đây có tra tấn tù không?

Thành lắc đầu:

- Không. Nghe nói thỉnh thoảng người ta cũng đánh bọn lưu manh. Bọn ấy đánh là phải, tôi không thương. Với những can phạm khác thì không, họ không đánh, tôi chưa thấy. Âu cũng còn là cái tốt của chế độ. Tra tấn can phạm bây giờ bị cấm ngặt.

Chuyện bọn lưu manh bị đánh tôi có nghe. Nhưng đó là việc xảy ra ở những trại xa nào chứ ở Hỏa Lò thì tuyệt nhiên không có, tôi không thấy. Tôi có anh bạn tên Quý, biệt hiệu Quý Cao, làm chấp pháp trong Hỏa Lò, chuyên điều tra tù hình sự. Quý Cao kể rằng bọn lưu manh rất biết tính anh. Đứa nào bị anh gọi ra hỏi cung mà được anh cho một cái tát rồi đuổi về thì đứa ấy mừng rơn, tí tưởn khoe với bè bạn: "Bố Quý vừa tát tao một cái!" Đó là điều lành, nó cầm chắc được tha. Chúng sợ nhất khi anh ân cần hỏi thăm giá cảnh, tỏ vẻ thương hại, cho điều thuốc hút tại chỗ rồi mới vỗ vai cho về - như thế chúng sẽ còn nằm lâu, có thể đến mùa quét. Không phải mình có ý gì hoặc giở trò nghịch ác đâu, Quý Cao nói, mình thương chúng nó chứ, chúng nó xấp xỉ bằng thằng lớn nhà mình, nhìn chúng nó lại nhớ tới con mình, tội nghiệp lắm.

Từ hôm vào Hỏa Lò tôi có ý nhìn ngó xem có thấy Quý Cao không, nhưng không thấy. Trước khi bị bắt tôi hay chạy lại anh để hỏi thăm tin tức cha tôi, nhưng anh chẳng biết gì. Vụ án được giữ bí mật, ngay cả với công an. Tôi bao giờ cũng cẩn thận cắt đuôi rồi mới tới Quý Cao, nhưng làm sao biết chắc không còn cái đuôi nào vẫn lăng nhăng theo được tới nhà anh? Có lần tôi đã cắt đuôi rồi đến ở nhà anh mấy ngày liền, làm cho bọn cá chìm đi theo tưởng tôi đã trốn mất. Quý Cao đã không bán bạn, điều đó được khẳng định. Là công an, anh vẫn còn là một con người.

Một hôm tôi đang bị Huỳnh Ngự hỏi cung thì nghe có tiếng kêu khóc thảm thiết trong một phòng gần đấy, kèm theo là tiếng vật lộn huỳnh huỳnh, tiếng quát tháo om xòm. Tôi đoán đây là trò Huỳnh Ngự bày ra nhằm áp đảo tinh thần tôi. Tôi chưa lần nào bị tra tấn, chính mắt tôi cũng chưa thấy người khác

bị tra tấn. Khi tôi ra tù có nhiều bạn hỏi, tôi trả lời nhưng họ không tin. Không phải là vì sợ mà tôi không dám nói, đúng như vậy - chuyện tra tấn là không có, mắt tôi không thấy.

Nhục hình khác thì có. Chẳng hạn những người không chịu khai, hoặc có hành động chống lại trong khi hỏi cung thì bị cùm chân dài ngày, có khi cả tháng. Hình thức này bản thân tôi rồi cũng nếm trải. Tuy nhiên, nhục hình chưa phải là cái ác lớn nhất. Có cái còn ác hơn.

Do nhu cầu hiểu biết, tôi có dịp làm quen với hình pháp học. Những tác phẩm về ngành học này không có nhiều ở nước ta, tôi có được vài cuốn là nhờ người đi nước ngoài mua giùm. Nhưng khi chưa bị tù tôi còn là kẻ cuồng tín, tôi nhìn mọi vấn đề qua lăng kính lý thuyết đấu tranh giai cấp của Marx, cho nên sự đọc của tôi không công bằng. Chỉ cần thấy Cesare Lombroso, Emile Durkheim<sup>1</sup> không phải mác-xít là tôi đã coi thường tác phẩm của hai ông rồi. Xem ra đọc sách không phải dễ. Nếu mình đã mang định kiến thì không thể tiếp nhận những gì được viết trong những cuốn sách một cách khách quan, vô tư'.

Ở Việt Nam, cho tới khi tôi đi tù về, cũng chưa có nhà xã hội học nào đụng chạm tới lĩnh vực hình pháp học. Không phải vì nó quá khó, mà vì nó nằm trong phạm vi của sự độc quyền. Nếu không có người ở trong ngành công an đụng tới nó thì người ngoài chớ có mó máy vào.

Trong lĩnh vực này, tôi chỉ thừa nhận mỗi một Kudriavsev<sup>2</sup> với những luận điểm siêu hình của ông ta, như nhiều năm về sau này tôi mới hiểu ra, đặc biệt là những hiểu biết thực tế trong nhà tù. Cái đáng tiếc hơn cả những cuốn sách dày cộp về khoa học hình sự của cả phe xã hội chủ nghĩa lẫn phe tư bản chủ nghĩa đã chẳng mang lại cho tôi điều gì hữu dụng.

Thành nhận xét, trong công tác giam giữ, công an Việt Nam về cơ bản du nhập kinh nghiệm của Trung Quốc. Gần đây, tức là vào đầu thập niên 60, người ta có xu hướng chú trọng học tập kinh nghiệm của nước Cộng Hòa Dân Chủ Đức, cho rằng trong phe xã hội chủ nghĩa nước này có nhiều thành tựu tiên tiến nhất do phải trực diện đối đầu với đế quốc. Kinh nghiệm của Liên Xô không được Việt Nam chú ý,

<sup>1</sup> Cesare Lombroso (1836-1909), bác sĩ thần kinh, giáo sư pháp y ở Turin (Italia). Cùng với Enrico Ferri (1856-1929), Raffaele Garofalo (1851-1954) sáng lập ra trường phái hình pháp học nhân chủng, chủ trương nguồn gốc tội phạm nằm trong sự cấu thành con người về mặt nhân chủng, nói cách khác, những tên tội phạm sống trong xã hội loài người như một loại hình riêng xét về nhân chủng học.

Emile Durkheim (1858-1917), nhà xã hội học người Pháp, tác giả Le Suicide (Sự Tự Sát) và cùng với Adolf Prins, tác giả La Défense Sociale et Les Transformations du Droit Pénal (Phòng Vệ Xã Hội Và Những Biến Thể Của Luật Hình), được các nhà tội phạm học châu Âu ngưỡng mộ bởi cách lý giải nguồn gốc tội phạm từ những điều kiện xã hội.

<sup>2</sup> Kudriavsev, tác giả cuốn Hình Pháp Học (Kriminologia), được coi như cuốn sách gối đầu giường của công an các nước xã hội chủ nghĩa, giải thích nguồn gốc tội phạm như hậu quả của xã hội có giai cấp, nơi ngự trị những quy luật người bóc lột người. Ở Việt Nam tôi không thấy có bản dịch cuốn này, hoặc nó có ở dạng tài liệu nội bộ mà tôi không biết.

trước hết vì Liên Xô là một xã hội khác xa Việt Nam, gì thì gì cũng là “Tây”, Trung Quốc gần gũi hơn vì là nước đàn anh châu Á, lề thói giống Việt Nam. Người ta coi trọng kinh nghiệm Cộng Hòa Dân Chủ Đức còn vì sau Đại hội XX mọi cái của Liên Xô đều bị coi là xấu, là dở, là “xét lại”. Hệ thống trừng phạt vốn đã khắc nghiệt của Liên Xô, theo báo chí phương Tây mô tả, thế mà ở Việt Nam nó vẫn còn bị phê phán là quá nhân đạo. Người ta nói hệ thống trừng phạt ở Liên Xô bị ảnh hưởng nặng nề “chủ nghĩa xét lại hiện đại”, trong luật pháp Liên Xô còn đầy rẫy yếu tố tư sản.

Xà lim ở một số trại giam bây giờ, đặc biệt ở các trại mới được xây dựng, rập khuôn theo hình mẫu Stasi<sup>1</sup>, hiện đại hơn của thực dân Pháp nhiều - có nước máy dẫn vào tận nơi, từ cả năm không bước ra ngoài trừ khi đi cung, phòng hỏi cung thì được đặt ngay trong khu xà lim, tiện lắm. Như vậy khả năng quan sát vị trí nhà tù bị hạn chế tối đa, với những nhà tù kiểu mới ấy ý muốn vượt ngục bị triệt tiêu hoàn toàn. Hệ thống nghe trộm điện thoại của Đức nhập về đã hoàn tất năm 1964.

- Dân có điện thoại đâu mà phải nghe trộm họ nói gì? - tôi ngạc nhiên.

Vào thời kỳ này hầu như chẳng có nhà dân nào có điện thoại. Tôi nói hầu như cho chắc ăn, lỡ có ngoại lệ nào chăng, biết đâu có nhà được mắc điện thoại mà mình không biết. Điện thoại chỉ có ở các cơ quan và trong nhà các ông kinh.

Thành cười khục khục trong họng.

- Các vị theo dõi nhau là chính chứ. - anh thì thào - Ông tưởng các ông kinh tin nhau lắm sao? Còn lâu. Thời nào cũng vậy cả thôi, ông ơi.

Tôi đồng ý với anh. Đến ngay hoàng đế Napoléon cũng còn sử dụng mật thám riêng nữa là. Có điều mình quen hình dung xã hội chủ nghĩa là tốt đẹp, là tình nghĩa, cho nên mình mới ngỡ ngàng, mình mới cho là không thể có chuyện đó mà thôi.

Vào thời kỳ có “cuộc đấu tranh giữa hai đường lối”, việc nhiều nhân vật cao cấp cũng bị công an mật theo dõi không còn là chuyện lạ. Thậm chí các công an viên được phân công theo dõi đại tướng Võ Nguyên Giáp còn khoe với bạn bè công việc vinh quang của họ. Đến nhà cách mạng cao niên rất mực hiền lành Tôn Đức Thắng cũng không thoát khỏi con mắt cú vọ của Lê Đức Thọ. Mà cụ đâu phải người thèm muốn chức quyền. Với đám con cháu, cụ Tôn bảo: “Tui bay đừng có kêu tao bằng phó chủ tịch nước, nghe ngứa cái con ráy lắm! Chúng nó đặt đâu tao ngồi đó, chớ tao không màng cái chức chi hết”. Ngoài việc dự các nghi lễ long trọng bắt buộc phải có mặt cụ, cụ không làm việc gì khác ngoài một việc cụ thích thú hơn cả là sửa xe đạp. Làm phó chủ tịch nước, ông thợ máy ngày trước buồn tay buồn chân. Hết xe đạp hỏng cho cụ chữa, anh em bộ đội bảo vệ và nhân viên phục vụ phải lấy xe của người nhà mang vào cho cụ chữa, kéo ngồi không cụ buồn. Thương cụ quá, đôi khi họ còn tự mình làm

<sup>1</sup> Statssicherheitsdienst, Bộ Mật vụ quốc gia của Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Đức, tồn tại năm 1957 tới năm 1989. Cơ quan này có 85.000 nhân viên và 500.000 chỉ điểm viên. Người lãnh đạo Stasi từ năm 1957 là Erich Mielke, bị tổng giam năm 1989.

cho xe trực trặc để cho cụ sửa. Nhà văn Thái Hồng, bạn tôi, hay lui tới thăm cụ Tôn, chả là cha anh trước kia là đàn em của cụ, kể cho tôi nghe rằng một hôm anh đến thăm cụ, trùng thời gian Nghị quyết 9, thì cụ dắt anh vào phòng riêng thì thào: “Mày có thấy lính kín<sup>1</sup> theo mày tới đây không mày?” Anh ngạc nhiên quá, nhìn cụ chằm chằm. Tưởng anh lo lắng cho cụ, cụ mỉm cười hiền hậu: “Là tao lo cho tụi bây, chớ tao hổng lo cho tao. Trong nhà tao nè, lính kín hổng có thiếu”.

Tôi ngày càng mến Thành. Tuy nhiên, tôi vẫn tránh dụng chạm tới chuyện chính trị. Nhưng có chuyện gì ở nước này mà không dính dáng tới chính trị kia chứ? Đành phải ngậm miệng khi Thành vô tình hỏi đến vụ án chúng tôi. Thành linh cảm được điều đó và anh lảng xa vùng cấm. Tôi chắc Thành cũng biết mong manh về tôi. Anh không có ý moi móc những gì tôi không muốn nói, và là cái công an muốn biết. Rất có thể người ta đã chiêu mộ anh làm chỉ điểm, cái thế của anh buộc anh phải nhận, không nhận không xong với họ, nhưng trong thâm tâm anh không tán thành việc làm vồ sỉ đó, vì thế anh nhận đấy nhưng lại hành động ngược lại. Mấy ngày ở gần anh cho tôi cảm giác như vậy. Để giúp tôi đổi phó với chấp pháp anh kín đáo đưa ra những lời khuyên dưới dạng những câu chuyện kể về đời tù, những chuyện tiểu lâm vô thưởng vô phạt. Nhờ những lời khuyên của anh mà tôi biết cách ứng xử khéo léo hơn trong những cuộc hỏi cung, và nói chung chúng rất có ích cho tôi trong cuộc sống trong tù những năm sau.

Ngoài sân, con chó béc-giê được thả vào. Nó bắt đầu lồng lộn trong những chồng tôn vứt hồn độn. Nhưng chúng tôi đã quen rồi.

Phía xà lim xế cửa có tiếng sụt sùi.

Thành nói: anh tù khóc vừa được tin mẹ chết. Anh này nằm xà lim đã hơn ba năm.

Bình thường là người tù có kỷ luật, bỗng dung anh ta nổi khùng, chửi loạn xạ từ ông quản giáo đến ông Đảng, ông Nhà nước, và các lãnh tụ. Phớt lờ những hình phạt mà người tù xà lim nào cũng sợ, anh ta cứ chồ ra hành lang mà kể lể. Rằng mẹ anh ta ở nhà chết đói mà anh ta chẳng tội tình gì thì cứ phải ở mãi nơi này. Rằng anh ta là đứa con duy nhất, tại Đảng mà trở thành bất hiếu, không nuôi được mẹ, để mẹ chết thảm. Quản giáo rầm rập chạy vào, đè nghiến anh ta xuống, nhét giẻ vào miệng, cùm lại. Việc xảy ra buổi sáng, lúc tôi đi cung.

Nhân sự kiện này Thành kể cho tôi nghe ở một số trại còn có cả dụng cụ chuyên dùng để bịt miệng những người tù kêu la. Nó trông tựa cái hàm thiếc ngựa. Nếu người tù chửi bới, anh ta sẽ bị đóng hàm thiếc vào, cùm chân lại, cho tới khi chịu ngừng chửi bới mới thôi. Ở trong khu xà lim chuyện này vẫn thường xảy ra. Chẳng phải những người tù có tư tưởng chống Đảng chống điếc gì hết. Bị giữ trong xà lim quá lâu, thế là vào một ngày nào đó họ nổi cơn điên.

K. Marx viết trong cuốn Gia Đình Thiêng Liêng rằng chế độ giam giữ người trong xà lim cá nhân quá lâu là vô nhân đạo. “Con người chỉ có thể chịu đựng một sự giam giữ như thế trong giới hạn năm năm.

---

<sup>1</sup> Mật thám, theo cách gọi ở Nam Bộ thời thuộc địa.

Vượt quá giới hạn này người bị giam sẽ mất trí”, ông nhận định như vậy trong khi điểm cuối *Những Bí Mật Thành Paris* của Eugène Sue<sup>1</sup>.

Những kẻ tự xưng là học trò Marx, là người kế tục sự nghiệp của Người (viết hoa) đang thực hiện điều mà Marx lén án.

Tôi muốn an ủi Marx quá: thôii mặc họ, ông ơi, chấp làm chi ba cái chuyện vặt ấy! Mà ông cũng chẳng phải xấu hổ - đám mao-ít vô học và thất học nọ có bao giờ là học trò ông đâu. Họ tự xưng mác-xít, nhưng chưa bao giờ đọc ông hết, trừ những cuốn sách giản lược về chủ nghĩa Marx mà nội dung đã bị vo tròn bóp méo đến mức, nói thật, chính ông cũng không nhận ra là của ông nữa. Vong linh ông hẳn phải biết, Marx của tôi ơi, sách của ông cũng bị làm mồi cho lửa, không phải một lần. Cùng với sách của các đại văn hào được cả loài người kính trọng. Nói cho công bằng, những nhà chuyên chính vô sản ở nước tôi cũng không chủ bụng đốt sách của ông đâu, dù sao ông cũng được họ tôn làm thầy kia mà, dù sao họ cũng xưng là trò của ông kia mà. Khốn nạn cho ông là sách của ông lại in bằng tiếng Tây. Sách của bất kỳ ai, phàm được in bằng tiếng Tây thì đều bị đốt tất, không cần phân biệt, trong những đợt truy quét cái gọi là văn hóa độc hại. Cũng có một số sách may mắn không bị đốt mà chỉ bị thu, chúng được chất thành đống trong kho Hỏa Lò đấy. Tôi biết chuyện này là vì mấy anh bạn công an của tôi đã tha về cho tôi một số sách của ông, và của cả ông Engels nữa, từ khi tôi còn chưa biết Hỏa Lò là thế nào.

Ông nên lấy làm mừng đã ra đời ở một thế kỷ khác, ở một nước khác, chứ không phải ở Việt Nam (hay Trung Quốc, hay Bắc Triều Tiên) trong những năm rồ dại này. Với tư tưởng ngạo ngược của ông, tôi đoán chắc ông phải ở đâu đây, bên cạnh tôi, trong một xà lim nào đó.

Xà lim Hỏa Lò làm cho con người mất trí nhanh hơn xà lim thời *Les Mystères De Paris* nhiều, Marx vĩ đại ạ.

Với sự giúp đỡ của những con chó.

---

<sup>1</sup> Eugène Sue, tên thật là Marie Joseph Sue (1804-1857) tiểu thuyết gia Pháp, sinh tại Paris.

## 12

Sáng chủ nhật, khác với thường lệ, tôi bỗng bị gọi đi cung.

Khi Hách mở cửa, tôi còn ngái ngủ. Ngày thường tù xà lim phải dậy sớm để lúc nào cũng trong tư thế sẵn sàng đi cung, tuy chuyện đi cung đối với số đông tù xà lim chỉ năm thì mười họa. Cũng theo quy định, khi quản giáo mở cửa cho tù đi đổ bô, rửa ráy và ăn sáng thì tù phải ăn vận nếu không chỉnh tề thì cũng không được lôi thôi. Cái đó chứng tỏ sự tôn trọng chính quyền. Tiếng là ăn sáng, là điểm tâm cho oai, chứ cái suất ăn sáng ở đây chỉ điểm vào cái tâm mình một cái khe khẽ gọi là có. Một khúc sắn ôi, ba củ khoai hà - bữa lót dạ cho tù là thế.

Chủ nhật tù không có tiêu chuẩn ăn sáng, quản giáo vào xà lim chậm, cho nên tha hồ dậy muộn. Cứ tưởng trong xà lim ngày nào cũng như ngày nào, hóa ra không phải. Người tù xà lim cũng như người ở ngoài kia, cũng ngong ngóng mong chủ nhật như thường. Không phải vì nó là ngày nghỉ, mà vì nó là cái mốc thời gian. Mỗi chủ nhật qua đi là anh ta tiến gần thêm cái đích trở về nơi cái chân trời xa tít tắp. Còn có một nét tâm lý này nữa: được một ngày khác với ngày thường, dù sao cũng vẫn là ngày không bị dựng dậy đi cung, người tù có thể nằm ườn đến tận trưa, cái đó làm cho anh ta thấy mình giống với người ở bên ngoài.

Trong Hỏa Lò hiếm khi tù bị gọi đi cung vào chủ nhật. Trường hợp đi cung chủ nhật chỉ xảy ra với những can phạm vừa mới bị bắt, mà phải là can phạm trọng án kia, chấp pháp cần lấy cung gấp kia, chứ can phạm thường thì có thể yên tâm ngủ kỹ. Chủ nhật, ngày của Chúa, mọi người đều nghỉ, kẻ tin Chúa cũng như kẻ vô thần, kẻ bắt tù lẫn kẻ ở tù. Không hiểu Huỳnh Ngự giờ bắt tội tôi phải thức dậy khi chưa đã giắc làm gì? Y chưa chán đấu khẩu với tôi sao?

Tính ra đã bốn tuần lễ trôi qua kể từ hôm tôi bị bắt. Đúng là thời gian thấm thoắt thoi đưa!

Ấy là nhờ Thành thông báo tôi mới biết chứ tôi chẳng nhớ gì hết. Tôi đã nhất định không tính đếm là không tính đếm. Đếm những ngày ngồi tù làm gì kia chứ? Để vận công thức “nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại” ra mà so mình với ông Bành Tổ chẳng? Chao ôi, khi nghĩ tới thời gian thì cái thời gian xà lim nó dài lắm, chẳng có cái thời gian nào dài bằng nó! Tốt nhất là hãy quên đi, quên ngày quên tháng, quên mẹ quên cha, quên con quên vợ, quên nhiều thứ khác nữa, quên tuốt tuột. Như thế mới chịu đựng nổi, mới không phát điên, mới không xé quần áo chăn mìn ra mà bện lấy một sợi thừng treo cổ. Chỗ để treo thì bao giờ cũng có, ở đâu mà chả có, mặc dầu thoát nhìn thì cái xà lim trống trơn có vẻ như chẳng có chỗ nào để mà treo. Thành kể, có người tù buộc dây ngay vào cái song sắt bé tí tẹo nơi cửa kiểm tra (le judas) mà treo. Thế mà chết đấy! Nhưng phải rất quyết tâm kia, phải rất có gan kia: le judas chỉ cao ngang mặt một người tầm thước.

Tôi hình dung mình treo ở cái song sắt đó, đầu ngoeo về một bên. Không, mình sẽ không chọn cái chết như thế. Trông chẳng ra làm sao cả! Nếu có chết thì cũng phải chết sao cho đẹp đẽ một tí.

Thỉnh thoảng, như thể động viên tôi, Thành lại ngâm nga hai câu thơ chẳng rõ của anh hay của ai:

*Còn trời còn đất còn non nước,*

*Có lẽ ta đâu mãi thế này!*

Hách chăm chú quan sát tôi mặc thêm áo bông, đi giày. Tôi cảm thấy cái nhìn của y lướt trên thân mình, như thể cái nhìn của y có sức nặng. Hách có cái nhìn vô tình, nhìn người mà như thể nhìn vào khoảng không hoặc nhìn đồ vật. Dưới cái nhìn như thế, người tù thấy mình thuộc về cái phần nhân loại bỏ đi theo cách phân loại nazi<sup>11</sup>, không đáng được sống, chỉ đáng quăng vào lò thiêu. Trong khi người tù chưa vào đó, Hách chẳng thương xót cũng chẳng ghét bỏ. Y ở trên cao, đứng dựng ngó xuống.

Cũng có khi tôi tưởng tượng ra điều không có, tôi suy diễn, chứ trong khi đi cùng y ra phòng hỏi cung, Hách cư xử với tôi cũng chẳng đến nỗi nào. Ngắm cái đầu bù xù của tôi một lát, y nói bằng giọng ôn tồn:

- Tóc anh tốt rồi đấy! Chiều rồi, tôi cắt cho.

Huỳnh Ngự đón tôi trong chiếc áo bông khoác ngoài bộ dạ đen kiểu Tôn Trung-sơn thường lệ. Trời lạnh cắt da. Ngồi trong phòng đóng kín cửa mà tôi vẫn còn thấy cái run từ trong ruột.

*Trong tù không có gương. Chẳng biết mình già, trẻ? Thành vẫn thường ngâm nga câu ấy.*

<sup>11</sup> Chủ nghĩa xã hội quốc gia, gọi tắt là Quốc Xã, một trào lưu chính trị khởi đầu từ năm 1920 cùng với sự thành lập Đảng công nhân quốc gia xã hội (Nationalsozialistische Deutsche Arbeiterpartei, hoặc NSDAP), gọi tắt là Nazi.

Nhin cổ tay tôi biết mình gày đi nhiều. Ăn uống như thế không gày đi sao được? Còn già đi bao nhiêu thì không biết. Trong Hỏa Lò tôi chưa bao giờ gặp một cái gương. Tôi mới ba mươi tư tuổi. Nỗi lo sợ cái già chưa làm phiền tôi.

Bên ấm trà, Huỳnh Ngự tào lao với tôi một lúc lâu. Qua câu chuyện lấp lửng, đầy những câu úp mở của y, tưởng chừng lấp ló đâu đây, ngay sau lưng y một tương lai nếu không sán lạn thì cũng rất dễ chịu - chẳng còn bao lâu nữa chúng tôi sẽ được trở về với gia đình. Rồi đây Đảng vô cùng anh minh và rất mực nhân từ<sup>1</sup> sẽ bố trí cho chúng tôi mỗi người một công tác thích hợp và một vị trí xứng đáng.

Tôi im lặng nhấp từng ngụm trà đặc, lơ đãng nghe.

Khi nào Huỳnh Ngự lên cơn giảng đạo thì nét mặt y thay đổi hẳn. Y không phải hiền đi, mặt y khó mà hiền được, nhưng nó ngây ngô hẳn, ngớ ngẩn hẳn, lúc nhe răng cười không thành tiếng, lúc bậm môi lại, răng nghiến ken két. Khi nào thật bốc, y nói liên chi hồ điệp, tán như khiếu, khiến tôi lại nhớ tới câu nói “nghe Việt Minh nói, kiến trong lỗ cũng phải bò ra” mà bật cười. Thế mà hồi trước nghe ai nói thế, tôi giận lắm đấy. Tôi cũng là Việt Minh mà. Về sau này, khoảng 1954 trở đi, dần dà thiên hạ biết sợ, không còn ai dám nói cái câu châm chọc ấy nữa.

Giữa chừng của buổi giảng đạo có một người đàn ông đứng tuổi bước vào, lặng lẽ ngồi xuống ghế bên cạnh Huỳnh Ngự.

Người đàn ông có gương mặt xương xương này dường như tôi đã gặp ở đâu đó nhưng tôi không nhớ ra. Chỉ thấy Huỳnh Ngự đối với anh ta có vẻ kính nể, y định ngừng lời để chào hỏi, hoặc để giới thiệu cho tôi biết, nhưng anh ta lạnh lùng phẩy tay ra hiệu cứ tiếp tục. Về sau tôi mới biết là một nhân vật quan trọng - cục trưởng Cục bảo vệ Đảng Nguyễn Trung Thành.

Đang thao thao bất tuyệt, bỗng Huỳnh Ngự sực nhớ ra điều gì, y lục lọi trong các túi rồi rút ra một mảnh giấy:

- Nè, anh nhận ra nét chữ ai đây không?

Y vui vẻ khoắng khoắng mảnh giấy trước mặt tôi.

Tôi nhận ra ngay nét chữ của cha tôi, mặc dầu khoảng cách khá xa. Cha tôi thuộc thế hệ nho học cuối cùng, bỏ chữ nho đi học chữ quốc ngữ. Vào thời ông còn trai trẻ, và rất lâu sau đó, người ta đặc biệt chú trọng chữ viết - học trò phải tập viết nắn nót cho đến khi đạt được cách viết chữ đẹp như chữ mẫu trong sách giáo khoa. Trong học đường, giờ tập viết được coi trọng không kém gì các môn học khác. Không hiểu thực dân Pháp cần đào tạo lớp thư lại mẫu mực cho chính quyền thuộc địa hoặc giả

<sup>1</sup> Hình như bệnh sáo ngữ là nét đặc trưng chung cho các quốc gia cộng sản sau khi chính quyền đã vững chắc. Ở Việt Nam những nhà báo biết dùng nhiều từ kêu oang oang được đánh giá là có tài.

nền giáo dục thời trước thích bề ngoài hào nhoáng, nhưng thế hệ cha tôi đã được rèn cặp để viết chữ rất đẹp. Thế hệ tôi viết tồi hơn nhiều. Thế hệ sau tôi còn tồi hơn nữa.

Tôi vờ nheo mắt, chăm chú. Rồi lắc đầu:

- Không, tôi không nhận ra.

Huỳnh Ngự đưa mảnh giấy lại gần thêm chút nữa:

- Nhận ra chưa nào?

Tôi vẫn lắc đầu.

- Mắt anh kém đến thế kia à?

- Cũng không đến nỗi kém lắm.

- Vậy mà anh không nhận ra đó.

Ý thú vị với trò trẻ con của y.

- Chù nhận ra chưa?

Màn kịch hôm ấy về sau hóa ra có lợi. Tưởng tôi cận thị nhẹ không chịu mang kính, Huỳnh Ngự thường hờ hênh để những bản cung trên bàn không che đậy, trong tầm mắt tôi. Nhờ đó tôi biết ai mới bị bắt, ai đã yếu lòng.

- Nè, thư ông già anh gởi cho anh đó! - Huỳnh Ngự đặt mảnh giấy xuống trước mặt tôi - Đọc đi. Tui qua bển một lát.

Người đàn ông chủ mục theo dõi thái độ của tôi. Tôi đoán anh ta đến để quan sát hiệu quả của việc tôi đọc bức thư.

Huỳnh Ngự chờ một lát cho tôi bắt đầu chú ý đọc rồi mới đứng lên, cùng một lúc với cục trưởng Cục bảo vệ Đảng. Hai người đi ra ngoài.

Thư cha tôi viết:

*"Con của bố,*

*Bố mấy hôm nay trong người yếu lắm. Bố rất lo lắng cho mẹ và các con ở nhà. Mẹ và các con cứ yên tâm về bố, ở đây bố có đủ thuốc men và được chăm sóc chu đáo. Đảng bắt bố là việc vạn bất đắc dĩ, Đảng buộc lòng phải làm như vậy vì bố có tội với Đảng, là đảng viên hoạt động cách mạng lâu năm, nhưng bố có khuyết điểm chỉ nhìn thấy những điều bất đồng chứ không nhìn thấy cái chung lớn lao, do thiếu ý thức tổ chức mà phạm vào những sai lầm nghiêm trọng có phuong hại cho Đảng. Bố mong con nghe lời bố thật thà báo cáo hết với Đảng những sai lầm khuyết điểm của mình trong bước ngoặt này*

của cách mạng. Phương châm của Đảng là trị bệnh cứu người, chứ với cán bộ cách mạng, Đảng không có mục đích trùng trị. Bố”.

Họ đi rồi, tôi nghiến ngấu đọc bức thư không chờ đợi.

Cảm giác duy nhất của tôi lúc ấy, khi đọc xong, tôi nhớ rất rõ, là xấu hổ, xấu hổ vô cùng. Mặt tôi nóng bừng. Mồ hôi vã ra. Đúng như người ta thường nói, tôi muốn có một lỗ nẻ để chui xuống đất.

Nguyên nhân nào đã khiến cha tôi viết cho tôi một bức thư như thế? Chao ôi, đó là cái gì nếu không phải là sự đầu hàng nhục nhã. Trong khi chúng tôi vô tội. Trong khi chúng tôi đang cắn răng lại để được ngẩng cao đầu. Trong khi chúng tôi đang đòi bọn độc tài phải trả lời trước công luận.

Bức thư của ông đặt vào tay chúng bằng chứng nhận tội. Cái gì là phạm vào những sai lầm nghiêm trọng có phương hại cho Đảng? Một bức thư rõ ràng không có lợi gì cho chúng tôi. Tôi như nhìn thấy bộ mặt Huỳnh Ngự nhăn nhở trong tiếng cười khoái trá.

Những dòng chữ thân thương của cha tôi quay cuồng trước mắt.

Trời hỡi, cha tôi, mà tôi quen nhìn như một anh hùng, lại hèn nhát đến thế ư?

Trong phút ấy, lạy Trời, tôi là đứa con bất hiếu! Tôi chỉ muốn cha tôi chết đi, nhưng hãy chết như một anh hùng! Tôi không muốn ông sống hèn hạ như thế này! Chết đứng còn hơn sống quỳ, chẳng phải chính ông đã dạy tôi như vậy sao?

Chúng tôi, những đứa con của ông, chúng tôi đã yêu ông biết mấy, đã kính trọng ông biết mấy!

Ý nghĩ đầu tiên đến với tôi là tôi sẽ đứng vững đến cùng. Cha tôi có thể đầu hàng, nhưng tôi thì không<sup>1</sup>!

Trong phút ấy, tôi sợ nhất phải gặp Huỳnh Ngự để y nhìn thấy sắc mặt tôi biến đổi. Y có thể quay về bất cứ lúc nào. Cái rét run biến đâu mất. Mồ hôi toát ra. Tôi chưa đầu hàng. Vậy mà cha tôi đã kéo cờ trắng thay cho tôi. Tôi sẽ chẳng dám nhìn thẳng vào mặt Huỳnh Ngự như trước. Nước mắt tôi ứa ra.

Tôi cúi ngóni bất động, đọc đi đọc lại bức thư, trong lòng tê tái. Tôi quên hẳn anh chàng công an phụ tá của Huỳnh Ngự vẫn ngồi lặng lẽ trong một góc, một người thấp bé, trán hói, gương mặt hiền lành, giống một thầy giáo làng.

<sup>1</sup> Về sau này, khi nói đến bức thư ấy, cha tôi chê trách tôi không thức thời. Theo ông, vì tôi không ở trong Đảng, tôi hoàn toàn không cần phải cứng rắn với bọn Duẩn - Thọ làm gì. Nếu tôi chịu hạ mình một chút thì không bị chúng giam thêm 3 năm, và 3 năm đó tôi có thể sống có ích hơn. Hơn nữa, vì sự cứng rắn vô ích, tôi có thể chết trong tù. "Con phải sống để có lúc phải nói lại chuyện này cho đồng bào nghe - cha tôi nói - Một xác chết, cho dù của người anh hùng, cũng chỉ là xác chết".

Cục 2<sup>1</sup>, người ta kể, có những tay tổ trong nghề giả mạo chữ viết ở trong bộ phận chuyên làm giả giấy tờ cho các điệp viên. Người ta đã tổng kết rằng chưa từng có điệp viên nào bị lộ vì sử dụng giấy tờ giả được Cục 2 cung cấp. Sau khi hòa bình lập lại (1954) Nha Công an Việt Nam đổi thành Thứ bộ Công an rồi Bộ Công an, Cục 2 đã chuyển cho Cục tình báo của bộ này một số chuyên gia của nó.

Bức thư có thể là của giả chăng?

Đáng buồn cho tôi, càng đọc kỹ, càng xem kỹ, tôi càng tin công an không làm giả bức thư. Chính là nét chữ của cha tôi.

Nhưng tôi cũng không tin cha tôi hèn nhát. Ông không phải người như thế. Cần bình tĩnh tìm bên trong bức thư quá khiêm nhường này những lời nhắn nhủ khác.

Trước ngày bị bắt, công an có chuyển đến cho tôi một bức thư cũng của cha tôi, trong đó ông khuyên tôi đến Ban tổ chức Trung ương để báo cáo về những khuyết điểm của mình. Tôi không tin đó là cha tôi viết. Tôi cũng không đến Ban tổ chức Trung ương. Không dại gì đi nhận những cái tội không có, tôi nghĩ, để Lê Đức Thọ sử dụng nó vào việc hại người khác. Mà nếu tôi không nhận tội theo ý Thọ thì báo cáo hay không báo cáo kết quả cũng như nhau.

Liệu cha tôi có biết tôi bị bắt không? Căn cứ lời lẽ trong thư, tất nhiên không rõ ràng, thì nhiều phần là không, ông chưa biết tôi bị bắt. Thì đây, nếu biết tôi bị bắt ông đã không viết “bố rất lo lắng cho mẹ và các con”. Như vậy là ông viết trong hoàn cảnh muốn bảo vệ vợ con trước sự đe dọa của bọn Duẩn-Thọ. Cha tôi muốn cứu tôi. Ông sợ nếu tôi cũng bị bắt nốt thì một mình mẹ tôi sẽ khó bề xoay xở để gia đình không tan nát.

Tại sao bức thư lại bị cắt ngắn ở phía dưới. Phải chăng người ta đã cắt đi dòng đề ngày tháng? Hoặc ở đó có dòng tái bút không vừa ý kẻ kiểm duyệt

Tại sao ông lại viết: “Bố rất lo lắng cho mẹ và các con”? Cái gì làm ông phải lo lắng? Ông lo ông bị bắt, không có lương của ông thì mẹ tôi không nuôi nổi con cái chăng? Đành rằng Đảng đã xích chặt cán bộ với mình bằng đồng lương - cán bộ đã quen sống bao cấp đến nỗi anh ta không thể sống nổi nếu anh ta bị cắt lìa khỏi cái vú Nhà nước. Nhưng mẹ tôi là người tháo vát. Bà có thể ra đường với một gánh hàng rong chứ không chịu vì mình mà chồng phải khuất phục cường quyền. Cha tôi chắc chắn phải hiểu điều đó. Chưa bao giờ tôi thấy ông viết một câu tương tự trong những bức thư gửi cho mẹ tôi. Mẹ tôi đã cho ông thấy không phải một lần rằng bà biết tự mình chèo chống khi vắng ông. Mà ông thường xuyên vắng nhà trong cuộc đời hoạt động cách mạng của hai người.

<sup>1</sup> Cục Quân báo (tình báo quân sự) được thành lập vào năm 1946, đến năm 1995 được nâng lên thành Tổng cục 2. Tổng cục này về mặt danh nghĩa trực thuộc Bộ Quốc phòng, trong thực tế nó trực thuộc Bộ Chính trị và Tổng bí thư Đảng.

Ghép những câu đùa bỡn của bạn bè cha mẹ tôi với những câu chuyện mẹ kể về thời trẻ của hai ông bà, tôi mường tượng ra mối tình của hai người. Nó bắt đầu từ cuộc gặp gỡ giữa hai tổ chức yêu nước để bàn việc hợp nhất cho mục đích cách mạng. Tổ chức của mẹ tôi gồm một nhóm nữ sinh tự động kết hợp với nhau mà thành<sup>1</sup>. Trong sách sử người ta ghi lại tình hình này bằng câu: các tổ chức cách mạng mọc lên như nấm. Trong thời kỳ này mẹ tôi, một nữ sinh trường trung học Brieux, đã cùng các bạn tổ chức một cuộc bãi khóa bảo vệ Phạm Tất Đắc<sup>2</sup>, tác giả bài thơ nổi tiếng Chiêu Hồn Nước.

Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội hồi bấy giờ đã là một tổ chức vững chắc, có uy tín trong dân chúng. Cha tôi đại diện cho tổ chức này đi chắp nối với các tổ chức yêu nước khác, kêu gọi hợp nhất để tăng thêm sức mạnh. Mối tình của hai người này nở từ những cuộc gặp gỡ đó<sup>3</sup>. Đó là một mối tình lãng mạn, đầy chất thơ cộng với lòng yêu nước nồng nhiệt của hai con người quyết không chịu sống trong thân phận nô lệ.

Chúng tôi lần lượt ra đời. Không thể nào cả hai ông bà cùng đi hoạt động để không còn ai trông nom dạy dỗ con cái. Trong hai người phải có một người ở nhà làm việc đó. Người phải ở nhà tất nhiên là mẹ tôi. Bà vừa trông con, vừa làm các công tác thích hợp được Đảng giao phó - lo toan kinh tế cho đoàn thể, giữ liên lạc với các đồng chí. Các ông Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt, Trần Huy Liệu, Trần Đình Long, Xuân Thuỷ<sup>4</sup>, Nguyễn Duy Trinh, Lê Quang Đạo, Văn Tiến Dũng, Lê Thanh Nghị, Trần Đăng Ninh, Khuất Duy Tiến, Đăng Châu Tuệ<sup>5</sup>, Đăng Kim Giang, Bùi Lâm, Đăng Việt Châu<sup>6</sup>... đều đã qua lại cơ sở được đảm bảo chắc chắn này của cách mạng.

Vậy thì lần này, lần kế tiếp của những sóng gió xảy ra trong cuộc đời đôi vợ chồng cách mạng, cái gì đã làm cho cha tôi lo lắng đến như thế?

Tôi suy nghĩ rất lung.

<sup>1</sup> Sau này, trong nhóm các nữ sinh trong tổ chức ấy, mẹ tôi chỉ còn gặp lại bà Đỗ Đình Thiện, hoặc chỉ còn hai người vẫn giữ được tình bạn với nhau. Mẹ tôi kể có lần bị mật thám lùng bắt, bà Thiện đã dùng dây thừng tụt từ trên gác cao xuống trốn thoát, nhưng bàn tay mõi mài vẫn còn mang vết sẹo. Cuộc bãi khoá đầu tiên nổ ra trong học đường để bảo vệ tác giả bài thơ Chiêu Hồn Nước là của nữ sinh trường trung học Brieux.

<sup>2</sup> Phạm Tất Đắc (1910-1935), học sinh trường Bưởi, tham gia truy điệu cụ Phan Chu Trinh rồi viết bài thơ nổi tiếng Chiêu Hồn Nước, được Nhà xuất bản Thanh Niên in, được chép tay để tán phát, nhiều người thuộc lòng bài thơ này. Vì những lý do trên, ông bị chính quyền thuộc địa bắt (1926), mãi tới năm 1930 mới thả ra.

<sup>3</sup> Trong những cuộc gặp gỡ này còn có bạn mẹ tôi, bà Đỗ Đình Thiện. Số tiền lớn nhất mà Đảng có thể chuẩn bị Cách Mạng Tháng Tám là của hai gia đình tư sản Trịnh Văn Bô và Đỗ Đình Thiện đóng góp.

<sup>4</sup> Xuân Thuỷ (1912-1985), nhà cách mạng, từng có chân trong Ban Bí thư trung ương Đảng, bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

<sup>5</sup> Nguyễn chủ tịch tỉnh Ninh Bình thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp.

<sup>6</sup> Một cán bộ cách mạng lâu năm, trong thập niên 60 và 70 giữ chức phó thủ tướng.

Cuối cùng rồi tôi cũng nhận ra những lời đính thực mà cha tôi muốn nhẫn nhủ, đặt những dòng viết vào trong văn cảnh thời hiện tại: “*bố lo bọn chúng sẽ không từ một thủ đoạn khủng bố nào để đàn áp những người dám cưỡng lại ý chúng...*”

Chính mẹ tôi cũng đã căn dặn chúng tôi:

- Xem ra chuyện này không đơn giản đâu, các con ạ. Nó rất không bình thường. Hoàn toàn không phải chuyện địch dụng vụ để ta tàn sát lẫn nhau như đã từng xảy ra<sup>1</sup>. Có điều cần phải nhận rõ rằng chính quyền ngày nay không phải của ta nữa rồi. Bọn lợi dụng thành quả cách mạng chỉ còn chưa xưng vương được mà thôi. Chúng đã leo được lên đầu lên cổ nhân dân, chúng sẽ không dừng lại. Phải biết giả câm giả điếc mà sống qua giai đoạn này, các con ạ. Nếu chúng nó bắt mẹ thì Hiên trông các em. Nếu Hiên cũng bị bắt thì đến Phương... Cứ thế mà trông nom nhau.

Bà đưa chúng tôi vào Hà Đông để thăm bác Đinh Chương Dương.

Bác Đinh là người đưa cha tôi vào đường cách mạng, cho nên cha tôi coi bác như nghĩa huynh. Hai người gặp nhau khi cha tôi còn là một học sinh 15 tuổi, tại thị xã Tuyên Quang. Ông Vũ Đình Linh, anh cả của cha tôi, hồi ấy làm công chức cho Pháp trên tỉnh mạn ngược này.

Những người tù chính trị làm cỏ-vé<sup>2</sup> ở núi Cố đã giác ngộ lòng yêu nước cho cha tôi, trong đó bác Đinh gần gũi với cha tôi hơn cả. Cha tôi đã nhận quà sáng, xin thêm tiền chị dâu để sắm quần áo cho cuộc vượt ngục của bác Đinh và một số đồng chí. Sau đó, mất liên lạc với bác Đinh, cha tôi tự viết truyền đơn, tự tay đi rải ở thị xã Thái Bình và ở đây ông bị bắt lần đầu. Tôi có hỏi vì sao ông làm một hành động tự phát và nông nổi như vậy thì ông bảo lúc ấy ông nghĩ rằng chỉ có bằng cách đó ông mới có thể tìm ra con đường dẫn ông tới với ông Đinh Chương Dương và tổ chức cách mạng.

“Huỳnh ơi! Huỳnh ơi! Huỳnh ơi!” Nghe tin dữ, bác Đinh đang nắm liết đập tay xuống giường kêu lên ba lần, khóc nức nở. Nhìn người già lẩn lộn khóc lóc, lòng tôi đau quặn. Mẹ tôi nói với bác Đinh: “Em cũng có thể bị chúng nó bắt, bởi vì em cũng biết nhiều điều bí mật chồng em biết. Nếu em bị bắt thì cháu Hiên sẽ thay mặt vợ chồng em vào thăm bác, cháu Hiên bị, còn cháu Phương, còn lại một đứa nào trong mười đứa con em thì còn có đứa vào đây thăm bác”. Rồi mẹ tôi nghẹn ngào, nụ cười méo xệch:

<sup>1</sup> Mẹ tôi có ý nói tới vụ phản tình báo H 122 xảy ra trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Một điệp viên Việt Minh được cử vào nội thành trở thành người hầu cho viên sĩ quan chỉ huy Phòng Nhì Pháp. Viên sĩ quan phát hiện người hầu của mình là điệp viên của Việt Minh, nhưng anh ta vờ không biết, tạo hoàn cảnh thuận lợi cho điệp viên này đánh cắp một tài liệu tối mật để trong két sắt. Tài liệu giả lập tức được chuyển tới cơ quan đầu não của kháng chiến. Bị mắc lừa Phòng Nhì, cuộc trấn áp những cán bộ “bị địch mua chuộc” bắt đầu. Nhiều cán bộ, nhất là cán bộ quân đội, bị bắt giam, bị thẩm vấn bỗng nhục hình. Một số không chịu đựng được đã tự sát. Vụ này do Hoàng Quốc Việt phụ trách.

<sup>2</sup> Từ tiếng Pháp corvée = lao dịch, theo nghĩa khổ sai.

"Đẻ nhiều đâm ra những lúc như thế này lại có lợi, bácạ!". Bác Đinh hỏi tôi: "Cháu có nhớ chuyện "giật giải mữ"<sup>1</sup> không?". Tôi thưa có. Bác nói: "Người xưa còn thế được, người nay mà thế a?!"

Mẹ tôi ít đọc sách, nhưng trái tim trong sáng luôn mách bảo bà, giúp bà nhìn thấu bản chất sự việc. Tại sao tôi lại không nghĩ ra nhỉ? Phải chăng trong góc sâu kín nào của tâm hồn, tôi vẫn còn ngờ có những điều cha tôi giấu tôi. Phải chăng vì ông có giao du với những người mưu toan cướp chính quyền, nên lãnh đạo Đảng mới bắt ông? Nhiều người ngây thơ cũng đã nghĩ như tôi, sau này ra tù rồi tôi mới được biết. Chúng tôi tin Đảng, như bây giờ người ta nói, hơi bị nhiều.

Dưới thời Stalin không ít người cộng sản vô tội bị hãm hại, giờ ai cũng biết. Điều ít ai biết là những người này, sau một thời gian được xử lý tại các xà lim, đã nhận những tội họ không hề phạm, đã nói những lời ăn năn, hối lỗi. Những nhà nghiên cứu đã tìm hiểu hiện tượng này và họ thống nhất trong nhận định: nguyên nhân của sự đầu hàng chóng vánh là bộ máy đàn áp hứa hẹn chắc chắn sẽ thanh toán, hiểu theo nghĩa tiêu diệt, cả gia đình họ nếu họ không chịu nhận tội. Trong nỗi tuyệt vọng trước viễn cảnh đen tối, những người bị trấn áp chỉ còn một con đường duy nhất: làm ra vẻ khuất phục để ít nhất cũng cứu được vợ con<sup>2</sup>.

Huỳnh Ngự nhắc khéo tôi:

- Hôm rồi vợ anh dắt các cháu tới đây xin cho các cháu gặp ba! Các cháu xinh xắn hỉ? Chị khóc, các cháu khóc, chúng nó nhớ ba, trông mà ái ngại. Anh phải nghĩ tới vợ con anh chứ. Ai người ta cho vợ một tên chống Đảng ở trong biên chế Nhà nước nữa? Mất việc rồi chị ấy lấy chi nuôi con? Rồi đây con cái anh sẽ ra sao? Chúng nó sẽ đứng đường, một khi anh vẫn ngoan cố, vẫn không chịu hối cải để được Đảng khoan thứ. Đừng sợ Đảng trùng trị mà giấu giếm tội lỗi. Hãy lo mình chưa tận trung. Đảng bao giờ cũng giơ cao đánh sẽ...<sup>3</sup>

Một hôm khác y dụ dỗ:

<sup>1</sup> Trang Vương nước Sở (613-591 trước CN) đăng quang, mở tiệc đãi quần thần đã cùng nhà vua nằm gai ném mật. Tiệc đang vui thì có ngọn gió làm tắt hết đèn nến. Nhân lúc nhá nhem, một viên quan đã xâm xở sờ vú hoàng hậu. Hoàng hậu giật được cái giải mữ đem mách vua. Nhà vua truyền cho các quan giật đứt hết giải mữ rồi mới được tiếp tục cuộc vui, thành thử sau đó không biết ai là người đã làm chuyện quấy nữa. Trang Vương về sau có một tội trung, những lúc khó khăn gian khổ bao giờ cũng ở cạnh bên ông, chính là tên tiểu quan phạm tội.

<sup>2</sup> Chín năm sau, hai cha con gặp nhau tôi mới biết chính Lê Đức Thọ và Trần Quốc Hoàn đã vào tận xà lim cha tôi dụ hàng. Lúc đó cha tôi đang tuyệt thực. Thọ sợ cha tôi sẽ tuyệt thực đến chết trong khi âm mưu dựng vụ chưa xong sẽ gây ra dư luận xấu trong Đảng và ngoài xã hội. Y hứa danh dự sẽ không bắt tôi, nếu cha tôi chịu ngừng tuyệt thực ấy. Nhưng sau đó Thọ đã nuốt lời hứa.

<sup>3</sup> Trong thời gian xảy ra vụ Nhóm xét lại chống Đảng, con cái những người bị giam giữ trong vụ này không được thi vào đại học, thảng hoặc có trường hợp được thi thì chỉ được vào các trường kém về như đại học nông lâm, đại học thư viện... Cho mãi tới năm 1981 con gái đầu của tôi tốt nghiệp đại học ngoại ngữ với điểm cao, đủ tiêu chuẩn được đi nước ngoài thực tập, nhưng không được đi vì "cha có tiền sự".

- Ngày, anh phải cố gắng lên chứ. Anh Sáu nói ảnh sẽ bố trí thời gian cho anh được gặp đấy. Nhưng anh phải thế nào chứ cứ thế này thì chẳng cho gặp đâu. Được gặp anh Sáu anh cứ xin ảnh, biết đâu ảnh chẳng thương tình mà cho về...

- Tôi không hiểu cố gắng nghĩa là thế nào.

- Còn nghĩa là thế nào nữa! Là phải thành khẩn khai báo, phải nhận mọi tội lỗi với Đảng, thì Đảng sẽ khoan hồng.

Tôi nhớ tới bức thư của cha tôi. Từ hôm được đọc bức thư, nó không rời khỏi đầu tôi. Cha tôi nói, ông “*có tội với Đảng... thiếu ý thức tổ chức, do đó phạm những sai lầm nghiêm trọng có phuong hại cho Đảng*”. Những sai lầm nghiêm trọng nào? Ông nhận tội gì kia chứ? Ông nhận ông thiếu ý thức tổ chức, nhưng ý thức tổ chức là cái gì khi chính cái tổ chức không còn là tổ chức của ông?

Thời gian cuối trước khi hai con bị bắt, do thường xuyên công tác xa nhà, tôi ít có dịp gần cha tôi. Qua những buổi tâm sự rời rạc tôi hiểu cha tôi cuối cùng đã giác ngộ được điều mà người ngoài Đảng đã biết từ lâu: Đảng không còn là Đảng trước kia nữa.

Tôi không tin ông chống Đảng theo quan niệm thông thường. Do tính cố chấp nhà kho, lòng ông bất nhẫn khi phải chống lại tổ chức mà trước kia ông từng là thành viên. Ông không bằng lòng nó, ông giận nó, ông muốn cải tổ nó, ông muốn nhiều thứ, trừ việc xoá bỏ nó.

Hay ông bị người khác lôi cuốn vào những việc làm chống Đảng mà chính ông không biết? Có thể người ta lợi dụng ông, người ta cần đến những nhà cách mạng lão thành như cần một ngọn cờ?

Chuyện đó cũng không thể có. Ông không đến nỗi ngây thơ để bị lợi dụng. Ông cũng chưa lú lẫn. Trong ông niềm tin ở Đảng chưa tắt. Ông vẫn hy vọng Đảng sẽ thay đổi. Không thể nào một Đảng đã kiên cường đấu tranh cho độc lập dân tộc như thế lại không hiểu được rằng nền độc lập sẽ không thể là độc lập, khi lệ thuộc ngoại bang, rằng tự do không thể là tự do, nếu không có tự do tư tưởng.

Vậy thì mâu thuẫn gây ra cuộc trấn áp tàn bạo chỉ nằm trong sự không đồng nhất của những quan điểm về chủ nghĩa cộng sản chẳng?

Khi Lê Đức Thọ xưng “Đảng là tao!”, khi Lê Duẩn tuyên bố “Kẻ nào không theo ta, kẻ đó chống ta”, thì bất cứ ai nghĩ khác họ trong bất cứ lĩnh vực nào cũng là kẻ chống Đảng.

Và kẻ chống Đảng phải bị trấn áp.

Nhờ ảnh hưởng văn hóa phương Tây, ảnh hưởng tinh thần tự do của Đại Cách mạng Pháp 1789, cha tôi không sùng bái cá nhân. Tuy nhiều năm làm việc với ông Hồ, cha tôi chỉ kính trọng ông như kính trọng một nhà cách mạng lão thành, một nhà lãnh đạo tài ba, nhưng không bao giờ mù quáng sùng phục ông Hồ. Với cha tôi, không có thánh nhân trong các đồng chí. Mỗi người cộng sản lãnh một chức trách để thực hiện mục đích của cách mạng. Vị trí anh ta ở đó, giá trị anh ta cũng ở đó. Ông khinh bỉ thói luồn cúi.

Cũng không phải ông Hồ Chí Minh khó chịu với cha tôi mà sai Lê Đức Thọ bắt ông. Giữa hai người quả đã có những mâu thuẫn về quan điểm đối với vấn đề ruộng đất, trong thái độ đối xử với trí thức, với những nhà tư sản và địa chủ yêu nước. Nhưng mâu thuẫn ấy chưa bao giờ đi tới mức hận thù nhau. Lê Đức Thọ, và cả Lê Duẩn nữa, chắc phải xúc xiểm nhiều lắm, bịa đặt nhiều lầm mới làm cho ông Hồ bỗng lòng bỏ tù một loạt cán bộ có công với cách mạng. Ông Hồ mà không bỗng lòng thì Duẩn-Thọ không thể làm một việc có thể ảnh hưởng tới uy tín của Đảng đến như thế.

Cha tôi, theo tôi nhận xét, là người công bằng và độc lập trong cách nhìn nhận sự việc. Căn cứ những gì ông biết trong thời gian làm việc bên cạnh ông Hồ Chí Minh, mặc dầu có nhiều tình cảm với ông Hồ Chí Minh, ông vẫn khẳng định người chịu trách nhiệm chính trong Cải cách ruộng đất là ông Hồ, chứ không phải Trường Chinh, như đã có sự ngộ nhận kéo dài nhiều năm. Bởi vì ông Hồ trong giai đoạn ấy là người nắm toàn quyền lãnh đạo, với tư cách chủ tịch Đảng và chủ tịch nước. Không một ai trong ban lãnh đạo Đảng có cái quyền to lớn ấy. Trường Chinh là con dê tế thần cho sai lầm của ông Hồ. Tuy nhiên, Trường Chinh cũng không phải vô can. Không phải là người khởi xướng và quyết định, nhưng Trường Chinh là người rất hăng hái tiến hành cải cách ruộng đất để dùng nó mà củng cố uy tín cá nhân, với tư cách người kế vị hiển nhiên của "Cha già dân tộc".

Vụ cải cách ruộng đất không đơn giản như nhiều người nghĩ. Nó là tội ác. Điều đó không cần phải bàn cãi. Tội ác là cái nỗi ở hậu quả sau cùng của sự việc, nó là tên gọi của kết luận. Ông Hồ Chí Minh là người chịu trách nhiệm chính, lớn nhất, nặng nhất trong việc khởi đầu tội ác đó. Nhưng, công bằng mà nói, lại chính ông Hồ là người trấn trừ nhiều nhất đối với việc làm hay không làm cải cách ruộng đất. Trong thâm tâm ông không muốn tiến hành Cải cách ruộng đất giữa lúc cuộc kháng chiến chống Pháp đang bước vào giai đoạn quyết liệt. Ông không muốn chính quyền cách mạng yếu đi, trong lúc trước mặt là kẻ thù xâm lược vẫn còn đủ mạnh để kéo dài cuộc chiến tranh không thể biết chắc chắn bao giờ sẽ chấm dứt. Ông đã buộc phải nghe theo lời khuyên của Mao, hay gọi là chỉ thị của Mao thì cũng thế, và dường như của cả Stalin nữa, khi họ thấy sau vụ Đảng cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán (vờ) vào cuối năm 1946, một Hồ Chí Minh không giống như những người cộng sản staliniste khác, đã tỏ ra không tin tưởng ông.

Trong quyết định cho Quốc hội ra Sắc lệnh cải cách ruộng đất năm 1953 khía cạnh tâm lý có tầm quan trọng lớn: ông Hồ không muốn bị vu vạ thêm một lần như ông đã từng bị Quốc tế cộng sản vu vạ (hay nhận định đúng?) rằng ông là người quốc gia chủ nghĩa, không có lập trường mác-xít<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Trong một bản hồi ký của Hoàng Tùng được lưu hành không chính thức có viết: "Bác có đi dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản nhưng không được bầu vào Ban chấp hành. Lần này sang, do cách hoạt động của mình, Bác bị Liên Xô nghi ngờ là chưa đủ tiêu chuẩn cộng sản. Sang Liên Xô Bác không được giao việc gì cả, không có chức vụ chính thức trong tổ chức quốc tế. Bác xin về, họ không cho tiền. Sau Bác phải xin tiền bạn bè để về. Bác về Xiêm tìm đến các gia đình người Nghệ như gia đình cụ Đặng Thúc Hứa. Bác hoạt động trong Việt kiều. Sau đó Bác có sang cả Lào để gây dựng cơ sở ở đó. Như thế việc Bác về Xiêm là do Bác chủ động chứ không phải là do Quốc tế phân công".

Như vậy, Cải cách ruộng đất được quyết định trong hoàn cảnh có sự thúc ép mạnh mẽ từ bên ngoài<sup>1</sup>. Nó bắt đầu vào những năm 1953-1954, khi tình hình các chiến trường, tình hình trong nước và thế giới trở nên đặc biệt thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống Pháp, làm cho ông Hồ có cảm giác chiến thắng cuối cùng đã gần kề.

Những nhân vật kế cận ông Hồ như Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Hoàng Văn Hoan<sup>2</sup>, Lê Văn Lương, Hoàng Quốc Việt... vốn là những mao-ít nòi. Được dịp để thi thố khả năng, họ vừa thúc bách ông, vừa hùn vào quyết định còn đang lung lay của ông.

Tuy nhiên, đối với ông Hồ Chí Minh họ lúc nào cũng giữ bộ mặt những học trò khiêm tốn. Bên cạnh ngôi sao sáng Hồ Chí Minh, tổng bí thư Trường Chinh không có vai trò lớn như nhiều người lầm tưởng. Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp không bao giờ dám, và cũng không bao giờ được phép tự mình quyết định những chủ trương lớn.

Vào giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, khi ở vùng tự do Thanh Hóa, Nghệ An thuộc Liên khu 4 cán bộ giảm tô giảm tức kích động nông dân hành hạ dã man những địa chủ, nói cho đúng là những nông dân giàu có, cha tôi tức tốc lên Việt Bắc báo cáo tình hình xảy ra với chủ tịch. Ông Hồ hốt hoảng hạ lệnh đình chỉ tức khắc cuộc giảm tô giảm tức cường đạo và gửi thư xin lỗi đồng bào.

Ông Hồ đã nghe cha tôi vào thời kỳ ấy, nhưng đến Cải cách ruộng đất thì ông không nghe nữa. Lúc ấy ông đã bị các cố vấn Trung Quốc và những lý thuyết gia mao-ít nội hóa thuyết phục hoàn toàn. Vả lại,

<sup>1</sup> Cũng trong hồi ký nói trên Hoàng Tùng viết: "Thuyết của họ là không dựa vào tổ chức cũ mà tổ chức lại một số tổ chức khác của Đảng, họ phủ nhận hết các tổ chức khác như chính quyền, các đoàn thể. Ai lãnh đạo cách mạng tháng tám thành công, ai lãnh đạo cuộc kháng chiến từ năm 1945 đến năm 1953. Thế mà họ thẳng tay bỏ hết, trong đó có mấy ngàn người bị xử tử. Mục đích của họ không phải là cải cách ruộng đất mà là đánh vào Đảng ta. May mà đến năm 1956 ta kịp dừng lại, nếu không thì tan nát hết". Cuốn hồi ký này có nhiều lời chứng và sự suy luận không đáng tin cậy, theo tôi.

<sup>2</sup> Hoàng Văn Hoan (1905-1994) Nhà hoạt động chính trị, nhân vật nổi tiếng trong Đảng cộng sản Việt Nam. Năm 1928, ông cùng với Hồ Chí Minh lập ra Đảng cộng sản Thái Lan, đảng viên chủ yếu là người Tàu và người Việt. Cùng nhau ra tờ Tiếng Chuông ở tỉnh Nakhuphanom. Ở Đại hội III ĐCSVN ông được bầu vào Bộ Chính trị, nhưng từ năm 1970, ông không được Lê Duẩn và Lê Đức Thọ cho dự các cuộc họp của Bộ Chính trị, trên thực tế là bị loại khỏi cơ quan quyền lực tối cao của Đảng. Nhân một chuyến đi Đức chữa bệnh, ông bỏ trốn sang Trung Quốc từ Karachi (Pakistan). Chính quyền Việt Nam đã tuyên án xử tử vắng mặt đối với ông. Chết tại Bắc Kinh, ông được chôn cất tại nghĩa trang Bát Bảo Sơn, nơi dành cho chức sắc cao cấp của nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Mặc dầu khác nhau về quan điểm trong phong trào cộng sản quốc tế, cha tôi rất quý mến và kính trọng ông, với tư cách một đồng chí trung kiên, chí công vô tư, không màng tới bất cứ đặc quyền đặc lợi nào. Con cả của ông Hoàng Văn Hoan, anh Hoàng Nhật Tân, không cùng quan điểm với cha, bị buộc tội có quan điểm xét lại. Trường Chinh nói với Hoàng Văn Hoan: "Coi chừng, quý công tử ành hưởng xét lại nặng lắm đấy!", và buộc anh Hoàng Nhật Tân phải đi lao động thực tế tại Thái Nguyên. Hoàng Nhật Tân may mắn không bị bắt trong vụ "nhóm xét lại chống Đảng".

Ông nghe làm sao được khi trên báo Nhân Dân ngày nào cũng tràn ngập tin tức về những thắng lợi rực rỡ của cuộc cách mạng long trời lở đất.

Câu chuyện về Hồ Chí Minh trong thâm tâm chống lại chủ trương Cải cách ruộng đất, bức bối vì nó mở màn bằng việc bắn một người đàn bà, như một số người muốn bào chữa cho ông, theo tôi nghĩ, là chuyện tầm phào. Một lệnh ông Hồ ban ra không chỉ cứu một bà Nguyễn Thị Năm<sup>1</sup>, nó còn cứu hàng ngàn người bị giết oan trong Cải cách ruộng đất lần Chính đốn tổ chức do Lê Văn Lương song song tiến hành. Ông Hồ đã không cứu bà Năm. Ông không cứu ai cho tới khi những sai lầm tích tụ lại thành cái nhọt bọc. Lúc cái nhọt bọc vỡ ra ông mới tỉnh cơn mê.

Nhưng đã muộn.

Trong những ngày u ám đó, cha tôi được cử làm bí thư Đoàn ủy một đoàn Cải cách ruộng đất. Là người có kinh nghiệm vận động quần chúng, ông thấy ngay rằng Cải cách ruộng đất đang mắc sai lầm. Nó đi chệch mục tiêu “người cày có ruộng”, theo ông nghĩ, biến thành một cuộc tàn sát chỉ để tàn sát, một dịch cuồng amok<sup>2</sup> của châu Á. Trong cuộc đời cách mạng của ông, ông đi nhiều, tiếp xúc nhiều, ông hiểu đất nước ông, ông hiểu đồng bào ông. Ông không tin kết luận của các thầy Tàu nói phàm nông dân giàu có đều là địa chủ chống cách mạng, chống kháng chiến. Ông tin ở lòng yêu nước của đồng bào. Chính những nông dân giàu có, những địa chủ nhỏ, theo ông, là những người sờm giác ngộ cách mạng do ý thức được tự giải phóng khỏi thân phận nô lệ hơn lớp bần cống nô do quá nghèo đói và mù chữ không có điều kiện tiếp xúc với trí tuệ cách mạng. Những nông dân giàu đã có công lớn trong việc cnuôi cán bộ, bộ đội trong những ngày đầu kháng chiến, khi chính quyền cách mạng còn trứng nước. Không phải sự nghèo khổ làm cho người ta có ý thức cách mạng. Trong chuyện này người ta quên hẳn lời những nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx “ý thức cao nhất của công nhân chỉ là ý thức công đoàn”.

<sup>1</sup> Hoàng Tùng, nguyên bí thư Trung ương Đảng, nguyên Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương, viết trong hồi ký: “Nguyễn Thị Năm tức là Cát Hanh Long có một người con làm trung đoàn trưởng ở cục chính trị của Văn Tiến Dũng. Gia đình bà trong dịp Tuần lễ Vàng có hiến 100 lượng vàng. Bà còn tham gia công tác của Hội phụ nữ từ năm 1945 đến 1953. Tôi chưa đến đó lần nào, các anh Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Đức Thọ thường hay ăn cơm ở nhà bà. Gia đình Nguyễn Thị Năm cũng giống như các gia đình Đỗ Đình Thiện, Trịnh Văn Bô giúp đỡ nhiều cho cách mạng. Chọn địa chủ Nguyễn Thị Năm để làm trước là do có người mách cho cố vấn Trung Quốc. Họp Bộ chính trị Bác nói: “Tôi đồng ý người có tội thì phải xử thôi, nhưng tôi cho là không phải đạo nếu phát súng đầu tiên lại nổ vào người đàn bà, mà người ấy lại cũng giúp đỡ cho cách mạng. Người Pháp nói không nên đánh đàn bà, dù chỉ đánh bằng một cành hoa”. Lời của Hồ Chí Minh mà Hoàng Tùng dẫn khó có thể tin được, vì một lẽ đơn giản, các cố vấn Trung Quốc không có quyền quyết định xử tử một người cụ thể nào, quyền đó thuộc hai nhà lãnh đạo tối cao trong giai đoạn đó là Hồ Chí Minh và Trường Chinh.

<sup>2</sup> Những con cuồng giết chóc không kiềm chế nổi bất thần xâm chiếm cả một bộ lạc, một vùng ở châu Á, khi những con người như bị mụ mẫm đi khi lao vào cuộc chiến hỗn độn, giết nhau không vì cái gì.

Cải cách ruộng đất ở Việt Nam và hình mẫu của nó là cải cách thổ địa ở Trung Quốc có một đặc điểm chung: những người cộng sản hoàn toàn không nghĩ tới việc giải quyết vấn đề ruộng đất cho dân cày. Khẩu hiệu người cày có ruộng về thực chất là một khẩu hiệu suông. Đây là chuyện có thể kiểm chứng: trước khi tiến hành cải cách ruộng đất thậm chí người ta không hề làm một cuộc điều tra khoa học nào về tình hình ruộng đất, nhất là về sự phân bố ruộng đất, ở trong nước. Chỉ có những báo cáo ước chừng, hoàn toàn không có cơ sở khoa học, dùng để tuyên truyền. Hồ Chí Minh, chủ tịch nước kiêm chủ tịch Đảng, và Trường Chinh, tổng bí thư – hai nhân vật chính của cuộc cải cách ruộng đất long trời lở đất – muốn xua quần chúng vào một cuộc chém giết mà mục đích thực của nó là thay thế hàng loạt cán bộ đã làm ra Cách mạng Tháng Tám bằng một lớp cán bộ hoàn toàn mới, rất mực trung thành với Đảng, hay ban lãnh đạo Đảng, vì lòng biết ơn đối với các vị đã cho mình được đổi đời. Trường Chinh và bộ sậu không mong muốn gì hơn thế.

Sự tráo trở được dựng thành lý thuyết: những nhà giàu mà những người cầm đầu cuộc cách mạng gọi bằng các nhà hăng tâm hăng sản khi cần đến sự giúp đỡ của họ chỉ là *đồng minh giai đoạn* của Đảng, gọi theo đúng chữ dùng trong các tài liệu học tập cho cán bộ, không giấu giếm. Giờ đây, khi cách mạng đã qua cái giai đoạn cần họ, thì họ bị lập tức coi như kẻ thù. Ăn cháo đá bát, không có định nghĩa nào đúng hơn cho Đảng cộng sản trong thời kỳ đã có chính quyền vững mạnh và bộ máy đàn áp hữu hiệu trong tay.

Lại một lần nữa, cha tôi bỏ việc về Hà Nội gặp ông Hồ Chí Minh. Đang trong cơn đau gan nặng, ông chống gậy lên Chủ tịch phủ. Ông nói lớn với ông Hồ: "Máu đồng bào, đồng chí đã đổ mà Bác còn ngồi yên được à? Chúng ta tuy không có học, chúng ta dốt, chúng ta phải vừa làm vừa học xây dựng chính quyền, vì dốt nát chúng ta mắc mọi sai lầm, nhưng chúng ta không có quyền để tay chúng ta nhuốm máu đồng bào, đồng chí!"<sup>1</sup>.

Sau sai lầm Cải cách ruộng đất, ông Hồ và những người phụ tá luôn bị ám ảnh rằng mọi người đều lên án họ. Do đó ai nói đúng tới Cải cách ruộng đất cũng đều làm cho họ khó chịu. Trường Chinh ngay trong Cải cách ruộng đất đã phàn nán rằng cha tôi giờ bất mãn với Đảng, trở thành cái loa cho bọn tư sản, địa chủ.

Mà cha tôi bất mãn thật. Ông bất mãn về nhiều việc làm của Đảng mà ông cho là không quân tử, không đạo đức. Ông bất mãn vì nhìn thấy cuộc cách mạng mà ông tham gia cuối cùng đã dựng nên một xã hội không tử tế.

<sup>1</sup> Ông Nguyễn Văn Hoan, phó chánh án Tòa Tối cao, kể cho tôi nghe chuyện này. Ông đang báo cáo với chủ tịch nước về tình hình công tác tư pháp thì cha tôi chống ba-toong bước vào (ông đang lên cơn đau gan). Thấy cha tôi quá bức mà to tiếng, ông Hồ bảo: "Ngồi xuống đã, từ từ nói tôi nghe, chi mà nóng như lửa vậy". Ông Hoan kết luận: "Ngày xưa triều đình phong kiến còn có chức giàn chuyên một việc can vua. Nay giờ đâu có thế, người ta không trị bổ cháu trước cũng trị sau". Ông Hoan vào Đảng cộng sản do chính ông Hồ giới thiệu. Trường Chinh vào Đảng cộng sản Đông Dương do ông Nguyễn Văn Hoan giới thiệu.

Ông không bằng lòng cách Đảng giải quyết vụ Nhân văn - Giai phẩm, trấn áp và hạ nhục nhiều trí thức và văn nghệ sĩ, là những người có tâm huyết với đất nước. Ông buồn rầu nói với các bạn: “đối xử với nhân sĩ, trí thức như thế không phản động họ cũng thành phản động”.

Cha tôi thương Nguyễn Hữu Đang, đồng chí của ông từ thời kỳ hoạt động bí mật. Khi ở Liên Xô về, tôi hỏi ông về vụ Nhân văn - Giai phẩm thì cha tôi nói: “Đó là một vụ bày đặt. Nguyễn Hữu Đang đâu có ý định chống Đảng. Anh ta chỉ muốn cách mạng tốt hơn. Vu oan giá họa cho người ta là không quân tử”. Ông Đặng Kim Giang có mặt hôm đó nói: “Đảng cũng có khuyết điểm, lúc Đảng gặp khó khăn làm tình hình đã rối rắm rồi lại càng rối rắm thêm, thì không nên. Nhưng cách Đảng giải quyết vụ này cũng rất tồi”. Ông kính trọng sĩ khí của cụ Phan Khôi<sup>1</sup>: “Đó là một nhà nho đúng nghĩa nhà nho, không biết cúi đầu. Có thể tranh luận với ông ấy, nhưng dùng lối bịt miệng, vu cáo người ta thì hèn quá!”.

Vào thời kỳ ấy, cả cha tôi, cả ông Đặng Kim Giang, và nói chung những người cộng sản thuộc thế hệ già, chưa thoát khỏi cách suy nghĩ bị trói trong khuôn phép của cái gọi là ý thức tổ chức. Họ không đồng tình với Đảng đấy, nhưng họ chỉ biết than thở với nhau. Nếu thấy hậu quả việc làm của Đảng không đến nỗi quá tai hại, quá nghiêm trọng, theo như họ nghĩ, thì họ buồn rầu cho qua, tôn trọng quyết định của lãnh đạo.

Những chính sách của Đảng sau khi Lê Duẩn lên ngôi làm cho cha tôi không bằng lòng ngày một nhiều thêm. Mỗi ngày ông xa Đảng thêm một chút.

Cha tôi bất bình với việc Đảng đẩy dàn nhân sĩ trí thức ra ngoài bộ máy Nhà nước để thay vào đó những đảng viên bất tài, kém học. Ông cảm thấy ông có lỗi với những người trước kia ông vặt nài, lôi kéo họ tham gia chính phủ lâm thời năm 1945-1946, như các ông Nguyễn Văn Tố, Bùi Bằng Đoàn, Phan Kế Toại, Hoàng Minh Giám, Đặng Phúc Thông, Nghiêm Xuân Yêm, Nguyễn Văn Huyên, Hồ Đắc Di, Trần Đăng Khoa, Vũ Đình Tụng, Trần Duy Hưng<sup>2</sup>... Chế độ đảng trị càng vững chắc thì quyền dân chủ của nhân dân càng mỏng manh, càng bị cắt xén.

Cha tôi cũng không đồng tình với đường lối của Lê Duẩn lấy chiến tranh làm phương sách duy nhất để thống nhất đất nước. Ông cho rằng từ giữa thập niên 50 tình hình thế giới đã có những tiền đề thuận lợi cho việc giải quyết các cuộc tranh chấp quốc tế cũng như trong một quốc gia mà không cần tới bạo lực. Cuộc chiến tranh nồi da nấu thịt giữa hai miền Nam Bắc đem đến đau khổ cho mọi nhà. Cần phải

<sup>1</sup> Phan Khôi (1887-1959) học giả, nhà báo, nhà ngôn ngữ, bị đánh trong vụ Nhân văn - Giai phẩm, đặc biệt với truyện ngắn Ông Năm Chuột. Tên tuổi cho tới giờ, sau việc “xem lại” cho các văn nghệ sĩ bị trừng trị trong vụ “Nhân văn - Giai phẩm” vẫn không được nhắc đến. Cùng bị đánh một lượt với ông, với sự luận tội tương tự, còn có nhà phê bình Trương Tửu.

<sup>2</sup> Những bộ trưởng và nhân sĩ tham gia bộ máy chính quyền hồi đó. Về việc cha tôi đi mời các vị nói trên tham gia chính phủ như thế nào đã được nhà văn Sơn Tùng ghi lại đầy đủ trong một tác phẩm sẽ xuất bản về những ngày trứng nước của chính quyền cách mạng.

tích cực tìm kiếm giải pháp hòa bình, chứ không loại trừ nó ngay từ đầu. Không tìm là sai lầm. Tìm mà không được là chuyện khác.

Nhân chuyện thống nhất đất nước, tôi xin nói tới một mẩu lịch sử ít người biết. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, ông Ngô Đình Diệm<sup>1</sup> bị bắt. Tại Hà Nội, ông Diệm bị giam không phải ở Hỏa Lò mà ngay trong Bắc Bộ phủ. Theo ông Chu Đình Xương, nguyên giám đốc Sở Liêm phóng Hà Nội, thì Ngô Đình Diệm bị giam tại Bắc Bộ phủ là do ông Hồ Chí Minh quyết định. Tại sao ông Hồ lại có quyết định đó thì ông Chu Đình Xương không hiểu. Rất có thể do những dây mơ rẽ má nào đó giữa gia đình ông Hồ (đặc biệt là gia đình Hồ Sĩ Tạo<sup>2</sup>) với các quan lại triều Nguyễn trong quá khứ mà ông Hồ Chí Minh lo cho số phận của Ngô Đình Diệm, không muốn để mặc tính mạng con người nổi tiếng chống Cộng này nằm trong tay những đồng chí nóng tính.

Cha tôi là người giữ chìa khóa phòng giam. Đến bữa, cảnh vệ lên lấy chìa khóa, cho Ngô Đình Diệm ăn xong thì nộp lại. Một hôm, ông Hồ bảo cha tôi: “Anh Huỳnh ạ, tôi tính nên thả ông Diệm. Mình làm ân cho người ta tốt hơn là làm oán”. Cha tôi bàn với ông Lê Giản<sup>3</sup>. Hai ông cho rằng để ngăn ngừa những hành động chống cách mạng của ông Diệm cách tốt nhất là để cho ông ta được hưởng chế độ câu lưu tại Việt Bắc. Ông ta sẽ sống như dân thường, chỉ bị hạn chế tự do đi lại mà thôi.

Ông Hồ Chí Minh bỏ ngoài tai ý kiến phản bác, ông đã định thả là ông thả: “Các anh không ở Huế không biết, chớ dân Huế có câu “Đầy vua không Khả, đào mả không Bài”<sup>4</sup> là nói về cụ thân sinh ông Diệm đấy. Vị người cha thả người con là việc nên làm lầm chứ. Các anh không nên hẹp hòi!”

<sup>1</sup> Ngô Đình Diệm (1901-1963), sinh trưởng trong một gia đình quan lại, dưới triều Bảo Đại làm tới chức thượng thư. Bị Việt Minh bắt, được thả, Ngô Đình Diệm chạy ra nước ngoài (Mỹ, Pháp), sau năm 1954 trở về Việt Nam làm thủ tướng của chính quyền Bảo Đại. Năm 1955 Ngô Đình diệm lật Bảo Đại, tuyên bố miền Nam Việt Nam là nước cộng hòa và lên làm tổng thống. Năm 1963 bị phái quân nhân làm đảo chính giết chết.

<sup>2</sup> Hồ Sĩ Tạo (1869-1934), cử nhân làm việc trong triều đình Huế, dòng dõi Hồ Quý Ly. Theo một số nguồn tin thì Hồ Sĩ Tạo là ông nội theo huyết thống của Hồ Chí Minh.

<sup>3</sup> Tên thật là Tô Dĩ, đảng viên cộng sản, bị thực dân Pháp đầy đi Madagascar. Được quân đội Anh giải phóng, giao cho quân đội Mỹ. Theo ông Lê Giản kể cho tôi nghe thì một số tù nhân chính trị Việt Nam trong đó có ông và ông Phan Bội (Hoàng Hữu Nam) được OSS (Cục tình báo chiến lược, tiền thân của CIA) huấn luyện rồi thả dù xuống Hà Đông. Lê Giản mang điện đài, tiền và vũ khí về cho Đảng. Năm 1945 được ông Hồ Chí Minh cử làm Tổng giám đốc Nha Công an Việt Nam. Sau, ban lãnh đạo Đảng nghe theo kinh nghiệm Trung Quốc không để cho người từng có thời gian sống với địch nắm những công tác quan trọng, gạt ông khỏi chức vụ. Trước khi về hưu Lê Giản là phó chánh án Tòa án tối cao. Ông Lê Giản có uy tín rất lớn trong những người cộng sản thế hệ già ngay khi đã về hưu.

<sup>4</sup> Cụ thân sinh ra ông Ngô Đình Diệm là Ngô Đình Khả, thượng thư bộ Lễ trong triều đình Huế. Khi thực dân Pháp định bắt vua Thành Thái đi đày, cụ Ngô Đình Khả đã phản đối, không ký tên vào bản án. Một chí sĩ khác, Nguyễn Hữu Bài đã từ chối không ký tên vào văn bản đồng ý cho Khâm sứ Pháp Mahé đào lăng Tự Đức để lấy vàng bạc châu báu.

Nhiều người nhận xét, khi ở cương vị tổng thống Việt Nam Cộng Hòa ông Ngô Đình Diệm không bao giờ có những lời khiếm nhã đối với chủ tịch Hồ Chí Minh. Một trong những nguyên nhân, theo tôi nghĩ, có thể là do ông Diệm không quên ơn ông Hồ đã tha mạng mình, là điều không phải khó hiểu. Có người còn nói tới quan hệ giữa hai gia đình họ Hồ<sup>1</sup> và họ Ngô trong triều đình nhà Nguyễn cũng là một nguyên nhân dẫn tới cách đối xử của ông Hồ trong việc thả ông Diệm, nhưng việc này tôi không rõ có thật không.

Cho tới khi “cuộc đấu tranh giữa hai đường lối” nổ ra ráo riết thì Hồ Chí Minh rơi vào tình trạng khó xử. Trước hết là do ông không hiểu nó ra làm sao, thực sự nó thế nào. Ông lại là người không mấy quyết đoán trong việc giải quyết những mâu thuẫn nội bộ. Ông thích cái sự ăn ở hòa thuận, có gì không nên không phải thì đóng cửa bảo nhau, cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết, không nên chửi bới, lại càng không nên thượng cẳng chân hạ cẳng tay. Chính ông, chứ không phải ai khác trong những nhà lãnh đạo, đã viết như sau: “Nghe người ta nói đấu tranh giai cấp mình cũng ra khẩu hiệu đấu tranh giai cấp mà không xét hoàn cảnh nước mình thế nào để làm cho đúng<sup>2</sup>”. Có lẽ đó là do ông ngán cái cảnh đấu tranh giai cấp mà ông được thấy tận mắt ở nước Nga xô-viết sau khi Lê-nin qua đời.

Những người thường gặp ông Hồ Chí Minh kể lại rằng, nhìn tình hình loạn lạc bên nước láng giềng, ông tỏ ra rất lo lắng, ông không muốn Việt Nam bị cuốn vào cuộc đấu tranh lý thuyết đã vô bổ mà còn có thể gây ra cảnh nồi da nấu thịt.

- Ông Cụ phiền muộn vì cái vụ Liên Xô Trung Quốc chửi nhau này lắm - thiếu tướng Lê Liêm kể cho tôi sau một lần gặp ông Hồ - Ông Cụ nói với tôi: “Thế này thì phe xã hội chủ nghĩa còn mặt mũi nào nữa trước các nước nhược tiểu. Người ta trông cậy ở mình, mà trong nhà mình còn lục đục như rứa, nói ai người ta nghe... ”

Khi thấy đa số thành viên ban lãnh đạo Đảng ngả theo Bắc Kinh, ông Hồ còn buồn hơn. Ông hiểu Mao Trạch Đông hơn hẳn họ, hiểu tham vọng bá, tính cách bá của ông ta. Với đường lối “tọa sơn quan hổ đấu” (ngồi trên núi xem hổ đánh nhau) đã nhiều năm Mao xúi Liên Xô đụng đầu với Mỹ, nay ông ta lại khuyến khích Việt Nam xông trận. Mao săn sàng hy sinh đến người Việt Nam cuối cùng trong cuộc đấu tranh chống “con hổ giấy<sup>3</sup>”, là điều Hồ Chí Minh hiểu hơn ai hết.

<sup>1</sup> Chuyện họ Hồ là họ thật của ông Hồ Chí Minh, chứ không phải họ Nguyễn, đến nay không còn là chuyện được nói đến lần đầu. Tôi được biết có một thủ bút của ông Nguyễn Sinh Khiêm (ông Cả Khiêm, anh ruột ông Hồ Chí Minh) khẳng định gia đình ông thuộc họ Hồ. Thủ bút này được một người mà ông Cả Khiêm tin cậy cất tại một nơi kín đáo chờ tới ngày thuận tiện sẽ công bố theo ý muốn của ông Cả Khiêm.

<sup>2</sup> "Hồ Chí Minh - danh nhân văn hóa", Nhà xuất bản Văn hóa, 1991, tr. 232.

<sup>3</sup> Mao Trạch Đông thường ví đế quốc Mỹ là con hổ giấy để tỏ ra mới hơn Lê-nin khi Lê-nin ví đế quốc là “người khổng lồ chân đất sét”. Cách ví von “đế quốc Mỹ là con hổ giấy” của Mao Trạch Đông xuất hiện lần đầu tiên ở trong thời kỳ có cuộc chiến tranh trên bán đảo Triệu Tiên.

Tôi được đọc nhiều lời buộc tội Hồ Chí Minh chia cắt đất nước. Tôi nghĩ điều này không đúng với thực tế. Khi phái đoàn Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đi dự hội nghị Genève về Đông Dương, vấn đề chia đôi Việt Nam không có trong hành trang của nó. Ông Hồ Chí Minh, hay bất cứ ai trong ban lãnh đạo Đảng cộng sản lúc bấy giờ, không hề nghĩ tới khả năng đó. Sự chia cắt, như một giải pháp hòa bình cho Đông Dương, được quyết định bởi các cường quốc, trước hết là Trung Quốc, rồi đến Liên Xô và Mỹ. Trước những sức ép quá mạnh, Hồ Chí Minh đành chịu. Dù sao mặc lòng đã đến lúc phải chấm dứt cuộc chiến tranh đã kéo quá dài.

Đó là nhận định của cha tôi, người gần gũi ông Hồ Chí Minh trong giai đoạn lịch sử đó.

Cũng theo cha tôi, sau hiệp định Genève<sup>1</sup>, ông Hồ trong thâm tâm không nghĩ tới, không chủ trương dùng bạo lực để thống nhất đất nước. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ với sự nối liền nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với cả phe xã hội chủ nghĩa hùng hậu thì mọi việc đều dễ dàng. Trong niềm lạc quan ấy, ông thật sự tin rằng sau hai năm đất nước bị chia cắt tạm thời sẽ có tổng tuyển cử và thắng lợi chắc chắn sẽ đến với những người cộng sản. Ông có nói tới những khó khăn trong sự tiên đoán về việc người Mỹ sẽ thay chân người Pháp ở miền Nam, nhưng trong niềm tin ở sức mạnh của Liên Xô, đó chỉ là lời nói có tính cách dự phòng, để không bị những tình huống bất ngờ, ngoài dự kiến, làm cho chới với.

Cha tôi cho rằng trong cách nhìn nhận một con người, điều quan trọng hơn cả là phải giữ được lẽ công bằng. Sau vụ bắt bớ, giam cầm những người cộng sản bất đồng chính kiến, nhiều người buộc tội ông Hồ Chí Minh, thậm chí gán cho ông những tính chất mà ông không có, như tính hiếu chiến, hiếu sát. Cha tôi giận ông Hồ, nhưng ông không đồng tình với lời buộc tội đó. Những ngày ở trong rừng Việt Bắc, cha tôi kể, mỗi khi sắp mở một chiến dịch ông Hồ trở nên bắn gắt và hút thuốc lá luôn miệng, có khi thức trắng đêm. Hồ Chí Minh hiểu hơn ai rằng gắn liền với mỗi thắng lợi trên chiến trường là máu chiến sĩ, đồng bào phải đổ ra. Có lẽ trong những người cộng sản thế hệ nám quyền đầu tiên, Hồ Chí Minh là người ít thích thú chiến tranh nhất.

<sup>1</sup> Hội nghị Genève nhóm họp ngày 26. 4. 1954, nhưng cuộc họp về Đông Dương mãi 9. 5. 1954 mới bắt đầu. Ngày 7. 5. 1954, quân đội Pháp kéo cờ trắng trên toàn bộ mặt trận Điện Biên Phủ. Phái đoàn Phạm Văn Đồng đã rời khỏi căn cứ địa Việt Bắc từ nhiều ngày trước đó. Hiển nhiên là những người trong phái đoàn không thể biết được ngày kết thúc chiến cuộc ở Điện Biên Phủ và những gì xảy ra sau nó, trừ những dự kiến và niềm tin tất thắng. Phạm Văn Đồng ngay từ đầu đã chống lại việc chia đất nước làm hai miền. Ông tin rằng nếu tình hình cứ tiến triển theo đà hiện thời thì chiến thắng cuối cùng sẽ ở trong vòng một đến hai năm nữa. Lập trường của Phạm Văn Đồng gần với lập trường của Hoa Kỳ (có mặt ở hội nghị với tư cách quan sát viên) và Chính phủ Việt Nam Quốc gia trong chuyện không chia cắt. Nhưng những cuộc mà cả quốc tế đã đưa tới những lời khuyên ép buộc phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải đặt bút ký vào việc tạm thời chia Việt Nam thành hai miền với vĩ tuyến 17 làm giới tuyến (sau những cuộc tranh luận gay go: Pháp muốn giới tuyến ở vĩ tuyến 18, còn VNDCCH đòi ở vĩ tuyến 13).

Lê Duẩn thuộc loại người khác hẳn. Ông ta lớn lên nhờ chiến tranh. Ông ta có được địa vị nhờ chiến tranh. Không có chiến tranh Lê Duẩn không còn là Lê Duẩn. Lê Duẩn chẳng ngần ngại chê bai Hồ Chí Minh không dám chủ trương dùng bạo lực giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. “Bác còn do dự, chớ khi rời miền Nam tui đã chuẩn bị hết cả rồi. Với tui chỉ có uýnh thôi, uýnh cho tới thắng lợi cuối cùng”.

Chính Lê Duẩn là người chủ trương mời quân đội Trung Quốc vào miền Bắc Việt Nam để trấn giữ hộ miền Bắc trong khi toàn bộ quân đội miền Bắc được đưa vào chiến trường miền Nam. Chuyện này người ta cố ý lờ đi mỗi khi nói tới Lê Duẩn. Nhưng nếu không phải Lê Duẩn thì là ai có thể quyết định một việc trọng đại như thế. Cha tôi cho rằng việc ban lãnh đạo Đảng mời Giải phóng quân Trung Quốc vào Việt Nam là sai lầm vô cùng nguy hại. Sai lầm đó đã cho thấy hậu quả của nó trong vụ Trung Quốc xua quân vào sâu trong lãnh thổ Việt Nam năm 1979 để “cho Việt Nam một bài học”, như Đặng Tiểu Bình tuyên bố. Nếu lúc đó không có mâu thuẫn giữa Trung Quốc và Liên Xô thì không biết quân Trung Quốc còn đi tới đâu trên đất nước ta.

Trong công tác phỏng viên tôi đã đến Khu tự trị Việt Bắc và khu mỏ Hồng Quảng nhiều lần. Trở về tôi kể lại cho cha tôi những gì tôi thấy. Nghe chuyện dân vùng núi Việt Bắc không được phép kiểm cùi trong những khu rừng quê hương, nay đã trở thành khu vực đóng quân của Trung Quốc, những người thợ mỏ muốn đi tắt qua phần đất đã được giao cho Trung Quốc bị bộ đội Trung Quốc xua đuổi<sup>1</sup>, ông rơm rớm nước mắt.

Ông lo lắng trước tình hình nước nhà bị lệ thuộc. Ông tự đi thuyết phục các nhà lãnh đạo, họ đều là các đồng chí cũ của ông trong thời kỳ bí mật, kêu gọi họ cảnh giác trước chủ nghĩa bành trướng và bá quyền của nước láng giềng đã từng đô hộ Việt Nam<sup>2</sup>. Họ nghe ông với nụ cười mơ hồ, trích thượng. Việc nước đã có họ lo, không cần đến ông.

Ông rất bất bình về việc Nguyễn Chí Thanh, người nắm thực quyền trong quân đội hồi ấy, đã đặt Cục đồ bản của Trung Quốc in bản đồ 1/1000, là thứ bản đồ dùng cho pháo binh. “Đó là bí mật quốc gia, không một nước nào tự nguyện trao cho nước khác. Sao nó ngu thế! Sao nó bậy thế!”, ông bức bối kêu lên.

<sup>1</sup> Những người lính Trung Quốc hào phóng đã nhiều lần tiếp xăng cho tôi chiếc xe máy Jawa của tôi trên những con đường Việt Bắc heo hút. Tôi đã múc nước với họ ở cùng một giếng tại Yên Sở (ngoại thành Hà Nội). Ông Hoàng Văn Hoan viết về sự kiện Hoa quân nhập Việt như sau: “Từ năm 1965 đến năm 1970... theo yêu cầu của Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Mao Chủ tịch và Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc đã phái hơn ba mươi vạn bộ đội Trung Quốc...” vào Việt Nam. (Giọt Nước Trong Biển Cả, tr. 345, Hoàng Văn Hoan). Ta có thể tin con số mà ông Hoàng Văn Hoan đưa ra. Trong giai đoạn quân Trung Quốc vào Việt Nam, ông còn là ủy viên Bộ Chính trị, ông không thể không biết những việc lớn như việc này.

<sup>2</sup> Đáng chú ý là việc mời quân đội Trung Quốc vào miền Bắc Việt Nam đã không được đưa ra thảo luận trong Quốc hội.

Ông còn kêu ca nhiều về những chính sách không được lòng dân, về cách đối xử phân biệt đảng viên với quần chúng ngoài Đảng trong việc giao công tác. Lãnh đạo Đảng không nghe ông. Người ta không thích nghe những lời chỉ trích. Ông đành chia sẻ tâm sự mình với những đồng chí cũ đã về hưu thường đến thăm ông. Ông nghĩ rằng nếu mọi người đồng lòng can ngăn Trung ương trong những việc không nên làm thì Trung ương sẽ nghe theo. Ông tin ông trong sáng trong những ý kiến nhằm bảo vệ cách mạng. Ông không coi việc người cộng sản phát biểu ý kiến về các vấn đề của đất nước là có tội.

Ông cho rằng không những cần có dân chủ trong xã hội, mà ngay cả trong Đảng cũng phải có dân chủ. Việc trao quyền quá lớn cho riêng ban lãnh đạo hàm chứa hiểm hoạ của sự lạm quyền. Đảng viên không phải chỉ có nhiệm vụ, đảng viên phải có quyền hạn, và quyền mà người đảng viên cần có trước hết là quyền phản bác những quyết định của ban lãnh đạo nếu thấy chúng là sai trái. Dùng cái gọi là dân chủ tập trung để bắt buộc mọi người phải tuân thủ vô điều kiện mọi quyết định của Trung ương là một hiện tượng độc tài.

Trong chuyện này cha tôi đã lẩn lộn thời khắc. Năm 1964 không có gì giống với năm 1946. Đất nước, chính quyền, đã không còn là của chung mọi người.

Không! Một người như cha tôi không thể hèn. Phải có một nguyên nhân nào đó khiến ông phải hành động khác với bản chất của mình.

Thì ra ông nói ông “có tội với Đảng” là để nhấn mạnh ông *không có tội với cái gì khác trừ ra với Đảng, hay nói cho đúng, với Trung ương Đảng*. Ông không có tội với nhân dân, với Tổ quốc. Cần phải giải mã bức thư theo cách đó, tôi nghĩ. Ông nói ông phạm vào những sai lầm nghiêm trọng có phuong hại cho Đảng là có ý nói cái hại ấy cũng lại chỉ cho Trung ương Đảng mà thôi. Những người nắm quyền lãnh đạo Đảng bắt ông vì ông có tội với họ.

Cũng có thể bằng những lời thú nhận, ông muốn lừa Lê Đức Thọ, để Thọ đưa ông ra xử. Lúc đó ông sẽ có điều kiện tuyên bố chính kiến, ông sẽ nói với đồng bào những điều ông muốn nói. Than ôi, đó chỉ là hy vọng hão huyền, là ý nghĩ ngây thơ thường có ở người bị cắt đứt với thế giới bên ngoài. Không bao giờ Lê Duẩn và Lê Đức Thọ cho những người cách mạng được phép nói điều gì khác ngoài sự lặp lại những tin điều do họ ban bố.

Ông hiểu trong vụ án được dựng nên này, Lê Đức Thọ nắm vai trò chính, tính cách Thọ thế nào thì ông đã biết từ nhà tù Sơn La. Thọ đã nhiều lần mưu mô hạ uy tín các đồng chí lão thành cách mạng để tôn mình lên. Việc Thọ xúi giục một số đồng chí hăng hái thái quá buộc ông Trần Huy Liệu, cựu đảng viên Quốc dân đảng, phải lên án Đảng cũ của mình là manh động trong khởi nghĩa Yên Bái là một thí dụ. Ông Trần Huy Liệu đã xử sự như một kẻ sĩ ngoan cường. Ông cao ngạo và thẳng thừng từ chối không đọc một bản báo cáo như thế, ông không chịu đứng trên lập trường kẻ ngoài cuộc lên án những đồng chí của ông đã hy sinh. Kể lại câu chuyện này, ông nói với tôi rằng sự hy sinh của các chiến sĩ Quốc dân đảng trong cuộc khởi nghĩa thất bại có giá trị rất lớn là nó thức tỉnh lòng yêu nước trong nhân dân. Nguyễn Thái Học không phải không đoán trước được kết cục bi thảm của cuộc khởi nghĩa khi ông phát ra câu nói nổi tiếng “Chuyến này không thành công cũng thành nhân”.

Ngoài chuyện tính cách, chắc cha tôi còn có điều nghi ngờ Thọ trong sự liên lạc thâm thực với công sứ Cousso<sup>1</sup>, mà ông biết trong thời gian ông làm thư ký trong nhà tù Sơn La. Vào những năm này, những cựu tù nhân Sơn La kể lại, Lê Đức Thọ một hồi được Cousso lấy ra làm tạp dịch tại nhà y. Trong thời gian y làm việc cho Cousso, một số việc bí mật của ban lãnh đạo tù nhân bị lộ. Tướng Đặng Kim Giang cũng có chung với cha tôi mối nghi ngờ đó. Trong một câu chuyện giữa hai người, tôi nghe tướng Giang nói: "Phải chi Tô Hiệu<sup>2</sup> còn sống, vía nó (chỉ Thọ) cũng không dám như vậy". Nhưng cả hai im lặng. Với một Lê Đức Thọ quyền sinh quyền sát như thế, giữ im lặng là phải. Mặc dầu cùng tù với nhau ở Sơn La, cha tôi không bao giờ coi Thọ là bạn. Ông Đặng Kim Giang cũng vậy. Dưới con mắt của ông, Lê Đức Thọ là một tên hạ lưu hãnh tiến.

Cha tôi rõ ràng muốn nhắc tôi cảnh giác kéo sa vào một âm mưu dựng vụ. Ông nhấn mạnh ông chỉ nhận thiếu ý thức tổ chức mà thôi. Về phần tôi, ông khuyên tôi phải thức thời, phải cúi mình xuống mà nhận khuyết điểm. Nhận sai lầm, khuyết điểm chứ không nhận tội, ông muốn nhấn mạnh, khuyên tôi không được cứng nhắc trong bước ngoặt này của cách mạng. Lời lẽ nhún nhường trong bức thư chỉ để pha loãng những ý chính, không cho bọn công an đoán ra những điều cha tôi nhắn nhủ.

Cũng không loại trừ việc Lê Đức Thọ không bẻ gãy được cha tôi trong việc ép buộc cha tôi phải nhận một tội nào đó, mà cái Lê Duẩn và Lê Đức Thọ cần có để dùng nó triệt hạ những kẻ mà coi là đối thủ, đã buộc ông viết thư cho tôi, hòng dùng bức thư áp đảo tôi, hoặc may ra có thể kích thích tôi phản tỉnh mà bằng lòng khai ra một điều gì đó. Nếu tôi chịu khai người ta sẽ dùng chính lời khai của tôi để áp đảo cha tôi, áp đảo tướng Đặng Kim Giang và những anh em khác.

- Anh khỏi lo đi. Việt-Xô<sup>3</sup> đã chuyển bệnh án của ông già anh qua đây. Việc chăm sóc sức khỏe cho ổng vẫn do Ban bảo vệ sức khỏe Trung ương cáng đáng. Mà ở nước ta thời nay mô có đủ thuốc bằng Ban bảo vệ sức khỏe Trung ương? Nói chi thời nói chớ ông già anh vẫn là bậc lão thành cách mạng, vẫn có tiêu chuẩn đặc biệt, ổng được săn sóc tới nơi tới chốn. Nói chung, mấy bữa đầu, nói cho đúng, ổng cũng không được khỏe cho lắm, nhưng chừ đã bình thường...

- Tôi có được phép viết thư cho ông cụ tôi không?

- Tui nghĩ được.

- Tôi có được giữ bức thư không?

<sup>1</sup> Công sứ Sơn La vào cuối thập niên 30, đầu thập niên 40.

<sup>2</sup> Một nhà cách mạng nổi tiếng, chết tại ngục Sơn La về bệnh lao. Tại nền cũ nhà ngục này có một cây đào được đặt tên là Cây đào Tô Hiệu, nhưng ông Trần Huy Liệu và cha tôi trong lần trở lại thăm nhà ngục Sơn La năm 1964 đã xác định nó không phải là cây đào do Tô Hiệu trồng. Do truyền thuyết về Cây đào Tô Hiệu, người ta đã mang một cây đào khác trồng thế vào đấy, nhưng không đúng chỗ.

<sup>3</sup> Bệnh viện ưu dành riêng cho cán bộ cao cấp, vốn là một nhánh của nhà thương Đồn Thuỷ mở rộng.

- Không. Anh đọc xong đưa lại cho tui. Có cần đọc lại lần nữa không? Anh ở một mình thì tui cho anh mang về.

Họ vẫn phải giữ kín vụ án. Tại sao lại như vậy?

- Tôi nhắc lại: anh không được phép kể cho người cùng phòng về vụ các anh. Vụ này thuộc về bí mật của Đảng!

Thì ra cái chỗ tôi đang ở gọi là “phòng”, chứ không phải xà lim.

Tôi cố gắng nhưng không sao hiểu câu nói của Huỳnh Ngự. Bắt người là việc bàn dân thiên hạ đều biết, vậy mà lại là bí mật của Đảng, buồn cười quá!

- Với cán bộ quản giáo cũng không được nói. Anh biết rằng là giữ bí mật chớ?

- Tôi biết.

Điếu thuốc lá làm tôi buồn nôn. Mồ hôi lạnh rịn ra trên trán. Anh hương sư hói đầu đã pha xong ấm trà. Về món pha trà anh ta kém hẳn Huỳnh Ngự, loãng toẹt. Tôi uống liền hai chén.

- Các vị cách mạng lâu năm như ông già anh là vậy đó - Huỳnh Ngự phủ dụ - Khi chưa hiểu ra lẽ phải thì bướng bỉnh lắm, ngoan cố lắm, rửa mà được Đảng cảnh tỉnh rồi thì lại có tinh thần tự phê bôn-sê-vích rất đáng khâm phục. Hậu sinh chúng mình còn phải học tập các cụ nhiều. Anh tưởng tui hổng biết trước đây ống bị Pháp tra khảo ròng rã mấy tuần liền, đánh đập, tra điện, đi tàu bay, tàu ngầm<sup>1</sup> đủ kiểu, mà vẫn không khai hả? Tụi tui biết cả đó! Vậy mà vô đây Đảng hỏi, ông già khai sạch trơn, không hề giấu giếm chút mô...

Cha tôi đã làm gì để phải khai với bọn này sạch trơn? Chúng nó bịa mới ngon lành làm sao! Tôi còn nhớ khi anh Hoàng Minh Chính bị bắt, cha tôi còn nói với ông Lê Giản: “Tại sao chúng nó lại bắt thẳng Chính? Nó làm gì mà bắt nó?”. Đáp lại, ông Lê Giản chỉ cười buồn. Lúc ra về ông nói với cha tôi: “Bắt đầu một thời kỳ mới rồi: thời kỳ người ta ngồi xổm lên dư luận và ỉa vào luật pháp. Chúng mình rồi chả chắc đã được yên”.

Tôi lặng thinh. Trước mắt tôi hiện lên cái buổi sáng đã xa, tôi và mẹ tôi tới đây, vào trong chính nhà ngục này. Hồi ấy tôi còn nhỏ đến nỗi mẹ tôi có thể bế bổng tôi lên mà đút tôi qua ghi-sê nhận quà để cha tôi ôm hôn tôi. Những cái hôn cuồng quýt của cha tôi lên trán, lên má tôi, bộ râu cứng của ông làm rát mặt tôi, tôi nhớ tới tận bây giờ.

Cha tôi bị bắt tại ga Hàng Cỏ ngay sau khi đưa Trường Chinh lên Phúc Yên chạy trốn cuộc tổng khổng bố. Đó là thời kỳ Mặt Trận Bình dân bên Pháp đi vào thoái trào. Chính quyền thuộc địa nhân cơ hội liền thẳng tay đàn áp các lực lượng cách mạng vừa mới trồi lên trong những hoạt động công khai. Đó là

<sup>1</sup> Mấy cách tra khảo của mật thám Pháp trước đây: treo lên mà đánh (đi tàu bay), đâm vào bể nước (đi tàu ngầm).

thời kỳ cam go nhất đối với những người cộng sản. Cha tôi thường xuyên không có mặt ở nhà. Ông chỉ về bất chợt, thoảng lại đi, trong đêm. Trong những giấc mơ tôi nghe tiếng ông thì thào với mẹ tôi.

Về việc cha tôi đưa Trường Chinh đi trốn tôi được biết thêm chi tiết trong câu chuyện hàn huyên giữa cha tôi và ông Xuân Thủy<sup>1</sup> sau khi hòa bình lập lại: "Thằng Thận đoảng vị lầm, mày biết đấy. - cha tôi kể - Nó nhớn nha nhớn nhác, mặt xám ngoét lại, cứ như bị mật thám đuổi sau đít, nằng nặc đòi tao bối trí cho nó ngay một chỗ trốn. Nó nói đi tìm mày không được. Tóm được Hạ Bá Cang ở Phủ Lý, nó bảo Hạ Bá Cang cho nó một chỗ, thằng Cang ừ hữ rồi biến. Thằng Thận thì chỉ chui mũi vào sách vở, có bao giờ nó công tác quần chúng đâu, đến khi lâm sự mới cuống cà kê lên, sợ vãi ra quần. Nghe nó chửi thằng Cang tao chỉ cười. Chính tao đưa thằng Cang đi trốn chứ ai. Cơ sở thằng Cang có, nhưng vỡ rồi. Còn một cái thì lại không an toàn. Tao chỉ dặn thằng Thận cải dạng cho tốt rồi tao đón, mà nhớ đừng tha sách theo đấy nhá, mật thám đầy đường, tao bảo nó thế. Tao đưa nó lên nhà thằng Văn<sup>2</sup>, mày nhớ thằng Văn chứ? Hồi ấy nó có cái trại con con gần thị xã Phúc Yên. Đưa thằng Thận đi xong, tao về đến ga Hà Nội thì bị tóm. Nằm ở Sở Liêm phóng ăn điện, đi tàu bay, tàu ngầm một tháng thì sang Hỏa Lò... Chúng nó chỉ hỏi tao hai câu: "Đặng Xuân Khu đâu? Hạ Bá Cang đâu?". Mà sau này mày bị ở đâu nhỉ?".

Tôi thích tình bạn thân thiết của các chiến sĩ cộng sản. Tôi yêu chủ nghĩa cộng sản một phần cũng vì lẽ đó. Trong ngôi nhà chật hẹp của gia đình tôi ở số 27 bis rồi số 65 phố Nhà Rượu, những người đồng chí của cha mẹ tôi đến ăn dầm nằm dề hàng tháng. Họ ngủ la liệt trên sàn gạch hoa, gối đầu trên những chồng báo, trên những cái chổi lúa, ngáy àm ĩ. Khi tỉnh dậy họ lại tiếp tục tranh luận đến khản tiếng, nhưng không bao giờ cãi nhau. Những người này đến rồi đi, thay chân họ là những người khác, tất cả đều giống nhau ở tính tình cởi mở, thân thiết như ruột thịt. Mẹ tôi sung sướng được hầu hạ họ những bữa cơm ngon lành, tuy không sang trọng nhưng nhộn nhịp tiếng cười.

Và họ mới thương nhau làm sao! Tôi nhớ những ngày thực dân Pháp tổng khung bố năm 1939. Một đêm tôi thức dậy bởi những tiếng thì thào. Tôi mở mắt thì thấy bác Ba Lâm (Bùi Lâm) đứng ở đầu giường. Tôi nhảy lên, ôm choàng lấy bác. Ông là người được lũ trẻ chúng tôi yêu nhất. Cao lộc ngôc,

<sup>1</sup> Nhà báo cách mạng, uỷ viên Trung ương Đảng cộng sản trong nhiều khoá, một thời gian làm bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

<sup>2</sup> Ông Trần Văn Văn là một cơ sở tin cậy của Đảng trong thời kỳ bí mật. Ông đã nuôi và bảo vệ các ông Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Bùi Lâm, Xuân Thủy, Đặng Việt Châu... trong lúc các ông này phải lẩn trốn sự săn lùng gắt gao của mật thám Pháp. Nhiều năm sau khi nhà nước VNDCCH từ rừng Việt Bắc trở về đã đàng hoàng ở Hà Nội, ngay cả khi đất nước đã thống nhất, ông Văn vẫn sống nghèo khổ, nhiều lần xin chính quyền đăng ký kinh doanh một cửa hàng đồng nát cũng không được. Ông bèn gửi thư cho ông Trường Chinh xin được giúp đỡ. Ông Trường Chinh đã cho gấp, cho ông Văn hai gói trà Ba Đình và một gói kẹo Hải Châu, rồi sai thư ký xuống phường lo cho ông được đăng ký kinh doanh. Hiệu chữa xe với tấm biển "Hưởng Honda" do anh Trần Văn Hưởng, con trai ông đứng chủ, ở chợ Mơ là kết quả của sự giúp đỡ mà chủ tịch Quốc Hội Trường Chinh đã ban ơn cho người chưa chấp mình trong những ngày khó khăn.

vụng về, ông không biết gọt khoai róc mía theo kiểu ta, mà chỉ biết làm theo kiểu tây, nghĩa là gọt ngược. Nhưng ông tham gia mọi trò chơi của chúng tôi như một đứa trẻ con lớn, say sưa. Đêm đó ông trở về nhà chỉ để mang tiền cho mẹ tôi trả thợ giặt, sợ mẹ tôi không còn tiền. Mẹ tôi thì lo ông bị bắt, giục giã bắt ông đi ngay...

Giờ đây chắc bà đau đớn lầm nhớ về những ngày xa xưa ấy. Bà đi dạy học, bán hàng thuê cho cửa hiệu tơ lụa Palais de Soie ở phố Tràng Tiền, cửa ông chủ người Ấn Độ tên là Kevarah. Ông Kevarah là một ông chủ tốt. Ông biết cha tôi bị bắt vì sao, ông đoán cha mẹ tôi là những người cách mạng, cho nên đối với mẹ tôi ông có sự trọng thị đặc biệt. Tuy mẹ tôi chỉ là người làm công, nhưng ông chủ Ấn Độ không bao giờ ép giờ giấc để bà có thể làm thêm những việc riêng của bà: "Tôi biết, tôi biết, bà còn bận nhiều việc quan trọng. Bà cứ về sớm đi, không sao cả. Tôi gửi lời chào ông. Chúc bà may mắn!".

Những đồng tiền dành dụm được bà đưa cho cha tôi và các đồng chí. Khi ông Sao Đỏ Nguyễn Lương Bằng vượt ngục Sơn La về nhà tôi, mẹ tôi tắm bổ cho ông bằng chim hầm hạt sen, chân giò tần thuốc bắc. Lũ con bà chưa bao giờ được biết đến những thức ăn sang trọng ấy. Tôi nhớ rất lâu món rau muống sống chấm bỗng rượu trong những thức ăn thường nhật trong gia đình tôi hồi ấy. Rau muống ăn sống thường được chẻ nhỏ, nhưng chị Tường, người ở trong nhà chúng tôi, quá bận việc, chị chỉ vặn cọng rau làm đôi làm ba rồi đập vào lòng bàn tay cho dập. Bỗng rượu thì đi xin. Nó chảy ri rỉ suốt ngày từ những lỗ thải ở tường Nhà máy Rượu làm cho cả phố sực mùi chua nồng. Bên lỗ thải bỗng, những chiếc xe bò quây cót chầu chực để nhận phần mua tháng, rồi trở ra ngoại thành bán cho dân nuôi lợn. Chỉ cần chìa cái bát ra là chủ xe đã múc cho, không tiếc rẻ.

Cách mạng thành công, tôi ít gặp lại các bác các chú ngày trước. Những người sau này vẫn còn lai vãng là các ông Trần Huy Liệu, Xuân Thủy, Lê Giản, Bùi Lâm, Khuất Duy Tiến, Nguyễn Lương Bằng, Đặng Xuân Thiều, Đặng Việt Châu, Đặng Châu Tuệ, Nguyễn Văn Hoan...

- Các bác ấy bận - mẹ tôi giải thích, nhưng dường như bà chẳng mấy tin ở lời mình.

Sau cuộc kháng chiến chống Pháp, tôi càng ít gặp các bác các chú cách mạng ngày trước hơn nữa. Trong tôn ti trật tự mới, cha tôi ở phẩm trật thấp hơn những người bạn ngày trước và chúng tôi chỉ gặp ảnh họ trên mặt báo, thấy tên của họ trên bìa những cuốn sách chờ được thành kinh điển.

- Anh nghĩ sao về bức thơ của ông già? - Huỳnh Ngự hỏi.

Không nên đầu hàng quá dễ, chúng sinh nghi. Sau một lúc im lặng, tôi hỏi khẽ, giọng mệt mỏi:

- Chúng ta kết thúc buổi làm việc hôm nay ở đây được không?

- Anh mệt hả?

- Không. Lúc này tôi muốn ngồi một mình.

Huỳnh Ngự không hài lòng. Nhưng y chiều tôi.

- Được, cho anh về. - y nói, giọng ái ngại - Suy nghĩ kỹ đi rồi ta làm việc. Tui hy vọng anh đã hiểu ra.

Đưa tôi về, Hách bảo tôi đứng chờ ở khoảnh sân hẹp dẫn vào khu xà lim. Y không vội vã vào phòng trực lấy ra một cái ghế đầu, ra hiệu cho tôi ngồi xuống. Lấy đồ nghề ra, không cần choàng khăn, y bắt đầu cắt tóc cho tôi.

Sau vụ chụp ảnh, lăn tay, cái sự cắt tóc trong tù làm cho tôi càng thêm tin rằng còn lâu tôi mới ra khỏi nơi này. Hách cắt rất vụng, đúng là tay mơ trong nghề, tông đơ rút tóc làm tôi đau không chịu được. Râu ria tôi mọc dài, y phải húi chứ không cắt, mũi tông đơ cứ rúc vào nhân trung, hích mạnh vào đầu mũi, làm tôi cứ phải ngặt đầu ra đằng sau, có khi phải rướn cả người lên cho y đừng làm mình bị thương. Hách thì lại không biết tôi đau. Y còn phấn khởi huýt sáo miệng nữa chứ. Nếu y dùng kéo mà cắt thì còn tốt hơn. Sau đó sẽ dùng dao cạo, như trong hiệu cắt tóc người ta thường làm. Nhưng y không có ý định cạo mặt cho tôi.

Tôi ngồi đấy, mặc y muốn làm gì với cái đầu tôi thì làm. Nhìn những túm tóc rơi lả tả xuống đất tôi thấy lẵn vào tóc đen đã có nhiều sợi bạc. Như vậy chuyện Ngũ Tử-tư qua một đêm suy nghĩ đến bạc cả mái đầu là chuyện có thật? Mà tôi thì đã bao nhiêu đêm?

Vừa sửa gáy cho tôi Hách vừa thủng thẳng tâm sự:

- Tôi còn chẵn hai năm nữa là hưu, anh ạ. Nhìn lại mới thấy đời người nhanh thật. Trên duyệt cho tôi vè rồi.
- Sao? Bác còn trẻ mà.
- Trẻ gì, năm mươi ba rồi.
- Vẫn sớm. Phải bảy năm nữa kia.
- Tôi khác. Ăn nhau ở cái thành tích đóng góp. Tôi hưu không phải hưu đúng năm đúng tháng, cũng chẳng phải hưu non, mà là hưu ương ương, tức là được tính thêm cái thân nhân, cộng với lại thương tật...
- Trước bác ở sư nào?
- Tôi á? Trước ở địa phương quân, sau chuyển sang 320. Anh cũng đã ở bộ đội đấy hử?
- Vâng.
- Mình về hưu rồi cũng phải nghĩ cách kiếm ăn, anh ạ. Lương hưu, anh biết đấy, đủ sao được. Đảng dạy mình phải tự lực cánh sinh, tự lực tự cường, không được ỷ lại vào nhà nước, vào Đảng, là đúng lầm. Tôi tính chán ra rồi, cầm sổ hưu một cái là tôi mở ngay một hiệu cắt tóc, ngay lối vào chợ làng tôi, chỗ ấy thì hết ý. Chỉ sợ từ nay tới đó có thằng nào nó chõm mất chõ đất ấy thì toi...
- Hai năm nữa còn lâu.
- Tôi đã dặm rồi. Đảng ủy, Uỷ ban nhất trí cả. Nhất định họ dành cho tôi. Được cái bí thư lại là ông em họ...

- Thế thì tốt quá.

- Tôi cắt tóc cho anh thế này là để tập thoi, cho nó lên tay, chứ cắt tóc cho phạm không phải việc tôi, đã có người khác...

Thì ra vị lãnh chúa của khu xà lim này từng là một đồng chí của tôi trong quân ngũ. Anh ta đang làm nốt những ngày cách mạng cuối cùng để trở về với cuộc sống dân thường, mà hy vọng lớn nhất là có được một cửa hiệu cắt tóc đông khách.

Lẽ ra tôi cũng nên như anh ta - sống cuộc sống bình dị của người dân thường với một ước mơ nhỏ.

## 13

Một điều bất thường xảy ra phá tan dòng chảy đơn điệu của những ngày tù chán ngắt. Sáng hôm sau, thay vì mấy củ khoai hè lạnh giá, Sứ giả Hòa bình mang vào cho chúng tôi hai suất ăn sáng gói trong giấy báo.

Vào giờ này xà lim còn tối om. Để tiết kiệm điện, ngọn đèn chang chang suốt đêm hành hạ chúng tôi lại tắt ngóm vào đúng lúc chúng tôi cần đến nó hơn cả. Trong ánh sáng mờ mờ rỉ qua cửa thông hơi tôi phát hiện bên trong mảnh giấy báo là hai cái bánh tí hon chỉ nhỉnh hơn quả chuối mắn một ít.

Đành ăn mò vậy. Ăn mò có cái tốt của nó - mình không bị cảm giác gớm ghiếc khi nhìn thấy trong miếng ăn đang đưa vào miệng những vật đáng sợ - những mẩu rác hoặc những con mọt. Thời gian này mì viện trợ dồi dào để lưu trữ trong các kho ẩm ướt, cho nên nếu không mốc thì cũng đầy mọt. Những con mọt đen trùi, xét cho cùng, rất hiền lành, chúng chẳng gây ra sự nguy hiểm nào cho hệ tiêu hóa, nhưng miếng mì luộc lẩn xác mọt vẫn làm tôi rùng mình.

Cầm chiếc bánh lợt thôm trong tay, tôi ngạc nhiên thấy nó còn ấm. Cắn miếng đầu tiên tôi còn ngạc nhiên hơn nữa: nó không phải là thứ bánh mì chua loét nào đó mà tôi thường gấp, mà là bánh mì trắng thơm phức, lại kẹp ba-tê hắn hoi.

Và ngon ơi là ngon!

Tôi ăn ngấu nghiến. Cái bánh mì đáng yêu tan ra trong miệng như một giấc mơ.

Thật vậy, cái bánh mì ngon đến mức không thể tin được. Tôi nói như thế không phải trên quan điểm của người tù xà lim thường xuyên đói, thấy cái gì cũng ngon. Nó ngon thật sự, cho dù tôi có ở bên ngoài Hỏa Lò. Bột mì mềm và thơm, vỏ lại ròn, ba-tê tuyệt vời, đến nỗi tôi có cảm giác trong đời mình tôi chưa từng được thưởng thức một món điểm tâm nào ngon đến thế. Tiếc quá, nó hết quá nhanh.

Vào thời gian này thực phẩm ở Hà Nội rất khan hiếm, nói theo các nhà chính trị của Đảng là “không được dồi dào”. Tại các cửa hàng ăn mậu dịch quốc doanh chỉ có một thứ phở, lại là phở chỉ có bánh chứ không có thịt, tục gọi phở không người lái<sup>1</sup>. Để ăn được một bát phở như thế còn phải xếp hàng rồng rắn, có khi cả nửa giờ mới tới lượt. Tất nhiên, ở đâu đó vẫn tồn tại những quán chui có đủ thứ: chim quay, gà tần hạt sen, vịt tần thuốc bắc, ba ba hồng xíu... hoặc chuyên doanh tiết canh, lòng lợn. Những quán chui này, dù là chui cũng không phải dành cho đám cán bộ ba cọc ba đồng chúng tôi. Cho nên nếu tôi có khen cái bánh mì ba-tê nọ là cực kỳ ngon thì cũng không phải ngoa ngôn.

Bữa ăn sang trọng giữa Hỏa Lò làm cho Thành ngạc nhiên không kém. Vừa thưởng thức dè xén cái bánh còn ấm trong buổi sáng lạnh giá anh vừa hỏi tôi:

- Lạ thật, sao bỗng dung người ta lại giờ chứng chiêu đãi chúng mình sang thế này? Hay hết chiến tranh rồi mà nằm trong xà lim mình không biết?

Tôi gạt đi:

- Hòa bình rồi thì giấu thế nào được. Hỏa Lò này phải ồn lên chứ. Mới lại, hòa bình đâu có phải tin cần phải giấu.

<sup>1</sup> Một cách chơi chữ độc đáo. Trong chiến tranh, người Mỹ thường dùng loại máy bay trinh sát không người lái. Phở không có thịt, tức là không có nhân, không có “nhân” tức là không có “người”, từ đó mà ra cụm từ phở không người lái.

- Hay là sắp có đoàn kiểm tra đến?

Tôi lắc.

- Người ta sợ cóc gì kiểm tra. Đoàn nào cũng phải sợ Bộ Nội vụ hết.

- Ngộ có kiểm tra quốc tế kia, Hồng Thập Tự chẳng hạn. Họ đến thăm tù binh, nhân tiện ghé qua thăm tù mình sống ra sao?

- Cái đó khó xảy ra lắm. - tôi cười cái giả thuyết hời ơi của Thành - Cho dù Hồng Thập tự quốc tế có đề nghị thì người ta sẽ nói: chúng tôi giam tù thế nào là công việc nội bộ của chúng tôi, không khiến các người xía mũi vào.

- Ừ nhỉ.

Chúng tôi đặt ra đủ mọi tình huống. Đủ mọi dự đoán. Cái nọ phủ định cái kia. Chẳng cái nào có sở cứ.

Một ý nghĩ chợt lóe lên trong tôi: rất có thể cái bánh mì liên quan tới bức thư của cha tôi chăng, tới thái độ ngoan ngoãn của tôi sau khi đọc bức thư chăng?

Khốn nạn, thì ra nó là phần thưởng cho sự đầu hàng!

Tôi nghẹn ở cổ họng. Nước mắt tôi úa ra.

- Cái bánh mì này ở ngoài kia giờ giá chừng bao nhiêu hở cậu?

Thành hỏi sau khi những dự đoán đã cạn.

- Tôi không rõ. Tôi cũng chẳng biết nó bán ở đâu.

Bánh mì các loại kẹp thịt quay, giăm-bông hoặc ba-tê ngon nhất Hà Nội chỉ có ở hiệu Nguyên Sinh. Tôi đã có lần ăn ở hiệu này, cách đây cũng đã mấy tháng. Khẩu vị của tôi không thể nào thay đổi trong thời gian ngắn ngủi đó, thế mà tôi thấy cái bánh mì này còn ngon hơn bánh mì Nguyên Sinh nhiều. Chỉ có thể nghĩ đây là loại bánh mì đặc biệt, do một cơ sở đặc biệt được ưu tiên cung cấp nguyên liệu làm ra. Tôi là dân thường, cán bộ như tôi không được hưởng những thứ không phải dành cho dân thường.

Người Hà Nội hồi đó đều biết thành phố có mấy cửa hàng cung cấp đặc biệt với sổ mua hàng đặc biệt. Cán bộ trung cao cấp mua ở cửa hàng Nhà Thờ, cán bộ tương đương thứ trưởng trở lên thì mua ở cửa hàng Tôn Đản<sup>1</sup>. Cửa hàng Hàng Trống chỉ phục vụ chuyên gia nước ngoài và cán bộ cao cấp, giám đốc cửa hàng này là bà em ruột Lê Đức Thọ. Hàng hóa ở các cửa hàng cung cấp đặc biệt phần nhiều là đồ ngoại nhập mua bằng tiền viện trợ, không có bán ở ngoài, đã hiếm lại rẻ. Chỉ ở đây mới có sô-cô-la,

<sup>1</sup> Hồi ấy trong dân chúng có câu ca:Tôn Đản là chợ vua quan/Nhà Thờ là chợ trung gian nịnh thần/Con phe có chợ Đồng Xuân/Vìa hè – đấy chợ nhân dân anh hùng

phó-mát, vải đẹp, nước hoa v.v... Do đó ngoài giá trị thực dụng phiếu mua ở các cửa hàng loại này còn có giá trị như niềm tự hào được khẳng định.

Tôi được nghe một đoạn đối thoại như thế này giữa hai bà vợ ông to:

- Chị đi đâu vậy?

- Em đi Nhà Thờ.

- Chết chửa, chị vẫn còn phải đi Nhà Thờ à? Em tưởng nhà chị được Tôn Đản từ lâu rồi chứ. Nhà em có sổ Tôn Đản đã hai năm rồi. Chị phải nói anh xin gấp anh Sáu đi, thêm một bậc chuyên viên nữa có là bao, anh Sáu cho đấy, chị đỡ vất vả, tội nghiệp quá!

Áy là người ta khoe đấy.

Tôn ti đẳng cấp phong kiến bị nguyền rủa từ khi có cách mạng được lập lại với cách giải thích hợp lý nhưng khó lọt tai: để cho cán bộ lãnh đạo có sức khỏe tốt để phục vụ nhân dân.

Người ta kháo nhau rằng ở Bắc Ninh, hay Bắc Giang không rõ, có mấy nồng trường cung cấp đặc biệt dành cho Trung ương, chỉ ở đó mới còn lại giống lúa một thời nổi tiếng trong cả nước như tám thơm, tám xoan, dự, nếp râu, nếp cái hoa vàng... nay hầu như đã tuyệt chủng trước cuộc xâm lấn có lãnh đạo của những giống cao sản cho gạo không ngon nhưng chắc dạ. Cũng chỉ ở mấy nồng trường này mới có loại bò giống tốt cho sữa tươi ngon, lợn ỉ chính nòi thơm thịt, hoa quả toàn một loại đặc sản. Tiếng là dành riêng cho Trung ương, nhưng cũng chỉ dành cho Bộ chính trị với các đồng chí Trung ương cổ cánh thôi, chứ không phải ủy viên Trung ương nào cũng được hưởng. Cũng theo lời thiêng hạ đồn thì chim bồ câu dành cho các vị được nuôi bằng đậu xanh để ăn cho bổ. Thức ăn cho Bộ Chính trị là các thứ quý hiếm này, do một bộ phận phục vụ riêng lo lắng. Chưa kể các "đảng anh em" luôn quan tâm tới "các đồng chí lãnh đạo đảng bạn" gửi cho những của ngon vật lạ khác.

Ăn cái bánh mì ngon tôi lại nhớ tới bữa rượu suông trên gác nhà Nguyễn Tuân ở đường Trần Hưng Đạo. Đó là bữa rượu tao ngộ. Nhà văn già túm được tôi lang thang gần Nhà hát Nhân dân bèn lôi tuột về nhà, chứ không có hẹn trước.

Ông đang lên cơn phiền muộn vì sự xuất hiện mới đây trên báo chí một con chữ kỳ cục.

- Anh xem đây, đọc đi rồi cho tôi biết ý kiến.

Ông quăng cho tôi một tờ báo chí chít những dấu sửa lỗi. Bài báo được Nguyễn Tuân chú ý bị ông sửa như sửa mo-rát<sup>1</sup>. Cách sửa mo-rát của Nguyễn Tuân rất đặc biệt, không giống ai - từ trong khối chữ chạy ra lề những đường thẳng, đường gãy, đường ngoèo, để kết thúc bằng những chữ, những từ, có khi cả một câu. Độ lớn của những lỗi phải sửa phụ thuộc ở tâm trạng nhà văn già. Khi ông bức lên thì một dấu phẩy phải thêm vào sẽ to bằng móng chân gà.

<sup>1</sup> Bản in thử.

Tôi giả vờ chăm chú đọc.

- Tiếng Việt mình không đến nỗi nghèo, phải không nào? - Nguyễn Tuân giận dữ - Ít nhất thì nó cũng không nghèo đói với trình độ mấy thằng cha cầm bút kém chữ thời nay. Trong tiếng Việt có chữ y có chữ *thị*. *Y* chỉ anh đàn ông, *thị* chỉ chị đàn bà, rành rành. Vậy mà mấy thằng “phó tóm”<sup>1</sup> thất học lại dám nghĩ rằng tiếng Việt ta bần hèn. Mới thương tình đẻ rặn ra cho nó một cái từ kép *y thị* để chỉ mụ đàn bà phạm tội. Khốn nạn thay cho cái tiếng Việt của ông cha! Bất cứ thằng bỏ mẹ nào cũng đè nó ra mà hiếp được.

Mặt ông khổ sở như chính ông bị xúc phạm.

Tôi cười xòa. Tôi thích ngắm tình yêu chữ nghĩa của Nguyễn Tuân. Tất nhiên, tôi đồng ý với ông. Nhưng cũng tất nhiên, tôi, và cả lớp trẻ tựi tôi, chẳng bao giờ bị dằn vặt, chẳng bao giờ khổ sở như ông chỉ vì một con chữ. ừ thì người ta đẻ ra một con chữ quái dị, đã chết ai đâu!

Để trêu chọc Nguyễn Tuân một chút cho vui, tôi rụt rè thưa với ông rằng ông không nên vội nỗi nóng, biết đâu cái từ kép *y thị* mà các “phó tóm” nghĩ ra chưa biết chừng lại hay cũng nên. Nó có thể đắc dụng cho tiếng Việt để chỉ một ái nam ái nữ, hoặc một pédéraste<sup>2</sup> chẳng hạn. Vấn đề là liệu nó có tồn tại được không, có được nhân dân chấp nhận không. Từ ngữ cũng như con người, trước hết nó phải được sinh ra đã, sau đó là chuyện khác: nếu nó không chết yếu thì sống lâu khắc lén lão làng. Nguyễn Tuân trợn mắt, gắt ầm lên. Rằng ông không cần đến mấy thằng “phó tóm” nhảy vào lãnh địa văn chương chữ nghĩa vốn chẳng phải của chúng, rằng chẳng ai khiến chúng sáng tạo thêm cho tiếng Việt, rằng cái từ để chỉ pédéraste trong tiếng Việt đã có sẵn rồi.

Nói ra được nỗi bực bội rồi, voi được nỗi phiền muộn rồi, Nguyễn Tuân trở lại tâm trạng vui vẻ thường nhật. Ông lục trong góc bàn lấy ra một chai rượu trong vắt, trịnh trọng rót hai ly. Tôi nhấp một ngụm. Ông chăm chú nhìn vào mặt tôi:

- Ngon không?

- Thưa bác, tuyệt.

Nguyễn Tuân cười khúc khích, ghé vào tai tôi:

- “Rượu bộ” đấy!

Tôi ngẩn người. “Rượu bộ”, nó là cái gì vậy?

Tôi không phải con cháu Lưu Linh, nhờ các bậc đàn anh chỉ bảo cũng biết vỡ vẽ đôi chút về rượu. Nguyễn Tuân thích rượu làng Vân, nhưng phải do một lão nông người làng này cất kia, chứ người khác

<sup>1</sup> Chỉ cán bộ công an, từ cách gọi phó mộc (thợ mộc), phó nề (thợ nề), phó nháy (thợ chụp ảnh)..

<sup>2</sup> Người đồng tình luyến ái, chỉ chung cả nam, nữ.

cất ông chê. Ông khen rượu Trương Xá, khen vừa phải, nói rượu Trương Xá ngon đấy, phải cái hơi gắt. Ông cũng thích rượu Kiên Lao mà cha tôi thường đặt mua để biếu ông. Ông nói rượu Kiên Lao ngọt giọng mà có hương thầm. Böyle giờ ông lại khen một thứ rượu lạ hoắc, tôi chưa từng nghe nói.

Nguyễn Tuân khoái trá nhìn tôi:

- Anh không hiểu “rượu bộ” là gì hử?

- Không ạ.

- Là rượu-do-Bộ-Công-an-nấu! - Nguyễn Tuân nhấn mạnh từng tiếng - tôi đặt cho nó cái tên “rượu bộ”: để phân biệt với các thứ quốc doanh với “quốc lủi”<sup>1</sup> khác. Việt Hùng<sup>2</sup> vừa mới xách cho tôi hai chai. Thứ này đúng là hảo hạng, chỉ có loại rượu trên tiền, rượu không phải để bán mới ngon được như thế.

Ông giảng cho tôi một bài về những ngón nghề nấu rượu dân dã, về các loại men với đủ các vị thuốc Bắc thuốc Nam. Nghe Nguyễn Tuân nói thì có thể nghĩ ông là một tay nấu rượu lậu chuyên nghiệp. Mỗi lần đến chơi với Nguyễn Tuân là một lần tôi học được thêm một chút kiến thức ít người biết. Chỉ cần gãi đúng chỗ ngứa của ông. Phải cố mà nhớ nằm lòng, chờ có giờ giấy bút ra ghi chép. Thấy anh ghi chép thì thể nào ông cũng sừng sộ: “Định ghi để báo cáo tôi đấy hử?”.

- Việt Hùng chầu này đến tôi luôn. Minh cứ sắp hết rượu là y như rằng nó xách rượu đến, tài thế! - Nguyễn Tuân quay lại câu chuyện nói dở - Lần nào cũng một thứ này thôi. Cán bộ thường như mình tiền đâu mà lúc nào cũng rượu ngon? Minh thì gấp chăng hay chớ, Văn Điển cũng ừ, Làng Vân càng tốt, miễn bạn đến nhà có rượu đãi? Cái này không phải rượu bình thường, cái này gọi là “phương tiện công tác” đây, tôi nghĩ lầm. Mới bảo nó: “Anh với tôi là bạn vong niên, mình gấp nhau nên nói chuyện văn chương chữ nghĩa, chuyện các thú chơi của các cụ ngày xưa, vui hơn. Đừng nói chuyện chính trị, tôi nhức đầu”. Nó tào lao một lát rồi về. Rượu thì để lại. Nay, thằng ấy kiến thức rộng ra phết!

Từ rượu bộ, do tính chất chật hẹp của nó, chỉ một số ít người biết, mà phải là những người đã từng được Nguyễn Tuân hoặc Văn Cao đãi rượu kia, bởi vì Việt Hùng, theo tôi biết, chỉ biếu có hai ông mà thôi.

Việt Hùng làm việc ở Bộ Nội vụ, ở cơ quan nào trong bộ tôi không rõ, các ông bạn tôi cũng không rõ. Chúng tôi tế nhị không hỏi, Việt Hùng thì không tự nói ra. Là người quảng giao, có kiến thức rộng, Việt Hùng nhanh chóng đánh bạn với các văn nghệ sĩ loại cứng đầu và nửa cứng đầu như Văn Cao, Nguyễn Tuân, Nguyễn Sáng, Đặng Đình Hưng, Tử Phác, Kim Lân v. v... Mọi người xì xào rằng Việt Hùng là “cá nổi” làm nhiệm vụ “cá chìm”. Minh sợ quá giò, cứ thản nhiên mà chơi, anh em nói, cứ để cho Việt Hùng nó báo cáo. Còn hơn để mấy thằng “cá chìm” i tờ kiểm chuyện lập thành tích, mình có làm quá giò đâu mà sợ.

<sup>1</sup> Rượu lậu. Vì phải trốn tránh nhân viên thuế vụ nên phải chui lủi. Từ đấy ra cái tên “quốc lủi”.

<sup>2</sup> Tên đã thay đổi vì lý do tế nhị.

Nhưng nói cứng thế thôi, chứ trong quan hệ với Việt Hùng anh em vẫn nghệ sĩ vẫn cứ chờn chọen. Sau này, chơi với Việt Hùng lâu rồi, hiểu Việt Hùng kỹ hơn, tôi cho rằng cái sự cảnh giác thái quá đối với Việt Hùng của anh em chúng tôi cũng có phần hơi bệnh hoạn. Nỗi sợ hãi này nằm trong nỗi sợ hãi chung của dân chúng đối với cái chế độ hàm chứa rặt những tai họa cho mỗi người mỗi nhà. Có lần Nguyễn Tuân rủ rỉ khuyên chúng tôi phải học thuộc cách chia véc-bờ<sup>1</sup> sợ ở mọi ngôi thứ: tôi sợ anh, anh sợ tôi, chúng ta sợ nó, nó sợ anh, chúng tôi sợ các anh, nó sợ chúng ta, chúng ta sợ chúng nó, các anh sợ chúng tôi vân vân... , cứ thế mà chia. Chia đủ, thuộc hết thì sống mới dễ.

Tôi quen Việt Hùng trong một thời gian không đến nỗi ngắn, đủ để hiểu một con người. Tôi nghĩ nếu số trời run rủi cho Việt Hùng làm bộ trưởng Công an thì còn tốt cho nước ta hơn nhiều so với đương kim bộ trưởng Trần Quốc Hoàn. Nhưng anh mãi mãi chỉ là cán bộ làng nhàng, một chuyên gia sáng tác báo cáo, thỉnh thoảng được mời giảng bài cho một lớp huấn luyện. Có thể coi anh là người tốt, nhưng trong một xã hội không đề cao lòng nhân ái, mà đề cao đấu tranh giai cấp và cảnh giác cách mạng, anh chỉ dám làm những điều tốt trong điều kiện chúng không làm thiệt hại đến mình. Cũng như thế, Việt Hùng có thể thành bạn thân của chúng tôi nếu anh không phải là công an. Tôi coi cái đó như một sự thiệt thòi cho cả hai bên. Cho anh nhiều hơn cho chúng tôi.

Trước khi bị bắt vài ngày tôi có đến chơi nhà Việt Hùng. Anh tiếp tôi với vẻ mặt ngượng ngùng. Vụ khủng bố trắng đang làm xôn xao dư luận. Anh thấy mình chẳng đẹp đẽ gì khi đứng ở phía chính quyền. Tôi hỏi vô mặt:

- Thế nào, nhà chuyên chính vô sản, liệu tớ có bị bắt không đấy?

Việt Hùng làm ra vẻ bận bịu với ấm trà để tránh cái nhìn sốt sắng của tôi:

- Bộ phận mình không dính tới vụ đó. Đây là việc của Ban tổ chức Trung ương...

- Nhưng công an thì đi bắt?

Việt Hùng nhún vai.

Hôm ấy tôi quên khuấy không hỏi Nguyễn Tuân cái từ Việt chỉ pédéraste trong bữa rượu và rất ân hận đã không hỏi ông. Nó chắc chắn phải thú vị. Rượu bộ của ông êm quá, làm tôi say lúc nào không biết. Mà đã say thì tôi lười.

Tôi đã đi ra ngoài lề câu chuyện.

Có lẽ cái bánh mì ngon kia cũng được chế tạo tại một lò bánh đặc biệt, lò *bánh mì bộ*, nói theo cách của Nguyễn Tuân. Cả ba-tê cũng thế, nó là *ba-tê bộ*.

Cái bánh mì đã tiêu hết rồi Thành mới bình luận:

<sup>1</sup> Verbe = động từ, tiếng Pháp.

- Thứ này, cậu ạ, không phải thứ dành cho tù. Từ ngày vào đây tôi chưa bao giờ thấy nó.

Tôi im lặng.

- Tiêu chuẩn cao thế này chỉ dành cho tù đặc biệt thôi, đặc biệt thế nào tôi không biết, nhưng không thể có chuyện tù thường được ăn. Ngoài kia cậu chuyên viên mấy?

- Chuyên viên đâu mà chuyên viên. Tôi cán sự ba.

- Bịa. Cậu mà cán sự ba?

Tôi cười buồn.

- Thật mà. Giấu anh chuyện lương lậu làm quái gì.

- Thế thì đúng là cậu bị lừa rồi. – anh gật gù - Trình độ cậu phải chuyên viên chứ đâu có ở mức cán sự. Bướng, phải không? Thế nhưng ở đây cậu được đối xử khác thường đấy. - Thành gật gù - Giì thì giì, người ta cũng coi cậu là tù đặc biệt, hoặc do chiếu cố, hoặc do sự vụ chưa rõ ràng. Hì hì, thế là tôi vớ bở - được ăn theo.

Chúng tôi đã thân mật hơn. Thành hơn tôi chừng dăm tuổi. Không nhớ từ lúc nào anh tự cho phép mình gọi tôi bằng cậu.

Tôi vẫn còn ngây thơ. Trong những dự đoán do cái *bánh mì bộ* gây ra thấp thoáng cả hy vọng được thả. Tôi nghĩ: nếu không định thả thì họ chiều tôi làm gì? Tôi biết những nhà lãnh đạo của chúng tôi lầm, họ không bao giờ có tinh thần hiệp sĩ đối với kẻ thù. Trong họ không có khái niệm quân tử. Giỏi lầm thì họ cũng chỉ đạt mức đại tiểu nhân mà thôi.

Tất nhiên khả năng thả chúng tôi không thể loại bỏ. Dư luận, như một làn sóng ngầm mạnh mẽ, bị coi khinh đấy, bị đàm áp đấy, nhưng nó vẫn sống, vẫn tồn tại, và không phải nó không có sức làm nhà cầm quyền lo lắng và, đôi khi thôi, nao núng.

Nhân dân bị phản bội.

Đó là điều không cần phải chứng minh. Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đã thành công rực rỡ trong sự thay thế những ông chủ da trắng bằng những ông chủ da vàng. Cái khác là cách cai trị của những ông chủ mới tinh tế hơn những ông chủ cũ nhiều. Mọi sự bóc lột, đè nén giờ đây được tiến hành trong tiếng kèn hoan hỉ ngợi ca cuộc đời mới, trong cờ xí rợp trời, trong ánh lấp lánh của vàng mạ phủ lên mọi tối tăm, tủi nhục, tiếng rìu đao phủ chìm nghimb trong khúc quân hành, và đám đông bị mê mẩn bởi những lời cổ vũ hùng hồn rầm rập kéo nhau đi tới miền đất hứa ở tít mù tầm mắt, không nhận thấy máu đồng bào nhơm nhớp dưới chân mình.

Tôi đã đi trong đám đông bị thôi miên, trong cuộc lên đồng vĩ đại.

Người đầu tiên muôn thức tỉnh tôi là cô ruột tôi lấy chồng ở phủ Xuân Trường. Chồng bà, một ông chưởng bạ<sup>1</sup>, là một người yêu nước không cộng sản. Ông ủng hộ cách mạng từ hồi bí mật, ông tham gia tổng khởi nghĩa, trong kháng chiến chống Pháp ông vừa làm trong ban hội hè (theo lời khuyên của Việt Minh) để giữ thế công khai, vừa làm chủ nhiệm Việt Minh xã. Trong Cải cách ruộng đất, ông bị đưa ra đấu, bị vu là phản động, nhà cửa bị tịch thu, gia đình bị khủng bố. Đến khi Đảng sửa sai thì ông chỉ còn kịp lết về đến nhà để tắt thở trong vòng tay vợ con.

Những việc xảy ra với cô tôi tôi không biết. Tôi đang học ở Liên Xô. Thư từ Việt Nam qua vào thời gian ấy không nhanh, có khi mất cả tháng. Báo Nhân dân gửi sang sứ quán mà cũng cả tuần. Trở về Việt Nam, năm 1957, để làm phim Ánh Sáng Tháng Mười cùng với Xưởng phim tài liệu trung ương Liên Xô nhân dịp kỷ niệm 40 năm cách mạng Nga, tôi mới gặp cô. Cô tôi khuyên tôi:

- Cháu phải tỉnh trí, chớ có nghe cộng sản. Cộng sản bất nhân lắm. Mình là người tử tế, phải biết chọn bạn mà chơi. Nghe ngon ngọt lắm vào rồi đi theo họ, hối không kịp!

Đó là bà cô được chúng tôi, những đứa cháu bà, trọng nhất, yêu nhất. Cả họ phục bà tần tảo một mình dựng nên cơ nghiệp. Bà chẳng bóc lột ai, chẳng xà xéo của ai, chẳng xin xỏ ai. Bà làm một mình mọi việc, đến chồng bà cũng chẳng nhờ. Một trong những nguyên nhân làm cho bà trở nên giàu có là sự keo kiệt. Một con tôm giảo kho của bà đủ làm thức ăn cho tôi suốt bữa cơm - nó mặn khủng khiếp.

Cha tôi bần thần nghe tôi kể tâm sự của cô. Ông buồn: “Đành rằng Đảng có sai lầm, nhưng Đảng đã thấy sai, đã nhận sai để sửa chữa. Không nên vì một sai lầm mà phủ nhận mọi công lao của Đảng. Cô nói Đảng bất nhân là không được. Nếu Đảng là bất nhân thì sao bố lại ở trong hàng ngũ của Đảng?”.

Tôi tin cha tôi. Lời cô tôi khuyên không làm cho tôi mất lòng tin đối với đảng cộng sản. Khi con người bị xúc phạm thái quá thì phản ứng của họ cũng thái quá, tôi nghĩ thế. Chứ cô tôi chẳng có hồn thù gì với cách mạng. Năm cha tôi mười sáu tuổi, ông tự mình viết truyền đơn đi rải ở thị xã Thái Bình rồi bị bắt, chính cô đã đánh đường qua đèo Bồng Tiên đội gạo đi nuôi em. Kể chuyện cho tôi nghe, bà cười phô hàm răng đen nhưng nhức: “Bố ông dữ ra quý, làm cả nhà bạt vía. Ông bà hãi quá, bắt bác Cả đi lo cho ông em ra. May mà bố ông chưa đến tuổi, chứ không thì Tây nó cho rũ tù...”

Người thứ hai không còn tin ở chủ nghĩa cộng sản là vợ tôi. Vợ tôi theo học ngành kiến trúc Ba Lan vào những năm xảy ra những cuộc biểu tình đầu tiên của công nhân tại nhiều thành phố đã làm lung lay nền móng chế độ cộng sản ở nước này. Lúc đó vợ tôi ở thành phố cảng Gdansk, nơi có cuộc biểu tình lớn nhất. Vợ tôi không sinh ra và lớn lên trong một gia đình thuộc tầng lớp trên, cũng không phải trong một gia đình trí thức. Qua những điều mắt thấy tai nghe ở Ba Lan, vợ tôi đi đến một kết luận bất ngờ: “Chủ nghĩa cộng sản không có tương lai, anh ạ. Nó không được lòng dân”.

Người thứ ba cảnh tỉnh tôi là tiểu đoàn trưởng Địch. Anh rơi vào tù trong một trường hợp rất oái oăm. Chuyện như thế này. Một chiến sĩ nghỉ phép về quê cưới vợ. Anh muốn mượn com-măng-ca của đơn

<sup>1</sup> Chức sắc ở hương thôn thời thuộc Pháp trông nom việc địa bạ.

vị để về làng cho oai. Tiểu đoàn trưởng cho mượn liền. Anh thích thú hình dung ra chuyện về quê oai vị của anh lính. Người anh em kết nghĩa của chú rể, dân tộc Mường Tây Bắc, không biết mừng em cái gì, bèn mừng một cục thuốc phiện bằng nắm tay. Với cục thuốc phiện ấy chú rể bán đi là có một đám cưới đàng hoàng. Trên đường về quê, chú rể bị bắt, hai phù rể bị bắt theo. Thủ trưởng đơn vị bị coi là tòng phạm vì đã “cung cấp phương tiện vận chuyển” lịnh án năm năm tù. Từ nhà tù trở về, Đích thay đổi hẳn. Người ta bảo anh khiếu oan để trên xét lại vụ án, anh chẳng buồn viết đơn. Anh nói với tôi: “Tôi không bức vì cái án. Nhầm là chuyện thường, huống hồ trong vụ này tôi cũng có cái sai. Nhưng tôi sai là một chuyện. Cái cách đồng chí đối xử với nhau thế nào là chuyện khác. Nhà tù cho tôi thấy một điều: không có tình đồng chí! Hoàn toàn không! Chúng ta nhầm. Bây giờ tôi mới hiểu: ông Hồ không phải đồng chí của ta, ông ấy cũng là vua như các ông vua khác, lại không phải vua hiền. Ông ấy biến những con người lương thiện thành những con quỷ. Ông ấy là quỷ vương”.

Tôi an ủi anh, nhưng tôi không thể đồng ý với nhận xét của anh. Dưới quyền ông Hồ có những con quỷ mà anh gặp, tôi không cãi, nhưng đâu phải ông cố tình tạo ra chúng. Chúng có trong bất kỳ xã hội nào. Tôi nói với anh, như cha tôi thường nói với tôi, rằng cách mạng là sự nghiệp của cả dân tộc, trong cách mạng không thể không có sai lầm, đó là bệnh sốt vỡ da của đứa trẻ đang lớn, rằng sai lầm sẽ ít dần cùng với sự trưởng thành, mà chẳng phải ai khác, chính chúng ta phải đóng góp để cho nó trưởng thành khoẻ mạnh. Tôi cố gắng thuyết phục Đích dẹp nỗi ấm ức trong lòng để trở lại với công tác cách mạng. Anh phản bác, nhưng rồi anh đã nghe tôi.

Tôi nói với Nguyễn Thanh Đích, thư ký tòa soạn báo ảnh, nhận anh Đích vào làm công tác buồng tối. Tờ báo chúng tôi hồi ấy đang cần người có học và tháo vát để giải quyết những khó khăn về kỹ thuật in tráng trong hoàn cảnh thiếu thốn. Đích là một nghiệp ảnh gia nghiệp dư, nhưng anh rất say mê nghề ảnh, nhờ đó anh hiểu nghề khá sâu, được các phóng viên kính trọng.

- Ông bảo đảm nhá? - thư ký tòa soạn gặng.
- Tôi bảo đảm mà. - tôi trả lời.

Anh Đích cần mẫn làm công việc nhà nước cho tới khi tôi bị bắt. Không tuyên bố lý do, người ta thả hồi anh. Sự thả hồi này không chứng tỏ tôi đã bảo đảm không đúng. Nó chỉ chứng tỏ anh bị thả hồi vì người bảo đảm cho anh là tôi.

Sau đó, anh Đích thè độc không bao giờ đi làm lại cho Nhà nước cộng sản nữa. Anh sản xuất ô mai để bán, là công việc dễ hơn nhiều so với công việc buồng tối. Nghề làm ô mai không bị nhà nước ngăn chặn hóa ra lại rất có lời, anh nuôi được các con ăn học, tậu được nhà, sắm được đầy đủ tiện nghi, nói chung gia đình anh sống rất sung túc.

Tóm lại, từ những điều trông thấy, nghe thấy tôi ngoan cố không chịu rút ra kết luận.

Tôi đần và, theo cách nói bây giờ, tôi ngu lâu.

Bữa trưa chúng tôi có thêm món trứng tráng vàng rộm, mỡ nhuến thoảng, bên cạnh tô “rau muống tần đại dương”, tiêu chuẩn chung của tù, như thường lệ. Thành thật hóm. Cái tên “rau muống tần đại

*dương*" là do Thành đặt cho món rau luộc không ra luộc kho không ra kho của nhà tù. Thành nói rằng để sống được trong tù phải dự trữ cho mình đủ tinh thần hài hước.

- Nay, lạ chưa, từ sáng đến giờ không nghe còi báo động, nhỉ? - Thành đần mặt, suy nghĩ.

Trong xà lim, chúng tôi chẳng biết gì về những việc đang xảy ra bên ngoài. Chiến tranh thế giới lần thứ ba có nổ ra chúng tôi cũng ngủ quên nó. Hòa bình trở lại chúng tôi cũng không biết. Theo quy định của trại giam tù xà lim không được đọc báo. Mảnh giấy gói bánh mì sáng nay là một mẩu báo năm ngoái.

Có thể xảy ra một sự kiện nằm bên ngoài mọi dự đoán sẽ dẫn tới việc tha hàng loạt tù nhân chăng? Không, không thể có cái đó, chẳng bao giờ có được một sự kiện như thế, nó chỉ có trong truyện thần tiên.

Tôi xua đuổi quầy quậy cái hi vọng chực le lói. Bất cứ hi vọng nào trong tù cũng là hão huyền. Nó chỉ để ra thất vọng. Như những bông hoa đực.

Bữa chiều, thay vào đĩa trứng tráng là đĩa thịt kho tàu. Chúng tôi ăn thịt kho tàu với mì luộc. Răng tôi nghiến lạo xạo hàng nghìn xác mợt cùng với câu hỏi khó nhá.

Đúng vào lúc chúng tôi nghĩ đến hòa bình nhiều nhất thì còi báo động hú lên. Tôi nghe rõ tiếng rít lanh lanh của những chiếc MIG-19 lao nhanh qua Hỏa Lò.

## 14

Hách mở cửa, lấy tôi đi cung. Những tưởng sau câu chuyện tâm sự với tôi trong buổi cắt tóc, viên quan giáo sẽ hờ hởi gặp tôi như những người lính cũ của một thời đã xa ngẫu nhiên gặp nhau, cho dù ở trong Hỏa Lò, nhưng không - y nhìn tôi hững hờ, xa lạ.

Trong phòng hỏi cung, lại một phòng khác, Huỳnh Ngự ngồi nghiêm chỉnh sau bàn làm việc. Y lạnh lùng ngước mắt đón tôi, cái nhìn lướt trên cặp kính trắng trẽ xuống sống mũi.

- Anh khỏe chớ, anh Hiên?
- Cảm ơn. Tôi bình thường. Bác vẫn khỏe?
- Vẫn khỏe. Thời tiết mấy bữa rày tốt, ấm lên rồi.

Mở đầu buổi làm việc bao giờ cũng là câu hỏi thăm xã giao. Cứ như thể chúng tôi quan tâm tới sức khỏe của nhau lắm, hoặc đang ra sức tập dượt để dự một cuộc đua tài lịch sử. Sau đó mới đến công việc.

Lần này Huỳnh Ngự ra câu hỏi bằng giọng rất ôn tồn:

- Anh đã suy nghĩ về lời khuyên của ông già rồi chớ?

Tôi mệt mỏi đáp:

- Tôi đã suy nghĩ.

Huỳnh Ngự quan sát tôi hồi lâu rồi mới tiến thêm một bước:

- Anh bằng lòng cung khai?

Tôi nhìn y. Chuyện này tôi tưởng đã xong, sao y còn nhắc lại? Thằng cha dai hoi quá.

Y vẫn kiên nhẫn nhìn tôi, chờ đợi.

- Không! - tôi đáp, giọng dứt khoát.

Tôi đã ở bước đường cùng rồi, xá gì chúng nó. "Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất"<sup>1</sup>, cha tôi vẫn thường dạy. Đóng kịch không có nghĩa là sẵn sàng chịu chúng trong bất cứ việc gì.

Huỳnh Ngự trùng mắt:

- Tại sao?

- Tôi đã nói rồi. Tôi không phải phạm nhân. Đúng không nào? Đã không phải phạm nhân thì lẽ đương nhiên không việc gì phải khai.

Huỳnh Ngự liếm môi. Một thoảng suy nghĩ, y nói:

- Nhưng báo cáo với Đảng những điều Đảng cần hỏi anh thì anh đồng ý báo cáo chớ? Hay cũng không?

Tôi gật đầu:

- Tôi sẵn sàng báo cáo với Đảng những gì tôi biết.

Nhưng tao sẽ không báo cáo với Đảng của mày những gì Đảng của mày cần để hại người đâu, tôi rửa thầm. Đừng có mơ!

Y cảnh giác với câu trả lời của tôi. Sau khi tin chắc tôi nói không có ẩn ý, y thở phào:

- Anh ngồi xuống đi!

Tôi ngồi.

Đợi cho tôi yên vị, y từ tốn móc trong ngăn kéo bàn viết ra một xấp giấy trắng, trịnh trọng đặt nó xuống trước mặt tôi:

- Anh là chúa hay câu nệ chữ nghĩa. Mất thời giờ nhiều lắm. Thôi được, nói cho anh hay, Đảng đã ra chỉ thị cho tụi tôi để các anh được tự do lựa chọn cách làm việc.

Tôi dò xét nhìn y. Trò gì thế này?

- Bữa ni ta làm việc chính thức, theo kiểu khác. Những chi tui hỏi anh mọi ngày, chỉ là hỏi miệng, để có một cái nhìn chung, bao quát, về những điều anh biết và Đảng sẽ hỏi anh. Chừ coi như anh đã quen, ta viết ra giấy. Các cụ gọi rửa là cái chi hè? Khai bút!

<sup>1</sup> "Đắc chí, dũng dân do chi, bất đắc chí, độc hành kỳ đạo, phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thử vi chi đại trượng phu", nghĩa là "lúc đắc chí thì cùng với dân mà hành đạo, không đắc chí thì hành đạo một mình, khi giàu sang không ham mê tửu sắc, lúc nghèo hèn không dời đổi tiết tháo, trước uy vũ không khuất phục" (Sách Mạnh tử, Đảng Văn công Hạ)

Y nói với vẻ mặt hiền từ, như cách ông giáo làng nói với học trò trong ngày khai trường. Nói chung, Huỳnh Ngự thay đổi thái độ nhanh như làm xiếc. Đang vui vẻ đấy, y có thể bất thình lình gầm lên như phát điên.

- Tui nói khai bút là trúng chớ, nhà văn?

Không thấy tôi tán thưởng, Huỳnh Ngự giảng giải:

- Khai bút chớ không phải khai cung, như vừa nãy tui dùng chữ có chỗ chưa chuẩn, tui đâu có là nhà văn, phải không? Ta khai cái bút để báo cáo với Đảng những điều Đảng cần hỏi ở ta. Việc ni chỉ có một mục đích duy nhứt nhằm xây dựng Đảng, làm cho Đảng ngày thêm vững mạnh...

Lại bắt đầu bài hát muôn thuở! Nhưng dù sao cũng đã có một sự lùi bước từ phía y. Y đã thôi không dùng từ “khai cung”.

- Tui thấy cần phải nói trước để anh hay, chừ là cơ hội cho anh đói công chuộc tội, là cơ hội cuối cùng để anh chứng minh lòng trung thành của anh với Đảng. Vì vậy tui phải nhấn đi nhấn lại nhiều lần điều ni cho anh nhớ, đó là: trong sự báo cáo với Đảng cái cơ bản, cái quan trọng nhứt, là phải thành khẩn, thành khẩn hết mình.

Ngừng lại vài giây để bắt tôi phải chú ý hơn nữa, y cúi xuống, ghé sát vào tai tôi mà thì thào bằng giọng tên âm mưu dặn dò đồng bọn.

- Nói để anh yên tâm, Đảng đã chỉ thị cho tui: báo cáo của các anh là Báo Cáo Mật, tuyệt mật... Ngoài tui ra là người được anh Sáu giao trách nhiệm hướng dẫn các anh viết, không người mô được biết về những báo cáo này hớt. Từng báo cáo sẽ được dán kín lại rồi trình lên anh Sáu và Bộ Chánh trị...

Tôi ngơ ngẩn nhìn y. Tại sao những lời khai của chúng tôi, những kẻ có tội với Đảng, lại phải giữ bí mật đến thế? Mà giữ bí mật với ai kia chứ?

- Anh không việc chi mà ngại: cứ mạnh dạn trình bày với Đảng, trình bày hớt - từ những quan điểm sai trái cho tới những việc làm có hại cho cách mạng. Đảng sẽ tha thứ cho anh một khi anh đã hối lỗi. Đối với những người có liên quan, Đảng yêu cầu anh không e dè, không nể nang. Phải báo cáo cho Đảng biết về họ, cả tư tưởng, cả hành động, việc lớn cũng như việc nhỏ, báo cáo tuốt. Cứ thẳng thừng mà báo cáo, cho dù người có liên quan là cha mẹ mình cũng mặc... Dứt khoát đứng về phía Đảng, vì lợi ích của Đảng mà chiến đấu là lập trường đúng đắn nhứt, có lợi cho mình nhứt...

Sau đoạn giáo đầu mang tính chất “đả thông”, y lấy bút máy ra, vẩy vẩy mấy cái, lau ngòi bút vào vạt áo cho thông mực rồi mới cầm mẫn đánh dấu từng trang.

- Uống nước đi, hút thuốc đi, rồi ta mìn.

Thấy tôi vẫn ngồi yên, Huỳnh Ngự ân cần nhắc:

- Trà ngấm rồi đó.

Trà sang. Hôm nay là Ba Đình chứ không phải Hồng Đào. Tôi vẫn thích Hồng Đào hơn. Nó ít chất nhân tạo, đã được nước lại có hậu.

Tôi nhấm nháp từng ngụm nhỏ nước trà đặc, lắng lặng quan sát Huỳnh Ngự. Cái con người còm cõi kia chắc đã từng làm thư ký cho một ủy ban huyện, hoặc nhân viên đánh máy ở một trung đoàn bộ trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Chao ôi, y từng là đồng chí của tôi đấy, từng là chiến hữu của tôi đấy. Giả thử tình cờ gặp nhau trong một trận càn của địch, tôi dám nhường hầm bí mật của tôi cho y lăm.

“Không e dè, không nể nang..., cho dù có là cha mẹ mình cũng mặc!” Trong đầu tôi, câu nói của Huỳnh Ngự ong ong bay lượn.

Nghĩa là anh cứ việc thoải mái mà làm chỉ điểm cho Đảng. Đảng là của nhân dân mà, của dân tộc mà. Vì lợi ích của Đảng, để bảo vệ Đảng, chỉ điểm cũng là một công tác quan trọng lắm chứ, vinh quang lắm chứ.

Vào thời gian này chỉ điểm nhanh nhản khắp nơi, từ thôn xã cho tới các cơ quan đầu não. Khác với các bạn đồng nghiệp thuộc các chế độ khác, thuộc những thời đại khác, tên chỉ điểm xã hội chủ nghĩa có niềm tự hào đặc biệt. Nó tự hào vì được theo dõi không riêng những đối tượng của cách mạng mà cả các đảng viên kỳ cựu của Đảng, cũng từ cấp cơ sở lên tới tận Trung ương. Đủ hiểu Đảng tin nó thế nào! Nó bao giờ được tưởng thưởng xứng đáng. Chỉ buồn nỗi không được khoe khoang chiến tích mà thôi. So sánh cái được với cái không được thì cái được lớn hơn nhiều.

Dùng phương pháp loại suy tôi phát hiện một số tên chỉ điểm trong giới văn nghệ sĩ qua những cuộc hỏi cung. May mắn cho tôi, và cho văn nghệ sĩ nói chung, không có gương mặt sáng giá nào làm chỉ điểm. Là cái nghề đốn mạt này chỉ có những tên vô tài bất tưởng bước vào văn nghệ qua ngả chính trị, những tên cơ hội đi bằng đầu gối, kiếm ăn bằng những bản văn tán dương chế độ. Có tên đã tập tễng viết lách, nhưng không sáng tác nổi cái gì cho ra hồn, tình nguyện cầm cây roi phê bình gác cửa văn nghệ cho Đảng. Thậm chí có tên làm chỉ điểm cốt được vào Đảng sớm một ngày. Tên khác săn tin trong anh em, ton hót với thượng cấp chỉ để kiếm thêm một bậc lương.

Khốn nạn, không làm là một nhẽ, phải ngồi im nghe kẻ chiêu mộ ba hoa về những quyền lợi mà Đảng ban cho nếu anh ngoan ngoãn làm chó săn chim mồi là một nhẽ khác.

Nhục lắm!

Huỳnh Ngự kể cũng biết điều. Y không nói toạc ra rằng tôi phải đầu hàng và nhận làm chỉ điểm. Nói thế trắng trợn quá. Y muốn tôi bám lấy cái chính nghĩa y quẳng cho: vì lợi ích của Đảng. Tôi giả vờ nghe theo. Sau đó hăng hay.

Trong khi chờ đợi y nắn nót những giấy tờ cho cuộc khai bút tôi quan sát căn phòng vừa được đưa tới. Tôi nghĩ rằng người Pháp không phải là tác giả của những căn phòng manh mún, thiếu tiện nghi được dùng làm nơi hỏi cung trong Hỏa Lò. Phòng làm việc trong sự hình dung của các kiến trúc sư Pháp ắt phải khác. Căn phòng chúng tôi đang ngồi diện tích chỉ nhỉnh hơn xà lim một chút, lại không có cửa sổ,

không có lỗ thông hơi, rất bí. Cách bố trí các phòng hỏi cung phản ánh trung thành tính cách chủ nhân nó.

Nhin căn phòng kín mít trong mê cung những hành lang hun hút của Hỏa Lò, bất giác tôi nhớ tới Kỳ Vân. Không biết giờ này anh ở đâu, trong một phòng nào đó ở một góc tối nào đó như tướng Đặng Kim Giang, hay trong một xà lim như tôi? Kỳ Vân có số phận hẩm hiu nhất trong chúng tôi, cuộc đời đối với anh bạc bẽo nhất. Khoảng một tháng trước khi anh bị bắt, vợ anh đi sơ tán gần Hà Nội bị chết đuối để lại mấy đứa con dại. Thời thuộc Pháp, Kỳ Vân đã vượt khỏi nhà ngục này tới hai lần. Thế nhưng lần này dù có muốn anh cũng không vượt được nữa. Anh đã già. Các đồng chí của anh lại rút kinh nghiệm của những lần họ cùng với anh vượt ngục trước kia, nay họ canh gác Hỏa Lò nghiêm ngặt hơn nhiều so với trước kia.

Khi nghe tôi báo tin Kỳ Vân bị bắt cụ Đinh Chương Dương còn nhớ đủ cả tên họ anh: "Phạm Kỳ Vân chứ, cháu. Cháu nói Kỳ Vân, bác ngỡ là người khác. Bác nhớ anh ấy chứ, quên sao được. Chính bác đưa Phạm Kỳ Vân sang Tàu năm 41 cho bác Hồ huấn luyện cách mệnh chứ ai. Lúc bấy giờ Phạm Kỳ Vân còn nhỏ tuổi lắm, nhưng tinh thần cách mệnh thì lại rất cao. Họ bắt bố cháu, bắt luôn cả Phạm Kỳ Vân hả? Trời đất, đồng chí với nhau cả, sao mà tàn tệ thế?!"

Anh Kỳ Vân, theo lời cha tôi kể, và như bác Đinh nhận xét, là người tuổi nhỏ chí lớn. Anh hoạt động cách mạng từ khi còn là học sinh, 21 tuổi đã là xứ ủy viên Bắc kỳ. Tính theo bề dày cách mạng, hoạt động cùng với cha tôi, Kỳ Vân phải thuộc hàng cha chú tôi mới đúng, nhưng anh chơi với tôi cũng như chơi với Hứa Văn Định<sup>1</sup>, Mạc Lân<sup>2</sup>, Bùi Ngọc Tấn... theo cách ngang hàng, kiểu bạn bè, cậu cậu tớ tớ. Xem ra anh không có cái tính thích làm kẻ cả.

Anh nói về cha tôi: "Sở dĩ ông cụ cậu không có chức sắc trong Đảng là vì hồi bí mật Đảng chủ trương để ông cụ hoạt động công khai, có chân trong Trung ương hay là xứ ủy, bị Tây bắt nó xử dữ lắm, Đảng không có người tháo vát như ông cụ để chắp nối liên lạc cho các cơ sở Đảng. Đến lúc có chính quyền rồi thì ông Cǎ<sup>3</sup> lại bắt ông cụ cậu giúp việc ông Hồ. Trường Chinh không thích ông cụ cậu là vì ông cụ thẳng tính, không chịu xu nịnh. Lê Đức Thọ thì ghét ông cụ lắm lắm, thẳng tiểu nhân ấy khi còn ở Sơn La với tụi mình bị ông cụ sặc cho mấy trận vì cái tính đâm bị thóc chọc bị gậy trong anh em. Chứ nó sao bì với ông cụ nhà cậu được! Khi ông cụ vào Nam ra Bắc làm cách mạng thì nó còn là học trò. Bọn Lê Đức Thọ viện cớ ông cụ không có chức sắc, không đưa ông ấy lên. Mình biết ông cụ cậu từ hồi bí mật, mình biết cái tình ông ấy, ngay thẳng lắm, mà nóng lắm, không kiêng nể ai đâu, nhưng đối với bạn bè,

<sup>1</sup> Hứa Văn Định (1935-1995), nhà văn, nhà biên kịch điện ảnh. Được biết đến với những tiểu thuyết Mắt Trẻ Thơ, Chân Dung Người Mẹ, Lửa Rừng Đêm, Sống Trên Điểm Chết, Tiếng Mùa Thu...

<sup>2</sup> Mạc Lân (1928-2006), nhà báo, thương binh thời kháng chiến chống Pháp, con trai cả của nhà văn Lê Văn Trương. Bị xếp vào loại có tư tưởng xét lại, bị cho về hưu non.

<sup>3</sup> Một trong những bí danh của Nguyễn Lương Bằng, được dùng nhiều từ năm 1941 trở đi, cùng với bí danh Sao Đỏ.

đồng chí thì tình nghĩa rất mực, cho nên mình quý." Tôi hỏi vì sao anh đã từng có chức sắc mà cũng không lên được, thì Kỳ Vân gõ cồng cộc vào đầu: "Tại cái này cứng quá. Đào Duy Ký<sup>1</sup> với mình hồi băm chín bốn mươi lăm ánh Trường Chinh sợ địch, thấy địch vừa tổng khung bố đã co cẳng chạy, cho nên hắn để bụng, khi cách mạng thành công rồi không bỏ lỡ dịp nào không hành bọn mình".

Ngồi trong phòng, tôi rét run. Thời gian trôi, ăn uống kém, dự trữ trong người cạn dần, cho nên tôi thấy rét, chứ đám chấp pháp, quản giáo vẫn phây phây đi lại. Mà cũng có lẽ tại cái phòng làm việc lâu không có hơi người. Tôi tiếc căn phòng trông ra mảnh sân hẹp, nơi có cái vòi nước hỏng. Làm việc ở đấy thỉnh thoảng còn được rửa ráy, còn có cơ may ném được mảnh giấy báo tin cho gia đình, nhất là trong tay tôi bây giờ đã có giấy bút.

Sau khi đã đi tới thỏa thuận về chuyện tôi nhận viết báo cáo, Huỳnh Ngự thay đổi thái độ. Giữa chúng tôi không còn những cuộc cãi vã căng thẳng. Bàn trà được dọn ra, hơi nước bốc trên những cái chén sạch bong, hai bên bàn là hai người điềm đạm thủng thẳng trò chuyện.

Tôi hiểu: Huỳnh Ngự lùi một bước để đòi tôi cái lớn hơn, một món lại quả còn to hơn ăn cưới. Không phải y chỉ đòi ở tôi một bước xuống thang tương ứng mà một sự thối lui thật sự nếu không muốn nói thẳng là đầu hàng.

Về thực chất, "báo cáo" và "cung khai" là một. Nhận "báo cáo" có nghĩa là nhận "cung khai". Tuy nhiên, cũng trong buổi làm việc này Huỳnh Ngự tế nhị nhấn mạnh sự phân biệt thực ra rất nhỏ bé giữa chúng tôi và tù thường: với tư cách người được "xử lý nội bộ", một thứ phạm nhân nửa dơi nửa chuột, chúng tôi được đặt vào một vị trí khác với phạm nhân thường trong quan hệ với cán bộ chấp pháp.

Ngẫm ra cái máu sĩ diện trong con người ta cũng mạnh górm! Nếu Huỳnh Ngự cứ khăng khăng một mực bắt tôi "cung khai" thì vị tất tôi đã chịu. Cho dù sau bức thư của cha tôi tôi đã quyết định thôi không ngang ngạnh với y nữa. Y đoán trước được phản ứng của tôi, linh hoạt thay ngay cái từ "cung khai" bằng "báo cáo", nghe êm tai hẳn.

Điều làm tôi ngạc nhiên là khu vực nhân sự mà Huỳnh Ngự quan tâm quá rộng.

- Anh có quen Tôn Thất Tùng<sup>2</sup> không hỉ? - một hôm bỗng dung Huỳnh Ngự hỏi tôi.

<sup>1</sup> Em ruột học giả Đào Duy Anh, nguyên bí thư xứ ủy Bắc kỳ khoảng cuối thập niên 30 đầu thập niên 40. Sau khi không tìm đâu ra Trường Chinh (lúc ấy đang trốn ở Phúc Yên), Đào Duy Ký đã triệu tập một cuộc họp những cán bộ nòng cốt để bầu ra một Trung ương mới, thay thế cho Trung ương cũ đã bỏ chạy. Trong cuộc họp này Đào Duy Ký được bầu làm Tổng bí thư lâm thời. Chuyện này không bao giờ được những người viết lịch sử Đảng nhắc tới.

<sup>2</sup> Tôn Thất Tùng (1912-1982), một nhà giải phẫu nổi tiếng trong nước và thế giới trong lĩnh vực gan và giải phẫu gan, được Nhà nước VNDCCH tặng danh hiệu anh hùng lao động.

Tôi không chờ đợi câu hỏi này. Giáo sư Tôn Thất Tùng không thể dính vào chuyện chính trị thôn xóm của Huỳnh Ngự.

- Không thể nói rằng tôi quen giáo sư Tôn Thất Tùng được. - tôi đáp, thờ ơ - Ông thuộc hàng cha chú tôi, lại chơi với ông cụ tôi...

- Thị tui mới phải hỏi. - Huỳnh Ngự dặn ra một nụ cười hiền lành, nhưng trên mặt y nó chỉ đạt mức không độc ác mà thôi - Hồi trước Nghị quyết 9, Tôn Thất Tùng có viết một lá thư, nội dung là một kiến nghị gửi Trung ương Đảng, chắc anh đã đọc...

- Chuyện ấy tôi có nghe nói.

- Chu cha, sao lạ vậy chớ? Anh mà chỉ nghe nói!? - Huỳnh Ngự ngoeo đầu, bĩu môi - Khó tin quá hè! Thư đó ông cụ anh có trong tay, còn đưa hết người nầy người nợ đọc, mà anh không được đọc thì lạ quá.

- Tôi không được đọc có lẽ vì thời gian đó tôi không có mặt tại Hà Nội.

Huỳnh Ngự gật gù:

- Cứ cho là như vậy. Nhưng anh là nhà báo kia mà. Nhà báo thì phải biết mọi chuyện mới là nhà báo chớ. Nhà báo mà cái chi cũng không biết, không biết. Người ta ồn cả lên vì bức thơ mà lại nói anh cũng không biết. Hỏng. Tôn Thất Tùng viết bức thơ này trong loạt thơ gửi Trung ương nhằm gây áp lực buộc Trung ương phải thay đổi đường lối. Ngày thơ quá! Trung ương cần chi tới ý kiến mấy anh khoa học dở hơi mà thơ với từ. Ông già sau rồi cũng không đưa anh đọc thiệt?

- Không.

- Tui dám cá với anh nè, rằng anh có đọc, nhưng anh chối. Mà thôi, bỏ qua chuyện đó đi, anh có đọc hay không đọc không phải chuyện quan trọng.

Tôi cười trừ. Biết nói gì với y bây giờ? Đôi co với y, tôi biết rồi, là chuyện vô ích.

Một nguyên tắc của công an là không tin cái gì hết, cho dù mình có nói thực. Chỉ khi nào dùng đủ mọi cách rồi mà không khai thác được gì hơn thì người ta đành chấp nhận cái đã thu được mà thôi. Sau này tôi được biết có những người tù chẳng có gì để khai, do bị dồn ép quá đã khai bịa. mà công an cũng tin. Xét cho cùng, những anh chấp pháp kiểu Huỳnh Ngự chỉ cần cái mà họ muốn có, chứ không cần sự thật.

Huỳnh Ngự chăm chú rót trà vào chén mình. Lẽ ra, trong bầu không khí không căng thẳng hôm nay y phải mời tôi mới đúng, nhưng y quên không mời. Dù đã cố gắng nhiều, như tôi thấy, y vẫn chưa trở thành người lịch sự.

- Tui lấy làm lạ cho bọn trí thức các anh! - sau khi thỏa mãn với chén trà cẩm tăm<sup>1</sup>, Huỳnh Ngự ngả người trên ghế, hai tay chắp trước bụng - Đảng chiều như chiều vong, chẳng động đến các anh thì chớ, có sai sót chi cũng cho qua luôn, không thèm bắt bẻ, lại còn tạo mọi điều kiện thoải mái cho các anh làm việc, cho các anh hưởng mọi tiêu chuẩn hơn người, vậy mà các anh rứng mờ đòn nhảy vô lanh vực chánh trị, phát biểu lung tung vô trách nhiệm, đòn đường lối của Đảng phải thế kia thế khác. Hết khôn thời dồn ra đại. Có người cầm tay dắt đi không muốn, lại muốn tự mình mò mẫm...

Trong chuyện bức thư tôi không nói dối y. Tôi tiếc không được đọc bức thư ấy. Hình như lúc đó tôi đi làm phóng sự ở Thái Bình thì phải. Nghe nói bác sĩ Tôn Thất Tùng viết bức tâm thư gửi Trung ương rất cảm động. Nhìn sang nước láng giềng, thấy tình cảnh trí thức bên đó bị đấu tố, bị bắn giết, tù đầy, ông lo lắng cho số phận trí thức Việt Nam, lo cho tương lai nền khoa học nước nhà. Ông muốn lấy lời tâm huyết khuyên can Đảng đừng đi theo con đường Trung Quốc, bởi nó đem lại cho dân tộc những tổn thất khôn lường và sự kéo lùi lịch sử lại nhiều năm.

- Tôn Thất Tùng có hay tới ông già anh không?

- Tôi không rõ. Cũng có thể giáo sư đến chơi với ông cụ tôi mà tôi không biết. Bác biết đấy, tôi ở trên gác, ông cụ tôi ở dưới nhà.

- Cái nứa tui rõ. Vậy còn Tạ Quang Bửu<sup>2</sup>. Anh biết chớ?

- Cũng không. – tôi đáp, giọng thoải mái, mặc dầu trong lòng căng thẳng - Mới rồi, không phải, cách đây cũng cả năm, tôi có phỏng vấn giáo sư Tạ Quang Bửu. Cái sự biết như thế không thể gọi là biết. Bài phỏng vấn sau bị xếp lại vì báo thiếu chỗ. Hoặc vì một lẽ gì khác mà tôi không biết.

- Hình như tay nầy ăn nói lung tung lắm, phải không?

- Làm sao tôi biết được! - tôi nhún vai - Khi nói chuyện với người không quen biết chẳng ai dại gì nói chêch đường lối của Đảng, nhất là trong tình hình hiện nay. Mọi câu trả lời phỏng vấn, theo kinh nghiệm của tôi, bao giờ cũng giống xã luận báo Nhân dân.

Huỳnh Ngự nhìn tôi cảnh giác. Y rất sợ bị tôi nói xỏ mà không biết, hoặc về tối nhà mới biết.

Huỳnh Ngự muốn nghĩ gì thì nghĩ, tôi điềm nhiên rót trà cho mình. Trà chát xít ở cổ họng.

- Vậy chớ Nguyễn Tuân, anh biết hay không biết?

<sup>1</sup> Trà pha thật đặc, nói thậm xưng là cẩm que tăm vào mà que tăm vẫn đứng chứ không đổ.

<sup>2</sup> Tạ Quang Bửu (1910 –1986) giáo sư, nhà toán học; từng là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp của VNDCCH, đại biểu Quốc hội liên tục từ khóa I đến khóa VI (1946–1981). Những trí thức như ông, căn cứ cách đánh giá của công an, dù có chức vụ cao cũng chỉ là để bày cảnh “đoàn kết toàn dân”, chứ không hề được đảng cộng sản coi trọng.

- Nguyễn Tuân thì tất nhiên tôi phải biết.

- Đào Phan<sup>1</sup>?

- Không biết.

- Thật không?

- Thật.

Huỳnh Ngự cười đùa:

- Hồi vậy thôi, chứ tui biết, anh không có quan hệ với Đào Phan.

- Thế còn Phan Kế An<sup>2</sup>?

- Phan Kế An?

- Tôi biết anh Phan Kế An.

- Anh sẽ viết một báo cáo về Phan Kế An chớ?

- Tôi không biết Phan Kế An tới mức có thể nói gì về anh ấy.

- Còn Phan Kế Hoành<sup>3</sup>?

- Anh Hoành là bạn tôi.

Huỳnh Ngự hài lòng thấy tôi sẵn sàng trả lời mọi câu hỏi của y thì mừng lắm. Y mời tôi, đúng hơn là cho tôi, một điếu Điện Biên.

- Kể cũng lạ, lão khâm sai đại thần<sup>4</sup> thì cúc cung theo ta, mà mấy đứa con thì như giặc. - ngả người trên ghế, Huỳnh Ngự nhả khói lên trần - Anh có biết Phan Kế Hoành hắn giải thích bôi đen chế độ ra răng không?

- Không. Khi anh Phan Kế Hoành dạy ở Đại học Tổng hợp thì tôi ở Liên Xô. Vụ Nhân văn - Giai phẩm tôi cũng chỉ được nghe kể lại. Mà hình như Phan Kế Hoành không liên quan tới Nhân văn - Giai phẩm.

<sup>1</sup> Em ruột học giả Đào Duy Anh và nhà cách mạng Đào Duy Kỳ. Anh cũng bị liệt vào “bọn xét lại”.

<sup>2</sup> Con trai trưởng nguyên khâm sai đại thần Phan Kế Toại của triều đình Huế, cố phó thủ tướng nước VNDCCH.

<sup>3</sup> Em trai kế họa sĩ Phan Kế An.

<sup>4</sup> Phan Kế Toại (1889-1973), năm 1943 giữ chức Tổng đốc Thái Bình, năm 1945 là Khâm sai đại thần của chính phủ Nam triều. Đi với cách mạng, cụ giữ chức bộ trưởng Bộ Nội vụ (công việc khác với Bộ Nội vụ, thực tế là Bộ Công an, trong thập niên 60).

- Bậy. Hắn là Nhân văn - Giai phẩm một nửa đó. Hắn với hai thằng Bùi Quang Đoài, Văn Tâm<sup>1</sup> ở trong nhóm Đất Mới.

Tôi nói dối. Tôi biết chuyện Huỳnh Ngự vừa nhắc tới. Nó là thế này: sinh viên hỏi thầy Phan Kế Hoành chuyện báo chí nói nhóm Nhân văn - Giai phẩm bôi đen chế độ nghĩa là thế nào. Thầy Hoành bèn sai một nữ sinh xuống nhà bếp mượn cho anh cái chảo. Đoạn, anh bảo cô sinh viên: “Em xoa bàn tay của em vào tròn chảo đi, xem tay em đen chưa nào, được rồi, bây giờ em xoa tay lên bảng! Xoa đồng nghĩa với bôi. Bôi đen nghĩa là như thế đấy!”

Sau vụ này Phan Kế Hoành bị tước quyền dạy học. May, người ta còn nể cụ Phan Kế Toại, nên anh chỉ bị chuyển qua công tác khác.

Cái lối gọi cụ Phan Kế Toại xách mé như thế chỉ có ở những cán bộ hanh tiến. Chúng không biết rằng việc một đại thần triều Nguyễn có mặt trong hàng ngũ cách mạng và kháng chiến là biểu tượng của tinh thần đoàn kết dân tộc, là tấm gương cho nhiều người trước kia làm việc trong chính quyền thuộc địa noi theo. Nhờ những nhân sĩ có tên tuổi như cụ Phan Kế Toại đứng bên những người cộng sản mà chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Pháp thêm rạng rỡ, uy tín của Đảng cộng sản được nâng cao.

- Còn Văn Cao?

- Văn Cao thì tôi biết.

Huỳnh Ngự cười khẩy:

- Phải nói thân mới đúng chớ! Anh với Văn Cao cùng một hội mà. Các anh gọi Văn Cao là cái chi nhỉ? Tui nhớ ra rồi: ông tiên chỉ.

Thì ra y cũng biết cái biệt hiệu tếu mà chúng tôi đặt cho Văn Cao.

Cái cách hỏi cung của Huỳnh Ngự là thế: y nhảy lan man từ nhân vật này qua nhân vật khác, từ đề tài này qua đề tài kia, luôn giữ người bị hỏi cung trong thế bị động.

Trong khi giữ vẻ mặt bình thản để trả lời những câu hỏi khó hiểu của Huỳnh Ngự, tôi luôn phải căng thẳng suy nghĩ: y muốn gì?

Nghi ngờ Nguyễn Tuân, Văn Cao đã đành, hai ông vốn ngang bướng, không cân nhắc lời ăn tiếng nói. Khốn nỗi, bất cứ cái gì không phải từ Đảng mà ra đều làm cho Đảng khó chịu, ngứa ngáy chân tay, muốn đánh. Nhưng tại sao họ lại vơ cả Tôn Thất Tùng với Tạ Quang Bửu vào đấy?

<sup>1</sup> Khi có vụ Nhân văn - Giai phẩm, Bùi Quang Đoài, Huỳnh Lý, Phan Kế Hoành, Hoàng Tích Chỉ và Văn Tâm đều là những nhân vật xuất sắc trong nhóm Đất Mới của sinh viên, lập trường gần với nhóm Nhân văn - Giai phẩm.

Tôn Thất Tùng là một nhà giải phẫu tài ba. Phương pháp mổ gan khô của ông được đồng nghiệp trên thế giới ngày ấy đánh giá như một sáng tạo trong ngành giải phẫu. Tôi gặp Tôn Thất Tùng nhiều lần. Ông để lại trong tôi ấn tượng sâu sắc về một trí thức ngang tàng. Trong một lần phỏng vấn ông, Tôn Thất Tùng tiếp tôi tại phòng làm việc trong bệnh viện Việt - Đức. Thấy tôi nghiêng ngó ngắm bức tượng bán thân của chính ông đặt ngay sau bàn, sát tường, Tôn Thất Tùng mỉm cười pha chút khiêu khích: “Anh lấy làm lạ hả, nhà báo?”.

Tôi đỏ mặt lên, không biết trả lời ông thế nào, cứ như thể tôi bị bắt quả tang đang nghĩ xấu về ông vậy. Thái độ bối rối của tôi làm ông thú vị. “Người ta có tượng của họ, sao mình lại không thể có tượng của mình? Anh đồng ý thế không?”, ông vui vẻ nói.

Chữ “người ta” mà ông dùng trong văn cảnh cuộc gặp gỡ hôm ấy là để chỉ ông Hồ Chí Minh. Không giấu giếm, cũng không cay cú. Tôn Thất Tùng là một trí thức xứng với quan niệm về trí thức của người Việt – đứng thẳng, không cúi đầu trước cường quyền. Ông ghét thói xu nịnh, sùng bái, thói tôn vinh quá mức một con người, đưa con người đó lên hàng thánh nhân. Chừng ông thấy khắp ngang cùng ngõ hẻm đều có tượng ông Hồ Chí Minh, ông muốn chơi chướng, bèn thuê nặn tượng mình.

Không rõ nhà điêu khắc nào đã nặn bức tượng đó. Nó được làm giả chất liệu đồng hun và đặt nghiêm trang trên đế gỗ. Đáng tiếc, trong bức tượng không có được những nét hóm hỉnh rất sinh động đặc trưng của nhà giải phẫu.

Giáo sư Tạ Quang Bửu hồi ấy làm chủ nhiệm Ủy ban Khoa học nhà nước. Tòa soạn giao cho tôi viết một bài giới thiệu về Ủy ban, cái thai nhí hứa hẹn trở thành Viện Hàn lâm Khoa học sau này. Tại văn phòng đảng ủy, tôi được phó bí thư hay ủy viên thường vụ tiếp, hình như tên là Lê Duy Văn thì phải, nếu tôi nhớ không nhầm. Người của Đảng gày nhẳng, lộ hầu, áo sơ-mi nhau nát bỏ ngoài quần, đang ngồi bên cái transistor Xiang Mao. Vào giờ ấy Đài phát thanh Bắc Kinh đang truyền đi một văn kiện quan trọng. Trong thời kỳ sôi động của “cuộc đấu tranh giữa hai đường lối” đài Bắc Kinh đóng vai huấn luyện viên môn võ mồm. Trong những ngày ấy nó phát đi phát lại không mệt mỏi một giáo trình lê thê gồm những bài phê phán Liên Xô, được các nhà mác-xít nội hóa gọi là “những quả đấm dành cho Khrushov”.

Tôi được Lê Duy Văn tiếp niềm nở. Sau một tuần trà, chúng tôi nói chuyện tâm đắc như hai anh mác-xít chính cống (nghĩa là đặc sệt mao-ít).

- Tôi sẽ bố trí để đồng chí phỏng vấn hắn - anh ta thì thầm - Đồng chí gặp hắn cứ làm ra vẻ thân mật, trí thức cả với nhau ấy mà, hắn mặc câu ngay thôi, thẳng cha vậy mà cả tin lắm. Thế rồi trong câu chuyện đồng chí mới đặt cho hắn mấy câu hỏi thế này thế này... Về bài báo giới thiệu Ủy ban xin đồng chí cứ viết theo tài liệu tôi đưa đây, nó được soạn sẵn cho các nhà báo nước ngoài. Cần thêm vào đấy cái gì thì thêm, cứ theo lập trường Đảng ta là được... Phỏng vấn Tạ Quang Bửu xong, đồng chí ghi được gì xin chuyển cho chúng tôi, càng có nhiều chi tiết càng tốt.

Tôi muốn đập vào cái bản mặt mác-xít lê-nin-nít đều cáng của anh chàng này một cái quá. Trông người mà nghĩ đến ta, chắc sau lưng tôi cũng chẳng thiếu những ông bạn quý hóa bước ra từ cùng một lò.

Trong tiếng Việt của ta cách xưng hô thực phong phú. Vào Hòa Lò tôi mới biết ở đây, hay nói cho đúng trong ngành công an, có lẽ bất cứ ai bị bỏ tù đều là “thằng” hết, còn ai chưa bị bỏ tù, nhưng có thể bị bỏ tù, thì gọi bằng tên trống không. Cách gọi mọi đối thủ bằng thằng, bằng con trong ngôn từ chính trị có cội nguồn của nó. Nó xuất hiện vào cuối cuộc kháng chiến chống Pháp. Ông Hồ Chí Minh cũng dùng cách gọi này trong những cuộc nói chuyện với cán bộ và trong những bài viết trên báo Cứu Quốc: thằng Mỹ, thằng Pháp, thằng Xi-ha-núc, thằng Lý Quang Diệu, thằng Măng-đét Phrăng (Mendès France)... Theo gương ông, về sau người ta gọi bất kỳ kẻ thù chính trị nào cũng bằng “thằng” hết: thằng Bảo Đại, thằng Diệm, thằng Khánh, thằng Kỳ, thằng Thiệu... Cách gọi như thế được coi như sự khẳng định lập trường chính trị.

Để phân ranh giới, Huỳnh Ngự gọi những người bị bắt bằng “thằng” – thằng Giang, thằng Chính, thằng Kỳ Vân, thằng Minh Việt vân vân. Với bác sĩ Tôn Thất Tùng, nhà khoa học Tạ Quang Bửu, nhà văn Nguyễn Tuân, nhạc sĩ Văn Cao mà Huỳnh Ngự gọi bằng tên trống không có nghĩa là họ tạm thời chưa bị coi là đối tượng của cách mạng.

Đảng cộng sản Việt Nam đối xử với trí thức rất không công bằng, tôi nghĩ. Trí thức ở miền Bắc Việt Nam thời ấy ngoan ngoãn lầm, dễ bảo lầm. Quần quại trong thân phận nô lệ thời thuộc Pháp, khi đất nước đã giành được độc lập, họ hào hứng và tự nguyện đi theo Đảng cộng sản, cho rằng không có lực lượng nào khác có thể đem lại cho họ tự do và hạnh phúc. Trong niềm tin đã được khẳng định qua Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống Pháp, trí thức Việt Nam sẵn sàng làm bất cứ công việc gì Đảng cần đến. Không ở đâu trong các nước xã hội chủ nghĩa có được một tầng lớp trí thức ngoan ngoãn và dễ bảo đến thế. Trí thức ở các nước Ba Lan, Hungari, Tiệp Khắc, Liên Xô, kể cả trí thức Trung Quốc, cứng đầu hơn trí thức Việt Nam nhiều.

Đảng tập hợp họ, bảo họ chỉnh huấn để củng cố và nâng cao lập trường, thì họ như những cậu học trò nhỏ họ thành tín ngồi nghe cán bộ Đảng dạy bảo. Ngỡ ngàng trước những tin điều lừa tai, lòng nhủ lòng rằng mình mang nhiều tư tưởng của các giai cấp bóc lột nên không hiểu nổi những điều Đảng dạy, họ tin cậy đưa tay cho Đảng dùi dắt, hùng hổ xỉ vả nhau về những khuyết điểm có thật và không có thật đối với cách mạng, nghiêm túc căm cụi viết những bản tự kiểm thảo trước Đảng, hi vọng được Đảng tha thứ mọi lỗi lầm, để được đi theo Đảng tới chân trời cộng sản.

Đảng bảo phải “*hạ phóng*”, “*ba cùng*<sup>1</sup>”, thế là họ bỏ bàn giấy, phòng thí nghiệm, giảng đường, ba lô lên vai xuống nông thôn, chịu cực, chịu khổ, ba cùng với nông dân, ngày ngày tu dưỡng hòng có được những đức tính của người dân cày chǎng cần học hành cũng có...

Đảng hô hào phóng tay phát động quần chúng làm Cải cách ruộng đất thì họ lăn lộn ngày đêm nơì bùn lầy nước đọng “thăm nghèo hỏi khổ”, “bắt rễ xâu chuỗi”<sup>1</sup>. Cùng với đội với đoàn, họ mẫn cán thực

<sup>1</sup> Hạ phóng, từ ngữ đặc Trung Quốc, có nghĩa đi xuống dưới, xuống cơ sở, xuống với dân. Ba cùng: cùng ăn, cùng ở, cùng lao động.

hiện định mức thành phần<sup>2</sup>, tìm ra bằng được, cho đủ số kẻ thù theo chỉ tiêu Đảng đặt ra, hăng hái lôi bọn cường hào, ác bá ra đấu tố, ra pháp trường.

Đến khi Đảng ngượng ngùng tuyên bố sửa sai thì họ mới ngã ngửa ra rằng, họ, những trí thức, lẽ ra phải lấy nhân ái làm đầu, thì đã theo Đảng nhúng tay vào máu. Do quá tin Đảng họ nhầm mắt tuân theo Đảng, không cần suy nghĩ, ai ngờ cùng với chủ thuyết lấy đấu tranh giai cấp làm động lực tiến hóa, Đảng đã gây ra vô vàn bi kịch trong đời sống một dân tộc hiền hòa.

Nhưng rồi bị Đảng dẻo mỏ thuyết phục rằng sai lầm là nhất thời, thắng lợi là căn bản, họ lại leo đẽo theo Đảng, dùng uy tín của trí thức để tiếp tục lôi kéo nhân dân vào những phong trào lầm cẩm, thậm chí rất phản khoa học, như cấy thật dày để tăng sản lượng lúa, cắt đuôi, cắt tai, cắt tuyến giáp trạng của con lợn cho lợn mau lớn, tăng năng suất vận tải bằng một xe kéo nhiều rơ-moóc... Kịp tới khi những cánh đồng cấy dày chỉ cho rơm chứ không cho thóc, những con lợn bị cắt đuôi, cắt tai, cắt tuyến giáp trạng<sup>3</sup> lần đầu ra chết tốt, những chiếc xe tải kéo nhiều rơ-moóc hỏng hàng loạt thì họ lại ngã ngửa ra lần nữa, chợt thấy Đảng chẳng hề là trí tuệ và lương tâm thời đại như báo Đảng quảng cáo, mà chỉ là một mớ tạp pí lù những kiến thức chắp vá học mót ở những thầy mo bên Tàu.

Vị trí của trí thức ở Việt Nam thật thảm hại. Số phận của họ cũng thảm hại không kém.

Vừa sử dụng vừa dè chừng trí thức, không thực lòng đoàn kết với họ, là đường lối có tính chất sách lược của Đảng. Cứ mỗi khi xuất hiện một biến cố chính trị là mỗi lần Đảng phải cẩn mắt cẩn tai theo dõi mọi động thái của giới trí thức đáng ngờ, tay lăm lăm dùi cui và còng số 8.

Lần này cũng vậy. Sau vụ “Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng” ở Trung Quốc, vụ Nhân văn - Giai phẩm ở Việt Nam, sau những biến cố chính trị ở Hungari, Ba Lan<sup>4</sup>, Đảng còn đề cao cảnh giác hơn nữa đối với đám trí thức bất tri.

<sup>1</sup> “Thăm nghèo hỏi khổ” là khuyến khích nông dân nói lên tình cảnh nghèo khổ của mình để khơi lên lòng căm thù đối với kẻ bóc lột. Bắt rẽ là tìm những nông dân bị bóc lột khổ sở nhất, bồi dưỡng thành cốt cán trong cải cách ruộng đất. Xâu chuỗi là từ rẽ được chọn phát triển rộng thêm tới các nông dân tốt khác.

<sup>2</sup> Trong Cải cách ruộng đất ở Việt Nam, người ta không xuất phát từ tình hình phân chia ruộng đất cụ thể của địa phương mà tìm ra những chỉ số khoa học về tỷ lệ địa chủ/nông dân. Uỷ ban cải cách ruộng đất Trung ương, dưới sự chỉ đạo của các thày Tàu, đã ra trước một định mức thành phần, bất kể nó có phù hợp với thực tế hay không. Căn cứ vào định mức trên giao xuống (thí dụ 5%), các đội cải cách cứ phải nặn ra cho bằng đủ thì thôi.

<sup>3</sup> Những người tò mò có thể tìm thấy trong thư viện những bài báo cổ động cho những phong trào lầm cẩm không thể tưởng tượng nổi trong thế kỷ XX trên những trang báo Nhân dân thập niên 50-60.

<sup>4</sup> Cuộc nổi dậy đòi cải cách kinh tế và chính trị ở Ba Lan, được đông đảo nhân dân tham gia, kéo dài từ tháng 6 cho đến tháng 10 năm 1956. Đảng Cộng nhân Thống nhất Ba Lan phải kêu gọi Hồng quân Liên Xô tiến vào để dập tắt cuộc nổi dậy này. Tiếp đến là cuộc nổi dậy ở Hungari trong hai tháng 10 và 11, cũng bị Hồng quân Liên Xô dập tắt.

Những cuốn sách được viết ra theo yêu cầu và dưới sự chỉ đạo của các cấp bộ Đảng vẫn bị các nhà trông nom tư tưởng xem đi xét lại nhiều lần trước khi cho phép xuất bản. Hội họa là lĩnh vực các nhà lãnh đạo i tờ hết sức, nhưng thói quen thích dạy dỗ thâm căn cố đế làm cho họ tưởng rằng họ giỏi nhất trong thiên hạ, vẫn cố xen vào để ra những chỉ thị cho giới cầm cọ rằng họ phải vẽ thế này thế nọ mới đúng. Nói cho đúng, tổng bí thư Lê Duẩn ít can thiệp thô bạo vào lĩnh vực sáng tác. Dường như trong chuyện này Duẩn tránh không muốn đụng tới những lĩnh vực mình không biết, không rành, nói trắng ra là mù tịt. Nguyên tổng bí thư Trường Chinh thì khác. Trường Chinh luôn huyền hoặc về mình như một lãnh tụ hiền minh mà nhân dân trông chờ được ban phát chân lý. Bệ vệ, trịnh trọng, ông ta thân hành đến duyệt từng cuộc triển lãm hội họa trước khi nó được khai mạc. Bức Ô Quan Chuởng, được coi là một trong những tranh đẹp nhất của Bùi Xuân Phái, bị Trường Chinh phê phán rất nặng nề. “Hừm, thế này mà là tranh à?! - chắp tay sau lưng, Trường Chinh đứng hồi lâu trước bức tranh, xem xét, ngắm nghĩa - Hà Nội của chúng ta là thủ đô của nước Việt Nam đang tiến lên chủ nghĩa xã hội hay một thành phố chết? Các đồng chí hãy nhìn xem: phố Hà Nội không người, chỉ có nắng chang chang với hoa phượng rụng đầy đường như máu, có một chiếc xích-lô thì người đạp xích-lô cũng đi đâu mất... Giá mà xa xa, ở hậu cảnh có lấy vài cái cần trực chứng tỏ chúng ta đang xây dựng thì còn tha thứ được, đảng này... !”

Bức tranh lập tức bị loại khỏi cuộc triển lãm. Mỗi lời nói của lãnh tụ cựu tối cao cho đến khi ấy và còn là một chỉ thị không được phép cãi lại.

Bùi Xuân Phái kể cho tôi nghe câu chuyện hoạt kê đó với vẻ mặt dung dung. Những chuyện như thế đối với anh không phải là chuyện lạ.

Bùi Xuân Phái gọi những bức tranh không bao giờ được triển lãm của anh là “tranh quay mặt vào tường”. Anh vẽ trên gian gác lửng tối mò ở Phố Hàng Thuốc Bắc. Thứ gác này mới xuất hiện vào cuối những năm 50, chia căn phòng thành hai theo chiều cao, đứng thẳng là đụng trần, đi lại phải lom khom. Dưới cái gác lửng của anh vừa là nhà ở, vừa là phòng ăn, vừa là phòng học của con cái. Tôi uống trà với anh trong ánh sáng mờ ảo của ngọn đèn 60 oát tròn lẩn ánh sáng tự nhiên khuếch tán, ngắm những bức “tranh quay mặt vào tường” được anh lôi ra từng cái một.

Chẳng cứ tranh. Nhiều truyện ngắn cũng chung số phận. Chúng không bao giờ được nhìn thấy ánh sáng mặt trời mà chỉ tồn tại ở dạng kể. Kim Lân<sup>1</sup> gọi chúng là những “truyện xuất bản bằng mồm”. Anh có một truyện ngắn kiểu đó, truyện Thằng Câm. Tourgueniev<sup>2</sup> cũng có một truyện ngắn với đề tài

<sup>1</sup> Kim Lân (1921-2007), nhà văn từ trước Cách mạng Tháng Tám, nổi tiếng với những tác phẩm hiện thực: Vợ Nhật, Đứa Con Người Vợ Lẽ... Những tác phẩm sau này (rất ít) của ông được độc giả nhớ là Ông Lão Hàng Xóm, Con Chó Xấu Xí. Truyện ngắn Con Chó Xấu Xí bị coi là lời bóng gió chửi Đảng, làm cho nhà văn có hồi bị công an chú ý. Nhà văn Xuân Sách vẽ chân dung Kim Lân bằng mực câu: “Nên danh nên giá ở làng/ Chết vì ông lão bên hàng xóm kia/ Làm thân con chó xá gi/ Phận đành xấu xí cũng vì miếng ăn”.

<sup>2</sup> Ivan Sergeevich Tourgeniev (1818-1883), nhà văn lớn của nước Nga.

tương tự, nhưng xem ra khó vượt nổi Kim Lân. Thằng Câm chẳng bao giờ ra đời. Cho đến lúc có thể viết được thì Kim Lân không còn hứng thú. Gặp anh tại Sài Gòn năm 1990, tôi nhắc anh truyện Thằng Câm thì Kim Lân cười buồn: khốn nạn cái số Thằng Câm nhà tôi nó vất vả, nó chết yếu là do thiên định, thôi thì để cho nó mồ yên mả đẹp, có dựng nó dậy cũng chẳng được, mà cũng chẳng ích gì.

Tôi buồn cho thân phận văn nghệ sĩ nước ta.

Nào họ có muốn đấu tranh với ai. Lại càng không muốn đấu tranh với mấy anh lãnh tụ cộng sản. Họ chỉ muốn được sống yên để làm công việc mình yêu thích. Mà cũng chẳng được!

Lần này, vào thời điểm trào lưu dân chủ, dân đầu bởi tầng lớp trí thức, ào ào dâng lên tại các nước xã hội chủ nghĩa, trí thức Việt Nam lặng lẽ đứng về phía những người anh em của mình. Đó là làn sóng ngầm bên dưới mặt nước phẳng lặng.

Ai cũng biết trí thức được đào tạo tại phương Tây, hay tại các nước xã hội chủ nghĩa thì cũng thế, họ chẳng có gì đáng gọi là lực lượng trong xã hội. Nhưng họ lại có tình yêu và lòng ngưỡng mộ của quần chúng. Trong mọi biến động lịch sử trí thức bao giờ cũng đi tiên phong. Mao Trạch Đông thừa nhận tác dụng ngòi nổ của tầng lớp này trong cách mạng, và Mao đã triệt để lợi dụng nó, nhưng khi cách mạng thành công rồi, cũng lại chính Mao nhấn mạnh, trí thức sẽ là vật cản đường cách mạng bởi tính chất lùng chừng, dao động của nó. Trong những vụ nổi dậy ở Ba Lan, Hungari, trí thức, nhất là trí thức trẻ - sinh viên và học sinh - ào ào xuống đường, kéo theo các tầng lớp khác. Tấm gương tầy liếp đó làm cho những nhà lãnh đạo Việt Nam luôn dè chừng trí thức.

Khẩu hiệu “trí, phú, địa, hào - đào tận gốc, trốc tận rễ” trong cuộc nổi dậy Xô-viết Nghệ Tĩnh<sup>1</sup> bộc lộ tâm trạng hằn thù trí thức của những kẻ đốt nát. Tâm trạng này có chiều sâu lịch sử, từ những cuộc trấn áp tàn bạo thời các vua chúa cho tới những vụ đốt sách chôn học trò.

Đòn đánh không trực diện nhằm vào trí thức lần này giáng xuống những người cộng sản thân trí thức. Đó là những người cách mạng ý thức được nhược điểm của mình. Họ thừa nhận mình dốt, và họ tìm được sự bổ sung cho lỗ hổng kiến thức bằng sự liên kết chặt chẽ với trí thức.

Những người cộng sản thiếu học không hiểu rằng mục đích cuối cùng của cách mạng vô sản, theo Marx, không phải chỉ nhằm giải phóng thân phận nô lệ của người vô sản mà là giải phóng con người nói chung, nhằm “đưa con người từ vương quốc tất yếu qua vương quốc tự do”. Marx không tưởng trong hình dung xã hội tương lai, nhưng mục đích của ông đầy tính nhân đạo.

---

<sup>1</sup> Cuộc biểu tình ngày 1.5. 1930 mở đầu cho một cuộc nổi dậy chủ yếu của nông dân hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Nó mang tên xô-viết Nghệ Tĩnh trong các sách sử của cộng sản, trên thực tế không có một hình thức chính quyền gọi là xô-viết trong cuộc nổi dậy đó.

Đánh vào những người cộng sản chủ trương dân chủ hóa xã hội, xóa bỏ chế độ toàn trị, là thủ tiêu chố dựa tinh thần của trí thức, thủ tiêu ý chí đấu tranh của trí thức, đặt trí thức vào đúng vị trí Đảng muốn: vị trí của thằng hầu.

Duẩn - Thọ là những nhà chính trị không đần độn. Không cần ai dạy bảo họ cũng thấy trước được điều gì sẽ xảy ra cho vị trí kẻ cầm quyền dựa trên sức mạnh bạo lực. Họ biết quần chúng sớm muộn cũng sẽ biết bộ mặt thật của họ. Tương lai làm họ sợ hãi. Trong cơn sợ hãi họ tung đòn đánh trước.

Ông Bùi Công Trừng<sup>1</sup> nói với tôi: “Cháu nhớ lấy, ở đời dốt nát với hiểu biết như là nước với lửa. Họ dốt (tức các nhà lãnh đạo), đã thế lại không chịu học, thánh nhân mà còn phải học sao còn là thánh nhân, thành ra đã dốt lại càng dốt thêm. Dốt ghét giỏi là lẽ thường tình. Trí thức nước mình còn khổ, chừng nào thằng dốt còn đè đầu thằng giỏi. Cái đó là bi kịch không phải của một mình nước ta mà của tất cả các nước xã hội chủ nghĩa. Bác già rồi, số tận rồi, nghĩ mà thương các cháu”.

Ông Bùi Công Trừng nằm trên giường bệnh thở oxy vẫn đọc sách. Tôi nhớ rõ ông là người gióng hồi chuông báo động sớm nhất về nạn phá rừng. Ngay từ cuối thập niên 50, khi môi sinh chưa trở thành vấn đề gay gắt toàn cầu, ông đã viết những bài về việc phải bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi sinh. Ông phàn nán: “Cháu ơi, tội ác của chúng nó lớn lắm - đất đai mình rừng vàng biển bạc thiệt, nhưng đâu phải vô tận. Giờ chúng hô hào tăng gia sản xuất tràn lan, dân được thể phá rừng quá xá. Mấy năm trước, cháu còn nhớ không, lên tới Đoan Hùng đã là rừng rồi. Bây giờ đến tận Tuyên Quang còn là trung du! Bọn chúng chỉ có phá là giỏi!”. Bùi Công Trừng để lại một tập sách dày gồm những suy nghĩ của ông về phát triển kinh tế địa phương, kết quả của những nghiên cứu sâu sắc và khoa học, đến tận thời kỳ “bung ra” (1979-1980) vẫn còn đắc dụng cho các tỉnh ủy trong việc vạch kế hoạch kinh tế địa phương.

Cuộc trấn phản đang diễn ra ở miền Bắc Việt Nam rõ ràng là bản sao của cuộc trấn phản trong Đại cách mạng văn hóa vô sản<sup>2</sup> ở Trung Quốc. Trong tình hình đất nước đang có chiến tranh người ta không thể làm to hơn cái có thể làm, do đó họ giới hạn mục tiêu trong sự vô hiệu hóa một số ủy viên Bộ Chính trị và ủy viên Trung ương có khả năng thế chỗ ban lãnh đạo đương thời một khi xảy ra biến động. Đòn mạnh hơn được giáng xuống những người cộng sản ở cấp thấp hơn.

Charles Fourniau, nhà sử học Pháp có nhiều công trình nghiên cứu về Đông Nam Á, đã từng chiến đấu bên cạnh nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc 1946 - 1954, trong một hội

<sup>1</sup> Bùi Công Trừng (1905-1986) là một nhà cách mạng cộng sản thuộc lớp kỳ cựu, tốt nghiệp Đại học Phương Đông Moskva, ủy viên Trung ương Đảng, cựu tù nhân Côn Đảo, phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước đầu thập niên 60.

<sup>2</sup> Cuộc Đại Cách mạng Văn hóa Vô sản ở Trung Quốc do Mao Trạch Đông phát động kéo dài 10 năm, từ 1966-1976. Những tên cầm đầu, trên thực tế là tay chân của Mao, về sau mang tên gọi “Tứ nhân bang” (Bè lũ bốn tên) là Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Vương Hồng Văn, Diêu Văn Nguyên, đều bị xử tử, bị giết.

thảo bàn tròn vào cuối thập niên 70 đã huých toẹt ra rằng: “Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Triều Tiên, Campuchia là những xã hội cùng chung một mô hình, chỉ khác nhau ở cấp độ mà thôi”.

Lê Duẩn, Lê Đức Thọ không phải Mao Trạch Đông. May cho Việt Nam, trong chuyện hành hạ trí thức Duẩn - Thọ hành động còn rụt rè. Trí thức dưới thời Duẩn-Thọ chỉ bị hành hạ cho tới thui chột đi mà thôi. Lại một lần nữa Nguyễn Tuân lại có dịp để chơi chữ. Ông nói: “Ở Cam-pu-chia Pôn-Pốt diệt chủng, ở ta êm nhiều, người ta chỉ tiệt chủng thôi!”

Một đặc điểm của thời kỳ này là đường lối đánh đú giũa hai cọc.

Trên những trang báo Nhân dân, và các báo khác cũng thế, cứ mỗi bài nói tới Liên Xô thì lại có một bài nói về Trung Quốc, với số dòng tương đương, với cỡ chữ tương đương, không bên nào được lớn hơn bên nào. Đường lối này được giữ trong một thời gian dài trong cuộc xung đột ý thức hệ chủ yếu là nhờ ông Hồ Chí Minh. Vai trò “tôi là người giữa tôi chữa đôi bên” của ông, đáng tiếc, đã tỏ ra không bền. Vị thế trung dung sở dĩ tồn tại được một thời gian còn nhờ ở tâm trạng do dự của Lê Duẩn. Một mặt, Lê Duẩn sợ Mao Trạch Đông nổi nóng khi thấy Việt Nam không nồng nhiệt hưởng ứng cuộc chiến tranh tư tưởng do ông ta phát động rầm rộ trên toàn lục địa Trung Hoa, nhằm chống Liên Xô để giành bá quyền trong thế giới cộng sản. Mặc dầu trong thăm tâm Lê Duẩn, cũng như những người cùng phe cánh, ủng hộ Mao, thừa nhận Mao là lãnh tụ của họ. Đi theo mô hình xô-viết đổi mới là tự mình chặt cái cành cây mình đang ngồi. Mặt khác, Lê Duẩn do dự vì sợ những người chủ mới của điện Kreml lạnh lùng thắt hầu bao lại, thì chủ trương chiếm miền Nam bằng bạo lực có cơ phá sản. Những ý kiến đối nghịch ở trong nước không được Lê Duẩn tính đến, hoặc không được tính đến một cách nghiêm túc. Chuyện nội bộ Duẩn mặc cho Thọ toàn quyền. Cho nên mới có chuyện cùng một lúc Lê Duẩn thề thốt trung thành với Liên Xô, Lê Đức Thọ bắt “bọn xét lại hiện đại”.

Có vẻ số dê tế thần của nước chư hầu chưa đủ làm vừa lòng Mao. Anh bạn nhà báo Hoa kiều tên là Lâm Âm<sup>1</sup> cùng công tác với tôi tại báo ảnh, một Hồng vệ binh chính cống chiến đấu ở mặt trận xa tổ quốc, một maoiste cuồng nhiệt, đã bật ra nhận xét này, rất điển hình cho lập trường Trung Quốc đối với Việt Nam, trong một cơn tức giận: “Mao chủ tịch dạy rằng: đánh giá cán bộ phải căn cứ ở việc làm chứ không ở lời nói. Đảng cộng sản Trung Quốc coi những kẻ ngoài miệng chống xét lại mà không làm việc gì chống xét lại cũng là một thứ xét lại! Hết thảy bọn chúng đều là cỏ dại!”

Tôi không làm chính trị. Tôi cũng chẳng có mưu toan làm lung lay ngai vàng của Duẩn - Thọ. Mộng lớn nhất của tôi là được sống yên lành để được làm công việc mà tôi yêu thích. Ngoài cái đó ra tôi chỉ vón vẹn là một anh tiểu trí thức Việt Nam đặc thù: một nhúm kiến thức tây học trộn với nấm tro tàn của tinh thần nho sĩ xưa mà thành.

---

<sup>1</sup> Về sau này, khi Trung Quốc rục rịch tấn công Việt Nam (1979), Lâm Âm cũng bị bắt ở miền Trung, cũng là tù không có án, buồn cười thế. Nghe nói rồi sau anh cũng được thả về Sài Gòn.

Thôi được, đành phải nhu vậy. Cái thế không thể khác. Nhưng nhu là nhu tới mức nào đây? Nhu quá là đầu hàng vô điều kiện.

Tôi biết mình chẳng bao giờ học được thói luồn cúi. Riêng sự phải lặng thinh nuốt nhục vào lòng đỗi với tôi cũng đã khó lăm rồi. Khó hơn chết.

Cái chết chẳng có gì đáng sợ. Nó là cái tặc lưỡi, cái nháy mắt, sau đó là hết, là hư vô.

Sống mới thực là khó.

Trên nền “cuộc đấu tranh giữa hai đường lối” với rất nhiều vấn đề rắc rối của phong trào cộng sản quốc tế trong hai thập niên 50 và 60 nổi bật lên sự lựa chọn, hoặc nói cho đúng hơn, cuộc đấu tranh giữa hai mô hình quản trị xã hội: dân chủ và độc tài.

Đại hội XX Đảng cộng sản Liên Xô đặt trước các đảng cộng sản sự lựa chọn không thể thoái thác: hoặc là chủ nghĩa xã hội kiểu Stalin, hoặc là chủ nghĩa xã hội cách tân đi về phía dân chủ?

Lê Duẩn, nhà lãnh đạo toàn quyền vào những năm đó, không cần suy nghĩ nhiều, chọn tư tưởng Mao và mô hình Trung Quốc làm nền tảng cho cách cai trị. Đó là sự lựa chọn duy nhất có thể có đối với Lê Duẩn, sự lựa chọn bẩm sinh, thích hợp nhất. Có anh nhà quê ra tỉnh nào mà lại thích thú những sự phiền toái, những cái đòi hỏi phải động não trong đời sống thành thị. Vốn là một nhân viên bẻ ghi đường sắt trước khi trở thành nhà độc tài, Lê Duẩn tất nhiên muốn chỉ bằng một cú gạt là bắt được con tàu quốc gia phải chạy bằng bẳng theo hướng mình muốn.

Nhưng hoàn cảnh Việt Nam lúc ấy buộc ban lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam, bất kể xu hướng của nó thế nào, phải khôn khéo giữ bề ngoài trung dung, không dám ngang nhiên chửi bới Liên Xô, chửi bới trào lưu dân chủ đang dâng cao trong thế giới cộng sản.

Được nhào nặn bởi chủ gánh xiếc ngôn ngữ Trường Chinh, cái Nghị quyết 9 khôn ngoan ra đời không được thông đồng bén giọt như các nghị quyết khác, bao giờ cũng được biểu quyết “nhất trí” bằng những cánh tay giơ cao. Cái khốn của Trường Chinh là ở chỗ trong giai đoạn này đã xuất hiện làn sóng ngầm của xu hướng dân chủ trong Đảng, được cả một số ủy viên Trung ương tán thành.

Nghị quyết 9 là cái Lê Đức Thọ và đàn anh Lê Duẩn cần có để theo đuôi Trung Quốc trấn áp trào lưu dân chủ nọ. Nó phải được ra đời, bằng bất cứ giá nào. Và vượt qua mọi tranh cãi âm thầm trong nội bộ Trung ương, về đại thể, Duẩn - Thọ đã thành công.

Trong Nghị quyết này, mặc dầu mọi lời lẽ đều mù mờ, mọi khái niệm đều bị đánh tráo, lập trường mao-ít của liên minh Duẩn - Thọ, là rõ ràng đối với bất cứ ai còn sáng mắt.

Sợ các đảng viên hiểu lầm nội dung văn bản bởi sự mù mờ ấy, Trường Chinh giải thích thêm trong một cuộc họp phổ biến Nghị quyết 9 cho các cán bộ cao cấp vào tháng giêng năm 1964 rằng “*Cần lưu ý các đồng chí một điều là Nghị quyết 9, do tình hình phức tạp trong phong trào cộng sản quốc tế không thể viết hết ra những điều cần nói. Cần đặc biệt lưu ý rằng thực chất của Nghị quyết 9 chỉ có thể phổ biến bằng miệng, điều đó là: đường lối đối ngoại và đối nội của Đảng và Nhà nước ta là thống nhất về cơ bản với đường lối đối ngoại và đối nội của Đảng cộng sản và Nhà nước Trung Quốc*” (tôi viết nghiêng). Cách phổ biến bằng miệng, sợ hãi sự ghi ra rõ ràng trong văn bản chứng tỏ tính hội kín của ban lãnh đạo Đảng thời kỳ ấy. Có chính quyền trong tay, họ vẫn sợ đủ thứ - sợ sự chống đối trong Đảng, sợ nhân dân, sợ Liên Xô, sợ Trung Quốc. Họ chỉ mạnh ở chỗ có đủ phương tiện trấn áp. Thật xấu hổ cho những kẻ tự xưng có trong tay vũ khí vô địch, bách chiến bách thắng là chủ nghĩa Mác-Lênin.

Làm ra vẻ có sự phân công quốc tế trong việc đánh xét lại, Lê Đức Thọ nói cho rõ hơn nữa trong một cuộc họp khác: “*Chống chủ nghĩa xét lại hiện đại về mặt lý luận ta để cho Đảng cộng sản Trung Quốc làm, còn về mặt tổ chức thì ta tự làm lấy*” (tôi viết nghiêng).

Cuộc tấn công chủ nghĩa xét lại được bắt đầu. Trước hết, bằng nước bọt.

Ở khắp nơi người ta chửi bới thẳng trọc (chỉ Khushov), chửi Liên Xô hèn, Liên Xô sợ Mỹ, Liên Xô phản bội phong trào cộng sản quốc tế. Việt Nam thường xuyên nhận viện trợ bột mì của Liên Xô. Khi lượng viện trợ này giảm, vì chính Liên Xô đang bị thiếu lương thực, bộ máy tuyên truyền của Hà Nội liền rêu rao như một thất bại thảm hại của chủ nghĩa xét lại trên mặt trận nông nghiệp. Những cổ động viên bóng đá quên băng tinh thần thể thao, gào khản giọng trên sân Hàng Đẫy trong một trận đấu giao hữu Việt-Xô: “Oánh bở mẹ bọn xét lại đi!”. Những người lỡ miệng nói câu nào không giống lập trường của Đảng lập tức bị chụp cho cái mũ xét lại hiện đại, bị cho vào sổ đen.

Với Nghị quyết 9 Đảng cộng sản Việt Nam phân hóa thành hai cực - một bên là thiểu số người chủ trương chủ nghĩa xã hội dân chủ pháp trị, đòi kiến tạo một xã hội công dân dân chủ có nhân quyền, bên kia là Đảng cai trị chiếm số đông đảng viên kiên trì một chủ nghĩa xã hội chuyên chế.

Đó là những ngày không thể nào quên.

Dương Bạch Mai, con hổ dữ chống lại đường lối thân Trung Quốc đột tử khi ông đang dự cuộc họp Quốc Hội tại Nhà hát Lớn Hà Nội. Vào lúc giải lao, các đại biểu kéo nhau đi uống bia ở bar, ông Mai thất thế trước các bạn một chầu bia mừng sinh nhật ông hôm sau. Ông ngã xuống, ly bia chưa cạn. Khi xe cấp cứu đến, bác sĩ Tôn Thất Tùng định nhảy lên cùng đi tới bệnh viện thì hai thanh niên lực lưỡng áp sát ông: “Mời bác sĩ quay lại tiếp tục cuộc họp Quốc Hội, việc nước quan trọng hơn”. Chiếc xe cấp cứu phóng vụt đi trước khi Tôn Thất Tùng hiểu chuyện gì xảy ra với ông, hai thanh niên kia là ai và tại sao họ lại ngăn cản ông đi cùng xe để săn sóc bạn ông?

Cái chết của Dương Bạch Mai gợi nên một nghi vấn. Ông ngã xuống đúng vào lúc sắp sửa đọc một diễn văn nảy lửa chống lại đường lối xây dựng xã hội trại lính kiểu Mao Trạch Đông, đòi Đảng phải cải thiện đời sống cho dân chúng, đòi thực hiện dân chủ trong nội bộ Đảng, trong xã hội, và hàng loạt vấn đề khác. Bài diễn văn ông đút trong túi áo để đọc trước Quốc Hội biến mất. Nhiều người được biết Dương Bạch Mai đã chuẩn bị sẵn sàng để phát biểu những ý kiến gai góc. Nhà báo Thái Hồng, rất thân với Dương Bạch Mai, là người duy nhất được đọc bản thảo bài diễn văn vào mấy hôm trước nói với tôi rằng đó là một tuyên ngôn cháy bỏng, hùng hồn và cực hay.

Được tin ông Mai mất đột ngột, bà Mai từ giã các cháu học sinh miền Nam ở Thủ Nguyên về Hà Nội để làm ma cho chồng. Bà về Hà Nội giữa đêm. Ngôi nhà của ông bà bị công an gác. Nhìn thấy trong phòng chồng sáng đèn, bà biết có người ở trong. Bà phải làm rất dũng mới vào được nhà mình. Trong nhà đồ đạc bị lục soát tung tóe.

Dương Bạch Mai là một trong những nhà lãnh đạo phong trào cách mạng miền Nam. Khi Cách mạng Tháng Tám bùng nổ, ông được xứ uỷ Nam Kỳ đảng cộng sản cử làm Uỷ trưởng Quốc gia Tự vệ Cuộc.

Từng du học Pháp, ông gia nhập Đảng cộng sản Pháp năm 1926, coi đó là chỗ để có thể chiến đấu cho sự giải phóng quê hương. Trong cuộc nổi dậy mang tên Nam kỳ Khởi nghĩa ông được ủy ban khởi nghĩa dự kiến làm thủ tướng chính phủ cách mạng. Năm 1935 Dương Bạch Mai trúng cử vào Hội đồng thành phố Sài Gòn trước sự bức bối của chính quyền thuộc địa. Ông là một trong những nhân vật chủ chốt của tờ La Lutte, tờ báo cách mạng đầu tiên có sự bắt tay giữa những người cộng sản và những người tờ-rốt-kít thuộc nhóm các ông Tạ Thu Thâu<sup>1</sup>, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch. Sự hợp tác với những người tờ-rốt-kít mà ông Hồ Chí Minh gọi là “một lũ bất lương, những con chó săn của chủ nghĩa phát xít Nhật và chủ nghĩa phát xít quốc tế” về sau này bị coi như một tì vết trong lý lịch đảng viên của ông.

Dương Bạch Mai là con người như thế - ông làm điều ông thấy phải, bất cần người khác nghĩ sao. Hơn nữa, tính chiến đấu mạnh mẽ trong ông làm ông sẵn sàng bất bình với bất cứ điều chướng tai gai mắt nào và thảng thắn nói ra. Chịu ảnh hưởng nặng những tư tưởng dân chủ của Đại cách mạng Pháp, quen cách ứng xử bình đẳng ở phương Tây, ông tất nhiên không được lòng những nhà lãnh đạo gốc Bắc mang sẵn trong đầu tôn ti trật tự phong kiến. Chính Dương Bạch Mai, chứ không phải ai khác, đã vực dậy cả Ban chấp hành Trung ương bạc nhược sau sự đổ vỡ của Cải cách ruộng đất. Hội nghị cán bộ Trung ương kiểm điểm công tác Cải cách ruộng đất diễn ra trong bầu không khí ảm đạm trước viễn cảnh một miền Bắc tiêu điều, thù hận. Dương Bạch Mai đã đứng lên, cao giọng hát bản Internationale<sup>2</sup>, mọi người hát theo ông, và Hội nghị lấy lại được tinh thần.

Ông Phạm Ngọc Thạch<sup>3</sup>, trong một câu chuyện vui tại nhà tôi mà tôi được nghe hồi đầu thập niên 60, nói với ông Dương Bạch Mai:

<sup>1</sup> Tạ Thu Thâu (1906-1945) một nhà cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ 20, một lãnh tụ cộng sản đệ tứ của thời sơ khai của các phong trào cộng sản tại Đông Dương; Phan Văn Hùm (1906-1945) nhà cách mạng, nhà văn hoá, theo Trotskyism. Cả ba ông đều bị Việt Minh sát hại vào tháng 9. 1945. Nói chung, chủ nghĩa Tờ-rốt-kit (gọi theo tên của Trotsky (tên thật là Lev Davidovich Bronstein, [1879-1940] một nhà mác-xít, bạn chiến đấu của Lenin) không có ảnh hưởng trong phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Trên thực tế, không ai hiểu chủ nghĩa Trotsky là gì, kể cả những người cộng sản. Họ chống chủ nghĩa Trotsky hùa theo Quốc tế 3, chứ mâu thuẫn giữa chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa Trotsky nằm bên ngoài và nằm quá xa mục tiêu giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa

<sup>2</sup> Quốc tế ca, bài ca chính thức của các tổ chức cộng sản, mở đầu bằng câu: “Vùng lên, hỡi các nô lệ ở thế gian! Vùng lên, hỡi ai cực khổ bần hèn!”.

<sup>3</sup> Trong Cách mạng tháng Tám, ông Phạm Ngọc Thạch dẫn đầu Phong trào thanh niên cách mạng tiền phong ở Nam Bộ. Sau khi ra Bắc họp Quốc hội nước Việt Nam thống nhất năm 1946, ông ở lại làm công tác y tế. Ông giữ chức bộ trưởng Bộ Y tế trong một thời gian dài. Một bộ trưởng giản dị, làm việc hết mình, được phong Anh hùng lao động. Người ta thường gặp ông trong những quán phở bình dân vào những giờ khuya, một mình, không có bảo vệ, lái xe (ông tự lái), cần vụ... như các bộ trưởng khác.

- Mấy chả không ưa mầy, vì mầy thằng ruột ngựa, nghĩ sao nói dzậy, làm mấy chả mếch lòng, mới lôi cái vụ mầy hợp tác với đám tờ-rốt-kít ra mà rêu rao.

- Thì mầy cũng bị mấy chả rêu rao là có thời thân Nhật đó thôi. Chơi với tờ-rốt-kít thì mầy cũng chơi chớ bộ. - ông Dương Bạch Mai cười ngất - Nè, cẩn thận đó, sổ đen của mấy chả chỉ có ghi thêm vô chớ không có xóa đi đâu nghen”,

Theo cha tôi, thái độ của những người lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam đối với những người tờ-rốt-kít là không thể hiểu được. Họ có thể đoàn kết với bất cứ ai khác, trừ những người tờ-rốt-kít, thậm chí cả trong những hành động cụ thể chống lại nhà cầm quyền thuộc địa. Để giải thích thái độ bất công đới thiên này, người ta dẫn ông Hồ Chí Minh: “*Đối với bọn tờ-rốt-kít không thể có một thỏa hiệp hay nhân nhượng nào cả. Phải lột mặt nạ chúng như là tay sai của phát-xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị*” (trích báo cáo của ông gửi Quốc tế cộng sản cuối năm 1939). Quả ông Hồ có viết như vậy.

Lập trường cứng rắn này của ông Hồ về sau này được những người nghiên cứu tiểu sử ông giải thích bằng sự cần thiết phải thanh minh trước một Quốc tế đa nghi dưới sự chỉ đạo của Stalin sắt thép. Hồi ấy Quốc tế nghi ngờ lập trường cách mạng vô sản của ông Hồ, cho rằng nó không vững chãi. Ông cần sự ủng hộ của Quốc tế cho mục đích giải phóng dân tộc hay ông cần tiền để sống qua ngày trong khi còn lang bạt nơi đất khách quê người, mà Quốc tế là nguồn cấp đỡ<sup>1</sup>? Đó là điều không ai biết. Hoặc biết mà phân vân, không thể khẳng định.

Ông Dương Bạch Mai có lần nói với tôi rằng ông không được lòng ông Hồ Chí Minh. Ông kể chuyện thế thôi, bình thản, chứ trong giọng ông không có âm sắc than phiền. Đối với ông, Hồ Chí Minh chẳng bao giờ là thánh sống và cũng chẳng bao giờ là lãnh tụ tối cao. Dương Bạch Mai sống phóng túng, ngang tàng, không chịu gò mình vào tôn ti trật tự phong kiến, lại bạt mạng trong lời ăn tiếng nói. Đã quen với những lời xưng tụng, ông Hồ Chí Minh có không ưa ông cũng phải.

Trường Chinh cũng không ưa Dương Bạch Mai. Điều này không khó hiểu. Trong Trường Chinh có mặc cảm của kẻ ngã ngựa. Sau sai lầm Cải cách ruộng đất ông đinh ninh ai cũng coi thường mình. Cái phong thái đùờng bệ vốn có nhiều năm biến mất, Trường Chinh ngại những cuộc tiếp xúc. Ông có cái nhìn lầm lết, cái mà trước kia ông không hề có. Chính từ sự thay đổi tâm trạng ấy mà khi Dương Bạch Mai phản đối Nghị quyết 9 thì Trường Chinh lại coi là ông ta phản đối mình. Trong khi Dương Bạch Mai không hề nghĩ tới Trường Chinh trong sự phản đối của ông.

Lê Duẩn đặc biệt không ưa Dương Bạch Mai. Theo nhận định của những cán bộ hoạt động lâu ở địa bàn Nam bộ thì sự không ưa này không phải vì nguyên do lập trường, quan điểm chính trị. Nó chỉ là sự ghen ghét thường tình. Hơn ai hết, Lê Duẩn biết mình chẳng bao giờ có được cái mà Dương Bạch Mai có - sự nổi tiếng với tư cách một thủ lĩnh cách mạng có trí tuệ. Dương Bạch Mai nói về Lê Duẩn: “Cháu

---

<sup>1</sup> Nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến sau khi lục tìm trong các thư khố ở Paris và Aix-en-Provence năm 1998 cho tôi biết tiền lương của một thợ sửa ảnh vào những năm 20 thế kỷ trước thấp hơn trợ cấp của Đảng Xã hội (và Đảng Cộng sản sau này) cho một cán bộ hoạt động biệt phái.

để ý tới cái thằng cha ấy làm chi! Tâm trí bậc nam nhi là để cho sự nghiệp, thằng này thời chỉ lo kiếm chác vinh quang và quyền lực, lúc nào cũng nơm nớp sợ người khác hơn mình. Sự nghiệp và vinh quang là hai thứ khác nhau, như ngôi nhà với nước vôi phủ bên ngoài nó, cháu à!"

Dương Bạch Mai, nếu còn sống chắc sẽ chịu chung số phận với chúng tôi. Không phải chắc, mà chắc chắn. Không tránh được.

Từ khi có “cuộc đấu tranh giữa hai đường lối”, Dương Bạch Mai kịch liệt chống lại việc ban lãnh đạo Đảng đưa nước Việt Nam vào quỹ đạo chủ nghĩa Mao. Ông cho rằng sự sử dụng chủ nghĩa Marx để xây dựng chế độ độc tài với một hoàng đế cộng sản như ở Trung Quốc thì thà sống trong xã hội tư bản. Ông khinh bỉ gọi chủ nghĩa Mao là món “tạp pí lù”<sup>1</sup> thổ phỉ. Giữa lúc ngành truyền Việt Nam đưa Mao Trạch Đông lên hàng thánh sống thì ông ngang nhiên gọi Mao là tên đao phủ của đại pháp trường Trung Quốc. Ông giải thích tình hình loạn lạc hiện tại ở nước láng giềng phương Bắc bằng lập luận rằng: vào đầu thập niên 30 giai cấp công nhân Trung Quốc chủ yếu tập trung ở các thành phố duyên hải, đó là lực lượng cách mạng chủ yếu của Trung Quốc; nhưng trong cuộc chiến tranh Quốc - Cộng những đại biểu ưu tú của giai cấp này đã chết dần chết mòn trong Vạn lý trường chinh, và, ông nhấn mạnh, thay vào chỗ của họ là bọn cường đạo thảo khấu thu nạp ở dọc đường. Cho nên khi biên khu Thẩm - Cam - Ninh, Tân - Ký - Sát hình thành, với thủ phủ Diên An, thì *về thực chất Đảng cộng sản Trung Quốc đã là một đảng thổ phỉ, đứng đầu là thành phần vô sản lưu manh*. Những người cộng sản còn lại bị Mao Trạch Đông và Khang Sinh thủ tiêu dần. Người nào may mắn sống sót thì bị ám hại trong những “cuộc vận động cách mạng” thường trực. Chính cái đó dẫn tới tình trạng bất ổn liên miên trong nước Trung Hoa mang nhãn hiệu xã hội chủ nghĩa.

Những nhận định ngược chiều của Dương Bạch Mai làm cho các nhà lãnh đạo Việt Nam hết hồn. Sở dĩ ông chưa bị đụng tới là vì ông có danh tiếng, có uy tín lớn trong quần chúng.

Dương Bạch Mai qua đời khi đang là ủy viên Ban Thường vụ Quốc Hội, phó chủ tịch Hội Việt - Xô hữu nghị. Sau này, nhân vụ tướng Hoàng Văn Thái rời tướng Lê Trọng Tấn thay nhau đột tử đúng lúc chuẩn bị nhậm chức bộ trưởng Bộ Quốc phòng, dư luận lại nhắc tới cái chết đáng ngờ của Dương Bạch Mai nhiều năm về trước.

Ngày đưa tang ông, văn nghệ sĩ và trí thức nghèo của Hà Nội chung nhau một vòng hoa để bày tỏ lòng thương tiếc ông, người của mọi người. Mạc Lân, Dương Tường, Vũ Huy Cương<sup>2</sup> đứng ra thu tiền phúng. Từ Hải Phòng, Bùi Ngọc Tấn cũng gửi tiền lên đóng góp.

<sup>1</sup> Món ăn hổ lốn, gồm nhiều thứ rau thịt linh tinh.

<sup>2</sup> Dương Tường, nhà thơ cách tân, bạn thơ của Trần Dần. Trong vụ "Nhóm xét lại chống Đảng", anh bị nghi ngờ có liên quan với những người bị bắt, nhưng nhờ cách sống rất nghệ sĩ của anh, công an chỉ thẩm vấn anh vài lần rồi thả.

Dương Tường và tôi thay mặt anh em mang vòng hoa tới trụ sở Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở ngã tư Tràng Thi - Quán Sứ. Anh em cử chúng tôi làm việc đó vì chúng tôi là loại vua biết mặt chúa biết tên rồi, có muốn giấu cũng chẳng được, người khác thì không nên lộ mặt, chẳng được tích sự gì. Khi chúng tôi ngồi xe xích lô chở vòng hoa đến đấy thì đã có cả một đám đông "cá chìm" lảng xăng ở ngoài đường và trong sân. Thấy vòng hoa lớn quá, lớn hơn nhiều so với vòng hoa của chính phủ viếng ông, với dải băng chạy ngang "Kính viếng hương hồn đồng chí Dương Bạch Mai, người cộng sản suốt đời trung thành với lý tưởng" bọn "cá chìm" ập tới. Hai tay lực lưỡng xăng xá xông tới khiêng giúp chúng tôi, không phải để đặt vòng hoa trước linh cữu mà để đưa thật nhanh vào một chỗ khuất néo.

Tôi còn đang lúng túng chưa biết xử trí ra sao thì nhà biên kịch Bửu Tiến<sup>1</sup> xuất hiện. Mặt hầm hầm, anh giúp tôi khuân vòng hoa ngược trở lại, đặt nó bên những vòng hoa khác. Trước linh cữu Dương Bạch Mai anh nghẹn ngào đọc bài thơ chia tay: "*Hoa, mai mừng sinh nhật. Hôm nay dành viếng anh...*" Trở ra, Bửu Tiến mắt đẫm lệ: "Chúng nó tráng trọng quá! Tởm quá!"

Khi xe tang chuyển bánh, tôi đi ngay sát linh cữu, lòng tràn ngập niềm thương tiếc bác Mai của tôi, mà tôi được biết từ những ngày Tháng Tám sôi nổi<sup>2</sup>. Đi sau tôi là Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, hai cái mặt nạ đóng cứng nét vĩ đại tự tạo. Quần chúng tràn ngập ngã tư Quán sứ, lặng lẽ tiễn chân ông, làm thành một dòng người kéo dài cả cây số<sup>3</sup>.

Bửu Tiến những ngày sau đó trầm lặng hẳn. "Cái chết bi thảm của ông Mai là dịp cho tôi rà soát lại mình, anh nói. Mình có nên cứ hèn mãi để mà sống dai không?".

Tôi với Bửu Tiến gần nhau nhiều trong những ngày chỉnh huấn chuẩn bị đi học nước ngoài, đầu năm 1954. Mặc dầu nằm trong danh sách cán bộ của Tuyên giáo Trung ương lựa chọn cho đi học, chúng tôi vẫn phải trải qua một cuộc sàng lọc.

<sup>1</sup> Bửu Tiến (1918- 1992) Nhà viết kịch, nghệ sĩ sân khấu nổi tiếng, bắt đầu từ đoàn kịch kháng chiến Liên khu 4. Được nhớ đến với các tác phẩm: Đề Thám, Người Sợ Trời Sập, Ba Con Huyền, Đào Tam Xuân Loạn Trào...Trong thời kỳ có vụ Nhân văn - Giai phẩm, anh đứng về phía chính quyền, phê phán gay gắt các văn nghệ sĩ bị dính vào vụ này. Khi tinh ngộ, biết mình sai lầm, Bửu Tiến công khai xin anh em bị Đảng trấn áp tha lỗi.

Ngay sau cuộc khởi nghĩa Tháng Tám dẫn đến sự thành lập Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1946, một phái đoàn các nhà lãnh đạo Nam Bộ đã ra Hà Nội. Hầu hết những người trong phái đoàn đều ở nhà tôi ở ngã tư Trần Hưng Đạo (tên cũ Gambetta) và Phan Chu Trinh (tên cũ Rialandi), trong đó có các ông Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo, Trần Công Tường, Cao Hồng Lãnh, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Tây...

<sup>3</sup> Trong một buổi giỗ ông Dương Bạch Mai tại Sài Gòn, mà tôi có mặt, tôi nghe thiếu tướng Tô Ký nói: "Thành phố này phải có một con đường mang tên Dương Bạch Mai. Trong khi người ta lấy tên những kẻ không xứng đáng với một ngọn cỏ để đặt tên cho một phố, thì người ta lại lờ đi những con người đã kéo theo mình cả khối quần chúng đông đảo đấu tranh cho độc lập dân tộc". Những người có mặt hiểu ông muốn nói kẻ không xứng đáng với ngọn cỏ là Nguyễn Chí Thanh, mà tên được đặt cho một con đường lớn tại thành phố Hồ Chí Minh.

Bửu Tiến đã không qua được cửa ải thành phần - anh là người trong hoàng tộc.

Ngô Y Linh, Nguyễn Đình Nghi, Trương Nhiên (Trương Tự Nhiên), Lê Thanh Đức, Ngô Mạnh Lân, Lê Đăng Thực, Nguyễn Quang Tuấn<sup>1</sup> và tôi vượt qua được cửa ải đó. Chúng tôi tiếc thay cho Bửu Tiến. Anh là một nhà biên kịch tài hoa, một diễn viên xuất sắc. Trong bữa sôi sắng đậm bạc thay cho tiệc chia tay tại Khu học xá (nay là khu tập thể sinh viên trường Đại học Bách khoa) Bửu Tiến dặn tôi: "Cố mà học. Chúng mình có mắt mà sờ soạng như sẩm, hiểu biết thì bằng cái óc chim sẻ, không có học không làm nghệ thuật được đâu". Anh là người rất hồn nhiên, rất cẩn thận. Năm 1956 anh cũng hăng hái theo Đảng đánh các bạn đồng nghiệp trong vụ Nhân văn - Giai phẩm, nhưng vào những năm 60 anh sám hối: "Mình ngu như bò. Lẽ ra phải nghĩ bằng cái đầu của mình, thì lại tin rằng đã có sẵn những cái đầu sáng suốt của các vị ấy nghĩ hộ, chẳng cần phải suy nghĩ nữa. Còn hơn bò". Tôi ra tù, Bửu Tiến là người lo lắng tìm mọi cách giúp đỡ tôi nhiều nhất trong những ngày đầu tiên trở lại với cuộc sống bình thường.

Huỳnh Ngự không quên nhắc lại tội của tôi trong đám tang Dương Bạch Mai, nhưng với giọng độ lượng của bề trên:

- Thằng Mai chết rồi, thôi, để cho hắn mồ yên mả đẹp, không nói tới nữa. Nhưng tội khiêu khích của anh trong đám tang hắn thì không thể bỏ qua. Thằng chống Đảng mà các anh làm như là anh hùng, rõ không biết dơ. Mà anh có biết hắn bị khai trừ khỏi Đảng ngay cả khi hắn đã chết rồi không?

Tôi biết. Cả Hà Nội đều biết. Tôi còn nhớ ngày ấy đã có bao nhiêu lời đè bỉu dành cho hành động đê mê của Đảng cộng sản đối với một đảng viên đã khuất.

Bọn Duẩn - Thọ đã ra lệnh khai trừ Dương Bạch Mai khi nắp áo quan chưa đóng lại. Vì sợ ông. Và vì căm thù ông.

Trong những ngày học tập Nghị quyết 9, tôi không rời mẫu băng đen được gắn trong đám tang Dương Bạch Mai trên ngực. Những tên "mác-xít lê-nin-nít chân chính" không bỏ lỡ dịp hỏi khát:

- Anh để tang ai vậy?
- Một người thân - tôi nhìn thẳng vào mặt họ.

Nhưng có những người đến nắm tay tôi, nói khẽ:

- Xin chia buồn cùng anh. Đó là cái tang chung cho tất cả chúng ta.

Trong phòng vệ sinh, một người mà trước đó tôi không hề chú ý đến giả vờ đi tiểu để đứng gần tôi.

<sup>1</sup> Ngô Y Linh (Nguyễn Vũ), Nguyễn Đình Nghi, Trương Nhiên về sau này là các đạo diễn sân khấu. Lê Thanh Đức, Ngô Mạnh Lân, Lê Đăng Thực, Nguyễn Khắc Lợi, Nguyễn Quang Tuấn sau trở thành các họa sĩ, đạo diễn và quay phim điện ảnh.

- Tôi xấu hổ. - anh thì thầm - Tôi hèn. Anh khinh tôi cũng được, anh chửi tôi cũng được, nhưng xin anh thông cảm cho tôi - tôi có bốn đứa con nhỏ và một người vợ bệnh tật... Nếu không, tôi đã không xử sự như vậy.

Trong buổi học tổ trước đó anh ta hùng hổ lên án “bọn phản bội xét lại hiện đại” như một “mác-xít - lê-nin-nít” chính cống.

Cái chế độ làm cho con người hèn đi không thể là chế độ xứng đáng với con người.

Con người cần phải được sống trong tư thế đứng thẳng, đầu ngẩng cao.

Lời thú nhận của người bạn tự nhận là hèn nhát cho tôi thấy chúng tôi không đơn độc. Nhà cầm quyền có thể làm cho người ta sợ, nhưng không thể làm cho người ta vì sợ hãi mà yêu họ. Chẳng có tình yêu nào bắt nguồn từ sợ hãi.

Không hề có “cuộc đấu tranh giữa hai đường lối” ở nước ta, tôi nghĩ. Về thực chất nó là cuộc đấu tranh giữa cái Thiện và cái Ác, giữa cái Đẹp và cái Xấu, giữa ý muốn đề cao Con Người và mưu toan hạ thấp Con Người, đẩy con người xuống hàng trâu ngựa, hàng robot, hàng “cái đinh ốc không rỉ của cách mạng”.

Lớp học Nghị quyết 9 dành cho chúng tôi là lớp cho cán bộ ngoài Đảng, phần lớn là trí thức trong các cơ quan văn hóa. Lác đác có một số đảng viên do bộn công tác còn rớt lại từ những đợt học trước và một số nữa tuy đã học rồi cũng vẫn đến không hiểu để làm gì. Chúng tôi được phát mỗi người một cuốn nghị quyết có đánh số, được đọc tại chỗ, không được ghi chép, không được mang ra khỏi phòng.

Lưu Quý Kỳ, hướng dẫn viên, vui vẻ bắt tay tôi:

- Có định phát biểu gì không?

- Mọi sự đã quyết định rồi, còn gì mà phát biểu? - tôi nói.

- Còn thắc mắc thì cứ nói. - Lưu Quý Kỳ cười hề hề - Các anh ấy cho “bảo lưu” mà.

“Bảo lưu” tức là được phép giữ lại ý kiến mà không bị trùng phạt, là sự chiếu cố của Đảng. Tuy nhiên, phải ghi nhận rằng dù sao mặc lòng sự xuất hiện danh từ “bảo lưu” cũng đã là một cái mới trong sinh hoạt xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng, có thể lên gân để gọi nó là một dấu hiệu dân chủ. Có điều sau cái sự mở rộng dân chủ ấy những người “bảo lưu” nếu không bị bắt thì cũng bị trù dập, trừ những ai vội vã xin rút lại ý kiến và lập công chuộc tội.

Tôi giơ tay xin phát biểu. Từ trên bục giảng Lưu Quý Kỳ hấp háy một con mắt nhìn xuống. Anh có cố tật nháy một mắt, nó thường gây ra hiểu nhầm, làm cho người ta nghĩ rằng anh tán thường hoặc khuyến khích.

- Tôi có thắc mắc, đề nghị hướng dẫn viên giải thích...

Lưu Quý Kỳ lại nháy mắt với tôi. Hình như anh còn mỉm cười. Nhưng hội trường im phăng phắc, chờ đợi tôi nói gì. Những nhà mác-xít chân chính vénh váo nhìn tôi.

Tôi nhũn nhẽn trình bày rằng trong nghị quyết có ghi: “Ở các nước không có giai cấp vô sản hoặc giai cấp vô sản chưa hình thành cũng có thể thành lập chính đảng mác-xít lê-nin-nít”, coi đó là một luận điểm sáng tạo của Đảng. Điều này tôi không hiểu.

Lưu Quý Kỳ giang hai tay, nhún vai. Anh ngạc nhiên tại sao tôi lại không hiểu một điều đơn giản đến thế. Tôi đề nghị được lên bục trình bày - ở đó có cái bảng đen, tôi nói tôi viết ra thì anh sẽ hiểu vì sao tôi thắc mắc.

Tôi viết lên bảng bằng chữ to câu định nghĩa của Lê nin về đảng cộng sản: “Đảng cộng sản là chính đảng của giai cấp vô sản”, và hỏi Lưu Quý Kỳ:

- Tôi nhớ câu này của Lê nin có đúng không, anh Kỳ?

Lưu Quý Kỳ gật đầu. Anh lại nháy mắt liên hồi nhưng mặt anh căng thẳng.

- Anh không phản đối Lê nin trong định nghĩa này chứ?

Lưu Quý Kỳ ngúc ngác cái đầu rồi đáp:

- Tất nhiên là không.

Tôi quay xuống lớp học:

- Có ai phản đối Lê nin không?

Mọi người ngơ ngác. Phản đối Lê nin? Có mà điên.

Tôi nói tiếp:

- Đồng chí Lê nin có nói: trong mọi cách chứng minh, thì chứng minh bằng toán học là con đường ngắn nhất. Tôi xin phép được dùng cách hoán vị trong toán học để các đồng chí thấy vì sao tôi thắc mắc. Như vậy, khi giai cấp vô sản không có, tức là nó không hiện hữu, tôi hoàn toàn có thể hoán vị nó bằng một ký hiệu toán học biểu thị sự không có là “số không” (zéro).

Khi con số “không” được thay vào cụm từ giai cấp vô sản thì định nghĩa của Lê nin trở thành rất quái dị: “Đảng cộng sản là chính đảng của 0 (con số “không”)”.

Một tràng cười rõ lèn. Nhưng nó cũng tắt ngay, rất nhanh.

Lưu Quý Kỳ tái mặt. Những tên xét lại, hoặc không phải mác xít - lê-nin-nít chân chính nháy mắt với tôi, rạng rỡ. Lưu Quý Kỳ vội vã cho nghỉ giải lao. Về sau có người cho tôi biết Lưu Quý Kỳ lật đật đi gọi dây nói cho ai đó, có lẽ cho Tố Hữu.

Hôm sau, Lưu Quý Kỳ gọi tôi ra một chỗ khuất:

- Cậu dại quá! Những cái như thế không nên nói ra chỗ đông người. Mình không kịp ngăn cậu lại...

Anh nói chân tình. Với tôi, Lưu Quý Kỳ bao giờ cũng chân tình, kể cả trong lúc gay gắt nhất của “cuộc đấu tranh giữa hai đường lối”. Lưu Quý Kỳ nổi tiếng là một người chống xét lại kiên quyết. Tôi là một tên xét lại không thể chối cãi. Tại sao anh lại đối xử với tôi như thế, tôi không hiểu. Cảm tình cá nhân là cái không phải trong trường hợp nào cũng giải thích được.

- Thì anh nói mình được “bảo lưu” mà. - tôi phân trần - Huống hòi tôi có dám nói ý kiến ngược nào đâu, tôi chỉ nêu thắc mắc thôi.

Anh nhìn tôi, một bên mắt lại nháy liên hồi.

- Thắc mắc chết người thế thì đừng thắc mắc.

Lưu Quý Kỳ là người không dễ hiểu. Những anh em tập kết kể trong miền Nam Lưu Quý Kỳ là đệ tử ruột của cả Ba Duẩn lão Sáu Búa. Khi nghe Ba Duẩn lên án cải lương ủy mi, đã không có tác dụng động viên bộ đội chiến đấu thì chớ, còn làm họ yếu lòng, thì Lưu Quý Kỳ lập tức ra lệnh cấm không được hát cải lương. Chuyện nhà cầm quyền mác-xít nay cấm cái này mai cấm cái kia không phải là chuyện lạ. Ở miền Bắc các vị lãnh tụ miền Bắc cấm tranh hội họa siêu thực, đa đa, lập thể, cấm nhạc trữ tình, nhạc buồn, gộp chung vào thành “nhạc vàng”, cấm viết văn có “biểu tượng hai mặt” (symbole équivoque)<sup>1</sup> thì ở miền Nam các bậc thiền hành đạo chỉ cấm có một thứ nhạc cải lương thôi còn là ít. Khốn nỗi, ai cũng biết nhân dân Nam bộ yêu mến cải lương như thế nào, và lệnh cấm cải lương gây ra một phản tác dụng dữ dội không ngờ. Có những người bỏ kháng chiến trở về thành chỉ vì ở vùng kháng chiến không có cải lương. Người ta còn kể: khi nhận được các tài liệu lý luận văn nghệ nào từ miền Bắc gửi vào thì Lưu Quý Kỳ đọc xong, ghi chép xong là đốt ngay, không cho ai được đọc nữa. Bằng cách đó Lưu Quý Kỳ độc quyền những lý luận văn nghệ xã hội chủ nghĩa để độc quyền dạy dỗ các văn nghệ sĩ không bao giờ có dịp tiếp cận những tài liệu nợ. Không biết chuyện này chính xác tới mức nào, có điều nó là chuyện nhiều người nói, nó là chuyện khá dĩ tin được, căn cứ những chuyện tương tự từng xảy ra. Tuy nhiên, nó không ngăn cản tôi mến Lưu Quý Kỳ. Tôi không lạ gì quan điểm chính trị của anh, ngược lại, anh cũng biết tôi nghĩ gì về sự thiếu dân chủ trong cơ chế xã hội. Ai cũng nghĩ rằng với quan điểm mao-ít cực đoan, Lưu Quý Kỳ phải trù tôi lầm, phải ghét tôi lầm mới đúng. Thế mà anh vẫn dành nhiều cảm tình cho tôi. Có vẻ anh còn tin cậy tôi nữa.

Chính Lưu Quý Kỳ có lần rủ tôi ra một tờ báo châm biếm kiểu tờ Crocodile (Cá Sấu) của Liên Xô:

- Mình đã trình bày dự kiến của mình với “các cụ” rồi. Liên Xô có một tờ báo như thế để chống những hiện tượng tiêu cực, tại sao mình lại không. Về cơ bản “các cụ” đồng ý, nhưng chỉ cho phép đánh từ vai trở xuống, tức là đánh tới cấp tỉnh thôi, không được phép đánh lung tung. Trung ương thì chừa ra, “các cụ” dặn thế, đánh cả Trung ương có mà loạn. Có một tờ báo như thế ở nước mình thì những tên

<sup>1</sup> Bóng gió, không rõ ràng, hiểu thế nào cũng được.

cơ hội, những tên lạm quyền mới sợ, không dám mặc sức tung hoành. Mình nhắm cậu làm thư ký tòa soạn...

Giám đốc Sở Báo chí Trần Minh Tước<sup>1</sup> tán thành sáng kiến của Lưu Quý Kỳ, nhưng theo tôi quan sát, thì anh không mặn mà cho lắm. Làm một tờ báo châm biếm có nghĩa là đặt mình vào một hiểm họa - bất cứ kẻ có tật nào cũng sẵn sàng giật mình. Mà những kẻ có tật thì lại quá sẵn. Chẳng may tờ báo có câu nào nhầm trúng (hoặc không nhầm mà trúng) một vị lãnh đạo nào đó thì chết. Bên cạnh Trần Minh Tước khôn ngoan, tôi thấy Lưu Quý Kỳ thật thà và ngây thơ trong chính trị (hiểu theo nghĩa mưu mô).

Tôi không nhận lời. Một tờ báo như thế ra đời là hay lắm, sẽ được hoan nghênh lắm. Nhưng tôi không nhận vì tôi không chịu được sự nửa vời.

Tôi cảm ơn Lưu Quý Kỳ đã nhắc nhở tôi về cái dại của tôi. Tôi nói tôi lấy làm tiếc đã nêu ra một thắc mắc dở hơi, chẳng để làm gì, chẳng có ích cho ai. Nhưng đã trót rồi, có muốn cũng chẳng vớt lại được. Lưu Quý Kỳ an ủi tôi, anh nói anh sẽ tìm cách im nó đi, hoặc trình bày nó theo cách khác, sao cho đỡ gai góc.

Trong cách nói của Lưu Quý Kỳ tôi hiểu anh muốn cho tôi biết tôi phải cẩn thận, phải biết giữ mồm giữ miệng. Bắt bẻ Trung ương là tội khi quân, tội tày đình, và tôi sẽ khốn đốn vì nó.

---

<sup>1</sup> Tên thật là Nguyễn Văn Tước, bút danh Xích Đì ếu (1913-2003), đảng viên cộng sản, nhà báo, nhà thơ.

## 16

Theo dõi đường đi của một cuốn sách xem nó hình thành như thế nào từ những dòng đầu tiên đôi khi cũng thú vị chẳng kém gì đọc một cuốn sách.

Tôi bắt đầu viết cuốn sách này từ mùa hè năm 1985, tại Sài Gòn.

Sau khi được ra tù tôi háo hức muốn vào ngay thành phố mà địa danh của nó lôi cuốn tôi từ tuổi thơ bởi những câu chuyện của người lớn, bởi cuốn Cô Gái Bình Xuyên của Hồ Dzếnh<sup>1</sup>. Nhưng vào năm 1976, một năm sau khi đất nước thống nhất, dân hai miền vẫn chưa được đi lại tự do. Người miền Bắc muốn vào Nam phải xin phép, xin không được thì phải mua, có khi mua phải giấy giả. Tôi không thể đi theo cách ấy được. Người bình thường có bị bắt vì dùng giấy tờ giả thì chỉ bị rầy rà chút ít, nếu bị giam lại để điều tra thì cũng không đến nỗi lâu. Chứ tôi mà rơi vào tay nhà cầm quyền với tội ấy thì phiền lắm, tôi có thể bị ở tù lần nữa. Những người được tha trong vụ “nhóm xét lại chống Đảng” vẫn bị quản thúc theo lệnh miệng của Lê Đức Thọ, của Trần Quốc Hoàn và của những cấp trên nào khác không biết. Công an địa phương nói, không giải thích, với ngón tay trỏ chỉ lên trời: “Trên lệnh như vậy! Các anh có muốn đi đâu phải xin phép”.

---

<sup>1</sup> Hồ Dzếnh, tên thật là Hà Triệu Anh, người Minh hương (1916-1991), nhà thơ, nhà văn, nổi tiếng trên văn đài Việt Nam từ trước Cách mạng Tháng Tám, với các tác phẩm “Chân Trời Cũ”, “Quê Ngoại”, “Hoa Xuân Đất Việt”...

Nhờ sự giúp đỡ của anh Mai Lộc<sup>1</sup>, trước công tác cùng tôi ở Việt Bắc, tôi được Cục Điện ảnh cấp cho một công lệnh đi vào Nam công tác. Lúc ấy đã là tháng 12 năm 1979.

Đó là chuyến đi nhớ đời, rất vất vả, từ việc xin cấp Thông hành thay Chứng minh nhân dân mà tôi chưa có, cho tới việc mua vé máy bay. Việt Hùng giúp tôi xin cấp nhanh Thông hành ở Công an quận Hoàn Kiếm. Một bạn chiến đấu cũ nay làm ở Bộ Tư lệnh Phòng không – Không quân đưa tôi ra phòng vé ra lệnh cho nhân viên cho tôi một vé trong số chỗ ngồi dự phòng của bến cứ chuyến bay nào. Ở phi cảng Nội Bài tôi bị mấy anh quay phim quen phát hiện, mặc dầu tôi đã vờ chăm chú đọc tờ báo mở rộng để che mặt. Họ ồn ào mua bia bắt tôi uống để mừng cuộc gặp gỡ sau những năm tôi biến mất tăm khỏi cuộc đời. Tôi uống bia cùng các bạn mà lo lắng – công an sân bay chắc sẽ không cho tôi đi cũng nên, nếu họ thấy tên tôi trong sổ đen.

Vào tối tận Chợ Bến Thành rồi tôi mới tin là mình không bị cản lại.

Cuộc sống ở Sài Gòn khác xa cuộc sống ở miền Bắc, mặc dù Sài Gòn 1979 đã không còn giống thời nó là “hòn ngọc minh châu trong Á Đông”. Chế độ tem phiếu đã được áp dụng. Bữa cơm của dân chúng đã phải độn bo bo, chẳng khác gì ở Hà Nội. Nhưng Sài Gòn vẫn sầm uất, vẫn nhộn nhịp, vẫn cố gắng để có cuộc sống riêng, chứ không chịu sống theo chỉ thị. Thành thử, nếu gọi cảnh Sài Gòn 1979 là tiêu điều thì không biết phải gọi cảnh Hà Nội bằng gì cho đúng.

Vào thời gian này người miền Bắc vẫn còn tiếp tục vào Sài Gòn kìn kìn khuân ra tivi, tủ lạnh và trăm thứ bà dẵn khác. Những người lính chiến thắng leo lên xe tải trở về quê hương với cái ba lô lép kẹp, bên ngoài lủng lẳng một con búp bê xấu như ma lem. Cán bộ Sài Gòn nhận xét rằng thị trưởng Sài Gòn, ông Võ Văn Kiệt<sup>2</sup>, rất muốn đưa Sài Gòn lên, nhưng không được. Trung ương kiên quyết kìm lại, không để cho Sài Gòn vượt Hà Nội xa quá. Dù vậy, chính sách Nhà nước khi vào tới miền Nam cũng bớt khắc nghiệt và Sài Gòn vẫn cứ là một thành phố dễ chịu, khác hẳn Hà Nội khắc khổ, cay nghiệt.

Vì lẽ đó năm 1983, được bạn bè ở Sài Gòn khuyến khích tôi chuyển cả gia đình vào đây. Tôi biết đưa gia đình vào Sài Gòn là liều, vì một lẽ đơn giản - chúng tôi không có và không thể có hộ khẩu. Nhiều người can tôi đừng phiêu lưu, đi như thế tôi tự đặt mình vào thế kẹt, người ta bắt nạt thế nào cũng phải chịu. Nhưng tôi đã quyết đi là đi.

May cho tôi, do ý thức được thân phận mình mà thận trọng lời ăn tiếng nói, cho nên không xảy ra chuyện gì. Trong các văn nghệ sĩ Sài Gòn cũ tôi chỉ gặp gỡ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, nhà văn Vũ Hạnh,

<sup>1</sup> Một trong những con chim đầu đàn của nền điện ảnh Việt Nam, phóng viên quay phim, đạo diễn, nguyên Cục trưởng Cục điện ảnh của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, vào thời gian này là giám đốc xưởng phim Giải phóng.

<sup>2</sup> Sinh năm 1922, có bằng thành chung thuộc Pháp, được bầu vào Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam năm 1958, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng từ năm 1982 đến 1991, Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch nhà nước 1982-1988, thủ tướng Chính phủ từ năm 1991.

nha báo Nguyễn Nguyên, mấy anh đạo diễn sống dưới chế độ cũ nay đang làm cho Xưởng phim Giải phóng: Lê Hoàng Hoa, Bùi Sơn Duân, Lê Trác, Ngô Anh Giang... Họ là những người có học, có tay nghề, nhưng lúng túng không biết dùng tài năng của mình thế nào trong hệ thống khái niệm hoàn toàn khác.

Mấy năm nay nghe nói chuyện hộ khẩu không còn khe khắt như trước, chỉ trong trường hợp đặc biệt, khi cần áp dụng với ai đó người ta mới lại giở nó ra, coi như nó vẫn tồn tại. Trong những năm 80 hộ khẩu là vấn đề cực kỳ gay go. Nghĩ lại cái thân không hộ khẩu hồi ấy phải chịu lụy thế nào mà ớn.

Nhân tiện cũng phải nói rằng cách quản lý dân bằng hộ khẩu không phải sáng kiến của những người phát-xít và những người cộng sản. Nó do Thương quân Vệ Ưởng, tướng quốc thời Tần Hiếu-công nghĩ ra<sup>1</sup>. Tần Hiếu-công mất, thái tử lên ngôi, sai người bắt Thương quân Vệ Ưởng. Thương quân bỏ trốn. Tới một thành nọ, muốn vào nhà trợ, người nhà trợ không biết đó là Thương quân, nói: "Theo phép của Thương quân, cho người không có giấy chứng nhận (giấy chứng minh) trú ngụ thì bị liên lụy". Thương quân thở dài mà rằng: "Than ôi! Cái tệ hại của kẻ làm pháp lệnh đến như thế ư!" Có sách viết Thương quân bị bắt, đem xử trảm. Dân chúng căm giận Thương quân đến nỗi hồi trống hành quyết chưa dứt thì trên pháp trường chỉ còn lại một vũng máu - bách tính mỗi người một dao ào ào xông vào xé thịt ông mang về ăn cho hả giận. Sách không viết rõ họ làm món gì với thịt của ông thuỷ tổ chính sách hộ khẩu – tái, sào lăn, hay kho tàu?

Theo "luật" hộ khẩu của Việt Nam (mà ở mọi nước xã hội chủ nghĩa khác cũng thế), mỗi người dân phải đăng ký cư trú tại một địa phương. Tên anh ta được ghi vào một cuốn sổ gọi là sổ hộ khẩu. Con anh ta ra đời sẽ được ghi vào đó, gọi là nhập hộ khẩu. Nhà có người chết phải khai ngay với chính quyền để xin cắt hộ khẩu. Muốn thay đổi chỗ ở phải xin cắt quyền cư trú ở nơi cũ rồi xin quyền cư trú ở nơi mới, gọi là chuyển hộ khẩu. Xin đi, cắt hộ khẩu, thì dễ. Xin đến, gọi là nhập hộ khẩu, mới khó, nhất là nhập vào những thành phố lớn. Cán bộ vào ở hẳn Sài Gòn công tác dăm bảy năm rồi chưa được nhập hộ khẩu là chuyện thường. Vợ tôi là một trường hợp như thế. Làm việc tại Sài Gòn từ 1983 cho tới 1991, về hưu rồi vẫn chưa được nhập hộ khẩu. Mà đây không phải rắc rối do ngành công an. Còn một cơ quan khó hiểu nữa, chắc hẳn bắt chước mô hình Trung Quốc, tên là Ban tổ chức chính quyền. Nó cũng làm cái việc duyệt hộ khẩu, nhưng chỉ duyệt cho cán bộ.

May mắn làm sao, ngay trong lần đầu tới Sài Gòn tôi lại làm quen được với một anh công an trẻ có máu văn chương và hơn thế, có quan hệ thân tình với các vị lãnh đạo Công an thành phố. Biết hoàn cảnh tôi khó khăn, anh bạn nhường cho tôi một căn hộ hai phòng. Anh có vài chỗ như thế trong thành phố.

Đó là chuyện sau. Hồi mới đưa vợ con vào tôi ở nhờ lầu hai nhà biên kịch Thái Hồng tại số nhà 65 đường Nghĩa Thục, quận 5.

<sup>1</sup> "Ưởng sai chia dân thành từng nhóm, năm hộ, mười hộ, bắt họ kiểm soát nhau và bị ràng buộc với nhau. Ai không tố giác kẻ gian thì bị chém ngang lưng..." (Tư Mã Thiên. Thương quân liệt truyện, Sử ký).

Thái Hồng trước cùng làm báo ảnh Việt Nam với tôi. Chúng tôi có một tình bạn kỳ cục, cãi nhau một trận rất dữ, chỉ một chút nữa là đấm nhau, rồi mới thân nhau. Là cán bộ miền Nam tập kết, đến năm 1965 Thái Hồng được chọn đi B. Khi cái gọi là “cuộc đấu tranh giữa hai đường lối” nổ ra, Thái Hồng cũng có ý kiến ngược như tôi, cũng được chụp một cái mũ xét lại. May cho anh, nó không phải loại mũ lớn, cho nên việc xét cho đi B tuy có chật vật, rồi cũng được cho qua. Hồi ấy phàm ai là cán bộ tập kết đều nha nhao lên đòi về Nam. Không khí ngột ngạt và cuộc sống khó khăn ở miền Bắc làm người ta ngay đến tận cổ. Trong hoàn cảnh chiến trường, chuyện xét đi xét lại không phải chuyện quan trọng, nhưng anh vẫn cảm thấy bị chú ý. Ban tổ chức Trung ương đã dặn: “bọn xét lại là dễ theo địch lăm, không được rời mắt khỏi chúng”, cho nên người ta rất cảnh giác với anh, không cho anh được tự do muốn đi đâu thì đi. Chính nhờ ở sự “bảo vệ” chu đáo ấy, Thái Hồng không có dịp cọ xát với địch ở cự ly gần để có thể bị bắt, anh về tới Sài Gòn hoàn toàn lành lặn, không một vết xâ xát.

Tin tôi bị bắt đến với Thái Hồng khi anh đang ở trong sinh lầy Đồng Tháp Mười. Anh hiểu tôi, không tin tôi làm điều gì sai quấy, anh cũng hiểu đám lãnh đạo Trung ương lăm, anh xót xa cho tôi. Chính anh cũng sợ, “sợ nhất là bị một viên đạn từ phía sau lưng”, như anh nói. May cho Thái Hồng, chuyện đó đã không xảy ra. Gặp lại nhau giữa Sài Gòn, chúng tôi mừng hết lớn, như hai người sống sót qua trận dịch.

Nơi ở mới của tôi nằm trên lầu 6 một cao ốc gần chợ Bến Thành có tên là cư xá Nguyễn Thái Bình. Cư xá đầy ắp dân, ồn ào như tổ ong bò vỡ. Nó vốn là một khách sạn vừa mới xây xong chưa kịp khai trương thì chủ đã bỏ chạy ra nước ngoài, tháng 4 năm 1975.

Anh công an nhà báo giới thiệu tôi với anh công an hộ khẩu, còn gọi là công an khu vực, một người Nghệ An hiền lành, vui tính, dáng thấp tè, tròn như hạt mít. Dưới quyền cai quản của anh công an này có cái cư xá nói trên. Anh sẵn sàng giúp đỡ mọi người ở chui chút ít để nhận quà nhiều nhiều. Những người ở chui hồ hởi biểu xén anh những món quà nhỏ, nhưng theo ngôn ngữ pháp lý Việt Nam, chúng đều ở “trên mức tình cảm”, tuy không trên nhiều lăm. Vợ tôi, với tư cách bộ trưởng Bộ Ngoại giao gia đình, rất biết cách thu xếp để giữ một quan hệ tốt đẹp với anh công an khu vực, với hi vọng anh sẽ quên đi cái sự “ở chui” của chúng tôi. Vả lại, chẳng riêng gia đình tôi, trong cư xá còn khối người “ở chui” khác. Tôi nghĩ: không phải tại anh công an khu vực có tấm lòng quảng đại mà gia đình tôi được ở Sài Gòn không bị o ép. Ở ngoài kia, tức là ở Bộ Nội vụ, người ta thừa biết tôi đang ở đâu. Nhưng người ta lờ đi, coi như gia ân cho tôi, để tôi vì nhớ ơn mà đừng làm loạn.

Lòng tốt có cái giá của nó. Nhờ lòng biết ơn của dân chúng “ở chui” chẳng mấy chốc anh công an khu vực đã làm chủ một ngôi nhà nhỏ giữa trung tâm thành phố. Anh đưa được cả nhà vào Sài Gòn, mở một tiệm chơi bi-da cho cả người lớn lẫn trẻ con, thu nhập nghe nói cũng khá.

Để tỏ lòng cảm ơn anh công an nhà báo đã vì duyên nợ văn chương đã cho tôi một chỗ trú ngụ, tôi trấn lực giúp anh viết vài kịch bản điện ảnh, mấy truyện ngắn hình sự, tất cả đều tầm phào, trừ một tiểu thuyết về Tín Mã Nàm, tên tướng cướp nổi tiếng một thời. Nó được xuất bản với số lượng lớn và bán chạy. Anh được vào Hội Nhà văn, được ông bộ trưởng mời cơm.

Thế là cuối cùng trong cuộc sống tha hương tôi đã có điều kiện tạo ra một góc riêng cho cái gia đình tội nghiệp của tôi. Vợ tôi mừng chảy nước mắt. Lầu 6 tuy cao thật, bù lại nó rất mát. Tôi chui vào phòng trong, đóng cửa lại, cặm cụi mổ cò trên cái máy chữ Olympia mới tinh mà vợ tôi mua cho sau nhiều ngày chống cự kịch liệt với nỗi tiếc rẻ những đồng tiền đầu tiên dành dụm được.

Vợ tôi rụt rè khuyến khích tôi thực hiện ý định. Rụt rè vì vợ tôi vẫn chưa hết sợ tôi sẽ bị bắt đi lần nữa. Bài học mà chúng tôi thu được qua vụ bắt bớ năm 1967 là ở Việt Nam con người không có quyền gì hết.

Tháng 10 năm 1981 Hoàng Minh Chính bị các đồng chí của anh bắt lần thứ hai. Anh bị bắt vì cả gan đòi “khởi tố công dân Lê Đức Thọ phạm tội lạm dụng chức quyền hăm hại người vô tội, chà đạp những quyền tự do dân chủ của nhân dân”.

Theo lệnh của Lê Đức Thọ, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng ra quyết định số 272 tập trung cải tạo đối với Hoàng Minh Chính. Quyết định này ra sau khi Hoàng Minh Chính đã bị bắt rồi, đã ngủ trong tù nhiều ngày rồi, cho nên ngày tháng phải đặt ngược.

Ai cũng biết Hoàng Minh Chính mang hộ khẩu Hà Nội, như vậy người ký quyết định phải là chủ tịch Hà Nội mới đúng. Lê Đức Thọ lo bác sĩ Trần Duy Hưng<sup>1</sup> cứng đầu không chịu ký một lệnh bắt lăng nhăng chăng? Hay Thọ nghĩ ở Việt Nam không có việc gì không thể làm được? Thì đấy, Thọ có ở trong quân ngũ ngày nào đâu, cứ khơi khơi ứng cử và khơi khơi trúng cử đại biểu đảng trong quân đội mỗi lần Đại hội Đảng đấy thôi.

Thanh gươm Damocles vẫn treo lơ lửng trên đầu những tên “tù xử lý nội bộ”.

Tôi biết con mắt đa nghi của nhà cầm quyền chưa rời khỏi tôi chừng nào tôi chưa làm cho họ tin được rằng tôi đã sợ, tôi xa lánh chính trị. Cuối cùng, họ đã được thấy tôi đúng như họ muốn. Ở Sài Gòn tôi chỉ đến với những tổ hợp sản xuất, những nhà buôn. Tôi lao vào kiếm tiền. Chế tạo cái mặt nạ không khó. Chỉ cần phải giữ mình, cái chính không để cho vai diễn và màn kịch thành sự thật.

Cha tôi rồi cũng được phép vào chơi với con cháu trong Nam, năm 1985. Trước chỉ có mình mẹ tôi được phép. Xin nhắc lại rằng lệnh cấm tự do đi lại đối với những người dính dáng tới vụ “nhóm xét lại chống Đảng” chỉ là lệnh miệng, chúng tôi chỉ được nghe phổ biến chứ không được đọc. Có nghĩa là bây giờ có nói ra chuyện này, nhà cầm quyền vẫn có thể chối bay chối biến, có khi còn vu cho tôi dựng chuyện cũng nên. Anh Trần Đĩnh, biên tập viên báo Nhân dân, tuy không bị bắt, nhưng bị buộc về hưu non vì có quan điểm xét lại, thậm chí không được phép bay vào Sài Gòn để đưa tang cha.

<sup>1</sup> Trần Duy Hưng (1912-1988), bác sĩ, thị trưởng Hà Nội từ 1945, sau năm 1954 ông tiếp tục làm thị trưởng cho đến năm 1977, là thị trưởng lâu nhất của thành phố Hà Nội. Chính cha tôi đã khuyến khích ông đi với cách mạng (1945). Vài năm sau 1954, tuy vẫn có danh nghĩa chủ tịch Uỷ ban Nhân dân thành phố Hà Nội, ông là thị trưởng bù nhìn, ngồi chơi xơi nước.

Chúng tôi chỉ bắt đầu thấy dễ thở khi ở Liên Xô dâng lên làn sóng glasnost (công khai, minh bạch) cùng với chủ trương perestroika (xây dựng lại) do tổng bí thư Mikhail Gorbachov<sup>1</sup> khởi xướng. Nó trùng hợp với thời kỳ hậu Lê Duẩn, thời kỳ cuộc tranh chấp ngôi vị tổng bí thư giữa ủy viên Bộ Chính trị Lê Đức Thọ và quyền tổng bí thư Trường Chinh diễn ra quyết liệt trước Đại hội VI (15-18/12/1986).

Lê Đức Thọ, người thiết kế kiêm đạo diễn chính của Đại hội VI, hay Đại Hội của Ông Sáu, như người ta giễu cợt, tin tưởng ở chiến thắng lăm. Lúc có mặt ở tỉnh này, lúc đi thăm huyện kia, con người kém mười lăm phút đầy tổng bí thư ân cần thăm hỏi đồng bào, đồng chí, quan tâm tới mọi mặt đời sống của họ, không có gì giống cái ông Sáu Búa đầu ngành chuyên chính vô sản cả.

Ngay từ giai đoạn chuẩn bị Đại hội đã thấp thoáng những dấu hiệu báo trước một sự cung đầu đổi với mưu toan của Thọ. Những cuộc bầu đại biểu đi dự Đại hội diễn ra trong không khí căng thẳng.

Sự kiện lớn nhất trong thời kỳ này là Đại hội Đảng toàn quân (9. 1986), trong đó đại tướng Võ Nguyên Giáp và đại tướng Lê Trọng Tấn được số phiếu cao nhất, còn người nắm thực quyền trong quân đội là đại tướng Văn Tiến Dũng lại không đủ số phiếu để trở thành đại biểu chính thức trong đoàn đại biểu đồng thời 72 người. Các tướng khác mà ai cũng biết thuộc cánh Duẩn - Thọ như Chu Huy Mân, Đặng Vũ Hiệp, Lê Ngọc Hiền cũng chung số phận.

Thất bại của Lê Đức Thọ chứng tỏ thời của Thọ đã hết.

Vũ khí vô địch trước đây của Thọ là Ban tổ chức Trung ương không còn khống chế được Đảng, kể cả với quý kế “kiểm tra tư cách đại biểu”, để loại ra ngoài tất cả những ai ngang bướng, để chỉ cho người cùng phe lọt vào Đại hội.

Giận dữ và hổ thẹn thấy mưu đồ chiếm ngôi vị cao nhất không thành, theo cách không ăn thì đạp đổ, Lê Đức Thọ nồng nặc đòi quyền tổng bí thư Trường Chinh phải từ bỏ ý định tranh cử, viện cớ cả hai đã cao tuổi, không nên tham gia triều chính nữa. Nếu Trường Chinh ứng cử, thất bại của Thọ sẽ không chỉ đáng buồn mà là bi kịch. Nó sẽ là mối nhục không sao gột sạch của con người uy phong lẫm lẫm một thời.

Tuân lệnh Lê Đức Thọ, Phạm Văn Đồng năm lần bảy lượt đến tận nhà Trường Chinh, có hôm từ tinh mơ, thuyết phục ông thôi không tranh cử nữa. “Nếu anh cứ tranh cử thì sẽ nổ ra xung đột nội bộ, Đảng ta tan nát mất”, nước mắt nước mũi giàn giụa, Phạm Văn Đồng vật nài. Cuối cùng Trường Chinh đồng ý. Ông hiểu câu nói của Phạm Văn Đồng là lời nhắn gửi nghiêm túc của Lê Đức Thọ. Không phải vì lo Đảng tan nát mà Trường Chinh đồng ý, ông lo nếu không nghe lời Thọ thì chính ông sẽ tan nát, theo nghĩa đen. Con người như Lê Đức Thọ sẵn sàng làm tất cả khi cay cú.

---

<sup>1</sup> Sinh năm 1931, nhà lãnh đạo cuối cùng của Liên bang Xô Viết.

Đại hội VI kết thúc bằng sự lên ngôi của một nhân vật không mấy tiếng tăm là Nguyễn Văn Linh, bí danh Mười Cúc. Câu chuyện ngụ ngôn của La Fontaine<sup>1</sup> về hai anh nông dân và con sò được thiên hạ nhắc tới nhiều trong thời kỳ này.

Cả Lê Đức Thọ lẫn Trương Chinh đều hậm hực lui vào hậu trường với chức danh cố vấn.

Vị thủ tướng thâm niên cao nhất thế giới Phạm Văn Đồng cũng rút khỏi chính trường, nhưng không hậm hực. Trong chuyện này ông là người biết điều, ông không bao giờ dám mơ tưởng vị trí cây vĩ cầm thứ nhất trong dàn nhạc. Phạm Văn Đồng vốn lành, người ta đưa ông vào chính trường thì ông vào, người ta đưa ông ra thì ông ra. Trong cương vị thủ tướng, ông làm theo lời chỉ bảo của Bộ Chính trị, dù đứng đầu Bộ Chính trị là Trương Chinh hay Lê Duẩn, hay bất cứ ai khác, rồi phân bua với mọi người: “Tôi là thủ tướng lâu nhất thế giới, cũng là thủ tướng khố nhất thế giới. Làm thủ tướng thật, nhưng tôi chẳng có quyền gì hết. Bộ trưởng hay thứ trưởng có phải do tôi chọn đâu, họ có làm việc không tốt thì cũng không phải lỗi ở tôi”. Ông Ung Văn Khiêm<sup>2</sup> bình luận: “Anh chàng này có một cái tội, mà tội rất lớn: đó là biết mình không có quyền làm bất cứ cái chi không có phép Ba Duẩn với Sáu Thọ, vậy mà lại không dám từ chức.” Ông Trần Văn Giàu<sup>3</sup> hóm hỉnh: “Cái đít con người ta có trí nhớ. Nó nhớ cái ghế”.

Tôi được nghe Phạm Văn Đồng nói chuyện nhiều lần. Ông tỏ ra là người hiểu nhiều biết rộng, nhưng tôi ít thấy ai nói chuyện vô duyên như ông. Trong những diễn văn lòng thòng nhai đi nhai lại những cụm từ nhau nát bao giờ cũng rõ lên những tràng cười tự hưởng ứng không đúng lúc và đúng chỗ, những tràng pháo tay tự vỗ, kêu gọi mọi người vỗ theo. Sau khi trở thành cố vấn, Phạm Văn Đồng vẫn còn mắc bệnh thích đăng đàn diễn thuyết, với những “huấn thị” chẳng cái gì ăn nhập với cái gì. Sau khi nghe một bài “huấn thị” như thế trong cuộc họp trí thức thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1986 hay 1987, Mai Lộc vốn rất sùng kính Phạm Văn Đồng một hôm đi họp về buồn rầu nói với tôi “Thần tượng của tôi sụp đổ rồi. Không ai mời, ông ta cứ đòi đến, leo lên bục mà ba hoa, chẳng ai buồn nghe vẫn cứ nói”.

Sau những năm ở tù, tôi càng chán ngán những nhà lãnh đạo đất nước. Tôi cho rằng họ không có đủ trí thông minh cần thiết để làm công việc họ đang làm. Hơn thế, do mắc chứng “vĩ nhân cuồng”, họ có khả năng hiểu nhân dân muốn gì.

Tôi cũng không hiểu Hoàng Minh Chính. Một năm trước Đại hội V (1982), anh vẫn còn kiên trì thuyết phục tôi viết kiến nghị gửi Đại hội: “Bây giờ là lúc cậu cần đem sức mạnh của ngòi bút vào việc đấu tranh cho dân chủ. Viết thư cho Đại hội đi, đánh máy thành nhiều bản gửi tới tận từng khối đại biểu,

<sup>1</sup> Nhà văn chuyên viết truyện ngụ ngôn nổi tiếng (1621-1695)

<sup>2</sup> (1907 - 1991), uỷ viên Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, bị khai trừ trong vụ “nhóm xét lại chống Đảng”, nguyên bí thư xứ ủy Nam Kỳ.

<sup>3</sup> Nhà sử học, một trong những nhà cách mạng cựu trào của Nam Bộ.

đánh thức họ, đòi họ phải đứng lên tranh đấu". Tôi không nghe anh: "Những gì anh và tôi muốn nói đồng bào biết cả rồi, có điều trong hoàn cảnh hiện nay người ta hoặc sợ không dám nói, hoặc chán không muốn nói mà thôi. Đánh đuối lênh giữa trưa nắng, anh muốn soi giúp người ta cái gì?"

Từ khi ra tù, Hoàng Minh Chính liên tục viết hết kiến nghị này đến kiến nghị khác đòi Đảng xem xét lại vụ án. Ban lãnh đạo Đảng căm ghét anh, quên mất rằng bằng những kiến nghị ấy Hoàng Minh Chính thể hiện một niềm tin lỗi thời ở Đảng. Để anh khỏi quấy rầy, Lê Đức Thọ ký một nhát, cho Hoàng Minh Chính đi nằm nhà đá.

Ý định viết một cuốn sách về vụ án và những năm tháng trong tù được tôi ấp ú từ lâu - ngay từ những ngày đầu tiên trong xà lim Hỏa Lò.

Bản thân vụ án, theo tôi nhận định lúc ấy, và càng về sau càng tin chắc mình đúng, là một mưu mô bẩn thỉu của Lê Đức Thọ, được Lê Duẩn tán đồng. Thời gian cho tôi sự bình tĩnh, cho tôi khoảng cách cần thiết để quan sát, để tầm nhìn được bao quát hơn. Tôi bắt đầu nhận ra rằng trong vụ án nhằm vào chúng tôi không phải chỉ có những mưu đồ cá nhân. Nó phản ánh cuộc đấu tranh lớn hơn, giữa một bên là xu hướng đặt nhân dân dưới gót sắt của nền chuyên chế, và một bên là sự chống lại nền chuyên chế ấy, giành lại quyền làm người. Có điều, ở đây đã có một sự hiểu lầm – có người cho rằng đứng đầu những người bị gọi là "xét lại" thời kỳ ấy là đại tướng Võ Nguyên Giáp, bởi vì mục đích của cuộc đánh "xét lại" do Duẩn-Thọ khơi mào là nhằm vào ông ấy. Họ không hiểu rằng Duẩn-Thọ đánh Giáp không phải vì Giáp "xét lại", mà vi cần triệt hạ ông tướng này để trừ hậu hoạn.

Trong những ngày khốn khổ của đời mình tôi cố gắng bình thản tách khỏi cái nạn nhân để quan sát môi trường trong đó tôi bị đặt vào, suy ngẫm về những sự kiện. Không ai có thể nói thay chúng tôi về những năm đen tối ấy. Mà cần phải nói về chúng. Bởi vì chúng không tự mất đi, nếu không có sự xoá bỏ chúng.

Tôi phải bắt đầu cuốn sách kẽo quá muộn. Trí nhớ có thể phản bội nếu không đánh động nó, bắt nó phải tỉnh thức. Vả lại sự theo dõi chúng tôi đã lỏng lẻo hơn trước. Cái sự tôi ngồi nhà cẩm cụi dịch thuê, viết thuê không còn gây ra chú ý. Thậm chí người ta còn cho phép tôi viết với điều kiện ký tên khác.

Nhớ lại cuối thập niên 70, khi tôi vừa được trả tự do, đi đâu một bước cũng phải thận trọng, nói một câu là phải ngó trước ngó sau và không chỉ uốn lưỡi bảy lần - không khí nghi kỵ, mối đe dọa thường trực đè nặng lên tôi. Tôi tránh gặp mọi người, nhất là những người mình không quen. Như tôi đã nói: nghè chỉ điểm là nghè vinh quang trong xã hội này, cho nên khó mà biết ai là người mình có thể tin. Một người nói như đồng tình với mình, trong việc bất bình trước một hiện tượng xã hội thô thiển, có thể là một tên moi tin để báo cáo. Chính quyền không chỉ cảnh giác với tôi - Mi Lan, con gái đầu của tôi, mặc dầu đỗ thủ khoa trong kỳ thi tốt nghiệp đại học ngoại ngữ cũng không được đi nước ngoài tu nghiệp

theo chính sách, vốn là quyền lợi đương nhiên đối với các sinh viên khác, chỉ vì tội cha có tiền án tiền sự<sup>1</sup>.

Cái tốt nhất mà Đảng làm được trong giai đoạn hậu Duẩn - Thọ là thả Hoàng Minh Chính ra khỏi nhà tù. Nhưng đó đã là thời kỳ tổng bí thư Nguyễn Văn Linh nắm quyền. Nếu không có sự quyết đoán của ông thì không biết đến bao giờ các vị thực hành chuyên chính vô sản mới chịu thả Hoàng Minh Chính. Vào thời kỳ đó, Nguyễn Văn Linh nổi bật như một ngôi sao sáng. Người ta tin rằng sau khi bị Lê Đức Thọ gạt khỏi Bộ Chính trị năm 1982, Nguyễn Văn Linh ắt phải thẩm đòn, và bây giờ, trên cương vị tổng bí thư, ông sẽ đổi mới thật.

Nguyễn Văn Linh, theo cha tôi nhận xét, là người hiền lành, chân thật. Ông cũng đã trải qua nhà tù để quốc, có tinh thần cách mạng kiên định, là người thực hiện chứ không phải người sáng tạo.

Dưới thời tổng bí thư Nguyễn Văn Linh trên văn đàn Việt Nam đã xuất hiện một số tác phẩm dám nói lên sự thật, tuy không nhiều. Tiếc rằng sự thèm khát được nói lên sự thật bị đè nén lâu ngày đã át đi nỗ lực tìm tòi bút pháp mới, phong cách mới. Những phóng sự, bút ký đại loại như Cái Đêm Hôm Ấy Đêm Gì của Phùng Gia Lộc vừa ra đời lập tức được ca ngợi như một tác phẩm văn học có giá trị, mặc dầu nó không có, và không thể có, giá trị ấy.

Chính là nhờ Nguyễn Văn Linh mà các văn nghệ sĩ bị buộc tội oan trong vụ Nhân văn - Giai phẩm mới được phép xuất hiện trở lại với người đọc. Không có Nguyễn Văn Linh thì Dương Thu Hương không thể xuất bản được Bên Kia Bờ Ảo Vọng, Thiên Đường Mù, cho dù sau đó chị có bị trấn áp, bị bắt tù rồi được thả ra, được xin lỗi, sau này còn được cầm hộ chiếu đi Paris. Vào thời Duẩn - Thọ chắc chắn Dương Thu Hương<sup>2</sup> còn nằm xà lim dài dài trước khi người đọc được cầm trong tay những cuốn sách của chị. Không ai biết rằng Nguyễn Văn Linh làm được việc tốt đó là nhà một nhà văn, người phụ tá của ông, tướng Trần Độ<sup>3</sup>.

Tiếc thay, sau khi phán khởi thổi bùng lên làn gió đổi mới, chính Nguyễn Văn Linh lại bị cảm lạnh bởi chính làn gió ấy, ông ân hận đã kêu gọi văn nghệ sĩ tự cởi trói, dũng cảm nói lên sự thật. Sau sự cởi trói do ông khởi xướng đã ra đời hàng loạt bài báo, cuốn sách nói về những nỗi bất công kéo dài năm này qua năm khác, tất nhiên dưới sự lãnh đạo của Đảng, mặc dầu người viết không nói thẳng ra.

Đi vào lối mòn của các đời tổng bí thư trước, Nguyễn Văn Linh dần dần đồng nhất mình với Đảng, cho nên khi người ta vạch cái xấu của Đảng ra thì ông chạnh lòng. Đã thế ông lại còn bị các đồng chí bảo

<sup>1</sup> Thế mà Đảng cộng sản vẫn nhơn nhơn nói về một sự “xử lý nội bộ”.

<sup>2</sup> Nhà văn nữ, nổi tiếng với những tác phẩm mang cái nhìn mới đối với xã hội. Bị trấn áp, bị bắt tù, rồi được thả.

<sup>3</sup> Trần Độ (1923-2002), nhà văn, trung tướng QĐNDVN, nguyên phó chủ tịch Quốc Hội VNDCCH, nguyên trưởng ban Văn hoá Văn nghệ. Hoạt động cách mạng trước Cách mạng Tháng Tám khi còn ít tuổi. chính uỷ Mặt trận Hà Nội năm 1946, khi ông mới 23 tuổi. Về cuối đời, ông đứng về phía nhân dân đòi dân chủ hoá đất nước, bị khai trừ khỏi ĐCSVN.

thủ đang khiếp đảm trước sự sụp đổ của khối cộng sản Đông Âu nhất loạt đứng lên kiên quyết chống lại đường lối đổi mới của ông. Họ trách móc ông, họ phê phán ông hữu khuynh.

Nguyễn Văn Linh đúng đùng quyết định: thôi, không đổi mới nữa.

Dù sao mặc lòng, so với thời kỳ Duẩn - Thọ, hoặc thời kỳ ngắn ngủi do Trưởng Chinh làm quyền tổng bí thư, mức độ tự do tinh thần mà nhân dân được hưởng trong thời đổi mới có thể nói một trời một vực. Quần chúng thất vọng, nhưng họ sẽ ghi nhớ những gì Nguyễn Văn Linh đã làm cho họ trong cơn bốc đồng. Chính trong cơn bốc đồng ông đã trở thành người của dân chúng, một hạnh phúc không dễ gì ông được hưởng.

Chúng tôi được hưởng status quo<sup>1</sup> trong đời sống chính trị, nghĩa là chúng tôi có tội, chúng tôi được Đảng khoan hồng cho phép được ở nhà với vợ con, nhưng chúng tôi không được làm gì hết.

Một số ít người trong vụ “nhóm xét lại chống Đảng” thậm chí còn được trên giải quyết cho hưởng lương ưu trí. Bằng cách bố thí cho một chút quyền lợi vật chất, ban lãnh đạo mới muốn chấm dứt những khiếu nại liên tục nhiều năm làm họ nhức đầu.

Trước khi tôi đi Nga lần đầu tiên sau hơn ba mươi năm không bước chân ra nước ngoài, với tư cách phiên dịch cho một phái đoàn thương mại, Ban tổ chức Trung ương đã cho một cán bộ vào Sài Gòn gặp bác sĩ Phan Thế Vấn và tôi để phổ biến cho chúng tôi quyết định mới của Đảng. Anh Vấn thay mặt hai chúng tôi nói: “Quỹ lương ưu là trích từ lương của những người làm việc mà thành, mà chúng tôi thì đã bị tước quyền được làm việc từ nhiều năm. Không làm việc mà hưởng lương lấy từ túi những người làm việc là bất lương, người tự trọng không thể nhận một đồng lương như thế”. Việc chúng tôi từ chối ân huệ của Đảng làm cho chị Vấn và vợ tôi lo lắng. Nhưng sau đó không có chuyện gì xảy ra. Thời này đã có một chút khác với thời trước.

Mọi người quan tâm tới vận mệnh đất nước đều biết rằng triều đại Lê Duẩn - Lê Đức Thọ là triều đại thiết lập và khẳng định chuyên chính vô sản, hay nói cho đúng hơn, chuyên chính vô sản lưu manh<sup>2</sup>, theo định nghĩa của chính Marx về giai cấp. Nói chung, nhiều khái niệm của Marx khác hẳn khái niệm của những kẻ tự xưng học trò ông.

Đó là triều đại của sự áp đặt trắng trợn ý muốn ngông cuồng của Lê Duẩn và Lê Đức Thọ lên mọi mặt đời sống đất nước, từ việc bắt bớ công dân không cần xét xử, việc chia lại các tỉnh một cách xuẩn ngốc, lấy huyện làm đơn vị kinh tế cơ sở, ghép vài ba tỉnh làm một để dễ cai trị, cho tới việc đưa quân đi chiếm đóng nước láng giềng Campuchia. Áp đặt là phép trị dân mang tính chiến lược. Không áp đặt được thì khủng bố.

<sup>1</sup> Nguyên trạng.

<sup>2</sup> Lumpenproletariat, từ của Marx.

Việc nhà nước đối xử với công dân không cần có luật pháp, hoặc dùng luật pháp lờ mờ để giải thích nó theo ngụy biện là đặc điểm chung của các nước xã hội chủ nghĩa. Ở Việt Nam tình hình không có gì tốt hơn<sup>1</sup>.

Trước những hành động tùy tiện của chính quyền tay sai cho Đảng không phải đến khi ấy người ta mới biết, mới nói. Nhiều nhà chuyên môn tư pháp đã đề đạt với Đảng xây dựng một nền tư pháp đàng hoàng rất lâu trước đó. Lãnh đạo Đảng thẳng tay gạt bỏ những đề nghị đúng đắn của họ. Đảng không cần đến thứ pháp lý tư sản. Luật gia cộng sản Trần Công Tường, mà tôi được biết từ năm 1946, nói với tôi: "Không hiểu sao mấy chả sơ pháp luật đến thế? Pháp luật làm ra là để bảo vệ chính mấy chả mà." Tôi nghĩ ông thừa hiểu tại sao. Pháp luật, dù cho đó là pháp luật của họ, do họ đặt ra, nếu được tôn trọng, sẽ tước bỏ sự tùy tiện, sẽ bó tay họ trong việc thực hiện chuyên chính. Đối với họ pháp luật không thể là cái gì hơn một vật trang sức. Khi một Đảng đặt mình cao hơn nhân dân, đứng trên dân tộc, thì mọi việc làm của các lãnh tụ Đảng phải được coi là hiển nhiên đúng.

Trong thực hành tư pháp những nhà lãnh đạo i tờ chủ trương không cần có chứng cứ. Chỉ cần lời khai là đủ. Nguyên tắc trọng chứng hơn trọng cung trong công tác xét xử mặc nhiên bị coi là nguyên tắc tư sản. Bị phản bác, họ lui bước, bắt các nhà tư pháp phải coi chứng hay cung cũng là chứng cả. Ông Vũ Văn Mục, biện lý thời thuộc Pháp, khi kể cho tôi nghe một số vụ án oan cũng như cách xử án của các quan tòa cách mạng chưa hề qua trường lớp chuyên môn, đã kêu lên: "Xử án mà cung với chứng coi ngang nhau thì người dân thấp cổ bé họng sống làm sao nổi hở trời? Quan trên bảo tôi: "không có chứng thì dựa vào cung mà xử, nghĩ ngợi lôi thôi làm gì!" Khinh mạng dân đến thế là cùng. Tôi đem chuyện này than phiền với một ông rất to thì ông ta còn dạy tôi: "Các anh học luật thời trước là lôi thôi lắm! Phải nhớ rằng tòa án của ta là tòa án chuyên chính vô sản, vì lợi ích của giai cấp vô sản và nhân dân lao động mà làm. Với bọn phản cách mạng các anh cứ theo đường lối chính sách của đảng mà xử".

<sup>1</sup> Sự tùy tiện của Duẩn-Thọ trong vụ "nhóm xét lại chống Đảng" thật rõ ràng. Ta hãy xem lại trình tự công việc của họ:

- Tháng 7 năm 1967, vụ án bắt đầu với việc bắt giam Hoàng Minh Chính, Phạm Viết.
- Tháng 11 năm 1968 (ngày 14) Ban chỉ đạo chuyên án mới được thành lập, tức là hơn một năm sau.
- Tháng 3 năm 1971 Bộ Chính trị mới nghe Lê Đức Thọ báo cáo, tức là gần bốn năm sau.
- Tháng 2 năm 1972 Ban Chấp hành Trung ương mới nghe Lê Đức Thọ báo cáo, tức là gần năm năm sau.
- Ngày 27. 1. 1972 Trung ương Đảng khóa III ra quyết định về việc "Hội nghị Ban chấp hành Trung ương (khóa III, hội nghị 20) nhất trí phải thi hành kỷ luật về Đảng và kỷ luật hành chính (những người bị bắt trong vụ án) tùy theo trường hợp nặng nhẹ một cách nghiêm minh theo đúng chính sách xử trí của Đảng, không đưa ra truy tố trước pháp luật" (theo sự giải thích trong công văn của Trung ương Đảng khóa VII số 260-CV/TW, ngày 30. 6. 1995, có nghĩa là Trung ương Đảng khóa III đã ra quyết định... trước khi nghe Lê Đức Thọ báo cáo về vụ án một tháng).

Ở Hỏa Lò, nghe chuyện vụ án của Thành và những vụ án khác mà anh kể cho tôi nghe, tôi càng hiểu thêm cái chuyện chứng và cung này.

Trong những năm bị giam tôi đã nhiều phen rà soát lại những việc làm của mình xem mình có lỡ phạm tội gì mà do ngu dốt không biết là tội không, nhưng vô ích - tôi chẳng tìm ra một cái tội nào hết, tôi muốn nói một cái tội mà Lê Đức Thọ có thể đưa ra chứng cứ. Cho dù một chứng cứ nhỏ. Thành ra họ cứ một mực ép tôi nhận một cái gì đó, xét cho cùng là muốn nặn ra một cái cung thay chứng để mà buộc tội.

Sự khăng khăng khẳng định việc làm sai trái của những triều đại trước là đúng, là hợp lý, không chứng tỏ ý muốn đổi mới, mà chứng tỏ ý muốn duy trì trật tự cũ. Một sự kế thừa hủ lậu và vị kỷ. Mà sự sai trái cho tới ngày đó đã rành rành. Trong sự ngoan cố này không khó khăn gì để nhận ra bóng dáng những tay chân trung thành từng chịu ơn mưa móc của triều đình Duẩn-Thọ.

Thời gian trôi. Đã qua đi nhiều cơ hội để giải quyết vụ án không tiền khoáng hậu và không lối thoát ra, nhưng những nhà lãnh đạo mới cứ một mực phớt lờ.

Nhưng lịch sử có trí nhớ. Nếu lịch sử đánh mất trí nhớ, nó không còn là lịch sử. Một chế độ muốn coi là mới, hoặc đổi mới, nghĩa là khác trước, thì nó phải thanh toán sòng phẳng với quá khứ để bước vào tương lai. Nhân dân đòi chính quyền đổi mới phải giải quyết những án oan tồn đọng, không phải nhầm thanh toán món nợ cũ, mà để khẳng định thêm một lần rằng từ nay những sự việc tương tự sẽ không bao giờ được lặp lại.

Chúng tôi hi vọng tình hình mới sẽ buộc chính quyền phải tự đổi mới, tự nâng mình lên ngang tầm những nhiệm vụ lớn lao đang đòi được giải quyết, trước hết là nhiệm vụ phục hồi nền kinh tế tan hoang trong chiến tranh. Sau khi đất nước đã thống nhất, đây chính là lúc tốt nhất để thủ tiêu nền chuyên chế, xây dựng một Nhà nước công dân, một xã hội dân chủ pháp trị.

Tiếc thay, người ta đã chẳng làm gì theo hướng đó.

Bạn bè trong nước viết thư cho tôi biết ông Đỗ Mười<sup>1</sup>, đương kim tổng bí thư, cũng như ông tổng bí thư tiền nhiệm, tuyên bố Đảng không thay đổi nhận định đối với vụ “nhóm xét lại chống Đảng”.

Mà đó không phải là ai khác cái ông Đỗ Mười năm xưa, khi xảy ra vụ “nhóm xét lại chống Đảng” đã sững sốt kêu lên: “Tại sao lại bắt anh Huỳnh, anh Giang? Những người cách mạng như thế sao có thể đổ cho người ta chống Đảng được? Bậy quá! Bậy quá!” Người cháu ruột của ông kể cho tôi nghe như vậy ít ngày trước khi tôi bị bắt. Anh là người thật thà, không thích chuyện làm quà, điều anh nói không thể là không có. Mà anh đơn đặt làm gì? Ông Đỗ Mười hồi ấy chẳng là cái gì hết. Mọi người đều biết

<sup>1</sup> Đỗ Mười (tên thật: Nguyễn Cống) - đương kim tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam. Trong kháng chiến chống Pháp là bí thư khu ủy kiêm chính ủy quân khu Tả Ngạn. Là người ít học, nhưng nổi tiếng kiên định trong đấu tranh chống thực dân, giỏi dân vận, tác phong giản dị.

ông đang dưỡng bệnh. Mà bệnh của ông là bệnh tâm thần, nói nôm là điên, không ai dám nói chắc ông sẽ khỏi. May, ông không la hét om xòm, không đánh trẻ con hay chọc ghẹo đàn bà, không hoaちゃん múa tay lảm nhảm, chỉ trèo tường leo cây, lúc tỉnh lúc mê, tha thẩn trước cửa nhà. Ông không lạ gì cha tôi và ông Đặng Kim Giang. Họ cùng hoạt động với nhau tại các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ thuộc lưu vực sông Hồng trong thời bí mật. Trong câu chuyện với những đồng chí cũ, khi nhắc tới Đỗ Mười, cha tôi tỏ ra quý mến ông, khen ông kiên định cách mạng, không sợ gian khổ, tính nết lại thực thà, tiếc cho ông không được học hành nhiều, do đó không cảng đáng nỗi những nhiệm vụ cần đến kiến thức. Nói tóm lại, quý thì quý, cha tôi chẳng bao giờ hình dung Đỗ Mười lại có thể ngồi ở vị trí lãnh đạo đất nước.

Tôi không được biết ông theo cách quan hệ cá nhân, tôi chỉ nghe người ta nói về ông. Bằng vào những gì tôi nghe được thì trong hàng ngũ những nhà cách mạng hoạt động trước 1945, Đỗ Mười là người hiền lành, ít nói, rất có ý thức tổ chức, hiểu theo nghĩa chịu nghe lời bè trên. Ông cũng nổi tiếng là người kiên quyết, đã nói là làm. Với Đảng, ông có nhiều công trạng. Chính ông đã kiên quyết đập tan sự “trỗi dậy” của giai cấp tư sản miền Bắc trong cuộc cải tạo công thương nghiệp những năm 1959 - 1960. Cũng chính ông đã phá tan nền công nghiệp nhẹ miền Nam trong cuộc cải tạo tư sản sau chiến thắng 1975.

Chỉ có thể giải thích sự thay đổi thái độ của Đỗ Mười đối với vụ “nhóm xét lại chống Đảng” bằng cách lập luận rằng hồi ấy ông nói thế vì ông không tỉnh trí, còn bây giờ ông khỏi rồi, ông đã sáng suốt, cho nên ông nghĩ khác.

Những người gần ông nói rằng do ít học nên ông thường làm theo những gì cấp dưới soạn sẵn. Đám đàn em ông lại không có thiện chí muốn lập lại lẽ công bằng cho các đồng chí bị xử trí oan. Những Đào Duy Tùng, Nguyễn Đức Bình, Trần Trọng Tân<sup>1</sup> mà Đỗ Mười dựa vào trước kia đã mao-ít, nay còn mao-ít hơn nữa trong sự cầy cục sáng tạo ra một chủ nghĩa Marx đầy tính chất ngụy biện, chẳng có gì giống thậm chí chủ nghĩa Marx kinh viện. Mọi việc làm của họ chỉ nhằm bảo vệ vị trí lãnh đạo độc tôn của Đảng, hay là của họ thì cũng thế. Cái gọi là đường lối xây dựng xã hội chủ nghĩa bằng kinh tế thị trường có điều tiết, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, rất lầm cẩm và tức cười, ra đời chính là trong thời kỳ này.

Cha tôi đã nhận định sai về con người Đỗ Mười. Ông chỉ không sai khi nói rằng trước Cách mạng Tháng Tám Đỗ Mười làm nghề hoạn lợn chứ không phải phu hồ, thợ sơn gì sất như được ghi trong tiểu sử chính thức. Đọc cái tiểu sử được soạn lại của ông ta cha tôi lắc đầu: “Nói mọi nghề đều quý thì làm hoạn lợn cũng quý chứ sao, xưng công nhân làm quái gì! Người không biết thì thôi, người biết họ cười cho mất mặt. Thế không phải khôn, mà dại”. Các nhà cách mạng biết Đỗ Mười cũng xác nhận nghề hoạn lợn của ông, chỉ kể thêm vài chuyện vui rằng ông hoạn vụng lắm, có lần hoạn chết lợn của người ta, bị người ta đuổi cho chạy chí chết, chuyện một anh đã từng vác gậy đuổi Đỗ Mười sau làm vụ

<sup>1</sup> Những chuyên gia về lý thuyết của ĐCSVN.

trưởng ở Bộ Nội thương, mỗi lần thấy Đỗ Mười đến thăm Bộ là lần như trạch. Kể ra Đỗ Mười dại thật. Nói dối chỉ làm ông mất giá trị. Lịch sử Việt Nam không thiếu những nhân vật xuất thân từ những thành phần không danh giá. Một triều đại vẻ vang như nhà Trần khởi nghiệp từ những người dân chài, có sao đâu.

Nhưng thôi, tôi lại đi lan man khỏi điều muốn nói mất rồi.

Cũng dưới thời Đỗ Mười, “tên xét lại hiện đại” Hoàng Minh Chính được thả ra sau lần giam giữ cuối cùng vẫn bị tiếp tục hành hạ về tinh thần trong cuộc sống quản thúc. Không hề có một thiện ý lật lại trang sử để xem xét vụ án, cũng không có một biệt đãi nào, dù là biệt đãi chui, dành cho những người bị giam giữ trái phép nhiều năm, để đền bù phần nào những đau khổ và thiệt thòi mà họ và thân nhân đã phải chịu đựng trong những năm đó<sup>1</sup>.

Thời gian là thầy thuốc tốt. Nó giúp tôi quên và đôi lúc tôi cũng quên được những ngày đen tối. Chỉ có trí nhớ vô thức là bướng bỉnh. Đêm đêm thỉnh thoảng tôi lại nằm mơ thấy mình ở trong trại giam. Tỉnh dậy, tôi bàng hoàng, toát mồ hôi lạnh. Mà đã quá nhiều năm trôi qua kể từ ngày tôi rời khỏi địa ngục.

Tôi đã tưởng những giấc mơ khủng khiếp sẽ phải mất hẳn vào một lúc nào đó, nhưng nhà tù Việt Nam vẫn dai dẳng bám lấy tôi cho tới tận bây giờ, ngay khi tôi đang ở giữa Paris, Moskva hay Warszawa.

Cha tôi hài lòng với ý định của tôi viết cuốn hồi ký. Trên cái gác vợ chồng tôi mới kiếm được trong Sài Gòn, cha tôi cởi trần trùng trực, cái quạt nan trong tay, ngồi bệt trên sàn gạch men lần giờ những trang bản thảo đầu tiên.

Năm 1985, sức khỏe cha tôi đã sút kém lắm. Những năm biệt giam và lưu đày cộng với nỗi đau tinh thần làm ông kiệt sức. Mắt ông mờ hẳn, đọc rất chóng möi. Những trang bản thảo lem nhem, đầy những đoạn sửa chồng chéo nhau, làm ông mệt. Nhưng cha tôi đọc chăm chú, thỉnh thoảng còn vẫy tôi đến bên để nói vài nhận xét về chữ nghĩa, nhắc tôi sửa một đoạn mà theo ông là thiếu khách quan, không công bằng hoặc chưa được chính xác. Tối tối, cha tôi thủ thỉ kể cho tôi nghe một số sự kiện trong lịch sử cách mạng mà ít người biết, thuộc loại cơ mật của Đảng. Một số trong những sự kiện ấy được dùng trong cuốn này.

Với Đảng của ông, cha tôi đoạn tuyệt hoàn toàn. Sở dĩ ông có được thái độ như vậy là vì trước nay ông không bao giờ coi Đảng là vật tổ, là totem. Ông coi Đảng chỉ là công cụ, là phương tiện để những người cách mạng thực hiện sứ mạng của mình. Ông không kêu than, hờn giận, không ngoái nhìn quá khứ để tiếc nuối cuộc đời phí phạm. Ông không chửi Đảng vì ông hiểu trong Đảng có nhiều người yêu nước chân chính mà trong thâm tâm ông vẫn coi họ là đồng chí.

<sup>1</sup> Tôi viết những dòng này khi Hoàng Minh Chính chưa bị bắt thêm một lần nữa (lần thứ ba) và bị xử án một năm tù giam vì tội "lạm dụng những quyền tự do dân chủ". Đó là dưới thời tổng bí thư Đỗ Mười.

Trước Đại hội VI (1986), trước bữa cơm chiều, cả nhà chưa ngồi vào mâm, chỉ có hai con với cút rượu và đĩa lạc rang thường lệ, cha tôi đang uống bỗng thử người ra một lát rồi nói:

- Con ạ, những ngày gần đây bố suy nghĩ nhiều về tương lai đất nước mình. Con có biết bố đi đến kết luận gì không? Kết luận của bố là thế này: muốn cho dân tộc ta không thua kém các dân tộc khác, muốn cho đất nước ta được thịnh vượng, dân ta không nghèo khổ mãi thì không thể thiếu một điều kiện tiên quyết: ấy là phải gạt bỏ sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Đảng đến nay đã hết là đội quân tiên phong của cách mạng giải phóng dân tộc rồi. Nay giờ nó đã trở thành chướng ngại vật trên đường phát triển của dân tộc. Kẻ nào trong lúc này đặt quyền lợi của Đảng lên trên quyền lợi của Tổ quốc là kẻ phản bội Tổ quốc.

Tôi sững sốt. Tôi có thể chờ đợi ở cha tôi bất cứ ý nghĩ nào khác, nhưng không phải ý nghĩ ấy. Cần phải có dũng khí vượt qua nỗi đau mới đoạn tuyệt được với quá khứ dứt khoát đến như vậy.

- Con có hiểu vì sao lâu rồi bố không về quê không? - một hôm khác, cha tôi buồn rầu nói - Bố nhớ làng xóm lăm. Nhưng bố xấu hổ. Sau này con về, nhớ nói bố xin lỗi bà con. Bố đi làm cách mạng không phải để mọi người phải sống cuộc sống như thế này. Là con người, ai cũng vậy, không khổ vì thiếu thốn bằng khổ vì nhục. Một chế độ hạ nhục con người không phải là chế độ nhân dân ta lựa chọn.

Cha tôi là một người cổ. Tuy không giỏi Hán học, ngược lại, còn chịu ảnh hưởng nặng văn hóa phương Tây, nhưng nhìn vào thần thái của ông, cách ứng xử của ông, bạn bè mặc nhiên xếp ông vào lớp nho sĩ cuối cùng từ lâu đã nhạt nhòa trong quên lãng. Mẹ tôi thuộc một số thơ ông làm khi còn trẻ, hai người mới quen nhau, mới yêu nhau, bà thường đọc lại cho chúng tôi nghe. Tôi đặc biệt nhớ bài dưới đây bởi khẩu khí hào hùng của nó:

*Nghĩ cho tôi lại ngắn cho tôi.*

*Đời có bao nhiêu sắp nửa rồi.*

*Nước mất, nhà tan còn sống mãi,*

*Sông mòn núi lở cứ ngồi thôi.*

*Giang sơn chan chứa hai hàng lệ,*

*Nòi giống lau nhau mấy hạng người.*

*Chẳng biết rồi ra sao thế nữa...*

*Kiếp mình há phải kiếp trò chơi.*

Cho dù nhà cầm quyền hiện nay có đối xử với tôi rộng rãi đến mấy thì tôi cũng vẫn phải viết về những ngày đen tối nọ. Tôi không coi việc viết về những năm tháng trong nhà tù xã hội chủ nghĩa là sự phản bội lòng tốt của họ đã khoan dung không giết tôi khi tôi còn nằm trong chuồng của họ. Tôi dùng từ lòng tốt ở đây theo khái niệm Việt Nam, nơi ngày xưa gia đình tử tù còn phải mang lễ vật đến tạ ơn dao phủ đã mài đao cho sắc để nhát chém được ngọt.

Tôi viết vì tôi không thể quên lời cha tôi dặn trong lần tôi ra Hà Nội thăm ông năm 1988 khi ông còn tỉnh táo:

- Con viết đến đâu rồi? - cha tôi hỏi.
- Con viết chậm lắm.
- Không cần nhanh. Nhưng không được bỏ dở. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào con cũng phải hoàn thành cuốn sách.
- Con sẽ không bỏ dở.
- Bố thấy trong người yếu lắm rồi. - cha tôi thở dài - Chà, nếu bố còn khỏe! Có nhiều điều bố cần phải viết ra cho đồng bào biết. Nhưng không còn sức nữa. Bố kỳ vọng ở con. Đó là trách nhiệm, con ạ, là trách nhiệm.

Ông gắng gượng ngồi dậy, đặt tay lên vai tôi, nhìn vào mắt tôi:

- Không phải vì mục đích vạch tội ai mà con làm việc này, không phải vì mục đích ấy. Mục đích lớn hơn: qua vụ án này con phải để nói lên điều khác, điều rất quan trọng đối với dân tộc ta. Nhân dân ta cần phải hiểu để tránh xa vết xe đổ. Nước mà không có dân chủ, không có luật pháp, hoặc luật pháp chỉ là xảo ngông, là mảnh đất màu mỡ cho thế chế độc tài, cho sự lộng hành tùy tiện của những tên độc tài...

Tôi hiểu tâm trạng cha tôi. Ông đã khoan thứ cho kẻ thù. Nhưng ông không ngơi lo lắng cho đất nước trước viễn cảnh xám xịt của một nền chuyên chế.

Rạng sáng ngày 3 tháng 5 năm 1990 cha tôi lặng lẽ qua đời.

Ôm xác cha đang nguội dần trong tay, tôi cay đắng nghĩ về tính không vĩnh hằng của đời người, về ý nghĩa cuộc sống và cái chết. Cha tôi đã bỏ cả đời ông vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Ông đau đớn thấy kết quả những hy sinh của ông và các đồng chí đã ngã xuống trong cuộc đấu tranh thiêng liêng bị bọn cơ hội trăng trộn tước đoạt - thay vào ách nô lệ cũ nhân dân phải sống dưới một ách nô lệ khác. Ông đau đớn nhìn thấy mình trong thân phận kẻ chiến bại. Hơn thế, ông chết đi mang theo mặc cảm có tội với dân, với nước. Đó là nỗi khổ tâm không sao giải tỏa được trong ông.

Thế là sau Phạm Viết, Kỳ Vân, Trần Minh Việt Đặng Kim Giang, cha tôi đã không chờ được tới ngày lịch sử sang trang, tới ngày lẽ công bằng được trả lại.

Còn nhớ ngày ông Đặng Kim Giang hấp hối trong căn nhà lá ọp ép nằm trong khuôn viên chùa Liên Phái.

- Bác đừng chết bây giờ! - tôi ghé sát vào tai ông, thì thầm - Cố lên bác ơi, chết bây giờ là thua keo nứa đấy, bác. Bác đừng cho thằng Duẩn thằng Thọ nó sướng. Bác chết đi, chúng nó sướng lắm đấy. Cố mà sống, bác ơi!

- Bác đang cố đây!

Ông gượng cười với tôi. Giọng ông đã yếu lắm, nghe không còn rõ, nhưng nụ cười của ông vẫn là nụ cười trước kia, chất phác và hồn nhiên làm sao!

Tôi ngồi bên ông, nắm chặt tay ông, tôi muốn truyền sức sống của tôi cho ông.

- Cháu ơi! - lát sau ông thều thào gọi tôi.

- Dạ!

- Sinh hữu hạn, tử bất kỳ, cháu ạ! - ông kéo tay tôi lên ngực ông, dưới bàn tay tôi trái tim người lính của ông đập chậm chạp và mỏi mệt trong lòng ngực trơ xương - Con người không chống nổi mệnh trời. Bác sẽ cố, nhưng nếu không cố được...

Tôi cúi xuống sát mặt ông để nghe cho rõ. Có thể đó là những lời cuối cùng ông nói với tôi:

-... đến lượt các cháu... phải gắng sức... vì đất nước...

Tôi hiểu ông muốn nói gì.

- Vâng, thưa bác. Cháu xin hứa với bác.

Tôi hôn lên trán ông, để rơi xuống đó một giọt nước mắt xúc động.

Ông mất ít ngày sau, khi tôi đã trở lại Sài Gòn.

Ông là người được nhân dân yêu mến. Đồng bào các vùng ông hoạt động thời bí mật vẫn nhớ ông. Hồi ông mới được thả có người dân Đinh Bảng lén lút đạp xe về Hà Nội thăm ông. "Dân chúng cháu nhớ bác, sai cháu mang về biếu bác mấy con vịt để bác bồi dưỡng". Bước vào nhà anh ta vui vẻ khoe với ông. Nói rồi te tái chạy ra ngoài tháo cái bọc trên đèo hàng xuống. Vừa mở cái bọc ra, anh ta bưng mặt khóc òa: "Vịt chết hết cả rồi, bác ơi! Cháu phải mang giấu cho bác, mới bỏ chúng nó vào bao tải cho người ta khai thấy, khổn trời nóng quá chúng nó chết ngập hết rồi!". Tướng Giang cũng nước mắt ròng ròng.

Tôi vẫn phải rất cẩn thận khi viết. Mỗi khi có khách tới tôi phải dọn dẹp thật nhanh chóng bản thảo rồi mới bước ra phòng ngoài. Sợ nhất là những ông bạn thân tình. Vừa bước qua cửa là họ đã xộc thẳng vào phòng trong với tôi để được cởi bỏ áo quần mà nằm xuống sàn cho mát. Tôi lấy làm buồn không dám tin một ai. Kinh nghiệm nhà tù cho tôi biết những điều bí mật bị lộ ra bao giờ cũng từ những người thân chứ không phải những người qua đường.

Những trang vừa viết xong lập tức được mang đi cất giấu ở nhà những bạn tin cẩn, là những nơi tôi ít lui tới, do đó nằm ngoài sự chú ý của công an. Cái sự viết từng mẩu một, trong tâm trạng căng thẳng, làm tôi mệt. Lại còn phải kiểm sống nữa. Hồi đó tôi làm thuê cho các tổ hợp, khi thì giải quyết giùm họ một vấn đề kỹ thuật, khi thì đi kiếm nguyên liệu cho sản xuất. Thời gian còn lại cho cuốn sách rất ít. Tôi thấy trước nó sẽ có một khuyết tật mà các nhà văn rất kỵ là không có một mạch văn nhất quán. Ban đêm tiếng lách cách của máy chữ vang xa làm vợ tôi lo ngại.

- Anh gỗ khe khẽ chứ.

Tôi thở dài, nhớ tới lời nhắc nhở thường xuyên của anh bạn tù xà lim. Tôi cố gỗ khẽ hơn, nhưng cái máy chữ của tôi không bao giờ học được cách thì thào.

Huỳnh Ngự không vội vã mở đầu công việc hàng ngày.

- Nào, bây chừ anh viết cho tui một cái báo cáo, ngắn thôi, một hai trang là đủ. - y nói, giọng ngọt sút.

Tôi nhìn y, chờ đợi.

- Về Nguyễn Lương Bằng.

Tôi ngắn người, tưởng mình nghe không rõ.

- ???

- Phải. Về Sao Đỏ.

Trời hỡi, đây là Trại giam Hà Nội của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hay Hỏa Lò của Chính phủ Bảo hộ?

Đó là sự thật. Y nói với tôi bằng giọng nghiêm túc. Tôi không nghe nhầm. Đúng là người ta đang ra lệnh cho tôi viết một bản khai về Nguyễn Lương Bằng, như về một tên đồng vụ.

Chuyện gì đang xảy ra bên ngoài những bức tường đá Hỏa Lò? Chẳng lẽ người như Nguyễn Lương Bằng cũng đã bị bắt? Không, không thể thế được. Nếu Nguyễn Lương Bằng đã bị bắt Huỳnh Ngự sẽ nói bằng giọng khác, với những từ khác. Y sẽ nói đại loại: "Nè, bây chừ anh viết cho tôi một báo cáo về thằng Bằng, Nguyễn Lương Bằng. Anh biết hắn quá mà!"

Hay là... Lê Đức Thọ và Trần Quốc Hoàn đã làm đảo chính?

Khi còn ở ngoài tôi đã nghe người ta thì thào với nhau về khả năng Lê Đức Thọ truất quyền Lê Duẩn một ngày nào đó. Bề ngoài quan hệ Duẩn - Thọ có vẻ khăng khít đấy, thân thiết đấy, nhưng quan sát sự lộng hành của Thọ những người tinh ý cho rằng chẳng chóng thì chầy liên minh này sẽ tan vỡ. Dấu hiệu rạn nứt đầu tiên mà tôi thấy là thái độ coi thường Lê Đức Thọ của anh con rể Lê Duẩn, trước cùng học với tôi ở Moskva. Ai cũng biết mật thám riêng của Thọ đầy rẫy khắp nơi, Thọ không thể không biết thái độ của người nhà Lê Duẩn đối với mình.

Khôi hài thật, nếu như Lê Duẩn cũng bị đưa vào đây, ở xà lim bên cạnh.

Tôi suy nghĩ rất lung. Tại sao Huỳnh Ngự, một tên nhãi nhép tính về thân niên cách mạng so với Nguyễn Lương Bằng lại dám bắt tôi làm bản khai về bậc tiền bối mà y xách mé gọi bằng tên trống không? Phải có một cái lý nào chứ? Chẳng gì hiện tại Nguyễn Lương Bằng vẫn đường đường là Trưởng ban Kiểm tra Trung ương, về mặt chính quyền còn là chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra của chính phủ.

Đầu thập niên 60 cha tôi đang làm vụ trưởng Vụ lễ tân Bộ Ngoại giao thì bỗng có quyết định của Trung ương cử đi học trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc. Việc cha tôi phải rời Bộ Ngoại giao liên quan tới

bộ trưởng Ung Văn Khiêm<sup>1</sup>. Ông Khiêm là người có học, như phần đông những nhà mác-xít đầu tiên của Nam Bộ. Uy tín của ông trong hàng ngũ cách mạng cao hơn Lê Duẩn nhiều. Điều này trở nên bất lợi cho ông khi Lê Duẩn thành tổng bí thư. Lê Duẩn không ưa Ung Văn Khiêm, luôn thọc gậy bánh xe, tìm cách tống Ung Văn Khiêm về hưu. Vụ bản Tuyên bố chung Hồ Chí Minh ký với lãnh tụ đảng cộng sản Tiệp Khắc Novotny<sup>2</sup> do Ung Văn Khiêm thảo theo tinh thần Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân quốc tế tại Moskva, Hồ Chí Minh duyệt rồi ký, sau Lê Đức Thọ đổ riết trách nhiệm cho một mình Ung Văn Khiêm làm không đúng đường lối của Đảng để đưa ông ra khỏi Bộ Ngoại giao. Trong việc này bàn tay Lê Duẩn rất rõ.

Nhưng đó là chuyện về sau. Hồi đó ông Ung Văn Khiêm thấy cha tôi cứ phải giữ chức vụ trưởng mãi là không hợp lý, mới đề xuất cha tôi làm thứ trưởng. Bộ Chính trị không hài lòng về việc này. Có người cho rằng đó là do Lê Duẩn, với tính cách kẻ muốn sở hữu quyền lực tuyệt đối, vốn không ưa những lời nói ngược, mà cha tôi lại quá thẳng tính. Có thể ông vô tình nói ra một lời chỉ trích nào đó đối với những chủ trương hoặc việc làm của Lê Duẩn. Có người nói Lê Duẩn không ưa Ung Văn Khiêm, nên hay cản trở những điều ông Khiêm muốn làm, tôi thấy nhận xét đó có lý hơn. Trong thực tế, mọi việc Ung Văn Khiêm làm đều không được Lê Duẩn ủng hộ. Tuy nhiên, cả hai giả thuyết đều có căn cứ.

Đưa đi học Nguyễn Ái Quốc là cách nhẹ nhàng buộc cán bộ rời chức vụ. Cha tôi cũng biết như vậy. Học xong khóa Nguyễn Ái Quốc, cha tôi chuyển sang công tác tại Ủy ban thanh tra của chính phủ. Ông Nguyễn Lương Bằng kéo ông về làm với mình.

Trong công tác thanh tra, cha tôi tìm ra bằng chứng về sự lộng hành vi phạm các chế độ tài chính của Nhà nước ở một số nhân vật lãnh đạo. Ông đề nghị đưa việc này ra ánh sáng. Ông Nguyễn Lương Bằng vội gạt đi:

- Việc tể nhị, ta phải xin ý kiến Bác đã.

Cha tôi nói:

- Đây là việc có chứng cứ rành rành, anh việc gì mà ngại. Đảng đã phân công chức trách cho ta thì ta làm, hà tất lúc nào cũng phải xin ý kiến Bác. Anh lành quá, anh Cả ạ. Đảng giao cho anh thanh kiểm để anh bảo vệ sự trong sạch của Đảng mà anh không dám dùng nó thì nó rỉ mất thôi!

Tôi tình cờ được nghe mẩu đối thoại trên khi đưa nước sôi lên cho cha tôi pha trà tiếp ông Cả.

<sup>1</sup> Ung Văn Khiêm (1910-1991), bộ trưởng Bộ Ngoại giao từ 1961 đến 1963.

<sup>2</sup> Tổng bí thư Đảng cộng sản Tiệp Khắc từ năm 1953, sau khi người tiền nhiệm là Klement Gottwald qua đời, chủ tịch nước từ 1957. Năm 1993 nước Tiệp Khắc – Czechoslovakia – kết thúc sự tồn tại của nó để ra đời hai nước: Cộng hòa Czech và Cộng hòa Slovenia. Vì theo đường lối Stalin, Novotny bị thay bằng Dubcek vào năm 1968. Bản tuyên bố chung nói trên được viết theo tinh thần Hội nghị 81 Đảng cộng sản và công nhân năm 1960.

- Thấy việc bất bình mà ngoảnh mặt đi đã là tồi. Được giao chức trách bảo vệ dân mà thấy kẻ xâm phạm quyền lợi của dân thì bó tay ngồi đấy, sợ đụng phải chúng nó quan to chức lớn còn tồi hơn. - cha tôi than thở với ông Đặng Kim Giang - Tình cảnh như thế thì mày tính, tao còn ngồi đấy làm gì? Tao nói thẳng với Sao Đỏ: "Không dám làm việc theo lương tâm là làm trái lương tâm. Người quân tử không hành đạo là trái đạo! Anh để tôi về hưu".

Tôi biết Nguyễn Lương Bằng từ năm tôi lên mười. Một hôm cha tôi trở về khuya, mặt đầm chiêu. Ông nói nhỏ với mẹ tôi: "Anh Sao Đỏ vượt ngục rồi!"

- Anh ấy hiện ở đâu? - mẹ tôi lo lắng.

- Đang đợi xem sao. Tụi nó lùng dữ lắm. Treo giải thưởng một vạn đồng Đông Dương cho cái đầu Sao Đỏ.

- Đã có chỗ trốn cho anh ấy chưa?

- Mình phải lo cho anh ấy thôi!

Mẹ tôi nói rằng không thể để Sao Đỏ ở nơi nào khác, mọi chỗ đều không an toàn, đều nguy hiểm. Phải đưa ông về nhà mình. Đó chính là chỗ mật thám ít ngờ nhất - chúng không nghĩ Nguyễn Lương Bằng lại về nhà người bạn tù vừa được tha.

Hôm sau cha tôi mang về tờ Tin Mới với dòng nhắn tin trong mục Rao vặt: "Ông Cả Hà Đông hiện ở đâu, về nhà ngay, cả nhà đang đợi ông".

Một người đàn ông gầy gò, đen đúa tới nhà tôi vào ban đêm rồi ở lại hẳn. Căn phòng nhỏ, nơi ở của chị Tường, người trông chúng tôi, được dọn dẹp lại dành riêng cho ông, lũ trẻ chúng tôi không được phép ra vào. Chúng tôi được bố mẹ dặn đi dặn lại rằng người ở trong nhà chúng tôi tên là Bác Cả Hà Đông và cấm chỉ không được nói với ai bác đang ở đây. Chị Tường ngoan đạo đã được cha mẹ tôi huấn luyện để biết cách bảo vệ cán bộ<sup>1</sup>.

Tên gọi Bác Cả Hà Đông còn lại rất lâu trong trí nhớ của chúng tôi. Bí danh Ông Cả, Anh Cả của ông Nguyễn Lương Bằng có từ ngày đó. Nếu nó có trước chắc cha tôi đã không dám dùng nó trong mục Rao vặt để tìm ông.

Cha tôi đem về nhà một cái máy thu thanh Phillips, để nó trong phòng bác Cả. Đêm đêm cái mắt thần của nó ánh lên màu xanh lục trong vắt rất đẹp. Chính quyền thuộc địa bắt dân phải mang máy thu thanh đến Nha Bưu chính để kẹp chì không cho nghe đài ngoại quốc, chỉ được nghe đài Hà Nội và Sài

<sup>1</sup> Về sau này do được ông Nguyễn Lương Bằng báo cáo ghi công, chị Tường được nhận danh hiệu "có công với cách mạng", còn mẹ tôi thì không. Mẹ tôi chẳng suy nghĩ nhiều về chuyện này. Bà cho vậy cũng được, cũng phải, cần ghi công những người đã giúp đỡ cách mạng, còn mình đã là người cách mạng rồi, không phải ghi công làm gì. Thành thử trong những dịp đại lễ chị Tường được đứng trên lề đài xem duyệt binh, còn mẹ tôi thì đứng ngoài đường Phan Chu Trinh xem đoàn quân duyệt binh về qua.

Gòn. Cái máy Phillips không đăng ký, không bị kẹp chì, vẫn bắt được mọi đài trên thế giới. Đêm đêm bố mẹ tôi và bác Cả Hà đồng ngồi rất khuya, áp tai vào bên loa nghe tiếng thì thào của nó. Bác Cả ở nhà tôi mấy tháng liền, cho tới khi vụ vượt ngục nhạt dần mới bỏ đi. Mẹ tôi sắm cho ông đủ lệ bộ để thành một ông chánh tổng hoặc lý trưởng ra tỉnh: ô Lục Soạn, áo the thảm, giày Gia Định...

Khi Nguyễn Lương Bằng vượt ngục Sơn La ông được một thanh niên người Thái tráng dẫn đường. Đưa ông đi khỏi địa phận Sơn La xong, trở về nhà anh bị Pháp bắt đem chặt đầu. Tôi đã tới bản Giảng, cách nhà tù Sơn La vài cây số, vào mùa thu năm 1965, để thăm gia đình anh thanh niên nọ. Trong ngôi nhà sàn xiêu vẹo chỉ còn lại bà mẹ anh, một bà lão lẩm cẩm, điếc lác, hỏi năm câu mới trả lời được một, câu trả lời lại chẳng ăn nhập gì với câu hỏi.

Thế mà người tù vượt ngục Nguyễn Lương Bằng chưa một lần trở lại bản Giảng để thăm hỏi bà lão tội nghiệp. Rõ ràng, ông là người không có ân nghĩa. Người đem cả sinh mạng mình giúp ông mà ông còn quên, nói chi đến đồng chí.

- Tôi biết rất ít về ông Nguyễn Lương Bằng. - tôi nói với Huỳnh Ngự - Từ ngày hòa bình lập lại ông ít đến nhà tôi.

- Anh nói sai rồi. Nguyễn Lương Bằng đến nhà anh nhiều nhất đấy.

Tôi nhún vai:

- Tôi làm sao biết được ông ấy đến nhà ai nhiều nhà ai ít.

- Nhưng anh sẽ viết chớ?

- Tôi biết viết gì về ông ấy. Chuyện quan điểm không phải chuyện để ông Nguyễn Lương Bằng nói với tôi.

Huỳnh Ngự tigm tigm cười. Y ngả người trên ghế, đôi mắt lim dim.

- Tui có bảo anh viết dài đâu. Viết ít cũng được. Chỉ vài dòng cũng là báo cáo, miễn là báo cáo cho xác thực. Không cứ điều chi mình trực tiếp biết mới báo cáo. Anh cứ viết tuốt tuột những chi anh nghe được ở người khác, ông già kể lại chẳng hạn. Hoặc những chi ông già nói chuyện với người nào về Nguyễn Lương Bằng mà anh nghe thấy...

- Tôi nghe người ta nói nhiều về ông Nguyễn Lương Bằng. - tôi nói, làm ra vẻ thiện chí.

- Họ nói những chi?

- Chẳng hạn, ông là người rất liêm khiết, tuy hơi lẩm cẩm. Thời bí mật ông giữ quỹ Đảng, buồn cười lắm, ăn một hào ông cũng ghi sổ, qua đò mất một xu cũng ghi, mệt thám mà bắt được cuốn sổ ấy thì chúng biết hết ông đi những đâu, ăn cơm đầu ghế hay ăn ở cơ sở không mất tiền...

- Cái nớ khỏi cần đưa vô báo cáo. - Huỳnh Ngự nhăn nhó - Anh nghe ông già nói chi về quan điểm của Nguyễn Lương Bằng?

Lại quan điểm! Cái gì Huỳnh Ngự nói rồi cũng dẫn tới chỗ ấy. Nó đã trở thành khối u trong não y.

Cha tôi rất quý Nguyễn Lương Bằng. Kỷ niệm về tình bạn của hai người tại nhà tù Sơn La còn lại một tấm ảnh cỡ 6 x 9, cả hai còn trẻ trong bộ quần áo cánh trắng với hàng số tù trên ngực. Tấm ảnh, nếu nó may mắn, chắc còn được giữ lại trong Viện bảo tàng cách mạng. Tôi nói nếu nó may mắn vì sau khi cha tôi bị bắt mọi hiện vật có dính dáng tới ông trong bảo tàng đều bị bỏ đi. Những hình ảnh của cuộc Cách mạng Tháng Tám có ông trong đó không thể bỏ được thì bị sửa lại, sao cho không nhận được người trong ảnh là ai. Kể cả những thước phim hiếm hoi mà kiều bào ta ở Pháp ghi lại về chuyến đi của phái đoàn Việt Nam sang dự Hội nghị Phôngtenoblô (Fontainebleau) cũng bị sửa lại, mặc dầu sửa phim xi-nê khó hơn sửa ảnh nhiều. Tấm ảnh ông Võ Nguyên Giáp và cha tôi di duyệt đội quân Giải phóng từ chiến khu Tân Trào về Hà Nội cũng bị sửa, cha tôi biến thành người khác.

Tại nhà tù Sơn La, Nguyễn Lương Bằng làm y sĩ, gọi bằng phe-mì<sup>1</sup>. Bề ngoài công việc của ông là trông nom tù ốm, bề trong ông là người lãnh đạo tù nhân chính trị. Cha tôi viết chữ đẹp, ban lãnh đạo tù nhân liền chạy cho cha tôi châm thư ký bàn giấy để việc liên lạc giữa các banh<sup>2</sup> được thuận tiện. Nội vụ trong tù đều do Ban đại diện tù nhân sắp xếp. Cùng tù với cha tôi có nhà cách mạng Tô Hiệu nổi tiếng, các ông Đặng Kim Giang, Hoàng Minh Chính, Lưu Động, Kỳ Vân - những người sau này bị bắt giam trong vụ "nhóm xét lại chống Đảng" - và cả hai hung thần của họ là Lê Đức Thọ và Trần Quốc Hoàn.

- Chuyện nhà tù Sơn La thì tôi có nghe. - tôi nói với Huỳnh Ngự - Chuyện quan điểm của ông Nguyễn Lương Bằng thế nào thì tôi không nghe nói.

- Hoàn toàn không? Nè, anh Hiên, tui nghe anh cũng muốn tin mà thấy khó tin quá. Tui muốn anh nói tui nghe nhận xét của riêng anh thôi về thái độ chánh trị của Nguyễn Lương Bằng, nói đại thể thôi, không cần đi sâu vào chi tiết. Trúng cũng được, mà trật cũng không sao. Chẳng lẽ khi Nguyễn Lương Bằng đến nhà anh chơi mà anh lại không ngồi tiếp khách cùng ông già, không nghe ông nói chi về quan điểm, đường lối?

- Đâu có chuyện vô lý như vậy được! Khách của cha là khách của cha, con cái không được phép hóng chuyện, không được phép nói leo. Gia giáo ở miền Bắc là thế!

Mỗi gia đình có phép tắc của nó. Đối với cha tôi, tôi mãi mãi là đứa trẻ. Nghe người trong nhà kể lại thì bác cả tôi khi đã đi làm rồi, có con cái rồi vẫn bị ông nội tôi đánh đòn bằng phất trần khi có lỗi.

Tôi nói dối. Tôi là đứa trẻ hư. Tôi bị cha tôi mắng nhiều về cái tật hóng chuyện người lớn. Chính nhờ thói xấu này mà trong trí nhớ của tôi còn giữ lại được những chuyện nêu nhớ.

- Anh cứ viết ra những gì anh biết. Tui sẽ gợi ý thêm.

<sup>1</sup> Do tiếng Pháp infirmier.

<sup>2</sup> Khu giam giữ, bagne theo tiếng Pháp.

Tôi thở dài, chán ngán.

Thôi được, tôi sẽ viết về Sao Đỏ, người anh hùng thời thơ ấu của tôi. Viết những kỷ niệm không bao giờ phai nhòa về ông trong trí nhớ. Vào phút đó trước mắt tôi hiện lên hình ảnh ông Cả Hà Đông quần ống thấp ống cao đi khỏi nhà tôi, xách theo mấy viên ngói trong mảnh vải thay tay nải. Đó là ông đóng vai một người nhà giàu ở quê ra, được ai mách bảo tới nhà tôi mua đống ngói xếp ở lối cổng, ngoài đường nhìn vào ai cũng thấy. Vai kịch không chắc chắn lắm, vì đống ngói không phải của nhà tôi mà của nhà ông Trần Trọng Kim<sup>1</sup> ở sát nách, chung sân. Chẳng may mặt thám hỏi thì phiền, may, chúng để ông đi qua không nghi ngờ.

Tôi trở về xà lim, ngồi yên lặng. Thành ngạc nhiên:

- Cậu sao buồn vậy?
- Tôi mệt. - tôi trả lời cho qua chuyện.

*Còn trời, còn đất, còn non nước,*

*Có dễ ta đâu mãi thế này!*

Thành lại ngâm thơ. Anh biết tôi đau, và anh không muốn chạm vào vết thương của tôi. Tôi nằm xuống, gối đầu trên đôi tay. Tôi nghe trong tiếng ngâm thơ buồn bã của Thành có âm hưởng của giọng hát ru con quen thuộc của vùng đồng bằng quê hương. Tôi cảm thấy được vỗ về, được an ủi.

Tôi đắm chìm trong những suy nghĩ miên man. Không, tất nhiên tôi sẽ không nói điều gì làm hại ông Nguyễn Lương Bằng. Ông đang bị mưu hại. Người ta, qua Huỳnh Ngự, muốn có những lời khai của tôi, với tư cách con của bạn ông, để dùng chúng làm bằng chứng buộc tội ông. Mưu toan buộc tội ông là rõ ràng, nhưng buộc ông vào tội gì thì tôi không thể đoán được. Chí ít thì ông cũng có tội quan hệ với cha tôi. Quan niệm về tội trong chủ nghĩa xã hội là lầm - nếu Nguyễn Lương Bằng có quan hệ bằng hữu với cha tôi, tất phải biết quan điểm chính trị của cha tôi, mà không báo cáo với Đảng có nghĩa là ông có tội.

<sup>1</sup> Trần Trọng Kim (1883-1953), nhà giáo dục, nhà biên khảo văn học và sử học Việt Nam, bút hiệu Lê Thần; thủ tướng Trần Trọng Kim được giao vua Bảo Đại giao trách nhiệm thành lập nội các vào ngày 17 tháng 4 năm 1945. Đây là [chính phủ](#) đầu tiên của nước Việt Nam độc lập và Trần Trọng Kim trở thành Thủ tướng đầu tiên của Việt Nam. Tháng 6 năm 1945, chính phủ Trần Trọng Kim đặt quốc hiệu là [Đế quốc Việt Nam](#); đặt quốc thiều là bài "[Đảng dân cung](#)"; quốc kỳ có "nền vàng hình chữ nhật, giữa có hình quẻ Ly màu đỏ thẫm". Nhà tôi hồi ấy ở số 65 phố Sergent Larrivé (phố Nhà Rượu, tức Nguyễn Công Trứ bây giờ), nhà ông Trần Trọng Kim ở số 67.

Cuộc hỏi cung dẫn tôi về quá khứ gian khổ của những chiến sĩ cách mạng thời kỳ bí mật. Hình ảnh những cuộc vây bắt, những tiếng thì thào trong đêm của những người đang bị truy lùng, những người tù bị xích tay tùng cặt xuống bến Phương Lâm qua thị xã Hòa Bình trong buổi sáng có sương mù trên sông Đà, cha tôi bên kia tấm lưới sắt Hỏa Lò... lướt qua trước mắt tôi. Những người cách mạng năm xưa đã xây dựng nên cái gì vậy?

Theo cái que chỉ của thợ cẩn, những người thợ rèn ngày đêm quai búua, hình dung mình đang làm nên bông hoa hạnh phúc cho nhân dân. Nhưng khi ngẩng đầu lên để lau mồ hôi đầm đìa trên mặt họ chợt nhận ra rằng trước mặt mình không phải bông hoa, mà là cái cùm kiên cố.

Cho đồng bào. Và cho chính họ.

Cái làm cho tôi suy nghĩ nhiều hơn cả trong những ngày tù đầu tiên là: lý do gì đã làm cho Lê Duẩn đồng tình với Lê Đức Thọ trong việc làm bất minh, thậm chí không hợp với tính cách anh chị của Lê Duẩn là dùng lối vu vạ để trấn áp những người chưa từng chống lại Duẩn? Và, hai là, việc bắt bớ diễn ra không phải vào lúc nào khác, mà chính là lúc này?

Tôi biết quá ít về nhà lãnh đạo nổi tiếng quyết đoán để có nhận định riêng. Những nhận xét của người khác về nhân vật này mà tôi nghe được không làm tôi hài lòng. Họ cũng chỉ biết về Lê Duẩn trong vai trò người chỉ huy, người lãnh đạo, về một số công việc Lê Duẩn đã làm trong miền Nam. Rất ít người được biết Lê Duẩn trong đời thường. Mà con người trong đời thường bao giờ cũng thật hơn, đúng hơn, giống họ hơn là khi ta nhìn họ trong trạng thái trưng diễn.

Tôi chỉ là một nhà báo quèn, tính theo bậc lương . Trong nấc thang đánh giá cán bộ theo mức độ tin tưởng của Đảng thì địa vị của tôi còn tệ hơn - tôi ở bậc cuối cùng. Trong số rất ít phóng viên được thoải mái ra vào cung đình có lẽ chỉ có Thép Mới<sup>1</sup> là người gần Lê Duẩn hơn cả. Điều đáng chú ý là trong kháng chiến chống Pháp anh cũng là người được Trường Chinh sủng ái. Các nhà lãnh đạo Việt Nam vốn có thói quen không dùng đệ tử của người tiền nhiệm, thế mà Lê Duẩn vẫn tiếp tục sử dụng Thép Mới, mới lạ. Đủ hiểu anh được Lê Duẩn tín nhiệm đến thế nào. Còn tại sao anh lại được hưởng cái vinh dự ấy thì không ai biết. Sau chiến thắng năm 1975 Lê Duẩn dành riêng cho anh cái vinh dự không ai có được là chấp bút cho tổng bí thư viết cuốn Thời Thắng Mỹ. Đó là bản anh hùng ca xưng tụng vị tổng bí thư anh minh một mình một ngựa lãnh đạo cuộc kháng chiến tới ngày toàn thắng. Hình ảnh Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh trong cuốn sách nhập nhòa như mây cợn tầm gửi.

Cuốn sách gây ra nhiều tranh cãi. Nó bóp méo lịch sử. Những cán bộ tuyên giáo nói: đó là quan điểm của Đảng đối với toàn bộ cuộc kháng chiến chống Mỹ. Những người nhưng đó là cuộc tranh cãi trong bóng tối, không ồn ào. Người Việt Nam khôn. Không ai dại gì để cho công an biết những ý nghĩ của họ.

Những người gần gũi và hiểu Lê Duẩn nói với tôi rằng bệnh “kiêu ngạo cộng sản” trong con người Lê Duẩn đã có ngay từ khi Lê Duẩn bước lên địa vị lãnh đạo tại miền Nam. Cộng với bệnh “kiêu ngạo cộng sản” là bệnh độc đoán, coi thường quần chúng. Nói “kiêu ngạo cộng sản” là cách nói sang, áp dụng cho các nhà lãnh đạo. Chứ trong đời thường, đó chẳng qua là tính cách anh chị của một “bố già”, trùm băng.

---

<sup>1</sup> Thép Mới, tên thật Hà Văn Lộc (1925-1991), nhà báo, nhà văn, làm việc trong những tờ báo của Đảng Cờ Giải Phóng, Cứu Quốc , Nhân Dân. .

Song song với Thời Thắng Mỹ, phải kể cuốn Đại Thắng Mùa Xuân của đại tướng Văn Tiến Dũng<sup>1</sup> do Hồng Hà, em ruột Thép Mới, về sau này làm tổng biên tập báo Nhân dân, chấp bút. Nếu như Thời Thắng Mỹ được ca tụng như một tuyệt tác chính trị thì Đại Thắng Mùa Xuân bị phê phán khá gay gắt tuy nó cũng chẳng khác gì Thời Thắng Mỹ ở chỗ tác giả cũng tự bốc thơm một cách không giấu giếm. Văn Tiến Dũng quên một điều sơ đẳng: cái Lê Duẩn làm được thì Văn Tiến Dũng, dù có là đại tướng, không được phép làm.

Hồi ký Những Năm Tháng Quyết Định của đại tướng Hoàng Văn Thái<sup>2</sup> được người đọc đánh giá là khá nghiêm túc và có phần nào khoa học. Vì nghiêm túc, nó chìm trong im lặng. Tôi không được đọc cuốn này. Ở Sài Gòn, trừ những cuốn sách của các lãnh tụ bắt buộc phải bày trong tủ kính, các cửa hiệu sách chỉ bày các sách bán chạy.

Vai trò nhân dân được nhắc đến nhiều hơn cả trong cuốn Kết Thúc 30 Năm Chiến Tranh của thượng tướng Trần Văn Trà<sup>3</sup>. Những sĩ quan có mặt trong suốt cuộc chiến cho nó là cuốn sách chân thực nhất, đúng với nghĩa hồi ký, trong đó tác giả muốn nhìn lại và khách quan đánh giá các sự kiện chứ không phải muốn khoe mẽ. Kết Thúc 30 Năm Chiến Tranh<sup>4</sup> vừa được in ra ở Sài Gòn đã bị Lê Đức Thọ gọi điện vào ra lệnh thu hồi và cấm lưu hành.

Tôi kể về mấy cuốn sách để nói rằng sau chiến tranh mọi sự không êm đềm trong ngôi nhà người chiến thắng. Bên ly rượu liên hoan đã có những nụ cười gượng gạo che giấu những cặn đắng trong tim.

Tôi gặp thượng tướng Trà tại nhà riêng của ông ở đường Pasteur, chính vào giai đoạn cuốn sách của ông bị coi là "có vấn đề". Cũng vào hồi này viên tư lệnh nổi tiếng trong trận đánh chiếm Sài Gòn đang cùng các ông Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng dùng Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ đấu tranh cho đổi mới, đòi mở rộng tự do dân chủ. Người thấp, mảnh khảnh, nụ cười hiền, ông khoe với tôi thứ cổ quý ở sân nhà ông - cổ Hàn Quốc, rất thấp, mọc đều tăm tắp, lá nhỏ li ti. Ngôi nhà, nghe nói là của một được sĩ bô chạy trong những ngày tháng 4. 1975. "Mình ở nhở thôi – ông nói – chủ nhà về thì trả lại họ". Ông đòi tôi kể cho ông nghe về vụ án "nhóm xét lại chống Đảng". Tôi kể qua loa, rất vắn tắt. Tôi đã

<sup>1</sup> Văn Tiến Dũng (1917-2002), đảng viên cộng sản từ năm 1936, có thời kỳ bị Trường Chinh ngờ vực không cho sinh hoạt, một sự khai trừ không chính thức, nhưng ông vẫn tiếp tục hoạt động, gây dựng được nhiều cơ sở đảng. Từng giữ các chức vụ cục trưởng Cục Chính trị, phó bí thư Quân uỷ trung ương, Tổng tham mưu trưởng, đại tướng QĐNDVN.

<sup>2</sup> Hoàng Văn Thái, tên thật Hoàng Văn Xiêm (1915-1986), Tổng tham mưu trưởng đầu tiên của QĐNDVN, từng là tham mưu trưởng chiến dịch Biên giới, chủ nhiệm Cục Quân huấn, Tư lệnh Quân Giải phóng Miền Nam Việt Nam, phó bí thư Trung ương cục miền Nam.

<sup>3</sup> Trần Văn Trà, tên thật Nguyễn Chấn (1919-1996), từng giữ nhiều chức vụ lãnh đạo ở miền Nam, tập kết ra Bắc làm phó Tổng tham mưu trưởng QĐNDVN, một trong những tướng lĩnh chủ chốt tham gia chiến tranh Đông Dương lần II, năm 1975 là chủ tịch uỷ ban quân quản Sài Gòn.

<sup>4</sup> Hồi ký của tướng Trà gồm nhiều tập, nhưng mới in tới tập 5 (cuốn 1) thì bị thu hồi.

ngán kể về nó. Hồi ở R<sup>1</sup>, ông nói, ông có nghe nói về một vụ “xử lý nội bộ” nào đó, khi ấy ông đang bận tổ chức đường dây trên biển để chuyển vũ khí vào Nam nên ông không chú ý, ai ngờ sự việc lại trầm trọng đến thế. Ông nghe chăm chú, vẻ mặt đăm chiêu. Được nhà báo Thái Hồng và tướng Tô Ký<sup>2</sup> giới thiệu trước về tôi, cho nên ông không có thái độ dè chừng, là thái độ thường có trong cuộc gặp gỡ giữa hai người không quen biết, nhất là vào thời gian ấy.

Cuộc gặp gỡ để lại trong tôi ấn tượng dẽ chịu – có vẻ Trần Văn Trà là nhà lãnh đạo mà những người cộng sản cấp tiến muốn có. Ông biết nghe, biết tranh luận bình đẳng, biết rút lui ý kiến trước lẽ phải. Tiếc thay, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ lại không ưa Trần Văn Trà, cũng như đối với những người bỗng dưng nổi bật trong những tình huống không được dự kiến, Đối với những kẻ không được lòng tập đoàn Duẩn-Thọ, cách thông thường được áp dụng là cho những người như thế giữ một chức vụ làm vì, nói nôm là ngồi chơi xơi nước.

Trong ngôn từ báo chí phương Tây người ta dùng “bức màn sắt” để chỉ Liên Xô, nước cái gì cũng là bí mật đối với thế giới bên ngoài. Sau “bức màn sắt” đến “bức màn tre”, để chỉ mấy nước cộng sản châu Á. Người ta không hề biết rằng ngay tại các nước đó, “bức màn tre” không chỉ dành cho người phương Tây mà cho chính người nước đó. Đảng có thể giết người ở một nhà, mà hàng xóm nhà ấy không biết.

Tướng Trà mời tôi tới nhà với ý định rủ tôi cùng làm tờ Truyền Thống Kháng Chiến, tờ báo của Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ. Ông không biết tôi trước đó, vậy thì chắc ý kiến này cũng lại là của nhà báo Thái Hồng và tướng Tô Ký. Tôi từ chối. Tôi nói tôi không sợ, nhưng tôi không tin những tiếng nói trung thực sẽ được Trung ương Đảng lắng nghe. Điều tôi tin chắc là rồi tờ báo sẽ bị đóng cửa, không nay thì mai, và những người làm báo không thể tránh khỏi bị khủng bố. Tôi mong ông tiên liệu chuyện này. Tướng Trà cho rằng cái nhìn của tôi đen tối, chứ bây giờ tình hình đã khác, bây giờ Đảng đã thấy cần thiết phải có sự góp ý với Đảng của nhiều người, nhằm nhanh chóng xây dựng lại đất nước. Chúng tôi tranh luận chút ít bên bàn trà rồi chia tay, mỗi người giữ ý của mình. Tướng Trà bảo dù sao thì tôi cũng nên tới trụ sở Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ để gặp anh em, nếu không đứng trong tờ báo thì cũng góp ý kiến. Tôi đã đến, nhưng tôi giữ ý kiến của mình.

Những chuyện xảy ra sau đó chứng tỏ cái nhìn không lạc quan của tôi là đúng. Tờ Truyền Thống Kháng Chiến bị cấm, những người chủ trương tờ báo bị làm khó dễ, thậm chí có người bị bắt. Nhiều năm sau chính tướng Trà lại lên án tờ Truyền Thống Kháng Chiến mà ông từng khuyến khích mọi người làm. Tôi không hiểu sao ông lại hành xử như vậy. Việc này, dù ông có phải làm trong tình thế bị ép buộc đi chăng nữa cũng làm vấy bẩn rất nhiều danh tiếng về một con người trung thực mà ông có.

Tôi có gặp lại Thép Mới vài lần sau khi anh rời miền Bắc vào sống hẳn trong Sài Gòn, khoảng cuối những năm 80. Nghe nhiều người chê Thời Thắng Mỹ về sự không trung thực, tôi hỏi anh nghĩ gì về dư

<sup>1</sup> Đọc là Rờ, gọi tắt hậu cứ của các lực lượng vũ trang cộng sản nơi chiến trường miền Nam.

<sup>2</sup> Tô Ký (1919-1999), thiếu tướng QĐNDVN, nổi tiếng là một viên chỉ huy gan dạ, rất yêu thương binh lính dưới quyền.

luận đó. Đang vui chuyện, Thép Mới quay ra nhìn tôi như nhìn một thằng bới móc. Sau khi tin rằng tôi không có ý xấu, Thép Mới vui vẻ trở lại, anh mỉm cười bối rối: “Cậu chưa viết theo com-măng<sup>1</sup> bao giờ à?”. Rõ ràng là với tôi, và cũng chỉ khi có hai người với nhau, anh không muốn thừa nhận đứa con tinh thần đã trót dại để ra.

Thép Mới từng là một nhà báo tài ba. Tôi đọc bản dịch tuyệt hay cuốn Thời Gian Ứng Hộ Chúng Ta của Ilya Erenburg do Thép Mới dịch trong mấy năm đầu kháng chiến chống Pháp. Chúng tôi, những người lính trẻ, coi Thép Mới như thần tượng. Tôi quen Thép Mới từ những ngày đó. Năm 1956 chúng tôi gặp lại nhau tại Moskva. To béo hơn trước, không còn vẻ ngượng ngùng khi hỏi người khác về văn phong của mình, Thép Mới hỏi tôi có đọc mấy bài báo anh mới viết hay không. Tôi nói mấy lời chung chung rồi lảng sang chuyện khác. Tôi không tiện nói với anh về cảm giác của tôi - những bài báo của Thép Mới mỗi ngày một ồn ào những câu chữ sáo rỗng. Thép của anh rồi. Thép Mới cho tôi biết anh vừa cưới vợ. Vợ anh hóa ra là một bạn gái thời học trò của tôi. Chúng tôi uống rượu mừng anh lấy vợ ngay trong phòng anh tại khách sạn Belgrad.

Ba mươi năm sau, anh già xom, mắt mờ, má chảy xệ, đã bỏ người vợ anh lấy hồi ấy, đã lấy vợ mới, nhưng chẳng còn gì để khoe. Vợ anh kể cho tôi nghe câu chuyện buồn vì sao họ bỏ nhau. Số là trong khi Thép Mới đi vào Nam (trong chiến tranh), thì Hoàng Tùng đến thăm vợ anh, toan cưỡng hiếp. Vợ anh chống lại, tống con dê già ra khỏi cửa. Khi Thép Mới trở về, nghe vợ mách, anh đã không nổi giận thì chớ, còn mắng vợ: “Cô không được phép nói chuyện này với bất cứ ai. Bôi xấu thủ trưởng của tôi cũng tức là bêu xấu Đảng. Im ngay!”.

Kể cũng nên nói vài dòng ở đây về cái sự phỏng vấn lãnh tụ. Thường thì chẳng có báo nào tự dung phỏng vấn các vị ấy cả. Nếu Ban tuyên giáo thấy có nhu cầu quảng bá ý kiến của nhà lãnh đạo Đảng về một vấn đề nào đó thì văn phòng lãnh tụ tự sáng tác ra một bài phỏng vấn rồi gửi nó cho báo Đảng. Các báo khác sẽ đăng lại bài này. Còn khi có một phóng viên nước ngoài xin phỏng vấn thì anh ta sẽ được mời tới gặp lãnh tụ, hai bên uống trà, nói chuyện tầm phào một lát, chụp một bức ảnh chung, anh ta để những câu phỏng vấn lại, những câu trả lời anh ta sẽ nhận được sau. Những bài phỏng vấn của Winfred Burchet<sup>2</sup> gửi đi từ Hà Nội trong những năm chiến tranh được chế tạo đúng như thế. Trong khi chờ đợi, Burchet tối tối đi uống rượu mời của các nhà lãnh đạo văn hoá ở khách sạn Métropole hoặc Splendid (nay tên là Hòa bình), hoặc đi ăn chim quay với Nguyễn Tuân ở phố Tạ Hiện. Bài phỏng vấn rồi được gửi đi bằng télex của Việt Nam Thông tấn xã, không phải trả tiền. Tôi có gặp

<sup>1</sup> Đơn đặt hàng (commande, tiếng Pháp).

<sup>2</sup> Winfred Burchet (1911-1983), nhà báo người Úc, bị nghi là làm việc cho KGB (Liên Xô), sống lưu vong ở Bulgaria cho đến lúc chết. Burchet thường viết phóng sự cho nhiều báo cộng sản và thiên tả ở phương Tây, rất được giới lãnh đạo Trung Quốc, Việt Nam ưu ái, quan điểm mao-ít.

Winfred Burchet ở nhà Nguyễn Tuân. Ông nhận xét về Burchet: “Thằng cha này khôn lăm! Chẳng lập trường cái con mẹ gì đâu”.

Người ta phải thực hiện những bài phỏng vấn như vậy vì sợ các vị lãnh tụ nói ngẫu hứng dễ bị hớ. Đem so bài nói chuyện của Lê Duẩn với cũng bài ấy được đăng trên tờ Nhân dân thì thấy hai bài khác nhau một trời một vực. Tôi được nghe Lê Duẩn vài lần, cảm giác của tôi là chán lắm. Như thể nghe một cán bộ xóm giảng đạo Marx. Bài nói cương giọng bình dân, đôi khi lăng nhăng, lảm cảm, ba vạ đến nỗi người nghe không hiểu Lê Duẩn định nói cái gì, thế nhưng bài đăng báo thì khác hẳn: một bài viết đặc giọng hàn lâm, theo kiểu các lãnh tụ các nước xã hội chủ nghĩa, với rất nhiều trích dẫn các nhà kinh điển chủ nghĩa Marx. Sau mới biết những viên thư ký của lãnh tụ là tác giả.

Theo lời kể của những người biết gốc gác đương kim tổng bí thư thì Lê Duẩn quê ở Triệu Phong, Quảng Trị, con một gia đình khá giả. Lê Duẩn đã học qua bậc tiểu học, có hồi làm đường sắt, giữ chân bẻ ghi, những người tông bốc gọi là thư ký hỏa xa. Cũng theo họ, từ nhỏ ông tỏ ra có tư chất thông minh. Thông minh như thế nào thì họ dẫn ra nhiều chuyện làm bằng, tiếc thay, những bằng chứng ấy lại không chứng tỏ một hệ số thông minh cao đáng kể. Đàm phải mở một cái ngoặc đơn để nói rằng người Việt ta thường hay lầm lẫn hai khái niệm thông minh và lú cá. Chúng có ranh giới khá nhòe nhoẹt. Người thông minh thường không làm nổi cái mà kẻ lú cá làm được. Ngược lại, tên lú cá có gắng mấy cũng không nghĩ ra cái mà bộ óc thông minh có.

Được trực tiếp gặp gỡ các nhà cách mạng Việt Nam, được quan sát họ ở khoảng cách gần, tôi hiểu họ là ai. Phần nhiều họ là những người yêu nước, xuất thân từ những tầng lớp trung lưu và dưới trung lưu, do ý thức được thân phận nô lệ mà theo chân các nghĩa sĩ Cần vương, Đông kinh Nghĩa thục và sau khi những phong trào phục hồi nền quân chủ thất bại thì họ theo những người cách mạng lớp đàn em có xu hướng chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa cộng sản. Nói riêng những người sau này là đảng viên cộng sản thì trước khi vào Đảng cộng sản, họ là thành viên của các tổ chức Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội, Tân Việt cách mạng đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Mang danh là những tổ chức cộng sản, những thành viên của các tổ chức này không hề biết đến chủ nghĩa Marx. Họ gia nhập tổ chức chỉ vì muốn chống thực dân, giành lại nền độc lập cho xứ sở. Điều này có thể giải thích được. Phần lớn họ thuộc tầng lớp trung lưu thành thạo, kiến thức học đường chỉ gồm một chút chữ Hán, một chút quốc ngữ, cả hai chút này không đủ dùng cho sự tiếp cận triết học phương Tây, mà chủ nghĩa Marx lại bắt nguồn từ đó, với phép biện chứng của Hegel làm cơ sở. Những tác phẩm chính bản của Marx và Engels chưa từng tới Việt Nam trong thời kỳ thuộc Pháp. Những người có học nhất trong những nhà được gọi là mác-xít ở Việt Nam chỉ được tiếp xúc với chủ nghĩa Marx qua những cuốn giáo trình nhập môn. Lác đác có vài người được đọc dăm ba cuốn khảo cứu nghiêm túc bằng tiếng Pháp. Trường Chinh là một trong những người hiếm hoi đó.

Chủ nghĩa Marx thường được nói tới ở Việt Nam thực chất là chủ nghĩa Lênin, hay là chủ nghĩa Marx theo cách diễn dịch của Lênin, tước bỏ phần khoa học (nghiên cứu về hàng hóa trong chủ nghĩa tư bản, về giá trị và giá trị thặng dư), nhấn mạnh khía cạnh cách mạng bạo lực, đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản. Những khía cạnh này không được Đảng nói tới trong các tài liệu tuyên truyền

trong thời kỳ bí mật. Điều này dễ hiểu. Vào thời kỳ đó Đảng chỉ nói nhiều tới đấu tranh phản đế, giành độc lập. Cướp được chính quyền rồi, thiết lập nhà nước Cộng hòa Dân chủ rồi, bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp rồi người ta cũng chưa nói tới nó. Chỉ sau khi đã ăn sống nuốt tươi chủ nghĩa Mao người ta mới nhấn mạnh đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản, coi đó là những tín điều của Kinh Thánh mác-xít.

Chủ nghĩa Lênin là do Stalin đặt ra, từ leninisme là do Stalin dùng đầu tiên, để trình bày không phải tư tưởng của Marx về thủ tiêu chủ nghĩa tư bản và xây dựng xã hội cộng sản, mà là quan điểm của Stalin về những vấn đề này, cho nên gọi là chủ nghĩa Stalin mới đúng. Những nhà nghiên cứu chủ nghĩa Marx ở Việt Nam chỉ được tiếp xúc với những ấn phẩm do Liên Xô cung cấp. Những trước tác thời Marx trẻ không được biết đến. Nguyên do là chúng không được giới học giả Liên Xô quan tâm, hoặc giả họ biết đấy nhưng không dám nêu lên những luận điểm yêu tự do ngỗ ngược của Marx, là những cái không hợp ý Stalin. Hậu quả là những nhà nghiên cứu đàn em ở Việt Nam không có sách để đọc. Trong Marx có hai con người, Marx trẻ và Marx già. Marx trẻ là người dân chủ và thực tiễn, Marx già thiên về tư biện, mà là tư biện khiêm cưỡng, ý muốn thuyết phục đi trước sự lý giải cần có. Trong Marx có những mục tiêu nhân bản khiến nó lôi cuốn được nhiều người, kể cả những học giả tiếng tăm ở phương Tây.

Cả hai cái đó - chủ nghĩa Marx và chủ nghĩa Lênin hiểu đúng và hiểu không đúng, đều không phải là chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam. Ở Việt Nam có một chủ nghĩa cộng sản không dính dáng gì tới Marx hoặc Lênin hết. Nó là chủ nghĩa cộng sản bình dân. Nó kêu gọi đấu tranh cho một xã hội không có người bóc lột người, một cuộc sống tự do, công bằng và hạnh phúc, một địa cầu không biên giới. Nội dung của nó là như thế, không hơn không kém.

Đó chính là chủ nghĩa cộng sản mà cha mẹ tôi theo, là cái mà cha mẹ tôi muốn trao lại cho chúng tôi. Đó là một ước mơ, đến nay thì thấy nó là viển vông, là huyền hoặc, nhưng lúc đó mọi người đều tin rằng nó có thể trở thành hiện thực. Ước mơ ấy sẽ mãi mãi còn lại với loài người. Chính chủ nghĩa Marx dung tục và thô thiển, mà nội hàm của nó là ước mơ nọ, chứ không phải chủ nghĩa Marx hàn lâm hoặc chủ nghĩa Marx cường đạo, đã kéo những người Việt Nam khốn khổ đi với nó để dựa vào nó mà tự giải phóng khỏi thân phận nô lệ. Hấp lực của nó vô cùng mạnh mẽ. Vào thời cha mẹ tôi rất nhiều người cách mạng tự hào nhận mình là cộng sản. Chính sự lầm lẫn này về sau đã sinh ra một nghịch lý: những người cộng sản thường tỏ ra là những chiến sĩ tài ba khi họ ít được học chủ nghĩa Marx, suy nghĩ như những người bình thường, còn khi bập bõm chủ nghĩa Marx rồi thì họ lại sa vào hết sai lầm này tới sai lầm khác.

Giữa hai con tôi đôi khi cũng có những cuộc trò chuyện về lý thuyết cách mạng. Cha tôi bộc bạch rằng trong công tác bí mật bề bộn, vừa phải lẩn trốn địch vừa vận động quần chúng, tổ chức và chắp nối các cơ sở cách mạng (là công việc chính trong hoạt động của ông), ông chưa bao giờ có thời giờ đọc hết một tác phẩm nào của Marx hoặc Engels. Ông chỉ bắt đầu đọc Marx sau khi hòa bình lập lại, gần một phần tư thế kỷ sau khi vào Đảng cộng sản. Đọc một cách vất vả. "Những cuốn sách quá khó hiểu đối với bố, ông nói. Bố ít học, lại không có năng khiếu về triết. Xét cho cùng, bố chỉ có thể là con

kiến thợ của cách mạng mà thôi. Cho nên thế hệ các con có điều kiện để nghiên cứu thì ráng nghiên cứu cho kỹ các lý thuyết xã hội học. Lý thuyết là lý thuyết, nó không bao giờ thay thế được thực tiễn, nhưng không thể bỏ qua không nghiên cứu những gì các thế hệ đi trước nếu không muốn sa vào những sai lầm lẽ ra có thể tránh được”.

Người giảng cho cha tôi nghe về triết học mác-xít là Trần Đức Thảo<sup>1</sup>. Ông đúng là một triết gia, theo hình dung thông thường ở mọi người. Thấp bé, mảnh khảnh, cặp mắt sáng nhưng ngây dại, trông mà không nhìn, ông thường đến ăn cơm với cha tôi, bộ quần áo nhau nát nhiều ngày không giặt và bốc mùi, say xưa nói về những vấn đề thuộc những tầng trời xa lắc. Xong bữa, ông mới chiểu cố bước xuống cõi trần, giải thích cho cha tôi những khái niệm trừu tượng của học thuyết Marx, thỉnh thoảng lại chêm vào những lời bình chướng tai đối với tư tưởng chính thống đang ngự trị trong Đảng cộng sản. Cha tôi chăm chú nghe, chỗ nào chưa hiểu, ông kiên nhẫn hỏi lại. Cha tôi kém hiểu biết, nhưng ông không giáo điều. Ông thường lấy hình ảnh con ngựa nhà đòn, với hai miếng da che mắt, chỉ nhìn thấy một đường để khuyên chúng tôi không được nhìn một chiều, nghe một tiếng.

Tôi hiểu các nhà lãnh đạo qua cha tôi. Phần lớn họ thuộc thế hệ cha tôi, trạc tuổi cha tôi. Họ có tiểu sử na ná như nhau, tất cả đều là những người yêu nước trước khi thành công sản. Trong đám đồng chí của mình, cha tôi thuộc số ít những người tương đối có học, vậy mà ông còn phải thú nhận sự dốt nát của ông về học thuyết cộng sản. Đủ thấy những người kia cũng chẳng hiểu biết hơn ông bao nhiêu, nếu như trời không phú cho họ trí thông minh lớn hơn. Bi kịch xảy ra cho cha tôi bắt nguồn từ đây - do ý thức được sự dốt nát của mình, ông chịu khó đọc, chịu khó học, để rồi kiến thức mà ông thu lượm được cuối cùng lại tách ông khỏi những đồng chí tự thị.

Lê Duẩn sớm tham gia các hoạt động chống Pháp, được các bậc cách mạng đàn anh dùi dắt vào đường cộng sản, có thời đã làm bí thư xứ ủy Trung kỳ, tham gia khởi nghĩa Nam kỳ, từng bị đi đày Côn đảo. Theo nhận xét của các ông Bùi Công Trừng, Ung Văn Khiêm thì Lê Duẩn là người cực đoan về tính cách, phỏng túng trong hành xử. Ngay tại Côn Đảo, nơi những người tù không phân biệt xu hướng phải

<sup>1</sup> Trần Đức Thảo (1917-1993) nhà triết học, từng ở Pháp nhiều năm. Ông tốt nghiệp trường Đại học Cao đẳng Sư phạm phố d'Ulm với luận án *Phương pháp hiện tượng luận ở Husserl*. Năm 1950-1951 xuất bản *Triết học đi về đâu? và Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng*, đánh dấu sự chuyển qua xu hướng mác-xít. Từng giữ chức phó giám đốc Đại học Sư phạm Văn khoa, chủ nhiệm khoa Sử, giáo sư môn lịch sử triết học ở Đại học tổng hợp Hà Nội. Trong khoảng giữa thập niên 50, khi có phong trào "Nhân văn - Giai phẩm", ông đề xướng thuyết "hạt nhân duy lý", bị cấm giảng dạy, nhưng được phép sống vất vưởng trong sự đe nẹt và o ép. Ông qua đời ở Pháp, ngày 19. 4. 1993, di hài được đưa về nước chôn tại nghĩa trang Văn Điển (nghĩa trang dành cho cán bộ và nhân dân, chứ không phải nghĩa trang Mai Dịch dành cho các nhà lãnh đạo và danh nhân). Những kẻ đã hành hạ ông đặt hoa trên mộ ông và tuyên xưng ông là “nhà tư tưởng mác-xít trung thành với chủ nghĩa Mác đến hơi thở cuối cùng”.

nương tựa nhau để chống lại kẻ thù chung, Lê Duẩn không chịu hòa hợp với những người yêu nước không cộng sản khác - những người tò-rốt-kít, những đảng viên Quốc dân đảng.

Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Lê Duẩn còn lâu mới được coi là ngang hàng với những nhân vật nổi tiếng trong phong trào cách mạng miền Nam như Dương Bạch Mai, Trần Văn Giàu, Ung Văn Khiêm, Phạm Văn Bạch,... Những nhà cách mạng trí thức khi ra Hà Nội họp Quốc Hội và tham gia chính phủ đoàn kết dân tộc với tư cách đại diện miền Nam thành đồng bị kẹt lại ở miền Bắc vào thời điểm cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ. Vắng mặt họ, Lê Duẩn mới dần dần từ những chức vụ khiêm tốn bước lên địa vị người lãnh đạo kháng chiến Nam bộ.

Cần phải thừa nhận rằng Lê Duẩn là người lãnh đạo giỏi. Những người bạn miền Nam tập kết của tôi nói về “anh Ba Duẩn” với giọng kính trọng và tự hào. Nhưng niềm tự hào này kéo dài không lâu. Sau khi “anh Ba” trở thành tổng bí thư, ông không làm gì được cho họ hơn là đẩy họ tới những miền hoang vu để khai hoang, lập ra các nông trường, khuyến dụ họ họp thành những tập đoàn sản xuất nhỏ nhoi để tự nuôi thân. Đến lúc ấy thì họ giận dữ. Khi con người nổi giận thì lẽ công bằng không còn nữa. Thay vì ca ngợi, họ nguyên rủa ông. Tôi tin niềm tự hào trước kia của họ hơn những lời nguyên rủa sau này. Lê Duẩn hay bất kỳ ai khác ở địa vị ông đều không thể làm gì hơn cho những người từ miền Nam màu mỡ ra miền Bắc nghèo khổ vừa bước ra khỏi cuộc chiến tranh kéo dài chín năm.

Bằng vào những câu chuyện kể của họ khi họ còn ngưỡng mộ “anh Ba” thì Lê Duẩn là người độc lập trong suy nghĩ, có biệt tài tổ chức, trong chỉ đạo có vẻ chặt chẽ nhưng lại linh hoạt, thoáng đãng mà nghiêm túc. Hồi kháng chiến chống Pháp, mặc dầu ở xa Trung ương, những chủ trương chủ trương của ông đề ra vẫn khớp với chủ trương của Trung ương trong mọi mặt. Người ta sùng bái ông, gọi ông là Cụ Hồ miền Nam.

Thật vậy, trong một số lĩnh vực Lê Duẩn không sao chép những chủ trương của Trung ương Đảng, trong thực tế là của Hồ Chí Minh, Trường Chinh, đóng trong rừng già Việt Bắc. Lê Duẩn làm theo cách của mình. Trong khi miền Bắc nghe theo sự chỉ đạo trực tiếp của các cố vấn Trung Quốc ầm ầm bước vào Cải cách ruộng đất theo hình mẫu Cải cách thổ địa của Trung Quốc thì ở miền Nam Lê Duẩn kiên quyết không cho tiến hành Cải cách ruộng đất, tránh cho cuộc kháng chiến chống Pháp ở miền Nam những tổn thất chắc chắn là rất lớn một khi nó xảy ra. Một sự cưỡng lại cấp trên như thế không thể làm cho tổng bí thư Trường Chinh hài lòng.

Hiệp nghị Genève 1954 chia nước Việt Nam thành hai miền Nam Bắc. Tại Đại hội Đảng lao động Việt Nam lần thứ III năm 1960, trước sự sa sút trầm trọng uy tín của Đảng vì những sai lầm trong Cải cách ruộng đất, và cũng để xoa dịu nỗi bất bình trong quần chúng, chức vụ tổng bí thư do chủ tịch Đảng Hồ Chí Minh tạm kiêm nhiệm một thời gian nay được chính thức trao cho Lê Duẩn<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Từ năm 1956 Trường Chinh đã không còn là tổng bí thư Đảng. Hồ Chí Minh kiêm nhiệm hai chức - chủ tịch Đảng và tổng bí thư. Tân tổng bí thư chỉ được bầu chính thức trong Đại hội III (1960).

Mọi người đều ngạc nhiên trước kết quả của Đại hội.

Trong kháng chiến chống Pháp Võ Nguyên Giáp là nhân vật lãnh đạo đứng hàng thứ ba, chỉ sau có Hồ Chí Minh và Trường Chinh. Trường Chinh ra đi, chức tổng bí thư mặc nhiên phải thuộc về Võ Nguyên Giáp, hoặc chí ít là Phạm Văn Đồng, ai cũng nghĩ như vậy. Nhưng sự đờn lại diễn ra theo cách khác. Theo của những người cộng sản thuộc thế hệ đầu tiên xét đoán thì cả Hồ Chí Minh lẫn Trường Chinh đều lo ngại ông tướng đã có quá nhiều vinh quang sẽ trở nên không dễ bão sau cuộc đảo lộn ngôi thứ. Mà cả Hồ Chí Minh lẫn Trường Chinh đều muốn giữ lại vị trí trước kia của họ về thực chất, cho dù danh nghĩa không còn. Cần phải chọn một người có vị trí và uy tín kém hơn Võ Nguyên Giáp. Do biết ơn người cất nhắc mình, người đó sẽ vừa ngoan ngoãn vừa trung thành. Lê Duẩn thích hợp hơn cả với vai trò đó. Trong điều kiện đất nước chia hai, mà trước mắt là mục tiêu thống nhất đất nước thì đưa một người từng lãnh đạo miền Nam lên làm tổng bí thư cũng là lý do dễ thuyết phục. Tôi tin cách lý giải này hơn là cách lý giải của những người cho rằng Lê Duẩn được chọn vì có thâm niên ở tù cao hơn tướng Giáp.

Đó là may mắn trời cho đối với Lê Duẩn. Theo truyền thống, lãnh tụ suốt đời Trường Chinh sẽ chẳng bao giờ rời khỏi ghế tổng bí thư nếu như không xảy ra những tổn thất rùng rợn chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Không phải những đồng chí nghiêm khắc trong Đảng mà những oan hồn Cải cách ruộng đất đã quật ngã không thương tiếc vị lãnh tụ đứng ở vị trí thứ hai trong Đảng, người mà chân dung đã được treo ở khắp các công sở, trong mọi nhà, được tung hô vạn tuế không kém Hồ Chí Minh là mấy<sup>1</sup>.

Nhưng cũng từ đây Lê Duẩn bắt đầu những sai lầm làm mất đi uy tín đã có trong quần chúng, dù mới chỉ trên một phần đất nước.

Quyền lực là một thứ ma túy cực mạnh. Nó đã thấm vào máu thì con người mất hết tinh túng.

Miền Bắc cho đến khi ấy hoàn toàn nằm trong tay lớp cán bộ do Trường Chinh đào tạo. Tình hình này không thể không làm cho tân tổng bí thư lo ngại. Như một kỹ sĩ bất ngờ phải nhảy lên lưng con ngựa của người khác, Lê Duẩn lúng túng, lo con ngựa sẽ không phục tùng tay cương của chủ mới. Cần phải tìm người tháo gỡ tình hình. Sự lựa chọn rơi vào Sáu Búa Lê Đức Thọ.

Là người miền Bắc, được Trường Chinh cử vào Nam năm 1947 với tư cách ủy viên thường vụ Trung ương Đảng để nắm Trung ương cục miền Nam, nhưng Lê Đức Thọ đã không một lần tranh được chức bí thư miền. Theo các cán bộ cao cấp tập kết nói thì Lê Đức Thọ cũng có lúc hục hặc với Ba Duẩn, nhưng rồi ý thức được thân phận mình trên đất lạ, Lê Đức Thọ lại tìm sự liên minh với Ba Duẩn để trở thành Sáu Búa. Được bầu vào Bộ Chính trị trong Đại hội III, được giao trách nhiệm đọc Báo cáo về sửa đổi Điều lệ Đảng, Lê Đức Thọ từ đó chính thức giữ chức Trưởng ban Ban tổ chức Trung ương (mặc dầu trước đó đã tạm nắm vài năm) thay cho Lê Văn Lương phải ra đi do những sai lầm Chính đốn tổ chức.

---

<sup>1</sup> Hồi ấy đã có một bài hát khá phổ biến, tôi không nhớ tên tác giả, với những lời lẽ như sau: "Sông núi này bừng lên xanh tươi vui đón ngày mai. Ta đón chào tương lai ta vẫy tay chào đồng chí. Ta hoan hô người Anh Cá Trường Chinh, bao năm lo cho đất Việt tự do...".

Cái chuồng ngựa của Lê Văn Lương được Lê Đức Thọ phá bỏ. Thay vào đó là một hệ thống tổ chức hoàn toàn mới.

Hệ thống này không biết do chính Thọ nghĩ ra hay do quân sự nào mách nước, là đứa con lai mang hai dòng máu Gestapo-Stasi và cục Tổ chức Cán bộ của Khang Sinh (Kang Sheng)<sup>1</sup>. Theo nguyên tắc mới của Thọ mọi việc tổ chức và nhân sự nhất nhất phải qua sự kiểm tra của Ban tổ chức Trung ương. Mỗi đảng viên phải làm lại lý lịch, căn cứ vào thành phần xuất thân và quá trình công tác mà được ngành tổ chức đặt vào vị trí này hay vị trí khác. Thậm chí các đại biểu được các cấp bộ đảng bầu ra để đi dự Đại hội Đảng cũng phải trải qua một kỳ kiểm tra ngọt nghèo tư cách đại biểu. Với một quy chế như thế nền dân chủ trong Đảng chỉ là một nền dân chủ bị thiến. Nhưng về mặt khác thì đây thật là một tổ chức hoàn hảo mà bất cứ tên độc tài nào cũng muốn có.

Sự lựa chọn của Lê Duẩn là sáng suốt. Không ai có thể bằng Lê Đức Thọ trong số những người miền Bắc đã nhiều năm làm việc ở miền Nam dưới quyền Duẩn.Thêm nữa, được Lê Duẩn cất nhắc Thọ chắc chắn phải mang ơn Duẩn. Thọ chính là người duy nhất có thể tạo dựng một bộ máy cai trị vững chắc, loại trừ ảnh hưởng của Trường Chinh.

Thọ không phụ lòng tin cậy của đàn anh. Một mặt, dưới sự chỉ đạo của Thọ đội ngũ cán bộ mau chóng được sắp xếp lại theo ý muốn của Lê Duẩn. Những người tỏ ra quá trung thành với Trường Chinh dần dần bị thuyên chuyển khỏi những chức vụ quan trọng, thay chân họ là những đệ tử ruột của Thọ, tức của Duẩn.

Sự cải cách bộ máy quyền lực vô hình trung đã đem lại cho Thọ ảnh hưởng mỗi ngày một lớn, tạo ra một quyền lực nhị trùng trong thực tế. Mặt này là mặt Lê Duẩn không lường trước.

Người ta ví triều đại Lê Duẩn như thời Vua Lê - Chúa Trịnh. Vào những ngày lễ, ngày tết cứ trông số xe cộ đậu trước cung Vua và phủ Chúa mà biết quyền lực thực sự nằm trong tay ai. Mọi quan chức trong Đảng cũng như trong chính quyền (mà hai cái chỉ là một) đều lệ thuộc ngành tổ chức có hệ thống dọc từ Trung ương xuống đến cơ sở. Mọi việc thuyên chuyển, bổ nhiệm, cách chức, nhất nhất đều liên quan tới Ban Tổ chức Trung ương, mà người quyết định tối hậu là Sáu Búa. Cho nên, nếu số xe cộ đến chầu chực trước phủ Chúa có nhiều hơn trước cung Vua cũng là chuyện thường tình.

Lê Duẩn hiểu ra cơ sự khá muộn màng. Vua Lê mới không biết rằng Ban Tổ chức Trung ương, hay phủ Chúa, quyền lực còn lớn hơn vua. Ban Tổ chức Trung ương nhúng tay vào mọi việc lớn nhỏ, sắp đặt mọi quan chức, chỉ đạo các địa phương, nắm đến tận xã<sup>2</sup>. Vì cơ quan tổ chức quan trọng như vậy, cho

<sup>1</sup> (1899-1975), nguyên ủy viên Quốc tế cộng sản, nguyên ủy viên Bộ Chính trị Đảng cộng sản Trung Quốc, phụ trách tổ chức và an ninh, nổi tiếng vì những vụ thanh trùng trong Đảng cộng sản Trung Quốc.

<sup>2</sup> Theo Điều lệ Đảng, Ban Tổ chức Trung ương là cơ quan trông nom công việc tổ chức và nhân sự của Đảng. Đáng chú ý là, Đảng công nhận dân tộc xã hội chủ nghĩa Đức (gọi tắt là Đảng Quốc xã) cũng lập ra một cơ quan tương tự là Gestapo (Geheime Staatspolizei) để bảo vệ Đảng Quốc xã và nhà nước phát-xít. Lúc đầu (1933), Gestapo chỉ là một bộ phận chính trị của nước Cộng hòa Weimar, sau phình to ra với quyền lực vô biên. Mục đích của

nên các vụ trưởng trong Ban Tổ chức Trung ương được Thọ cho ăn lương (của Nhà nước) theo cấp chuyên viên 9, nghĩa là ngang lương bộ trưởng các bộ quan trọng (bộ trưởng các bộ làng nhàng chỉ ăn lương chuyên viên 7, chuyên viên 8). Điều khó hiểu và bất công này dưới bàn tay phù thuỷ của Lê Đức Thọ được cả xã hội ngoan ngoãn coi như lẽ đương nhiên.

Bên dưới Ban tổ chức Trung ương là Bộ Nội Vụ. Nó là bộ máy thực hành trấn phản, được Thọ trao cho đệ tử ruột là Trần Quốc Hoàn. Tôi sẽ nói tới mối quan hệ chủ tớ Thọ - Hoàn vào lúc khác. Nó là một chuyện thú vị, không phải chuyện thọc mạch đời tư, nhờ đó ta thấy cơ cấu băng đảng trong một nhà nước chuyên chế hình thành như thế nào.

Một hôm Hoàng Minh Chính đến chơi nhà Lê Đức Thọ gấp lúc Thọ đang nổi nóng vì một bà vụ trưởng. Bà ta đang vật nài thư ký riêng của Thọ xin gặp Thọ.

- Con mẹ ngu hết chỗ nói! - Thọ bực bội lớn tiếng trong khi tiếp Hoàng Minh Chính - Nó lải nhải suốt, một xin Đảng xét, hai xin Đảng xét. Mẹ kiếp, tao chưa có thời giờ xem lại nhân sự các Bộ, nó đã đâm đơn hết cửa này đến cửa khác. Tao chưa duyệt thì đừng có hòng. Nó phải hiểu Đảng là tao, là tao đây này! Còn đi xin ở chỗ nào nữa?

Bà này, tất nhiên, đã tính sai. Rồi bà ta cũng được làm thứ trưởng “Ba đảm đang”<sup>1</sup>, cũng Hoàng Minh Chính cho biết, sau một cuộc tạ tội đầy nước mắt với “Anh Sáu”.

Những đảng viên kỳ cựu biết bản chất của Thọ, thấy Thọ nắm quá nhiều quyền lực, lại được Lê Duẩn ưu ái, lấy làm lo cho Đảng. Họ đặt mọi hi vọng vào Trường Chinh, hi vọng cựu tổng bí thư sẽ tìm cách ngăn cản sự lộng hành của Thọ.

Nhưng Trường Chinh hoặc không biết âm mưu sâu xa của Thọ, hoặc ý thức được thế yếu của mình trong thực tế, luôn tỏ ra khiêm tốn và nhường nhịn, khép nép đứng kề vào liên minh Duẩn - Thọ như một kẻ thua cuộc biết điều. Chí ít thì người ta cũng không bao giờ thấy ông dám hé hé điều gì có thể làm phật lòng kẻ đang chêm chệ ngồi trên ngôi vị vốn dĩ thuộc về ông.

Cho đến lúc xảy ra vụ xung đột giữa hai đường lối trong phong trào cộng sản quốc tế vị thế của Lê Duẩn đã vững lắm. Nhưng cũng vào thời điểm này Lê Duẩn bắt đầu cảm thấy e ngại những ý kiến bất bình của các đảng viên kỳ cựu đối với cách lãnh đạo tự quyền, phớt lờ những chuẩn mực sinh hoạt dân

Gestapo (cũng như của Ban Tổ chức Trung ương nói trên) là tiêu diệt mọi lực lượng chính trị chống đối nhà nước phát-xít. Ở Liên Xô, cơ quan có chức năng tương tự là KGB (Komitet Gosudarstvennoi Bezopasnosti) với một chút khác biệt: về danh nghĩa nó trực thuộc Hội đồng bộ trưởng, trong thực tế nó thực hiện những mệnh lệnh trực tiếp từ Bộ Chính trị của Đảng, phối hợp chặt chẽ với MVD (Bộ Nội vụ). Sự tương đồng này cho ta thấy cơ cấu nhà nước phát-xít và nhà nước xã hội chủ nghĩa có giống nhau.

<sup>1</sup> Ba đảm đang - phong trào do đảng cộng sản đề xướng, nhằm động viên lực lượng phụ nữ phục vụ chiến tranh.

chủ tối thiểu. Việc Lê Duẩn chống những nghị quyết của Đại Hội XX về thực chất là sự bảo vệ quyền lực độc tôn.

Cần phải chặn đứng trào lưu đòi tự do dân chủ âm ỉ đã được Thọ phát hiện. Khẩu hiệu bảo vệ chủ nghĩa Marx-Lênin là chiêu bài tốt. Nó cho phép Ba Duẩn bóp chết mọi mưu toan phá hủy chế độ độc tài. Nó gìn giữ sự an toàn của ngai vàng. Nhưng không thể trắng trợn theo Bắc Kinh. Để chủ soái vui lòng, các lý thuyết gia nội hóa múa bút tạo nên hệ lý thuyết riêng của Lê Duẩn, gồm mấy điểm chủ chốt: một là, xây dựng chủ nghĩa xã hội dựa trên tinh thần làm chủ tập thể, hai là, tinh thần cách mạng tiến công - tiến công không ngừng, tiến công liên tục, lấn tới từng bước, đánh đổ từng bộ phận của chủ nghĩa đế quốc dựa trên sức mạnh kết hợp của ba dòng thác cách mạng. Với tư cách lý thuyết gia hàng đầu của cách mạng Việt Nam, thái thượng hoàng hụt Trường Chinh cũng ra công giúp rập Lê Duẩn trong mưu toan trở thành một trong những nhà kinh điển mác-xít cấp châu lục trong giai đoạn mới, để chứng minh Lê Duẩn không phải mao-ít.

Trường Chinh tự lột xác hay bị lép vế, là điều đến nay chưa ai hiểu rõ.

Hoàng Minh Chính kể: khi Nikita Khrushov nổ phát súng đầu tiên vào chế độ toàn trị và cá nhân Stalin, vào đầu năm 1956, Trường Chinh còn tỏ ra rất hăng hái ủng hộ cuộc cách tân chủ nghĩa xã hội. “Chủ nghĩa xã hội không thể cùng tồn tại với tệ sùng báy cá nhân. - Trường Chinh nói - Chủ nghĩa xã hội là dân chủ, sùng báy cá nhân là phản dân chủ, hai cái như nước với lửa, chỉ có thể là cái này hoặc cái kia, không thể hai cái cùng một lúc. Đồng chí Khrushov làm thế là phải lầm. Mà dũng cảm lầm”. Quan điểm này Trường Chinh không phải chỉ nói với một Hoàng Minh Chính.

Cũng theo Hoàng Minh Chính thì trong thâm tâm Trường Chinh không hài lòng với sự sùng báy cá nhân Hồ Chí Minh, mà ông ta nhận định là có, tuy ở mức độ không đến nỗi trầm trọng. Còn theo một số người gần gũi Trường Chinh nhiều hơn thì Trường Chinh là người háo danh ghê gớm, nhưng háo danh một cách kín đáo. Ông ta cần chống sùng báy cá nhân Hồ Chí Minh để kiến tạo sùng báy cá nhân mình. Vì lẽ đó ông ta đã tán thành Khrushov.

Nhà báo Trần Đĩnh có thời gian giúp việc Trường Chinh cho rằng đặc điểm nổi bật trong con người Trường Chinh là chủ nghĩa giáo điều, kinh viện. Chủ nghĩa xét lại (hiện đại hay không hiện đại là chuyện tầm phào, chuyện ngôn từ khẩu chiến lăng nhăng của đám mao-ít) chưa đủ vững chắc để trở thành giáo điều mới, cho nên Trường Chinh dễ dàng bỏ nó để chạy theo những lợi ích thực dụng. Tôi nghĩ rằng nhận xét của anh gần với sự thật.

Trong thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp kiến thức về chủ nghĩa Marx của tôi, cũng như của nhiều anh em khác, chỉ gói tròn trong một mớ chắp vá từ những cuốn triết học nhập môn của Pulitzer, Trần Văn Giàu, Đào Duy Anh<sup>1</sup> (Hình nhi thương học và Hình nhi hạ học). Ngoài ra, có hai trước tác cũng

<sup>1</sup> Đào Duy Anh (1904-1988) nhà nghiên cứu văn hóa, văn học dân gian, nhà sử học, nhà từ điển học nổi tiếng.

được kể như sách gối đầu giường là cuốn Chủ Nghĩa Marx và Vấn Đề Văn Hóa Việt Nam và cuốn Trường Kỳ Kháng Chiến Nhất Định Thắng Lợi<sup>1</sup> của Trường Chinh.

Vào thời kỳ này sách rất hiếm, dùng sách phải rất cẩn thận - chỉ cần sơ ý một chút là những trang giấy bẩn mủn ngay ra trên tay. Nếu chẳng may nhà in đóng thiếu vài trang thì chúng tôi, những kẻ ham đọc, phải cần mẫn chép tay những trang thiếu để dán bù vào cho đủ. Tôi đã chép không biết bao nhiêu trang sách trong thời kỳ đó.

Về sau này, khoảng đầu thập niên 50, tôi tình cờ vớ được cuốn Chủ Nghĩa Cộng Sản Và Công Cuộc Phục Hưng Nền Văn Hóa Pháp của Roger Garaudy (1945). Đọc xong tôi mới ngã ngửa ra rằng ông Trường Chinh đáng kính của tôi đã làm một bản sao tuyệt vời của cuốn này trong trước tác Chủ Nghĩa Marx và Vấn Đề Văn Hóa Việt Nam, được ca tụng như một văn kiện có tính chất cương lĩnh. Bố cục cuốn sách gần như giữ nguyên, thậm chí Trường Chinh trích dẫn đúng những đoạn mà Roger Garaudy<sup>2</sup> trích dẫn Marx, Engels, và cả Jean Fréville<sup>3</sup>. Tiếp đó là sự phát hiện đáng buồn của tôi về cuốn Trường Kỳ Kháng Chiến Nhất Định Thắng Lợi. Nó quá giống cuốn Trì Cửu Chiến Luận (Bàn về đánh lâu dài) của Mao Trạch Đông, trừ đoạn mở đầu rất đẹp, là một áng văn hay. Tôi vẫn chịu ơn ông Trường Chinh về những gì tôi đã học được trong hai cuốn sách của ông, đặc biệt về văn chính luận. Cách hành văn của Trường Chinh không những đẹp mà còn trong sáng, dễ hiểu. Còn chuyện như thế có phải đạo văn hay không lại là chuyện khác. Nguyễn Du lấy cốt Đoạn Trường Tân Thanh mà làm ra Kiều, nhưng không phải vì thế mà người ta coi Kiều là tác phẩm đạo văn.

Nếu hai tác phẩm của Trường Chinh là đạo văn thì cuốn Sửa Đổi Lề Lối Làm Việc của ông Hồ Chí Minh cũng là đạo văn nốt. Nó là bản diễn nôm cuốn Cảnh Đốn Văn Phong của Mao Trạch Đông cộng một chút Sự Tu Dưỡng Của Người Đảng Viên Cộng Sản của Lưu Thiếu Kỳ.

<sup>1</sup> Tháng 7 năm 1948 tại Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ II, Trường Chinh đọc bản báo cáo nổi tiếng: Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam. Cuốn Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi ra đời vào giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.

<sup>2</sup> Roger Garaudy (1913) lý thuyết gia mác-xít của ĐCS Pháp, tác giả khoảng 50 đầu sách về chủ nghĩa Marx và về tôn giáo, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị đảng cộng sản Pháp. Cuốn Le Marxisme et la Renaissance de la culture Francaise ở Việt Nam ít người được đọc (Edit, Sociale 1946). Trong thập niên 60 Roger Garaudy dùng dùng tuyên bố sáng tác phải tự do, không cần đến Chủ nghĩa Hiện thực Xã hội chủ nghĩa (Chủ nghĩa hiện thực Không kiềm tỏa (Realisme Sans Rivage) bị các giới chức văn hóa Việt Nam lên án dữ dội, coi như một thứ hoa độc trong văn học.

<sup>3</sup> Jean Fréville, nhà phê bình văn học của tờ Humanité (Nhân Đạo, cơ quan ngôn luận của ĐCS Pháp), một trong những chủ biên của tờ này.

Hình như khi mình chưa đủ sức tự làm lấy thì bắt chước người không phải là xấu. Học giả Nguyễn Văn Ngọc<sup>1</sup> khi viết bài: "Tính hay bắt chước của người mình" cũng chỉ mới phàn nàn thôi, chứ cũng không có ý lên án. Tệ nhất là cái khác, như danh họa Picasso nói: "Bắt chước không xấu, tự bắt chước mới là xấu".

Đáng buồn là sau này, khi Đảng cộng sản Việt Nam bớt bắt chước người ngoài thì lại sa vào thói quen tự bắt chước, mà lại tự bắt chước rặt những cái không ra gì.

Tôi đã đi lan man khỏi chủ đề.

Một câu hỏi khác được đặt ra là: vậy thì, trong tình hình vị thế của Lê Duẩn đã vững vàng như thế, ông ta cần gì phải trấn áp những người có ý kiến ngược?

Anh Phùng Mỹ, cán bộ Viện Triết học, trong khi bị giam chung cùng với tôi tại trại Tân Lập (Phú Thọ), cho rằng chúng tôi chẳng qua là vật hiến tế của Lê Duẩn dâng lên ban thờ Mao Trạch Đông. Theo anh phân tích thì đến lúc ấy đường lối chính chuyên với hai chồng cùng một lúc đã hết thời của nó, chẳng còn lừa được ai. Vì thế ban lãnh đạo Đảng quyết định bắt chúng tôi để chứng tỏ Việt Nam tuy có đường lối đối ngoại độc lập, nhưng về căn bản họ vẫn trung thành với đường lối Mao, vừa với tầm kiến thức của họ. Việc làm này vừa có tác dụng xoa dịu Mao, vừa là sự làm minh làm mẩy trước Liên Xô.

Tôi thật sự không biết việc bắt chúng tôi có phải mang ý nghĩa ấy không. Cả hồi đó, cả sau này.

Trong chuyện đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam, với tất cả sự rối rắm làm nhiều người hiểu theo nhiều cách khác nhau, tôi nhớ tới nhận xét của anh bạn tôi, nhà báo Liên Xô Evgeni Kobelev, vào giữa thập niên 60: "Lê Duẩn tỏ ra thân Liên Xô nhiều quá là không có lợi cho Việt Nam đang chống Mỹ, cho nên phải làm bộ thân Trung Quốc". Tôi cười, không buồn tranh luận với Kobelev. Anh ta cho rằng cái sự thân Trung Quốc chỉ là bề mặt, chứ đảng Việt Nam vẫn đồng tình với đường lối của Liên Xô sau Đại Hội XX. Trong thời kỳ này Kobelev đang viết cuốn Bông Sen Việt Nam ca ngợi chủ tịch Hồ Chí Minh, anh được các nhà lãnh đạo Việt Nam ưu ái, anh có nhầm về họ cũng không đáng ngạc nhiên. Cũng có cái nhìn sai lạc tương tự Kobelev, một nhân viên KGB ở Việt Nam báo cáo về cho ban lãnh đạo Đảng cộng sản Liên Xô rằng "đường như có một âm mưu đảo chính bất thành vừa xảy ra tại Hà Nội", tức là nhân viên này chẳng biết quái gì về những việc đang xảy ra.

Báo cáo của nhân viên KGB chỉ chứng tỏ Liên Xô không hề nhúng tay vào chuyện âm mưu đảo chính, như Lê Đức Thọ vu cáo. Về bản báo cáo nọ của KGB tôi chỉ được biết vào năm 1993, do chị Inna Malkhanova, một nhà Việt Nam học người Nga kể lại. Chị được nghe nội dung bản báo cáo nói trên

<sup>1</sup> (1890 - 1942) tác giả nhiều sách giáo khoa, sách giới thiệu văn học dân gian và văn học cổ Việt Nam, Trung Quốc.

vào năm 1968, được đọc nguyên bản năm 1991, khi Liên Xô sụp đổ và chỉ có điều kiện tiếp cận một phần những tư liệu mật và tối mật của Đảng và Nhà nước xô-viết.

Trong thực tế, theo tôi, cuộc đấu tranh về quan điểm, đường lối mang tính chất dung túc, tính chất đồi thường hơn người ta nghĩ. Trong nỗi lo lắng về quyền lực của Lê Duẩn, Võ Nguyên Giáp lồ lộ như một hiểm họa. Chính vì thế mà Lê Duẩn và Lê Đức Thọ bao giờ cũng nhất quán trong mục tiêu hạ uy thế tướng Giáp. Cả hai hiểu rất rõ rằng vị trí cao nhất trong Đảng lẽ ra phải thuộc tướng Giáp, chứ không thuộc về họ và tướng Giáp là người bất cứ lúc nào cũng có thể thay thế họ một khi họ trượt chân.

Trong cách tính toán của Duẩn - Thọ có sự đánh giá quá cao đối thủ!

Họ quá lo sợ trước uy tín của tướng Giáp trong quân đội. Họ quá lo sợ trước vầng hào quang người chiến thắng Điện Biên trong dân chúng. Tôi thay, trên thực tế tướng Giáp không phải là đối thủ của cả Lê Duẩn và Lê Đức Thọ mưu lược. Chiến lược đánh lui từng bước, đánh đổ từng bộ phận của Lê Duẩn chưa kịp đem ra dùng cho tướng Giáp thì tướng Giáp đã cài số lùi rồi.

Tôi đã nói tới chuyện nhà cầm quyền e dè trí thức như thế nào. Đúng là trong thời gian này trí thức có hướng về Võ Nguyên Giáp thật. Người ta tin tưởng Giáp, bởi vì ông đã từng là “giáo sư trường Thăng Long”, chẳng gì cũng là trí thức, là người có học, chứ không phải loại dùi đục chấm mắm cáy.

Nhưng tướng Giáp lại chẳng phải như người ta nghĩ.

Ông đã phụ lòng tin của trí thức. Thậm chí khi đòn chuyên chính vô sản giáng xuống những người thân cận của ông, những chiến hữu của ông, ông đã không dám hé răng lấy một lời, mà chỉ ngoan ngoãn né qua một bên, mặc cho Lê Duẩn và Lê Đức Thọ muốn làm gì thì làm. Như một kẻ vô can, ông lặng lặng khoanh tay nhìn cuộc khủng bố trắng diễn ra trước mắt.

Bây giờ thì ai cũng biết những người bị bắt trong vụ “nhóm xét lại chống Đảng” không hề có liên quan gì với tướng Giáp trong bất cứ mưu mô nào.

Việc Lê Đức Thọ đính họ vào tướng Giáp là sự ngụy tạo hoàn toàn. “Âm mưu đảo chính” không hề có. Thọ làm những việc đó chỉ để vu vạ cho tướng Giáp, để hạ bệ tướng Giáp, kẻ thù tiềm tàng, kẻ thù khă dĩ của Duẩn-Thọ mà thôi.

Những người bị Đảng coi là xét lại biết rõ Võ Nguyên Giáp chẳng đại diện cho ai. Ông chưa từng và không hề là đối cực của liên minh Duẩn - Thọ. Chưa bao giờ ông dám chống lại những chủ trương của liên minh này. Ông có những bức minh với Lê Duẩn, là chuyện có thật, nhưng không hơn. Ông có đưa ra một số vấn đề hiện đại hóa quân đội, tức là có đi ngược tí chút với đường lối lấy chiến tranh du kích

chống chiến tranh hiện đại của đương kim tổng bí thư và tướng Nguyễn Chí Thanh<sup>1</sup>, nhưng ông không hề đụng tới dân chủ và tự do là những vấn đề cốt lõi của mọi phong trào phản kháng.

Điều làm tôi phải suy nghĩ là: nếu Duẩn - Thọ muốn dùng chúng tôi làm dê tế thần trong đền thờ Mao thì thời điểm 1967 đâu có phải là thời điểm đẹp nhất để dâng hương. Đáng lẽ phải làm việc này sớm hơn nhiều, từ đầu năm 1964 kia, bởi vì đó mới là thời điểm Mao và ban lãnh đạo Đảng cộng sản Trung Quốc cần Việt Nam có thái độ dứt khoát trong cuộc xung đột quan điểm giữa hai cường quốc xã hội chủ nghĩa.

Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đã không bắt chúng tôi vào cuối năm 1963, hoặc 1964, hoặc chậm hơn nữa - 1965. Họ đã không làm gì hết. Họ tử tế, nhân đạo với các đồng chí chăng? Họ tôn trọng luật pháp, chỉ bắt khi đã hội thật đầy đủ những cái theo họ là chứng cứ chăng? Đó là điều không ai biết. Có vẻ như họ căn răng chịu đựng bọn xét lại ngang tàng dám cãi bướng bề trên thêm mấy năm nữa, tới tận 1967 mới xuống tay.

Hóa ra không phải thế.

Duyên do là giữa canh bạc quốc tế mà hai tay chơi khát nước Duẩn-Thọ lao vào với vận mệnh Tổ quốc giắt lưng, cả hai bỗng giật mình thấy xì thầu láng giềng đang sa vào bĩ cực. Bắc Triều Tiên bắt đầu đánh trống lảng. Anbani đột nhiên lùng chừng, lập trường chăng ra ngô cũng chăng ra khoai. Mặc dầu quan hệ Cuba-Liên Xô lủng củng, nhưng Cuba không ngả về phía Trung Quốc. Ông luật sư Fidel Castro<sup>2</sup> thừa hiểu rằng ở Trung Quốc không có gì của chủ nghĩa Marx, rằng dưới sự lãnh đạo của ông giáo làng ở Hồ Nam cả một đại lục mênh mông đang biến thành một chảo tạp pí lù lồn nhổn thịt xương đồng chí. Cái còn chung giữa ông và Mao chỉ là nền độc tài không thể để mất.

Các đảng cộng sản trên toàn thế giới mất dần uy tín trong quần chúng. Đảng viên ra khỏi đảng ngày một nhiều. Trong Đảng Lao động Việt Nam cũng xuất hiện sự phân hóa về quan điểm quốc tế, sự hoài nghi đường lối thân Trung Quốc của ban lãnh đạo Đảng.

Nhưng Duẩn - Thọ là người cẩn thận. Họ không dại gì tỏ ra cứng đầu với ông nông dân Ukraina nóng tính. Ngộ nhớ ông ta nỗi cơn giận lôi đình cắt giảm những khoản viện trợ khổng lồ cho cuộc chiến tranh ngày một tổn kém thì sao?

Chỉ từ đầu năm 1967 trở đi, sau khi biết chắc chắn rằng Leonid Brezhnev<sup>3</sup> không phải là Nikita Khrushov, rằng đồng chí Brezhnev ưa các cuộc liên hoan trao huân chương hữu nghị và sưu tầm các

<sup>1</sup> Trong thời gian này Nguyễn Chí Thanh được đôn lên làm đại tướng, được nói đến nhiều, như người lãnh đạo quân đội, Võ Nguyên Giáp không được nói tới nữa.

<sup>2</sup> Fidel Castro (1926), nhà độc tài nổi tiếng, đương kim chủ tịch nước Cuba cộng sản.

<sup>3</sup> Leonid Brezhnev (1906-1982) một nhân vật lãnh đạo ĐCS Liên Xô, Chủ tịch Xô-viết Tối cao Liên Xô (1960), Bí thư thứ nhất ĐCS Liên Xô (1964, sau khi hạ bệ Khrushov), Tổng bí thư (1966, năm ĐCS Liên Xô khôi phục chức danh này)

kiểu xe du lịch hơn là những cuộc cãi vã về các thứ đường lối, ông kiên quyết đưa Liên Xô trở về lối cũ an toàn, tập đoàn Duẩn-Thọ mới dám quyết xuống tay diệt trừ hậu họa<sup>1</sup>.

Đến đây kẻ đánh lén tiếng kẽm báo động về một đường lối sai lầm mới bị hạ ngục.

## 19

Cứ như sự giải thích của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương Đảng khóa VI (1986-1991) vào tháng 11. 1991 thì từ đầu những năm 60 Đảng đã phát hiện một nhóm chống Đảng mà hạt nhân gồm ba người: Đặng Kim Giang, Vũ Đình Huỳnh, Hoàng Minh Chính; rằng nhóm này từ tháng 9 năm 1963 đã chủ trương phá hoại Hội nghị Trung ương lần thứ 9, âm mưu truất bỏ Trung ương nhằm lập ra một Trung ương mới...

Để tăng thêm tính thuyết phục, người ta dẫn đoạn trích cái gọi là lời khai của Hoàng Minh Chính: "Ngay từ khi mới thành lập, tổ này (tổ lãnh đạo 3 người) đã mang đầy đủ tính chất và nhiệm vụ của Ban chấp hành Trung ương tương lai" mà mục tiêu là "truất bỏ Trung ương đi, quyết định ra đường lối mới và bầu ra Trung ương mới để điều hành"<sup>2</sup>.

Ai cũng biết rằng cái Ban Tư tưởng - Văn hóa chẳng có nghĩa gì, bản thân nó. Nhưng nó là cái mà ta phải lắng nghe, bởi vì nó phát cái ngôn chính thức của ban lãnh đạo Đảng.

Khốn nạn, những người đứng đầu một đất nước có bốn ngàn năm lịch sử mà nghĩ như thế đấy, mà tuyên bố bằng giấy trắng mực đen như thế đấy! Cứ như thể họ đang hoa châm múa tay ở Trâu Quỳ<sup>3</sup> chứ không phải đang ngự trong những dinh thự đủ tiện nghi hiện đại giữa đất Thăng Long ngàn năm văn vật.

<sup>1</sup> Tháng 10 năm 1964, Nikita Khrushchev bị hạ bệ, nhưng đường lối đối nội và đối ngoại của Liên Xô về mặt công khai vẫn không có gì thay đổi. Trung Quốc vẫn gọi bộ ba Leonid Brezhnev, Alexei Kosygin và Podgorny là "cỗ xe tam mã của tên xà ích giấu mặt" (chữ dùng của tờ Pekin Information). Do không hiểu thực hư tình hình ở Liên Xô ban lãnh đạo Đảng Việt Nam vẫn còn e ngại, chưa dám đòn áp thẳng tay những người cộng sản đòi mở rộng dân chủ.

<sup>2</sup> Đây là đoạn trích do Ban Tổ chức Trung ương phổ biến, không chắc gì là lời của Hoàng Minh Chính. Tôi không có dịp kiểm chứng.

<sup>3</sup> Trại điều dưỡng bệnh tâm thần gần Hà Nội.

Ôi chao, mấy ngài là cái gì mà ghê gớm vậy? Mà thiêng liêng vậy? Đến mức không phải dân đen con đỏ mà chính những đảng viên bầu ra mấy ngài cũng không có quyền, không được phép nghĩ đến sự thay thế các ngài bằng người khác? Ừ, thì cứ cho rằng những đảng viên cứng đầu cứng cổ kia thực sự muốn bỏ các ngài để bầu những người khác đi. Thì đã sao nào?

Trong khái niệm dân chủ xã hội chủ nghĩa của nhà cầm quyền cộng sản chuyện đó là không thể có được. Đảng viên không có quyền bãi miễn một trung ương do chính họ bầu ra, dân thì khỏi phải nói - họ có bầu cái gì bao giờ đâu, mọi việc đã được đảng cộng sản độc tôn độc quyền sắp xếp hết rồi mà. Biết rồi, khổ lắm, nói mãi! Nhưng không có quyền là một chuyện. Đây lại là có tội kia. Thế nào là phá hoại Hội nghị Trung ương? Bắn đại bác vào nơi Trung ương đang họp chăng? Hay đặt mìn?

Hoàn toàn không có chuyện như vậy. Thậm chí nếu đa số ủy viên Trung ương đề nghị một Đại Hội bất thường để bầu ra một Trung ương mới, là việc không lạ ở trong các đảng phái khác, thì ở đây người ta đã tri hô lên rằng có âm mưu lật đổ.

Cứ cho rằng người ta đã tìm thấy trong thùng giấy chuồng xí nhà Hoàng Minh Chính một kế hoạch lật đổ đi. Hoặc trong một bức thư Hoàng Minh Chính viết cho ai đó có những câu chữ đủ để hiểu rằng Hoàng Minh Chính không hài lòng với cái trung ương này, muốn có một trung ương khác, một đường lối khác đi. Thế là tội à? Thủ hỏi ở nơi nào trên trái đất này, trong thời đại này, những người tự xưng là văn minh lại dám ngang nhiên xử tội con người dựa trên những ý nghĩ của họ, nhất là khi người bị buộc tội lại đang nắm trong tay cơ quan công an, hoặc buộc tội dựa trên lời khai của người khác, mà người khác này cũng đang ở trong trại giam nốt?

Cách luận tội như vậy chỉ có được trong một xã hội mông muội mà thôi.

Tôi, với tư cách tù nhân trong cái gọi là vụ án “nhóm xét lại chống Đảng”, thế tất tôi phải là người thuộc nhóm đó, là điều rõ ràng như hai với hai là bốn. Vậy mà tôi phải ở tù chín năm và chờ thêm mười tám năm nữa mới được Đảng cho biết nhóm đó chủ trương cái gì (!). Vui thật!

Buồn cười nữa là cả hai vị tổng bí thư kế tiếp nhau - Nguyễn Văn Linh và Đỗ Mười - không ai bảo ai đều cùng khăng khăng một mực khăng định rằng Đảng vô cùng sáng suốt của các vị không sai một lông cụ nào trong việc giải quyết vụ “nhóm xét lại chống Đảng”.

Có lẽ trí nhớ của người già không được tốt cho lắm, cho nên cả hai vị đều quên những gì xảy ra tiếp theo, khi những người tù được thả, khi vụ án coi như được khép lại.

Tôi kể lại cho các vị nghe nhé? Rồi sau đó các vị cứ cho quân đi thẩm tra xem có đúng vậy không, tôi bịa chuyện hay đúng là như thế?

Khoảng đầu thập niên 80 Lê Đức Thọ, lãnh tụ của hai vị, người thầy của hai vị về thủ đoạn chính trị, đã lặng lẽ cho quân đến gặp từng người trong vụ án. Kết cục là Hoàng Minh Chính, Vũ Đình Huỳnh, Đặng Kim Giang, Lưu Động, Lê Trọng Nghĩa, Trần Thư, Hoàng Thế Dũng, Vũ Huy Cương, Nguyễn Văn Lộc, Đinh Chân vv..., nghĩa là tất cả những người trong vụ án đều được Đảng của Thọ (chứ không phải Nhà

nước) cho lĩnh một thứ lương không ra lương, trợ cấp không ra trợ cấp, gần giống như lương hưu, trừ anh Phan Thế Vấn và tôi đã từ chối không nhận như đã nói ở trên.

Thọ là người tử tế chăng? Không phải.

Cha tôi cũng được Thọ mời đến nhà ăn tối. Không hiểu hai người trò chuyện những gì trong bữa cơm tối chắc chắn là không ngon lành chút nào, trở về cha tôi nói: “Thằng Thọ nói thổi lầm, không ngửi được. Nhưng thôi, nó đã biết lỗi, thì mình cũng không nên chấp nhặt”. Dường như câu chuyện với cha tôi không xong, Thọ lại cho mời mẹ tôi tới. Trong cuộc gặp gỡ này Thọ nói muốn khôi phục mọi quyền lợi cho cha tôi. Mẹ tôi không nhận: “Anh làm thế tôi còn mặt mũi nào nhìn những anh em bị oan ức khác. Không, nếu anh thực lòng muốn giải quyết thì phải giải quyết cho tất cả mọi người.”

Năm 1985 Thọ tới gặp ông Ung Văn Khiêm tại Sài Gòn. Ông Khiêm kể: “Nó tới, tao đang tắm cho heo. Bác gái báo tin, tao biểu cứ để cho nó đợi, con heo quan trọng hơn. Tắm heo xong, tao lên nhà, nó vẫn ngồi đó. Anh Ba, nó nói, Bộ Chính trị muốn mời anh trở lại gánh vác việc nước”. Tao biểu nó: “Nếu đất nước lại lâm nguy, chẳng cần ai kêu, Ba Khiêm này cũng chống gậy tới xin Nhà nước một việc vừa sức mình cùng bà con đánh giặc. Còn bây giờ đất nước thanh bình, mình già rồi, nghỉ đi cho con cháu làm, kéo chúng nó chửi mấy thằng già mắc dịch, già hổng trót đời, còn tham quyền cố vị”. Thọ đỏ mặt cáo từ.

Ông Ba Khiêm bỗng lòng trở lại Đảng. Theo thủ tục, ông phải làm lại lý lịch. Ông đọc cho cô thư ký được người ta cursive ghi: “Chiến đấu liên tục vì sự nghiệp giải phóng dân tộc từ 1930 với tư cách người cộng sản. Bị khai trừ Đảng năm 1968...” Mấy tay cán bộ tổ chức Đảng đọc bản lý lịch, tá hỏa đòi ông bỏ đoạn đó đi cho thì ông đáp: “Thằng Ba Khiêm này trước nay sống quang minh chính đại, chưa dối Đảng một lần, đây là việc Đảng làm, là việc có thiệt hắn hoi, mà lại biểu Ba Khiêm nói hổng có, là cớ làm sao?”.

Đấy là lời ông Ba Khiêm kể cho tôi nghe khi tôi tới thăm ông, mùa xuân năm 1986.

Thọ làm thế vì thời đã khác. Kể từ ngày Hồng quân Trung Hoa theo lệnh Đặng Tiểu Bình vượt biên giới sang đất ta để dạy “cho Việt Nam một bài học” ngành truyền thông Việt Nam quay ngoắt 180 độ, chửi bới chủ nghĩa Mao và những nhà lãnh đạo Trung Quốc sau Mao hết lời. Tôi còn nhớ cảm giác khi được đọc cuốn Chủ Nghĩa Mao Không Có Mao của Nhà xuất bản Thông tin Lý Luận năm 1982. Tôi rùng mình trước sự tráo trở của những tác giả cuốn sách. Cứ như trước đây họ chưa từng nuốt chửng từng lời của Bác Mao vĩ đại!

Tôi nhớ tới bộ mặt của Huỳnh Ngự khi y nói: “Bác Mao là lãnh tụ của cả thế giới. Đảng cộng sản Trung Quốc, Đảng của Bác Mao, đứng ở vị trí trung tâm của phong trào cộng sản quốc tế. Vậy mà các anh cũng dám xúc phạm?!“.

Lê Đức Thọ ân hận với việc làm tàn nhẫn lúc trước, hoặc hiểu rằng mình đã đi quá xa trong sự vi phạm luật pháp mà có biện pháp giải quyết như trên, là điều không ai biết vì đảng cộng sản không giải thích. Ân hận thì không rồi. Thọ là loại người không bao giờ dùng tới những thứ xa xỉ phẩm như lương tâm,

ân hận, Chỉ biết rằng chẳng có cơ sở pháp lý nào để trả lương hưu cho những tội phạm đã nhiều năm không làm việc, ngay ở Việt Nam cũng thế. Chính quyền làm cách nào để hợp pháp hóa khoản tiền ấy cũng không ai biết, là chuyện tù mù. Nó chỉ chứng tỏ thêm một lần cách làm tuỳ tiện của một chính quyền đảng trị độc tài.

Nhưng thôi, ta hãy quay lại với những ngày cuối năm 1967, trong Hoả Lò.

Viết xong bản báo cáo về Nguyễn Lương Bằng, tôi mệt thèm.

Tôi phải cố gắng vượt qua mình, vượt qua cảm giác nhục nhã. Sau, tôi xót xa thương nhà cách mạng Sao Đỏ, bác Cả Hà Đông của tôi.

Huỳnh Ngự hài lòng ra mặt. Nếu tôi đã chịu viết báo cáo về Nguyễn Lương Bằng, có nghĩa tôi sẽ chịu viết về những người khác.

Một điều nữa làm tôi thắc mắc là không hiểu sao ông Nguyễn Lương Bằng hiền lành là thế mà cũng bị chúng để ý? Chắc chắn ông không phải là người chống lại chúng, kể cả khi chúng lộng hành, vượt qua phép nước. Phải có một lý do nào chứ?

Tôi nhớ rất lâu câu chuyện ông kể cho chúng tôi, những đứa cháu bé bỏng của ông, về lần đầu ông qua Thượng Hải: “Bác mới từ trong nhà vệ sinh công cộng ở ngoài phố bước ra thì thấy có một cô lật đật chạy đến tươi cười chìa cho bác cái khăn tay thơm phức. Bụng bao dạ: sao mà ở đây người ta lịch sự thế không biết! Hóa ra không phải, các cháu ạ. Bác vừa buông miệng cảm ơn, định bỏ đi thì cô ta níu chặt, nói líu lô một tràng. Bác không biết tiếng Tàu, không hiểu cô ta nói gì, cô ta xí xô hồi nữa rồi lấy tay chỉ vào túi bác. Thì ra người ta chực ở chuồng xí đưa khăn cho mình lau tay là để kiếm tiền đấy, các cháu ạ. Bác lúng túng, chẳng biết đưa bao nhiêu cho phải, thôi thì đưa tuốt cho cô ta số tiền bác dành ăn bữa trưa. Tiếc đứt ruột!” “Thế rồi bác nhện bữa trưa à?”, chúng tôi hỏi. “Thì nhện vậy chứ sao?! Bác chưa tìm thấy người của mình, lúc ấy phải dè xén từng xèng<sup>1</sup>, các cháu ạ”.

Thời gian ở lại nhà tôi sau cuộc vượt ngục Sơn La, ông cư xử với lũ trẻ chúng tôi như một ông bác thật sự. Lúc mới về đến Hà Nội, gày rộc và xanh lướt, ông còn chịu ăn những món riêng mẹ tôi nấu cho để bồi bổ sức khỏe, sau đó ông nhất định không ăn nữa. “Để cho các cháu, tôi khỏe chán”, ông nói. Trong bữa ăn ông ý tứ nhường cho chúng tôi món chúng tôi thích, mẹ tôi giục ông ăn ông chỉ cười xòa, chứ không đụng đũa. Lúc nào rồi rã ông lại bày trò cho chúng tôi chơi, kể chuyện cổ tích cho chúng tôi nghe. Trò của ông không hay và đơn điệu, chuyện của ông phần lớn chúng tôi đã được nghe, nhưng chúng tôi thích quanh quẩn bên ông bởi vì chúng tôi cảm được tình yêu của ông dành cho chúng tôi. Ngược lại, ông cũng được chúng tôi yêu mến. Hồi đó, tuy nhiều tuổi hơn cha tôi, ông vẫn độc thân.

---

<sup>1</sup> Đơn vị tiền tệ nhỏ nhất thời thuộc Pháp, bằng 1/10 xu.

Nguyễn Lương Bằng là người khiêm nhường. Ông không nổi bật trong đám đông, không phải chỉ hời đó mà cả sau này, khi ông đã giữ những chức vụ quan trọng trong Nhà nước. Tính ông thế. Trong những cuộc họp Đảng tại nhà tôi Nguyễn Lương Bằng ngồi nép trong một góc với nụ cười rất hiền, như thể ông bến lén, trong khi các đồng chí của ông nói nhiều và hùng hồn, nhất là ông Hạ Bá Cang. Vì tôi là đứa trẻ cho nên người lớn không ngó ngàng gì đến tôi, tôi học bài bên cạnh họ khi họ họp và tha hồ quan sát. Hạ Bá Cang là đối cực của Nguyễn Lương Bằng. Lùn tịt, hói đầu, ông không ngồi mà đứng tựa vào lò sưởi, chân nọ vắt qua chân kia, thỉnh thoảng mới phát biểu, đã nói thì nói dài, nói dai, không cho ai xen vào. Hạ Bá Cang khôn lăm, ông thường chờ cho mọi người nói xong mới nói, gay gắt sửa lại ý kiến của họ. Hạ Bá Cang thích vượt lên trên người khác, không cho phép ai cãi lại. Ông muốn mình phải là con công trong đàn gà. Nguyễn Lương Bằng không thế, ông sẵn sàng làm gà, miễn không phải tham gia tranh luận. Ông không thích lý thuyết. Nó không hợp với tạng ông. Nó quá sức ông. Nhưng đó là điều sau này tôi mới hiểu.

Những năm đầu kháng chiến chống Pháp Nguyễn Lương Bằng làm giám đốc một thứ có tên là Công ty Bắc Thắng ở Tuyên Quang. Ông làm công tác kinh tài cho Đảng từ hồi bí mật. Cha mẹ tôi là hai người cộng sự.

Bề ngoài Công ty Bắc Thắng chuyên sản xuất lương khô cho bộ đội. Những cái bánh nướng hình khối chữ nhật nhỏ hơn bìa đậu phụ một chút bằng bột đậu xanh trộn bột gạo có pha đường ăn rất ngon.

Bề trong, công ty lo toan mọi khoản chi tiêu cho chính phủ kháng chiến. Công ty mua gom thuốc phiện ở các vùng Tây Bắc, Việt Bắc, rồi bán qua Thái Lan lấy tiền mua súng đạn. Chính phủ vừa mới tuyên bố xá mọi thứ thuế<sup>1</sup>, lại không có nguồn thu này khác, cho nên việc buôn ma túy trở thành nguồn thu nhập chính. Trong những hồi ký cách mạng và kháng chiến tôi không thấy có dòng nào nói về hoạt động này..

Lao vào hoạt động kinh tế, Nguyễn Lương Bằng chìm đắm trong đó, chẳng được ai biết đến.

Nhưng người Pháp không quên ông. Mùa hè năm 1947 địch lần ra dấu vết những hoạt động của Nguyễn Lương Bằng. Bốn máy bay Spitfire quần đảo bên trên kho thuốc phiện của ông ở cây số 7 đường Tuyên-Hà, bắn “đui-xết” (12,7 ly) không ngừng cho tới khi cái kho cháy trụi. Vụ thiêt hại rất lớn - hơn bốn tấn thuốc phiện biến thành khói. Ông gày rộc đi sau trận oanh kích bất ngờ. Hôm đó tôi ở gần cái kho bị cháy. Mùi thuốc phiện cháy gây ngạt, ngày ngạt lan đi rất xa. Ông Nguyễn Lương Bằng mặc quần áo cánh đi chân đất bụi phủ bạc phờ lùi thui trên con đường hàng tinh, mặt bênh như xác chết.

Sau năm 1947 tôi không gặp ông trong một thời gian dài.

<sup>1</sup> Đây là chuyện có thật - một trong 10 chính sách của Việt Minh được công bố khi giành được chính quyền về tay là xá mọi thứ thuế.

Gặp lại ông vào tháng 10 năm 1954 khi cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, chính phủ kháng chiến trở về thủ đô giải phóng, tôi ngỡ ngàng. Trông ông khác hẳn báCả Hà Đông ngày trước. Trong bộ đồ Tôn Trung Sơn bằng kaki Mỹ, chẽm chệ trong chiếc Pobeda sang trọng, ông đến thăm mẹ tôi và lũ cháu của ông. Mặt phương phi, tiếng sang sảng, ông vui vẻ hàn huyên với mẹ tôi về những ngày gian khổ đã qua.

Tôi còn gặp ông nhiều lần khi ông làm đại sứ đặc mệnh toàn quyền tại Liên Xô. Thỉnh thoảng, khi nào được nghỉ học tôi lại ghé thăm ông. Là người quen hoạt động, vai đại sứ ngồi một chỗ với những bữa tiệc khoản đãi liên miên làm ông chán ngán. Trong bộ pi-gia-ma nhau nát ông ngồi ủ rũ trong phòng ngủ, bên chồng bản tin tiếng Việt, không bước chân ra ngoài.

Một hôm ông giữ tôi lại ăn cơm. Bữa ăn chỉ có hai bác cháu. Nguyễn Lương Bằng uể oải nhai từng miếng. Đột nhiên, ông đăm chiêu bảo tôi: "Cháu nhớ lấy điều này để sau biết cách mà sống: đàn bà, cháu ạ, một người thì đoàn kết, hai người thì chia rẽ. Đừng bao giờ tin có hai người đàn bà ở chung mà lại thương yêu nhau".

Tôi ngạc nhiên. Ông nói với tôi chuyện ấy để làm gì? Hóa ra trong đại sứ quán vừa có vụ cãi lộn - một bên là bà đại sứ, một bên là cô văn thư hay quản lý chi đó.

Mặc dầu đã về hưu cha tôi thỉnh thoảng vẫn đến chơi với ông. Những cuộc gặp gỡ càng về sau càng thưa dần. Từ nhà ông về, cha tôi buồn thiu. Tôi đoán hai người không có sự nhất trí trong nhiều vấn đề, đặc biệt là những vấn đề thời sự về đường lối trong phong trào cộng sản. Khi các bạn hỏi ông về quan điểm của Sao Đỏ thì ông chỉ cười xòa rồi lảng qua chuyện khác.

Cha tôi không hiểu Nguyễn Lương Bằng. Ông vốn yêu bạn. Do yêu bạn, ông kỳ vọng ở bạn quá nhiều. Lẽ ra cha tôi phải biết Nguyễn Lương Bằng là người thế nào. Ông Bằng chưa bao giờ quan tâm tới lý thuyết, cho dù là lý thuyết cách mạng. Tính tình quá lành, ông không thích hợp với bất kỳ cuộc đấu tranh nội bộ nào. Việc ông lúng túng trong cuộc xung đột giữa hai người đàn bà là một thí dụ.

Huỳnh Ngự vắt chân chữ ngũ đọc báo cáo của tôi về Nguyễn Lương Bằng, thỉnh thoảng gật gù cái đầu. Tôi biết, nội dung bản báo cáo không thể làm y hài lòng, y chỉ mới hài lòng về sự thuần phục của tôi thôi.

- Anh uống trà đi kẻo nguội.

Y mời tôi. Chúng tôi cùng uống. Trà nóng hổi, ngát hương.

Nhưng tôi chẳng có tâm địa nào để thưởng trà. Tôi nhìn Huỳnh Ngự đọc bản báo cáo tôi vừa hoàn thành, cố đoán thái độ của y. Nhưng mặt y là cuốn sách viết bằng thứ ngoại ngữ tôi không biết. Có lúc tôi đã nghĩ y muốn thử gân tôi, xem tôi chịu y tới mức nào.

Nhưng xem ra không phải. Y hỏi nghiêm túc. Đúng là Nguyễn Lương Bằng bị nghi ngờ thật. Hắn bề trên Huỳnh Ngự cho rằng cha tôi và Nguyễn Lương Bằng thân nhau như thế, chắc chắn có gì cũng nói hết

với nhau, và đâm tay sai mẫn cán như Huỳnh Ngự có thể moi ở tôi những điều bí mật giữa hai người. Cha tôi không nói, nhưng do khờ dại tôi sẽ nói.

Trong báo cáo tôi miêu tả một Nguyễn Lương Bằng tận tụy với dân với nước, rất mực liêm khiết. Đó là sự thật. Tôi không nói tới một Nguyễn Lương Bằng ngày càng hồng hào và đầy đà, đã biết quên những người giúp đỡ cách mạng và giúp đỡ chính mình, đã học được ở các đồng chí lãnh tụ cách quay mặt đi trước cuộc sống. Có lần tôi kể cho ông nghe về đời sống lầm than của dân chúng ở những vùng tôi đi qua, ông nghe đấy, hờ hững, với vẻ mặt không tin. Tôi rủ ông: "Bác cải trang rồi vi hành đi cùng cháu, như ngày trước bác cháu mình vẫn đi cùng nhau ấy, cháu sẽ chở bác đi bằng xe máy, cháu đi xe máy thạo, cháu không làm ngã bác đâu, bác sẽ xem xét cuộc sống của đồng bào bây giờ ra sao rồi tự rút ra kết luận". Ông cười trừ. Không bao giờ ông đi với tôi để xem đồng bào sống thế nào.

Tôi cũng không nói tới nhận xét của các đồng chí cách mạng cao niên về tính dao động, lưỡng lự ở ông khi phải đứng giữa các quan điểm đối lập, tính do dự không dám quyết đoán khi cấp trên chưa ra lệnh. Nói nhược điểm của ông ra cho công an biết để chúng lợi dụng hay sao?

Một bản báo cáo như thế chẳng có giá trị gì. Nó như vị hoài sơn trong thang thuốc bắc, tính lành, không công cũng không phạt.

Nhờ những cuộc hỏi cung tôi hiểu ra rằng trong cái tranh tối tranh sáng của tình hình từ lâu vốn không rõ ràng giữa lợi ích của cách mạng và quyền sống của con người, giữa cái buộc phải tạm thời hy sinh cho thắng lợi cuối cùng với cái bị chà đạp đã có những cái vòi bạch tuộc nhầy nhụa mò mẫm kiếm chác.

Mặc dầu đã nắm trọn quyền hành trong tay, liên minh Duẩn - Thọ trong giai đoạn này chưa đủ tự tin để muốn làm gì thì làm. Riêng đối với Nguyễn Lương Bằng, họ vẫn còn chút e dè. Dù sao ông cũng là người nổi tiếng chính trực, liêm khiết, lại đang cầm thanh kiếm để bảo vệ cái gọi là "sự trong sạch của Đảng". Tôi đoán họ cũng có phần e ngại ông sẽ nhân danh chức trách của mình mà xông vào đòi thanh tra vụ án, đòi đưa vụ án ra trước Ban chấp hành Trung ương và chuyện sẽ thành rùm beng. Phải chăng việc bắt tôi phải khai về Nguyễn Lương Bằng để lộ ra nỗi lo ngại ấy?

Nếu nghĩ như vậy thì họ lầm to.

Họ hoàn toàn không hiểu Nguyễn Lương Bằng, nói tóm lại.

Như một nghịch lý, nhà cách mạng kiên cường Sao Đỏ lại không phải là người đáng ngại đối với bất kỳ ai. Tại sao lại như vậy, tôi không hiểu. Nhiều người cũng không hiểu. Ông sợ đấu tranh sẽ dẫn tới mất đoàn kết? Hay ông sợ cái gì khác? Chỉ biết rằng trong Cải cách ruộng đất, khi những người từng có quan hệ với ông để ủng hộ cách mạng bị đấu tố, bị bắn giết, bị bức tử, bị cầm tù, ông biết cả đấy, ông nhìn thấy cả đấy, ông linh cảm thấy Đảng sai đấy, nhưng ông chỉ dám thổ lộ với cha tôi, bằng giọng than phiền. Chỉ thế thôi, không hơn. Lẽ ra phải lớn tiếng phản đối, chí ít thì cũng phải can ngăn những kẻ lộng hành thì ông lại im lặng, không dám động ngón tay út để cứu người vô tội. Mà ông sợ cái gì kia

chứ? Trường Chinh tuy không trọng ông về học thức, nhưng rất nể ông vì quá trình hoạt động và uy tín cách mạng.

Tâm sự với ông Lê Giản, cha tôi nhận xét nhà ái quốc Nguyễn Lương Bằng có thừa dũng khí đấu tranh với Coussو, nhưng lúc cần đứng về phía lẽ phải để bảo vệ nhân dân thì ông quan lớn Nguyễn Lương Bằng lại trùm chăn kín đầu, chẳng dám hé răng. Mà tiếng nói của Nguyễn Lương Bằng là tiếng nói có trọng lượng, muốn hay không những người lãnh đạo cũng phải lắng nghe. Nghe cha tôi than phiền, Lê Giản cười buồn. Từ lâu, Lê Giản nói, ông đã biết Nguyễn Lương Bằng là người thế nào. Nguyễn Lương Bằng đọa ra thế, theo ông, là do trình độ hiểu biết kém, đã lười suy nghĩ lại quá ỉ lại vào Hồ Chí Minh. Trong khi Hồ Chí Minh chưa có ý kiến, Nguyễn Lương Bằng chui vào cái vỏ ốc ý thức tổ chức để tránh trách nhiệm cá nhân, trốn tránh lương tâm.

Tôi cũng không trông đợi nhiều ở Nguyễn Lương Bằng. Tôi nghĩ ông không phải là người vì tình bạn thân thiết với cha tôi, với các bạn tù Sơn La cũ, vì những kỷ niệm đã trôi tí mù vào quá khứ mà dám đối mặt với Lê Duẩn và Lê Đức Thọ. Tôi biết, trong thâm tâm, ông tin chắc các đồng chí của ông không phản bội cách mạng. Làm sao có thể tin điều ấy cơ chứ? Có phải họ mới biết nhau vài ngày đâu. Nhưng căn cứ những báo cáo xuyên tạc của Ban tổ chức Trung ương, tức là của Lê Đức Thọ, ông nghĩ các đồng chí của ông sai rõ ràng về quan điểm đối với "cuộc đấu tranh giữa hai đường lối", Đảng đã có nghị quyết mà họ vẫn cố tình chống lại, phát biểu ngược với nghị quyết, cho nên mới bị Ban Tổ chức Trung ương coi là phản cách mạng. Kể ra gọi như thế cũng quá đáng, nhưng thời bấy giờ khác rồi, không cứ theo Tây, theo Mỹ mới là phản cách mạng, ông gượng gạo hiểu theo cách của Duẩn-Thọ, cứ không đồng ý với Trung ương đã là phản cách mạng rồi. Lại còn thái độ của Bác nữa chứ. Nếu không phải là phản cách mạng thì sao Bác lại đồng ý để cho bắt? Có nghĩa các đồng chí ấy, tội nghiệp, chịu số phận tồi tệ ấy cũng là phải thôi, chẳng sao khác được. Chắc hẳn ông đã lập luận như thế. Lập luận ấy tiện lợi cho ông. Nó bê hết những răng cuối cùng của cái lương tâm vốn đã móm mém.

Ông cũng không có tham vọng làm Bao Công. Để làm Bao Công phải có cả khí phách lấn uyên bác. Nguyễn Lương Bằng không có cả hai<sup>1</sup>.

Chao ôi, trải qua bao nhiêu gian truân khổ ải làm cách mạng để rồi phải sống run rẩy trước những đồng chí hôm qua, để bị những đồng chí hỉ mũi chưa sạch khinh rẻ - thân phận nhà cách mạng Sao Đỏ mới thảm hại làm sao, mới đáng thương làm sao!

Tiếp theo báo cáo về Nguyễn Lương Bằng, Huỳnh Ngự mới bắt tôi viết tiếp những báo cáo khác về Hoàng Minh Chính, Đặng Kim Giang, Đặng Việt Châu<sup>2</sup>, Trần Minh Việt... mà theo tôi, lẽ ra y phải bắt tôi

<sup>1</sup> Bao Công, hay Bao Thanh Thiên (999\_1012) một quan toà danh tiếng lừng lẫy về tính công bằng, chính trực và liêm khiết trong lịch sử Trung Quốc.

<sup>2</sup> Đặng Việt Châu, tên thật Đặng Hữu Rạng (1914-1987), hoạt động cách mạng trước 1945, trong các chức vụ đã giữ có bộ trưởng Bộ Tài Chính, phó thủ tướng chính phủ. Năm 1947 ông cùng với cha tôi được cử làm đặc phái viên chính phủ tại Ninh Bình và Thanh Hoá (sắc lệnh số 15/SL, ra ngày 02. 07. 1947).

viết từ lâu trước đó. Tôi viết lăng nhăng những báo cáo nhạt nhẽo, chỉ để chứng tỏ tôi không bướng, bảo tôi viết thì tôi viết. Hơn thế, tôi còn tỏ ra sốt sắng hoàn thành những yêu cầu do Huỳnh Ngự đề ra. Nhưng hiểu biết của tôi có hạn, tôi không thể viết gì hơn những điều tôi biết. Huỳnh Ngự đành chịu.

Tôi không ngạc nhiên nghe Huỳnh Ngự hỏi về Võ Nguyên Giáp:

- Anh Hiên nè, lâu nay anh có gặp đại tướng lần nào không nhỉ?
- Đại tướng nào?

Tôi thừa hiểu y muốn hỏi gì. Nhưng tôi hỏi thế là vì hồi ấy đã có thêm một đại tướng là Nguyễn Chí Thanh.

- Còn giả cách! Đại-tướng-của-các-anh ấy! – y nhấn mạnh - Tôi muốn được nghe ít chuyện về đại tướng của các anh.

Tuy nhấn mạnh thế, nhưng giọng y nhẹ nhàng, như thể chẳng có gì quan trọng, nhân tiện thì hỏi thôi.

Huỳnh Ngự thấy tôi bướng, y hiểu với tôi phải hỏi cung theo cách khác, tôi nghĩ. Mềm dẻo, nhẹ nhàng với tôi thì hơn, làm tôi nổi khùng lên thì công to, lúc ấy tôi sẽ không nói gì hết, dục tốc bất đạt.

Tôi biết trước sau gì y cũng đặt câu hỏi đó ra. Tôi có ý chờ. Biết tôi có quan hệ gần gũi với tướng Đặng Kim Giang, Huỳnh Ngự không thể không khai thác mối quan hệ đó, chưa biết chừng tôi lại cho họ một sợi chỉ dẫn tới tướng Giáp cũng nên.

Câu hỏi của Huỳnh Ngự đánh động trí tưởng tượng, bắt tôi tìm kiếm, nhớ lại, sắp xếp những sự kiện, phân tích chúng, dựng nên những giả thuyết để cuối cùng có được bức tranh toàn cục hữu lý, với tư cách câu trả lời lô-gích cho những thắc mắc.

Cần phải ngược dòng thời gian về với cuộc kháng chiến chống Pháp để hình dung toàn bộ bối cảnh lịch sử.

Đêm 19 tháng 12 năm 1946 nước Việt Nam vừa mới tuyên bố độc lập buộc phải bước vào một cuộc chiến đấu không cân sức. Nước Pháp được Đồng Minh giải phóng chưa kịp hồi sức đã hối hả trở lại với Đông Dương màu mỡ. Cái gọi là quân đội Đồng Minh vào Việt Nam giải giáp quân Nhật bại trận đã không ủng hộ chính quyền non trẻ của Việt Nam thì chớ, ngược lại, còn tận tâm giúp đỡ các lực lượng muốn thủ tiêu nó. Quân đội Thưởng Giới Thạch trên miền Bắc giúp Việt Nam Quốc dân đảng. Quân đội Anh - Ấn vào miền Nam Việt Nam mang theo quân Pháp.

Trong hoàn cảnh ấy, Hồ Chí Minh đã đi một nước cờ táo bạo, ít nhất thì cũng táo bạo đối với lòng yêu nước đang sục sôi của cả dân tộc đã đứng lên quyết giành độc lập. Ông ký Hiệp định mồng 6 tháng 3 năm 1946, thỏa thuận cho các lực lượng viễn chinh Pháp vào thay thế các lực lượng Đồng Minh. Cần phải thoát khỏi ngay lập tức đám ma đói từ bên Tàu tràn sang, lực lượng thổ phỉ này bất cứ lúc nào

cũng có thể biến thành một trận hòng thủy nhận chìm đất nước. Lấy bọn xâm lược rành rành đẩy bọn xâm lược giấu mặt ra ngoài, tranh thủ thời gian để bước vào cuộc kháng chiến không thể tránh né<sup>1</sup>.

Những lực lượng chống Việt Minh la ó: "Hồ Chí Minh bán nước! Hồ Chí Minh là tay sai cho ngoại bang!" Chủ tịch Hồ Chí Minh phải thề trước đồng bào rằng ông không bán nước. Bài toán Hồ Chí Minh giải không phải mọi người đều hiểu. Nước Pháp vừa thoát khỏi cuộc chiếm đóng của Đức trong Thế chiến còn yếu, còn nghèo, lại ở xa, sẽ là kẻ thù dễ chịu hơn nhiều so với kẻ thù đồng đúc ở sát nách.

Bắt đầu những năm gian khổ của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do tuổi trẻ tiến hành. Lớp người làm ra cuộc Cách mạng Tháng Tám lúc bấy giờ chỉ ở độ tuổi trung bình 20 - 30. Người lãnh đạo cao niên nhất của Cách mạng khi bước vào kháng chiến chống Pháp mới có 56 tuổi, đã được tôn vinh là Cha già Dân tộc.

Đó là thời gian tràn đầy chất lăng mạn tuyệt vời chỉ có được trong những cuộc cách mạng đúng nghĩa cách mạng. Người ta sẵn sàng bỏ nhà cửa, bỏ vợ con, bỏ tất cả để đi theo tiếng gọi cứu nước.

Trong chín năm gian khổ của cuộc vật lộn sống chết với kẻ thù không hề xảy ra chuyện sát phạt lẫn nhau trong hàng ngũ những người lãnh đạo và các cán bộ cấp cao. Của đáng tội, có hồi người ta cũng xì xào về cái chết của trung tướng Nguyễn Bình. Ông bị quân Pháp bắn chết trên đường ra Việt Bắc họp, trong một trận phục kích của quân đội Pháp, vào năm 1951. Cũng có lời đồn rằng Lê Duẩn và những người không ưa Nguyễn Bình đã dựng ra một cuộc họp không có thực, và nếu có thì cũng chẳng cần cần tới sự có mặt của ông, rồi kín đáo mách bảo lộ trình của đoàn Nguyễn Bình đi Việt Bắc cho địch. Không một cứ liệu, không một nhân chứng nào khẳng định vụ này<sup>2</sup>.

Tại căn cứ địa Việt Bắc, trong các cơ quan đầu não của kháng chiến mà tôi từng biết, trong suốt thời kỳ kháng chiến ngự trị một không khí đoàn kết và thân tình, nhân tố không thể thiếu được để chiến thắng.

<sup>1</sup> Vụ quân đội Pháp vào thay thế quân đội Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật là kết quả của một thoả hiệp Trung Quốc-Pháp ký ngày 28.02.1946, theo đó Trung Quốc thừa nhận chủ quyền của Pháp ở Đông Dương, đổi lại, Pháp từ bỏ các tô giới ở Trung Quốc, nhượng lại đường sắt Vân Nam. Hiệp ước 6.3 (1946) là sự thừa nhận việc quân Pháp vào Đông Dương mà không bị quân đội Việt Nam chống lại.

<sup>2</sup> Nguyễn Bình, tên thật Nguyễn Phương Thảo (1906-1951), đảng viên VNQDD trước 1930, sau khởi nghĩa Yên Bái bị đày ra Côn Đảo. Năm 1936 ly khai VNQDD. Tháng 6. 1945 ông tự thành lập chiến khu Đông Triều, góp phần vào cuộc nổi dậy giành chính quyền trên toàn quốc tháng 8. 1945. Được cử vào Nam trong những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, được phong trung tướng ngày 29.9.1951. Cha tôi và bè bạn ông, những người biết Nguyễn Bình, nhận xét: với tính khí ngang tàng của Nguyễn Bình, ông không thể được lòng Trung ương cục miền Nam (Lê Duẩn, Lê Đức Thọ). Năm 1951, ông đi ra Bắc và hy sinh ở dọc đường khi chưa tới Liên khu 4. Theo những nguồn tin mâu thuẫn về vụ này thì cái chết của ông xảy ra trong tình trạng không được bảo vệ đầy đủ và lộ trình của đoàn không hiểu sao bị lộ. Cái chết của Nguyễn Bình cho đến nay vẫn là một dấu hỏi chưa có giải đáp.

Sau khi Hà Nội được giải phóng, các cơ quan Đảng và nhà nước từ rừng thẳm Việt Bắc đã trở về đóng tại thủ đô tràn ngập ánh điện thì bóng đen của những mưu mô cung đình mới bắt đầu chập chờn trên những dinh thự kín cổng cao tường.

Mọi sự bắt đầu kể từ khi cả Hồ Chí Minh lẫn Trường Chinh bị mất uy tín trước con mắt ngưỡng mộ của quần chúng cách mạng. Thất bại của Cải cách ruộng đất, như một đòn số mệnh, bất thình lình giáng xuống đầu hai lãnh tụ của cuộc kháng chiến vừa thắng lợi.

Vào thời kỳ này, có tin đồn rằng đại tướng Võ Nguyên Giáp sẽ giữ chức tổng bí thư thay cho Trường Chinh, rằng nay mai ông sẽ được phong nguyên soái. Trong hàng ngũ lãnh đạo Võ Nguyên Giáp nổi bật lên như một nhân vật tài ba và sạch sẽ, chưa từng vướng vào những khuyết điểm có mùi máu. Vì những đặc điểm đó mà chính ông, chứ không phải ai khác, đã được chính Hồ Chí Minh cử ra thay mặt Đảng tạ tội trước đồng bào ở sân vận động Hàng Đẫy sau sai lầm trong Cải cách ruộng đất.

Trong Cải cách ruộng đất Võ Nguyên Giáp gặp may. Không rõ có phải Hồ Chí Minh và Trường Chinh tính trước không muốn cho quân đội được hưởng thêm một vinh quang sau chiến thắng Điện Biên Phủ hay không, nhưng sau khi hòa bình lập lại (năm 1954) nó không được tham gia vào cuộc Cải cách ruộng đất long trời lở đất, hứa hẹn đem lại một Điện Biên phủ dưới ruộng<sup>1</sup>. Nhờ đó mà quân đội không phải chịu chung với Đảng những lời nguyền rủa.

Tin đồn lịm dần, sau đó tắt ngấm. Đùng một cái, không phải Võ Nguyên Giáp mà Lê Duẩn, một tên tuổi gần như không được nhân dân biết đến trên miền Bắc, được bầu vào chức vụ tổng bí thư thay Trường Chinh. Võ Nguyên Giáp cũng chẳng được phong hàm nguyên soái, theo một lời đồn khác. Đại tướng ngày càng ít xuất hiện trước công chúng. Còn hơn thế, thay vào sự hiện diện của Võ Nguyên Giáp là một đại tướng mới toanh, chưa hề được quân đội tôn trọng là đại tướng Nguyễn Chí Thanh.

Võ Nguyên Giáp bị thất sủng.

Tin đồn lan nhanh trong quân đội và nhân dân. Nguyên nhân sự thất sủng của Võ Nguyên Giáp là cái gì thì trong một thời gian dài chẳng ai biết. Mãi về sau, cũng theo những nguồn tin không chính thức, người ta mới biết rằng ông bị mất tín nhiệm vì cơ quan tổ chức của Đảng lục được trong thư khố của Pháp một lá đơn của cậu học sinh Võ Nguyên Giáp gửi quan toàn quyền Đông Dương xin học bổng du học, với những lời lẽ quý lụy không thể chấp nhận được đối với người cách mạng. Ban tổ chức Trung ương không cần phân biệt cậu học trò Võ Nguyên Giáp với nhà cách mạng Võ Nguyên Giáp. Võ Nguyên Giáp tình nguyện làm tay sai cho thực dân – họ nói. Đồn rằng nếu không chiếu cố tới công lao hăn mã

<sup>1</sup> Đáng chú ý là: tuy Trường Chinh tiến hành Cải cách ruộng đất nhất nhì theo bài bản Cải cách thổ địa của Trung Quốc, nhưng có một điểm ông ta không theo – đó là ông ta đã bỏ đi lực lượng quân đội là lực lượng nòng cốt.

của đại tướng từ thời kỳ bí mật, và đặc biệt trong chiến thắng Điện Biên Phủ thì tướng Giáp đã bị lột lon và đuổi ngay khỏi Đảng.

Những người thạo chuyện cung đình nói rằng trong vụ này đã nhìn thấy móng vuốt một nhân vật mới xuất hiện nhưng đã tỏ ra có bản lĩnh cao cường là Lê Đức Thọ.

Lúc ấy chưa ai nhìn thấy Duẩn và Thọ liên kết với nhau thành cặp bài trùng. Về sau người ta mới biết mọi việc Thọ làm đều có sự chỉ đạo của Duẩn.

Dư luận không đồng tình với cách Đảng đối xử với đại tướng Võ Nguyên Giáp. Chẳng qua chỉ tại đại tướng Võ Nguyên Giáp quá nổi tiếng, người ta nói thế. Nổi tiếng quá thì thiên hạ ghen ghét. Sau chiến thắng Điện Biên và Hiệp định Genève về Đông Dương, các phương tiện truyền thông ngày đêm ca ngợi sự lãnh đạo tài ba của Đảng, Bác và tổng bí thư Trường Chinh. Khốn nỗi để khuếch trương chiến quả không thể không trích báo chí phương Tây, mà báo chí phương Tây thì lại quen trình bày cuộc chiến ở Đông Dương như một cuộc đấu tay đôi giữa hai ông tướng. Thành thử hình ảnh tướng Giáp cứ lồng lộng trên nền cờ chiến thắng, che lấp cả Đảng lẫn Bác, lẫn Anh Cả Trường Chinh. Có thể nói rằng các đài phát thanh phương Tây đã góp phần làm cho cuộc đời tướng Giáp thêm cay đắng.

Vào khoảng năm 1964, giữa lúc “cuộc đấu tranh giữa hai đường lối” đang diễn ra quyết liệt thì bỗng ồn lên tin tướng Giáp lén lút liên lạc với Nikita Khrushov, bị Đảng phát hiện. Tin đồn nói rằng Ban tổ chức Trung ương đã có trong tay bằng chứng: một bức thư của Khrushov gửi tướng Giáp. Nội dung bức thư thế nào thì không ai được biết. Cũng theo tin đồn thì hồi ấy Duẩn và Thọ đã định làm to chuyện, đưa vấn đề ra trước Trung ương, nhưng ông Hồ gạt đi, nói tướng Giáp báo cáo với ông chuyện Khrushov gửi thư rồi. Việc mới yên. Rồi lại có tin tướng Giáp vẫn bí mật liên lạc với đại tá Lê Vinh Quốc, nguyên phó chính ủy sư đoàn thép 308, người được coi là cánh tay phải của ông, đã xin cư trú chính trị tại Liên Xô<sup>1</sup>.

Cái chính là ban lãnh đạo mới không ưa Võ Nguyên Giáp. Không ưa thì dưa có rồi.

Như mọi người lính trong Quân đội Nhân dân Việt Nam, cảm tình của tôi ở về phía vị tướng gắn bó với quân đội từ ngày nó được thành lập trong rừng già Việt Bắc.

Dường như có liên quan với tướng Giáp, một loạt cán bộ cao cấp trong quân đội cũng bị bắt. Anh Lê Trọng Nghĩa, cục trưởng Cục 2 (Cục tình báo quân đội) kể rằng họ mời anh đi họp rồi đưa thẳng đến trại giam. Trung tá Trần Thư bị bắt ngay tại tòa soạn báo Quân đội Nhân dân. Trung tướng Nguyễn Văn

<sup>1</sup> Hồi đó cùng xin cư trú chính trị một lúc với đại tá Lê Vinh Quốc (sinh năm 1927) còn có một số cán bộ Đảng được cử đi học tại Trường đảng cao cấp Liên Xô và học viện quân sự Frunze như thương tá Văn Doãn (biệt hiệu Doãn Bụt), tổng biên tập báo Quân đội nhân dân, Nguyễn Minh Cần (sinh năm 1928), phó chủ tịch Ủy ban hành chính Hà Nội kiêm phó bí thư Thành ủy Hà Nội. Ông Lê Vinh Quốc hiện còn sống, ở Tashken (Cộng hoà Uzbekistan); ông Nguyễn Minh Cần ở Moskva (cộng hoà liên bang Nga), ông Văn Doãn đã tự sát bằng cách nhảy từ lầu 6 xuống. năm 1972.

Vịnh, trưởng Ban Thống nhất Trung ương, tuy không bị bắt, nhưng bị đổ tội cho là có quan điểm xét lại, cũng bị treo giò, ngồi chơi xơi nước. Nhiều cán bộ khác bị buộc nghỉ việc để hàng ngày tới nơi thẩm vấn. Tất cả, như sau này tôi mới biết, đều phải trả lời những câu hỏi về tướng Giáp. Nổi bật lên như một người hùng trong chiến dịch chống xét lại là đại tá Kinh Chi, được cán bộ quân đội mệnh danh là con béc-giê nòi của Thọ.

Cần phải chặn đứng làn sóng đòi tự do dân chủ trước khi quá muộn.

Ngòi nổ của biến cố, nếu không vững tay để nó xảy ra, nằm trong tầng lớp trí thức. Đảng biết rằng đánh thẳng vào trí thức là khó. Khốn nỗi, không đánh không được. Không đánh thì chiều hướng dân chủ sẽ lấn tới. Vấn đề đặt ra là đánh như thế nào mà thôi.

Trong bối cảnh những sự việc như thế câu hỏi về tướng Giáp là điều dễ hiểu.

Tôi bình thản đáp:

- Ông Giáp không tới nhà tôi lần nào kể từ khi hòa bình lập lại. Không cần hỏi tôi, cơ quan an ninh cũng thừa biết ông Giáp có tới hay không.

Hỏi tôi về tướng Giáp là thậm vô lý. Tôi có thể trả lời được gì khi gặp ông lần đầu tôi còn là đứa trẻ, còn mấy lần sau là người lính ở cấp bậc gần cuối cùng? Đúng là sau khi chính phủ kháng chiến về Hà Nội, Võ Nguyên Giáp không một lần nào tới nhà chúng tôi.

Khốn nỗi, số phận oái oăm lại cứ thích bắt tôi phải làm nhân chứng cho những sự kiện kia, và câu hỏi của Huỳnh Ngự cho tôi biết ở đằng sau cuộc trấn áp khó hiểu này là cái gì.

- Chuyện thời kháng chiến ta bỏ qua. - Huỳnh Ngự nói - Mấy năm gần đây chẳng có lẽ anh không gặp Võ Nguyên Giáp lần nào? Bữa đại tướng của các anh rẽ vào thăm Lê Liêm hình như anh cũng ở đó mà?

Huỳnh Ngự còn chưa gọi đại tướng Võ Nguyên Giáp hoặc thiếu tướng Lê Liêm bằng thẳng, tôi nhận xét. Như vậy chúng chưa dám bắt họ.

Cái vòng nghi ngờ lan rộng hơn tôi tưởng. Không biết còn bao nhiêu người bị nó thâu tóm vào trong?

Tôi lắc đầu, chán ngán:

- Tôi nhắc lại: tôi không gặp đại tướng Võ Nguyên Giáp lần nào kể từ khi về Hà Nội.

- Tui có khẳng định mông, tui chỉ hỏi thôi. Có anh bảo có, không anh bảo không. Miềng làm việc với nhau phải hiểu nhau, thường khi chuyện vẫn như vầy mà ra vấn đề đó. Chẳng hạn, về đại tướng của các anh, trên cũng không có ý hỏi anh về ống, anh thì biết gì về ống mà nói. Trên chỉ muốn anh báo cáo những chuyện chung quanh ống, thậm chí những chuyện không liên quan trực tiếp tới ống, chuyện người khác kia, chỉ cần có dính dáng tới ống là được...

Tôi im lặng.

- Chẳng hạn, anh nghe thấy người ta nói chi về ổng, ở nhà anh, khách tới thăm ông già nói chuyện... Chuyện đại tướng là chuyện thời sự mà.

Tôi thì có thể báo cáo gì về đại tướng Võ Nguyên Giáp?

Từ khi có sự rạn nứt trong phong trào cộng sản quốc tế, Võ Nguyên Giáp bị liên minh Duẩn - Thọ lặng lẽ liệt vào loại pro-soviétique<sup>1</sup>. Lặng lẽ, vì Võ Nguyên Giáp không có một bài viết hoặc bài nói nào về vấn đề này. Hoặc chăng chỉ có chủ trương hiện đại hoá quân đội khác với Nguyễn Chí Thanh chủ trương lấy du kích chiến để thắng Mỹ ý lại vào vũ khí hiện đại. Tại nhiều cuộc nói chuyện với cán bộ Lê Duẩn không bở lỡ dịp tốt nào không công kích “quan điểm xét lại của một số đồng chí sa sút lập trường, sơ đụng đầu với bọn đế quốc quốc tế, làm nô lệ cho vũ khí luận, quên mất rằng yếu tố quyết định chiến tranh là sức mạnh chính nghĩa, là sức mạnh nhân dân”.

Đó là sự vu khống. Mà là vu khống trắng trợn. Hơn ai hết, Võ Nguyên Giáp hiểu tác dụng của du kích chiến mà ông là người trực tiếp chỉ huy trên một địa bàn rộng lớn, trong một thời gian dài. Cũng hơn ai hết ông biết đánh giá vai trò người lính trong chiến tranh, ông không hề ỷ vào vũ khí. Nhìn quang cảnh chiến trường Điện Biên, ông nói với tướng Đặng Kim Giang vào ngày De Castries đầu hàng: “Xem kìa, bộ đội ta mới anh dũng làm sao! Họ đã chịu đựng biết bao nhiêu gian khổ để có chiến thắng này. Kẻ chiến thắng trên chiến trường, anh Giang ơi, bao giờ cũng là người lính”.

Cái gọi là quan điểm xét lại là nhẫn hiếu thông dụng. Nó được gán cho bất kỳ ai có ý kiến ngược với ban lãnh đạo Đảng. Sau nó còn được mở rộng ra tới những người bướng bỉnh, dám cãi lại cấp trên. Con người được gọt hết gai góc, được sửa lại cho tròn như một hòn bi.

Vào thời gian này Nguyễn Chí Thanh cũng gay gắt lên án những quan điểm sai lầm về chiến tranh của “bọn xét lại”. Mặc dầu không chỉ đích danh, người nghe hiểu ông tướng nông dân muốn chỉ ai. Nguyễn Chí Thanh chưa hài lòng với vị trí người lãnh đạo tối cao của quân đội do tướng Giáp xây dựng. Trong khi tướng Giáp chỉ còn là một đại tướng làm vì, ngồi chơi xơi nước. Nguyễn Chí Thanh ghen tức với uy tín mà tướng Giáp có trong lòng mỗi người lính, là cái ông ta không có và chẳng bao giờ có được.

Tôi gặp Nguyễn Chí Thanh lần đầu, giữa một cử tọa gồm các nhà báo khép nép, tại nhà riêng ông Ngô Đức Mậu, chủ nhiệm báo ảnh Việt Nam. Gọi là nhà riêng cho oai, chứ đó là một tầng trong ngôi biệt thự lớn của ông bà Đỗ Đình Thiện giàu có, đảng viên cộng sản, chuyên hoạt động kinh tài cho Đảng trong thời kỳ bí mật, đã đóng góp số vàng rất lớn trong Tuần lễ Vàng năm 1946, chỉ thua có ông bà Trịnh Văn Bô. Ông bà Thiện nhường ngôi biệt thự ấy cho toà soạn báo ảnh Việt Nam, chỉ giữ lại trệt làm chỗ ở. Ông đại tướng ngồi dãi thảm trong ghế bành mây, mắt về vè nhìn mọi người, như thể trước mặt ông là một lũ vô loài. Nghe thiên hạ đồn nhiều về tài hùng biện của Nguyễn Chí Thanh, tôi chăm chú nghe ông ta nói. Nguyễn Chí Thanh không nói mà giảng. Ông thường đưa ra một định đề chắc nịch, sau đó mới triển khai nó, chứng minh tính đúng đắn của nó, bằng lời lẽ bình dân pha những tiếng

<sup>1</sup> Thân Liên Xô, tiếng Pháp.

đêm còn bình dân hơn. Thời gian này các cơ quan đang phải học tài liệu “Chống chủ nghĩa cá nhân” do chính Nguyễn Chí Thanh, chứ không phải các thầy Tàu, viết. Nó cũng giống một cuốn với đề tài tương tự của Lưu Thiếu Kỳ, nhưng với nhiều thí dụ Việt Nam. Trong tài liệu này Nguyễn Chí Thanh phán: phải xóa bắng sạch cá nhân mình trong tập thể, con người cá nhân là đáng ghét, nó không là cái gì trước tập thể lớn lao. Những cuộc gặp gỡ tiếp theo với Nguyễn Chí Thanh để lại trong tôi ấn tượng ngược lại những lời dạy bảo của ông ta - chính Nguyễn Chí Thanh mới là kẻ cá nhân chủ nghĩa cao nhất.

May cho dân tộc ta, viên tướng hăng tiến qua đời trước khi trở thành một lãnh tụ độc đoán. Trong ông ta, ngoài tham vọng trở thành vĩ nhân còn có những nét tàn bạo của tên quân phiệt. Tuy nhiên, phải nhận rằng Nguyễn Chí Thanh có hấp lực mạnh mẽ đối với bầy nô lệ tự nguyện. Khi Nguyễn Chí Thanh nói, nhiều người nghe đờ đẫn nhìn ông ta như những con chuột bị rắn hổ thôi miên.

Một hôm ông Ngô Đức Mậu bảo tôi:

- Ngày, anh Thanh bảo anh đọc đi rồi viết một bài phê phán thẳng cha này. Hắn viết bối lão lăm.

Ông đưa cho tôi một cuốn sách mỏng. Đó là cuốn Vào Đời của Hà Minh Tuân. Tôi mang về nhà, đọc một mạch cuốn tiểu thuyết vừa mới ra lò nhưng đã có nhiều tiếng xì xào trong giới phê bình. Tôi ngạc nhiên. Cuốn sách không lôi cuốn tôi bởi văn chương. Về bút pháp nó kém xa Hai Trận Tuyến và là bước lùi về tay nghề của Hà Minh Tuân. Quả là cuốn Vào Đời có chạm tới một vài chuyện được gọi là những mặt tiêu cực của xã hội, là cái mà nền văn học quan phương không cho phép nói tới. Sự dụng chạm này cũng chỉ sơ sơ thôi chưa có gì nặng nề so với thực tế mà tôi biết. Chính chỗ yếu này đã làm cho tác phẩm không xứng đáng bị công kích.

Tôi từ chối gợi ý của Nguyễn Chí Thanh viết bài phê bình Hà Minh Tuân. Tôi quen Hà Minh Tuân, hiểu anh chẳng có ý gì khác ngoài mong muốn viết một cái gì đó cho thực thà, không dối trá. Nhưng anh lại không biết nói bóng gió, anh cứ thẳng ruột ngựa tương ra, cứ bê nguyên xi sự thật vào tác phẩm, thành thử người ta dễ chạm nọc.

Sau thời kỳ Nhân văn - Giai phẩm là thời kỳ của những cuốn sách xuôi chiều, được viết theo cái mà lũ môn sinh của A. Zhdanov<sup>1</sup> gọi là “đơn đặt hàng của cách mạng”. Cuộc khủng bố văn nghệ sĩ năm 1956 để ra sự sợ hãi được đặt tên là trung thành. Mọi người đều nghiêm khắc và kỹ lưỡng kiểm duyệt tác phẩm của mình trước cả người kiểm duyệt chuyên trách của Đảng.

Tôi quen Hà Minh Tuân. Anh là người hiền lành, dễ mến. Nhưng không phải vì tình cảm với anh mà tôi không viết bài phê bình theo sự gợi ý của Nguyễn Chí Thanh. Cuốn sách, nói cho đúng, không chứa đựng một điều phê phán nào đối với sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Đơn giản, nó là chuyện một cô học sinh ngây thơ, trong sáng, vừa mới vào đời đã bị những cán bộ cáo cát lợi dụng lòng ham muốn tiền bộ của cô để làm điều bậy bạ. Tức là, nói theo cách bây giờ, trong đó chỉ dung tới một “hiện

<sup>1</sup> Alexandre Zhdanov (1896-1948), người Ukraina, chính uỷ Hồng quân Liên Xô trong Nội chiến Cách mạng, sau Đại chiến Thế giới lần thứ hai là người lãnh đạo công tác ngoại giao và tư tưởng.

tượng tiêu cực” mà thôi. Tôi trả Ngô Đức Mậu cuốn sách, nói rằng theo tôi đó là một cuốn tiểu thuyết xoàng, nếu trong đó có những điểm không tốt, theo quan điểm chính trị, thì đó là lỗi của nhà xuất bản, và ông Nguyễn Chí Thanh có thể khiến trách người đã cho nó ra đời. Vào hồi ấy Nguyễn Chí Thanh thích nói chuyện văn chương. Chẳng riêng ông, bệnh sinh văn chương là bệnh phổ biến trong các nhà lãnh đạo. Cũng chưa chắc Nguyễn Chí Thanh bực bội vì cuốn sách có nội dung phản động. Ông ta đánh nó để chứng tỏ ông ta hiểu chuyện văn chương nên thấy cần phải uốn nắn các nhà văn sai đường lạc lối.

Trong cuộc “đánh” Nhân văn - Giai phẩm, khởi đầu từ việc tổng nhà thơ quân đội Trần Dần vào cải hối thất, Nguyễn Chí Thanh, lúc ấy là chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, là người rất hăng hái. Phụ tá cho Nguyễn Chí Thanh là nhà văn Vũ Tú Nam<sup>1</sup>.

Vào hồi ông ta xui tôi đánh cuốn Vào Đời của Hà Minh Tân, Nguyễn Chí Thanh không còn làm công tác chính trị trong quân đội, nhưng máu kiếm duyệt vẫn chảy trong huyết quản và ông ta ngứa nghè. Ít lâu sau Nguyễn Chí Thanh tự tay đánh tôi bằng việc phê phán tính người chung chung, chủ nghĩa nhân đạo chung chung, phi giai cấp, cào bằng ranh giới địch ta trong kịch bản phim Đêm Cuối Cùng, Ngày Đầu Tiên, tại một hội nghị cán bộ trung cao quân đội.

Nguyễn trưởng ty văn hóa Hà Tĩnh, họa sĩ Hoàng Nguyên Kỳ, cho tôi biết ông Ngô Đức Mậu, chủ nhiệm báo ảnh Việt Nam, trước là thầy học của Nguyễn Chí Thanh. Chính Nguyễn Chí Thanh cứu ông Ngô Đức Mậu khi ông nằm trong trại giam trong Cảnh đốn tổ chức. Ông Mậu thoát nạn nhờ kêu ầm lên khi trông thấy Nguyễn Chí Thanh đi ngang: “Anh Thanh ơi, anh Thanh! Cứu thầy với!”

Chuyện Hoàng Nguyên Kỳ kể thật khó tin. Nó khó tin ở chỗ ông thầy học cũ rất khùm num trước tên học trò nay là đại tướng. Tôi chơi với Hoàng Nguyên Kỳ, biết tính cách của anh, tôi tin Hoàng Nguyên Kỳ không bịa. Ông thầy khùm num trước học trò làm quan to thì không lạ. Nhưng ở một nước có truyền thống tôn sư trọng đạo hàng nghìn năm mà ông quan học trò cứ tự nhiên như không trước thái độ quý lụy của ông thầy thì lạ lăm. Viên tướng nông dân, theo như tiểu sử chính thức, xuất thân tá điền, trưởng thành trong nhà tù, là xứ ủy viên Trung kỳ vào thời kỳ bí mật, chủ nhiệm Việt Minh Trung bộ những năm tiền khởi nghĩa, đến năm 1948 đã là Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Theo lời người khác, đáng tin hơn, thì Nguyễn Chí Thanh chẳng hề làm tá điền, cũng không phải thành phần cố nông, mà là một “tay chơi” vùng Phong Điền, Thừa Thiên. “Tay chơi” theo cách nói dân dã thời trước Cách mạng Tháng Tám là ăn cướp, nhưng là dạng ăn cướp nghiệp dư, thỉnh thoảng mới họp nhau lại đi kiếm chác rồi giải tán, ai về nhà nấy. Nguyễn Chí Thanh chắc chắn có được học hành chút đỉnh, nếu không sao lại có thầy học là Ngô Đức Mậu? Là cố nông, lại hoạt động cách mạng

<sup>1</sup> Vũ Tú Nam, tên thật Vũ Tiến Nam(1929), nhà văn, em ruột nhà thơ Vũ Cao (tác giả bài thơ nổi tiếng Núi Đôi), trong kháng chiến chống Pháp viết báo Chiến Sĩ, từ 1958-1995 làm thư ký toà soạn báo Văn Học, phó tổng biên tập báo Văn Nghệ, giám đốc nhà xuất bản Tác phẩm Mới, ủy viên BCH Hội Nhà văn Việt Nam. Người như thế, mà khi viết truyện ngắn thiếu nhi Văn Ngan Tướng Công cũng bị nghi ngờ có ý nói xấu Đảng.

liên tục, làm sao Nguyễn Chí Thanh có thời gian để học, dù là tự học, để biết khá rõ về Tôn Tử<sup>1</sup>, Clauzevitz<sup>2</sup>, Napoléon<sup>3</sup>, Lâm Bưu<sup>4</sup>, Zhukov<sup>5</sup>... , như lời một chứng nhân có thời gian ở gần ông xác nhận. Trung tá Trần Thư, người cùng vụ với tôi còn kể rằng trình độ tiếng Pháp của Nguyễn Chí Thanh không đến nỗi tồi, ông ta thậm chí đôi lúc còn biết chơi chữ bằng tiếng Pháp.

Sau khi Nguyễn Chí Thanh chết, tên ông ta được đặt cho đường phố, chân dung ông ta được in trên những con tem. Thế rồi bỗng nhiên người ta im lặng hẳn về viên đại tướng lừng danh quá cố và tên tuổi Nguyễn Chí Thanh chìm vào quên lãng.

Chuyện này có nguyên nhân. Số là hai năm trước cái chết của Nguyễn Chí Thanh (1967), ông Đặng Xuân Thiều trong lúc hấp hối đã cho mòi một số đồng chí ở Trung ương đến để trối trăng về vụ Nguyễn Chí Thanh phản bội xưng khai, làm vỡ một số cơ sở Đảng. Ông chỉ ra những nhân chứng: "Trước đây chúng tôi không nói vì thấy Nguyễn Chí Thanh vẫn tích cực tham gia công tác cách mạng, thôi thì việc quá khứ rồi, bỏ qua đi cho hắn, cho hắn có cơ hội đón công chuộc tội. Sau đó thì không nói được nữa - Bác và Bộ Chính trị quá tín nhiệm hắn, cho hắn phụ trách toàn việc lớn, nói ra lại vạ vào thân. Nay tôi sắp chết, phải nói lại việc này kẻo tui cho vong linh các đồng chí đã hy sinh không được ai nhắc nhở, tên phản bội thì lại được ca ngợi như anh hùng". Trung ương kiểm tra lại thấy đúng mới lặng lẽ dẹp cái sự xưng tụng kia đi. Chỉ còn một con đường ở thành phố Hồ Chí Minh là còn giữ tên Nguyễn Chí Thanh. Người ta chưa thay vì ngượng, chẳng lẽ lại cho "bọn ngụy" biết tại sao phải thay lại tên đường.

Xin quay lại chuyện tướng Giáp.

Lẽ ra, cha tôi làm công tác quân sự cùng với tướng Giáp theo một quyết định của Trung ương Đảng sau Hội nghị Tân Trào, nếu như không có một quyết định mới của Trung ương huỷ quyết định trước. Quyết định này liên quan tới cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa cha tôi với ông Hồ tại hội nghị Tân Trào (cuối tháng 7, đầu tháng 8 năm 1945). Cha tôi kể ông rất ngạc nhiên trước sự thiếu hiểu biết về tình hình trong nước của ông Hồ. Chẳng hạn, ông Hồ hỏi cha tôi: "Có phải cụ Huỳnh Thúc Kháng<sup>6</sup> đầu Tây rồi phải

<sup>1</sup> Ôn Tử, hay Tôn Vũ (thế kỷ 6 TCN), người nước Tề (tỉnh Sơn Đông bây giờ), lý thuyết gia quân sự nổi tiếng với cuốn Tôn Tử binh pháp,

<sup>2</sup> Karl von Clauzevitz (1780-1831), người Phổ, gần Magdeburg, nhà lý luận quân sự nổi tiếng.

<sup>3</sup> Napoléon Bonaparte (1769-1821), một tướng tài danh, hoàng đế nước Pháp.

<sup>4</sup> Lâm Bưu (1908?-1971), tướng tài của Hồng quân Trung Hoa, trong cuộc Đại Cách mạng Văn hoá Vô sản (1966-1976) được coi như người kế vị Mao Trạch Đông. Sau, theo những tài liệu của Trung Quốc (còn nhiều nghi vấn) Lâm Bưu chống Mao, chết trên không phận Mông Cổ trong khi bỏ chạy trên máy bay.

<sup>5</sup> Georgi Konstantinovich Zhukov (1896-1974), thống chế Liên Xô.

<sup>6</sup> Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947), tự Giới Sanh, hiệu Minh Viên, 29 tuổi đậu tiến sĩ khoa thi Hội năm 1904. Làm bộ trưởng Bộ Nội vụ trong chính phủ liên hiệp năm 1946, quyền chủ tịch nước cũng năm ấy.

không?”. Cha tôi nói không phải, ông vừa mới gặp cụ Huỳnh hai tháng trước, cụ rất kiên định cách mạng. Ông Hồ Chí Minh hỏi chuyện cha tôi cả một buổi và hài lòng thấy cha tôi biết nhiều về nhân sĩ trí thức. Sự hiểu biết này do công tác cách mạng mà có – trong thời gian hoạt động bí mật trước Cách mạng Tháng Tám cha tôi làm công việc chắp nối các tổ chức Đảng suốt từ Bắc chí Nam, đi lại nhiều, quen biết nhiều. Chính vì vậy mà trong cuộc họp Trung ương cuối tháng 8. 1945 ông Nguyễn Lương Bằng đã đưa ra đề nghị cha tôi rời công tác quân sự để giúp việc ông Hồ. Đề nghị của ông được Trung ương nhất trí. Cha tôi có ghi lại nội dung cuộc họp đó, hình như vào ngày 28 tháng 8 thì phải, trong hồi ký “Tháng Tám cờ bay”. Nói đến Võ Nguyên Giáp, cha tôi nhận xét ông Giáp có nhược điểm hay tránh né khi xảy ra bất đồng ý kiến. Với vẻ ngoài bình thản, pha chút cao ngạo, nhiều người tưởng ông kiêu căng, đặt mình trên những cuộc tranh luận. Thực ra, ông bao giờ cũng sẵn sàng chịu lép về trước người đối thoại hùng hổ có quyền lực. Tất nhiên, ở cương vị của ông số người dám áp đảo và áp đảo được ông không nhiều.

Cha tôi kể: năm 1949, khi Trung ương ra nghị quyết “Tích cực cầm cự, chuyển mạnh sang tổng phản công” do Trường Chinh thảo, Võ Nguyên Giáp không thông, nhưng cũng không cãi lại. Theo nguyên tắc, Võ Nguyên Giáp phải triệu tập một hội nghị cán bộ quân sự trung cao cấp để phổ biến nó dưới dạng báo cáo của Bộ Tổng tư lệnh. Cha tôi đến dự hội nghị nhưng vắng mặt trong buổi báo cáo đó. Nghị quyết ông đọc rồi, nghe lần nữa ông không muốn. Theo cha tôi, nghị quyết này phản ánh ý muốn đốt cháy giai đoạn của Trường Chinh, không được nhiều người đồng tình, nhưng Hồ Chí Minh lại tán thành. Sự tán thành ấy không có nghĩa là họ giống nhau. Nếu Trường Chinh thành tín đối với lý thuyết của Mao Trạch Đông thì ông Hồ chỉ dùng nó như một thủ đoạn chính trị. Khi thấy cha tôi không thông, ông Hồ giải thích: “Thì mình có nói cụ thể thời hạn tổng phản công là bao giờ đâu. Kháng chiến cực nhọc nhiều rồi, cũng phải động viên quần chúng cho họ phấn khởi nhìn về tương lai chứ”.

Trong nhiều vấn đề kháng chiến, quan điểm cha tôi gần với Võ Nguyên Giáp. Hai ông không đồng tình với khẩu hiệu tiêu thổ kháng chiến của Trường Chinh, cho rằng chỉ vươn không nhà trống là đủ. Nếu cần thì trên một bãi hoang địch cũng lập nên đồn bốt, thậm chí cả một tập đoàn cứ điểm, còn nếu không cần thì một thành phố nguyên vẹn chúng cũng chẳng màng. Sau mới thấy vươn không nhà trống là đúng. Vinh, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên chỉ còn là đống gạch vụn, nơi thì Pháp không tới, nơi chúng tới rồi lại rút đi.

Trong hội nghị cán bộ quân sự họp ở Phú Thọ nói trên, sau khi báo cáo ở hội trường trở về Võ Nguyên Giáp ngồi phịch xuống bên cha tôi, lúc ấy đang nằm ở lán.

Thấy Võ Nguyên Giáp buồn thiu, cha tôi hỏi:

- Có chuyện gì thế?

- Mình rõ to đầu mà dại. - Võ Nguyên Giáp thở dài - Thằng Thận đúng là xúi chó vào bụi rậm. Mình biết trước sẽ khổ vì cái nghị quyết của nó. Y như rằng, vừa mới đọc xong báo cáo, chưa kịp ngồi xuống đã bị Nguyễn Sơn<sup>1</sup> nó đập cho một trận tơi bời, vuốt mặt không kịp.

Ông thuật lại cho cha tôi nghe Nguyễn Sơn đập ông như thế nào. Cha tôi cười rũ.

- Nhưng nó đập đúng chứ? - cha tôi hỏi.

- Đúng! - Võ Nguyên Giáp hồn nhiên thừa nhận – Thế mới cay.

Thiếu tướng Nguyễn Sơn nổi tiếng ngang tàng, không kiêng nể một ai, khi nóng lên lại hay văng tục. Trên hội trường, Nguyễn Sơn nói thẳng vào mặt tổng tư lệnh: “Nói tổng phản công vào lúc này là chẳng biết cái đếch gì về quân sự... Thủ điểm lại mình coi, có cái cóc khô gì trong tay mà đòi tổng phản công! Tổng phản công cái cục c... !!”

Tôi được nghe cha tôi kể chuyện này vào thời kỳ đang diễn ra Hội nghị Trung ương lần thứ 9. Tiếng nói của tướng Giáp là tiếng nói có trọng lượng. Nếu Võ Nguyên Giáp kiên quyết, vị tất Bộ Chính trị đã lái được Trung ương vào con đường mao-ít. Mà con đường này lợi ít, hại nhiều.

Hồ Chí Minh, theo những người sau này bị liệt vào “bọn xét lại” nhận xét, không thân Trung Quốc. Ông là người thuộc sử. Ông biết Trung Quốc là thế nào trong quan hệ với Việt Nam. Nếu không muốn đất nước bị lệ thuộc vào Bắc triều, với tư cách nước chư hầu, nước phén đậu, thì phải tránh sự quá thân cận với họ. Phạm Văn Đồng ba phải sẽ ngả theo đa số. Trường Chinh sau khi chịu thảo nghị quyết theo ý Lê Duẩn hiển nhiên sẽ đứng về phía Lê Duẩn và Lê Đức Thọ.

- Rồi xem Văn<sup>2</sup> nó có dám chống lại thằng Duẩn với thằng Thọ không? - cha tôi nói - Tính nó vậy đấy, đứa nào to mồm là nó im. Chán lắm!

Sự việc diễn ra như cha tôi tiên đoán. Võ Nguyên Giáp im lặng ngay từ đầu, trong cuộc họp Bộ Chính trị đi trước hội nghị Trung ương.

Đầu tháng 12 năm 1963 tướng Lê Liêm xin gặp chủ tịch nước để trình bày với ông mối lo ngại trước viễn cảnh Việt Nam bị cuốn vào cuộc đấu tranh giữa hai cường quốc xã hội chủ nghĩa. Theo ông, cuộc

<sup>1</sup> Nguyễn Sơn (1908 - 1956) tên thật là Vũ Nguyên Bác, quê Gia Lâm, Hà Nội. Từng đến Pháp năm 1923. Năm 1925 gia nhập Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội. Năm 1927 tham gia Đảng cộng sản Trung Quốc, tham gia Quảng Châu Công xã, làm tổng biên tập báo Kháng Địch, được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc, dự Hội nghị Tuân Nghĩa khi Mao Trạch Đông lên nắm quyền lãnh đạo. Tham gia cuộc vận lý trường chinh của hồng quân Trung Hoa với bí danh Hồ Thuỷ, chính uỷ sư đoàn 34 thuộc quân đoàn 12. Giảng viên Trường Quân sự Chính trị Trung ương của Hồng quân ở chiến khu Thụy Kim. Về nước tham gia kháng chiến, nhưng năm 1950 lại trở sang Trung Quốc, được Trung Quốc phong thiếu tướng. Ông được xếp vào một trong 79 đại công thần của nước CHNDTH.

<sup>2</sup> Bí danh của Võ Nguyên Giáp.

đấu tranh này hoàn toàn không cần thiết đối với nước Việt Nam đang có chiến tranh. Hơn nữa, nó chứng tỏ một sự quá lệ thuộc Trung Quốc. Ông phàn nàn chuyện những cán bộ lãnh đạo chủ chốt của khối tuyên giáo như Tố Hữu, Hoàng Tùng, Lưu Quý Kỳ... đi khắp nơi chửi bới Liên Xô, mà Liên Xô là nước đang giúp Việt Nam chống Mỹ.

Ông Hồ trầm ngâm nghe tướng Lê Liêm trình bày rồi nói:

- Vừa nhận người ta là anh em, xin viện trợ của người ta năm này qua năm khác, lại vừa chửi người ta thì xấu quá.
- Nhưng bản dự thảo nghị quyết lại là thế.
- Ra hội nghị chú cứ nói. Tôi ủng hộ.

Ngày hội nghị họp, Lê Liêm đơn độc đọc tham luận chống lại đường lối thân Trung Quốc trước một cỗ tọa lạnh lùng. Võ Nguyên Giáp ngồi im, đầu cúi, thỉnh thoảng lại cựa quậy trên ghế. Lê Duẩn bối rối. Lê Đức Thọ hăm hăm. Khi Lê Liêm kết thúc bản tham luận, bầu không khí đã nặng nề còn nặng nề hơn nữa. Ông nhìn ông Hồ Chí Minh, chờ một lời ủng hộ, nhưng ông Hồ tránh ánh mắt của ông, quay đi nơi khác<sup>1</sup>.

- Điều tôi không ngờ là Bác đã hứa, nhưng lại không giữ lời. - Lê Liêm kết luận - Tôi không hiểu được, vì lẽ gì? Hôm tôi gặp Ông Cụ nghe tôi chăm chú, suy nghĩ một lát rồi mới trả lời, chứ không phải Ông Cụ trả lời bập chộp đâu, có phải hứa đãi bôi đâu... Có một cái gì đó không hiểu được, cậu ạ.

Chúng tôi ngồi lặng lẽ trước cái bàn rộng trong phòng khách, trong ánh sáng chập chờn của chiều tàn. Căn phòng tối dần, nhưng Lê Liêm không bật điện.

Đó là lần gặp cuối cùng. Chẳng bao giờ tôi còn gặp ông nữa.

Tôi nhớ lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau, mùa thu năm 1952, trên đỉnh dốc Cun. Sau dốc Cun từ Hòa Bình đi Vụ Bản có một quãng trống dài bốn cây số, nơi máy bay địch hay xuất kỳ bất ý sà thấp bắn vào người đi đường, bất kể đi một mình hay đông người, đi bộ hay bằng xe đạp. Nhiều người bị chết ở quãng này, vì vậy nó được đặt tên là Cửa Tử. Từ khu 3 đi Việt Bắc tôi vượt qua Cửa Tử lúc sẩm tối, rồi dừng lại nghỉ qua đêm trên đỉnh dốc để đổ dốc lúc mờ sáng. Trong số khách dừng chân trong cái quán nhỏ cùng chúng tôi, có một người đàn ông trẻ, trắng trẻo, với gương mặt sáng sủa. Thấy tôi mê mải đọc sách bên bếp lửa, ông ngồi ghé bên cạnh:

<sup>1</sup> Tôi không nghe ông Lê Liêm nói tới ông Bùi Công Trừng trong Hội nghị 9. Theo tôi nhớ thì hôm Trung ương họp, ông Trừng ốm nằm trong bệnh viện Việt - Xô. Tại sao một cuộc họp quan trọng thế mà ông lại bỏ? Chắc đã có sự lãnh đạo để bệnh viện không cho ông rời giường bệnh. Ông Dương Bạch Mai không phải uỷ viên trung ương, tuy nhiên ông vẫn cứ tới địa điểm họp, xin được vào dự thính, nhưng đề nghị của ông không được chấp thuận, chuyện này ông Mai có kể lại cho tôi. Việc các cán bộ Trung ương được dự thính trong các cuộc họp của Trung ương đã có tiền lệ, không phải nhất thiết không được.

- Đồng chí có cuốn gì đấy?

Tôi lật bìa cho ông xem. Đó là cuốn *Le Printemps à Sakenne* (Mùa Xuân ở Sakenne) bằng tiếng Pháp. Mắt ông ta sáng lên.

- Cho tôi ngó qua một chút nhé, được không? - mắt sáng lên, ông ta rụt rè đề nghị.

Có bảo vệ đi cùng, ông này ít nhất cũng trung đoàn trưởng hoặc trung đoàn phó, loại kẽm đât, tôi nghĩ.

- Tôi có cuốn này cũng hay lắm, hay là ta đổi cho nhau? - trả lại tôi cuốn sách, ông ta gạ.

Ông mang tới cuốn *La Jeune Garde* (Đội Thanh Niên Cận Vệ) của Fadeev<sup>1</sup>. Nó là cuốn sách rất quý hồi ấy. Nếu đổi, tôi là người có lợi. Nhưng bỏ dở cuốn Mùa Xuân ở Sakenne đang đọc tôi không muốn. Tôi nói nếu tới sáng tôi đọc xong tôi sẽ đổi cho ông. Ông xởi lời sai bảo vệ mang cho tôi cái đèn bão bọc kín trong giấy đen chỉ để lại một lỗ thủng cho ánh sáng lọt ra vừa đủ để đọc sách.

Chúng tôi chia tay vào rạng sáng. Đến lúc ấy tôi mới biết ông là cục trưởng Cục Dân quân Lê Liêm. Hồi ấy lớp thanh niên chúng tôi háo hức đọc tác phẩm văn học xô-viết lắm. Nhưng sách Liên Xô lúc bấy giờ hiếm. Lác đác có mấy cuốn: *Đội Thanh niên Cận vệ* của Fadeev, *Người Mẹ* của Maxim Gorky<sup>2</sup>, *Tinh Cầu* của Kazakievich, *Con đường Đau khổ* của Alexey Tolstoy<sup>3</sup>... Sau này, khi Lê Liêm từ quân đội chuyển sang công tác dân sự, làm thứ trưởng Bộ Văn hóa phụ trách điện ảnh, chúng tôi mới gặp lại nhau. Nhắc lại cuộc gặp gỡ trên dốc Cun ông kêu ông thiệt - cuốn *Le Printemps à Sakenne* nhạt phèo.

Để lãnh đạo ngành điện ảnh cần phải có kiến thức rộng, nhất là kiến thức chuyên môn, mà Lê Liêm lại không có cái đó. Không giống một số cán bộ cờ đến tay là phất bừa, không biết cũng lãnh đạo tạt, Lê Liêm khiêm tốn yêu cầu tôi soạn bài giảng theo cách tóm tắt, giới thiệu cho ông đặc trưng của nghệ thuật thứ bảy, lịch sử điện ảnh thế giới và nói chung mọi vấn đề văn hóa nghệ thuật. Ông nghe giảng chăm chú, ghi chép cẩn thận như một cậu học trò.

Để hiểu âm nhạc ông tự học nhạc lý, nhờ một nhạc công dạy dương cầm và trở thành một nhạc sĩ nghiệp dư không đến nỗi tồi. Tôi chưa gặp cán bộ cấp cao nào chịu học hỏi như Lê Liêm. Ông là gương mặt tiêu biểu cho số không nhiều những người lãnh đạo biết tôn trọng trí thức. Những người này ý thức được rằng nếu không dựa vào trí thức thì chế độ xã hội chủ nghĩa chỉ là một ảo ảnh sán lạn trong

<sup>1</sup> Fadeev A. A. (1901-1956), nhà văn Xô Viết, vào Đảng cộng sản Nga năm 1918, ủy viên Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô, ủy viên Hội đồng hòa bình thế giới. Cuốn *Đội Thanh Niên Cận Vệ* của ông, tôi không nhớ tên người dịch, được nhà xuất bản Thanh Niên dịch ra tiếng Việt, bán rất chạy, tái bản nhiều lần.

<sup>2</sup> Maxim Gorky, tên thật là Aleksei Maksimovich Peshkov (1868-1936), nhà văn lớn của nước Nga, người ủng hộ nhiệt thành Cách mạng Tháng Mười. Ông được các nhà lý luận văn học xã hội chủ nghĩa tôn sùng, coi như ông là người đã sáng tạo ra một trường phái văn học mới gọi là hiện thực xã hội chủ nghĩa.

<sup>3</sup> Mấy nhà văn Liên Xô bậc trung.

dầu đám đông bần cố. Nhờ ham học, Lê Liêm luôn tiếp cận cái mới, cái tiến bộ, không bao giờ bảo thủ. Và đó chính là cái đã làm cho ông trở thành cái gai trong mắt những người như Trưởng Chinh, Lê Duẩn. Họ không thể ưa ông được khi thấy ông trân trọng, ưu ái những tài năng bị Đảng trù dập.

- Thiên hạ mỗi người mỗi ý, chưa biết ý nào hơn ý nào. Chân lý phát ra từ miệng quân vương hay từ miệng con điếm đều có giá trị ngang nhau. - Lê Liêm nói với tôi - Một khi nó đã là chân lý.

Báo cáo của tôi về đại tướng Võ Nguyên Giáp bị Huỳnh Ngự chê ẻo lả eo.

Tôi nói rằng tôi không thể bịa.

- Ai biểu anh phải bịa? Nhưng anh không thành khẩn. Tui biết, có nhiều điều đúng là anh không biết thiệt, nhưng có những điều chắc chắn anh phải nghe người khác nói mà anh không chịu báo cáo. Cái nớ, xét cho cùng, chỉ thiệt cho anh thôi!

Không hiểu nếu tôi khai thật với y rằng những người mà y gọi là xét lại hiện đại không hề có ảo tưởng về tướng Giáp thì thái độ của y sẽ ra sao?

Tôi chắc y không tin. Nhưng sự thật là như vậy. Chẳng ai ngờ ngắn để đặt hi vọng vào tướng Giáp cả.

Huỳnh Ngự đọc xong, bắt tôi ký vào từng trang như thường lệ.

- Tui đã nói với anh không biết bao nhiêu lần rằng anh phải viết vô đây cả những tin đồn, vậy mà cả lần này nữa anh cũng không viết. - y lầu bầu - Anh quên thật, anh không hiểu hay anh không muốn hiểu?

Còn một điều nữa y không biết, mà tôi cũng không muốn nói cho y biết, là tướng Giáp rất đơn độc. Trong quan hệ cá nhân, ông không được mọi người coi là bạn tốt. Không thể nào chỉ ra được ai là bạn thân của ông trong đời sống riêng cũng như trong đời hoạt động cách mạng. Ở cương vị đại tướng, ông bị cấp dưới chê là hách dịch. Người ta nhận xét tướng Văn Tiến Dũng đối xử với những người giúp việc có tình người, hơn hẳn tướng Giáp.

- Trong này anh không viết một dòng nào tới chuyện bọn Đặng Kim Giang, Lê Giản, Lê Liêm, Bùi Công Trừng... đừng nói chi tới Võ Nguyên Giáp. Đám ấy thế nào mà chả động tới ông tướng của họ, đúng không?

Huỳnh Ngự ngay một lần tới. Y muốn tôi phải phụng sự ngành công an như một tên chỉ điểm chính cống kia.

- Nhưng khách tới nhà thời anh cũng phải điếu đóm cho ông già chớ? Nhứt định anh phải nghe được, không chuyện này cũng chuyện khác, phải không nào? Không thể không có cái đó.

Khi nào giờ trò bắt nạt là y như rằng y phải nhìn chằm chằm vào tận mặt tôi, đôi mắt gián nhấm hấp háy qua cặp tròng xây xát. Tôi phải nhịn thở để tránh hơi hối thối phả ra từ miệng y.

- Tôi nói nhiều lần rồi: giáo giáo miền Bắc không cho phép con cái hóng chuyện người lớn. - tôi nói - Vả lại, tôi cũng không có ý định nghe lỏm để nói lại với ai.

"Có biết tao cũng chẳng nói với mà!" , đó là câu tôi muốn nói với y hơn cả.

Nghe tôi nói tới gia giáo, y hiểu tôi nói xở y, rằng y là đứa "mất dạy", không được giáo dục.

- Thôi được, tui nói thẳng ra với anh: có lúc mô, ở nơi mô anh nghe thấy mấy kẻ tôi vừa nhắc tên – mặt đỏ lên, y dần từng tiếng, thở phì phò - đả động tới hai chữ ni không?

Tôi nhìn chầm chằm vào bộ mặt căng thẳng của y.

- Hai chữ gì?

- Đảo chính!

## 20

Thế là cuối cùng người ta đã đi tới câu hỏi không thể không đặt ra. Mà lẽ ra nó phải là câu hỏi đầu tiên người ta cần đặt ra cho tôi khi đưa tôi vào Hỏa Lò.

Nó chính là cái trực, mọi việc đều phải xoay quanh nó, dính vào nó. Không có nó, không thể chế tạo được một vụ án lớn. Để bắt giam một loạt cán bộ có tiếng tăm, trong đó có cả những bậc lão thành cách mạng, bọn Lê Duẩn, Lê Đức Thọ không thể đưa ra một tội danh tầm phào như "nói xấu chế độ,

nói xấu lãnh tụ”<sup>1</sup> được, mặc dầu với tội danh này đã có không biết bao nhiêu công dân phải nằm trong các trại tập trung năm này qua năm khác.

Xem xét tính hiện thực của một âm mưu đảo chính, tôi đặt hai vấn đề.

Một là, những mâu thuẫn nội tại trong xã hội trong thời kỳ ấy có phát triển tới mức nỗi lên nhu cầu thay thế chế độ hiện hữu hoặc thay thế ban lãnh đạo đương nhiệm bằng một cuộc đảo chính không?

Câu trả lời là: không. Nhân dân thấy bức bối dưới sự cai trị hà khắc nhưng vẫn cố gắng chịu đựng, tự an ủi rằng mọi sự khó chịu là nhất thời, là do chiến tranh, chiến thắng rồi cuộc sống sẽ khác.

Hai là, nếu âm mưu đảo chính là có thì ai là người muốn đảo chính và thực sự có khả năng làm đảo chính?

Trước hết, cái gọi là những cái gọi là “lực lượng phản động chống chế độ” gồm những người có quá khứ liên quan với chính quyền thuộc địa (viên chức, sĩ quan, mật thám...); những thành viên các đảng phái có thật và không có thật, đều đã bị tiêu diệt hết bởi lưỡi gươm không khoan nhượng của chuyên chính vô sản. Mọi mưu toan chống đối đều bị bóp chết từ trong trứng, như cách người ta thường nói. Không có, và không thể có chuyện những lực lượng đó làm đảo chính.

Chỉ còn lại những người cộng sản không thuộc dòng chính thống và bị dòng chính thống nghi ngờ. Chỉ họ mới có khả năng tập hợp quần chúng quanh mình như quanh một ngọn cờ đại nghĩa. Cũng chỉ họ mới có khả năng làm đảo chính.

Trong thực tế, như một nghịch lý, những người này lại chẳng bao giờ nghĩ tới đảo chính cả. Trong họ không có sự lựa chọn nào khác ngoài sự lựa chọn hai lối một: hoặc là chủ nghĩa xã hội phi dân chủ như xã hội hiện tại, hoặc là chủ nghĩa xã hội dân chủ chưa hiện hữu, đòi hỏi ở họ những cố gắng và quyết tâm cách tân.

Nhưng đất nước lại đang có chiến tranh, một cuộc đảo chính sẽ là nhát dao đâm vào lưng người chỉ huy cuộc chiến là Đảng cộng sản, cho tới bấy giờ vẫn là đảng của họ. Đảo chính có thể làm mất đi chính chủ nghĩa xã hội để có cơ may dân chủ hóa nó. Cho nên mặc dầu có nhiều điều bất đồng với nhà cầm quyền trên nhiều mặt những người bị vu là có âm mưu lật đổ chưa bao giờ nghĩ tới lật đổ.

Như thế, chỉ còn lại những người đang đứng trên đỉnh cao quyền lực tự đảo chính mà thôi. Tạo ra một cuộc đảo chính tưởng tượng để gạt bỏ những đối thủ có khả năng thay thế mình một sớm một chiều cũng có thể gọi là đảo chính.

<sup>1</sup> Trong Bộ luật hình sự không có tội danh này. Tuy nhiên, nó được sử dụng tùy tiện như rất nhiều tội danh khác, đại loại như tội “xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước” hoặc “lợi dụng các quyền tự do dân chủ” v.v...

Riêng việc cho đến tận bây giờ những người lãnh đạo Đảng cộng sản vẫn còn phải dài lời biện bạch về một vụ bắt bớ xảy ra ba chục năm trước để thấy họ lúng túng tới mức nào trước dư luận xã hội. Những người lãnh đạo Đảng còn phải biện bạch còn chán, chừng nào họ còn ngồi được trên ghế của mình mà biện bạch. Tôi dùng từ "họ" ở đây để chỉ hoặc lớp đệ tử đã dây máu ăn phần trong quá khứ, hoặc lớp lãnh đạo mới lên run rẩy trước viễn cảnh bị tước đoạt địa vị ăn trên ngòi trốc vừa kiếm được. Đó là lớp trợ thủ và hậu bị đang kế tục sự nghiệp của những kẻ chủ mưu vụ đảo chính thật, thủ phạm chính của vụ trấn phản tàn bạo mở đầu năm 1967, chứ không phải chính những kẻ đó, nay đã chết rồi.

Họ sợ vụ án bị xới lên sẽ dẫn tới thắng lợi của xu hướng dân chủ pháp trị, tới sự cáo chung không tránh khỏi của nền độc tài Đảng trị.

Nhà cầm quyền hiện tại rêu rao rằng những người bị bắt sở dĩ có lập trường đối lập với Đảng là do bất mãn, công thần, do đòi hỏi hưởng thụ.

Một sự bịa bợm trắng trợn.

Sự thật là: làn sóng chống đối đã hình thành một cách tự phát, từ bản năng bị đe nén, từ nhân phẩm bị chà đạp.

Đó chính là sự vùng lên của con người tự trọng đòi quyền sống, quyền làm người.

Nhưng dưới triều đại sắt thép của Duẩn - Thọ, sự vùng lên của những cán bộ bất tuân chỉ mang dáng dấp một cuộc vận động âm thầm cho những ý kiến của mình, mong chúng được lãnh đạo chấp nhận. Nghĩa là một cuộc đấu tranh hòa bình nhất, hiền lành nhất, không xứng đáng với bất cứ sự đàn áp nào.

Lê Duẩn quá cẩn thận trong việc bịt miệng đồng chí. Chỉ bằng những nghị quyết dựa trên đa số áp đảo, dựa trên những mánh khốé xảo quyết của bộ máy tổ chức, bất cứ Đại hội Đảng<sup>1</sup> nào cũng chẳng mang lại được cái gì mới, đừng nói gì các Hội nghị Trung ương.

Câu hỏi được đặt thêm là: Lê Duẩn - Lê Đức Thọ cần gì phải dựng nên một màn kịch nhầm bối nhô các nhà cách mạng lão thành mà cuộc đời chiến đấu của họ đã chứng minh lòng trung thành vô hạn với cách mạng và vì thế không thể bối nhô nổi, trừ cách cả vú lấp miệng em?

Tổng hợp các dữ kiện tôi có, câu trả lời có tính thuyết phục cho câu hỏi đặt ra ở trên là thế này: sự hấp tấp vã ra một vụ đảo chính bất thành rõ ràng được tính toán như một đòn phòng ngừa nhằm vào đối thủ tiềm tàng đang nằm trong thế cờ có thể trở thành đối thủ thật sự lúc nào không biết.

<sup>1</sup> Theo cách thức họp Đại hội được Ban tổ chức Trung ương đề ra thì các đại biểu được các cấp cơ sở bầu đi dự Đại hội còn phải qua cái gọi là "xét duyệt tư cách đại biểu" rồi mới được công nhận là đại biểu chính thức. Việc "xét duyệt tư cách đại biểu" thuộc thẩm quyền Ban Tổ chức Trung ương. Bằng cách đó, Thọ gạt ra ngoài bất cứ ai không được lòng Ban lãnh đạo Đảng đương nhiệm, để ban lãnh đạo này tiếp tục nắm quyền trong khóa sau.

Mối lo của liên minh Duẩn - Thọ không phải các cán bộ lão thành, tuy thoát nhìn bề ngoài có vẻ là như vậy. Những người đó chỉ là mối lo cụ thể, thấy được bằng mắt thường. Mối lo thật sự làm cho Duẩn - Thọ ăn không ngon ngủ không yên chính là trí tuệ Việt Nam nằm trong những nhân vật cách mạng tiên tiến và tầng lớp trí thức, một lực lượng hàm chứa mối đe dọa lớn lao của một trào lưu âm ỉ không bao giờ tắt đòi tự do và dân chủ.

Đối thủ tiềm tàng này sẽ gạt bỏ họ, kẻ đại diện cho nền chuyên chế bị dân chúng vừa sợ hãi vừa ghê tởm, một khi xuất hiện tình thế cách mạng, thường liên quan với một biến động thế giới.

Những nhà cách mạng lão thành có đầu óc cấp tiến và các trí thức có tên tuổi chính là ngọn cờ duy nhất có hấp lực mạnh mẽ đối với quần chúng khát khao dân chủ và nhân quyền. Ngọn cờ này có khả năng trở thành một sức mạnh bất ngờ lật ngược tất cả nếu như tình hình quốc tế trở nên bất lợi cho Trung Quốc, cũng là bất lợi cho Việt Nam, là điều Duẩn-Thọ đủ thông minh để hiểu rằng nó không phải là cái chắc chắn không thể xảy ra. Tháng 12 năm 1963, khi họ cho ra Nghị quyết 9, tình thế không hề giống như cuối năm 1967.

Để đối phó với tình huống xấu nhất, nghĩa là thất bại của đường lối Mao Trạch Đông với những Đại nhảy vọt, Đại cách mạng văn hóa vô sản sẽ dẫn tới sự thay đổi ban lãnh đạo Đảng cộng sản Trung Quốc, hoặc nặng nề hơn, thay đổi cả thể chế xã hội Trung Quốc, và tất nhiên, ở Việt Nam lúc đó cũng sẽ diễn ra sự thay đổi tương tự, Duẩn-Thọ đi nước cờ liều - bắt giam hàng loạt cán bộ, trong quân đội cũng như ngoài quân đội, cho ra vẻ có một âm mưu đảo chính thật.

Những bài bản của Mao trong việc loại trừ các tướng lĩnh, những người có khả năng thế chân Mao, được Lê Duẩn và Lê Đức Thọ coi như bảo bối. Người có khả năng ngồi vào ghế của họ là Võ Nguyên Giáp và các cán bộ được xếp vào cái gọi là Đoàn cán bộ Trung ương<sup>1</sup>. Cách tốt nhất để tiêu diệt đối thủ là dựng ra một âm mưu đảo chính. Để dựng ra một vụ âm mưu đảo chính không cần, không nhất thiết cần có bằng chứng (tất nhiên, tạo ra được những bằng chứng giả thì tốt hơn). Chỉ cần nửa kín nửa hở, sao cho nó tồn tại trong dân chúng bị bưng tai bịt mắt như một tin đồn có sở cứ, còn với nạn nhân của vụ trấn phản thì chỉ cần nặn ra được vài lời khai của đôi ba người nhát gan rằng họ có nghĩ tới, có trò chuyện với nhau về một âm mưu đảo chính là đủ.

Hoàng Văn Hoan lầm to khi cho rằng Lê Duẩn theo Khrushov chống Mao, Lê Duẩn là xét lại. Trên thực tế, Lê Duẩn gần với Hoàng Văn Hoan hơn bất cứ ai trong ban lãnh đạo Đảng thời kỳ đó. Cả hai đều là Tiểu Mao về tư tưởng. Cả hai cùng có chung một định hướng chính trị, một hình dung về thể chế xã hội, một cách cai trị. Họ không chơi được với nhau, không chung sống được với nhau, là do những cái khác. Hoàng Văn Hoan còn có trong mình nhân cách nhà nho, ông thích mô hình xã hội Mao vì cho rằng chỉ có nó mới bảo đảm chắc chắn cho thắng lợi của cách mạng vô sản, trong khi Lê Duẩn đã là người thực dụng, Lê Duẩn thích nó vì nó bảo đảm cho ông ta ngồi yên trên ghế độc tài. Những người

<sup>1</sup> Đoàn cán bộ Trung ương không phải là một tổ chức mà là cách gọi các cán bộ có thân niên công tác cách mạng, lực lượng được gọi là kế cận, thường được Bộ Chính trị bổ xung vào Trung ương khi cần thiết.

biết Lê Duẩn nói rằng Hoàng Văn Hoan nhận xét chính xác về tính cách của Lê Duẩn. Theo Hoàng Văn Hoan, Lê Duẩn có tham vọng vô độ. Việc Lê Duẩn vội vã gạt Hồ Chí Minh ra khỏi quyền bính bộc lộ tham vọng này. Trong hành động Lê Duẩn là người duy lý, không thừa nhận tình nghĩa, không hợp tác được với ai mà không nghĩ tới chuyện hất cẳng họ. Lê Đức Thọ có không trung thành với Lê Duẩn sau này cũng chỉ là sự đi trước đối thủ một bước mà thôi. Chuyện màu sắc chính trị của Lê Duẩn thay đổi như da kỳ nhông lại là chuyện khác, nó thuộc về tính lá mặt lá trái của Lê Duẩn<sup>1</sup>.

Khi chúng tôi bị khóa tay đưa vào Hỏa Lò, Lê Duẩn vừa đi Liên Xô về. Tại điện Kreml, Lê Duẩn lớn tiếng khăng định quê hương Cách mạng Tháng Mười là Tổ quốc thứ hai của những người cộng sản Việt Nam, thề thốt sẽ bảo vệ tình hữu nghị giữa hai nước như con ngươi của mắt. Cùng lúc, ở trong nước ngành tuyên truyền ra sức ngợi ca chế độ toàn tri, hăm dọa trấn áp những ai muốn Việt Nam đi theo con đường dân chủ hóa vừa được hé mở tại Liên Xô, gọi họ là những phần tử pro-soviétique<sup>2</sup>. Tại những cuộc thuyết giảng nội bộ đám đệ tử Lê Duẩn tiếp tục chỉ trích những nghị quyết của Đại hội XX, gọi giai đoạn sau Khrushov là chủ nghĩa xét lại Khrushov không có Khrushov, đồng thời mập mờ đưa đẩy vài ba câu chống Mao, trong khi đó thì bộ máy trấn phản thì được lệnh hoạt động hết tốc lực để thu gom đám xét lại vào xà lim.

Trước khi bị bắt tôi đã nghe những tin đồn về sự lùng củng giữa những người anh em ruột thịt Trung - Việt. Ông Hồ Chí Minh có câu nói nổi tiếng về mối tình hữu nghị khăng khít ấy: "Việt Nam với Trung Quốc như môi với răng. Môi hở thì răng lạnh". Sau này, khi hai bên day tay mím miệng đấm đá nhau rồi, đã cầm súng nã đạn vào nhau rồi, bằng cuộc chiến tranh biên giới năm 1979, người ta mới tạo ra một nghĩa bóng cho nó, rằng Ông Cụ nhà ta giỏi lắm, nhìn xa trông rộng lắm, Cụ không ví hai nước Trung Việt như cái gì khác mà lại ví như môi với răng thì thông minh thật: môi hở đúng là răng lạnh, nhưng răng mà cắn thì môi đau, chứ ngoài cái sự mếu máo ra môi chẳng làm gì được răng hết<sup>3</sup>. Cách giải thích này được cả những người không ưa Hồ Chí Minh tán thưởng, với nụ cười giễu.

<sup>1</sup> Xem Giọt Nước Trong Biển Cả của Hoàng Văn Hoan (không rõ nhà xuất bản).

<sup>2</sup> Pro-soviétique (tiếng Pháp) = thân Liên Xô.

<sup>3</sup> Hóa ra không phải Hồ Chí Minh là người đầu tiên ví Việt Nam và Trung Quốc như môi với răng. Vào tháng 4. 1941, khi những người cách mạng Việt Nam tổ chức Đại hội thành lập "Việt Nam dân tộc giải phóng đồng minh hội" ở Tịnh Tây (Hoa Nam), chủ nhiệm hành dinh khu Tây Nam của quân đội Thưởng Giới Thạch là Lý Tế-thâm có gửi đến một bức trường với bốn câu thơ mừng:

*Trung - Việt dân tộc*

*Thuần xỉ quan thiết*

*Tiền sỉ đồ tồn*

*Duy thuyết dữ huyết*

Hoàng Văn Hoan dịch ra tiếng Việt:

Duẩn - Thọ không ngu để bình thản ngồi yên chờ cái kết cục chắc chắn sẽ tới: buộc lòng thừa nhận sai lầm trong sự lựa chọn đường lối mao-ít. Thừa nhận mình sai trong việc lãnh đạo đất nước có nghĩa là thời của mình đã hết. Hậu quả không tránh khỏi là nhân sự trong ban lãnh đạo Đảng phải thay đổi: kẻ sai phải ra đi nhường chỗ cho người đúng.

Mà cái sai lớn cứ lùng lững hiện hình, mỗi lúc một rõ nét. Mặc dầu Đảng ra sức bưng bít mọi tin tức, nhưng nhờ thói quen hiểu ngược lại những gì phương tiện truyền thông độc quyền công bố, nhờ những người Trung Quốc chạy loạn bị bắt tại các tỉnh phía Bắc kể lại, mọi người đều biết ở nước Trung Quốc láng giềng đang xảy ra chuyện gì. Người Việt Nam không cần biết đường lối chính trị của Mao đúng hay sai, họ hiểu chính trị theo cách thực dụng của đời thường. Chẳng ai muốn sống như những người anh em bên kia biên giới đang phải sống: trong cuộc chiến nồi da nấu thịt thường trực, trong đạo lý suy đồi: con tố cha, vợ tố chồng, mạng người như mạng ngoé.

Trong nhân dân loan truyền nhiều tin đồn về việc quân Trung Quốc lập nhiều kho vũ khí bí mật trong các hang động ở miền núi. Để làm gì khi vũ khí trực chiến có thể để trong các lán gần các vị trí chiến đấu? Những vùng đóng quân của Trung Quốc chiếm diện tích rộng hơn mức cần thiết để làm gì?

Tại vùng mỏ Quảng Ninh, quân Trung Quốc ngang nhiên ngăn cấm người Việt Nam đi vào khu vực đóng quân của chúng, thậm chí bắt giữ các chuyên gia địa chất Liên Xô đi lạc. Chỉ đến khi chính quyền Việt Nam can thiệp, những chuyên gia này mới được thả. Trở về Hà Nội họ nói thẳng với thủ tướng Phạm Văn Đồng: “Nếu đến Việt Nam công tác, công dân Liên Xô phải xin visa<sup>1</sup> của Trung Quốc thì xin các đồng chí báo trước để về sau những việc tương tự không xảy ra nữa”. Nghe những lời mỉa mai cay đắng ấy, ông thủ tướng im như thóc.

Đó là chuyện thật mà giới báo chí chúng tôi được biết qua những thư ký riêng của các nhà lãnh đạo. Thuộc về những tin đồn còn có chuyện quân Trung Quốc và các đoàn chuyên gia Trung Quốc sang Việt Nam mang theo gáy phả, thần phả để tìm của. Những kho vàng cực lớn mà quân xâm lược Tàu chôn giấu từ thời Bắc thuộc lần thứ nhất và thứ hai được đào lên, được đúc thành những vật dụng thông thường như xêng cuốc rồi đem sơn đen đi để chuyển về Tàu. Người ta kể kỹ sư và công nhân Trung Quốc giúp Việt Nam xây dựng Nhà máy nhiệt điện Ninh Bình đã khoanh vùng quản lý của họ rộng một cách hết sức phi lý. Sau mới biết họ làm thế để tìm một kho vàng, người ta nói thế. Mà không phải chỉ

*Hai dân tộc Trung - Việt*

*Như môi răng quan thiết*

*Rửa nhục mưu sống còn*

*Chỉ có sắt và huyết*

(Hoàng Văn Hoan, Giọt Nước Trong Biển Cả, tr. 154, in tại nước ngoài, không rõ nhà xuất bản)

<sup>1</sup> Chiếu khán.

ở một Ninh Bình có chuyện đó. Chuyện người Tàu để của thuộc lĩnh vực huyền thoại, lĩnh vực chuyện dân gian truyền khẩu qua nhiều thế kỷ, tôi được nghe nhiều từ thuở còn thơ. Không hiểu người Tàu có mang gia phả, thần phả sang tìm của và họ có tìm được hay không, nhưng những tin đồn về vụ này chẳng cần có bằng chứng vẫn được nhân dân tiếp nhận như những tin xác thực, khỏi cần kiểm tra.

Việc Đảng cộng sản Việt Nam mời quân đội Trung Quốc vào nước mình là chuyện mọi người đều biết. Sở dĩ tôi phải nói cho chính xác “Đảng cộng sản Việt Nam mời” vì sự kiện quân đội Trung Quốc có mặt ở miền Bắc Việt Nam trước nay được hiểu như do Nhà nước Việt Nam mời vào. Thực sự không hề có một văn bản Nhà nước nào xác nhận vụ đó, cho dù Nhà nước Việt Nam trước nay vẫn chỉ là bộ máy tay sai của Đảng. Thỉnh thoảng Việt Nam Thông tấn xã lại phải cho ra một cái tuyên bố dỗng dạc cài chính các nguồn tin nước ngoài về sự hiện diện của quân đội Trung Quốc tại Việt Nam.

Trong công việc viết báo tôi thường có mặt ở những địa phương có quân Trung Quốc đóng<sup>1</sup>, được nghe nhiều lời phàn nàn của dân chúng về chuyện Đảng và Nhà nước để quân Trung Quốc vào. Người ta tin cậy hỏi tôi như hỏi một cán bộ hiểu biết, hi vọng tôi giải đáp cho họ câu hỏi nhức nhối đó. Khốn nạn, tôi có thể nói được gì cho họ trong khi chính tôi cũng không hiểu nổi, và đôi khi còn không được biết nữa, những quyết định tự quyền của Duẩn - Thọ<sup>2</sup> trước khi chúng lộ ra, những quyết định cực kỳ ngu xuẩn mà, theo chúng tôi, chỉ có những thằng điên mới hành động như thế!

Trong số những nhà cách mạng lão thành có sư cụ Thiện Chiếu<sup>3</sup>, rất danh tiếng trong giới tăng lữ và phật tử Nam bộ. Ông vốn là người yêu nước không đảng phái, do những hoạt động phục quốc mà bị chính quyền thuộc địa đày ra Côn Đảo. Ở đây nhà sư có những cuộc tranh luận nẩy lửa và kéo dài với những người cộng sản về con đường tương lai của dân tộc. “Giáo sư đỏ”<sup>4</sup> Bùi Công Trừng đã thuyết phục được Thiện Chiếu trong một cuộc thách đố, nhà sư thua cuộc quyết định gia nhập Đảng cộng sản. “Hổn có tổ chức nào tốt hơn cho công cuộc giải phóng dân tộc lúc bấy giờ”, ông nói. Kháng chiến

<sup>1</sup> Quân Trung Quốc đóng trên lãnh thổ toàn khu mỏ Quảng Ninh, toàn khu tự trị Việt Bắc, một phần khu Tây Bắc và dọc theo quốc lộ 1 tới tận Yên Sở (phía Nam Hà Nội).

<sup>2</sup> Sự kiện "Bắc và Trung ương yêu cầu Mao chủ tịch cho quân đội Trung Quốc vào bảo vệ miền Bắc Việt Nam" (Hoàng Văn Hoan, Giọt Nước Trong Biển Cả, sách đã dẫn) đến nay mọi người đều đã biết. Tinh thần bảo vệ Tổ quốc theo kiểu mời giặc vào nhà còn thể hiện trong việc thủ tướng Phạm Văn Đồng thừa nhận lãnh hải do Trung Quốc tuyên bố trong một công hàm gửi Tổng lý Quốc vụ viện Chu Ân Lai năm 1958, mà nội dung chính là cùng với việc khẳng định chủ quyền của Trung Quốc trên các hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, ban lãnh đạo Đảng cộng sản chỉ cốt để hai quần đảo này không lọt vào tay Việt Nam Cộng hòa.

<sup>3</sup> Hòa thượng Thích Thiện Chiếu (1898-1974), tên thật là Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Văn Sáng, bút hiệu Xích Liên. Năm 1940 tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, bị chính quyền thuộc địa đày đi Côn Đảo. Tác giả nhiều sách về Phật giáo: Phật học vấn đáp, Phật giáo tổng yếu, Phật giáo và Vô thần luận... Năm 1940 được xứ uỷ Nam kỳ ĐCSDD dự kiến đưa vào chính phủ lâm thời của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà quốc khi cách mạng thành công.

<sup>4</sup> Danh hiệu những người tù cộng sản ở Côn Đảo tặng ông Bùi Công Trừng.

chống Pháp kết thúc, ông tập kết ra Hà Nội. Nhờ có Hán học uyên thâm, ông được cử sang Bắc Kinh làm chuyên gia Việt ngữ cho Nhà xuất bản ngoại văn Trung Quốc.

Vào năm 1961, từ lâu trước khi có nghị quyết 9, từ Bắc Kinh sư Thiện Chiếu viết thư về cho Trung ương: "Tôi muốn chắp cánh bay về phương Nam để cấp báo các đồng chí biết rằng chớ có tin Mao Trạch Đông. Nó là một con ác quỷ..." Ông lập tức bị Hồ Chí Minh hốt hoảng triệu về nước. Ông về, sống lầm lũi một mình trong một căn phòng nhỏ được cấp theo tiêu chuẩn. Người ta cho ông một chỗ làm để không làm gì cả ở Ủy ban Khoa học Xã hội, với chức danh chuyên viên triết học. Tết Ất Tỵ (1965), thứ trưởng Bộ Văn hóa Hà Huy Giáp<sup>1</sup> tới thăm ông, hỏi ông sao Tết đến mà hương lạnh khói tàn, thì ông già Thiện Chiếu đi cuồng trong căn phòng hẹp mà kêu lên: "Còn vui chi mà nói chuyện Tết nhứt! Tết này ta tưởng nhớ tới Quang Trung! Tổ tiên đổ biết bao nhiêu xương máu mới đuổi quân xâm lược ra ngoài bờ cõi, nay con cháu rượu thịt rước chúng vào nhà, ta ăn Tết sao đặng!" Thứ trưởng họ Hà thấy ông già ăn nói bẩm trợn hãi quá, đặt vội quà Tết lên bàn, rông thảng.

Nhà báo Thái Hồng thường tới thăm sư Thiện Chiếu, thỉnh thoảng kéo tôi theo. Cha Thái Hồng là một nhà cách mạng đàn em của sư Thiện Chiếu, cho nên nhà sư rất quý anh. Gặp nhà sư tôi có cảm giác như gặp một hiệp sĩ Trung cổ. Ông có cốt cách nho sĩ, cái cốt cách vừa thư thái vừa ngang tàng, thà chết không cúi đầu. Trong ông nhức nhối tần bi kịch của thế hệ cha chú tôi: một mặt ông vẫn tin vào Đảng ông tự hào vì quá khứ vinh quang của nó, mặt khác là sự thoái hóa nhục nhã trong hiện tại, cũng của nó, mà ông không thể không thấy. Ông nói ra chính kiến của ông ở bất cứ đâu, với bất cứ ai, không nể nang, không biết sợ. Một lần gặp Lê Đức Thọ, nhà sư hỏi thăm sức khoẻ, Lê Đức Thọ kêu thường bị đau đầu vì làm việc nhiều, ông cười: "Mày còn cái đầu để mà đau kia à?" Đồn rằng Lê Đức Thọ muốn trị ông già bướng bỉnh lắm, nhưng Lê Duẩn còn ngần ngại điều chi đó không cho phép.

Đó là quang cảnh thời kỳ trước khi có vụ bắt bớ nhóm xét lại chống Đảng.

Mấy buổi làm việc tiếp theo Huỳnh Ngự đeo chặt tôi như một con đĩa. Y một mực xoáy vào chuyện đảo chính. Phỉnh phờ có, dụ dỗ có, hăm dọa có. Mọi mánh khốé được sử dụng chỉ cốt nặn ra một lời thú nhận rằng tôi có nghe ai đó - tướng Đặng Kim Giang, tướng Lê Liêm, cha tôi, Hoàng Minh Chính, hoặc một nhân vật nào khác thuộc khối quân đội, không kể cấp bậc, bất kể là ai, nói tới hai từ này.

- Tui đã nói rồi, nói nhiều lắm rồi, - Huỳnh Ngự ghê sát vào tai tôi mà khuyến dụ, mà chì chiết bằng cái giọng rin rít - rằng anh không cần phải nhớ chính xác ai nói, nghe loáng thoảng cũng được, cũng cứ báo cáo cho Đảng... Việc của chúng tôi là tìm hiểu thêm, làm rõ thêm, rồi bổ sung vào báo cáo của anh cho đầy đủ...

- Nhưng tôi có nghe ai nói gì đến đảo chính đâu!

- Thời mới phải nghĩ. - y gắt - Con người ta ai cũng vậy, nghe mà không chú ý thời quên, nhưng bình tĩnh mà nhớ lại thời nhớ ra... Anh cũng phải nghĩ tới ngày về với gia đình chứ.

---

<sup>1</sup> Hà Huy Giáp (1907-1995) vào giai đoạn này làm thứ trưởng Bộ Văn hoá.

- Tôi không có gì để nói.
- Vậy thời anh rũ tù. Hiểu chưa: rũ tù!

Tôi không buồn cãi lại. Tôi không hề có ý định làm anh hùng. Chẳng ai cần tới sự dũng cảm của tôi. Nguyên nhân của sự dũng cảm bất đắc dĩ là tôi không sợ chết. Cuộc sống của tôi chẳng đẹp đẽ đến nỗi phải bám chằng chằng lấy nó. Tất cả những gì diễn ra trước mắt làm tôi chán ngán đến cực. Sau sự việc xảy ra với tôi, tôi tin rằng có những người trở thành anh hùng chỉ vì không thiết sống.

Cái sự viết những bản cung khai không đơn giản, lại càng không dễ dàng. Trước hết, không được viết ra những điều có thể gây ra những tổn thất không đáng có cho bạn bè, và nói chung, cho những người tốt vốn đã hiếm hoi. Lại phải viết sao cho những tên đọc bản cung, như Huỳnh Ngự và các quan thầy của y, dù không hài lòng cũng không thể hỏi đi hỏi lại mãi. Phải cân nhắc từng chữ để bọn hỏi cung không thể dùng những bản cung của mình mà loè những anh em đã bị bắt nhầm buộc họ phải cung khai. Cũng không thể viết những điều mà sau đó chúng có thể dùng như bằng chứng về sự nhận tội hèn hạ, để bôi nhọ phẩm giá của mình.

Huỳnh Ngự làm tôi quá mệt. Nói thật, tôi mệt đến nỗi sẵn sàng đầu hàng y nếu như y hài lòng chỉ với một lá cờ trắng. Nhưng không hơn. Tôi không thể nghe theo y để bước qua cái ngưỡng đạo đức mà một người tự trọng không thể bước qua.

Tôi đoán Huỳnh Ngự, cũng như cả bọn chấp pháp tay sai của Lê Đức Thọ và Trần Quốc Hoàn đã thất bại trong cố gắng ép cung, mớm cung những người trong vụ, và giờ đây họ hi vọng rằng với sự non dại của tôi, tôi sẽ cho họ cái khẩu chứng mà họ cần để dùng nó ép tiếp cha tôi và những người khác.

Tội của tôi trong con mắt Huỳnh Ngự không phải chỉ có thể. Tôi còn nhiều tội tỳ trời khác.

- Anh là lão lăm, anh dám kêu Mao chủ tịch, lãnh tụ giai cấp vô sản toàn thế giới bằng Mao xênh xâng.
- một lần giữa buổi hỏi cung y quát tôi - Đúng vậy không? Hay anh lại cãi, lại biểu tüi vu cho anh?

Ai báo cáo với bọn chúng chuyện này nhỉ?

Tôi nghi đó là nhà thơ Hoàng Nguyên Kỳ, bí thư chi bộ tờ báo chúng tôi. Tôi chơi thân với Hoàng Nguyên Kỳ, chỉ với anh tôi mới dám nói bạt mạng, không giữ gìn. Bí thư chi bộ có trách nhiệm báo cáo về tình hình cơ quan cho tổ chức và cho công an. Anh làm công việc của anh. Mà cũng có thể không phải anh, tôi không dám nói chắc. Trong cơ quan nào chả có người của công an. Mình có thể lỡ lời lăm. Ai nắm tay được tới sáng?

Nhạo báng lãnh tụ là tội rất nặng. Là dân thường mắc phải tội này bị tập trung cải tạo là cái chắc. Lãnh tụ không phải chỉ có Hồ Chí Minh hay Trường Chinh trước kia hoặc Lê Duẩn bây giờ, Lenin hay Stalin,

mà Mao cũng lãnh tụ, Kim cũng lãnh tụ, cả Ceausescu<sup>1</sup> cũng lãnh tụ nốt. Với Huỳnh Ngự thì Trần Quốc Hoàn cũng là lãnh tụ luôn.

- Đúng, tôi có nói như vậy. - tôi nói.

Huỳnh Ngự khoan khoái:

- Có vậy chớ! Tui tưởng cả chuyện này anh cũng chối.

- Nhưng ai đã báo cáo chuyện vớ vẩn ấy với cơ quan an ninh? Mỗi câu nói nằm trong một văn cảnh có một nghĩa cụ thể. Chuyện nói cho vui cũng đôn lên thành tội được.

- Anh muốn biết người nói làm chi? - Huỳnh Ngự lườm tôi - Người ta thấy anh sai thời người ta báo cáo. Vừa là bảo vệ cách mạng, vừa để uốn nắn cho anh. Dám gọi Bác Mao như vậy thiệt bậy quá, bậy quá!

Tôi chẳng biết nên nói gì với y.

- Có gì đâu. - đành phải nghĩ ra một cách giải thích - Tôi đi qua Trung Quốc nhiều lần, thấy ở bên ấy người ta gọi nhau là xếnh xáng, nghe cũng vui vui. Nghĩa của nó là tiên sinh, là sự kính trọng đối với người ra đời trước mình, chứ không có gì xấu. Nói tào lao với anh em tôi cũng bắt chước gọi các vị ở bên Tàu là xếnh xáng. Tôi nghĩ gọi chủ tịch Mao Trạch Đông là Mao xếnh xáng cũng như gọi Mao tiên sinh thôi, đâu có gì là bất nhã.

Huỳnh Ngự xì một tiếng:

- Chỉ được cái vụng chèo khéo chống! May cho anh, nếu ở Trung Quốc chắc anh không còn sống được tới hôm ni. Có khi chết không toàn thây.

Tôi may thật. Nếu là người Trung Quốc chắc tôi đã bị giết rồi.

Một anh bạn tôi trên đường quá cảnh Trung Quốc về Việt Nam đã mắt thấy loạn Hồng vệ binh trong Đại cách mạng văn hoá vô sản là thế nào. Anh kể Bắc Kinh nhung nhúc những toán quân trẻ măng vận đồ lính, chỉ khác màu. Nếu quân phục màu xanh lá cây thì đồng phục của bọn này màu xanh thẫm, như quần áo công nhân. Đó là những đứa trẻ thật sự, còn trong tuổi học trò, bị Mao tông bốc là người chủ không phải trong tương lai mà ngay hiện tại của đất nước, những nhà cách mạng đích thực, đang mải mê chơi trò cách mạng, với vũ khí là gậy gộc trong bàn tay ngứa ngáy. Chúng hò hét om xòm các khẩu hiệu cách mạng, chạy cuồng trên đường phố, tay vung cao Mao tuyển đỏ rực máu Trống phách ầm ầm. Dân chúng chạy ngược chạy xuôi, mặt nhợn nhác trong một thành phố lòe loẹt đại tự báo giống như một nhà táng khổng lồ.

<sup>1</sup> Nicolae Ceausescu (1918-1989), nhân vật Số Một của ĐCS và nhà nước cộng sản Rumani. Bị hành quyết cùng với vợ là Elena Ceausescu ngày 25. 12. 1989 trong cuộc nổi dậy của nhân dân Rumani đập tan chính quyền cộng sản.

Lúc tàu dừng ở ga Vũ Xương, một đám nhóc Hồng vệ binh tràn lên các toa. Hồi giấy, biết anh bạn tôi là người Việt, chúng tha cho, bắt ngồi yên một chỗ. Hồng vệ binh chỉ hành người Trung Quốc, chúng khảo Mao tuyển khắp lượt, không chừa người nào<sup>1</sup>, rồi bỏ đi. Đã tưởng bọn chúng đi là thoát, nhưng không phải. Tàu sắp chuyển bánh lại thấy một nhóm Hồng vệ binh khác mặt đỏ bừng bừng lao lên các toa tàu. Chúng rượt theo một người đàn ông đứng tuổi. Bị chúng tóm được trong phòng vệ sinh của toa anh bạn tôi ngồi, ông ta hô rầm lên “Mao chủ tịch vạn tuế!”, “Đảng cộng sản vạn tuế!”, tức thì chúng bắn chết tươi. Không ai biết ông ta phạm tội gì. Cái xác cứ nằm mãi trước phòng vệ sinh, hai cẳng chân đen đúi thò ra ngoài hai ống quần rung rung theo nhịp tàu chạy. Hành khách ngồi im thin thít, không ai dám rời chỗ để giảm đi sự căng thẳng trong bụng và trong lòng. Nhân viên đường sắt cũng sợ xanh mắt. Không ai dám dọn cái xác đi. Đưa nó xuống một ga nào đó trên đường có thể bị buộc tội cảm tình với phái hữu. Vứt nó xuống trong khi tàu chạy thì không nỡ.

Nói chung, tình hình Trung Quốc trong Đại cách mạng văn hóa vô sản vô cùng rối ren, thứ tình hình được gọi là loan xi pa chao, nghĩa là loạn xì bát nháo.

Dân chạy loạn Hồng vệ binh bên Tàu không như ta hình dung. Không có một thứ Hồng vệ binh đồng nhất. Có loại Hồng vệ binh rất ác, có loại ác vừa, có loại ác ít. Thảng hoặc mới gặp Hồng vệ binh hiền. Bọn Hồng vệ binh đặc biệt ác đi đến đâu phá phách đến đó. Chúng xông vào chùa chiền, lăng tẩm đập phá không tiếc tay. Sách báo trong các thư viện bằng tiếng nước ngoài bị lôi ra đốt sạch, trong đó có những sách rất quý mà nhiều thế hệ trí thức Trung Quốc vốn đã không biết bao nhiêu công sức và tiền bạc mới gom được. Một giám đốc thư viện thậm chí phải quỳ xuống, rập đầu vái chúng như tế sao: “Trăm lạy các tiểu tướng! Ngàn lạy các tiểu tướng! Xin các tiểu tướng giết tôi, xin đừng đốt sách!”. Chúng đong những giáo sư đầu bạc khắp phố phường, sỉ nhục họ vì họ phạm tội đầu độc sinh viên bằng những tư tưởng phi vô sản. Chúng lấy thắt lưng quật nát tay một sinh viên nhạc viện vì tội trốn *hạ phóng*, sợ lao động chân tay. Anh sinh viên này sau trốn sang Anh, được giải thưởng vĩ cầm quốc tế.

Mao là một thầy phù thủy vĩ đại. Chỉ ông ta mới biết cách tạo ra thứ âm binh - vệ binh kỳ lạ như thế.

Anh Vũ Bội Kiếm, bạn thân của tôi thời tiểu học, kể rằng trước khi về nước anh liều mạng đến chia tay với thầy học, một chuyên gia khí tượng cõi thế giới. Liều mạng, vì ông giáo sư đang bị đấu như một phần tử phái hữu. Mới qua có mấy tháng mà ông già đi cả chục tuổi. Gày rộc, hốc hác, ông ngồi ủ rũ trong căn phòng tối, không dám bật điện. Tiếp Vũ Bội Kiếm, ông khóc tức tưởi dặn anh về đến Việt Nam phải lập tức báo cáo ngay cho lãnh đạo nước mình biết việc đang xảy ra ở đây. Chớ để Việt Nam sa vào vết xe đổ, ông nói, kẻo có ngày nền khoa học trẻ của các anh bị san bằng để rồi phải khởi sự từ đầu. Về nước, Vũ Bội Kiếm im lặng. Anh hiểu rằng có nói cũng chẳng ai nghe, mà còn nguy hiểm. Trên

<sup>1</sup> Người dân Trung Quốc, bất kể nam phụ lão ấu, trong thời kỳ có cuộc Đại cách mạng văn hóa vô sản buộc phải học thuộc lòng Mao tuyển. Những cuộc khảo tra được tiến hành ở bất cứ đâu: cơ quan, trường học, trên các ngả đường... Thậm chí người đi chợ mà không thuộc một đoạn trích Mao tuyển thì không được vào chợ. Có nhiều người tối dạ, phải đứng ngoài mà học cho thuộc lấy một đoạn Kinh thánh đỏ để được vào chợ mua mớ rau.

báo Nhân Dân<sup>1</sup>, dưới những hàng tít đậm, thành tích đập phá của Hồng vệ binh dưới sự lãnh đạo của Mao chủ tịch vẫn được ca ngợi hết lời.

Chẳng riêng Vũ Bội Kiếm, anh là thần dân quá bé nhỏ để có thể vừa có gan vừa có khả năng kêu thấu cùu trùng. Dám nói lên nhận xét trung thực về tình hình Trung Quốc chỉ có một số rất ít cán bộ mao-ít về quan điểm nhưng chừng chực về tư cách như phó tổng biên tập Việt Nam Thông tấn xã Lê Chân. Sau một chuyến thăm Trung Quốc anh đã không đừng được để không viết một bản tường trình gửi Trung ương, đề nghị Trung ương phải rất thận trọng với những kinh nghiệm Trung Quốc. Tất nhiên, bản tường trình bị bỏ vào sọt rác, người báo cáo bị gọi lên xát xà-phòng vì tội có cái nhìn sai lạc đối với thực tế cách mạng ở nước đàn anh. Thật ra, trong bản tường trình về tình hình Trung Quốc, Lê Chân cũng không dám nói một lời phê phán Đại cách mạng văn hóa vô sản, anh chỉ khách quan trình bày những gì anh thấy - cảnh lộn xộn tại Bắc Kinh, những giáo sư bị sinh viên đánh đập, những di tích lịch sử ở Di hòa viên, ở Cố cung, Thiên đàn, Thập tam lăng bị Hồng vệ binh phá phách. Anh tả lại cuộc gặp gỡ với người bạn đồng nghiệp, nguyên trưởng phân xã Tân Hoa tại Hà Nội, trong bộ quần áo rách rưới, cái nhìn lầm lét, và những lời lẽ ấp úng. Nguyên trưởng phân xã Tân Hoa khi ở Hà Nội là một mao-ít không ai có thể nghi ngờ. Anh trích lời phát biểu của các sinh viên Bungaria, Anbania, Rumania mà anh gặp khi tới thăm trường đại học Thanh Hoa. Những sinh viên này giận dữ lên án hành động man rợ của Hồng vệ binh và quyết định rời Trung Quốc, vì ở đây đang diễn ra sự hủy diệt bất cứ cái gì là văn hóa. Tôi được đọc bản tường trình của Lê Chân do một uỷ viên Trung ương cho mượn. Không ngờ con người bị chúng tôi coi là mao-ít như anh lại có dũng khí viết sự thật như thế. Tôi thấy mình sai lầm khi nhìn con người. Con người không đơn giản để ta có thể cho nó vào một cái khuôn đo lường nhầm xác định nó là cái gì. Nó chẳng bao giờ rõ ràng trắng đen, thiện ác, xấu tốt. Nó phức tạp hơn nhiều. Trường hợp Lê Chân là một thí dụ. Một năm trước, khi tôi cùng với anh đi thăm nông trường Sao Vàng ở miền cao Thanh Hóa, Lê Chân còn hào hứng tán dương Đại cách mạng văn hóa vô sản. Anh cho rằng Đại cách mạng văn hóa vô sản là sự tiếp tục của cách mạng bạo lực giành chính quyền. Anh nhìn thấy trong Đại cách mạng văn hóa vô sản sứ mệnh của giai cấp vô sản thế giới là “phải đập tan mọi cái cũ để xây cái mới”.

Vũ Bội Kiếm còn kể cho tôi nghe những chuyện thực mà như bịa ở Trung Quốc. Tại trường đại học Thanh Hoa, Giang Thanh<sup>2</sup> nhảy lên diễn đàn không phải để nói về cuộc cách mạng toàn thế giới mà Trung Quốc đỏ đang bắt đầu với Đại cách mạng văn hóa vô sản, mà vò đầu bứt tai kể nỗi khổ của bà ta trong gia đình chồng. Bà tố cáo lũ con chồng miệt thị bà, hành hạ bà, nhất là đứa con dâu cả. Cho dù

<sup>1</sup> Thật thú vị nếu có ai đó bỏ công đọc lại những tờ báo Đảng vào những thời điểm khác nhau: đầu thập niên 60, cuối thập niên 70, đầu thập niên 80, và hiện nay nữa, để thấy sự thay đổi của giọng lưỡi tờ báo này trong quan hệ Việt-Trung.

<sup>2</sup> Giang Thanh, hay Jang Qing (1914-1991), vợ chính thức và sau cùng của Mao Trạch Đông, lãnh tụ Hồng vệ binh trong Đại cách mạng văn hóa vô sản. Khi Đại cách mạng văn hóa vô sản thoái trào, Giang Thanh bị bắt cùng với những lãnh tụ Hồng Vệ binh khác trong cái gọi là Bè lũ Bốn tên (Tứ nhân bang), bị xử tử, sau được giảm xuống chung thân. Tự sát trong tù vào năm 1991.

những chuyện đó có thật cũng không phải cái để phô ra công chúng. Nhưng ở bên Tàu khác: Giang Thanh là lãnh tụ Hồng vệ binh, xúc phạm Giang Thanh là xúc phạm Hồng vệ binh, là nhục mạ cách mạng.

Cũng trên diễn đàn trường này, Hồng vệ binh Bắc Kinh to tiếng chửi bới Hồng vệ binh Đường Sơn là bậy, biến thủ đô thành một nhà xí hôi thối.

Hồng vệ binh Đường Sơn giằng lấy micrô chửi lại, nói không phải họ bậy, mà Hồng vệ binh Thiên Tân bậy.

Hồng vệ binh Thiên Tân nhẩy lên chửi Hồng vệ binh Đường Sơn nói láo, rồi rút Mao tuyễn ra chỉ vào một trang. Này đây, lời Mao chủ tịch dạy rành rành: "Không điều tra không có quyền phát ngôn".

Hồng vệ binh Đường Sơn gạt người Thiên Tân ra, cũng chỉ vào Mao tuyển: "Người nói không có tội, người nghe phải sửa mình".

Giằng co chán, chửi nhau chán, họ choảng nhau. Cảnh sát thổi còi te te nhảy vào, cũng lại rút Mao tuyển để giở một trang khác, đọc to cho mọi người cùng nghe, trong đó cũng lại Mao chủ tịch dạy rằng: "Mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân không phải là mâu thuẫn địch ta, phải giải quyết bằng hiệp thương".

Tôi không hề có ý kể chuyện tiểu lâm. Tôi đang kể chuyện thật. Trong chuyện thật như đùa này có cả máu. Nhiều người đã bỏ mạng trong câu chuyện đang làm chúng ta cười.

Trung Quốc dưới thời Mao Trạch Đông trị vì không bao giờ có được một thời kỳ bình ổn lâu dài. Thỉnh thoảng Mao Trạch Đông và đám đệ tử ông ta lại quậy một chặp, làm cho đất nước nát như tương trong một phong trào nào đó, khi tam phản, khi ngũ phản, khi thất bát phản, không còn biết đàng nào mà lần. Tôi ngờ rằng các nhà lãnh đạo Việt Nam cũng học được bài học này ở họ Mao – hết chống cái này đến chống cái khác, cũng làm lung tung cả lên để rồi tự tung hô mình sáng suốt giữ được xã hội ổn định. Nguyễn Tuân nói xô trong một tuỳ bút: "Nước ta giàu và đẹp, nhưng lầm điều bất tiện: không hạn thì úng, không bão thì lụt, thành thử lúc nào cũng phải có một cái gì để mà chống".

Có lẽ vì thế mà các vị ấy cứ khăng khăng coi đường lối Mao Trạch Đông là đúng<sup>1</sup> và nhất nhất noi theo.

Huỳnh Ngự thấy có trách nhiệm phải soi sáng cho cái đầu bị thịt của tôi. Với bộ mặt bè trên chiếu cổ, y kiên nhẫn giảng giải cho tôi hiểu vai trò của các đảng mác-xít - lénin-nít trong "cuộc đấu tranh giữa hai

<sup>1</sup> Nhưng tới đầu những năm 1980, họ lại nói rằng "những người xét xử (vụ "Tứ nhân bang") đổ riết mọi tội lỗi trong cách mạng văn hóa cho Lâm Bưu và "bè lũ bốn tên", trong khi chính Mao là người "đích thân phát động và lãnh đạo cuộc đại cách mạng văn hóa vô sản", rằng trong suốt quá trình xử án, Giang Thanh một mực khai là "tôi làm theo chỉ thị của Mao chủ tịch". Họ nói "Đặng (Tiểu Bình) và những người tán dương tư tưởng Mao Trạch Đông đều đã được hun đúc trong chủ nghĩa dân tộc sô-vanh" (Trích trong cuốn Chủ Nghĩa Mao Không Có Mao, Nhà xuất bản Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1982).

đường lối”, đặc biệt là vai trò của Đảng cộng sản Trung Quốc và Đảng Lao động Việt Nam. Cứ như y nói thì duy nhất chỉ có hai đảng này ở châu Á là thực sự tích cực trong việc bảo vệ chủ nghĩa Marx-Lênin, chứ còn các đảng khác thì cho dù có đứng về phía chủ nghĩa Marx chân chính lập trường cũng còn lơ mơ lắm. Y không tiếc lời thoa mạ các đảng cộng sản Pháp, Ý, Tây-ban-nha, chỉ trích gay gắt các đảng cộng sản Triều Tiên, Rumani, Anbani. Cứ như Huỳnh Ngự của tôi đang ở trên diễn đàn một hội nghị quốc tế.

Trên báo chí thế giới đã có nhiều bài viết về chuyện tẩy não trong nhà tù xã hội chủ nghĩa. Không biết với người khác thế nào, chứ với tôi những bài thuyết giảng bừa đực bừa cái chen vào giữa buổi hỏi cung là hành động tẩy não duy nhất. Không có chuyện bắt người bị tẩy não học thuộc lòng, chỉ có sự nói dai như chão rách của kẻ tẩy não về chủ nghĩa Marx, về đường lối chính sách của Đảng, sự dọa nạt về hậu quả sẽ đến với anh nếu anh không thông.

Nghe chướng tai quá, đôi lần tôi nhẹ nhàng bác Huỳnh Ngự điểm này điểm khác, cố gắng nói cho y nghe đôi chút về chủ nghĩa Marx chính bản, thì y hét rầm lên: “Anh vô đây không phải để cãi lý với tui. Tui không lý luận với anh!”.

Hết rồi y lại ôn tồn:

- Anh phải hiểu rằng đường lối của Đảng ta trước sau như một là kiên quyết dắt dẫn nhân dân ta thẳng tiến trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, không quản mọi hy sinh, gian khổ. Đường lối của Đảng là duy nhất đúng đắn và vô cùng sáng suốt. Đảng kiên quyết tiêu diệt mọi kẻ thù bên ngoài cũng như bên trong, không cho chúng phá hoại công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Kẻ nào nói khác với Đảng đều là chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội. Mọi biểu hiện xét lại, hữu khuynh đều là nấm độc, là cỏ dại, phải nhổ cho bằng hết. Tui tiếc cho các anh, đi theo Đảng đã nhiều năm, lẽ ra phải trung thành rất mực, phải tự hào về Đảng ta, về nhân dân ta thì các anh lại nghển cổ hớp từng lời lẽ láo của bọn phản bội xét lại hiện đại...

Y thở dài thương tôi ngu.

Vào cuối giờ một buổi hỏi cung, tôi vờ giường đôi mắt nai tơ lén nhìn y rồi hỏi bằng giọng ngập ngừng:

- Thưa bác, căn cứ những điều bác hỏi tôi, tôi mới chỉ đoán phỏng, xin bác giải đáp cho tôi rõ: phải chăng ở ta có một âm mưu đảo chính thật?

Huỳnh Ngự quắc mắt lên, nhìn tôi chằm chằm.

- Đó chính là cái anh phải khai ra, chứ không phải cái để anh hỏi tui. Đừng có vờ vĩnh.

- Tôi không biết thật mà. Chỉ sau khi được bác hỏi tôi mới hiểu rằng có cái đó...

- Tui chỉ hỏi anh có khi mô anh nghe thấy ai nói tới hai tiếng đảo chính không mà thôi. Rõ chưa?

Khó hiểu quá. Y muốn tôi khai về âm mưu đảo chính, mà khi tôi nhắc lại lời y thì y giãy nảy, không chịu khẳng định.

- Rõ rồi. Sở dĩ tôi phải hỏi lại là vì tôi chưa từng nghe thấy từ miệng những người tôi quen hai chữ ấy.

Huỳnh Ngự cười nhạt.

- Vậy mà thằng Kiến Giang<sup>1</sup> lại nói khác anh đó... Tui muốn tin anh, nhưng trong trường hợp này tui tin thằng Kiến Giang hơn. Nói chung, anh chưa bao giờ khai báo trước mọi người được một điều gì. Toàn người ta khai rồi, mới đến lượt anh.

- Anh Kiến Giang nói cái gì?

- Thằng Kiến Giang khai khi hắn nói, anh có mặt.

- Tôi nhắc lại một lần nữa: tôi không nghe thấy ai nói tới đảo chính. Cả Kiến Giang, tôi cũng không nghe. Nếu anh Kiến Giang nói thế thì cứ đem hai bên ra đối chất. Đối chất là cách tốt nhất để tìm ra sự thật.

Huỳnh Ngự cười xuê xoa:

- Thôi, thôi, nếu hắn nói không đúng thời biểu là không đúng, việc chi mà bức bối. Tôi chỉ đặt câu hỏi, anh nghe, suy nghĩ rồi trả lời. Coi như tôi ra cho anh cái đầu bài. Lúc nào anh nhớ ra, nghĩ lại, thấy trả bài được thì trả bài. Bất cứ lúc nào - ban ngày, buổi tối, nửa đêm. Anh chỉ cần nói với ông quản giáo để ông quản giáo báo lại cho tui biết.

Thấy tôi trở về đăm chiêu hơn mọi ngày, Thành hỏi:

- Cậu làm sao vậy?

- Lại cãi nhau. - tôi thác qua chuyện khác - Tôi vẫn chưa được viết thư về nhà. Tới hôm nay gia đình tôi vẫn chưa biết tôi ở đâu. Khốn nạn, chúng nó bày trò bắt cóc tôi để làm gì kia chứ?

- Mặc kệ đời đi, cậu ơi! - Thành ái ngại - Nghĩ ngợi làm quái gì. Mà đâu phải chỉ người ta gây ra cho cậu. Cậu cũng gây ra cho cậu đấy chứ...

- Anh vẫn cho rằng tôi có tội nên người ta mới bắt? - tôi bức bối - Anh vẫn không tin?

<sup>1</sup> Nguyễn Kiến Giang (1931), nguyên tỉnh ủy viên tỉnh Quảng Bình, ủy viên ban biên tập Tạp chí Học tập, tạp chí lý luận của Đảng. Ông viết nhiều tiểu luận về các vấn đề chính trị xã hội: "Phác Qua Tình Hình Ruộng Đất Và Đời Sống Nông Dân Trước Cách Mạng Tháng 8", Cách Mạng 1789 Và Chúng Ta", Cuộc chiến chống "Phi Lý tính" vv... Được Lê Đức Thọ coi là một lý thuyết gia trong nhóm "xét lại hiện đại chống Đảng", ngang với Trần Minh Việt. Do sau khi ra tù ông vẫn tiếp tục viết những bài báo phê phán sự du nhập chủ nghĩa Marx và mô hình cách mạng vô sản kiểu Stalin vào Việt Nam, bị đưa ra tòa năm 1996 và bị 15 tháng án treo vì "tiết lộ bí mật nhà nước" trong vụ xử những người đấu tranh cho dân chủ và tự do Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà.

- Không phải. Tôi muốn nói nhân nào thì quả ấy. Chúng ta xây dựng nên chế độ này chứ có phải nó từ trên trời rơi xuống, từ dưới đất mọc lên đâu... Thôi thì ráng mà chịu cái quả sinh ra từ cái nhân ta gieo. Chung quanh ta là bốn bức tường bê-tông cốt sắt. Có chết ở nơi này cũng chẳng ai biết, suy nghĩ phỏng có ích gì?

Một câu hăm dọa chăng?

Xem ra Thành không có ý ấy. Anh bình thản quay mặt vào tường chuẩn bị cái nghi thức trang trọng cho điếu thuốc lào. Bao giờ cũng vậy, mỗi khi hút thuốc lào mặt anh nghiêm trang hẳn, trông đến tức cười.

Tôi đã ở đây bao lâu rồi? Nửa tháng, hai mươi, hai mươi nhăm ngày?

Tôi quên thời gian rồi sao? Có vẻ tôi quên thật. Nhờ quên được tôi mới chịu đựng nổi cảnh tù ngục, rất nặng nề trong thời gian đầu. Nhưng sao lại thế nhỉ? Chẳng lẽ ý chí đã giúp được tôi chìm vào quên lãng? Không, ý chí chỉ giúp tôi tập trung tư tưởng cao độ để đối phó với những mánh khóc của Huỳnh Ngự. Chứ giờ đây, nhầm mắt lại, tôi vẫn thấy hình ảnh vợ tôi, hai đứa con tôi hiện lên với đầy đủ những nét thân thương. Nhưng rõ hơn cả là hình ảnh mẹ tôi. Bà như đang đứng trước mặt tôi, trong xà lim. Tôi nhìn rõ những sợi tóc bạc của bà, những nét nhăn trên trán, đôi mắt cương nghị và cái nhìn trìu mến. Không có ai trên đời nhìn tôi như thế. "Chết đứng hơn sống quỳ, con ạ!", mẹ tôi nói.

- Nghĩa là ta phải sống thế nào?

- Tôi muốn nói: con người phải ý thức được phận mình. - Thành thủng thằng - Mình đã rơi vào đây thì cứ cầm bằng chết rồi là hơn. Có thể sống mới dễ. Có thể mới biết cách mà xử sự sao cho vừa phải, để mình dù chết cũng chết trong trong sạch. Thật đấy, đã vào đây con người không còn là người nữa. Cứ như thể Hỏa Lò là một lằn ranh, bước qua nó mình hết là mình. Có lẽ mục đích của nhà tù là thế. Nó làm cho mình có cảm giác rời bỏ cái thế giới mà mình sống, rời bỏ hẳn, không trở lại...

- Chỉ có nhà tù ta mới như vậy. – tôi nói - Nhà tù khác đâu có thể.

- Tôi không biết ở các nhà tù khác thế nào, nhưng tôi nghĩ trên thế giới chắc cũng có những nhà tù giống nhà tù mình.

Tôi hiểu anh muốn ám chỉ nhà tù của phát-xít Đức. Hoặc của Trung Quốc.

Buổi tối, tôi nghe có tiếng búa đóng giống như tiếng đóng nắp ván thiên.

- Anh đã thấy những cái chết trong xà lim chưa?

- Thấy chứ. Tôi nghiệp lầm.

- Nó thế nào?

- Còn thế nào nữa! Tù xà lim chết một mình một bóng. Không ai vuốt mắt, không được rửa tội, thậm chí muốn chia tay với các bạn tù cũng không được. Một cái giấy báo tử, thế là hết. Không giải thích.

Không chia buồn. Đã có một con người. Rồi không có nó nữa. Thế thôi. Tù chết đã có tù sống chôn. Trong nghĩa địa tù. Mạng con người, cậu ơi, ở nước ta rẻ lắm.

- Người ta không khám nghiệm y tế để kết luận về nguyên nhân cái chết sao?

Thành cười gằn, khe khẽ.

- Sẽ có một biên bản chứ. Một mảnh giấy ghi loằng ngoằng vài chữ, do một y sĩ tốt nghiệp bổ túc<sup>1</sup> ký tên. Mà cũng chỉ làm để đấy, người nhà không đòi thì cũng chẳng ai cho xem. Phần nhiều người ta không dám đòi. Đòi xem biên bản là thiếu tin tưởng ở Đảng...

Tôi nghĩ tới cái chết của tôi. Tôi cho rằng không nên ngu để sống một đời tù không biết đến ngày về.

- Thế cho nên chẳng suy nghĩ làm gì cho thêm đau lòng. Đời tù nó thế. Biết điều để chấp nhận thì sống nhẹ nhàng hơn. Không biết điều, cứ giãy giụa chỉ tổ trầy da sứt vẩy...

Chúng tôi nằm im lặng, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ.

Anh không có ý dọa tôi. Chẳng qua ở xà lim lâu người ta dễ thành triết gia vườn.

---

<sup>1</sup> Trong chế độ xã hội chủ nghĩa có nhiều bác sĩ, kỹ sư không học qua hệ chính qui mà chỉ qua những lớp bổ túc. Những cán bộ y tế loại này thường xuất thân từ những "thành phần cơ bản", như công nhân, nông dân, có "lý lịch trong sạch" hoặc nhờ có họ hàng bà con với những người có quyền chức (tương tự tầng lớp quan liêu đặc quyền đặc lợi được gọi là "nomenklatura" ở Liên Xô).

## 21

Người Pháp có câu "Muốn giết con chó, hãy đổ cho nó có bệnh dại".

Thoạt nhìn, có vẻ sự đổ vấy cho đối thủ tội ám mưu đảo chính là kế hay, nhưng xét kỹ thì thấy nó không vẹn toàn.

Trong bối cảnh "cuộc đấu tranh giữa hai đường lối", nếu như có một âm mưu đảo chính ắt người ta phải nghĩ tới bàn tay nước ngoài. Vậy nước ngoài ở đây là nước nào? Trung Quốc tất nhiên không đảo chính một chính quyền đàn em.

Nước ngoài đây chỉ có thể là Liên Xô.

Một sự vụ vạ như thế có thể gây ra rắc rối to với nước đang là nguồn viện trợ lớn nhất cho cuộc chiến. Không ai biết trước được Liên Xô sẽ phản ứng thế nào.

Cho nên khi đặt vấn đề có âm mưu đảo chính do Liên Xô xúi giục, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ, về thực chất, đã cả gan đặt vận mệnh đất nước lên chiếu bạc. Hơn nữa, họ còn coi thường ý dân. Lẽ ra họ phải biết, mà có lẽ họ biết nhưng không thèm quan tâm, rằng mô hình xã hội trại lính kiểu Trung Quốc chưa bao giờ là hấp dẫn đối với nhân dân Việt Nam.

Tuyên bố "xử lý nội bộ" đối với }nhóm xét lại chống Đảng" là việc không có chủ định trước. Nó là cái được nghĩ ra trong lúc bối, để đối phó với dư luận. Không một nhà cầm quyền nào coi âm mưu đảo chính là chuyện vặt. Cách nói "xử lý nội bộ" cũng vô duyên. Tất cả đều tầm phào, như chuyên con nít. Nhưng hậu quả của nó lại không tầm phào chút nào.

Âm mưu dựng vụ không phải bắt đầu cùng với vụ bắt bớ. Nó được nghĩ đến từ lâu, nhưng nghĩ chưa được chín, cho nên người ta cứ làm, tới đâu hay tới đó. Nói cho đúng, những ý nghĩ và việc làm ấy bị dắt dẫn bởi tâm bệnh đinh ninh của Lê Duẩn và Lê Đức Thọ rằng chẳng sớm thì muộn họ sẽ bị thay thế bởi những người xứng đáng hơn, giỏi giang hơn. Lại một nghịch lý: những tên độc tài luôn lo sợ cho ngai vàng của chúng – chúng là những tên tự ti trong thực tế. Chỉ nhìn vấn đề theo cách ấy ta mới hiểu vì sao tin đồn Nikita Khrushov gửi thư riêng cho Võ Nguyên Giáp được Lê Đức Thọ tung ra mấy năm trước. Trong bối cảnh lộn xộn của phong trào cộng sản quốc tế hồi ấy, một bức thư như thế, nếu nó có thật, phải được hiểu là sự khuyến khích, là lời cam kết của Khrushov ủng hộ tướng Giáp trong mọi hành động, không trừ cả việc lật đổ chính quyền<sup>1</sup>.

Tôi đã viết trong một đoạn trên rằng trong thời gian ấy những người bị coi là thuộc "nhóm xét lại chống Đảng" không hề hướng về tướng Giáp. Họ không đánh giá cao tướng Giáp như một người có ý kiến độc lập và dám bảo vệ ý kiến của mình<sup>2</sup>. Đó không phải là nhận xét của riêng tôi, mà là sự khẳng định của những người trong cuộc.

Về đường lối đối ngoại, thậm chí những người bị coi là xét lại còn ủng hộ Lê Duẩn, tin tưởng ở lập trường trung dung mà Lê Duẩn cam kết. Đổ cho họ về phe tướng Giáp, cùng tướng Giáp mưu mô lật đổ là hết sức bậy, là nói lấy được, bất cần sự thật. Mục đích của Lê Duẩn và Lê Đức Thọ được giấu kín dưới màn khói của dư luận tạo dựng. Mục đích ấy là bằng mọi giá gạt tướng Giáp ra khỏi hệ thống quyền lực.

<sup>1</sup> Trong cuốn "Hồi ký" của mình Khrushov (xuất bản lần đầu năm 1970 ở ngoài Liên Xô) không hề nói tới một mối quan hệ riêng nào với tướng Giáp. Khrushov cũng chẳng đả động gì đến bất cứ một bức thư hay một lời nhắn gửi nào cho tướng Giáp. Trong những hồi ký lè té của tướng Giáp đăng trên các báo Việt Nam về sau này cũng không thấy nói tới một bức thư nào của Khrushov gửi cho ông. Trong chuyện tung ra ra bức thư nói trên, mà mục đích chủ yếu là cho nó chạy trong luồng dư luận vỉa hè, ác ý của Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đối với tướng Giáp là rõ ràng.

<sup>2</sup> Sophie Quinn-Judge viết trong một khảo luận của bà về vụ án "nhóm xét lại chống Đảng" được web talawas đưa ra bản dịch ngày 13. 4. 2006: "Một điều lạ lùng trong giai đoạn này là chúng ta có rất ít bằng chứng khẳng định việc Võ Nguyên Giáp đã từng có lập trường rất khác biệt với những người còn lại của Bộ Chính trị vào năm 1967. Trong các tư liệu mà ông viết, ông thường xuyên bày tỏ sự ủng hộ chiến tranh nhân dân - một học thuyết Mao chính thống. Trên thực tế, một số nghiên cứu đã giả định rằng bài viết của ông trên báo Nhân dân và Quân đội Nhân dân, "Một chiến thắng vĩ đại, một nhiệm vụ to lớn" hồi tháng 9 năm 1967 đã cung cấp "một mô tả chung về đợt Tổng tấn công năm Mậu Thân".<sup>[7]</sup> (Chúng ta phải xem xét khả năng những bài của tướng Giáp viết cho công chúng là một hình thức tự vệ và không phản ánh hoàn toàn các niềm tin sâu thẳm trong lòng ông.) Nhưng nghịch lí là cùng thời điểm đó, ông bị nhìn nhận là thân cận với Liên Xô, phần lớn là vì ông vận động cho một quân đội hiện đại và được đào tạo về kĩ thuật, nhưng cũng có thể vì ông đồng tình với các chính sách của Khrushchev. Vấn đề thực chất của Giáp có lẽ bắt nguồn từ uy tín của ông trong quân đội, với tư cách là người thắng trận Điện Biên Phủ, và vai trò lãnh đạo của ông trong việc sửa sai cuộc cải cách ruộng đất. Tướng Giáp đã đứng ra thay mặt Hồ Chí Minh gửi lời xin lỗi của Đảng tới dân chúng vào tháng Mười và Mười Một năm 1956".

Sau khi ra tù tôi được biết hồi ấy phần lớn dư luận cho rằng Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đồng tình dựng ra vụ này. Họ đã thành công trong việc đánh lừa được cả Ban Chấp hành Trung ương. Vả lại trung ương Đảng bây giờ, khi Đảng đã nắm chính quyền, không phải là trung ương Đảng ngày trước, khi sự tranh cãi còn được phép tồn tại. Bây giờ đó là một trung-ương-tay-sai cho Bộ Chính trị, cụ thể là tay sai của tổng bí thư và vài bộ hạ. Nhưng cũng có người nói Lê Duẩn bị lừa, Lê Duẩn trông gà hóa cuốc, rằng ông ta bị đánh lạc hướng. Mà kẻ đánh lạc hướng Lê Duẩn, chủ trương vụ trấn áp không phải ai khác ngoài Lê Đức Thọ.

Theo những người bênh vực Lê Duẩn, phần lớn là cán bộ tập kết, nói rằng hồi ấy ông ta đang bận bịu với đại sự - thấy Mao Trạch Đông được đôn lên thành nhà tư tưởng, Lê Duẩn cũng rắp ranh trở thành lý thuyết gia mác-xít, nếu không phải cõi quốc tế thì cũng cõi khu vực. Luận điểm "ở các nước không có giai cấp vô sản hoặc giai cấp vô sản chưa hình thành cũng có thể thành lập chính đảng mác-xít - lê-nin-nít" ra đời cùng lúc với chủ thuyết "ba dòng thác cách mạng, làm chủ tập thể, cách mạng tiến công" là trong giai đoạn này.

Tôi chỉ trình bày diễn biến mà tôi được biết, những nguồn tin mà tôi được nghe. Vụ án là một khởi tù mù lớn. Như mọi sự tù mù của cái Đảng không thích, hoặc sợ hãi, bất cứ sự công khai nào.

Ngành tuyên truyền hồi ấy bơm Lê Duẩn lên hết mức. Đồn rằng trong một cuộc hội đàm Việt-Xô, Lê Duẩn nóng mắt lên, dám đập bàn quát mắng Khrushov. Tôi đem lời đồn ấy hỏi Khamidulin Rashid<sup>1</sup> thì Rashid cười ầm nói rằng làm gì có, chính anh là người dịch trong cuộc hội đàm ấy mà.

Ở trong tù tôi được Huỳnh Ngự và những chấp pháp dưới quyền y cho biết Ban tổ chức Trung ương đã có đủ bằng chứng cho thấy Liên Xô đứng đằng sau cuộc đảo chính bất thành. Chưa hết. Người của Lê Đức Thọ còn cho tôi biết cụ thể ai là kẻ thực hiện mệnh lệnh của điện Kreml.

Nhưng trước khi cho tôi biết Huỳnh ngự còn vặn vẹo chán chẽ đã.

-Anh biết thừa, mà còn vờ vĩnh - Huỳnh Ngự cười khẩy – Anh chơi thân với Rashid như thế mà nói không biết, thì có chó nó tin.

Tôi im lặng. Tôi còn biết nói gì với cái tên mao-ít đầu đất này?

Riết rồi Huỳnh Ngự cũng chịu nói ra. Y hạ cố cho tôi biết chính Sáu Búa và Ban Tổ chức Trung ương có đủ bằng chứng rằng chính đại sứ Liên Xô Ilyia Sherbakov<sup>2</sup> là kẻ đứng sau mọi việc dẫn tới hậu quả là chúng tôi phải vào tù.

<sup>1</sup> Bí thư thứ hai đại sứ quán Liên Xô tại Việt Nam vào những năm 60. Sau, Khamidulin Rashid giữ chức đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên Xô tại Phnôm Pênh, rồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên Xô tại Hà Nội. Sau khi Liên Xô sụp đổ, Rashid vẫn là đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên bang Nga tại Hà Nội.

<sup>2</sup> Mãi tới Hội nghị Trung ương lần thứ 20, khóa III (tháng 1. 1972) Trung ương Đảng mới có kết luận về "nhóm xét lại chống Đảng" như sau: "Đây là một vụ án rất nghiêm trọng, có mục đích, có biện pháp tiến hành, nhằm lật

Tôi không tin Liên Xô có ý muốn can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam. Những người ở điện Kreml chủ quan, tưởng các đồng nhiệm của họ ở khu Ba Đình là đồng chí tốt, hoặc ít nhất thì cũng chẳng bao giờ rời bỏ họ. Nền kinh tế èo uột của Việt Nam không thể tách rời nguồn sữa mẹ Liên Xô. Họ cũng biết chút ít về những hoạt động bài Xô, thân Trung của một số cán bộ Việt Nam ở cấp trung ương, nhưng cho đó là do nhận thức kém mà ra, không có gì đáng ngại. Do đó mà không có ý muốn, chứ đừng nói tới hành động can thiệp.

Những bằng chứng về sau này tôi tìm được chứng tỏ tôi nghĩ đúng.

Đại hội XX trước hết là công việc của những người cộng sản Liên Xô, chống sùng bái cá nhân Stalin trước hết là công việc của Đảng cộng sản Liên Xô. Những người cộng sản Liên Xô làm việc đó vì những lợi ích của bản thân họ, vì sự tồn tại của đảng họ, của chính quyền xô-viết, không hề có mục đích chống sùng bái cá nhân hộ các nước khác. Phản ứng dây chuyền trong việc chống sùng bái cá nhân ở nước này hay nước kia trong khối các nước xã hội chủ nghĩa chẳng qua chỉ là phản ứng tự nhiên, được cổ vũ bởi sự kiện Đại hội XX mà thôi.

Trong những năm 60 Liên Xô có đủ chuyện trong nhà để mà đau đầu. Ban lãnh đạo ĐCSLX không buồn nghĩ ngợi về lập trường của ban lãnh đạo cộng sản Việt Nam – thân Liên Xô hay chống Liên Xô.

Việc tra hỏi ngày ngà về âm mưu đảo chính kéo dài cả tháng. Tôi phát mệt với những câu hỏi của Huỳnh Ngự.

Thế rồi bỗng nhiên thấy im. Cứ như họ chưa hề quan tâm tới vụ âm mưu đảo chính nọ.

Tưởng đến đó là xong, nhưng không phải.

Đùng một cái, Huỳnh Ngự quay lại với đề tài cũ. Giữa một buổi hỏi cung bình thường, y bỗng nổi cơn quát nạt ầm ĩ. Khi quát tháo, giọng y bốc cao, the thé như giọng một tên lại cái:

- Anh còn muốn ở Hỏa Lò này tới bao lâu nữa hử? Tui hót kiên nhẫn với anh rồi. Tui tưởng đâu anh đã hiểu ra tội lỗi của anh trước Đảng, anh sẽ thành khẩn khai báo, nhưng không, anh vẫn ché đén giữ mực, vẫn ngoan cố... Không muốn về nữa hử?

Chao ôi, quát thì quát, anh chàng thư lại này vẫn còn ảo tưởng có thể thí dỗ tôi bằng một cái bong bóng xà phòng. Y muốn tôi nghĩ y cáu với tôi chỉ vì trên nóng lòng ruột muốn thả tôi lắm

đổ cơ quan lãnh đạo của Đảng, đồng thời họ tổ chức hoạt động tình báo cho nước ngoài và được nước ngoài chỉ đạo chặt chẽ..." (Trích Nghị quyết số 219A ra ngày 27.1.1972 – tôi nhấn mạnh) Như vậy là hơn bốn năm sau khi bắt người Lê Đức Thọ mới lợi dụng Trung ương tuyên bố tội trạng (!), mà là tội trạng bịa đặt, nhất là về cái gọi là tổ chức hoạt động tình báo cho nước ngoài và được nước ngoài chỉ đạo chặt chẽ. Cũng không nói tới đảo chính nữa, chỉ nói tới lật đổ ban lãnh đạo Đảng mà thôi.

rồi, còn tôi thì quá ngu ngốc nên không hiểu, cứ trơ trơ như gỗ. Huỳnh Ngự có cái dễ thương của y. Trong những ngày lao đao nhất của tôi, thỉnh thoảng y lại cho tôi một trận cười.

- Tôi chỉ có thể nói sự thật và chỉ có sự thật mà thôi. Nếu tôi nhớ không lầm chính bác đã nhiều lần nói với tôi rằng Đảng không đòi hỏi gì hơn ở tôi ngoài sự thật...

- Đừng có chơi chữ với tui, hiểu chưa? - Huỳnh Ngự vỗ mạnh xuống bàn. Cái vỗ của y quá yếu, nó gây ra một tiếng bẹt thảm hại - Tôi đi guốc trong bụng các anh đó. Đừng có thấy Đảng đối xử tử tế với anh mà tưởng bở, tưởng Đảng buộc phải nương nhẹ còn kiêng nể bọn xét lại hiện đại quốc tế... Lầm to! Lực lượng mác-xít-lênin-nít trên thế giới là vô địch, là bách chiến bách thắng, anh hiểu chưa? Sự thật của các anh là cái thứ chi? Một khi anh không chịu thừa nhận những lỗi lầm của mình thì cái sự thật của anh chẳng bao giờ giống được sự thật của Đảng. Mà chỉ có sự thật của Đảng mới là sự thật, là chân lý. Cái sự thật của anh ấy à, nó không đáng giá một đồng xu keng...

Tôi nổi khùng:

- Nếu chỉ có sự thật của Đảng mới được các anh coi là sự thật, thì hà tất các anh phải hỏi tôi làm gì cho mất thời giờ. Các anh cứ việc viết cái sự thật ấy ra mà lu loa rằng tôi đã thú nhận. Mà có lẽ các anh đã lu loa với mọi người như thế rồi, bây giờ các anh muốn tôi tự tay viết, tự tay ký, để chìa ra làm bằng chứng, phải không? Đừng hòng!

Bên cạnh Huỳnh Ngự có thêm một người lạ mặt. Đó là một người đứng tuổi, tầm thư ớc, với cặp mắt thông minh trên gương mặt sáng sủa của một trí thức thành thị. Anh ta lắng lặng theo dõi cuộc đấu khẩu, không biểu lộ một thái độ nào.

- Thế thì để tui nói cho anh hay cái sự thật Đảng biết về anh! - Huỳnh Ngự gầm lên - Anh là một-tên-gián-điệp-của-bọn-xét-lại.

Huỳnh Ngự giúp tôi bình tĩnh trở lại. Tiếng gầm của con mèo làm tôi bật cười:

- Sao? Anh nói cái gì, tôi không hiểu. Thật mà, tôi không hiểu khái niệm này. Ra còn có một tội danh như anh nói kia đấy... Thường trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia người ta nói tới tội làm gián điệp cho một quốc gia khác, chứ không ai nói gián điệp cho bọn này hay bọn kia... Các anh có hệ khái niệm của các anh, tôi có hệ khái niệm của tôi. Vì thế mà tôi không thể hiểu nổi anh muốn nói cái gì...

- Anh muốn nói cho rõ hơn hả? Được, tui sẽ nói rõ: anh là gián điệp-của-bọn-xét-lại-hiện-đại-Liên-Xô, anh làm gián điệp cho Liên Xô. Thế nào, anh có đủ can đảm nhận tội nör không? Hay cái nör cũng không phải là sự thật của anh? Cơ quan an ninh có đủ bằng chứng. Chính thằng Rashid đã thú nhận tất cả, tại phòng này nầy, cả thằng thầy nó nữa, thằng Sherbakov... Bọn xét lại Liên Xô đã phải xin lỗi vì thọc tay vào công việc nội bộ của Việt Nam. Các anh ngu dốt không biết, chớ cơ quan an ninh

Việt Nam biết hót mọi âm mưu của bọn xấu người nước ngoài. Lần này đến cả tên trùm lật đổ Mikojan<sup>1</sup> cũng phải rợn tóc gáy. Chúng nó đều không ngờ...

Tôi muốn cười phá lên. Ghê chưa, mấy con cún bầy giờ nhảy bàn độc, nhổ bọt vào những đống bắc mà trước mặt họ chúng khúm núm.

- Anh không tin? Anh muốn biết bằng chứng?

- Sao lại không tin? - tôi cười vui vẻ - Tôi tin lắm chứ. Tôi tin rằng cơ quan an ninh Việt Nam phải có bằng chứng trong tay mới dám nói thế, trong việc này không thể à uôm được, còn bằng chứng ấy thế nào lại là chuyện khác. Trong những việc hệ trọng thế này đâu có thể xung xung nói ra cho sướng miệng. Những lời buộc tội không dựa trên bằng cớ xác đáng có thể dẫn tới những hậu quả tai hại vì chúng liên quan tới một quốc gia trước nay vốn không phải thù địch, hơn nữa lại là một nước anh em viện trợ cho ta nhiều hơn bất cứ nước nào khác...

Huỳnh Ngự chồm tới, ghé sát vào mặt tôi. Lòng trăng mắt y đỏ ngầu, vẫn lên những tia máu. Tức giận không làm cho mắt y đỏ cách như thế, tôi nghĩ. Thôi chết, y bị nhiễm dịch đau mắt đỏ rồi. Nạn dịch ghê gớm hoành hành dữ dội từ mấy tháng trước, tôi cũng đã bị. Nhưng trận dịch đã tắt, không hiểu sao y còn mắc. Lẽ ra y không nên ở đây lý sự lingleton nhắng với tôi mà đến khám ở Viện Mắt.

- Được, tui sẽ cho anh biết những bằng chứng ấy. Ngay bây chừ. Ngay lập tức. - y rít lên - Chỉ vì Đảng nhân đạo khoan dung cho những đứa con lầm đường lạc lối nên tui mới còn kiên nhẫn làm việc với anh mà thôi...

- Có nghĩa là nếu Đảng không khoan dung thì tôi đã bị bắt bỏ? Tôi phải hiểu như thế chứ gì?

- Nè đừng có chọc giận tui nghen. Sự kiên nhẫn nào cũng có giới hạn. Nhơn tiệm tui cũng nói cho anh hay: không phải vô cớ Đảng lịnh cho bắt anh ở giữa đường...

- Tôi không hiểu. Bắt giữa đường hay bắt tại nhà thì có gì khác nhau? Bắt ở đâu cũng là bắt. Hắn phải có lý do nào đó khiến Đảng phải dùng cách bắt cóc...

- Anh lầm. - Huỳnh Ngự lửng lơ - Cái đó có nguyên nhân của nó, mà nguyên nhân ấy không nằm ngoài lòng tốt của Đảng đối với gia đình anh. Anh cứ nghĩ kỹ khắc hiểu<sup>2</sup>...

<sup>1</sup> Anatas Mikojan (1895-1978), chính khách Liên Xô, từng giữ chức phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, phó chủ tịch rồi chủ tịch Xô-viết Tối cao Liên Xô. Chuyện buồn cười ở đây là Huỳnh Ngự nói về “trùm lật đổ” Mikojan vào cuối năm 1967, trong khi ông này đã về hưu từ năm 1965.

<sup>2</sup> Rất có thể Huỳnh Ngự muốn nói Lê Đức Thọ không chủ trương bắt tôi thật, mà chỉ định bắt dọa thôi. Cho tới nay tôi vẫn không hiểu được liệu có một cái ý như thế ở Lê Đức Thọ không? Thế mới biết chính quyền vô sản chuyên chính tùy tiện đến mức nào trong việc đối xử với công dân.

- Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn lượng bao dung và tình thương rộng lớn mà Đảng dành cho gia đình chúng tôi - tôi cố ý chọn những từ ngữ khách sáo nhất để có thể mai mỉa nhiều nhất - Nhưng với tư cách người bị buộc tội tôi cũng rất muốn biết những bằng chứng kết tội mình. Biết đâu đấy, những bằng chứng ấy lại là ngụy tạo, do những tên bất lương cung cấp cho Đảng nhằm mục đích tâng công thì sao?

- Đừng có láo! - vừa dịu giọng được vài phút, Huỳnh Ngự lại sừng cồ - Anh bảo ai bất lương? Anh bảo ai tâng công?

- Những kẻ chạy theo thành tích bằng bất cứ giá nào ấy. Chẳng lẽ trong hàng ngũ cách mạng hết sạch những tên cơ hội rồi sao?

Huỳnh Ngự ngó ra một giây. Trong các tài liệu tuyên huấn phát hành ra ngoài và lưu hành nội bộ, Đảng không ngớt chửi rủa bọn cơ hội. Tôi có chửi bọn cơ hội cũng là phụ họa theo Đảng mà thôi.

Người đàn ông ngẩng mặt lên nhìn tôi.

- Được, lúc ni tui không thèm đói co với anh chuyện đó. Để đó sau. Chừ anh trả lời tui: ngày nớ giờ nớ (y giờ sổ tay và đọc rõ ngày giờ với vẻ đắc ý) anh gặp thằng Rashid tại quán An Thái kế bên rạp Tháng Tám<sup>1</sup> để bàn chuyện chi? Anh có chối rằng anh không gặp hắn không?

- Việc gì phải chối! - tôi nhún vai - Chẳng lẽ tôi lại không được phép gặp gỡ bạn bè là công dân một nước anh em sao?

- Không được phép. Đảng đã nghiêm cấm mọi sự tiếp xúc với người nước ngoài.

- Rất tiếc, tôi chưa được biết Đảng đã ra một sắc lệnh như thế.

- Anh xỏ lá hả? - Huỳnh Ngự đậm chân quát - Đừng tưởng tôi không hiểu cái lối xỏ lá của anh. Đảng không bao giờ ra sắc lệnh. Nhưng Đảng là Đảng lãnh đạo, Đảng quyết và Nhà nước thực hiện.

- Kể cả sắc lệnh của Nhà nước, xin lỗi, của Quốc hội, tôi cũng chưa được đọc.

- Không phải sắc lệnh, mà là chỉ thị. - Huỳnh Ngự nhăn nhó - Nó đã được phổ biến đến từng cơ quan...

Tôi tiếp tục vò ngây thơ:

- Tôi hiểu rồi. Chỉ thị này là chỉ thị mật, không được đăng báo, chứ nếu đăng báo thì ắt tôi đã biết. Không thấy cơ quan tôi nói gì về chuyện này. Mà cũng có thể khi chỉ thị được phổ biến thì tôi lại không có mặt ở tòa soạn. Chả là tôi thường xuyên đi công tác địa phương...

<sup>1</sup> Rạp Majestic trước năm 1954 ở trên phố Huế.

Tất nhiên, tôi biết cái chỉ thị mật sắc mùi bể quan tảng của Phạm Văn Đồng. Cái chỉ thị nhà quê ấy làm cho bất cứ ai trước kia từng học hoặc làm việc ở nước ngoài (trong trường hợp này là Liên Xô và các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa) phải chạy trốn mọi bạn cũ khi vô tình chạm trán họ trên đường phố Hà Nội.

- Ta trả lại vấn đề: anh gặp Rashid bàn những chuyện chi hè? - Huỳnh Ngự nhìn tôi, cười tủm tỉm.

Cách của Huỳnh Ngự là thế - vừa mới quát nạt phút trước phút sau y đã chuyển ngay sang giọng bình thường để quay lại với câu hỏi bỏ dở.

- Bàn chuyện gì? - tôi nhún vai - Chúng tôi chẳng bàn chuyện gì hết.

- Anh lại nói dối rồi!

- Nếu cái gì tôi nói cũng bị coi là nói dối thì còn nói nữa làm gì, vô ích.

- Được, anh nói gì cũng được. Tui nghe.

- Tất nhiên, bên ly cà phê chúng tôi cũng nói chuyện tào lao, không thể không có chuyện đó. Nhưng đó là chuyện trời đất nắng mưa, không đáng kể ra đây...

- Tui cũng muốn nghe cả những chuyện nớ.

- Được thôi, đại loại tôi hỏi thăm Rashid về các bạn cũ - chả là chúng tôi có những người bạn chung...

- Hừm, chi nữa?

- Chuyện mấy năm nay Moskva xây dựng thêm nhiều, Rashid nói, bây giờ tôi có sang đó chắc không nhận ra nơi tôi ở cũ.

Huỳnh Ngự cười nửa miệng.

- Có vậy thôi ư?

- Đáng tiếc, hôm ấy chúng tôi lại chẳng nói chuyện gì khác...

Tôi biết hôm ấy có cá chìm theo. Khi tôi và Rashid ngồi trong quán cà phê, chúng lảng vảng bên ngoài. Ở vị trí đó chúng không thể nghe được chúng tôi nói gì với nhau, giả định rằng chúng biết tiếng Nga. Để có thể nghe lén ở khoảng cách xa, bọn cá chìm phải được trang bị tốt. Nhưng đám "phái khiển"<sup>1</sup>, được chọn từ những mối quan hệ huyết thống của gia đình Hoàn, chỉ thao buôn lậu, chứ ra nước ngoài chúng chẳng những đã không thu thập được tin tức tình báo cần thiết, mà còn không mua

<sup>1</sup> Tình báo viên được cử ra nước ngoài hoặc hoạt động trong lòng địch dưới những vỏ bọc khác nhau.

sắm được phương tiện hiện đại cần cho hoạt động nghiệp vụ. Điều này giải thích vì sao sau này Trần Quốc Hoàn mất hai năm không bàn giao nổi công tác tình báo cho bộ trưởng mới Phạm Hùng. Lịch sử còn ghi nhận thêm hai sự kiện đáng xấu hổ cho Hoàn: đó là trong cả hai biến cố lớn - khi quân Polpot vượt biên giới Tây Nam đánh vào Tây Ninh, khi quân Trung Quốc tràn qua biên giới phía Bắc - ngành an ninh đã không báo trước được cho Trung ương lấy một ngày.

Tôi lấy làm tiếc đã không kể được cho Huỳnh Ngự nghe câu chuyện giữa tôi và Rashid. Y không đủ trí tuệ để hiểu được sự thật. Tính đinh ninh, cố chấp làm y mù lòa.

Câu chuyện hôm ấy đáng được kể lại ở đây, vì nó liên quan tới cái gọi là tình quốc tế vô sản. Rashid hỏi ý kiến tôi về một số yêu cầu viện trợ đang làm anh băn khoăn. Chẳng hạn, phía Việt Nam đưa ra con số tổn thất về phương tiện vận tải quá lớn. Theo thỏa thuận giữa hai bên, Liên Xô phải đảm bảo cho Việt Nam một số đầu xe hoạt động trên toàn chiến trường Nam Bắc, Mỹ bắn hỏng bao nhiêu phải lập tức bù lại bấy nhiêu cho đủ. Cầu cũng vậy, Mỹ đánh gục cầu nào là phải có ngay sắt thép lắp lại ngay lập tức để bảo đảm vận chuyển bộ đội và súng đạn cho chiến trường. Theo tinh thần này Việt Nam yêu cầu Liên Xô cung cấp một lượng thép xây dựng cầu rất lớn, tính theo loại có kết cấu trung bình thì đủ để xây dựng một cây cầu có chiều dài tổng cộng... 80km (!)

Rashid nói:

- Nhiều quá! Của cải Liên Xô đâu phải vô tận. Cũng phải đổ mồ hôi sôi nước mắt mới có được. Tôi không biết sẽ phải giải thích với chính phủ tôi ra sao đây, mà đó là công việc tôi phải làm...

Tôi hiểu: con số không khiêm tốn. Nhưng trong tôi tư tưởng bản vị thắng lẽ công bằng. Tôi không muốn Liên Xô giảm số sắt thép viện trợ.

- Nếu chỉ nói riêng về cầu không thì quả có quá đáng. - tôi trả lời - Trong con số này chắc người ta đã tính gộp cả những nhu cầu khác thuộc cầu đường, chẳng hạn làm thanh chắn cho các đường ngầm qua suối, làm pông-tông<sup>1</sup>. Việt Nam, cậu biết đấy, có quá nhiều sông suối...

Rashid vốn nhiệt tình với Việt Nam. Anh gật gù rồi nói có thể tôi có lý.

Câu chuyện hôm đó là thế. Nhưng có nói ra với Huỳnh Ngự cũng vô ích. Trong khối óc bã đậu của y, những người xô-viết có mặt tại Hà Nội đều là những tên xét lại hiện đại, những tên địch, và y đang vênh vang tự hào về chiến thắng của quan thầy y trong cuộc chiến tưởng tượng.

Ở đây kể cũng nên mở ngoặc đơn để nói về một sự bất công. Dư luận thế giới nói nhiều về những mưu toan bá quyền của Liên Xô. Người ta dẫn ra các thí dụ về việc Liên Xô hy sinh một số nước láng giềng như Tiệp Khắc, Ba Lan trong thế chiến thứ hai, việc can thiệp vào nội bộ các nước ở Đông

<sup>1</sup> Phao ghép làm cầu qua sông, suối.

Âu để đàn áp những cuộc nổi dậy của dân chúng tại các nước đó, tham gia cuộc chiến dai dẳng tại Afghanistan<sup>1</sup>, can thiệp vào cuộc chiến tại Việt Nam, Angola...

Những việc đó có thật cả. Lịch sử đã xác nhận. Nhưng bên cạnh và bên trong những toan tính vị kỷ của chính quyền cộng sản Liên Xô, còn một sự thật khác bị những người căm ghét Liên Xô cố tình không nhắc tới, nhất là sau khi Liên Xô tan rã. Sự thật đó là: trong những người xô-viết bình thường có thật một niềm tin ở tinh thần quốc tế vô sản. Tôi đã thấy điều đó bằng chính mắt mình. Họ ngây thơ? Họ bị lừa dối? Đều đúng. Đúng hết. Nhưng người dân Liên Xô thực sự có niềm tự hào rằng họ đang thực hiện nghĩa vụ giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc, họ đang làm việc mà nhân loại phải làm, vì những người cùng khổ, vì những dân tộc phải sống dưới ách nô lệ. Vì một chủ nghĩa bá quyền xô-viết mà phủ nhận công lao và xương máu của các chiến sĩ Hồng quân đã hy sinh mạng sống để tiêu diệt chủ nghĩa phát-xít là vô ơn.

Cũng như vậy, không thể vì những mưu toan của một Lê Duẩn, một Lê Đức Thọ mà xóa sạch những hy sinh của các chiến sĩ Việt Nam trong cuộc chiến chống bọn diệt chủng Polpot. Trong chuyện này quốc vương Sihanuk còn công bằng hơn những người căm thù bất cứ cái gì là cộng sản. Mặc dầu không bằng lòng chính quyền Hà Nội trong nhiều vấn đề ông vẫn ghi nhận sự thật là: nếu không có người Việt Nam (người Việt Nam chứ không phải chính quyền cộng sản) thì thảm họa diệt chủng ở Campuchia còn lớn hơn nhiều.

Những vấn đề lịch sử thường rất phức tạp, không thể suy nghĩ theo cách đơn giản: có - không có, phải - không phải.

Mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa hiện tồn, sự xuất hiện cũng như sự tan rã của nó, để lại cho nhân loại nhiều suy ngẫm. Ước mơ về một xã hội công bằng trong tình thương yêu không mất đi cùng với sự mất đi của một mô hình. Một xã hội tự do và công bằng, không còn cảnh người bóc lột người, bốn biển là anh em, chẳng lẽ không phải và không được phép là một xã hội mong muốn? Điều đáng tiếc là cái phác đồ cho một tương lai đẹp đẽ ấy chỉ là một cái bánh vẽ, một hoang tưởng, không thể nào thực hiện được, trước hết bởi những tên lãnh tụ say mê quyền lực.

Huỳnh Ngự đi đi lại lại một lát rồi đột ngột dừng bên cạnh tôi, ngọt nhạt:

- Tui hiểu, anh muốn tôi phải chia bằng chứng ra rồi mới chịu nói hớt chớ chi? Nè, cái đó, tui báo trước cho anh biết, chỉ có hại cho anh chớ không có lợi đâu. Anh không tin hử? Anh coi thường đối thủ của mình hơi nhiều đó. Böyle giờ đã là năm 1967 rồi, đâu có còn là năm 1945. Ngành an ninh của

<sup>1</sup> Trong những năm 1979-1989 Liên Xô đã mang quân chiếm đóng Afghanistan (con số được công bố là 118.000 lính) "theo yêu cầu của nước bạn" để ủng hộ chính quyền thân Liên Xô, với những nhân vật lãnh đạo được lần lượt dựng nên và truất bỏ: Noor Taraki, Hafizullah Amin, Babrak Karman, Muhammad Najibullah.

ta đã lớn mạnh. Anh thấy đó, cho dù anh có được chúng nó huấn luyện kỹ tới mấy, kết cục anh vẫn thua tui như thường.

Thì ra trong cái đầu cắn cỗi của y, Trường Đại học Điện ảnh Moskva một lần nữa lại nổi lên như một Trung tâm huấn luyện tình báo. Chẳng thế mà y cứ hỏi đi hỏi lại về chương trình học ở trường này, bắt tôi nói kỹ, bắt tôi viết, về từng môn học, về từng giáo sư. Tôi hiểu: bằng những câu hỏi triền miên Huỳnh Ngự muốn tôi bị rối trí lộ ra những cái không nhất quán để y thọc sâu, khai thác tiếp.

Tự nhiên tôi thấy mệt. Có lẽ do áp huyết tụt. Tôi mắc chứng áp huyết thấp, nhưng chẳng bao giờ tôi tìm cách chữa nó. Tôi còn trẻ, bệnh tật chưa làm phiền tôi bao nhiêu. Cái mệt mỏi bất thadder đến làm tôi không muốn kéo dài cuộc đấu khẩu. Tôi chán ngán cúi xuống. Im lặng tràn ngập căn phòng.

Không nhìn lên, tôi nghe Huỳnh Ngự cao giọng:

- Böyle chờ anh còn muốn cãi nữa không? Tui sẵn sàng nghe anh cãi. Còn cái sự thật nào nữa thì đưa ra đây coi thử? Tui chẳng cần phải đối anh làm chi, tui nói có bằng chứng là tui có bằng chứng. Đủ cả: muốn hình chụp có hình chụp, muốn băng ghi âm có băng ghi âm... Nào, chờ anh muốn coi hay muốn nghe? Hay muốn cả hai.

Tôi chẳng muốn gì hết. Tôi chỉ muốn có một phép màu nào đó giúp tôi biến khỏi nơi này, để khỏi phải thêm những lời xuẩn ngốc của một tên mắc chứng chuyên chính cuồng.

Huỳnh Ngự tưởng đã chế ngự được tôi. Y vênh vang như một kỵ sĩ cuối cùng đã thuần phục được con ngựa bất kham.

- Có vậy chớ! - y thở phào - Chẳng lẽ anh cứ ngoan cố mãi.

Y tưởng tôi gục rồi, tôi sẽ nhận cái tội y muốn tôi nhận.

Ai cũng biết rằng đối với nhà cầm quyền ngoài cái tội tuyên truyền chống chế độ mơ hồ, chỉ còn có tội làm gián điệp cho nước ngoài là tiện lợi hơn cả. Chẳng cần phải vất vả chứng minh, cứ có lời nhận tội là đủ, là đã có thể mang tội nhân ra xử rồi.

Tôi không được trực tiếp nghe những thông báo nội bộ của Lê Đức Thọ. Văn Cao dự họp Đảng ở Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật, được nghe phổ biến về những thông báo trên. Anh kể lại cho tôi không những nội dung mà cả cách dùng từ ngữ trong những thông báo nọ. Chúng là sự sáng tạo ở cấp độ cao lối nói mơ hồ, tạo ra những khoảng không bao la cho sự hiểu ngầm.

Trong thông báo số 1, Lê Đức Thọ nói rằng Đảng (chứ không phải Nhà nước) đã quyết định bắt giam một số tên cầm đầu của một nhóm phản bội. Bản thông báo kêu gọi những ai có quan hệ với nhóm này hãy đến ngay để báo cáo mọi điều mình biết với Ban tổ chức Trung ương Đảng (hãy mau lập công, hỡi các đồng chí!).

Thông báo số 2 cụ thể hơn. Lê Đức Thọ cho trích một số lời thú tội của những người bị bắt, nhận có quan hệ với người nước ngoài, lạy lục van xin Đảng khoan thứ. Sự bịa đặt quá lố, làm mẹ tôi phải kêu lên:"Bạn mất dạy, bố của các con không bao giờ nói những lời hèn hạ như thế! Các con chớ tin lời chúng nó". Sự bịa đặt trắng trợn của Lê Đức Thọ và bè lũ là không có giới hạn, như sau này tôi được biết.

Mặc kệ Huỳnh Ngự nỉ non, tôi ngồi im. Cơn buồn ngủ ập đến làm tôi ngáp chảy nước mắt.

Huỳnh Ngự lại hiểu sự im lặng của tôi theo nghĩa khác.

- Chùr anh hiểu cả rồi chớ? Hiểu thiệt chớ?

- Vâng, tôi đã hiểu... - tôi ngán ngẩm đáp và nghe thấy y cười ré trên đầu tôi.

Thằng đàn, tôi rửa thầm. Từ khi vào tù tôi thích nói những câu hai nghĩa. Tôi nói hiểu là theo cách của tôi, không phải theo cách của y.

Huỳnh Ngự tự thưởng cho mình một điếu Điện Biên bao bạc. Y ngả người trên ghế, nhả khói lên trần.

- Tui biết, tui biết chớ, chẳng chóng thì chầy anh cũng sẽ hiểu ra. – giọng thủng thẳng, y nói - Ngoan cố là vô ích, bởi vì Đảng biết tất, biết từng hành động sai trái của anh, bởi vì tai mắt của Đảng ở khắp mọi nơi...

Biết rồi, khổ lắm, nói mãi! Đảng là Chúa Trời "ở khắp mọi nơi thông biết mọi sự". Đảng là Phật nghìn tai nghìn mắt. Đảng quyền lực vô biên!

- Đảng còn hỏi anh là để cho anh có cơ hội phản tỉnh, để cho anh do đào sâu suy nghĩ mà hiểu thấu lỗi lầm, rồi tự mình trình bày với Đảng... Thành khẩn khai báo là thước đo lòng trung thành với Đảng... Đánh kẻ chạy đi chứ ai đánh kẻ chạy lại...

Lại bài ca muôn thuở! Tôi nghiệp cho Huỳnh Ngự. Y quá vội sung sướng.

- Mừng cho anh hôm ni đã vượt qua được bản thân để thú nhận tội lỗi của mình với Đảng. - y đặt tay lên vai tôi - Xét cho cùng, cũng chẳng con đường nào khác. Vả lại, anh theo Đảng từng ấy năm, được Đảng giáo dục dạy dỗ, chẳng lý nào anh lại không tiếp thu được điều chi. Trong thời gian tới tui hi vọng anh sẽ tiếp tục khai báo với Đảng những chi mà bọn xấu người nước ngoài mưu toan gây hại cho nước ta...

Tôi ghê tởm cảm thấy trên vai mình chất nhày trên da loài bò sát. Để Huỳnh Ngự không nhận thấy mặt tôi nhăn nhó, tôi lí nhí đáp lại một câu không rõ.

- Bác Ngự ạ, cảm ơn bác chí tình khuyên răn, nhưng...

Huỳnh Ngự chững lại:

- Còn nhưng cái chi?

- Thế này, tôi sẵn sàng nhận tội trước Đảng... - tôi cố ý nói chậm, từng tiếng một, bằng giọng thật điềm đạm - bởi vì, thú thực, cái mà Đảng coi là tội thì trong quan niệm của tôi... , ô không, xin bác đừng ngắt lời, xin hãy nghe tôi đã...

Huỳnh Ngự nuốt nước bọt. Y nhìn xoáy vào mắt tôi:

- Nói đi, đừng có vòng vo Tam quốc.

Tôi ngưng vài giây cho hiệu quả câu trả lời được nặng cân hơn.

- Tôi sẵn sàng nhận tội làm tình báo cho Liên Xô...

Huỳnh Ngự chỉ chờ có sự thú nhận đó. Y phán:

- Tốt!

Tôi tiếp:

-... tôi đã dại dột mắc vào tội đó, trong khái niệm của Đảng...

- Tốt! Tốt lắm!

Tôi ngừng lại một lần nữa, lâu hơn. Rồi mới nói:

- Tôi nhận còn vì một lẽ nữa: tôi coi sự được đứng trong hàng ngũ các chiến sĩ tình báo xô-viết là một vinh dự.

- Hừm!

- Vâng, đúng thế, tôi coi là vinh dự. Với tôi, không có cách nhìn khác. Những chiến sĩ tình báo xô-viết đã lập chiến công to lớn trong cuộc chiến đấu của loài người chống họa phát-xít. Họ xả thân vì quyền sống của nhân loại, họ ngã xuống như những anh hùng...

- Hừm!

- Nhưng nếu như tôi không nhận mình là người trong hàng ngũ những người anh hùng ấy, mặc dầu lòng tốt và sự khó nhọc của bác, thì xin bác đừng giận: ở đây không phải chuyện chạy tội, hoặc giả tôi không dũng cảm nhận việc mình làm... Nguyên nhân ở đây khác: tôi là một con gà lương thiện không thích được cắm lông công.

Tôi đứng lên, tỏ ý cuộc nói chuyện đến đây đã chấm dứt.

Huỳnh Ngự trợn mắt, đờ đẫn nhìn tôi. Y không chờ đợi một phản ứng đầy miệt thị như thế. Người của bộ máy chuyên chính vô sản quen đè bẹp mọi kẻ thù bàng hoàng trước một tên tù non choẹt nhưng không thể bẻ gãy.

Người đàn ông mỉm cười, hoặc tôi có cảm tưởng anh ta mỉm cười.

Huỳnh Ngự run bắn lên. Trong cơn giận dữ ập tới y không tìm được lời đối đáp. Y còn tức giận hơn nữa vì trong phút ấy y không chỉ mất mặt với mình tôi - sự mất mặt lần này lại diễn ra trước thuộc cấp.

- Đưa hắn vô trả lại xà lim! - y hét lên, trả lại nguyên hình - Hắn muốn chết rục xương trong Hỏa Lò ni thì cho hắn toại nguyện! Không có nương nhẹ chi với hắn hót! Từ mai các anh cắt hớt cho tôi! Cắt! Cắt hớt!

Vơ vội vã những tài liệu trên bàn, những ngón tay nhợt nhạt run lên, y nhét tất cả vào cặp, đừng đừng bỏ ra ngoài.

Còn lại người đàn ông và tôi. Giữ nguyên nụ cười khó hiểu trên môi, anh ta lững thững đưa tôi đi qua sân Hỏa Lò vắng vẻ tới cái tiền phòng, từ đó tôi trút bỏ áo quần chờ bước vào cuộc sống tù ngục.

Sau buổi làm việc không vui vẻ ấy cái "bánh mì bộ" tuyệt trần cũng vĩnh viễn ra đi. Cái chữ "Cắt hớt! Cắt hớt!" của Huỳnh Ngự té ra có nghĩa là như vậy.

Thành không oán tôi về sự ra đi đột ngột của cái bánh mì đáng yêu. Anh an ủi tôi:

- Cậu lại gây gỗ với họ rồi! Thời tiết Hỏa Lò thay đổi như thế là chuyện thường. Đừng ngạc nhiên. Mà cũng đừng lo lắng.

Huỳnh Ngự cũng thản nhiên lờ tịt, không quay lại đề tài bị thối lần nào nữa.

Tôi hiểu mình đã tước đoạt của các nhà chuyên chính vô sản một con bài quan trọng. Không phải đó là sự tước đi lý do buộc tội tôi, hoàn toàn không phải thế. Điều đó không làm họ suy nghĩ. Chẳng cần phải vò đầu bứt tai nghĩ cách buộc tội người ta vẫn có thể tống tôi vào xà lim như thường. Cái chính là họ mất đi kỳ vọng dùng tôi làm tấm ván bắc cầu vào nhà người khác - Võ Nguyên Giáp, Bùi Công Trừng, Ung Văn Khiêm, Lê Liêm và các nhà cách mạng lão thành bị bắt trong vụ này.

Nhưng Huỳnh Ngự không cho tôi nghỉ ngơi.

Bắt đầu cuộc đánh vật mới về những nhân vật quan trọng. Tôi bình tĩnh, khiêm tốn nói tôi chẳng biết gì về họ. Huỳnh Ngự phát chán. Y để họ đấy đã, chuyển qua hỏi tôi về những người mà theo tôi, chẳng mấy liên quan tới chủ nghĩa xét lại hiện đại.

Tính Tào Tháo của nhà cầm quyền cộng sản không phải là điều mới lạ. Nhưng nghi ngờ bất cứ ai, không căn cứ trên một chứng cứ dù nhỏ nào thì thật quá đáng. Đó là sự phi báng tráng trọn những người cùng chung hàng ngũ mà họ hàng ngày vẫn tay bắt mặt mừng, vẫn gọi bằng đồng chí.

Tôi xin kể một câu chuyện làm thí dụ.

- Anh ghê thiệt đó, chẳng kém ủy viên Bộ Chính trị bao nhiêu đâu. Ngồi tại Hà Nội mà có nhãm tiến<sup>1</sup> dâng tận miệng, ghê thiệt! - Huỳnh Ngự bỗng dưng nói một câu bâng quơ trong tuần trà thông lệ, trước khi bước vào cuộc hỏi cung.

Tôi nhớ ra: cách đây ít lâu anh Lê Quý Quỳnh, bí thư tỉnh ủy Hưng Yên, có gửi cho tôi một ít nhãm tiến làm quà. Thì ra cái việc cỏn con tôi chẳng hề để ý cũng đã đến tai nhà chức trách.

Anh Quỳnh cho cán bộ mang nhãm tới cơ quan chứ không mang tới nhà riêng. Lý do đơn giản: vào thời gian ấy cán bộ quan hệ với nhau thường dùng địa chỉ cơ quan chứ không dùng địa chỉ nhà riêng. Nói đến chuyện này, Huỳnh Ngự muốn khoe sự hiểu biết thâm thông quảng đại của cơ quan công an hay còn có ý gì khác?

Y nói tiếp, mặt lạnh tanh:

- Tui cần một báo cáo về Lê Quý Quỳnh.

Tôi còn chưa hết ngỡ ngàng thì còi báo động đột ngột hú lên, cắt ngang buổi làm việc. Huỳnh Ngự lật đật ôm hồ sơ chạy ra ngoài.

<sup>1</sup> Một giống nhãm rất quý ở Hưng Yên, ngày nay chỉ còn vài cây, nghe nói rất khó nhân giống. Nhãm này có tên là "nhãm tiến" vì ngày trước chỉ dùng để dâng vua.

Trên đầu tôi máy bay gầm rú, chẳng biết là máy bay Mỹ hay máy bay Nga. Súng cao xạ nổ như pháo ran. Thỉnh thoảng lại chen vào một tiếng nổ lớn của tên lửa địa-không. Huỳnh Ngự chắc đang co ro trong hầm trú ẩn. Tôi ngồi trong phòng hỏi cung một mình. Suy nghĩ vẩn vơ.

Bom Mỹ cứ việc rơi trúng Hỏa Lò đi, tôi nghĩ. Chẳng sao hết. Tôi có cuộc đời đẹp đến nỗi chẳng buồn tiếc nó!

Thành nói Hỏa Lò là nơi an toàn nhất Hà Nội, máy bay Mỹ không bao giờ ném bom Hoả Lò, là nơi có tù binh Mỹ. Theo lệnh quản giáo, tù xà lim phải chui vào gầm phản khi có báo động. Chúng tôi chưa một lần chui xuống đó. Còi báo động chỉ làm tôi nhớ nhà. Nhớ lắm! Từ nhà tôi tới Nhà Hát Lớn thành phố chỉ ba bước chân. Mỗi lần còi báo động trên nóc Nhà Hát Lớn hú lên là các con tôi phải bịt chặt tai lại. Tiếng hú đinh tai làm chúng sợ.

Hết báo động, Huỳnh Ngự quay trở vào, xếp lại hồ sơ lên bàn. Cuộc hỏi cung tiếp tục.

- Tôi biết gì về anh Lê Quý Quỳnh để có thể nói về anh ấy?!

- Anh biết quá đi chớ. Không dung mà Lê Quý Quỳnh gởi nhẫn tiến cho anh? Thứ nhẫn quý ni, anh thừa biết, chỉ dành riêng cho Bác và Bộ Chính trị, đâu phải bí thư tỉnh muốn cho ai thì cho.

Thì viết.

Tôi lùi bước theo cách của tôi. Giờ Huỳnh Ngự muốn bắt tôi viết gì tôi cũng viết. Có thể coi việc viết những báo cáo này là cách tiêu thời gian trong tù lăm chừ. Bây giờ, khi những đề tài liên quan tới những người bị chúng liệt vào loại "xét lại chống Đảng" đã cạn, chúng bắt đầu khai thác tôi về những người khác. Cái bọn mao-ít này sao mà khờ! Chẳng lẽ chúng không hiểu được rằng chúng chẳng có thể sử dụng được những báo cáo của tôi để hại ai. Tôi thừa khôn để không trao cho chúng vũ khí hại người. Tôi viết, cẩn thận với từng chữ.

Tôi viết rằng Lê Quý Quỳnh là một trong những bí thư tỉnh ủy ít ỏi mà tôi được gặp. Hiếm có một bí thư tỉnh ủy gần dân như anh. Anh không mấy khi có mặt ở cơ quan tỉnh ủy mà lăn lộn hàng ngày với dân, giải quyết những vấn đề nảy sinh tại chỗ. Đám nhà báo tìm anh rất khó. Tôi quen anh lần đầu vào mùa thu năm 1963 trong khi đi viết về Hưng Yên, không phải về Hưng Yên đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà về vùng đất "thứ nhất Kinh kỳ, thứ nhì phố Hiến" ngày xưa. Lê Quý Quỳnh tiếp tôi trong phòng làm việc, nơi mọi vật bị bụi phủ một lớp dày. Vừa cầm giẻ lau qua quýt cái bàn để lấy chỗ tiếp khách, Lê Quý Quỳnh vừa nói: "Nhà báo ạ, nếu anh được một bí thư tỉnh tiếp tại một bàn giấy bóng lộn thì anh hãy cảnh giác - anh đang hỏi chuyện một tên quan liêu đấy!"

- Tại sao anh không viết về khẩu hiệu "Hưng Yên mở hội làm giàu" của Lê Quý Quỳnh? Mấy bạn anh đi làm việc cho tòa soạn về Hưng Yên, chúng tôi biết Lê Quý Quỳnh vẫn lái xe đưa anh đi các xã, ăn cùng mâm, nằm cùng giường, thế nào Lê Quý Quỳnh cũng nói chuyện quan điểm với anh, đúng thế chứ?

Lại quan điểm!

Tôi nhìn thấy trên những bức tường ở Hưng Yên khâu hiệu này. Chúng bị xóa lem nhem nhưng vẫn còn đọc được. Vì khâu hiệu "Hưng Yên mở hội làm giàu", Lê Quý Quỳnh bị nguyên tổng bí thư Trưởng Chinh gọi lên Trung ương "cạo" cho một mẻ đến nơi đến chốn. Mở hội làm giàu là cái gì? Phục hồi chủ nghĩa tư bản, hử?

Lê Quý Quỳnh tính vốn lành, Trưởng Chinh vừa quát là anh nhện lõi liền. Cãi lại cũng chẳng được. Vé phiền muộn, anh nói với tôi trong chuyến đi dọc đường số 5 rằng lõi của anh chẳng phải cái gì khác ngoài ý muốn cho dân Hưng Yên của anh có được một cuộc sống tốt hơn, để xóa đi câu nói đau lòng "Oai oái như phủ Khoái<sup>1</sup> xin cơm". Hưng Yên có mật độ dân số cao nhất miền Bắc, suýt soát 450 người trên một cây số vuông, nếu tôi nhớ không lầm. Số người tha phương cầu thực cũng đông nhất miền Bắc. Ăn mày Hưng Yên nhanh nhảm trên đường phố Hà Nội, thỉnh thoảng Công an Hà Nội lại tổ chức vây bắt, chất lên xe tải trả về cho Lê Quý Quỳnh.

Người lành như anh chẳng dám ngang nhiên vượt rào. Anh có cách tính toán thực tế, rất nông dân của anh, là muốn khai thác những lợi thế tiềm tàng khác của đất đai ngoài khoán ruộng năm phần trăm<sup>2</sup> mà Đảng còn dành cho nông dân, để cho nông dân tinh anh được sống khấm khá hơn một chút. Anh thú nhận có giấu giếm làm thí điểm khoán sản phẩm ở một vài đội sản xuất và khoe rằng đó là phương án rất có lợi.

Kim Ngọc, bí thư tỉnh ủy Vĩnh Phú, theo tôi nhớ, còn đi sau Lê Quý Quỳnh trong sáng kiến khoán sản phẩm cuối cùng đến hộ nông dân, tính về thời điểm khởi đầu cuộc thí nghiệm. Trường Chinh lập tức cách chức Kim Ngọc. Lê Quý Quỳnh mới khoán chui đã bị xỉ vả, bị đá lên<sup>3</sup>, thì Kim Ngọc bướng bỉnh dám một mình cho "khoán hộ"<sup>2</sup> trên diện rộng có mất chức bí thư tỉnh ủy cũng đáng.

Lê Quý Quỳnh kết thúc cuộc đời hoạt động cách mạng của anh bằng chức hội trưởng Hội những người nuôi ong<sup>4</sup>.

Cơ chế khoán tới hộ lao động không phải xuất hiện đầu tiên ở Việt Nam. Nếu như tháng 1. 1962 Mao Trạch Đông đã lên tiếng phê phán cơ chế này thì hẳn ở Trung Quốc nó đã có trước đó ít

<sup>1</sup> Phủ Khoái Châu, một huyện của tỉnh Hưng Yên.

<sup>2</sup> Trong những năm đó, ruộng đất không phải thuộc nhà nước dưới dạng các nông trang tập thể đều thuộc hợp tác xã, nông dân chỉ được phép trồng tẩm cho cá nhân trên số đất 5% được Nhà nước để lại cho mà dùng. Thế mà ở hầu hết các hợp tác xã nông dân thu hoạch trên đất 5% này còn lớn hơn thu hoạch được chia trong hợp tác xã.

<sup>4</sup> Để loại trừ đối thủ hoặc kẻ thù không ưa, người ta hất ra ngoài các chức vụ đang nắm giữ, cho về hưu non hoặc dùng cách khác có hiệu quả tương tự, gọi là "đá xuống", "đá đi", nhưng cũng có thể đưa lên chức vụ cao hơn, nhưng là chức vụ hữu danh vô thực nhằm vô hiệu hóa, gọi là "đá lên". Sau "sai lầm" của mình, Lê Quý Quỳnh được đưa lên làm thứ trưởng Bộ Nông nghiệp, rồi sau đó làm hiệu trưởng Hội những người nuôi ong.

nhất cũng một năm. Trưởng Chinh là người chăm chú nghiên ngẫm các trao đổi của Mao, ông có kiên quyết chặn đứng mưu toan của Kim Ngọc cũng không lạ.

Từ bản báo cáo nhạt như nước ốc về Lê Quý Quỳnh và một số nhân vật trong Đảng, tôi bị Huỳnh Ngự quay sang bắt khai về các văn nghệ sĩ quen biết: nhà thơ Dương Tường, nhà báo Mạc Lân, các nhà điện ảnh Huy Văn, Vũ Huy Cương, kịch sĩ Bửu Tiến, các nhà văn Châu Diên, Hứa Văn Định, Xuân Khánh, Nguyễn Dậu, Phù Thăng và nhiều người khác. Cứ như tôi là cán bộ tổ chức Hội Nhà văn không bằng.

Người tôi khẳng định đã nằm đâu đó trong Hỏa Lò là Vũ Huy Cương. Sau khi được thả, gặp anh tôi mới biết tôi đoán sai một chút - Cương bị giam trong Sở Công an, trước kia là Sở Liêm phóng, chứ không bị đưa vào Hỏa Lò. Người ta bắt Vũ Huy Cương chỉ cốt để hỏi về Hoàng Minh Chính. Vũ Huy Cương kể thời gian đầu anh còn được ở trong một căn phòng không có khóa ngoài, bão động còn được chạy ra hầm trú ẩn cơ quan. Sau đó, tất nhiên, anh cũng bị giam như chúng tôi ở các trại. Tôi giao du với Hoàng Minh Chính làm cho Vũ Huy Cương phải ở tù sáu năm, cộng với ba năm lưu đày ở địa phương, không khác Hoàng Minh Chính đầu vụ một chút nào.

Đã quen với những câu hỏi ngắn, tôi vẫn phải ngạc nhiên khi Huỳnh Ngự đòi tôi khai về Dương Tường. Anh là bạn thân nhất của tôi. Dương Tường là nhà thơ. Trong chúng tôi anh ít quan tâm chính trị nhất, nếu không nói là chẳng thèm đoái hoài tới nó. Trong hai nhà sáng lập chủ nghĩa Marx anh thích Engels vì Engels khoái chuyện tình dân gian Tristan và Iseul. Anh không thích Marx vì Marx chỉ thích các saga mang chất anh hùng ca viking<sup>1</sup> vùng Scandinave<sup>2</sup>. Là người mơ mộng, anh chìm đắm trong cái đẹp của những con chữ, những vần điệu của thứ thơ không dễ hiểu đối với cả dân đen lẫn trí thức, đối lập với thơ hạt lúa củ khoai.

Châu Diên, tác giả tập truyện ngắn "Con nhện vàng" được giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam đầu những năm 60 thì chỉ ham nghiên cứu. Vào thời kỳ này ra "cuộc đấu tranh giữa hai đường lối" tôi ít gặp Châu Diên. Anh học ở Trung Quốc vào thời gian những trò lầm cầm của họ Mao chưa đạt tới đỉnh cao vĩ đại. Chắc hẳn anh lại lỡ lời ở đâu đó về Mao chủ tịch kính mến nên bị Huỳnh Ngự hỏi đến.

Xuân Khánh chủ trương nhà văn không cần hư cấu, cuộc đời như nó có đã thừa đủ chất liệu cho nhà văn rồi, viết cả đời không hết. Nhưng viết thực về cuộc đời là trái với phương châm hiện thực xã hội chủ nghĩa rồi, làm sao in? Những nhà lãnh đạo quốc gia thì lại chỉ thích một thứ hiện thực, gọi là hiện thực trong chiều hướng đi lên, tức là không viết về cái xấu (nó là tạm thời) đang tồn tại, mà chỉ

<sup>1</sup> Viking, còn gọi là Norseman hoặc Northman, chỉ người đi biển, thương gia, hải tặc của vùng Scandinave hoành hành nhiều vùng rộng lớn của châu Âu và Nga (thế kỷ 8-11). Lịch sử vùng Scandinave gọi thời kỳ này là Thời Viking. Saga là hình thức chuyện thơ dân gian nhiều chất anh hùng ca của Iceland và Na Uy

<sup>2</sup> Truyện dân gian truyền khẩu ở thế kỷ 13 lưu truyền trong các dân tộc Anglo-Saxon. Bản dịch đầu tiên sang tiếng Việt của Vũ Trọng Phan có tựa đề: "Chàng Tiễn Nhiên và Nàng Mị Cơ" ..

viết về những cái cũng đang tồn tại nhưng báo hiệu những cái sẽ có trong tương lai mà Đảng hứa hẹn. Trong khi những cái sáng lạn thuộc về tương lai chưa kịp lấp ló ở chân trời mờ ước thì nhà văn phải viết về người tốt việc tốt cho quần chúng noi gương. Viết theo lời Đảng dạy như thế khó lắm, bởi vì nó nhạt lắm. Cho nên sau cuốn Rừng Sâu, là cuốn được cấp trên khen, anh không viết nữa. Hắn có bản thảo nào của anh rơi vào tay công an, cho nên người ta mới vặt veo tôi về anh.

Mạc Lân nóng như Trương Phi, ăn nói bẩm trợn, bị vào sổ đen là chuyện đương nhiên. Anh là con trai cả nhà văn Lê Văn Trương. Thân sinh anh ở trong thành rồi vào Nam, còn anh nhập bộ đội rồi đi Nam, đến tận Sài Gòn. Vết thương trong một trận đánh ở cầu chữ Y để lại di chứng suốt đời – anh đi cà nhắc. Trở lại miền Bắc, sau khi vết thương đã lành, anh lại tiếp tục binh nghiệp cho đến hết cuộc kháng chiến chống Pháp, cùng đơn vị với nhà thơ Dương Tường, nhà báo Tất Vinh, Việt Phương<sup>1</sup>, Trần Dần. Anh có hoàn cảnh gia đình trực trặc, phải nuôi một lũ con đông, đâm ra rành nghề viết thuê. Những người muốn làm nhà văn mà không có tài thường tìm đến anh để thuê anh viết. Viết thử văn nhảm nhí ấy anh viết "như bồ cát". Anh chỉ viết chậm những gì anh tâm đắc.

Hứa Văn Định viết rất nhiều. Làm việc ở Xưởng phim Việt Nam, anh ít khi tới cơ quan, mà làm việc ở nhà, cho mình nhiều hơn cho nhà nước. Tôi không biết Hứa Văn Định viết vào lúc nào, nhưng thỉnh thoảng gặp nhau anh lễ mễ khuôn cả yến bản thảo ra khoe. Trong những sáng tác không được in của anh có những đoạn cực hay, chỉ có thể thấy ở những nhà văn bậc thầy. Anh bị công an để ý chỉ vì anh chơi thân với Kỳ Vân. Ngoài ra người ta chẳng có cơ sở gì để nghi ngờ anh hết.

Bùi Ngọc Tấn còn xa chính trị hơn nữa. Anh mê những "con chữ" (cách nói của Dương Tường) với một tình yêu e ấp, thận thùng. Chẳng bao giờ Tấn khoe những gì anh đang viết. Chúng tôi chỉ được biết anh viết gì khi sách đã ra. Anh không những khiêm tốn, mà còn rụt rè trước những ông bạn hùng hổ dám lên án cả thần thánh. Nhà cầm quyền mà bắt người như thế thì không những chỉ ngu dốt, mà còn đều giả.

Tôi nói các bạn tôi chẳng hề liên quan gì tới "chủ nghĩa xét lại hiện đại" thì điều đó chỉ đúng với quan niệm của tôi. Với các nhà chấp pháp đầy cảnh giác thì khác. Những người bạn tôi bị coi là những kẻ bất trị, bởi vì họ không tỏ ra nhiệt tình với mô hình xã hội mà Đảng đang áp đặt lên quê hương. Cũng như tôi, các bạn tôi không ai muốn sống như người Trung Quốc, với vòng Kim Cô của chủ nghĩa Mao trên đầu. Trong tình hình đất nước đã hết chiến tranh, tưởng rằng đã đến lúc có thể buông súng để trở về với cây bút, thì họ thấy mọi cửa mở ra tương lai tự do sáng tác đều đã bị đóng chặt sau vụ "Nhân Văn - Giai Phẩm". Những cây đa cây đề của nền văn học quan phương đã che hết ánh sáng mặt trời và họ không còn điều kiện để lớn lên trước mắt bạn đọc.

<sup>1</sup> Nhà thơ, nổi tiếng với những câu "Ai bảo trăng Trung Quốc tròn hơn trăng nước Mỹ? Đồng hồ Liên Xô tốt hơn đồng hồ Thụy Sĩ?" trong tập thơ Cửa Mở bị đánh vào thập niên 70. Vào thời gian này Việt Phương đang làm thư ký riêng cho Phạm Văn Đồng.

Tôi còn nhớ nhà văn Phù Thăng từ vùng mỏ trở về Hà Nội gặp tôi: "Tao đến để mà giải thích tao nghe: đọc các tài liệu Trung Quốc tao thấy đúng ra phết, có lý lăm, dễ hiểu lăm, thuyết phục lăm, thế mà những thằng bạn tao cho là thông minh lại bịt mũi nói thổi không ngửi được. Vậy trong cuộc cãi vã àm ĩ cả thế giới này mà cho bên nào đúng?" Tôi hiểu, Phù Thăng đang đi tìm câu trả lời cho mình. Đúng vào lúc này cuốn Phá Vây của anh đang bị phê phán về mặt tư tưởng: nó miêu tả chiến tranh như một tai họa, một thảm kịch, chứ không như một bài ca tiến quân. Anh không hiểu tại sao người ta lại phê phán cái chuyện hiển nhiên ấy – chiến tranh không bao giờ đẹp, nó không phải là cái để mà yêu. Tôi thận trọng nói rằng chỉ có một bên không được nói tới là đúng - đó là cuộc đời. Không thể không thận trọng khi mà mỗi con người đều mang một mặt nạ, nếu không nhiều hơn. Phù Thăng hỏi tiếp: trong cái tương đối hiện có, mà tôi đã thấy, đã biết, thì cuộc sống ở đâu tốt cho con người hơn. Tôi đáp: tôi thích cuộc sống ở Liên Xô hơn, ở đó dù sao mặc lòng đã thấp thoáng bóng dáng một nền dân chủ. Chúng tôi nói chuyện suốt đêm. Sáng ngày ra Phù Thăng lại lên đường. Đen đúa, nhếch nhác, với cái xà cột cán bộ xã ngang hông, anh đi, đầu cúi, như lao về phía trước. Tôi nhìn theo, thương bạn vất vả. Anh là người lúc nào rất đáng yêu với những câu nói đùa hóm hỉnh. Bút hiệu Phù Thăng của anh là sự đọc ngược hai chữ "thằng phu". Chả là tên cúng cơm của anh là Phu. Phù Thăng may mắn hơn các nhà văn bị cấm bạn anh - anh đã có cuốn Phá Vây dày cộp.

Huy Vân, căn cứ những câu hỏi đặt ra của bọn chấp pháp, cũng có nhiều khả năng bị bắt. Về Huy Vân chúng chỉ hỏi miệng, chứ không bắt tôi viết. Sở dĩ chúng không vặt vèo tôi về anh là vì mấy năm cuối cùng trước khi tôi bị bắt chúng tôi ít khi gặp nhau. Quả nhiên tôi đoán đúng. Huy Vân bị bắt, rồi được thả ra, cũng sau sáu năm giam cầm, mặc dầu anh cũng không hề thuộc "nhóm xét lại chống Đảng" như bất cứ ai trong nhóm này. Trong "bọn xét lại hiện đại" bị bắt anh quen tôi và Vũ Huy Cương. Trong "bọn xét lại hiện đại" không bị bắt mà chỉ bị trấn áp, anh quen thân ủy viên Trung ương Lê Liêm. Tất cả đều là những quan hệ bằng hữu dính dấp tới nghề nghiệp điện ảnh. Bộ phim đầu tay và cuối cùng của anh là Một Ngày Đầu Thu, được thực hiện với sự trợ giúp của đạo diễn Liên Xô Ajida Ibragimov, là một bộ phim không tồi trong giai đoạn điện ảnh Việt Nam chập chững bước vào lĩnh vực phim truyện.

Cuộc sống trong xà lim cứ thế trôi - một chuỗi lê thê những cuộc hỏi cung, ngày này qua ngày khác, lăng nhách, nhạt phèo. Nói cho đúng, thời gian đầu không phải là như vậy. Cảm giác bất cần chỉ xuất hiện khi tôi trở nên lạnh lùng với số phận. Đã trót sa chân vào đây rồi tôi chẳng có thể làm gì hơn là ngồi rung đùi chờ xem sự thế xoay vần đến đâu.

Nhân nói về những cuộc hỏi cung lăng nhăng diễn ra trong Hỏa Lò tôi lại nhớ tới một chuyện nói lên cái hèn của lớp trí thức chúng tôi hồi ấy. Một hôm, Huỳnh Ngự bắt tôi khai về nhà báo Vũ Kiện<sup>1</sup>. Tôi giật mình. Chẳng lẽ cả Vũ Kiện cũng bị bắt? Anh là người cẩn trọng lăm mà. Tôi quen Vũ Kiện khá thân. Về quan điểm chính trị Vũ Kiện rất gần chúng tôi, hoặc y như chúng tôi. Tôi trọng anh vì anh sắc sảo trong nghề, giỏi nhiều ngoại ngữ, là người thiên kinh vạn quyển, rất mực uyên bác. Trước khi tôi bị

---

<sup>1</sup> Không phải tên thật.

bắt mấy ngày Vũ Kiện gặp tôi còn nói: "Mấy hôm nay có ai bị nữa không? Chúng mình rồi lần lượt cũng bị hết, chẳng đứa nào thoát đâu. Chủ nghĩa nhà quê (anh nói tiếng Tây: "le campagnardisme") không bao giờ đội trời chung với trí thức. Nó chỉ công nhận có một thứ trí thức nông nô thôi". Hồi học Nghị quyết 9 Vũ Kiện có đọc cho tôi nghe một bài thơ của anh:

*Mấy năm nay bị chứng nhức đầu,  
Tìm thầy thuốc hóa ra loạn thị.  
Cái thằng mình hèn nào láo thế.  
Nhìn những bậc bệ vệ nghiêm trang  
Thành toàn một phường ba lăng nhăng.*

Tôi khoái bài thơ ấy của anh lắm. Khi Huỳnh Ngự hỏi tôi về Vũ Kiện, tôi chợt nhớ tới bài thơ hóm hỉnh ấy và túm tỉnh cười. Huỳnh Ngự hỏi tôi cười cái gì.

- Tôi buồn cười vì câu hỏi. Vũ Kiện không phải là người đáng nghi ngờ, nếu cơ quan an ninh muốn biết ý kiến tôi về anh ấy. Bác gặp Vũ Kiện bao giờ chưa nhỉ? Chưa hẳn? Thế thì cứ gặp anh ấy đi đã, sau hãy hỏi tôi. Nếu đến lúc ấy bác vẫn thấy cần phải hỏi.

Huỳnh Ngự ngờ vực nhìn tôi:

- Anh nói vậy nghĩa là thế nào?
- Bởi vì Vũ Kiện không phải người ta. – tôi đáp - Anh ấy là người nước ngoài.
- Giờ hoài.

- Xin lỗi, không phải theo nghĩa đen, tôi nói thế là vì chúng tôi quen nhìn Vũ Kiện như một người châu Âu, một người Pháp. Tôi biết anh ấy không nhiều, nhưng chỉ cần một lần gặp thôi cũng đủ thấy Vũ Kiện chẳng có quan điểm chính trị nào, trừ một cái là làm sao cho mình phải giống người Pháp, một thứ francophile<sup>1</sup> chính hiệu. Đến nói chuyện với chúng tôi anh ấy cũng nói với kiểu cách và điệu bộ người Pháp nữa là...

Nhìn vào mắt Huỳnh Ngự tôi biết y không tin tôi bao nhiêu, nhưng cũng không ngờ vực nhiều lắm.

<sup>1</sup> Người mê nước Pháp, văn hóa Pháp một cách mù quáng, thiên vị.

Huỳnh Ngự còn quay lại với cái tên Vũ Kiện vài lần nữa, nhưng lần nào tôi cũng tìm cách bịa ra vài giai thoại vui vui để gạt đi và gạt đi được.

Thật đáng buồn, khi ra khỏi nhà tù tôi mới biết rằng trong thời gian chúng tôi nằm xà lim, bị hỏi cung thì chúng tôi tìm đủ mọi cách bảo vệ anh, Vũ Kiện lại đi khắp nơi bô bô nói tốt cho Đảng, rằng sở dĩ Đảng bắt chúng tôi là vì chúng tôi chống Đảng có tổ chức, chứ không có tổ chức thì Đảng chẳng bao giờ bắt. Cứ xem tôi thì biết, Vũ Kiện nói, tôi có ý kiến khác, có sao đâu, tôi vẫn được Đảng cho bảo lưu quan điểm, đã không bắt thì chớ, còn cho đi nước ngoài đấy thôi.

Tôi ngờ Vũ Kiện đã bị gọi tới Bộ Nội vụ như một số anh em có vấn đề, nhưng ông Tây to xác của chúng tôi không có lá gan tương xứng. Ông được bề trên vỗ vai khen ông thành khẩn, được hứa những tiêu chuẩn ưu tiên ưu đãi, rồi được dạy bảo cách ăn nói về vụ }nhóm xét lại chống Đảng". Ông làm theo lời khuyên, được tưởng thưởng như Đảng hứa - một chuyến đi nước ngoài, không nhớ là Cộng hòa Dân chủ Đức hay Bungari gì đó. Hồi ấy được Đảng cho đi nước ngoài là một ân huệ lớn. Vì ân huệ ấy có nói vài điều trái với lương tâm kể cũng đáng. Nhưng cái trái lương tâm lớn nhất mà kẻ sĩ không thể làm thì Vũ Kiện làm tinh queo, không biết ngượng, Anh đổ cho bạn mình chống đối có tổ chức, tức là, như các cụ nói, nối giáo cho giặc. Hơn ai hết, Vũ Kiện biết rõ tôi và các bạn anh bị bắt chẳng hề có một tổ chức chống đối nào. Nếu có một tổ chức như vậy thì trong đó không thể thiếu Vũ Kiện. Hơn thế, anh phải là một trong những người đứng đầu.

Tôi không ân hận đã bảo vệ Vũ Kiện. Tôi không thể làm khác, cho dù có biết ở ngoài kia anh đang tuyên bố bậy bạ về chúng tôi theo sự mách bảo của "trên". Cách sống cơ hội là cách sống mang tính thời đại. Người không biết sống cơ hội là dị vật trong xã hội. Tôi còn nhớ năm 1966, Vũ Kiện từ Thanh Hóa về, anh kể cho tôi nghe chuyện người ta dựng huyền thoại về một anh hùng thiêng nhi như thế nào. Có một nhà báo nào đó trong phút ngẫu hứng đã dựng nên câu chuyện một chú bé cứu bạn bị thương dưới mưa bom bão đạn và vì thế hy sinh. Người ta làm ầm lên về người anh hùng tí hon, như một phát hiện về chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Vũ Kiện đang ở Thanh Hóa, anh đến ngay địa phương có người anh hùng, anh phát hiện sự thật là không có hai trận đánh bom liền nhau, như vậy không thể có chuyện vị anh hùng thiêng nhi kia cứu bạn giữa những trận bom được. Trở về Hà Nội anh chê bai sự không trung thực của các cơ quan tuyên truyền. Không biết có phải vì sự chê bai ấy mà anh được nhà thơ Tố Hữu mời cơm tối hay không, nhưng anh đã ăn và sau đó đã khoe ầm ĩ với bè bạn về bữa cơm vinh dự. Sau đó ít lâu một cuốn sách thiếu nhi được ra đời về người anh hùng không có thật nọ mà tác giả lại chính là... Vũ Kiện. Gặp tôi, Vũ Kiện quên mất chuyện bữa trước, khoe cuốn sách mới in, tôi hỏi anh nhuận bút "lừa già dối trẻ được bao nhiêu?" thì Vũ Kiện sượng sùng nói sang chuyện khác. Anh không tặng tôi cuốn sách mang theo trong xà cột.

Trường hợp Vũ Kiện không phải là trường hợp duy nhất, nhưng là trường hợp điển hình. Một số người, may mắn là không nhiều, trong lớp trí thức cứng đầu cứng cổ, trước rất thích giao du với chúng tôi, vậy mà chúng tôi vừa bị bắt vội vã phân trần rằng họ không hề có quan hệ với chúng tôi. Thậm chí họ không dám giáp mặt vợ con những người bị bắt để nói một câu hỏi thăm sức khỏe. Thị ra cái tiếng thơm là người dũng cảm dám đối lập với chính quyền chỉ là bộ cánh để cho họ chưng diện

chừng nào chính quyền chưa vung lén cái dùi cui. Nói như thế, tôi không có ý lên án họ. Sống lâu trong xã hội độc tài toàn trị, con người được nhào nặn để trở thành đúng như thế. Sự hãi là bản sắc của con người xã hội chủ nghĩa.

Cha tôi rất quý các trí thức trở về nước năm 1946 trong dịp phái đoàn chính phủ sang Pháp. Trong số đó ông đặc biệt cưng báu bác sĩ Trần Hữu Tước. Chính ông thuyết phục Trần Hữu Tước trở về Việt Nam để làm việc cho đất nước. Ông thương Trần Hữu Tước đã có gan bỏ cuộc sống sung sướng ở nước ngoài để về với đồng bào, chịu đựng khó khăn, thiếu thốn. Ông săn sóc Trần Hữu Tước như săn sóc đứa em út, ông lo chuyện vợ con, nhà cửa cho Trần Hữu Tước. Ông này mỗi khi giận vợ lại chạy sang với cha tôi, ăn dầm nằm dề trong nhà chúng tôi dầm bữa nửa tháng là thường. Thế mà đến khi cha tôi bị bắt, Trần Hữu Tước biến mất, không hề lai vãng, không dám thăm hỏi. Cha tôi bị đau răng, nằm trong tù ông tưởng đâu vẫn có thể nhờ cậy người bạn thiết, nhắn các em tôi gặp Trần Hữu Tước nhờ ông Tước lo thuốc gửi vào cho ông. Em gái tôi tìm gặp Trần Hữu Tước trong bệnh viện Bạch Mai, ngay tại khoa Tai Mũi Họng của ông, nhưng ông bạn thân mến của cha tôi tìm mọi cách thoái thác, không những không gửi thuốc, mà còn không gửi một câu hỏi thăm. Viện cớ bận họp, ông chuồn thẳng.

Tôi không trách Trần Hữu Tước. . Nhưng tôi cũng không thân mật được với ông nữa. Tôi gặp Trần Hữu Tước lần cuối tại khách sạn Bến Nghé (Sài Gòn), năm 1983. Chúng tôi đi ngang nhau như những người không quen biết. Ông ngượng ngùng nhìn tôi, có vẻ ông muốn tiến đến bắt tay tôi, nhưng nỗi hổ thẹn giữ chân ông lại, còn tôi thì cũng không vượt qua được mình.

Sau khi ra khỏi nhà tù chúng tôi không bao giờ chủ động đến với ai. Trong sự xa lánh này có cả nỗi hờn mát lẫn lòng tự ái. Tôi không căm ghét, không thù hận những người quay lưng lại nỗi đau khổ của gia đình tôi, tôi chỉ không thấy cần phải giao du với họ nữa. Mất thời giờ.

Nói chung, hồi ấy tôi bắt đầu học được cách nhìn độ lượng đối với nhân quần. Tôi hiểu ra rằng chúng tôi chỉ là con cháu loài tinh tinh ngu độn bị những con đầu đàn ranh ma lợi dụng. Những con này sau khi thành chủ nhân liền bắt đồng loại làm tôi đòn. Được dạy dỗ bằng roi vọt kèm với mồi thưởng để làm các công việc mà chủ muôn, lũ tinh tinh xấu số giành giật nhau từng miếng ăn được bố thí, cắn xé nhau để được hưởng một đoạn xích dài thêm. Khả năng bỏ chạy không còn, vậy thì việc gì phải thương hại con nǚm bên?

Huỳnh Ngự làm việc với tôi thưa dần. Thay chân y là một người đàn ông có dáng trí thức mà tôi nhắc tới ở trên.

- Tôi tên là Hoàng. - anh ta tự giới thiệu.

Tôi có cảm tình với Hoàng ngay từ buổi đầu gặp gỡ. Gương mặt sáng sửa của anh ta làm tôi yên lòng. Trông bề ngoài của Hoàng có thể thấy y thuộc về nhóm tinh tinh phát triển cao trong bầy tinh tinh nô lệ. Hoàng làm công việc Huỳnh Ngự thường làm, nhưng cách anh ta làm thì khác hẳn – rất từ tốn, rất nhã nhặn.

Tôi lập tức cảnh giác với anh ta. Đằng sau vẻ ngoài không hăng hái vì lợi ích của Đảng, biết đâu lại chẳng là sự tính toán khôn ngoan của một khối óc có nhiều nếp nhăn hơn óc con tinh tinh Huỳnh Ngự.

Làm việc với Huỳnh Ngự một thời gian, tôi hiểu tính y. Xét cho cùng, y là người mộc mạc, đơn giản, không biết thủ đoạn, chiều y chẳng khó. Chỉ cần viết những báo cáo dài thượt đầy ắp sự kiện vô thưởng vô phạt với những câu chữ ồn ào biểu lộ sự thành khẩn hết mình theo công thức thời thượng là y hài lòng.

Hoàng đọc báo cáo của tôi với nụ cười khó hiểu.

- Anh có khi nào nghĩ tới chuyện những mối quan hệ xã hội hình thành như thế nào không? Nay, nghiên cứu chuyện đó cũng thú vị đáo để đấy.

Tôi không hiểu y muốn nói cái gì.

- Mối quan hệ giữa Đảng và đảng viên chẳng hạn...

- ???

Y cười ý nhị:

- Tôi để ý tới chuyện này, anh ạ, và tôi thấy trong cách nhìn nó có nhiều điều chưa rõ ràng. Quan hệ giữa Đảng và đảng viên, xét cho cùng, anh thấy không, chẳng qua là quan hệ hợp đồng. Hai bên thỏa thuận với nhau thực hiện một công việc nào đó, và mối quan hệ hỗ tương được thiết lập...

Tôi đỏ mặt. Liều lượng những lời ca ngợi Đảng được cho vào bản báo cáo vừa nộp cho Hoàng có hơi cao quá mức cần thiết, do thói quen làm việc với Huỳnh Ngự. Nhưng cái sự hô khẩu hiệu rầm rĩ để đánh trống lảng đã không lừa được anh ta.

Tôi thấy cần phải nói thêm một chút về những bản gọi là báo cáo của tôi. Sau khi quyết định lùi bước, thôi không đôi co với Huỳnh Ngự về tính hợp pháp của việc giam giữ nữa, nói cách khác tôi đã chịu vào khuôn vào phép, thì lẽ đương nhiên tôi phải chấp nhận các tập tục xã hội chủ nghĩa trong quan hệ đối với Đảng. Một trong những tập tục đó là phải bày tỏ sự trung thành của mình trong những lời ồn ào tôn vinh Đảng mỗi khi có dịp. Tập tục này bắt nguồn từ những năm 50, khi khởi đầu cuộc vận động giảm tô giảm túc.

Từ Cải cách ruộng đất trở đi tập tục này lan rộng và ăn sâu trong sinh hoạt của dân chúng. Người dân mở miệng là "Nhờ ơn Đảng, Chính phủ". Người ta nói "Nhờ ơn Đảng, Chính phủ, mùa màng năm nay khá, gia đình em tạm đủ ăn", "Nhờ ơn Đảng, Chính phủ, nhà em vừa sinh thằng cu". Quen miệng, người ta còn nói: "Nhờ ơn Đảng, Chính phủ, cái mụn chốc thằng cu nhà em đỡ rồi, em lấy cao nhà ông lang Sứu đấy ạ!" Trong nhân dân, cũng vào thời kỳ này, xuất hiện câu ca dao thú vị, nói rất形象 cách tuyên truyền của Đảng về những thành tựu nhờ Đảng lãnh đạo mà có:

Mất mùa là tại thiên tai,

Được mùa là tại thiên tài Đảng ta.

Thẩm nhuần tập quán được vun trồng từ thập niên này qua thập niên khác, lũ tinh tinh hiện đại tự nguyện xóa sạch bản thân để tuân theo Đảng ngõ hầu được Đảng thương đến. Đảng là Đấng Tối Cao, như Chúa Trời. Đảng còn hơn cả Chúa Trời nữa, vì Chúa Trời vô hình vô ảnh, còn Đảng là có thực, cũng như những nhà tù của Đảng là có thực, Đảng là người quyết định hết thảy, Đảng cho thì có, Đảng lấy thì mất.

Đùng một cái, nghe người của Đảng, lại là "cán bộ thực hành chuyên chính vô sản", nói một câu lạ tai, tôi sững sờ nhìn y.

Hoàng lấy thế làm thú vị, y nháy mắt với tôi:

- Anh không thấy thế là đúng à?

Tôi lo ngại một cái bẫy. Tất nhiên, cái bẫy này chẳng nguy hiểm. Nó không đụng tới một cái gì cụ thể, nhiều nhất chỉ là một sự thăm dò tư tưởng. Nhưng vẫn cứ phải cẩn thận - ở Việt Nam tư tưởng sai là tội, người ta trường tri tư tưởng là chuyện thường ngày ở huyện<sup>1</sup>. Hơn thế, mình nhận tư tưởng sai thì ắt phải khai tiếp đã chia sẻ tư tưởng ấy với ai, có khi lại làm hại người khác.

- Cũng có thể là như thế. - tôi nói lấp lửng - Điều đó hoàn toàn đúng ở các hình thái xã hội trước kia. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa nội dung quan hệ này có khác, xuất phát từ một hệ khái niệm khác. Mỗi quan hệ giữa Đảng và đảng viên ở đây được đặt trong một bối cảnh đặc biệt, nó mang tính chất khác thường, có thể nói là một tính chất thiêng liêng...

- Anh muốn nói mối quan hệ ấy mang tính chất tôn giáo? - giọng tượng trưng, Hoàng hỏi.

Thằng cha giỏi, tôi nghĩ.

- Tôi không khẳng định, nhưng về mặt nào đó những mối quan hệ thiêng liêng trong Đảng và trong các tôn giáo có nét giống nhau.

- Có lý, có lý lắm.

- Tính chất thiêng liêng thể hiện trong sự thần thánh hóa vai trò của tổ chức thế tục, trong sự đặt ra nhiều hy sinh hơn hưởng thụ trong cuộc chiến đấu cho những mục tiêu thực ra không mấy thiêng liêng như cơm áo, việc làm, nhà ở...

- Anh đồng ý với tôi rồi đấy: quan hệ giữa đảng và đảng viên chỉ là quan hệ hợp đồng - Hoàng cười tưng tưng - Hợp đồng là hợp đồng, nó chẳng có gì thần thánh, chẳng có gì thiêng liêng. Trên đời này chỉ có một mối quan hệ thiêng liêng - ấy là quan hệ huyết thống. Quan hệ máu mủ ruột rà là cái

<sup>1</sup> Một lối nói chỉ sự việc rất bình thường, không có gì đặc biệt, có xuất xứ từ tên một cuốn ký sự Chuyện Thường Ngày Ở Huyện của nhà văn Liên Xô Ovetchkin (bản dịch của Phạm Mạnh Hùng và Võ Minh Phú).

không thể chế tạo ra, không thể mua sắm được... Nhưng thôi, ta trở lại với công việc. Này, nhân tiện anh có thể nói gì về quan hệ giữa Văn Cao và Nguyễn Đình Thi<sup>1</sup> cho chúng tôi biết không nhỉ?

- Anh đang hỏi cung hay hỏi vì tò mò?

- Tôi đang làm việc với anh.

- Tôi nghĩ rằng nếu anh quan tâm đến mối quan hệ giữa hai người thì cách tốt nhất là hỏi thẳng họ.

- Tôi lại nghĩ rằng nếu anh có cho tôi biết chút ít thêm vào những gì chúng tôi đã biết rồi cũng chẳng chết ai. Đảng yêu cầu anh đóng góp ý kiến cho Đảng mà. Có khi những câu chuyện của anh lại có tác dụng làm sáng tỏ những điều chưa được Đảng hiểu đúng cũng nên.

Cách hỏi cung của Hoàng là như vậy. Anh ta không hùng hục đi thẳng tới đích, mà thủng thẳng mời tôi cùng dạo bước trên những câu chuyện mung lung rồi bỗng đột ngột rẽ vào đề tài mà y muốn biết. Nắm được phong cách làm việc của Hoàng, tôi tương kế tựu kế thỉnh thoảng lại nhân vui chuyện thọc một mũi thăm dò. Tôi muốn qua Hoàng tìm hiểu thái độ của Đảng đối với vụ chúng tôi, và đối với văn nghệ sĩ nói chung, trong giai đoạn hiện tại. Tại sao lại không kể cho anh ta nghe những điều xét cho cùng là vô thưởng vô phạt?

Một hôm tôi kể cho Hoàng nghe chuyện xảy ra trong cuộc chỉnh huấn cho văn nghệ sĩ tại ấp Hoàng Cao Khải thời kỳ Nhân văn - Giai phẩm. Trong cuộc đấm ngực tập thể Nguyễn Đình Thi lên diễn đàn xỉ và Văn Cao và câu nói "trong giọt nước có cả trời xanh" của anh. Chửi xong, từ diễn đàn bước xuống Nguyễn Đình Thi ôm lấy Văn Cao thì thầm "Văn ơi, hiểu cho mình, cái thế mình phải thế!". Văn Cao kể cho tôi nghe câu chuyện này, với một ánh buồn trong mắt. "Trước cách mạng nó đâu đến nỗi thế. Nó là thẳng anh hùng, bây giờ cam phận làm con giun".

Câu chuyện nhiều người biết, có nói ra cũng chẳng hề gì.

Hoàng chăm chú nghe rồi nói, giọng bùi ngùi:

- Có vẻ tinh thần nho sĩ Bắc hà chẳng còn lại bao nhiêu trong giới văn nghệ sĩ các anh, phải thế không?

Hoàng không tỏ ra muốn bảo vệ Nguyễn Đình Thi. Ý không phủ nhận câu chuyện thực. Thái độ y bằng quan.

- Nguyễn Đình Thi không phải nho sĩ. - tôi nói - Nguyễn Đình Thi là con người hiện đại. Những người hiện đại không hành xử theo cách của nhà nho, họ không cần tới thứ tinh thần cổ xưa ấy, nhất là những người cộng sản. Đối với Nguyễn Đình Thi lợi ích của Đảng là cao nhất.

<sup>1</sup> Nguyễn Đình Thi (1924-2003), nhà thơ, nhà văn, từng giữ nhiều chức vụ lãnh đạo trong ngành văn hoá văn nghệ ở miền Bắc Việt Nam.

- Anh nghĩ rằng những người cộng sản không cần tới nhân phẩm?

Một câu hỏi nguy hiểm.

- Tôi nghĩ rằng những người cộng sản không có nhiều khả năng lựa chọn. – tôi thận trọng từng chữ - Họ làm những việc xét thấy có lợi cho Đảng, cho sự nghiệp của Đảng.

Hoàng lại nhếch mép cười. Một lần nữa ý hiểu ý ngầm trong câu nói của tôi và tôi giật mình.

- Anh có quan hệ thân tình với Nguyễn Đình Thi, phải không?

- Không.

Tôi bao giờ cũng trọng Nguyễn Đình Thi vì phổ tài hoa của anh. Nó rất rộng. Có lẽ trong thập niên 40 chỉ có hai người đa tài như thế: Văn Cao và Nguyễn Đình Thi. Những bài hát của Nguyễn Đình Thi làm mê mệt lớp thanh niên chúng tôi một thời. Hát về Hà Nội tôi chưa thấy bài nào hay hơn Bài Hát Của Người Hà Nội. Thơ của anh cũng gợi nhiều. Nguyễn Đình Thi trong thơ như cá tung tăng trong nước, không cần phải lên gân lập trường "Đêm đêm rì rầm nghe tiếng đất, Những buổi ngày xưa vọng nói về...", "Ngôi sao nhớ ai mà sao lấp lánh, Soi sáng đường chiến sĩ giữa đèo mây. Ngọn lửa nhớ ai mà hồng đêm lạnh, Sưởi ấm lòng chiến sĩ dưới ngàn cây...". Nhưng Nguyễn Đình Thi mà tôi biết cũng là người yếu đuối, anh luôn lúng túng trước những ngã ba, ngã tư của cuộc đời và tình yêu. Có thể tôi nhầm, nhưng giả thử tôi có nhầm thì cái nhầm cũng không lớn.

Nhớ một đêm tháng 10 mát mẻ năm 1954, vài ngày sau khi tiếp quản thành phố Hà Nội, chúng tôi ở cùng nhau trong khách sạn Splendid<sup>1</sup>, Nguyễn Đình Thi qua phòng tôi rủ tôi đi chơi. Chúng tôi lững thững thả bộ từ Lý Thường Kiệt qua chợ Hôm rồi rẽ sang Trần Xuân Soạn. Đang đi, Nguyễn Đình Thi đột ngột rẽ vào Triệu Việt Vương hay Bùi Thị Xuân tôi không nhớ. Ở đầu phố anh rủ tôi ngồi xuống bậc thềm một ngôi nhà, đau đớn nhìn sang ngôi nhà trước mặt chìm trong bóng tối của giàn hoa giấy um tùm.

- Không biết bây giờ ai ở trong nhà này. - Nguyễn Đình Thi thở dài - Trước đây là nhà người yêu mình...

Anh rủ tôi đi tiếp:

- Mình đã đi lại không biết bao nhiêu đêm trên vỉa hè này. Người ta viết nhiều về mối tình đầu, dường như nó lớn hơn bất kỳ mối tình nào khác. Điều có thật là con người không thể quên được mối tình đầu, cho dù nó thoảng qua, cho dù nó không sâu sắc. Trong điều kiện nó là mối tình đích thực...

Khi chúng tôi về tới khách sạn, trời đã khuya. Hà Nội còn đang trong thời kỳ giới nghiêm. Không đội tuần tra nào bắt gặp chúng tôi.

---

<sup>1</sup> Nay là khách sạn Hoà bình.

Chúng tôi ở mỗi người một phòng. Đến trước cửa phòng mình, Nguyễn Đình Thi bảo tôi:

- Mai đừng đánh thức mình đi ăn sáng nhé! Mình sẽ dậy muộn đấy.

Tôi về phòng. Lát sau, tôi gõ cửa phòng Nguyễn Đình Thi để lấy cuốn sách anh hứa cho mượn. Anh đã không còn ở đấy.

- Anh có biết về mối tình của Nguyễn Đình Thi với Madeleine Riffaud<sup>1</sup> không?

- Anh hỏi cung?

Hoàng cười hiền lành:

- Cung gì đâu, chúng ta đang nói chuyện vắn mà. Anh không thích trả lời thì không cần phải trả lời.

- Tôi biết hai người thân nhau trong thời gian chị Riffaud tới Việt Nam. Không rõ có phải là một mối tình không, tôi không nghe anh Thi tâm sự chuyện đó, nhưng nếu có thì cũng chỉ là một mối tình thoáng qua, nhiều chất hữu nghị hơn là tình yêu...

Đêm hôm ấy Nguyễn Đình Thi ở phòng Madeleine, tôi biết. Hồi ấy có nhiều lời xì xào về mối tình Việt-Pháp của anh. Nếu không phải là Nguyễn Đình Thi thì chắc chắn sẽ lôi thôi to. Anh sẽ bị buộc tội hủ hóa, tội luyến ái bất chính, là thứ tội nặng đối với cán bộ, khó tránh khỏi bị thi hành kỷ luật. Nguyễn Đình Thi được hưởng ngoại lệ. Trường Chinh, và nói chung các nhà lãnh đạo chủ chốt, rất quý anh.

Tôi không thích những lời xì xào ấy. Tôi quý Madeleine, người con gái anh hùng của nước Pháp trong cuộc kháng chiến chống phát-xít Đức, vì tình yêu khó giải thích của chị đối với Việt Nam. Madeleine yêu đất nước của những dòng sông nồng nàn phù sa bằng tình yêu bản năng chứ không phải bằng tình yêu quốc tế vô sản, như thể nó là nơi chôn nhau cắt rốn của chị vậy. Cùng ở Việt Nam vào thời gian này còn có Helena Lemanska<sup>2</sup> và Roman Carmen<sup>3</sup>. Helena Lemanska có cái nhìn đồng cảm dịu dàng của người Ba Lan Thiên Chúa giáo đối với một Việt Nam mới được phát hiện, bình dị mà

<sup>1</sup> Madeleine Riffaud (1924), nhà báo, nhà văn, nhà thơ Pháp, viết chủ yếu cho tờ nhật báo Humanité (Nhân Đạo). Tham gia kháng chiến chống phát-xít Đức, từng bị cầm tù. Sau chiến trường Algérie, Madeleine Fiffaud đến Việt Nam vào cuối cuộc chiến. Mối tình với Nguyễn Đình Thi là nguồn cảm hứng cho cuốn “Đôi đũa ngọc (Bagette de jade).

<sup>2</sup> Helena Lemanska, quay phim, đạo diễn của Xưởng phim Thời sự Tài liệu Warszawa. Bộ phim Cây Tre Việt Nam ("Bambuk mój brat" - Cây tre, người anh em của tôi) là kết quả chuyến đi thăm nước Việt Nam kháng chiến.

<sup>3</sup> Roman Carmen (1906-1975), nhà quay phim, đạo diễn, nổi tiếng trong ngành điện ảnh ký lục của Liên Xô và thế giới. Việt Nam Chiến Đấu (tên Việt Nam: Việt Nam Trên Đường Thắng Lợi) là cuốn phim về cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam, kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ.

nồng thắm, có pha trộn chút ít tính chuộng lạ. Từ Moskva Carmen đến với Việt Nam như anh đã đến với Tây Ban Nha trong cuộc chiến đấu của những người Cộng hòa chống lại bọn phát-xít, với hai tư cách: nghệ sĩ và chiến sĩ cộng sản.

Madeleine Riffaud ước ao "*Rồi đây Joshua ngọc mâm vàng có nhau*", nhưng mộng không thành. Vì sao không thành, tôi không biết. Có thể vì Nguyễn Đình Thi không thể bỏ vợ. Mà cũng có thể do Đảng của anh cấm anh không được "luyến ái" người nước ngoài, một sự cấm đoán không làm ai ngạc nhiên trong thời kỳ ấy. Madeleine Riffaud Việt Nam và mối tình vụng trộm của hai người chìm vào quên lãng.

Mùa hè năm 1967 tôi có một buổi dạo phố tình cờ với Nguyễn Đình Thi. Anh vừa ra khỏi trụ sở Nhà xuất bản Văn học nằm trên đường Hai Bà Trưng thì gặp tôi.

- Sao dạo này không thấy cậu viết gì? - Nguyễn Đình Thi hỏi tôi.

- Có gì đâu, cái đầu tôi nó không ổn. Tôi có những ý nghĩ vô kỷ luật. Sau Đường Số 4 bị lén án vì chủ nghĩa ẩn tượng mà tôi không có, thậm chí không hiểu nó là gì, đến Đêm Mất Ngủ bị ông Tố Hữu gọi là "bất mãn với chế độ hiện hành", rồi Đêm Cuối Cùng, Ngày Đầu Tiên bị ông Nguyễn Chí Thanh đánh là "Chủ nghĩa nhân đạo chung chung", chống chiến tranh thống nhất đất nước, tôi chán, không muốn viết nữa...

Nguyễn Đình Thi cười khe khẽ. Tôi quen với cách cười của anh. Cười để không nói, ai hiểu thế nào cũng được.

- Thảo nào cậu vắng bóng hẳn. Không viết thì có đọc được nhiều không?

- Thì tôi còn làm gì nữa ngoài đọc? Tôi đang mê châu Phi đây.

- Châu Phi à? Mà tại sao lại châu Phi?

- Văn xuôi ở đại lục này nhiều chất thơ, nhiều triết lý dân dã cội nguồn, chứ không phải triết lý tư biện, không tả chân lồng nhăng, không giải thích ba hoa, đọc thú lắm. Anh đọc mấy cuốn Con Báo, Ông Giê-su Khốn Khổ Ở Tỉnh Bomba chưa?

- Chưa. Mình dạo này ít đọc lắm. - Nguyễn Đình Thi thở dài - Toàn bộ những chuyện không đâu. Đi lên thỉnh thị, đi xuống truyền đạt. Họp và họp. Thậm chí mình không biết có những cuốn ấy. Hay lắm à?

- Tuyệt vời! Tôi không kỳ thị chủng tộc. So sánh nền văn học của những người anh em da đen tôi thấy xấu hổ cho nền văn học của chúng ta. Toàn một thứ thuyết giảng dài dòng văn tự, minh họa thô thiển...

Nguyễn Đình Thi trầm ngâm một lát. Sau một quãng tản bộ dài, anh nói khẽ:

- Ở các nước khác cần phải có tài mới thành nhà văn...

Tôi hiểu đoạn cuối của câu nói: "... còn ở nước ta thì không". Nguyễn Đình Thi có lối nói như thế - người nghe phải tự hiểu lấy điều anh không nói ra.

Chúng tôi nhắc lại những kỷ niệm trong kháng chiến chống Pháp. Giữa câu chuyện Nguyễn Đình Thi hỏi tôi:

- Cậu thấy Võ Bờ của mình thế nào?

Tôi lúng túng. Câu hỏi thẳng đòi một câu trả lời thẳng. Tôi không muốn làm Nguyễn Đình Thi mất lòng.

- Tôi không thú Võ Bờ.

- Có thể nói rõ thêm được không?

- Nó cũng là sự thuyết giảng. Mà thừa. Nó rõ ràng không phải là nhu cầu nội tâm của anh. Đọc qua cũng thấy tác giả không viết cũng chẳng sao. Không cảm thấy sự thúc bách của tâm hồn người viết – không thấy anh trong đó. Thêm nữa, tôi không thích cách anh chấm phẩy, xuống dòng trong cuốn này. Không chỉnh. So với Xung Kích là sự thụt lùi. Tôi thích thơ của anh hơn. Nó là tiếng lòng anh, đích thực, nó nói thay cho tiếng lòng tôi, tiếng lòng của người đọc...

Chúng tôi im lặng đi bên nhau một lúc lâu. Lúc chia tay Nguyễn Đình Thi nói, giọng buồn hẩn:

- Lẽ ra mình chỉ nên làm nhạc. Âm nhạc - đó mới là chỗ của mình.

Cái sự không tìm ra chỗ của mình có trong tâm trạng nhiều nhà văn nhà thơ Việt Nam. Mọi người, sau khi đặt số phận mình vào bàn tay dùu dắt của Đảng đều phải gò mình vào cái tôi chung, cái tôi tập thể, là một cái tôi vô hình vô ảnh, phải chui vào trong nó, phải hoà tan trong nó, để tự biến mình thành nó. Trong cái tôi tập thể này ai cũng thấy vướng víu, không thoải mái. Nhưng đã chấp nhận nó rồi, người ta đành buông tay, mặc cho mọi sự xuôi dòng. Nhưng con người là con người, có những lúc nó không làm chủ được mình, trong trường hợp cái tôi đích thực bất bình lình lung lên, thúc bách đòi lại vị trí tự nhiên của nó, đòi được là nó.

Năm 1962, hoặc 1963, tôi không còn nhớ rõ, Nguyễn Đình Thi cho ra vở kịch Con Nai Đen có chất ngụ ngôn nói bóng gió chuyện những người thành đạt quay lưng lại với bè bạn thời gian khổ. Sự bóng gió trong vở kịch, theo anh em cầm bút đánh giá, nhẹ tới mức bằng không, thế nhưng những nhà lãnh đạo vẫn không hài lòng và vở kịch bị đánh<sup>1</sup>. Cùng trong khoảng thời gian ấy, hoặc sau đó ít lâu, Kim Lân viết Con Chó Xấu Xí và Vũ Tú Nam cho ra đời Văn Ngan Tướng Công. Cả hai con vật này cũng bị đánh nốt. Người ta giải thích rằng Kim Lân ví Đảng như ông chủ, còn trí thức như con chó. Ông chủ hắt hủi con chó khi nó ghẻ lở gày còm, ông chỉ quan tâm tới nó khi thấy nó hứa hẹn những đĩa luộc, đĩa dồi và nồi nhựa mận bốc mùi ngào ngạt. Con chó khốn khổ thì cứ một mực trung thành với chủ

<sup>1</sup> Khoảng đầu thập niên 80 Nguyễn Đình Thi còn bị đánh tiếp về vụ vở kịch "Nguyễn Trãi ở Đông Quan".

cho đến chết. Miêu tả thân phận con chó còi cọc đói khổ trên nền xám của nông thôn Việt Nam Kim Lân có ngòi bút cực hay. Còn Văn Ngan Tướng Công thì bị buộc tội ám chỉ Đảng “bay không biết bay, bơi không biết bơi, chỉ nỏ mồm cặc cặc”.

- Chớ có viết về những con vật! - Kim Lân nói - Không hiểu sao cứ nói chuyện súc vật là y như rằng có người động lòng. Mà nhiều, mới chết chứ!

Không rõ các nhà văn tác giả bôi nhọ Đảng bao nhiêu, nhưng chính các nhà phê bình mới là người có công vạch ra những cái xấu của Đảng. Không có các nhà phê bình thì người đọc bình thường chưa chắc đã hiểu nhà văn định móc máy cái gì. Bên Trung Quốc vào thời gian này cũng có những nhà văn kỳ tài trong chuyện nói xỏ Đảng như Đặng Thác, Ngô Hầm, Liêu Mạt Sa<sup>1</sup> của Nhân Dân Nhật Báo Bắc Kinh. Những chuyện ngụ ngôn kiểu mới dưới đề mục Yên Sơn Dạ Thoại ("Chuyện canh khuya dưới chân núi Yên") và Tam Gia Thôn ("Thôn ba nhà") là những áng văn rất thú vị. Đọc họ hay thì thấy hay, nhưng không hiểu hết ý họ muốn nói, nếu như không có những nhà phê bình chỉ ra những ý ngầm cho mình thấy. Thí dụ như câu chuyện sau. Một anh chàng bị bệnh mất trí nhớ, vợ bắt đi đến nhà thày lang chữa bệnh. Giữa đường, mót đại tiện, anh ta mới cột ngựa lại, lủi vào sau bụi cây, đặt nón xuống, cắm mũi tên toan bắn chim cắm bên cạnh. Xong việc, anh ta đứng lên, thấy mũi tên cắm đấy, hoảng quá: có kẻ định ám hại mình, may nó bắn không trúng. Lại thấy giữa nón có bãi phân, ngó kỹ càng sợ hãi: thích khách vừa ở đây, phân nó thải ra còn nóng. Đến khi yên tâm vì thích khách không còn đấy, anh ta thấy con ngựa đứng đấy thì reo mừng: bắt được con ngựa. Trèo lên lưng nó rồi, anh ta cũng chẳng biết đi đâu bây giờ. Ngựa quen đường cũ, chở anh ta về nhà. Mụ vợ thấy chồng trở về không nón, không cung tên, bèn túm lấy anh ta mà chửi té tát. Còn anh chàng mất trí nhớ thì ngẩn người ra: ô hay, mụ là ai, với ta không quen không thuộc, cớ sao dám chửi bới ta như thế? Kết luận, tác giả nói người bị bệnh này, theo các sách thuốc cổ, chỉ có thể chữa khỏi nếu lấy máu chó mà giội lên đầu. Nhà phê bình liền chỉ ra rằng tác giả nói xấu Đảng, nhìn đâu cũng thấy kẻ thù, mũi tên mình cắm thì tưởng địch bắn, mình ỉa ra đấy thì bảo kẻ khác, con ngựa vốn của mình, thấy nó thì reo vang thắng lợi, còn kẻ nuôi nấng mình (ý nói nhân dân) thì không nhận ra; cái giống ấy là giống chó, nên phải lấy máu chó mà trị. Người Tàu thâm thật.

Trong nhà thơ lớn Chế Lan Viên<sup>2</sup> sự lủng củng giữa cái tôi bản năng, cái tôi tự nhiên, với cái tôi được Đảng nhào nặn, được nhà thơ tự ép mình mà thành, kéo dài không chỉ vài năm mà cả cuộc đời. Tôi quý Chế Lan Viên thông minh và tôi thích thơ anh. Nhưng những bài thơ chính trị của Chế Lan Viên thì tôi chịu không nổi. Tôi đánh giá cao bao nhiêu những lời thơ tâm tình: "Nhớ bản sương giảng nhớ đèo mây phủ. Nơi nào qua mà lòng chẳng yêu thương. Khi ta ở chỉ là nơi đất ở. Khi ta đi đất đã hóa

<sup>1</sup> Trong Đại Cách mạng Văn hoá Vô sản, những tác phẩm như Yên Sơn Dạ Thoại (tập văn, Đặng Thác), Hải Thuy Bãi Quan (kịch, Ngô Hầm), Lý Tuệ Nương (truyện, Mạnh Siêu) vv... đều bị lên án là cỏ độc. Nhiều nhà văn như Triệu Thụ Lý, Lão Xá, Ngô Hầm, Đặng Thác... bị bức hại.

<sup>2</sup> Chế Lan Viên, tên thật: Phạm Ngọc Hoan (1920-1989), nhà thơ nổi tiếng từ trước Cách mạng Tháng Tám, một tiếng nói mới trong nền thơ Việt Nam. Đảng viên cộng sản.

"tâm hồn", thì tôi ngán bấy nhiêu những lời ngợi ca chiến tranh của anh: "Hỡi những con thỏ hòa bình đang tìm nơi gặm cỏ. Súng ta nổ cũng là vì người đó!"<sup>1</sup>

Mùa thu năm 1965, tôi gặp Chế Lan Viên ở Đồng Hới. Hồi ấy, khi mặt trời lặn rồi, cả khu 4 chìm trong bóng tối mịt mù, duy nhất có thị xã này còn điện. Vượt qua những khúc sông trước kia có cầu Bùng, cầu Phủ, Chánh Hòa, Lý Hòa... tôi đạp mải miết về phía vòm sáng trên nền trời đêm. Vừa thở ra khoan khoái khi đi vào vùng sáng của nó thì lại giật nẩy mình vì một tiếng thét lớn:

"Đứng lại!". Tưởng gặp trạm gác dân quân, tôi xuống xe. Đã thò tay vào túi để lấy thẻ nhà báo thì một người đội mũ lá sùm sụp từ một ụ chiến đấu to đùng bước ra:

- Vũ Thư Hiên hử?

Đó là Chế Lan Viên. Anh cười hà hả, mặt rạng rỡ:

- Nửa tháng nay mình phục ở đây mà chẳng gặp ma nào trong cánh ta cả. Nhìn thấy Vũ Thư Hiên mình mừng quá. Mới quát lên một tiếng cho vui.

Anh lôi tuột tôi về nhà khách tỉnh ủy. Nhà khách xây lưng ra sông Nhật Lệ xa xa, phong cảnh hữu tình, nhưng vắng tanh vắng ngắn. Ngoài Chế Lan Viên và tôi chẳng còn ma nào khác. Mờ đất nhà bếp đã nấu xong cơm trưa, úp lồng bàn để đấy cho chúng tôi, rồi ba lô lên vai, mọi người kéo nhau đi sơ tán. Cơm chiều chúng tôi tự nấu. Chế Lan Viên làm thơ hay, nhưng nấu ăn rất dở. Tôi nấu, anh rửa bát. Buổi sáng, chúng tôi hì hục xách nước tưới cho những chậu cảnh xơ xác thay cho bài tập thể dục rồi mò tới quán bánh bèo duy nhất còn lại trong thành phố. Chủ quán, một bà già hom hem, khô xác và đen nhẻm, vừa dọn bàn vừa than phiền bánh bèo bây giờ thiếu tôm bông và không có nước mắm Ô Long. Có hôm thiếu bột hay thiếu cái gì khác bà chủ dọn món cháo sườn băm thay cho bánh bèo rồi tự động bớt tiền cho chúng tôi.

Buổi tối, chúng tôi nằm mỗi người một giường gần nhau, vừa vỗ muỗi vừa chuyện vãn. Một hôm tôi hỏi Chế Lan Viên:

- Nay, anh Chế, theo anh, thơ và từ của Mao Trạch Đông có hay lắm không mà thiên hạ tán tụng om xòm đến thế?

Chế Lan Viên cười hức hức:

- Thơ phú gì cái thằng cha ấy?! Vũ Thư Hiên thấy hay à?

<sup>1</sup> Chế Lan Viên lấy hứng từ một bài nói chuyện nội bộ của Lê Duẩn, trong đó Lê Duẩn nói: "Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc, cho các nước xã hội chủ nghĩa và cả nhân loại, đánh cho cả bọn xét lại đang đâm vào lưng ta... ". Nói chung, nhiều bài thơ của Chế Lan Viên đi sát một cách tuyệt vời các đường lối và chính sách của Đảng.

Anh bao giờ cũng gọi tôi đủ tên họ.

- Thơ phú tôi mù tịt, mới phải hỏi anh.

Chế Lan Viên hạ một câu xanh rờn:

- Làm đến hoàng đế nước Tàu rồi thì cục cút của hắn thiên hạ cũng khen thơm.

Tôi ngẩn người. Chẳng lẽ đó là tác giả của câu thơ ca ngợi hai lãnh tụ vĩ đại: "Bác Hồ ta đó chính là Bác Mao!"?

Mãi cho tới khi các di cảo của Chế Lan Viên được xuất bản tôi mới hiểu được tâm trạng nhà thơ mà tôi yêu mến. Anh có nội tâm bị giằng xé bởi nhiều mâu thuẫn: là đảng viên, anh muốn trở thành người tuyên truyền đắc lực cho Đảng của anh, là con người, anh muốn cái khác. Bằng trái tim nhà thơ anh bất bình với những bất công, phi lý, anh đồng cảm với nỗi đau của nhân dân không có tự do, nhưng người cộng sản trong anh ngăn lại, không cho anh nói ra.

Cuốn Di Cảo thơ Chế Lan Viên đã vót vát lại cho anh rất nhiều – tiếng tăm của anh, tình cảm của bạn đọc dành cho anh.

Trong những câu chuyện không đề với tôi, người đối thoại độc nhất của anh trong nhà giao tế Đồng Hới năm ấy, Chế Lan Viên nói rằng anh rất thích Nazim Hikmet<sup>1</sup>, nhưng tôi biết anh tin tôi mới nói thế chứ với người khác anh không dám vì Hikmet đã cả gan chửi Stalin vĩ đại: "*Đĩa súp của ta ria hắn cũng thọc vào*".

Nhưng đấy là chuyện thơ phú. Giới cầm bút kêu ca nhiều về cách hành xử của Chế Lan Viên trong đời thường. Người ta nói anh thích những mưu mô chính trị, anh là tên cờ hội. Chẳng hạn như trường hợp anh khuyên Nguyên Ngọc đến đầu thú Tố Hữu sau khi bị nhà thơ của chế độ đập tội bởi bản Đề Dẫn<sup>2</sup> do Nguyên Ngọc dự thảo để làm báo cáo chủ chốt trong Đại hội nhà văn lần thứ ba. Trả lời Chế Lan Viên, Nguyên Ngọc nói: "Tôi không thấy có gì để phải nhận lỗi với ông Tố Hữu. Nếu cần gặp ông Tố Hữu tự tôi sẽ đi, không khiến ông phải dẫn". Trong quá trình chuẩn bị Đại hội Nhà văn lần thứ tư người ta lại bắt gặp một bức thư đánh máy ký tên Chế Lan Viên nói lại chuyện cũ "Nguyên Ngọc khóc lóc nhận khuyết điểm với anh Tố Hữu"<sup>3</sup>.

Cuộc đời Chế Lan Viên, một tài năng lớn của thi ca Việt Nam, cho ta thấy nhà văn hay nhà thơ không thể cứ đưa tay cho người khác dắt mà đi đến bến được. Không những thế, cái sự đưa

<sup>1</sup> Nazim Hikmet (1902-1963), nhà thơ lớn của Thổ Nhĩ Kỳ, xu hướng cộng sản. Ông sống lưu vong một thời gian dài trước khi qua đời ở Moskva.

<sup>2</sup> Khi ấy nhà văn Nguyên Ngọc đang là bí thư Đảng đoàn Hội Nhà văn. Bản Đề Dẫn được viết ra như dự thảo báo cáo chính thức của ban lãnh đạo Hội trước Đại hội Nhà văn lần thứ III.

<sup>3</sup> Theo lời chứng của nhà thơ Bùi Minh Quốc.

tay cho người khác dắt dễ làm hỏng mình lắm, dễ đánh mất mình lắm, nhất là khi trót dại trao thân gửi phận cho một thằng vừa mù vừa ngu dắt dẵn. Người nghệ sĩ cảm nhiều hơn biết, nhìn bằng tim nhiều hơn bằng mắt. Thay thế sự mẫn cảm của nghệ sĩ bằng bộ óc duy lý, chủ quan, hơn nữa lại là bộ óc đi mượn, thì tránh sao khỏi bị mù lòa.

Nói đến Chế Lan Viên tôi lại nhớ tới số phận một nhà thơ Việt Nam khác, một nhà thơ của quần chúng, Hữu Loan<sup>1</sup>. Không ai trong thế hệ chúng tôi không biết bài Màu Tím Hoa Sim của anh. Mặc dầu bài thơ trong kháng chiến chống Pháp không được in, nhưng trong số tay của người lính nào cũng có bài thơ bất hủ ấy. Lần đầu tiên bài Màu Tím Hoa Sim được in là trong tờ Trăm Hoa. Hồi ấy Hữu Loan đang giữ một chức vụ cao trong Bộ Văn hoá, tất nhiên lương cũng cao tương xứng. Nhìn thấy tính chất bẩn thỉu của vụ án, Hữu Loan thôi việc. Anh không muốn dây vào những việc làm đốn mạt không xứng với kẻ sĩ, mà còn ở lại triều đình dù muôn dù không anh sẽ bị dây vào. Việc treo ấn từ quan làm anh trở thành một kẻ bất hợp tác, đối với con mắt chính quyền anh gần như một tên phản động. Ngay cả cuộc sống dân thường anh chọn cũng không phải là cuộc sống bình yên. Nhà cầm quyền không tha cho anh tội không theo họ. Anh bị sách nhiễu đủ đường, kể cả khi anh chỉ còn là một người đánh giật, một người làm xe thồ, một nông dân, ở Thanh Hóa.

Gặp nhau ở Sài Gòn năm 1988, Hữu Loan buồn phiền bảo tôi: "Khổng tử đúng mới buồn chứ: "Đời đục ta trong làm sao được!" Thân mình, thôi chẳng nói làm gì, vì muốn lương tâm trong sạch nên mình mới chọn con đường làm dân, nghèo mà thanh thản. Nhưng các con mình vì thế mà không được học hành, thì mình sai mất rồi". Cũng năm ấy anh cùng nhà thơ Bùi Minh Quốc và nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự làm một chuyến ngao du xuyên Việt để vận động trí thức, văn nghệ sĩ đấu tranh cho dân chủ.

Tôi im lặng. Tôi cũng lúng túng trong cách hành xử chẳng kém gì anh - sống thế nào bây giờ?

Sau vụ Nhân văn - Giai phẩm nhiều trí thức chọn cách tu tại triều đình, nhưng cách này xem ra cũng không ổn. Người ta không cho phép anh được đứng giữa các xung đột, hoặc lảng ra ngoài. Người ta kéo anh vào bằng được, buộc anh phải có lập trường rõ rệt.

Cho nên tôi không lấy làm lạ khi thấy trong vụ đánh Nhân văn - Giai phẩm có cả những tên tuổi đáng kính của nền văn nghệ như Tú Mỡ<sup>2</sup>, Thế Lữ<sup>3</sup>... , có cả một bức thư của 304 văn nghệ sĩ và cán bộ văn hóa gửi Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lên án nhóm Nhân văn - Giai phẩm chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa, chống Đảng và chống nhân dân. Cái sự đánh hội đồng, đánh hỏi bị người đời phỉ nhổ hồi ấy trở thành chuyện thường tình. Đảng đã giúp văn nghệ sĩ cắt bỏ cảm giác xấu

<sup>1</sup> Hữu Loan, tên thật Nguyễn Hữu Loan, sinh năm 1915 tại Thanh Hoá, nhà thơ.

<sup>2</sup> Tú Mỡ, tên thật Hồ Trọng Hiếu (1900-1976), nhà thơ nổi tiếng với thể loại thơ hài hước.

<sup>3</sup> Thế Lữ, tên thật Nguyễn Thứ Lễ (1907-1989), biên kịch, đạo diễn, diễn viên, một gương mặt lớn trên kịch trường Việt Nam.

hổ như cắt khúc ruột thừa. Tôi không loại trừ tình cảm kính yêu thật sự đối với Đảng, nỗi bất bình thấy Đảng bị xúc phạm, nhưng sau này tôi được biết trong đại đa số trường hợp đó là sự bảo vệ nồi cơm.

Trong giai đoạn có "cuộc đấu tranh giữa hai đường lối", một hôm chúng tôi đang tụ tập tại nhà Thanh Châu, Kim Lân bỗng nháy tôi ra ngoài sân nói khẽ: "Này, ông cần thận cái mồm đấy nhá. Trong cuộc họp vừa rồi ở Hội (Văn Nghệ) Đỗ Nhuận<sup>1</sup> nói hiện nay có một số văn nghệ sĩ trắng trợn tuyên truyền cho chủ nghĩa xét lại đấy. Rồi dẫn tên ông, Phan Kế An với vài người nữa ra làm ví dụ. Nguy chứ chẳng phải chơi đâu". Tôi ngạc nhiên quá. Tính lại ngày giờ thì đúng, ngay sau cuộc họp mà Kim Lân nói, Đỗ Nhuận đến tòa soạn rủ tôi đi uống cà phê để bàn chuyện tôi viết bài giới thiệu nhạc kịch Cô Sao. Trước đó tôi đã được anh mời xem nháp vở nhạc kịch anh mới viết. Tôi không thích vở này. Nó không nhuynh. Nó là thứ hàng nhái vụng về. Nhưng tôi vẫn nhận lời giới thiệu nó - dù sao cũng là một cố gắng của nhạc sĩ trong một loại hình sân khấu chưa quen với khán giả Việt Nam. Chúng tôi ngồi cả giờ với nhau ở cà phê Lâm. Hoàn toàn không có gì chứng tỏ Đỗ Nhuận đang ngồi với một kẻ thù của cách mạng cả. Sau tôi kiểm tra lại thấy đúng thật, quả Đỗ Nhuận có nói như vậy. Mà anh là nghệ sĩ đàn anh của chúng tôi, tham gia cách mạng từ trước Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, từng bị tù đầy vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, người để lại những bài hát hồn sâu trong trí nhớ chúng tôi: Chiều Tù, Hận Sơn La, Côn Đảo...

Trong không khí tù hãm của nền văn nghệ bị trói ai cũng phải tìm cách thích nghi với cách sống gò bó. Đỗ Nhuận chỉ quá nhiệt tình trong sự thích nghi ấy. Trong một Đại hội Nhà văn Nguyễn Tuân khéo léo chê lối viết văn lê thê, rồi dẫn thí dụ tiền nhân viết văn ngắn mà hay như thế nào để chửi bọn xu nịnh. Ông kể chuyện Cái Rắm. Rằng một hôm nhà vua đang ngự triều bỗng đánh rắm, tả quan lắng tai rồi tâu: "Muôn tâu bệ hạ, nghe như tiếng đòn tiếng sáo", hữu quan hít hà rồi tâu: "Muôn tâu bệ hạ, ngửi như mùi huệ mùi lan". Nhà vua nghe tâu sướng tai lấm, nhưng rồi đậm lo: "Phàm thiên hạ đánh rắm thời phải thối, nay trẫm đánh rắm lại không thể, e trẫm băng đến nơi". Tả hữu mặt chảy dài. May sao nhà vua lại phát ra một cái tiếp. Tả quan vươn cổ ra tâu: "Muôn tâu bệ hạ, thối ạ!" Hữu quan cũng không kém: "Muôn tâu bệ hạ, không những thối mà còn thối lắm ạ!". Tố Hữu mặt đỏ bừng. Hoài Thanh<sup>2</sup> giận lắm, từ đó không thèm giàn mặt Nguyễn Tuân nữa.

Văn Cao đặt cho Hoài Thanh biệt hiệu chef des claqueurs<sup>3</sup>. Mỗi lần lãnh tụ nói chuyện, Hoài Thanh ngồi ở hàng đầu, chực sẵn để khi lãnh tụ xuống giọng chấm câu hoặc hết đoạn thì đứng lên vỗ tay làm gương cho cử tọa vỗ theo. Tôi không hiểu tác giả Thi Nhân Việt Nam. Ông hiển nhiên có một chỗ trên chiếu dành cho bậc lão làng văn chương, ông còn muốn gì nữa?

<sup>1</sup> Đỗ Nhuận (1922 - 1991), nhạc sĩ, Tổng thư ký đầu tiên của Hội nhạc sĩ Việt Nam khóa I và II từ 1958 đến 1983.

<sup>2</sup> Hoài Thanh, tên thật Nguyễn Đức Nguyên (1907-1982), các bút danh khác: Văn Thiên, Le Nhà Quê, nhà phê bình văn học nổi tiếng.

<sup>3</sup> Trưởng ban vỗ tay (tiếng Pháp).

Một lần tôi đến nhà Hoài Thanh để xin ông một bài viết về thơ Tố Hữu.

- Thưa bác, - tôi nói - bình thơ Tố Hữu không ai qua mặt được bác. Có thể nói bác là chuyên gia độc nhất vô nhị về thơ Tố Hữu, tòa soạn chúng tôi muốn xin bác một bài...

- Anh nói đúng lắm! - Hoài Thanh cười vui vẻ - Không một ai dày công nghiên cứu để có quyền nói về thơ Tố Hữu như tôi. Thơ Tố Hữu mở ra không phải một dòng thơ, mà một biển thơ, một thời đại thơ... Từ Tố Hữu thơ Việt Nam bước vào một chân trời mới... Mênh mông lắm!

Trong các cuốn Văn tuyển người ta đưa cả thơ Sóng Hồng vào, có những bài chỉ trên mức về thôn xóm một chút, chỉ vì nhà thơ Sóng Hồng chính là ông nguyên tổng bí thư Trường Chinh đáng kính. Nhiều nhất vẫn là thơ Tố Hữu. Đến nỗi trong một buổi Tố Hữu đến giảng tại Trường Nghiệp vụ Văn hóa, kịch sĩ Bửu Tiến phải đứng lên xin hỏi:

- Thưa anh Tố Hữu, theo anh thì thơ anh hay hay thơ cụ Nguyễn Du hay?

Nhà thơ khiêm tốn trả lời:

- Tôi không dám so sánh tôi với cụ Tiên Điền. Thơ của tôi chưa được kiểm chứng qua thời gian, nó là thơ thời hiện tại. Cần phải có một khoảng cách mới đánh giá được...

- Vậy tại sao trong các kỳ thi tuyển, thi tốt nghiệp học sinh không học thơ Nguyễn Du mà chỉ học thơ anh mới có hi vọng đỗ? - Bửu Tiến hỏi tiếp - Lâu nay đề thi nào cũng là thơ Tố Hữu cả, trò nào không học thơ Tố Hữu tất trượt.

- Cái này không phải lỗi tại tôi. Các đồng chí phải đấu tranh với Bộ Giáo dục.

Bửu Tiến cười nhạt:

- Bộ Giáo dục chúng tôi không ngại. Nhưng cái chính là muốn “đấu tranh” chúng tôi phải biết “tránh đâu”...

Có vẻ Hoàng không ác cảm với tôi. Y không có ý muốn hạ nhục tôi bằng thái độ khen kiêng như Huỳnh Ngự. Mỗi buổi làm việc bao giờ Hoàng cũng chiêu đãi tôi dăm ba câu chuyện phiếm. Đại loại Hoàng kể cho tôi biết ở ngoài kia rạp nào chiếu phim gì, có vở kịch nào mới, xem được hay không xem được. Hoàng sắc sảo trong cách nhận định tác phẩm, chứng tỏ một trình độ học vấn khá. Tôi thích làm việc với Hoàng, nhưng cũng cảnh giác với cái thích của mình. Không phải ngẫu nhiên người ta cử Hoàng làm việc với tôi.

Mà cảnh giác là phải. Hoàng dễ dàng đồng ý với tôi trong cách nhìn nhận vấn đề này hay vấn đề khác, nếu có tranh cãi thì cũng theo cách bình đẳng, tôn trọng người đối thoại. Ngoài công việc hàng ngày anh ta phải hỏi và tôi phải viết, chúng tôi còn thời gian cho những câu chuyện vắn, chẳng hạn về những sự kiện lịch sử không mấy dính dáng tới thời hiện tại.

- Anh nghĩ thế nào về chiến dịch Thập Vạn Đại Sơn? Tôi thì tôi không tán thành ý kiến cho rằng đó là một hành động quân sự được thực hiện trong tinh thần quốc tế vô sản. - một hôm nhân nói tới

anh Hoàng Thế Dũng, Hoàng đột ngột rẽ sang chuyện thời kháng chiến chống Pháp - Xét cho cùng, chẳng qua cách mạng Việt Nam cần bảo vệ lưỡng mìn. Một động cơ nói thẳng ra là bản vị. Anh không đồng ý à? Anh thử nghĩ xem: lúc ấy Hồng quân Trung Hoa chưa xuống tới Hoa Nam, quân đội Tưởng lại ở sát nách, cho nên ta phải đánh gấp Thập Vạn Đại Sơn để ngăn bọn này tràn sang một khi Hồng quân từ phía Bắc tấn xuống. Bọn Pháp đang yếu thế, còn đang phải chống đỡ những cuộc tấn công của ta, cho nên chúng sẵn sàng cho quân Tưởng tràn vào Việt Nam...

Hoàng có lý. Nhưng sự kiện Quân đội Nhân dân Việt Nam giải phóng một phần đất Trung Quốc vẫn cứ là niềm hãnh diện của quân đội Việt Nam. Người Trung Quốc không muốn nói tới Thập Vạn Đại Sơn thì ta lại càng phải nhắc cho họ nhớ trong công cuộc chiếm lại lục địa có sự đóng góp xương máu của các chiến sĩ Việt Nam. Đáng tiếc, do sự nể nang đối với Trung Quốc, cho tới nay chưa có một tác phẩm nào nói tới chiến dịch Thập vạn đại sơn cho xứng đáng, ngoài vài bài báo do chính Hoàng Thế Dũng viết sau khi ra tù.

Do cách hỏi khôn khéo, nhiều lần Hoàng đưa tôi vào ngõ cụt. Một cán bộ công an lành nghề như Hoàng thì chắc chắn phải biết tôi không chịu nói thật những điều tôi biết.

Được cái những câu hỏi của Hoàng không vượt ra ngoài những địa hạt những câu hỏi của Huỳnh Ngự, phần lớn là hỏi thêm, hỏi bổ sung. Tôi phải căng óc ra để trả lời không bị tiền hậu bất nhất.

Với bạn bè có khả năng bị bắt, nhưng không biết liệu họ đã bị bắt chưa, hoặc không bị bắt mà chỉ bị thẩm vấn, tôi thận trọng. Nếu tôi sơ ý để lộ ra những chi tiết chỉ có chúng tôi biết với nhau, cho dù chúng vô thưởng vô phạt đối với vụ án, thì điều đó vẫn có hại như thường –bè bạn thấy công an biết cả những điều bí mật ấy, tưởng tôi đã khai ra, sẽ mất tinh thần, người không tỉnh táo sẽ mắc bẫy rồi khai lung tung.

Cần phải nhắc lại một lần không thừa rằng tôi chưa hề có một hành động chống chế độ nào hết. Các bạn tôi cũng vậy. Tôi lớn nhất của chúng tôi là dám nói ngược giáo điều chính thống, dù chỉ nói khẽ. Tôi tin bọn chấp pháp thừa biết thế, nhưng chúng tin rằng Đảng đúng - cần phải đè bẹp bất kỳ biểu hiện chống đối nào, cho dù nhỏ bé nhất. Cách xử lý những người khác chính kiến kiểu Lênin đối với Berdyaev<sup>1</sup> không thể có ở Việt Nam.

<sup>1</sup> Nikolai Alexandrovich Berdyaev (1874-1948), triết gia của chủ nghĩa hiện sinh Cơ Đốc. Một thời theo chủ nghĩa Marx, năm 1898 bị chính quyền Nga hoàng bỏ tù hai năm và lưu đày ba năm. Berdyaev ủng hộ Cách mạng Tháng Mười, nhưng lại chỉ trích chủ nghĩa Marx và chủ nghĩa bôn-sê-vích. Trong thời gian ngắn dạy tại trường Đại học Quốc gia Moskva ông truyền bá triết thuyết của mình bất chấp sự cấm đoán của chính quyền xô-viết. Lênin chỉ trực xuất ông khỏi nước Nga chứ không giết (1922). Vào thời ấy, thông tin chưa phát triển, tôi nghĩ không phải vì Lênin sợ dư luận quốc tế mà không giết Berdyaev. Là người đọc sách nhiều, có thể Lênin còn nể nang đôi chút với các triết gia chẳng?

Một hôm, nhân hỏi tôi về Hoàng Minh Chính, Hoàng đột nhiên ghé sát mặt tôi:

- Tôi khuyên anh đừng nhọc lòng bảo vệ Hoàng Minh Chính. Anh không biết đấy thôi, chứ Hoàng Minh Chính có mưu đồ lớn lắm, anh ta muốn lật đổ Trung ương bằng một Đại hội bất thường (Hoàng không nói đến đảo chính), trước hết bằng cách gây ảnh hưởng ngay trong Bộ Chính trị, vận động Trung ương chống lại Bộ Chính trị, bầu ra ban lãnh đạo mới... Anh thì chúng tôi biết, anh chỉ mải chuyện văn chương, anh không biết mưu đồ ấy đâu. Anh tưởng nếu rồi đây Hoàng Minh Chính làm tổng bí thư anh ta sẽ dành cho anh một chức bộ trưởng chăng? Đừng hòng. Với Hoàng Minh Chính anh chẳng là cái gì. Một con tốt trong nước cờ phiêu lưu, chấm hết. Tại sao anh nhất định không chịu nói về những điều anh biết? Hoàng Minh Chính có quan hệ mật thiết với đám cán bộ bất mãn trong quân đội, họ gặp gỡ nhau ở cả trong nhà anh, điều đó anh biết quá đi chứ, nhưng anh không chịu nói ra. Anh nói Hoàng Minh Chính không có liên lạc với Võ Nguyên Giáp nhưng mặt anh lại thú nhận rằng có rồi đó. Tại sao anh không thể thành thực với tôi, dù chỉ một lần?

Tôi cười:

- Hoàng Minh Chính làm gì là việc của anh ấy, tôi không có trách nhiệm phải quan tâm. Anh ta coi tôi là con tốt hay con xe cũng là việc của anh ấy. Tôi nghĩ anh hiểu tôi, còn nếu anh chưa hiểu thì tôi xin nhấn mạnh: tôi không thích làm con tốt hay con xe của bất cứ kẻ nào, trên bất cứ bàn cờ chính trị nào. Riêng với anh, tôi cũng muốn anh thành khẩn với tôi, dù chỉ một lần: anh cần gì ở tôi?

- Hãy trả lại với điều tôi vừa hỏi anh: có hay không?

- Không biết.

- Anh sẽ không nói lại chứ?

- Tôi sẽ nói y như thế. Với bất cứ ai, ở bất cứ đâu.

Hoàng nhìn chằm chằm vào mặt tôi:

- Anh toát mồ hôi rồi đó. Anh không thấy trên mặt anh mồ hôi rịn ra đó sao?

Tôi cười phá:

- Tôi đánh giá anh cao hơn đấy. Tôi lầm, đáng buồn. Vừa nãy, nhờ ơn nhà bếp tôi được ăn bát cháo nóng, vì thế trên mặt tôi có mồ hôi, đơn giản là vậy.

Hoàng ngượng ngùng quay đi:

- Anh vẫn chưa trả lời tôi. - tôi nhắc - Nói đi: anh cần gì ở tôi?

- Tôi cần gì? Tôi chỉ muốn anh thành khẩn báo cáo những gì Đảng hỏi.

Tôi cười nhạt:

- Anh nói dối. Giọng của anh không thật thà khi nói câu đó. Nhưng thôi, anh không muốn trả lời cũng được, tôi cũng chẳng có quyền đòi hỏi ở anh sự thực thà. Tôi mến anh, vì đối với tôi anh tỏ ra có chất người hơn. Anh không tự giới thiệu, nhưng tôi biết anh là cấp dưới của Huỳnh Ngự, lương của anh thấp hơn lương Huỳnh Ngự...

Hoàng chăm chú nhìn tôi:

- Anh nói thế có ý gì?

Tôi nhìn vào mắt anh ta:

- Đúng là lương anh thấp hơn chứ?

- Anh nói tới lương của tôi để làm gì?

- Để nói rằng tôi đánh giá anh cao hơn thủ trưởng của anh. Anh nói rằng ngành của anh là một ngành đặc biệt. Nhưng theo tôi, nó chỉ đặc biệt ở chỗ nó có quá nhiều quyền hành, phần còn lại nó giống ngành tuyên giáo mà tôi biết, trong ngành này chủ nghĩa thành phần cũng được đẩy tới đỉnh cao nhất, ở đó những người cấp dưới thường giỏi hơn cấp trên. Chúng ta đều là cán bộ cả. Trong cuộc sống được cào bắng, tình cảm chúng ta chẳng khác nhau là bao. Tôi hình dung anh có một gia đình đông đúc. Chị chắc là giáo viên, ba cọc ba đồng. Các cháu ăn cơm phải nhìn nhau, không đứa nào dám gấp quá tiêu chuẩn, không đứa nào được phép ăn hơn đứa nào...

- ???

- Tôi đã thẳng thắn nói với anh rồi: tôi không biết nhiều về anh Hoàng Minh Chính. Đó là sự thật. Rất có thể anh Hoàng Minh Chính có nhiều chuyện giấu tôi, hoặc giả anh ấy thấy không cần nói với tôi. Vì thế mà tôi không biết. Ngoài ra, xin anh hiểu cho điều này: tôi không phải kẻ đưa chuyện, vì thế có những điều tôi biết nhưng tôi thấy chẳng cần nói lại với anh làm gì...

- Anh đánh giá anh hơi cao đấy. Anh không nói thì người khác nói. Và họ đã nói rồi.

Tôi cười khẩy:

- Tôi không cần biết ai nói. Tôi biết tôi không nói là đủ. Bởi vì tôi chẳng có gì để nói. Hoàng Minh Chính không rủ tôi vào một tổ chức nào. Anh ấy cũng không rủ tôi làm đảo chính. Nhưng tôi biết, các anh rất muốn tôi nói một cái gì tương tự cho anh Chính, đúng thế không? Cái ấy thì không được. Không bao giờ.

Hoàng nhếch mép cười.

- Có cái này thì được, tôi sẵn sàng nói: đó là tất cả những gì thuộc về tôi, thuộc về một mình tôi. Anh có thể đề đạt với tôi bất cứ điều gì có lợi cho anh. Chẳng hạn, tôi sẽ nhận tôi là Việt Quốc, Việt Cách, Đại Việt hay là cái gì đó mà anh muốn... Tôi sẽ ký, thật đấy. Giờ đây tôi chẳng còn gì để mất. Lịch sử không mù. Nó sẽ tìm ra sự thật, nó sẽ lên tiếng, không phải trong tương lai gần thì trong tương lai

xa. Còn ngay bây giờ anh sẽ được lên lương, chị và các cháu sẽ bớt được một phần vất vả. Đây là việc tốt, có thể là việc tốt cuối cùng mà tôi có thể làm cho ai đó...

Hoàng gầm lên, đập mạnh tay xuống bàn:

- A, anh dám láo hả? Láo!

- Chính anh láo!

Tôi tức lấm rồ, tôi đập bàn còn mạnh hơn. Bộ đồ trà nảy lên, mấy cái chén rơi loảng xoảng xuống nền gạch, vỡ tan.

Hoàng chồm tới:

- Mày sẽ biết tay tao!

Nhin bộ mặt đỏ gay của Hoàng, nhin nắm đấm chục vung lên của anh ta, tôi nghĩ anh ta sẽ đánh tôi. Tôi lùi lại, tay nắm lấy cái ghế ba nan, vung lên.

- Này, tao báo trước cho mày biết, nếu mày tiến thêm một bước thì hối không kịp đấy! - tôi chẳng buồn giữ lịch sự nữa - Hãy nghĩ tới vợ con mà dừng lại! Nếu mày chết ở đây người bị thiệt sẽ không phải là Đảng của mày đâu, mà là vợ con mày đấy!

Không biết có phải tại ánh mắt của kẻ săn sàng liều mạng hay tại cái gì khác đã làm cho anh ta tỉnh ra, nhưng Hoàng dừng lại ngay tức khắc sau câu nói của tôi. Như một con rối hết cót, anh ta rũ ra, lẳng lặng bỏ đi. Tôi hạ cái ghế xuống.

Một lát sau Hoàng quay lại với bộ trà mới, chắc lấy từ một phòng khác. Anh ta cẩm cụi thu gọn các mảnh vỡ mang đi rồi trở về, hí hoáy với cái tàu ngầm<sup>1</sup>.

Chờ cho nước sôi, Hoàng pha ấm trà mới. Nhìn thẳng vào mắt tôi, anh ta nói, giọng trầm hẵn xuống:

- Tôi thành thật xin lỗi anh. Vừa rồi tôi có nóng.

Hoàng dám nhìn thẳng vào mắt tôi, anh ta có vẻ xấu hổ, có nghĩa là anh ta thành thật.

Tôi lặng lẽ nâng chén trà lên miệng, chứng tỏ tôi cho qua chuyện vừa rồi.

Tôi cũng cảm thấy một chút xấu hổ. Cơn giận dữ trào lên, nguyên nhân không phải ở tôi, nhưng tôi đã không kiềm chế được nó.

<sup>1</sup> Một kiểu đun nước bằng điện dùng hai lưỡi dao cạo làm hai điện cực, thay cho dây may-so.

- Tôi cũng lấy làm tiếc - tôi nói - Lẽ ra chúng ta có thể nói chuyện với nhau bình tĩnh hơn. Dù sao chúng ta cũng đã từng là đồng chí của nhau... một lúc nào đó, trước kia.

Tôi nói thật lòng. Trong câu nói của tôi không có bóng dáng của sự đạo đức giả, của mánh khóc chính trị. Tôi muốn được nhìn thấy ở Hoàng một con người. Người có đầu óc như Hoàng mà ở phía những tên lưu manh thì thật đáng tiếc.

## 23

Nửa đêm, tôi choàng tỉnh vì tiếng la hét của ai đó.

Khu xà lim 3, theo tôi ước đoán, nằm ở quãng giữa Hỏa Lò, gần đường Hai Bà Trưng, nếu nhìn từ cổng trại giam. Nằm trong xà lim 3 không nghe thấy những tiếng động của thành phố vọng vào. Thành nói cửa xà lim chúng tôi ngoảnh mặt ra phố Quán Sứ.

Tiếng kêu gào nghe gần lầm, nhưng trong mê lộ những tường và hành lang tiếng động bị quăng đi quật lại chán chê rồi mới tới tai mình cho nên không thể biết nó phát ra từ đâu, bên phải hay bên trái, đằng trước hay đằng sau.

Thành bật dậy. Đối với những tiếng động khác thường trong nhà tù anh thính hơn tôi nhiều.

Một lát sau chúng tôi mới xác định được tiếng gào thét ai oán như lợn bị chọc tiết ấy là của một tù binh Mỹ, chắc là một phi công.

- Help... me! He.. Ip m.. e!<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Cứu tôi với! Cứu tôi với! (tiếng Anh).

Tiếng kêu cứu của con người trong cơn tuyệt vọng chẳng hướng về ai, chẳng gửi cho ai, vang to giữa đêm khuya trong một vùng bê tông lạnh lẽo.

Tôi nằm xuống, kéo chăn tới tận cằm mà vẫn thấy lạnh.

- Chắc tên Mỹ này mới bị bắn rơi chiều nay.

Thành, mắt đỏ cách, ngáp dài:

- Có lẽ thế. Người ta đưa thẳng nó về đây.

Tên tù binh la hét mãi không thôi.

- Chắc nó bị thương. - tôi nói.

- Chắc thế. - Thành gật đầu.

Phải hơn một giờ sau mới nghe tiếng chân người rậm rịch, tiếng cửa xà lim mở, tiếng nói chuyện lao xao. Tên Mỹ thôi kêu cứu, chắc y được tiêm thuốc giảm đau. Tiếng gào nhỏ dần thành tiếng rên rỉ ai oán.

Thành nằm xuống.

- Nay, cậu có thường gặp tù binh Mỹ không?

- Thỉnh thoảng. Tôi làm báo mà. Phi công bị bắn rơi luôn.

- Con số máy bay mà bên mình đưa ra là đúng đấy chứ?

Vào thời gian này, theo tin tức báo chí thì máy bay Mỹ rụng như sung, và bao giờ cũng bị rơi “ngay từ loạt đạn đầu”.

- Nếu tin vào những thông báo chiến sự của hai bên tham chiến thì trên các mặt trận chỉ còn lại những hồn ma đang đánh nhau, chứ lính của hai bên đã chết hết từ lâu rồi.

Thành cười khúc khích.

- Nay, cậu làm báo, đi nhiều, gặp nhiều, có phải đúng là lính Mỹ hèn hơn lính Pháp không? - gối đầu trên đôi tay, Thành lơ đãng hỏi.

Tôi nằm xuống theo. Trong xà lim không ngòi lên nằm xuống thì còn làm gì nữa? Chẳng lẽ cứ đi bách bộ mãi - nằm bước tới nằm bước lui trong khoảng không gian hẹp giữa hai phản?

Sau khi biết tôi có thời kỳ ở bộ đội, Thành trở nên gần gũi với tôi hơn, nói chuyện với tôi nhiều hơn, giọng nói của anh cũng ấm áp hơn. Giờ thì gì, chúng tôi cũng đã từng là anh em chung một chiến hào. Trong lòng Thành có một anh bộ đội sống dai. Có vẻ anh bộ đội này không bỏ bạn trong cơn hoạn nạn.

- Chưa chắc. - tôi đáp - Anh em trong Nam ra nói lính Mỹ đánh không xoàng, lâm trận cũng dũng mãnh, nhất là đám Mỹ đen... Nhưng khi đã bị bắt rồi thì cả đen lẫn trắng đều không coi thể diện là cái gì.

Chúng tôi thả hồn về quá khứ hào hùng những ngày kháng chiến. Nhờ Thành tôi mới biết quân đội ta có những bài bản rất độc đáo trong chiến tranh. Chẳng hạn, khi ta mở chiến dịch Tây Bắc thì ở Thượng Lào bộ đội rèn cán chỉnh quân. Vũ khí của bộ đội Thượng Lào được cấp tốc bổ lại, chuyển ngay cho chiến trường mới. Địch choáng váng trước hỏa lực mạnh bất ngờ của ta ở Tây Bắc, chưa kịp hoàn hồn thì đã lại bị đánh rất dữ dội ở đồng bằng Bắc bộ, cũng với những vũ khí được chuyển qua chuyển lại như thế trong hoàn cảnh thiếu thốn của một quân đội trẻ tuổi.

Tù binh Pháp, chúng tôi nhận xét, lầu cá hơn tù binh Mỹ. Trong hoàn cảnh nhục nhã nhất đồi lính, người Pháp vẫn thông minh trong ứng xử. Họ lập tức làm ra vẻ thân thiện với kẻ thù, cứ như thể chiến tranh giữa hai bên đã chấm dứt thì mọi sự đương nhiên phải trở lại bình thường giữa kẻ thắng và kẻ thua trong nền hòa bình cục bộ. Với nụ cười cầu tài, họ bả lá nài xin chúng tôi điếu thuốc, nặn ra dăm ba câu làm quà. Những mẩu đối thoại tầm phào như thế mà, lạ thay, lại có tác dụng xóa đi cái ranh giới tưởng chừng không vượt qua nổi.

Có lẽ do ảnh hưởng những thông tin sai lạc về đối phương, tù binh Mỹ rất khum núm trước kẻ thắng. Gặp sĩ quan Việt Nam, họ cúi gập người, hai tay áp sát đùi mà chào, lễ độ lắm. Tù binh Pháp trong trường hợp ấy ứng xử khác hẳn. "Bonjour, mon capitaine! Comment allez-vous?"<sup>1</sup>, họ toe toét, suồng sã. Ai cũng capitaine hết, từ anh lính tron cho tới cấp chỉ huy cao nhất.

Chính sách nhân đạo đối với tù binh đã góp phần lôi kéo lính Pháp chạy sang hàng ngũ kháng chiến. Ý thức được cuộc chiến tranh mà họ tham gia là phi nghĩa, những người "Việt Nam mới" sát cánh bên người Việt Nam kháng chiến chống lại chính quân đội nước họ. Nhiều người trong bọn họ sau trở thành đảng viên cộng sản, thành sĩ quan trong quân đội Việt Nam.

Họ chỉ buộc lòng phải bỏ Việt Nam mà đi khi ở đây bùng lên ngọn lửa "đấu tranh giữa hai đường lối". Với màu da trắng, họ bị các nhà mác-xít nửa mùa coi là những tên xét lại bẩm sinh. Trên thực tế, đó là một dị bản của tệ phân biệt chủng tộc. Không thể trả về Pháp, nơi họ sẽ bị xử tội như những tên phản quốc, những người này lang thang tìm nơi tá túc tại các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Erwin Borchers (Chiến Sĩ) trở về Đông Đức, Georges Boudare, Anbert Clavier, Targo... người về Pháp, kẻ đi Hungari, kẻ sang Tiệp Khắc.

Sau này, theo một điều khoản trong Hiệp định Genève về Đông Dương: các bên tham chiến không được có hành động trả thù với những người từng cộng tác với đối phương. Boudarel được trả về Pháp, trở thành giảng viên đại học. Cho tới khi tôi viết những dòng này cuộc chiến ở Đông Dương đối với anh vẫn chưa chấm dứt. Anh bị những cựu tù binh Pháp còn cay cú với thất bại ở Đông Dương

<sup>1</sup> Xin chào ông đại úy! Ông vẫn được mạnh giỏi chứ ạ? (tiếng Pháp).

tiếp tục đòi đưa anh ra tòa vì tội phản quốc. Điều đáng ngạc nhiên là nhà cầm quyền Hà Nội không hề quan tâm tới số phận người chiến sĩ đã chiến đấu cho nền độc lập của Việt Nam. Tôi quen thân với G. Boudarel khi anh làm việc cho tờ Courier du Vietnam ở Hà Nội. Chúng tôi vui mừng gặp lại nhau năm 1996. Boudarel còn giúi cho tôi ít tiền tiêu khi tôi vừa chân ướt chân ráo tới Paris. Tôi không gặp Erwin Borchers (Chiến Sĩ) lần nào nữa, anh đã qua đời ở Đức năm 1985. Đó là một con người có tinh thần quốc tế rất đáng quý. Anh quê ở Strasbourg, thành phố ngày nay thuộc Pháp, đảng viên Đảng cộng sản Đức. Trong thế chiến thứ hai anh bị bắt lính, anh bỏ trốn rồi gia nhập đạo quân Lê Dương của Pháp. Qua Việt Nam anh bắt liên lạc với những người cộng sản bản địa, năm 1944 đã hoạt động cùng với Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Đặng Kim Giang, và cha tôi. Lấy vợ Việt Nam, anh buộc phải trở về Đức năm 1966. Còn những người quen khác như các anh Albert Clavier, Targo, Bernard Duguet... tôi không tìm được địa chỉ, không rõ số phận của họ rẽ sang những ngả nào.

Hiện tượng trong quân đội Việt Nam có những người ngoại quốc là hiện tượng đặc biệt. Chạy sang hàng ngũ kháng chiến Việt Nam, họ không phải chỉ có dũng khí rời bỏ hàng ngũ quân đội xâm lược, mà còn phải hy sinh rất nhiều khi sống trong hàng ngũ kháng chiến: đói, rét, thiếu thốn đủ thứ.

Tư tưởng Mao Trạch Đông đòi hỏi người cộng sản phải có lập trường bạn thù rõ rệt, ranh giới địch ta phân minh. Vào thập niên 60, cách đối xử với tù binh Mỹ không còn tử tế như với tù binh Pháp. Dù là tù binh, họ vẫn là địch, là kẻ thù, xứng đáng với sự bạc đãi của kẻ thắng. Điều đó gây ra tổn thất cho cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc. Không như trong kháng chiến chống Pháp, trong cuộc chiến tranh mới không có một người lính Mỹ nào cầm súng chiến đấu bên cạnh nhân dân Việt Nam.

Tù binh Mỹ tuy thế vẫn may: cấp lãnh đạo quân đội Việt Nam không hoàn toàn nghe theo những lời chỉ bảo của các cố vấn Trung Quốc trong chuyện đối xử với tù binh. Không được đối xử tốt như với tù binh trong kháng chiến chống Pháp, họ vẫn còn được hưởng một số ưu đãi để không đến nỗi rơi tõm xuống một mức sống khác hẳn mức sống quen thuộc. Khẩu phần cho tù binh Mỹ tôi thấy ở Hỏa Lò rõ ràng khá hơn nhiều so với khẩu phần bộ đội: mỗi bữa một tô đầy súp thịt, một cái bánh mì nhỏ, hai điếu thuốc lá.

Những câu chuyện trên trời dưới đất như vậy có tác dụng làm cho đêm xà lim bớt nặng nề.

- Thằng Mỹ ngủ, cậu ạ. - Thành nghiêng đầu nghe ngóng rồi nói.

Đã tới bốn giờ sáng rồi chứ không ít. Chúng tôi vẫn tỉnh như sáo.

- Có lẽ thế. Không thấy nó rên nữa. - tôi nói - Không hiểu họ đưa nó vào đây làm gì nhỉ? Nó bị thương thì đưa vào quân y viện, chữa cho khỏi đã. Làm như thế là không tôn trọng công ước quốc tế về tù binh.

Thành cười khe khẽ:

- Mình có ký vào cái công ước ấy đâu mà rộn. Cậu có thấy đói bụng không?

- Cũng hơi ngon ngót.

Tôi làm khách. Thực sự, tôi đói run. Cái rét làm cảm giác đói tăng gấp đôi.

- Ta làm cái bánh xốp đi.

- Nào.

Anh bẻ đôi cái bánh, chia cho tôi một nửa. Tôi không được liên lạc với gia đình, tôi không được tiếp tế. Thành được nhận tiếp tế mỗi tháng một lần.

Chúng tôi nhai dè xén từng mẩu nhỏ, cảm thấy vị ngọt của đường mía trôi qua thực quản, qua dạ dày, thấm ướt những tế bào khô héo.

Từ hôm cái “bánh mì bộ” ra đi, chúng tôi trở về với bữa ăn thường lệ: hai đồng mì luộc đầy xác mọt và rau muống tần đại dương. Tôi không còn thấy gớm cái nước rau đen xì như nước cống nữa. Tôi húp sạch sành sanh, chỉ chừa lại một chút cặn.

Nhin tôi húp nước rau ngon lành, Thành tế nhị giải thích:

- Lạ một cái là nằm trong xà lim, cả trong mùa đông cũng vậy, mình có làm gì nặng nhọc đâu mà bảo mất mồ hôi, vậy mà cứ thèm chất mặn. Nhiều hôm nhạt mồm nhạt miệng quá, đành nói khó với mấy ông quản giáo, tạ sự rằng tôi đau răng quá, xin các ông làm ơn làm phúc cho nhúm muối để ngâm.

Đúng là như thế, như sau này tôi được biết.

- Khốn nạn, bỏ hạt muối vào miệng thấy ngọt như đường - Thành thở dài - Ấy là người ta thấy mình đứng đắn người ta mới cho, chứ từ khác đừng hòng...

Tôi ngạc nhiên:

- Mấy hạt muối đáng bao nhiêu mà họ không cho...

- Không phải chuyện đáng bao nhiêu hay không đáng bao nhiêu. Mà là người ta sợ tù trốn trại. Muối với nước tiểu hòa lẫn ăn mòn sắt dữ lắm. Từ dùng giẻ quấn quanh chấn song sắt, tấm thứ nước ấy vào, cho sắt mục ra, dễ bẻ. Hỏa Lò chắc là thế mà họ vẫn sợ tù trốn lắm, thỉnh thoảng lại loại phòng... .

Tôi giương đôi mắt của thằng ngốc:

- *Loại* là cái gì?

- Tiếng lóng mà, *loại* là lục lợi, khám xét.

- Có một nhúm muối mà lắm chuyện.

Thành nhún vai:

- Người ta *loại* còn để tìm ra những thứ khác nữa chứ: cưa sắt, dao, bật lửa...

- Mình thèm muối thế này là trong người thiếu cái gì đấy. Chứ theo khoa học thì ăn muối nhiều chỉ có hại...

- Khoa với chẳng học, quên đi. Khoa học không bao giờ bước chân vào đây. Cứ theo khoa học thì con người không thể sống thiếu ánh sáng mặt trời. Vậy mà trong xà lim có ánh sáng mặt trời quái đâu mà tù vẫn cứ sống nhăn. Có người ở chín năm trong xà lim chẳng sao...

- Chín năm? - tôi kêu lên, cơn ớn lạnh chạy dọc xương sống.

- Chứ sao! Hiện hắn ta đang ở đây, ngay trong xà lim 3 này này. - Thành thản nhiên - Tôi nghe tiếng hắn ta ho.

- Sao không bắn quách người ta đi cho rồi? Bắn còn nhân đạo hơn.

- Xì, bắn người đâu có dễ! Tòa tuyên án tử hình rồi đấy chứ, đã có lệnh mang đi bắn rồi đấy chứ. Thế mà vẫn sống, mới lạ. Tôi nghĩ con người ta có số, cậu ạ. Anh này ngụy quân, vẫn bị chính quyền địa phương để ý. Ngụy quân ngụy quyền đều trong sổ đen hết – cái giống ấy khó sống với chính quyền này lắm. Bỗng xảy ra một vụ án mạng, một em bé bị giết, xác vứt trên nắp cống. Điều tra thì biết em bé hay được hắn dẫn đi chơi, thế là hắn bị bắt. Chỉ có thể thôi. Người ta đồ rằng hắn bất mãn chế độ, giết em bé để gây hoang mang trong dân chúng. Chứ điều tra điều mẹ gì đâu. Chấp pháp hỏi cung cách nào không biết, hắn nhận. Tòa xử tử hình. Hắn xin ân xá. Đơn bị bác. Hôm giải hắn đi bắn anh chỉ huy thấy tên tử tù cứ vật vã gào khóc, một mực kêu oan, nói tại cán bộ chấp pháp xui khôn xui dại hắn mới nhận tội, chứ hắn không giết người, chấp pháp bảo hắn cứ nhận hết thì sẽ xin tòa tha cho, có ngờ đâu bị mang bắn thật...

- Người tù không bị giải đi bắn nữa?

- Xì, có thể hắn ta mới còn sống đến giờ chứ.

Câu chuyện hoang đường, khó tin quá.

- Người chỉ huy hành quyết thường cấp bậc gì?

- Trung úy, cũng có khi đại úy. Anh này trung úy.

- Anh trung úy rồi có bị kỷ luật không?

- Ai biết được. Tôi cũng nghe kể vậy thôi. Gan cộc tía, quân lệnh như sơn mà dám cưỡng. Giải tên tù tử hình trả lại xà lim xong, anh ta tức tốc đi gõ cửa các cấp đề nghị xem lại vụ án mà anh ta cho là có uẩn khúc...

- Rồi sao nữa?

- Rồi người ta đem vụ án ra xét lại!

- Thế thì cả anh trung úy lẩn những người chịu nghe ý kiến anh ta đều là những người cực tốt.
- tôi suýt soa.

Thành nguýt tôi:

- Thế cậu nghĩ cán bộ các ngành công an, tư pháp bây giờ xấu hết à?

Tôi cười. Thành có thể làm chính trị viên xà lim được. Nhưng trong trường hợp này chính trị viên đã nghĩ oan cho tôi. Tôi không đến nỗi tệ như vậy. Đâu chả có người tốt, người xấu, trong xã hội nào cũng thế, dưới chế độ nào cũng thế. Vấn đề là ở bộ máy quản trị đất nước mà thôi.

Anh trung úy nọ đúng là to gan. Người như thế hiếm, hiếm lắm. Cán bộ đã nhiều năm chỉ được giáo dục tinh thần vâng lời, không ai được dạy suy nghĩ. Ngay trong ngành tòa án, được coi là độc lập, quan tòa<sup>1</sup> cũng phải xử theo ý Đảng chứ không theo luật. Một án xử đã xong, coi như bất di bất dịch, bởi vì Đảng (một Đảng bộ chẳng hạn) đã quyết rồi. Thế mà dám cưỡng lại thì liều thật.

Người tù bị bắn hụt tên là Nguyễn Văn Căn, nếu như Thành không nhầm và tôi nhớ không sai. Trong suốt những năm dài của cuộc đời tử tội anh ta đã đi qua hầu hết các xà lim Hỏa Lò. Thảo nào ở xà lim 3 tôi đã gặp những hàng chữ khắc nguệch ngoạc ký tên Căn trên tường. Đó là những lời thống thiết kêu than: "Tôi bị oan! Tôi không giết người!", trong xà lim tôi đang ở là những lời căm giận nguyên rủa bọn cộng sản dã man, vô nhân đạo. Lời kêu oan chắc được ghi trong thời gian đầu khi anh ta mới bị bắt. Lời nguyên rủa đến sau, khi anh ta ở xà lim quá lâu.

Nhân có "quả "tắc""<sup>2</sup> Thành dành mấy đồng bánh xốp cho anh tù bất hạnh.

Tiếp tế, đối với mọi loại tù, nhất là tù xà lim, là hạnh phúc lớn. Chẳng thế tù xà lim có câu: "Thứ nhất được tha, thứ nhì có "tắc", thứ ba ra ngoài (trại chung)". Anh tù nọ, không hiểu sao, rất ít khi có quà gia đình. Muốn cho bạn tù quà không thể nhờ quản giáo chuyển. Chỉ có thể xin ra sân phơi quần áo rồi lén bỏ quà vào trong túi, hoặc móc vào dây phơi rồi lấy quần áo phủ lên. Người được cho cũng xin phơi quần áo như thế rồi khéo léo lấp quà vào. Một "hộp thư" tình báo cực kỳ thô thiển. Có lẽ những quản giáo đều biết trò này, nhưng nhăm mắt cho qua.

Người mở cửa cho chúng tôi sáng hôm ấy không phải Sứ giả hòa bình, chẳng phải Hách, mà là một quản giáo mới toanh, chưa kịp mồi mệt hoặc chán nghề. Tên này vè vè theo chúng tôi từng bước. Đành chờ dịp khác.

<sup>1</sup> Các quan tòa Việt Nam hồi này phần nhiều không có chuyên môn. Họ được rút từ các ngành khác, được dự những khóa huấn luyện cấp tốc để trở thành quan tòa. Ngành tư pháp nói chung ở trong tình cảnh tội nghiệp. Do ảnh hưởng của sự sợ hãi nguyên "tắc" tam quyền phân lập, Đảng luôn dè chừng ngành này.

<sup>2</sup> Quà gia đình được phép gửi cho tù, ở miền Bắc gọi là tiếp tế.

Anh tù tử hình không hiểu cho chúng tôi, cho rằng chúng tôi chơi xỏ anh, cất tiếng chửi đồng, lời lẽ rất khó nghe. Tôi sôi máu, bảo Thành đừng cho quà tên khốn kiếp ấy nữa, nhưng Thành ngồi im, không nói gì.

Ngày hôm sau, người mở cửa là Sứ giả hòa bình. Thành lảng lặng cho bánh vào túi áo bông xin phơi, rồi điềm tĩnh thông báo lần nữa cho anh tù tử hình biết. Việc chuyển giao diễn ra tốt đẹp. Đêm xuống, Căn nghêu ngao mẩy câu vọng cổ bày tỏ lòng ân hận.

Cách nhắn nhủ nhau qua những bài ca, những vần thơ, là cách liên lạc độc đáo trong tù. Quản giáo có bắt được cũng không thể phạt nặng - ối giờ ơi, tôi có vi phạm gì đâu, thưa ông, nầm đây mãi buồn quá tôi nghêu ngao tí chút, thế thôi, xin ông bỏ qua.

Căn có thâm niên xà lim cao nhất Hỏa Lò. Vì thâm niên này anh ta được các quản giáo nơi tay. Những người duy vật cùng minh hóa ra trong đáy lòng vẫn còn một chút duy tâm - chẳng ai muốn trong gia đình mình có thêm một con ma thù hận. Án tử hình đã tuyên rồi, chắc gì tòa đã xử lại, tòa xử lại chắc gì đã tha, một sáng nào đó đội hành quyết lại lôi cổ hắn ta đi chửa biết chừng.

- Sao anh không trả lời hắn một tiếng? - tôi hỏi Thành.

Anh lắc đầu:

- Hắn hiểu chúng ta không chơi xấu là đủ.

Tôi nói quả “tắc” là hạnh phúc lớn đối với tù xà lim là nói chung. Nó không đúng trong mọi trường hợp. Thành chẳng hạn, những lần nhận quà gia đình anh buồn rũ.

Cuối cùng, trong một đêm không ngủ Thành đã kể cho tôi nghe ngọn ngành câu chuyện vì sao anh vào tù.

Nhờ trước chiến tranh tiểu đoàn trưởng Thành có học trường Kỹ nghệ thực hành. Hòa bình lập lại anh được chuyển sang Bộ Công nghiệp. Trong một đợt tinh giản biên chế<sup>1</sup> anh xin ưu non, cùng các bạn bộ đội lập ra một hợp tác xã thủ công nghiệp. Cùng làm với anh có đại tá Trần, một nhân vật lịch sử của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ. Nhờ những mối quan hệ cũ với quân đội, hợp tác xã nhận được những hợp đồng lớn của Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật. Từ cổ chí kim ai cũng biết hợp đồng với quân đội bao giờ cũng béo bở. Hợp tác xã của các cựu chiến binh lớn lên như thổi. Mức sống của xã viên tăng nhanh đến chóng mặt.

<sup>1</sup> Những đợt tinh giản biên chế diễn ra thường xuyên trong bộ máy nhà nước cộng sản mỗi ngày một thêm cồng kềnh, như một quy luật. Trong tinh giản biên chế những người xin ra ngoài thường là những người tài năng, không cần phải sống bám vào bộ máy nhà nước. Ông Phạm Văn Đồng ví tình hình này như việc đập lúa, những hạt mẩy nhất bắn ra đầu tiên, những hạt lép thì bám rất dai.

Chuyện Thành vào tù nghe cứ như chuyện bịa.

Chả là anh nhận được một hợp đồng gia công chốt xích xe tăng, với số lượng lớn. Nguyên liệu để làm thứ chốt này là sắt Liên Xô, ký hiệu CT45. Đúng vào thời gian này người ta sực nhớ đến xe trâu, phương tiện vận tải thô sơ trong kháng chiến chống Pháp. Nó vẫn hữu hiệu trong công việc vận chuyển trên những đường xấu, đường rừng hẹp. Xe trâu được sản xuất hàng loạt. Mọi thứ để sản xuất xe trâu đều đủ, chỉ thiếu có trục xe, mà sắt thanh CT45, với độ cứng của nó, làm trục xe rất hợp.

Thành mày mò tìm ra trong những núi sắt phế liệu thời Pháp nhiều sắt tròn có độ cứng tương đương CT45, nhưng ngắn, liền mua về làm chốt xích xe tăng, còn thép CT45 dài do Tổng cục Kỹ thuật cấp thì bán lại cho các hợp tác xã đóng xe trâu. Nhờ sáng kiến của Thành hợp tác xã thu được một khoản lãi kinh xù.

Các bà vợ ngây thơ làm hại các ông chồng. Lẽ ra phải tiếp tục sống kín đáo thì các bà lại đua nhau phô trương. Các bà sắm sanh đủ thứ, đi chợ không thèm mà cả, tha vè làn to làn bé. Quá vui vì món quà bất ngờ của số phận, họ đánh mất sự tinh táo để biết sống cho phải đạo. Như một quy luật, nhà cầm quyền ngu dốt bao giờ cũng che đậy sự quản lý vụng về bằng chủ nghĩa khắc kỷ. "Sự bình đẳng hai người mặc chung một quần", theo cách nói dí dỏm của Nikita Khrusov, làm cho con người trở nên hẹp hòi, họ căm ghét kẻ nào sống sướng hơn họ. Người biết sống phải đạo muốn ăn thịt gà phải đi chợ xa để mua, lén lút mang về, lén lút vặt lông, lén lút ăn rồi lén lút đem lông đi đổ. Lòng ghen tị hiện hình thành những lá đơn tố cáo nồng nặc mùi cản giác cách mạng.

Những ông Bao Công vừa thoát nạn mù chữ nhảy vào cuộc.

Thành bị bắt. Cả ông đại tá danh tiếng cũng bị tống giam.

Trong quá trình điều tra, phía quân đội xác nhận hợp tác xã thực hiện đúng hợp đồng về mọi mặt - thời hạn, số lượng và chất lượng sản phẩm. Kèm theo, có biên bản giám định của Viện kỹ thuật quân sự. Mặc, họ bị buộc tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa, bị giam hết tháng này qua tháng khác, rồi năm này qua năm khác.

Thành ôm mối hận trong lòng. Theo thói quen của người thợ, anh dùng vật liệu đúng chỗ của nó. Thay vì Nhà nước phải nhập thêm một lượng thép làm trục xe trâu thì nay không phải nhập nữa. Những đoạn thép ngắn bỏ đi đã được tận dụng. Số trục xe trâu có đủ cho sản xuất, nhu cầu vận chuyển được đáp ứng.

Ông đại tá ý thế có công với cách mạng, là bạn của ông thủ tướng, và cái chính là ông tin lẽ phải thuộc về ông, nhất quyết không chịu nhún mình trước bọn chấp pháp.

Nhưng tội nghiệp cho ông. Ông thủ tướng bạn ông ngoảnh mặt đi. Ông là thủ tướng, ông muốn cho mọi người biết ông không bao giờ nể tình riêng mà vượt qua phép nước, cho nên ông không can thiệp.

Ông đại tá bị đôn lên làm đầu vụ, sẽ bị xử nặng nhất. Chuyện ấy làm cho Thành buồn phiền. Theo anh, các nhà làm án lầm - tội của anh mới là tội nặng. Chính anh đã đề xướng việc làm về sau này bị coi là "phạm pháp".

Không rõ rồi Thành lĩnh án bao nhiêu năm? Tôi hi vọng người ta sẽ tỉnh ra để không hành hạ những con người khốn khổ. Khi tôi rời Hỏa Lò Thành vẫn còn đó.

- Cậu có nghe thấy gì không? - Thành vội nhởm dậy, hỏi tôi.

Tôi lắng nghe. Có một tiếng xào xác mơ hồ vẳng vào xà lim.

- Hình như chuyển trại. - anh nói.

Tai Thành thính hơn tai tôi. Đến lúc ấy tôi mới nghe tiếng người lao xao, tiếng dép lạt xạt trên mặt đường.

Một lát sau có tiếng xe vận tải nặng nổ máy, một chiếc rồi hai chiếc, ba chiếc. Tiếng người rộ lên một lát, sau đó đêm lại trở về yên lặng.

Thành cục cựa trở dậy làm điếu thuốc lào. Mặc dầu kế hoạch của anh chặt chẽ, nhưng gấp điều suy nghĩ là nó liền bị vi phạm.

- Họ chở tù đi đâu?

- Đi trại. Tết đến nơi rồi.

- Tết thì liên quan gì đến chuyển trại?

Thành nhìn tôi. Khi nào anh mải suy nghĩ, không muốn trả lời thì cái nhìn của anh không ấm áp.

- Trước những ngày hội lớn, ngày Tết, bao giờ người ta cũng chuyển tù Hỏa Lò đi để lấy chỗ giam tù mới. Đủ loại: lưu manh, trộm cắp, ngụy quân, ngụy quyền, đĩ điếm, tình nghi phản động... Tất cả gom trong vài ngày, sau đó mới phân loại, đám đưa đi tập trung cải tạo, đám qua Tết cho về. Giam hết lấy chỗ đâu mà chứa!

- Bắt người thế thì tùy tiện quá.

Thành liếc xéo tôi, không buồn trả lời.

- Tôi cứ tưởng bắt một con người là phải qua nhiều thủ tục luật pháp, hóa ra không phải. Anh đừng cười tôi - chẳng riêng tôi, tất cả bọn nhà báo chúng tôi đều thông manh hết, đều bị bắt mất hết, chúng tôi chỉ nhìn thấy một phía của cuộc sống.

Thành hút thêm điếu nữa.

- Anh lo chuyển trại à?

- Việc gì mà lo. Người ta không cho chuyển trại trong khi chưa có án đâu. Được chuyển trại còn phải lấy làm mừng ấy chứ. Năm xà lim là cực kỳ hại cho sức khỏe.

Tôi thở dài.

- Chẳng biết bao giờ tôi mới ra khỏi xà lim...

Thành nhún vai:

- Họ xử sớm thì ra sớm. Họ xử muộn thì còn phải nằm... Một năm, hai năm không chừng.

- Nếu họ không xử thì sao? - tôi nhởm dậy.

- Sao lại không xử?

Ngần ngừ một lát, tôi nói:

- Thế mà họ không xử chúng tôi đấy.

Đến lượt Thành ngạc nhiên:

- Bậy!

- Chấp pháp nói với tôi như vậy.

- Cậu là cán bộ tham gia kháng chiến chống Pháp thì phải xử chứ, nhất định thế. - anh nói bằng giọng quả quyết - Có một chỉ thị của Ban Bí thư Đảng nói về việc này rồi, rằng lệnh tập trung cải tạo không được áp dụng cho cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng Tám bốn mươi nhăm và cán bộ kháng chiến chống Pháp.

Tôi nhớ ra rồi. Chỉ thị đó tôi có được đọc. Bí thư chi bộ Hoàng Nguyên Kỳ thỉnh thoảng cho tôi xem một số chỉ thị và nghị quyết mới của Đảng, tất nhiên là những cái không bí mật, trong đó có một chỉ thị của Ban Bí thư về tập trung cải tạo. Lúc đó tôi không chú ý. Như vậy Thành cũng là đảng viên, mà không phải là đảng viên thường. Đảng viên thường không được nhận những chỉ thị loại như vậy.

- Họ nói vụ của chúng tôi nằm trong phạm trù mâu thuẫn nội bộ, tức là mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, nội bộ Đảng, nội bộ phong trào cộng sản quốc tế...

Thành cúi đầu suy nghĩ:

- Họ nói thế à?

- Ủ.

- Thế thì không lo. Nhưng... – anh ngập ngừng - Cũng chẳng biết được nó là thế nào đâu, rất có thể vì thế mà nó lại dằng dai cũng nên... Vụ án của cậu khó hiểu... Cậu bị bỏ tù hẵn hoi, sao lại gọi là mâu thuẫn nội bộ?

- Thì thế mới lạ!

Tôi quyết định nói cho Thành nghe những nét chính của vụ án chúng tôi. Tại sao lại không nói nhỉ? Tại sao lại phải nghe lời chúng nó để giấu giếm cho chúng nó cái mà chúng nó muốn giấu giếm?

- Thế ra cậu bị cùng với các ông Hoàng Minh Chính, Đặng Kim Giang. Và cả ông cụ cậu nữa?

Tôi gật đầu.

- Hồi mới vào chắc cậu nghĩ tôi là chỉ điểm?

- Chắc có sở cứ nào để nghĩ như vậy. Nhưng vẫn phải cảnh giác. Anh không trách tôi chứ?

Anh buồn rầu:

- Có gì mà trách. Cảnh giác là đúng thôi.

- Họ không cho anh biết tôi là ai?

Tôi thấy một chút lưỡng lự, rất nhỏ, trong khoảng cách giữa câu hỏi và câu trả lời.

Tên tù binh Mỹ đã ngủ yên. Hoặc đã chết. Tôi không nghe thấy bất cứ tiếng động nào từ phía xà lim của anh ta nữa.

## 24

Tôi bị cả Huỳnh Ngự, cả Hoàng, bỏ quên suốt tuần lễ cuối năm âm lịch.

Thành rầu rĩ. Anh nhớ vợ nhớ con. Đã lâu không nhận được thư nhà, anh lo lắng, không hiểu có chuyện gì xảy ra cho cái gia đình bé nhỏ của anh, nó đang phải chịu những cơn sóng gió nào? Mà sóng gió thì bao giờ cũng sẵn cho những gia đình bất hạnh có người thân ở tù.

Thành buồn làm tôi buồn lây. Gia đình Thành gấp khó khăn một thì gia đình tôi ắt khó khăn mươi. Anh đã ra làm hợp tác xã thì chắc chắn kinh tế gia đình anh phải khá hơn những gia đình còn làm cho nhà nước. Vợ tôi sẽ gặp nhiều gian nan lắm đây, gian nan như thế nào tôi không hình dung được, nhưng đó là điều nhất thiết sẽ xảy ra, không thể không xảy ra<sup>1</sup>.

Không khí Tết luồn vào tận trong các xà lim. Tết đối với người Việt ở nơi nào cũng vẫn là Tết, cho dù họ đang ở dưới đáy vực cuộc đời. Thông thường, vào những ngày giáp Tết, ở xà lim hay ở trại chung cũng vậy, người tù nhận được "quả "tắc" đậm", nghĩa là quà tiếp tế lớn hơn, nhiều thứ hơn so với trong những lần tiếp tế bình thường. Trong ngày Tết, đối với tù người ta khoan dung hơn, độ lượng hơn. Tù kỷ luật được tha cum, ai bị cắt tiếp tế nay được phép nhận trở lại.

Tết mà!

Người tù xà lim thiếu thốn đủ thứ, thèm khát đủ thứ, cái gì đối với anh ta cũng quý, cũng là cái mơ ước, thành thử biết gia đình mình chẳng sung túc gì anh ta vẫn cứ ngóng đợi tiếp tế như thường. Tiếp tế trong dịp Tết lại càng quan trọng, bởi vì hơn mọi đợt tiếp tế bình thường nó chứng tỏ lòng thương nhớ của người bên ngoài. Lòng người tù dịu đi khi ôm bọc tiếp tế trong tay, anh ta xúc động ăn những món ngon lành, hợp khẩu vị do mẹ mình, vợ mình, con mình nấu cho, anh ta sung sướng thấy mình không bị bỏ rơi.

Khu xà lim chúng tôi nhộn nhịp hắn lên. Nói nhộn nhịp là nói phóng đại lên cho vui, chứ nó là cái sự nhộn nhịp không ồn ào, cảm thấy được chứ không nghe thấy được. Cái khác ngày thường là ở

<sup>1</sup> Ban Tổ chức Trung ương không quên trấn áp gia đình những người bị bắt trong vụ "Nhóm xét lại chống Đảng". Sau khi tôi bị bắt vài tháng, vợ tôi đang làm việc ở Viện quy hoạch thuộc Bộ Kiến trúc thì bị đột ngột chuyển công tác tới Ty Kiến trúc Hà Sơn Bình (tỉnh gồm ba tỉnh cũ: Hà Nam, Sơn Tây, Hòa Bình). Hàng ngày vợ tôi phải đạp xe đi về 40 cây số để trông nom các con nhỏ. Các em tôi không được phép thi vào đại học, trừ một cô được thi vào Đại học Thư viện sau khi mẹ tôi đấu tranh rất dữ với Lê Đức Thọ.

chỗ chốc chốc lại có cửa mở ra, đóng vào, nhát nhát lại có tiếng chân người rậm rịch đi về trong yên lặng tịch mịch muôn thuở của nhà mồ. Đó là tù đi gặp gia đình, đi linsk tiếp tế.

Trong những ngày giáp Tết hiếm có trường hợp tù đi cung. Những người tù xà lim lợi dụng cán bộ quản giáo lơ là - ai mà chẳng bận bịu với gia đình mình khi năm hết Tết đến - làm hiệu cho nhau ở ô cửa kiểm tra, thậm chí thậm thụt gọi với sang nhau, hỏi thăm nhau vài câu. Vắng tới tận xà lim tiếng dao thớt rộn ràng.

Tôi biết chắc sẽ chẳng nhận được quà gia đình, kể cả thư. Tôi là người mất tích mà. Gia đình tôi chắc chắn không được báo tin tôi ở đâu.

Cuối cùng Thành rồi cũng được gọi ra. Loáng sau anh đã về, lỉnh kỉnh gói bọc.

Mặt hầm hầm, Thành quăng cả đống lên phản.

- Sao thế?

- Chúng nó cho nhận tiếp tế, nhưng không cho gặp gia đình.

Lần đầu tiên tôi thấy anh gọi công an bằng chúng nó.

- Mọi khi anh vẫn được gặp mà.

- Lần này không.

- Lý do?

- Chúng nó chẳng lý do lý trấu gì hết. Không cho là không cho.

- Ít nhất thì chúng nó cũng phải cho biết vì sao chứ. Anh có bị kỷ luật gì đâu?

- Chúng nó không giải thích.

Thành nambi vật ra, tay vắt trên trán.

Tôi đành phải thu dọn đồ tiếp tế cho anh. Bọn mất dạy. Cái bánh mì bị bẻ thành nhiều mẩu. Thịt kho tàu đổ lẫn với ruốc. Kẹo nhiều, chúng không bóc hết, chỉ bóc một số ngẫu nhiên. Những cái kẹo không còn giấy bọc nhơm nhớp dính vào nhau. Cứ nghĩ đến những bàn tay nhơ bẩn đã lục lọi mà tỳm.

Đêm, Thành không ngủ. Tôi cũng thao thức. Khi tôi nói có lẽ do tôi ở cùng anh cho nên chúng khám kỹ, lại không cho anh gặp gia đình, thì Thành im lặng hồi lâu.

- Đừng nghĩ lầm cẩm. - anh gạt đi - Tôi có được chọn người ở cùng đâu. Cậu cũng vậy. Chúng nó cho tôi ở cùng cậu chứ không ở cùng một tên cướp của giết người là tôi đã phải cảm ơn chúng nó rồi.

Chiều 30 Tết, tưởng không còn ai được gọi ra nữa, tôi đang ngồi đánh cờ với Thành thì cửa xịch mở, Sứ giả hòa bình ngoắc ngoắc tay gọi tôi ra đi cung.

Trời rét. Xoa xoa hai tay vào nhau, người cóm róm để chống lại cái lạnh cắt da ở miền Bắc, Huỳnh Ngự run rẩy đón tôi ở cửa. Trong bộ dạ đen Tôn Trung-son làm cho nước da đã tái càng thêm tái, trông y giống một công chức nghèo trong những phim nói về thời kỳ tiền cách mạng Trung Quốc.

- Ở trống ra sao, đủ ấm chớ? Bữa ni rét dữ, hè?- y vui vẻ và run rẩy hỏi tôi thay lời chào.
- Cảm ơn, tôi chịu được. - tôi đáp, lịch sự vừa đủ, không lạnh nhạt mà cũng chẳng nhiệt tình.

Chúng tôi lắng lặng ngồi đối diện trong tuần trà. Trời rét, uống trà nóng thật đã. Tôi bắt gặp trong tôi nỗi thèm muốn thật đơn sơ, thật khiêm tốn - được nhàn安然 uống trà như thế này mỗi ngày.

- Bữa ni tui gọi anh ra là để thay mặt cơ quan chúc Tết anh.

Yên vị rồi, Huỳnh Ngự cất giọng trịnh trọng:

- Chúc anh chi bây chừ, hỉ? Hè hè, tôi chúc anh cải tạo tốt để mau chóng trở về trong lòng Đảng...

Nghe đến "cải tạo tốt" tôi đã sôi máu, nhấp nhổm định phản bác. Huỳnh Ngự vội xòe bàn tay gầy guộc ra ngăn lại:

- Tôi nói thế có đúng không: mỗi chúng ta, hàng ngày, hàng giờ phải tự cải tạo mình để theo kịp bước tiến vũ bão của cách mạng, để đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của cách mạng...

Xem ra y cũng vụng chèo khéo chống chằng kém gì tôi.

Y rút bao Thăng Long, mời tôi một điếu. Tết có khác.

- Nhân dịp đầu Năm Mới cơ quan gửi cho anh chút quà mừng Xuân.

Cơ quan tôi gửi quà cho tôi ư? Anh em tự động hay công an gợi ý? Và người ta lại còn cho tôi nhận nữa chứ?

Huỳnh Ngự lúi húi lấy quà Tết đặt lên bàn, ngay trước mặt tôi - bánh chưng, hộp mứt, gói kẹo... Lúc ấy tôi mới để ý - đằng sau bàn làm việc là một ghế ngựa, trên đó xếp hàng chồng quà khác, giống hệt phần quà cho tôi. Thế thì không phải quà của cơ quan tôi rồi.

- Anh em trong cơ quan chẳng có gì hơn đâu - Huỳnh Ngự nói bằng giọng phân trần - tụi tui cũng như anh thôi, mỗi người một bánh chưng, một hộp mứt, một gói thuốc, một gói trà...

Tôi không hiểu y nói cơ quan nào ?

Vào những năm ấy cơ quan lo cho cán bộ, công nhân viên tiêu chuẩn Tết cũng đến thế là cùng. Mà ấy là cơ quan Trung ương, chứ cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện tiêu chuẩn Tết còn thanh đạm hơn nhiều.

Có nên nhận hay không, tôi nghĩ?

Không thấy Thành nói tới lệ trại giam có quà Tết cho tù.

Lại “đặc biệt” rồi, khốn nạn là thế. Các anh không phải là tù như các loại tù khác. Các anh là cán bộ mắc sai lầm, Đảng bao giờ cũng nhớ tới công lao của các anh, Họ vẫn nhai nhải thế đấy. Hãy yên tâm mà ở tù, để được xúc động trước tấm lòng ưu ái Đảng dành cho.

Sau vài giây suy nghĩ, tôi quyết định nhận quà. Những thứ này đâu phải của chúng nó, của nhân dân cả, tội gì không lấy. Tôi không lấy, Huỳnh Ngự sẽ lấy, hoặc đàn em y sẽ lấy, chắc chắn thế. Tôi đã dùng quá nhiều đồ tiếp tế của Thành. Có gì gia đình gửi vào cho anh, anh cũng xé cho tôi. Tôi có một chút góp vào vẫn hơn.

- Tôi xin cảm ơn cơ quan Công an đã cho quà...

- Không, không phải quà của cơ quan Công an. - Huỳnh Ngự bối rối cải chính - Đây là quà của Ban Tổ chức Trung Ương.

- Thế thì tôi xin cảm ơn Ban Tổ chức Trung Ương.

- Anh không chúc lại à?

- Có chứ. - tôi lạnh lùng - Tôi chúc Ban Tổ chức Trung Ương mau chóng xem xét và giải quyết vụ án của chúng tôi một cách công minh, chính trực, cho hợp pháp, hợp hiến... Và nhanh hơn. Ít nhất thì cũng đúng với tinh thần và lời văn những gì tôi đã được nghe phổ biến.

Mặt Huỳnh Ngự đanh lại. Tôi không hiểu lúc ấy y đứng ở cương vị nào, người của Bộ Nội Vụ hay của Ban Tổ chức Trung Ương, hay của cả hai cùng một lúc?

Tôi về. Huỳnh Ngự giữ lại gói trà, nói trong xà lim không có nước sôi, tôi sẽ dùng sau, trong những lần ra làm việc.

Thành vui vẻ đón tôi:

- Có quà nhà gửi vào à?

Đợi cho cửa xà lim đóng lại, tôi mới trả lời:

- Quà nhà đâu. Họ cho đấy.

- Ai? Ai cho?

Tôi kể cho anh nghe chuyện Ban tổ chức Trung ương gửi cho chúng tôi quà Tết.

Chúng tôi ăn một bữa vui vẻ. Trong xà lim không thể để dành thức ăn. Chuột xà lim rất hỗn. Thành tinh thức, một tiếng động nhẹ đủ làm anh bật dậy, thế mà có đêm anh mới ngủ quên một lát chuột đã mò lên cắn thủng cái áo bông anh bọc gói bánh quy.

Trong nhà tù, chuột là một thú cư dân hết sức đáng ghét. Chúng chẳng nể ai. Có điều, trải qua nhà tù tôi mới thấy mình cần phải thay đổi cách nhìn đối với các sinh vật. Chẳng hạn, chuột không ngu như ta thường nghĩ. Chúng cực kỳ lúu cá, tôi dám đánh cuộc như vậy.

Tôi xin kể chuyện này làm thí dụ. Xà lim Hỏa Lò kín lầm, gió vào còn khó, nhưng chuột thì lại ra vào thoái mái. Lối vào của chúng là lỗ thoát nước ở chân tường. Từ xà lim được phát mỗi người một bô, nhưng người tù xà lim thường lười, té luôn vào lỗ ấy. Người sạch đi tiểu xong thì dội nước (nếu anh ta có nước trữ), người bẩn thì không. Thành kế khi anh mới bị đưa vào phòng này, mặc dầu nó đã được quét dọn, mùi khai thối vẫn nồng nặc, đêm không ngủ được. Anh phải lợi dụng lúc đi đổ bô buổi sáng lấy nước cọ rửa nhiều lần phòng mới được như bây giờ.

Trong số chuột quen thói mò vào xà lim, chúng tôi căm thù nhất con chuột già. Tôi sẽ phải kể riêng về nó khi có dịp, con chuột kinh khủng ấy. Nó già cốc đế, già đến nỗi lông bạc phếch và rụng từng mảng, cóc cáy. Chúng tôi đã tổ chức nhiều cái bẫy bằng mọi thứ có trong tay người tù để diệt nó, nhưng lần nào chúng tôi cũng thất bại, lần nào nó cũng thoát hiểm như thể nhờ phép lạ. Thế mà những người tù lâu năm, đã qua nhiều trại, nói rằng chuột Hỏa Lò chưa là cái gì. Chuột ở những trại khác còn tệ hơn.

Mấy ngày Tết là mấy ngày chúng tôi được ăn no. Suất cơm ngày thường ăn vèo cái đã hết. Suất ăn ngày Tết có buồng còn để thừa. Trong những ngày đầu tiên rơi vào đây, tôi không thấy đói, nhưng sau chừng một tháng thì đói không chịu được. Thành nói khi mới vào người tù không thấy đói vì hai lý do: thứ nhất, nỗi lo lắng cho số phận làm tê liệt mọi cảm giác; thứ hai, trong người còn một số năng lượng dự trữ. Trong tôi lực lượng dự trữ chắc cũng khá, bắt đầu từ tháng thứ hai trở đi tôi mới thấy cái dạ dày luôn nhắc tôi nhớ đến nó.

Trong cái chuồng chật hẹp người tù không thể kiểm nổi bất cứ một thứ gì khả dĩ bỏ bụng, cho dù bản năng kiểm mồi chưa thuần chột. May cho tôi, đúng vào lúc ruột gan cồn cào nhất Thành lại giờ kho thức ăn dự phòng ra rủ tôi cùng ăn, khi cái bánh quy, khi mẩu đường phên. Thành đúng là thuyền trưởng gang thép của con tàu mắc cạn trên hoang đảo - anh chỉ tự cho phép mình dùng chút một trong số lương thực ít ỏi mà anh có, hào phóng chia sẻ cùng tôi. Tuy nhiên, đề phòng tôi không chống nổi sự cảm dỗ, anh cất nó rất kỹ, tận trong cùng bọc quần áo, thậm chí khi bất thình lình bị gọi đi cung anh còn kín đáo đánh dấu đồ đặc. Sau thấy tôi là một thủ phủ có kỷ luật, anh mới thôi dè chừng. Tôi buồn vì chuyện đó, nhưng suy đi nghĩ lại, tôi thấy anh đúng. Trong xà lim con người đánh mất mình như bỡn. Thành từng ở chung với một anh chàng cán bộ cấp bậc không đến nỗi xoàng, nhưng ăn vụng như chảo chớp.

Chẳng cứ tù mới đói. Chính sách kiểm soát dạ dày của người dân là một chính sách nhất quán của các triều đại tổng bí thư mà tôi sống qua. Dân no thì hổng, dân đói dễ trị. Cho nên, người dân bao

giờ cũng phụ thuộc họ bởi nhiều sợi dây tam cố, mà sợi dây chủ yếu trong giai đoạn đó là chính sách lương thực, thể hiện rõ nhất trong phiếu gạo. Người nông dân làm ra thóc gạo, được bao nhiêu phải bán cho Nhà nước. Sau khi làm nghĩa vụ xong có thừa chút đỉnh đem bán ra ngoài cũng phải bán chui, bởi vì như thế là vi phạm chính sách lương thực.

Lớp cán bộ ở thành phố sống trông vào phiếu gạo. Nhà thơ Quang Dũng<sup>1</sup> to lớn gấp đôi tôi, chỉ được hưởng phiếu gạo 13,5kg/tháng, trong khi tôi còn được phiếu 15kg, tiêu chuẩn phóng viên. Nói tóm lại, tác giả những bài làm nức lòng quân sĩ một thời chẳng được ưu đãi gì hết. Anh than thở: "Lắm bữa mình ngon miệng, bà vợ thương quá, cứ xói cho liên chi hồ điệp, mình thì cứ hồn nhiên xơi mõi, chẳng biết là mấy bát. Sực nhớ ra, mới vội dừng lại. Chao ôi, nhìn các con mà thẹn. Cứ như thể mình ăn thâm vào phần chúng nó vậy". Anh gặp may trong một lần đi thăm nhập thực tế ở Thái Bình với mấy nhà lãnh đạo Tổng cục Lương thực, vào năm 1960 hoặc 1961 gì đó, tôi không nhớ chính xác. Trong một bữa chiều đãi, thấy anh làm liền tù tì mười bát cơm mà vẫn còn tỏ vẻ thòm thèm, ông cán bộ Tổng cục mới hỏi anh ăn được như vậy thì tiêu chuẩn anh bao nhiêu. Khi biết Quang Dũng chỉ được 13,5kg, ông thương tình, ra lệnh đặc biệt cho anh được đổi sang tiêu chuẩn nhận phiếu 21kg. Cho anh tiêu chuẩn cao hơn nữa ông không có quyền. Quang Dũng kể chuyện này cho tôi nghe, cười hì hì: "Bình thường mình cũng chẳng ăn nhiều đến thế đâu, ăn ít quen dạ rồi, nhưng hôm đó phải ra sức biểu diễn một đường hào hùng cho các vị thấy. Mới được cái phiếu 21 ký ấy chứ". Tôi hỏi nếu thả cửa anh ăn được bao nhiêu bát, anh nói cái đó còn tùy thức ăn nhiều hay ít, ngon hay không ngon, và khổ chủ nào dám liều mạng thết anh một bữa ăn mặc sức như thế.

Dù có thể ăn no trong mấy ngày Tết Thành vẫn cương quyết hạn chế cả hai: "Ăn ở đây mà bội thực còn khổ nữa. Không thể "Báo cáo ông quản giáo, cho tôi xin thuốc tiêu!". Họ không cho thì chớ, còn nheiếc móc cho đã đời, vuốt mặt không kịp. Trong mấy ngày đầu năm đã xảy ra chuyện đúng như vậy. Chúng tôi nằm dài trên phản nghe tiếng quản giáo Hách sang sảng dạ bão đầm tù khốn khổ chỉ vì tội hạnh phúc đến với họ quá dồn dập và họ không chống cự nổi sự cám dỗ quá mạnh mẽ. Tiếng người nói to trong xà lim im ắng âm âm như tiếng cha xứ giảng đạo trên tòa cao nơ giáo đường.

Chúng tôi choàng tỉnh giữa đêm khuya vì tiếng loa quá lớn. Vang vang giữa những trào sóng giao thưa là tiếng phát thanh viên đọc thơ chúc Tết. Đã thành lệ, năm nào Tết đến dài Tiếng nói Việt Nam cũng truyền đi thơ chúc Tết của chủ tịch Hồ Chí Minh. Còn nhớ Tết năm trước gia đình chúng tôi quây quần bên ban thờ tổ tiên, thoảng trong khói pháo giao thưa có mùi hoa thủy tiên, hoa huệ, cha tôi lầm rầm khấn khứa, mẹ tôi đứng sau, sau nữa là chúng tôi, bên ngoài nhà chúng tôi là cả một Hà Nội rầm ran tiếng pháo, tiếng quốc thiều, giọng sang sảng của người đứng đầu cả nước bay trong sóng điện.

<sup>1</sup> Quang Dũng, tên thật Bùi Đình Dậu, tức Diệm (1921-1988), nhà thơ quân đội thời kháng chiến chống Pháp, nổi tiếng với những bài thơ Tây Tiến, Đôi Bờ, Mắt Người Sơn Tây, Mây Đầu Ô, Cô Hàng Cà Phê ...

Tết năm nay gia đình tôi tan tác. Cha tôi đêm nay nằm ở xà lim nào, trong cơn đau không người chăm sóc? Mẹ tôi chắc đang lặng lẽ chảy nước mắt thương chồng thương con. Còn cái gia đình nhỏ của tôi nữa, giờ này chắc vợ tôi đang ôm hai đứa nhỏ trong lòng, đang sụt sùi khóc cho đời mình và cho hai đứa con còn nhỏ đã mất cha?

Nhờ Đảng gỡ hộ cho tôi cái màng ảo tưởng, lần đầu tiên trong đời tôi thấy mắt mình nhìn sự vật sáng rõ đến thế. Tất cả tuột hết vỏ hào hoáng bে ngoài, lớp vàng mạ bong ra, phơi bày hình thù thật của chúng, trần trụi, lõa lồ dưới ánh mặt trời.

Cũng nhờ Đảng tôi trút bỏ được niềm sùng kính đối với ông Hồ Chí Minh. Tại sao tôi lại có thể mê muội đến thế nhỉ? Ông làm sao yêu được đồng chí khi người làm việc sát cánh cùng ông trong những năm khó khăn bị Lê Đức Thọ bắt giam mà ông vẫn điềm nhiên không hề can thiệp, dù chỉ để tìm hiểu ngọn nguồn?

Trước khi bị bắt, đầu tháng 12 năm 1967, tôi có gặp ông Hoàng Quốc Thịnh, bộ trưởng Bộ Nội thương. Ông Thịnh kể mới đây ông vào Chủ tịch phủ báo cáo với ông Hồ Chí Minh về công tác thương nghiệp. Ông hỏi ông Hồ chuyện cha tôi vì sao bị bắt thì ông Hồ ngơ ngác, hoặc làm bộ ngơ ngác: "Tại sao lại bắt chú Huỳnh? Chú ấy làm chi mà bắt?". Trong tình bạn với cha tôi, Hoàng Quốc Thịnh là người chung thủy. Ông im lặng, như mọi người hồi đó đều phải im lặng trước Lê Đức Thọ, nhưng từng hoạt động với cha tôi quá lâu, từng ở tù cùng cha tôi, ông không thể tin những lời bịa đặt của Thọ. Trước khi gặp ông Hoàng Quốc Thịnh, ông Hồ không biết cha tôi bị bắt? Hay ông biết mà giả vờ không biết? Giả thử ông không biết thật thì nghe ông Hoàng Quốc Thịnh nói rồi ông phải biết chứ. Biết rồi, nhưng ông cũng có làm gì đâu. Sự thật ở chỗ nào? Ông Hồ bị tước bỏ mọi quyền hành hay ông còn quyền hành nhưng ông làm ngơ?

Trong xà lim tôi có thừa thời gian để suy ngẫm. Trong những điều tôi suy ngẫm, có sự rà soát lại bệnh sùng bái ông Hồ Chí Minh mà thế hệ chúng tôi, kẻ ít người nhiều, đều mắc phải.

Chúng tôi sùng bái ông bởi đạo đức vô song của ông. Chúng tôi nhìn ông như người tốt nhất, đẹp nhất, trong mọi người. Ông là người duy nhất rũ sạch được mọi toan tính cá nhân để chỉ sống cho Tổ quốc, cho đồng bào. Không gia đình, không tài sản, không công danh.

Đó là những gì ngành tuyên truyền nói về ông. Nói hằng ngày, nói ra rả, năm này qua năm khác, ở bất cứ nơi nào, với bất cứ ai muốn nghe hay không muốn nghe.

Nhưng hóa ra ông không phải là người như thế.

Người ta ca ngợi ông Hồ ông đi sâu đi sát, việc nhỏ việc lớn đều được ông để mắt đến, không có gì cần phải giải quyết mà ông bỏ qua.

Vậy những gì đã xảy ra dưới thời ông trị vì? Đã có bài học Giảm tô Giảm túc, tại sao còn có sai lầm Cải cách ruộng đất và Chính đốn tổ chức làm chết bao nhiêu người vô tội, bao nhiêu gia đình tan hoang? Tôi không có mặt trong thời kỳ cuộc cải cách ruộng đất được tiến hành, nhưng năm 1956

tôi có dịp đi khắp miền Bắc, được nghe rất nhiều nhân chứng của cái tội ác ghê gớm này, tôi không hiểu nổi tại sao người với người lại có thể tàn ác với nhau đến thế<sup>1</sup>?

Chẳng lẽ người thông minh như ông lại không biết vụ Nhân văn - Giai phẩm là do Trưởng Chinh dựng nên để chạy tội, bức hại nhiều văn nghệ sĩ có tâm huyết với dân tộc, từng theo ông suốt cuộc kháng chiến chống Pháp?

Và còn bao nhiêu việc khác nữa.

Tôi nghĩ ông phải biết. Tôi tin chắc rằng ông biết.

Cha tôi kể: ông Hồ rất chăm đọc báo chí hàng ngày, ai đến làm việc với ông cũng được ông hỏi han đủ chuyện, chẳng lẽ ông không biết gì về việc vừa xảy ra? Tôi nhớ một hôm cha tôi đi gặp ông trở về, bảo tôi: "Con vừa viết cái gì mà hôm nay bố đến chơi, Ông Cụ kêu "Thằng Hiên viết truyện trên tờ Văn Nghệ, nó định nói cái chi tôi không hiểu". Thì ra đó là ông Hồ đã đọc truyện ngắn Đêm Mất Ngủ<sup>2</sup> của tôi trên tờ Văn Nghệ mà chính cha tôi chưa đọc. Một việc cỏn con như thế ông còn biết nữa là.

Tôi từng là một trong những đứa cháu gần gũi của ông trong những năm đầu cách mạng. Những ngày ông phải lẩn trốn bọn Tàu Tưởng, luôn thay đổi chỗ ở, ông từng ngủ ở nhà tôi, hai bác cháu chung giường. Mẹ tôi lo lắng cho sức khoẻ ông, bà thường làm các món tẩm bổ cho ông ăn khi ông mới từ chiến khu về Hà Nội, cha tôi phải xách cặp lồng vào Bắc bộ phủ hàng ngày cho ông, chẳng lẽ ông không nhớ?

Ai cũng biết cho dù ông không còn xử lý công việc hàng ngày mà giao hết cho đàn em, nhưng nếu ông nói "không được" thì chắc chắn bọn Duẩn - Thọ sẽ phải chùn bước trước việc bắt bớ hàng loạt người vô tội, trong đó có những người từng giúp rập ông làm nên sự nghiệp.

Nhưng ông im lặng.

<sup>1</sup>Người ta thường ước đoán có khoảng 15.000 người bị giết trong cải cách ruộng đất. Bernard Fall (1926-1967), được coi như một nhà phân tích khách quan về Đông Dương, đưa ra con số 50.000. Nếu tính tổng số xã đã Cải cách ruộng đất là khoảng trên 3.000, mỗi xã có trung bình một hoặc hai người bị bắn (ít có xã mà số người bị bắn lên tới ba hoặc bốn, năm người) thì số người bị giết (kể cả trong cái gọi là Chính đốn Tổ chức trong nội bộ Đảng) có thể phỏng chừng từ 10.000 đến 12.000 người. Số người chết do những nguyên liệu quan trực tiếp cũng như gián tiếp tới cải cách ruộng đất chắc chắn lớn hơn nhiều. Theo số liệu về Cải Cách Ruộng lợt ra từ kho tư liệu nội bộ ĐCSVN (2005) thì: Cải cách ruộng đất đã được thực hiện 8 đợt giảm tô, 5 đợt Cải cách ruộng đất tại 3.314 xã, với 10 triệu dân, số địa chủ được phân định là "cường hào gian ác" bị quy sai là 77%; số địa chủ thường bị quy sai là 66%; tổng cộng tỷ lệ quy sai (gồm cả địa chủ kháng chiến, phú nông) là 71,66%. Tỷ lệ địa chủ quy định phải tìm ra bằng 5,68% dân số là một con số hoàn toàn duy ý chí. Bản thống kê này không hề nói tới số người bị giết. Chẳng bao giờ chúng ta biết được con số chính xác những nạn nhân của Cải cách ruộng đất nếu không có một cuộc điều tra khoa học, không thiên vị.

<sup>2</sup> Báo Văn Nghệ, 1961.

Bây giờ tôi mới hiểu: thì ra con người đối với Hồ Chí Minh chẳng là cái gì. Ông mơ thấy “cưỡi rồng lên thượng giới”, ông thấy “sao vàng năm cánh mộng hồn quanh”<sup>1</sup> Con rồng, ai cũng biết, là biểu tượng của nhà vua. Ông mơ thấy ông cưỡi nó thì ông đâu phải là một người trong chúng ta. Than ôi, lũ dân thường chúng ta làm gì có những giấc mơ như thế. Chúng ta chỉ mơ thấy cưỡi trâu, cưỡi bò, cưỡi ngựa. Sang lăm thì cưỡi bình bịch là cùng. Lẽ ra tôi phải hiểu sớm hơn mới phải: bác Hồ của tôi từ lúc đang phải sống lẩn lút để làm cách mạng đã ôm ấp mộng ước làm vua. Ông có chí lớn để thực hiện nó. Và ông đã thực hiện được.

Con người là vốn quý nhất, tôi từng nghe ông nói với mọi người trong lần ông tiếp anh hùng La Văn Cầu ở Thác Dỗng, mùa thu năm 1950.

Stalin cũng nói thế. Mao Trạch Đông cũng nói thế.

Mà đúng: con người chỉ là vốn thô, để sử dụng vào việc kinh doanh cái gì đó. Khi là vốn, nó thô là Người.

Trong hành xử ông là một diễn viên kỳ tài, như sau này tôi được biết. Cha tôi có kể chuyện khi đi thăm bức tường công xã Paris ở nghĩa trang Père Lachaise, năm 1946, có các quan chức lễ tân Pháp tháp tùng, ông Hồ sụt sùi khóc, lấy khăn tay thấm nước mắt. Trở về khách sạn, cha tôi hỏi làm sao ông khóc được, ông trả lời: "Mình làm chính trị, khi cần khóc phải khóc được, khi cần cười phải cười được, mới làm chính trị được chứ". Cha tôi có ghi lại việc này trong hồi ký Tháng Tám Cờ Bay.

Một lần tôi quay cảnh ông thăm đồng bào nông dân ở Hải Dương, mùa hè năm 1957. Sáng sớm hôm ấy trời mưa to, trên đường còn lại những vũng nước lớn. Đến một đoạn đường lầy lội ông tụt dép, cúi xuống xách lên. Trong ống ngắm của máy quay phim tôi nhìn rõ hai bên vệ cỏ không bị ngập. Tôi chợt hiểu: ông không đi men vệ đường bởi vì ông muốn chưng đôn dép. Vì lòng kính trọng đối với ông, không muốn rồi đây người xem sẽ nhận ra trên màn ảnh lớn diễn xuất lộ liễu của ông, tôi tắt máy. Nghe tiếng máy Eymo 35 ly đang kêu xè xè đột ngột im tiếng, ông ngẩng lên nhìn tôi, nhưng ngay đó ông hiểu ra rằng tôi biết ông đang diễn xuất, mà diễn xuất kém, tôi mới không tiếp tục quay cảnh ấy nữa. Chứ không phải tôi không muốn quay. Có lẽ vì thế mà sau tôi thấy ông không bực bội với tôi.

Một thời gian dài, bằng nhiều thí dụ cụ thể trong cách xử thế của ông Hồ, người ta không ngót tán tụng tính cách bất thiệp của ông, nghệ thuật ứng xử tuyệt luân của ông, để rồi, trong khi học tập ông họ luyện cho mình thói quen đạo đức giả lúc nào không biết.

Tôi được đọc khá nhiều sách viết về Stalin, Mao Trạch Đông, Kim Nhật-thành, Ceaucescu... Mới thấy chúng ta còn may lăm - Hồ Chí Minh của ta hơn hẳn họ về mức độ nhân ái, nói cách khác, và

<sup>1</sup> Nhật Ký Trong Tù, Hồ Chí Minh.

nói cho đúng, ông thua xa họ về mức độ tàn bạo. Nếu không phải ông mà là họ, chắc chắn tấn bi kịch xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã lớn hơn nhiều. Và riêng tôi, hẳn đã đi tù sớm hơn, hoặc đã chết trong tù, nếu như không bị bắn tấp lự. Tôi cho rằng sự biết ơn kẻ có quyền giết mà không giết mình cũng là cái nên có trong lòng chúng ta.

Cuộc chia tay với thần tượng không nhẹ nhàng gì. Cần phải là người trong cuộc mới hiểu được chuyện đó.

Cái giá tôi phải trả cho cuộc chia tay đắt lắm. Nhưng tôi đã chia tay được.

Ông Hồ cũng có bi kịch của chính ông. Tôi hi vọng rồi đây sẽ có người viết về những bi kịch đó. Những bi kịch xảy ra khi ông còn trẻ, ở xa tổ quốc, sống trong thiếu thốn, trong sự khinh miệt của những đồng chí cộng sản cùng quê và khác quê, trong những mối tình dang dở... Những bi kịch khi ông về già, trong cuộc sống cô đơn, ngay trên đất đai quê hương.

Tôi rất muốn tin những gì người ta đã viết về ông là đúng. Đó là những mặt tốt của ông. Chúng có thể có thật, bên ngoài những tô vẽ. Ở đây tôi chỉ kể ra những gì tôi nhận xét trong mối quan hệ giữa ông và tôi, những ý nghĩ của riêng tôi về ông trong khi rà soát lại mối quan hệ với chủ thuyết ông mang về từ nước ngoài làm quà tặng cho dân tộc, trong đó có phần dành cho tôi.

Ông chỉ là một con người, như mọi người, với những cái tốt và những cái xấu, những mặt mạnh và những mặt yếu, mà mỗi cá thể người phải có. Chính chúng ta sai khi nhìn ông như thánh nhân.

Tôi nhớ năm 1946, tôi thường ra vào Bắc bộ phủ và được gặp ông Hồ Chí Minh nhiều nhất, do cha tôi làm việc và ở sát với ông. Đó là năm sóng gió nhất của chính quyền cách mạng. Nạn đói do thực dân Pháp và phát-xít Nhật gây ra giết chết hơn hai triệu người<sup>1</sup> để lại những hậu quả nặng nề. Ngoài Bắc quân Thưởng Giới Thạch tràn sang, trong Nam quân Anh-Ấn kéo vào, theo chân họ là quân đội Pháp lăm le chiếm lại Đông Dương màu mõ<sup>2</sup>. Những người Quốc dân đảng biểu tình, mít tinh, phát truyền đơn, bắc loa điện ở đường Quan Thánh ra rả suốt ngày chửi Hồ Chí Minh bán nước. Họ giết các chiến sĩ tự vệ thành, cả dân lành, rồi chôn trong một trụ sở ở nhà số 7, phố Ôn Như Hầu (nay là phố

<sup>1</sup> Vụ lúa 10. 1944 ở miền Bắc bị tàn phá nặng nề vì đê vỡ. Trong khi đó Pháp và Nhật thi hành một chính sách thu mua tàn bạo (giá thị trường 200 đồng Đông Dương một tấn lúa, chúng bắt dân bán với giá 25 đồng). Một số vùng bị Nhật bắt dân nhổ lúa tròng đay phục vụ nhu cầu chiến tranh. Con số 2. 000. 000 người chết là tôi viết theo con số được báo chí đưa ra, không phải con số thống kê.

<sup>2</sup> Tháng 9. 1945 tướng Dougles Gracey chỉ huy quân Anh-Ấn kéo vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến thứ 16 trở xuống phía Nam theo quy định của Hiệp ước Postdam (7. 1945). Dougles Gracey đã lấy vũ khí trước được của Nhật trang bị cho 1. 400 tù binh Pháp mới được thả ra và một đại đội thuộc trung đoàn thuộc địa số 5 (5è RIC) cộng với một số Pháp kiều hung hăng để bọn này tấn công cách mạng Việt Nam. Ngày 11. 10. 1945 ngoại trưởng Anh Ernest Bevin còn tuyên bố thừa nhận chủ quyền của Pháp tại Đông Dương (là điều hoàn toàn không được ghi trong Hiệp ước Postdam).

Nguyễn Gia Thiều). Họ bắt cóc rồi thủ tiêu ông Trần Đình Long, ông Nguyễn Văn Phúc, biệt hiệu Phúc ghẻ, cả hai là bạn tù Sơn La của cha tôi. Tôi cũng nghe nói có những vụ Việt Minh giết người của Quốc dân đảng, tuy bản thân chưa được thấy vụ nào. Nhưng tôi tin tất cả những sự kiện đó là có thật, cũng như sự kiện này là có thật: chính những người cộng sản đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Tháng Tám chứ không phải là một sự tranh công của các đảng phái khác như có một số tác gia đã viết. Các đảng phái này đã không lợi dụng được thời cơ để giành chính quyền do không có tổ chức tốt như đảng cộng sản.

Trong những ngày nước sôi lửa bỏng như thế, chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn điềm tĩnh ngồi trong phòng làm việc trên tầng hai Bắc bộ phủ. Ông như một thuyền trưởng can trường, bình tĩnh chỉ huy con tàu trong cơn bão.

Tôi còn nhớ cha tôi lo lắng thế nào khi ông Hồ Chí Minh bị Lư Hán và Tiêu Văn giữ lại trong lần ông thân tới hành dinh quân tiếp phòng Trung Hoa của tướng Chu Phúc Thành để đàm phán. Ông có bị giữ lại mấy giờ ở đấy thật. Nhưng bằng cách nào ông thoát hiểm thì ông không kể. Nghe cha tôi kể lại thì dường như ông doạ dẫm rằng nếu không thả Hồ Chí Minh ra thì không ai có thể thu mua lương thực cung cấp cho quân Tưởng như ông, mà đó là chuyện người Tàu đang lo lắng – những đoàn quân phù thũng đang rất cần được ăn no. Trở về Bắc bộ phủ, Hồ Chí Minh vẫn là Hồ Chí Minh - tự tin và ung dung, như không hề có chuyện gì xảy ra.

Ông làm việc với cường độ rất căng, thỉnh thoảng ông mới rời phòng để sang các phòng khác hỏi han, lấy tài liệu. Thấy tôi quanh quẩn ở đấy, ông gọi tôi vào phòng, giao cho tôi mấy mảnh giấy nhỏ để tôi chạy xuống đưa cho các chú các bác làm việc ở tầng dưới, hoặc đang chờ việc ở phòng cảnh vệ. Từ trong phòng làm việc của ông, bao giờ cũng tối bởi sàn lim và những đồ gỗ sẫm màu, tôi có thể nghe tiếng bánh xe hơi chạy rào rào trên sỏi. Hồ Chí Minh bỏ bàn viết chạy đến bên cửa sổ. Từ tay ông bay ra một mẩu giấy nhỏ. Nó đung đưa trong gió làm cho người đứng dưới vồ trượt nhiều lần. Vồ được, người đó vội vã đọc lướt qua, rồi nhảy lên xe, chiếc xe lại rào rào phóng thẳng ra cổng. Đó là ông ra lệnh chuẩn bị những kho muối cho cuộc kháng chiến chưa biết chừng xảy ra lúc nào. Từ sáng sớm ông đã gắt gỏng với ông Vũ Xuân Sắc<sup>1</sup> về chuyện này. Tôi nhớ rõ hình ảnh ấy và tôi nghĩ nó sẽ đắt trong một bộ phim nói về năm 1946 hào hùng.

Lúc đó ông Hồ Chí Minh còn là Bác Hồ tôn kính, Bác Hồ yêu mến của tôi.

<sup>1</sup> Ông Vũ Xuân Sắc làm công tác kinh tài cho Đảng ở Liên khu 3 trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Ông là người phụ trách công ty Nam Tiến đóng trụ sở tại huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình. Công ty Nam Tiến này cũng làm những công việc tựa công ty Bắc Thắng của ông Nguyễn Lương Bằng ở Tuyên Quang.

Ông mở đầu pho sử hoành tráng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chống lại chế độ thuộc địa toàn cầu, với tư cách một phong trào, chứ không phải cuộc đấu tranh của riêng một Việt Nam. Trận thắng Điện Biên phủ đã thổi vào lòng các dân tộc bị trị niềm phấn khích chưa từng có, mở ra cao trào đấu tranh cho độc lập dân tộc trên khắp thế giới, thúc đẩy sự chấm dứt chế độ thực dân, làm tan rã hệ thống thuộc địa.

Thế giới biết tên ông cùng với tên đất nước nhỏ bé dám dùng gậy tầm vông chống lại vũ khí hiện đại để giành độc lập, tự do.

Tượng đài cho ông, với tư cách nhân vật lịch sử, đã được đúc.

Nhưng tôi buồn. Tôi còn tiếc nữa. Tôi đã quen nhìn ông không phải chỉ là chủ tịch Hồ Chí Minh, mà là Bác Hồ của tôi.

Không buồn sao được khi nhìn lại tôi thấy trong tôi chỉ còn trơ trọi một nhận định duy lý, một tình cảm lạnh lẽo đối với ông, như đối với một nhân vật lịch sử. Mà một thời ông đã từng có vị trí không nhỏ trong tim tôi.

## 25

Tiếp theo là những đêm không ngủ. Cái loa công cộng, cách chúng tôi khá xa, mắc trong trại lính gác Hỏa Lò, theo gió đưa tới tai chúng tôi những tin tức đứt quãng, bập bõm, lúc được lúc mất, chen lẫn những khúc quân hành hùng tráng. Qua những con số không rõ, những địa danh lào phào, nhưng còn có thể đoán được, chúng tôi hiểu rằng ở miền Nam đang xảy ra những trận đánh lớn.

- Choảng nhau to ở miền Nam rồi! - Thành nói.

- Chắc thế.

- Đang còn ngừng bắn mà?

- Điều này mình vi phạm thỏa thuận ngừng bắn. - tôi nhận xét - Không phải Mỹ. Nếu là Mỹ, người ta chửi nhiều, chứ không hát nhiều.

- Miền Nam thế là mất đứt cái Tết.

- Còn phải nói! Miền Bắc cũng mất một nửa. Cho mít-tinh chào mừng.

Nằm cuộn tròn trong chăn, tôi vẫn thấy rét run. Để có chỗ ngủ ấm, người tù xà lim phải lấy nhiệt thân mình sưởi cho cái phản xi-măng trước đã. Phải sưởi khá lâu nó mới ấm lên được, mà cũng chỉ ấm đúng bên dưới thân người thôi, hai bên sườn vẫn lạnh như băng.

Không ngủ được, Thành ngồi dậy hút thuốc lào. Khói thuốc tạo ra ảo giác nhờ nó hơi ấm không bay đi, hoặc nó ngăn được không khí lạnh từ ngoài vào.

Hỏa Lò không tham gia chiến tranh. Nó đứng sang một bên, duy trì sinh hoạt đều đặn của nó, đứng dựng như một kẻ vô can. Quản giáo đóng cửa mở cửa, lấy phạm đi cung. Chấp pháp tới giờ làm việc la hét, cật vấn như những viên chức được trả lương chỉ để quát nạt. Tôi nằm dài trên phản, nghĩ vẫn vơ. Chiến tranh đi bên ngoài những bức tường đá như người qua đường. Những hồi còi báo động báo yên là những tin tức duy nhất về một cuộc chiến đang xảy ra ở một nơi nào đó rất xa.

Những ý nghĩa lan man dẫn tôi nhớ tới cuốn Nhật Ký Tây Ban Nha, một tác phẩm rất hay của nhà viết phóng sự Mikhail Koltsov<sup>1</sup>. Tác giả của nó, nguyên tổng biên tập báo Sự Thật (Pravda), một người cộng sản chính cống và hiền nhiên, vào một ngày đẹp trời bỗng trở thành “kẻ thù của nhân dân xô-viết”. Một chiếc xe bịt bùng đến mang ông đi vào ban đêm, và thế là con người tuyệt vời nọ biến mất. Chỉ còn lại cuốn sách, đứa con tinh thần côi cút, nhân chứng của thời đại, kỷ niệm về người tạo ra nó.

Nhớ tới Nhật Ký Tây Ban Nha, tôi chợt phát hiện một điều thú vị. Thì ra trong cái sự cứng đầu của mình đối với bọn độc tài có cả ảnh hưởng của tiếng thét bất khuất "No passaran"<sup>2</sup> vang vọng từ Madrid xa xăm.

- Không biết năm nay vợ con mình ở nhà ăn Tết ra sao? - Thành tự hỏi - Hay là có tí tiêu chuẩn nào lại gửi vào cho mình hết?

Tôi nhớ hai đứa con tôi. Chúng ăn Tết ở nhà với bà nội bà ngoại chứ không ở nơi sơ tán. Vợ tôi thế nào cũng đưa các con về. Không biết cái sự giãn nhau trong lúc tết nhất này có ảnh hưởng đến mấy ngày vui chơi của chúng không?

<sup>1</sup> Koltsov M. E. , (1898-1940), nhà văn và nhà báo, đảng viên Đảng cộng sản Liên Xô từ năm 1918. Cuốn Nhật ký Tây Ban Nha (Ispansky dnevnik – Spain diary) được xuất bản năm 1938. Cũng năm ấy ông bị bắt giam trong một vụ gọi là đại phản do Stalin dựng nên để thanh trừng những người cộng sản có học nhưng không chịu cúi đầu trước lãnh tụ độc tài. Ông bị bắn vào năm 1940 hoặc 1942, theo các nguồn tin không biết cái nào chính xác hơn cái nào. Năm 1958 cuốn Nhật ký Tây Ban Nha được tái bản. Trong thể loại bút ký – phóng sự, đây là một cuốn sách rất hay.

<sup>2</sup> “Chúng bay không thể đi qua!” (tiếng Tây Ban Nha). Câu nói nổi tiếng của nhà lãnh đạo quân Cộng hoà trong cuộc nội chiến Tây Ban Nha (7. 1936 – 1.1939), bà La Pasionara tức Dolores Ibarruri (1895–1989), nhà chính trị Basque, nhà báo và nhà hùng biện.

- Đã thỏa thuận nghỉ Tết thì ăn Tết cái đã, Tết xong tiếp tục đánh nhau cũng được. Cho nó đàng hoàng. - tôi lầu bầu - Trong chiến tranh Tây Ban Nha<sup>1</sup>, anh biết không, quân Cộng hòa và quân Phát-xít đánh nhau thậm chí còn có giờ giấc nữa kia.

Thành gãi sὸn sὸt. Mấy hôm nay ngày nào anh cũng truy lùng một con rệp tình nghi từ một xà lim nào bò qua mà không tìm ra.

- Đánh nhau có giờ giấc là thế nào?

- Là thế này: từ sáng sớm hai bên nã đạn vào nhau chí tử, nhưng đến đúng giữa trưa là hai bên ngừng bắn, lính bên này bên kia bò ra khỏi chiến壕, phủ bụi, rồi đi đến một cái quán ăn nằm giữa tuyến lửa, ăn trưa và uống cà phê với nhau...

- Lại còn thế nữa?! Phịa!

- Thật mà. Có điều họ ngồi quay lưng lại với nhau, không bên nào thèm nói chuyện với bên nào...

Tôi kể cho Thành nghe những đoạn thú vị trong Nhật ký Tây Ban Nha.

Anh nghe tôi kể chuyện với vẻ mặt nửa tin nửa ngờ. Đối với anh, nhà văn là thứ người chúa bịa chuyện, hay thì hay đấy, mà không tin được. Với tôi, anh gọi nửa đùa nửa thật: "Này, cậu nhà văn nói láo, nhà báo nói thêm ơi!"

- Tôi có hỏi một ông người mình hồi ấy chiến đấu ở bên phe Cộng hòa, ông ấy bảo chuyện có thật<sup>2</sup> đấy, đúng như thế.

- Sao? Cậu bảo có cả người mình tham gia chiến tranh Tây Ban Nha kia à?

Thành trợn tròn mắt.

Tôi kể cho Thành nghe về ông Thọ Tây Ban Nha, về những Binđ đoàn quốc tế. Thành khoái lắm.

- Ông ấy còn sống chứ?

<sup>1</sup> Năm 1936, quân đội của tướng Francisco Franco (1892-1975) nổi dậy chống nền Cộng hòa do liên minh cánh tả (cộng sản và xã hội) nắm quyền. Cuộc nội chiến đẫm máu kéo dài cho tới năm 1939 thì kết thúc với chiến thắng của Franco. Quân Cộng hòa, được Liên Xô, Mexico, và các binh đoàn Quốc tế (gồm các chiến sĩ tình nguyện từ châu Âu và Mỹ) giúp đỡ, nhưng ô hợp, thiếu kỷ luật, đã thua quân Franco, được phát-xít Đức-Ý yểm trợ mạnh mẽ về quân sự.

<sup>2</sup> Một trong hai người Việt Nam tham gia trong những Binđ đoàn Quốc tế là ông Nguyễn Văn Thọ, biệt hiệu "Thọ Tây Ban Nha". Người thứ hai tôi không nhớ tên. Trong các Binđ đoàn quốc tế hồi đó có cả Yosif Broz Tito, Ernest Hemingway, Georges Orwell, Robert Capa, Mikhail Koltsov, Roman Carmen...

- Ông ấy còn khỏe. Có dịp, tôi sẽ giới thiệu anh.

- Nếu chúng mình không chết trước khi ra khỏi đây.

Từ xa vọng vào tiếng một đoàn xe nặng nề - xe tăng hoặc xe bọc thép. Có thể cảm thấy cái phản xi-măng rung lèn nhẹ nhè. Gần đây, phía đường Bạch Mai, luôn vang đến tiếng ầm ì của xe hạng nặng chạy về phương Nam.

Ông Thọ Tây Ban Nha sau cách mạng chẳng làm chức gì to. Cha tôi khuyên ông: "Mày đừng nghe chúng nó xui dại mà nhận chức này chức nọ. Nước độc lập rồi, thế là chúng mình hả dạ, mày biết nấu cơm tây, làm nghè ấy là hay nhất, không phải lo nghĩ".

Cha tôi hồi ấy đang làm vụ trưởng Vụ Lễ tân. Ông giới thiệu ông Thọ đi làm bếp cho sứ quán Cuba.

Ông Thọ Tây Ban Nha thường đến thăm cha tôi. Tôi nhớ có hôm ông đang ngồi uống trà với cha tôi thì ông Lê Thanh Nghị<sup>1</sup> đến chơi. Ông Thọ Tây Ban Nha nhấp nhổm định về. Cha tôi giũ lại: "Nó làm quan to kệ nó, mày với nó đồng chí, việc gì mà ngại". Như mọi khách khác, ông phó thủ tướng Lê Thanh Nghị vào nhà tôi chỉ được vào một mình, cán bộ bảo vệ phải ngồi đợi ngoài xe. Bước vào phòng cha tôi, ông cũng phải tut giày, đi chân đất. Căn phòng có sàn gạch men, cha tôi thường lau sạch sẽ để khi trời nóng quá thì lăn ra cho mát. Ông phó thủ tướng ôm chầm lấy ông bếp, cả ba chuyện trò vui vẻ, cười vang nhà. Ông Thọ Tây Ban Nha hứng lên tự tay nấu món ra-gu cho cả ba cùng ăn.

Ông Thọ Tây Ban Nha có cho tôi biết một chi tiết thú vị mà những nhà nghiên cứu đời hoạt động của ông Hồ Chí Minh chắc cũng muốn biết: trong ông Hồ Chí Minh con người quốc tế và con người quốc gia con người nào mạnh hơn? Hồi phe xã hội chủ nghĩa cường thịnh, người ta ra sức chứng minh ông Hồ theo chủ nghĩa quốc tế. Sau này người ta lại ra sức chứng minh ông Hồ là người quốc gia. Cho nên lời chứng của ông Thọ Tây Ban Nha có ý nghĩa, đáng được quan tâm. Theo ông Thọ kể lại thì khi biết có người Việt Nam chiến đấu trong Bình đoàn quốc tế, ông Hồ nói: "Rõ việc nhà thì nhác việc chú bác thì siêng".

Năm 1964, hoặc 1965, tôi không nhớ rõ, ông Thọ Tây Ban Nha đã thôi nấu bếp cho các sứ quán, đang làm gác kho cho Liên hợp dệt Nam Định thì được tổng thống Nam Tư Yosif Broz Tito<sup>2</sup> mời đích danh sang Belgrad dự cuộc họp mặt các cựu chiến binh của Bình đoàn quốc tế chống phát-xít.

<sup>1</sup> Lê Thanh Nghị, tên thật Nguyễn Khắc Xướng (1911-1989), tham gia cách mạng trước 1930, năm 1930 bị thực dân Pháp đày ra Côn Đảo. Phó thủ tướng chính phủ trong những năm xảy ra vụ "nhóm xét lại chống Đảng".

<sup>2</sup> Yosif Broz Tito (1892-1980), tổng thống Nam Tư (cũ), người Croatia, sau này là một nhà lãnh đạo các quốc gia không liên kết. Đáng ngạc nhiên là ông vẫn nhớ đến những đồng chí Việt Nam trong các chiến sĩ tình nguyện quốc tế để mời.

Nhận được giấy triệu tập có đóng triện của Ban tổ chức Trung ương, ông Thọ dặn vợ: "Đã nhiều năm Trung ương không nhắc gì tới tôi, nay lại có giấy gọi, lành thì ít dữ thì nhiều, nếu tôi không về thì bà ráng nuôi con, đừng nghe người ta nói này nói nọ mà hiểu lầm. Tôi không chống cách mạng, không phải tờ-rốt-kít, không phải AB<sup>1</sup> gì ráo. Tôi sống trong sạch, chết cũng trong sạch". Hai vợ chồng mếu máo chia tay.

Lê Đức Thọ tiếp ông, nghiêm nghị căn dặn: "Sang bên ấy cấm anh không được phát biểu chính trị gì hết. Cảm như hến, nghe chưa? Ăn nói lăng nhăng thì coi chừng!".

Ông trở về, tôi hỏi ông chuyện Nam Tư, ông cười hiền lành: "Có chuyện quái gì mà kể! Tao sang bên ấy làm đúng như Lê Đức Thọ ra lệnh, ai nói gì tao cũng chỉ nhe răng ra cười. Mới lại, có ai nói chính trị chính em gì đâu. Bạn bè lâu ngày gặp lại, ca hát ầm ầm, uống rượu lu bù, say khướt. Vui lắm!"

- Thế ông nhà báo Liên Xô về sau bị giết à?- Thành hỏi.

- Người ta không nói rõ. Ông ta bị bắt mang đi rồi chết. Chết trong thời gian ở tù, không rõ là bị mang bắn, hay chết đói, chết bệnh. Tôi đoán là bị bắn. Mà không phải chỉ có ông ta. Nhiều nhà văn nhà thơ bị giết trong thời kỳ đó lắm<sup>2</sup>.

- Tôi nghiệp!

Thành nghe chuyện, ngồi như tượng, tư lự đặt tay lên cái cùm, vuốt ve nó một lát, rồi quay mặt vào tường làm thêm một điếu thuốc lào ngoài kế hoạch.

Tôi đã kể về cái cùm trong xà lim. Của đáng tội, cái cùm ở chỗ chúng tôi chỉ hiện diện như một vật trang trí nội thất. Ít khi nó được dùng đến, trừ ra trong các xà lim tử hình.

Tù tử hình chỉ được tháo cùm vài lần trong một ngày - một lần làm vệ sinh thân thể buổi sáng, hai lần khác cho ra lấy cơm, trả bát rếch. Có người không được tháo, nhà bếp phải mang cơm vào tận nơi. Khi bị cùm người tù chỉ có một tư thế nằm, hai chân bị kẹp chặt. Tiểu tiện, đại tiện đều ở trong tư thế đó.

Thành có bị cùm lần nào không tôi không rõ, anh không kể. Thành nói những người to béo vào tù khổ hơn những người gày còm nhiều. Trước hết là đói, người béo bị cái đói hành hạ nhiều hơn người gày. Thứ hai, cùm chỉ có một cỡ, chân to quá thường bị nghẽn máu, sinh hoại thư, dễ bị cưa. Tôi đồ rằng anh đã được nếm thử.

Trong hồi ký của những người bị xử trí oan thời Stalin không thấy nói tới thứ này. Xiềng thì có. Mình mà bị cùm thì không biết sẽ giải quyết vấn đề đại tiểu tiện ra sao đây, tôi vẫn vơ nghẽ? Sau này,

<sup>1</sup> Anti-bolchevique (nói tắt, từ tiếng Pháp), với nghĩa phần tử chống cộng sản.

<sup>2</sup> Hãy kể một số tên tuổi được nhiều người biết đến như Babel, Vesely, Voronsky, Kataev, Kluev, Koltsov, Mandenstam, Pinniak, Pribludny, Sviatopolsk-Myasky, Florensky, Chaianov vv...

bị cùm rồi, có kinh nghiệm rồi, tôi mới thấy Thành nói tới cái chân là đúng. Cổ chân mà to thì khốn nạn lắm, chứ chuyện đại tiểu tiện khó khăn là cái không đáng kể.

Mãi tới mồng bốn Tết, tôi mới được Huỳnh Ngự gọi đi cung.

- Mấy bữa rầy anh có biết có chuyện gì đang xảy ra không? - Huỳnh Ngự vui vẻ đón tôi bằng câu hỏi.

- Không. Trong xà lim kín như bưng làm sao biết được việc ở bên ngoài.

Huỳnh Ngự nghi ngờ nhìn tôi:

- Tưởng các anh ở trong có nghe loa đấy chớ?

Tôi nói trong xà lim tôi có nghe thấy tiếng loa nhưng không rõ nó nói cái gì. Tôi không dối y: trừ những bài hát mình đã quen nghe điệu thì biết, chứ tiếng phát thanh viên qua loa nghe ồm ồm, lại bị những tiếng vang nhại lại như có mấy người nói một lúc, làm sao nghe nổi.

Y quẳng lên bàn cho tôi mấy tờ Nhân dân, trang nhất nào cũng đỏ lòe những hàng tít lớn. Những tờ báo nhau nát, chứng tỏ chúng đã qua tay nhiều người. Tôi vồ lấy, đọc ngấu nghiến.

Mọi chuyện xảy ra ở miền Nam đúng như tôi và Thành hình dung. Một trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, mà một đứa bé thò lò mũi xanh cũng biết là do miền Bắc dựng nên, vu cho đối phương vi phạm thỏa thuận ngưng bắn nhân dịp Tết Nguyên đán để làm một vi phạm lớn hơn - mở một cuộc tổng tiến công trên toàn cõi. Những mỹ từ bóng lộn, tỏa sáng, ồn ào, tràn ngập từ bài xã luận kêu gọi thừa thắng xông lên cho tới những hàng tin giờ chót.

- Anh nghĩ rằng, Đảng ta lãnh đạo tuyệt vời chớ? - Huỳnh Ngự néo mắt nhìn tôi, mặt người phấn khích - Nói để anh hay, cứ đà này chỉ trong vài ngày nữa là ta nuốt tất, nuốt tất. Miền Nam sẽ được hoàn toàn giải phóng.

- Tôi rất vui mừng... - tôi nói.

- Anh vui là đúng. - Huỳnh Ngự nói - Chẳng lẽ anh lại buồn? Nhưng tui muốn hỏi nhận định của anh kia?

Tôi nhún vai.

Huỳnh Ngự ghét tôi nhún vai lắm, y đã lưu ý tôi vài lần, nhưng tôi bỏ ngoài tai. Tôi đã ở tuổi không cần đến vú em. Huỳnh Ngự coi nhún vai chỉ có một ý khinh bỉ.

- Những chuyện lớn thế này nhận định của tôi phỏng có nghĩa gì? - tôi thờ ơ nói - Chẳng có ý nghĩa gì hết.

- Nhưng chừ anh tin ở tài lãnh đạo của Đảng rồi chớ?

- Tại sao lại cứ phải hỏi đi hỏi lại tôi chuyện đó? Tôi tin hay không tin có gì quan trọng? Tin hay không tin là chuyện khác, không phải chuyện nhận định một hiện tượng hay một sự kiện cụ thể.

Huỳnh Ngự cười khục khục.

- Vậy mà thắng Hoàng Minh Chính lại không tin đó. Tui vừa làm việc với hắn ta xong, điên cả ruột. Vì vậy tôi mới hỏi anh coi anh nghĩ có giống hắn không.

- Anh Chính tin cái gì hay không tin cái gì là chuyện riêng của anh ấy, tôi cũng không quan tâm.

Huỳnh Ngự mời tôi uống trà. Đó gói trà Tết của Ban Tổ chức Trung Ương cho tôi mà y giữ lại.

- Nói để anh hay: đợt tiến công và nổi dậy lần này, đối với miền Nam về thực chất là tổng khởi nghĩa, còn nhìn chung đối với cuộc chiến tranh chống Mỹ là tổng phản công<sup>1</sup>. Anh đọc lại thơ chúc Tết của Bác đi. Đó! Bác thiệt vĩ đại! Bác tính trước tất cả, thấy trước tất cả. "Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua..." Đúng vậy không nào? Đúng quá đi chớ. "Tiến lên, toàn thắng ắt về ta!" Bác đã lệnh thì toàn quân, toàn dân cứ việc thi hành. Bác đúng là thánh, thánh sống. Mấy thắng tổng thống Mỹ chỉ đáng mút cu cho Bác<sup>2</sup> thôi. Anh có thấy thắng Chính hắn dốt không? Thắng đến như vậy mà hắn còn nói là đánh sớm, đánh bảy chừ khi chuẩn bị chưa tốt, chưa hội đủ các điều kiện để giành toàn thắng, là manh động, là mất hết cơ sở gây dựng bao nhiêu lâu mới có trong địch hậu... Thúi, thúi lắm!

Thì ra là thế!

Tôi cũng nghĩ như Hoàng Minh Chính. Các điều kiện bên trong và bên ngoài đều chưa đủ chín muồi, theo chỗ chúng tôi biết. Mà chúng tôi biết không đến nỗi tồi. Quan tâm tới diễn biến của cuộc chiến, chúng tôi tiếp xúc với khá nhiều nguồn tài liệu, với nhiều người có trách nhiệm ở miền Bắc cũng như những người từ trong Nam ra.

Không rõ chủ tịch Hồ Chí Minh có bao nhiêu phần quyết định trong cuộc chiến được Huỳnh Ngự gọi là tổng phản công?

Ai cũng biết vai trò quyết định trong ván bài này là sự nôn nóng của cá nhân Lê Duẩn muốn giải phóng thật nhanh vùng đất mà trước 1954 Lê Duẩn lãnh đạo, giải phóng bằng bất cứ giá nào, dù

<sup>1</sup> Theo lý thuyết của Trường Chinh trong cuốn Trường Kỳ Kháng Chiến Nhất Định Thành Lợi thì đó là giai đoạn thứ ba của bất kỳ cuộc kháng chiến nào. Lý thuyết này được viết còn rõ hơn trong Trí Cửu Chiến Luận của Mao Trạch Đông.

<sup>2</sup> Có lẽ Huỳnh Ngự học đòi theo nhà thơ Bút Tre trong một bài thơ với những câu: "Trên trời con khỉ đánh đu. Thắng Ngô Đình Diệm mút cu cụ Hồ... ". Tôi xin lỗi bạn đọc vì những lời trích thiếu văn hóa. Cho tới nay một số lý thuyết gia văn học ở Hà Nội vẫn đề cao Bút Tre, coi ông như một nhà thơ lớn và độc đáo. Âu cũng là một nét chấm phá hi hữu cho bức tranh xã hội.

có phải đốt sạch rặng Trường Sơn, như chính ông ta tuyên bố. Nhưng nói với Huỳnh Ngự làm gì? Nói với y, như các cụ ví, vạch đầu gối ra mà nói còn hơn!

Nhưng Huỳnh Ngự không dễ dàng buông tha. Trong sự hỏi cung y rất dai hoi. Y mà đã đặt ra câu hỏi thì y đòi bằng được câu trả lời.

- Tôi nghĩ khác. - đành trả lời cho qua chuyện - Tôi nghĩ đúng như cách dùng từ của Trung Ương trong các bài báo vừa đọc. Đó là một đợt tổng tiến công và nổi dậy, không hơn, cũng không kém.

- Nghĩa là làm sao?

- Nghĩa là nếu đúng là tổng khởi nghĩa và tổng phản công thì Đảng đã nói tổng khởi nghĩa, tổng phản công, hà tất phải nói tổng tiến công và nổi dậy.

Huỳnh Ngự nóng mặt:

- Tui nói rồi: thực chất đó là tổng phản công! Lũ các anh đúng là một giuộc với nhau hết trọi. Đảng nói vậy phải tin vậy chứ. Không phải vậy Đảng nói vậy mần chi?

- Tôi đang ở đây. Bác thông cảm. Ở chốn này tôi không có nguồn tin nào khác. Tôi cũng không được trực tiếp nghe tuyên bố chính thức của Đảng. Còn về chuyện phổ biến miệng thì, xin lỗi, tôi đã có chút ít kinh nghiệm. Trước hết, cần phải coi lại xem cấp phổ biến cho mình là ai cái đã? Đảng ủy? Đảng đoàn bộ? Đảng đoàn các cơ quan Trung Ương? Hay là Tuyên giáo Trung Ương? Hay đại diện của Ban Bí thư? Của Bộ Chính trị? Tôi biết có những vụ người này người khác nhân danh Trung Ương nói việc này việc nọ, rồi sau Trung Ương lại phải cải chính hết hơi, nói không phải quan điểm của Đảng như thế đâu, quan điểm của Đảng là thế này, thế này. Thành thử tốt nhất là cứ tin báo Nhân dân. Nó mới là cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng.

Câu nói ám chỉ y chả là cái gì làm Huỳnh Ngự tức giận:

- Anh cho rằng tui phổ biến cho anh sai?

- Không phải thế. Tôi chỉ muốn nói ta nên tin báo Nhân dân thì hơn thôi. Còn người nào không tin báo Nhân dân là tùy.

- Tui không nói không nên tin báo Đảng.

- Tôi cũng không nói bác có ý ấy.

- Hừ, khi các anh không tin thì các anh đủ miệng lưỡi ngụy biện để che đậy sự thiếu lòng tin. Tại sao anh không dám nói huých toẹt ra như thằng Chính, có phải hơn không?

- Thì tôi nói huých toẹt ra đấy thôi, tôi có quanh co đâu. Đây này, trước mặt tôi là quan điểm của Đảng được in ra rành rành bằng giấy trắng mực đen, bác khuyên tôi tin quan điểm này (tổng tiến công và nổi dậy) hơn hay tin tôi quan điểm được phổ biến bằng miệng (tổng khởi nghĩa và tổng phản

công) hơn? Xin lỗi, không phải tôi không tin bác. Nhưng bác cũng chỉ được nghe phổ biến thôi, cấp nào phổ biến cho bác tôi không rõ.

- Có nghĩa anh không tin những điều tui nói là quan điểm của Đảng?

Tôi thở dài.

- Tôi nhắc lại: tôi không nói như vậy. Ta giả thử thế này: Đảng khôn, chứ Đảng không dại, trên báo chí chính thức Đảng chỉ nói tổng tiến công và nổi dậy thôi, còn cái gì khác thì cho người đi phổ biến miệng. Rồi ra, nếu toàn thắng Đảng sẽ bảo: đó là tổng khởi nghĩa, tổng phản công, Đảng đã nói rồi. Còn nếu không thắng được như ý muốn thì...

- Thì sao?

- ... thì Đảng sẽ bảo: đó chỉ là một đợt tổng tiến công và nổi dậy thôi - đấy, báo Đảng đã viết rõ rành rành đấy nhá. Đã gọi là một đợt tổng tiến công và nổi dậy có nghĩa là sau đợt này còn có đợt khác nữa...

Huỳnh Ngự nín lặng. Mắt y dần ra. Y chợt thấy trong câu nói của tôi có cái lý mà y chưa nghĩ tới. Hắn y nghĩ cái lý đó có thể đúng, cho nên y không gầm thét với tôi như thường lệ, mà chỉ hầm hừ:

- Giỏi, anh giỏi. Chúng ta còn có dịp quay trở lại vấn đề này. Rồi anh sẽ thấy sự việc diễn biến ra sao, các anh đúng hay là tôi đúng?

Diễn biến của sự việc chứng tỏ Huỳnh Ngự sai.

Tôi không nói Đảng sai, bởi vì tôi không rõ những nhà lãnh đạo hồi ấy tính toán thế nào? Người ta chỉ sai so với dự tính, chứ không thể sai chung chung. Nếu họ tính làm một cuộc tổng diễn tập thì sao? Họ dự định trả giá nào cho nó. Hay là trả cho nó bằng bất cứ giá nào.

Những người bạn tôi chiến đấu trong Nam kể: thời kỳ Mậu Thân thương vong nhiều lắm, cơ sở hậu địch vỡ tung mảng lớn, có nơi vỡ hết, sau này phải mất rất nhiều thời gian và công sức mới xây dựng lại được. Nhưng họ cũng không thể biết đích xác sự thiệt hại trong cuộc phiêu lưu này là bao nhiêu. Đây là đề tài cấm kỵ, các nhà nghiên cứu quân sự cũng không được biết, nói gì đến báo chí.

Vả lại, cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân kéo dài tới giữa năm, tổn thất nhiều thật, nhưng cái đạt được cũng rất lớn - đó là thắng lợi vang dội trên mặt ngoại giao và sự hủy hoại về căn bản ý chí chiến đấu của đối phương. Nước Mỹ bị phân hóa. Dân Mỹ ầm ầm phản đối cuộc chiến tranh đã kéo quá dài, lại chẳng phải là cuộc chiến tranh nhất thiết phải tiến hành vì quyền lợi nước Mỹ.

Vấn đề vẫn là so sánh cái được với cái mất. Và sự so sánh ấy tùy thuộc ở cách suy tính của mỗi người. Với tôi, người dân thường, tôi không vui với cái chiến thắng đổi bằng quá nhiều xương máu, lại là xương máu của người Việt.

- Anh được nghỉ Tết mấy bữa nữa. Sau đó ta lại tiếp tục làm việc.

Huỳnh Ngự nói như thể chúng tôi đang ở trong một công sở chứ không phải trong Hỏa Lò.

Mấy ngày Tết trời rét ngọt. Tôi lo lắng cho cha tôi. Những năm gần đây ông không chịu được lạnh như trước. Những ngày trời rét thường lên cơn đau gan.

Huỳnh Ngự thông báo: sức khỏe của cha tôi bình thường, bệnh gan của ông đỡ nhiều. Trong ni, y nhắc lại, cha tôi vẫn được hưởng chế độ săn sóc y tế như khi ở ngoài, tôi có thể yên tâm.

Tôi thừa biết, nếu cha tôi có lên cơn bệnh nặng thì ông cũng chẳng được đưa đi bệnh viện đâu. Người ta sẽ giao ông cho tên y sĩ đặc trách chúng tôi. Đó là một con người vạm vỡ, thấp, dáng đi nặng nề, với cặp mắt vô hồn dưới vầng trán ngắn. Y không thích hợp với bất cứ bộ quần áo nào. Mọi thứ trên người y đều giống đồ đi mượn. Y không tốt cũng chẳng xấu, không ác cũng chẳng hiền, cảm lặng một nô lệ bẩm sinh, ra đời để chịu sự sai khiến của ai đó, bất kể là ai, miễn người đó trả công y, nuôi y. Thỉnh thoảng y xuất hiện, kiêm luôn công việc quản giáo, đưa tôi đi cung, thay cho Hách hoặc Sứ giả hòa bình. Thuốc của y vẫn chỉ có át-bi-lin (aspirine), hoặc ga-li-đăng (ganidan), theo cách gọi của y, để chữa độc có hai bệnh mà nền y học xã hội chủ nghĩa cho y biết: nhức đầu và đau bụng.

Thỉnh thoảng tôi cũng xin y thuốc ngủ. Y cho luôn, không cần hỏi han dài dòng:

- Này, mê-bô-ba-mát (méprobamate) đây! Tối một viên. Khó ngủ quá thì hai.

Thấy y dỗ, tôi xin cả thuốc đau bụng, thuốc nhức đầu. Tôi phải viện trợ cho mấy xà lim bên cạnh. Từ xà lim ốm, xin thuốc rất khó. Quản giáo khe khắt đã dành, nhưng có lẽ còn có cả nguyên nhân thiếu thuốc nữa. Thành khuyên tôi phải xin để có một ít thuốc dự trữ, nhân lúc còn xin được. Ở Việt Nam chẳng bao giờ có cái gì ổn định, chẳng có gì lâu dài. Cuộc sống của người tù còn không ổn định hơn, nay anh ở trại này mai đã ở trại khác. Biết đâu chẳng gặp một tên y sĩ khó chịu hơn.

Ý nghĩ tự sát thỉnh thoảng vẫn trở lại. Tôi quyết không chịu để cho bọn độc tài muốn hành tôi thế nào thì hành. Cái chết bằng thuốc ngủ là cái chết dễ chịu. Nhờ trong y bạ của tôi trước đây y sĩ vẫn thường cho thuốc ngủ, nên viên y sĩ nhà tù cũng không tỏ ra khe khắt khi tôi đề nghị. Gói thuốc ngủ tích cóp được để ở đầu giường, thỉnh thoảng tôi lại giở ra đếm lại. Thành nhìn thấy, không nói gì.

Từ ngày vào Hỏa Lò tôi ngủ dễ và ngủ nhiều lắm. Tôi cho rằng đó là giấc ngủ bù cho thời gian làm việc căng thẳng trước đó. Một hôm Hoàng bảo tôi:

- Này anh Hiên, đây là nơi đấu tranh tư tưởng chứ không phải nơi để ngủ đâu nhé!

Thì ra trong xà lim mọi động thái nhỏ nhất của tôi đều được quản giáo báo cáo cho chấp pháp.

- Trong lòng thanh thản thì ngủ dễ. - tôi nói - Tôi chẳng có điều gì phải suy nghĩ. Cũng chẳng làm điều gì để đến nỗi phải xấu hổ, để bị lương tâm cắn rứt.

Phấn khởi trước thắng lợi vang dội ở miền Nam, cường độ làm việc của các chấp pháp tăng vọt. Huỳnh Ngự thoảng hiện, thoảng mất, bỏ mặc tôi cho lũ đàn em - chắc hẳn y bạn làm việc ở nhiều phòng hỏi cung cùng một lúc. Hoàng cũng biến đâu mất. Làm việc với tôi là một tay non choẹt, đang

thời kỳ tập sự. Y tự giới thiệu tên là Phiêu. Mỗi dưới trễ ra trên gương mặt ngày ngô mõi khi y ngủ gật. Phiêu không hỏi tôi, chỉ đọc các câu hỏi của Huỳnh Ngự ra cho tôi. Có thể nói là y hiền lành cũng được. Một cậu học trò trường làng, con một ông công an nào đó, hoặc được một ông bạn của bố giới thiệu cho đi học nghiệp vụ. Những đứa trẻ hiền lành này chẳng bao lâu sau sẽ thạo việc, khi cần chúng sẽ biết b López cò, nhả đạn không một chút do dự vào các loại “kẻ thù của nhân dân” theo ngón tay trả của các lãnh tụ và của cấp trên.

Tôi căm cụi viết. Y ngồi bên cạnh chừng, như phỗng.

Thành chăm chú nghe tôi kể về những câu hỏi quái dị của bọn chấp pháp chẳng hiểu từ đâu mà có, do ai khai ra cho tôi, rồi cười hì hì:

- Trò trẻ con ấy mà! Bài bản của họ chỉ có tung nẩy thôi: bắt nọn là một, hù dọa là hai. Mình cứng thì họ hết vở. Thế mà lăm lúc cũng đau đầu ra phết đấy. Gặp phải anh non gan, tưởng mọi người khai cả, phun phè phè, mình chống đỡ cũng mệt. Họ chỉ cần tóm được lời khai của một hoặc hai anh, dùng nó moi tiếp hết người nọ tới người kia, cho tới khi tất cả không chịu nổi nữa, nhận tội hết, là xong... Hiểu ra thì đã muộn.

Nụ cười của anh trông cay đắng lắm. Nó dính chặt vào mặt anh, không có cách gỡ ra. Thà đừng cười còn hơn.

- Mình lấy làm lạ: lý thuyết cách mạng nói cuộc chiến đấu hôm nay là nhằm xây dựng một xã hội tương lai, trong đó người với người là anh em, thế mà trên thực tế chỉ thấy Đảng chăm dạy oán thù, căm ghét, đấu tranh, chứ không thấy dạy yêu thương, là làm sao? – Thành đặt câu hỏi, như cho chính anh - Cứ nhìn một cái Hỏa Lò này đủ thấy. Thằng công dân bị bắt, chưa biết ắt giáp ra sao, cán bộ đã khăng khăng bắt nó nhận tội cái đã. Nhỡ oan người ta thì sao? Cái sai, cái tồi tệ từ đó mà ra. Làm cho lòng dạ con người thành ra cẩn cỏi, hận thù như thế là lỗi ở ai? Bác đâu có dạy cán bộ như vậy!

Năm 1946, khi đến thăm lớp cán bộ bình dân học vụ đầu tiên do nhóm ông Nguyễn Hữu Đang tổ chức, ông Hồ chỉ trích những người viết sách vở lòng trong đó có câu mẫu "Nó ở tù" để dạy ghép vẫn có nguyên âm u: "Các vị không còn thí dụ nào hay hơn sao mà dùng cái thí dụ ác thế? Làm hại đầu óc trẻ con. Xin tìm câu khác". Mẹ tôi đi dự lớp huấn luyện này. Bà thường kể câu chuyện trên cho mọi người nghe như một thí dụ về lòng nhân ái cách mạng. Trong kháng chiến chống Pháp, ông Hồ gặp một tù binh co ro trong cái rét cắt da của rừng Việt Bắc. Ông cởi tấm áo trấn thủ của ông cho anh ta, và câu chuyện lan truyền trong tù binh như một huyền thoại.

Nhưng tôi còn biết một Bác Hồ khác.

Mùa hè năm 1950, đang ở Thái Nguyên, tôi nhận được thư cha tôi gọi tôi tới ATK<sup>1</sup>. Tôi tới đúng lúc được dự lễ mừng lục tuần đại khánh của Bác.

Trong bộ quần áo ta bằng lụa nâu, ông Hồ Chí Minh ngồi sau cái bàn tre ghép, trên có mấy tờ báo tiếng Pháp. Trong ngôi nhà vách nứa lợp cọ ở Thác Dỗng, tổng hành dinh các lực lượng kháng chiến, ông gợi hình dung về một lão nho tiên phong đạo cốt, một nhà thơ, một bậc hiền triết phương Đông hơn là một thủ lĩnh nghĩa quân, vị thống soái của cách mạng. Tôi bước vào, đứng nghiêm, đưa tay chấm vành mũ lá. Ông hiền từ ra hiệu cho tôi ngồi xuống bên cạnh:

- Chà, thằng nhỏ vận bánh hả? Bộ đội giờ quần áo đẹp đấy chứ! - ông nói với cha tôi - Mới được phát, hả?

Giọng ông âm vang, ấm áp, một giọng nói pha trộn âm sắc Nghệ An với nhiều vùng khác của đất nước, của riêng ông, rất đặc biệt, không giống giọng nào khác. Có điều hơi thở của ông rất hồi. Tôi nghĩ tới bệnh lao phổi mà ông mắc từ khi về nước. Bệnh có vẻ không đỡ. Tôi xót ông, lòng tôi tràn ngập niềm kính trọng đức hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của ông.

Tôi lẽ phép thưa với ông rằng bộ đội bây giờ thường được phát mỗi năm hai bộ, nhưng quần áo không đồng nhất: bộ đội khu 3 mặc vải viscose, khác bộ đội Việt Bắc may bằng diêm bâu dày, bộ đội khu 4 được trang bị quân phục bằng vải ta dệt thủ công. Beste nhất là quần áo của bộ đội khu 5, được may bằng vải xi-ta dày dặn, nhưng nhuộm màu xám tro chứ không phải màu kaki.

- Thế này tốt rồi. Nước ta còn thiếu thốn, cháu ạ, chưa có quần áo cùng một kiểu cho các cháu...

- Thưa Bác, chúng cháu cũng không kêu ca. Được thế này đã tốt quá!

Ông đưa bàn tay gầy guộc mân mê chất vải trên bộ quần áo tôi mặc, vẻ hài lòng. Đó là quân phục mới của bộ đội Liên khu 3.

Không bao lâu sau ông ra lệnh xử tử Trần Dụ Châu, đại tá Cục trưởng Cục Quân nhu, người cung cấp chúng tôi thứ quần áo từng làm ông thích thú, vì tôi nhận hối lộ. Chất lượng thứ quân phục chúng tôi được cấp đúng là không ra gì - làm bằng sợi viscose, còn gọi là tơ dứa, mặc vào vải cứ chảy ra, lồng thõng, lụng thụng. Nhưng dù sao mặc lòng nhờ những cố gắng của Cục Quân nhu chúng tôi cũng không còn ăn vận lung tung, mỗi đơn vị một kiểu quần áo như hồi đầu kháng chiến.

Cha tôi can, nhưng ông không nghe. Cha tôi nói ông Hồ không chịu giảm nhẹ hình phạt cho Trần Dụ Châu còn vì tôi ăn chơi xa xỉ. Người ta báo cáo Trần Dụ Châu chụp "cả một va-li ảnh" với người

<sup>1</sup> Thủ Chủ tịch hồi ấy đặt bí mật bên thác Dỗng, thuộc địa phận xã Lập Bình, nằm trong ATK (An toàn khu) thuộc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

tình là ca sĩ Thương Huyền. Cha tôi có hỏi lại, thì không phải thế. Trần Dụ Châu có chụp nhiều ảnh với Thương Huyền thật, nhưng nói "cả một va-li" là ngoa ngôn. Tôi hối lộ cũng không rõ ràng. Có việc nhận biếu xén của mấy nhà thầu làm việc cho Cục Quân nhu thật, nhưng không thể coi mấy cái quà biếu ấy là hối lộ. Người biếu và người nhận có quan hệ bè bạn, và lại quà biếu cũng không đáng giá. Chính cái "va-li ảnh" đã làm cho ông Hồ nổi giận, cha tôi kể lại. Ông Lê Giản, giám đốc Công an, cũng không tán thành án xử tử Trần Dụ Châu. Nhưng một khi ông Hồ đã muốn trừng phạt để làm gương thì không ai có thể làm ông đổi ý.

Cũng chính ông Hồ đã duyệt án tử hình một trung đoàn trưởng trong chiến dịch biên giới (1950) vì tội anh này tự động nhận lời mời của viên quan năm thầy thuốc Pháp<sup>1</sup> đáp máy bay về thăm gia đình anh ở Hà Nội nhân cuộc trao trả tù binh. Anh nhận lời mời với điều kiện anh sẽ mặc quân phục Việt Nam đi với viên quan năm, chứ không mặc thường phục. Phía Pháp hồn nhiên nói cái đó không là vấn đề. Và họ giữ lời. Trước khi lên máy bay anh còn vui vẻ nói với các bạn rằng hôm nay đồng bào ta ở thủ đô sẽ được thấy người của quân đội Việt Nam đi hiên ngang trên đường phố của thủ đô bị chiếm đóng. Anh muốn bằng cách đó tuyên truyền cho chiến thắng Cao-Bắc-Lạng.

Từ sân bay Gia Lâm, anh ngồi trên xe Jeep về thẳng Bờ Hồ và đi bách bộ ở đó rất lâu trước con mắt trầm trồ của dân chúng. Đúng là anh đã được diện quân phục Việt Nam đi trên đường phố Hà Nội. Cũng với bộ quân phục ấy anh đi ra trường bắn. Những người lính thuộc quyền chỉ huy của anh buộc phải bắn cắp trên của mình. Bắn xong, họ vứt súng, lăn lộn gào khóc.

Trong kháng chiến chống Pháp, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của ông Hồ Chí Minh, chí ít cũng cho tới năm 1950, khi biên giới Việt-Trung được nối liền, những vụ oan khuất xảy ra có thể tính trên đầu ngón tay. Trừ vụ H122 do Hoàng Quốc Việt chỉ đạo làm chết nhiều cán bộ quân đội, phần lớn ở cấp đại đội và tiểu đoàn. Cha tôi nhận xét trong vụ này tội của Hoàng Quốc Việt đương nhiên lớn, nhưng Trường Chinh phải chịu trách nhiệm chính. Tuy nhiên, mặc dầu lên án Trường Chinh trong vụ này, và trong Cải cách ruộng đất nữa, cha tôi vẫn không coi Trường Chinh là một người hiếu sát. Theo ông, con người cách mạng Trường Chinh được hiến dâng trọn vẹn cho những giáo điều cằn cỗi, còn con người trần thế Trường Chinh thì hoàn toàn hài lòng với một nửa ngai vàng. Trong những người gần gũi Trường Chinh - từ anh giám mã, chị cấp dưỡng cho tới các nhân viên văn phòng, các bí thư, không người nào yêu mến Trường Chinh. Trong khi đó những người được ở gần ông Hồ không những chỉ kính trọng ông mà còn yêu mến ông thực sự.

Mẹ tôi có những kỷ niệm tốt về Trường Chinh. Bà kể khi biết ông Trần Huy Liệu quá đắm đuối trong mối tình với nữ sĩ Thu Tâm ở Huế, ông Trường Chinh giận lắm, mới đưa việc này ra thường vụ Trung ương. Sau đó ông đại diện cho thường vụ họp với các bà: bà Liệu, mẹ tôi và bà Trần Đình Long. Trong cuộc họp này ông Trường Chinh ra quyết định: cho ông Liệu được đi chơi với cô Thu Tâm thêm một tháng nữa, sau đó phải về với vợ con, trái lệnh Đảng sẽ thi hành kỷ luật. Một Trung ương Đảng

<sup>1</sup> Hình như viên đại tá quân y này tên là Huart, nếu tôi nhớ không nhầm.

giải quyết chuyện tình của cán bộ Đảng như vậy tuyệt quá đi chứ. Vừa thấu tình vừa đạt lý. Trường Chinh, chứ không phải ai khác, đã đứng đầu một Trung ương như thế!

Nhưng đó là chuyện quá khứ, chuyện người ta không thể tắm hai lần trong cùng một dòng sông.

Đùng một cái, chúng tôi bị chuyển phòng.

Buổi tối, chúng tôi còn đang chui mũi vào ván cờ tướng thì bỗng giật mình nghe tiếng mở khóa. Ngẩng lên đã thấy Sứ giả hòa bình sừng sững đấy rồi. Không nhìn đến chúng tôi, cái mũi đỏ hắt lên, anh ta nói:

- Chuẩn bị đồ đoàn! Chuyển phòng.

Tù bị di chuyển từ phòng này qua phòng khác, từ khu này qua khu khác là chuyện thường ở đây. Mục đích của việc chuyển phòng, Thành giải thích, là để tránh tình trạng thông cung, thường là sự sắp xếp lại tù nhân trong một vụ. Mục đích thứ hai là không để cho người tù ở lâu một chỗ, không thể có thời gian chuẩn bị cho một cuộc trốn trại. Lệnh chuyển phòng bao giờ cũng đột ngột, tù không thể được biết trước. Người tù có kinh nghiệm lúc nào cũng ở tư thế sẵn sàng. Anh ta không thể không sẵn sàng, bởi vì sự cập rập thường gây ra những tổn thất nặng nề - quản giáo ập vào đúng lúc mình không ngờ nhất, và thế là những vật quý giá chưa kịp cất giấu sẽ không mang theo được, còn bị quản giáo tịch thu và thi hành kỷ luật.

Đứng đầu các thứ quý có thể bị mất là con dao. Để làm một con dao người tù xà lim phải bỏ ra rất nhiều thời gian, nhất là thời gian tìm nguyên liệu. Sắt dai thủng, hoặc sắt nói chung, không phải chỗ nào cũng có, có được nó phụ thuộc vào may rủi. Sau đó mới tới việc chế tạo nó, thường mất cả tuần, cả tháng, có khi hơn, trong điều kiện quản giáo lỏng lẻo, anh tù khéo tay và may mắn.

Tôi chăm chú nhìn Sứ giả hòa bình. Y nói với ai? Với tôi hay với Thành? Hay với cả hai? Liếc sang Thành, tôi thấy anh cũng lo lắng không kém. Anh bước từ phản xuống, hai tay chắp lại, lễ phép:

- Báo cáo ông quản giáo, tôi? Hay anh này?

Tim chúng tôi đập dồn, mặt chúng tôi căng thẳng – chúng tôi nhìn chằm chằm vào mặt viên quản giáo, chờ đợi lời phán quyết.

- Cả hai.

Sứ giả hòa bình hờ hững đáp.

Tim tôi đập rộn. Tôi sung sướng. Phải xa Thành, tôi đau khổ thật sự. Thành nhìn tôi, mắt long lanh. Anh cũng vậy, anh quen sống có tôi bên cạnh mất rồi. Chúng tôi quýnh quáng dọn đồ, không quên cả cái bàn cờ bằng giấy xi-măng và những quân cờ bằng giấy gói kẹo. Chúng tôi nhìn nhau, mặt mày rạng rỡ.

- Đi!

Hiểu được tâm trạng chúng tôi, Sứ giả hòa bình hiền từ mỉm cười. Anh ta lững thững đi trước, chúng tôi lúi lúi theo sau.

Sau những cánh cửa đóng kín, những tiếng động không bình thường vẳng ra - tiếng ho khan, tiếng đằng hắng. Đó là các bạn tù nói lời chia tay với chúng tôi. Tuy không nhìn thấy nhau, những người tù hàng xóm láng giềng vẫn cảm thấy sự hiện diện của nhau, vẫn hình dung ra nhau căn cứ những dấu hiệu khó nhận thấy nhất. Bên phải chúng tôi là một ông già, hẵn rất gày còm, ông thường ho khan vào sáng sớm. Tối tối ông ngâm thơ, giọng ư ử như bị cảm lạnh. Bên trái là anh chàng không ngừng chiến đấu "*cho ngày nay, cho ngày mai, cho muôn đời sau*"<sup>1</sup>... Ngoài cái bài muôn thuở ấy anh ta không biết bài nào khác. Sát anh ta là một cán bộ thương nghiệp, hình như cấp sở hay bộ. bị tù vì tội tham ô. Có lần anh này đi nhận tiếp tế về, tôi nghe Hách nói, giọng ghen tị: "Cán bộ thương nghiệp, hả? Vợ là nhân viên mậu dịch, hả?". Tôi thoáng thấy anh ta từ xa - người tầm thường, trắng tréo, béo tốt, hơi gù. Ở cuối hành lang là anh tù tử hình đáng thương, trắng bệch và phù thũng do ở trong phòng kín lâu ngày. Để đánh tín hiệu từ biệt, anh ta rống lên một câu vọng cổ thê lương đến nỗi Sứ giả hòa bình phải quát: "Này anh kia, có đây ngay lập tức cái thương mòn của anh đi không hử?"

Khu xà lim chúng tôi được chuyển tới bề thế hơn khu chúng tôi vừa bỏ đi. Nó cách khu xà lim 3 chưa tới trăm mét tính theo đường chim bay, nhưng vì phải đi vòng vèo theo Sứ giả hòa bình qua mấy khu trại chung cho nên thấy nó xa hơn. Người ta tính toán chu đáo: cuộc di chuyển diễn ra lúc chiều tối, khi tất cả tù xưởng thợ, tù tự giác, đều đã bị lùa vào trong các nhà giam chung, chẳng ai nhìn thấy chúng tôi.

Chăn chiếu cắp nách, tay tòn ten bộ quần áo thay đổi, chúng tôi đi trên những lối hẹp ngoắt ngoéo vắng tanh vắng ngắn. Từ bên trong những nhà giam hình khối chữ nhật vắng ra tiếng người rầm rì làm thành một tiếng ồn không dứt.

Trước khi vào ngôi nhà-hầm-mộ kế tiếp, chúng tôi còn phải qua một cái cổng nhỏ không khóa, một mảnh sân hẹp.

Bên trong, khu xà lim mờ tối giống như một cái hang với những bóng điện đầy bụi bặm hấp hối trong những rọ lưới sắt. Nó giống một khoang tàu chở khách, loại tàu cổ lỗi từ đầu thế kỷ, với những cửa ca-bin đều tăm tắp ở hai bên hành lang. Con tàu chết máy, nó trôi dạt trên đại dương thời gian, còn hành khách thì ngủ mê mệt sau những cánh cửa đóng im ỉm. Chỉ ở đầu hành lang, gần cửa vào khu hầm mộ, có một xà lim để ngồi. Tôi ngó thấy bên trong trống rỗng, mấy bức tường đen xì.

- Đấy là xà lim ông Hoàng Văn Thụ. Ông ta nằm đây trước khi bị xử tử. - Thành giải thích, khi chúng tôi đã dọn dẹp xong chỗ ở mới - Khu này có tên là xà lim 1. Còn được gọi là xà lim án chém. Trong các xà lim án chém tường đều sơn một màu đen như thế. Đến thời ta mới quét vôi lại, nhưng xà lim lưu niệm này vẫn giữ nguyên như cũ, trước thế nào sau thế ấy.

- Nghĩa là khu này cổ nhất Hỏa Lò?

<sup>1</sup> Lời một bài hát.

- Tôi không dám nói chắc. Khu xà lim 3 ta vừa đi khỏi là khu mới xây, thời tạm chiếm hay là thời mình tôi không rõ, chắc là thời mình, anh không thấy phòng ở đấy hép hơn à?

Tôi quan sát nơi ở mới. Xà lim cũ hép hơn, trần cao hơn, nhưng mùa đông ấm hơn vì kín gió. Không biết rồi tôi còn được du ngoạn qua bao nhiêu xà lim nữa?

Ngoài xà lim lưu niệm dành cho Hoàng Văn Thụ, không còn xà lim lưu niệm nào khác. Lịch sử Việt Nam, và lịch sử cách mạng Việt Nam nói riêng, được trình bày như thể nó chỉ bắt đầu hiện hữu với sự ra đời của Đảng cộng sản Đông Dương. Các tổ chức cách mạng khác ít được nhắc đến, mà có nhắc đến thì cũng bằng giọng bè trên, kẻ cả, phê phán điểm này, dè bỉu điểm kia.

- Ở bên này được cái thoáng hơn. - Thành nhìn quanh, nói.

Khác với xà lim trước, ở tường hậu phòng giam chúng tôi có một cửa sổ to, sau chấn song sắt ngăn cách nó với ngoài trời là một lưới thép dày bưng kín. Bụi bám đầy lưới, như trong một kho hàng. Bên trên cửa ra vào có một khoảng cũng bít lưới như thế.

Không biết bằng cách nào những khách trọ cũ ở đây bẻ được cả một mảng lưới sắt, làm thành một lỗ thủng to bằng bàn tay, qua đó không khí ri rỉ chảy vào phòng. Người ta biết, chắc chắn thế, nhưng chẳng buồn vả lại. Từ trong khu xà lim này có vượt ngục được cũng còng lâu - sau tấm lưới và những song sắt gộc là bức tường đá sừng sững, dây thép gai giăng mắc bên trên, bốn bề có vọng gác lúc nào cũng có lính cầm súng canh chừng, đêm cũng như ngày.

Chỗ ở mới có mùi khó tả. Mặc dầu vừa được quét dọn - trên sàn còn ướt những vệt nước - nó vẫn tanh tươi và lạnh lẽo.

- Còn phải dọn nhiều. - Thành nói - Khí lạnh ở đây là tử khí đấy. Chắc có tù tử hình vừa đi.

Xà lim 1, Thành giải thích, bây giờ dùng để giam tù trọng án trong thời kỳ giam cứu là chính, chứ không phải cho tù tử hình. Nói chung, án tử hình bây giờ ít được tuyên, xử nặng nhất cũng chỉ đến chung thân, hai mươi năm. Nếu cải tạo tốt, được giảm án đều đều, sống được qua sóng gió nhà tù, người mang án chung thân có thể được ra sau mươi hai, mươi lăm năm, còn người mang án hai mươi năm có khi mới tám năm, chín năm đã được về.

Nếu tình hình hiện nay kéo dài thì khả năng tôi ra khỏi đây là ít. Chừng nào Lê Duẩn và Lê Đức Thọ còn sống. Mà chúng còn sống còn lâu. Cả hai đều khoẻ. Béo tốt, hồng hào.

Thiên hạ đàm tiếu nhiều về chuyện quan hệ với phái yếu ở các nhà lãnh đạo cao niên. Theo lời đồn, họ đều là những người hảo ngọt. Chuyện ấy là đề tài ưa thích trong cuộc sống đơn điệu. Tuy nhiên, chẳng ai rõ hơi nói tới chuyện riêng tư của các vị, nếu như các vị không lên mặt đạo đức, luôn miệng dạy dỗ thần dân lối sống khắc kỷ xã hội chủ nghĩa. Lời đàm tiếu là phản ứng ngược cho những lời rao giảng đạo đức giả. Các vị lang chạ với hết cô này cô khác thì không sao, cán bộ cấp thấp mới chỉ hơi dính dáng chuyện ăn nằm với phụ nữ, gọi là "hủ hoá", thì đã bị kiểm điểm lên kiểm điểm xuống, bị thi hành kỷ luật rồi. Trong chuyện này, theo lời đồn, Lê Duẩn là người hồn nhiên. Lê Duẩn không coi dù

luận ra gì. Cái gì Duẩn thích là Duẩn làm. Thọ chẳng thua gì Duẩn, theo những người gần Thọ cho biết, nhưng kín đáo hơn. Mỗi lần cán bộ nữ đến cầu cạnh Thọ để xin lên chức, lên lương, thường được Thọ cho gặp riêng để đả thông tư tưởng. Họ ra về, mặt tươi nở. Được gặp anh Sáu là đời lên hương rồi.

Tôi là người duy lý. Tôi sẵn sàng chấp nhận những nhà lãnh đạo mắc bệnh tim la. Miễn họ đừng lạm dụng quyền chức gây đau khổ cho đồng bào.

Đêm đến, qua lỗ thủng trên tấm lưới sắt nơi ở mới tôi có thể nhìn thấy những cành sấu trại lá in những nét gãy lên nền trời tím đen với những vì sao yếu ớt run rẩy trong gió bắc.

Chiều hôm sau, lúc trời nhập nhoạng tối, chúng tôi đang nằm nghỉ sau bữa cơm chiều thì nghe tiếng chân người chạy thình thịch bên ngoài, tiếng mở cửa, đóng cửa, rồi sau đó mọi sự lại trở về yên lặng.

- Có tù mới đến, cậu ạ. - Thành nhận xét.

Ngày hôm sau anh bổ sung:

- Người này trong vụ các cậu.

Một nhận xét hẵn phải là chín chắn. Nó được nghiền ngẫm tới hai ngày.

- Căn cứ dấu hiệu gì mà anh cho là như thế? - tôi hỏi.

- Trước hết, nếu là tù thường, người ta không dọn dẹp xà lim trước khi cho vào. Hôm qua, khi ta mới tới, tôi nghe tiếng quét dọn, là một. Tiếp đến có giám thị hay là cấp to của nhà tù đến kiểm tra, là hai. - Thành phân tích - Sáng nay, đi qua tôi thấy cửa phòng hé mở, ngó vào thấy có cái giá gỗ mới tinh để trên phản, là ba... Tù thường, không phải tù đặc biệt, không được người ta đối xử thế đâu.

- Hôm tôi bị đưa vào, người ta có dọn phòng không?

- Tôi đến trước cậu vài ngày. Phòng đã được dọn dẹp sạch sẽ rồi.

- Hừm, lạ nhỉ?

- Trong vụ các cậu có vẻ họ còn lấn bấn, chưa dám quyết...

Hóa ra Thành có biết nhiều anh em trong quân đội trong vụ chúng tôi. Vài người từng là bạn chiến đấu của anh. Sự có những người quen biết chung làm chúng tôi thêm gần nhau. Anh cảm cảnh cho tôi lắm.

- Tình thế của cậu, nói thực nhé, chẳng lấy gì làm sáng sủa đâu. - Thành vuốt mái tóc lò xò - Điều tận thì cung tàng. Kể từ Cách mạng Tháng Tám tới nay tôi chưa từng thấy vụ nào tương tự. Lớn quá, lớn quá! Người ta dám làm thế là người ta quyết tâm lắm. Không dễ gì họ bỏ cuộc. Chơi nhau thế này là sát ván rồi.

- Còn phải nói!

- Họ quyết tâm, nhưng lại chưa quyết liệt trong hành động. Chưa dám. Cách đối xử thế này tỏ ra họ còn một chút e ngại, một chút phân vân... Nếu triệt không được thì cũng phải để lại một đường rút chử.

Thành tỏ ra có cách suy luận rạch ròi.

- Tôi nghĩ họ vừa làm vừa nghe ngóng. – tôi đồng ý với anh – Trong mọi việc, họ là như thế. Nếu thấy trong ngoài không phản ứng thì họ làm tới.

Thành thông cảm nhìn tôi, khuyên nhủ:

- Lại càng cần bình tĩnh nhìn thẳng vào sự thật để mà chịu đựng. Thôi thì cứ coi như cậu chia sẻ nỗi khổn khó với ông cụ. Tôi nghiệp ông cụ quá. Cậu còn sống lâu, còn có quyền hi vọng. Chứ ông cụ thì mất cả cuộc đời!

Tôi thở dài.

- Trong lịch sử nước ta chưa bao giờ xảy ra chuyện bắt nhiều công thần một lúc như thế.

Buổi chiều ra lấy cơm, Thành đưa mắt chỉ cho tôi cái xà lim có tù mới. Cánh cửa đóng im im. Từ bên trong không một tiếng động nào vang ra.

Ngày hôm sau, khi ra nhận cơm trưa, tôi thấy cửa xà lim nọ khép hờ. Bên trong, một cái chǎn đơn để bừa trên phản và dưới cái giá gỗ mộc mới đóng lỏng chỏng mấy hộp thuốc bên tuýp kem răng Hoa Mai.

- Anh đúng. Người đó trong vụ tôi.

- Cậu căn cứ vào cái gì?

- Nếu là tù khác, chǎn để không gọn gàng thì quản giáo mắng, nhưng sáng nay lấy tù đi cung, chỉ nghe tiếng quản giáo mở cửa... Nói chung, họ đối với chúng tôi có nhẹ nhàng hơn. Họ biết quá, chúng tôi không sợ chết, nói gì sợ họ.

Thành gật gù rồi khen tôi:

- Cậu bắt đầu biết xét đoán việc trong tù rồi đó!

Trong khu xà lim 1 chúng tôi thoát được con chuột già của xà lim 3, nhưng lại gặp giặc kiến hôi. Bộ lạc những con kiến li ti màu vàng nhạt này đông vô số kể. Chỉ có thể chạy trốn chúng chứ không thể giết chúng. Con kiến bé tẹo khi bị di chết tiết ra một mùi hăng khó tả, giống mùi hạt thu đúp bị b López nát. Lũ kiến gan lì và kiên nhẫn không thể tả được. Chỉ một gói kẹo nhỏ thôi cũng đủ để chúng điên lên, lùng xục đú mọi chỗ mà Thành có thể cất giấu. Ban ngày anh móc vào lưới thép cửa thông hơi. Ban đêm anh treo trên đình màn. Chỗ nào rồi chúng cũng tìm ra. Tim được rồi chúng lăn xả vào, sẵn sàng chết chỉ để hút một chút xíu chất ngọt. Cái kẹo thế là không thể ăn được nữa vì cái mùi hăng của xác

kiến. Nhưng chúng tôi lại quá nghèo để có thể vứt đi. Đành phải rửa kỹ kẹo cho xác kiến trôi đi mà ăn vậy.

Lũ chuột cống ở đây không cần phải vào xà lim kiếm ăn. Thức ăn đã có sẵn ngoài sân. Đó là phần cơm tù được nhà bếp gánh vào, thường là rất sorm. Leo lên cửa sổ ngó ra sân, tôi thấy những con chuột béo múp ngồi chêm chệ trên những tô cơm của chúng tôi. Tôi phải gạt bỏ phần cơm trên nguội ngọt, đè cảm giác ghê tởm xuống mà nuốt phần ít ỏi còn lại. Có hôm tôi bắt gặp Thành rơm rớm nước mắt bưng bát cơm lên miệng.

Trong các quán giáo chỉ có Sứ giả hòa bình là thông cảm với nỗi khổ tâm của tù xà lim trong chuyện ăn uống. Anh ta thường có mặt để mở cửa cho tù ra nhận cơm ngay khi nhà bếp vừa gánh tới. Khốn nỗi, quán giáo làm việc luân phiên nhau, không phải ngày nào tù cũng được gặp Sứ giả hòa bình. Hách thuộc loại người khác hẳn. Mặt y lúc nào cũng vác lên theo hình mẫu lãnh tụ. Già nhưng đóm dáng, y quan tâm tới nếp là của bộ cảnh phục hơn nhiều thứ trên đời, nói gì tới bữa cơm cho tù. Hách thường để cơm nguội tanh mới đúng đinh dẫn rượu vào khu xà lim. Lũ chuột thừa thời giờ ăn, ăn rồi còn ỉa vào những tô cơm tù.

Tôi quyết định nói với cán bộ chấp pháp Hoàng về tình hình cơm nước trong khu xà lim.

Hoàng nghe tôi chăm chú, im lặng hồi lâu.

- Làm sao anh biết cơm bị chuột vầy?
- Tôi nhìn thấy.
- Anh trèo lên cửa sổ ngó ra?
- Phải.
- Anh trèo lên bằng cách nào?
- Bằng cách thông thường nhất. Như người ta thường trèo.
- Cửa sổ cao mà.
- Tôi có cách.
- Hừm, nghĩa là anh nhận anh vi phạm nội quy? Anh có biết làm như thế anh sẽ bị kỷ luật không?

Tôi cười khẩy.

- Tôi không còn gì để mất.
- Theo nội quy trại, anh có thể bị cùm một tuần lễ.
- Anh cứ cùm.

Hoàng không cùm tôi. Hôm sau tình hình được cải thiện - Hách phải đi theo nhà bếp để mở cửa. Cái giá phải trả được coi là rẻ - chúng tôi chỉ bị chuyển qua một phòng khác, cũng vẫn trong khu xà lim 1. Từ cửa sổ này tôi không nhìn ra sân được nữa.

Trong những lần ra rửa ráy, lấy cơm, trả bát, tôi tò mò quan sát phòng giam Hoàng Văn Thụ. Nhân tiện ở đây tôi cũng muốn xem kỹ nó một tí. Thỉnh thoảng lại có đoàn tham quan vào khu xà lim này, chắc họ tới viếng xà lim của nhân vật cách mạng nổi tiếng.

Hoàng Văn Thụ có lui tới nhà tôi trong thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám. Người hay nhắc tới Hoàng Văn Thụ nhất mỗi lần đến thăm cha tôi là Chiến Sĩ. Được Hoàng Văn Thụ giác ngộ, từ một sĩ quan lê-dương Chiến Sĩ trở thành đảng viên cộng sản, tham gia tổng khởi nghĩa Tháng Tám và kháng chiến chống Pháp. Mỗi khi nhắc tới Hoàng Văn Thụ giọng Chiến Sĩ bồi hồi, đôi mắt xanh của ông trở nên ướt. Ngồi nghe những người của thời trước, thời cách mạng chưa thành công, khi họ còn là những đồng chí thân thiết, tôi cứ ngẩn người ra mà ngắm - sao thời ấy họ đẹp thế!

Hàng ngày đi qua xà lim Hoàng Văn Thụ, tôi thường nghĩ về tình bạn giữa cha tôi và người anh hùng đã khuất với mối hoài nghi bất giác: nếu Hoàng Văn Thụ còn sống, liệu ông có trở thành một trong những tên đang hành hạ chúng tôi không? Hay ngược lại, ông cũng đang ở một xà lim nào đó, cùng chúng tôi?

Thành kể thời Pháp bức tường đá bao quanh Hỏa Lò không cao thế này. Vì nó thấp cho nên trong cuộc vượt ngục nổi tiếng trước ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám tù chỉ công khen nhau đã leo được ra ngoài. Sửa chữa sơ hở của thực dân Pháp, chính quyền cách mạng đã bồi cho bức tường cao thêm chừng mét rưỡi nữa. Bây giờ vết nối giữa bức tường cũ và đoạn được xây thêm trông còn rõ.

Từ trong xà lim 1 có thể nhìn thấy một mảng trời khá rộng với những cành sấu, cành me la đà nơi ngã ba Quán Sứ và Hàng Bông Thợ Nhuộm. Bên trong bức tường là mấy vọng gác gần khu trại nữ, trên đó mấy chàng lính trẻ chốc chốc lại cởi cúc quần ngắn mặt ra thủ dâm trước những con mắt bị giam thèm khát màu xanh.

So với xà lim 3, xà lim 1 đỡ vắng lặng hơn. Nó được dành riêng cho tù trọng án. Đám tù này gồm những kẻ bất cần đời. Vào đến xà lim 1 là họ hiểu ngay: người ở đây không bị xử bắn cũng chung thân, nhẹ nhất là hai mươi năm. Khi buồn quá, họ hát ti tỉ, họ ngâm thơ, quản giáo có la hét thì họ vâng vâng dạ dạ tí chút rồi đâu vẫn hoàn đấy. Lại thêm một anh phi công Mỹ lạc loài vào sau chúng tôi vài ngày, hắn khu tù binh đã quá chật. Anh chàng này suốt ngày im lặng, thỉnh thoảng lại hứng lên ông ống cất tiếng hát bằng giọng nam trầm, chẳng ra cái điệu gì. Hách xầm xầm chạy vào, mắng xa xả bằng tiếng Việt, người Mỹ cãi lại oang oang bằng tiếng Mỹ. Hai bên om xòm một hồi rồi chia tay, không bên nào hiểu bên nào.

Khu xà lim 1 còn tiếp giáp với trại nữ. Ban ngày trại nữ im ắng nhưng tối đến hoặc đang đêm lại ồn lên tiếng cãi lộn, những lời chửi bới thô tục. Thỉnh thoảng xảy ra một vụ đánh nhau, vắng đến phòng chúng tôi tiếng gào thét đến lạc giọng của những cô gái: "Báo cáo bà quản giáo ạ, báo cáo bà quản giáo! Chúng nó đánh chết con rồi ạ!" Tù nữ ít khi đánh nhau, nhưng đã đánh nhau thì đánh nhau

dữ lầm, quản giáo không can nỗi. Dẹp một vụ xô xát ở trại nữ mất cả tiếng đồng hồ. Phần lớn tù nữ là gái điếm, trộm cắp, còn lại là các thứ khác: buôn lậu, buôn bán tem phiếu<sup>1</sup>, lừa đảo, đánh ghen vv...

Chúng tôi còn nghe thấy cả tiếng trẻ con khóc từ trại nữ vọng lại. Không hiểu có phải khi người mẹ đang cho con bú thì bị bắt nên người ta cho phép mang con vào theo, hay là tù sinh con trong trại. Thành trầm lặng hẳn khi nghe tiếng trẻ gào như mèo kêu trong đêm.

- Khốn nạn, vừa chào đời đã ở tù. Cũng là cháu Bác Hồ cả đấy, chẳng biết rồi ra nó sẽ là cháu ngoan hay là cháu hư? Hư là cái chắc. Đi qua nhà tù, mấy ai còn tử tế...

Trong đêm thanh vắng tôi nghe thấy tiếng người lao xao trên đường Hàng Bông Thợ Nhuộm vào giờ tan buổi chiếu bóng muộn. Có hôm, tôi còn nghe thấy tiếng một người quen. Hỏa Lò được thiết kế rất lạ: ở trong có thể nghe thấy tiếng bên ngoài, nhưng ở bên ngoài không thể nào nghe thấy tiếng người bên trong.

Chẳng bao lâu sau anh chàng Căn cũng theo chân chúng tôi qua bên này. Bằng cách nào không biết, chỉ một ngày sau anh ta đã biết sự có mặt chúng tôi ở đây. Để đánh tiếng cho chúng tôi biết, anh ta nghêu ngao bằng giọng khàn khàn vịt đực:

Em chờ anh tối qua

Suốt canh trường chẳng thấy anh ra...

---

<sup>1</sup> Tem phiếu là từ chung dùng để chỉ các loại giấy phân phối các thứ hàng hóa từ gạo, thịt, đường, sữa... cho tới vải, chậu men, xe đạp vv... Buôn bán tem phiếu là một tội, chế tạo và lưu hành tem phiếu giả là tội rất nặng, có thể tới chung thân hoặc 20 năm tù ngồi.

Tôi choàng tỉnh, mồ hôi đầm đìa. Cơn ác mộng đã qua. Trong ánh điện chói chang, tôi nhìn thấy mặt Thành cúi sát tôi, bàn tay đặt lên vai tôi lạnh ngắt:

- Cậu ú ớ mãi, mơ hoảng à?
- Cái gì thế? Có chuyện gì thế? - tôi ngồi nhởm dậy.

Anh đặt ngón trỏ lên môi suýt khẽ, hất hàm chỉ ra cửa.

Định thần, tôi nghe ngoài hành lang có tiếng nấc cụt liên hồi, tiếng người xì xào không rõ, tiếng chân rầm rập chạy vào khu xà lim. Trong tĩnh mịch, ầm lên tiếng một vật bằng gỗ rơi xuống sàn xi-măng, sau đó là tiếng bước chân nặng nề xa dần.

Khu xà lim lại chìm vào yên lặng.

Thành rời khỏi khung cửa, leo lên phản, lúi húi chuẩn bị điếu thuốc lào đầu tiên của buổi sáng.

- Cấp cứu. - anh điềm tĩnh kết luận sự kiện vừa xảy ra.

Tôi hiểu mối quan tâm của Thành đối với người tù cùng vụ với tôi.

- Cậu đoán ra là ai chưa?

Tôi lắc đầu. Cánh cửa xà lim bên ấy suốt ngày đóng im im, người bên trong không đánh tiếng thì chịu, làm sao biết được anh ta là ai.

Thành là người lính trinh sát tốt. Anh quan sát, anh suy luận, anh liên tưởng, anh đặt giả thuyết trước mỗi hiện tượng và bao giờ cũng vậy, anh có những kết luận khá chắc, khá gần với sự thật.

Ai ở bên ấy nhỉ? Cha tôi không có hiện tượng bệnh như vậy. Ông đau gan, nhưng khi đau lầm ông chỉ rên khe khẽ, như thể suýt soa. Vả lại, nếu là cha tôi chắc chắn tôi sẽ biết, bằng linh tính, bằng một chi tiết nhỏ nhất. Chỉ cần đi qua cửa xà lim tôi cũng có thể bắt được hơi ông. Ông Đặng Kim Giang, tôi nhớ, không có bệnh gì, trừ chứng tê thấp nhẹ, họa hoản tôi mới gặp ông đi cà nhắc. Vậy còn ai nữa trong những nhà cách mạng già cũng bị trong vụ này, mà người ta phải lo lắng để không cho chết tự do? Ông Bùi Công Trừng? Ông Ung Văn Khiêm<sup>1</sup>?

- Liệu anh ta có việc gì không, anh Thành?
- Chẳng biết nữa! - Thành thở dài - May mà người ta đến kịp.
- Anh ta bị bệnh gì nhỉ?

<sup>1</sup> Về sau tôi mới biết hai ông không bị bắt, chỉ bị khai trừ và quản thúc tại gia. Lê Duẩn và Lê Đức Thọ không bắt hai ông có lẽ vì không muốn vụ án thêm ầm ĩ vì cả hai là ủy viên chính thức trong Trung ương Đảng.

### Thành tư lự.

- Hiện tượng này, theo tôi nghĩ, nhiều phần là bệnh tim, hẹp van hay hở van chi đó. Nhồi máu cơ tim không phải, chứng ấy chết trong tích “tắc”, đợi được đến lúc y sĩ tới thì đã ngoéo.

Thôi chết, đau tim thì đúng là Phạm Viết rồi! Thế mà tôi quên bãng.

Tôi và Phạm Viết thỉnh thoảng vẫn gặp nhau, khi ở nhà tôi, khi ở chỗ bè bạn, nhưng giữa hai chúng tôi không có sự giao du thân tình. Tại sao lại như vậy thì không thể giải thích được. Thoạt vào Hỏa Lò Huỳnh Ngự còn hỏi tôi về Phạm Viết, cho rằng chúng tôi là hai người “cùng quan điểm”, ắt phải thân nhau, nhưng sau đó qua thái độ của tôi, hoặc qua ai đó, y biết tôi không có quan hệ mật thiết với Phạm Viết, nên chỉ hỏi lấy lệ rồi bỏ qua.

- Sao, cậu đã nhận ra?

- Đó là Phạm Viết, cán bộ mặt trận Hà Nội thời kháng chiến chống Pháp.

Tên của Phạm Viết không nói lên điều gì với Thành. Hai người ở hai chiến trường khác nhau, chưa gặp nhau bao giờ.

Phạm Viết là cán bộ Hà Nội từ thời tiền khởi nghĩa. Năm 1946 anh bị thương trong một cuộc chạm súng với địch. Hà Nội bị Pháp chiếm, anh hoạt động nội thành. Hà Nội giải phóng, anh làm phó tổng biên tập một tờ báo hàng ngày trực thuộc thành ủy<sup>1</sup>.

Trắng trẻo, nho nhã, học thức, lại biết nhiều ngoại ngữ, trong thời kỳ công nông được đề cao Phạm Viết đương nhiên trở thành con quạ trắng giữa các đồng nghiệp xuất thân từ những thành phần cơ bản<sup>2</sup>. Khi nổ ra cuộc đấu tranh giữa hai đường lối, Phạm Viết còn bị thành kiến hơn nữa bởi những phát biểu chướng tai các vị lãnh đạo.

Cha tôi vốn hiếu khách. Nhà tôi lúc nào cũng có khách, nhất là trong những giai đoạn có biến động xã hội. Người ta đến để hỏi ý kiến, để nhận một lời khuyên, tin rằng cha tôi hiểu biết, lại có uy tín với các nhà lãnh đạo, được ông Hồ lắng nghe. Người bị oan ức thường đến nhờ cậy cha tôi can thiệp. Đến nỗi trong thời kỳ Cải cách ruộng đất Trường Chinh nổi đoá gọi cha tôi là cái loa của bọn tư sản và

<sup>1</sup> Đó là tờ Tia Sáng trong thời kỳ trước năm 1954. Khi Phạm Viết bị bắt, nó mang tên Hà Nội Mới.

<sup>2</sup> Nói xuất thân công nông là nói theo cách thường bấy giờ, chứ giai cấp công nhân Việt Nam vào thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám nhỏ bé đến nỗi hầu như không có mấy cán bộ cách mạng xuất thân từ giai cấp này. Trong hàng ngũ cán bộ trung cao cấp lại càng hiếm người thuộc thành phần công nhân hơn nữa. Số đông cán bộ có thành phần xuất thân là tiểu tư sản và dân nghèo thành thị.

địa chủ, còn đến thời kỳ đấu tranh giữa hai đường lối thì Lê Đức Thọ gọi ngôi nhà của chúng tôi là câu lạc bộ Petofi<sup>1</sup>.

Trong những người thường lui tới với cha tôi thời gian cuối có Phạm Viết.

Phạm Viết kính trọng cha tôi, như kính trọng một bậc tiền bối cách mạng, kính trọng thái độ dũng cảm của ông trong việc bảo vệ chân lý, không sợ cường quyền.

Tôi cũng quý Phạm Viết, nhưng không mấy đồng tình với anh về tính cách cực đoan của anh. Trong con người đầy nhiệt huyết của anh tính xu hướng quá mạnh. Mà một khi tính xu hướng quá mạnh, nó thường để ra sự chống lại, chí ít cũng là ý muốn tự vệ, ở người đối thoại. Người như anh không thuyết phục được quần chúng, cha tôi nhận xét.

Thời gian căng thẳng của Nghị quyết 9 rồi cũng trôi qua. Ba năm đủ để cho chúng tôi quên đi những nỗi lo âu. Trung Quốc vẫn mải mê đấu tranh chống xét lại, còn ở Việt Nam mọi nỗ lực được dồn cho kháng chiến chống Mỹ. Chúng tôi đã mừng: Đảng ta thoáng, Đảng không bắt ép ai phải theo quan điểm Đảng.

Văn Cao cảnh cáo tôi: hãy coi chừng!

Văn Cao là người mẫn cảm với những động thái của Đảng. Anh đúng. Vài tuần sau khi khởi đầu cuộc chống "xét lại" tích cực, bằng việc bắt bớ những "tên xét lại" đầu sỏ, nanh vuốt của Đảng đã lộ rõ. Những tên hanh tiến nghiến răng kẹt: "Phải quét sạch cỏ dại trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội", "Đảng nhân đạo, nhưng chỉ có giới hạn thôi", "Phải tổng chúng nó ("bọn xét lại") đi cải tạo hết thì xã hội mới lành mạnh". Lời lẽ của chúng giống hệt lời lẽ bọn quan thầy ở Bắc Kinh, từng chữ.

Những người có ý kiến ngược với Nghị quyết 9 bắt đầu lo ngại. Nhưng lo ngại thế thôi, chứ vẫn tin: mình có làm gì đâu mà Đảng bắt. Nếu không được bảo lưu quan điểm nữa thì thôi, ta chui phắt cái quan điểm của ta đi là xong, như trong ván bài tam cúc ấy.

Nói tóm lại, chúng tôi chưa biết sợ vì chúng tôi mắc bệnh đinh ninh. Chúng tôi tin Đảng quá lâu, quá nhiều. Chúng tôi đinh ninh Đảng đàng hoàng, không bắt bớ bậy bạ, đã bắt là phải có sở cứ. Chắc Hoàng Minh Chính và mấy anh có làm điều gì quá đáng nên Đảng mới bắt. Đến nỗi cha tôi cũng nghĩ thế, tôi cũng nghĩ thế. Théo Ronco, phóng viên thường trú tờ Nhân Đạo (Humanité) gặp tôi, anh hỏi về vụ bắt bớ vừa xảy ra, tôi còn nói rằng chưa biết thế nào, cần phải chờ Đảng thông báo cái đã. Xem ra chuyện có vẻ lớn. Ronco lắc đầu, nói anh không hiểu luật pháp Việt Nam - cứ bắt người cái đã,

<sup>1</sup> Sandor Petofi (1823-1856), nhà thơ lớn của Hungari. "Câu lạc bộ Petofi" là tên gọi của tổ chức trí thức đấu tranh cho dân chủ, chống lại chế độ độc tài của nhà nước cộng sản tại Hungari vào giữa thập niên 50, từ "Câu lạc bộ Petofi" đã hình thành một phong trào đấu tranh rộng lớn của nhân dân Hungari vì dân chủ và tự do.

lúc nào Đảng thích công bố tội trạng thì công bố. Anh cho rằng ở Việt Nam đang diễn ra những gì đã có ở Trung Quốc, tuy kém ồn ào.

Tôi chờ Phạm Viết trở về xà lim 1, nhưng anh không trở về nữa. Không rõ anh bị chuyển đi đâu, điều chắc chắn là không phải đi bệnh viện - nhà cầm quyền không giàu lòng nhân đạo đến thế.

Tôi buồn mất mấy ngày. Tôi nghĩ Phạm Viết đã chết và tôi ân hận trước kia đã có cái nhìn khe khắt đối với anh. Khi Phạm Viết bị bắt, cha tôi nói với mẹ tôi: "Khốn khổ, bệnh nó như thế, nó đến chết trong tù mất thôi." Chị Lan, vợ anh, kể anh bị bắt trong khi đang đau tim nặng, phải điều trị tại bệnh viện.

Cha tôi nói gở. Tôi biết tin Phạm Viết chết vào cuối năm 1972<sup>1</sup>, trong một trại giam ở Thái Nguyên. Khi đó tôi đang ở trại Tân Lập. Nghe nói sau khi anh chết gia đình anh được báo tin và chị Lan<sup>2</sup>, vợ anh, được phép lên nghĩa trang nhà tù để thắp nén hương tưởng niệm chồng.

Phạm Viết đi khỏi xà lim 1 được ít ngày thì một hôm đi ngang dãy phòng giam cuối hành lang để tới phòng vệ sinh, tôi giật mình nghe thấy tiếng ho trầm trầm của ai đó, rất quen. Tiếng ho không tự nhiên, rõ ràng người ở trong cố dặn ra để chúng tôi chú ý. Hôm sau đi qua tôi nghe người trong phòng ngâm nga:

Nhất sĩ nhì nông,

Hết gạo chạy rông

Nhất nông nhì sĩ...

Tôi muốn reo lên khi nhận ra tiếng Hồng Sĩ. Chao ôi, chẳng lẽ cả anh nữa, người trước nay tôi vẫn coi là thuộc phái bên kia, cũng bị bắt, cũng là đồng vụ với tôi? Cuộc đời mới kỳ cục làm sao!

Hồng Sĩ là công an, cấp bậc trung tá, nếu tôi không nhầm, là công tác phản gián ở Hải Phòng. Anh ở cùng nhà với nhà văn Bùi Ngọc Tấn, bạn thân của tôi, số 10 Điện Biên phủ. Mỗi lần có việc đến cảng hoặc đi xa hơn, tới mỏ Quảng Ninh, tôi đều ghé thăm Tấn. Tấn lại chơi thân với Hồng Sĩ, đến Tấn tức là đến Hồng Sĩ, cho nên chúng tôi gặp nhau luôn.

<sup>1</sup> Tức là gần một năm sau khi anh mất.

<sup>2</sup> Chị Lan, nguyên cán bộ Ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam, giáo sư Anh văn ở trường Đại học sư phạm. Chị cũng bị bắt, nhưng không bị giam lâu (chị chỉ bị giam hai năm rưỡi). Chị chỉ được thả ra sau khi bị chúng cưỡng bức khai báy bạ cho những người bị bắt khác và dưới sự chỉ đạo của chúng vẽ hai sơ đồ tổ chức chống Đảng và hệ thống tình báo (sic) của Liên Xô.

Mặc dầu chúng tôi tin Tấn, nhưng với ông bạn công an của anh chúng tôi vẫn cứ chờn chørn. Khi trò chuyện với Hồng Sĩ tôi vẫn cảnh giác, lựa lời mà nói, chọn chữ mà dùng, tuyệt không dám khinh suất.

Cao to, xương xẩu, nghiện thuốc lá nặng, Hồng Sĩ giống một thày ký nhiều hơn một cán bộ, hơn nữa, một cán bộ công an. Nhưng đó chỉ là bề ngoài. Bùi Ngọc Tấn nhận xét anh là một cán bộ công an giỏi giang, có học thức nhất thành phố cảng. Tôi gặp Hồng Sĩ là mến anh ngay. Anh ham học hỏi, quan tâm nhiều lĩnh vực, hiểu biết rộng. Trong căn phòng hẹp của gia đình anh có một máy thu thanh cổ lỗ hiệu Phillips, trên cái mặt nhựa vàng xỉn hình bát quái của nó chữ in đã mờ hết, nhưng nó vẫn bắt được các đài xa. Đêm đêm anh ngồi lì bên cái radio già lão nghe hết BBC đến Tiếng nói Hoa Kỳ, hết Bắc Kinh đến Moskva, nhờ đó anh biết nhiều chuyện chúng tôi không biết trên cái thế giới xa lắc xa lơ bên kia hàng rào tư tưởng.

Hồng Sĩ không giấu giếm quan điểm của anh. Anh nói anh đang chờ xem Ông Cụ định đưa dân mình tới đâu. Nếu Việt Nam rồi sẽ như Trung Quốc thì chán lắm, anh nói, "thà chết còn hơn". "Cần tắc vô áy náy", chúng tôi nghe anh, mặt bất động như những nhân vật trong tuồng Nô Nhật-bản.

Có lần Hồng Sĩ còn dặn dò tôi hãy cẩn thận trong mối quan hệ với nhà thơ Hoàng Thượng Khanh cũng ở Hải Phòng trong thời gian đó:

- Nó vừa báo cáo về cậu đấy. Lên Hà Nội, nghe Tố Hữu phê phán Đêm Mất Ngủ của cậu xong là nó về đây báo cáo liền. Nó làm thế để duỗi ra vì trước có quan hệ thân mật với cậu, hay là nó muốn lập công từ không biết. Hãy cẩn thận với cái thằng vừa là vua vừa là bầy tôi.

Tôi chơi với Hoàng Thượng Khanh từ thời kháng chiến chống Pháp, ở Liên khu 4. Anh người Huế, ăn nói nhỏ nhẹ, rất dễ thương, công tác trong bộ đội nhiều năm, đảng viên, là nhà thơ đầu tiên được tặng thưởng huân chương Chiến thắng. Năm 1956 anh bị dính vào vụ Nhân văn - Giai phẩm, bị Đảng thi hành kỷ luật. Oan cho Hoàng Thượng Khanh, anh không dính dáng gì với Nhân văn - Giai phẩm hết. Anh bị thi hành kỷ luật do lỏng tay lanh đạo trong cương vị bí thư ở văn phòng Hội Nhà văn hay Hội Văn nghệ tôi không nhớ. Bị mất việc, anh chuyển về Hải Phòng, công tác tại công đoàn cảng, sống nghèo khổ với một nhà thơ nữ có sẵn một đàn con.

Tôi vẫn đến chơi với Hoàng Thượng Khanh. Tôi vẫn thương anh. Nhưng có lần bên ly cà phê hội ngộ tôi đe:

- Bây giờ nhiều thằng bán bạn bán bè lắm. Tớ cũng bị bán, tớ biết, nhưng tớ không trách – khi người ta chẳng còn gì để bán mới phải bán bạn. Tớ chỉ trách cái sự bán quá rẻ. Tiếng thế, tớ cũng có giá chứ!

Hoàng Thượng Khanh cười ngượng.

Tôi kiểm tra, biết việc Hồng Sĩ báo là có thật.

Khi biết tôi vẫn còn e ngại Hồng Sĩ, Kỳ Vân cười hì hì:

- Các cậu lại mắc bệnh Tào Tháo rồi. Thế thì khác gì họ. Tin tức đi, Hồng Sĩ là thằng bạn tốt lắm đấy.

Nguyên Hồng có vẻ cũng e dè Hồng Sĩ. Anh hay có mặt ở nhà Bùi Ngọc Tấn, và tất nhiên, không thể không tiếp xúc với anh bạn công an có những quan điểm không chính thống. Nguyên Hồng chỉ yên tâm hơn một chút khi thấy Hồng Sĩ không chú ý tới anh nhiều.

Nguyên Hồng hồi ấy cũng rơi vào tâm trạng buồn phiền. Một hôm, Bùi Ngọc Tấn đang đứng dưới tấm bảng lớn bằng cả bức tường để so vé số thì bị Nguyên Hồng bắt gặp. Nguyên Hồng thụt cho Bùi Ngọc Tấn một quả:

- Cái thằng rõ ngu. Ở đời đã chán vạn điều thất vọng mà mày còn bỏ ra hai hào mua thêm một cái, đắt quá!

Bùi Ngọc Tấn đỏ mặt lên.

Ít ngày sau, Bùi Ngọc Tấn bắt quả tang Nguyên Hồng cũng đang so vé số, cũng trước chính bức tường ấy. Anh khoái lắm, đem câu nói của Nguyên Hồng hôm trước ra đay lại. Nguyên Hồng làm bộ sững sốt:

- Tao có nói thế à? Không có lẽ. Ở đời toàn là thất vọng, bỏ ra có hai hào mua được cả một cái hi vọng, rẻ ơi là rẻ!

Bây giờ Hồng Sĩ đã ở đây, bên cạnh tôi. Mọi nghi vấn về anh thế là được giải tỏa.

Thấy tôi buồn buồn, Thành hỏi:

- Cậu nhận ra người ấy à?

Tôi gật đầu:

- Anh ấy là bạn tôi.

Hồng Sĩ không có con. Vợ chồng anh đón đứa cháu họ về làm con nuôi cho vui cửa vui nhà, tình cảnh thật tội nghiệp. Bây giờ Hồng Sĩ bị giam, không hiểu vợ con anh xoay xở ra sao? Lại còn Bùi Ngọc Tấn nữa. Hồng Sĩ bị thì Bùi Ngọc Tấn cũng dám bị lăm<sup>1</sup>. Tôi biết rõ Bùi Ngọc Tấn. Anh hiền lành, có chính trị chính em gì đâu.

Nghe tôi kể về Hồng Sĩ, Thành chép miệng:

<sup>1</sup> Bùi Ngọc Tấn bị bắt, nhưng không được Đảng gộp vào trong đám xét lại ở Trung ương. Anh bị đối xử xấu hơn, vợ con anh ở nhà không được hưởng nửa lương như vợ con tôi, mà bị cắt hoàn toàn.

- Anh bạn cậu ở cái phòng chết tiệt ấy là khốn nạn lắm đấy. Hôi hám, ẩm ướt vô cùng. Có lần tôi bị họ nhét vào đấy, chịu không nổi. Anh này chắc bướng, hả?

- Chắc vậy.

Tôi kể cho Thành nghe về Hồng Sĩ. Giả thử Thành là chỉ điểm, có báo cáo với chấp pháp cũng chẳng sao.

Trù tình cảm quý mến nhau, Hồng Sĩ chẳng có liên quan gì với tôi trên bất cứ phương diện nào. Vả lại, kể chuyện Hồng Sĩ tôi cũng muốn dẫn Thành vào sâu thêm vụ án chúng tôi. Biết đâu sau này anh lại chẳng là người đưa những tin tức cuối cùng của chúng tôi ra ngoài. Nếu không, chẳng ai có thể biết chúng tôi sống chết ra sao.

Tôi không biết trong lòng Thành đang có nỗi buồn. Anh suy luận: cái sự người ta bố trí cho tôi ở chung với anh có thể có nghĩa là vụ án của anh cũng kéo dài luôn - chẳng ai dại gì cho anh ra để mang theo những bí mật về vụ án họ đang bưng bít. Ý nghĩ ấy sau này anh mới cho tôi biết.

Phòng giam Hồng Sĩ liền vách với phòng vệ sinh. Trong căn phòng hơn hai thước vuông có vòi hoa sen ở trên hố xí, tắm ở đấy, đại tiện cũng ở đấy. Nó rộng rãi, tiện đường đi lối lại, cho nên đám quản giáo, lính gác bên trong Hỏa Lò chúc chúc lại tạt vào tiểu tiện đại tiện, nhát nhát lại bì bõm tắm rửa, thậm chí giặt giũ cũng tới đấy. Hồng Sĩ phải sống trong tiếng đóng cửa, mở cửa, tiếng cười nói oang oang, tiếng nước xối ào ào, trong bầu không khí tanh tưởi, sũng nước suốt ngày đêm.

Tôi không mừng gặp Hồng Sĩ, nhưng sự có mặt của anh ở đây làm tôi thấy bót cô đơn. Chắc hẳn ở cửa phòng anh có cái lỗ ai khoan sẵn ngó ra ngoài được cho nên lần nào tôi đi qua Hồng Sĩ cũng biết. Nghe tiếng ho làm hiệu của anh mà ấm lòng.

- Cần phải giải thoát cho anh bạn cậu ra khỏi cái xà lim chết tiệt ấy. - Thành nói - Nằm đấy lâu mất sức lắm.

Tôi hiểu - trong óc Thành đã nảy ra một kế.

- Đồng ý. Nhưng phải làm thế nào?

- Có gì khó. Nguyên tắc của Công an là không để cho tù cùng một vụ thông cung với nhau...

Kế ấy được.

- Để nghĩ thêm một chút xem có hại gì cho anh ấy không đã.

- Sẽ xảy ra hai trường hợp: một là anh bạn chúng ta được chuyển đi nơi khác, nơi nào thì nơi, vẫn cứ khai hơn ở đây; hai là chính chúng ta bị chuyển đi, trong trường hợp này số phận anh bạn không tốt lên, mà chính chúng ta có thể gặp cái tồi hơn...

- Với tôi thì đâu cũng vậy, nhưng vì bạn tôi mà anh bị ở chỗ xấu hơn tôi không muốn.

- Xì, đừng nghĩ lôi thôi. Cậu cho tôi là loại người gì?

Tôi coi anh là bạn, là người anh. Tôi cảm ơn số phận đã cho tôi gặp anh ở đây. Cách cư xử có nhân phẩm của anh làm tôi cảm phục. Nếu tôi có còn cảnh giác một chút thì đó là do tình thế buộc tôi phải như thế. Nhờ tu cho tôi hiểu thêm một điều bình thường tôi không hiểu - được tin một con người là một hạnh phúc.

Còn một điều làm tôi ngần ngại: ấy là tôi sợ Hồng Sĩ hiểu lầm tôi nhát gan đã báo cáo với chấp pháp về việc anh đánh tiếng cho tôi. Mà sự hiểu lầm rằng tôi đầu hàng trong thời gian mọi người đang bị dồn ép khai cung có thể gây ra những tai hại không thể lường trước.

Nhưng tôi không đành lòng không cứu anh. Vạn nhất có bị anh hiểu lầm thì cũng đành chịu vậy, sau này anh sẽ hiểu. Anh đã là công an, anh chẳng đến nỗi non nớt để bị bọn chấp pháp qua mặt.

Tôi thực hiện kế của Thành ngay lần đi cung sau. Tôi nghĩ kế hoạch của mình sẽ chót lọt mà không gây ra sự phiền phức nào vì gần đây tôi chỉ gặp Hoàng chứ không gặp Huỳnh Ngự. Với Huỳnh Ngự việc sẽ phức tạp hơn nhiều.

Tôi quyết định nói với Hoàng vào lúc y chăm chú đọc báo. Bao giờ cũng vậy, sau khi trao cho tôi một số câu hỏi để tôi suy nghĩ, Hoàng vùi đầu vào mẩy tờ báo anh ta mang theo.

- Tôi không hiểu sao các anh lại bắt Hồng Sĩ? - đang viết, tôi ngẩng lên hỏi Hoàng - Hồng Sĩ là người của các anh cơ mà?

Hoàng giật mình:

- Hồng Sĩ nào?

- Còn Hồng Sĩ nào nữa.

Buông tờ báo, Hoàng chầm chầm nhìn tôi.

- Làm sao anh biết Hồng Sĩ bị bắt?

- Anh ấy đang ở cùng một khu xà lim với tôi.

- Anh tin chắc?

- Tôi tin chắc.

- Tại sao?

- Tôi nghe tiếng ho của anh ấy. Tiếng ho của Hồng Sĩ không lẫn được.

Hoàng tigm tigm cười. Như một người Việt Nam chính cống, anh ta cười trong bất cứ trường hợp nào.

- Anh loại trừ mọi khả năng nhầm?

- Tôi loại trừ.

Hoàng không nói gì nữa. Anh ta đẩy bọc thuốc lá sợi về phía tôi.

Tôi cuốn một điếu. Từ khi làm việc với Hoàng, tôi học được cách cuốn thuốc lá của anh ta - trên những ngón tay thành thục điếu thuốc hiện ra tròn trịa, ngay ngắn, đầu bằng đít, đít bằng đầu, như thể cuốn bằng máy. Hoàng không bao giờ hút thuốc bao, anh ta chỉ có thuốc sợi, mà là loại thuốc vụn, phế liệu của nhà máy thuốc lá, thứ thuốc này cán bộ và dân nghèo thường mua được, đã không phải cắt phiếu cung cấp mà lại rẻ.

- Anh có phân biệt được tiếng tên lửa nổ lúc phóng lên và lúc nó nổ trên trời không? - Hoàng hỏi.

- Cũng còn tùy ta ở cách dàn phóng bao xa và tên lửa được cho nổ ở độ cao nào. Và còn tùy ở khoảng cách giữa lúc nó nổ và tai mình nữa. - tôi bình thản trả lời - Tôi cho rằng tôi phân biệt được, mặc dầu chưa bao giờ tôi đặt ra cho mình một câu hỏi như thế.

Hoàng quay lại với đề tài Hồng Sĩ vào cuối giờ làm việc.

Anh ta nói nếu tôi muốn báo cáo với Đảng về Hồng Sĩ thì anh ta không phản đối. Tôi cười nhạt, nói tôi không có tinh thần xung phong lập công. Đáp lại, Hoàng làm thính.

Không thể nhớ được là ngày hôm đó chúng tôi làm việc gì. Như mọi ngày, Hoàng đặt vài câu hỏi về một nhân vật nào đó, nhiều người tôi không quen, nhưng có gặp, hoặc có nghe tiếng. Tôi trả lời lảng nhăng, cho có lệ, rồi viết những câu lảng nhăng nọ vào giấy, Hoàng đọc lại, tôi ký phía dưới - thế là thành bản cung.

Tôi lẩy làm lạ: bọn họ bày ra cái trò vớ vẩn ấy làm gì? Có lẽ họ có những bài bản độc đáo mà tôi không hiểu. Kiến thức của tôi về nghề mật thám quá nghèo nàn.

Trước khi bị bắt tôi có được đọc một số hồi ký của những người cộng sản Liên Xô, phần lớn là cán bộ quân sự, bị bắt dưới thời Stalin. Những hồi ký này thường được đăng trong tạp chí Novy Mir (Thế Giới Mới) và Neva (Sông Neva). Cung cách bắt người ở Liên Xô hoàn toàn giống ở Việt Nam. Hoặc cách bắt người của công an Việt Nam hoàn toàn giống ở Liên Xô, nói thế thì đúng hơn. Nhưng cách hỏi cung thì khác nhiều. Thời Sta-lin, người nào đã bị bắt thì cũng bị tra tấn. Tra tấn bằng nhiều cách, rất đa dạng, nhưng không có ai trong số tác giả tôi được đọc miêu tả tỉ mỉ họ đã bị tra tấn như thế nào. Họ chỉ viết rằng bị tra tấn đủ mọi kiểu, thế thôi. Đọc những dòng chữ ngắn ngủi ấy chỉ có thể mường tượng được là họ bị tra tấn dữ lắm. Có người sau khi nếm mùi các thứ đòn nhà pha Liên Xô đã khai ra hơn một trăm "kẻ thù của nhân dân" trong một ngày đêm. Không biết có phải nhờ OGPU hoặc NKGB,

hoặc NGB<sup>1</sup> thả cửa dùng nhục hình mà chính quyền xô-viết của Stalin dựng vụ tài hơn không, nhưng hết thảy những vụ lớn đều được đưa ra xét xử hả hoi. Điều đáng khâm phục hệ thống trấn áp của tên độc tài khét tiếng này là trước tòa hết thảy người bị bắt oan đều nhận tội phản Đảng, làm tay sai cho đế quốc. Dưới triều Lê Duẩn, lũ công sai đã vụng về lại không được phép dùng nhục hình<sup>2</sup>, thành thử chủ của chúng lúng túng mãi không biết làm cách nào nặn ra cái họ rất muốn có.

Ngay đêm ấy, Hồng Sĩ bị chuyển đi nơi khác. Chúng tôi nghe tiếng mở cửa phòng anh, tiếng người nói khẽ, giọng giục giã, tiếng dép lép kẹp trên sàn xi măng, tiếng ho khan nhiều lần của Hồng Sĩ. Tôi hiểu: anh gửi tôi lời chào từ biệt.

## 28

---

<sup>1</sup> Những tên tắt của cơ quan mật vụ Liên Xô trong thời kỳ trị vì của Stalin. Khởi đầu bằng cơ quan Chêka (Ủy ban đặc nhiệm) được thành lập sau Cách mạng Tháng Mười, các cơ quan này thực hiện việc trấn áp "các lực lượng phản cách mạng".

<sup>2</sup> Trong nhà tù ở miền Bắc Việt Nam kể từ sau Cải cách ruộng đất việc dùng nhục hình bị nghiêm cấm. Trong các trại giam, như tôi được biết khi ở tù, đây đó cũng xảy ra vài vụ công an dùng nhục hình đối với phạm nhân, nhưng nếu bị phát giác thì những nhân viên phạm lỗi đều bị thi hành kỷ luật. Đó là sự thật. Tôi có nghe nói sau khi miền Nam Việt Nam bị chiếm, năm 1975, ở một số trại tù những người chiến bại bị đưa đi tập trung cải tạo, thì họ bị phơi nắng, bị giam trong những công-te-nơ, bị đánh bầm roi, bầm gậy. Than ôi, khi con người có quyền hành hạ đồng loại thì nó dễ biến thành dã thú lắm.

Mùa hè, Hỏa Lò nóng như thiêu như đốt.

Huỳnh Ngự lấy Hỏa Lò ra dọa tôi không phải không có lý. Từ sáng sớm, những khối bê tông dày và rắn như đá thu nhận lửa trời xích đạo vào lòng, tích tụ nhiệt ở đó, khoảng tầm trưa thì bão hòa. Đến lúc đó chúng mới phả cái nóng âm ỉ được nhân lên nhiều lần vào xà lim cho tù. Xà lim, như tôi đã tả, kín như bưng. Mùa đông gió không lùa vào được còn đỡ, chứ mùa hè thì chịu không xiết. Mồ hôi tháo ra như tắm.

Thành dùng riêng một khăn mặt để lau mồ hôi, chốc chốc lại phải vắt. Nước từ khăn mặt chảy ra tong tống. Cái khăn mặt trắng chẳng bao lâu có màu tím xám của quả sim, không hiểu trong mồ hôi người có chất gì mà lại làm khăn biến thành màu như thế? Tôi không có khăn mặt, đành mặc cho mồ hôi túa ra đầm đìa, chảy dọc theo người, đọng thành vết dưới chân.

Lúc đầu chúng tôi còn ngượng với nhau, chỉ cởi trần, mặc quần đùi, sau chúng tôi không buồn ngượng nữa, cởi bắng hết, nồng nồng như người tiền sử, mặc cho đám quản giáo và lính canh khinh khỉnh ngó vào. Dưới con mắt họ, hắn hai đứa chúng tôi giống hai con vật dạng người bị nhốt trong cũi. Còn chúng tôi thì tự an ủi: cho dù có quần ngoài áo trong, chất người trong chúng mày chưa chắc gì đã bằng chúng tao.

Để chống nóng, Thành và tôi quyết định hai người dùng chung một bô, cái thứ hai cọ sạch để chứa nước. Tôi nhìn cái bô nhếch nhác, cáu bẩn, đã trải qua không biết bao nhiêu đời tù mà ngán. Thành quả quyết có thể cọ sạch được. Anh hì hục cậy một mẩu gạch ở chân tường phòng vệ sinh, kiên nhẫn dùng nó cọ nhiều lần, cho tới khi cái bô sắt tráng men trở thành trắng tinh. Có cái đựng nước dự trữ rồi lại phải kế hoạch hóa sao cho chặt chẽ để các chất thải trong ngày chỉ được phép đầy ắp cái bô còn lại đúng giờ mở cửa buổi sáng. Đại tiện phải lần lượt kể trước người sau cùng một lúc, cũng vào giờ ấy, có thể mới không phải hít thở lâu không khí hôi thối trong phòng. Xà lim kín lầm, cả tiếng đồng hồ mùi hôi thối mới bay đi hết.

Ấy thế mà cái sáng kiến nhỏ bé ấy lại rất đặc dụng - chúng tôi có thể tự cho phép mình được giội hai ca vào buổi chiều, khi cái nóng Hỏa Lò lên tới đỉnh điểm, người ngứa ngáy không chịu nổi, còn hai ca dành cho buổi tối, trước khi đi ngủ Đó là sự sang trọng không thể có ở bất kỳ xà lim nào. Chúng tôi giội từ từ, từng giọt nước hiếm hoi lên đầu, cho chúng chảy dần xuống tấm thân nóng rẫy. Nước mát rượi, chảy tới đâu biết tới đó, như là nước cải tử hoàn sinh trong cổ tích. Nó cuốn đi mồ hôi bẩn, cuốn theo cả cái mệt mỏi, chảy xuống đến ngón chân đã thành nước nóng. Vì một cái bô không chứa đủ chất thải của hai người trong một ngày, nên thỉnh thoảng chúng tôi phải đi tiểu vào lỗ thoát. Nước giội còn có tác dụng rửa sàn, làm trôi đi phần nước tiểu đọng lại trong lỗ, phòng không bị khai. Nói chung, ở trong hoàn cảnh khó khăn mới biết Thành có nhiều sáng kiến.

Giờ đây, ba chục năm trôi qua rồi, vậy mà mỗi lần nhớ lại xà lim Hỏa Lò tôi còn nổi da gà.

Chao ôi là nóng! Nóng ghê gớm! Nóng khủng khiếp!

Tưởng chừng cả đất trời đều bốc lửa. Tưởng chừng con người sẽ tan thành hơi sau cơn ngắt ngoài kéo dài. Nhưng sau một ngày vật vã, Hỏa Lò lại dịu đi về đêm, khoảng hai giờ sáng thì dịu hẳn, cho phép lũ tù khổn khổ được hồi sinh trong giấc ngủ mê mệt, không cho chúng chết ngay, để cho chúng được sống tiếp đặng chịu cơn hành hạ hôm sau. Trong đời mình tôi chưa từng gặp một cái nóng nào tương tự, kể cả khi nằm trong những thung lũng lòng chảo vùng núi Việt Bắc, Tây Bắc hoặc giữa khu 4 gió Lào. Viết về cái nóng ở khu 4, Nguyễn Tuân rên rỉ: "Chao ôi, còn có giống đực giống cái nào nghĩ đến nhau trong cái mùa gió Lào nổi lên này!".

Tôi không đủ sức tả cái nóng Hỏa Lò bằng một câu đắt giá. Tôi chỉ còn đủ sức để thở hoặc, đúng hơn, để cho mình không ngừng thở mà thôi.

Trong phòng hỏi cung có một cái quạt tai voi<sup>1</sup>, được đặt sau lưng Huỳnh Ngự. Từ cái quạt phả vào mặt tôi không phải gió mát mà không khí nóng. Dù sao mặc lòng, luồng không khí chuyển động chậm chạp cũng giúp cho mồ hôi bay đi được một phần. Trong cái nóng đặc sệt nhày nhụa quyện lấy thân thể, mồ hôi vẫn cứ chảy ròng ròng bên trong quần áo sau khi đã thấm ướt tất cả.

- Nóng quá, hè!

Huỳnh Ngự, chính y, cũng không chịu được cái nóng Hà Nội.

Những ngày cuối y có vẻ ngượng với tôi.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy ở miền Nam gây được một cơn hào hứng ầm ĩ suốt tháng Giêng, rồi lịm dần. Bước vào hè diễn biến của cuộc chiến cho thấy nó chẳng phải là cái Huỳnh Ngự hùng hồn tuyên bố. Trên các mặt báo, vẫn như mọi khi, đả chót những bản tổng kết chiến công, không nói gì đến tổn thất. Nhưng nếu quen đọc qua cách đưa tin trên báo thì thấy cái cuộc tổng tiến công và nổi dậy nọ đã hỏng.

- Dù sao nó cũng có giá trị một cuộc tổng diễn tập. - tôi an ủi y, nhân câu chuyện vô tình lạc bước vào đề tài chiến tranh - Mà cuộc diễn tập nào không phải trả giá.

Ngành tuyên truyền đã có những phương án giải thích cho mọi trường hợp. Cách ngụy biện của những người cầm chèo lái nghe có vẻ hợp lý, nhưng thậm vô duyên. Nó gợi ta nghĩ tới một anh chàng ba hoa đứng giữa ngưỡng cửa để hùng hồn tiên đoán về ba khả năng: một là y vào, hai là y ra, ba là y đứng tại chỗ. Bất cứ khả năng nào xảy ra y cũng đúng - y đã nói trước cả rồi mà.

Mặt Huỳnh Ngự xì xuống. Nếu là trước kia thế nào y cũng phải lên giọng mắng át, nhưng lần này y lặng thinh.

<sup>1</sup> Thú quạt chế tạo tại Liên Xô, cánh bằng cao su, không có lồng sắt bên ngoài.

Nói chung, sau nửa năm cãi cọ, dồn dúr, mọi sự rồi cũng thành nhảm. Huỳnh Ngự không còn hăng hái đóng vai trò người thay mặt Đảng để giảng đạo mác-xít nữa - y đã hiểu tôi còn rành giáo lý hơn y. Còn tôi thì cũng hết hào hứng đóng vai tên tù bất trị.

Để hình dung một bản khai được cả hai bên góp sức mà thành là thế nào, tôi xin lấy một bản làm thí dụ.

Vào khoảng tháng thứ hai tính từ ngày tôi bị bắt, Huỳnh Ngự hỏi tôi:

- Anh biết Trần Minh Việt chứ?

- Tôi biết.

- Thằng Việt có viết một cương lĩnh cho Đảng tương lai của các anh, anh đọc rồi chứ?

- Tôi không biết hai cái: cương lĩnh là một, Đảng tương lai của chúng tôi là hai.

Y nhìn chầm chằm vào mặt tôi:

- Anh biết.

- Tôi không biết.

- Anh thấy cương lĩnh đó thế nào?

- Rất tiếc, tôi chưa được đọc.

Huỳnh Ngự mòi mắt. Y nguýt tôi.

- Anh chưa đọc là may cho anh. Lại còn rất tiếc. Mấy anh đi Tây về anh nào cũng mắc tật ấy - mở miệng ra là rất tiếc, rất tiếc...

- Tôi thậm chí không biết nó có. - tôi xuê xoa - Nếu có thể, tôi muốn mượn một bản đọc chơi, xem cái cương lĩnh đó ra sao.

Huỳnh Ngự bĩu môi.

- Tui không mần công việc tán phát tài liệu phản động. Hôm nay anh sẽ viết cho tui một bản khai về thằng Trần Minh Việt, hí?

- Tôi biết gì về Trần Minh Việt mà khai?

- Biết tung nao khai tung nór. Tức là những chi anh biết, hoặc nghe người khác nói, chính thằng Minh Việt nói ra, hay là ông già anh nói, thằng Giang hay thằng Chính nói...

Theo cách nhìn của Lê Đức Thọ và lũ tay sai thì Trần Minh Việt là lý thuyết gia số một của "bọn xét lại hiện đại". Tên này đã cả gan thảo ra một bản cương lĩnh cho một đảng cộng sản mới sẽ ra mắt quốc dân sau khi ban lãnh đạo Đảng hiện tại bị lật đổ.

Tôi không giấu Huỳnh Ngự. Tôi không thể giấu vì tôi hoàn toàn không biết tí gì về cái gọi là "cương lĩnh" ấy, thậm chí chưa từng nghe ai nói đến nó. Ra tù, tôi mới biết là nó có thật. Lúc ấy tôi mới được đọc nó, nhờ một người bạn của Trần Minh Việt cất giấu được. Chính Trần Minh Việt thì lại không còn bản nào trong tay. Hóa ra tập tài liệu đánh máy dày chưa tới hai chục trang mà Huỳnh Ngự nói tới chẳng phải cương lĩnh cương liếc chi hết, mà chỉ là những suy nghĩ của Trần Minh Việt về con đường phát triển đất nước và vai trò Đảng trong tình hình mới, với những đề xuất tâm huyết của anh với Trung ương. Khốn nạn cho Trần Minh Việt! Anh đâu có muốn phá Đảng, anh muốn đóng góp ý kiến với Đảng của anh để Đảng của anh được vững mạnh hơn đấy chứ.

Minh Việt thế mà ngây thơ. Đến những cán bộ thường như chúng tôi cũng biết rằng trong xã hội Việt Nam một việc làm như thế là một lỗi lầm không thể tha thứ. Là đảng viên, cho dù trong cấp ủy cao, anh cũng không được phép tỏ ra hiểu biết hơn ban lãnh đạo. Nếu anh có ý kiến hay hơn Trung ương chẳng hóa ra anh giỏi hơn Trung ương sao? Anh đã dám coi mình giỏi hơn Trung ương thì nhất định anh phải coi thường Trung ương, trong đầu anh nhất định phải nảy ra ý nghĩ thay thế Trung ương một ngày nào đó. Lê Duẩn có cho bắt anh cũng phải. Đức khiêm tốn là thứ Lê Duẩn không cần, dù chỉ để làm vật trang sức.

- Thế nào, còn suy nghĩ chi nữa? - Huỳnh Ngự cười khẩy - Hay còn e dè, còn nể nang thằng Chính, thằng Giang? Nói để anh hay, trong khi anh cứ khăng khăng bảo vệ chúng hắn thì chẳng có thằng cha mô bảo vệ anh hót, chúng hắn khai cho anh cả ký giấy rồi nè...

Cách giáo dục cán bộ công an của Đảng thực hay - tiên học căm thù, hậu học mạ lị. Các cụ dạy tiên học lẽ, hậu học văn là sai toé tòe loe rồi. Cái thứ con cháu hơn tổ tiên thế này là phúc đức cho nòi giống hay điềm báo vận mạt của nó?

- Tui nhắc lại: chỉ có qua những lời khai anh mới chứng tỏ được lòng trung thành của anh đối với Đảng. - Huỳnh Ngự ân cần khuyên nhủ - Việc Đảng tha anh hay giữ anh lâu dài phụ thuộc ở anh, ở thái độ anh thể hiện trong những bản khai này đó.

Thì khai.

Tôi viết về Trần Minh Việt những lời nhạt thêch. Rằng tôi có gặp anh vài lần ở nhà tôi, bao nhiêu lần thì không nhớ, tôi không quen làm thống kê. Tôi kể con cà con kê chúng tôi nói với nhau chuyện gì (tất nhiên, không phải chuyện đường lối chống Đảng). Qua lời anh kể tôi mới biết anh đã học ở trường Đảng cao cấp Liên Xô, nhưng khi bắt đầu có chuyện tranh chấp ý thức hệ trong phong trào cộng sản quốc tế Trần Minh Việt trở về Việt Nam, chứ không ở lại Liên Xô như Nguyễn Minh Cẩn, Lê Vinh Quốc, Văn Doãn... (biết rồi, khổ lắm, nói mãi!).

Thế là xong một bản khai.

Làm việc với Huỳnh Ngự riết rồi tôi đâm ra khoái khai cung. Nó trở thành một trò chơi của đời tù và tôi cho trí tưởng tượng của tôi tha hồ bay bổng. Chẳng hạn, tôi bịa ra những cuộc gặp gỡ không hề có trong thời gian học ở trường điện ảnh với những điệp viên thương thặng để lấy tài liệu để viết

những kịch bản phim tình báo trong tương lai, bốc láo rằng khi thực tập làm phim tài liệu tôi được đi xem những phương tiện chiến tranh Liên Xô mới sản xuất, những máy bay cất cánh từ những xe tải, những tên lửa tự tìm mục tiêu... Tôi cảm ơn Herbert Wells<sup>1</sup> đã giúp tôi trong những sáng tác bất đắc dĩ này. Wells chắc không trách tôi, tôi là một tên học trò không đến nỗi tồi. Huỳnh Ngự khoái những chuyện bịa của tôi lắm. Nhưng khi y mon men tới đề tài tôi làm tình báo cho Liên Xô thì tôi cà sò lùi: "Tôi chưa nghe ai nói tới chuyện tuyển mộ tôi cả..."

Cuối cùng rồi cũng đến một ngày Hoàng trình trọng đặt lên bàn tập hồ sơ dày cộp.

- Đây là tất cả những gì anh đã khai.

Tôi ngạc nhiên: trời đất quỷ thần ơi, tôi đã viết cho chúng nhiều đến thế kia ư? ! Chúng sẽ làm gì với những trang giấy vô tích sự ấy nhỉ? Thật vậy, chúng sẽ làm được gì?

Hoàng bảo tôi ký vào mấy tờ giấy. Ký xong, tôi hỏi Hoàng bằng giọng làm ra vui vẻ:

- Theo tôi hiểu, giai đoạn hỏi cung đến đây là kết thúc, có phải không ạ? Sau đó là tòa án?

Hoàng gập tập hồ sơ lại, cười khẩy:

- Anh nghĩ thế nào cũng được. Việc đời, anh Hiên ạ, nó chẳng đơn giản như ta muốn.

- Chết chửa, - tôi làm bộ sững sốt - có nghĩa là đến bây giờ vẫn chưa xong?

- Xong thế nào được. Chúng tôi còn phải hỏi nữa, chừng nào vụ án chưa kết thúc. Cứ coi như đến đây là qua một giai đoạn, ta tạm sơ kết cái đã. Là một vụ án liên quan đến nhiều người, nhiều sự việc, trong sự hỏi cung không tránh khỏi tình trạng người này nói khác người kia, người nọ xong trước người kia. Cũng là chuyện dễ hiểu thôi. Việc điều tra chỉ thật sự kết thúc chừng nào cơ quan an ninh làm xong với người cuối cùng. Anh hiểu chứ?

- Tôi không hiểu. - tôi lạnh lùng - Trong bất kỳ xã hội văn minh nào cũng có những quy định về thời hạn giam giữ trong khi điều tra, tức là chỉ có thể giam người trong một thời hạn nhất định mà thôi...

Hoàng cười mũi:

- Anh có ý muốn nói ở những nước tư bản chứ gì? Anh cho rằng xã hội ta không văn minh? Anh tinh lại đi, anh Hiên, anh đang ở một nước xã hội chủ nghĩa kia mà. Nghĩa là ở một nước có đảng cộng sản cầm quyền, lấy chuyên chính vô sản làm sợi chỉ hồng xuyên tâm<sup>2</sup>. Hoàn toàn không phải nơi

<sup>1</sup> Herbert George Wells (1866-1946), nhà viết truyện viễn tưởng lỗi lạc, tác giả của những cuốn Mây Thời Gian, Cuộc Chiến Tranh Giữa Hai Thế Giới, Người Tàng Hình... vv.

<sup>2</sup> Cái tập hợp từ ngữ ngắn này có xuất xứ từ Trung Quốc, trở thành câu cửa miệng ở các cán bộ tuyên giáo, và nói chung, những cán bộ sinh nói danh từ cách mạng.

có chế độ đại nghị. Ta có văn minh của ta – văn minh xã hội chủ nghĩa. Đó là những khái niệm văn minh khác nhau, khác về cơ bản, về chất, mong anh đừng nhầm lẫn.

- Cho dù có áp dụng chuyên chính vô sản thì điều đó, theo tôi nghĩ, cũng không hề có nghĩa Nhà nước vô sản không cần đến pháp luật.

Hoàng cười.

- Tùy anh. Tôi cho rằng anh nhầm. Nói trắng ra là anh có quan niệm huyền hoặc về chủ nghĩa cộng sản. Lại là chủ nghĩa cộng sản Việt Nam, chủ nghĩa cộng sản châu Á nữa. Tôi thật lòng không muốn anh phải trả giá cho sự nhầm lẫn đó.

Tôi không hiểu Hoàng. Bình thường anh ta phát biểu không khác gì những tên công an cuồng tín khác, nhưng thỉnh thoảng lại bất ngờ tương ra một nốt ngang phè trong bài ca xưng tụng Đảng chí tôn, rất lạc lõng trong dàn đồng ca..

Một trong những điều khó hiểu đối với tôi hồi ấy là tại sao, vì lẽ gì, những nhà cách mạng Việt Nam thuộc thế hệ cha chú tôi, lúc đó còn đông đúc, lại chịu chấp nhận một mô hình xã hội quỷ quái như vậy?

Tôi quan niệm rằng trong xã hội xã hội chủ nghĩa Đảng cộng sản chỉ có thể đóng vai trò lãnh đạo thông qua trung giới là hệ thống pháp luật do nó đề xướng, được nhân dân dân chủ bàn bạc, dân chủ chấp nhận. Khi nói về Nhà nước tư sản chính Marx cũng chỉ ra rằng Nhà nước này bảo vệ quyền tư hữu tài sản, tức là bảo vệ quyền lợi của những tầng lớp hữu sản, thông qua trung giới pháp luật, chứ giai cấp tư sản không hề trực tiếp quản lý xã hội bằng những biện pháp hành chính. Sự lãnh đạo bằng chỉ thị và nghị quyết của Đảng cộng sản trong tinh thần đồng nhất Đảng với pháp luật là một sai lầm cực kỳ nghiêm trọng. Chính nó, chứ không phải cái gì khác, rồi đây sẽ làm cho xã hội rối loạn để rồi phá nát cái Đảng sáng tạo ra nó, đưa cái xã hội kỳ cục ấy tới diệt vong.

Không biết tôi đúng hay không đúng, đúng được bao nhiêu, trong ý nghĩ rằng thế hệ cha chú tôi bị sự sùng bái Hồ Chí Minh và sự thiêng liêng hoá Đảng làm cho mù quáng, tự tước bỏ nơi họ tinh thần độc lập suy nghĩ. Chính là do sùng bái cá nhân và sự biến một Đảng cách mạng thành một thứ tôn giáo đã đem lại rất nhiều hậu quả tồi tệ cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, rất trong sáng về mục đích.

Sau sự kiện Cách mạng Tháng Tám, uy tín của ông Hồ Chí Minh vút lên như diều gặp gió. Cùng với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp uy tín của ông còn lên cao hơn nữa. Ông không chỉ là "cha già dân tộc" của Việt Nam, mà còn là đấng chí thánh của phong trào giải phóng dân tộc.

Người ta săn sàng chết cho Bác Hồ, đồng hóa Bác với Tổ quốc. Các chiến sĩ xung trận hô lớn "Vì Đảng, vì Bác, tiến lên!". Những đảng viên trong lễ kết nạp giơ tay tuyên thệ trước chân dung ông đặt trang trọng trên "ban thờ Tổ quốc" trên nền đảng kỳ. Hiện tượng sùng bái này, nói cho công bằng, một thời có tác dụng tốt, nó đem lại niềm tin, nó kích thích quần chúng tham gia kháng chiến. Không có nó cuộc kháng chiến chống Pháp khó lòng đạt được những thành công như nó đã đạt được.

Điều đó không lạ. Quần chúng châu Á cần có minh chủ trong mọi cuộc nổi dậy. Không có minh chủ thì không có phong trào. Hiện tượng đặc thù này là phổ biến trong những quốc gia lạc hậu. Nhu cầu vô thức này có cội rễ từ hình thái xã hội bầy đàn, xã hội bộ lạc thời nguyên sơ.

Bắt đầu bằng lời phân trần khiêm tốn tại quảng trường Nhà hát lớn thành phố Hà Nội năm 1946 đầy biến động và khó khăn: "Hồ Chí Minh thề không bao giờ bán nước", khi đồng bào còn chưa biết ông là ai, đến lúc uy tín đã được thiết lập, ông liền thản nhiên xưng "Bác" với mọi người, kể cả với những người bằng vai phải lứa hoặc không bằng vai phải lứa.

Khởi đầu cách xưng hô này là cách ông xưng với chúng tôi, những đứa con các đồng chí gần gụi ông. Sau đó nó được dùng như một bí danh, rồi mới có ý nghĩa ngôi thứ. Nhà văn Sơn Tùng trong một số văn phẩm đã miêu tả sai, như thể cha tôi và các cán bộ Đảng gần ông Hồ đều kêu Bác xưng cháu với ông. Sự thực không phải như vậy. Những ngày Cách mạng Tháng Tám các ông Trưởng Chính, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt, Trần Đình Long, Bùi Lâm... đều gọi ông Hồ bằng anh xưng tôi. Ông Bùi Lâm còn giữ cách xung hô ấy mãi về sau, khi mọi người đã quen với cách gọi ông Hồ là Bác.

Từ ngữ ngấm ra quan trọng lắm. Khi có nhiều người đã chau chau bác bác với ông Hồ rồi thì ông tưởng mình là bác thật, những người xung cháu cũng sẵn sàng khoanh tay vâng dạ bề trên. Thế mới biết một từ dùng không cẩn thận có thể đẻ ra tai họa.

Cách tôn vinh lãnh tụ theo lối gia trưởng tồn tại cả trong hàng ngũ Khmer Đỏ. Pol Pot, kẻ lãnh đạo cuộc diệt chủng không tiền khoáng hậu trong lịch sử nhân loại cũng được đồng bọn gọi là Om (Bác), là Puk (Cha)<sup>1</sup>.

Tôi nhiều lần được chứng kiến ông Hồ nói chuyện với quần chúng như thế nào. Trong bộ quần áo kaki giản dị, có khi là bộ áo cánh lụa nâu, ông không có bề ngoài cách biệt với những người ông tới thăm. Cái cách ông đến thăm cũng là với tình thân, chứ không phải tới để thị sát, với tư cách bề trên. Ông có giọng nói ấm áp, hơi trầm, âm lượng không lớn nhưng vang xa, với những lời dễ hiểu đối với quần chúng lao động, người nghe chủ yếu của ông. Ông không phải nhà hùng biện, nhưng tiếng tăm về lòng yêu nước của ông, địa vị chủ tịch nước của ông, cách nói dễ hiểu của ông đối với quần chúng ít học đã làm cho ông trở thành nhà hùng biện kiệt xuất của thời đại, vượt xa những nhà hùng biện tôi đã được nghe như Trần Văn Giàu, Nguyễn Sơn, Dương Bạch Mai... Chỉ có một điều không sao hiểu được là: khi ông Hồ Chí Minh nói chuyện với dân chúng, trong đám đông cuồng nhiệt hoan hô lãnh tụ có cả những cụ già cao tuổi, thế mà ông vẫn xưng Bác tự nhiên như không. Chẳng lẽ một người nổi tiếng khiêm nhường như ông lại có thể phạm phải một khuyết điểm không tha thứ được đối với chuẩn mực giao tiếp châu Á?

<sup>1</sup> Polpot (Saloth Sar, 1928-1988), người lãnh đạo đảng Cộng sản Khmer Đỏ và là thủ tướng Campuchia (tên chính thức Kampuchea Dân chủ) từ 1976 đến 1979. Dưới triều đại Polpot, 3 triệu người Campuchia đã bị hành quyết và chết vì bệnh tật, đói khổ.

Chỉ một lần tôi nghe thấy ông Hồ xưng em - đó là với nhà cách mạng lão thành Đinh Chương Dương. Hôm ấy dân chúng Hà Nội từ biệt ông Hồ trước khi ông lên đường sang Pháp để vận động Pháp thừa nhận nền độc lập của Việt Nam, tháng 5 năm 1946. Trước Bác bộ phủ là cả một rừng cờ và hoa bên trên biển người xao động, trong tiếng nhạc binh trầm hùng, tiếng hô khẩu hiệu vang trời. Tôi đi cùng bác Đinh. Bác Đinh lúc bấy giờ đã yếu lắm, phải tựa vào vai tôi mà bước. Vì đến muộn, chúng tôi chật vật mãi mới len được qua đám đông để vào Bác bộ phủ. Nhìn thấy bác Đinh từ xa, bác Hồ lật đật từ trên thềm cao chạy xuống, ân cần đỡ tay ông: "Bác tới thăm em làm chi, khổ quá, bác chưa được khỏe mà". Trả lời câu hỏi thăm của bác Đinh, bác Hồ<sup>1</sup> ưỡn ngực ra, cười lớn tiếng: "Hồi này em khá nhiều rồi, bác ạ".

Đến bây giờ chẳng còn ai không biết tác giả Trần Dân Tiên của cuốn Những Mẫu Chuyện Về Đời Hoạt Động Của Hồ chủ tịch là chính Hồ Chí Minh. Nói cho đúng, ông không phải người tự tay viết ra, có người chấp bút cho ông, tôi biết, nhưng ông là người kể chuyện cho người chấp bút ghi, ông là người sửa chữa bản thảo lần cuối trước khi nó được in ra. Trong lịch sử thế giới có lẽ đây là lần đầu tiên và duy nhất có một nhân vật đứng đầu quốc gia tự viết tiểu sử để ca ngợi chính mình. Những lời ca tụng Bác Hồ giản dị nhưng vĩ đại và sáng suốt trong tập ký sự Vừa Đi Đường Vừa Kể Chuyện ký tên T. Lan, những bài báo ký tên T. L. , A. G. và nhiều tên khác nữa cũng là của ông, chẳng đổ cho người khác được. Ông Hồ tự ca tụng, chuyện đó có thật. Một việc làm thừa, hơn thế, ngớ ngẩn. Không cần đến cuốn sách ấy, những bài báo ấy, uy tín của Hồ Chí Minh chẳng những đã tràn ngập đất nước mà còn vượt ra ngoài bờ cõi.

Thế chế tổng tài châu Á có nguồn gốc từ chế độ thị tộc. Vua coi dân như con là quan niệm chỉ có ở châu Á. Nó có ở châu Á bởi vì thoát thai từ chế độ bộ lạc rồi thị tộc, những người bị cai trị săn sàng coi người đứng đầu cộng đồng là cha mẹ. Châu Âu từ xưa không có cái đó. Châu Mỹ lại càng không. Nói gì vua, một ông phủ, một ông huyện cũng dám vỗ ngực xưng "dân chi phụ mẫu" (cha mẹ dân) trong cái lãnh địa nhỏ bé của họ nữa là.

Không kể những thiên tài như Leonard de Vinci<sup>2</sup>, hoặc kém hơn, Herbert Wells, trí tưởng tượng của con người ta hạn hẹp lắm - nó không quen tưởng tượng ra cái chưa hề có. Hình ảnh mà trí tưởng tượng sản sinh ra bao giờ cũng là cái bóng, cho dù rất mờ, của hiện thực. Nền kiến trúc tư bản, khi xã hội tư bản vừa hình thành, mang dáng dấp lâu dài, cung điện của các chúa đất phong kiến. Những người cộng sản Việt Nam hình dung chế độ xã hội chủ nghĩa qua hình dạng cái quốc gia nửa

<sup>1</sup> Tôi dùng từ "bác Hồ" bên cạnh "bác Đinh" ở đây cho đúng với từ ngữ đã dùng lúc ấy.

<sup>2</sup> Leonardo da Vinci (1452-1519), nhà khoa học, nghệ sĩ vĩ đại trong nhiều lĩnh vực nghệ thuật thời đại ông. Hai chục năm trước khi Christopher Columbus "tìm ra" châu Mỹ trong cuộc viễn thám bằng tàu buồm, Vinci đã phác họa nguyên lý tàu ngầm.

phong kiến nửa thuộc địa là nước Việt Nam thời thuộc Pháp. Trong sự kế thừa vô thức này xã hội Việt Nam ngày nay có mang nhiều nét trật tự nửa phong kiến nửa thuộc địa áu cũng là lẽ thường tình.

Đáng trách nhất là những người cộng sản thế hệ đầu tiên, nổi tiếng kiên cường trong cuộc đấu tranh chống đế quốc, lại không có đủ dũng khí để quát lên: "Không được phép!" khi thấy ban lãnh đạo Đảng tự tiện đặt mình lên địa vị "dân chi phụ mẫu", cắt xén những quyền dân chủ mà Cách mạng Tháng Tám đã mang lại. Còn sau đó, như theo đà trượt, nền dân chủ thiêng tháng cứ phảng phất dốc không sao hãm lại được nữa.

Trong buổi "sơ kết" nói trên Hoàng tỏ ra vui vẻ. Anh ta mời tôi uống trà, mời tôi hút thuốc vẩn, rồi khúc khích cười như có điều vui thú trong lòng.

- Cơ quan an ninh bày tỏ lòng khâm phục anh. - Hoàng nói, giọng bõn cợt - Hơn nữa năm làm việc, tốn bao nhiêu thời giờ, cả giấy mực nữa, cũng tốn lắm, vậy mà chúng tôi không biết hơn được điều gì ngoài những điều chúng tôi đã biết rồi.

Tôi nhìn vào mắt Hoàng, nhưng anh ta tránh cái nhìn của tôi, vờ lúi húi soạn giấy má trên bàn. Đợi cho Hoàng thu gọn xong, tôi nói:

- Cơ quan an ninh có muốn biết câu trả lời của tôi cho nhận xét đó không?

- Anh cứ nói.

- Trước hết, tôi xin phép được nghi ngờ cái gọi là những điều cơ quan an ninh đã biết rồi. Mặc dầu đối với tôi chuyện các anh biết cái gì rồi không phải chuyện khó hiểu.

Hoàng ngạc nhiên.

- Anh nói rõ thêm đi.

Tôi cười:

- Chúng tôi và các anh có những điểm tương đồng về nghề nghiệp. Những điều được gọi là cơ quan an ninh đã biết rồi mà anh vừa nói, theo tôi nghĩ, thuộc một lĩnh vực mà trong nghề văn chúng tôi người ta đặt tên là hư cấu, nói theo cách dân dã là bịa.

Hoàng ngẩng phắt lên, nhưng trong cái nhìn của anh ta, tôi không thấy có vẻ gì là giận dữ.

- Anh Hiên ạ, tôi thật lòng khuyên anh nên cẩn trọng trong lời ăn tiếng nói. Chúng ta đang ở Việt Nam. Tôi thật lòng lo lắng cho anh.

Anh ta gọi quản giáo đưa tôi về.

Tôi đi lững thững trên con đường đã đi không biết bao nhiêu lần. Hoàng nói thế là có ý gì? Phải chăng anh ta muốn báo cho tôi biết vụ án còn lâu mới kết thúc, và cuộc trấn áp là không khoan nhượng?

Nghe tiếng mở cửa, Thành nhởm dậy. Mặt anh nhợn nhác.

- Mấy giờ rồi?
- Chắc gần 11 giờ.
- Mình ngủ say quá.

Tôi ghé ngồi bên anh, nhìn vào mặt anh, lặng lẽ quan sát.

- Anh nói dối tôi làm gì? – tôi nói.
- Sao cậu lại nói thế? – Thành làm bộ ngạc nhiên.
- Bởi vì tôi quý anh. – tôi nói chậm rãi, với âm sắc lạnh lùng - Tôi không thích nghe anh nói dối.

Anh nói, vẻ sượng sùng:

- Mình ngủ mà.

Tôi cười nhạt:

- Anh không ngủ. Người ngủ say mắt bao giờ cũng kéo những tia đỏ, là một. Anh gối trên bọc quần áo, trên cùng là cái quần, dải rút to thế này thể nào cũng phải hằn trên má anh mà lại không thấy vết hằn đâu, là hai. Ngủ say mà nằm nghiêng như anh thường nằm má bên dưới phải đỏ hơn má trên, là ba. Đủ chưa?

Thành cúp mắt xuống.

- Anh cũng bị gọi đi cung chứ gì?

Thành lắng lặng gật đầu.

- Và họ hỏi anh về tôi, phải không?

Thành lại cúp mắt xuống. Tôi thở dài.

- Tôi sẽ không hỏi anh chuyện họ hỏi anh những gì về tôi. Chẳng cần hỏi tôi cũng biết họ hỏi gì. Tôi đã nói thẳng với họ những điều tôi bằng lòng nói. Còn những chuyện gì tôi không muốn nói thì đó là việc của tôi với họ. Họ chẳng có thể kiểm xác được gì hơn ở anh. Vả lại, tôi tin anh.

Thành im lặng.

Tuy vậy, con đỉa nghi ngờ bám chặt, sống dai. Giữa hai người phải mất một thời gian mới có lại được khôn khí thoải mái trước đây. Không khí nghi kỵ lẫn nhau là khôn khí mỗi người Việt Nam hít thở. Việc Thành đối xử tốt với tôi như thế mà còn giấu tôi chuyện anh đi cung làm tôi buồn. Tôi lại bị nỗi cô đơn đè nặng.

Nếu như thời gian đầu tiên tôi có ý muốn tự sát thì càng về sau ý chí phải sống sót bằng được càng mạnh mẽ. Tôi phải sống sót để nói lại cho đồng bào tôi nghe về thực chất cái xã hội trong đó con người Việt Nam bị tước đoạt mọi quyền tự do tối thiểu mà mỗi công dân bình thường của thế giới bình thường phải có.

*Kiệt lực qua thập điện khổ đau*

*Tôi lử lả tiến công vào cái Ác*

*Trong đêm giữa ban ngày*

*Với vũ khí trong tay*

*Chỉ một ngọn bút cùn thay lưỡi mác*

*Tôi ngã xuống trong lốc bụi chiến trường,*

*Phút hấp hối còn mang mang nghe tiếng nhạc.*

*Thì ra máu của tim mình*

*nhỏ xuống*

*đất cằn*

*Và đất lên giọng hát*

*Bài hát của niềm tin*

*Từ trái tim tôi rách nát.*

Tôi nằm dài, nghĩ vẩn vơ, đầu trống rỗng. Tôi viết mấy vần tự sự này tại địa ngục Hỏa Lò, mùa hè năm 1968. Tôi làm thơ lảng nhăng, khì buồn. Mỗi bài thơ ghi lại một nỗi niềm, một mẩu ký ức.

Những ngày sau đó tôi và Thành ít nói chuyện với nhau hơn. Có một cục sạn rơi vào trong mối quan hệ thân tình giữa hai con người đau khổ.

Rồi trong một đêm không ngủ được Thành kể cho tôi nghe đầu đuôi câu chuyện anh buộc phải nhận lời công an để theo dõi tôi như thế nào. Anh kể khó nhọc, giọng đứt quãng, với vẻ mặt đau khổ.

Câu chuyện nhạt phèo, không đáng kể lại. Không phải chỉ ở Việt Nam mới có chuyện này, ở đâu cũng vậy, dù ở nước Mỹ tư bản, nước Đức phát-xít hay ở Liên Xô xã hội chủ nghĩa. Tất nhiên, để trả công cho việc làm chỉ điểm người ta tung ra vô số lời hứa, cái nào cũng hấp dẫn đối với người tù thiếu thốn đủ thứ. Ở Việt Nam những lời hứa rẻ tiền hơn: anh sẽ được nhận thư vợ nhiều hơn, được

nhận tiếp tế thường xuyên hơn, với số lượng nhiều hơn quy định. Người ta còn hào phóng hứa sẽ giảm án cho anh nữa, nếu anh lập công lớn. Tuy nhiên, để người đảng viên trước kia trong Thành khỏi tủi, người ta kêu gọi anh hãy nhớ tới trách nhiệm trước Đảng, cố gắng lập công dâng Đảng để bù lại cho những tội lỗi đã mắc.

- Tôi xấu hổ phải nghe những lời dụ dỗ ấy. - Thành ngậm ngùi - Nhưng chẳng có cách nào khác... Tôi không thể từ chối.

Tôi an ủi anh:

- Tôi hiểu. Ở địa vị anh tôi cũng không làm khác được.

- Cậu hiểu cho tôi thì tôi mừng.

Anh rơm rớm nước mắt.

Chúng tôi có những vị thế khác nhau, cách người ta đối xử với chúng tôi cũng khác nhau. Với tôi, chắc chắn bạn Huỳnh Ngự không dám đặt vấn đề như thế, cho dù chúng rất muốn.

Trời dịu dần hay là tôi đã thích nghi với cái nóng Hỏa Lò không rõ, nhưng tôi không còn thấy khó chịu đựng như trước.

Những buổi đi cung thưa dần rồi tạnh hẳn, cứ như thể không có một vụ án nào hết, mà chỉ có một hình phạt. Theo ý thích của chủ nô.

## 29

Tôi mơ hồ cảm thấy thời gian ở Hỏa Lò đã kết thúc.

Có những dấu hiệu không rõ rệt của một sự thay đổi, không rõ là cái gì nhưng đúng là thay đổi, trong động thái của đám cán bộ chấp pháp, mà đám này thì bao giờ cũng vậy - kín như bưng. Chẳng hạn, trong những lần hỏi cung thưa thớt vào thời gian cuối tôi chỉ gặp toàn nhân viên cấp dưới của Huỳnh Ngự, thoát trông cũng biết là mới vào nghề, hoặc được chuyển từ quân đội qua. Những người này nhìn tôi như những bác sĩ tập sự nhìn con thỏ trong phòng thí nghiệm, không tình cảm mà cũng chẳng hàn thù.

Huỳnh Ngự và Hoàng biến đi đâu không biết. Khi đưa tôi đi cung, những biện pháp bảo mật không còn được tuân thủ nghiêm ngặt như trước, thậm chí chěnh mảng. Cán bộ quản giáo có lần gặp bạn giữa đường dừng lại nói chuyện bỗn mặc tôi tự đi một quãng xa mà không cần áp sát từng bước. Rõ ràng họ không còn lo tôi chạm trán với người cùng vụ. Nói chung, là lỏng lẻo hơn trước. Điều này chỉ có thể giải thích bằng việc những tên xét lại hiện đại không còn ở Hỏa Lò nữa.

- Có thể người ta bắt đầu từ từ giải quyết vụ cậu chăng?

Thành đưa ra một giả thuyết.

Bầu không khí nghi kỵ đã nhạt. Thành thuyết phục được tôi rằng anh không bao giờ làm chỉ điểm.

- Cũng không loại trừ khả năng đó. - tôi nói - Chúng tôi có tội gì đâu.

- Vấn đề không phải ở chỗ các cậu có tội hay không có tội. - Thành cười - Vấn đề bây giờ là thả các cậu ra bằng cách nào đây?

Tôi thấy anh tinh táo. Ít nhất cũng hơn tôi.

- Nhưng nếu thả, tôi nghĩ người ta sẽ thả tôi trước, chứ không phải thả những cán bộ to trước.

Thành gật gù:

- Có lý!

Nói thì nói thế chứ tôi cũng chẳng chờ đợi. Tôi lì ra rồi. Tôi chờ bất cứ cái gì khác, trừ lòng tốt của Đảng.

Rồi đến một hôm, tôi đang nằm thì nghe có tiếng động khẽ ở le judas. Nhòm ra thì thấy Hoàng. Nhìn thấy anh ta, tim tôi đập rộn. Chưa bao giờ tôi thấy cán bộ chấp pháp vào xà lim. Chắc có chuyện gì quan trọng.

Trong óc tôi thoáng nhanh ý nghĩ về một chuyện không may. Hay là cha tôi... ? Ý nghĩ ấy làm tôi bủn nhủn chân tay.

Nhìn quanh, Hoàng lấy ngón tay trỏ ngoặc ngoắc tôi rồi ngập ngừng thì thào:

- Tôi đến để từ biệt anh...

Vừa nói Hoàng vừa đưa mắt về phía Thành. Thành đang ngủ say hoặc giả vờ ngủ say. Tôi ra hiệu không có gì đáng ngại.

- Anh đi công tác?

- Không, tôi vẫn ở Hà Nội... - Hoàng ngập ngừng - Nhưng tôi không được làm việc với anh nữa.

- Tức là... ?

- Nói cho rõ hơn: người ta không cho tôi làm việc với anh nữa.

- Họ cho rằng anh không được việc?

- Đại khái là như vậy.

- Tôi muốn bắt tay anh, nhưng ô cửa hẹp quá.

- Tôi mang đến biếu anh chút quà.

Hoàng móc mọi túi, lấy ra bốn bao Điện Biên.

- Cảm ơn anh, nhưng đạo này tôi quen không hút rồi, không có thuốc không sao.

- Anh đừng nghĩ đây là từ *caisse noire*<sup>1</sup> của Công an. - mặt thoảng buồn, Hoàng nói - Không phải đâu. Đây là tôi mua bằng tiền của tôi.

<sup>1</sup> Quỹ đen (tiếng Pháp)

- Thế thì xin cảm ơn anh. Tôi nghĩ không sai về anh. Cho tôi gửi lời thăm chị và các cháu.

Hoàng đút từng bao thuốc qua khe cửa.

- Cảm ơn anh. Hi vọng chúng ta sẽ còn gặp lại nhau.

Tôi giơ mấy ngón tay vẫy Hoàng:

- Tôi tin như vậy.

Tỉnh dậy, Thành không hỏi tôi một câu về mấy bao thuốc lá. Chúng tôi lắng lặng đốt mỗi người một điếu, nhàn安然n nằm nhả khói lên trần.

- Tôi thấy cái chuyện tha không có đâu. Ba la phiêu lăm. - tôi nói - Có một cái gì khác kia. Tôi thấy nóng ruột.

- Cậu nghĩ là cái gì?

- Cũng không rõ. Có thể là chuyển trại.

Thành nhăn trán, suy nghĩ. Rồi nhởm dậy:

- Có thể lăm. Trong tù, trực giác, hay linh tính, rất quan trọng. Nếu cậu linh cảm thấy sắp phải đi khỏi đây thì ta cứ sẵn sàng là hơn.

- Có gì mà chuẩn bị? - tôi thò ơ - Đi đâu bây giờ với tôi cũng thế mà thôi. Chỉ tiếc anh em mình không được ở cùng nhau nữa.

- Chưa chắc gì cậu sẽ được ở trại chung. - Nhiều phần vẫn là ở xà lim. Tôi sẽ cho cậu con dao mang đi. Trong xà lim con dao là vật thiêt yếu, không có nó không được.

- Cho tôi rồi anh lấy gì dùng?

- Tôi còn một con nữa. Đã tôi rồi, nhưng chưa mài.

- Trại giam bình thường cũng có xà lim chứ?

- Sao không. Có điều xà lim trại chung dùng để cùm tù kỷ luật, chứ không phải xà lim giam cứu. Nhưng cũng có biệt lệ. Nghe nói có mấy trại chỉ toàn xà lim giam cứu, không có trại chung. Lại còn có một trại bí mật, đâu ở vùng núi Thanh Hoá giáp giới Ninh Bình, ở đấy không biết người ta giam thứ tù nào mà khi kẻng đưa cơm nỗi lên thì cả tù lẫn người đưa cơm đều phải trùm túi vải đen lên đầu, chỉ để hở có hai con mắt, không ai được nhìn thấy ai, không ai được biết ai. Quản giáo không được phép nói với tù, tù không được phép nói với quản giáo, muốn nói gì phải viết ra giấy.

Chắc chúng tôi sẽ ở thứ trại đó quá. Rõ ràng người ta muốn giấu chúng tôi, không cho biết chúng tôi ở đâu, vì thế mà gia đình mới không được gặp mặt. Cái chuyện này thật lạ. Cứ như thể

không còn một chính quyền nữa, mà một sơn trại, trong đó Lê Duẩn là đại đầu lĩnh, với Lê Đức Thọ làm phó.

Nói cho tôi biết về cái trại hũ nút đó hắn Thành cũng nghĩ thế. Tính chu đáo, anh chuẩn bị tư tưởng cho tôi để tôi khỏi bị đột ngột.

Sau này, khi đã qua mấy trại, rốt cuộc tôi cũng chưa tới cái trại mà Thành nói. Chắc nó là cái trại huyền thoại, chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng phong phú của những người tù. Nhưng biết đâu đấy, cái trại Thành nói đến lại chả có thật. Mọi sự đều có thể trên đất nước mà từ việc nhỏ tới việc lớn đều không công khai. Tính bí mật, tính âm mưu là đặc điểm của mọi nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Thành mở một chỗ kín đáo trong áo bông của tôi, luôn con dao làm bằng mẩu sắt đai thùng vào trong đó.

Bóp đi bóp lại cái áo bông vài lần, Thành hài lòng:

- Thế này chúng nó không khám ra đâu.

Giờ đây anh không còn giữ gìn với tôi nữa. Cách gọi *chúng nó* tạo ra cảm giác ngang hàng giả tạo giữa chúng tôi và bọn cai ngục.

Thành tỉ mẩn xé thức ăn gia đình gửi vào làm hai phần bằng nhau, cho từng thứ vào hai bao nylon lành, thắt nút thật chặt để tránh ẩm, một nửa để trong bọc quần áo của tôi, nửa còn lại để trong bọc quần áo của anh. Anh dặn tôi đi đâu cũng phải cẩn thận trước hết với chuột và kiến, hai kẻ thù thường trực của người tù nghèo khổ.

- Thế là tạm ổn.

Hoàn tất việc chuẩn bị cho tôi, anh nói, vẻ hài lòng hiện lên mặt. Giờ thì bất bình lình tôi có bị đưa đi nơi khác cũng không còn là chuyện đáng ngại.

Của cải người tù xà lim có một giá trị trong đời thường không được biết đến, không thể tưởng tượng ra. Một mảnh giẻ, một cái đinh rỉ, một cái túi nylon thủng cũng là quý. Không phải người ta dễ dàng chia sẻ cho nhau. Thế mà Thành không tiếc tôi một chút gì.

Lòng tôi nao nao nghĩ tới ngày phải xa Thành. Anh tốt với tôi chẳng khác nào người anh lo cho đứa em. Cầu Trời cho hai anh em không phải xa nhau cho tới khi cả hai cùng thoát khỏi chốn này! Than ôi, đó là điều không thể có, bởi vì chúng tôi không cùng một vụ, chúng tôi sẽ ra khỏi đây, nếu chúng tôi còn sống để ra được, vào những thời điểm khác nhau, chắc chắn là như thế.

Sau hơn nửa năm chung sống, từ chỗ nghi ngờ nhau tới chỗ tin nhau, Thành đã hiểu tôi. Không những thế, anh còn giống tôi ở cách nhìn xã hội hiện tại. Nếu chúng tôi quen nhau ở ngoài kia chắc chắn Thành phải là một người trong "nhóm xét lại chống Đảng". Không cần ai tuyên truyền anh tư tưởng xét lại, mà tự anh sẽ xét lại cả con người anh, xét lại cả Đảng, cả chủ nghĩa Marx mà một thời

anh tin theo. Anh biết nhìn đời bằng cặp mắt tinh táo. Trong anh không có chỗ cho niềm tin mù quáng. Thực ra, anh đã hết là cộng sản từ lâu trong tâm thức. Anh còn xét lại hơn tôi nhiều.

Thành có tư cách đáng trọng. Vẻ ngoài hiền lành, nhưng anh thuộc loại người không chịu khom lưng uốn gối. Cung cách ứng xử làm tôi hiểu lầm anh những ngày đầu sống trong xà lim, tưởng anh khiếp nhược trước bọn quản giáo, thực ra chỉ là trò tiêu khiển của anh. Anh muốn kiểm tra khả năng tự kiềm chế, anh huấn luyện nó, và cũng là cách để giết thời gian.

Hách không phải không đọc được ý nghĩ của anh. Một lần thấy anh khum núm vâng dạ, y nguýt dài: "Này, dẹp cái trò ấy đi nhá. Tôi biết thừa các anh là thế nào, trong bụng các anh ấy à, các anh coi tôi bằng mè. Ai chả biết ở ngoài kia các anh hơn tôi, nhưng đây là Hỏa Lò, là trại cải tạo, ở đây tôi hơn đứt các anh".

Trong mấy ngày chờ đợi cuộc chia tay mà trực giác mách bảo chưa biết lúc nào sẽ đến, Thành ít nói hẵn. Anh ngồi bó gối, trong tư thế lần đầu tôi gặp anh, đắm mình trong suy tưởng. Thỉnh thoảng, chợt nhớ ra điều cần dặn tôi, anh mới rũ mình khỏi giấc mơ.

- Nhớ phải tập luyện tay chân luôn, kéo ở lâu trong xà lim bị teo cơ đấy. Đó là một chứng bệnh rất nguy hiểm.

- Khi đi cung, trên đường gặp cái gì dùng được là phải nhặt, có lúc sẽ cần đến. - anh dặn thêm, vào một hôm khác.

- Mưu ma chước quỷ nhiều nhất là ở trong tù. Nhớ cho kỹ điều này. Lúc nào cũng phải cảnh giác. Bạn ở trong tù là của hiếm, hiếm lắm. Cần nhất đừng có hấp tấp. Không nên tâm sự với ai. Nghĩ thật kỹ rồi hãy nói, suy tính thật lung rồi hãy làm.

Mặc dầu có chuẩn bị, cuộc chia tay với Thành diễn ra vào lúc tôi không ngờ nhất.

Cửa xà lim mở ra trước giờ ăn sáng. Người bước vào không phải là quản giáo, mà là một chấp pháp tôi đã gặp nhiều lần.

- Thu xếp đồ đoàn.

Y nói nhẹ nhàng. Đó là một người tầm thường, mặt tròn, hiền lành, cử chỉ chậm rãi và điềm đạm, hẵn do số phận trớ trêu mới rơi vào đám chấp pháp.

Thành sững sờ. Đột nhiên, anh ôm choàng lấy tôi. Tôi cũng ôm cứng lấy anh, nước mắt úa ra.

- Chân cứng đá mềm nhá! - Thành nghẹn ngào nói khẽ - Vững vàng nhá!

Viên chấp pháp không can thiệp vào cuộc chia tay của chúng tôi. Anh ta ngạc nhiên, thậm chí có vẻ hơi xúc động, nhưng giả bộ nhìn đi chỗ khác.

Tôi rời xà lim 1, lòng nặng chึ.

Hôm ấy là 27 tháng 7 năm 1968. Thế là tôi ở Hỏa Lò đã được hơn bảy tháng. Sáng tinh mơ, vừa tỉnh giấc Thành còn bảo tôi: "Mình hôm nay phải ăn vận tử tế. Lỡ có phái đoàn nào đến úy lạo chăng?".

"Ai đến? Mà úy lạo cái gì?", tôi hỏi. Thành cười hì hì: "Ngày thương binh liệt sĩ mà! Mình cũng là thương binh".

Trong một phòng hỏi cung Lê Thanh Tài đã đợi tôi. Y ngồi chêm chệ trong chiếc ghế hành bọc vải dày đã sờn, lò so lòi ra ở vài chỗ, hai chân bắt chéo.

Nhân vật này không lạ. Tôi đã gặp y vài lần tại phòng hỏi cung. Tôi đoán y cũng đang hỏi cung ai đó, biết Huỳnh Ngự đang hỏi tôi về người mà y đang hỏi thì y đến nghe. Cao to, hùng hổ, cử chỉ phóng đãng, nói năng thô lỗ - tất cả chứng tỏ y có nguồn gốc gần cống rãnh hơn sách vở. Tôi biết tên y do Hoàng một hôm hỏi tôi xem có phải bữa trước tôi làm việc với ông Lê Thanh Tài không.

- Có một người ngồi nghe bên cạnh chấp pháp Ngự, tôi không được giới thiệu. Ông ta là ai vậy?

- Anh biết để làm gì? Cũng đại loại như ông Ngự.

Như vậy, y cũng là cục phó.

- Đâu ra những thứ này? - Lê Thanh Tài trích thượng hỏi.

Đó là một gói bánh quy, một gói bánh xốp, một ít ruốc thịt, mấy cái kẹo và ba bao Điện Biên. Tôi lo lắng cho Hoàng. Nếu theo dõi Thành kỹ, chúng sẽ biết vợ anh chỉ gửi Tam Đảo<sup>1</sup>, chúng sẽ cật vấn về ba bao Điện Biên kia. Nhưng chúng bỏ qua chi tiết ấy.

- Người tù ở cùng cho tôi.

Y gườm gườm nhìn tôi.

- Giỏi, giỏi, chuẩn bị sẵn cả.

Tôi nhún vai.

- Sao anh biết anh sẽ chuyển đi nơi khác? Ai cho anh biết?

Tôi không trả lời.

Lê Thanh Tài nhắc lại câu hỏi, giọng giận dữ.

"Thằng khốn kiếp này không quen thấy có người không sợ nó", tôi nghĩ.

<sup>1</sup> Tam Đảo là loại thuốc lá rẻ hơn thuốc lá Điện Biên, rất phổ cập trong thời kỳ ấy. Thuốc lá sang nhất là Thăng Long.

- Tôi hỏi, anh phải trả lời! Ai cho anh biết?
- Chẳng ai cho tôi biết.
- Những thứ này ở đâu ra?
- Anh bạn tù cho tôi. Quà của gia đình anh ấy. - tôi điềm tĩnh trả lời - Anh ấy xé ra cho mỗi người một phần bằng nhau. Ai hết sớm thì nhẹn.

Y rời mắt khỏi đám đồ.

- Nó tốt với anh góm, hả? Anh Quỳnh, xem lại thái độ chính trị thằng đó nghe.

- Dạ.

Viên chấn pháp ném trở lại các thứ vừa khám vào túi vải, cũng Thành khâu cho tôi.

Cuộc khám xét kết thúc ở đó. Lê Thanh Tài phẩy tay cho qua. Chất chuyên chính vô sản ở viên cục phó này xem ra còn cao hơn ở Huỳnh Ngự một bậc. Chỉ vì cho bạn tù mấy cái bánh mà người cho đã bị coi là có thái độ chính trị xấu.

- Các anh đưa tôi đi đâu? - tôi hỏi Lê Thanh Tài.

Y lùi mắt. Tôi nhắc lại.

- Không được hỏi. Đi đâu rồi khắc biết.

Để củng cố cho câu nói, y hất hàm ra hiệu cho một tên công an trẻ, vận thường phục. Tên này đưa tay ra. Một tiếng cách gọn, cái khóa đã ngâm chặt cổ tay tôi. Nó đã cũ lắm, đầy vết sứt sẹo và han rỉ, nhưng hàng chữ khắc chìm Fabriqué en France<sup>1</sup> vẫn còn đọc được.

Chiếc com-măng-ca nổ máy, vọt ra khỏi cổng Hỏa Lò.

Đã quen với không khí vắng lặng của xà lim, tôi bàng hoàng trước cái ồn ào ghê gớm bên ngoài Hỏa Lò. Còn hơn là ghê gớm, nó kinh khủng. Chao ôi, tưởng chừng cả Hà Nội mà tôi biết đến mức thuộc từng ngóc ngách bỗng ngập chìm trong hăng hè sa số các thứ tiếng ồn òn đủ loại làm đinh tai nhức óc. Nhất là khi xe chạy qua chợ Cửa Nam. Tôi đi chợ này nhiều lần, nhưng chưa bao giờ tôi thấy nó đông đúc đến thế, ồn ào đến thế!

Thành phố hiện ra trước mắt tôi cũng lạ, như thể nó già hẳn đi bởi những bức tường mốc thêch đã bợt hết nước vôi, nham nhở.

Qua chợ Cửa Nam, xe rẽ vào đường Nguyễn Thái Học.

<sup>1</sup> Chế tạo tại Pháp (tiếng Pháp).

Tôi ngoái nhìn ngôi nhà số 65 quen thuộc ngay đầu đường. Tưởng chừng nghe thấy cả tiếng dương cầm bay ra từ căn phòng trên gác của Đỗ Nhuận. Tôi muốn được thấy Nguyễn Sáng đứng trên ban công nhìn xuống như anh thường đứng, dáng mệt mỏi khi rời giá vẽ. Cửa ra ban công khép chặt. Chẳng lẽ Nguyễn Sáng còn ngủ? Giờ này, theo lệ thường, bùa sáng ở cà phê Lâm đã xong rồi, Nguyễn Sáng đã về nhà rồi. Hay anh đi đâu vắng? Khi xe đi qua hắn, tôi ngoái lại còn thấy Văn Giáo lộc ngọc dắt xe đẹp ra cổng, chiếc mũ lá trên đầu. Theo sau anh là Nguyễn Tư Nghiêm ưu tư không cần biết đến thế giới.

Một ngọn triều hồi ức tràn ngập tâm hồn tôi. Không hiểu Nguyễn Sáng đã lấy vợ chưa? Đường vợ con anh vất vả, chỉ có đường sáng tác là nhẹ nhàng - dưới cây cọ của anh những bức tranh hình thành như nó có sẵn, chỉ cần anh lên tiếng gọi là nó nằm lên mặt vải.

Khác Nguyễn Sáng, Văn Giáo là nghệ sĩ bằng lao động. Anh vẽ tranh như đánh vật, tác phẩm của anh hình thành không nhờ suy tưởng, mà nhờ cơ bắp và mồ hôi. Không có họa sĩ nào có thể sánh cùng anh trong tình yêu đối với nghệ thuật hội họa. Nhớ một đêm rừng Việt Bắc, Văn Giáo cao lớn lồng khòng bụng đĩa đèn soi cho khán giả xem tranh mình trong một ngôi nhà lá dùng làm lớp học. Đầu cọ sôi lên trong đĩa, rót xuống tay, làm anh bị bỏng, nhưng Văn Giáo không để rơi cái đĩa. Tranh Văn Giáo không được đồng nghiệp đánh giá cao, nhưng trong các cuộc triển lãm tôi thường gặp tranh anh. Chúng bao giờ cũng phản ánh kịp thời những phong trào Đảng đề ra. Những bức tranh như thế có đầy trong những cuộc triển lãm, của anh cũng như của những họa sĩ không tên tuổi.

Lão họa sĩ Nguyễn Phan Chánh<sup>1</sup> giờ này hẳn đang uống trà. Sau khi trót dại trao thân gửi phận cho hiện thực xã hội chủ nghĩa, vào đầu những năm 60 Nguyễn Phan Chánh quyết định trở lại với mình, với thời bức Ô Ăn Quan đầy chất lảng mạn. Tôi xin phép cụ cho in một bức tranh mới sáng tác của cụ trên báo ảnh. Cụ tiếp tôi thân ái nhưng tranh thì không đưa: "Gần đây chẳng có bức nào là tôi cả, cứ như có thằng nào vẽ rồi ký tên tôi vậy. Xin khất anh khi khác!".

Người của thế giới nội tâm, Nguyễn Tư Nghiêm sáng tác không thèm nhìn nhõm đến sự tồn tại của những nhà phê bình hội họa quan phương, những chuyên viên mua tranh của SUNHASABA<sup>2</sup>, như thể không có họ trên đời. Bức tranh "Kiều tắm đêm" của Nguyễn Tư Nghiêm được Nguyễn Tuân khoái đến nỗi xem xong ông phải đẹp xe khắp Hà Nội để tri hô cho thiên hạ đến mà chiêm ngưỡng. Nhưng chẳng mấy ai được chiêm ngưỡng - Nguyễn Tư Nghiêm không thích tiếp khách. Anh vẽ tranh không để khoe, không để bán, anh tạo ra cái Đẹp chỉ cốt được sống một mình với nó.

<sup>1</sup> Nguyễn Phan Chánh (1892-1984), họa sĩ tài danh, chuyên về tranh lụa.

<sup>2</sup> Công ty xuất nhập khẩu sách báo và văn hóa phẩm quốc doanh, người đặt hàng và mua tranh nhiều nhất, theo giá nhà nước, cho các họa sĩ. Những tranh này thường được dùng làm quà biếu ngoại giao của lãnh đạo Đảng và nhà nước hơn là để bán ra nước ngoài.

Tôi có một kỷ niệm khó quên với Nguyễn Sáng. Một hôm anh tìm tôi từ sáng sớm, đứng dưới đường gọi vọng lén: "Lại nhà mình ăn cuốn". Tôi biết Nguyễn Sáng cần gì - anh đang lên cơn cô đơn. Những lúc như vậy anh cần có một người ở bên, bất kể người đó là ai. Buổi sáng hôm ấy tôi là kẻ được chọn, hoặc anh không tóm được ai khác.

Món anh rủ tôi đến ăn hóa ra là món cuốn mạo danh. Chúng tôi ngồi bên con nghệ sứ mứt trán không biết Nguyễn Sáng nhặt được ở đâu. Anh hào phóng rót rượu. Rượu còn cả vò. Trời đất, cuốn gì mà thế này? Không rau thơm, không tôm, không thịt ba chỉ, độc có bún suông cuộn trong rau diếp. Nguyễn Sáng luôn miệng khoe tài pha nước chấm: "Mình mà pha nước chấm thì khỏi chê, khó tính đến như Nguyễn Tuân cũng phải ưng". Chừng thấy tôi không hào hứng hơn cho dù được thưởng thức thứ nước chấm "tuyệt trần đời" của anh, anh rủ tôi bỏ cuốn đấy đi kiếm con gà. "Mình còn nhiều gạo trong hũ lắm, ta mang đổi. Gà luộc, nhắm rượu là nhất rồi!", anh dỗ dành.

Trong hũ gạo của anh, chính là con nghệ sứ với cái đầu vỡ toác ở phần trên trán, chỉ còn lại nụ cười ngây độn, đúng là còn đầy ắp. Nguyễn Sáng ăn ngày một bữa ở cà-phê Lâm - hai lát bánh mì chấm trứng ốp-la và một cà phê đen, thế là đủ. Ăn ký sổ, trả bằng tranh. Tối đến thì khật khưỡng ở quán Thuỷ Hử góc đường Ngô Sĩ Liên trước đĩa nhắm đậm bạc. Gạo tiêu chuẩn vì thế mà thừa.

Chúng tôi vớ được một bà nhà quê có bu gà đứng ngơ ngẩn bên bức tường có hàng chữ "Cẩm Đái Bậy" to đùng ngay dưới khẩu hiệu "KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO". Nguyễn Sáng bỗng luống cuống, bỗng ì ra, không dám nhìn bà ta, càng không dám tới gần. "Này, cậu đem đổi đi", anh huých tôi. "Mình đã đi đổi gà lần nào đâu", tôi ngượng, tôi thoái thác. Mặc kệ, Nguyễn Sáng cứ dúi bọc gạo vào tay tôi: "Nhà báo mua bán là phải hơn họa sĩ. Không được cãi. A lê, đổi".

Người đàn bà bán gà nhìn thấy chúng tôi đùn đẩy cho nhau, cười toe toét: "Lại đây, các cậu lại đây tôi đổi cho". Tôi đành chìa bọc gạo. Bà ta nhìn tôi thông cảm, ao gạo xong, tóm cổ một con gà tơ lôi tuột nó lên đưa cho "hai cậu". Cuộc đổi chác thành công, nó diễn ra êm ả, không có bóng công an phòng thuế nào xuất hiện. "Hai cậu" ồn ào ra về, lòng phấn chấn.

Con gà ngon, vừa đủ mềm, vừa đủ dai, nói chung là tuyệt. Ngà ngà say Nguyễn Sáng kể cho tôi nghe chuyện tình của anh. Đó là câu chuyện buồn, nhưng nó lý giải được cái đẹp tôi bắt gặp trong mấy bức tranh mới đây của anh. Anh yêu say đắm một cô gái có đôi mắt đen cách xa nhau, rất lạ, làm cho sắc đẹp của cô trở thành hoang dã. Bố cô gái không bằng lòng. "Tưởng nó định lấy ai, hóa ra là thằng Sáng cánh ta!", ông nói với bè bạn, cố ý cho con gái nghe thấy. Cô gái đau lòng rời xa anh. Trời cho anh tình yêu đối với cái Đẹp, nhưng bớt lại của anh tình yêu đối với một người.

Chiếc com-măng-ca phóng nhanh về phía Sơn Tây.

## 30

Nơi tôi bị đưa tới là một trại giam của quân đội. Bề ngoài nó giống hệt một trại lính. Giống đến nỗi khi chiếc GAZ<sup>1</sup> từ từ leo lên dốc để qua cái cổng chào với hai vòng quân hiệu hai bên tôi còn nghĩ: hay người ta đưa chúng tôi đến đây để “giáo dục” rồi thả?

Tôi nghĩ thế bởi vì theo lời kể của những nạn nhân Cải cách ruộng đất thì sau thời gian chịu cảnh đói khổ và giam cầm, Đảng đã tuyên bố sửa sai, người ta vẫn chưa cho họ về nhà ngay. Tất cả bị gom lại một chỗ để học tập chính sách cái đã. Chuyện xảy ra trong Cải cách ruộng đất bảy giờ lặp lại chặng?

Tôi nhanh chóng xác định được vị trí trại giam: nó nằm trong vùng bán sơn địa khô cằn với rất nhiều đồi sắn, nương khoai ở phía Nam huyện Bất Bạt tỉnh Sơn Tây. Đầu thập niên 60 tôi đã tới vùng này vài lần. Đất ở đây bạc màu vèo vèo, nhanh như cam tẩu mã, bởi sự trực lợi hối hả của dân chúng ít học dưới sự dắt dẫn của những nhà lãnh đạo khinh học. Thưa thớt giữa thiên nhiên cằn cỗi mẩy con đường đất đỏ bị cả Trời lẫn người bỏ quên nằm vắt vèo qua những đồi trọc khô khốc, nơi có những mỏ đá ong khổng lồ. Những vồng bụi đỏ cuồn cuộn bốc lên đàng sau những xe tải họa hoàn, mãi không chịu lắng xuống.

Lê Thanh Tài sai lính tháo còng cho tôi rồi hối hả đi đâu đó, bỏ mặc tôi cả tiếng đồng hồ trong căn phòng thường trực trống rỗng. Trên cái bàn gỗ mộc bụi bặm và mốc thêch lăn lóc mẩy tờ Quân đội Nhân dân nhau nát. Tôi vồ lấy chúng, đọc ngấu nghiến để rồi ngồi thử ra, thất vọng - tin tức trong báo chẳng nói với tôi điều gì mới.

Thời gian không đứng về phía chúng tôi. Những tờ báo giống y như những tờ này tôi đọc hàng ngày, một năm trước. Chúng sẽ giống y như thế một năm sau, hoặc nhiều năm sau. Thế giới của tôi đã mắc bệnh bại liệt.

Tôi lơ đãng nhìn ra sân trại. Ngoài mấy người lính quân phục xộc xệch, áo phanh rộng ngoài quần, lê bước uể oải trong nắng trưa rực lửa, chồng tranh nứa nặng chĩu trên đầu, quanh đây chẳng còn bóng ai khác. Lúc đó tôi không biết rằng họ là những người tù tự giác của trại quân pháp.

---

<sup>1</sup> Một loại command-car của Liên Xô mới sản xuất trong thập niên 60.

Sau những ngày dài dằng dặc ở xà lim Hỏa Lò việc chuyển trại làm tôi khấp khởi mừng thầm. Thế là xong, tôi nghĩ, cuối cùng rồi cái sự điên khùng này đã đi đến chỗ kết thúc. Ít nhất thì ngay giờ đây tôi sẽ được gặp cha tôi và những người cùng vụ.

Viên y sĩ công an trông nom sức khoẻ chúng tôi ở Hỏa Lò xuất hiện, vẫy tôi theo y.

Bước ra khỏi căn phòng, tôi rơi tõm vào biển lửa của nắng trưa. Tháng bảy thường là tháng nóng nhất trong năm, ở vùng bán sơn địa cái nóng còn được nhân lên thêm vài lần nữa.

Tôi thở hồng hộc. Tôi yếu quá rồi. Mà có mang vác gì nặng cho cam. Tòn ten mỗn hai bộ quần áo với cái chăn len vợ gửi vào cho những mùa đông sau này (ai biết được sẽ còn bao nhiêu mùa đông nữa). Thế mà mệt.

Chúng tôi bước thấp bước cao theo một lối mòn lổn nhổn sỏi đá nầm men bức tường gạch chạy dài không dứt trong lau sậy um tùm. Bức tường không thẳng, nó uốn khúc nhấp nhô theo địa mạo triền đồi. Tới một cánh cổng bằng sắt tấm hoen rỉ, tên y sĩ mở khóa, dẫn tôi vào một cái sân nhỏ khô cằn, không có lấy một ngọn cỏ. Bên trong sân là một ngôi nhà bé xíu, kiểu nhà ở bình thường với kích thước mini.

Cửa vào được mở ra.

Thì ra vẫn là nó, vẫn là xà lim. Xà lim trong một nhà thường, kiểu nhà ở, nhỏ bé.

Tôi nhầm trại giam với trại lính là phải - từ ngoài đường, chỗ cổng doanh trại nhìn vào không thể thấy được khu vực này<sup>1</sup>.

Hi vọng được ở chung với các bạn đồng vụ tắt ngấm.

Thế mới biết cái sự giáo dục của Đảng ăn sâu thật! Vừa mới thấy cái cổng trại lính tôi đã nghĩ ngay đến chuyện được Đảng cho về với vợ con.

Tội nghiệp, tôi bao giờ cũng nghĩ về Đảng tốt hơn nó có trong thực tế.

Xà lim mới làm tôi nhớ đến trại phòng các tu sĩ dòng Châu Sơn. Cũng chiếc giường gỗ mộc nầm tro bên trong bốn bức tường trần trụi, cũng cái trần thấp cuốn thành vòm, chứ không phải trần tứ giác phẳng như ở Hỏa Lò. Chỉ thiếu một thập giá bằng gỗ mun lạnh lẽo trên mảng tường hậu và một tu sĩ khổ hạnh xác ve với chiếc thừng đay thay thắt lưng. Tôi đã tới Nho Quan, Ninh Bình vào đầu năm 1947, nơi có những kho muối lớn dự trữ cho cuộc kháng chiến chống Pháp. Không xa những kho muối này, nầm kín đáo trong một khu rừng ẩm ướt, là tu viện của những tu sĩ có lời nguyền câm nín. Quấn mình trong tấm áo choàng đen khâu tay, bạc phếch và rách rưới, những tu sĩ tiếp tôi bằng nụ cười mơ hồ trên gương mặt bất động. Như những cái bóng, họ lặng lẽ đi lại thấp thoáng trong u tịch rừng già.

<sup>1</sup> Nghe nói sau khi tôi đi khỏi đó ít lâu trại quân pháp Bất Bạt được sử dụng làm nơi giam giữ tù binh Mỹ.

Đêm đêm họ ngồi xếp bẳng tròn quay mặt vào tường hậu, lặng lẽ cầu nguyện. Tôi ngạc nhiên - như thế mà là sống ư? Mà sống như thế để làm gì kia chứ?

Thế mà giờ đây tôi cũng sống như họ. Cô đơn. Khổ hạnh. Còn tệ hơn họ, tôi không được phép bước ra khỏi cái trại phòng đặc biệt, bị bỏ vào chung không phải tự nguyện đến ở, không được phép gặp đồng loại, không được phép để đồng loại nhìn thấy mình.

Sau hết, và là cái khác cơ bản giữa chúng tôi - họ có Chúa, còn tôi thì không.

Tôi mệt mỏi quăng đồ đạc lên phản. Cửa xà lim khép lại với tiếng động quen thuộc – tiếng then sắt tra vào hông, tiếng bấm khoá.

Xà lim là xà lim, cho dù có vài nét phân biệt. Tính về diện tích nó còn nhỏ hơn xà lim Hỏa Lò. So với tiêu chuẩn của thực dân thì ở đây đã xảy ra một sự cắt xén được đặt tên là cải tiến. Cái phản gỗ mộc bào cấu thả còn lởm xởm sơ gỗ được gắn chết vào bốn trụ xi măng. Không thấy mặt cái cùm muôn thuở. Gầm phản là một hố sâu - một cái hầm trú ẩn.

Tôi trườn lên phản, nằm nghĩ vẩn vơ. Sự vắng bóng cái cùm sắt chứng tỏ nhà tù bộ đội có khác nhà tù công an. Sự hiện diện của cái hầm trú ẩn chứng tỏ người ta còn tình với đồng đội, người ta còn lo cho sự an nguy của đồng đội bị tù. Một điểm khác nữa, rất bình thường, nhưng cũng cứ phải coi như ưu điểm của trại này là cái cửa sổ. Nó không phải là *le judas* đặc trưng cho xà lim, mà to gần bằng cửa sổ nhà nông thôn, với những song sắt to hơn song sắt cửa sổ của xà lim 1, được gắn chặt vào bê tông kiên cố.

Thoạt đầu, nhìn nơi ở mới thậm chí tôi còn hài lòng, còn tự hào về cái xà lim của trại giam quân đội. Dù sao nó cũng không đến nỗi tệ hại như xà lim Hỏa Lò.

Quan sát kỹ thì mới thấy mình nhầm. Nó không phải là một cái xà lim bình thường mà là một sáng tạo độc đáo trong nghề làm chuồng người. Căn nhà nhỏ gồm bốn căn phòng được thiết kế giống hệt nhau dưới một mái chung, cửa mỗi phòng quay về một hướng. Ở chỗ tiếp giáp giữa hai xà lim mọc ra một mảng tường tứ giác với một đường vát thượng thu hạ thêch chia ngôi nhà thành bốn ô riêng biệt, để người bên này không nhìn thấy người bên kia, kể cả khi quản giáo cho ra ngoài tắm rửa. Ở Hỏa Lò xà lim nằm thành hai dãy dài trong hành lang, một người ho khan cả dãy nghe thấy. Trong nhà-xà lim Bất Bạt chỉ có bốn phòng, nếu ba phòng kia không có người thì cảm giác cô đơn thật kinh khủng.

Mỗi ngôi nhà lại bị bao quanh bởi bốn bức tường con kiến không cao và không kiên cố, làm thành một khu biệt giam, với một cánh cổng bằng tôn mỏng xộc xệch. Hết thảy những khu nhà như thế (không biết là có bao nhiêu cái) bị bọc trong một bức tường cao chạy chung quanh, có vọng gác ở mỗi góc<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Thiếu tá Trần Thư cũng bị giam ở trại này năm 1973 trước khi được tha. Anh không bị giam trong xà lim nữa mà được ở trong một ngôi nhà nhỏ như điểm canh đê, có một mảnh vườn con bên trong hàng rào dây thép gai vây

Cánh cửa xà lim vừa khép lại là tôi rơi vào một vùng tĩnh lặng hoàn toàn. Ngoài tiếng gió chạy trên đồi, không còn tiếng động nào khác trong buổi trưa hè.

Hôm sau, tôi thấy có tiếng động ở xà lim bên cạnh. Thì ra bên đó có người. Hai hôm sau, tôi giật mình nghe người đó gọi tôi:

- Bông hồng vàng! Bông hồng vàng!<sup>1</sup>

- Ai đó?

Tôi chồm ra cửa sổ, khẽ kêu lên.

- Bác sĩ! Bác sĩ đây! - người đó trả lời.

- Chào bạn! - tôi trả lời thận trọng

- Tất-cả-ở-đây-hết!

Người xưng là bác sĩ lại kêu lên. Giọng anh ta lần này có nhỏ hơn, nhưng vẫn bị phát hiện. Mấy tên lính gác rầm rập chạy đến. Tôi nghe tiếng cãi vã, tiếng mở cửa, đóng cửa xầm xầm.

Tôi căng óc, cố đoán xem người xưng bác sĩ kia là ai, mà không nghĩ ra.

Trong số bạn làm nghề y chỉ có bác sĩ Phan Thanh Hoài là thân với tôi hơn cả. Nếu là anh thì tôi nhận ra ngay. Tôi quen giọng Phan Thanh Hoài lắm. Nhưng làm sao anh bị bắt được? Anh nổi tiếng phi chính trị. Hơn thế, anh còn là ân nhân của một số cán bộ cỡ lớn. Những người này sẽ bảo vệ anh, ít nhất thì cũng vì anh cần cho họ. Vài người trong bọn họ đã nhờ anh chữa bệnh phong tinh. Là bác sĩ chuyên khoa sản, gì chứ mấy thứ bệnh tim la, lậu bình thường anh chữa rất mau khỏi. Hoài chỉ sợ cái bệnh anh đặt tên là tim la Tân Đảo<sup>2</sup> do thứ vi trùng đã lòn với nhiều loại kháng sinh gây ra. Về quan điểm chính trị anh gần với chúng tôi. Trong đám bạn bè tin cậy anh không giấu giếm rằng anh ghê tởm cái xã hội nhố nhăng với một lũ Cẩm Bá Nhạ<sup>3</sup>, một lũ hủi, ở trên đầu. Mà với hủi thì tốt nhất là không dây. Anh biết giữ mõm giữ miệng cho nên đám công an theo dõi trí thức vẫn đinh ninh Phan Thanh Hoài là một bác sĩ giỏi nhưng mít đặc về chính trị.

bốn bề. Đây là nơi cư trú trung chuyển giữa chế độ giam giữ và sự thả cho về, làm thành một khu riêng biệt, cách khu xà lim và khu trại chung. Lại một sáng tạo độc đáo của hệ thống giam tù "xử lý nội bộ".

<sup>1</sup> Tên một tác phẩm của nhà văn Nô-viết K. Paustovsky (nhà xuất bản Văn Hóa, bản dịch của Vũ Thư Hiên).

<sup>2</sup> Nouvelle Hébrides, nay là Vanuatu, vùng đất thuộc lãnh thổ Pháp quốc hải ngoại, nơi có nhiều người Việt Nam di cư đến theo những hợp đồng mỏ phu của chính quyền thuộc địa vào đầu thế kỷ 20..

<sup>3</sup> Chơi chữ, nói chại đi từ tiếng Pháp campagnard = tên nhà quê.

Nhưng đến cả trung tá công an Hồng Sĩ mà cũng còn bị bắt thì Phan Thanh Hoài cũng có thể bị bắt lầm. Dù sao anh cũng có tội. Anh có tội chơi thân với tôi, giờ đã là tên phản cách mạng, và Văn Cao, tên đầu sỏ Nhân văn - Giai phẩm. Theo ngôn từ công an, chơi thân với nhau gọi là liên quan.

Tôi hi vọng Văn Cao bình an vô sự. Thời gian cuối này Văn Cao rất yếu. Anh khó lòng chịu đựng cuộc sống tù ngục. Anh đã may mắn một lần. Lần thứ hai có thể anh không may mắn nữa. Trong thời kỳ xảy ra vụ Nhân văn - Giai phẩm người ta nhiều lần ám chỉ Văn Cao khi nói tới số phận Đinh Linh, Trần Xí Hà<sup>1</sup>. Người ta nói chuyện bên Tàu để nhắn nhủ anh coi chừng, rất có thể anh sẽ như họ đấy. Sau vụ Nhân văn - Giai phẩm Văn Cao dìm nổi buồn trong rượu. Lần nào gặp anh tôi cũng thấy anh trong trạng thái ngà ngà, chai rượu để trước mặt. Anh kể cho tôi nghe anh đã bị bọn công an giả dạng lưu manh gây sự rồi thượng cẳng chân hạ cẳng tay với anh mấy lần trong những quán rượu bình dân. Từ đó chị Băng không cho chồng ra khỏi nhà nữa. Chị bẩm bụng mua rượu về cho anh, tuy vẫn luôn miệng nhắc nhở anh đừng uống nhiều. Chị biết để anh uống như thế anh sẽ chết vì rượu, nhưng chị biết, anh còn chết nhanh hơn nếu phải sống với nỗi buồn.

Huỳnh Ngự cũng có lần hỏi tôi về Phan Thanh Hoài. Y đưa ra một danh sách những tên sách, truyện ngắn, hỏi tôi có biết những tác phẩm này không? Tôi giật mình: đó chính là tên những truyện Phan Thanh Hoài dự định viết.

Làm sao chúng có được danh sách này? Phan Thanh Hoài đã bị bắt, đã khai? Hay chúng đột nhập vào nhà lục lọi khi anh đi vắng?

Phan Thanh Hoài chưa phải là người viết văn có tên tuổi. Anh yêu văn học bằng một tình yêu lười biếng. Sau khi đặt tên cho một tác phẩm tương lai, anh viết nguệch ngoạc vài ba trang rồi vứt đấy. Những trang bản thảo vương vãi khắp nơi trong căn phòng lộn xộn, trong đó có nhiều trang tuyệt vời. Lần nào Phan Thanh Hoài cũng tự hẹn với mình sẽ viết tiếp vào một lúc khác. Tiếc rằng cái lúc khác ấy hiếm khi xảy ra. Tôi giật mình vì chỉ riêng những cái tên sách mà Huỳnh Ngự cho tôi xem đã không ổn rồi, đã bốc mùi bất mãn rồi.

Đáp lại câu hỏi của Huỳnh Ngự, tôi chỉ cười.

- Anh cười chi?

- Phan Thanh Hoài không phải là nhà văn. – tôi nói - Xin đừng nghi anh ấy chuyện văn chương. Anh ấy cũng có lúc bốc lên, muốn viết thật đấy, nhưng rồi chỉ thành công được một lần. Cuốn sách duy

<sup>1</sup> Đinh Linh, hay Ding Ling (1904-1986), nhà văn nổi tiếng ở Trung Quốc. Bà có một số phận cay đắng. Năm 1930 bị cảnh sát Quốc Dân Đảng Trung Quốc bắt giam, chồng là nhà văn Hu Yipin bị chính quyền Quốc Dân Đảng hành quyết năm 1931. Bà tham gia Đảng cộng sản Trung Quốc để rồi bị đảng này quy kết là phái hữu và khai trừ khỏi Đảng năm 1957. Đinh Linh và nhà văn Trần Xí Hà được gộp thành một vụ án vn8hc mang tên hai người. Cả hai đều bị hạ ngục vì những phát biểu bất đồng với đường lối văn nghệ của đảng cầm quyền.

nhất được in của anh Phan Thanh Hoài là một cuốn sách loại người tốt việc tốt in ở Nhà xuất bản Kinh Nguyệt Không Đều...

Huỳnh Ngự gắt lên:

- Anh nói cái chi? Nhà xuất bản chi... ?

Tôi giải thích rằng chúng tôi gọi Nhà xuất bản Phụ nữ là Nhà xuất bản Kinh Nguyệt Không Đều vì sách ở đây ra loạc choạc, khi có khi không, khi nhiều khi ít.

Huỳnh Ngự tẩm tẩm cười.

- Tôi chơi với Phan Thanh Hoài vì cái khác. - tôi thủng thảng nói thêm - Anh Hoài rất chiểu bạn. Thỉnh thoảng có món gì ngon anh lại ới tụi tôi đến ăn. Tiết canh vịt Hoài đánh thì tuyệt, không ai sánh bằng, Văn Cao gọi nó là tiết canh xâu lạt...

Huỳnh Ngự ngẩn người:

- Nghĩa là sao?

- Nghĩa là tiết canh đông đến nỗi có thể lấy lạt xâu vào mà xách đi được.

- Phịa.

- Văn Cao vốn thích nói thậm xưng. Nhưng thật thế - tiết canh anh Hoài đánh đông lắm. Tôi chưa thấy ai đánh tiết canh tài bằng anh ấy.

- Đánh thế nào?

Tôi nhẩn nha kể cho Huỳnh Ngự cách đánh tiết canh mà Phan Thanh Hoài dạy tôi. Đành phải hy sinh bí quyết nhà nghề của anh để đưa Huỳnh Ngự ra xa cái đề tài nguy hiểm. Huỳnh Ngự nghe chăm chú, sau đó không vặn vẹo thêm nữa. Tôi đồ rằng trở về nhà y sẽ ghi công thức đánh tiết canh vào sổ tay.

Còn ai nữa là bác sĩ trong số người quen tôi? Rồi tôi cũng nhớ ra bác sĩ Phan Thế Vấn. Với bác sĩ Vấn thì không thể nói rằng tôi quen. Chúng tôi có gặp nhau đôi lần ở nhà bạn bè, không nhớ là ở nhà Vũ Huy Cương hay nhà ai. Mọi người nhận xét Vấn là một tay Ivan. "Ivan" là một cách nói vui hời ấy, chỉ một người không thích lối sống giáo điều, công thức, không chịu uốn mình theo khuôn phép của Đảng, không cứ là một người thân Liên Xô, như bọn tự xưng mác-xít chân chính chụp mũ. Có những Ivan chẳng biết đến chính trị, chẳng biết đường lối của Đảng cộng sản Liên Xô ra sao.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp Phan Thế Vấn ở trong nội thành Hà Nội. Anh hoạt động trong phong trào thanh niên học sinh. Năm 1956 anh được cử đi dự Đại hội thanh niên và sinh viên thế giới ở Moskva. Đó là vinh dự lớn cho một thanh niên trước kia ở trong vùng tạm chiếm, cho dù có hoạt động cho kháng chiến.

Vấn thì có thể bị bắt, tôi đoán.

Tôi không gặp anh lần nào trong thời gian ở Bất Bạt, cũng như trong thời gian ở tù nói chung. Gặp lại anh tại Sài Gòn năm 1989, tôi hỏi có phải anh đã gọi tôi hồi ở Bất Bạt không thì anh nói không. Tôi ngạc nhiên: vậy còn ai trong những người bị bắt là bác sĩ? Hay đó là một bác sĩ quân y nào mà tôi không quen, nhưng biết tôi. Anh nhìn thấy tôi qua một khe hở phòng anh và anh muốn cho tôi biết tôi không đơn độc. Mà cũng có thể không phải thế. Nhưng nếu đây là trò của công an thì tại sao bị phát hiện nói chuyện với tôi anh ta lại bị chuyển đi ngay? Và chẳng làm một việc gì có lợi cho việc dò xét của công an?

Trong trại giam - xà lim này, quản giáo bộ đội đối với chúng tôi tử tế hơn quản giáo Hỏa Lò. Họ mở cửa, đóng cửa, cho chúng tôi với nét mặt vô can - tôi với anh không quen thuộc, không thù không oán, tôi làm việc này vì tôi ăn lương thì tôi phải làm, chứ tôi cũng chẳng muốn.

Trong nhà tù nét mặt, cách đối xử của quản giáo ảnh hưởng đến tâm lý người tù nhiều lắm. Một bộ mặt lầm lì, một cái nhìn hờ hững cũng gây ra không nhiều thì ít tâm trạng ẩn ức.

Tôi nhanh chóng làm quen được với một anh tù gánh cơm cho các xà lim. Khi cho tôi ăn sáng, anh tù trẻ, mặt mũi sáng sủa, được phép đến sát cửa sổ để đưa cho tôi vài củ khoai hoặc mấy khúc sắn. Bữa trưa anh đặt phần cơm trên bể nước.

Anh tù thì thào cho tôi biết anh bị tòa quân sự kết án ba năm tù vì tội là lái xe anh đã bất cẩn để xe bọc thép lăn xuống vực, làm chết đồng đội. Quen rồi, tôi lân la hỏi anh về những người tù không phải phạm binh trong trại.

- Tôi có thấy hai ông già. - anh nói.
- Một trong hai ông già là cha tôi đấy.
- Cụ nhà trông thế nào?
- Cụ tôi hói đầu.

Mỗi cuộc nói chuyện xảy ra nhiều nhất một lần trong một ngày, mà cũng chỉ giới hạn trong vài ba câu. Phải nói cho nhanh kẻo bị phát giác. Dứt lời, anh lại lắc lè quang gánh chạy đi.

- Cụ hói đầu, có sẹo ở bụng, phải không? - một buổi sáng khác, anh hỏi.
- Đúng. Cụ tôi đấy. Cụ bị cắt mệt.

Trong xà lim nóng, cha tôi cởi trần, nhờ đó anh bạn trẻ nhận ra đặc điểm.

- Còn cụ kia?
- Là thiếu tướng Đặng Kim Giang.
- Cha mẹ ơi, vậy mà tôi không biết.

Hôm sau, anh móc trong lưng quần ra gói Tam Đảo, ngó trước ngó sau rồi ném vào phòng:

- Cụ gửi cho anh.

Thì ra anh từ đã tự động báo cho cha tôi biết anh có liên lạc với tôi.

Tôi xem xét cẩn thận gói thuốc. Nó có vẻ còn nguyên lành. Để ý thật kỹ thì thấy nó có bị bóc ra rồi dán lại. Tôi mân mê từng điếu. Không thấy gì. Đó là gói thuốc kiểm tra. Cha tôi vốn cẩn thận. Ông không hấp tấp tin ai, trong hoàn cảnh này lại càng phải cẩn thận.

Một tuần sau, tôi lại nhận được gói thuốc nữa. Trong gói thuốc lần này có một điếu đáng ngờ. Dốc thuốc ở hai đầu đi tôi được một mẩu giấy cuộn tròn, trong đó có những hàng chữ nhỏ li ti:

*"Nợ nước đời tôi trả đã tròn  
Việc nhà gửi mẹ với đàn con  
Trăm năm đầu bạc dành sai hẹn  
Thủy chung tôi giữ tấm lòng son".*

“Con học thuộc mấy câu thơ này rồi đốt đi. Nếu bố không trở về thì đây là mấy lời cuối cùng bố gửi mẹ. Nói với mẹ bố xin mẹ tha lỗi vì đã làm khổ mẹ, nhưng bố không thể sống khác được. Cố gắng tập khí công, tập yoga để giữ sức khỏe chờ một ngày tươi sáng. Đêm tối rồi sẽ qua, ma quỷ rồi phải chạy trốn mặt trời trí tuệ, cái ác sẽ phải quay gối trước lòng nhân ái. Bố của con”.

Tôi ứa nước mắt. Cầu Trời Phật cho cha tôi sống được đến ngày gặp lại mẹ tôi và chúng tôi.

Nhờ anh bạn tù tốt bụng, tôi chuyển được một bức thư cho cha tôi. Tôi hứa với cha sẽ thực hiện lời người dặn. Đến đó liên lạc giữa hai cha con chấm dứt.

Thỉnh thoảng Huỳnh Ngự gọi tôi ra, không phải để hỏi cung mà hỏi thăm sức khỏe.

Y lúng túng lắm mỗi lần bị tôi hỏi về thời hạn giam giữ. Nó kéo dài quá rồi, vượt qua mọi giới hạn rồi. Không thể cứ một mực gầm thét, mà y biết là vô ích. Chính y cũng cảm thấy mệt. Giờ đây, như một y tá bên giường bệnh, y an ủi tôi, nói những lời sáo rỗng không biết là lần thứ bao nhiêu về lòng tin ở lượng khoan hồng của Đảng: Đảng sáng suốt, Đảng đúng đắn, Đảng là cha mẹ vv... Tôi thậm chí ái ngại cho y - y không đến nỗi quá ngu để không biết tí gì về pháp luật. Nhưng y không biết phải xử sự thế nào. Sự vi phạm pháp luật của các ông chủ của y quá trắng trợn.

Trong những ngày ở xà lim Bất Bạt tôi thỉnh thoảng lại nhớ tới một câu nói của Hoàng:

- Tôi không muốn dọa anh. Dọa anh cũng chẳng được, tôi biết. Tôi tin anh không sợ - anh đã bắt tay Thần Chết nhiều lần, như anh nói. Nhưng anh chưa biết đấy thôi - ở đời có nhiều cái còn đáng sợ hơn cái chết.

Hoàng đúng.

Chúng tôi không bị đánh đập, không bị giết. Chúng tôi chỉ bị chôn sống mà thôi.

Tôi không tưởng tượng nổi mình có thể sống trong một cái cùi hẹp, đúng hơn là một cái huyệt kim tĩnh kiên cố, với một tấm phản, một cái bô, một ống buồng đựng nước. Không phải vài ngày, vài tháng, mà hàng năm. Một mình.

Trong một lần đi cung tôi gặp cô bộ đội dắt đứa con trai. Cháu bé chừng ba tuổi, lùn cùn bên mẹ. Nó nhìn tôi, nhoẻn cười. Tôi cười đáp, lấy tay vỗ. Nó cũng vỗ lại. Thằng bé mới khóc làm sao! Tôi ngây người ngắm nó. Như thể nó là một kỳ quan của thế giới. Như thể trên đời này tôi chưa từng nhìn thấy một đứa bé. Tôi đi chậm lại để được ngắm nó lâu hơn. Tôi cảm thấy mắt tôi rưng rưng.

- Đi nhanh lên! - viên quản giáo giục.

Mặc. Tôi đi ngang cháu bé. Tôi nhìn thấy những lông tơ trên đôi má phính mịn màng của nó. Tôi đi qua nó. Thật chậm. Cháu ngoéric nhìn tôi, đôi mắt trong veo, miệng lại nhoẻn cười. Người mẹ trẻ bồng nó lên tay. Cô nhìn tôi, cái nhìn đầy thương cảm.

Tôi ngoảnh lại, vỗ cháu bé. Nó vẫn nhìn theo, bàn tay tí xíu vẫn vỗ.

- Nhanh lên!

Viên quản giáo lại giục.

Đứa bé xa dần.

Tôi đã biết ăn dè, tiêu dè. Khốn nạn, thì ra cuộc đời còn có cái dè khác - nhìn dè.

Một hôm, bên ngoài có tiếng cuốc lục cục, xoèn xoẹt trên mặt đất. Nhìn qua khe cửa sổ khép chặt, tôi thấy những bàn chân người đen đùi bước tới bước lui - đó là tù ở trại chung được đưa vào khu xà lim làm vệ sinh. Khi họ đi khỏi, cửa sổ lại được mở. Trước mặt tôi là một khoảng đất trống, không còn lấy một nhúm cỏ. Ngay trước cửa sổ phòng tôi chừng hai mét có một cây con mới được trồng, loe hoe mấy cái lá.

Thế là màu xanh cuối cùng của sự sống cũng bị tước nốt. Mặt đất bêch ra những sỏi cùng đá. Tôi buồn xỉu.

Sau nhiều ngày sống lay lứt dưới nắng quái đặc biệt dữ dội ở trung du, cái cây quặt queo tưởng bị thiêu chết rồi đã đứng thẳng dậy, ngang ngạnh, bất khuất. Tôi thường ngâm nước trong miệng để phun cho nó. Việc tưới cây kiểu này chẳng dễ dàng - phải biết cách khéo léo để phun cho mạnh, phun cho xa và phải phun trúng.

Tôi đã ở đây với cái cây từ lúc nó bé tẹo cho tới khi nó tỏa bóng mát. Trong cái huyệt kim tĩnh ấy.

Cái cây con ngang bướng cũng là ân nhân của tôi trong những năm tháng bị giam cầm. Nó dạy tôi phải biết nghiên răng lại mà sống.

Người "đồng vụ" đầu tiên mà tôi gặp ở đây là Trần Minh Việt. Chúng tôi háo hức thông tin cho nhau.

Để hình dung tù xà lim nói chuyện với nhau bằng cách nào, trước tiên phải kể đến cái tường ở Bất Bạt. Không hiểu tên khốn kiếp nào đã sáng tạo ra lối vẩy xi măng lên tường như thế? Phải là một tên kiến trúc sư cực kỳ điên rồ, với trái tim thú dữ, mới làm ra được một bức tường ghê tởm đến như vậy. Nó xù xì, đầy gai nhọn và sắc. Người tù mỏi mệt trong tư thế ngồi không dám dựa lưng vào đấy. Dựa vào tường tấm lưng để trán vì trời nóng sẽ rát máu. Dùng tay gỗ vào tường có thể gây thương tích. Tôi phải bọc vải vào tay mà gỗ.

Cái khó là chúng tôi không sao thống nhất được ám hiệu truyền tin. Trước Cách mạng Tháng Tám tôi là một sói con<sup>1</sup> bầy Hồng Đức. Anh sói già Vương Trọng Thành chẳng những dạy dỗ chúng tôi trở thành những đứa trẻ từ tâm với phương châm "mỗi ngày làm một điều thiện", mà còn dạy chúng tôi biết nhiều cái vật vãnh mà hữu dụng khác, trong đó có ngôn ngữ Morse. Trần Minh Việt chưa bao giờ là sói, là hướng đạo sinh, thành thử anh không biết đánh Morse như thế nào. Chúng tôi đành dùng thứ tín hiệu thủ công, trong đó các chữ cái cứ dài mãi ra theo thứ tự, chẳng hạn chữ a gỗ một tiếng thì chữ k phải gỗ mười tiếng, chữ v gỗ hai mươi mốt tiếng. Giữa các chữ là một khoảng lặng, kết thúc một từ là một tiếng gỗ thật mạnh. Nói chuyện như vậy rất chậm. Và rất mệt. Thế mà trong một tháng ở bên cạnh nhau tôi đã thông tin cho anh được hết những gì xảy ra bên ngoài kể từ tháng 7 cho tới tháng 12 năm 1967. Khi anh được biết về thông báo số 1, số 2 của Lê Đức Thọ, Trần Minh Việt đập rầm rầm vào tường:

- Đồ chó đẻ! Thằng khốn nạn!

Hai tháng sau bỗng nhiên tôi bị chuyển đi nơi khác. Không lý do. Chắc chắn không phải việc chúng tôi liên lạc với nhau bị lộ.

Chúng tôi mỗi ngày một thô lỗ thêm cùng với thời gian bị nhốt. Một hôm tôi nghe tiếng Lưu Động<sup>2</sup> oang oang vang động cả một vùng:

<sup>1</sup> Một tổ chức thiếu nhi rất phổ biến trên thế giới. Một bầy sói gồm có huynh trưởng là sói già và sói con như trong truyện "Rừng" của Rudyard Kipling. Sau năm 1954 tổ chức này bị cấm. Tổ chức Thiếu niên Tiền phong là tổ chức duy nhất cho thiếu niên. Thay vào phương châm Mỗi Ngày Làm Một Điều Thiện của Sói con, tổ chức này có phương châm: thực hiện Năm Điều Bác Hồ Dạy.

<sup>2</sup> Nhà báo lão thành, được biết đến bởi những phóng sự chiến tranh trong kháng chiến chống Pháp.

- Cút mẹ mà đi! Đừng có mang mấy thằng mất dạy nhà mà ra dọa tao. Bảo cho thằng Lê Đức Thọ khốn kiếp của chúng mà biết, tao ỉa vào mồm nó! Cả cái thằng Lê Duẩn ăn cứt nữa! Tao nguyên rủa con đĩ ngựa đẻ ra nó. Tiên sư chúng mà! Tổ bố chúng mà!

Nghe Lưu Động chửi thật đã con ráy! Tiếng Lưu Động ồm ồm không lẫn với tiếng người khác được. Nền văn hóa làm cho con người bớt thật đi, bớt được là mình đi trong sự bộc lộ cảm xúc. Thỉnh thoảng phải được sống nguyên sơ, sống hoang dã như thế mới sướng. Tôi còn muốn nghe Lưu Động chửi nữa, nhưng đang chửi ầm ầm anh bỗng im bặt. Cơn giận dữ bùng lên qua nhanh, chắc hẳn anh thấy ngượng với mình, thấy mình xử sự không xứng với tư cách trí thức.

Tù trong khúc ngoặt, viên y sĩ công an mặt xám ngoét, chạy như ma đuổi. Lính gác rầm rập chạy tới. Các cửa sổ đóng lại rầm rầm.

Tôi ngồi trong bóng tối, lắng tai nghe những tiếng động từ bên ngoài. Có vẻ như không có gì xảy ra.

Chúng không đánh Lưu Động. Nếu chúng đánh anh ắt tôi phải nghe thấy - căn cứ tiếng chửi vọng tới phòng tôi thì anh ở khá gần tôi, chỉ cách một ô. Từ đó tôi không nghe tiếng Lưu Động nữa – hẳn anh đã bị chuyển đi ô khác.

Tại trại Bất Bạt, chúng tôi còn được hưởng chế độ phơi nắng. Nó không phải giờ đi dạo của tù nhân các nước khác mà ta thường thấy trên màn ảnh. Tuần một lần, quản giáo mở cửa cho tôi ra ngoài phơi nắng một giờ. Còn thì suốt ngày ở trong phòng. Gọi là phơi nắng, vì tôi chỉ được đứng hoặc ngồi xổm ở ngoài trời, không được đi lại, phòng người ở gian bên nhìn thấy.

Khi nào lính gác bỗng dừng chạy tới đóng cửa sổ là tôi biết chúng sắp giải tù đi ngang. Nhờ một khe hở, tôi nhìn thấy lần lượt: Vũ Huy Cương, Hồng Sĩ, Phạm Viết, Trần Minh Việt, Trần Thư, Huy Vân và những người khác nữa tôi không quen mặt. Thấy những người này không đi cùng quản giáo bộ đội mà đi với quản giáo công an thì biết là người đồng vụ, thế thôi. Khốn nạn, thế mà chúng nó gọi là nhóm chống Đảng, là chống đối có tổ chức, rõ không biết dơ.

Bây giờ tôi mới hiểu cái sự vu khống chính trị là thế nào. Thời kỳ Nhân văn - Giai phẩm, tôi nghe vậy thì biết vậy, chứ không hiểu.

Văn Cao, tên đầu sỏ đám trí thức mưu toan đoạt quyền lãnh đạo của Đảng, gọi theo cách của những nhà lãnh đạo văn nghệ, nói với tôi rằng toàn bộ vụ Nhân văn - Giai phẩm chỉ là trò cờ gian bạc lận.

- Hồi ấy, văn nghệ sĩ còn tin Đảng lắm, - Văn Cao kể - còn yêu Đảng lắm. Giảm gì Đảng vẫn là Đảng của mình, cậu hiểu không? Là ruột thịt của mình. Nhưng là trí thức, bọn mình không quen, không thích tin mù quáng. Bọn mình thấy xã hội có những khuyết tật, những cái cần sửa chữa. Mới lên tiếng cảnh báo. Đảng cầm quyền thì phải đề xuất với Đảng, chứ còn đề xuất với ai? Chuyện đề xuất bằng hình thức nào là cái không nên bắt bẻ. Không phải lúc nào cũng phải kính đơn. Phát biểu cũng được chứ sao. Viết báo cũng được chứ sao. Chẳng ai hô hào lật đổ các ông ấy cả. Chỉ có các ông ấy tru tréo

lên: ối giờ ơi, có địch, có địch ngay trong hàng ngũ ta, rồi dựng thành vụ để trấn áp. Nguyễn Mạnh Tường<sup>1</sup> chỉ ra cái sai rành rành trong sự thi hành luật pháp cũng bị đánh. Họ đánh tuột tuột mọi trí thức, chứ không phải chỉ văn nghệ sĩ không thôi đâu. Đánh để trị, để răn đe.

- Nhưng trong lãnh đạo Đảng ai khởi xướng vụ đánh này?

- Cậu muốn hỏi ai là tác giả, hở? Không phải Hồ Chí Minh đâu, Ông Cụ không nghĩ ra cái đó, Ông Cụ không tệ đến thế. Cũng không phải Nguyễn Chí Thanh. Đừng vì vụ Trần Dần bị giam vào cải hối thất mà đổ cho "lúy" (hắn). Thằng cha lúc ấy còn bận cung cố địa vị vừa chiếm được của général (tướng) Giáp. Tác giả chính là Longue Marche<sup>2</sup>, cậu nghe rõ chưa, là-Trường-Chinh.

- Thế còn Tố Hữu?

- Tố Hữu ấy à? Không, cũng không phải đâu. Cần phải công bằng. Tố Hữu có không ưa mình, có làm khổ mình thật, do lòng đố kỵ mà ra. Mình cũng ghét cái thằng bằng nhẳng ấy lắm. Nhưng có thể nào nói thế ấy. Tố Hữu chỉ là kẻ thừa hành thôi. Nói gì thì nói, trong lòng Tố Hữu vẫn còn một chút gì của nhà thơ chứ. Bề ngoài thì thế đấy - Tố Hữu lãnh đạo cuộc đánh từ đầu chí cuối. Người ta tưởng vụ Nhân văn - Giai phẩm nổ ra là bởi báo Nhân văn đăng mấy bài phê bình thơ Tố Hữu, Tố Hữu tức, Tố Hữu đánh. Nhầm hết. Longue Marche mới là kẻ sáng tác ra Nhân văn - Giai phẩm. Để chạy tội Cải cách ruộng đất. Để tạo ra cái hổ rác mà trút mọi tội lỗi của lúy vào đấy. Chính Longue Marche chứ không ai khác. Đừng tước bản quyền của lúy, tội nghiệp! Longue Marche còn cho mời mình và Nguyễn Tuân đến gặp. Lúy nói cả tiếng đồng hồ về đảng tính, về trách nhiệm đảng viên. Chiêu hồi mà. Nguyễn Tuân nghe, mặt hất lên, ngáp không cần che miệng. Nguyễn Tuân vẫn thế - bất cần đời. Đôi lúc cũng có hèn một tí, hèn có mức độ thôi, nhưng trong đại đa số trường hợp Tuân là kẻ bất chấp. Mình nói với Longue Marche: "Nếu trong vườn hồng có sâu thì ta phải chịu khó mà bắt bằng tay, từng con một. Đổ ụp cả đống thuốc trừ sâu vào đấy thì chết sạch vườn hồng. Rồi anh sẽ thấy: qua đợt đánh phá này không biết bao giờ nền văn nghệ Việt Nam mới ngóc đầu dậy được!" Lúy nghe, mặt câng câng. Cái cách của Trường Chinh là thế. Lúy gọi mình đến còn có ý này nữa: lúy muốn mình phải hiểu - tôi đã chịu khó nghe các anh rồi đấy nhá, tôi dân chủ lắm rồi đấy nhá! Chứ còn cái nền văn nghệ của các anh, nó đáng giá mấy xu?".

Tôi ghi lại lời nói của Văn Cao ở đây để sau này có ai nghiên cứu thời kỳ Nhân văn - Giai phẩm có thể tìm thấy trong đó một chứng cứ của người trong cuộc.

Một hôm, tôi thấy Trần Minh Việt đi cung, khoảng vài giờ sau anh trở về, lúng củng những gói cùng bọc, vẻ mặt buồn rượi. Sau đó đến lượt Huy Vân, Trần Thư, Lưu Động, rồi mấy người nữa.

<sup>1</sup> Giáo sư trường Đại học tổng hợp Hà Nội, đỗ hai bằng tiến sĩ ở Pháp. Sau vụ này ông không được phép giảng dạy cho đến suốt đời.

<sup>2</sup> Trường Chinh, dịch sang tiếng Pháp.

Họ được gặp gia đình, tôi kết luận.

Vụ án, theo tôi phán đoán, đã sang một chương mới không có lợi cho chúng tôi. Sau gần ba năm giam cầm không cần tuyên bố lý do, không cho chúng tôi gặp gia đình, mà không bị phản ứng cả trong Đảng lẫn ngoài xã hội, giờ đây nhà cầm quyền nhơn nhơn coi sự bỏ tù chúng tôi, những phần tử chống Đảng, là việc đương nhiên họ có quyền làm.

Lưỡng trước khả năng gặp gia đình, tôi viết sẵn một bức thư gửi ông Nguyễn Lương Bằng. Bọn công an chủ quan không ngờ tôi quan sát được động thái bên ngoài sẽ không khám xét. Không có mực, tôi dùng nicotin đọng trong cái điều Thành cho (phòng xa không có thuốc lá mà hút) viết trên mẫu giấy gói kẹo:

*"Thưa bác. Cháu đề nghị bác, với tư cách người cầm thanh kiếm bảo vệ sự trong sáng của Đảng, tự mình xem xét vụ án này. Cháu là đứa cháu được bác và bố mẹ giáo dục tinh thần trung thành với sự nghiệp cách mạng. Nếu sau khi kiểm tra bác thấy cháu phản cách mạng thật thì cứ mang ra bắn, nhưng nếu không phải là như thế thì bác phải đưa bọn lạm dụng chức quyền đàn áp những người cách mạng trung thực ra xử."*

Tôi đoán đúng. Chẳng bao lâu sau đến lượt tôi được gọi ra.

Mẹ tôi, vợ tôi và các em tôi đã chờ sẵn trong một túp tranh được dựng cấp tốc cho khách thăm tù xét lại.

Đây là lần gặp đầu tiên sau hai mươi bảy tháng tôi bị giam.

Cả nhà ùa tới ôm lấy tôi. Tôi sợ mọi người sẽ òa khóc, nhưng mẹ tôi điềm tĩnh như thể trong thời gian gần ba năm ấy<sup>1</sup> không xảy ra chuyện gì đáng kể. Tôi hiểu mẹ - bà bao giờ cũng tỏ ra cứng rắn trước kẻ thù. Chỉ giọng nói hơi nghẹn ngào ở một đoạn nào đó tố cáo nỗi xúc động trong lòng bà.

Mẹ tôi già đi nhiều quá. Mái tóc bạc tha thốt, nhiều chỗ trơ sọ. Tôi nhìn mẹ, nước mắt úa ra. Đời mẹ khổ quá nhiều.

Tôi nhớ tới một buổi sáng se lạnh bên sông Đà. Mẹ tôi lịch thiệp và bình thản trả lời viên sĩ quan Pháp áp giải đoàn tù đi Sơn La<sup>2</sup> khi y hỏi tại sao mẹ tôi biết tin sự di chuyển mà đi tiễn chồng:

<sup>1</sup> Theo Thợ Mai Gia Lễ thì thời gian này vừa đúng bằng thời gian vợ để tang chồng. "Ba năm hai mươi bảy tháng chàng ơi..." .

<sup>2</sup> Năm 1939 tôi được đi theo mẹ lên thị xã Phượng Lâm, tỉnh Hòa Bình, để tiễn đoàn tù cộng sản bị đi đày Sơn La. Trong đoàn tù này còn có các ông Trần Huy Liệu, Trịnh Tam Tỉnh, Nguyễn Văn Phúc, Đặng Kim Giang... Trung ương Đảng được mật báo đã cử mẹ tôi đón đường tiếp tế cho các đồng chí. Tôi còn nhớ cha tôi lột cái mũ nồi tôi

"Người vợ yêu chồng bao giờ cũng biết chồng mình ở đâu". Y lại hỏi: tại sao bà không khuyên can chồng để đến nỗi gia đình bị ly tán, bà đáp: "Chồng tôi làm công việc mà bất cứ người Việt Nam tự trọng nào cũng phải làm". Tôi nhìn thấy ánh mắt tự hào của các đồng chí nhìn mẹ tôi trên con phà chở tù sang thị xã Hòa Bình.

Mẹ luôn dặn tôi không được tỏ ra mềm yếu trước kẻ thù. Nhưng đó là nói về một kẻ thù nào khác, chứ không phải thứ kẻ thù quái đản này. Trong thời kỳ hoạt động bí mật, bà không tin sẽ được thấy ngày đất nước độc lập và bà âm thầm chuẩn bị đến lượt chúng tôi phải đổi mặt với chúng. Mẹ đã dạy dỗ tôi không vô ích. Chính những lời dạy dỗ của mẹ đã giúp tôi rất nhiều trong những ngày phải sống trong xà lim, bị cắt đứt với thế giới bên ngoài.

Vợ tôi thì cứ lúng ta lúng túng, không biết ứng xử với bọn công an như thế nào cho phải, không biết phải gọi chúng bằng gì. Cứ như thể một khi tôi là tù thì vợ tôi cũng là tù một nửa. Thương quá. Tôi nghiệp, vợ tôi không hề được chuẩn bị để chịu đựng cảnh sống này. Nhưng nhìn vào mắt vợ tôi, tôi hiểu vợ tôi sẽ chịu đựng cùng tôi bất cứ khổ nào mà chế độ phát-xít mang lại.

Tôi bế đứa con giờ đây mới biết mặt. Khi bị bắt tôi chưa biết vợ tôi có mang. Hoài Thu giãy giụa trong tay tôi, không chịu theo. Chị nó, Mi Lan, cũng bắt đầu lạ tôi. Tôi ôm hôn con gái, rồi nhân một phút tên quản giáo lơ đãng, nhét vào túi áo con bức thư: "Con giấu đưa cho bà". Mi Lan nhìn tôi chăm chú. Rồi gật đầu. Đưa cho con rồi tôi đâm lo - nhớ con tôi không hiểu lại đưa ngay cho bà nội mẩu thư cuộn trong mẩu vỏ tuýp kem răng trước mặt bọn Công an thì sao? May mà Mi Lan có trí thông minh trước tuổi. Trong suốt cuộc gặp mặt, con tôi ngồi trên đùi tôi, vui vẻ cười đùa, không gây ra một sự nghi ngờ nào.

Bức thư được mẹ tôi trao tận tay Nguyễn Lương Bằng.

Ông tiếp mẹ tôi trên gác ngôi nhà có công an canh gác, nói những lời an ủi vô thưởng vô phạt. Tiễn mẹ tôi xuống nhà, khi đã ra đến vườn rồi, ông mới hứa sẽ đặt vấn đề ra trước Trung ương để Trung ương xem xét.

- Tôi nghiệp, chưa bao giờ mẹ trông thấy bác ấy thảm hại như thế! - mẹ tôi kể về cuộc gặp gỡ đáng buồn.

Lời hứa của ông chẳng bao giờ được thực hiện. Địa vị cao sang và nỗi sợ hãi trước Lê Đức Thọ đã làm tâm hồn người chiến sĩ cách mạng nổi tiếng năm xưa tê liệt. Mẹ tôi kể rằng trong những lần bà tới gặp Nguyễn Lương Bằng, bà biết chắc nhà ông bị gài rập<sup>1</sup>, thái độ lúng túng của ông cho thấy ông cũng biết.

đang đợi cho ông Phi Vân, bị còng tay chung với cha tôi trong chuyến đi đó. Ông Phi Vân sau bị thủ tiêu vì tội "bán nữ đồng chí cho nhà chứa" ở bên Tàu, theo lời ông Nguyễn Lương Bằng. Lại cũng có người nói Phi Vân bị giết theo lệnh của Hồ Chí Minh, vì ông cạnh tranh ảnh hưởng với ông Hồ. Không biết tin nào đúng.

<sup>1</sup> Máy ghi âm bí mật.

Nói cho công bằng, trong ông cũng có xảy ra một cuộc đánh nhau giữa tình bạn và cái ghê. Đáng tiếc, tình bạn bị đeo ván trong cuộc đọ sức không cân xứng. Tôi biết về cuộc đánh nhau ấy do cha tôi kể lại. Khi hấp hối, Nguyễn Lương Bằng cho người mời cha tôi đến. Ông ân hận. Ông xin cha tôi tha thứ. Cha tôi nói: "Việc đã qua rồi. Anh không phải là người gây ra. Giữa anh và tôi không còn tình đồng chí, nhưng tình bạn thì còn. Anh hãy yên tâm nhắm mắt".

Có một số tác giả cho rằng trong cái gọi là xã hội xã hội chủ nghĩa con người quan chức, không trừ cả lãnh tụ, bị buộc chặt vào cơ chế đến mức không thoát ra được cho dù họ có muốn, cho nên đánh giá họ bằng chuẩn mực hành xử thông thường của loài người là không được, không nên. Cách suy nghĩ độ lượng ấy không có tác dụng nào khác hơn sự biện hộ cho những tên hoạt đầu, những tên cơ hội, những tên độc tài đứng trên bọn chúng, xóa nhòa ranh giới giữa đao phủ và nạn nhân. Chẳng qua bằng sự xuống cấp từ từ, không nhận thấy được, của những chuẩn mực đạo đức trong một xã hội bị bần cùng hóa, bị nô lệ hóa, con người quan chức trong cơ chế đó đã hành động một cách vô thức, theo bản năng tự vệ, để không bị cơ chế tống ra ngoài mà mất đi những quyền những lợi đang được hưởng. Hơn thế nữa, những việc làm thấp hèn lại được tuyên xưng như là sự hành xử theo những chuẩn mực đạo đức, làm cho lớp quan chức vững tin ở những hành động thật sự vô đạo đức, và cứ thế họ trượt dần xuống dốc phi nhân bản lúc nào không biết.

Căn cứ việc công an hỏi tôi, bắt tôi làm bản khai về Nguyễn Lương Bằng thì tháng 12 năm 1967 Nguyễn Lương Bằng còn nằm trong diện những người bị tình nghi chống Đảng. Thế mà chưa tới một năm sau, tháng 11 năm 1968 ông đã nhảy phóc một cái qua hàng ngũ kẻ trấn áp, trở thành người của ban chỉ đạo chuyên án.

Trường hợp Nguyễn Lương Bằng là trường hợp điển hình cho sự trượt dốc đó.

Tôi có thể thông cảm với Nguyễn Lương Bằng. Ông tham gia ban chỉ đạo chuyên án của Lê Đức Thọ do sơ hãi. Nhờ biết sợ, ông chẳng những thoát nạn mà còn lên chức phó chủ tịch nước vào năm 1969. Ông có mất mát chút ít, nhưng là những thứ không đáng giá: tình bạn, tình đồng chí, tình yêu của những đứa cháu không ruột thịt, lòng kính trọng của những người cách mạng chân chính.

Đó chính là sự tha hóa của con người. Nó hiện diện trong mọi tầng xã hội. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tan rã chính là do sự tha hóa trong lòng nó, sự mục rữa chất người, hay nói theo cách của Lenin, do sự mất nhân tính đi đến chỗ cùng cực mà ông dùng để nói về bản chất của giai cấp vô sản. Hệ thống này tan rã không phải trong thời điểm kinh tế suy thoái nhất (của Liên Xô cũng như của các nước Đông Âu), mà tan rã vào thời điểm dân chúng ở những quốc gia này không còn chịu đựng nổi sự mất nhân tính đi đến chỗ cùng cực<sup>1</sup> ấy, do ý thức được sự mất nhân tính ấy họ, và cả nhân loại nữa, đã không còn có thể điều hòa được với nó.

---

<sup>1</sup> Có thể tìm thấy cách suy nghĩ rất thú vị của Lenin về tha hóa, về bản chất của giai cấp vô sản, trong Bút Ký Triết Học của ông, ở những đoạn ghi chép về cách luận giải của Marx và Engels trong vấn đề cách mạng vô sản.

Mẹ tôi cho biết cả nhà đã được gặp cha tôi. Bố cũng ở đây, sức khoẻ bình thường, mẹ tôi nói, khẽ nháy mắt với tôi và mỉm cười buồn bã. Tôi hiểu cha tôi yếu, nhưng bọn công an không muốn mẹ tôi nói thế.

Lại một đặc tính ngớ ngẩn của bọn đạo đức giả cộng sản: chúng chỉ cho phép tồn tại một sự thật là cái sự thật làm đẹp cho chúng. Ngoài ra không có sự thật khác. Ngay trong việc nhỏ nhất. Nhìn thấy trên bàn có cái giỏ tích đáng ngờ, tôi ra điều dẹp chõ cho vợ tôi sắp thức ăn để bỏ nó qua chõ khác. Tên công an trông thấy. Y nhao tới, hấp tấp đặt nó vào chõ cũ. Tôi đoán đúng: trong cái giỏ tích có “rệp”.

Cuộc chiến gây ra từ một phía chưa kết thúc. Lê Đức Thọ vẫn sợ một cái gì đấy, cho nên mới phải bí mật theo dõi cả những cuộc nói chuyện trong gia đình chúng tôi. Hay Thọ còn muốn giăng bẫy để bẫy một cái gì khác?

Mẹ tôi im lặng theo dõi việc diễn ra trước mắt, mỉm cười khinh mạn. Bà tỏ vẻ hài lòng thấy tôi không ngơi cảnh giác. Bằng lời lẽ khéo léo, mẹ tôi khuyên tôi phải kiên nhẫn chờ đợi, không nên ảo tưởng, hãy cố gắng chịu đựng. Tôi nghe mẹ nói, lòng buồn rười.

Ngoài kia vẫn là đêm tối, chưa có gì hứa hẹn bình minh. Mà bây giờ đã là mùa hè năm 1969.

Lợi dụng tên y sĩ công an nhìn đi nơi khác vợ tôi rụt rè đưa cho tôi cây bút bi hai màu. Vợ tôi muốn cho tôi cái gì đó, và đã chọn cây bút - món quà này, vợ tôi biết, chắc chắn làm tôi vui thích. Tôi liếc nhanh tên công an. Y vẫn lắng nghe, nhưng không nhìn chúng tôi, mặt quay ra sân. Tôi giật phắt cây bút trong tay vợ tôi nhét vào túi áo bông. Vợ tôi mở to mắt, ngạc nhiên vì hành động sốc sảng của chồng.

Ngày hôm đó, tôi đã làm một hành động rất phản văn hóa là hủy hoại một cây bút tuyệt đẹp. Tôi vờ xin phép tên công an cho tôi ra ngoài. Ngồi rất lâu trong cái chuồng xí dựng tạm ở sau nhà, bốn bề trống hoác với mấy tấm tranh quây quanh, tôi quan sát rất kỹ chung quanh rồi bẻ nát cây bút, dùng que đào lỗ chôn những mảnh nhựa vụn. Bằng con dao giấu trong giày, tôi xé quăng giữa đường khâu kép nơ mặt trong áo bông, luồn hai ruột bút bi vào đó.

Từ hai ruột bút bi này bắt đầu cuốn Miền Thơ Ấu, cuốn sách mười chín năm sau rốt cuộc rồi cũng được thấy ánh sáng mặt trời.

## 31

Tên tuổi Lê Đức Thọ ngày nay không những được biết đến ở Việt Nam, mà cả trên thế giới. Hình ảnh Lê Đức Thọ được in trong những cuốn từ điển bách khoa, với tiểu sử tóm tắt và sự nhấn mạnh về công trạng tìm kiếm hòa bình cho cuộc chiến tại Việt Nam trong cuộc hòa đàm Paris với Kissinger<sup>1</sup> và được trao giải thưởng Nobel hòa bình cùng với ông ta.

Lê Đức Thọ tìm kiếm hòa bình. Còn gì mỉa mai hơn?

Ở Việt Nam tên Lê Đức Thọ gắn liền với vụ “nhóm xét lại chống Đảng”, và rất nhiều vụ oan khuất khác do Ban Tổ chức Trung ương tiến hành.

Tôi tiếc không được biết Lê Đức Thọ một cách gần gũi để có thể viết nhiều và viết kỹ về nhân vật một thời làm mưa làm gió trên chính trường Việt Nam. Hi vọng rồi đây sẽ có người làm việc này, bởi vì Lê Đức Thọ là một hiện tượng đặc thù trong xã hội Việt Nam.

Ý định của Lưu Quý Kỳ về việc cho ra một tờ báo châm biếm tương tự tờ Cá Sấu của Liên Xô để phê phán các hiện tượng tiêu cực, tôi có nhắc tới ở trên, không phải là ý định suông. Điều Lưu Quý Kỳ không ngờ là ý muốn chân thành của anh đã dẫn tới tai họa. Lê Đức Thọ xồng xộc đến tận Sở báo chí để tự mình uốn nắn ý nghĩ vượt ra ngoài khuôn phép của anh. Mà Lưu Quý Kỳ là người được Thọ coi như đệ tử ruột một thời. Tinh thần cảnh giác cao chưa một lần ngủ quên trong đầu Sáu Búa Lê Đức Thọ không cho phép xảy ra một sự lỏng dây xích như vậy.

Tôi có mặt ở đấy khi xảy ra sự việc.

Con người cao to, tóc bạc trắng, với giọng nói cỗ ý kéo dài bắt người nghe chờ đợi câu tiếp theo, để lại trong tôi ấn tượng nhạt nhẽo và khó chịu. Tôi dị ứng với những gì không thật. Trong Lê Đức Thọ tôi nhìn thấy đầy rẫy của giả. Mọi người khùm núm, sợ sệt. Trong bầu không khí im lặng nặng nề, tiếng Lê Đức Thọ vang vang âm sắc phán truyền, cái nhìn nghiêm khắc lướt trên đầu cử toạ.

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ở tuổi 30, chính quyền đã vững vàng, đam mê tụ đã học thuộc bài lên xe xuống ngựa xênh xang, đệ tử bâu quanh như ruồi thấy mật. Một chút khiêm tốn giả vờ, một chút bình dân đóng kịch, trộn với rất nhiều phô trương quyền thế, là nét nổi bật trong Thọ.

<sup>1</sup> Henry Alfred Kissinger (1923), bộ trưởng Ngoại giao dưới thời hai tổng thống Richard M. Nixon và Gerald R. Ford, cầm đầu phái đoàn Hoa Kỳ tại Hội nghị Paris năm 1973 dẫn tới việc Mỹ rút quân khỏi miền Nam Việt Nam như điều kiện tiên quyết cho kết thúc chiến tranh.

Nói tóm lại, một tên hãnh tiến điển hình. Trong cuốn Sửa Đổi Lề Lối Làm Việc ông Hồ Chí Minh gọi căn bệnh này là bệnh lãnh tụ.

Vào những năm đang được nói tới Lê Đức Thọ là ủy viên Ban bí thư, ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng. Nhưng cả hai chức ấy chẳng có nghĩa gì so với một chức nghe khiêm tốn hơn nhiều là Trưởng Ban Tổ chức Trung ương. Thọ giữ chức này ba mươi năm liền, kể từ khi ra Bắc.

Từ một cơ quan bình thường, mang nặng tính chất sự vụ, làm công việc quản lý cán bộ Đảng thời Lê Văn Lương, Ban Tổ chức Trung ương trong tay Thọ nhanh chóng trở thành cơ quan siêu mật thám, nắm trong tay quyền lực cao nhất, mạnh nhất trong toàn bộ hệ thống Đảng. Nó bao trùm tất cả, đứng trên tất cả. Dưới quyền điều khiển của nó có cả Bộ Nội vụ, tức là toàn bộ bộ máy công an, cảnh sát.

Ban Tổ chức Trung ương của Lê Đức Thọ trong thực tế không chỉ nắm lý lịch đảng viên và cán bộ Đảng, mà cả cán bộ chính quyền, từ cấp thấp nhất tới cấp cao nhất, theo một hệ thống dọc.

Mỗi cán bộ đều có một cuốn lý lịch, nó dính vào anh suốt đời, như một cái bướu. Mỗi lần xét lên lương, xét cho đi học, xét cấp nhà, thậm chí cấp một cái phiếu mua xe đạp, là một lần lý lịch anh lại được mở ra, được tính đến. Giá trị con người được tính bằng mức độ trung thành với Đảng, hồng hơ chuyên, đức hơn tài. Lý lịch là chứng chỉ xác nhận giá trị xã hội của mỗi cá nhân thành viên, do đó nó quan trọng vô cùng. Lý lịch còn được cập nhật, được bổ sung liên tục bởi công an chìm và nổi, bởi cán bộ tổ chức, cán bộ bảo vệ, các bạn đồng sự, bởi ông hàng xóm hoặc ông tổ trưởng dân phố. Hết thảy đều được dạy dỗ để theo dõi lẫn nhau, được khuyến khích thu thập tin tức về nhau.

Nhân vô thập toàn, con người ta ai cũng có lúc mắc khuyết điểm, không lúc nào thì lúc khác, không ở nơi này thì nơi kia. Nếu chẳng may khuyết điểm lại có màu chính trị, bị tổ chức phát hiện, nó sẽ được ghi nhận, được xếp vào hồ sơ, còn sau này có dùng đến hay không, dùng vào lúc nào, là chuyện khác.

Tại Hỏa Lò tôi ngạc nhiên thật sự khi Huỳnh Ngự, với nụ cười trích thượng trên môi, chìa cho tôi xem bản liệt kê tất cả những gì tôi đã viết, đã in, trong đó có nhiều cái ba lăng nhăng nhất, vô giá trị nhất, chính tôi cũng quên bằng từ lâu. Ừ, thì cứ cho rằng từ năm 1961 khi tôi viết Đêm Mất Ngủ bị Tố Hữu đánh, lúc ấy nghi ngờ tôi là có lý. Nhưng làm sao trong hồ sơ lại có cả những bài báo ngô nghê đăng trên tờ Nhân dân và Văn nghệ từ mãi những năm 1954-1955, khi tôi còn là một con chiên cộng sản ngoan đạo?

Thì ra khi có một bút danh mới xuất hiện những cán bộ tổ chức theo dõi văn nghệ liền ghi ngay vào sổ, và nếu có một chút nghi ngờ thì một hồ sơ liền được lập. Nếu không thì làm sao người ta có thể có những bản liệt kê gồm cả những thứ tầm phو như thế?

Dù có căm ghét hệ thống quản lý cán bộ ấy tới mức nào nữa tôi vẫn phải khâm phục tính chất vô nhân và vô luân hoàn hảo của nó. Về hệ thống của Thọ cần có nhiều công trình nghiên cứu nghiêm túc trên hai bình diện: môi trường xã hội cần và đủ cho sự nảy sinh và tồn tại của hệ thống,

cách vận hành nó. Đảng cộng sản Việt Nam có quyền tự hào - trong lĩnh vực này kể cả Gestapo của Đệ tam Đế chế cũng khó sánh được với Ban Tổ chức Trung ương.

Bên cạnh Ban tổ chức Trung ương, Lê Đức Thọ đặt ra Ban bảo vệ sức khỏe Trung ương. Nó được lập ra để bảo vệ sức khoẻ cho các ủy viên Trung ương, nhưng chủ yếu là để phục dịch các Trung ương ủy viên cổ cánh, và trước hết là các ủy viên Bộ Chính trị. Theo quy định, cán bộ đã tham gia hoạt động cách mạng trước 9-1945 đều nằm trong sự chăm sóc của Ban này, nhưng đó là quy định được đặt ra cho vui chứ không phải thực tế là như vậy. Không hề có dấu bằng giữa một đảng viên chịu đựng nhiều hy sinh cho cách mạng, với một ủy viên Bộ Chính trị đỏ da thâm thịt.

Sức khỏe các ủy viên Bộ Chính trị thời Duẩn-Thọ được phục vụ tối đa, với tất cả khả năng mà nền y học Việt Nam hiện đại có. Trong tay Ban bảo vệ sức khỏe Trung ương có những bác sĩ hàng đầu ở các bệnh viện tốt nhất. Có vị còn được cung cấp một nữ sinh viên để thứ bảy chủ nhật đến săn sóc sức khoẻ và bầu bạn cho đỡ buồn. Khi cô sinh viên "xin phép chú cháu đi lấy chồng" thì chú nước mắt nước mũi giàn giòna nắng nặc giữ cô lại. Đời con gái có thì, cô ta không chịu, thế là nhà lãnh đạo ngã bệnh, các chuyên gia Việt Nam tìm không ra bệnh gì, chữa không được, ông phải đáp chuyên cơ<sup>1</sup> ra nước ngoài tìm thầy chạy chữa. Cuộc tình bao cấp của ông được Thọ cho quay phim, chụp ảnh lén, sẽ có lúc dùng tới. Chuyện thâm cung bí sử này lọt ra ngoài cũng từ cái Ban bảo vệ sức khỏe Trung ương nó.

Cái sự ham muốn quyền lực thường có ở những người đã từng được nếm mùi quyền rũ của nó. Nhưng ở Lê Đức Thọ nó mang một sắc thái đặc biệt, với một bề ngoài đạo đức giả điêu luyện. Những người tiên đoán mâu thuẫn giữa Lê Duẩn và Lê Đức Thọ nói rằng cặp này sớm muộn sẽ loại trừ nhau chính là do quyền lực. Tôi nghe vậy thì biết vậy, chứ không nghĩ rằng nhận định của họ có sở cứ - họ biết cả Duẩn và Thọ từ những năm ở bưng biển. Và họ đã đúng khi tiên đoán như vậy.

Cuối năm 1967 tôi và mẹ tôi vào Hà Đông thăm bác Đinh Chương Dương. Bác Đinh kể mới tháng trước có mấy cán bộ ở Ban lịch sử Đảng vào gặp bác để lấy tài liệu về phong trào cách mạng và cộng sản ở Nam Định. Mấy nhà sử học do Đảng tuyển mộ một mực dỗ dành nhà cách mạng lão thành xác nhận bằng văn bản rằng Lê Đức Thọ là người cộng sản đầu tiên ở Nam Định. Bác Đinh nghe rác tai, mới bảo họ: "Này các anh, nghe tôi khuyên đây: nếu muốn chép sử thì nhất nhất phải chép theo sự thật. Còn muốn viết sử thì cứ việc viết theo ý các anh muốn, hoặc theo ý người trên. Không làm được Tư Mã Thiên<sup>2</sup> thì làm thư lại mà giữ lấy nếp nhà lương thiện". Kể lại chuyện này, bác Đinh nói với tôi:

<sup>1</sup> Máy bay đặc biệt dùng để chở các lãnh tụ đi công cán. Thường khi cùng đi đến một địa điểm, "các cụ" cũng không chịu đi chung, mà mỗi "cụ" phải có một máy bay riêng, gọi là chuyên cơ.

<sup>2</sup> Tư Mã Thiên, tên tự là Tử Trường, sinh năm 145 trước CN, không rõ năm mất, nhà viết sử vĩ đại của Trung Quốc.

"Khi bố cháu đã hoạt động cách mạng rồi thì anh Thọ này còn là học sinh<sup>1</sup>. Chẳng hiểu sao anh ta lại thích được ghi vào sử đảng rằng anh ta là người cộng sản đầu tiên ở Nam Định đến thế? Con người tham thật, được bao nhiêu cũng chưa vừa lòng". Anh Kỳ Vân kể hồi anh đã là xứ ủy viên Bắc Kỳ, Lê Đức Thọ cũng từng hoạt động với anh. "Hồi ấy hắn ta không như bây giờ đâu. Khiêm tốn lắm, nhún nhặt lắm. Mà trình độ hiểu biết chính trị thì a b c, biết cái khỉ gì đâu. Cho nên nịnh Trường Chinh lắm, nghe Trường Chinh như nghe thánh sống. Thế mà sau năm 54 ở trong Nam ra hắn đã câng câng, nhìn thiên hạ bằng nửa con mắt. Trường Chinh nâng đỡ hắn là thế, vậy mà khi Trường Chinh thất thế, hắn cũng vênh váo cả với Trường Chinh, mới tệ".

Mà nào có phải Lê Đức Thọ là nhà cách mạng kiên cường cho cam! Năm 1943, ông Sao Đỏ Nguyễn Lương Bằng vượt ngục Sơn La về ở nhà tôi, tại 65 phố Nhà Rượu (phố Nguyễn Công Trứ bây giờ), ông còn bảo cha tôi: "Anh chịu khó đi Nam Định tìm thằng Khải<sup>2</sup> hỏi thằng nó xem nó có còn muốn hoạt động với anh em nữa không, hay chỉ nằm nhà ôm vợ?". Cha tôi đạp xe đi Dịch Lễ, tìm được Lê Đức Thọ, lôi Thọ ra khỏi cái giường êm, trả về cho tổ chức. Về chuyện này cha tôi có ghi lại trong tập hồi ký "Tháng Tám cờ bay".

Lạ nữa là chẳng phải một mình Lê Đức Thọ làm to. Hai người em ruột Thọ là Đinh Đức Thiện<sup>3</sup> và Mai Chí Thọ<sup>4</sup>, cho tới Cách mạng Tháng Tám chưa hề có tiếng tăm trong hàng ngũ cách mạng cũng làm to nốt. Một người lên đến thượng tướng, bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, Tổng cục trưởng Tổng cục dầu khí, một người được phong đại tướng ngành Công an khi về hưu. Những nhà cách mạng lão thành cứ ngẩn ngơ trước sự thăng tiến vù vù trên hoạn lộ của ba anh em nhà họ. Quả là sự hi hữu trong lịch sử.

Người làng Dịch Lễ nói rằng ba anh em Khải-Dinh-Đống lên nhanh thế là nhờ mồ mả.

<sup>1</sup> Theo hồi ức của ông Ngô Thé Tân, Việt kiều ở Pháp, trong một bức thư gửi cho tôi, thì vào những năm 1926-1927 khi ông Tân còn là học sinh trường Canh nông Tuyên Quang thì vào "một đêm trăng mờ mở cuộc họp đồng chừng vài chục người trong một khu rừng nhỏ. Không ai nhìn rõ mặt ai. Tóm tắt lại đây là đại diện một đảng có mục đích hoạt động bằng đủ mọi cách để lấy lại độc lập cho tổ quốc... Mãi đến năm 1956-1957 khi tôi ở Pháp trở lại Hà Nội anh bạn Vũ Đình Huỳnh mới cho tôi biết người đảng viên bí mật nằm rùng tuyển mộ đảng viên ở trường Canh Nông hồi đó chính là anh... Nay anh đã khuất mà tôi cũng chẳng hay hồi ấy anh ở đảng nào..." Theo các nhà cách mạng thế hệ già, Lê Đức Thọ vào thời kỳ ấy còn là học sinh.

<sup>2</sup> Tên thật của Lê Đức Thọ: Phan Đình Khải.

<sup>3</sup> Đinh Đức Thiện, tên thật Phan Đình Dinh (1913-1987), thượng tướng, từng kinh qua các chức vụ chủ nhiệm tổng cục hậu cần, tổng tham mưu phó, bộ trưởng bộ dầu khí... ; ủy viên dự khuyết rồi ủy viên trung ương từ khóa 3 và đến khóa 4.

<sup>4</sup> Mai Chí Thọ, tên thật Phan Đình Đống (1922-2007), bí danh Năm Xuân, Tám Cao, từng giữ các chức vụ giám đốc Công an Nam Bộ, bộ trưởng Bộ Nội Vụ, đại tướng CA.

Tôi không tin. Sau này, được chính anh cháu ruột Lê Đức Thọ, một nhà khoa học hẵn hoi chứ không phải người không hiểu biết, kể cho tôi nghe chuyện ngôi mộ cụ thân sinh Lê Đức Thọ tôi mới đậm ra ngờ vực - chẳng lẽ thuật để mả có từ lâu đời ở nước ta lại có thật? Không khoa học nào thừa nhận môn phong thủy, nhưng trong chuyện vận may của nhà họ Phan xem ra nó lại có lý hơn mọi cách giải thích khác. "Sống vì mồ vì mả, không sống vì cả bát cơm" (bát cơm to), không phải vô lý mà các cụ ta đã có câu như vậy.

Nhà khoa học kể: gia đình Lê Đức Thọ gồm hai chi. Chi trên, ngành cả, là chi bác ruột của Thọ, cụ Phan Đình Hòe, và chi dưới, cụ Phan Đình Quế, tức My, thân sinh ra ba ông quan lớn sau này. Cụ Hòe từ nhỏ tư chất thông minh, văn hay chữ tốt, sau đỗ đạt cao, làm quan nhất phẩm, thượng thư hay là cái gì đó tương tự. Ông em ruột cụ là cụ Quế thì ngược lại, học trước quên sau, được cái tính cù mì, an phận thủ thường ở nhà với vợ, chịu khó cày sâu cuốc bầm, chăn gà chăn lợn.

Cụ Hòe thôi việc quan, được một thầy địa lý nổi tiếng trong vùng chọn cho một huyệt tốt phòng khi cụ hai năm mươi, gọi là huyệt Lỗ Ao. Tại sao nó có tên như vậy thì nhà khoa học không biết, cũng không được ai giải nghĩa. Thế nhưng cụ Hòe lại thọ, thành thử huyệt đã sẵn đấy mà cụ vẫn sống phây phây để rồi lại gặp được một thầy địa lý khác, còn cao tay hơn ông thầy trước nhiều, theo lời thiên hạ đồn.

Thầy địa lý này trẻ mà khen kiệu, cụ Hòe vời mấy lần mới chịu tới. Trước mặt cựu thượng quan thầy cung kính chấp tay thưa: "Kẻ hèn vỡ vẽ chuyện đất đai, nghe lời cha mẹ dạy trước nay làm việc này chỉ cốt được sự phúc đức. Thấy ai không hiểu biết, lờ đặt cha mẹ hoặc thân nhân nhầm chỗ đất độc thì mách cho người ta đặt lại kéo rồi sau di hại đến con cháu. Chứ tìm đất tốt phát vương phát bá thì kẻ hèn này không có tài". Cụ Hòe nói muốn nhờ thầy xem lại huyệt Lỗ Ao. Thầy vâng lời, xem xong, thầy thưa: "Bẩm, quan lớn là bậc đa kiến văn, trí lự hơn người, xin quan tự định liệu. Huyệt này đúng là phát, phát lầm. Tiếc thay, nó phát một đời, nhưng lại bị nguyễn rủa muôn đời".

Cụ Hòe giật mình, dặn con cháu: "Công hầu khanh tướng chẳng qua chỉ là giấc mộng hoàng lương. Ta chết đi chúng bay cứ chọn chỗ cao ráo cho ta nằm. Ta không muốn dòng họ ta vì phát một đời mà chịu tiếng xấu muôn đời!". Con cháu nghe lời bỏ huyệt Lỗ Ao. Cụ Hòe có để lại một bài tứ tuyệt nói lên ý trên, đúng là khẩu khí của bậc hiền nho, nhưng tiếc rằng nhà khoa học kể chuyện này lại không thuộc cả bài.

Cụ Quế tiếc rẻ cái huyệt phát, bảo: "Bác cả không nằm, để tao nằm". Cụ qua đời, con cháu táng vào huyệt Lỗ Ao.

Câu chuyện này tôi được nghe vào năm 1966, thời cực thịnh của Lê Đức Thọ.

Cho đến khi tôi viết những dòng này Lê Đức Thọ bị nguyễn rủa đã nhiều. Trong cả nước. Từ dưới dân đen tới những tầng cao chế độ. Không phải chỉ những người bị Lê Đức Thọ hăm hại và con cháu họ, mà cả những người vô can. Người ta coi Lê Đức Thọ là đệ nhất gian thần trong lịch sử nước nhà.

Đinh Đức Thiện không chịu chung những lời nguyền rủa với ông anh cả. Trong cuộc đời không dài Đinh Đức Thiện đã giữ những chức vụ rất quan trọng - bộ trưởng Bộ Cơ khí và Luyện kim, Trưởng ban xây dựng Khu gang thép Thái Nguyên, Phó chủ nhiệm Tổng cục hậu cần, Tổng cục trưởng Tổng cục dầu khí, hàm thượng tướng. Ông ít học. Trình độ học vấn không quá bậc sơ đẳng. Thế nhưng Đinh Đức Thiện khinh trí thức lắm. Ông hạ lệnh cho các kỹ sư điện tính toán thời hạn lắp đặt đường dây cao thế Thái Nguyên - Hà Nội. Họ tính kỹ rồi báo cáo lên Đinh Đức Thiện: không thể dưới hai năm. Ông ta nghe xong liền nổi khùng: "Rặt một lũ ăn hại đáy nát! Làm chó gì mà mất những hai năm. Tôi mà ra lệnh cho công binh làm ấy à, chỉ hai tháng là cùng. Tính với chả toán, tính như con c... Các anh lúc nào cũng cúi đầu làm theo sách vở của bọn thực dân đế quốc. Vào rừng chặt cây về mà làm cột, mắc điện vào. Là xong. Trí thức với chả trí ngủ!". Người kể lại chuyện này là anh Lê Sĩ Thiện, tốt nghiệp Cao đẳng kỹ thuật thời Pháp, hôm ấy được nghe Đinh Đức Thiện trực tiếp quát mắng.

Các kỹ sư tốt nghiệp ở các nước xã hội chủ nghĩa cũng chẳng được ông tướng thô lỗ trọng vọng. Họ dặn nhau: "Đến yết kiến lão phải phơi nắng vài ngày cho da đen đi cái đã. Mà nhớ lấy nhá, chớ có đi giày tây, chớ có diện "củ"<sup>1</sup>, lão hò hét gì mặc lão, cứ vâng dạ. Chớ cãi, cãi lão chỉ có chết". Thấy anh nào trắng tréo, ăn vận sạch sẽ, có dáng ở Tây về, ăn nói thiếu thưa bẩm, trước cấp trên cử chỉ quá tự nhiên, là ông đậm bàn hét: "Đi xuống cơ sở! Ngay lập tức, không oong đơ gì hết, lao động một năm rồi về đây gặp tao". Đinh Đức Thiện dị ứng với bằng cấp. Kẻ có bằng cấp muốn được ông thu dụng phải nhoài người ra mà nịnh ông cho tới khi ông mềm lòng.

Có một thời sự thiếu học được coi là niềm tự hào - người ít học là người có quá khứ trong sạch, không dính với thực dân, phong kiến. Đinh Đức Thiện tự hào về sự thiếu học của mình. Ông vỗ ngực đầm đập: "Xem tao đây này, tao chẳng có cái bằng chó nào hết, thế mà tiến sĩ kỹ sư sơ tao một phép. Chúng nó ỷ có học, nhưng học gì lũ chúng nó, học vẹt ấy thì có, rồi sách vở ra là chịu chết. Trí thức mà không có thực tế chỉ là cục c... Chính tao này, tao chỉ đạo kỹ thuật cho chúng nó, chứ ai? Nghe cái bọn quen bơ thừa sửa cặn ấy chỉ có mà ăn cháo, ăn cháo!".

Cũng lại là công nhân theo lý lịch tự khai chứ không theo định nghĩa chung ở Việt Nam, càng không phải theo định nghĩa của Marx, Đinh Đức Thiện khó chịu với mọi biểu hiện ông cho là ăn chơi của cấp dưới. Lúc nào ông cũng phô cái quá khứ nhọc nhằn. Thực ra quá khứ của ông chẳng nhọc nhằn gì, người làng Dịch Lễ nói vậy. Ông sướng từ bé, lớn lên ra tỉnh ăn chơi lêu lổng, chim gái thành thần, họ kẽ. Nhưng ông cứ xưng xưng nói thế. Ông không cho phép cái lũ không biết nhọc nhằn là gì được phép sung sướng. Ông chỉ cho phép mình sung sướng thôi. Mà Đinh Đức Thiện là người biết cách để sung sướng lắm.

Hồi kháng chiến chống Pháp, công tác tại Liên khu 3, Đinh Đức Thiện rủ Hoàng Minh Chính mở một hộp đêm để giải sầu: "Chúng mình đầu tắt mặt tối, vào sinh ra tử, khổ bõ mẹ, phải có một chỗ để think thoảng giải khuây, làm một phát cho khoái". Hoàng Minh Chính không đồng tình: "Mày nói thế

<sup>1</sup> Bộ âu phục, com lê.

chó nó nghe được. Cán bộ cách mạng mà làm bậy, tổ chức kỷ luật chết". Đinh Đức Thiện cười vào mặt Hoàng Minh Chính: "Xi, mà ngu bỏ mẹ, tiền lấy ở quỹ đen, mình làm đen luôn, giữ "bem"<sup>1</sup> tốt, thằng chó nào biết!". Hoàng Minh Chính kể cho tôi nghe chuyện này vào mùa hè năm 1965, cũng nhân nói tới sự thăng tiến kỳ lạ của ba anh em họ Phan. Anh không hề có ác cảm với Đinh Đức Thiện khi kể lại câu chuyện đó. Hai người là bạn với nhau một thời, tuy không thân thiết.

Một người bạn tôi có hồi công tác dưới quyền Đinh Đức Thiện, thường được ông cho đi săn cùng. Đi săn là thú chơi say mê của Đinh Đức Thiện. Anh kể mỗi lần ông ta ra lệnh đi săn là mỗi lần nhân viên phục vụ ông tướng quỳnh quáng sửa soạn đủ thứ ông cần, không được để thiếu thứ gì. Ông đi một xe, một xe chở lính hầu, súng săn, xoong nồi, bia rượu và trăm thứ bà rắn khác, kể cả lều bạt phòng khi ông hứng lên nghỉ lại trong rừng.

Sinh ư nghệ tử ư nghệ, Đinh Đức Thiện chết bất đắc kỳ tử trong một chuyến đi săn. Đâu như lúc mở cửa xe bước xuống Đinh Đức Thiện bị súng cướp cò, đạn bắn vào đầu. Sau cái chết đột ngột của viên tướng có tin đồn: Đinh Đức Thiện bị hạ sát bởi tay Lê Đức Thọ. Trước đó, tôi cũng có nghe thiên hạ đồn đại về mối bất hòa giữa hai anh em họ Phan. Người họ Phan nói với tôi: chuyện đó là có thật. Họ cho biết thêm: kể cả Mai Chí Thọ cũng không ưa Lê Đức Thọ. Mỗi lần Mai Chí Thọ từ Sài Gòn ra Hà Nội ông ta đều đến thăm bà chị ruột góa chồng (ông chồng bà đã treo cổ tự tử trong Cải cách ruộng đất) và Đinh Đức Thiện, nhưng không đến Lê Đức Thọ. Cũng người trong nhà nói ra thì Đinh Đức Thiện biết những việc ám muội của ông anh có lần đã quát vào mặt Lê Đức Thọ: "Anh làm thế để thiên hạ đào mả bố lên à?". Làm thế cụ thể là làm gì thì người kể chuyện không nói. Bởi vì chẳng nói người nghe cũng hiểu - trong đời mình Lê Đức Thọ làm quá nhiều điều thất nhân tâm.

Tôi không tin chuyện Lê Đức Thọ giết em. Trong một chuyến đi săn, cũng theo lời bạn tôi kể, có hai lái xe, mấy bảo vệ tháp tùng, không dễ gì mua chuộc hoặc cưỡng bức được bằng ấy người một lúc để họ nói cùng một lời. Lời đồn chỉ chứng tỏ thiên hạ tin ở sự nhẫn tâm của Lê Đức Thọ mà thôi<sup>2</sup>. Tuy nhiên, tôi vẫn không hiểu vì lẽ gì người ta giấu nguyên nhân tai nạn. Hình như việc này cũng không đến nỗi khó hiểu, thậm chí còn tầm thường. Có thể nó chỉ là thế này: nếu không giấu nguyên nhân vụ tai nạn thì việc chôn Đinh Đức Thiện ở nghĩa trang Mai Dịch<sup>3</sup> xem ra danh không chính mà ngôn cũng không thuận. Ông tướng không tử trận, không chết trong khi thừa hành công vụ, mà chết trong khi đuổi theo mấy con vịt giờ.

Mai Chí Thọ một thời gian dài làm giám đốc Công an, rồi chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, sống như một ông hoàng. Trong ngôi biệt thự to lớn ở Sài Gòn Mai Chí Thọ có cả một

<sup>1</sup> Bí mật.

<sup>2</sup> Màn bí mật che phủ cái chết của Đinh Đức Thiện chẳng có lợi gì cho nhà cầm quyền. Nhưng người ta đã bị nô lệ cho thói quen không công khai và cam chịu tác hại của nó.

<sup>3</sup> Nghĩa trang dành cho các nhà lãnh đạo và những người rất có công với cách mạng (và được lòng các nhà lãnh đạo).

khu vườn rộng nuôi trăn, nuôi vượn, nuôi gấu. Người Sài Gòn tính: hàng tháng riêng tiền chi cho việc mua giày Addidas và vợt Wilson để chơi tennis, Mai Chí Thọ đã phải bỏ ra một số tiền gấp năm sáu lần lương ông ta. Tiền đâu ra? Không phải Mai Chí Thọ lấy ở quỹ đen nào, không phải Mai Chí Thọ tham ô công quỹ, không ai nói thế. Đơn giản là trước thời kỳ "bung ra", "đổi mới", các phú thương Hoa kiều bị khốn đốn trong cuộc cải tạo tư sản hoành tráng của Đỗ Mười, họ thoát hiểm nhờ tìm thấy nơi Mai Chí Thọ vị "đại huynh" rộng lòng bảo trợ. Để đền ơn đáp nghĩa họ chiều chuộng "đại huynh" hết lòng.

Đám cán bộ ba cọc ba đồng bất bình trước cuộc sống sa hoa của Mai Chí Thọ. Không tham nhũng không thể sống như vậy được. Người Sài Gòn cười hắc hắc, phẩy tay: "Mấy ông tướng thời trước cũng dzậy à, hà có phải bực mình. Ông này không tồi hơn. Cờ tới tay ai người nấy phất! Tòa án thành phố có lần gửi giấy triệu Mai Chí Thọ tới tòa làm nhân chứng cho vụ án xử thương gia Triệu Bỉnh Thiệt<sup>1</sup>. Đồn rằng hồi ấy phe chống Mai Chí Thọ xui mấy ông quan tòa nhân chuyện Triệu Bỉnh Thiệt phạm pháp sẽ hỏi nhân chứng một chặp rồi trước bách tính công chúng đưa Mai Chí Thọ qua ngồi ghế bị cáo. Không thể để cho cấp dưới làm chuyện đã rồi với ông em, làm mất thể diện mình, Lê Đức Thọ cấp tốc triệu Mai Chí Thọ ra Hà Nội. Sau vụ này Mai Chí Thọ vào Bộ Chính trị.

Người Sài Gòn kể chuyện Mai Chí Thọ có một đệ tử chuyên dắt gái cho họ Mai là Năm T. Cậy có ô dù của đàn anh, Năm T. tổ chức hẳn một hộp đêm bề thế cho các quan chức cấp tỉnh lên ăn chơi ở Sài Gòn. Vụ này vỡ lở, dư luận àm ĩ, các vị chức sắc tay đã nhúng chàm im re, mặc cho Năm T. vào khám. Năm ngồi tù mất hai hoặc ba năm, sau mới được đàn anh can thiệp cho ra trước hạn. Do tò mò, tôi đã tìm gặp Năm T., được Năm T. tin cậy, mới biết lời đồn không sai.

Một dạo Sài Gòn ồn lên cái gọi là "phương án 2"<sup>2</sup>, cho phép người di tản đóng thuyền vượt biên, miễn nộp vàng cho Nhà nước. Thiên hạ rủ nhau đi như trẩy hội. Đi theo "phương án 2" người ít nhất cũng vài lạng, người nhiều hai ba chục "cây". Đó là một secret polichinelle<sup>3</sup> được cả các quan chức lẫn dân vượt biên đồng tình giữ kín.

<sup>1</sup> Triệu Bỉnh Thiệt là một tay đầu cơ có hạng tại Chợ Lớn. Do có móc nối với các thương gia Hongkong, nên hàng hoá xuất cảng có ký một chữ Triệu trên vận đơn thì được cho qua dễ dàng, còn hàng hoá khác (không có chữ ký) thường bị trả lại. Sau một số vụ lừa đảo, Triệu Bỉnh Thiệt bị đưa ra toà.

<sup>2</sup> Những người chạy trốn sự cai trị của chính quyền cộng sản sau năm 1975, di tản bằng thuyền, được thế giới gọi bằng cái tên "thuyền nhân" (boat people), đông tới một triệu rưỡi nhân mạng. Phần lớn thuyền nhân đi từ miền Nam Việt Nam nhằm hướng Mã Lai, Indonesia, số ít đi từ Hải Phòng, vùng mỏ Quảng Ninh nhằm hướng Hongkong. Vào thời gian này chính quyền cộng sản lăng lẽ cho phép cuộc chạy trốn vĩ đại bằng cách các thuyền nhân đóng một số vàng, tính theo đầu người, mỗi người từ 2 lạng vàng trở lên. Có thể hình dung những người chủ trương "phương án 2" đã thu được một số lượng vàng lớn đến thế nào.

<sup>3</sup> Điều bí mật mà ai cũng biết.

Tôi cho rằng Nhà nước, với tư cách bộ máy điều hành quốc gia, không có chủ trương đốn mạt đến thế, như một số báo chí hải ngoại viết. Đây là sự thông đồng, tơ rập của một đường dây quyền lực từ trên xuống dưới của một nhóm kẻ có quyền, một thứ mafia đã tạo kén trong hệ thống cai trị. Nhà nước, hoặc nói hẹp hơn, ngân khố quốc gia, chẳng thu được gì. Chỉ một số quan chức ở Sài Gòn (và cả ở Hà Nội) là vớ bãm. Trong đó, cũng theo lời đồn, mấy bố già họ Phan ăn nhiều nhất.

Những lời đồn nói trên rất phổ biến, là thứ chúng khẩu đồng từ ông sư cũn chết, tuy hỏi kỹ thì lại không có chứng cứ nào cả. Mặt khác, chẳng ai có thể bác bỏ chúng bởi vì chúng đầy tính thuyết phục. Vụ tử hình vội vã Mười Vân, giám đốc Công an Đồng Nai, được thiên hạ bình phẩm như một hành động xóa dấu vết cho "phương án 2", nói cho đúng là xóa dấu vết cho các vị đã vớ bở<sup>1</sup>.

Người Việt Nam vốn hào phóng với của chùa - tức là của chung cả làng, cả nước, của tập thể, tức là chẳng của riêng ai, cho nên Mai Chí Tho không bị nguyễn rửa. Thực vậy, trong sự tham nhũng tràn lan từ trên xuống dưới, dư luận không xếp Mai Chí Tho đứng đầu bảng. Còn có những nhân vật tham nhũng lớn hơn.

Dân chúng kết luận: mõi đến miệng mèo, mèo không ăn mèo ngu. Mọi kẻ có chức quyền ở Việt Nam đều tham nhũng, khác nhau ở chỗ kẻ ít người nhiều mà thôi. Nạn tham nhũng ắt phải nảy sinh, ắt phải phát triển tràn lan, một khi không có cơ chế giám sát và trùng phạt. Người ta sẽ bảo: anh bịa, ở Việt Nam sao không có cơ chế giám sát và trùng phạt, có cả đấy chứ. Đúng là có cả, nào Công an, nào Viện kiểm sát các cấp, tòa án các cấp. Nhưng trên tất cả, điều khiển tất cả là Đảng, mà Đảng nắm mọi quyền, cho nên chống tham nhũng là chống kẻ có quyền, tức là động đến Đảng, là chống Đảng. Đảng không cho phép kẻ nào chống lại mình. Vì thế chống tham nhũng dưới sự lãnh đạo của Đảng là ảo tưởng.

Nếu ở các nước tư bản chủ nghĩa người có cửa dẽ có quyền, thì ở nước xã hội chủ nghĩa người có quyền ắt có cửa.

Dân chúng có thái độ thế nào đối với tham nhũng? Biết nó từ đâu mà ra, biết không thể chống lại nó, người ta làm ngơ, người ta tập thích ứng với nó để tồn tại, và người ta thích ứng được. Dần dần sự thích ứng ấy trở thành tập quán. Người ta rồi quen làm ăn với những quan tham, làm việc với bọn này không khó, tốn kém thật đấy, nhưng nhanh hơn, được việc hơn. Một thành ngữ mới xuất hiện, đáng được ghi vào từ điển, là "làm luật". Việc gì cũng phải "làm luật" trước mới xong. Có chuyện tới cửa công mà vớ phải ông thanh liêm thì hết hơi, người ta nói thế. Quan thanh liêm trong mắt dân

<sup>1</sup> Mười Vân là nông dân xuất thân, học lực lớp 4, bắt đầu được thăng quan tiến chức từ khi làm đội trưởng đội Cải cách ruộng đất tại Hòa Bình. Theo lời đồn thì Mười Vân có tội đã nâng giá "mở cửa" từ hai ba cây vàng lên tới mười, mươi hai cây vàng cho một đầu người, gây nên cơn tức giận có lý của cấp trên. Khi tại chức Mười Vân từng ra lệnh bắt nhiều cán bộ dám đặt ý dưới sự ngờ vực như Bảy Tâm (sau được phong Anh hùng Các lực lượng vũ trang), Ba Lan, Năm Trang (tỉnh uỷ viên), và nhiều cán bộ đảng viên khác như Tám Bửng, Chín Ngọc, Tư Minh, Năm Trường Sa...

chẳng khác gì con quạ trăng, dân sợ, dân xa lánh. Thời buổi này mà quan cự thẳng băng, đúng phép “tắc”, không linh động gì hết, thì rõ là bônh-sê-vích dở hơi. Phép nước loạn xà ngầu, điều luật này chửi cha điều luật kia, nghị định này leo lên đầu nghị định khác, chính ông quan thanh liêm khi sa vào mê lộ luật pháp cũng còn lúng túng như gà mắc tóc, nói gì dân. Thành thử với lũ tham quan người ta khinh đấy, tởm đấy, căm ghét đấy, nhưng để cho được việc người ta không chọn các quan thanh liêm, mà chọn bọn tham nhũng.

Nếu thuyết phong thủy đúng thì huyệt Lỗ Ao ở làng Dịch Lễ ảnh hưởng quá ghê gớm tới vận mệnh dân tộc. Nó không phải chỉ ảnh hưởng tới một Việt Nam mà còn ảnh hưởng tới cả các dân tộc “láng giềng”.

Nói những chuyện trên ra để ta cùng suy ngẫm về một hiện tượng, tôi không có ý phủ nhận sạch sẽ nhũng gì có thể coi là tốt mà ba anh em họ Phan đã làm. Nhũng cái đó, trong thời đại của nhũng nghịch lý, đều có thật, nhưng là cái hoàn toàn bình thường - bất cứ ai được đặt vào trong nhũng cương vị như thế đều phải làm được một cái gì đó, thậm chí là công trạng.

Nói đến Lê Đức Thọ không thể không nói tới sự kiện Việt Nam chiếm đóng Campuchia<sup>1</sup>. Việc đưa 200. 000 quân Việt Nam vào Campuchia và ở lì đất nước người ta mười năm là việc liên minh Duẩn - Thọ chủ trương, trong đó Thọ vừa là người khởi xướng, vừa là người thực hiện. Thế giới không bênh vực Khmer Đỏ. Nhân loại lên án Khmer Đỏ vì tội ác diệt chủng. Người Cambodia đã hoan hỉ đón quân đội Việt Nam vào Campuchia đánh đuổi Khmer Đỏ. Nhưng không phải vì thế mà họ hoan nghênh quân đội Việt Nam chiếm đóng nước họ. Hai việc khác nhau không thể nhập nhau, không thể lấy cái tốt nọ để che cái xấu kia.

Sự kiện Khmer Đỏ tấn công vùng biên giới Tây Nam Việt Nam hoàn toàn không phải là lý do để Việt Nam đưa quân sang chiếm đóng đất nước người khác<sup>2</sup>. Không một người Việt Nam nào muốn đưa con em mình đi chết ở đó. Nhưng bất chấp dư luận, Duẩn - Thọ cứ xua quân sang. Làm gì nhau tốt? Rồi để quân lại đó, cũng làm gì nhau tốt? Đảm bảo cho hành động phiêu lưu quân sự này đã có Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt-Xô, thực chất là hiệp ước liên minh quân sự, ký ngày 3. 11. 1978.

<sup>1</sup> Campuchia (phiên âm theo cách gọi hiện tại), vương quốc Phù Nam theo các sử gia Trung Quốc, được kiến lập từ đầu Công nguyên cho tới thế kỷ thứ VI. Khoa khảo cổ học cho biết ở đây đã có những di vật có niên đại 4000 năm trước CN. Trong các tài liệu, nước này được gọi bằng nhiều tên khác nhau trong nhũng thời kỳ khác nhau: Miên, Cam Bốt, Khmer Dân chủ, Cộng hòa Nhân dân Kâmpuchea, Quốc gia Campuchia...

<sup>2</sup> Theo nhũng người lính từ chiến trường Campuchia trở về kể lại thì thời gian đầu người dân Campuchia hân hoan chào đón quân đội Việt Nam tiến sang tiêu diệt Khmer Đỏ để cứu sống họ khỏi họa diệt chủng do chính quyền Polpot gây ra. Nhưng việc quân đội Việt Nam ở lì đó năm này qua năm khác đã gây ra một hậu quả xấu xa, nó trở thành quân đội xâm lược, một thứ lính lê dương, và người Campuchia đã chống lại nó, từ quân Khmer Đỏ cho tới cả quân của chính phủ bù nhìn Heng Somrin.

Ông chiếm Campuchia đấy, thử đụng vào ông coi thử? Đằng sau ông là Liên Xô hùng mạnh với tiềm lực nguyên tử dồi dào, thằng nào muốn đụng đầu với Liên Xô cứ việc nhảy vào. Cũng giống như vụ Liên Xô chiếm đóng Afghanistan, thế giới phản đối rầm rầm, nhưng chẳng ai dại gì thò tay vào ổ kiến lửa. Kể cả nước Mỹ dân chủ hùng mạnh. Sự can thiệp trực tiếp để chặn đứng những cuộc xâm lăng trắng trợn không có ở bất cứ nước nào. Trừ Trung Quốc. Ông đàn anh “môi hở răng lạnh” không cho phép chúng em hồn hào dựa vào uy thế của Liên Xô để muốn làm gì thì làm ở Campuchia. Vì thế mới có cái gọi là “cho Việt Nam một bài học” năm 1979.

Ai cũng thấy rằng sau những cuộc chiến tranh dai dẳng trên đất nước mình, các nhà lãnh đạo Việt Nam lẽ ra phải đủ tỉnh táo để chỉ làm một cuộc chiến tranh hạn chế khi Khmer Đỏ cản gan vượt biên giới, tàn sát người Việt. Cùng lắm, có thể truy kích chúng, với mục đích răn đe, rồi rút quân về. Có thể để lại trang bị, vũ khí giúp nhân dân Campuchia chống lại bọn diệt chủng. Giai đi có thể đào tạo cán bộ giúp họ. Và chỉ thế mà thôi. Nhân dân Campuchia sẽ ghi ơn các chiến sĩ Việt Nam. Thế giới sẽ hoan nghênh Việt Nam biết xả thân giúp đỡ hàng xóm láng giềng trong cơn hoạn nạn.

Cuộc chiến tranh không tuyên bố ở Campuchia đã xảy ra. Nó là cuộc chiến tranh không tuyên bố vì Quốc Hội không được hỏi ý kiến về cuộc chiến tranh này. Không hề có một cuộc biểu quyết nào tại Quốc Hội về việc đưa quân đội ra ngoài biên giới. Nhà nước Việt Nam không hề tuyên chiến với nước Campuchia. Quốc Hội là cơ quan quyền lực tối cao của quốc gia, nhưng nó chẳng có quyền gì cả. Quốc Hội do Đảng nặn ra, là tay sai của Đảng, hơn nữa còn là tay sai bị khinh rẻ, đến nỗi Đảng không cần dùng đến nó cho một việc hợp pháp hóa thường thường.

Thiếu tướng Hồ Quang Hóa, ủy viên Trung ương Đảng, người được Thọ đưa lên và cũng do Thọ mà trở thành vật hiến tế trong vụ Xiêm Rệp (Siemreab)<sup>1</sup> nói rằng vụ này cũng như mọi việc lớn việc nhỏ khác ở Campuchia, đều do Lê Đức Thọ chỉ đạo. Thái thú Lê Đức Thọ phế truất Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Pen Sovan do chính Thọ dựng nên<sup>2</sup>. Viên thái thú quyền sinh quyền sát còn đưa cô y tá Quân khu 7 Miên Xam On vào Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia. Cô gái Việt Nam gốc Khmer 26 tuổi lên chức vèo vèo: làm Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương, rồi ủy viên Bộ Chính trị của Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia. Cô lên nhanh như thế, theo các cán bộ Việt Nam có mặt tại Campuchia hồi ấy, là nhờ thường xuyên ra vào ngôi biệt thự sau điện Chăm Ca Mon để được thái thú dạy dỗ và huấn luyện.

<sup>1</sup> Vụ phản tình báo đã đưa vào xiếc Bộ chỉ huy quân tình nguyện Việt Nam. Sự việc như sau: căn cứ vào tin đồn do Khmer Đỏ, có sự chỉ đạo của các cố vấn Trung Quốc, tung ra thì hầu hết cán bộ lãnh đạo tỉnh Xiêm Rệp đều đã làm việc cho Khmer Đỏ. Bộ chỉ huy quân tình nguyện Việt Nam liền ra tay đàn áp, không cần hỏi ý kiến ban lãnh đạo Đảng bạn. Hơn bốn chục cán bộ của chính quyền Hun Sen bị bắt, bị tra tấn thành thương tật, Bí thư tỉnh ủy tỉnh Xiêm Rệp tự sát. Trong thời kỳ này Lê Đức Anh là Tư lệnh quân tình nguyện Việt Nam, Hồ Quang Hóa - tham mưu trưởng. Đứng trên tất cả là Lê Đức Thọ.

<sup>2</sup> Trước khi làm Tổng bí thư Đảng cộng sản Campuchia Pen Sovan (thủ tướng Campuchia những năm 1979-1981) làm trưởng phòng quảng bá tiếng Khmer trong Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam.

Cần phải làm rõ sự thật này một cách dứt khoát: cuộc chiến tranh ở Campuchia là cuộc chiến tranh của Đảng cộng sản Việt Nam. Không phải là cuộc chiến tranh của nhân dân Việt Nam.

Liên minh Duẩn - Thọ đã biến một dân tộc hiền hòa thành quân xâm lược.

Cũng có thể cãi cho Lê Duẩn chút ít, rằng trong việc này Duẩn không phải đầu vụ. Còn đang say xưa với chiến thắng 1975 và những chương trình lớn, nhiều ảo tưởng hơn thực tế, Lê Duẩn hầu như mặc Thọ muốn làm gì thì làm. Ông ta cũng chẳng thiệt. Cuộc phiêu lưu Campuchia do Thọ lo toan, xét cho cùng, vẫn cứ mang lại cho Duẩn thêm một vinh quang. Mà vinh quang thì không bao giờ thừa.

Lê Duẩn không biết trong lòng Thọ đang nung nấu mưu đồ lớn. Nếu Thọ thành công trong việc dựng nên một chính phủ Campuchia vâng lời Thọ thì Thọ sẽ có thêm một sức mạnh quyết định trong mưu toan nặn ra một Liên bang Đông Dương. Trong cái đảng cộng sản của toàn Liên bang này Thọ sẽ là đồng chí trên hết các đồng chí. Đến lúc đó Lê Duẩn sẽ chỉ là tổng bí thư mảng của một nước thành viên mà thôi.

Đám đệ tử Lê Đức Thọ quá hí hứng về tiền đồ sáng lạn đã để lộ mưu đồ đó ra ngoài. Văn Cao có kể cho tôi nghe chuyện người của Thọ đã gặp những nhạc sĩ nào để gợi ý họ viết quốc thiều cho Liên bang Đông Dương. Những nhạc sĩ nhận lời được Lê Đức Thọ mời cơm tại nhà. Ông Bùi Công Trừng nói với tôi trong một lần tôi đến thăm: "Thằng Thọ nhiều tham vọng lắm, cháu ơi. Quan sát kỹ động thái của nó cháu sẽ thấy: mọi việc nó làm đều dẫn tới một cái đích - hất Lê Duẩn. Mà không phải chỉ nhầm cái chức tổng bí thư đâu, cái đó chưa đủ cho lòng tham của nó. Nó còn muốn làm tổng bí thư Liên bang Đông Dương kia". Như vậy, từ những nguồn tin khác nhau mưu đồ của Thọ cũng đã tới tai Bùi Công Trừng. Ông không ưa Lê Duẩn, nhưng không vì thế mà ông ưa con chuột chui đang đào hầm dưới ghế Duẩn. Lời tiên đoán của ông không sai.

Khi Lê Duẩn phát hiện được mưu toan của Thọ nhằm phế truất mình thì Lê Duẩn căm Thọ lắm. Đến mức thằng cảnh đuổi Thọ ra khỏi nhà trong lần Thọ đến chia tay với tổng bí thư đang hấp hối. Người trong gia đình Lê Duẩn cho biết Duẩn gọi vỗ mặt Thọ là "thằng phản bội".

Cũng theo tướng Hóa, Lê Đức Thọ đã lẩn trốn trách nhiệm trước vụ Xiêm Rệp, cũng như nhiều vụ khác nữa, viện cớ bận họp, bận chữa bệnh.

- Anh hãy tìm cho tôi một kẻ dám chống lệnh ông Sáu vào thời gian ấy. - tướng Hồ Quang Hóa nói với tôi trong một bữa cơm ở Sài Gòn - Không ai được phép tự ý làm một việc gì nếu không có lệnh ông Sáu.

Tôi biết Hồ Quang Hoá là một con người trung thực. Tôi tin anh nói đúng.

Cuộc phiêu lưu quân sự được tiến hành theo sáng kiến và sự chỉ đạo của Lê Đức Thọ đã làm cho khoảng 52.000 chiến sĩ chết trận, 200.000 chiến sĩ bị thương<sup>1</sup>. Chẳng những thế, nó còn làm cho dân tộc Việt Nam bị nhục nhã trước thế giới trong bộ mặt kẽ xâm lược, bị tẩy chay, bị trừng phạt.

Nước Việt Nam được gì, mất gì ở Campuchia? Tại sao cho tới nay Đảng cộng sản Việt Nam không dám nói tới, không có can đảm nhận lỗi trước những người láng giềng đau khổ để xóa đi một trang sử nhơ nhớp? Thọ đã chết trước khi phải ra đứng trước vành móng ngựa trong một phiên tòa liên tịch hai nước, với tư cách tội phạm chiến tranh.

Người duy nhất đủ tư cách thay mặt Thọ hôm nay là Lê Đức Anh.

## 32

---

<sup>1</sup> Theo những nguồn tin quân sự không chính thức. Lại một lần nữa ta gặp khó khăn trong khi tìm kiếm con số chính xác. Những người nghiên cứu lịch sử các quốc gia xã hội chủ nghĩa khác cũng đều gặp khó khăn này.

Cảm giác dễ chịu về nơi ở mới là cảm giác đánh lừa. Chỉ vài tuần sống ở đây tôi đã thấy trại giam này rất tồi tệ, ít nhất thì cũng đối với những tên tù “xử lý nội bộ”.

Về tổ chức, trại quân pháp Bất Bạt cũng giống như Hỏa Lò, gồm trại chung và khu xà lim giam cứu. Cái khác là tất cả những người ở đây - cả tù lẫn người coi tù - đều thuộc bộ đội. Đông nhất là đài binh phạm tội hình sự, còn đài binh vì sợ chết bỏ trốn về nhà thì được gom lại trong các tiểu đoàn kỷ luật. Chúng tôi là tù dân sự đầu tiên đến trại này.

Lê Đức Thọ rất biết chọn chỗ cho chúng tôi - khu xà lim Bất Bạt nằm lọt thỏm trong một thung lũng rộng cách rất xa các khu dân cư.

Ở đây hầu như không nghe được tiếng động của cuộc sống bình thường - không tiếng mõ trâu, không tiếng chó sủa, không cả tiếng cối xay ù ì quen thuộc nơi thôn dã. Khi anh Minh Việt bị đưa đi nơi khác, trong ngôi nhà bốn phòng chỉ còn lại một mình tôi. Và cái vắng lặng khôn cùng.

Người tù xà lim Hỏa Lò còn có thể căn cứ vào tiếng động từ các khu trại chung hay khu nhà bếp vọng lại, hoặc nghe ngóng động thái của bạn tù các phòng bên mà đoán được chuyện gì đang xảy ra bên ngoài, cho dù là những chuyện vớ vẩn, không dính líu gì đến mình. Những cái nhỏ nhặt ấy tạo ra sự thay đổi, giảm bớt sự nhàn chán. Bị tách rời hoàn toàn với thế giới bên ngoài là một khổ hình.

Phạm binh thường, không phải loại trọng án, sống không khác trong quân ngũ là mấy. Họ được đi lại tự do trong phạm vi trại. Phạm binh trong thời gian giam cứu cũng ở trong xà lim như chúng tôi, nhưng không có cảm giác như chúng tôi. Họ bị giam cứu có thời hạn, thường không quá vài tháng, chỉ đủ để hoàn cung. Họ hiểu rằng đây chỉ là nơi tạm bợ - sau đó sẽ là tòa án binh, là trại chung, thậm chí trường bắn, nhưng mọi sự là rõ ràng.

Chúng tôi khác. Trước mặt chúng tôi là một chân trời xám xịt.

Không ai có thể nói cho chúng tôi biết thời hạn chúng tôi phải ở trong cái nhà tù khổn nạn này bao lâu, kể cả đám chấp pháp. Trong xà lim Bất Bạt chúng tôi giống những con thú bị nhốt. Những con chuột, không rõ là chuột cống hay chuột đồng, con nào con nấy béo núc ních mỗi khi chiều xuống lại tụ hội trước cửa sổ xà lim. Chúng nhởn nhơ đi lại, vẻ no đủ, chúng vờn nhau, cắn nhau chí chóé, thỉnh thoảng lại liếc nhìn con thú to là tôi ở trong cũi, với vẻ khinh khỉnh không giấu giếm.

Cái sự giam người vô thời hạn, lại giam trong xà lim, là một cách hành hạ hết sức tàn nhẫn. Cảm giác cô đơn kéo dài giết chết con người không cần đạn.

Khỏi cần nói tới mọi sự thiếu thốn trong nhà tù Việt Nam. Đau răng, xin thuốc hả, không có. Đau bụng, khai hôm nay, mai mới có thuốc. Sốt hả, đợi đấy, sẽ có thuốc hạ nhiệt cho anh. Nhưng hôm nay thứ bảy rồi, phải sáng thứ hai ông y sĩ mới tới. Nhưng cái khổ nhất là đói. Đói l้า. Đói cồn cào. Đói mờ mắt. Đói run người.

Có lần tôi vớ phải khúc săn ôi trong suất cơm độn, nhựa săn nhầy nhụa như tinh dịch. Tởm quá, giận quá, tôi quẳng nó xuống hầm trú ẩn. Thế rồi đêm đến, bụng quặn lên vì đói, chịu không nổi, tôi lại phải sờ soạng trong bóng tối tìm khúc săn vứt đi, lấy miếng giẻ cũng chẳng sạch gì lau cái nhựa gớm ghiếc ấy đi mà nhai triệu trao chút tinh bột lẩn đất cát. Nhai miếng săn mà nước mắt úa ra. Mà thèm một khúc ngoặt lịch sử, như trong chuyện thần kỳ, để bọn Lê Duẩn, Lê Đức Thọ bị tống vào đây, như tôi đang phải sống lúc này. Không cần hơn. Khúc săn đã thiu, tôi tưởng sẽ bị tháo tống, vậy mà lạ thay, không hề gì cả.

Dù sao mặc lòng, tuy vẫn là trại giam, dù tồi tệ, trại quân pháp Bất Bạt vẫn còn khá hơn Hỏa Lò một chút. Trước hết, nó hơn Hỏa Lò ở chỗ tù được ăn cơm nóng chứ không phải thứ cơm nguội ngắt, đã thế còn bị chuột vầy. Định lượng gạo cho tù là chung trên cả nước, ở Bất Bạt không thể nhiều hơn, nhưng cơm đủ tiêu chuẩn nhờ cách quản lý của quân đội nghiêm hơn. Ở Hỏa Lò tiêu chuẩn bị bớt xén, suất cơm ít hơn hẳn. Sở dĩ ở Hỏa Lò tôi không bị cái đói hành hạ là nhờ kho lương thực dự trữ của Thành.

Không những thế, ở trại Bất Bạt, chúng tôi còn được hưởng một chế độ ăn uống khá hơn phạm binh.

Đảng giữ lời hứa, tuy muộn. Từ lúc chuyển lên trại Bất Bạt, tôi được hưởng tiêu chuẩn thịt như khi ở ngoài<sup>1</sup>. Một cân thịt được chia làm hai, cứ nửa tháng quản giáo công an<sup>2</sup> mang vào cho tôi một bát thịt kho tàu. Thịt kho mặn, có thể để ăn dần mà không thiu, nhưng ngay lần đầu tôi nếm thấy nó có vị đắng khác thường, không ra vị kẹo đắng ở nhà quê, mà cũng không ra vị nước hàng ở tỉnh.

Tôi được đọc về những vụ đầu độc dẫn tới cái chết từ từ. Theo một giả thuyết của Tarle<sup>3</sup> thì ở đảo Sainte-Hélène, Napoleon bị đầu độc bằng những liều thạch tín rất nhỏ, đưa từ từ vào thức ăn. Thấy món thịt kho đáng ngờ, tôi quyết định không ăn. Không ăn thì phải đổ đi, mà đổ đi thì tiếc lắm. Trong tù miếng thịt quý như vàng, ai không ở tù không biết được cái sự thèm thịt nó thế nào, nhìn thấy thịt nước miếng đã úa ra rầm rầm. Nhưng không thể không đổ. Đổ đi cũng phải khéo, sao cho quản giáo không biết, mỗi ngày xé một ít vào bô, buổi sáng ra ngoài rửa mặt thì tống xuống hố thải. Suốt thời gian ở trại quân pháp Bất Bạt tôi không ăn miếng thịt nào.

<sup>1</sup> Viết rõ thêm về thời tem phiếu ở miền Bắc Việt Nam. Sổ cung cấp lương thực và thực phẩm chia làm nhiều loại: các loại A, B không tính, vì chúng dành cho các cán bộ cấp đặc biệt cao, dân thường không bao giờ thấy. sổ C (gọi là bìa C) cho cán bộ chuyên viên có mức lương từ 115 VNĐ trở lên, cán bộ thường nhận bìa E một tháng được cấp 250gr thịt, 250g đường, nhân dân (bìa N, dân thường) được cấp 100gr thịt/tháng. Riêng trẻ em từ 1-7 tuổi được cấp 250gr thịt/tháng, đường cũng từng ấy. Đến năm 1980 thì có cả phiếu rau.

<sup>2</sup> Công an, theo chỉ thị của Lê Đức Thọ gửi chúng tôi ở trại quân pháp Bất Bạt, vì thế thỉnh thoảng quản giáo công an mới tới, mà là người của Cục chấp pháp, chứ không phải người của Cục quản lý trại giam.

<sup>3</sup> Evgueni Viktorovitch Tarle (1874-1955), sử gia. Tác phẩm được đánh giá cao của ông là “Napoléon xâm chiếm nước Nga”, “Cuộc chiến ở Crimea”.

Lần đầu tiên đổ đi những miếng thịt đã lâu không được ăn tôi bần thần suốt ngày. Nhưng rồi tôi thắng được sự thèm khát. Không phải đơn giản có thể. Tôi phải đóng kịch bình thản, thậm chí vui vẻ nhận bát thịt quản giáo mang tới.

Nhớ lại lời Marx nói về sự giam lỏng trong xà lim cá nhân nhằm làm con người mất trí, tôi tìm cách chống lại. Ngay từ khi ở Hỏa Lò tôi buộc mình tuân thủ một chế độ nghiêm ngặt - trừ những buổi bị gọi ra đĩ cung, tôi dùng thời giờ còn lại cho việc tổng duyệt kiến thức. Tôi ôn lại, từng mảng một, các lĩnh vực triết học, văn học, xã hội, chính trị... Công việc chiếm nhiều thời gian hơn tôi tưởng. Về triết học tôi đi từ triết học cổ đại Hi Lạp, La Mã, qua triết học Trung Hoa, triết học Ấn Độ, triết học cận đại, từ các hiền giả Socrates, Aristote<sup>1</sup> cho tới các nhà hiện sinh Berdiaev và Jean-Paul Sartre<sup>2</sup>... Về văn học tôi lần theo thời gian đi dần vào từng vùng địa lý, từng nước, suy ngẫm về bút pháp của từng nhà văn. Đó là một công việc khá thú vị, một thứ viễn du tại chỗ. Nhiều lúc tôi mải suy nghĩ đến nỗi quản giáo mở cửa không hay. Sự suy ngẫm này làm cho tác phẩm của Ernest Hemingway, Erich Maria Remarque<sup>3</sup> sống động hẳn lên, lấp lánh dưới một ánh sáng mới.

Đến khi có được hai cái ruột bút bi thì công việc dành cho cuốn sách về thời thơ ấu của tôi choán hết thời gian của một ngày. Cách tách mình ra khỏi sự đời, tự tạo ra việc để mà bận rộn, giúp cho tôi nghị lực sống. Nhiều lần giữa cuộc hỏi cung tôi giật mình nghe Huỳnh Ngự quát: "Tôi đang hỏi anh. Anh phải trả lời. Anh nghĩ cái chi mô rúa, hử?".

Ấy là khi tôi còn ở Hỏa Lò. Ở trại quân pháp Bất Bạt tôi bị bỏ quên dài dài. Có khi cả tháng. Không có ai để tâm sự. Không có cả Huỳnh Ngự để nghe y quát lác. Nếu không có việc viết sách thì đúng là phát điên được. Không hiểu anh em khác thế nào, nếu anh em không nghĩ ra cách chống lại thì gay lắm.

Nhưng cũng không thể bắt bộ não hoạt động suốt tháng suốt năm. Thỉnh thoảng tôi cũng cho nó nghỉ ngơi bằng cách làm vệ sinh căn phòng tới mức sạch bong, hoặc giở quần áo ra vá. Vì lý do sự bắt bớ chúng tôi không rõ ràng cho nên đi khỏi Hỏa Lò tôi phải trả lại quần áo tù (chúng tôi không phải là tù), còn lên tới Bất Bạt thì trại quân pháp, cũng lại theo quy định, không phát cho chúng tôi quân phục (chúng tôi không phải là phạm binh). Thế là tôi chỉ có hai bộ quần áo gia đình gửi vào, giờ đã rách bươm. Vá đi vá lại, miếng trước đè lên miếng sau, cái áo trở thành một thứ cà sa trãm mìn. Để khâu vá, tôi chế tạo một cái kim bằng cật bương, không có trôn, hơ trên lửa cho cứng, chỉ thì tước ở mảnh bạt chiến lợi phẩm trong trận chống càn Bretagne của binh đoàn cơ động số 4 của Pháp ở miền nam Nam Định năm 1952, vợ tôi dùng nó gói chăn màn quần áo gửi vào cho tôi. Chủ tấm bạt còn để lại dấu

<sup>1</sup> Socrates (469-399 trước CN), Aristote (384-322), các triết gia cổ đại.

<sup>2</sup> Nikolai Alexandrovich Berdiaev (1874-1948), triết gia về tôn giáo và chính trị học; Jean-Paul Sartre (1905-1980), triết gia, kịch tác gia, nhà văn, nhà báo chính trị, ngọn cờ của chủ nghĩa hiện sinh ở châu Âu.

<sup>3</sup> Erich Maria Remarque (1898-1970), nhà văn Đức quốc tịch Mỹ, nổi tiếng với những tiểu thuyết Mặt Trận Phía Tây Yên Tĩnh, Khải Hoàn Môn, Thời Đè Sống Và Thời Đè Chết.

tích của anh ta trong một vết máu không sao giặt sạch. Cuộc chiến tranh chống Pháp đã lùi xa vào quá khứ. Những ngày gian khổ, nhưng có tình thương anh em một nhà, cũng đã trở thành dĩ vãng, thành chuyện cổ tích.

Một đêm, tôi giật mình choàng tỉnh vì tiếng cửa sổ bị đóng sập. Tôi trờ dậy, mờ măm trong cái hũ nút tìm cửa ra vào. Ngoài trời đen như mực. Một lát sau, qua lỗ thủng tôi nhìn thấy hai công an viên khiêng một cái cáng bước thấp bước cao men theo bức tường ngắn các khu nhà-xà lim, trong ánh đèn bập bùng. Tôi căng mắt ra nhìn nhưng không nhận ra người nằm trên cáng là ai - ánh sáng vàng vụt lấp loáng trên cáng quá yếu. Chiếc cáng lắc lư trên con đường gập ghềnh. Người nằm trên cáng được phủ một tấm chăn sợi màu xám, bất động như một xác chết. Băng vào mái tóc đen trên khuôn mặt để hở tôi chắc chắn không phải cha tôi, không phải tướng Đặng Kim Giang - hai ông tóc bạc, lại hói trán. Có lẽ lại Phạm Việt rồi. Nếu như Việt chưa chết.

Sau mới biết người bỏ xác trong tù, thật ngược đời, lại không phải mấy ông già nhất, yếu nhất. Hai người không bao giờ trở về nữa là Phạm Việt và Phạm Kỳ Vân. Phạm Việt chết trong xà lim. Kỳ Vân được hưởng một cái chết sang hơn - khi hấp hối anh được mang tới một bệnh viện Hải Phòng. Anh trút hơi thở cuối cùng trên giường sắt nhà thương, bên những đồng chí công an không một phút lơ là canh gác. Sau khi được thả, Trần Minh Việt là người ra đi sớm nhất, tướng Đặng Kim Giang bệnh tật đầy mình còn chống chịu được mấy năm nữa rồi mới chết. Ông còn kịp đi tù thêm lần nữa trước khi Đảng họp Đại hội lần thứ V vì tội "tán phát đơn khiếu nại làm mất uy tín của Đảng"<sup>1</sup>.

Nhà tù cho tôi thấy con người là một sinh vật kỳ lạ. Nó có thể sống được cả trong những điều kiện không phải cho con người.

Sức khỏe của tôi sa sút hẳn sau hai năm nằm xà lim. Tôi nhớ có đọc đâu đó rằng nhiều người bị giam lâu trong xà lim cá nhân đã tìm cách chống lại sự thoái hóa của thân thể bằng đi bộ, có người đi hai chục cây số mỗi ngày, tôi bắt chước họ. Đi bộ ở đây nghĩa là đi bách bộ trong lối hẹp giữa hai phần nằm trong xà lim (nằm bước tới, nằm bước lui, với tốc độ vừa phải, đi nhanh quá thì hoa mắt khi quay đi quay lại quá nhiều lần). Tôi đặt mức đi tối thiểu mỗi ngày một chục cây số, đi đều đặn không ngày nào bỏ, thế mà bắp thịt chân tay vẫn cứ teo dần, nhão dần. Ấy là ngoài đi bộ tôi còn tập thể dục buổi sáng và tối nào trước khi đi ngủ cũng đều đặn luyện khí công và yoga.

Ăn uống không đủ chất, trong xà lim không có ánh sáng mặt trời, gây nên đủ thứ bệnh tật. Tôi ho sù sụ như một ông già vì viêm họng hạt. Máu thường xuyên rỉ ra ở chân răng, lợi viêm, có lần nhai

<sup>1</sup> Tướng Đặng Kim Giang qua đời năm ông 73 tuổi. Thời Pháp thuộc ông bị tù 12 năm, thời xã hội chủ nghĩa 7 năm, tổng cộng tất cả những năm tù và quản thúc trong cả hai chế độ là 25 năm. Ông qua đời trong căn nhà dột nát rộng 14 mét vuông ở khu chùa Liên Phái, nơi trú ngụ của lớp cùng dân của xã hội - những bà đồng nát, những người phu quét rác không có hộ khẩu và những đứa trẻ làm nghề móc túi... Khi hấp hối vẫn có hai công an viên ngồi kèm. Bà Giang phải bảo họ đi ra cho ông được nhắm mắt.

phải một hạt sạn nhỏ thôi mà răng hàm cũng vỡ. Ăn phải nhai trệu trạo, lưa một bên hàm mà nhai. Một hạt cơm rơi vào chỗ răng đau cũng gây ra cơn nhức nhối cả buổi. Xin một nhúm muối để ngâm cũng khó lắng. Quản giáo của trại quân pháp không dám cho chúng tôi thứ gì mà không được công an cho phép. Đau răng ở trong tù có dễ là khổ nhất, khổ hơn nhiều các thứ bệnh khác. Đau thì ráng chịu, có đề nghị chấp pháp công an cho đi chữa thì chúng chỉ cười trừ. Tôi còn trẻ mà đã khổ, huống hồ số tù nhân cao tuổi trước khi vào tù đã có nhiều bệnh mạn tính như bệnh tim, thấp khớp, họ còn khổ biết chừng nào.

Chính trong những ngày này tôi sực nhớ tới cô tôi, một bà lang vường mù chữ. Trong trường hợp người bệnh bị xuống sức quá nhiều mà mọi thứ thuốc của bà tỏ ra vô hiệu, cô Gái khuyên người bệnh dùng thứ thuốc dân dã rất đơn giản lại không mất tiền là "đồng tiệm". Tôi đã nhiều phen phải cung cấp thứ "thuốc" đó cho các bà hàng xóm. Tôi đứng, mặt đỏ bừng vì ngượng, ngẩng mặt lên trời, cố gắng dặn từng tia ngập ngừng vào cái bát mà một bà ngồi xổm ngay bên chân tôi chìa ra. Trong tù đào đâu ra "đồng tiệm", tôi đành dùng nước tiểu của chính mình. Thế mà bệnh lui mới lạ. Tôi khỏi dứt chứng đau họng hạt không phải chỉ ngay lúc đó mà cả nhiều năm sau. Chân răng ngừng chảy máu, cái răng vỡ đau đớn là thế mà cũng đỡ dần. Tôi đồ rằng trong nước tiểu có chất độc ở dạng vi lượng. Chất độc ngấm vào cơ thể gây ra sự chống lại mạnh mẽ, cơ thể phải huy động toàn bộ sức mạnh phòng vệ dự trữ để tiêu diệt kẻ thù, không phân biệt kẻ thù nào, do đó mà cùng với chất độc cần được tống ra ngoài, nhiều bệnh đã bị đẩy lui.

Cũng trong mối quan hệ bất đắc dĩ với đám chấp pháp thời gian ở Hỏa Lò tôi hiểu ra một điều quan trọng: bọn chấp pháp không hề sợ những người tù mạnh miệng dám cãi lại chúng, dám chửi bới chúng. Chửi chúng, chúng mặc - làm nghề hỏi cung chúng có đủ chất lì lợm nghề nghiệp. Người tù mạnh miệng có thể chỉ là anh hùng rơm. Là người bốc đồng, chính anh ta lại dễ bị bẻ gãy hơn người khác. Trong cuộc đấu tranh trong đơn độc với đối thủ đầy kiên nhẫn, rốt cuộc chính anh ta lại bị mệt mỏi trước bởi sự lèn lèn thường trực, trong khi đó đối thủ vẫn lạnh lùng chờ anh ta tự gục ngã.

Nhưng bọn chấp pháp lại ngại người tù bình thản. Đó là con người điềm đạm, thậm chí lịch sự trong quan hệ với chúng. Gặp người bình thản chúng lúng túng, không biết phải ứng xử thế nào. Chúng hiểu rằng cái người mặc áo tù đang đứng trước mặt chúng kia, trong thâm tâm coi chúng như mě, coi chúng dưới tầm mắt. Lúc đầu Huỳnh Ngự còn giấu cợt (hay đứng đắn không biết) dạy tôi luyện khí công, đến lúc thấy tôi thản nhiên với thân phận, coi nhà tù là nơi ở lâu dài, bình tĩnh rèn luyện thân thể, bình tĩnh trả lời mọi câu hỏi của y, không tỏ ra một chút sợ hãi, y bối rối, xử sự dò dẫm, như thể người mù gặp ngõ cụt.

Tôi bình thản được không phải vì tôi gan dạ, mà do tôi tuyệt vọng. Tôi nghĩ bọn tân phát-xít này trước sau sẽ giết chúng tôi, việc của chúng là nghĩ cách giết thế nào cho gọn, cho êm mà thôi. Nếu rồi đây tôi ra khỏi được nhà tù của chúng thì không phải vì chúng có lòng tốt, chúng rộng lòng thương tôi, hoặc vì lương tri mách bảo mà trở nên tốt hơn, không phải do những cái đó, mà do thời thế buộc chúng phải mở cửa nhà tù cho chúng tôi ra. Vì thế việc gì phải sợ chúng, phải cúi mình trước chúng?

Thỉnh thoảng lăm Huỳnh Ngự mới gọi tôi ra một lần. Cũng gọi là đi cung. Cũng hỏi tôi về một người, một việc ba lăng nhăng nào đó. Cho ra vẻ vụ án chưa kết thúc.

Tôi không hiểu Huỳnh Ngự sống ở Bất Bạt để trông coi tụi tôi, hay thỉnh thoảng mới lên đây. Chỉ biết trông y có vẻ mệt mỏi. Chiến tranh vẫn kéo dài. Cuộc sống thì mỗi ngày mỗi khó khăn. Bằng những lời vắn tắt anh phạm binh gánh cơm thỉnh thoảng lại thông báo cho tôi biết tình hình sinh hoạt bên ngoài trại. Nạn đói đã xuất hiện ở Thanh Hóa, có người chết. Thiếu ăn là chuyện bình thường trong mọi gia đình. Huỳnh Ngự cũng có một gia đình như mọi người. Người chồng phải công tác xa nhà sinh ra tình trạng hai bếp, ảnh hưởng không nhỏ đến ngân sách gia đình. Trong Huỳnh Ngự không còn cái khí thế hào hứng của ngày đầu ra quân chống chủ nghĩa xét lại hiện đại nữa. Mặt nhầu nhã, thân hình xập xệ. thậm chí y không giấu vẻ chán chường khi phải gặp tôi.

Tội nghiệp, trước trận đánh y còn nhìn thấy phần thưởng dành cho người chiến thắng vẫy gọi. Nhưng trận đánh thì cứ kéo dài, mãi vẫn không thấy hồi kết thúc, cái phần thưởng ngoạn mục thì cứ lơ lửng nơi títẮc chân trời.

Tôi hiểu tâm trạng y. Lớp cán bộ chúng tôi, trong đó có cả tôi lẫn Huỳnh Ngự, đã quen sống bằng những lời hứa của các nhà lãnh đạo. Mà họ hứa thì hay lăm. Trong kháng chiến chống Pháp họ bảo: hãy kiên trì chiến đấu, hãy chịu đựng gian khổ, tới ngày chiến thắng chúng ta sẽ xây dựng một cuộc sống giàu có, hạnh phúc... Kháng chiến thắng lợi rồi thì không thấy cuộc sống khá hơn, trái lại mỗi ngày mỗi xo rụi thêm, mỗi cực nhọc hơn. Họ lại động viên: chúng ta còn phải vất vả là do Mỹ-Diệm. Tất cả là tại chúng nó. Chúng ta phải tiếp tục cuộc chiến đấu để giải phóng đồng bào miền Nam ruột thịt, chúng ta phải thắt lưng buộc bụng xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải làm nhiệm vụ quốc tế với nhân dân Lào Miền anh em... Cuộc chiến đấu của chúng ta không phải chỉ cho hôm nay, nó còn cho ngày mai, cho muôn đời sau... Vân vân và vân vân.

Chúng tôi không nhận ra một sự thật rằng những nhà lãnh đạo chúng tôi là những người không được học hành, không có nghề nghiệp. Những người như thế chỉ biết phá, chứ không biết xây. Họ không biết và hơn nữa, còn không thèm học cách cách quản lý xã hội sao cho ra nhiều của cải. Quen sống bằng chiến tranh, nhờ chiến tranh mà tồn tại, họ chỉ chú trọng xây dựng các lực lượng vũ trang để làm chiến tranh tiếp. Bằng tiền và vũ khí người khác. Liên Xô, nước đàn anh của phe xã hội chủ nghĩa liên tục đổ của vào Việt Nam. Đến nỗi tên nước CCCP của Liên Xô (viết tắt theo tiếng Nga) được người ta hóm hỉnh diễn dịch thành Các Chú Cứ Phá, Càng Cho Càng Phá. Những khoản viện trợ của Liên Xô, của Trung Quốc thế là cứ liên tục rót vào cái thùng không đáy. Sự quản lý kinh tế bằng các biện pháp hành chính làm cho đời sống cư thế tồi tệ thêm mãi, èo uột thêm mãi. Vậy mà trong mọi báo cáo của ông thủ tướng vĩnh cửu, không trừ cái nào, bao giờ cũng không thấy thiếu câu muôn thuở “đời sống nhân dân đã được cải thiện một bước”. Một bước là bao nhiêu, bước ngắn hay bước dài, Phạm Văn Đồng không nói rõ. Nó là một bước mơ hồ, hiểu thế nào cũng được, giải thích thế nào cũng xong. Không đem lại được cho nhân dân mỗi người một cân thịt một tháng, các nhà lãnh đạo hào phóng thế vào đó hai cuộc cách mạng toàn thế giới.

Nhà tù có cái tốt của nó. Nó cho con người thời gian suy nghĩ, nó kích thích bộ não lười biếng. Nó cho ta cái nhìn sáng để thấy được sự thật qua bức màn bịa bợm hào nhoáng.

Nhưng thôi, nghĩ về cái lũ lãnh tụ ấy làm gì. Nghĩ thế đủ rồi. Đủ để vĩnh viễn chia tay. Như nhà thơ nào đó<sup>1</sup> đã viết:

*Anh đi đường anh. Tôi đi đường tôi.*

*Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.*

*Đã quyết không mong sum họp nữa,*

*Bận lòng chi lầm lúc chia phôi.*

Người có luân thường không thể ưa, chứ đừng nói đến tôn trọng, cái đảng kỳ cục này còn vì một lẽ: lúc nào Đảng cũng chỉ chiết, cũng nhắc đi nhắc lại không biết ngán rằng các người được sống, được làm việc, có cơm ăn áo mặc, có mái nhà trên đầu, có cái xe đạp để đi, tất cả là nhờ ơn Đảng. Không có Đảng đời các người là đời con chó. Chao ôi, sống để mà phải chịu ơn một kẻ nào đó suốt đời, để nghe kẻ đó kể công suốt đời, thì sống làm gì?! Nhục lầm. Đó không phải là cuộc sống cho con người.

Cái sự kể công kỳ cục này được trăng tròn trưng ra ở mọi nơi, mọi lúc, kệch cỡm vô cùng, chối tai vô cùng, nhưng nó lại làm khoái con ráy các nhà lãnh đạo. Và họ càng ra sức khuyến khích sự ca ngợi Đảng, tâng bốc Đảng: “Đảng quang vinh”, “Đảng bách chiến bách thắng”, “Đảng vô cùng sáng suốt”, “Đảng duy nhất đúng đắn”, “Đảng đem lại cơm no áo ấm”... vân vân, kể không hết.

Ông Hồ lúc nào cũng nói “người cộng sản phải khiêm tốn” lại là người không một lần phản bác sự tôn vinh chính ông. Những nhà lãnh đạo khác cũng thế. Họ chỉ giật mình sực nhớ đến nhân dân, ca ngợi nhân dân khi nào họ yếu thế, họ mắc sai lầm, khi họ phải đối mặt với nguy cơ đe dọa sự tồn tại của chính họ.

Còn nhớ một trong những buổi hỏi cung đầu tiên Huỳnh Ngự mắng tôi:

- Anh là cái thằng gầm chùa kêu bụt bằng anh. Láo lầm! Toàn dân ta một lòng tôn kính các vị lãnh tụ, vậy mà anh gan cóc tí, dám coi các vị không bằng nửa con mắt. Riêng tôi nớ cũng đáng chết rồi. Nghĩ mà coi, không có Đảng sao anh có ngày nay. Đảng nuôi nấng anh, Đảng dạy dỗ anh cho anh nên người, còn anh đã không nhớ ơn thì chớ, lại còn học đòi ba thằng phản động chống Đảng... .

---

<sup>1</sup> Thơ Thế Lữ.

Bình thường, khi y cao hứng lên thuyết giảng về chủ nghĩa Marx thì tôi ngồi im. Thôi thì mỗi người mỗi tật, y thích biểu diễn kiến thức mác-xít thì mặc y. Chẳng lẽ những hiểu biết bấy lâu tích cóp được lại để đó, trong khi trước mặt là một thằng thính giả muốn hay không muốn cũng phải chịu chuyện?

Nhưng một hôm ngứa tai quá, tôi quạt lại:

- Bác nói không đúng. Nói thế nghe không được.
- Cái chi không đúng?

- Sinh ra tôi là cha mẹ, nuôi tôi cũng là cha mẹ. Nói Đảng nuôi tôi làm sao lọt tai? Tôi thừa nhận như thế hóa ra tôi bất hiếu ư? Người khác nghĩ thế nào không biết, chứ khi tôi bắt đầu tham gia cách mạng thì tôi mặc quần áo mẹ tôi may cho, miếng ăn thì do nhân dân chu cấp...

Huỳnh Ngự trợn trừng:

- Anh... anh dám ăn nói như vậy... hử?
- Tôi nói thế không đúng hay sao? Sự thật là như vậy. Khi Đảng chưa chiếm được chính quyền, chưa có ngân sách nhà nước để chi tiêu thì bộ đội tới làng nào nhân dân làng đó nuôi. Đóng góp thóc gạo, lập kho quân lương, góp tiền góp của cho kháng chiến - ai làm? Nhân dân cả đấy.

Huỳnh Ngự bặm môi:

- Hừ!
- Còn đến lúc chính quyền đã vững, đã có chế độ lương, thì tôi là công chức, tôi làm thì tôi được trả công, tức là tôi nuôi tôi chứ. – tôi nói tiếp, rành rọt - Chuyện nhà nước cho tôi đi học Liên Xô cũng là chuyện bình thường, nước nào chả có - cần có cán bộ làm việc thì nhà nước nào cũng cử người đi học, đi tu nghiệp, theo chế độ đào tạo.... .
- Tui... tui... thiệt không ngờ anh... vô ơn bạc nghĩa đến... đến như vậy! - y ré lên, lại bắt đầu nói lắp - Đảng bắt... bắt anh thực không... không oan chút mô.

- Các cơ quan Đảng sống bằng tiền của ai? – tôi đay lại - Của nhân dân đấy! Đảng có bao nhiêu đảng viên? Đảng phí bao nhiêu một tháng? Một năm Đảng thu đảng phí được bao nhiêu? Tính dễ lắm! Đảng phí một năm, tôi biết, không đủ dùng cho một ngày Đại hội Đảng đâu. Lại còn tiếp khách, quà cáp cho các đoàn nước ngoài, thử hỏi tiền đâu ra? Lấy của nhân dân cả đấy. Tôi có người quen làm ở Bộ Tài chính. Chị cho biết Bộ quản lý một ngân khoản đặc biệt. Trung ương lệnh lấy tiền thì chi, không ai được phép hỏi tiền lấy ra để làm gì. Mà ngân khoản đó không phải quỹ Đảng đâu nhá. Tiền của nhà nước, tức là của nhân dân đấy. Các cơ quan Đảng ở các cấp đều dùng kinh phí nhà nước cho mọi hoạt động, kể cả mua một cái xe ô tô, một cái xe đạp cũng lấy từ kinh phí nhà nước. Là tiền của dân cả. Phải nói ngược lại mới đúng: dân nuôi Đảng, chứ Đảng làm sao nuôi được dân! Ngày trước, trong kháng chiến chống Pháp, tôi còn nghe Đảng nói Đảng ở trong lòng dân. Bây giờ không nghe nói thế nữa, chỉ

nghe nói Đảng lãnh đạo, Đảng chăm lo cho dân, Đảng là cha mẹ dân. Tôi, cũng như mọi cán bộ, cũng là dân, nhân dân chúng tôi nuôi Đảng, chứ không phải Đảng nuôi chúng tôi đâu, xin lỗi.

Huỳnh Ngự la hét rầm rầm, nhưng tôi hiểu: y phải làm thế để trốn chạy cái lý không thể bác.

- Giờ giữa tôi với Đảng tình nghĩa đã hết. Còn bác, còn tôi, rồi ra bác sẽ thấy khi tôi chỉ làm cho cá nhân mình, không còng lưng phục vụ thằng nào nữa, cuộc sống của tôi ra sao. Chắc chắn nó sẽ là cuộc sống hơn hẳn khi tôi mang tiếng được Đảng nuôi nấng.

Tôi biết: sống không dính tới Đảng là khó: Đảng đã nắm hết mọi đường sống của dân rồi. Nhất cử nhứt động phải được Đảng cho phép, ngay cả cái sự ở, sự đi, sự kiếm ăn của mình cũng phải được Đảng cho phép, chí ít thì cũng ngoảnh mặt đi coi như không biết, mình mới sống được. Nhưng tôi sẽ sống như tôi muốn, dù cho cuộc sống có khó tới mấy. Tôi sẽ chữa xe đạp ở vỉa hè, tôi sẽ trồng rau, cấy lúa hoặc làm thợ may, thợ điện, thợ cắt tóc. Làm gì thì làm, chứ không khi nào tôi đi làm cho Đảng nữa.

Tôi nhớ một buổi kiểm thảo tại cơ quan, nhà báo Hùng Thao nghe những lời phê phán chướng tai tức quá gầm lên: "Nuôi cán bộ như lợn, mắng cán bộ như chó, thời trước địa chủ đối với tá điền còn tử tế hơn!". Câu nói bật ra trong phút không kìm giữ làm anh khốn khổ dài dài. Người ta chẳng những không tha phê phán anh mà còn phê phán mạnh hơn nữa. Nhưng sự trù dập chỉ làm anh im lặng, chứ không thay đổi được cách nhìn của anh đối với Đảng.

Quả nhiên, sau khi ra tù, không đi làm cho nhà nước nữa, đời sống gia đình tôi khấm khá hẳn lên, tinh thần cũng thoải mái, kể cả khi tôi làm thuê cho những người theo lý thuyết của các nhà mác-xít là những tên bóc lột. Những ông chủ cá thể xử sự có văn hóa hơn hẳn ông chủ lớn mà tôi phục vụ suốt đời.

### 33

Có vẻ như cái sự im ắng tại Bất Bạt chứng tỏ giai đoạn giam cứu đã kết thúc.

Tôi sống trong tâm trạng chờ đợi: để xem Đảng xử sự ra sao. Nhưng, giống như những con đom đóm, những tia hi vọng nhỏ nhoi lập lòe một thoáng rồi chìm nghỉm trong bóng đêm dày đặc. Những cuộc hỏi cung muộn màng, càng về sau càng thưa, diễn ra uể oải, như thể cả người hỏi cung lẫn

người bị hỏi cung đều quá mệt mỏi. Với vẻ mặt ngán ngẩm chờ cạo giấy, Huỳnh Ngự máy móc đặt những câu hỏi vô duyên. Chẳng hạn, chợt nhớ ra, y bắt tôi khai về cuộc gặp gỡ vào ngày ấy tháng ấy giữa tôi với Rashid, bí thư sứ quán Liên Xô, tại câu lạc bộ Quốc tế. Những sự kiện vớ vẩn như vậy chỉ có Trời nhớ được nó có hay không và nó đã diễn ra thế nào. Tôi từ chối không trả lời, nói tôi không nhớ, dù lâu quá trí nhớ tôi ngày một kém. Không nhớ thì thôi, y cũng không thúc bách, không bắt buộc tôi phải nhớ. Tôi hiểu: y hỏi để mà hỏi, không cần câu trả lời.

Đáp lại câu hỏi của tôi liệu cứ dằng dai thế này mãi thì biết đến bao giờ vụ án mới kết thúc được thì, thay vì hét ầm lên để át giọng như trong những ngày đầu, Huỳnh Ngự tránh nhìn vào mắt tôi, ấp úng:

- Cán bộ cõi sao biết được! - y nhở nhẹ - Việc của Bộ Chính trị, của Trung ương chờ có phải của cấp vụ cục đâu... Ngay cả cấp Bộ cũng không có thẩm quyền xử lý vụ các anh nữa là. Thôi thì anh hãy yên tâm chờ đợi. Cứ phải tin tưởng tuyệt đối ở Đảng. Đảng là cha mẹ. Đảng trước sau cũng sẽ giải quyết thỏa đáng cho các anh.

Khi nói câu đó nét mặt y hiền hẵn đi, nụ cười miến cưỡng làm hẵn sâu hai đường pháp lệnh, trông tội nghiệp lắm. Mới có ba năm mà tôi thấy Huỳnh Ngự già đi nhanh quá. Y đã gầy còn gầy thêm. Mùa đông da mặt xám xịt, nhăn nhúm. Bộ dạ đen Tôn Trung-sơn bất ly thân chảy ra, bạc màu, mất tuyết, đã sờn nhiều chỗ. Có hôm tôi ngồi viết báo cáo nghe loáng thoảng bên tai Huỳnh Ngự và anh hương sú-chấp pháp bàn chuyện thời sự - bìa nào, ô số mấy bán gì, ô thịt giờ bán đậu phụ, ô nước mắm thay bằng ma-gi, nhà nào có mấy bìa C, mấy bìa D... Tôi nghe mà thương vợ! Bức thư chót vợ tôi báo tin bị chuyển công tác vào Hà Đông, tới một công trường xây dựng, hàng ngày đẹp đi đẹp về nuôi con, đi chợ xếp hàng với tấm bìa có những ô tí xíu...

Một hôm, bỗng Huỳnh Ngự vào tận xà lim, hiền lành ngồi xuống bên cạnh tôi.

Tôi ngạc nhiên - chẳng bao giờ tôi bắt gặp y xử thế như vậy. Thân thiện quá, tử tế quá! Trước đây, trong bất kỳ trường hợp nào y cũng không quên nhấn mạnh sự khác biệt giữa người tù là tôi và y - người hỏi cung.

Y ngồi im một lát rồi mếu máo:

- Tui tới để... báo cho anh... một tin buồn... . - giọng y nghẹn ngào - Bác của chúng ta... Bác đã... đã... Bác... mất rồi!

Thế là ông Hồ Chí Minh không còn nữa!

Ý nghĩ đầu tiên đến với tôi là cùng với cái chết của ông Hồ bọn chuyên quyền càng rảnh tay hoành hành. Nói gì thì nói, ông Hồ còn sống vẫn cứ là một vật cản. Bởi vì ông đã hô hào đoàn kết, ông có đạo đức giả khi nói thế thì cũng vẫn còn hơn ông không nói, ông không đoàn kết thực thì ông cũng không cho phép cấp dưới bóc nốt cái vỏ cuối cùng của câu nói. Không còn quyền nhưng ông còn cái uy, cái thế buộc chúng phải nể. Có làm gì chúng vẫn phải ngó ông một cái, xem ông phản ứng ra sao.

- Bác mất hôm nào? - tôi hỏi khẽ.

- Cách đây ba ngày - Huỳnh Ngự đáp, một giọt nước mắt lăn trên má.

Tôi nhẩm tính: bốn ngày trước là mồng 2 tháng 9, Tết Độc lập, trại được ăn một bữa tươi, thức ăn có thêm thịt rang mặn. Như vậy, ông Hồ qua đời vào ngày mồng 3<sup>1</sup>.

Tin ông Hồ Chí Minh qua đời không làm tôi xúc động. Tôi không vui mà cũng chẳng buồn. Bay giờ đối với tôi ông là người dung. Ông đã bị xóa sổ hoàn toàn trong trí nhớ của tôi. Ông đã đi khỏi cuộc đời tôi. Vĩnh viễn.

Tôi cũng chẳng căm thù người đứng đầu cái nhà nước đang hành hạ tôi. Tôi biết, ông không phải là thủ phạm. Nói theo cách của công an, ông không phải đầu vụ. Cũng không phải tôi muốn bao chữa cho ông Hồ. Sự thật là như vậy. Sáng kiến trong việc khởi lên cuộc chiến tưởng tượng để dẹp tan kẻ thù không có thật thuộc về Duẩn-Thọ, không thuộc về ông. Và rộng hơn, nó thuộc về bản chất của hệ thống cai trị. Không có Duẩn-Thọ này thì sẽ có Duẩn-Thọ khác.

Nhưng ông Hồ cũng chẳng phải vô can. Một khi ông đã kè đùi kè vế với Duẩn, với Thọ, thì mọi việc làm của họ ông đều có dự phần, vinh cũng như nhục. Cha tôi nhận xét: ông Hồ bản tính không ác. Tôi tin cha tôi. Nhưng chẳng bao giờ tôi hết ngờ vực: nếu ông Hồ không phải là người ác thì tại sao ông lại để xảy ra những tội ác hàng loạt trong cải cách ruộng đất? Và bây giờ, ông đã làm ngơ để xảy ra vụ án khốn nạn này? Người không có bản tính ác, nhưng làm ngơ trước điều ác trong khi mình có khả năng ngăn cản còn tệ hơn người ác nữa - đó là kẻ vô nhân tính.

Để tôn trọng nỗi đau khổ của Huỳnh Ngự, tôi vờ buồn bã, quay đi. Huỳnh Ngự thì lại nghĩ rằng tôi đau đớn lắm, tưởng tôi muốn giấu những giọt nước mắt yếu đuối, y ra sức an ủi tôi. Rằng y biết rất rõ quan hệ thân thiết của gia đình tôi với ông Hồ. Rằng y đã báo tin cho cha tôi, ông già lặng đi, không nói được lời nào. Rằng Bác mất đi là nỗi đau đớn khôn nguôi trong lòng mọi người, là tổn thất vô cùng to lớn cho cách mạng Việt Nam, cho cả chúng tôi, những cán bộ đi theo cách mạng lâu năm nay chẳng may mắc tội với Đảng. Nhưng phải biết biến đau thương thành sức mạnh. Với chúng tôi, niềm thương tiếc Bác phải biểu lộ trong sự thành tâm hối lỗi, ra sức cải tạo tốt để mau chóng trở về với hàng ngũ cách mạng, trở về trong lòng Đảng.

Giá vào lúc khác chắc chắn câu nói lăng nhăng của y về cải tạo sẽ làm bùng lên một cuộc đấu khẩu. Nhưng lần này tôi im lặng. Tôi biết Huỳnh Ngự không đóng kịch, y đau khổ thực sự trước cái

<sup>1</sup> Ngày tạ thế của ông Hồ Chí Minh không phải 3 tháng 9, như Huỳnh Ngự nói, mà 2 tháng 9. Bộ Chính trị đã quyết định sửa lại ngày ông qua đời để ngày Quốc Khánh không phải ngày tang, như sau này họ bào chữa. Do bị nhiều nhân chứng vạch trần hành động tự ý này, đến cuối năm 1990, Ban chấp hành Trung ương đã phải ra thông báo chính thức thanh minh việc cắt xén di chúc của chủ tịch Hồ Chí Minh và thừa nhận ngày tạ thế của ông là 2. 9.

chết của lãnh tụ vĩ đại. Không phải mình y, tôi nghĩ, trong những ngày này có bao nhiêu người đang thương khóc ông Hồ.

Y lặng lẽ chia tay với tôi, ý tứ khóa cửa, cố không gây ra một tiếng động mạnh, như thể không phải y khóa cửa xà lim mà khép cửa phòng bệnh.

Thời gian chậm chạp trôi, với những ngày, những tháng giống hệt nhau...

Khi vừa bị chuyển tới trại quân pháp, tôi còn tiếp tục đánh dấu ngày tháng như khi còn ở Hỏa Lò với Thành, lâu dần rồi ngày đánh dấu ngày không, đâm ra lẫn lộn lung tung. Tôi chỉ chỉnh lại sự đeo đếm thời gian bằng những ngày lễ tết, từ được ăn tươi, và mỗi lần gặp gia đình, nửa năm một lần. Mọi người trong gia đình tôi nghĩ rằng trong óc tôi bắt đầu có sự trực trặc. Tôi không cải chính - như thế mà tốt hơn. Thấy tôi dở điên dở dại bọn chấp pháp càng đỡ làm phiền.

- Trời! - vợ tôi kêu lên - Anh không nhớ được bây giờ là tháng mấy nữa hay sao?

Tôi nhìn thấy trong mắt vợ tôi nỗi tuyệt vọng vô bờ.

Để cho tôi khỏi quên thời gian vợ tôi mang cho tôi những cuốn lịch túi, nhưng chỉ cần lảng đi một ngày là tôi lại bắt đầu lẩn. Sau tôi không thèm đánh dấu ngày nữa mà chỉ nhớ áng chừng bây giờ là tháng nào thấy cũng đủ.

Cái sự đơn điệu của đời tù xà lim thật ghê gớm. Một cuộc cãi nhau với chấp pháp cũng là một cơ hội giải tỏa tinh thần. Nhưng không phải lúc nào cũng cãi nhau được. Nếu đấm chấp pháp không choc tôi bằng những lời lẽ xúc phạm thì tôi cũng chẳng cãi nhau với họ làm gì. Mà chúng cũng tránh, không muốn cãi nhau với tôi.

Sau cuộc chia tay với anh bạn bác sĩ không quen biết và Trần Minh Việt, tôi không được ở dưới một mái nhà với người nào trong vụ chúng tôi nữa. Những phạm binh đến rồi đi, không ai nói chuyện với ai. Nếu ở bên cạnh có người cùng vụ thì tôi biết ngay. Quản giáo bộ đội phụ trách người trong vụ chúng tôi mở cửa cho nhận cơm, cho ra tắm bao giờ cũng mở lần lượt hết phòng này tới phòng khác trong một ngôi nhà rồi mới sang nhà khác. Nếu anh ta mở cho tôi rồi đi ngay có nghĩa là tôi ở một mình. Quản giáo phụ trách phạm binh không có nhiệm vụ mở cửa cho chúng tôi. Anh ta đi riêng, mở cửa cho những người tù mà anh ta quản lý.

Anh quản giáo bộ đội khoảng ba mươi tuổi, mặt mũi hiền lành, quần áo chững chạc, nhưng lại quá ít lời, chẳng bao giờ nói một câu. Không thể nào dò hỏi anh ta được điều gì. Có hỏi xin thuốc chữa đau bụng nhức đầu thì anh ta cũng chỉ ừ hữ rồi lặng lẽ khóa cửa lại. Trông cung cách thì thấy anh ta đoán được chúng tôi là ai, do đó mà trong cách đối xử thấy có phần nể nang.

Tôi có Arlequin ở chung là trong thời kỳ này.

Một hôm quản giáo mở xà lim cho tôi ra tắm, tôi đang giội nước ùm ùm bên cạnh cái bể chứa sát tường nhà giam thì bỗng thấy một sinh vật bé xíu, đen xì cuống quít nhảy loi choi dưới chân mình. Nhìn kỹ, thì ra một con cóc vừa mới đứt đuôi nòng nọc.

Tôi nhìn anh chàng quản giáo. Anh ta vẫn chắp tay sau lưng nghênh trời nghênh đất. Tôi tắm vội tắm vàng, vừa kỳ cọ vừa dùng chân lùa con cóc về phía cửa xà lim. Nó nhảy tránh chân tôi, lao bạt mạng về hướng tôi muốn. Lối vào xà lim tối om, hẳn con cóc nghĩ đó là chỗ lẩn tránh tốt. Tôi kết thúc buổi tắm sớm hơn thường lệ, cúi để đầu ướt đẫm chạy thẳng vào phòng, tự mình khép cửa lại. Anh chàng quản giáo trợn mắt, không hiểu vì sao hôm nay tôi lại có thái độ lạ lùng như vậy.

Để cho con cóc nhỏ bé không thể chui ra ngoài qua khe cửa, tôi lấy cái áo rách chèn kín cái khe đó. Những ngày đầu tôi rất lo nó chết đói: tôi không biết nuôi cóc bằng cái gì. Nhưng trong xà lim con cóc vẫn sống nhăn và lớn lên rất nhanh. Để ý quan sát thì ra nó ăn kiến. Đàm kiến trú ngụ trong xà lim với hẳn.

Sự bận rộn với con cóc làm cho cảnh sống của tôi dễ chịu hơn. Bây giờ hàng ngày tôi có được cái thú ngồi im lặng trên phản mà quan sát nó nhảy nhót qua lại trên khoảng đất trống giữa cái phản và cánh cửa.

Con cóc xấu xí nhưng chăm chỉ chẳng mấy khi ngồi yên một chỗ. Suốt ngày nó tha thẩn nhảy tới nhảy lui, thỉnh thoảng lại đớp lia lịa những con kiến vô hình trong bóng tối.

Tôi buộc phải đặt chân rất thận trọng mỗi khi bước xuống đất kéo dãm chết nó. Mà tôi phải xuống đất nhiều lần trong một ngày để tập thể dục, đi bách bộ mươi, mười lăm phút giữa giờ làm việc.

Nhà cầm quyền cuối cùng đã cho phép tôi được nhận mấy cuốn sách: một cuốn từ điển giải nghĩa tiếng Nga và hai cuốn tiểu thuyết Liên Xô bằng tiếng Pháp. Từ điển là để tra cứu, nhưng với tôi nó là cuốn sách để đọc, để nghiên ngẫm. Tiếng Pháp của tôi vốn tồi, gặp từ nào không hiểu thì bỏ qua, gặp lại nó vài lần thì dựa vào văn cảnh mà đoán nghĩa. Tôi mải mê đọc đến nỗi nhiều khi quản giáo mở cửa mới giật mình biết rằng đã tới giờ ăn sáng hoặc ăn chiều. Đến khi có hai cái ruột bút bi thì tôi còn bận hơn nữa với việc viết cuốn Miền Thơ Ấu để cho các con. Tôi phải chia công việc ra, lúc viết lúc đọc, thay đổi công việc cho óc khỏi mệt. Không thể viết nhanh được vì phải tiết kiệm giấy: tôi chỉ có trong tay một số vỏ thuốc lá và vỏ giấy từ những cái kẹo gia đình gửi cho.

Con cóc cũng chẳng buồn để ý tới tôi. Nó còn bận kiếm ăn. Được cái giống kiến kém trí khôn. Chúng không hề để ý tới hiểm họa đang rình rập bên cạnh. Thậm chí chúng thản nhiên giăng hàng đi ngay trước mặt con cóc, thỉnh thoảng bị mất vài con nhanh như chớp mà không biết.

Kể ra kiểm được con chuột nhắt con để nuôi thì vui hơn. Hồi còn nhỏ ở nhà quê tôi nuôi đủ thứ: chim sẻ, chim gi, sáo sậu, sáo đen, sáo đá... Chưa bao giờ tôi nghĩ mình sẽ nuôi một con chuột làm bạn, đừng nói gì một con cóc. Với chim sẻ, chim gi thì dễ bắt lắm - chỉ cần theo dõi những con chim bố mẹ tha rác làm tổ dưới mái nhà, chịu khó chờ ít lâu là chắc chắn bắt được chim con vừa vỡ bong cứt. Với giống sáo thì nhiêu khê hơn. Phải lấp cót cuộn lại thành một cái ống dài ở cuối phình ra với một cái giỏ thủng, cho vào trong đó ít rơm, bọc kín lại bằng chiếu rách, rồi buộc vào một cành ngang, chọn sao cho tránh hướng mặt trời chiếu vào tổ là thế nào cũng có đôi sáo bố sáo mẹ chọn làm tổ.

Trong các giống chim gần người tôi thích chim gì hơn cả. Con chim bé bỗng với bộ lông màu gụ và cái mỏ sừng mập mạp nếu được nuôi từ lúc bé tí thì luyến chủ vô cùng. Nó không rời tôi nửa bước. Khi lớn hơn, đã có thể tự kiếm ăn, thì nó cũng bay xa, nhưng chỉ cần gọi "tươi, tươi. i. i. ..." là nó đã tự đậu xà xuống trước mặt. So với sẻ và các loại sáo, chim gì thông minh hơn. Ấy là tôi nghĩ thế, chứ giữa loài chim với nhau tiêu chuẩn thông minh chắc phải khác. Một con chim bỏ loài để theo người hẳn bị chúng chim coi là xuẩn ngốc.

Chao ôi, giá mấy thằng cha độc tài ở nước tôi có được cái đức độ của Sa hoàng thì may biết mấy! Chúng tôi sẽ được phát vãng như những nhà cách mạng Nga lên một vùng rừng núi nào đó, kiểu Sibir<sup>1</sup> hoang vu, chứ không phải nằm mốc ra ở trong cái xà lim này. Ở chốn lưu đày Lê-nin còn có cả một tủ sách để đọc, còn được tự do viết. Trong cuộc sống phát vãng đáng mơ ước đó tôi sẽ buộc tổ sáo trên những cành xoan, hoặc của bất cứ cây gì. Tôi sẽ nuôi những con sáo con mép vàng hoe bằng cào cào châu chấu và cơm nguội cho tới khi chúng khôn lớn. Trong tuổi thơ của tôi, rất tiếc, tôi chưa một lần bóc lưỡi cho sáo để chúng nói được tiếng người.

Đành nuôi con cóc xấu xí kia vậy. Những ngày đầu nó còn lẩn tránh tôi, mỗi khi tôi tới gần là nó vội vã nhảy đi. Lâu dần rồi cu cậu cũng quen, không đến nỗi xa lánh tôi như trước. Thậm chí thỉnh thoảng tôi có vuốt ve nó, nó vẫn ngồi im. Người ta nói khi đụng vào cóc, da nó sẽ tiết ra một loại mủ độc, chạm vào thì bị lở loét. Con cóc của tôi chẳng tiết ra chất gì hết. Chắc nó không muốn hại tôi. Quen thêm chút nữa, tôi đặt nó vào lòng bàn tay rồi đưa lên tận mắt ngắm nghía. Nó cũng mặc. Chỉ tiếc nó không biết nói, tôi có nói gì nó cũng không thèm đáp, chỉ giương đôi mắt thao láo ra nhìn lại.

Cuộc sống trong khu xà lim lặng lẽ trôi. Gió vẫn thổi. Mây vẫn bay. Tôi vẫn ngồi đó, Trong khu biệt giam bên cạnh chiều chiều vắng tới tiếng ngâm thơ khe khẽ, không rõ là của ai. Từ cửa sổ phòng tôi có thể nhìn thấy một chút xíu phần trên cửa sổ, từ đó vắng ra tiếng ngâm thơ, nhưng người ở trong cũng không thể ngó thấy tôi. Nhặt được một mẩu gương vỡ tôi bắt ánh mặt trời buổi sáng chiếu hắt sang cửa sổ đó, hi vọng một chút ánh sáng sẽ lọt được vào trong phòng. Quả nhiên người ở trong bắt được tín hiệu của tôi, anh ta gõ vào chấn song mấy hồi liền để trả lời. Lính gác chạy xồng xộc đến nhưng không bắt được quả tang chúng tôi liên lạc với nhau, đứng ngơ ngẩn một lát rồi bỏ đi.

Một hôm, cả khu xà lim nào động hắn lên vì những tiếng gào thét ầm ĩ, những lời chửi rủa tục tằn. Một lát sau qua lỗ thủng ở cửa tôi nhìn thấy một người tù bị nhét giẻ vào miệng, mặt đỏ gay vì khó thở hoặc vì tức giận. Anh ta xoạc cả hai chân ra để chống lại, không chịu đi, nhưng hai tay lính gác trẻ hơn và khỏe hơn vẫn lôi xênh xêch anh ta đi được, chắc hẳn để tống vào một thứ xà lim kỷ luật kiểu như ca-sô<sup>2</sup> Hỏa Lò. Anh tù còn trẻ, mặc quần áo bộ đội.

<sup>1</sup> Vùng băng giá phía đông nước Nga, nơi phát vãng tù chính trị. Những nhà cách mạng Tháng Chạp, và sau này Lê-nin và nhiều đồng chí của ông đã bị đi đày ở vùng này.

<sup>2</sup> Từ tiếng Pháp cachot, ở Hỏa Lò là một phòng giam ngầm dưới đất, rất chật hẹp, tối tăm và bẩn thỉu. Theo những người tù đã từng ở cachot thì tù bị kỷ luật giam vào đây không đứng được, không nằm được, chỉ có thể

Lợi dụng những người lính gác đã đi ra ngoài khu xà lim, người ở ngôi nhà trên đã bắt được tín hiệu của tôi kêu lên:

- Ai đó? Kỳ Vân đây!
- Chào anh! Hiện đây! - tôi đáp lại.
- Vững vàng nhá!
- Nhất định rồi. Anh khỏe chứ?
- Khỏe lắm! Đừng tin lũ bip! Chúng nó dựng vụ đấy!

Kỳ Vân nói dối. Anh yếu hơn chúng tôi nhiều. Nghe giọng anh thì biết. Với tiêu chuẩn ăn uống ở trại không ai có thể khỏe được. Anh lại không được tiếp tế nhiều như cha con tôi. Gia đình tôi dù sao cũng còn khá hơn gia đình anh. Khá hơn là nhờ sự giúp đỡ của các anh thương binh. Không chắc gì gia đình anh gặp được những người bạn tốt bụng như thế. Chị Kỳ Vân lại không còn nữa khi anh ở tù. Các con anh sống được là may, nói gì đến tiếp tế cho bố. Tất nhiên, tôi tin những gia đình cùng chung cảnh ngộ cũng không quên chăm sóc các con anh đâu, nhưng nếu họ xin tiếp tế cho anh thì không được - không đời nào Lê Đức Thọ cho phép. Các con anh còn nhỏ quá, lại đang đi học, không thể đi thăm và tiếp tế cho anh.

Đó là lần cuối cùng tôi gặp Kỳ Vân.

Nếu bọn Duẩn-Thọ cho chúng tôi ở cùng nhau để trông nom nhau, săn sóc nhau thì chắc gì Phạm Viết, Kỳ Vân đã chết thảm trong tù.

Con cóc lớn nhanh như thổi. Mới hôm nào còn là một con cóc bé xíu, bé đến nỗi tôi không cảm thấy trọng lượng của nó khi đặt nó lên tay, thế mà mới hai ba tháng sau nó đã chậm chạp, trở thành một con cóc thanh niên lực lưỡng.

Đến giai đoạn này cu cậu bắt đầu thay da: màu đen mất dần, xuất hiện những mảng loang lổ màu nâu đất xen lẫn màu vàng thẫm. Lũ kiến vội đi trông thấy. Để nuôi con cóc tôi phải nhặt một ít đường cát tiêu chuẩn để nhử thêm kiến vào phòng. Giống kiến xem ra không có óc suy xét, thấy đâu có ăn là kéo đến liền. Theo vệt nước ngọt được tôi vẽ từ cửa sổ hạ xuống tận nền nhà chúng rùng rùng kéo đan kéo lũ từ bên ngoài tràn vào, bổ xung nguồn lương thực cho chàng cóc. Món ăn cu cậu thích hơn cả là kiến đen, nhưng thỉnh thoảng đổi món cu cậu cũng xơi kiến lửa. Cóc không thích kiến hôi, có thể vì chúng bé quá, mà cũng có thể vì chúng hôi quá.

ngồi trong tư thế lom khom, bên cạnh cái bô cút đái nồng nặc mùi khai thối, đêm không dám ngủ để khỏi bị chuột cống cắn. Thời xã hội chủ nghĩa cachot vẫn được dùng nhưng may, tôi chưa có hân hạnh nếm mùi.

Vì những mун vá rất nghệ thuật theo phong cách siêu thực trên tấm áo mới của con cóc tôi đặt cho nó cái tên Arlequin, nhân vật nổi tiếng của sân khấu hài kịch Italia. Tôi nhìn dáng đi nghiêng ngả chông chênh tức cười của con cóc mà hình dung ra những chàng Arlequin vui tính nhảy nhót trên sân khấu Moskva, Leningrad, hình ảnh gắn liền với một thời đã mất.

Tôi nhớ trong một cuốn sách khoa học thường thức người ta viết rằng cóc không nghe được tiếng người mà chỉ bắt được âm thanh thuộc âm vực hoặc rất thấp hoặc rất cao. Thế mà Arlequin nghe được tiếng tôi gọi. Mỗi khi tôi vỗ tay, khẽ kêu lên "Arlequin!" là nó quay đầu lại nhìn tôi, cặp mắt mở to, chớp chớp.

Ngẫm ra con người ta không phải chỉ có các bản năng được gọi là cơ bản như bản năng sinh tồn, bản năng tự vệ, bản năng truyền giống... mà còn có một bản năng ít được chú ý là bản năng cầu bầu. Không hiểu sao tôi lại thích cái từ đã chết này. Các cố đạo Bồ-đào-nha, Y-pha-nho ghi nhận từ cầu bầu trong tiếng Việt thế kỷ thứ 19 và đưa nó vào những cuốn kinh bốn sorm nhất bằng tiếng Việt với nghĩa che chở, chăm nom, săn sóc, giống như từ patronage trong tiếng Pháp. Khi anh gặp một người yếu đuối đang cần sự che chở, trong lòng anh nảy ra ý muốn giúp đỡ kẻ đó, ấy là trong anh bản năng cầu bầu lên tiếng đấy. Năm 1956 tôi được xem một cuốn phim Pháp nhan đề Cửa ô Hoa Lila (Porte des Lilas), với Pierre Brasseur thủ vai Juju, một anh chàng lộc ngộc kém trí khôn. Một tên gangster chạy trốn cảnh sát lạc vào khu phố nghèo, nơi nhân vật của chúng ta đánh bạn với một anh chàng vô chính phủ thất cơ lỡ vận có biệt hiệu Nghệ Sĩ. Tên găngxtơ hành hai người đến nơi đến chốn: ngồi yên tại nơi ẩn nấp y bắt họ dội nước cho y tắm, dọn bữa cho y ăn, đi mua radio transistor cho y tập thể dục sáng,... Đã thế y còn quyến rũ cô gái bán bar thơ ngây mà anh chàng lộc ngộc của chúng ta thầm yêu trộm nhớ.

Cho tới một hôm, Nghệ Sĩ hộc tốc chạy tới lay tỉnh anh ta, mặt mày rạng rỡ:

- Dậy, dậy đi, mày!

Juju phẩy tay, o ẹ:

- Đừng có phá! Để tao ngủ.

- Dậy, dậy! Nó đi rồi!

- Đứa nào đi rồi? - mắt nhắm mắt mở Juyjuy hỏi lại.

- Còn đứa nào vào đấy nữa! Nó đi rồi!

Juju ngẩn người ra một lát. Rồi hiểu ra nó là ai, anh ta thở dài:

- Thôi, thế là từ nay chẳng còn ai cần đến tao nữa!

Bản năng cầu bầu chính là cái đó.

Không phải chỉ nhu cầu có bạn trong cảnh cô đơn mà người tù xà lim nuôi những con vật chẳng ai nuôi làm cảnh bao giờ. Con người cần có ai đó để mà săn sóc. Nói cách khác, nó cần được

thấy có ai đó cần đến nó, để được thấy nó đang hiện hữu và hiện hữu có ích. Tình cảm đó là hạt nhân Thiện nằm trong mỗi chúng ta.

Tôi cảm thấy đỡ đơn chiếc hơn nhiều khi có Arlequin ở bên. Nhưng càng lớn lên Arlequin càng bướng bỉnh. Nhiều lần tôi gọi, nó không tới nữa, mà cứ ngồi yên trong nỗi trầm tư của nó, chỉ một mình nó biết nó nghĩ gì.

Một hôm, vào buổi trưa tôi bắt gặp Arlequin đang ì ạch trèo lên bức tường gai góc. Nó thở dốc, cái bụng pháp phòng. Tôi tiếp tục giấc ngủ chập chờn trong cái nóng đầu hè. Tỉnh dậy, tôi thấy Arlequin đang giãy giụa dưới đất. Hình như cu cậu vừa bị ngã một cú trời giáng. Tôi nghĩ đó là trò nghịch ngợm của trẻ con, không đáng để ý.

Nhưng những cuộc phiêu lưu của vận động viên leo núi diễn ra ngày một nhiều thêm. Những cú ngã cũng nặng nề hơn. Bức tường xà lim Bất Bạt, như tôi đã kể, lồn nhổn vẩy vữa cứng và sắc, gây ra những vết xước khá trầm trọng cho Arlequin - trên bộ cánh đẹp đẽ của nó, nhất là ở chỗ da bụng mịn màng, xuất hiện những cái sẹo nhuốm.

Cho tới một buổi trưa đang ngủ say chợt thức giấc tôi thấy Arlequin hì hục trèo lên cao bằng cách bám vào những vẩy vữa rồi đi ngang về phía cửa sổ. Thì ra nó muốn bỏ trốn.

Tôi nổi giận. Ít nhất thì cũng đã mấy tháng trời chúng tôi chung sống cùng nhau, vậy mà nó tệ, muốn bỏ tôi mà đi. Chẳng phải là tôi đã nhịn phần đường của mình để nuôi nó sao? Tôi nhoài người vớ cái chổi quét một nhát thật mạnh. Arlequin bay bổng lên rồi rơi bịch xuống đất. Nó giãy giụa một hồi, rồi nằm thẳng cẳng, phơi cái bụng xây xát. Đã tưởng nó chết, nhưng nó vẫn sống. Tỉnh lại, nó bực bội nhảy vào một góc tối.

Arlequin giận tôi. Từ hôm đó tôi gọi nó không thèm nhảy lại nữa.

Mùa hè ở Bất Bạt nóng lắm. Mặc dầu ở trên đồi cao, nhưng những hôm trời lặng gió trong xà lim nóng như trong lò lửa. Cái nóng thật kinh người, so ra cũng chẳng kém ở Hỏa Lò là mấy. Tấm phản mộc dày là thế mà cong hắn lên trong cái nóng khô khắc, thỉnh thoảng lại phát ra những tiếng tí tách của gỗ nứt. Không đường chạy trốn, tôi quằn quại trong cơn thiêm thiếp của sinh vật hấp hối. Bây giờ không phải là những người lính gác đóng cửa sổ lại không cho phép tôi nhìn ra ngoài, mà tự tay tôi phải đóng lại để cho mắt khỏi nhức nhối bởi cái nắng chói chang đang thiêu đốt khoảnh đất trần trụi trước mặt.

Trong một buổi chiều nóng bức như thế, tôi choàng tỉnh như bị đánh thức. Linh tính báo cho tôi biết trong xà lim chỉ còn lại một mình tôi.

Arlequin đã đi rồi!

Mắt nhắm mắt mở, tôi gọi ầm lên "Arlequin! Arlequin!". Đáp lại tiếng gọi tuyệt vọng của tôi chỉ có im lặng mênh mông.

Nghe tiếng tôi kêu lớn, mấy anh lính gác xồng xộc chạy lại. Nhưng ngó nghiêng một lát, chẳng thấy có chuyện gì xảy ra, họ bỏ đi. Tôi nghe tiếng một người vắng lại:

- Lại một thằng nữa phát điên!
- Nóng bỏ mẹ thế này, chúng nó chưa chết là giỏi rồi! - có tiếng cười hô hố.
- Còn nóng kéo dài chúng nó còn điên nhiều...

Bọn khốn kiếp, tôi chửi thầm. Nhưng tôi chả còn tâm địa nào nghĩ tới họ. Tôi còn đang đau khổ vì sự bỏ đi của Arlequin. Tôi chui xuống gầm phản, sờ soạng tìm trong mọi xó xỉnh của cái hầm trú ẩn tối om lởm chởm đá răm và cuội. Nhưng đó là cuộc tìm kiếm vô vọng - Arlequin đã đủ lớn để không thể chui vào những lỗ nhỏ có rất nhiều trong lòng đất laterit.

Mệt mỏi, tôi nằm vật ra phản. Nước mắt tôi chảy ra. Tôi nhớ Arlequin như nhớ một con người.

Buổi chiều tôi bỏ cơm. Viên quản giáo bộ đội ái ngại:

- Anh ốm à?
- Vâng.
- Phải ăn để giữ sức khoẻ chứ.
- Anh báo cáo giúp tôi.

Anh ta khép cửa lại.

Trong xà lim vắng lặng hẳn. Cứ như thể Arlequin còn đó thì xà lim không vắng vẻ đến thế. Tôi cảm thấy hụt hẫng. Không còn nữa tiếng sột sạt khe khẽ khi Arlequin di chuyển trên nền xi măng, chỉ có thể nghe thấy được nếu rất chú ý. Không còn cái bóng nhỏ lui cui lúc chõ này lúc chõ kia trong cái cùi người nay còn lại mình tôi.

Về chiều trời oi nồng như chưa bao giờ oi nồng đến thế. Miệng đắng ngọt, tôi vật vã trên tấm phản khô cong, không sao ngủ nổi. Trong cơn mơ màng tôi nghe tiếng đàn cóc đồng đảo bên ngoài xà lim kêu rộn rã. Có vẻ chúng hoan hỉ đón mừng Arlequin thoát vòng tù ngục.

Tôi lịm đi khi cơn mưa rào giội xuống xối xả.

Trong giấc mơ tôi thấy Arlequin trở về. Không phải con cóc mà là một chàng trai cường tráng. Không phải xà lim mà ở một nơi nào đó không rõ rệt, không ra là ở ngoài đời, cũng không ra ở trong tù.

- Tôi quay lại để từ biệt anh! - Arlequin nói - Tôi không thể ra đi mà không chào anh một lời...

Tôi nhởn dại.

Giữa hai chúng tôi là những song sắt. Hiện thực trở lại một nửa, lờ mờ.

- Sao chú nỡ bỏ tôi mà đi, hở Arlequin?

- Tại sao ư? - Arlequin đăm đăm nhìn tôi, cái nhìn thương xót - Chẳng lẽ anh lại không hiểu nổi một điều đơn giản như thế sao?!

Tôi cảm thấy cay cay nơi sống mũi, cái nhìn nhòa đi.

- Tôi có đối xử với chú quá tồi tệ đâu, Arlequin? Tất nhiên, tôi cũng có lúc nóng nảy, nhưng đó là khuyết điểm có thể bỏ qua cho nhau được...

... , chuyện đó tôi quên rồi! Anh đối với tôi tốt, rất tốt. Tôi không quên anh đã nuôi tôi lớn lên, tôi cũng không quên những gì anh đã làm cho tôi, tôi hiểu tấm lòng của anh đối với tôi... Những cái đó làm sao quên được! Nhưng thú thực, có một điều tôi không hiểu nổi: vì sao anh có thể ở mãi trong cái chuồng này mà không chán. Tôi thì tôi không thể sống như thế được.

Tôi rầu rầu nhìn cái xà lim, ngôi nhà của tôi.

- Không phải tôi muốn thế. - tôi kêu lên - Tôi bị cầm tù, Arlequin hiểu không, tôi bị cầm tù...

- Và anh muốn cầm tù tôi cùng với anh?

- Tôi không cầm tù Arlequin, tôi chỉ muốn Arlequin ở cùng tôi thôi. Không có Arlequin tôi buồn lắm.

Arlequin nói, ngâm ngùi:

- Tôi cũng muốn ở cùng anh, nhưng rất tiếc, không thể được. Tôi là một con cóc. Không con vật nào muốn sống trong lồng, trong chuồng, anh có hiểu như thế không? Sống như thế không phải là sống. Chúng tôi không cầm tù nhau như các anh, loài người... Không biết và không nỡ. Tôi biết: các anh nghĩ rằng loài người các anh là sinh vật thương đáng, các anh coi các anh cao hơn các loài khác, nhưng tôi nghĩ các anh lầm. Hoàn toàn không phải thế...

Tôi không biết nói gì với Arlequin. Tôi buồn nỗi mình thuộc một loài mà cả đến con cóc cũng không thèm kính trọng.

Arlequin đưa tay cho tôi:

- Anh ở lại nhé, nếu anh không thể ra được. Vĩnh biệt anh!

Tôi nắm chặt tay Arlequin không rời. Nhưng bàn tay Arlequin cứ nhỏ dần, nhỏ dần cho tới khi trở thành bàn tay của con cóc bé nhỏ đã ở cùng tôi, con vật xấu xí dễ thương đã là niềm vui của tôi trong mấy tháng trời. Tôi nhắm mắt lại vuốt ve bàn tay nhỏ bé nhưng nó đã tuột khỏi tay tôi.

Tôi choáng tỉnh. Mở mắt ra thì trời đã rạng. Không khí mát và ngọt sau cơn mưa rào ừa vào lồng ngực. Chung quanh tôi là sự tĩnh lặng của vô cùng. Qua song sắt nhà tù tôi nhìn thấy bầu trời nhợt dần, bóng đêm mất đi nhường chỗ cho một ánh hồng cảm thấy được chứ chưa nhìn thấy được đang

dâng lên từ phương Đông. Đầu óc tôi bừng sáng trong một tia chớp từ bên trong, những ý nghĩ trở nên rõ ràng như chưa bao giờ rõ ràng như thế. Nỗi buồn mất đi không để lại dấu vết. Thế chỗ nó là một niềm vui không tên, trong sáng.

Đó là phút mà con người đặt tên là mặc khải.

Tôi nghĩ tới Lenin và hiểu rằng ông đã sai biết bao nhiêu khi đặt tự do nằm trong phạm trù ý thức.

Bằng sự ra đi của nó Arlequin chứng minh điều ngược lại: tự do nằm trong phạm trù bản năng.

## 34

Cùng một lúc cửa sổ các nhà-xà lim theo nhau đóng sập lại rầm rầm, tiếng lính gác chạy sầm sập. Sau đó là im lặng hoàn toàn. Chỉ còn tiếng gió hú trên đồi, quanh quất giữa bàn cờ những ô biệt giam.

Xà lim tối om. Tôi rón rén bước ra phía cửa ra vào để nhìn qua lỗ thủng ra ngoài.

Thường cho tù ra đi cung người ta không đóng hết mọi cửa sổ mà chỉ đóng ở những nhà nào có tù đi ngang. Khi các cửa sổ bị đóng hết có nghĩa là sự kiện bất thường. Tôi phải chờ một lúc mới nghe tiếng cánh cổng tôn rèn rỉ mở ra xa xa, tiếng đế giày sàn sạt trên sỏi, rồi mới tới đoàn người. Đầu là những tên bảo vệ lăng xăng. Theo sau chúng là các quan chức líu ríu vây quanh một nhân vật bệ vệ. Tôi nhận ra bộ trưởng Bộ Nội Vụ Trần Quốc Hoàn.

Đây là lần thứ hai kể từ khi bị giam tôi nhìn thấy tên Berya<sup>1</sup> của Việt Nam.

<sup>1</sup> Berya Lavrenti Pavlovich (1899-1953), đồng hương với Stalin, năm 1938 được Stalin giao cho phụ trách NKVD (tiền thân của KGB, Nha An Ninh Quốc Gia), phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô năm 1941, vào Bộ Chính trị năm 1946. Tháng 12. 1953 bị hành quyết.

Lần đầu là ở sân Hỏa Lò, lúc Huỳnh Ngự lấy tôi đi cung. Cũng một đoàn rầm rộ như thế này. Hoàn đi thẳng một mạch từ cổng vào tới khu ngách trái của Hỏa Lò, gần nơi diễn ra những cuộc hỏi cung. Tôi đoán Hoàn vào giải quyết chuyện gì đó trong vụ chúng tôi. Sau này, cha tôi tính ngày tháng để nhớ lại, ông nói có lẽ đó là hôm Hoàn vào gặp ông để yêu cầu ông chấm dứt cuộc tuyệt thực kéo dài đã mười ngày. Gương mặt lầm lì, cái nhìn vô cảm, nhân vật thứ hai trong ngành chuyên chính vô sản. chỉ sau có Lê Đức Thọ, gợi nghĩ tới một con sâu róm. Khi tôi đi ngang, Hoàn liếc xéo tôi, như nhìn một con vật trong đàn gia súc.

Cuộc đi thăm của Hoàn lần này chắc chắn liên quan tới vụ chúng tôi. Bất Bạt là trại không thuộc quyền Bộ Nội Vụ. Hoàn tới đây hẳn lại để gặp ai đó trong số những tên tù bướng bỉnh, thuộc loại cao cấp. Chứ không phải để gặp những tên tù lèm nhèm như tôi. Tôi thuộc loại con sâu cái kiến, loại không được các đại quan tính đến.

Hình như bất cứ người cầm bút nào cũng có lần gặp trạng thái kỳ cục này: mạch văn đang trôi chảy bỗng ì ra khi gặp một nhân vật mà ngòi bút khước từ không muốn viết về nó. Chuyện đó xảy ra với tôi khi đụng tới Trần Quốc Hoàn. Tôi đã tính bỏ, không viết về y. Y không xứng đáng được nhắc tới trong cuốn sách. Không hoàn toàn chỉ vì y không có quan hệ trực tiếp với tôi trong quá trình vụ án. Trong vụ án tôi đang kể cho các bạn, tên Trần Quốc Hoàn được nói đến như một trong những nhân vật chủ chốt, nhưng y chỉ là tay sai cho Lê Đức Thọ mà thôi. Tay sai là tay sai, cho dù có là bộ trưởng. Thế nhưng nghĩ lại tôi thấy vẫn cần phải viết. Bức tranh xã hội Việt Nam vào thập niên 60 thiếu Hoàn sẽ mất đi một mảng điển hình.

Cùng ngồi tù với cha tôi ở Sơn La, nhưng Hoàn không nhập được vào khối các cựu tù nhân bè bạn với cha tôi. Những người cựu tù Sơn La sau Cách mạng Tháng Tám vẫn thường qua lại thăm nhau. Nếu tôi nhớ không lầm thì Hoàn chỉ lui tới ngôi nhà chúng tôi ở 65 phố Nhà Rượu (tên bình dân gọi phố Sergent Larrivet cũ) đôi lần trong thời kỳ bí mật. Kháng chiến thành công rồi không bao giờ tôi nhìn thấy Hoàn tới nữa. Đối với tôi, điều đó có nghĩa Hoàn không thuộc số người mà cha tôi coi là bạn. Cha tôi rất phân biệt bạn và đồng chí. Những người cộng sản hiển nhiên là đồng chí, nhưng không hiển nhiên là bạn. Bạn bè của ông đồng, đủ loại, trong đó có nhiều người không phải là cộng sản, thậm chí có xu hướng trái ngược với cha tôi, như ông Tiến cố tôi đã có dịp nhắc tới ở trên, hoặc các ông Hoàng Văn Chí<sup>1</sup>, ông Phan Tử Nghĩa<sup>2</sup>, Nguyễn Văn Ái<sup>3</sup>... theo xu hướng xã hội. Mỗi khi gặp nhau họ tranh luận

<sup>1</sup> Hoàng Văn Chí, bút danh Mạc Định (1913-1988), ký tên vào kiến nghị huỷ bỏ chế độ thuộc địa từ năm mới 13 tuổi, nhà hoạt động cách mạng cánh tả, ông tham gia kháng chiến chống Pháp một thời gian, sau đó lui về Thanh Hoá, ở núi Nưa huyện Nông Cống, tới năm 1956 mới về Hà Nội.

<sup>2</sup> Phan Tử Nghĩa, cách mạng phái tả, không cộng sản, sau này là nhân vật lãnh đạo bù nhìn của Đảng Xã hội do Đảng cộng sản dựng nên.

<sup>3</sup> Nguyễn Văn Ái, một nhà cách mạng phái tả, không cộng sản, chết sớm vì bệnh lao.

ầm ĩ về thời cuộc, cãi nhau về chủ trương, nhưng khi mẹ tôi đã dọn cơm lên thì bầu không khí lại trở về vui vẻ, nhộn nhịp tiếng cười và những câu nói đùa bất tận.

Khoảng đầu những năm 60, Trần Quốc Hoàn bỗng nổi bật lên như một tên mao-ít cuồng nhiệt, một hung thần xã hội chủ nghĩa. Khắp nơi, người ta xì xào về những lời tuyên bố của Hoàn, coi như Hoàn là cái phong vũ biểu cho thời tiết chính trị của đất nước. Hoàn được chúng tôi gán cho cái biệt hiệu "Berya của Việt Nam" chính là trong thời kỳ này, không phải vì những cuộc bắt bớ (lúc đó chưa xảy ra) mà vì những lời dọa dẫm sẽ đe bẹp, sẽ đậm tan, sẽ nghiền nát những mầm mống "xét lại hiện đại", được Hoàn hào phóng ban phát trên các diễn đàn. Tôi có lần hỏi cha tôi: Hoàn là người thế nào.

- Con phải cẩn thận. - cha tôi không bằng lòng câu hỏi tò mò của tôi, ông càu nhau - Tình hình nước ta không đơn giản. Động tới Trần Quốc Hoàn là nguy hiểm lắm. Con đã ở Liên Xô thời kỳ Đại hội XX, con thừa hiểu tình hình bên đó ngày trước là thế nào. Bố nói phải cẩn thận là trong ý nghĩa đó. Berya dù sao cũng còn là một hạ sĩ quan trong quân đội Nga hoàng, hắn còn được học hành đôi chút, chứ Trần Quốc Hoàn thì hoàn toàn vô học. Hồi ở Sơn La anh em tù nhận xét hắn tham ăn tục uống, đã thế lại có tính tắt mắt, nhưng coi đó là khuyết điểm sinh hoạt, chỉ nhắc nhở hắn rồi bỏ qua. Trong đời thường mà thế, ắt trong công việc không thể đàng hoàng. Hắn tiểu nhân, mà đó là một tư chất đáng sợ. Hắn chấp nhận lắm đấy. Và không từ việc gì không dám làm. Nhất là bây giờ hắn lại ở trong Bộ Chính trị, tuy là ủy viên dự khuyết, trên hắn lại có Lê Đức Thọ đỡ đầu. Khi có quyền lực trong tay, kẻ vô học có thể làm bất cứ điều gì.

- Thế những người biết hắn đâu cả mà không ai dám can ngăn?

Cha tôi thở dài:

- Hồi cuối năm 1954 các cố vấn Trung Quốc phát biểu không đồng ý cho bác Lê Giản lãnh đạo ngành Công an, cụ Hồ nghe theo. Sau đó ít lâu, một hôm ông Cụ có hỏi bố: "Chú thấy liệu Trần Quốc Hoàn có đảm đương được trách nhiệm bộ trưởng Bộ Công an<sup>1</sup> không?" Bố biết can cũng chẳng được, nên chỉ trả lời qua quít: "Tôi ở Sơn La với anh ấy mấy năm tôi biết, trình độ văn hóa cũng như kiến thức chính trị của anh này kém lắm. Mà trông nom một bộ quan trọng như Bộ Công an, theo tôi nghĩ, phải có người giỏi, có học thức, sao Bác không giao cho ai khác?".

Người tiến cử Trần Quốc Hoàn nắm Bộ Công an là Lê Đức Thọ. Trường Chinh tán thành. Ông Hồ hỏi ý kiến cha tôi cũng chỉ để tham khảo. Cho dù ông có thấy cha tôi nói phải ông cũng không nghe

<sup>1</sup> Tháng 8 năm 1945, ngành Công an đã được thành lập: ở Bắc Bộ nó có tên là Sở Liêm phóng, ở Trung Bộ là Sở trinh sát và ở Nam Bộ là Quốc gia tự vệ cuộc. Ngày 19 tháng 8 năm 1945 được coi là ngày thành lập Công an Việt Nam. Đầu năm 1946 các cơ quan này hợp nhất lại thành Việt Nam Công an vụ, thuộc Bộ Nội vụ với 3 cấp: cấp trung ương gọi là Nha Công an, cấp kỳ có tên gọi là Sở Công an kỳ, cấp tỉnh có tên gọi là Ty Công an tỉnh, thành phố. Giám đốc đầu tiên của Việt Nam Công an vụ là Nguyễn Dương (từ ngày 22 tháng 3 đến ngày 7 tháng 6 năm 1946). Sau đó Phó Giám đốc Việt Nam Công an vụ Lê Giản lên thay. Sau năm 1954, nó được đổi thành Thứ bộ Công an, rồi Bộ Công an. Vào thập niên 60, khi xảy ra vụ khủng bố những người cộng sản dân chủ, nó mang tên Bộ Nội vụ.

theo. Còn cha tôi thì cho rằng để trả lời cho một câu hỏi của ông Hồ về nhân sự ông nói thế đã là nhiều. Thường ông kín đáo, không hay nhận xét về người này người khác. Không phải vì sợ hãi, hay nể nang, mà vì thận trọng. Ông cho rằng con người ta lúc thế này lúc thế khác, không phải bất biến, lấy một giai đoạn mà nhận định cho cả cuộc đời con người là không nên. Đấy là nói chung, chứ riêng trường hợp này ông không nói còn vì e ngại thế lực của Lê Đức Thọ. Năm 1955, khi Cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức phá sản, Lê Đức Thọ được thay Lê Văn Lương nắm công tác tổ chức, thì thế lực Thọ đã mạnh lắm. Cha tôi sợ, nói thẳng ra là như thế. Như một bệnh truyền nhiễm bắt đầu lan rộng, cái sợ không chữa một ai, kể cả cha tôi. Cái khí phách còn lại của tinh thần nho sĩ chỉ còn lại ở chỗ ông đủ nghị lực để giữ mình không dây vào những việc làm bạc đức, một thứ khí phách mà vài thập niên sau được đặt tên là chủ nghĩa mакено<sup>1</sup>.

Vào năm 1965, nhân người nhà một viên chức chế độ cũ bị bắt tìm đến ông nhờ ông can thiệp giúp, cha tôi nhận lời đi gặp Trần Quốc Hoàn. Cha tôi biết rõ người bị bắt, ông này là người đứng đắn, trước đã có công giúp đỡ cách mạng. Chắc hẳn do tính tình nóng nảy, không biết giữ gìn lời ăn tiếng nói mà ông ta bị bắt. Lúc ấy cha tôi đã về hưu, không còn quyền chức gì để có thể trực tiếp giúp đỡ ông. Cha tôi đến với Trần Quốc Hoàn, nghĩ Trần Quốc Hoàn sẽ nể tình bạn tù cũ mà nghe ông xem xét lại vụ án. Nhưng ông lầm. Hoàn tiếp ông lạnh nhạt, hứa hẹn bênh quơ, nhưng rồi việc đâu bở đó.

Không giúp được người oan ức cha tôi rất buồn.

- Thằng lưu manh khó lòng trở thành người tử tế. - ông than phiền với ông Đặng Kim Giang - Mình quá tin ở khả năng cải tạo của môi trường đối với con người, hóa ra không phải như vậy.

Ông Giang an ủi cha tôi:

- Cậu không giúp được người ta thì cũng đừng dằn vặt mình quá. Ai chịu trách nhiệm được thay kẻ khác?

Ông Đặng Châu Tuệ<sup>2</sup> hôm đó có mặt thở dài:

- Thời bây giờ khác trước rồi. Nghĩ nhiều đến số phận dân chúng lúc này là lạc hậu lắm, chúng mày ơi. Bây giờ người ta nghĩ tới những cái khía kia - cái chức, cái quyền, cái lợi. Cách mạng mà rồi thế này ư? Tao ngẫy đến tận cổ.

Tôi nghe được mẩu đối thoại ấy, nhưng tôi không nghĩ cha tôi nói theo nghĩa đen. Một nhà cách mạng làm tới chức vụ cao như thế sao lại có thể là một tên lưu manh được?

<sup>1</sup> Mặc Kệ Nô.

<sup>2</sup> Đặng Châu Tuệ (1907-1998), nhà cách mạng, bắt đầu hoạt động cách mạng từ trước năm 1930, khi còn là học sinh, năm 1928-1930 làm tờ báo Than ở Quảng Ninh. Trong kháng chiến chống Pháp ông làm uỷ viên Nội vụ tỉnh Lào Cai, rồi chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Ninh Bình, sau 1954 làm tại Tòa án tối cao.

Bộ Nội Vụ, trung thành với tính chất bí hiểm của nó, không hay tổ chức những cuộc gặp gỡ các nhà báo, nếu có thì chỉ là những cuộc họp báo hạn hẹp để nghe một cán bộ cấp vụ phổ biến chủ trương hoặc công bố kết quả một chiến dịch, một vụ án gián điệp chẳng hạn. Cho nên các nhà báo ít có dịp tiếp xúc với Trần Quốc Hoàn. Tôi chỉ thỉnh thoảng được gặp, nói cho đúng là nhìn thấy Hoàn, trong một số buổi khánh tiết long trọng, ở những cuộc đón tiếp ở địa phương mà tôi tình cờ có mặt. Trong các nhân vật lãnh đạo ở Việt Nam thời bấy giờ Trần Quốc Hoàn có bộ mặt khả ố nhất, theo cách nhìn của tôi. Có thể người khác thấy Hoàn theo cách khác, nhưng tôi thì tôi thấy đúng như vậy. Hay vì Hoàn là bộ trưởng công an nổi tiếng tàn bạo mà tôi nhìn ra thế chăng? Từ ngày Trần Quốc Hoàn lên làm bộ trưởng thì trên miền Bắc không có mấy gia đình không có người thân trong gia tộc ở tù.

Trần Quốc Hoàn thường xuất hiện cùng lúc với Lê Quốc Thân, phó của Hoàn. Béo núc ních, cổ rụt, hai mắt ti hí, Thân giống hệt một con lợn ỉ. Trần Quốc Hoàn tiếng thế còn học mót được vài đường đạo đức giả ở đàn anh Lê Đức Thọ, chứ Lê Quốc Thân ngu độn chỉ biết kêu gọi dùng bàn tay sắt. Được Đảng tung bốc là thanh kiếm và lá chắn<sup>1</sup> cho chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân, ngành công an Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Trần Quốc Hoàn và Lê Quốc Thân nhanh chóng trở thành một đạo kiêu binh. Đến nỗi, những cán bộ công an có công tâm phải thốt lên: "Cái sự coi mỗi công dân là một tù nhân dự khuyết mở đầu cho một thời đại khốn nạn. Rồi đây chúng ta sẽ phải trả giá đắt cho sự thất nhân tâm này". Tôi được nghe, được đọc một số bài nói chuyện với cán bộ ngành công an của Lê Quốc Thân. Những bài báo này, theo nhận xét của giới trí thức, vừa ngu xuẩn vừa sặc mùi bạo lực. Tôi là người yêu chủ nghĩa xã hội, và tôi lấy làm xấu hổ cho cái chủ nghĩa xã hội mà tôi theo vì những bài phát biểu thiếu văn hóa đó.

Khoảng từ cuối cuộc kháng chiến chống Pháp phương châm "bắt nhầm còn hơn bỏ sót" của Trường Chinh được người ta nói tới nhiều, như thể đó là đường lối tốt nhất để bảo vệ cách mạng. Tôi cũng là người chăm đọc sách mác-xít, nhưng trong những đoạn văn viết về chuyên chính vô sản tôi không thấy những nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx nói tới một phương châm bất nhân như thế.

Bắt nhầm còn hơn bỏ sót là sự biện minh cho những hành động tùy tiện của nền độc tài. Nó được chính thức nhìn nhận như tinh thần cảnh giác cách mạng nhất thiết phải có trong mỗi người cách mạng, chứ không phải chỉ riêng cho ngành Công an. Trong sự bảo vệ địa vị thống trị, nó cực kỳ thuận tiện và vô cùng dễ chịu cho tên độc tài, hoặc tập đoàn độc tài. Nó cho phép tên độc tài thoát khỏi mọi ràng buộc, vô trách nhiệm trước sinh mệnh đồng loại. Trên thực tế nó đã trở thành phương châm hành động của công an nhiều nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là các nước châu Á (ở các nước châu Âu, sau Đại hội XX Đảng cộng sản Liên Xô, tình hình đã có thay đổi theo chiều hướng dân chủ hơn). Công an tha hồ bắt oan, tha hồ giết oan đồng bào họ. Vạn nhất có bị phát hiện họ sẽ được chuyển sang công tác khác, được bảo hiểm không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nhiều khi lại còn được thay tên đổi họ để đi công tác nước ngoài, như là một phần thưởng. Kết quả là không biết bao nhiêu thường dân vô tội trở thành nạn nhân của cái phương châm bạo ác này.

---

<sup>1</sup> "Kiếm và mộc" là biểu tượng của ngành công an Liên Xô.

Mà nói thường dân làm chi, đến những cán bộ một thời được tin cậy, như Tạ Đình Đề, nguyên đội trưởng Biệt động thành Hà Nội, cũng bị đem ra "làm thịt". Tạ Đình Đề là một trong những nhân vật huyền thoại của cuộc kháng chiến chống Pháp ở Liên khu 3. Nào là Tạ Đình Đề làm gián điệp cho Pháp, được Pháp cử đi ám sát chủ tịch Hồ Chí Minh, nhưng Hồ Chí Minh đã phát hiện khi anh còn nấp trên mái nhà chuẩn bị ra tay, rồi cảm hoá anh đi với cách mạng ("Hoan hô anh Tạ Đình Đề, Trước làm gián điệp sau về với ta", thơ Bút Tre, hoặc kiểu Bút Tre). Chiến tranh kết thúc, anh làm giám đốc xưởng sản xuất vợt bóng bàn ngành đường sắt, rồi bị ra tòa vì tội "chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa". Chưa bao giờ ở miền Bắc có một cuộc xử án mà quần chúng ủng hộ bị can kéo tới Tòa án đông đảo như trong vụ xử án Tạ Đình Đề. Đám đông ủng hộ anh trở thành một áp lực không thể coi thường. Anh được xem trắng án. Trong khi thẩm vấn tại toà, các quan tòa bắt bẻ Tạ Đình Đề vì sap anh lại thu nạp những kẻ có tiền án tiền sự (tù được tha) vào xưởng của anh nhiều đến thế, Tạ Đình Đề thản nhiên trả lời: "Họ là những người đáng thương. Ai còn có tình người thì phải giúp đỡ họ".

Tôi quen Tạ Đình Đề từ năm 1949 khi chúng tôi ở cùng trường sĩ quan lục quân Trần Quốc Tuấn. Đại đội 3 của chúng tôi đóng bên đại đội Lê Hồng Phong gồm các sĩ quan cấp đại đội và tiểu đoàn (phần lớn là tự xưng trong giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Pháp) được triệu tập về học khóa 6 trong chủ trương chính quy hóa quân đội. Tạ Đình Đề ở đại đội Lê Hồng Phong. Chúng tôi gặp nhau hàng ngày, tôi hiểu tính cách của anh. Anh là người có tinh thần đồng đội, lại thẳng thắn, bộc trực, không nịnh bợ, hoặc có tài nịnh bợ. Trong triều đại Lê Duẩn những người có tính cách như thế trước sau cũng bị gạt ra khỏi guồng máy. Sau khi được trắng án, Hoàn và Thân còn nhiều lần mưu toan đưa anh trở lại nhà tù, nhưng họ đã không thành công.

Ông Nguyễn Tạo, thứ trưởng Bộ Lâm nghiệp, là phó tổng giám đốc Nha Công an Việt Nam thời ông Lê Giản làm tổng giám đốc, biết rõ tiểu sử Trần Quốc Hoàn.

- Bố anh không nói theo nghĩa bóng đâu. Nghĩa đen đấy. - ông trả lời thắc mắc của tôi - Chả là thẳng này đích thực lưu manh, anh à.

Năm 1992, tôi rời Việt Nam lần chót thì ông Nguyễn Tạo còn sống. Tôi hi vọng ông còn sống lâu để có thể kể câu chuyện kỳ lạ này cho nhân dân nghe.

Không thể nào tưởng tượng nổi - một bộ trưởng, hơn nữa, một ủy viên Bộ Chính trị Đảng cộng sản, lại là một tên lưu manh xuất thân! Và tên lưu manh này đã đứng trên đỉnh cao quyền lực làm mưa làm gió nhiều năm trong bộ máy trấn áp của Đảng. Cũng chính tên lưu manh này đã cùng "đại ca" của nó thực hiện vụ hãm hại chưa từng có trong lịch sử đất nước những trung thần của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Câu chuyện ông Nguyễn Tạo kể được ghi lại như sau:

Trong một thôn nghèo bên một thị trấn heo hút thuộc miền núi Nghệ An có một đôi vợ chồng nghèo hiềm muộn, có độc một mụn con trai. Họ kiếm sống bằng nghề đi rừng kiếm dây leo về bện rể mang ra chợ bán, đắt điểm lẩn hồi, với hi vọng rồi đây đời con mình sẽ khá. Tuy nghèo khổ, hai người vẫn ăn nhặt để dành cho con trai theo học trường tiểu học phố chợ. Thằng bé loắt choắt được bạn

cùng lớp gọi là Cảnh con, không đến nỗi quá tối dại, khốn nỗi cũng chẳng thông minh, học thì lười, ăn cắp thì chăm.

Lớn lên một chút Cảnh con nỗi tiếng cả thị trấn và một vùng xung quanh về tật ăn cắp vặt. Học đến cours préparatoire<sup>1</sup> thì bị đuổi học vì hạnh kiểm xấu. Từ đó Cảnh con lêu lổng như một con mèo hoang. Nhà nào sơ hở là nó lén vào, cuỗm của họ từ cái quần lót cho tới cái nồi đồng. Bị bắt, bị đánh, năm ngày ba trận, nhưng nó vẫn chứng nào tật nấy, càng ngày càng lì, càng trở thành bất trị. Cha mẹ nó bị xóm giềng chửi bới, nguyễn rủa, bị bắt đền, bị đe dọa. Đứa con hư trở thành gánh nặng, thành nỗi khổ tâm không sao thoát khỏi của đôi vợ chồng nhà nọ. Nỗi giận dữ của dân phố chợ nhầm vào Cảnh con cũng ngày một tăng lên. Rồi tới một lúc không ai còn có thể chịu nỗi nữa.

Họ gặp may. Đúng lúc có người mộ phu tới, viên trưởng thôn liền hớ giao ngay thằng ăn cắp oắt con cho họ. Vừa được tiền, lại vừa nhẹ mình. Thường người đi phu được lĩnh ở thầy ký mộ phu một khoản rõ ràng, khoảng năm đồng Đông Dương nhưng đám chức sắc ăn chặn, người đi phu chỉ được lĩnh một nửa, có khi còn ít hơn. Chức sắc ở địa phương bao giờ chả muốn đuổi khỏi địa phương mình những phần tử thanh tích bất hảo, nói theo cách bây giờ là “làm sạch địa bàn”.

- Lúc bấy giờ Cảnh con chừng bao nhiêu tuổi, thưa bác? - tôi hỏi.

- Khoảng mười lăm, mười sáu. - ông Tạo đáp - Thời trước là tuổi đi làm được rồi. Cảnh con được đưa sang Lào, tới một vùng có mỏ vàng, làm phu. Công việc phu đãi vàng rất đơn giản: đào đất ở những chỗ có mạch vàng rồi đem ra suối đãi. Dụng cụ đãi là một cái chảo lớn, dân đãi vàng gọi là pâtê.

- Công việc phu đãi vàng ngày trước có khó nhọc lắm không, thưa bác?

- Làm phu tất nhiên là khổ rồi. Nhưng phu đãi vàng cũng không đến nỗi khó nhọc so với phu mỏ, phu đòn điền. Cái khổ nhất của phu đãi vàng là bệnh sốt rét ngã nước. Họ sống rải rác trong rừng, từng tốp một, gần suối, mỗi tốp vài chục người. Đứng đầu mỗi tốp có một cai trông coi gọi là xú-ba-dăng (cai). Tiếng là đãi cát ra vàng, nhưng lương phu thấp lắm, chỉ đủ sống, ít có ai hết giao kèo còn dành được tiền mang về nhà. Người đi phu thường không có ý định quay về - ở nông thôn thời bấy giờ còn khổ hơn đi phu. Anh đọc Tắt Đèn rồi chứ?

- Thưa, đã.

---

<sup>1</sup> Lớp 2, hệ tiểu học thời Pháp thuộc, còn gọi là lớp dự bị, trên lớp Đồng ấu (enfantin).

- Nông thôn lúc bấy giờ đúng như cụ Ngô Tất Tố tả. Nhiều người còn đi phu xa hơn, sang tận Nouvelle Calédonie hoặc Nouvelles Hébrides<sup>1</sup>, ta gọi là Tân Đảo và Tân Thế Giới, làm công nhân khai thác kẽm ở Chiepagui...

Các đồng chí ta ở Thái Lan lúc bấy giờ đã có tổ chức Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội hoạt động tương đối mạnh. Chính quyền Thái đối đãi với Việt kiều cũng nhẹ nhàng, họ không gây khó dễ cho các tổ chức cách mạng Việt Nam. Có thể nói đó là sự ủng hộ đáng quý. Cách mạng Việt Nam nhờ Thái Lan nhiều. Chỉ từ khi phái cựu hữu Thái Lan lên nắm quyền thì cách đối xử với các tổ chức cách mạng Việt Nam mới xấu đi. Xét cho cùng, là lỗi tại mình. Ai lại nhờ đất người ta mà lại đi vận động dân Thái chống chính quyền ngay trên đất của họ. Thời kỳ mà tôi đang nói tới ngoài việc phát triển hội viên trong kiều bào tại chỗ, Thanh niên cách mạng đồng chí hội còn triển khai tổ chức của mình trong kiều bào ở Lào, Miên.

Khái niệm công nhân trong Hội Thanh niên bấy giờ rất đơn giản - bất cứ ai bán sức lao động chân tay đều là công nhân tuốt tuột, đều là đối tượng xứng đáng để kết nạp vào Hội. Chứ đám phu đãi vàng đâu có là công nhân công nghiệp theo cách phân định thành phần của Marx, như các anh bây giờ hiểu. Vậy là các đồng chí Thanh niên cách mạng quyết định phát triển tổ chức vào đám phu mỏ vàng nẹ. Người ta phát triển vào Cảnh con. Mà phát triển vào hắn cũng phải. Chỉ có mình hắn biết đọc biết viết trong đám phu mù chữ. Cảnh con thường viết thư thuê cho các bạn phu lấy mỗi bức vài xu.

Chuyện bắt đầu từ đây. Đồng chí phụ trách phát triển Cảnh con, tôi không nhớ tên, là người thiếu cảnh giác, trong lúc tâm sự con cù con kê đã nói với Cảnh con tên tuổi một số đồng chí. Tôi nghĩ anh này lo xa, lại có chút lăng mạn nữa - vạn nhất mình có bị địch bắt, có bị hy sinh thì Cảnh con còn biết người này người kia để liên lạc. Mấy đồng chí mà anh ta nói đến về sau đều bị bắt hoặc bị bắn chết trên những con đường rừng nằm trên biên giới Thái-Lào. Không ai biết vì sao họ bị lộ, nhưng Cảnh con sau đó cũng mất hút.

- Cảnh con bán các đồng chí cho Pháp?

- Có nghi vấn như vậy. Nhưng không có bằng chứng. Nghi thì để bụng, vậy thôi. Nghe nói có đồng chí bị bắn, chạy thoát, lúc hối hả có trốn trăng lại, nói Cảnh con là tên phản bội.

- Sao họ không báo cáo tổ chức ?

- Một lời nói của một người không thể là bằng chứng. Vả lại, công tác cách mạng thì lu bu, có thể có ai đó đã báo cáo, nhưng người nghe báo cáo rồi cũng chết nốt chẳng hạn. Như tôi cũng chỉ nghe nói lại, mà không từ gốc, làm sao có thể báo cáo được. Đến khi biết đồng chí Trần Quốc Hoàn ngày nay chính là thằng Cảnh con ngày trước thì những người biết hoặc có nghe việc này không dám

<sup>1</sup> Hai quần đảo ở Nam Thái Bình Dương. Nouvelle Calédonie bị Pháp chiếm năm 1853, nay còn là lãnh thổ hải ngoại của Pháp. Nouvelle Hébrides bị Bồ Đào Nha chiếm năm 1606, sang tay Anh và Pháp năm 1906, năm 1980 tuyên bố độc lập, đổi tên là Cộng hòa Vanuatu.

nói nữa. Cảnh con đã ở trong Trung ương rồi, lại còn vào Bộ Chính trị nữa. Nói ra mất mạng như bỡn. Đành nín lặng.

- Hồi ấy Cảnh con bỏ trốn vì sợ tổ chức biết ?

- Có thể lầm.

Sau khi Cảnh con trốn khỏi Lào, hắn trở thành một tên ăn cắp vật ở các chợ Hà Nội. Theo lời những tên lưu manh già, trước đó có hồi Cảnh con còn đi theo một đám cướp ở Hải Dương, nhưng vì nhát gan nên bị chúng đuổi, không cho theo. Không còn đường nào, Cảnh con mới bò về Hà Nội, nhập vào đám móc túi, giật dọc. Nhưng ở trong đám này hắn ta cũng bị coi là một tên thuộc hạng bét, loại vét dĩa, như cách gọi của dân lưu manh bây giờ.

Ăn cắp ở quê còn được, chứ ăn cắp ở thành phố khó lầm, dân thì tinh, phú-lít<sup>1</sup> đầy đường. Nhưng không ăn cắp thì đói. Cảnh con mới xin nhập vào đám tiểu yêu cầm cờ đám ma, dưới trướng một tên anh chị ở phố Hàng Chợ Gạo. Bọn cầm cờ đám ma cũng là một dạng lưu manh, từ trong đám lưu manh chuyên nghiệp mà ra, như kiểu thầy tu xuất.

Mỗi băng cầm cờ thường được một nhà đòn thu dùng. Trong số các nhà đòn hồi ấy có nhà Louis Chức rất nổi tiếng. Đám tang do các nhà đòn thời trước tổ chức to lầm, sang lầm. Có minh tinh nhà táng xênh xang, màn che ngù rủ, ngựa cũng vận áo tang hai màu đen trắng, cũng đội kèn bú-dích<sup>2</sup> diễu hành trước linh cữu, trên xe tang ngất ngưởng một anh xà ích ăn vận chẳng khác gì đại tướng nhà ta bây giờ, theo đúng kiểu tây.

Tang chủ nào giàu có là có ngay băng cầm cờ đến xin phục vụ. Cách xin cầm cờ chúng thường là thế này. Mấy đứa lực lưỡng nhất bọn, xăm trổ đầy mình, mặt mũi bặm trợn, chí khăn tang hắn hoi, kéo nhau đến gặp tang chủ. Lũ cô hồn cứ thế xông thẳng vào nhà chẳng cần ai mời mọc, rồi quỳ lạy trước linh cữu, khóc lóc thảm thiết, kể lể dông dài, cứ như thể trước đây chúng chịu ơn người quá cố, nay đến để giả nghĩa, xin được bảo vệ đám ma ân nhân. Tại sao lại phải bảo vệ đám tang? Thưa, tại vì cụ nhà tuy ân dày đức trọng thật đấy, nhưng, chúng nó nói, thiên hạ trăm người trăm ý, cụ nhà có ăn ở tốt mấy cũng không phải là không có kẻ thù, chẳng ai là người nắm tay được đến sáng, chúng con biết có kẻ định bụng phá đám tang cụ cho nên phải đến ngay để bảo vệ, vì tình sâu nghĩa nặng với ân nhân...

Tang chủ biết chúng nói láo, nhưng đành phải ngậm bồ hòn làm ngọt - không cho chúng cầm cờ thì chính chúng chứ chẳng phải kẻ thù nào khác sẽ phá đám, thôi thì đành chịu chúng, nghĩa tử là nghĩa tận. Công cầm cờ do vậy mà rất cao: một lá đại kỳ (cờ lớn) 1 đồng Đông Dương (piastre), cờ phướn từ 3 hào tới 4 hào (giá một tạ gạo hồi ấy khoảng 5 đồng, hơn 5 đồng một tí). Loại tiểu yêu như

<sup>1</sup> Cảnh sát, từ tiếng Pháp police mà ra.

<sup>2</sup> Đội kèn tây, do chữ musique (âm nhạc, tiếng Pháp).

Cảnh con chỉ được cầm cờ phướn thôi, đại kỳ không đến lượt. Mà đã là tiểu yêu thì cũng chẳng được hưởng trọn tiền. Tang chủ cho năm hào thì đàn anh lấy ba, thương tình lăm cũng lấy hai, không kém. Lại nữa, không phải ngày nào cũng có đám tang nhà giàu để được cầm cờ. Chưa kể đến chuyện băng cầm cờ Hàng Chợ Gạo còn phải giành giật, tranh khách với băng cầm cờ chợ Đồng Xuân, chợ Hàng Da, và những băng khác. Nói tóm lại, Cảnh con sống dặt dẹo, bữa no bữa đói, khổ sở lăm.

Tình cờ một hôm hắn ta đọc mục rao vặt trên báo Đông Pháp thấy nhà in Tân Dân tìm thợ sắn chữ, mừng quá, bèn ba chân bốn cẳng chạy đến xin việc. Chủ nhà in sát hạch thấy nó đọc được quốc ngữ, bèn cho vào làm. Anh phải biết: thời thuộc địa dân mình ít học lăm. Trong làng đồ được cái certificat (sơ học yếu lược) đã là oai rồi, đã là thành phần trí thức rồi, đã được dân làng vị nể rồi. Thời kỳ tập sự, gọi là học việc, lương công nhân chẳng được là bao, giỏi lăm thì đủ ăn, nhưng cũng vẫn là có lương, còn hơn sống pháp phù với bọn cầm cờ đám ma. Cảnh con ra sức làm, được chủ khen.

Nhưng chẳng bao lâu sau, chứng nào tật nấy, Cảnh con lại xoay ra ăn cắp. Ai cũng tưởng làm nhà in thì chẳng xoay xở được gì, ngờ đâu nó vớ bở. Chữ in làm băng hợp kim antimoine, ta thường gọi là chữ chì, hồi ấy được dân đúc gang ở phường Ngũ Xã rất chuộng, mua với giá cao. Chả là đang lúc Tây cấm nghề đúc đồng (đồng là nguyên liệu chiến lược, mẫu quốc cấm dân thuộc địa đúc đồng để đưa về Pháp đúc đạn), cho nên dân Ngũ Xã phải quay ra đúc chảo gang. Chảo lớn thì phom<sup>1</sup> lớn, gang nung nóng chảy ra rót vào "phom" nguội quá nhanh nên chảo hay bị nứt mẻ, phải pha thêm một chút antimoine cho độ đồng cứng chậm lại mới đúc được. Cảnh con liền ăn cắp chữ in đem bán. Trường Chinh hồi ấy cần chữ in cho báo Đảng, là báo Cờ Giải Phóng, mới cho người đi tìm gặp Cảnh con để mua, nhưng hắn ta không bán. Một kí lô chữ in bán cho dân Ngũ Xã được sáu đồng, người của Trường Chinh chỉ trả có năm đồng với lại năm đồng rưỡi, đời nào hắn bán. Thằng Cảnh con này khôn như rận".

- Nghĩa là vào thời kỳ Mặt trận Bình dân Cảnh con không hoạt động gì cho cách mạng?

- Hoạt động gì, trong khi nó còn bận ăn cắp?!

Đi đêm lăm có ngày gặp ma, Cảnh con bị bắt quả tang trong lúc trên vai còn cả bị chữ in. Chả là nhà in mất nhiều chữ quá, xót của, mới thuê thám tử tư đi điều tra. May cho Cảnh con, hắn bị tống ngục trúng lúc Mặt trận Bình dân vẫn còn cầm quyền. Thời kỳ này, sau cuộc đi thăm Đông Dương của các nghị sĩ cộng sản và xã hội, nhất là sau cuốn Đông Dương Cấp Cứu của bà André Viollis<sup>2</sup>, các lực lượng phái tả của Pháp lên án mạnh chính quyền thuộc địa trong việc giam giữ tù chính trị, cho nên chế độ sinh hoạt cho tù chính trị được cải thiện hơn trước nhiều.

Không biết được ai trong những người bị bắt về tội chính trị đã mách giúp bảo giùm mà thằng ăn cắp chữ in liền khai với Sở Liêm Phóng rằng hắn là nhà ái quốc, chữ in hắn lấy là để cho các tổ chức

<sup>1</sup> Khuôn đúc, do chữ forme, tiếng Pháp.

<sup>2</sup> André Viollis (Ardenne de Tizac) nghị sĩ cánh tả Pháp, đảng viên Đảng Xã hội Pháp, tác giả cuốn Đông Dương cấp cứu (Indochine S.O.S, 1935).

cách mạng in báo, in truyền đơn. Cảnh con chắc khai cũng lăng nhăng lăm, hắn có liên lạc với ai đâu mà bảo hoạt động. Thế mà hắn được đưa sang bên tù chính trị, mới lạ. Tại Sơn La hắn nói với người của ta rằng hắn là người trong tổ chức, viện tên những đồng chí Thái Lan trước đây đã kết nạp hắn (nay đã chết hết), xin được kết nạp lại. Tổ chức nhờ bên ngoài xác minh, thấy quả có những đồng chí tên tuổi đúng như vậy, bèn cho hắn sinh hoạt. Lê Đức Thọ cũng kết tình thầy trò với hắn ta từ đó.

- Chẳng lẽ Trường Chinh hoặc những đồng chí gần Trường Chinh không nhớ chuyện Cảnh con từ chối không bán chữ in cho họ?

- Nhớ thì cũng thế thôi. Có lục chuyện ấy ra Cảnh con cũng không thiếu gì cách chống chế. Nguyên tắc bí mật chẳng hạn, chưa bắt được liên lạc thì biết ai là ta ai là địch. Theo nguyên tắc đó Cảnh con có quyền không biết Trường Chinh là ai, nói gì người của Trường Chinh cử tới gặp. Sau, Cảnh con đã làm to rồi, có ai biết chuyện cũ cũng im thin thít, không dám hé hé. Chỉ tội bọn lưu manh tép riu, hồi Cách mạng Tháng Tám chúng bị giết vô số kể, là do lệnh của Trần Quốc Hoàn đấy.

- Hoàn muốn bịt miệng những người biết quá khứ của hắn?

- Tất nhiên.

- Hồi ấy ai nắm công tác tổ chức, thưa bác?

- Chẳng có ai. Hoặc có thì cũng là phân công miệng với nhau, bảo nhau mà làm, mỗi người một mảng việc, mỗi người một địa phương. Ngay các chức vụ trong Trung ương cũng vậy, nhiều khi ời nhau mà giao, ai gần thì gọi. Nói chung là phải tự động giải quyết. Đấy, như Văn Tiến Dũng đấy. Có hồi anh ta mất liên lạc với Đảng, chẳng được tổ chức phân công việc gì, nhưng anh ta cứ đi các nơi xây dựng cơ sở, kết nạp đảng viên như thường. Cho tới khi bố anh đi tìm được Văn Tiến Dũng thì anh ta đã có sẵn một mớ chi bộ rồi.

- Có phải hồi chú Văn Tiến Dũng đóng giả nhà sư không?

- Đấy là hồi sau, khi đã bắt được liên lạc. Phải công nhận Văn Tiến Dũng kiên trì cách mạng lăm. Chưa bắt liên lạc lại với đồng chí thì tự nghĩ ra việc mà làm. Văn Tiến Dũng đúng. Nhưng nếu bắt bẻ thì có cái chi không bắt bẻ được, Văn Tiến Dũng làm thế gọi là vô tổ chức, vô kỷ luật rồi, phải không? Tổ chức Đảng trong những năm ấy chẳng chặt chẽ gì. Vả lại số đảng viên bấy giờ ít lăm, đâu có như bây giờ, thêm được một người là quý. Là đảng viên trước đây có nghĩa là tù đầy, là máy chém...

- Bác nghĩ Cảnh con rồi sau cũng giác ngộ cách mạng?

- Ai biết được?! Cũng có thể là như thế - con người ta thay đổi... Mà cũng có thể không... Tôi chỉ tin một điều: con người ta rất khó thoát khỏi bản chất của nó, khó lăm.

Tôi trách cha tôi nhiều. Lẽ ra ông phải cho tôi biết những điều ông biết, nhưng ông đã lảng tránh.

Tôi nhớ một buổi chiều thu 1964, cha tôi đột nhiên bảo tôi:

- Con lấy xe đưa bố đi một lát.

Hôm ấy tôi có một cái hẹn, nhưng đành phải bỏ - trong gia đình tôi sự không tuân lời người trên là lỗi nặng. Đành phải dịch cái hẹn sang ngày khác để đưa cha tôi đi. Ông ngồi sau chiếc Jawa 05 thấp hèn, vốn không được thiết kế để chở hai người, hai chân khuỳnh khuỳnh. Nhưng ông chịu khó ngồi, không kêu ca. Năm ấy cha tôi không còn đi được Mobylette nữa, dắt xe ra cửa, cái xe kéo ông theo làm ông ngã dúi dụi. Trước đó, khi còn làm ngoại giao có tiêu chuẩn xe hơi ông cũng chỉ đi xe Mobylette<sup>1</sup> của riêng, do bạn bè ở Pháp gửi cho. Ông bảo: "Nước ta còn nghèo, xe cấp cứu cho đồng bào còn chẳng có, mình đi một mình một xe hơi làm gì, phí phạm!". Có hôm tới dự kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga ở đại sứ quán Liên Xô thì lính gác người Việt không cho ông vào chỉ vì ông đi Mobylette.

Cha tôi sai tôi chở ông lên đường Cổ Ngư cũ về phía Chèm. Tới dốc lên đè, ông bảo tôi dừng xe. Châm một điếu thuốc, ông chọn chỗ cỏ sạch để ngồi xuống và bảo tôi ngồi bên ông.

Ráng chiều bắt đầu nhuộm đỏ mặt hồ Tây và một phần hồ Trúc Bạch. Gió nồng ẩm mang theo hương dòng nước ngọt bị vứt lên bờ và hương lá mục ngai ngái.

- Con nhớ lấy chỗ này, quãng gốc cây thứ tư và thứ năm từ trên đè đổ xuống - cha tôi chỉ tay về phía trước - Nơi này đã xảy ra một tấn thảm kịch mà rồi đây con phải tìm hiểu để mà viết. Nó là tấn thảm kịch có tính chất tượng trưng cho một sự đổ vỡ lớn của một nền đạo đức và rộng ra, của một thời đại...

Mắt cha tôi mờ đi. Giọng ông đứt quãng.

- Con không hiểu bố muốn nói gì...

- Lúc này con không hiểu cũng được. Có những chuyện biết bây giờ vừa sờm, vừa nguy hiểm. Việc của bố là đánh động trí nhớ của con, bắt nó ghi lại một lời nói không rõ ràng để đừng quên, sau này... Thôi, ta về.

Trên đường về nhà cha tôi không nói thêm lời nào nữa. Tôi cũng không dám hỏi. Nếu cha tôi đã không nói, có nghĩa là hỏi cũng vô ích.

Ông Nguyễn Tạo đã giải đáp cho tôi câu hỏi đó, nhiều năm về sau:

- Bố anh không muốn kể vì vào thời kỳ câu chuyện xảy ra bố anh không còn làm việc với Bác Hồ nữa, bố anh e mình nắm rõ, không trực tiếp biết sự việc, không biết chi tiết, kể sẽ không đầy đủ, không khách quan. Hoặc giả, bố anh biết đấy, nhưng sợ anh biết quá sớm thì hại cho anh, tôi không rõ... Nhưng ý bố anh muốn anh biết để có lúc anh sẽ phải viết ra. Bố anh bảo tôi kể cho anh nghe cũng không ngoài ý đó.

<sup>1</sup> Một thứ xe gắn máy của Pháp, có thể đẹp được như xe đạp, khi máy không nổ.

- Bác biết?

Ông gật đầu:

- Không phải chỉ mình tôi biết. Còn có người khác biết. Số cán bộ công an ở cấp vụ trưởng hồi bấy giờ đều biết cả...

- Vậy chuyện gì đã xảy ra ở dốc Chèm, thưa bác?

- Một vụ án mạng oan khuất.

- Ở chính nơi bố cháu chỉ cho cháu?

Nguyễn Tạo im lặng hồi lâu, rồi gật đầu.

- Phải, ở đó. Có một người đàn bà bị xe cán chết. Nói cho đúng hơn, xác của người đó.

- Một hiện trường giả?

- Chính vậy. - ông ngậm ngùi - Người đàn bà này bố anh cũng biết. Cô ta tên Xuân, quê ở thôn Nà Mạ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Cô Xuân rất xinh gái, da trắng nõn, miệng tươi như hoa, được Ban bảo vệ sức khoẻ Trung ương tuyển vào làm việc trông nom sức khoẻ cho Bác Hồ...

- Thời gian nào, thưa bác?

- Sau khi hòa bình lập lại, khoảng năm 1955...

- Cùng được Trần Đăng Ninh tuyển một lúc với cô Xuân còn có hai người em gái cô ta, một em ruột, một em họ, cũng là con cái gia đình gốc gác cách mạng cả. Họ được bố trí ở trong một ngôi nhà ở phố Hàng Bông Thợ Nhuộm, sát đường Quang Trung. Thông thường, Trần Quốc Hoàn tự thân đưa cô Xuân vào gặp Bác rồi đưa về...

- Mỗi lần như vậy cô ta ở lại bao lâu?

- Không chừng. Có khi chỉ một đêm, có khi đôi ba hôm... Cô Xuân rất được lòng Bác. Họ có với nhau một con trai, được đặt tên là Trung, Nguyễn Tất Trung. Về sau trước khi Bác mất Bác ủy thác thẳng Trung cho Vũ Kỳ chăm sóc, coi như con nuôi...

Tôi sững sờ. Lại thêm một bí mật tôi được biết trong những bí mật cung đình được giữ rất kín.

- Như vậy, có thể coi như cô Xuân này là bà hoàng hậu cuối cùng trong lịch sử Việt Nam?

Ông cười chua chát:

- Có thể coi là như vậy. Và là bà hoàng hậu bất hạnh nhất trong lịch sử Việt Nam. Bất hạnh vì không một ngày được thừa nhận là hoàng hậu, vì đẻ ra đứa con không được gọi cha ruột của nó bằng cha... Tất cả diễn ra trong sự lén lút nhục nhã, như thể đó là tội lỗi.

- Ai đã giết cô Xuân, thưa bác?

- Đừng vội. Ta hãy ghi nhận sự việc này: vào một buổi sáng mùa xuân năm 1957, người ta thấy có xác một người đàn bà bị xe ô tô đụng chết ở dốc Cổ Ngư lên Chèm<sup>1</sup>. Xác chết được đưa vào bệnh viện Việt Đức, được nhận dạng. Đó chính là cô Xuân. Nhưng xác không được mở theo thường lệ, mà bị chôn cất vội vã, theo lệnh của Trần Quốc Hoàn<sup>2</sup>.

- Tại sao lại Trần Quốc Hoàn?

- Bởi vì cô Xuân là người của cơ quan trực thuộc Trung ương, việc xảy ra phải báo cáo ngay cho Trần Quốc Hoàn biết.

- Rồi sau thì sao?

- Chưa hết. Sau, em ruột của cô Xuân bị điều đi học một lớp y tá ở Thái Nguyên, rồi bị đưa về Cao Bằng điều trị bệnh... thần kinh. Ít lâu sau xác cô nổi lên ở một cây cầu trên sông Bằng Giang... Cô em gái họ cũng biến mất. Như vậy là cùng một thời gian, cùng một sự việc, có tới ba người thiệt mạng.

- Những đầu mối đều bị bịt?

- Tất nhiên. Nhưng những lý do dẫn tới những cái chết đã bị lọt ra ngoài.

- Về những cái chết này không có ai điều tra hết?

Ông Tạo cúi mặt xuống.

- Không.

- Tại sao, thưa bác?

- Tại vì thủ phạm là một nhân vật quá to để có thể đụng tới.

- Trần Quốc Hoàn?

<sup>1</sup> Ông Nguyễn Minh Cầm, vào thời gian đó là phó chủ tịch Ủy ban hành chính Hà Nội, phụ trách Văn hóa và Ngoại thành nhớ lại: "Hôm đó (vào mùa xuân năm 1957) tôi đang thường trực thì anh Nguyễn Quốc Hùng, thành ủy viên, tới báo cáo có vụ xe cán chết người trên đường Nhật Tân, người bị cán là một xác chết. Anh em công an nói chiếc xe mang biển số của Thủ Chủ tịch... Mấy hôm sau tôi có hỏi anh Trần Danh Tuyên, bí thư thành ủy, về vụ này (theo phân công, anh Tuyên bí thư phụ trách công an), thì anh ta nói "Vụ đó giải quyết xong rồi". Anh Nguyễn Quốc Hùng là cán bộ công an thời ông Lê Giản, sau bị Trần Quốc Hoàn đẩy ra ngoài. Theo anh Hùng cái chết này có uẩn khúc, anh nói cần phải tìm hiểu".

<sup>2</sup> Trong bệnh viện Việt-Đức không thể tìm thấy biên bản khám nghiệm tử thi cái xác được chuyển tới vào ngày đó.

- Phải. - Ông thở dài - Tất cả những người biết việc này đều có lỗi với hương hồn cô Xuân và hai cô em, tất cả đã không dám làm gì để rửa mối hận cho họ. Tất cả đã cúi đầu trước guồng máy, trước uy tín của Đảng có thể bị mất đi vì vụ bê bối này. Mọi người đều làm khi nghĩ như vậy...

- Vì sao Trần Quốc Hoàn giết cô Xuân?

- Đó là một câu chuyện dài. Khi Bộ Nội Vụ, vì công tác bảo vệ, bố trí cho mấy chị em cô Xuân ở ngôi nhà của Bộ ở phố Hàng Bông Thợ Nhuộm, thì chỉ có vài người biết họ là ai. Trong ngôi nhà này còn hai gia đình cấp vụ khác ở cùng. Thời gian trước khi cô Xuân bị giết ít lâu, Trần Quốc Hoàn thường tới đó. Việc Trần Quốc Hoàn tới thăm rồi cưỡng hiếp cô Xuân, cô em của cô Xuân biết, có nói lại cho người yêu của mình ở quê. Anh này về sau có làm đơn tố cáo gửi Trung ương.

- Và Trung ương im lặng?

- Không phải anh ta gửi ngay lập tức. Ngay lập tức thì anh ta cũng bị giết ngay, mà mãi về sau này...

- Cụ Hồ không có ý kiến gì về mấy cái chết oan khuất đó?

Ông Nguyễn Tạo đăm chiêu suy nghĩ.

- Có nhiều điều chúng ta không biết được. - ông nói, giọng bùi ngùi - Tôi nghĩ thân phận Bác lúc ấy cũng tội nghiệp lắm. Biết nói với ai? Với Lê Duẩn chăng? Hay Lê Đức Thọ? Hay nói thẳng với Trần Quốc Hoàn? Tôi nghĩ Bác là con người, Bác cũng biết đau khổ. Nhưng cái thế của Bác buộc Bác phải im lặng...

- Nghĩa là, theo bác, ông Hồ không có lỗi?

- Trong mấy cái chết nói trên? Không.

- Nhưng sự im lặng trước cái chết của họ? Ông Hồ cũng không có lỗi? - tôi gặng - Bỏ ra ngoài mối quan hệ tình cảm, chỉ nói tới cái chết oan khuất của một con người, với tư cách đồng bào?

- Thế hệ các anh khắc nghiệt trong sự phán xét. - ông thở dài - Tôi hiểu các anh. Các anh vô can. Chúng tôi thì không. Chúng tôi tự đặt mình trong sự ràng buộc với Đảng, với những quyết định của nó, dù sai dù đúng. Chúng tôi lo lắng cho uy tín của Đảng. Chúng tôi cảm thấy nhục nhã nếu Đảng bị phỉ báng. Đảng là cuộc sống tinh thần của chúng tôi, là danh dự của chúng tôi. Bác cũng vậy. Ông Cụ cũng đau đớn lắm chứ. Ông cũng là con người. Như mọi người. Các anh khác. Các anh chỉ nhìn thấy một lẽ công bằng, đòi phải có nó, đòi mọi sự phải sòng phẳng. Cái đó là phải thôi. Đúng, chứ không sai. Nhưng có nên như vậy trong mọi trường hợp không? Hay là cần phải độ lượng hơn, thông cảm hơn với sự yếu đuối của con người? Dù họ có là ai đi chăng nữa...

**35**

- Sắp xếp đồ đoàn! - viên quản giáo nói.

Y đứng đuồn đuỗn trong khung cửa vừa được mở ra, thân hình lỏng khồng in những nét sắc lênh nền trời trắng bệch.

Lại chuyển chỗ, tôi nhìn y chán ngán. Chuyển phòng hay chuyển trại đây?

Cuối năm 1971 quản giáo bộ đội không mở cửa cho chúng tôi nữa. Thay chân họ là một tay công an. Anh chàng trẻ măng, mặt mũi hiền lành, có phần hơi ngây ngô, với giọng nói ròn rẹn của cậu bé vừa vỡ tiếng. Trong chiếc sơ-mi màu trắng sáu, quần âu màu lam thẫm, y giống học sinh năm thứ nhất trường trung cấp nông lâm hơn là quản giáo trại giam.

Anh tù đưa cơm thì thào báo cho tôi biết cha tôi và tướng Giang đều đã bị đưa đi khỏi chỗ cũ, hình như tới một nơi nào đó cũng nằm trong khu vực trại này, nhưng anh không có phận sự tới đó, không biết có đúng như vậy không. Mấy ngày sau anh tù tốt bụng cũng biến mất. Người đưa cơm mới ít lời đến nỗi tôi tưởng anh ta câm điếc, hỏi gì anh ta cũng một mực lắc đầu.

Tức là có tình hình mới, nhưng cụ thể là cái gì thì không sao đoán được.

Cuốn tiểu thuyết - hồi ký hình thành dần. Tôi đang mê mải miêu tả thú đi câu trong những cái ao làng. Tôi viết với niềm hưng phấn ít gặp, khi toàn bộ con người tôi, từng tế bào nhỏ bé, say sưa ngụp lặn trong hồi ức về những ngày xưa đậm ấm với tất cả tâm trạng náo nức chỉ có trong tuổi ấu thơ. Hồi tôi lên sáu, năm 1939, cha tôi đi tù Sơn La, mẹ tôi vừa phải đi làm vừa bận hoạt động cách mạng, cho nên tôi phải về quê nội ở với bà cả cha tôi, một bà cô già ngoan đạo, sống trọn đời đồng trinh. Trong nỗi buồn sống xa gia đình, đi câu là cái thú lôi cuốn tôi nhiều nhất, đem lại cho tôi niềm vui nhất. Tôi bồi hồi sống lại tuổi thơ trong ngôi làng bình dị nơi chau thổ sông Hồng. Chìm đắm trong hồi ức nhiều lúc tôi quên bằng mình đang ở tù. Đưa mình về với kỷ niệm tuổi thơ là cách chạy trốn thực tại tuyệt vời.

Để tiết kiệm những mẩu giấy hiếm hoi lấy được từ những vỏ bao thuốc lá, giấy gói kẹo, tôi phải nhẩm mỗi câu trong đầu nhiều lần trước khi đặt bút, mà lại phải viết nắn nót bằng những chữ li ti như những con kiến gió kia, cho đỡ tốn diện tích. Cái ruột bút bi lại quá nhỏ, chỉ cần lơi ra một chút, tức thì nó lọt xuống kẽ tay.

Cái khó lớn nhất trong việc viết cuốn sách là làm sao giấu được những bản thảo đã viết xong. Bởi vì những khi tôi đi khỏi phòng giam tới nơi hỏi cung các quản giáo có thể vào phòng lục soát, là việc họ thường làm. Nhưng họ đã không tìm ra, không phải vì tôi tài giấu, mà vì họ lười. Chẳng ai hơi đâu chui xuống gầm phản để tìm cả, mà những trang bản thảo của tôi nằm chính ở dưới đó, trong cái khe giữa tấm gỗ và trụ bê tông. Tôi giấu rất cẩn thận, ngụy trang thật khéo, nhưng tôi không thể nói chắc rằng nếu họ quyết tâm tìm cũng không thể tìm ra. Tôi không sợ kỷ luật của trại giam, Thành cho tôi biết người giấu giấy bút trong tù có thể bị tống vào ca-sô, nhưng tôi sợ bị tước đoạt công việc còn dang dở. Công việc này mang lại ý nghĩa cho thời gian ở tù, cho tôi thấy tôi vẫn độc lập được đối với quyền lực của bọn độc tài.

Viên quản giáo đến đột ngột. Những con cá trê bóng nhãy đèn như bóng đêm còn đang quẩy trong đầu tôi. Tôi chỉ kịp giấu mẩu bản thảo xuống dưới chiếc áo rách mà tôi giả vờ vá hết ngày này qua ngày khác, thì y đã mở xong cửa.

- Chuyển phòng? - trống ngực đánh thình thịch, tôi hỏi lại y.

- Sắp xếp đồ đoàn!

Y không trả lời vào câu hỏi, lười biếng nhắc lại.

Tôi còn đang lúng túng, chưa biết xoay xở thế nào với mấy mẩu bản thảo nằm bên dưới tấm áo rách nếu như y cứ đứng ù ra đấy chờ tôi thu dọn, nhưng thật may, nói xong y quay ra, khóa cửa lại.

Tôi thở phào.

Khi y trở lại thì tôi đã giấu xong những gì phải giấu. Đi cùng với viên quản giáo trẻ là viên hương sư chấp pháp người Thanh Hóa. Cũng tử tế như lần đưa tôi từ Hỏa Lò lên Bất Bạt viên hương sư xách hộ tôi đồ đoàn, giờ đây đã lỉnh kỉnh chăn màn, quần áo, với những gói lớn gói bé quà gia đình tiếp tế.

Chúng tôi bước ra ngoài trời nắng, người nọ theo chân người kia qua những ô xà lim im lìm, cửa sổ khép kín, trên con đường nhỏ lạo xạo sỏi đá.

Chuyển trại rồi, tôi nghĩ, tim đập mạnh.

Viên hương sư dẫn tôi về phía chiếc com-măng-ca đỡ trong bóng mát một cây bàng.

Cái mà tôi lo nhất là bị khám đồ. Cái thủ tục rất khó chịu được nghiêm túc thực hiện ở bất cứ trại nào, lúc đi cũng như lúc đến, không có ngoại lệ. Trong lần chót gặp gia đình tôi đã chuyển được một số chương đầu tiên của cuốn sách ra ngoài. Böyle giờ chỉ còn lại vài chương được cất trong mấy bao thuốc lá rỗng ruột.

Một người tù đã ngồi sẵn trên ghế sau. Nước da trắng trong, thứ nước da chỉ có ở những người sống lâu trong xà lim thiếu ánh sáng, hai tay bị còng phía trước, anh ta có vẻ như vừa qua một trận ốm. Tôi chưa từng gặp anh này. Là người cùng vụ với tôi chăng? Hay thường phạm? Cảm thấy cái nhìn chăm chú, anh tù quay đầu lại, dò xét nhìn tôi. Viên hương sư leo lên xe, ra hiệu cho tôi chuyển đồ cho y sắp xếp. Sắp xếp xong, y chỉ cho tôi leo lên ngồi bên anh tù. Trước khi bước xuống y rút còng tay. Tôi đưa tay cho y. Mọi việc diễn ra trong im lặng, không ai nói với ai một câu.

Một tiếng cách lạnh lẽo. Hai cổ tay tôi bị khóa chặt. Tôi đưa hai tay lên, ngắm nghĩa cái còng. Trên nền thép trắng có khắc những chữ Nga viết tắt tên nhà máy sản xuất ra nó. Tôi mỉm cười cay đắng: âu cũng là một sự mỉa mai của số phận. Người ta buộc tội tôi làm gián điệp cho Liên Xô, nay lại khóa tay tôi bằng một cái còng số 8 của Liên Xô.

Lát sau tôi thấy Lê Thanh Tài lững thững đi tới, khẩu súng săn dài thượt trên vai. Không thèm nhìn đến chúng tôi, cũng không nói một câu, y ngồi lên ghế trên, bên cạnh tài xế, khẩu súng gác bên cạnh. Đó là một khẩu Verney Caron hai nòng, cỡ 12 ly. Thấy tôi chăm chú nhìn khẩu súng, y gườm nhìn tôi rồi kẹp chặt nó giữa hai đùi.

Chiếc com-măng-ca rời trại Bất Bạt nhằm hướng Bắc. Đến bến phà Trung Hà, chúng tôi được phép xuống xe, đi bộ.

Trước mắt tôi hiện lên toàn cảnh dòng sông ngầu đục phù sa cuồn cuộn chảy và những làng mạc xanh rì xa tít tắp bên kia. Tôi bước thấp bước cao xuống dốc, cố ý đi thật chậm trên vè sông thoai thoả để ngắm cảnh. Sau thời gian quá dài trong xà lim đây là lần đầu tiên tôi được thấy một chân trời. Nguyễn Tuân sẽ cười tôi lắm đây: rõ ngợm, cái đường gãy khúc với những mảng xanh nhấp nhô thế kia mà thằng Hiên nó dám gọi là chân trời!

Trong những ngày kháng chiến chống Pháp Nguyễn Tuân đã lên một cơn thèm chân trời đến điên khùng cũng ở một vùng bán sơn địa như thế này đây. Ông lồng lộn, ông vùng vẫy hòng thoát khỏi sự bủa vây của núi rừng Việt Bắc trùng điệp. Từ đèo Re, đèo Kháng Nhật, đèo Khế, ông thượng ba-lô lên vai, về xuôi. Đến gần Hà Nội, ông cất công leo lên tận đỉnh Tam Đảo, chui qua những tầng mây xốp để ngóng nhìn cái chân trời mong muốn. Nhưng chẳng thấy nó đâu. Nguyễn Tuân rầu rĩ. Ông thở dài kết thúc bài bút ký về cái sự thèm khát chân trời không ai hiểu được: "Thèm một người bạn tâm tình! Thèm một người đàn bà!".

Bây giờ tôi chẳng có gì hết. Không một người bạn tâm tình. Không một người đàn bà! Không cả quyền được thèm. Tất cả đều quá sang đối với tôi. Bây giờ thế kia đã là chân trời rồi, một chân trời mà tôi mơ ước, cho dù nó gãy khúc.

Những người phu phà gày gò gồ mình lên chống sào cho con phà rời bến. Khi con phà hướng mũi về bên kia sông, tôi đăm đăm nhìn dòng nước cuồn cuộn chảy bên mạn phà mà thấy lòng mình buồn rượi. Tôi gập mình xuống, khỏa tay. Tên công an cảnh giác vội bước tới. Nhưng tôi có định nhảy xuống đâu. Tôi chỉ muốn được nhúng tay trong cái mênh mông nước mát một chút, một chút thôi. Biết đến bao giờ tôi mới lại được vùng vẫy trong một dòng sông quê hương như dòng sông này? Có lẽ chẳng bao giờ nữa! Những người Do Thái trên đường tới các lò thiêu trong Thế chiến thứ 2 chắc hẳn có ý nghĩ giống tôi.

Nhin sang anh bạn tù ngồi ủ rũ bên mạn, tôi thấy anh kín đáo giấu đôi tay bị còng dưới cái quạt giấy trước cái nhìn tò mò của hành khách qua phà. Tôi cứ để nguyên đôi tay bị còng trên đùi. Việc gì mà xấu hổ. Sau này, biết đâu đấy, sẽ có ai đó trong bọn họ nhớ lại cảnh này và đoán ra họ gặp ai. Tôi nhìn thấy cả những ánh mắt lạnh lùng, thậm chí ghê sợ - hẳn người ta nghĩ chúng tôi là những tên sát nhân. Nhưng lần vào những ánh mắt lạnh lùng tôi bắt gặp cả những cái nhìn thương hại.

Con đường chúng tôi đi, hẹp và gập ghẽnh, luồn trong những rừng nứa đồi tranh bất tận, qua những những bản làng thưa thớt, những vật thực vật bị cháy thui, những triền cỏ úa xác xơ dưới mặt trời gay gắt.

Đầu năm 1947 tôi đã có dịp đi cùng gia đình qua địa phận này để lên Việt Bắc, hồi tôi còn là đứa trẻ. Quá nhiều năm đã qua kể từ ngày ấy. Thế mà trong trí nhớ bập bõm vẫn ghi lại một cái tên Ái Mỗ. Tôi biết bên kia Trung Hà có con đường dẫn tới sông Thao, con sông đã đi vào ca dao như một lời cảnh cáo:

*Sông Thao nước đục người đen,  
Ai lên Vũ Ến thì quên đường về...*

Như vậy, có lẽ chúng tôi đang tiến sâu vào địa phận Phú Thọ. Phía trước chúng tôi mỗi lúc một nhiều thêm đồi núi và rừng non rùng già.

Giữa đường, thỉnh thoảng Lê Thanh Tài lại bảo tài xế dừng xe để y bắn chim. Anh hương sư và lái xe leo đẽo theo chân thủ trưởng. Quan trên đi khỏi là tên quản giáo chưa có ria mép liền leo tót lên ghế trên, tiếp tục cuộc ngủ gật.

Lòng xe rất nóng và ngột ngạt. Chúng tôi không dám tự tiện xuống xe. Tôi sợ những viên đạn rình một hành động thiếu suy nghĩ của chúng tôi để bay ra khỏi nòng.

Mồ hôi mồ kê nhẽnh nhại, tôi bức bối chửi đồng. Người bạn tù nhìn tôi. Tôi hỏi nhỏ:

- Anh tên gì nhỉ?
- Tôi là Phùng Mỹ, Phùng Mỹ.

Vậy là Phùng Mỹ đây. Khi chưa bị bắt tôi có nghe nói đến anh. Huỳnh Ngự cũng có lần hỏi tôi có quen Phùng Mỹ không, nhưng khi tôi nói tôi không quen thì y cũng không hỏi thêm. Sự hiểu biết của cơ quan an ninh không đến nỗi quá dở để không biết những mối quan hệ của tôi.

- Như vậy, anh bị bắt cùng đợt với anh Chính?  
- Phải. Còn ông? Bị bao giờ? - liếc nhìn lên ghế trên, chỗ anh chàng quản giáo đang gà gật, anh thì thầm.

- Tháng 12 năm 1967. - tôi đáp.
- Nghĩa là... Có phải Vũ Thư Hiên đấy không?
- Phải.

Mặt Phùng Mỹ tươi rói.

- Tại sao anh biết? - tôi hỏi.  
- Tôi đoán. Trong vụ chúng ta có hai người trẻ nhất là Vũ Huy Cương và ông. Tôi chơi với Cương. Người trẻ mà tôi không quen thì đúng là Vũ Thư Hiên rồi.

- Anh có đoán được chúng ta đang bị đưa đi đâu không?
- Không biết!

Những lời thì thào của chúng tôi làm cho anh chàng quản giáo tỉnh giấc.

- Nay, cấm nói chuyện đấy nhá! - y cắn nhầm.

Không được nói chuyện thì chúng tôi ngủ gật cùng y vậy. Trong trạng thái mơ màng tôi nghe thấy tiếng súng đì đẹt xa xa.

Lê Thanh Tài quay về với mấy con chim cu rừng xanh mướt. Y đặt chiến lợi phẩm vào giữa hai ghế trên, sau phanh tay. Những con mắt đen láy mở to ngạc nhiên: "Sao lại thế này? Chúng tôi làm gì mà các người giết chúng tôi?!".

Tôi tỉnh hẳn. Nhìn những con chim ngoeo đầu bất động mà thương. Tôi đưa tay vuốt mắt cho mấy con chim tội nghiệp. Nhưng vuốt thế nào thì vuốt, không như mắt người, mắt chim vẫn mở trừng trừng. Lê Thanh Tài nhếch mép cười gièu.

Trời vừa tối là tôi lịm đi trong giấc ngủ mê mệt, không buồn nhìn ra bóng tối mịt mùng hai bên và vệt sáng đèn pha quét trên con đường rùng đầy ổ gà.

Chúng tôi tới đích vào nửa đêm. Mắt nhắm mắt mở bước xuống xe, tôi thấy mình trong một cái sân rộng - một khoảng không rộng rãi với những ngôi nhà trắng lên thành những hàng đều đặn trong ánh sáng yếu ớt những ngọn điện vàng vọt và ánh trăng hạ tuần, với bức tường sáng mờ mờ bao quanh. Không còn nghi ngờ nữa, đó là một trại giam.

Vừa xuống xe Lê Thanh Tài lập tức biến ngay vào bóng đêm. Viên hương sư giúp chúng tôi hạ đồ lề. Bầu quanh chúng tôi thấp thoáng những bộ cảnh phục màu hoàng thổ trong ánh sáng chao đảo của mấy cây đèn bão. Khệ nệ đồ lề trên cả hai vai và hai tay, chúng tôi được đưa vào nhà giam. Không có sự khám xét nào. Sau khi chỉ cho chúng tôi chỗ ngủ - hai cái giường tầng thênh thang trong một ngôi nhà dài bằng nhà năm gian ở thôn quê, đám âm binh lặng lẽ khóa trái cửa lại, bỏ đi.

- Có lẽ chúng nó cho hai thằng mình ở với nhau... - Phùng Mỹ mừng rỡ - Ông nghĩ thế nào?

- Cũng chưa biết được. Để xem. - tôi nói.

Thành dặn tôi: trong tù không được ngạc nhiên, không vội vã mừng rỡ, cũng không hốt hoảng hoặc buồn rầu trước bất cứ điều gì. Phải bình thản đón nhận tất cả - cái may cũng như cái rủi. Người tù bình thản thì mới đối phó được với những hoàn cảnh oái oăm mà mình không lường trước được. Cảm ơn anh, Thành a., anh thật chu đáo.

Chúng tôi dọn chỗ ngủ ở tầng trên, bên cạnh một cửa sổ. Từ đó nhìn ra là một khoảng trời đen mêt mông với một mảnh trăng nhợt nhạt. Tính toán số giờ ngồi trên xe, tôi đoán mình đang ở một nơi nào đó thuộc địa phận Phú Thọ.

Đám âm binh để lại cho chúng tôi một cây đèn dầu hỏa. Tôi dùng cây đèn rọi vào mọi ngõ ngách trong ngôi nhà. Tôi không thích người ta ghi âm những cuộc nói chuyện của tôi với Phùng Mỹ. Mà họ có thể làm chuyện đó lầm. Chúng tôi thì có thể lờ lời. Phùng Mỹ không hiểu tôi định tìm gì,

nhưng anh cũng hào hứng tham gia cuộc khảo sát. Chúng tôi phát hiện một mẩu bút chì giấu kín trong một mộng giường, một số que diêm kẹp trong một vỏ bao xẹp lép. Ở đầu một hồi là chuồng xí, có một hộc nước đủ cho hai người tắm rửa thoải mái. Trên tường, ở đâu chỗ tôi đọc được những dòng chữ ghi ngày tháng và một cái tên lặp đi lặp lại nhiều lần: Tân Lập. Tân Lập có nghĩa là Mới Dựng Nên, Mới Lập Ra. Vậy thì nơi này trước đây phải là một rừng hoang.

- Ở đây có điện!

Phùng Mỹ reo lên, chỉ cho tôi thấy một ngọn đèn lồng lảng trên cao, dưới một sợi dây cứng quèo, to quá khổ.

Ngày hôm sau, chúng tôi vẫn không bị chuyển đi. Một viên quản giáo lầm lì dẫn theo một anh tù tự giác mang vào cho chúng tôi xoong nồi, gạo, muối và rau, bát đĩa, đủ cho một cái bếp tối thiểu.

- Các anh nấu lấy mà ăn. Gạo nước hàng ngày sẽ được cung cấp vào buổi sáng.

Y nói rồi quay ra.

Chúng tôi có cả một ngôi nhà thênh thang. Đang bị tù túng trong xà lim, chúng tôi mặc sức chạy nhảy, vừa cười ha hả vừa đánh đu trên giường tầng như hai đứa trẻ. Cần phải luyện lại những bắp thịt đã nhão nhoét. Tôi ngạc nhiên thấy sức mạnh cơ bắp của mình sau thời gian dài ở Bất Bạt không đến nỗi quá tồi. Thì ra những thế cầu kỳ của hatha yoga đã giúp tôi giữ gìn cơ thể khỏi bị tàn phá bởi cuộc sống trong xà lim. Không những thế, cuộc sống chung hai người rõ ràng là một sự giải tỏa tinh thần. Chúng tôi nói chuyện say sưa, ngày này qua ngày khác. Bằng nhiều cách kiểm tra vòng vèo tôi khẳng định Phùng Mỹ đang ở với tôi chính là Phùng Mỹ thật, không phải một tên chỉ điểm mạo danh. Tuy vậy, tôi cũng không vội cởi mở. Phùng Mỹ quá hồn nhiên, quá thật thà, tôi nhận xét. Người như anh không dễ dàng đối phó với bọn chấp pháp khi bị chúng dẫn vào bẫy. Biết đâu đấy, chúng để cho chúng tôi ở với nhau một thời gian rồi tách ra, tiếp tục khai thác từng người một. Cho tới lúc ấy chúng vẫn chưa kiểm được ở tôi một bằng cớ nào khả dĩ có thể dùng để buộc tội, trừ cách cắn vú lấp miệng em. Hơn nữa, những sơ xuất trong khi trò chuyện với nhau về các anh em còn ở ngoài có thể mang tai họa lại cho họ. Cảnh giác không bao giờ thừa.

Khu nhà dành cho chúng tôi cách sân trại một khoảng trống. Sáng nào chúng tôi cũng bị tiếng kẽng quái ác đánh thức, mặc dầu chúng tôi có thể ngủ cho tới đây giấc, tới khi quản giáo mở cửa đưa tiêu chuẩn thức ăn và gạo vào. So với cả hai thời kỳ ở Hoả Lò và trại quân pháp ở đây mọi thứ đều tốt hơn - gạo đủ tiêu chuẩn, thức ăn cũng vậy. Quản giáo cũng chẳng buồn vào sâu trong nhà. Mở cửa cho chúng tôi ra sân xong, y bảo tù tự giác các thứ đem đến cho chúng tôi ở bên trong cổng, dưới đất, rồi bước ra, khóa cổng lại. Đứng trong khu biệt giam chúng tôi có thể nghe thấy tù chuyện trò xôn xao trên đường ra sân trại tập họp sáng. Điểm danh xong, tù đi xong, cả khu trại giam lại vắng tanh vắng ngắt. .

Cuộc gặp gỡ với Phùng Mỹ cho tôi hiểu thêm nội dung và tình tiết của vụ án. Cho tới khi ấy tôi chỉ biết mơ mơ, hay nói cho đúng hơn, tôi chẳng biết gì về nó. Căn cứ những câu hỏi mà các cán bộ

chấp pháp đặt ra cho tôi thì nhà cầm quyền có vẻ quan tâm nhiều tới những người có quan hệ với đại sứ quán Liên Xô, với đại tướng Võ Nguyên Giáp, muốn nối hai cái đó với nhau và hướng những bản cung vào việc buộc tội chúng tôi làm gián điệp cho Liên Xô, chúng tôi chống lại Nghị quyết 9<sup>1</sup>.

Phùng Mỹ cho tôi biết anh có giao du với mấy cán bộ đại sứ quán Liên Xô, bị theo dõi, rồi bị bắt. Trong tù anh bị hỏi cung liên tục về mối quan hệ bị cấm. Anh thú nhận bừa đã chuyển cho một người bạn Liên Xô nội dung Nghị quyết 9 mà anh chép lại sau khi dự lớp học. Phùng Mỹ nói Phạm Viết có ra vào đại sứ quán Liên Xô nhiều lần, chính Phạm Viết cho anh biết như thế. Theo lời các cán bộ chấp pháp, anh nói, thì Phạm Viết có tổ chức một cuộc gặp mặt giữa đại sứ Sherbakov với ông Đặng Kim Giang và cha tôi. Trong cuộc gặp hai ông đề nghị Liên Xô phải tinh táo trước những hành động không thân thiện của một số cán bộ Việt Nam đối với Liên Xô, dừng vì thế mà làm ảnh hưởng xấu tới tình hữu nghị giữa hai dân tộc, đề nghị Liên Xô tiếp tục giúp Việt Nam chống Mỹ. Chuyện này tôi hoàn toàn không biết. Cha tôi không hề kể cho tôi nghe. Lời của chấp pháp thì không thể nào tin được. Cũng không thấy Phùng Mỹ nói gì về Biên bản hội đàm Việt-Trung<sup>2</sup> mà anh chuyển cho phía Liên Xô, như sau này người ta nói đến như một cái tội. Mà anh thì làm sao có được cái biên bản tối mật đó?

Chắc chắn những câu chuyện của Phùng Mỹ với những câu hỏi của Huỳnh Ngự, tôi hiểu rằng chẳng có chuyện ban lãnh đạo Đảng lo lắng cho bí mật Nghị quyết 9 bị tiết lộ. Cả triệu người được biết về nghị quyết thì không gì còn là bí mật cả. Cái mà người ta muốn biết là có thể khai thác cái gì dùng được làm cớ để buộc Võ Nguyên Giáp vào tội âm mưu đảo chính hay không?

- Ông có nghe anh em mình nói tới đảo chính bao giờ không? - tôi hỏi Phùng Mỹ.
- Làm quái gì có chuyện đó.
- Thế tại sao người ta xưng xưng nói rằng có.

Phùng Mỹ cười:

<sup>1</sup> Tôi chống Nghị quyết 9 được ghi như thế này: "Đến Hội nghị Trung ương lần thứ 9 thì hoạt động chống đối có tổ chức của họ bộc lộ rõ : Đặng Kim Giang, Hoàng Minh Chính, Vũ Đình Huỳnh đã phân công nhau để vận động một số cán bộ, đảng viên viết kiến nghị gửi Trung ương, đồng thời in sao tán phát đến tận nhiều người". Cũng theo Ban bảo vệ chính trị nội bộ thì Hoàng Minh Chính sau khi chuyển các bí mật nhà nước cho nước ngoài (Liên Xô) đã gửi đơn xin cư trú chính trị tại nước ngoài (Liên Xô) và "chúng ta đã biết được điện của lãnh đạo nước ngoài gửi cho sứ quán của họ ở Hà Nội dặn trả lời thận trọng cho Hoàng Minh Chính nếu họ và gia đình tìm được cách nào rời khỏi Việt Nam tới được Liên Xô thì họ sẽ được sống và làm việc tại Liên Xô (!)" (tôi gạch dưới). Điều bịa đặt này trái hẳn với báo cáo của nhân viên KGB tại Hà Nội báo cáo về cho điện Kreml rằng "dường như có một âm mưu đảo chính đã bị phát giác tại Hà Nội".

<sup>2</sup> Chuyện khó tin nhưng có thật: tài liệu ghi chép biên bản hội đàm Việt-Trung (tôi không nhớ ngày tháng) rơi vào tay ai đó trong những người bị bắt trong vụ án này là từ gánh hàng của một người mua giấy vụn, người ấy là ai tôi không rõ, nhưng không phải Phùng Mỹ.

- Họ muốn nặn ra cái đó.
- Họ có hỏi ông về âm mưu đảo chính không?
- Có chứ.
- Nghĩa là có thể có, nhưng chúng ta không biết? - tôi gặng.
- Tôi tin chẳng có gì hết. Nếu có tôi phải biết. Chúng nó bịa.

Tôi kể cho Phùng Mỹ nghe về cuộc khủng bố trắng của Stalin những năm 30 mà tôi được đọc trên các tạp chí Liên Xô. Phùng Mỹ biết tiếng Nga không giỏi lắm, lại không có báo chí Liên Xô để đọc, nên anh ít biết về những vụ án oan trong thời kỳ Đại khủng bố ở Liên Xô. Tôi muốn anh rút kinh nghiệm của những người xô-viết để biết cách đối phó trong nhà tù Việt Nam. Anh rất tâm đắc chuyện những người xô-viết thoát xả bắn, được thả ra lại sẵn sàng lên đường ra trận.

- Chúng mình cũng vậy thôi! - Phùng Mỹ buồn rầu nói - Nếu đất nước bị xâm lăng thì chúng mình có khước từ bảo vệ nó không? Chúng mình lại phải cầm súng, biết rằng bảo vệ đất nước cũng là bảo vệ ngai vàng của các vị lãnh tụ kính mến. Khốn nạn thật!

- Bi kịch thời đại. Biết làm thế nào?

Sự suy ngẫm về những gì xảy ra ở Liên Xô, ở Trung Quốc, và bây giờ ở Việt Nam, cho tôi thấy cái gọi là bàn tay đế quốc chỉ là cái cớ muôn thuở để tạo ra những cuộc sát phạt nội bộ. Nguyên nhân chính là một số tên cơ hội đã lợi dụng thời cơ thuận lợi bứt khỏi hàng ngang để chiếm lấy địa vị lãnh đạo phong trào cách mạng, để trở thành lãnh tụ. Đến lúc thấy cần phải củng cố quyền lực đã đạt được thì chúng liền vu cho các đồng chí ngang hàng với mình hôm trước là tay sai đế quốc, là đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, là xét lại, hoặc tả khuynh, hữu khuynh... tùy theo trí tưởng tượng của chúng phong phú hay nghèo nàn. Cựu học sinh chủng viện Stalin trọng ban phát án tử hình do các ủy ban an ninh vài người ký, rồi cho các đồng chí ngồi ô tô ra pháp trường. Cựu hương sư Mao Trạch Đông mê kinh kịch không chịu thiếp trống phách: Mao còn cho dong Lưu Thiếu-kỳ, Trần Nghị, Bành Đức Hoài, Hạ Long... đội mũ cao mà đi diễu hành chán chê trong tiếng thanh la não bạt, trong tiếng hô đả đảo rầm trời rồi mới cho phép họ được mục rửa trong ngục thất. Xem ra các hình thức trấn áp của Duẩn -Thọ còn nhẹ nhàng hơn nhiều.

Cái sự cho chúng tôi ở hai người với nhau, được tự do trong khuôn khổ một xà lim rộng, được nấu nướng lấy, có vẻ như một sự nới lỏng. Nhưng kèm theo sự nới lỏng là một âm mưu không lấy gì làm sạch sẽ.

Càng ở lâu với Phùng Mỹ tôi càng thấy anh khác Trần Quốc Thành. Thành trầm tĩnh, điềm đạm bao nhiêu thì Phùng Mỹ hấp tấp, nóng vội bấy nhiêu. Trước hiện tượng nào Phùng Mỹ cũng có sẵn, ngay lập tức, một nhận định, một kết luận. Thành thì bao giờ cũng lật đi lật lại vấn đề nhiều lần, xem xét kỹ càng mặt này mặt khác của nó, rồi mới thận trọng đưa ra một giả thuyết không có tính khẳng

định để người đối thoại cùng suy nghĩ với mình. Cuộc sống chung giữa hai người khác cá tính đã cho thấy mặt trái của nó: chúng tôi thỉnh thoảng cũng có một cuộc cãi vã nho nhỏ do bất đồng ý kiến.

Tôi không muốn người ta được sung sướng thấy chúng tôi hục hặc với nhau. Tôi thương Phùng Mỹ. Cũng như tôi, anh không phải nhà chính trị. Về khía cạnh này anh hoàn toàn là người bị oan. Anh chỉ không oan trong tình cảm đối với đám lãnh tụ Đảng mà thôi - anh không yêu chúng một chút nào. Là trí thức, anh sớm nhìn thấy cái tai hại của cách cai trị độc tài – nó làm thui chột mọi suy nghĩ độc lập. Mà ai cũng biết rằng chỉ có suy nghĩ độc lập mới đạt tới sáng tạo.

Tôi nói với Phùng Mỹ:

- Không phải vô cớ mà bọn chúng nó cho hai thằng mình ở chung với nhau, ông ạ. Chúng nó nghiên cứu chán ra rồi. Chúng biết hai thằng mình có tính cách khác nhau, ắt dễ va chạm nhau. Chúng muốn chúng ta ghét nhau, căm thù nhau như hai con thú bị giam chung trong một chuồng. Đó là một trong những mánh khép tiêu diệt đối thủ.

- Đúng! - Phùng Mỹ đồng ý - Đúng lắm!

- Tôi đề nghị thế này: để đối phó với âm mưu của chúng, ta phải tự đặt ra chương trình làm việc cho kín thời gian một ngày, người nào làm việc người nấy, chỉ trò chuyện một lát trước khi đi ngủ. Như thế chúng ta sẽ chẳng bao giờ cãi nhau, đơn giản vì chúng ta không có thời giờ để cãi nhau. Tôi hiểu ít về triết học, ông thì lại có thời gian là giảng viên môn này, tôi đề nghị ông dạy tôi. Còn nếu ông quan tâm tới văn học thì tôi cũng có thể thuyết trình ông nghe một số vấn đề. Như vậy có ích hơn.

Phùng Mỹ tán thành.

Một hôm, viên quản giáo tự giới thiệu là cán bộ phụ trách giáo dục trại vào gặp chúng tôi. Đó là một anh chàng đẹp trai, tầm thước, về sau mới biết không phải là người của trại Tân Lập, mà của Bộ Nội vụ. Y vui vẻ hỏi thăm sức khoẻ (tiết mục nhằm chán nhưng nhất thiết phải có trong những cuộc gặp gỡ giữa hai bên) rồi mở cắp:

- Hôm nay tôi đến để phổ biến cho các anh một quyết định quan trọng. - y rút ra một tờ giấy, định đưa cho chúng tôi, nhưng rồi ngay đó lại cất nhanh vào cặp - Mà thôi, chẳng vội gì, để các anh ăn Tết Độc Lập cho vui vẻ đã...

Lại một quyết định mới nữa, tôi nghĩ. Chúng nó toan tính cái gì mà thay quyết định xoành xoạch, như thay quần lót vậy?

Phùng Mỹ lo lắng. Bữa cơm chiều anh ăn kém đi một bát.

- Chúng nó định làm gì đây? - anh tư lự đặt câu hỏi.

Tôi đã chai lì rồi, tôi mặc kệ, chúng muốn giờ trò gì thì giờ.

- Nếu mọi sự tùy thuộc ở ý muốn của chúng ta thì chiều nay tôi mời ông đi ăn chim quay với tôi ở Tiểu Lạc Viên, phố Tạ Hiện, ông biết hàng ấy chứ?. - tôi nói - Còn chừng nào cuộc sống của chúng ta còn tùy thuộc ở chúng nó thì tốt nhất là quên chúng nó đi...

Phùng Mỹ vẫn băn khoăn:

- Không hiểu có quyết định gì mà nó đã định đưa cho chúng ta rồi lại không đưa?

Biết nói thế nào cho Phùng Mỹ yên tâm đây?

- Ông không nghĩ đó có thể là một màn kịch à?

Phùng Mỹ ngẩn người. Rồi vỗ trán đánh bopsis:

- Có lẽ lầm. Nếu không, tại sao hắn không nói ngay mà lại bảo để cho chúng ta ăn Tết cho vui vẻ đã? Hiểu rồi! Loi de suspension d'intérêt<sup>1</sup>, có thể mà mình không nghĩ ra!

Nói thế, nhưng Phùng Mỹ lo lầm. Còn mấy hôm nữa mới đến 2 tháng Chín. Trong những ngày chờ đợi Phùng Mỹ üz rũ, trông mà thương. Nhà cầm quyền thật độc ác với trò chơi của họ. Cái lối mèo vờn chuột ấy chẳng quân tử chút nào.

Qua mồng 2 tháng Chín cũng không thấy mặt viên quản giáo đẹp trai đâu. Mãi tới rằm tháng Chín mới thấy y dẫn xác vào khu biệt giam.

- Quyết định mới của Đảng đối với vụ các anh là thế này. - y nói, hàm răng trắng bóng lén trong nụ cười tươi tắn - Các anh không bị xét xử theo luật pháp mà được hưởng lệnh tập trung cải tạo. Mỗi lệnh có thời hạn 3 năm. Sau một lệnh, nếu các anh cải tạo tốt Đảng sẽ cho các anh về đoàn tụ với gia đình. Bằng không, các anh sẽ ở thêm một lệnh nữa, rồi một lệnh nữa... Tất cả tùy thuộc ở thái độ cải tạo của các anh tốt hay không tốt.

Phùng Mỹ nhìn tôi. Tôi nín lặng, chờ viên quản giáo nói tiếp.

- Lệnh tập trung cải tạo được ký ngày... - y nói một ngày tháng mà tôi bỏ ngoài tai - Các anh có quyền được khiếu nại, được viết đơn lên Trung ương xin khoan hồng. Chúng tôi sẽ nhận và chuyển lên trên cho các anh<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Luật kích thích sự chú ý (tiếng Pháp), một thủ pháp trong kịch nghệ.

<sup>2</sup> Theo tài liệu lưu hành nội bộ của Ban tư tưởng-văn hóa Trung ương, đề ngày 20 tháng 3 năm 1994 thì "Do những tội nạn đã rõ ràng của Hoàng Minh Chính, ngày 18 tháng 10 năm 1971 Bộ Chính trị và cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước đã quyết định xử trí đối với Hoàng Minh Chính : " Khai trừ khỏi Đảng, cách chức viện trưởng Viện Triết học, Ủy ban Khoa học Nhà nước, tập trung và cải tạo". Lệnh tập trung cải tạo được tuyên bố cho tôi và Phùng Mỹ có trước tháng 9 năm 1971, tức là trước cả quyết định của Bộ Chính trị với "tên đầu vụ" Hoàng Minh Chính. Anh Trần Thư cho biết khi được thả, người ta đọc cho anh nghe một lúc ba lệnh : lệnh tạm giam 3 năm ký tháng 12. 1967 (khi bị bắt), lại tạm giam 3 năm lần thứ hai ký tháng 12. 1970, và lệnh tạm tha ký

Thấy chúng tôi vẫn im lặng, y hỏi lại:

- Tôi có mang giấy bút cho các anh đây. Nếu các anh muốn làm đơn, tôi sẽ để lại.
- Cảm ơn. - tôi nói - Chúng tôi không viết.
- Cái đó tùy các anh. Tôi khuyên các anh nên viết.

Tôi mỉm cười.

- Căn cứ quân hàm của anh, tôi chắc anh phải là đảng viên có thâm niên...
- Ý anh muốn nói sao?
- Tôi muốn nói rằng nếu như vậy anh phải được biết có một chỉ thị của Ban Bí thư liên quan tới chế độ tập trung cải tạo...
- ???

Tôi nhìn vào mắt hắn, nhấn mạnh từng tiếng:

- Chỉ thị này nói rõ rằng chế độ tập trung cải tạo không được áp dụng cho các cán bộ đã tham gia cách mạng trước Tháng Tám năm 45 và các cán bộ đã tham gia kháng chiến chống Pháp... Tôi chắc anh đã được đọc chỉ thị đó?

Viên quản giáo chớp mắt liên hồi. Y lúng túng không biết trả lời thế nào. Có thể y chưa được đọc thật, nhưng nhận mình chưa đọc hoặc tệ hơn, không được đọc, thì điều đó có nghĩa là nhận mình kém, mình không phải người được Đảng tin cậy.

- Anh được biết chỉ thị ấy chứ? - tôi gặng.
- Phải.

Tôi cười:

- Thế thì anh bảo chúng tôi khiếu nại làm gì?! Trường hợp này các cụ gọi là thế nào nhỉ? Nhổ đầy rồi liếm đầy.

Viên quản giáo tái mặt. Tôi nghĩ y sẽ có một hành động lỗ mãng với tôi, nhưng y chỉ lặng thinh bỏ đi.

Chúng tôi chỉ còn biết chờ đợi. Chờ đợi một cái gì không biết.

tháng 6. 1973. Anh có cảm tưởng cả ba lệnh được ký cùng một ngày, nhưng đề ngày tháng khác nhau. Đủ thấy họ tuỳ tiện đến thế nào đối với số phận công dân.

Hàng ngày, vào buổi sáng chúng tôi tắm rửa, làm vườn, rồi quay vào nhà học tập. Được nấu nướng lấy, lại có thêm rau tươi tự trồng, lại được tắm nắng tùy thích, sức khoẻ chúng tôi phục hồi nhanh chóng, nước da không còn bủng beo như trước.

Tôi vẫn giấu kín bản thảo Miền Thơ Ấu. Không phải tôi không tin Phùng Mỹ. Nhưng một sự sơ ý của anh sẽ làm mất đi kết quả của rất nhiều thời gian làm việc của tôi. Hơn nữa, nếu người ta đã cảnh giác thì khó mà viết lại lần nữa. Nhưng giấu thì phải ngừng viết, cũng không được. Cho nên đành cho Phùng Mỹ đọc. Hóa ra anh là một nhà phê bình văn học sắc sảo. Nhiều chương trong Miền Thơ Ấu đã được viết ra dưới ảnh hưởng những nhận xét của anh.

Phùng Mỹ sốt sắng truyền đạt cho tôi những kiến thức triết học. Nhưng nghe anh giảng vài buổi, tôi nhận thấy tầm hiểu biết của giảng viên môn triết ở đại học ta nghèo nàn quá. Phùng Mỹ chắc chắn không phải giảng viên tôi. Có thể anh còn là giảng viên khá nữa là khác. Tôi không trách anh không đáp ứng được yêu cầu của tôi. Lỗi tại nền giáo dục. Nó không đòi người thầy giáo dạy môn này phải có kiến thức uyên bác. Nếu ông thầy thuộc lầu chủ nghĩa Marx trong những giáo trình được biên soạn lại, với hai môn duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm nền tảng, thì hiểu biết như thế đã là quá đủ. Biết thêm nữa, anh sẽ trở thành kẻ đa thư loạn thị, anh không còn là thầy tốt được. So với đòi hỏi của nền giáo dục, rõ ràng Phùng Mỹ còn biết nhiều hơn cần thiết, nhưng hiểu biết thừa này lại không đủ cung cấp cho tôi điều gì mới. Anh không biết được bao nhiêu về triết học cổ Ấn Độ và những trường phái triết học phương Tây hiện đại. Trong tình hình bế quan tỏa cảng về văn hóa, trí thức khoa học xã hội ở Việt Nam có bị hạn hẹp về kiến thức cũng là chuyện bình thường. Nền đại học Liên Xô về mặt này, theo tôi nghĩ, còn khá hơn đại học Việt Nam nhiều. Bằng chứng là tôi không học khoa triết, nhưng các giáo sư Liên Xô đã cung cấp cho tôi những kiến thức cơ bản và một phương pháp tư tưởng không đến nỗi tồi.

Nhờ hiểu rõ mục đích của việc ghép những người có tính khác nhau ở chung với nhau, chúng tôi biết cách tổ chức cuộc sống để không để xảy ra một cuộc cãi lộn nào. Chẳng bù với những anh em không ý thức được âm mưu của nhà cầm quyền. Sau những ngày đầu mừng rỡ được ở cùng nhau, cái xà lim hai người còn tệ hơn xà lim một người nhiều.

Tôi được chứng kiến cảnh đó sau khi chuyển từ khu biệt giam trại A sang khu biệt giam trại B, ít lâu sau.

Khu biệt giam trại B nhỏ hơn hẳn khu biệt giam trại A. Trong một căn nhà dài thượt, vốn là khu xà lim kỷ luật, người ta cắt ra hai đầu hồi mỗi bên bốn xà lim, phá tường ngăn và hành lang của chúng đi, thế là thành hai phòng biệt giam. Nhưng đó là sau khi ở một thời gian rồi chúng tôi mới biết, chứ khi mới chuyển đến vào ban đêm, chúng tôi chẳng biết mình được đưa đi đâu, đang ở đâu. Sau mới biết trong hai phòng biệt giam ở hai đầu hồi đều được dùng để giam tù trong vụ chúng tôi.

Phòng của chúng tôi nhỏ hơn trước rất nhiều. Mảnh vườn bé tí xíu, đất lại toàn sỏi đá. Chúng tôi ra sức cải tạo nó bằng cách xin đào một hố đổ phân và nước tiểu ngay trong vườn (nếu không tự giác sẽ phải đưa bô đi đổ ở xa), rồi dùng thứ phân này bón cho cây trồng. Với những củ khoai lang

được phát, để cho mọc mầm chúng tôi nhân giống lên thành một luống rau khoai lang xum xuê, những quả ớt mang theo từ khu biệt giam cũ cũng cho chúng tôi một loạt cây sai quả.

Những xà lim bên cạnh vẫn được dùng, thỉnh thoảng lại có tù được đưa vào. Những người tù kỷ luật không nằm lâu trong xà lim, thường chỉ một tuần hoặc hai tuần họ lại được ra nhường chỗ cho người khác. Họ không dám nói chuyện với chúng tôi, có lẽ không hiểu chúng tôi là ai, chỉ đoán rằng chúng tôi là loại tù nguy hiểm, liên lạc với chúng tôi chỉ mang họa vào thân.

Một đêm, chúng tôi nghe từ phòng bên có tiếng gọi:

- Các chú ơi, các chú!

Chúng tôi im lặng. Tiếng một đứa trẻ. Nó gọi chúng tôi hay gọi ai? Tiếng gọi kiên trì lặp lại một lần nữa, rồi một lần nữa.

- Chào cháu! - tôi lên tiếng đáp.

- Tại sao các chú lại ở đây?

Tôi và Phùng Mỹ nhìn nhau. Biết giải thích cho nó thế nào?

- Chuyện dài lắm. Cháu không hiểu được đâu.

Từ một xà lim khác vọng lại giọng khàn khàn của một người lớn tuổi:

- Đ... m... ! Có cái đéo gì mà không hiểu được. Chính trị *nà* cùng chứ cái đéo gì mà rộn?

Chúng tôi không trả lời y. Phùng Mỹ cười đau khổ. Là nhà giáo, anh xa lạ với mọi biểu hiện của các nền văn hóa hè, văn hóa chợ. Không bao giờ tôi thấy anh vắng tục, kể cả khi tức giận nhất.

- Chính trị, phải không các chú?

- Phải. Thế còn cháu.

- Cháu là lưu manh.

Giọng khàn khàn lại vang lên:

- Mày thì *nưu* manh cái đéo gì hở Hán Còi? Đừng có *sī*, mày còn *nâu* mới được *nà nưu* manh, mày chỉ là thằng *nính* đú, *nính* vét thôi, Hán Còi à! Cho dù mày có gan cho *tóe me*<sup>1</sup> thằng *Tín Nác* (*Tín Lác*).

Hán Còi van vỉ:

<sup>1</sup> Tiếng lóng: *toé me* = làm đổ máu, chỉ sự đâm, chém.

- Thị em có dám mĩ đâm. Em nói chuyện với mấy chú cho đỡ buồn thôi.

Giọng khàn cười hô hố.

- *Lời đi!* Hôm *lay* các ông ấy đi xem *xi-lê*, còn *nâu* mới vào... Dưng mà mà giài đấy! Thằng *Tín* Nác tôi cù tì do tay mà cũng đáng, déo thằng *lào* thương!

Hán Còi tiếp tục câu chuyện với chúng tôi:

- Các chú bị mấy năm hở các chú?

- Chưa xử, cháu ạ! Không biết là bao nhiêu. Thế cháu bị xử bao nhiêu năm?

Hán Còi im lặng một lúc lâu.

- Án của cháu là án tù mù, các chú ạ.

- Tù mù là thế nào? - Phùng Mỹ hỏi.

- Các chú không biết án tù mù là thế nào hay sao?

- Không.

- Tức là án cao su, các chú ơi. Cao su thì chỉ dãn ra, chẳng bao giờ co vào...

Một lát sau nó lại nheo nhéo:

- Các chú ơi, các chú làm nghề gì?

- Chú dạy học! - Phùng Mỹ nói.

- Còn chú kia?

- Cũng thế.

Hán Còi nói như nói một mình, giọng não nuột:

- Mẹ cháu cũng dạy học. Mẹ cháu là cô giáo...

Chúng tôi lặng đi. Không ai nói thêm câu nào nữa, kể cả giọng khàn khàn ở cuối phòng.

Tôi thấy cay cay ở mắt. Từ giường bên Phùng Mỹ chăm chú nhìn tôi:

- Ông khóc đấy à?

Tôi chùi nước mắt:

- Mình xấu hổ.

Phùng Mỹ quay mặt đi. Tôi úp mặt xuống gối, mặc cho nước mắt tha hồ chảy. Tôi thấy mình có lỗi trong việc Hán Còi bị án tù mù.

Hán Còi còn quay lại với chúng tôi nhiều lần, không phải vì bị kỷ luật. Nó tới vì cảm giác lưu luyến chúng tôi, lưu luyến các chú nhà giáo. Ngoài Hán Còi ra, trong thời gian ở khu xà lim này, còn có một cháu nữa cũng hay nói chuyện với chúng tôi là cháu Bông. Bông làm lái xe, bị tập trung cải tạo vì làm mất hàng của Nhà nước mà Nhà nước không biết ai lấy, lấy lúc nào. Vì không tìm ra thủ phạm, kẻ bị tình nghi chỉ có một mình Bông, cho nên Bông cũng bị tù mù.

- Thế cháu bị oan à?

- Không, không oan. Cháu lấy! - Bông thú nhận - Thằng nào cũng lấy, cháu không lấy cũng dại.

Về sau, nghe lời khuyên của tôi Bông chịu khó theo lớp học trong tù. Cháu quyết tâm làm lại cuộc đời. Ra tù rồi, tôi được nghe vợ tôi kể lại có một ông mang con đến tạ ơn, nói nhờ tôi khuyên bảo mà con ông thành người. Vợ tôi không nhớ tên ông ta. Tôi khuyên nhiều đứa trẻ đi học, không phải một mình Bông, nhưng tôi ngờ đó là Bông và bố cháu.

Không biết các nhà lãnh đạo hồi ấy có tin thật ở khả năng cải tạo con người bằng cách đưa họ vào tù không? Dường như họ tin thật như vậy. Chẳng thế mà những nhà tù cứ theo nhau mọc lên như nấm mùa xuân.

Một người tù lâu năm lại có cái nhìn khác hẳn về cách cải tạo này. Ông ta nói với tôi: "Mấy thằng bé thằng nào vào tù rồi cũng hỏng. Anh còn ở lâu, anh sẽ thấy. Cứ tha ra là y như rằng chúng trở lại. Tôi gặp chúng nó nhiều lần lắm, gọi là vào đòn ra phủ cứ như cơm bữa. Ở ngoài, chúng chưa đến nỗi hư lầm đâu, nhưng khi vào tù rồi, lại là thứ tù không biết ngày về, chúng không còn trông đợi ở cái gì nữa, chúng hư thật lực, hư cho bõ, đứa nợ truyền cái hư cho đứa kia, càng hư thêm. Nhà tù là một trường đại học đào tạo những công dân mất dạy".

Ông ta nhận xét đúng. Hoàn toàn đúng.

Với bi kịch Cải cách ruộng đất Trường Chinh có thể được coi là một người cộng sản sai lầm. Với chữ ký đặt dưới Nghị quyết của Ban thường vụ Quốc Hội để đưa công dân vào tù không cần xét xử Trường Chinh là một tên phát-xít, đồ đệ của Hitler.

Sau cuộc nói chuyện với Hán Còi trong khu ký luật, tôi không thiết làm việc gì nữa. Trong việc bắt tôi, chính quyền có thể sai lầm, hãy độ lượng thêm một lần để cho rằng như thế. Nhưng trong việc tước bỏ quyền được luật pháp bảo hộ của công dân, chính quyền chứng tỏ nó không phải chính quyền của dân nữa. Nó không vì dân, nó không hề bảo vệ dân. Nó chỉ vì nó, nó chỉ bảo vệ chính nó.

Trong Hỏa Lò tôi chỉ nghĩ về nỗi đau của mình, về số phận mình. Tôi là nạn nhân của nền độc tài, là điều rõ ràng. Điều không rõ ràng là trong khi phục vụ chính quyền chuyên chế tôi còn là thủ phạm. Trước tòa án lương tâm, tôi là kẻ có tội. Sự phạm tội trong tình trạng vô thức được coi như tình tiết giảm nhẹ, nhưng không phải là cái để cãi tráng, để được tha bổng.

Đồng ý rằng những đứa trẻ hư như Hán Còi cần được giáo dục. Đó là nhiệm vụ của bất kỳ xã hội nào. Nhưng giáo dục trẻ em bằng nhà tù không phải là giáo dục. Chức năng của nhà tù xưa nay chỉ là trừng phạt và cách ly. Chức năng giáo dục không được đặt ra. Giáo dục là tốt với tư cách một mục đích. Nhưng đính nó vào nhà tù một cách máy móc, như thể nó là đặc tính sẵn có của nhà tù là bịa bợm.

Qua việc nhốt các công dân vào tù không cần xét xử, chỉ cần một nghị quyết chứ không cần tới một pháp lệnh, ta thấy rõ một điều. Rằng với bộ máy chính quyền nào cũng vậy, phải có một chốt h้าm cho nó. Không có chốt h้าm nó sẽ lồng lên trong xu hướng tự tung tự tác.

Tình thế một đảng độc tôn không có đối lập trong chính quyền là sự không có cái chốt h้าm đó. Nó tất yếu sinh ra những hành động tùy tiện. Sự thay đổi lãnh tụ, thay đổi chính phủ không giải quyết được vấn đề. Thể chế, đó mới là cái cần phải thay đổi. Hồ Chí Minh, Trường Chinh hay Lê Duẩn thì cũng thế cả, họ như nhau hết. Chuyên chính vô sản chỉ là cái mặt nạ che giấu quyền lực vô biên của kẻ nắm quyền. Những người vô sản, những công nhân công nghiệp được Marx trọng trịnh trọng trao cho sứ mạng kẻ đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản, chẳng sơ múi gì trong cái nền chuyên chính mang danh họ. Họ có chung số phận với nhân dân bị đặt dưới chân các lãnh tụ. Chẳng có gì nữa để mà trông chờ. Chẳng lẽ không phải cái Quốc Hội được gọi là của giai cấp vô sản đã ra một nghị quyết chống lại thậm chí những đứa trẻ như Hán Còi?

Hán Còi còn gọi chúng tôi vài lần nữa, nhưng sau vài câu đổi đáp đồng cảm chúng tôi chẳng biết nói chuyện gì với nó. Hán Còi là một thằng bé hiếu động. Cứ mỗi khi quản giáo không có mặt, không rình rập, là Hán Còi đã lén tiếng gọi các bạn tù xà lim bên cạnh.

Chắp nối những mẩu chuyện lại với nhau tôi hình dung ra cuộc đời Hán Còi.

Con một cô giáo nghèo dạy phổ thông trung học suốt ngày bận đan len thêm để kiếm sống, do đó không có thời giờ dạy dỗ con cái, Hán Còi nhanh chóng trở thành đứa con của hè phố. Biệt hiệu Hán Còi được bè bạn đặt cho nó là do nó bé quắt vì suy dinh dưỡng từ nhỏ. Cuộc sống lang thang lôi

cuốn thằng bé. Nó *dạt vòm*<sup>1</sup>, trở thành lính đú, theo các đàn anh đàn chị đi *mổ*. Khờ khạo, ngây thơ, nó chỉ được phân công *tăm*, *ngánh*, hoặc *cản địa*<sup>2</sup>. Để trở thành *lính mổ*, *lính đột*, hoặc *lính cắm cùng kinh*<sup>3</sup>, thì Hán Còi quá vụng. Bị bắt trong một đợt càn quét trước ngày lễ lớn, Hán Còi bị đưa thẳng lên trại, được Nhà nước dí cho một *lệnh*<sup>4</sup>. Trong trại Hán Còi bị bắt nạt đủ điều: giặt quần áo, *sốt sệt*<sup>5</sup>, rửa bát, đun nước pha trà, tắm quất cho các đàn anh... Trái ý chúng một chút là ăn đòn. Trong đám *sĩ quan*<sup>6</sup> Tín Lác hành Hán Còi nhiều nhất. Hán Còi thù Tín Lác lắm. Nhân đợt chuyển trại, Hán Còi giấu trong tay áo một con dao rựa dài mài rất sắc, chờ đúng lúc Tín Lác lúng túng đỡ cái hòn do đàn em Hán Còi nâng lên thùng xe cho y, vung dao chém tới tấp. Tín Lác ngã gục trên vũng máu.

Sau trận trả thù oanh liệt, Hán Còi trở thành *sĩ quan*. Trong nhà tù sự liều lĩnh được đánh giá như một phẩm chất đàn ông. Kẻ dám chơi lại đàn anh là kẻ có tư cách đàn anh.

Ra khỏi xà lim kỷ luật Hán Còi vẫn liên lạc với chúng tôi. Nghe lời khuyên, nó xin đi học văn hóa. Trại có mấy lớp bổ túc văn hóa dành cho trại viên. Thỉnh thoảng nó lại lén đến gần khu biệt giam, tay giơ cao cuốn vở:

- Cháu vẫn đi học đây này!

Trời rét, Hán Còi phong phanh mấy tấm áo tù, mặt xám ngoét.

Tôi hỏi:

- Cháu không có áo ấm à?

Nó lắc đầu.

- Phải kiếm áo ấm mà mặc kéo sưng phổi đấy.

- Cháu không có tiền.

- Nếu có thì mua được không?

<sup>1</sup> Tiếng lóng : *dạt vòm* (bỏ nhà đi lang thang), *lính đú* (tên theo đòn, a dua đi ăn cắp ăn trộm), *mổ* (móc túi).

<sup>2</sup> Tiếng lóng: *tăm* (tìm), *ngánh* (trông chừng), *cản địa* (che chắn).

<sup>3</sup> Tiếng lóng : *lính mổ* (tên ăn cắp chuyên móc túi), *lính đột* (tên ăn trộm), *lính cắm cùng kinh* (tên ăn cắp chuyên lấy củ đèn (dinamo), yên xe đạp).

<sup>4</sup> Tiếng lóng: *lệnh* (gọi tắt một hạn 3 năm của một lệnh tập trung cải tạo).

<sup>5</sup> Tiếng lóng: *sốt sệt* (đun nấu).

<sup>6</sup> Tiếng lóng: *sĩ quan* (đàn anh trong đám tù lưu manh, trộm cắp).

- Giá có *ken tẩy*<sup>1</sup> đem *chác*<sup>2</sup> thì có ngay, cơ mà cháu không có.

Chúng tôi ném ra ngoài cho Hán Còi hai bao Tam Đảo mà gia đình “tiếp tế”. Hôm sau Hán Còi tới, rạng rỡ trong cái áo bông thùng thình.

- Nó hét ba bao. Cháu mà cả xuống hai bao rưỡi. Thiếu mất mười *đồi*<sup>3</sup>.

Chúng tôi ném ra thêm một bao nữa. Cho Hán Còi, chúng tôi phải hạ mức hút xuống. Mỗi ngày mỗi người chỉ được một điếu chính phẩm. Còn lại là thuốc vê, bằng lá thuốc chúng tôi tự trồng khi còn ở trại A.

Chúng tôi vui, cảm thấy mình vẫn còn có ích cho ai đó.

Một hôm cục trưởng Cục chấp pháp tới, lũ lượt theo sau cả một bộ sậu thuộc hạ - cán bộ Cục chấp pháp, cán bộ trại. Phòng giam hẹp, một số phải đứng ngoài cửa. Tôi nhận ra người đi đầu là cục trưởng Cục chấp pháp nhờ có lần Huỳnh Ngự cho tôi biết, bằng giọng thì thầm, rằng người vừa ghé qua phòng hỏi cung chính là cục trưởng của y, tên Trúc. Anh chàng này có gương mặt trơ, không cá tính, không đường nét dễ nhớ - một cục đất xét trong xương điêu khắc cộng sản.

Tôi có ác cảm với y không phải vì tôi đang ở tù. Giả sử ở ngoài đời mà tôi gặp y thì cảm giác của tôi cũng vẫn thế - tôi không ưa cái bản mặt ấy. Đó là một thứ phản ứng sinh vật. Nó nằm sẵn trong ta, làm cho ta có cảm tình hay ác cảm với kẻ đứng trước mặt mình. Gương mặt y cho thấy y là thứ người ra đời chỉ để vâng lời cấp trên, quát nạt cấp dưới. Khác với nô lệ thường, y là cai nô lệ.

Trúc bước vào, mắt cố ý làm ra vẻ lơ đãng lướt qua quang cảnh nơi ở của chúng tôi. Phùng Mỹ đang đọc sách, anh đứng dậy theo thói quen khi có khách đến nhà. Tôi không thích lịch sự với tên hanh tiến, tôi ngồi yên tại chỗ. Y cố ý giấu vẻ khó chịu, cười bả lá:

- Anh Hiên quên mất phép lịch sự, có khách đến chơi nhà mà cũng không mời ngồi.

Tôi thản nhiên:

- Anh sai rồi. Trước hết, đây không phải nhà tôi. Vì thế tôi không cần lịch sự với các anh. Sau, nếu là nhà tôi thì cũng không phải ai tôi cũng mời vào nhà, đừng nói gì tới mời ngồi, anh trách tôi là vô duyên.

Trúc ngượng, quay sang hỏi chuyện Phùng Mỹ. Rồi không lẽ không nói gì với tôi, y hỏi:

<sup>1</sup> Tiếng lóng: *ken tẩy* (thuốc lá).

<sup>2</sup> Tiếng lóng: *chác* (đổi chác).

<sup>3</sup> Tiếng lóng: *đồi* (điếu thuốc lá).

- Lâu nay anh vẫn nhận được thư nhà đều chừ? Chị với các cháu khỏe không?

Tôi nhếch mép cười:

- Tôi không hiểu câu hỏi. Thư nhà của chúng tôi các anh duyệt rồi mới cho chúng tôi nhận, giờ đình chúng tôi ở ngoài ra sao các anh còn biết hơn chúng tôi. Tôi không hiểu các anh đạo đức giả để làm gì?

Trúc không chịu được sự mất mặt với thuộc hạ. Y quắc mắt:

- Này, anh phải biết: chừng nào còn nằm trong tay chúng tôi các anh hãy giữ mồm giữ miệng, kéo vạ vào thân...

Tôi cũng nóng mặt:

- Bây giờ mà còn dọa dẫm tôi nữa thì thật là buồn cười. Cái vạ lớn nhất tôi đã được biết, anh còn muốn mang cái vạ nào nữa tới để dọa tôi?

- Anh tưởng Đảng phạt anh thế này là nhiều rồi à? Anh sẽ còn được biết cái nhiều hơn nữa, nếu anh muốn...

- Thế thì hãy đưa cái đó ra đây coi.

- Được, hãy chờ đấy!

Y vùng vằng quay ra. Thuộc hạ im thin thít, lục tục theo sau. Khi y tới cửa, tôi gọi với:

- Này, anh kia! Về bảo với cái anh Lê Đức Thọ nhà anh, hoặc Trần Quốc Hoàn cũng được, rằng hãy chịu khó đọc lấp vài cuốn của Marx rồi hãy xưng mác-xít. Bảo họ rằng chính Marx lên án chế độ giam người lâu ngày trong xà lim là hết sức vô nhân đạo đấy!

Y cười gằn:

- Được rồi, Đảng rộng lòng đối xử tử tế với các anh, cho các anh được giam riêng, sướng như ông hoàng không muốn, lại muốn lao động khổ sai. Muốn thế thì được thế... Hừm, đồ...

- Đi đi! Hãy nói với Đảng của anh rằng tôi không cần cái sự rộng lòng nào hết! Và anh, với lối ăn nói vô lễ của anh, đừng vác mặt đến gặp chúng tôi nữa...

Nhưng y đã ra tới sân.

Phùng Mỹ khuyên tôi:

- Cậu phải bình tĩnh. Đừng sa vào âm mưu khiêu khích.

Tôi cười nhạt:

- Mình đâu có định khiêu khích chúng nó. Chẳng qua mình muốn cho chúng nó biết chúng ta không phải là con vật không hiểu tiếng người để cho nó muốn nói gì cũng phải nghe. Không biết hôm nay nó vác mặt tới có mục đích gì?

Phùng Mỹ trầm tư:

- Vì thế mới phải bình tĩnh để nghe nó nói hết xem nó muốn cái gì, chúng nó có âm mưu gì? Cậu nóng như lửa ấy.

Tôi nhận lỗi. Tôi có nóng thật. Người tù vốn thế - thỉnh thoảng nó lại bị một cơn giận bùng lên, không kìm giữ được.

Vài ngày sau, tôi được gọi ra gặp vợ.

Nhin thấy tôi, vợ tôi òa khóc. Tôi xúc động, vừa ôm lấy vợ tôi thì vợ tôi hét lên vì đau đớn. Thị ra tôi chạm phải bên vai đang sưng tấy vì gánh đồ tiếp tế cho tôi. Tôi nghiệp, vợ tôi có quen gánh gồng bao giờ đâu.

- Em gánh nặng quá! - vợ tôi nói - Mà đường thì xa.

Ở trong cái nhà tù tôi được đưa tới bằng xe ô tô, tôi đâu có hình dung được con đường vợ tôi phải đi nó thế nào. Đêm tôi được đưa lên đây, trong ánh đèn pha, tôi chỉ thấy lá cây rừng và con đường gập ghềnh, khúc khuỷu thoáng hiện thoáng mất trong bóng tối. Nghe kể mới biết vợ tôi đi con đường khác, đường trong rừng, trời mưa thì bùn nhão nhoét phải bấm từng bước chân, lại còn phải ngồi mà lết trên những thân cây của cầu khỉ vượt qua những suối sâu nhiều lần để chuyển dần đồ mang theo cho tới khi chuyển hết...

Vợ tôi gầy, xanh lướt. Trên mặt đầy những tàn nhang. Khi nào vợ tôi yếu thì những vết tàn nhang lại hiện lên. Chưa bao giờ tôi thấy vợ tôi yếu đến như thế. Gánh đòi cũng quá nặng rồi, vợ tôi đuối sức mất rồi.

- Tình hình chưa có gì tốt đâu anh ạ. - nhân lúc tên quản giáo coi tù gặp gia đình bước ra ngoài, vợ tôi thì thào - Mẹ gấp bác Nguyễn Lương Bằng mấy lần, có em đi cùng, nhưng bác ấy sợ lầm, chẳng dám giúp gì mình đâu. Cán bộ cũng chỉ tháo với nhau về vụ các anh, chứ không ai dám thắc mắc. Nghe nói còn nhiều người bị bắt lầm.

Tôi muốn nói với vợ tôi đừng chờ đợi tôi nữa, ngày trở về quá xa, mà cũng có thể sẽ chẳng bao giờ có, nhưng tôi không nỡ.

Thôi được, tôi sẽ viết điều đó trong một bức thư gửi sau vậy.

- Anh tiếc số sách. Nhiều cuốn quý lầm. Sưu tầm nhiều năm mới được bằng ấy, đến nhà xuất bản Sự Thật<sup>1</sup> còn phải mượn, chưa nói gì các nhà xuất bản khác. Nếu có ai sử dụng được thì đem cho

---

<sup>1</sup> Nhà xuất bản các sách lý luận của Đảng cộng sản Việt Nam.

người ta khỏi phí. Nhà mình ẩm, mối xông mất. Cả quần áo của anh nữa, đem cho đi, năm năm rồi, vải mục hết.

Vợ tôi lắc đầu quầy quậy:

- Không. Em không cho đâu. Cho như thế cứ như anh chết rồi ấy.
- Anh còn sống chỉ là nỗi khổ cho em...
- Đừng nói bậy.

Chúng tôi nắm chặt tay nhau.

Phùng Mỹ buồn rười. Đã lâu chị Đào vợ anh không lên thăm anh. Gia đình anh nhà giáo, còn nghèo hơn gia đình tôi. Chẳng gì chúng tôi cũng đã từng ra nước ngoài, khi về cũng có một số đồ vặt vanh có thể bán đi sống qua ngày.

Một hôm chúng tôi đang ngồi đọc sách thì nghe ở đầu hồi bên kia có tiếng cãi nhau ầm ĩ.

Phùng Mỹ ôm đầu rên rĩ:

- Khổ, sao anh em chúng ta lại có thể đối xử với nhau như vậy?!

Tôi cũng đau lòng. Nhưng biết làm thế nào? Nếu anh em không hiểu âm mưu của kẻ thù thì xung đột tất yếu xảy ra, không sớm thì muộn. Nằm nghe anh em mình cãi nhau mãi mà không làm gì được thật khó chịu. Nhìn lên trần, tôi nói:

- Mỹ này, mình sẽ sang bên kia...

- Bằng cách nào?

- Cái trần không thấy có vết đinh, không có ốc vặn, chắc người ta chỉ xếp các rầm gỗ lim đặt lên thôi. Họ không sợ tu trốn theo đường lên trần vì trong các phòng kỷ luật từ giường lên trần khoảng cách quá cao, không trèo lên được. Nhưng ở đây họ cho ta bàn ghế, mình bắc ghế lên bàn rồi tìm cách trèo sang bên kia...

- Sợ rầm gỗ quá nặng, hoặc bên trên người ta còn bắt gông ngang?

- Cứ thử xem sao.

- Chúng nó bắt được thì chết...

- Từ giờ đến tối hiếm khi có người vào. Để mình liều một phen.

Rầm trần không đến nỗi quá nặng. Tôi cố đẩy, thở rốc, nhưng cuối cùng cũng đẩy nó lên được.

- Chúng mình sẽ mang cho anh em một số quà. - tôi quay xuống, nói.

- Phải đấy!

Chúng tôi lấy ra khoảng hai kí khoai lang thu hoạch từ luống khoai trồng được, một ít ớt tươi từ những cây ớt xum xuê, một gói kẹo Hải Châu, một bịch trà và hai bao thuốc lá vừa được tiếp tế.

Tôi đưa người chui vào trong cái lỗ tối om trên trần. Để sang được đầu hồi bên kia tôi phải bò qua bốn ngăn xà lim kỷ luật. Mặc dầu tôi cố bò thật nhẹ nhàng nhưng ở bên dưới một người tù kỷ luật vẫn gọi sang buồng bên cạnh:

- Hình như có người bò bên trên, mà ạ!

Tôi nín thở.

- Ma đấy!

- Thật mà.

- Con mèo vàng của Ban<sup>1</sup> đấy. - người ở buồng bên trả lời - Tao thấy nó luẩn quẩn ở đây.

- Béo đáo đế. Được một xoong rựa mận ngon tuyệt.

- Chớ có đụng vào mà chết với Ban.

Sang đến hồi bên kia, tôi nhẹ nhàng nhấc một cái rầm lên, ngó xuống. Hai người bên dưới trộn mắt nhìn tôi.

- Hiên đây! Vũ Thư Hiên đây!

- Trời, sao cậu liều thế?

Anh Lộc nói, vội vã bắc ghế cho tôi tụt xuống.

Trong hai người tôi chỉ biết Lộc, cán bộ Viện Triết học. Lộc là bạn thân của Vũ Huy Cương. Tôi gặp anh vài lần, nhưng không thể nói rằng quen. Huỳnh Ngự cũng vài lần bắt tôi khai về Lộc mà tôi không biết khai gì. Người kia là Đinh Chân, đại úy, biên tập viên báo Quân đội Nhân dân. Đinh Chân thì lạ hoắc.

<sup>1</sup> Cách những người tù gọi tắt Ban giám thị. Đáng ngạc nhiên là những người trong Ban giám thị cũng xưng Ban với một cách tự nhiên.

Cả hai đều xanh xao, nhưng không đến nỗi gày lăm. Tôi quyết định ngồi lại một lát. Tôi bóc bao thuốc mời hai anh hút. Họ hút say sưa. Rõ ràng từ lâu các anh không có thuốc hút. Tôi kể cho hai anh nghe kinh nghiệm của chúng tôi đối phó với âm mưu ghép hai người khác tính cách để hằn thù nhau, kể chuyện chúng tôi học tập, trồng rau, trồng khoai, trồng ớt và đưa tặng hai anh gói quà. Lộc và Đinh Chân có vẻ ngượng ngùng.

Tôi quay về, lần này bò cẩn thận từng bước, còn nhẹ nhàng hơn cả con mèo vàng của Ban.

Một tuần sau, tôi đang ngồi nghiên cuốn từ điển tiếng Nga thì cửa xịch mở. Một đám công an xộc vào. Tôi không hiểu vì sao chúng vào đông đến thế, có tới cả chục đứa, đứa nào đứa nấy sát khí dâng dâng. Một tên có vẻ quan trọng hơn cả tiến lên trước, lù lù nhìn tôi, sảng giọng:

- Anh này! Đị!

Tôi chưa gặp tên này lần nào. Y có bộ mặt nhợt nhạt và cặp môi dày như hai miếng chả.

- Có phải mang theo đồ đạc gì không?

Tôi hỏi lại. Phùng Mỹ mặt mày nhợt nhạt. Chúng tôi đều nghĩ đến chuyện sắp phải xa nhau. Mà chúng tôi đã quen sống có nhau rồi.

- Không! - cặp môi dày nói.

Tôi đi theo y. Đám công an dẫn ra nhường lối rồi rùng rùng theo sau. Chúng tôi không đi xa. Ra khỏi cổng khu biệt giam, chúng quặt ngay vào khu kỷ luật. Tên đi đầu mở cửa, những tên đi sau đẩy tôi vào trong. Chúng đè tôi xuống giường, chụp hai khong cùm sắt vào chân tôi, một tên đẩy suốt cùm vào, rồi khóa lại.

- Anh bị thi hành kỷ luật mười ngày vì tội xúc phạm lãnh tụ. Anh được phép xin ân giảm. Muốn xin thì nói với ông quản giáo cho giấy bút.

Y liếc mắt ra hiệu. Một tên chồm tới lấy còng số 8 khóa chặt hai tay tôi. Rồi tất cả rùng rùng kéo đi.

Còn lại một mình, tôi cố nhởm dậy để quan sát hai cổ chân đau rát như phổi bong. Khi cái tên công an tổng suốt cùm vào, tôi phải nghiên răng lại để chặn một tiếng thét đau đớn. Thì ra cái khong quá chật, suốt cùm sắt lại có những vết chém như răng cưa, làm tôi bị sứt sát một số chỗ ở kheo chân, máu chảy ra tong tong.

Nhưng đó chưa phải là cái tồi tệ nhất. Khoảng nửa giờ sau tôi thấy cảm giác nặng ở hai bàn chân, sờ thấy chân sưng phồng, da lạnh ngắt. Chân bị tụ máu rồi. Loay hoay một lát, tôi nghĩ ra cách dùng ngón tay đút vào khong cùm để tĩnh mạch không bị chẹn, máu có thể trở về tim. Rồi lại phải thay chỗ chèn cho động mạch đưa được máu xuống. Kế này tốt nhưng rất mệt, tôi không dám nằm xuống sợ ngủ quên.

Phải gầy đi thật nhanh thì mới cứu vãn được tình thế, tôi nghĩ. Tuyệt thực lúc này là tốt nhất. Đằng nào thì cũng phải tỏ thái độ. Tuyệt thực là một trong những hình thức đấu tranh, là sự biểu thị ý chí. Nhưng sự biểu thị cần có người biết, mình thì lại ở một khu cách xa trại, kêu chǎng ai nghe thấy thì tuyệt thực là vô bổ. Mà bó tay mặc cho chúng hành hạ mình thế nào thì hành cũng dở. Tôi quyết định dùng hình thức bán tuyệt thực. Cho tới nay bọn công an ở đây vẫn không trực tiếp quản lý chúng tôi, chúng vẫn phải báo cáo tình hình chúng tôi cho Lê Đức Thọ. Cần phải cho thằng này biết tôi không phải dễ bị bẻ gãy.

Tôi gõ tường thông báo cho Phùng Mỹ biết quyết định của tôi. Anh gõ lại:

- Cố gắng lên!

Lộc và Đinh Chân cũng đã biết tôi bị cùm. Các anh cũng nghe được thông báo. Từ phòng hai anh vang lên tiếng gõ:

- Tiên sư chúng nó!

Tôi cảm thấy trong lòng ấm áp khi biết tôi đang ở đây với bạn bè bên cạnh.

Buổi chiều viên quản giáo trông khu kỷ luật, một người đứng tuổi, mặt rỗ hoa, đi cùng một người tù tự giác mang cơm vào. Tôi bảo y:

- Tôi đang bị ốm. Tôi không ăn cơm. Anh cho mang ra. Ngày mai, báo cáo cho tôi.

Y ngạc nhiên nhìn tôi, không nói gì.

Hai chân bị cùm, hai tay bị còng, lại còn phải canh chừng cho chân không bị tụ máu, tôi cứ ngồi suốt buổi chiều và cả đêm, không dám nằm xuống. Hồi ở Hỏa Lò với cái cùm gắn chết vào chân phản tôi cứ nghĩ mãi: không biết khi bị cùm người tù đại tiểu tiện ra sao. Đến khi mình bị cùm mới biết làm mấy chuyện đó không đến nỗi khó lăm, mặc dầu rất bất tiện. Hai tay tuy bị còng vẫn có thể di chuyển cái bô đặt ngay trên phản, sau đó thì lựa tư thế khi ngồi khi nằm mà giải quyết.

Trong xà lim rất hôi hám, tanh tưởi, muỗi như trấu, lại thêm cái nạn rỉn. Những con vật bé li ti không thể nhìn thấy cứ rúc sâu vào trong tóc, vào bên trong quần áo mà đốt, làm cho ngứa ngáy vô cùng, tưởng chừng phát điên lên được. Giết chúng không nổi, không biết chúng ở đâu mà giết, hoặc giết được đấy nhưng không xuể, bởi chúng quá nhiều, quá đông. May, ở đây rệp nhiều thật, nhưng thua rỉn, chúng chỉ có ở số lượng vừa phải. Trong bóng tối, tôi sờ thấy những con rệp cộm lén dưới tay, trên mặt phản gỗ. Lẽ ra phải dùng móng tay cái giết chúng theo cách thông thường, tôi chỉ hất mạnh chúng xuống đất, hất cho thật xa, hi vọng rằng với tốc độ di chuyển chậm chạp của loài ăn bám khổn kiếp này phải cả giờ sau chúng mới có thể bò trở lại chỗ cũ. Tôi rất sợ mùi hôi mà con rệp tiết ra khi nó bị di bẹp. Cuộc chống chọi với lũ súc sinh không kéo dài được lâu - chỉ một ngày sau tôi đã hết sức, thôi thì mặc cho chúng muốn hút bao nhiêu máu thì hút, máu tôi có cả vài lít, tôi không phải kẻ quá keo kiệt, chúng cũng chẳng thù oán gì tôi, chẳng qua chỉ vì để tồn tại mà chúng tìm đến tôi để kiếm ăn mà thôi.

Ngày hôm sau tôi đói cồn cào, đói kinh khủng. Chưa bao giờ tôi trải qua một cảm giác như thế. Cái dạ dày trống rỗng bắt phải nhớ đến nó từng giây bằng những cơn đau quặn. Tưởng chừng con người không thể nghĩ đến cái gì khác ngoài cái ăn. Trong giấc ngủ thiêm thiếp cũng mơ màng thấy một cái gì đó ăn được. Ngày hai bữa, sáng và chiều, viên quản giáo coi tù xà lim theo sau người tù tự giác mang xoong cháo vào tôi. Tôi dồn lòng, chỉ húp vài thìa trước mặt y, rồi bảo anh tự giác mang đi. Tôi biết chắc: y sẽ phải báo cáo lên trên về chuyện tôi ăn thế nào. Và đó là điều tôi muốn.

Ngày hôm sau nữa cơn đói còn dữ dội hơn. Nó làm cho đầu óc mụ mẫm. Nghĩ tới một món ăn nào đó tức thì nước dãi lại úa ra.

Cùng với cái đói có một niềm vui bất đắc dĩ: hai chân đã cựa quậy được trong khung cùm. Thế là tôi đã gầy đi được một chút. Không còn phải lo cho đôi chân nữa, đêm thứ hai kể từ bắt đầu cuộc tuyệt thực tôi ngủ ngon lành. Tuyệt thực còn có một điểm tốt là giảm được đại tiện và tiểu tiện, đỡ phải chịu đựng mùi hôi thối.

Đến chiều ngày thứ ba thì sự lạ xảy ra - cái đói ghê gớm bỗng biến đâu mất, tôi không thấy trong bụng cồn cào như trước mà chỉ thấy một cơn đói dịu dàng không bao giờ tắt. Người nhẹ bỗng. Đầu óc tỉnh táo. Các giác quan tự nhiên trở nên đặc biệt sắc bén. Trong bóng tối của xà lim tôi nhìn thấy rõ những vết khía trên suốt cùm. Böyle giờ tôi mới hiểu vì sao khoeo chân tôi bị chảy máu - chính là do những vết khía lởm chởm như vảy cá trên bề mặt cái suốt gây ra.

Tôi nằm ngửa, không động đậy, trong cảm giác lâng lâng, nhìn lên những phiến lim trên trần nhà. Như trong một ảo mộng giữa đời thực tôi thấy trước mắt mình hiện lên một cuốn phim thú vị: câu chuyện một cô gái trong trắng đối mặt với cuộc đời xô bồ, bẩn thỉu. Tôi đặt cho nó cái tên "Chuyện phiêu lưu của nàng Liberta qua ba nước - nước Mặt Nạ, nước Cùm Vàng và nước Mề Đay".

Cô bé Liberta sống sót qua một vụ đắm tàu được đôi vợ chồng già trên hoang đảo cứu sống, lớn lên giữa thiên nhiên và muông thú. Đến một ngày, cuộc sống hiu quạnh với cha mẹ nuôi làm cho cô buồn, và cô trốn đi, bắt đầu cuộc viễn du tìm hiểu thế giới. Cô tới nước Mặt Nạ, nơi mỗi cư dân khi trưởng thành đều tự tạo cho mình một cái mặt nạ và sống với nó cho tới chết. Họ làm những việc tồi tệ với nhau, thậm chí hãm hại nhau, nhưng bao giờ cũng dưới những cái mặt nạ tử tế. Vua nước Mặt Nạ là một con cáo thành tinh, một con quỷ đội lốt minh quân, với đám quần thần ranh ma độc ác. Cô bị vua nước Mặt Nạ bắt làm hoàng hậu, nhưng lễ cưới chưa thành thì nước Mặt Nạ bị vua nước Cùm Vàng cất quân sang đánh để giành người con gái xinh đẹp.

Khác với dân Mặt Nạ, dân Cùm Vàng này coi vàng là vật quý nhất trên đời. Nhà nào nhà nấy suốt đời chỉ chăm chăm kiếm cho thật nhiều vàng, ai nhiều vàng hơn thì được trọng, ai ít vàng thì bị coi khinh. Để tỏ cho thiên hạ biết uy lực của mình, rằng mình không cần động tay động chân cũng có thể trị vì đất nước, vua nước Cùm Vàng xỏ chân vào một cái cùm nặng chịch bằng vàng, hai tay đặt trong xích vàng, ngồi trên một cái ngai cũng bằng vàng ròng, chung quanh là lũ quần thần đội những chiếc mũ bình thiên bằng vàng.

Quân nước Mặt Nạ đại bại, Liberta bị bắt mang về nước Cùm Vàng. Nhờ con vẹt thot mà nàng cứu sống trên hoang đảo loan báo cho muông thú nước Cùm Vàng, Liberta được đánh tháo.

Nhưng số phận lại run rủi cho nàng rơi vào nước Mề Đay, nơi từ nhà vua cho chí dân đen đều háo danh hết mức, ai nấy xứng xoảng Mề Đay đầy người, nhà nào nhà nấy dán la liệt bằng khen, giấy khen, cái nọ đè lên cái kia. Vua nước Mề Đay sở hữu một cái mề đay to nhất nước, to bằng cái nong, khi thiết triều thì đứng nấp đằng sau nó, chỉ hở có đôi mắt, trong mó hồn độn những mề đay đeo từ mũ xuống tới giày, cái nọ móc vào cái kia như vảy cá. Lần này nhờ bà tiên Natura và con trai giúp đỡ, Liberta lại chạy thoát.

Vua ba nước hoà với nhau hợp quân tiến đánh, ước hẹn hễ ai chiếm được Liberta thì nàng thuộc về người ấy... Nàng tiên tung mặt nạ mĩ miều cho quân đội Mặt Nạ, tung tiền vàng cho lính Cùm Vàng, tung huân chương huy chương cho lính Mề Đay. Chúng bỏ mặc ba vua, tranh cướp nhau báu vật...

Tôi hình dung câu chuyện trong hình thức một phim hoạt hình, không ngờ rằng tám năm sau tôi còn cơ hội đặt bút ký hợp đồng làm phim với Xưởng phim Giải Phóng tại Sài Gòn.

Giám đốc Mai Lộc và đạo diễn Trương Qua háo hức muốn làm phim này. Nhưng cục trưởng Nguyễn Duy Cẩn thảng tay bác nó vì "tư tưởng kịch bản không trong sáng". Ông ta nhìn thấy trong câu chuyện dạng cổ tích ý nghĩa đương đại của nó. Mà tôi cũng chẳng giấu giếm điều đó. Tôi mở đầu kịch bản bằng câu dẫn chuyện: "Ngày xưa ngày xưa, cách đây không lâu lắm, ở một vùng đất nọ, cách đây không xa lắm..." Trong đoạn miêu tả triều đình nước Mặt Nạ, các vệ sĩ "vận áo giáp Trung cổ, đầu đội mũ sắt, trước ngực lủng lẳng khẩu tiễn liên cực nhanh, chân đi ủng trận", lời quần thần tung hô nhà vua là: "Thánh thượng vạn vạn tuế. Người là mặt trời trên hết các mặt trời, vua trên hết các vua, tổng thống trên hết các tổng thống, đồng chí trên hết các đồng chí..." .

Tôi được tin Phạm Viết qua đời chính là trong những ngày này. Chị Đào, vợ anh Phùng Mỹ lên thăm anh mang tin buồn cho chúng tôi.

- Chúng ta hãy để một phút mặc niệm Phạm Viết! - Phùng Mỹ gõ cho tôi.

Tôi đắm vào tường ba cái liền, đồng ý.

Tôi mặc niệm Phạm Viết trong tư thế nằm. Tôi không hề biết rằng chị Lan, vợ Phạm Viết, đã được thả sau hai năm rưỡi bị giam cùng với chúng tôi tại Bất Bạt.

Một hôm, ba ngày sau khi tôi bắt đầu cuộc bán tuyệt thực, tên quản giáo rõ mặt tháo còng tay cho tôi:

- Anh dại lắm! Bướng có được cái gì đâu, mà khổ vợ khổ con... - cho người tù tự giác ra ngoài, y nói với tôi - Tôi vẫn cầm giấy bút cho anh đây, anh nên viết đơn lên trên, hay ngại đơn từ lăng nhăng viết tự kiểm cũng được, để tôi chuyển cho.

Nghe giọng nói của y thì hình như đó là lời khuyên thật lòng. Tôi cảm ơn, nói rằng mỗi người có một cách sống, và tôi thích sống như tôi đã sống, tôi không chọn cách sống khác, cho dù nó hay hơn.

- Anh nên ăn cơm, húp có một ngụm cháo rồi bỏ, hại người lầm. Còn phải nghĩ đến ngày về chừ!

Y nói trước khi khóa cửa lại. Thì ra y chuyển lời của người khác. Tôi tin chắc là như vậy.

Tôi vẫn tiếp tục tuyệt thực.

Mấy ngày sau tình hình còn dễ chịu hơn nữa. Dường như dự trữ trong người bắt đầu được huy động từ từ, có tính toán, bù đắp dần cho sự thiếu hụt. Cảm giác đói vẫn còn đó, nhưng hoàn toàn không nặng nề. Tôi cảm thấy mình tồn tại trong một trạng thái lạ lùng: tôi nằm thiêm thiếp nửa mê nửa tỉnh, có vẻ như hơi mệt mỏi, nhưng cơ thể lại nhẹ nhàng.

Sáng ngày thứ bảy, tôi bị đánh thức bởi tiếng ồn ào của nhiều người. Viên quản giáo mặt rỗ mở cửa rồi đứng né sang một bên, nhường lối cho tên mặt nung núc thịt với cặp môi dày.

- Anh có kêu xin gì không?

- Không!

Tôi đáp và quay mặt đi. Tưởng chúng sẽ bỏ đi, nhưng một tên đi sau tiến lên, mở khóa, tháo cùm cho tôi. Tôi đứng lên, nhưng đôi chân không nghe lời, làm tôi suýt ngã. Y vội đỡ, nhưng tôi gạt ra:

- Tôi tự đi được!

Họ giải tôi về phòng giam. Tôi đi chậm, họ kiên nhẫn theo sau.

Phùng Mỹ ái ngại nhìn tôi lảo đảo vịn cửa bước vào. Chắc tôi xanh và gầy đi nhiều. Ấy là người ta đã bót cho tôi ba ngày cùm, kết quả của việc tôi tuyệt thực. Nghe nói có người bị cùm liền mấy tháng khi ra không đi được, phải bò. Càng phục anh tù tử hình Hỏa Lò, cùm suốt năm này qua năm khác mà không sao cả.

- Thu xếp đồ đoàn!

Anh chàng môi dày ra lệnh.

Tôi mặc y, đi đến chỗ cái xô đựng nước san ra chậu rửa mặt, cạo râu và gội đầu. Nước mát làm cho tôi tỉnh lại. Chỉ cần nghỉ một lát, vận động qua loa cho máu chạy đều trong huyết quản là đâu sẽ vào đó.

Như vậy, tôi sẽ không được ở với Phùng Mỹ nữa, tôi nghĩ. Không biết người ta định đưa tôi đi đâu? Tôi bắt đầu nhớ anh. Nhớ và thương, bởi vì Phùng Mỹ sẽ phải chịu đựng cuộc sống cô đơn một cách cực nhọc. May, chúng tôi đã tạo được thói quen học tập. Anh ở lại một mình cũng khó khăn,

nhưng dễ vượt qua. Chỉ sợ cùng với sự chia lìa chúng tôi bắt đầu một chế độ giam cầm mới, chưa biết là thế nào.

Phùng Mỹ pha trà. Tay anh run run. Chúng tôi lặng lẽ uống trà, nhìn nhau lưu luyến.

- Nhanh lên! - viên quản giáo ra lệnh.

Tôi đặt chén nước xuống.

- Xong rồi!

Y trợn mắt:

- Anh không mang theo đồ đoàn à?

Tôi lặng lẽ bỏ vào cái túi vải đựng đồ tiếp tế mấy cuốn sách, bàn chải, dao cạo râu, nhét thêm vào đó một bộ quần áo rồi bắt tay Phùng Mỹ. Chúng tôi ôm lấy nhau, từ biệt.

- Có thể đi được rồi! - tôi tiến ra cửa.

- Anh không mang đồ tới chỗ ở mới không có cái mà dùng đâu. Mang hết đi!

Tôi bỏ lại tất: chăn, màn và thức ăn gia đình tiếp tế. Phùng Mỹ sẽ dùng. Anh còn ở lại một mình.

- Tôi yếu, không mang được nặng!

- Đิ!

Y dẫn tôi ra khỏi trại. Ban ngày, sân trại vắng ngắt. Xa xa tôi thấy mấy người tù mặc áo chàm xám ngồi trên hè. Đó là những người tù ốm, không phải đi lao động.

Tôi được giao cho hai công an viên trẻ, mặt lầm lì.

- Đิ!

Một trong hai tên hất hàm, lia mũi tiểu liên chỉ ra con đường trước mặt.

Thì đi.

Rời khỏi khu trại chừng một cây số thì hết con đường rộng. Hai tên áp giải chỉ cho tôi đi vào đường rừng.

Đến đây thì đầu óc tôi căng thẳng. Chúng dẫn tôi đi đâu? Con đường trước mặt thấp thoáng, heo hút. Quanh đây tịnh không một bóng người. Người tôi căng ra như sợi dây đàn.

Làm ra vẻ uể oải bước, tai tôi vẫn bắt được từng tiếng sỏi đá lạo xạo dưới đế giầy vải của hai tên cầm tiểu liên đi sau. Không nhìn lại tôi vẫn cảm thấy hai nòng tiểu liên hướng vào lưng tôi.

Nếu chúng có ý định thủ tiêu tôi thì con đường rừng hoang vắng thích hợp lắm, tôi nghĩ. Hai tên áp giải có thể bất thẫn nhả đạn vào tôi, rồi hất xác tôi xuống vực. Kịch bản tuyệt vời: tên tù vùng chạy, người áp giải nổ súng.

Không có lẽ tôi sẽ chết ở đây, bên con đường heo hút này?

Không thể chết như thế được! Tôi không chịu được một cái chết thụ động. Dù sao tôi cũng đã là người lính. Người lính không thể chết mà không chống cự, dù trong tình thế hiểm nghèo nhất, tuyệt vọng nhất. Nếu sự xấu đó xảy ra, và viên đạn đầu tiên không trúng tim, tôi sẽ phải nhảy ngược lại, rất nhanh, giật lẩy súng mà chiến đấu cho tới giây phút cuối cùng của đời mình.

Tôi nhớ tới những miếng võ đoạt súng mà anh Báu, một sĩ quan Nhật, dạy chúng tôi ở Trường lục quân Trần Quốc Tuấn. Sau khi Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng viên sĩ quan này đã không nộp súng cho quân Tưởng, mà mang súng chạy sang hàng ngũ quân cách mạng Việt Nam. Tôi không gặp lại anh sau khi hòa bình lập lại. Không biết giờ anh ở đâu, còn sống hay đã chết? Sau Cách mạng Tháng Tám đã nhiều sĩ quan và binh lính Nhật đã gia nhập quân đội Việt Nam, họ chiến đấu dũng cảm và lập nhiều thành tích trong chiến tranh Đông Dương 1945-1954. Không hiểu sao người ta bỗng dừng lại thủ tiêu họ, như có tin đồn. Theo tin đồn ấy thì vào giai đoạn gần cuối cuộc chiến tranh tất cả sĩ quan và hạ sĩ quan Nhật bị triệu tập về một địa điểm trong rừng sâu, tiếng là dự lớp rèn cán chỉnh quân, rồi những khẩu trung liên được bố trí sẵn trong rừng, trên cao, đã nhả đạn xối xả vào họ một lần họ xuống suối để rửa ráy sau bữa ăn, cho tới khi không còn người nào sống sót. Chuyện này khó tin, tôi không rõ thực hư ra sao. Chỉ biết sau ngày hòa bình lập lại năm 1954, tôi không gặp lại một ai trong những người Nhật tham gia cuộc kháng chiến của Việt Nam mà tôi quen biết. Nếu thật đúng như thế thì mức độ tráo trở, vô ơn của những người lãnh đạo của kháng chiến đã đi tới tận cùng.

Có lẽ chính sự căng thẳng đã làm cho tôi đi nổi đoạn đường rừng mười cây số sau bảy ngày bị cầm trong phòng kín không ăn uống mà không bị kiệt sức. Nhớ lại chuyến đi đó tôi gọi nó là "mười cây số đi bên Thần Chết".

Tôi lo lắng vô ích, và cũng là may cho tôi - người ta chưa dám làm điều đó!

Khi con đường rừng kết thúc trước mặt tôi hiện lên một ngôi nhà hai tầng mà tầng dưới là cái cổng lớn, với hai bức tường dài hai bên. Tôi không nhận ra đó chính là cái trại giam tôi bị đưa tới vào ban đêm.

Đưa tôi vào bên trong cổng, hai tên áp giải bảo tôi đợi ở đó rồi bỏ đi, chắc để báo cáo. Tôi buồn rầu nhìn cái sân trại trống lốp đất sét, với mấy ngọn cỏ lơ thơ. Xa xa là dãy nhà giam quét vôi trắng, rất đông tù đi lại lại. Chủ nhật, họ được nghỉ lao động. Trong mấy nhà giam này có một cái tôi đã ở qua cùng với Phùng Mỹ.

Nắng xiên khoai chiểu vào chỗ tôi ngồi, bên dưới cái ban-công có quả bom chết, tiếng lanh lảnh của nó đã làm khổ tôi và Phùng Mỹ trước đây. Từ trong căn phòng ở tầng dưới, cái cổng trại ấy một trung úy công an bước ra, đi đến chỗ tôi:

- Anh là anh Hiên? – giọng miền Nam, anh ta hỏi.

- Phải. – tôi đáp

- Theo tôi! – anh ta nói.

Vừa đưa tôi vào trong phòng, anh ta khóa cửa lại. Tôi cảnh giác. Tại sao anh ta lại khóa cửa? Để làm gì? Để đánh tôi chăng? Không phải, để làm việc đó ít nhất phải có vài tên. Công an bao giờ cũng cẩn thận.

Khóa cửa rồi, anh ta quay nhìn tôi trân trân. Thế rồi, dường như không kìm nổi xúc động, anh ta lao tới, ôm chầm lấy tôi. Tôi cảm thấy những giọt nước mắt nóng hổi rơi xuống vai tôi, thấm qua lần áo mỏng.

- Tôi biết hết những việc xảy ra. – anh công an nghẹn ngào - Không ngờ chúng nó đối với các anh tàn nhẫn đến thế! Tôi nghiệp quá!

Tôi ngượng nghịu gỡ tay anh ta:

- Chuyện thường mà! Có gì là tội nghiệp đâu.

Trước những người công an tôi có trái tim hoá đá. Tôi không tin thậm chí những giọng nước mắt của họ. Trước mặt tôi là một diễn viên thương thặng chăng? Mà anh ta đóng kịch gì thế?

- Anh ngồi xuống đây đi!

Anh ta dẫn tôi đến bên bàn, pha trà, rót trà. Chúng tôi ngồi đối diện, uống trong im lặng. Nhìn tôi đăm đăm, anh trung uý thở dài:

- Tôi hiểu, anh hổng tin tôi. Mà cũng phải thôi. Tin sao được khi tôi đang vận bộ quần áo này!

Ngừng lại một lát, anh ta cúi xuống, nói tiếp, giọng trầm hản xuống, bùi ngùi:

- Ông già tôi được bác Ung Văn Khiêm giác ngộ cách mạng, là đàn em của bác Khiêm, anh à. Ông già hy sinh lâu rồi. Tôi lớn lên, vô bộ đội, rồi người ta đưa tôi qua ngành này...

- Bác Khiêm có được khỏe không? - tôi ngược mắt nhìn người ngồi trước mặt.

- Nghe nói bác Khiêm vẫn mạnh giỏi.

Anh ta có giọng nói ấm, từ trong ngực. Trực giác mách tôi rằng con người này có thể tin được.

- Tại sao lại nghe nói? Anh không gặp bác Khiêm?

- Không gặp được. - anh ta buồn bã lắc đầu - Bác bị khai trừ Đảng, không còn chức vụ gì hết, lại bị theo dõi chặt... Tôi là công an, tôi không được phép gặp bác.

Đến bấy giờ tôi mới biết ông Ung Văn Khiêm bị khai trừ Đảng.

- Anh em chúng tôi ở cả đây?

- Chỉ một số thôi.

Tôi thấy không nên hỏi thêm nữa. Hãy tạm tin rằng anh ta không nói dối. Nhưng cho dù những điều anh ta nói là thật thì mình cũng không nên vội tin. Mà cũng không thể đòi hỏi ở anh ta những điều anh ta không thể nói. Về phía anh ta, anh ta cũng phải giữ gìn.

- Tôi tên là Dứa, làm cán bộ trực trại<sup>1</sup>. - anh ta nói và thở dài - Anh tin tôi hay không tin tôi, điều đó không quan trọng. Tôi vẫn có trách nhiệm bảo vệ anh. Vì, anh biết đấy, những người cách mạng trước đây đối với nhau như thế nào... Tôi là con của ba tôi, là cháu của bác Khiêm, tôi tự hiểu trong trường hợp này tôi phải làm gì cho anh, cho các anh.

- Tôi nghĩ rằng tôi có thể tin anh.

- Tóm lại, tôi vẫn là người trong gia đình lớn của cách mạng. Khi có việc gì cần đến tôi, hoặc nghi ngờ có sự nguy hiểm xảy ra với anh, anh cứ chạy thẳng ra đây đòi gấp trực trại, đừng ngại. Tôi có trách nhiệm bảo vệ anh, tôi nhắc lại, đó là trách nhiệm của lương tâm. Trong cương vị tôi, tôi có thể làm được việc đó.

Tôi cảm động. Tôi đặt tay mình lên tay anh mà bóp nhẹ để bày tỏ sự cảm thông và lòng biết ơn. Nước mắt tôi ứa ra, không sao giữ được. Tôi mừng biết bao nhiêu - ở chốn tận cùng của cuộc đời tôi vẫn gặp được người anh em của mình. Cách mạng vẫn đẹp lắm. Những người cách mạng vẫn còn đấy.

Dứa đứng lên. Thời gian gấp tôi đã hết.

- Anh sẽ phải ở trong một toán tù chính trị. Hàng ngày phải đi lao động. Nặng nhọc đấy! - Dứa trầm ngâm, cái nhìn mệt mỏi - Đây là sự hành hạ, người ta chủ trương như thế, cho anh biết thân. Ráng chịu đựng nghen. Khi nào mệt quá, anh báo ốm mà nghỉ lấy một buổi cho lại sức. Tôi sẽ nói trước với y sĩ trại chuyện này...

Tôi lắc đầu:

- Như thế sẽ lộ ra anh có sự đối đãi đặc biệt đối với tôi. Không nên. Tôi đã ở bộ đội, tôi quen lao động. Tôi sẽ chịu đựng được.

Dứa đặt tay lên vai tôi:

<sup>1</sup> Cán bộ trực trại trong một trại giam làm công việc quản lý số tù xuất nhập trại khi đi lao động hoặc được giữ trong trại ban đêm, cùng công tác an ninh trong khu vực trại giam.

- Tôi biết phải làm thế nào. Anh nhớ lấy nghen: mọi sự tới nay chưa phải là đã kết thúc đâu. Vô trại anh sẽ thấy một tên tù săn đón anh - tên hắn là Trần Chấn Hoa. Tên này được Ban Giám thị chiêu mộ để theo dõi anh, báo cáo mọi hành động của anh trong trại. Người được Bộ giao trách nhiệm quản lý các anh tên là Thùy, trung úy Nguyễn Huy Thùy, một tên ra đời để làm đầy tớ cho bọn có quyền, anh phải rất cẩn thận với tên này...

Chúng tôi ôm lấy nhau.

Ngày hôm sau Dứa gấp tôi với bộ mặt vô cảm.

Tù chính trị ở trại Tân Lập khá đông. Tại nơi tôi được đưa tới, sau mới biết tên là Trại A Tân Lập, có tới trên hai trăm người “số lẻ”. Sáng hôm sau, khi theo mọi người ra sân trại để nhập vào cái khố xám xịt lúp xúp nón mê đang ngồi xổm úp mặt vào lưng nhau chờ bị gọi đi lao động. Nhìn diện mạo những bạn tù này tôi sững sốt: “Thế này mà là những người làm chính trị ư?!!”.

Những nhà chính trị bị bỏ tù, những chính trị phạm, theo cách gọi ngày trước, hoặc bọn phản động, theo cách gọi hiện tại, mà sững sờ, không hiểu nổi. Phần lớn là những nông dân đen đúa, cam chịu, chất phác, thậm chí hiền lành. Số ít còn lại có dáng dấp người thành phố, có thể nghĩ là những thầy ký, thầy giáo. Thẳng hoặc mới gấp vài ba bộ mặt có đôi chút lát linsk của những người mà xã hội mới khinh bỉ gọi là “con phe”, sống bằng nghề chạy chợ. Họ được phân thành từng “toán”, ngày làm các công việc khác nhau, tối ngủ trong mấy nhà giam riêng biệt, cách không xa những nhà giam tù hình sự. Đó là những ngôi nhà với bề ngoài bình thường, nhưng quá dài so với nhà bình thường, tường quét vôi trắng, nền cao, với những cửa sổ lớn, nửa giống nhà cho công nhân nông trại, nửa giống chuồng trại gia súc. Nhà trại khác nhà thường ở chỗ cửa ra vào của nó rất lớn, nhưng chỉ có một cánh rất dày, chắc nịch, bằng gỗ lim, rất nặng nề, lốm đốm những bù loong, với then, chốt sơn đen xì. Những ngôi nhà như thế làm thành hai dãy thẳng hàng trong một khu đất rộng, bao quanh là một bức tường cao trên chặng dây thép gai, ở mỗi cạnh của cái tứ giác không đều ấy là một vọng gác cao lênh khênh. Lính đứng trên vọng gác lăm lăm tiểu liên AK, mũi súng chúc xuống sân trại.

Tù số lẻ được phân chia thành từng toán, mỗi toán hơn bù kém độ ba chục người do một quản giáo trông coi. Dưới quyền quản giáo là một cai tù, gọi là toán trưởng, người này không phải do tù bầu ra mà được Ban Giám thị lựa chọn trong số tù nhân “cải tạo tốt”.

- Phải cẩn thận với thằng toán trưởng<sup>1</sup> đấy. - một người đi ngang tôi, nói khẽ - Giave<sup>2</sup> có hạng đấy!

Tôi ngẩn ngơ nhìn người nói với tôi, nhưng anh ta đã đi khuất, nhanh như cắt, lẩn vào trong đám áo xám.

<sup>1</sup> Cai tù, do Ban giám thị cắt cử. Hoặc đội trưởng, nếu người ta không chia tù thành “toán”, mà “đội”.

<sup>2</sup> Nhân vật phản diện trong tiểu thuyết Những Người Khốn Khổ (xuất bản năm 1862) của đại văn hào Pháp Victor Hugo, một tên mật thám săn đuổi người tù khổ sai Jean Valjean (1802-1885). Chỉ những tên làm tay sai cho Ban giám thị để dò xét tù nhân, còn gọi là ăng-ten.

Lát sau, một anh chàng không còn trẻ, nhưng cũng chưa già, ăn vận có thể nói là bảnh bao, tuy vẫn quần áo tù nhưng mới và sạch, lại không có hai chữ CT<sup>1</sup> to bằng bàn tay trên lưng áo như những người tù khác, đến trước mặt tôi:

- Tôi là toán trưởng. Anh tên chi?

Tôi nói tên họ. Anh ta giở sổ, hí hoáy ghi.

- Số tù bao nhiêu?

Chưa bao giờ người ta nói với tôi rằng tôi là một con số.

- Tôi không biết!

- Sao lại không biết? - anh ta gắt - Mỗi người phải có số của mình chứ. Nó là cái tên của anh trong tù, sao lại không biết? Anh dở người chắc?

Tôi lạnh lùng nhìn vào mắt y:

- Nay, anh hãy ăn nói cho cẩn thận. Tôi nói không biết là không biết. Anh đi mà hỏi Ban Giám thị!

Trên mặt toán trưởng thoáng một nét ngạc nhiên pha lẫn bối rối. Chắc chưa có người tù nào nói với anh ta bằng giọng như vậy.

Những người tù mò mòn tới, vây quanh chúng tôi. Nhìn họ, tôi biết họ không muốn tôi bị toán trưởng bắt nạt. Họ nhao nhao:

- Anh ta vừa ở biệt giam ra. Có khi chưa có số thật đấy.

- Thì phải từ từ giải thích cho anh ấy biết.

- Số lẻ với nhau cả. Đừng làm cái trò ma cũ bắt nạt ma mới.

Toán trưởng phân trần:

- Thì tôi chỉ hỏi số anh ta để ghi vào sổ thôi. Anh ta lại bảo không biết. Biệt giam thì cũng phải có số chứ.

- Có phải thứ biệt giam nào cũng giống thứ biệt giam nào đâu.

<sup>1</sup> Cải tạo. Trên lưng áo của người tù người ta in hai chữ CT (Cải Tạo) bằng hắc ín. Áo của toán trưởng cũng bị in chữ nhưng anh ta tẩy đi, để phân biệt mình với tù thường. Cán bộ biết nhưng không khiển trách, coi đó là đặc ân dành cho anh ta.

- Chưa có sổ thì cứ tạm ghi tên vào sổ cái đã, hỏi sau. Đi đâu mà vội.

- Mới, ai người ta biết phải làm gì.

Toán trưởng xua xua tay:

- Im nào. Để tôi làm việc!

Y muốn lén mặt, rõ ràng thế.

- Tôi khuyên anh hãy để việc đó cho Ban Giám thị. - tôi điềm đạm nói - Họ có trách nhiệm, chứ không phải anh.

Toán trưởng bối rối:

- Nhưng tôi là toán trưởng, tôi phải nắm quân số.

- Anh cứ nói toán anh có một người tù không biết số bao nhiêu. Thế là xong!

Mọi người cười ồ.

- Thôi được, lát nữa anh lên Ban Giám thị hỏi số của anh bao nhiêu, nhé! - toán trưởng hả giọng - Phàm là tù thì phải có số chứ.

Tôi đáp:

- Tôi đã nói rồi - đó là việc của công an. Số tù đối với tôi chẳng để làm gì, tôi không cần đến nó, tôi không xin.

Mọi người lại cười ồ. Toán trưởng phẩy tay, bức dọc bỏ đi.

Trần Chấn Hoa lắng lặng theo dõi cuộc đấu khẩu đầu tiên của tôi với toán trưởng. Tôi vừa xách túi quần áo bước vào ngôi nhà ồn ào y đã chạy tới, vồ vật săn đón.

- Anh Hiên, phải không?

- Ai vậy?

- Em nhận ra anh ngay. - Trần Chấn Hoa liến thoắng - Khi còn ở ngoài em đã được tin anh bị bắt. Anh có nhớ gặp em ở đâu không?

Tôi mỉm cười, giả vờ chăm chú nhìn y:

- Chịu, trông thì quen, mà không nhớ ra được.

Y cười hì hì:

- Anh hay quên quá! Ở nhà anh X. phố Y., anh còn nhớ không?

Tôi nhớ Dứa đã cho tôi biết tên chỉ điểm tôi sẽ gặp tên là Trần Chấn Hoa.

- Ờ, bây giờ nhớ ra rồi. – tôi giả vờ như vừa nhớ ra y là ai - Nhưng nhớ mặt thôi, nhớ mang máng, tên thì quên mất. Chú tên gì nhỉ?

- Em là Hoa .

Thì ra Trần Chấn Hoa chính là anh chàng này.

Thời gian cuối ở Bất Bạt tôi đã đóng khá đạt vai kịch người tù kém trí nhớ. Trả lời những câu hỏi của chấp pháp, tôi làm ra vẻ thành thật, nhưng trong bản khai thì lẩn lộn lung tung sự kiện này với sự kiện kia, thời điểm này với thời điểm khác. Lợi dụng cái trí nhớ tồi tàn của tôi, chắc hẳn người ta đã mớm cho Trần Chấn Hoa bịa ra cuộc gặp gỡ ở nhà anh X. ở phố Y. Anh X. ở phố Y. là có thật, tuy nhiên trong hoàn cảnh này tôi không thể nào kiểm tra được, dù có muốn.

- Cậu bị bắt hồi nào?

- Sau anh chừng một năm.

- Vì sao mà bị?

Sau một phút ngần ngừ, y ghé vào tai tôi:

- Em là người Hoa.

- Cậu mà là người Hoa?

Trần Chấn Hoa cười hì hì:

- Nói chẳng ai tin, anh ạ, chả là em thạo tiếng Việt quá. Nhưng em sinh ra và lớn lên ở Việt Nam, có khác gì người Việt đâu. Hồi sáu ba sáu tư Hội Tứ Liên phát triển sang bên này. Em gia nhập. Anh biết Hội Tứ Liên chứ? Nó là một tổ chức chống Mao bên Trung Quốc. Việc bại lộ, em với mấy người nữa bị bắt.

- Thế người ta không trả cậu sang Trung Quốc à?

- May, họ không trả về bên ấy. Về bên ấy thì chỉ có chết.

Câu chuyện có vẻ giống thực. Tôi chẳng biết Hội Tứ Liên Ngũ Liên nào. Người Tàu vốn thích các con số, cái gì cũng tương chung vào - Bát lô quân, Tân tứ quân, Tam phản, Ngũ phản... Cái tổ chức Tứ Liên mà Trần Chấn Hoa khoe tôi chưa nghe nói, nó có thật hay không tôi cũng chẳng biết, nhưng tôi gật đại. Nghe nói ở bên kia biên giới vào thời gian Đại nhảy vọt cũng có một số tổ chức chống Mao thật. Không có người chống Mao mới là sự lạ.

Trước khi bị bắt tôi gặp Nguyên Hồng ở nhà Bùi Ngọc Tấn. Bùi Ngọc Tấn hồi ấy đang làm trong một xí nghiệp hải sản ở Hải Phòng. Anh đãi chúng tôi một bữa tối rất sang, toàn đồ biển. Đang thời thực phẩm hiếm hoi, mọi sự phụ thuộc vào tem phiếu, một bữa như thế phải coi bằng đại tiệc. Chị Bích, vợ anh Tấn, lại là tay nấu nướng có hạng.

Tôi thích những cuộc gặp gỡ với Nguyên Hồng. Tác giả Bỉ Võ là người uyên bác trong lĩnh vực đời sống dân dã. Lần nào gặp nhau tôi cũng kiếm được ở anh một chút kiến thức thú vị. Nguyên Hồng là người phàm tục. Anh thích nhắm ngon, thích rượu ngon, nhưng thích nhất là khi có những thứ đó mà quanh anh là bè bạn. Nhưng trong bữa ăn khoái khẩu hôm ấy anh chỉ lảng lặng uống. Sau mỗi miếng nhắm anh chống đũa, tư lự. Có vẻ anh buồn.

- Bên Tàu loạn to. Nhiều người chạy sang ta, chạy loạn hay là chạy chính phủ không biết, trông tội lầm. - anh nói, giọng rầu rầu - Mình ở Hải Phòng lâu, các cậu biết đấy, cả thời trẻ mình sống lẫn với người Hoa, mình có cảm tình đặc biệt với người Hoa. Họ chăm làm, tử tế... Trông những người chạy loạn gầy còm, đen đúa, nhéch nhác, mình thương quá. Họ tưởng mình cũng là công an, quỳ xuống mà lạy, nước mắt lả chã. Họ xin đừng đem họ trả Trung Quốc, đem trả họ sẽ bị giết hết, họ nói thế. Mình can mấy cậu công an, bảo từ từ để xem thế nào đã, nhưng mấy cậu không nghe, một hai đem trả, nói luật biên giới là thế, không trả không được. Những người Hoa kia lăn lộn, kêu khóc ầm ĩ, phải lôi xênh xệch sang bên kia... Thảm lắm!

- Rồi sao? - chúng tôi hỏi.

- Đồn biên phòng ta cách đồn bên kia có một quãng. Lát sau, mình vẫn ngồi đấy, nghe phía bên kia có tiếng súng nổ. Hôm sau, những người khác chạy sang nói mấy người bị trả về bị bắn chết hết, bắn tại trận...

Một giọt nước mắt đục lăn trên má anh.

Trần Chấn Hoa thấy tôi không có chǎn màn, rủ tôi nằm chung. Tôi vui vẻ nhận lời. Chǎn màn tôi để hết ở trại B rồi. Hoa nhanh nhảu thu xếp việc đổi chỗ cho tôi.

Những người tù số lẻ, kẻ thù của cách mạng, xem ra cũng dễ mến. Bên trong bộ đồng phục tù họ giống hệt nhau khi thoát nhìn. Nhưng chỉ vài ngày sau, tôi bắt đầu đoán được ai người thành phố, ai người nông thôn. Người thành phố phần nhiều là viên chức, sĩ quan chính quyền Bảo Đại hoặc từng phục vụ quân đội Pháp trong thời kỳ kháng chiến chín năm. Số này đông nhất, tuy không thể phân biệt ai từng ở trong quân ngũ ai không, cho nên được gọi chung là "ngụy". Kế đến những tu sĩ Thiên Chúa giáo, rồi đến những chánh trương, trùm trưởng các họ đạo, những chức sắc đạo Phật, phần lớn là các đại đức và cư sĩ, tôi không gặp nhà sư nào. Họ rơi vào tù không phải do có hành vi chống lại chính quyền mà do những hoạt động tôn giáo đơn thuần nhưng lại không nằm trong khuôn khổ những tổ chức tôn giáo yêu nước do Đảng nặn ra. Ngoài ra, rất linh tinh, không thuộc về những khối rõ rệt là những người bị bắt vì có chân trong các đảng phái phản động có thật và không có thật, cùng là các thứ phần tử được gọi chung chung là "có hại cho an ninh xã hội". Chẳng hạn như Toán Xombok và Lộc Vàng, một cây ghi-ta và một giọng nam trung nổi tiếng trong lớp thị dân thời ấy ở Hà Nội. Họ bị bắt vì tội hát

những lăng mạn thời tiền chiến và những bài "nhạc vàng" lọt ra từ miền Nam. Mà lại không phải "boọc<sup>1</sup>", có án hản hoi mới lạ.

Những người nói trên mắc vào tội chính trị còn có một cái lý nào đó, còn lén gân lập trường mà giải thích được. Nhưng lần vào họ có một số ít tù số lẻ nhà quê chất phác và thực thà đến nỗi không thể tưởng tượng nổi họ có thể mắc một tội gì, đừng nói tội chính trị. Chỉ cần nhìn những gương mặt rất mực hiền lành của họ cũng biết ngay đó là những người dân quê chân lấm tay bùn, mà niềm vui nỗi buồn của họ xưa nay chỉ gắn liền với những vụ mùa được mất và sự voi đầy của nồi cơm. Hỏi ra mới biết mỗi người trong số họ đều có một thiên ngục sử kỳ lạ, vừa bi lại vừa hài, cái nào cũng xứng đáng với một cuốn tiểu thuyết.

Hầu hết tù số lẻ đều là tù không có án, đều là tù tập trung cải tạo. Những người bị tập trung cải tạo, những trại viên, có số tù, y như tù thật, tôi muốn nói tù có án, tù chính cống. Mọi tiêu chuẩn ăn, mặc, ở của cả hai loại y như nhau, trừ một chút khác biệt: tù tập trung cải tạo được lĩnh một khoản tiền hàng tháng tương đương với giá hai phong thuốc lào. Cái sự phân biệt trại giam và trại cải tạo như thế đó là hai thứ trại khác nhau chỉ lừa được những người không biết thực tế Việt Nam, hoặc chỉ biết nó qua sách báo chính thống của nhà nước.

Nổi bật lên trong những người nhà quê này một anh chàng mặt dài thượt và rõ chằng rõ chặt, tên là Dịp Pún Mǎn, người Hoa.

Không hiểu sao người Hoa rơi vào tù nhiều thế? Mà lại toàn là tù chính trị cả.

Ai cũng biết rằng người Hoa ở Việt Nam rất đông, làm thành một sắc dân đặc biệt. Có những dòng họ ở Việt Nam lâu đời đến nỗi chỉ có thể nhận ra họ là người Trung Quốc bằng những họ tên không Việt, còn thì về sinh hoạt, ngôn ngữ, thậm chí hình hài, họ chẳng khác gì người bản địa.

Tại Hà Nội trước kia có cả một cộng đồng đông đảo người Hoa, gọi là bang, đứng đầu là một bang trưởng. Nay thay vào tổ chức đó có Hội Hoa Liên (Liên hiệp Hoa kiều). Hội có tờ báo riêng là tờ Tân Việt Hoa. Theo một thỏa thuận ngầm giữa hai Đảng từ lâu, Hội Hoa Liên và báo Tân Việt Hoa chịu sự lãnh đạo phối hợp của hai cơ quan - đại sứ quán Trung Quốc và đảng bộ Hà Nội của Đảng Lao động Việt Nam, nhưng chủ yếu vẫn là đại sứ quán. Nhưng từ khi có cuộc đấu tranh giữa hai đường lối, vai trò Trung Quốc quan trọng hẳn lên trong thế giới thứ ba, thì chính sách Hoa kiều vận của Bắc Kinh thay đổi. Được Bắc Kinh khích lệ, những ông con giờ thế hệ mới liền vênh mặt với chính quyền sở tại. Hội Hoa Liên và tờ Tân Việt Hoa tách hẳn khỏi sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, giao thiệp với chính quyền Việt Nam cũng theo kiểu bè trên. Hoa kiều vụ của Trung Quốc chỉ chăm chút đám Hồng vệ binh ở xa Tổ quốc, chứ không phải tất cả đồng bào của Mao Trạch Đông. Cho nên những người Hoa không dính dáng với các thứ phong trào đấu tranh cách mạng vĩ đại ở quê hương chằng hề được Bắc Kinh bảo vệ. Họ rơi vào nhà tù Việt Nam cả đống, không thể hiểu vì những tội phản cách mạng loại gì.

---

<sup>1</sup> Bị tập trung cải tạo.

Anh chàng người Hoa mà tôi vừa nói là tù “tự giác”, được đi lại tự do trong khu vực trại đóng. Anh thường qua lại các nhà giam để mua bán đổi chác. Hàng của anh là cá, lươn, trạch, còn sống hoặc kho mặn, giá cả phải chăng. Những người tù đói khát chất tươi lấy áo, lấy quần, hoặc phong thuốc lào, bánh xà phòng, tuýp kem răng vv... ra đổi. Đồ đổi được Dịp Pún Mǎn mang ra ngoài trại bán cho dân, giá của anh bao giờ cũng rẻ hơn giá mậu dịch<sup>1</sup>. Hiếm khi thấy anh ta dùng thứ gì mới - quần áo thì rách bươm, chân không mang dép, đồ xa xỉ như xà phòng hay bàn chải răng chẳng bao giờ anh ta dùng đến. Không hiểu anh ta để dành tiền kiếm được làm gì?

Bên trong vẻ ngoài xấu xí Dịp Pún Mǎn là người rất tốt bụng, hay giúp đỡ bạn bè cũng như bất cứ ai cần tới anh. Anh sẵn sàng bỏ cả ngày lang thang trong rừng để kiếm lá thuốc cho một người ốm, người Hoa cũng như người Việt. Người như anh khó mà mắc tội, bất kể tội gì. Ông bạn mới quen, một công chức ngụy quyền tóc bạc trắng, phong thái ung dung tự tại, không hiểu sao lại thân với Dịp Pún Mǎn, giới thiệu về Dịp Pún Mǎn:

- Anh ta là gián điệp quốc tế đấy!

Trời hỡi, thế kia mà là gián điệp quốc tế ư? Ông bạn nói đùa, tôi nghĩ.

Hóa ra không phải. Tội danh Dịp Pún Mǎn đúng là như thế. Nó được đọc to, rất rõ ràng, trước toàn trại trong một lần tổng điểm danh<sup>2</sup> ít lâu sau.

- Anh là gián điệp quốc tế thật hở?

Tôi hỏi Dịp Pún Mǎn nhân một hôm anh rẽ vào chỗ chúng tôi để bán cá. Gương mặt rõ ngang lèn nhìn tôi, ngơ ngác một thoáng.

- Thật. - anh nói bằng giọng không thể thật thà hơn.

Trong nhà tù có một quy ước không thành văn: những người tù không hỏi tội danh của nhau. Tôi là lính mới, không biết quy ước đó. Nhưng Dịp Pún Mǎn không giận. Anh cười, phô những chiếc răng dài và xỉn.

- Mà làm gián điệp thế nào?

- Là dẫn tệp côc tể.

Tôi lấy làm lạ: là gián điệp quốc tế, ắt phải là những điệp viên xuất chúng, thần xuất quỷ nhập, vậy mà Dịp Pún Mǎn không bị Ban giám thị coi là phần tử nguy hiểm, không bị biệt giam, không bị lính canh áp giải, không bị theo dõi từng bước, đã thế lại còn được tín nhiệm cho đi tự giác?

<sup>1</sup> Thương nghiệp quốc doanh.

<sup>2</sup> Thường mỗi năm một lần trại tổng điểm danh tù để kiểm tra lại hồ sơ.

Công việc chính của Dịp Pún Mǎn là chăn đàn trâu trại. Những con trâu ngu ngốc quấn lấy anh không rời. Chúng hiểu: anh yêu chúng. Mà Dịp Pún Mǎn yêu những con vật to kềnh càng và đen trùi trui đó thực sự, bằng tất cả tình yêu của con người không còn ai để mà yêu. Trong đàn trâu có một con nổi tiếng hung dữ. Với cặp sừng dài, nhọn hoắt nó húc lòi ruột một phạm nhân chăn trâu khi anh này dùng roi song trùng phạt oan nó vì một tội gì đó. Thế mà từ khi vào tay Dịp Pún Mǎn chăn dắt nó liền trở thành con trâu rất hiền. Chỉ cần Dịp Pún Mǎn huýt một tiếng sáo hoặc gọi tên nó là nó đã tơ tút chạy lại để được cọ mình vào anh. Xiêu vẹo bởi tình yêu của con vật, Dịp Pún Mǎn toác miệng ra cười, cả gương mặt bừng sáng niềm vui. Anh vừa mắng yêu con trâu vừa vuốt ve nó. Con trâu cũng khoái trá lúc lắc cặp sừng kềnh càng mà rên lên khe khẽ. Anh tắm cho những con trâu mà như bà mẹ tắm cho lũ con nhỏ, kỳ cọ cho chúng từng li từng tí, cậy từng chút nhử mắt, cọ cả răng trên răng dưới cho chúng. Những đứa con to đùng nằm yên, mắt lim dim tận hưởng cái khoái được mẹ chăm sóc. Anh đi trước, cả đàn trâu lững thững theo sau, con nào con nấy béo núc ních, hồng phẳng lì. Trâu có tật mỗi khi gặp bãi nước đáy đồng loại thì dừng lại, cúi xuống hít hít rồi vươn dài cái cổ, nhe răng ra cười một cách ngây ngô. Dịp Pún Mǎn thấy trâu cười thì cũng cười im lặng, không có tiếng, y như trâu vậy.

Trông toàn tự giác là một viên quản giáo trẻ tên là Nguyễn Văn Nhẩm. Đó là một con người nhân hậu lạ thường, hiện tượng dị biệt trong giới cai ngục. Thấp, đậm người, không đẹp gai, nhưng hồn nhiên và dễ tính, Nhẩm thương tù bằng một tình thương bẩm sinh, không phải tình thương chiếu cố. Biết đánh giá tình thương từ trong tim ấy không ai bằng những người tù. Trong toàn trại<sup>1</sup> toán ông Nhẩm nổi tiếng là toán dễ chịu nhất. Người tù nào cũng ước ao: giá mình được chuyển sang toán ông Nhẩm.

Dịp Pún Mǎn chỉ là một trong những tên gián điệp kỳ cục mà tôi gặp trong tù. Chắc chắn còn nhiều tên gián điệp tương tự.

Một chủ nhật, trại được nghỉ, chúng tôi đang chuyện văn, thì có người gọi tôi. Từ tầng trên của cái giường dài chạy suốt chiều dọc của nhà giam, tôi thấy một người đàn ông dài ngoẵng, gày quắt và đen nhém đứng dưới ngó lên.

- Nị có thư.

Nghe giọng anh ta thì biết là người Hoa.

- Ai gửi cho tôi vậy?

- Ông Trần mà. Nị biết chớ? Ông ở nhà B.

Tôi đọc qua rồi đưa bức thư cho ông bạn già vừa đến chơi với tôi. Ông tên là Trúc, làm chức gì đó nghe rất kêu, tương đương thông phán, từ thời vua Bảo Đại còn được người Pháp tin dùng. Cũng là một người bị vào tù vì tính cẩn thận của chính quyền, chứ ông không có chân trong bất cứ đảng phái

<sup>1</sup> Khi nói toàn trại, tôi gộp cả các phân trại khác vào đấy.

phản động nào, cũng không làm gì chống nhà nước hết. Ông đã qua vô số trại, biết vô số tù số lẻ, là người có kinh nghiệm sống trong môi trường tù.

Ông nhón tờ thư, đọc lướt qua rồi nói:

- Lão Trần, đại tá đặc vụ. Tôi biết lão từ trại tạm giam Hải Phòng. Hơi toqué<sup>1</sup> một tí, nhưng là người đáng hoàng. Anh cứ sang chơi.

- Được, anh về trước đi. Tôi sẽ sang. - tôi nói với anh chàng đưa thư.

Anh ta vui vẻ chạy đi.

Trong bức thư, viên đại tá đặc vụ của Trung Hoa Dân Quốc gọi tôi bằng “tiên sinh”, khẩn khoản mời tôi đến chơi, tức là sang nhà giam bên cạnh, cách mấy bước chân, mà ông gọi là “tệ xá”.

Trần Chấn Hoa cũng đang ngồi tán dóc với chúng tôi, nói:

- Để em đưa anh đi. Em cũng quen bác Trần.

- Không tiện. Người ta mời một mà mình đi hai là không lịch sự.

Y tiu nghỉu.

Tôi thay quần áo. Không thể không thay quần áo để yết kiến một người già đổi xử trình trọng với mình như thế. Chúng tôi chẳng có nhiều quần áo để thay đổi. Không kể bộ pi-gia-ma vợ tôi mang lên khi tôi còn ở trại quân pháp đã rách nát tôi có hai bộ đồng phục tù mới tinh do Trần Chấn Hoa đem thuốc lá đi *chắc* cho tôi.

Thì ra lão Trần chính là cái ông già lụ khụ, tuổi có dẽ suýt soát tầm mươi, với gương mặt nhăn nhúm ló ra từ cái mũ len tứ thời. Nặng nề và chậm chạp trong bộ quần áo không giống ai, bó chẽn cả vật áo lẫn gấu quần, với đôi tất to sù của vận động viên bóng đá, ông được miễn lao động, sáng sáng cầm cái chổi xé cán dài quét xoèn xoẹt trước cửa nhà B. Tôi biết mặt ông, chỉ không biết ông là đại tá đặc vụ.

Lão Trần ở giường trên lập cập trèo xuống, chắp hai tay vái tôi:

- Thỉnh tiên sinh.

Tôi nói:

- Chào bác. Xin miễn lễ.

<sup>1</sup> Gàn, khùng, dở người (tiếng Pháp).

Chúng tôi theo nhau trèo lên.

- Tiên sinh an vị.

- Đa tạ.

Tôi ngồi vào chỗ lão chỉ, xếp chân bằng tròn.

Anh chàng đưa thư - đệ tử của lão Trần - nhanh nhảu dọn bàn trà. Trong tù mỗi nhân vật khác thường một chút bao giờ cũng có vài đệ tử. Người thì do cao tuổi, tư cách đáng trọng, người thì do giàu có, được người nhà tiếp tế thường xuyên nên được bạn tù nghèo hầu hạ để ăn theo. Lão Trần thuộc loại thứ hai, loại giàu có. Những người tù nghèo kiết xác, không thể có đệ tử, thì có anh em kết nghĩa, bố con kết nghĩa, tạo thành một gia đình. Thứ gia đình thế phẩm này là biểu hiện của xu hướng quần tụ tự nhiên, nhưng trong nhà tù, đôi khi nó cũng bệnh hoạn lầm. Những vụ đánh ghen xảy ra thường xuyên, có cả máu chảy.

Để tiếp khách quý, lão Trần mua hẳn một lạng trà "tự biên tự diễn"<sup>1</sup> mua của cánh lâm sản. Trên cái đĩa sắt tráng men cóc găm, một gói Polyvitamine vàng rực được đổ ra. Trong tù, nó là sự chiêu đãi long trọng.

- Thỉnh tiên sinh khai trà.

Viên đại tá đặc vụ trong bộ quần áo xơ xác, trông như con chuột cống già, giơ bàn tay với những ngón cong queo vì phong thấp kính cẩn mời tôi. Tôi lễ phép nâng chén lên ngang tầm mắt, nhìn ông lão qua làn hơi nước. Cuộc thưởng trà diễn ra trịnh trọng, giống như trong một màn tuồng cổ.

Hoá ra viên đại tá đặc vụ không mời tôi đến chơi vì một lý do nào khác ngoài chuyện ông lên cơn nhớ thơ phú. Không để ý tới đám tù ồn ào nằm ngồi lộn xộn, người chơi cờ, người may vá, người bắt rận, chúng tôi im lặng cạn chén trà đầu tiên. Bằng cách đó chúng tôi đồng tình tạo ra một sự tự kỷ ám thị như thể không phải chúng tôi đang ở trong tù mà ở một nơi nào khác của xã hội văn minh, nơi con người có thể nhẩn nha đàm đạo văn chương.

Sau tuần trà thứ hai buổi chuyện thơ bắt đầu. Lão Trần là một thi sĩ bất phùng thời. Lão yêu thơ và rất thuộc thơ Lý Bạch, Khuất Nguyên, Đỗ Phủ<sup>2</sup> cũng như những nhà thơ danh tiếng khác của nước Trung Hoa cổ. Tôi thì nhớ lõm bõm, câu được câu chăng, luôn nhầm lẫn nhà thơ này với nhà thơ khác. Lão Trần rộng lượng không để ý chuyện đó. Tôi chăng qua là cái cớ cho cuộc trở về với thơ của

<sup>1</sup> Tù tự giác chuyên hái lượm lâm thổ sản và trồng đồi chè của trại. Trà "tự biên tự diễn" có nghĩa không phải trà do quốc doanh sản xuất mà do tù hái và sao thủ công. Do hái không xô bồ, sao kỹ, thứ trà mộc này đặc biệt ngon.

<sup>2</sup> Lý Bạch (chết năm 762), Đỗ Phủ ((712-70), Khuất Nguyên (340 TCN – 278 TCN), ba nhà thơ lớn của Trung Hoa cổ đại.

lão, cho voi nỗi nhớ thơ của lão. Cứ mỗi bài thơ qua lão Trần lại biến đổi trước mắt tôi. Không phải là ông già lẩn thẩn quét rác nữa mà là một lão nho thư thái, ung dung tìm được phút giây hạnh phúc trong những vần thơ bất tử.

Tôi thích cách thưởng thơ của lão Trần. Lão có những lời bình độc đáo cho những vần thơ đa nghĩa khi người đọc chuyển dịch những dấu ngắt câu không có mặt trong thơ Trung Quốc. Sau mỗi bài thơ chúng tôi trịnh trọng mòi nhau uống trà đặc sệt và chát xít đựng trong khúc nứa tép cắt ngắn và nhấm nháp mấy viên Polyvitamine.

Đại tá đặc vụ họ Trần thời trẻ là giáo viên dạy văn trung học. Vui chuyện, lão kể cho tôi nghe đời lão. Thì ra lão là nhân viên tình báo Trung Quốc thật, không sai.

- Bác công tác trong ngành tình báo được bao lâu?

Lão cười không có tiếng:

- Công tác khỉ gì đâu, thưa tiên sinh. Tôi chỉ ghi tên vào đấy thôi.

- Tức là...

- Có tên ở đấy coi như đã vào lính, hức. - lão bật nắc - Cái nghề tình báo có lợi là thế. Mình vẫn được là mình, hức, mà lại cứ như có mặt trong quân ngũ, Tôi vào được ngành này cũng là nhờ, hức, một người quen thân gia đình giới thiệu...

- Tôi chưa hiểu lắm...

- Thì để trốn lính mà. – lão cười, phô hàm răng trên có nhiều lỗ thủng - Tình báo tình biếc gì đâu. Tháng tháng chỉ có việc ký vào giấy nhận lương là xong. Lương tôi đã có người khác lĩnh, ai lĩnh tôi cũng không biết. Thế rồi tuần tự như tiến, hức, tôi được thăng cấp, được lên lương, cấp trên tôi không biết ai, cấp dưới tôi không có, đã bảo là hoạt động tình báo mà. Thỉnh thoảng, hức, người ta còn bịa ra thành tích cho tôi nữa, để cho lương tôi tăng nhanh, lương tôi có tăng thêm thì họ mới được nhiều tiền hơn. Không thì họ thiệt. Thời bấy giờ lạm phát đại phi mã, hức hức, chắc tiên sinh còn nhớ...

Anh chàng đệ tử dài ngoẵng vội lết lại đầm lưng cho ông lão.

Tôi nhớ cái sự lạm phát ấy. Năm 1945, quân Tưởng vào miền Bắc giải giáp quân đội Nhật bại trận, mang theo hai thứ tiền: Quan kim và Quốc tệ, bắt người Việt phải tiêu. Tiền Quan kim còn có giá, chứ tiền Quốc tệ thì than ôi, nó chỉ đắt hơn giấy lộn chút ít. Ngày quân Tưởng sắp rút về nước, giá một bát phở gánh tương đương với một bộ Quốc tệ. Những ông hàng phở bức dọc với lũ Tàu phù<sup>1</sup> thu tiền xong là quẳng luôn vào bếp thay củi. Tiền Quan Kim in trên giấy tốt, rất đẹp, nhưng rồi cũng vứt đi.

<sup>1</sup> Gọi là Tàu phù vì quân đội Tưởng vào Việt Nam gồm dân đói ở Lưỡng Quảng được gọi vào quân đội cho đủ quân số. Những toán quân này, lê lết vì phù thũng, ghè lở đầy mình, kéo vào Việt Nam để kiếm miếng ăn, chính quân Nhật bại trận cũng khinh bỉ đội quân giải giáp họ.

Nhóm bếp không được, nó cháy chậm và dễ tắt, còn kém cả tiền Quốc tệ. Mãi tới năm 1950 ở trong kho ủy ban tỉnh Tuyên Quang vẫn còn vài chục bao tải tiền Quan kim không biết dùng làm gì.

- Để theo kịp lạm phát, tôi được thăng cấp vèo vèo. – lão cựu điệp viên tiếp tục câu chuyện - Rồi Hoa quân nhập Việt, tôi được lệnh theo sang. Ở Hải Phòng, tôi xin được chân giáo viên dạy văn ở trường trung học Trung Hoa. Rồi tôi lấy vợ Việt Nam. Hoa quân rút, người ta chẳng gọi tôi, họ quên hay là họ mặc kệ tôi, không biết. Thế là tôi ở lại hẳn. Minh có vợ con rồi, yên chỗ rồi, đi đâu làm gì? Người Pháp đến, họ chẳng đụng đến tôi. Người Trung Hoa chúng tôi rất dễ sống trên đất lạ, ông ạ - ở đâu có cỏ mọc, ở đó có người Trung Quốc. Chính phủ Việt Nam tiếp quản Hải Phòng, tôi vẫn tiếp tục dạy học. Thế rồi chẳng biết ai báo cáo, tôi bị công an gọi...

Tôi ngạc nhiên nhìn ông:

- Bác nhận ngay bác là đặc vụ?

- Vâng. – ông già gật đầu, bình thản chiêu ngụm trà - Chối sao được hở ông, khi người ta biết rồi. Tại sao người ta biết, tôi chẳng hiểu. Chắc khi Hoa quân rút đi vội vã, giấy tờ vương vãi thế nào đấy, một cái bảng lương chẳng hạn. Người ta chẳng kịp, hoặc chẳng buồn huỷ những giấy tờ ấy vô dụng ấy đi làm gì, tống đại vào kho. Thế rồi nó rơi vào tay các ông Việt Minh. Chắc vậy. Ông công an hỏi tôi người hiền lành lắm, tử tế lắm. Nghe tôi kể tình đầu tại sao tôi là gián điệp, ông chỉ cười hì hì rồi khuyên tôi cứ khai báo thành khẩn, Đảng là đèn giờ, Đảng sẽ xét cho. Tôi khai hết, chuyện là như thế như thế. Tiên sinh nghĩ, phận mình là dân, cứ thật thà là hơn, người ta hiểu, người ta sẽ tha cho về, giữ mình làm quái gì...

Ông lại cười, lại nhẹ hàm răng cái còn cái mất.

- Bác ở đây mấy năm rồi?

- Mười năm có hơn, thưa tiên sinh.

- Người ta xử bác mấy năm?

- Thiên nǎ<sup>1</sup>! Nào có được xử. Xử thì phải có tội mới xử được, đàng này tôi chẳng có tội gì...

Lão đại tá thở dài:

- Lẽ ra tôi nhận lấy một cái tội, chẳng hạn tôi được cơ quan tình báo Trung Hoa cài lại, để làm cái gì đấy... - ông ngẩn người, nghĩ ra một nhiệm vụ tình báo làm thí dụ, nhưng nghĩ không ra - Tức là, phải nhận một cái tội bé bé để người ta đưa ra xử. Nhưng tôi không biết, ngu quá! Không có tội ở chế độ ta khổ hơn có tội, tiên sinh à.

---

<sup>1</sup> Trời hỡi! (tiếng Trung Quốc).

Tôi ngớ người. Chẳng lẽ đó là chuyện có thật? Nhìn vào mắt lão tôi tin lão không nói dối. Mà nói dối tôi phỏng có ích gì?

- Bác phải viết đơn khiếu nại chứ. Người này không tin còn có người khác.
- Tôi viết nhiều nhiều rồi đấy, nhưng chẳng có ai trả lời.
- Phải kiên trì, bác ạ.
- Vô ích mà, tiên sinh.

Lý Bạch, Đỗ Phủ và Khuất Nguyên đã ba chân bốn cẳng chạy mất dép rồi. Thời các vua, hơn hai ngàn năm trước, làm gì có cái luật pháp văn minh thế này.

Đến đây, buổi thường thơ cũng kết thúc. Tôi đang bùi ngùi cho số phận lão Trần thì Dịp Pún Mǎn la đà xách giỏ tới nhà B. Mọi người lập tức bâu quanh anh ta. Lão đại tá đặc vụ cử anh chàng dài ngoẵng leo xuống sàn đi trinh sát. Anh ta lôi Dịp Pún Mǎn về. Dịp Pún Mǎn leo lên tầng trên, ngồi vào chiếu lão Trần:

- Tài cố, hẩu ma<sup>1</sup>?
- Còn gì không, Dịp đệ?
- Còn cố còn cố nhều nhều.
- Bán cho tôi hết.
- Pán thì pán. Kho lồi có, cồn sống có.
- Kho rồi thứ gì?
- Cá trê a! Tố hảo xực a. Ngôn nhều nhều.
- Tôi đãi khách, Dịp đệ à, không ngon không lấy đâu.
- Tã pảo ngôn mà. Ngộ ăn cùng, tược chớ?
- Tốt. Biết tiên sinh đây không?
- Pết, pết lắm chớ.

- Tiên sinh ở đây dùng cơm với tôi, chẳng mấy khi. - lão Trần xoa hai tay vào nhau, trịnh trọng. - Chú Dịp kho cá ngon, lại vệ sinh lắm lắm nên mới dám mời tiên sinh.

<sup>1</sup> Đại ca, khỏe chứ? (Tiếng Trung Quốc).

Cứ như thể lão không biết cơm trại thế nào. Chúng tôi thường xuyên ăn cơm độn sắn với “rau muống tần đại dương”, thỉnh thoảng được thêm món ca la thầu<sup>1</sup>. Ca la thầu là xu hào muối với xì dầu, do nước bạn Trung Quốc viện trợ cho quân đội Việt Nam, mặn chát và thối rình, quân đội không ăn được, bèn chuyển cho tù. Một chiếc xe tải quân sự chở ca la thầu đến, khám lặm cả một khu bếp trại. Ca la thầu được đổ vào trong một cái bể lớn, nhà bếp hằng ngày vớt ra, rửa qua loa cho trại ăn dần. Người nhà bếp không ai đụng đũa vào món ấy. Có người nói rằng trong bể ca la thầu có cả xác chuột. Thế mà những người tù vẫn chén ca la thầu như thường, còn mút mát là đàng khác.

Tôi ăn bữa trưa ngon lành cùng với viên đại tá đặc vụ của một quân đội không còn tồn tại.

Lão Trần ra dáng phong lưu lǎm. Tôi không cần phải quay về đội lính cơm. Lão đặc vụ cho người sang nhẫn mấy người ăn chung với tôi cứ tự nhiên dùng suất của tôi, tôi ăn bên này rồi. Lão còn sai đệ tử mua thêm ba suất nữa cho ba chúng tôi, gọi là ăn đúp. Trong tù sự mua bán này là bình thường – người thì bán cơm để trả nợ, người thì nhịn ăn để mua thêm thuốc lào, tù ở toàn lâm sản bán cơm vì họ kiếm được củ mài khi đi rừng. Đồn rằng lão có hai cô con gái lấy chồng Việt, hai ông chồng đảng viên lại là cán bộ lương thực thực phẩm, cửa hàng trưởng hay cửa hàng phó chi đó, họ tiếp tế cho ông bố vợ đầy đủ. Hai cô xinh lǎm, những người tù đã gặp hai cô lên thăm cha kể thế. Những đảng viên cộng sản khi vào đảng không hề mất đi cái nhìn bình thường của con người đối với sắc đẹp.

Nhân tiện, tôi hỏi về trường hợp Dịp Pún Mǎn. Lão Trần cười hề hề:

- Dịp đệ kể cho tiên sinh nghe đi!

Dịp Pún Mǎn chống đũa nhìn tôi, bẽn lẽn:

- Cố dề mà kể chớ! Hồi lồi mà, kể lồi mà.

- Thì cứ kể lần nữa đi! - lão Trần giục.

Bằng giọng ngọt ngoéo, chỗ nào khó hiểu quá đã có lão Trần thông ngôn, Dịp Pún Mǎn kể cho tôi nghe vụ án của anh.

Số là anh chàng Dịp Pún Mǎn làm nghề cu-li bắt-tê<sup>2</sup>. Cu-li bắt-tê ở Sáu Kho Hải Phòng toàn người Tàu, cha truyền con nối. Người Việt không làm nghề này, vì không làm nổi chứ không phải vì chê nó hèn. Người Tàu to con hơn, khỏe hơn. Với một cái móc sắt trong tay phu bắt-tê Tàu có thể quật lêng cả tạ hàng mà không cần ai giúp đỡ.

<sup>1</sup> Xu hào muối, tên gọi Trung Quốc đã Việt hóa.

<sup>2</sup> Phu khuân vác, từ tiếng Pháp porteur.

Một thủy thủ người Hoa làm việc trên một con tàu Hi Lạp làm quen với Dịp Pún Mǎn trong một lần cập bến ngắn ngủi. Anh ta đưa tiền cho Dịp Pún Mǎn, nhờ anh mua báo Việt Nam rồi gửi cho anh ta hàng tuần bằng đường bưu điện theo một địa chỉ ở Hồng Kông. Để làm gì không biết.

Dịp Pún Mǎn nhận lời liền. Tính Dịp Pún Mǎn thế, hay giúp đỡ. Tiền thì người ta đưa trước cả năm, lại đưa thừa chứ không thiếu. Từ cảng sang về nhà có tới hai ba quầy báo và một trạm bưu điện. Mỗi hôm đi về Dịp Pún Mǎn mua một loạt báo, tích lại đến cuối tuần ra bưu điện gửi một thùng. Còn có việc gì dễ hơn!

Ba tháng sau cuộc gặp gỡ định mệnh với ông bạn đồng hương, Dịp Pún Mǎn bị công an tóm ngay tại trận với bó báo chưa kịp gửi rồi đưa thẳng về nhà giam. Người ta tra hỏi Dịp Pún Mǎn: mua báo cho ai? để làm gì? địa chỉ gửi báo là của cơ quan gián điệp nước nào? đã gửi những thông tin gì ra ngoài quốc? bằng hệ thống mật mã nào?

Nói tóm lại, Dịp Pún Mǎn hoa mắt đến muôn ói trước những câu hỏi anh không tài nào hiểu nổi. Vốn tiếng Việt của anh quá nghèo. Họ hỏi anh sáu tháng liền. Câu nào Dịp Pún Mǎn không trả lời được thì người ta gác cho anh. Chấp pháp ghi biên bản rồi đưa cho anh ký. Dịp Pún Mǎn ký. Anh biết ký tên mình từ đó. Bằng chữ Việt hẳn hoi.

Hoàn cung, anh ra tòa. Bào chữa viên do tòa cử ra không cãi cho anh mà khẳng định ngay rằng anh phạm tội rất nặng - làm tay sai cho bọn đế quốc và bè lũ phản động quốc tế. Sau một hồi ca ngợi Đảng và tên ác bị can đủ điều ông ta mới xin tòa mở lượng khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị can vì bị can "thuộc thành phần nhân dân lao động, do kém giác ngộ nên bị gián điệp nước ngoài dụ dỗ, mua chuộc nên mới phạm pháp". Được bồi dưỡng đến nơi đến chốn trong trại tạm giam rồi mà trước vành móng ngựa Dịp Pún Mǎn vẫn run như cầy sấy. Anh đáp lại những câu hỏi của tòa bằng những câu trả lời đã thuộc lòng:

- Dà, túng thế (đúng thế)!
- Dà, khôông cõô sai!
- Dà, túng là dắn tệp cõôc tế lõi (đúng là gián điệp quốc tế rồi)! Túng lăm (đúng lăm)! Túng lăm!

Tòa thương tình ban cho Dịp Pún Mǎn, người con của nhân dân lao động, mười lăm năm tù. Dịp Pún Mǎn rưng rưng nước mắt chắp hai tay vái bào chữa viên rồi phát biểu trước tòa, bày tỏ lòng biết ơn của anh:

- Cấy Tảng Duyệt Nàn tốt nhều nhều (cái Đảng Việt Nam tốt nhieu nhieu) lớ!

Khi tôi lên trại Tân Lập thì Dịp Pún Mǎn đã ở được chín năm. Do an tâm cải tạo và chăm chỉ lao động anh được giảm án hai lần, chắc chỉ một hai năm nữa là được tha.

- Anh sắp về rồi, vui hả? - tôi hỏi Dịp Pún Mǎn.

- Cố dề mà vui? Mènh ở tâu cũng làm việc, Ổ Hẩy Phoòng cũng làm việc, Ổ tây cũng làm việc à.

- Nhưng ở nhà thích hơn chứ.

- Không thêch tâu. Pá pá chéch lòi (chết rồi), má má dà nhều nhều (già lắm), lói không tược, không vui tâu. Mà ổ tây nhàn hơn nhều nhều...

Khi tôi sắp rời trại Tân Lập thì Dịp Pún Mǎn được giảm án thêm một lần nữa. Mọi người xúm đến chúc mừng, còn anh thì lầu bầu:

- Về dà làm dề (về nhà làm gì), ổ tây cố pạn (có bạn) nhều nhều, về dà pây dờ ổ vấy ai? Má má mình sắp chéch lòi. Em cấy (em gái) lấy chồong ổ nhà chồong, không ổ tược vấy ló tâu...

Có những con người như vậy: họ ra đời để chịu lầm than. Họ sống trong lầm than như trong lẽ tự nhiên của trời đất, chẳng kêu ca, chẳng phàn nàn. Cái số nó vậy, biết làm sao, họ nói. Trong đời tù của tôi không phải Dịp Pún Mǎn là người duy nhất có thái độ đứng đằng đối với sự tù oan. Có người còn oan hơn anh nhiều cũng thế.

Không riêng Dịp Pún Mǎn, một số người tù được tha không muốn trở về quê quán nữa mà xin ở lại trại. Đó là những người không có đâu để mà về, những người đã chán ngán đến tột độ cuộc đời cũ. Không có "tiêu chuẩn" được ở trong trại nữa, họ xin đất trại dựng nhà để sống cuộc sống đã trở thành quen thuộc, thỉnh thoảng lân la tới khu vực trại để mua bán đổi chác với tù tự giác.

Buổi chiều trước hôm tôi bị chuyển đi trại Phong Quang, Dịp Pún Mǎn tìm tôi, giúp cho tôi một lạng trà tự biến tự diễn:

- Mai chuẩn trại đấy! Chắc chắn mà! Anh cầm xà lè (trà này) mà ôi. Lệnh chỗ mới, không kẽm tọc xà ngay tâu. Hôm lay các ôong cán pô xếp hồ sơ nhều nhều, là ti (đi) đấy...

- Anh không bị đi à?

Dịp Pún Mǎn lắc đầu.

- Cán pô lói lòi. Không phải ti.

Tôi nắm tay con người chất phác:

- Anh ở lại mạnh khỏe nhé!

Mắt chớp chớp, anh dặn:

- Nhớ trôông pác Trần. Pác ấy íu (yếu) lắm, không pết cồn sống tược pao lâu.

Tôi hứa:

- Tôi sẽ săn sóc bác ấy!

- Tố chè. Hảo lór!

Tôi không có dịp săn sóc đại tá tình báo. Ông không bị chuyển trại cùng với chúng tôi. Ông được ở lại với gián điệp quốc tế.

Ở Hỏa Lò tôi đã được Thành kể cho nghe về người tù huyền thoại đã ở liền một mạch hai mươi hai năm trong tù. Anh nói có lần anh đã gặp những người đã ở chung với một tù nhân có thân niên cao nhất: tù suốt từ 1946 cho tới tận bây giờ (tức năm 1968). Kỷ lục ấy chưa có ai vượt qua.

Tôi nghe, nhưng không tin. Tin làm sao được chuyện tào lao đến thế! Chúng tôi đâu có ở trong thời Trung cổ.

Không ngờ chuyện đó có thật và rồi tôi được gặp con người ấy bằng da bằng thịt ở trại A Tân Lập.

Một hôm Trần Chấn Hoa dẫn tôi sang nhà C, nơi có đám số tù số lẻ ở trại Vĩnh Quang (tỉnh Vĩnh Phú) vừa chuyển lên, chưa phân vào các toán. Trần Chấn Hoa cũng đã ở Vĩnh Quang vài năm, y có nhiều người quen. Nghe Trần Chấn Hoa tả thì trại Vĩnh Quang nằm dưới chân Tam Đảo, một bình nguyên rộng ngút tầm mắt, nơi trâu Ấn Độ và cừu Mông Cổ được nuôi thí nghiệm để nhân giống lấy sữa, lấy lông. Cuộc thí nghiệm không thành công. Những con trâu to xác không cho sữa, cừu thay nhau lăn ra chết. Tôi đã đến đây làm phóng sự, nhưng không thành. Tờ báo của chúng tôi chỉ đăng phóng sự về thành công, không đăng về thất bại. Bù lại, tôi được ăn thỏa thích thịt cừu hoà rình trong những món chém to kho nhừ của bếp nông trường. Thịt cừu nấu pllop<sup>1</sup> hoặc súp kharcho theo kiểu Trung Á rất tuyệt, nhưng ở đó không ai biết làm.

Trần Chấn Hoa số chǎn, nhưng ở trại A Tân Lập y lại nằm trong số lẻ. Xem ra cái việc cài chỉ điểm của công an thật vô nguyên tắc. Người ta sẽ làm gì với những báo cáo về tôi của một tên ba hoa?

- Ta đến thăm "Giǎng Vangiǎng<sup>2</sup> gọi bằng cụ" đi. - y nói.

- "Giǎng Vangiǎng gọi bằng cụ" là ai?

Y giải thích. Tôi nghe, làm ra vẻ chăm chú.

- Ông này quán quân ở tù cơ an ơi! Hai mươi sáu năm liền tù tội.

Tôi nhẩm tính. Thành nói hai mươi ba năm, cộng với bốn năm tôi xa anh là hai mươi sáu hoặc hai mươi bảy năm. Vậy là đúng ông ta, không phải người khác.

- Làm gì có chuyện! Bịa.

- Anh gặp khắc biết, em không bịa đâu. Kia, cái ông gày gày khoác áo bông ngồi đàng kia kìa!

<sup>1</sup> Món cơm chiên với thịt thái hạt lựu, các thứ gia vị, nhiều ớt bột. Còn gọi là pilaw.

<sup>2</sup> Nhân vật chính trong truyện Những Người Khốn Khổ của Victor Hugo, chỉ vì ăn cắp một cái bánh mì mà bị tù mươi sáu năm.

Theo tay Trần Chấn Hoa chỉ tôi nhìn thấy một người đàn ông đứng tuổi, gày gò xanh, đang ngồi chăm chú đọc sách.

Tôi đến, ngồi xổm trước mặt ông:

- Chào bác!
- Chào anh! - Ông ta ngẩng lên, không vồn vã.

Người tù ngồi liền tì hai mươi sáu năm trông chẳng khác mọi người ở đây. Tôi hình dung ông phải già lắm kia, phải lụ khụ lắm kia, hóa ra không phải. Bề ngoài ông còn trẻ, thậm chí trông không già hơn tôi bao nhiêu.

- Có phải bác là "Jean Valjean gọi bằng cụ" không?
- Ai bảo anh rửa?
- Những người tù ở đây.

Ông mỉm cười hiền lành:

- Hay nhỉ? Rửa mà tui không biết đấy.
- Bác là nhân vật nổi tiếng. Người như bác hiếm.
- Còn anh?
- Tôi chẳng là gì sất. Tôi chỉ là một người tò mò.

"Jean Valjean gọi bằng cụ" nhìn lên trời, cười không có tiếng. Im lặng một lát, ông nói khẽ:

- Anh là Vũ Thư Hiên, phải không? Tui cũng đã nghe nói về anh...

Tôi sửng sốt. Từ Vĩnh Quang mới lên hôm qua. Ai đã kể cho ông nghe về tôi?

- Trong đám tui ở Vĩnh Quang, có người đã gặp anh ở ngoài. Anh ta nhận ra.
- Ai nhỉ?
- Anh không biết anh ta. Nhưng anh ta biết anh.

Người biết tôi là một nhà thơ địa phương, theo sự tự giới thiệu của anh ta sau này. Tôi không nhớ đã gặp anh ta trong trường hợp nào. Thơ dân gian chế giễu chế độ và các vị lãnh tụ vào thời gian ấy đều là thơ khuyết danh. Nhưng một số nhà thơ dân gian làm thú thơ ấy do sơ hở, bị phát hiện, rơi

vào tù khá nhiều. Cả những nhà văn dân gian chuyên sáng tác chuyện tiểu lâm cũng vậy. Ba Giai, Tú Xuất<sup>1</sup> dưới chế độ xã hội chủ nghĩa chỉ được phép sống trong nhà tù.

Sau một cuộc phân bối lại tù mới tù cũ, "Jean Valjean gọi bằng cụ" nhập vào toán nông nghiệp của chúng tôi. Biết tôi quan tâm tới người tù huyền thoại, Trần Chấn Hoa điều đình với người tù nằm bên cạnh tôi, anh ta dọn đi nơi khác, nhường chỗ cho "Jean Valjean gọi bằng cụ".

- Tui tên Tôn Thất Tần. - ông ta nói.

Trần Chấn Hoa trong thâm tâm không bằng lòng. "Ông ta bị lao đấy", y thì thào. Nhưng tôi y nể tôi, đành phải chiều. Chỗ nằm của Trần Chấn Hoa, sát tôi, là một chỗ tốt. Y thuộc số ít tù được vì nể, vì y giàu hơn người khác. Trong cung cách đối xử của tù chính trị với nhau, giàu không phải là một ưu thế duy nhất khiến người ta nể nang, nhưng dù sao nó vẫn cứ là một ưu thế. Ai cũng có lúc túng bẩn. Thiếu tiền mua một gói thuốc lào chẳng hạn. Lúc đó có thể hỏi vay Trần Chấn Hoa. Tôi biết nếu không chiều tôi, y không thể thực hiện trọng trách mà Ban giám thị trao. Cho nên tôi có thể bắt bí y.

"Jean Valjean gọi bằng cụ" là người tù trí thức đầu tiên mà tôi gặp ở Tân Lập. Trí thức thật, theo cách tôi hiểu, do vốn hiểu biết phong phú, không phải do bằng cấp. Ông gầy nhẳng, da xạm, như nhiều người tù già ở tuổi ông. Họ đều gầy và xanh, chẳng có ai béo tốt. Tôn Thất Tần thỉnh thoảng có húng hắng ho, nhưng dấu hiệu khác của bệnh lao không thấy. Hồng hào nhất ở đây có lẽ là Trần Chấn Hoa. Y được gia đình tiếp tế thường xuyên. Tù số lẻ phần nhiều là tù lưu niêm, trên dưới mười năm cả. Những người tù ở lâu ít được tiếp tế: người thì cha mẹ quy tiên, người thì vợ đi lấy chồng, con cái còn nhỏ dại. Nguyên nhân là thời gian tù dài quá, gia đình nào rồi cũng mệt mỏi, cũng phát chán.

Tôi không sợ lây bệnh Tôn Thất Tần, nếu như ông lao thật. Tôi đã bị lao trong kháng chiến chống Pháp, hậu quả lần chấn thương phổi do pháo bầy trong trận chống càn Bretagne năm 1952. Bác sĩ Hoàng Đình Cầu<sup>2</sup> hồi ấp ở Nông Cống khám cho tôi, tiên đoán tôi sẽ chết. Nhưng tôi vẫn sống để đi đón anh ở ga Yaroslavsky tại Moskva khi anh sang Liên Xô bổ túc nghiệp vụ. Không hiểu sao, nhưng tôi đinh ninh tôi chết không dễ dàng.

- Anh nên thận trọng trong khi giao thiệp với Trần Chấn Hoa. Tui muốn nói không nên gần gũi anh ta nhiều quá! – khi đã quen nhau thân mật hơn, Tôn Thất Tần dặn tôi. - Khi gần gũi nhiều một người nào đó, công an sẽ tin những lời anh ta nói về mình là đúng. Anh ta mà nói sai thì hậu quả sẽ rất xấu. Nói chung, ở trong tù phải cẩn thận. Giao thiệp với bất cứ ai cũng vậy, có khi mình sơ suất gây ra những hậu quả rất xấu.

<sup>1</sup> Hai nhà thơ châm biếm nổi tiếng trong lịch sử nước ta.

<sup>2</sup> Nguyên thứ trưởng Bộ Y tế.

Tôi trân trọng lời khuyên của bậc đại trưởng lão trong bộ lạc tù. Không nghe ông còn nghe ai? Ông có đàng sau lưng một thâm niên tù không ai sánh bằng, kinh nghiệm đời tù ông tích lũy đủ cho mấy thế hệ đi sau.

- Cả với bác nữa chứ? - tôi nói đùa.

- Tất nhiên. - ông trả lời ráo hoảnh - Trong tù có quá nhiều điều bất ngờ, đến nỗi lầm lúc mình chỉ còn biết trợn mắt lên mà ngạc nhiên, anh ạ. Thật vậy, con người ta lạ lẫm, thay đổi nhanh lầm! Người mình ngỡ trung thành hết mực khi lâm sự hóa ra là tên phản bội rẻ tiền. Kẻ hôm qua bị cả trại chê hèn nhát thì hôm nay bỗng làm mọi người kinh ngạc vì một hành động anh hùng xuất chúng. Cuộc đời, nó lạ lẫm! Nói bất ngờ là nói quen miệng, chứ mọi tính cách có sẵn trong con người ta hết, tốt có, xấu có, gặp dịp là bùng ra, là nỗi lên...

- Bác không cho rằng có người tốt, người xấu?

- Có chứ. Người tốt là người biết phân biệt cái xấu và cái tốt, điều nên làm và điều không nên làm, là người có ý chí mạnh mẽ đè nén được cái xấu, không cho phép nó hoành hành... Người tốt là người sống thật thà với mọi người cũng như với chính mình, tức là tui muốn nói những người không đạo đức giả, làm ra vẻ tốt nhưng trong lòng xấu xa...

Hoàng hôn ở Tân Lập ngắn ngủi. Khi mặt trời vừa khuất sau những rặng núi xa thì bóng tối liền đổ ập xuống. Tù xếp hàng điểm danh khi những tia nắng cuối cùng chưa tắt trên những ngọn cây. Điểm danh xong là tối. Chúng tôi bị bầu đàn quản giáo lính canh lùa vào phòng, khóa cửa lại.

Câu chuyện được tiếp tục bên trong song sắt.

- May một cái là ở trong tù mình mau chóng nhận ra người tốt người xấu. Nhà tù không có chỗ cho những âm mưu lâu dài. Thằng tù đếu không biết mình sẽ ở địa điểm nào vào ngày mai, hắn đếu cũng vội vàng mà đếu, cũng hấp tấp mà đếu, sợ không kịp...

Tôn Thất Tần chỉ sống với quá khứ, bằng quá khứ. Mà quá khứ cũng chỉ được tính từ năm 1946 trở về trước. Những sự kiện sau đó, cho dù chúng lớn tới mấy, ông không tính, không nhớ, hoặc không thèm nhớ.

- Tui đã có vợ con.

Ông bắt đầu câu chuyện, rồi im lặng.

- Bác có được tin của bác gái không?

- Không. Từ năm 1946 tui không còn được tin gì của nhà tui nữa.

- Bác có biết mặt con chứ?

- Biết. Nó là con gái.

Người ta kể Tôn Thất Tần đã tham gia cuộc nổi loạn của tù nhân ở trại Bến Hới thuộc chiến khu Bình-Trị-Thiên. Những người tù phá trại, giết lính gác rồi bỏ trốn vào rừng. Do đi lạc, họ lần lượt bị bắt lại hết, không sót một ai. Ba người bị kết án tử hình<sup>1</sup>. Tôn Thất Tần lĩnh án chung thân, sau được giảm xuống 20 năm. Về chuyện này dường như Tôn Thất Tần không muốn nhắc lại, không muốn nói tới, mặc dù tôi có vài lần hỏi ông. Mãi một năm sau ông mới kể cho tôi nghe, nhân câu chuyện tình báo Việt Nam đánh đắm một thông báo hạm của Pháp tại vùng biển Sầm Sơn năm 1950, tôi nhắc tên Hoàng Đạo.

- Anh biết hắn ta à?
- Chúng tôi quen nhau khá lâu.

Ông cúi xuống, lầm rầm câu gì nghe không rõ. Hình như ông vắng tục. Bình thường không bao giờ Tôn Thất Tần vắng tục hoặc chửi bậy, cho nên tôi nghĩ tôi nghe nhầm.

- Bác bảo sao?
- Tôi nói hắn là thằng chó đẻ!
- Tôi thấy mèch lòng. Dù sao Hoàng Đạo cũng là người quen của tôi.
- Tại sao bác lại gọi anh ấy là thằng chó đẻ?
- Bởi vì hắn là một thằng như rúa.

Tôn Thất Tần nói như gắt. Chưa bao giờ trong con người trước mọi sự bình thản như một triết gia lại có một cơn giận dữ như vậy.

Thì ra chính Hoàng Đạo là nguyên nhân, hay nói cho đúng, là khởi điểm cho đời tù lê thê của Tôn Thất Tần.

Hai người vốn là bạn bè. Khi Tôn Thất Tần rời Huế đi học Trường thể dục thể thao Phan Thiết thì Hoàng Đạo hoạt động cách mạng. Cách mạng Tháng Tám nổ ra ở Huế, Hoàng Đạo trở thành giám đốc công an thành phố. Tôn Thất Tần trở về, họ vẫn chơi với nhau.

Cho tới khi chủ tịch Hồ Chí Minh ký Hiệp ước 6-3 năm 1946, cho quân Pháp quay lại Đông Dương thay quân đội Đồng Minh làm nốt việc giải giáp quân đội Nhật Bản và giữ trật tự trên lãnh thổ do Nhật chiếm đóng, thì ở Huế một số chính khách xa-lông bất bình. Họ kết tội Hồ Chí Minh bán nước. Tôn Thất Tần ở trong số thanh niên phản đối Hiệp ước.

- Böyle giờ bác có còn nghĩ rằng lúc ấy bác đúng không?

<sup>1</sup> Theo một nhân chứng có mặt hồi ấy kể lại thì ba người bị án tử là Bửu Viêm, Kim Anh và Thanh Châu, đều là đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng.

- Không. Tui sai. Cụ Hồ đã đi một nước cờ cao. Nếu quân Tưởng ở lại cái họa còn lớn hơn. Bọn Pháp ở xa chính quốc, quân số không nhiều, quân Tưởng có hậu cứ sát nách ta, lại ô hợp, chơi nhau với nó mệt lắm...

Tôn Thất Tần tìm Hoàng Đạo nhờ Hoàng Đạo in truyền đơn chống chính phủ Hồ Chí Minh. Hoàng Đạo không nhận lời, một hai khuyên can Tôn Thất Tần đừng làm chuyện thọc gậy bánh xe, nhưng Tôn Thất Tần không nghe. Không nhờ được Hoàng Đạo, ông đưa in nơi khác. Chẳng nơi nào dám nhận in một thứ nguy hiểm như thế. Tờ truyền đơn chưa kịp in thì Tôn Thất Tần bị bắt. Người ra lệnh bắt Tôn Thất Tần lại chính là Hoàng Đạo.

- Sau, hắn có cho người gấp tui, biểu chỉ cần tui chịu xin gấp hắn nhận có lầm lỡ thì hắn tha... Tui tổng cái thẳng đến phủ dụ ra khỏi xà lim. Sau đó thì... không biết Hoàng Đạo đi đâu, hay là hắn tránh mặt tui, nhưng không thấy vân mòng chi nữa. Rồi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, tù ở lao Thừa Phủ bị tổng lên chiến khu.

- Hồi đó anh Hoàng Đạo bị gọi ra Hà Nội. - tôi nói - Anh ấy không trở về Huế, mà được điều đi làm trưởng ty công an Thanh Hóa. Đến lúc đó Hoàng Đạo có muốn thả bác cũng đã muộn. Liên lạc giữa các địa phương trong thời kỳ đầu kháng chiến rất khó khăn...

Tôi muốn an ủi Tôn Thất Tần. Chứ nếu Hoàng Đạo muốn, tôi nghĩ, anh vẫn tìm được cách để thả bạn mình. Anh đã quên bạn, hoặc anh muốn cho người ta thấy trong anh ngoài lợi ích của cách mạng ra không còn có chỗ cho cái gì khác.

- Từ đó, ở trong tù, tui cũng không nghe ai nói tới Hoàng Đạo nữa...

- Rồi bác tham gia cuộc nổi loạn phá trại?

Tôn Thất Tần cười, vẻ cay đắng.

Dần dà, chắp nối những mẩu chuyện rời rạc của ông lại với nhau tôi mới biết Tôn Thất Tần rơi vào trong số những người cầm đầu cuộc nổi loạn như thế nào. Người cầm đầu thật sự là Bửu Viêm hay Bửu Viêm (có thể tôi nhớ tên không được chính xác), sau bị xử tử, từ lâu đã ngấm ngầm chuẩn bị vượt ngục. Trong số người đồng tâm với ông ta không có Tôn Thất Tần. Khi những người vượt ngục lọt ra ngoài nhà giam, họ gọi Tôn Thất Tần đi theo. Lính canh phát hiện, nổ súng. Những người vượt ngục chống lại. Cuộc vượt ngục biến thành cuộc nổi loạn phá ngục có đổ máu. Sau nhiều ngày lẩn quẩn trong rừng tất cả lần lượt bị bắt lại. Công an cho rằng không có lý nào hai người trong hoàng tộc, một Bửu một Tôn Thất, mà không bàn bạc với nhau. Không thể nào cãi lại những ông chấp pháp dai hoi, nhất quyết buộc tội theo cách họ đinh ninh, Tôn Thất Tần chắc lưỡi nhận đại cái tội mà ông không có.

Một cuộc đời tan nát bắt đầu từ một chuyện không đâu.

Chúng tôi chơi thân với nhau, mặc dầu đứng giữa tôi và Tôn Thất Tần là Marx. Được cái Tôn Thất Tần không quan tâm tôi cộng sản hay không cộng sản như những người tù số/lẻ khác. Người như tôi dễ được Ban Giám thị chọn làm ăng-ten lăm, bọn họ nghĩ thế và có thái độ lạnh nhạt hoặc xa lánh

tôi. Có người còn xưng xưng rằng đúng là như thế. Tôi kệ. Dù sao thì tôi vẫn là kẻ tình cờ rơi vào hàng ngũ họ từ phía bên kia. Tôi không phải người của họ.

Tôn Thất Tần ham hiểu biết. Ông còn bắt tôi nói cho ông nghe lý thuyết chủ nghĩa Marx, là cái ông không hề được đọc. Những bài giảng chính trị của các ông cán bộ dĩ nhiên không phải chủ nghĩa Marx rồi. Các chủ nghĩa, kể cả chủ nghĩa Marx, theo quan niệm thông thường, không cần đi cặp kè với công tay và cùm sắt. Tôi nói lại cho ông nghe những điều tôi biết, một cách hờ hững, bằng giọng nhạt nhẽo. Tôi đã ngán tất tần tật các thứ chủ nghĩa mà vì chúng người ta lăn xả vào nhau để thịt nhau.

- Như vậy, anh cho rằng nó không hiện thực?

- Tất cả đều mò mẫm. – tôi nói, vẫn còn giữ cho mình một chút cảnh giác với người bạn tù - Marx mò mẫm trong lý thuyết, các nhà mác-xít mò mẫm trong thực hành. Cái khác nhau là trong một lý thuyết sai lầm chỉ có chữ nghĩa là bị xây xát chút ít, còn trong thực hành là những số phận người, sai lầm gây ra bi kịch.

Tôn Thất Tần thở dài.

- Vậy cái gì còn lại trong chủ nghĩa Marx sau khi anh thất vọng với nó?

- Phần nhân bản của nó, đấy là tất cả những gì còn trong tôi. Tôi thích mục đích của cái xã hội mà Marx tưởng tượng ra: "Đưa con người từ vương quốc tất yếu qua vương quốc tự do" Con người chỉ được tự do thật sự khi nó thoát khỏi sự ràng buộc của những cái tất yếu...

- Tất yếu là cái gì trong khái niệm của Marx?

Tôi giải thích. Tôn Thất Tần chăm chú nghe. Trong nhà tù không có sách, không có báo, thảng hoặc có chút gì thuộc nền văn minh ẩn loát lọt được vào đây thì đó lại là sản phẩm của ngành tuyên giáo, mang theo những ngôn từ, những khái niệm hoàn toàn xa lạ với những gì mà chàng trai hai mươi ba tuổi vào năm 1946 giữ lại từ một thời đã mất.

- Như vậy Marx là người tìm tòi, còn những đệ tử của Marx thì kiềm chác.

- Có thể hiểu như vậy.

- Cái xã hội cộng sản mà Marx mơ tưởng có khác gì thiên đường của Thiên Chúa giáo hay Nirvana của Phật giáo? Tại sao cộng sản các anh lại chống các tôn giáo?

- Tôi không chống.

- Vậy anh không phải là cộng sản rồi.

Nói chuyện chủ nghĩa Marx trong tù thật vô duyên. Ngán lắm. Tôi đề nghị dẹp nó qua một bên để chơi cờ. Tôn Thất Tần chiều tôi. Ông chơi cờ vào loại giỏi trong trại. Tôi không thể là đối thủ của ông. Đối thủ của ông chỉ có hai: Phún Nàng Cái và Lầm Sì Lần, hai ông nông dân người Hoa ở Lạng Sơn.

Tôi lấy làm thú vị cách phiên âm Hán-Việt những cái tên dân dã của người Tàu.

Dịp Pún Mǎn nghe xấu xí là thế mà khi phiên thành Diệp Bản Minh nghe thật đẹp, sướng cái tai. Phún Nàng Cái nghe chẳng ra gì, nhưng thử đọc theo cách phiên âm Hán Việt mà xem. Nó sẽ thành Phan Hành Giai, tuyệt. Phún Nàng Cái có ông bạn không lúc nào rời là Lầm Xì Lần, hình như đọc theo âm Hán Việt là Lâm Sĩ Liên thì phải.

Hai ông nông dân ở một làng biên giới Việt-Trung trở thành tù số lẻ vì một nguyên nhân rất bã lăng nhăng. Theo các bạn tù thì đâu như chỉ vì một câu nói không đẹp đối với lãnh tụ họ Mao trong một bữa rượu, thậm chí tinh dậy hai ông chẳng nhớ họ đã nói gì. Lũ đệ tử người Việt của họ Mao, từ Hồ Chí Minh trở đi, coi Mao là ông thánh, họ tất nhiên phải coi hai ông nông dân xác láo là kẻ thù, do đó mà hai ông có mặt ở đây. Cũng như trường hợp Dịp Pún Mǎn, tuy hai ông cũng là phản động chống chế độ đấy, nhưng Ban Giám thị trại gần họ hàng ngày, quen nhìn họ bằng con mắt bình thường, không phải bằng con mắt của bộ máy vô sản chuyên chính, biết thừa họ là ai. Đã không sợ hai tên phản cách mạng kích động tù nổi loạn hoặc làm chuyện tầm bậy nào khác, cán bộ trại giam còn cho hai ông vào toán tự giác chuyên về nông nghiệp. Ngoài cái sự phải xa vợ xa con và buổi tối phải vào nhà giam có khóa ngoài, hai ông nông dân vẫn i xì là hai ông nông dân cày sâu cuốc bãm. Phún Nàng Cái và Lầm Sì Lần đã ở tròng trèm hai lệnh, có triển vọng được thêm một lệnh thứ ba, nhưng xem ra họ yên tâm lắm. Là dân của cái nhà nước này tốt nhất là yên tâm. Không yên tâm cũng chẳng được. Nó cho sống được sống, nó bắt chết phải chết, suy nghĩ mà làm gì! Mà họ cũng chẳng buồn trốn. Ngoài cái làng quê chôn nhau cắt rốn ra mãi tận Lạng Sơn, hai ông chẳng biết nơi nào khác, kể cả nước Tàu, từ đó các cụ tổ của hai ông đã tới Việt Nam. Ngoài giờ làm việc Phún Nàng Cái và Lầm Xì Lần bầy bàn cờ ra, dìm mọi sự đời trong những trận chiến ác liệt không có tiếng súng.

Cờ tướng ở trong tù là thú vui duy nhất của những ông già. Nhìn họ tập trung tư tưởng vào những nước cờ hiểm hóc để giành chiến thắng thì biết. Không có gì làm cho những con người đau khổ quên đi được thực tại tàn nhẫn bằng cái bàn cờ bằng giấy và những quân cờ cũng bằng giấy xi-măng bồi mẩy lớp cho dày, hoặc bằng gỗ gọt lấy. Nhờ bàn cờ họ đặt cuộc sống đáng nguyền rủa xuống chân để thoát tục.

- Ông Hồ cũng là một tay cờ giỏi. - Tôn Thất Tần nói.

- Sao bác biết?

- "Lạc nước, hai xe đành bỏ phí. Gặp thời một tốt cũng thành công". - ông trích dẫn - Không giỏi cờ không thể đúc kết chân lý nhẹ nhàng như rửa được.

- Bác có nghĩ tới một ngày bác sẽ ra khỏi đây không?

- Anh muốn nói tới cái thời sẽ khác đi?

- Cho dù cái thời có không khác đi thì người ta cũng không thể giam một con người mãi mãi.

- Tại sao lại không thể? Anh quên anh đã nói với tui về chuyên chính vô sản ở Liên Xô ra răng rồi sao? Ở Việt Nam mình còn may, người ta không giết. Tức là vẫn còn có hi vọng được ra. Người châu Âu họ thằng ruột ngựa, chứ người Việt mình thâm lắm. Nuôi thằng tù chẳng hết bao nhiêu mà lại thu về được rất nhiều...

Nhin con người gày còm xanh xao ngồi trước mặt mà thương. Tôn Thất Tần sau khi được giảm án xuống hai mươi năm còn được giảm nhiều lần nữa. Cho tới khi sạch án. Tính ra tới nay ông đã ngồi hết nợ nhà nước từ lâu. Thế nhưng ông vẫn không được tha, vẫn cứ ở tù. Không còn án thì có lệnh.

- Người ta không thả tui là do hoàn cảnh. - Tôn Thất Tần giải thích - Đất nước bị chia cắt. Gia đình tui ở phía bên kia, chẳng lẽ họ thả tui về Nam à? Còn thả ở miền Bắc thì biết thả tui về mô?

- Về đâu là chuyện của bác. Hết hạn thì phải tha.

- Mô có rứa được. Thả ra để tui đi lang thang tuyên truyền phản động à?

Cứ như thể tôi đang nói chuyện với một cán bộ tuyên huấn vậy.

Tôn Thất Tần không nghĩ tới ngày về. Ông sống, bởi vì ông chưa chết.

- Có số cả, anh ạ! - ông nói khi ngồi bên cạnh tôi đang thoi thóp trong một trận dịch kiết lỵ làm chết cả chục tù trong trại. - Xem ra số anh số tui còn sống dai lăm.

Trận dịch bắt đầu từ chuyến tù hình sự được chuyển bằng xe ca từ trại Hà-Nam-Ninh<sup>1</sup> lên. Trong đám tù nhét chặt cứng trong xe có một người đang hấp hối vì bệnh kiết lỵ. Người hấp hối thì để cho họ được chết yên, còn chuyển lên làm gì, tôi không hiểu. Chắc hẳn người ta muốn tổng khứ tất tật đám tù cũ đi để giải phóng mặt bằng đón tù mới. Anh tù hấp hối không phải nhập trại, mà được đưa thẳng vào nhà xác. Đàng nào thì y cũng không trốn được nữa rồi. Đi còn chẳng nổi, nói gì trốn.

Ban đêm người hấp hối tỉnh lại, kêu gào thảm thiết. Nằm trong nhà giam tôi nghe tiếng y kêu khàn khàn yếu ớt như tiếng mèo. Chẳng có ai trong số lính gác rẽ vào xem y làm sao. Sáng ngày ra không thấy y trong nhà xác, mới đi tìm thì thấy y nổi lèn lèn bệnh trong bể nước. Thì ra y khát, gào mãi chẳng có ai đến, y liền bò ra bể nước, ngã xuống và chết chìm trong đó. Những người tù kể lính gác sợ cái nhà xác lắm. Đồn rằng ở đó có ma. Những con ma tù không giống các loại ma khác, chết rồi chúng vẫn cứ luẩn quẩn ở nơi chúng qua đời. Tại sao không còn gì kiềm tỏa mà chúng không về nhà? Không có câu trả lời cho câu hỏi này. Vào những buổi mưa thâm tối trời hay là sáng trăng suông những con ma lúc còn sống sợ quản giáo với lính canh một phép, bây giờ thành ma hiện lên dọa quản giáo và lính, thấy họ sợ hãi bỏ chạy thì chúng cười khanh khách.

<sup>1</sup> Một tỉnh gồm Nam Định, Ninh Bình và Hà Nam nhập lại dưới thời Lê Duẩn. Sau khi Lê Duẩn chết nó lại được tách ra thành 3 tỉnh như cũ.

Trong trại Tân Lập có một số bể chứa nước cho tù dùng. Từ trạm thủy điện đặt bên ngoài trại nước được bơm vào các bể trong một hệ thống bình thông nhau.

Buổi sáng bắt đầu trận dịch: toàn trại ngã bệnh. Không có thuốc, hết người này đến người khác theo nhau ra bãi tha ma dành cho tù.

Trong nhà tù nhiều lần tôi được mục kích sức đề kháng mãnh liệt của cơ thể con người Việt Nam. Những người tù ốm vốn đã gầy còm vì thiếu ăn vật vờ ngoài sân trại như những bộ xương biết đi, chẳng được chữa chạy, chẳng có thuốc men gì ráo, thế mà không chết.

Khi dịch tắt thì đến lượt tôi ngã bệnh. Trong thời gian có dịch tôi rất giữ gìn, không dám dùng một chút nước lᾶ nào, đến cả nước rửa mặt đánh răng cũng dùng nước đã đun sôi. Mấy anh tù nhà bếp ưu ái tôi, tôi muốn xin bao nhiêu nước chín cũng được.

Kiết lỵ là một bệnh rất khó chịu. Sức khỏe xuống rất nhanh cùng với những cơn đau bụng quằn quại. Diệp Bản Minh, Tôn Thất Tần, cả hai ông nông dân phản cách mạng Phún Nàng Cái và Lầm Xì Lần đều lo cho tôi. Chỗ chổ mở mắt ra tôi lại thấy hoặc người này hoặc người kia ở bên mình. Trần Chấn Hoa những ngày ấy chuyển đi nằm chỗ khác - y sợ lây. Vả lại, y cũng chán. Tôi kín như bưng. Chẳng có thể gọi ở tôi câu gì. Đôi khi, sốt ruột, y hỏi thẳng vào chuyện vụ án. Tôi bảo công an dặn đây là bí mật của Đảng không được nói với ai, thế là xong.

Một đêm tôi thức giấc vì nghe mơ hồ có tiếng người gọi.

- Ai đấy?

- Em đây, Cao đây!

Trong bóng đêm tôi thấy một bóng người lờ mờ cúi xuống. Cái bóng ghé sát tai tôi:

- Anh ơi, anh đừng chết!

Tôi bật cười. Làm sao có thể đừng chết được? Chết là cái không thể đừng. Sức mạnh của cái chết là không thể ngăn cản.

Cao ghé người nằm xuống. Đó là một thanh niên nhỏ bé, nhưng rất nhanh nhẹn, bị tập trung cải tạo với tội danh biệt kích. Tôi không hiểu tại sao Cao bị tập trung cải tạo. Nhưng tôi cũng chẳng buồn tìm hiểu. Trong nhà tù có quá thừa những điều làm tôi ngạc nhiên. Đây là nơi tập trung những điều phi lý nhất nhưng có thật. Nói theo cách Descartes<sup>1</sup>, chúng tồn tại chỉ vì chúng hữu hình.

- Trong trại chỉ có hai người cộng sản là anh và em. - tôi nghe tiếng Cao thì thào bên tai - Em có trách nhiệm bảo vệ anh.

<sup>1</sup> René Descartes (1596-1650), triết gia Pháp. Câu nói nổi tiếng của ông: "Tôi tư duy, vậy thì tôi tồn tại".

Cao tưởng lầm – một người như tôi ăn phải là đảng viên cộng sản.

Tôi cố cưa quậy cánh tay nặng như chì để nắm lấy tay Cao:

- Cảm ơn em.

- Em đã bàn với bác Tần. Bác với em sẽ cố gắng chăm nom anh để anh chóng khỏe...

Tôi cười cay đắng. Giờ đây có hai người hết sức khác nhau đang ra sức giúp tôi chống lại cái chết: một phản cách mạng và một cộng sản.

Sáng hôm sau, theo lời khuyên của Cao, tôi viết một bức thư gửi về cho gia đình để gia đình xin thăm đột xuất, mang thuốc cho tôi. Tôi viết, không mấy tin tưởng ở kết quả bức thư. Nó đến được hay không là một chuyện. Nhà cầm quyền có cho gia đình lên thăm tôi hay không là chuyện khác. Bức thư đã đến. Vợ tôi tức tốc lên ngay. Bằng cách nào Cao gửi được bức thư tôi không biết. Chắc Cao bàn với Dịp Pún Mǎn và gián điệp quốc tế đã liều mạng để cứu tôi.

Từ hôm đó hàng ngày đi làm về là Cao đến giặt giũ quần áo cho tôi, lo lắng cơm nước cho tôi, mặc dù Cao ở một toán khác. Tôi được ăn nhiều rau hơn, thức ăn ngon hơn, cơm cũng nhiều hơn, có hôm là ngô tươi. Thức ăn của trại được hâm lại, nóng hổi. Trong bữa ăn, Tôn Thất Tần và Cao ngồi bên, khuyến khích tôi ăn từng miếng.

Tôn Thất Tần mách tôi:

- Anh phải ngăn thằng Cao. Ai lại nó leo vào cả vào trong kho của Ban lấy cắp mì chính, muối, cả ngô nữa. Họ mà bắt được thì chết!

Cao nghe tôi trách, cười hì hì:

- Nghè em mà, anh đừng lo.

Lúc ấy tôi chưa biết Cao là chiến sĩ đặc công.

Cũng trong những ngày này Cao kể cho tôi nghe vì sao cậu ta mang tội danh biệt kích.

Hai năm trước, tại vùng chiến thuật 1<sup>1</sup>, tiểu đội trinh sát của đơn vị đặc công mà Cao là tiểu đội trưởng đang len lỏi trong rừng thì gặp một trung đội thám báo địch từ trực thăng đổ xuống. Một trận tao ngộ chiến dữ dội nổ ra. Kém hẳn đối phương về quân số và trang bị, các chiến sĩ trong tiểu đội Cao lần lượt ngã xuống. Còn lại một mình Cao và một đồng đội bị thương nặng. Cao bắn trả cho tới khi khẩu AR15 hết đạn. Đúng lúc Cao đập khẩu súng, cõng đồng đội xông ra để cướp khẩu khác quyết tử với địch thì viên sĩ quan phía bên kia quát lên: "Không được bắn! Phải bắt sống!"

<sup>1</sup> Vùng từ Quảng Trị - Thừa Thiên kéo dài tới Đà Nẵng.

Đưa Cao về vị trí đổ quân, viên sĩ quan ra lệnh cởi trói cho Cao, rồi rót rượu mời Cao: "Tôi hân hạnh được mời rượu một người anh hùng! Hãy bỏ qua một bên chuyện bên này bên kia để uống với tôi, một người Việt, đồng bào anh!". Cao uống. Theo đề nghị của Cao, viên sĩ quan chôn cất cẩn thận các bạn đồng đội của Cao trước mặt Cao, rồi gửi trực thăng đưa Cao về Sài Gòn.

Cao bằng lòng chiêu hồi, được cho đi học tại khu biệt kích Long Thành. "Không dễ dàng gì mà vào trinh sát trong một trường huấn luyện biệt kích của địch, Cao nghĩ. Mình tương kế tựu kế vào trong đó tìm hiểu rồi trở về báo cáo với trên, hóa hay!". Xong lớp huấn luyện Cao được ném ra miền Bắc, xuống khu vực Yên Bai. Sau khi giết toán trưởng biệt kích, Cao ôm điện đài chạy ra quốc lộ, giờ súng chặn một chiếc xe tải, bắt chở thẳng về Hà Nội.

Cao được đón tiếp tử tế, được nuôi nấng chu đáo, sang trọng nữa là khác, trong suốt thời gian ngồi ở cơ quan Bộ Tổng Tham mưu. Người ta bảo Cao viết lại toàn bộ những gì cậu ta tìm hiểu được ở Long Thành. Viết xong thì cán bộ quân pháp tới bắt Cao mang đi giao cho bên công an. Đó là lý do vì sao Cao có tội danh biệt kích mà không có án hình.

Tôn Thất Tần biết chuyện, lắc đầu:

- Người ta đối với cậu rửa tệ quá!
- Thế người ta đối với bác không tệ à?
- Tui khác, cậu khác. Tui là phản cách mạng. Cậu là cách mạng.

Sau khi bị tóm trát, Cao không dám leo vào kho công an ăn trộm nữa. Có vẻ cậu ta coi ý kiến của tôi là mệnh lệnh cấp trên, không thể cưỡng.

Cơn bệnh qua, tôi ăn giả bữa, lúc nào cũng thấy đói. Thèm đủ thứ. Thậm chí nghĩ tới một miếng cháy nước dãi đã ứa ra.

Còn nhớ một hôm toán tôi được lệnh đi chữa nhà cho Ban Giám thị, mấy ông bạn tù già mừng rơn khi khám phá ra lu nước gạo của Ban đầy cơm thừa đổ đi lẩn lộn với trăm thứ bà dẵn khác. Tôi được phân công ở trên mái để dặm lại mấy chỗ tranh mục, đồng thời canh chừng cho các bạn tù "xột xệt'" bên dưới. Tôi vờ căm cụi làm, nhưng mắt vẫn bao quát một vùng chung quanh. Chỗ cơm thừa trong phút chốc đã trở thành nồi cháo ngon lành, tuy phảng phất mùi chua của dấm bỗng.

Ở bên dưới người ta gọi lên:

- Bác Hiên ơi! Bác xuống ăn với chúng tôi.
- Tôi cảm thấy ruột gan cồn cào, nhưng tôi rùng mình khi nghĩ tới lu nước gạo.
- Cảm ơn các bác. Các bác cứ ăn đi. Để tôi gác cho.

- Chúng tôi sẽ để phần bắc.
- Tôi không ăn đâu. Mấy bữa nay bụng dạ tôi vẫn còn không tốt.
- Vậy cũng được. Chúng tôi ăn hết nhé?

Trong nhà tù cuộc đánh nhau với bản thân không bao giờ kết thúc. Chỉ có thể thắng từng trận một. Câu chuyện năm xưa với ông Đặng Xuân Thiều trở về trong trí nhớ. Biết ông được các đồng chí gọi là "anh hùng thành Ký Con"<sup>2</sup>, vì ông đã chịu đựng được hai mươi bảy trận đòn tra liên tục, tôi hỏi ông:

- Chú ơi, làm thế nào mà chú chịu đựng giỏi thế?

Ông cười hì hò:

- Giỏi gì! Tao cứ cố chịu từng trận một, Chịu được đến đâu biết đến đấy. Có thể trận thứ hai mươi tám thì tao gãy, biết đâu đấy, ai dám nói chắc. Nhưng đến đấy chúng nó mệt, chúng nó bỏ cuộc, thì tao được anh em bốc lên tôn tao là anh hùng, chứ anh hùng cái quái gì đâu...

Ông không khiêm tốn giả vờ. Ông nói sự thật "chúng nó mệt, chúng nó bỏ cuộc", nhưng chất anh hùng thật lại ở chính trong lời thú nhận "biết đâu đấy, ai dám nói chắc". Cái chất ấy ông vẫn giữ được khi cách mạng thành công rồi, có thể nhân danh những hy sinh để đòi hỏi đãi ngộ. Là anh em con chú con bác với tổng bí thư Trường Chinh, ông có thể kiếm được một chức to. Chính Trường Chinh đã tỏ ý muốn đưa ông vào trung ương để ông có thể làm bộ trưởng hoặc một chức nào đó tương đương, từ đó mà lên cao nữa, vào Ban Bí thư hoặc Bộ Chính trị. Nhưng ông khước từ, ông chỉ xin làm vụ trưởng Vụ Bảo tồn bảo tàng để có quyền chăm lo cho những gì tổ tiên để lại không bị mai một. "Thấy đèn chùa bị phá nhiều quá, tao sót, ông nói. Hết Bắc thuộc lần thứ nhất đến Bắc thuộc lần thứ hai, rồi trải qua biết bao nhiêu cuộc chiến tranh khác, các công trình kiến trúc của các cụ có còn được là mấy. Phải có người giữ gìn chứ!"

Những tấm gương của thế hệ đi trước nâng đỡ tôi rất nhiều trong những năm tù, từ ngày đầu tiên cho tới ngày cuối cùng. Khi bị những cơn đói dày vò tôi thường nhớ tới các bậc tiền bối cách mạng đã chịu đựng thế nào trong nhà tù để quốc để động viên mình vượt qua sự khổn khổ.

Những cơn đói cồn cào vào cái đận giả bữa bớt hành hạ tôi còn nhờ những ván cờ của Tôn Thất Tần. Về cờ tướng tôi không đáng học trò ông. Nhiều hôm, mải đánh cờ, tôi quên cả ăn. Tôi quên

<sup>1</sup> Tiếng lóng: *xột xệt* (nấu nướng).

<sup>2</sup> Tên thành phố Hải Phòng do những nhà cách mạng đặt từ thời kỳ bí mật, không hiểu sao sau Cách mạng Tháng Tám tên này lại không được dùng. Có lẽ vì Ký Con là anh hùng, nhưng là đảng viên Quốc dân đảng.

thì đã có Cao nhór. Thấy chúng tôi đang mê mải chơi cờ cậu ta vác bát ra lĩnh cả cho tôi lẩn Tôn Thất Tần.

Tôi cũng thích để Cao nhận phần cơm cho chúng tôi. Tuy việc chia cơm trong các toán số *lẻ* có tiếng là công bằng, nhưng không phải vì thế mà được phép lơ là. Cao không hổ danh chiến sĩ trinh sát. Mắt cậu ta tinh như mắt mèo, không cho phép ai qua mặt.

Tù số *lẻ* chia cơm bằng cân. Người ta làm lấy một cái cân thô sơ để cân cơm. Cái cân tự tạo giống như cân tiểu ly, chỉ cần thêm hoặc bớt một chút xíu cơm bằng đầu ngón tay là nó đã mất thăng bằng. Tù số *chǎn*, dù “*boọc*”, dù có án, đều nhìn cái cân bên số *lẻ* bằng con mắt khinh bỉ. Quen ăn tiêu về nhiều ngoài xã hội, họ coi cái sự cân cơm là ti tiện. Tù số *chǎn* dùng bát để đong khi chia cơm, bát vục mạnh thì cơm được nêm chặt, vục yếu thì cơm xốp, cho nên suất cơm của các sĩ *quan* bao giờ cũng lớn hơn suất cơm lính.

Về chuyện chia thịt thì cả số *lẻ* lẫn số *chǎn* đều chia như nhau, theo cùng một cách. Tù sấp bát thành hàng, người chia thịt chọn từng miếng đều nhau gấp vào mỗi bát. Chia cho thật đều rất khó vì nhà bếp chặt miếng to miếng nhỏ, miếng nạc miếng xương, không bằng nhau. Người ta giải quyết chia cho công bằng bằng cách viết tên cả toán vào một mảnh giấy, một người cầm mảnh giấy quay lưng lại những bát thịt đã được chia, một người khác gõ bất ưng vào một cái bát nào đó, người cầm giấy xương lén một cái tên, thế là người có tên lĩnh phần thịt mang đi. Cách này gọi là quay mặt đặt tên. Như thế, mỗi lần trại cho ăn thịt là mỗi lần mình phải nhận phần trong bát người khác. Có những cái bát cóc cáy, nhìn mà ghê, lúc đầu tôi rất sợ, mãi mới quen. Mọi người đều cho rằng Tôn Thất Tần bị lao phổi, nhưng đến bữa có thịt, người nào vớ phải bát của Tôn Thất Tần cũng vẫn ăn ngon lành như thường. Ở trong tù mà khắt khe chuyện vệ sinh cũng chẳng được. Đã ở tù thì phải chịu ở lẩn với đủ thứ bệnh tật. Trong trại có cả người hủi. Anh ta ở chung với mọi người, nhưng chưa thấy ai bị lây. Về sau, gặp được viên giám thị tốt bụng, anh ta được ở cách ly trong một phòng con tí xíu ở đầu hồi trạm xá<sup>1</sup> và từ đó thôi không phải đi lao động hàng ngày nữa.

Trong trại giam dù anh có án hay anh “*boọc*”, dù anh mang số *lẻ* hay số *chǎn*, dù anh là tù thường hay tù binh, đều là tù tuốt. Tù thì phải lao động. Nhưng nếu lao động để mà sống thì chuyện dễ hiểu. Khó hiểu ở chỗ lao động cải tạo kia.

Người nước ngoài thường có sự hiểu lầm cụm từ “lao động cải tạo”. Họ tưởng chỉ có tù mới phải lao động cải tạo. Hoàn toàn không phải thế. Sau năm 1950, biên giới Việt - Trung thông thương, khái niệm lao động cải tạo được du nhập vào Việt Nam lần đầu. Nó tới cùng với sự học tập giáo trình Lịch Sử Tiến Hóa Nhân Loại, trong đó Charles Darwin<sup>2</sup> được nhắc đến một chút, Marx và Engels một chút, còn lại là sự phát triển tư duy của Mao Trạch Đông và các lý thuyết gia nội hóa. Chúng tôi, con

<sup>1</sup> Phòng khám bệnh và điều trị cho tù.

<sup>2</sup> Charles Robert Darwin (1809-1882), nhà cách mạng trong sinh vật học, giải thích sự tiến hóa của nhân loại theo quan điểm duy vật.

cháu loài khỉ<sup>1</sup>, phải biết ơn lao động, mà là lao động chân tay kia, chứ lao động trí óc không được tính đến, nhờ có nó mà tổ tiên chúng tôi mới thành người.

Câu nói "Trí thức mà không có thực hành giá trị không bằng cục phân" của Mao chủ tịch được nhắc đi nhắc lại là trong thời kỳ này. Người mác-xít chỉ biết có một thứ trí thức ứng dụng, trí thức lý thuyết là đồ bở. Trong chính sách cán bộ, khi xem xét khả năng cán bộ để cất nhắc, để điều động, tiêu chuẩn lao động chân tay được coi như một thử thách không thể thay thế. Nói cách khác, người ta thành tín cho rằng có thể cải tạo con người bằng lao động. Thành thử cán bộ bên ngoài cũng phải đi lao động chân tay thường xuyên, gọi theo cách Trung Quốc là *hạ phóng*. Tôi đã *hạ phóng* một lần về mấy xã huyện Đông Quan tỉnh Thái Bình với ông Nguyễn Đức Quỳ, thứ trưởng Bộ Văn Hóa. Chúng tôi đi cày, đi cấy, be bờ, tát nước cùng với nông dân. Tôi làm giỏi hơn các cán bộ thành phố nhờ những năm ở làng với bà cô trọn đời đồng trinh. Trong những năm xa xưa ấy tôi đã quen với mọi công việc của nghề nông. Nhưng quen thì quen, chứ cả tôi, cả ông thứ trưởng có học đều không tin lao động có thể làm cho chúng tôi trở thành người hơn con người chúng tôi hiện có. Cứ tới thứ bẩy, chủ nhật là chúng tôi lấy cớ đi họp trên tinh để lên thị xã Thái Bình tắm nước nóng.

Người tù, theo quan điểm của các nhà lãnh đạo, lại càng cần phải cải tạo bằng lao động. Họ cho rằng người tù bị tù là do có những tư tưởng xấu, tư tưởng địch, nếu chịu khó lao động, anh ta có thể tự cải tạo mình để trở thành người tốt. Những người tù chăm chỉ lao động được giảm án nhiều hơn những người tù lười lao động. Những người yếu đuối không có khả năng lao động cũng bị coi là lười, đâm ra bị thiệt.

Toán tôi là toán tạp dịch, nay đi nhổ cỏ lúa, mai đi cuốc ruộng. Từ trong xà lim ra, bốn năm có lẽ không đụng tay đụng chân đến việc gì, nay cầm cuốc cầm cày, tôi rất mệt. Nhưng tôi cố gắng để không kém mọi người, bởi vì công việc được khoán theo tổ (nhóm nhỏ), mình làm ít thì người khác làm nhiều. Hơn nữa tôi không muốn để cho những kẻ muốn hành hạ tôi được thấy tôi khổ sở vì lao động vất vả. Tôn Thất Tân biết ý, nói nhỏ với anh em bên cạnh chỉ làm "*túc tắc*" thôi, đạt mức thì tốt, không đạt thì thôi, cho tôi nương vào. Được cái người ta chỉ có thể quở trách một cá nhân làm không đạt mức, chứ khi cả tập thể không đạt thì huề, bao giờ cũng có cả đống lý do để biện bạch.

Một hôm toán được phân công cuốc đồi trồng sắn. Trời nắng chang chang, quanh chõ làm không một bóng râm, đồi lại toàn sỏi lõn nhổn, tôi vừa làm vừa thở hồng hộc. Quản giáo ngồi nấp dưới một cây sắn còn sót lại, phanh áo ra mà quạt, mặt đỏ lựng. Khi được lệnh nghỉ, tôi nằm vật ngay ra chõ đất vừa cuốc, thiếp đi. Tôi mơ thấy mình đang nằm bên một dòng sông trong vắt, nước ụp oạp mênh mông, cái transistor đặt trên bụng. Từ trong máy phát ra bản Concerto Số Một của Tchaikovsky<sup>2</sup> do

<sup>1</sup> Vì nghe thế nó... khỉ quá, nên ông Trần Văn Giàu đã sửa lại trong giáo trình Duy Vật Lịch Sử của ông rằng loài khỉ tổ tiên của loài người là "hầu nhân".

<sup>2</sup> Tchaikovsky Piotr Ilich (1840-1893), nhà soạn nhạc nổi tiếng người Nga.

danh cầm Van Klibern<sup>1</sup> chơi. Tôi đang sung sướng tận hưởng khúc nhạc tuyệt vời, nhờ nó Van Klibern được giải thưởng quốc tế Tchaikovsky năm 1956, được nước Mỹ trao thám đón mừng, được tổng thống Mỹ đích thân tiếp, thì nó nhỏ dần rồi mất hẳn, như thể sóng điện bị lạc. Tôi cuống quít vặn núm dài nhưng không tìm ra. Tỉnh dậy, thấy tay mình vẫn còn đang loay hoay cái núm vô hình, trên đầu mắt trời chói lòa.

- Anh ngủ tài thiệt! - Tôn Thất Tần nói - Được một giấc rồi đấy.

Tôi đứng lên, bàng hoàng. Dưới chân tôi là một hình người in rõ nét trên mặt đất lõn nhổn.

- Tôi được một giấc mơ đẹp. - tôi nói - Hoài của, có một bản nhạc hay ơi là hay mà không nghe được hết. Bác không chợp mắt một chút à?

- Chợp răng được. Nắng rọi vào mắt như ri. Tui đang mải ngắm con trâu.

Chênh chêch dưới chân chúng tôi một con trâu đang lười biếng vặt từng nạm cỏ hiếm hoi. Cái đuôi trần trụi với túm lông thưa quật đi quật lại không mệt mỏi.

- Nó có gì lạ?

- Tui ghen với nó.

- Sao lại ghen?

- Nó sướng quá!

- Sướng cái gì chứ?

Một nụ cười chua chát thoảng bay trên khói miệng "Jean Valjean gọi bằng cụ":

- Nó không bao giờ phải cải tạo. Ra đời đã lao động rồi. Đỉnh cao của vinh quang! Loài người từ khỉ mà lên nhờ lao động. Chúng mình lao động mãi như ri rồi sẽ tiến lên loài chi nhỉ?

---

<sup>1</sup> Van Klibern, danh cầm người Mỹ, đoạt giải Tchaikovsky với bản Concero Số Một, năm 1956 tại Moskva.

## 39

Nguyễn Xuân Cao được ra trại bất thình lình.

Một sáng, toàn trại đang ngồi ngoài sân chờ đi lao động thì phó giám thị kiêm cán bộ phụ trách giáo dục gọi tên Cao.

Cao lững thững đi lên trước hàng. Bao giờ cậu ta cũng lững thững như thế, mặc dầu cán bộ trại uốn nắn nhiều lần. Cái dáng đi ngang tàng như có ý nói: "Tao đây! Chúng mày muốn gì?"

Tôi ngồi ở hàng không nghe được họ nói gì với nhau. Chỉ thấy Cao quay lại nhìn tôi rồi đi theo cán bộ giáo dục. Lát sau, từ phía nhà giam Cao cắp quần áo chạy như bay về phía tôi. Một quản giáo chặn Cao lại.

- Em đi nhááá! - Cao kêu lên từ xa.

- Đi đâu? - tôi hỏi với.

- Em được thaaa... !

Viên quản giáo nắm lấy tay Cao, lôi tuột về phía cổng.

Từ đó tôi không gặp lại chàng trai đáng mến nữa.

Tôn Thất Tần trở nên đăm chiêu.

- Tui không tin cậu ta được tha. - ông nói, mấy hôm sau - Anh có nghĩ rửa không?

Tôi hơi ngạc nhiên trước ý nghĩ của ông.

- Tha là chuyện bình thường. có gì lạ đâu? Cậu ta có thể bị oan, hoặc có những tình tiết giảm nhẹ...

- Tha chi mà mần rửa. - ông nhăn trán - Cao lại chưa hết một lệnh. Cũng không tha theo đợt, mà gọi ra một mình. Có khi nó bị chuyển đi trại khác cũng nên.

Tôi thì tôi tin Cao được tha. Có gì lại đâu, người ta xác minh xong rồi thì người ta tha. Chuyện xác minh kéo dài hàng năm là chuyện thường. Đã từng có những chiến sĩ cách mạng bị vu oan có khai báo bị ngồi chơi xơi nước cả chục năm. Giờ đây người ta đã biết chiến sĩ trinh sát Nguyễn Xuân Cao đúng là đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng trước khi bị bắt, trên lưng cõng đồng đội bị thương. Báo cáo tóm tắt của Cao về khu biệt kích Long Thành cũng chính xác. Nó rõ ràng là một chiến tích. Chẳng lẽ một việc dễ như vậy mà lại không xác minh được? Với tất cả sự giỏi giang của ngành quân báo.

Cách tha kỳ cục, không dám cho người được tha tiếp xúc với ai, không làm tôi ngạc nhiên. Trong một xã hội mắc bệnh sân khấu cuồng thì mọi sự đều có thể. Chẳng qua người ta thấy Cao thân với tôi, không muốn trước khi Cao ra về tôi nhắn Cao làm hộ việc gì đó, chuyển lời tới ai chẳng hạn. Có thể là như thế.

Cao để lại tất cả tài sản: hai cái tô men, thìa, đũa. Tôi đem cho một bạn tù nghèo. Anh chàng gày còm da bọc xương có cái bát men đại lại thủng lỗ chỗ. Ngày nào tôi cũng thấy anh ta hàn vá bằng nhựa PE đốt cháy thành những giọt đèn như nhựa đường. Có hôm được xuất canh trại nấu xương bò, vừa được chia nước đã chảy tong tong. Canh nấu xương là quý lắm, anh ta húp vội húp vàng nhưng không kịp, nước canh chảy ướt cả ngực áo. Vả lại, tôi không muốn nhìn thấy những kỷ vật gợi nhớ tới chú em đã chăm chút tôi trong những ngày tôi憧憬 là cuối cùng của đời mình.

- Tui e thằng Cao bị đưa lên Cổng Trời. - Tôn Thất Tần buồn rầu - Dễ rửa lắm!

Tội nghiệp, nếu Cao bị đưa lên đó.

Cổng Trời là một trại giam ở xa tít mù tắp mãi tận Hà Giang, giáp giới Trung Quốc.

Cổng Trời đi vào huyền thoại, là nỗi kinh hoàng của tù. Những người đã từng sống ở Cổng Trời thậm chí không muốn kể về nó, không phải chỉ vì sợ công an trừng phạt (nghiêm cấm nói tới bí mật của các trại), mà còn vì sợ người nghe cho rằng mình bịa đặt. Nghe nói có chuyến tù hơn bảy chục người bị đưa lên Cổng Trời chỉ còn có hai người trở về. Dường như Tôn Thất Tần đã ở cái trại kinh khủng đó, nhưng ông ngậm tăm. Những người tù nói rằng ai đã lên Cổng Trời mà còn về được coi như sống lần thứ hai. Không giống những trại khác, Cổng Trời là nơi chỉ có tù số /lẻ, và là tù đặc biệt quan trọng, đặc biệt nặng. Chế độ giam giữ ở đây rất khe khắt. Hơi một tí là bị khóa cánh tiên, bị hạ huyệt, còn nếu bị cùm hộp thì coi như đói đi tong.

Khóa cánh tiên là thế nào thì khi chuyển tới trại Phong Quang ở Lao Cai tôi mới được biết. Người tù bị khóa cánh tiên phải dang hai tay ra, lòng bàn tay mở ngang với ngực, sau đó hai tay sẽ bị kéo vào từ từ cho tới khi cổ tay sát nhau, lúc bấy giờ mới bập khóa số 8 lại. Với cách khóa này, lòng ngực người tù bị căng ra hết mức, rất đau đớn. Có người chỉ chịu được vài phút là ngất xỉu, nhưng cũng có những người chịu được hàng tiếng đồng hồ liền.

Hạ huyệt thì mắt tôi chưa thấy. Mà hạ huyệt hoặc cùm hộp cũng chỉ có ở một trại Cổng Trời mà thôi. Hạ huyệt, theo người ta kể, là thế này: người tù nằm vào một mảnh ván, bị cùm, mảnh ván

được hạ xuống một hố sâu như cái huyệt, sau đó nắp được đậy lại. Trong huyệt ngập lấm, không khí chỉ rỉ vào qua những lỗ nhỏ, người tù ở dưới phải há mồm như cá ngao để đớp từng ngụm không khí.

Kinh khủng nhất là cùm hộp. Đó là hai thớt gỗ to được khoét lõm theo hình hai cẳng chân người. Người tù bị cùm hộp là chắc chết, bởi vì chỗ lõm vào rất nhỏ, khi thớt gỗ trên hạ xuống cũng là lúc người tù chỉ kịp hé lèn một tiếng rồi ngất liền - xương cẳng chân đã vỡ vụn. Bị cùm hộp người tù sẽ chết sau một hai ngày, giải lỏng thì được một tuần. Nhưng đã có người chịu được tới hơn hai chục ngày. Ban Giám thị báo cáo trước toàn trại: "Tên X. sau hai mươi ba ngày chịu kỷ luật đã đền tội!". Trong ngôn ngữ công an, đền tội có nghĩa là chết. Xác tù chết bị vùi nồng trong các hố, đòn lợn trại thường ra nghĩa trang lấy mõm cầy lén, nhai rau ráu.

Tôi xếp những chuyện kinh khủng đó vào lĩnh vực huyền thoại. Thật khó tin rằng những người mà trước đây tôi gọi bằng đồng chí lại có thể tàn ác đến thế.

Tôi ghi lại chuyện này để sau có ai nghiên cứu chế độ nhà tù Việt Nam thì tìm hiểu thêm - không có lửa sao có khói? Mặt khác, tôi cũng không nghĩ những người tù đã qua cái trại giam khủng khiếp này bịa chuyện. Họ, theo tôi nhận xét, là những người đứng đắn và có tư cách hơn những người lãnh đạo quốc gia rất nhiều.

"Jean Valjean gọi bằng cụ" yên trí với sự ở tù. Ông coi tù là nhà.

- Tui sẽ ở nơi ni cho tới chết! - ông nói.

- Böyle nào. Rồi cũng có lúc bác phải ra khỏi chốn này chứ! Nó đâu phải chốn vĩnh cửu cho con người.

- Đó là karma<sup>1</sup> của tui.

Mùa đông đến, gió bắc thổi ù ù, mặt người nào người nấy tím tái, nhưng chúng tôi vẫn phải ra đồng từ sớm. Cực hơn cả là đúng vào lúc giấc ngủ say xưa nhất thì quả bom chết treo lủng lẳng trên cổng trại bỗng đùng đùng thét lên làm chúng tôi giật bắn mình. Lồm cồm bò dậy, những người tù ngạc nhiên thực tại - bóng người nằm, ngồi ngổn ngang, hoặc đang lồm cồm bò dậy từ những manh chiếu trải sát nhau trên hai tầng giường, khói thuốc lào khét lẹt.

Giấc mơ về cuộc sống khác đã rời xa. Tôi bất giác nhớ tới bài thơ Kèn La Vầy Ở Ngục Kontum của Hà Phú Hương<sup>2</sup>:

<sup>1</sup> Karma là nghiệp, gốc tiếng Phạn.

<sup>2</sup> Kèn báo thức, la-vầy là tiếng Tây bồi từ réveille của tiếng Pháp, nghĩa thức giấc. đánh thức. Tác giả, một nhà cách mạng thuộc thế hệ 30, sau cách mạng giữ một chức vụ nhỏ bé, không được ai biết đến. Tôi có gặp ông trong rừng Việt Bắc, thời kháng chiến chống Pháp.

*Kèn ai đó! Linh hồn đang cơn say đắm.*

*Kèn kêu, cỗ bừng mắt ngay,*

*Để cùng săn tay, khúc đường chờ đây!*

Bài này được in trong nhiều tập tuyển thơ ca cách mạng. Tác giả đọc nó cho tôi, một thằng bé con mặc áo lính, trong một đêm lạnh giữa rừng Việt Bắc.

Nhà thơ cách mạng cao ngồng, gày nhẳng, đung đưa trong ánh sáng lay động của đĩa đèn dầu lạc, mái tóc bạc xõa xuống trán, ngẩng cao đầu bắt chước điệu kèn Tây: "Tò te tí, te tò te te te tí! Tò te, tí tò tí te, tí tò tí te, tí tò tò te!" Nhìn ông hào hứng cất giọng trầm bổng "*Nó rung lên gắt gỏng bỗ vào tai. Hơn cả tiếng mẹ chồng đay lúc dỗi. Trời chưa sáng, đây phong lan bóng tối...*", tôi hình dung những bậc tiền bối cách mạng chân xiềng tay xích bừng tinh giặc nồng giữa một banh tù chật ních mà rùng mình. Tôi nghĩ mình mà phải ở tù thì eo ơi, chết mất, không sống nổi.

Nghe tiếng kẽng báo thức đinh tai, xoáy vào óc như một mũi khoan, làm sờn gai ốc tôi muốn bắt chước Hà Phú Hương làm một bài thơ về nó lăm. Phùng Mỹ nói đùa: "Âm mưu để quốc gorm thật. Này nhé, đế quốc Mỹ làm bom. Đế quốc Pháp ném. Bom từ đại chiến thế giới lần thứ hai để lại quả nổ quả tịt. Quả này tịt hẳn rồi mà vẫn tiếp tục giết, không giết người được nữa thì nó giết tế bào não của người! Thù này muôn đời muôn kiếp không phai!". Một tú thơ vui, đầy ngạo nghễ. Nhưng không được như tiếng kèn, quả bom chỉ phát ra một âm điệu đều đều. Nếu lúc đầu nó la hét thì ở đoạn cuối nó thở rốc vì mệt mỏi. Hoặc vì chán ngán. Bài thơ không thành. Nó cần âm điệu. Âm điệu lại không có.

Tiếng Việt có những từ "đói" và "rét", "đói" và "rách" hay đi liền với nhau thành cặp - đói rét, đói rách. Cái sự liên kết xem ra có lý lăm. Người tù rét vì đói. Chúng tôi người nào cũng gày, chẳng ai có lấy một lớp mỡ mỏng dưới da để ngăn cái lạnh luồn vào sâu trong cơ thể. Những ván cờ không làm chúng tôi quên được cái đói cồn cào. Tôi kiên trì tập lại hatha yoga mỗi đêm, trước khung cửa sổ mở toang, trong tiếng ngáy rầm rĩ của một trăm cuốn họng.

Cái đói làm cho con người mụ mẫm đi, sinh ra những quái tượng. Chẳng hạn, ở bên số chẵn tù thường bắt chuột, nghé, chão chàng, thằn lằn, nướng qua quýt ăn tại trận. Có lần tôi thấy một anh tù bắt được ổ chuột con chưa mở mắt. Lại đúng vào lúc kẽng hết giờ làm, củi lửa phải rập hết, không nướng được nữa. Thế là anh ta nhai sống luôn mấy con chuột con, máu chuột chảy ròng ròng hai bên mép.

Lại có anh chàng mỗi ngày ăn hết hai tờ Nhân dân. Tôi xin thề rằng tôi không bịa. Nếu không thấy tận mắt chính tôi cũng không tin. Anh chàng này thấy ai có tiếp tế là sà đến xin. Không phải xin tiền, xin ăn, nghề hành khất không tồn tại trong trại, mà là xin giấy gói. Xin được rồi, bất kể giấy gì, phần nhiều là báo Đảng, anh ta ăn tại chỗ trước con mắt kính hoàng của mọi người.

- Anh chàng ni mới là tay có lập trường cao nhứt trong chúng ta! - Tôn Thất Tần bình luận - Chúng ta năm thì mười họa mới được nghe cán bộ giảng giải đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Nghe thời cưng câu được câu chǎng, tam sao thất bản. Hắn ta nuốt chửng lời của Đảng vào bụng, phỏng có ai bằng?

Ai cũng biết dạ dày không tiêu hóa được vỏ khoai lang. Thế nhưng đám lính vét bên số *chǎn*, vật vờ như những cô hồn, cứ đến bữa cơm lại mò sang các nhà số /é nhặt nhạnh bằng hết những vỏ khoai ở dưới đất. Từ “số /é” cũng đói, nhưng phần lớn đã đứng tuổi, giữ được sự tỉnh táo. Đám trẻ khi đói thì rơi vào cơn hôn mê.

Trong đám tù số /é có một nhân vật đặc biệt, người miền Nam tập kết tên Dần, biệt hiệu Dần Cụt. Anh ta có một bộ mặt kỳ dị. Tôi chưa từng gặp bộ mặt nào kỳ dị như thế. Nếu nhìn anh ta từ bên trái trong tư thế nghiêng ta sẽ thấy một con người hiền lành, phúc hậu, chân chất, nhưng chỉ cần bước một bước sang bên phải thì ta sẽ rùng mình thấy trước mắt mình một quái vật, một con quỷ. Tôi không nói ngoa: một cái sẹo lớn chạy từ đỉnh đầu xuống trán, bạt đi một nửa lông mày, kéo xệch mi mắt lên trên để lộ một con ngươi trợn trừng, lòng trắng nhẳng nhiệt những tia máu đỏ. Một cái sẹo khác trên má chạy xuống tới tận cổ, kéo khóe miệng bất động về phía mang tai, phô ra nửa hàm răng lởm chởm. Bên dưới cái vai lẹm vì một vết chém thứ ba là cánh tay cụt tới cùi chỏ.

Anh Nguyễn Hữu Muôn, cũng dân tập kết, nhà báo, bị tập trung cải tạo (vì một cuốn tiểu thuyết chưa kịp viết, theo anh kể, hoặc do đám nói xấu lãnh tụ, theo những người khác) cho biết Dần Cụt tham gia cách mạng suốt từ tổng khởi nghĩa cho tới khi tập kết. Hồi mới tham gia cách mạng anh ta làm đạo phủ, nghe nói chém nhiều người lăm. Những vết sẹo trên mặt Dần Cụt là do một tội nhân chết hụt ném lựu đạn để trả thù. Một người Nam bộ khác, anh Thạch Mười, tín đồ Hòa Hảo, làm nghề đánh xe trâu trong trại, nói rằng Dần Cụt bị tù là do các oan hồn báo oán. Chứ anh ta nông dân, trình độ chính trị thấp hèn, văn hóa mới thoát nạn mù chữ, chẳng có lý do gì để trở thành số /é cả.

Tôi ngạc nhiên gặp quá nhiều người Nam bộ tập kết trong tù. Cái đó giống như một điều không thể tin là có thực: là những cán bộ, chiến sĩ cách mạng trải qua cuộc kháng chiến chống Pháp, sau khi chiến tranh chấm dứt họ tập kết ra Bắc theo những điều khoản của Hiệp định Genève. Ở miền Bắc họ sẽ tiếp tục công tác theo sự phân công mới. Chẳng ai bỏ quê hương ra Bắc để vào tù.

Tiểu sử của Thạch Mười có tính chất đại diện cho nhiều người tù gốc Nam bộ. Anh cho rằng anh bị bắt là phải – anh bị buộc tội chạy theo địch. Đó là một tội bịa đặt. Thạch Mười không hề có ý đó. Chẳng qua là chờ đợi đã hai năm mà không thấy vân mòng cuộc tổng tuyển cử, ở miền Bắc khổ quá, nhớ nhà quá, anh tìm đường về Nam, để rồi bị bắt khi bơi qua sông Bến Hải. Xử tù anh không được, người ta cho anh đi tập trung cải tạo. Dần Cụt chắc cũng mắc tội tương tự, nhưng khi tôi hỏi thì nửa mặt bên trái anh ta nở nụ cười trừ, nửa bên phải căng ra, nhẳng nháo, đầy vẻ khiêu khích.

Dần Cụt thuộc toán lâm sản chuyên khai thác nứa. Mất một tay nhưng Dần Cụt có sức khoẻ lạ thường – không một người lành lặn nào trong toán khoẻ bằng anh. Ăn cũng khỏe vô cùng. Có lần anh em tù đố Dần Cụt ăn hết một thùng cháo sắn (nghĩa là lưng thùng sắn, còn lại là nước). Trước con mắt

ngạc nhiên của mọi người, kể cả cán bộ quản giáo, Dần Cụt điềm nhiên từ từ ăn cho tới khi cái thùng gánh nước còn trơ đáy. Sức khỏe kỳ lạ của Dần Cụt chỉ mất đi sau một tai nạn lao động. Anh ta thường bó nứa đắn ở trên núi thành bè, rồi ngồi lên trên cái bè ấy cho nó trượt dốc, chứ không lao nứa xuống rồi xuống dưới chân núi mới bó lại như người khác. Cái bè lần ấy không tuân theo tay lái của Dần Cụt. Nó băng băng theo lối mòn rồi bất thình lình chồm lên, bay qua một hướng khác, nơi dốc núi dựng đứng vách thành, quăng Dần Cụt từ trên cao xuống đất. Anh ta ngất đi, người đẫm máu. Khi Dần Cụt được khiêng về trạm xá, mọi người đổ đến xem, ai cũng cho rằng anh ta khó qua khỏi. Thế mà Dần Cụt vẫn sống cho mọi người được thêm một lần ngạc nhiên.

Trong những ngày Dần Cụt lâm nạn Tôn Thất Tần thường đến thăm anh cựu đao phủ Việt Minh. Thấy ông năng lui tới trạm xá để theo dõi diễn biến tình hình Dần Cụt tôi nói đùa: "Bác Tần không bao giờ vào Đảng được. Bác có khuyết điểm rất lớn là không có lập trường bạn thù rõ rệt".

Không hiểu Tôn Thất Tần kiếm đâu ra những kiến thức y học trong đời tù, nhưng ông góp được nhiều ý kiến hay cho anh y sĩ nửa mùa rất lóng ngóng trong việc điều trị không riêng cho Dần Cụt mà cả cho những người tù khác. Anh y sĩ tù rất khâm phục "Jean Valjean gọi bằng cụ". Gặp ca hiểm nghèo bao giờ anh cũng hỏi ý kiến ông. Những người tù cũng vậy, họ thường tìm đến "Jean Valjean gọi bằng cụ" trước khi trao mình cho y sĩ.

Cái đói cũng để ra những phát hiện, tốt có xấu có.

Nguyễn Xuân Cao tìm ra rau cần dại mọc ven suối. Cần dại cũng có mùi cần, nhưng kém hăng. Khi đi làm ngoài trại thể nào Cao cũng tha về khi rổ rau má, khi vài bó cần dại. Rau má, rau xương cá, rau muối, rau tàu bay chỉ còn ở những nơi xa trại, những cây mọc gần bị tù vặt sạch, mọc không kịp. Chỉ từ ngày Cao được tha, những rổ rau cải thiện mới vắng bóng trong bữa cơm của chúng tôi.

Một hôm người ta khiêng về trạm xá hai tù số chẵn bị ngộ độc. Được vào toán lâm sản tự giác hai tay này trong khi đi làm tinh cờ gấp trong rừng một cây vải dại, có quả giống như quả chôm chôm, lông tua tua, ăn ngọt lịm. Chẳng hiểu thứ chôm chôm nọ có độc tố gì, chỉ biết đến giờ không thấy hai người trở về, công an đi tìm thì thấy cả hai nằm dưới gốc cây, bẹt mép sùi ra, bên cạnh là một đống vỏ thứ quả nọ.

Mùa đông đến. Không đành lòng nhìn ông bạn già mặt xám ngoét run rẩy trong cái áo bông mỏng với sợi dây chuối thắt ngang lưng cho gió rét sắc như dao khói luồn vào trong, tôi biếu Tôn Thất Tần đôi bát-kết vợ tôi vừa mang lên cho. Tôi vẫn còn giữ đôi giày da Mông Cổ - nó chưa hỏng. Đã mấy lần toan quăng đi cho nhẹ, nhưng nghĩ đi nghĩ lại: quăng làm gì, cứ để đấy có lúc dùng đến, biết tương lai thế nào? Không được đánh xi một lần trong bốn năm, da giày trở nên cứng như mo nang, nhưng đi vào chân một lát da lại mềm ra, đi vẫn được. Tôi chỉ dùng giày vào mùa đông. Mùa hè tôi có đôi dép lốp "chắc" được bằng hai bao Tam Đảo. Thời gian cuối vợ tôi không mang cho tôi thuốc lá Điện Biên nữa. Nhìn những bao Tam Đảo loại 2 mực in nhợt nhạt, tôi biết gia đình tôi còn khổ hơn trước - vợ tôi phải tiết kiệm không phải từng đồng mà từng hào.

Tôn Thất Tần không bao giờ có “tắc”. Nhưng ông quen rồi. Hai mươi bốn năm không có liên lạc với gia đình, không ai tiếp tế cho ông. Những thứ ông có đều là thứ trại phát, còn lại là của anh em bạn tù cho. Ông là người khí khái, không phải ai cho ông cũng nhận. Nhớ hồi mới gặp nhau, nhân gia đình tiếp tế, tôi mời ông ăn một bữa tươi cùng tôi (xôi gà, bánh xốp, bánh quy...) nhưng ông nhất định từ chối, làm tôi phát giận.

Ông xúc động ra mặt khi nhận đôi bát-kết. Thường các thứ bạn tù cho ông đều là đồ dùng rác, gia đình họ nghèo, chính họ cũng chẳng nhận được đồ mới. Đàng này lại là đôi bát-kết Trung Quốc mới tinh, thơm mùi cao su lưu hóa. Thế mà đến một ngày trời rét căm căm, mọi người có gì đều đắp lên người hết, ông vẫn cứ diễn đôi dép cao su muôn thuở, lỗ xỏ rộng hoác, quai luôn tụt. Tôi trách ông sao có già mà không dùng thì Tôn Thất Tần nói:

- Tui biết anh thương tui. Nhưng đôi giày quý lắm. Bây chừ tui còn khỏe, còn chịu được. Thôi thì để đấy, dành cho một mùa đông nào tui không còn sức...

Chao ôi, ông còn nghĩ tới những năm nào nữa, những mùa đông nào nữa, khi sau lưng ông đã có một phần tư thế kỷ bên trong song sắt!

Năm 1976, tôi ra tù, Tôn Thất Tần vẫn chưa dùng tới đôi bát-kết.

Những năm tù cho tôi một nhận xét là không có sự cân bằng giữa số tù được tha và số tù nhập trại - những đợt tha lẻ tẻ, thường chỉ vài chục người, đa số là tù có án, thoảng hoặc mới có vài dân “boọc”, số tù bổ xung thì ngày một đông. Lâu lâu lại có một cuộc chuyển trại, tù cũ đi, được chở tới trại khác hoặc trại mới xây dựng, nhường chỗ cho tù mới bị bắt. Ngay ở những trại tù cũng thấy có sự xây dựng thêm, hết phân trại này tới phân trại khác. Nếu có một biểu đồ thì đường biểu diễn số lượng tù chắc chắn ngày một vươn cao. Cái đó cho thấy trong xã hội vô sản chuyên chính con người không tốt lên mà xấu đi.

Người ta cũng không để tù ở lâu một chỗ, như thế tù ít trốn trại. Ở lâu thì quen nơi chốn, thuộc địa hình địa vật chỗ bị giam, mới tính kế trốn được, những người tù lâu năm giải thích như vậy.

Tôi được biết vài cuộc trốn tù của dân số chǎn, số lẻ thì chưa thấy lần nào. Những người tù số lẻ thuộc dân “boọc” không trốn bởi họ chẳng có nhu cầu ra ngoài xã hội để tiếp tục làm chuyện số lẻ của họ, nói cách khác phần đông họ chẳng hề là phạm nhân chính trị, họ bị vào tù chẳng qua vì tính cẩn thận thái quá của chính quyền mà thôi. Những người số lẻ không phải “boọc”, mà được xử án hẫn hoi như người trong một số vụ nỗi dậy của tín đồ Thiên Chúa giáo cũng không trốn vì nhiều người trong đám họ, các ông chánh trương trùm trưởng các họ đạo xứ đạo, là những người đã có tuổi, có muốn trốn cũng không trốn nổi. Những người trẻ tuổi trước theo chân các vị trong cuộc nổi dậy thì nay phải ở lại trại để trông nom các bậc trưởng lão gần đất xa trời. Những người Hoa dù có mở cổng trại cho họ trốn họ cũng không trốn. Trốn về Tàu thà ở tù Việt Nam còn hơn.

Tù trốn cũng nhiều kiểu kỳ lạ. Chẳng hạn, một tên số chǎn đã lách được qua một thanh gỗ chǎn ở đầu hồi nhà giam ra ngoài. Lúc đầu, người ta không hiểu y trốn bằng đường nào. Cứ như thế

tên tù đã thăng thiên hoặc độn thổ vậy. Sau chính tù phát hiện ra đường trốn, thấy kẽ hở giữa hai thanh chắn lớn hơn bình thường. Công an cho mấy người tù gày nhất lên thử, nhưng không ai chui lọt. Tù số *chắn* còn kể có tên trộm trèo tường theo cách của thạch sùng, cứ ép cả người vào tường mà bò lên, không biết có thật hay không?

Vụ vượt ngục của Thắng Hòa đáng được kể lại vì tính chất bi hài của nó. Hơn nữa, một nhân vật trong cuộc vượt ngục về sau này lại có liên quan tới nhân vật Hán Còi đã được nói tới ở trên.

Thắng Hòa là một *lính đột* có tên tuổi. Tầm thước, ít nói, lẽ độ, y có tính cách khá độc đáo trong đám số *chắn*. Là dân “*bợoc*” không biết ngày về, Thắng Hòa âm thầm chuẩn bị cuộc vượt ngục, không cho ai biết. Bằng cách cổ điển dùng muối trộn nước tiểu mà Thành đã kể cho tôi nghe, y kiên trì đợi cho đến khi chân chấn song mục ruỗng - mất tháng rưỡi, hai tháng gì đấy. Biết đã chắc ăn, một hôm vào nửa đêm, đợi cho các bạn tù ngủ thật say y mới bẻ cong chấn song trườn ra. Đúng lúc y sắp chui cả người ra khỏi thì có đứa nào nǎm lấy chân. Ngoảnh lại thì ra Nhân, một lính vét.

"Anh ơi, cho em đi với!", Nhân khẩn khoản.

Thắng Hòa ngán quá, nhưng đã đến nước ấy thì không thể từ chối được nữa, kẻ không được cho theo có thể trở thành kẻ phản bội, nó có thể làm rầm rĩ lên và cuộc vượt ngục thế là hỏng. Bẻ chấn song lại nguyên như cũ, lấy cơm nguội trộn với bột tro bịt vào chỗ đứt để cho nó trống hệt như chấn song bình thường, Thắng Hòa và Nhân bò ra ngoài tường rào. Thắng Hòa đã để sẵn ở chân tường một thanh tre đực dài. Hôm trước trại sửa nhà, chẳng ai chú ý tới mấy thanh tre lăn lóc ở đó - tu làm việc có bao giờ gọn gàng đâu. Uốn thanh tre lại, buộc hai đầu với nhau, Thắng Hòa được một cái vòng dẻo, quăng lên cột dây thép gai là đã có thể bám vào nó mà đạp chân vào tường leo lên.

Đi bộ dọc theo đường sắt cách trại được một quãng xa, Nhân mỏi chân, kêu đói. Gần đấy có một thị trấn nhỏ, Thắng Hòa mới sai Nhân đi kiếm cái ăn và quần áo. Nhân mò vào một quán phở, thó được hai bộ. Tiện thể, nó quơ thêm một con gà và một chai rượu, quên khuấy không lấy muối, không lấy nước mắm. Hai đứa đành nhấm rượu với thịt gà nhạt. Rượu vào, đậm buồn ngủ. Nhân nằm ngay trên đường sắt đánh một giấc say xưa. Tàu chạy tới, Thắng Hòa tỉnh thức hơn, chỉ còn kịp lăn Nhân ra ngoài, chính y lại bị chấn sốc của đầu tàu chạm phải. Nhân không bỏ bạn, cõng Thắng Hòa vào bệnh viện tỉnh. Không hỏi giấy tờ lôi thôi, người ta cấp cứu cho y. Sau cơn choáng vì say rượu bị tàu húc, Thắng Hòa tỉnh dậy trong bệnh viện, nhưng y vờ mê man, cho tới khi “đột” được quần áo, tiền nong, cộng thêm một cái đồng hồ báo thức Liên Xô của bệnh nhân cùng phòng, nó mới đào tẩu đi tìm Nhân. Hai đứa nhảy tàu về Hà Nội.

Đến Gia Lâm, chúng xuống. Nhân lên cơn nhớ mẹ, nồng nặc đòi về nhà. Thắng Hòa can không được, bỏ mặc nó, một mình nhầm hướng Vinh đi tiếp.

Về tới nhà Nhân chỉ được nhìn thấy mẹ sau khi bị còng tay. Một quản giáo trại đã phục sẵn ở trong nhà. Bà mẹ lạy van anh công an, xin cho con ăn cùng một bữa cũng không được, khóc ngất nhìn theo con bị giải đi.

Thắng Hòa bị bắt ở một nhà ga. Cái mũ cối vừa “đột” được úp trên mặt, y đang ngủ vùi trên ghế dài dành cho khách đợi tàu thì có ai đó càu nhau bảo y nằm dịch vào dẹp chỗ cho người khác.

Thắng Hòa gầm lên:

- Đi chỗ khác! Có muốn ông xin tí tiết không thì bảo?

Mắt nhắm mắt mở vùng dậy, y thấy trước mặt mình là... viên quản giáo coi đội.

Hai tên tù vượt ngục lập tức được giải về trại cho chúng tù thấy: đã bảo mà, lưỡi công an lồng lộng, thưa mà chẳng lọt, có đứa nào vượt mà thoát đâu!

Từ sau cuộc vượt ngục này, ban đêm lính gác đi qua bất cứ cửa sổ nào cũng cầm que sắt lia một dọc các chấn song – nếu có tiếng động khác thường lập tức phải kiểm tra cửa sổ ngay. Thành thử anh tù nào khó ngủ lại nằm gần cửa sổ thì khổ lắm, mỗi đêm bị tiếng khua leng keng dựng dậy cả chục lần.

Tôi bị chuyển từ biệt giam ra trại chung ít lâu thì Hán Còi cũng được chuyển từ trại B qua trại A

Tôi đến chỗ tù vừa được chuyển tới, tìm Hán Còi. Lần đầu tiên tôi nhìn rõ nó ở khoảng cách gần. Đó là một thằng bé cộc cạch, đúng với biệt hiệu bè bạn đặt cho. Nó đi qua mặt tôi, không biết tôi là ai. Mấy ngày sau, tôi tới gần nó khi nó đứng một mình.

- Hán Còi phải không?

Nó ngẩng lên, gườm gườm nhìn tôi:

- Chào anh giề<sup>1</sup>. Anh giề cần gì nào? Ken tẩy hở?

Tôi im lặng.

- Ờ, tớ nhớ ra rồi, anh giề hỏi cái choáng<sup>2</sup>. Đẩy<sup>3</sup> mẹ nó hôm qua rồi còn đâu.

Tôi mỉm cười. Thì ra thằng bé còn kiêm mua bán đổi chác nữa.

- Chào cháu!

Nó giương mắt nhìn tôi. Miệng nó há ra.

- Cháu chưa nhìn thấy chú. – tôi nói - Chú thì thấy cháu rồi. Cháu vẫn đi học đấy chứ?

<sup>1</sup> Tiếng lóng: giề (già).

<sup>2</sup> Tiếng lóng: choáng (kính).

<sup>3</sup> Tiếng lóng: đẩy (bán).

Nó reo lên:

- Chú đãy ư? Cháu tưởng các chú đi hết rồi.
- Không, chú ở đây.
- Chú kia đi sau chú độ nửa tháng.

Như vậy Phùng Mỹ không còn ở đây nữa. Không biết anh bị chuyển đi đâu? Sau mới biết anh bị đưa đi một trại khác ở ít ngày rồi được thả ra, nhưng phải đi lao động ở một hợp tác xã. Hình thức lưu đày này được áp dụng cho tất cả tù trong vụ "nhóm xét lại chống Đảng", trừ tôi.

Thằng bé có vẻ thất vọng. Nó thích tôi là con người bí ẩn nằm trong biệt giam hơn một người tù thường, trong bộ quần áo giống hệt bộ quần áo của nó. Khi ở biệt giam tôi có nhiều thứ để cho nó, ở đây tôi chẳng có gì.

Tuy nhiên, rồi nó cũng quyền luyến tôi, như thể tôi là một người thân gặp được trong tù. Sau vụ chém Tín Lác, Hán Còi được nhập bọn với đám *sĩ quan*<sup>1</sup>, không được ngang hàng cho lắm, nhưng cũng không đến nỗi kém vế. Trong vai trò tên liều mạng, tên không sợ cho *tóe me* bất cứ đứa nào, Hán Còi luôn phải lên gân cho đúng vai, và sự lên gân thường trực làm nó mệt. Những lúc mệt nó chạy sang chỗ tôi, nằm bên tôi mà nỉ non chuyện này chuyện nọ. Trong nó còn một đứa trẻ, con người thật của nó.

Hán Còi rất thương mẹ. Mọi câu chuyện giữa hai chú cháu có lan man tới đâu rồi cũng quay về với mẹ Hán Còi. Trước mắt tôi hiện lên hình ảnh một cô giáo hiền lành, có gương mặt cam phận, vừa buông bút chấm bài đã cặm cụi đan len để kiếm thêm vào đồng lương còng cõi. Không hiểu sao Hán Còi không nhắc tới bố, như thể ngoài mẹ ra nó không còn ai nữa. Chắc bố mẹ nó bỏ nhau, hoặc bố Hán Còi đã bỏ mẹ nó một cách thế nào đấy làm cho nó hận. Chứ những đứa khác bằng tuổi Hán Còi thì nói khoác lác về bố mẹ dữ lắm - nghe chúng nói thì nhà đứa nào cũng giàu có, bố mẹ đều làm chức to. Cũng có trường hợp như thế thật, nhưng hẵn hữu, con cái các ông to được nuông chiều hư hỏng rất nhiều, có điều chúng ít bị rơi vào tù, - thường chúng được gia đình xin cho về giáo dục tại gia đình, hoặc xin cho đi học ở nước ngoài.

- Anh không nên cho bọn sổ *chǎn* lên nằm chơi trên chỗ anh! - Tôn Thất Tân khuyên - Trong toán người ta không thích!

- Tại sao họ không thích?
- Bọn lưu manh trước sau vẫn là lưu manh. Xemb ra cái gì là chúng nó nǎng liền.
- Nó là cháu tôi.

<sup>1</sup> Tiếng lóng: *sĩ quan* (dân anh chị trong tù hình sự).

- Rứa thời khác!

Đến chơi với tôi không phải chỉ có Hán Còi. Đám *sĩ quan* bên *số chǎn* thỉnh thoảng cũng đáo qua, nhưng không lên chỗ tôi nầm tần gẫu mà để mời tôi qua uống trà (*nhặt xà*, bắt chước lối nói của người Quảng Đông hoặc Phúc Kiến, dấu ấn cuộc sống chung với họ). Bắt quen với tôi đầu tiên là một *sĩ quan* có học, từng đọc tôi, là Châu Bún, sau đó mới tới các *sĩ quan* khác như Quang Coóng, Minh Bò... Những nhân vật này bao giờ cũng có tên kép, tên thật đi kèm với đặc điểm do đồng bọn đặt. Cứ như thế dần dà tôi quen được khá nhiều nhân vật trong giới giang hồ. Về những nhân vật loại này, rất thú vị, nếu ghi chép lại những gì được nghe họ kể phải được một cuốn sách dày.

Đến với tôi còn có những “dũng sĩ diệt Mỹ” từ miền Nam ra Bắc. Đó là những cháu trẻ măng nhưng chiến đấu rất anh dũng, được ban chỉ huy chiến trường tặng danh hiệu “dũng sĩ diệt Mỹ”. Trung úy Dứa, với tư cách cán bộ miền Nam tập kết, được phân công phụ trách các cháu. Một hôm Dứa sai trật tự trại<sup>1</sup>, một anh trung úy biên phòng phạm tội giết vợ vì ghen tuông, nhẫn tôi đi khám bệnh lấy một ngày nghỉ để tới gặp anh.

- Tôi nghiệp sắp nhỏ. Chúng ra Bắc, đưa gặp công an nạt nộ nổi xung lên uýnh liền, đưa đi học chịu cực không thaù tìm đường chuồn về trống, bị bắt lại... - Dứa bàn với tôi - Cũng là dòng cách mạng cả...

Tôi hiểu anh muốn gì ở tôi:

- Tôi có thể làm gì được cho các cháu?
- Anh qua chơi với các cháu luôn, giúp các cháu học.
- Biết chúng nó có chịu học không?
- Nhiệm vụ chung mà, anh Hiên. Chẳng lẽ khoanh tay nhìn các cháu biến thành những tên đầu trộm đuôi cướp.

Tôi nhận lời. Chiến tranh đã làm hư lũ trẻ - chúng không thích học nữa, chúng quay ở ngoài đời, chúng quay trong trại giam, theo đòi đám lưu manh.

- Học làm chi, chú ơi. - các cháu nói với tôi - Chúng cháu đi đánh Mỹ, ra ngoài này tưởng ngon lắm, đứa nào cũng háo hức, hóa không phải. Chúng cháu chỉ muốn về thôi.

<sup>1</sup> Một chức sắc trong bộ lạc tù, do Ban giám thị lựa chọn để giúp việc các quản giáo, từ việc trông nom trật tự hằng ngày, mở cửa đóng cửa các phòng giam, cho tới việc đưa cơm cho tù bị cùm trong khu kỷ luật. Thường một trại có vài trật tự, lấy trong tù “số chǎn” “số chǎn” và cả trong tù “số lẻ”. Có trại người ta không dùng tù “số lẻ” làm trật tự, chỉ có trật tự số chǎn.

- Trước khi về Nam, dù không muốn, các cháu bắt buộc phải sống ở đây một thời gian đã. Trong thời gian ở nơi này các cháu nên tiếp tục học văn hóa để trở thành người hiểu biết.

- Người ta “boọc” chúng cháu, chứ chúng cháu đâu có khoái ở đây. Để coi, nếu không cho chúng cháu ra, chúng cháu sẽ tự ra cho mà xem. Ba cái hàng rào kẽm gai đối với chúng cháu có nhầm nhò chi...

Tôi không dại được chúng học, nhưng cứ vài ngày một lần tôi sang chơi với các cháu, kể những câu chuyện lấy từ kho tàng văn học thế giới mà tôi còn nhớ được cho chúng nghe. Những câu chuyện có tính chất giáo dục của tôi có tác dụng phần nào trong việc ngăn các “dũng sĩ diệt Mỹ” không phá phách, không trốn trại, ít nhất thì cũng trong thời gian tôi còn ở đó. Sau số phận các cháu thế nào tôi không rõ. Đó là những đứa trẻ trong sáng, rất đáng yêu. Tôi thương chúng vô cùng. Chúng cũng quấn quít tôi.

Một lần cháu Điền, người Thừa Thiên, bị bí đái, lăn lộn kêu khóc. Y sĩ trại chữa không khỏi. Tôi nhẫn Dứa:

- Anh xin Ban Giám thị cho áp giải tôi lên núi kiếm thuốc. May chăng chữa được.

Dứa đề nghị Ban Giám thị. Ban Giám thị đồng ý. Không những không cần Dứa áp giải mà cho tôi đi một mình, không có sự áp giải nào.

Tôi trèo lên mấy ngọn đồi gần đấy đào rễ cỏ tranh, lấy cỏ thài lài, cây cúc áo. Trở về trại, đi ngang suối tôi xuống tắm một bữa thỏa thích. Cả ba thứ sao vàng sắc đặc lên cho cháu uống. Một tiếng đồng hồ sau, Điền chạy sang, bến lến:

- Chú ơi, cháu đái được rồi!

Sau vụ chữa cho cháu Điền tôi cũng nổi tiếng biết chữa bệnh.

Hán Còi không thích các “dũng sĩ diệt Mỹ”. Nó ghen. Thấy tôi hay qua với lũ trẻ từ miền Nam ra, nó tỏ ra không bằng lòng. Về sau, khi các “dũng sĩ diệt Mỹ” đã hòa nhập với đám lưu manh, được bọn đầu gấu kính nể sau vài lần đụng độ, chính Hán Còi lại chơi với chúng.

Đứng bên ngoài những mối quan hệ này là một thằng bé đen đui, cóc cáy, cao hơn Hán Còi, nhưng lại đi theo Hán Còi như một đệ tử tự nguyện. Khi nào Hán Còi lên chỗ tôi, nó không dám lên theo, mà lảng vảng bên ngoài.

- Cháu với nó là thế nào? - tôi hỏi Hán Còi.

- Thằng vét đĩa í mà. Nó bị đánh quá, cháu bênh nó một lần, thế là nó theo cháu. Böyle giờ cháu lại đánh nó.

- Chết, sao lại đánh nó?

- Cháu đánh nó là cháu dạy nó. Yêu cho vẹt, ghét cho chơi. Thằng này ngu lắm!

- Thì lựa lời mà dại.
- Ở đây khác, cứ phải “tiu”<sup>1</sup> mới xong.
- Nó có gia đình không?
- Không. Tôi nghiệp, đã vét đĩa còn “dạt vòm”.<sup>2</sup>

Đùng một cái, thằng bé có người nhà lên thăm. Quả “tắc” không lớn, nhưng sự kiện lớn - đã năm năm có lẻ, nó bị coi là thằng sống vô gia cư chết vô địa táng, bị dày đạp, bị khinh rẻ, bây giờ nó là thằng có gia đình hắn hoi, như mọi người.

Tôi được thằng bé mời ăn bánh chưng, bánh rán, bánh quy, “nhặm xà” và hút “ken tẩy”. Hai món sau không phải gia đình mang cho. Nó lấy bánh đem “chác”. Đang hoàng lấm. Trong bữa ăn ngoài Hán Còi còn có Châu Bún, Ba Xuyên, Quang Coóng. Châu Bún cũng là thiếu nhi miền Nam ra Bắc tập kết năm 1954, một thứ dũng sĩ diệt Tây, vào thời kỳ chưa có danh hiệu đó. Ba Xuyên và Quang Coóng là đàn anh lừng danh đất Cảng.

- Anh cháu lên thăm cháu. - thằng bé nói.
- Anh cháu làm gì?
- Anh cháu nhà báo. - nó ngẩng nhìn mọi người, giọng tự hào.
- Thật đấy! - Hán Còi nói.

Thằng bé đưa ra một tờ giấy bẩn thỉu. Tôi đỡ lấy, trải xuống chiếu. Đó là một bài báo với một tên ký không quen. Bài báo chán ngắt, loại văn sản xuất hàng loạt, nhưng đúng anh nó là nhà báo thật.

- Thế tại sao bằng ấy năm anh cháu không thăm cháu?

Nó nhoẻn cười rất tươi:

- Anh cháu nỏ biết! Cháu ở đây nhà cháu nỏ ai biết!

Nó kể cho tôi nghe tường tận chuyện nó đi tù thế nào.

Thằng bé từ một làng heo hút ở Nghệ An ra Hà Nội. Nó nghe nói thủ đô đẹp lắm, có Hồ Hoàn Kiếm, có Tháp Rùa, tàu điện chạy leng keng, ô tô đầy đường, người đi lại như nêm cối, sắp tới là lễ Quốc Khánh còn đẹp hơn, đêm đến đèn điện lung linh, phố xá sáng như ban ngày, đánh rơi cái kim cũng thấy. Bèn ăn cắp tiền của bố đi ra Vinh, mua vé leo lên tàu hỏa.

<sup>1</sup> Tiếng lóng: đánh.

<sup>2</sup> Tiếng lóng, bỏ nhà đi lang thang.

Hà Nội đẹp thật. Còn hơn cả như thiên hạ đồn. Nhưng ngày lễ Quốc Khánh Hà Nội đông người quá, nó lạc lung tung, thành thử không được nhìn thấy Bác Hồ.

- Hoài! - Hán Còi nói - Năm í tao cũng đi theo anh Thiện Bò với anh Lộc Tàu, cả chị Huyền Rô nữa thì phải. Tao được nhìn thấy Bác Hồ hẳn hoi. Mít-tinh đông, tụi tao đá mẩy quả đẹp lắm, hôm í “dầm láng”<sup>1</sup>. Anh Châu Bún ơi, hồi í anh có ở Hà Nội không?

- Không! Hồi ấy tao đi “bè dài”<sup>2</sup> với anh Bút Miền<sup>3</sup>.

Thằng bé kể tiếp. Nó tiêu hết tiền. Đói quá, liều vào một hàng bún riêu. Ăn một bát, vẫn thèm ăn hai. Đứng dậy, vờ móc túi trả tiền, móc hết túi này đến túi khác, mếu máo nói mất sạch tiền rồi, xin bà hàng cho gán đôi dép. Gặp phải bà hàng đanh đá, bà ta tru tréo lên, túm chặt thằng bé, rêu rao nó ăn cắp. Người đi đường ùa lại. Công an thoái còi chạy tới, giải luôn về đồn.

Thằng bé sợ mất mật. Nó sợ nhất là bị trả lại gia đình. Bố nó sẽ đánh chết vì cái tội ăn cắp tiền của nhà. Nó khóc thút thít. Một đàn anh ngồi bên cạnh thương tình dặn nó cách khai. Nó bèn khai bịa tên Mỗ, quê quán Lông bông tỉnh, Lang bang huyện, Lung tung xã, Linh tinh thôn. Tra không ra nơi ở của thằng bé, công an kết luận nó là *lưu manh chuyên nghiệp, không nơi cư trú nhất định*, cho đi “boọc”.

Vốn không hề là lưu manh, thằng bé trở thành “lính vét”<sup>4</sup>. Năm đầu nó còn ngồi khóc ti ti. Năm sau nó quen. Cuộc sống trong tù đối với nó cũng chịu được. So với cuộc sống ở nông thôn có khi còn khá hơn, nhất là về mặt ăn uống. Ở nông thôn có khi còn đói dài. Chỉ khổ nỗi bị bọn đàn anh bắt nạt, bắt giặt quần áo hầu chúng, bắt tắm quắt cho chúng mỗi tối. Nhưng nó chẳng sá chi mẩy chuyện vặt, ở đâu mà chẳng phải làm. Cuối năm thứ ba, xảy ra một vụ ẩu đả. Một tên đầu gấu hành nó quá, nó nổi khùng, đánh lại. Nó bị tên đầu gấu nện cho một trận nhừ tử. Hán Còi can, rồi bao bọc nó, thu nạp làm đệ tử.

Hết một lệnh nó không được tha. Không ai tha một tên tù không biết quê quán ở đâu, đã thế còn cải tạo không tốt. Tha cho nó ra ngoài xã hội để ngựa quen đường cũ à?

Cho đến một ngày kia, nó bắt gặp một mảnh báo có tên anh nó. Nó mang mảnh báo đi khoe. Bọn lưu manh cười ha hả: “Mày mà có anh là nhà báo!! Đừng có bốc láo”. Nó tức lắm, nhưng không biết làm thế nào. Nó khóc tức tưởi. Bọn lưu manh lại càng cười.

<sup>1</sup> Tiếng lóng: nhiều tiền.

<sup>2</sup> Tiếng lóng: kiếm ăn đường dài, trên tàu hỏa.

<sup>3</sup> Trong những tên hiệu có thêm chữ Miền là chỉ người miền Nam tập kết.

<sup>4</sup> Tiếng lóng; như vét đĩa.

Viên quản giáo trẻ trông toàn nó là người có học, anh ta đã học hết trung học, hơn hẳn các quản giáo khác. Thấy nó khóc, anh ta hỏi chuyện, cầm bài báo đọc. Nhân dịp nghỉ phép, anh ta tìm đến tòa soạn, gặp tác giả. Hóa ra đúng - chính là anh ruột thằng bé. Người anh, và cả nhà, tưởng nó chết đe dọa chết chợ đâu rồi, được tin nó còn sống, mừng quá, vồ lấy người báo tin, coi như ân nhân cứu tử. Người anh vội vã mang giấy chứng nhận cơ quan lên trại xin nhận em về. Mấy lần đi lại chưa được. Lần thì người ta đòi giấy xác nhận của địa phương, kèm theo hình chụp thằng bé khi nó còn ở nhà. Lần thì Cục chưa xác minh xong. Lần thì xác minh xong rồi nhưng chưa hết lệnh, chưa tới kỳ xét tha.

Là nhà báo xã hội chủ nghĩa, anh ta không dám cãi lại Đảng, cãi lại chính quyền. Anh một lòng cảm ơn Đảng và Nhà nước, yên tâm chờ đợi. Lần này anh lên thăm em với một quả "tắc" dầm.

Chiến tranh ngày một ác liệt. Trên bầu trời Tân Lập vốn yên tĩnh bắt đầu xuất hiện những máy bay tiêm kích Mỹ, phần lớn là loại Thần Sấm và Con Ma<sup>1</sup>. Nhiều đêm chúng vọt qua rất thấp. Tôi và Tôn Thất Tần nằm yên ở tầng trên, tiếp tục ngủ. Quản giáo soi đèn pin thấy chúng tôi không chịu xuống đất như những người tù khác, càu nhau:

- Quy định có máy bay phải xuống đất sao hai anh không xuống?

Tôn Thất Tần chắp tay lễ phép:

- Thưa ông cán bộ, máy bay chi mà bay nhanh rứa không biết, mới vừa nghe keng báo động chúng hắn đã tới rồi. Già cả như chúng tôi, vội vàng quá có khi lợi bất cập hại, lập cập leo trèo lỡ gãy tay gãy chân, lại phiền cán bộ phải thuốc men...

Ban Giám thị quyết định để tránh địch oanh tạc, hàng ngày tù phải dậy sớm, đi ra khỏi trại, làm lao động rồi nghỉ trưa tại chỗ, tối mịt mới được về. Thời gian này gần như cả trại đan tranh nứa, kể cả mấy toán số lẻ. Không hiểu người ta cần tranh làm gì mà nhiều thế?

Một buổi trưa, tôi nằm trên đống tranh vừa đan, đang thiu thiu ngủ thì bị Tôn Thất Tần lay dậy:

- Anh Hiên! Thằng Hán Còi chết rồi!

Tôi bật dậy:

- Sao? Hán Còi sao?

Mặt tái mét, ông thông báo:

- Thằng Hán Còi bị chém chết rồi!

- Ai chém nó?

<sup>1</sup> Thần Sấm (Thunderchief, loại F05), Con Ma (Phantom, loại F4).

- Không biết. Nhưng đúng là Hán Còi! Ông cán bộ vừa từ đảng nớ về nói rứa!

Từ đảng xa, trong rừng cây, những bóng áo vàng thấp thoáng. Mấy anh bộ đội gác cũng bỏ toán chạy đi xem đã trở về. Tôi nghe họ loáng thoáng:

- Thằng này chắc chết. Máu chảy một vũng, khiếp quá!

- Đứt động mạch ở cổ là đứt khoáttoi.

- Gọi là động mạch cảnh...

- Không biết. Toán ông Thạch. Thằng chém tên chi, há?

- Nó ác thật! Mà trông hiền như đất!

- Thằng mô trông hiền, nổi nóng lên là cục lắm!

Tôi muốn chạy ngay tới với Hán Còi. Nhưng làm sao đi được. Hán Còi ơi, chú thương cháu lắm, chú muốn biết cháu bị làm sao, may chăng có giúp được cháu chút gì, nhưng thân chú cũng là thân tù, biết làm thế nào.

Về sau tôi ân hận mãi đã không xin phép quản giáo chạy tới đó. Có khi anh ta cho phép cũng nên.

Câu chuyện xảy ra như sau:

Sau vụ vượt ngục với Thắng Hòa bị bắt trở lại, Nhân bị cầm một tháng. Ở kỷ luật ra, Nhân sống vật vờ trong đời “lính vét”. Thắng Hòa cũng trở nên nhũn nhặn, mặc dầu trước nó từng nổi danh *đầu gấu*. Trong cộng đồng tù kẻ vượt ngục không thành lập tức bị xuống giá.

Một hôm Nhân nhặt được một con gà chết. Các gia đình cán bộ đều nuôi gà tăng gia. Gặp trận dịch Tân Thành, gà chết la liệt, ăn không kịp. Những con gà rù đi lang thang, chết rụi ở mọi xó xỉnh. Con gà mà Nhân nhặt được là một con gà chết như thế. Nó đã hơi trương, nhưng với miệng người tù đói, con gà vẫn là con gà, dù nó có bốc mùi thum thủm. Nhân vặt lông, xé con gà ra ấn vào hăng-gô nổi lửa lên sệt sệt.

Hán Còi đi qua:

- *Người lính<sup>1</sup>! Sột sệt gì đấy?*

Nhân cười:

- Em nhặt được con *qué<sup>1</sup>*.

---

<sup>1</sup> Cách dân lưu manh gọi nhau.

- Nhặt gì? Bắt của Ban hả?
- Em không dám. Nó chết toi trong bụi nứa.
- Thối chưa?
- Chưa, còn tốt.
- Thế à?

Hán Còi bỏ đi, huýt sáo miệng.

Hán Còi chuyện trò với đám sĩ quan một lát rồi quay lại:

- Được chưa, người lính?
- Sắp được rồi, anh Hán ạ.

Hán Còi mở nắp hăng-gô ra xem, giật cái que trong tay Nhân chọc thử:

- Được rồi đấy!

Nói rồi cầm lấy quai hăng-gô xách đi:

- Tụi tao đang có liên hoan, người lính sẽ được tính bốn suất cơm lấy sau, bở nhá!

Nhân bầm gan tím ruột, nhưng gượng cười:

- Hôm nay hai nhớ?
- Hai có hai. Đến thẳng Bình thợt, bảo anh Hán đòi. Nó còn nợ tao hai chục suất.

Bình thợt là một con ma đói. Khi nào đói quá nó sẵn sàng chịu nợ một gấp đôi, gấp ba, miễn lấp được cái dạ dày trống rỗng. Cả tuần nay nó bị cúp cơm, đang nằm ép rệp, làm sao đòi được nó. Có thể già cho nó một trận, nhưng cái đó phỏng có ích gì?

Nhân mài con dao chẻ tranh cho tới khi nó sắc như nước. Hán Còi đang ngủ trưa. Nhân đến, xoạc chân trên ngực kẻ thù:

- Hán Còi!

Hán Còi choàng tỉnh.

- Nhìn tao trả thù này!

Nhân chém một nhát, như bổi củi. Đó là nhát quyết định.

<sup>1</sup> Tiếng lóng: con gà.

Hán Còi bật dậy, ôm lấy cổ:

- Ồi Nhân ơi, sao mà ác thế?
- Ác này!

Nhân gầm lên, bổ tiếp nhát thứ hai vào bàn tay ôm cổ của Hán Còi.

Người ta xô tới, giằng lấy dao. Bộ đội gác khóa tay Nhân. Nó ngồi ở gần đấy, mặt bất động, không nhìn đám đông vây quanh kẻ thù của nó đang hấp hối.

Hán Còi nằm trên vũng máu, da trắng bệch. Nó không nói được. Từ vết thương máu phun ra từng tia theo mạch đập. Y sĩ trại chạy tới, lấy khăn mặt bông áp vào chỗ bị chém, băng bó mấy ngón tay gần đứt lìa. Chẳng mấy chốc cái khăn mặt băng cổ Hán Còi đã ướt đẫm. Ban Giám thị điều ngay một xe com-măng-ca đưa nạn nhân đi cấp cứu. Bệnh viện huyện cách đó chừng mươi cây. Chưa tới nơi Hán Còi đã trút hơi cuối cùng.

- Trường hợp ni phải lấy miếng ni-lông mà bịt, lấy lòng tay khum khum mà giữ. - Tôn Thất Tần giảng giải cho tôi về cái chết của Hán Còi - Máu phun ra sẽ đông lại, làm thành một màng bùng nhùng nhưng ở bên trong máu vẫn không bị đông, vẫn lên óc, vẫn nuôi được óc. Để cái khăn bông thấm máu là nhà quê. Máu con người có được là bao nhiêu, thấm hết vô đó còn lấy chi nuôi óc. Óc chết là sự sống không còn.

Sau vụ hạ sát Hán Còi, Nhân bị xử hai mươi năm. Nó rời hàng lính vét để trở thành một sĩ quan.

Tôi nhìn thấy thằng bé em ông nhà báo. Mất Hán Còi, nó lùi thui trong sân trại, mặt mũi phờ phạc. Nó trở thành đứa bé mồ côi.

Từ trong xà lim kỷ luật Nhân nhắn ra:

- Ông đã cho tóe me một thằng, ông không ngán thằng nào hết!

Nó nói, y như Hán Còi đã nói.

## 40

So với mấy cuộc chuyển trại trước, cuộc chuyển trại cuối năm 1973 đến với tôi hoàn toàn không bất ngờ.

Từ mấy hôm trước tôi trong trại đã có tiếng xì xào về một sự kiện không bình thường. Trên văn phòng Ban Giám thị người ta lẽ mῆ khuân ra khuân vào những chồng hồ sơ cao ngất. Việc rõ ràng bí mật, cho nên công an tự làm lấy. Mấy cái máy chữ gõ rào rào không nghỉ.

Những người tù là những người mơ mộng cực kỳ. Có khi chuyến này đại xá, họ thì thào, mặt tươi nở. Tại sao lại không thể có đại xá trong khi những chiến thắng giòn giã cứ theo nhau mà phơi phới mà tưng bừng trên mặt báo? Hội nghị bốn bên ở Paris (1973) đã buộc người Mỹ phải ngừng ném bom miền Bắc, phải rút quân Mỹ về từ mấy tháng trước. Đã lâu, năm nào Nhà nước cũng có đặc xá, thì nay có đại xá cũng không phải là điều không thể xảy ra. Đã đến lúc rồi.

Nhưng chiều hôm trước cuộc chuyển trại tất cả tù nhân, số chẵn cũng như số lẻ, mới ngã ngửa người ra rằng, than ôi, chẳng có đại xá đại xiếc gì hết, mà chỉ có một cuộc đại tan đàn xé nghé đến với họ mà thôi. Tin tức lọt ra từ những cán bộ có quan hệ thân tình với mấy anh tù tự giác. Cả trại nháo lên. Người ta chạy ầm ầm từ nhà này qua nhà khác, chia cho nhau thứ nợ thứ kia kéo đến lúc hấp tấp kể ở người đi lại không kịp.

Những người tù không bao giờ thích chuyển trại, cho dù cái trại họ đang ở là tồi tệ. Cái tồi tệ đã biết rồi bao giờ cũng dễ chịu đựng hơn cái tồi tệ chưa biết. Sau, những người đã kịp thân thiết với nhau trong cảnh tù đầy, đã hợp thành một gia đình để nương tựa vào nhau, an ủi nhau, nay lo lắng lầm trước cảnh mỗi người một nẻo. Họ ngồi ăn với nhau đấy, cười nói như thường đấy, nhưng nước mắt chảy vào trong. Ngày mai chưa biết rồi ai ở ai đi. Đêm hôm ấy hầu hết tù không ngủ. Nhìn qua song sắt thấy ánh lửa bập bùng ở các cửa sổ nhà giam gần bên thì biết tù đang sôi sệt - nấu cháo săn hoặc đun nước pha trà, bất kể kỷ luật trại. Từ một ngôi nhà nào đó bên số chẵn suốt đêm vang ra tiếng ghi-ta chơi mãi một câu trong bản Nhạc Rừng "tình tinh tinh, tình tinh tinh tinh, tình... tình!".

Đêm đó cả trại thức trắng.

Đến sáng bạch mới thấy cán bộ xung xoảng chìa khóa đi vào trại. Tù đã mừng. Thường người ta chuyển tù đi vào ban đêm. Khéo mà tin đồn kia là nhảm cũng nên. Nhưng cán bộ chỉ mở một số nhà giam tù số lẻ. Người ta gọi tên.Ồn ào. Nhốn nháo. Đi thật rồi. Nhưng tù số lẻ không đi hết. Những người ra đi hối hả sắp xếp đồ đón.

Tôi ném cái túi đồ lên xe tải, leo lên theo. *Que sera sera*, tôi nghĩ! Mà còn nghĩ cái gì? Từ mà, đâu chẳng thế, muốn ra sao thì ra. Tôn Thất Tần leo lên theo, ngồi bên tôi, mặt bất động. Không biết đây là lần thứ bao nhiêu trong đời ông, hay đời tù thì cũng thế, ông đã lắc lư trên xe như thế này?

Tôi bắt đầu già. Khi anh không muốn có sự thay đổi nữa, khi anh chỉ muốn sống với những thói quen là anh bắt đầu già đấy.

Bao giờ mình mới ra khỏi đây? Bao giờ cũng được, nhưng cúi đầu thì không. Mình có sống được hai lần đâu. Thế giới rồi sẽ thay đổi chứ. Nó không thể không thay đổi khi trên mình nó còn những quốc gia ụng nhợt kiểu thế này.

Trước ngày chuyển trại mấy hôm, Nhân tới gặp tôi. Nó chỉ bị cùm một tháng rồi được ra. Tòa xử vụ giết Hán còi được thiết lập trong trại. Nhân bị xử hai mươi năm.

- Hán Còi là cháu chú thật à? – một hôm nó đến, ngồi xuống bên tôi.

- Thì sao?

Nó buồn rầu:

- Cháu xin lỗi chú. Cháu không định thế.

Tôi nhìn bộ mặt non choẹt, mới lún phún những sợi ria như những lông tơ của tên giết người, tôi thở dài:

- Ờ, chú hiểu.

- Cháu đâu có định làm thế. Nhưng nó bắt nạt cháu quá! Cháu tức lên, cháu mới chém nó.

Thế đấy, một cơn tức giận, một mạng người.

Trước đấy vài tháng tôi được gặp gia đình. Chính sách đối xử với tôi bây giờ rộng rãi hơn, tôi được ở với vợ một ngày đêm. Cùng ở trong nhà khách của trại có một người đàn bà đi tiếp tế gày tong teo, âm thầm như một cái bóng. Vợ tôi làm cơm, mời bà ta ăn cùng.

Thì ra đấy là mẹ của Nhân. Bà kể lể: mọi sự khốn khó trong gia đình bà đều do ông chồng gây ra hết. Trong câu chuyện than van của bà, lạ thay, và cũng buồn thay, vẫn có một âm sắc tự hào về ông chồng. Mà bà tự hào cũng phải. Ai có một ông chồng toàn tâm toàn ý vì cách mạng như chồng bà mà không tự hào? Ông là đảng viên lâu năm, làm giám đốc kiêm bí thư đảng một xí nghiệp đồ điện. Họp suốt, chẳng mảy may quan tâm đến con cái. Còn thời giờ nào nữa để mà quan tâm? Bố mẹ không giáo dục con cái thì hèn phô giáo dục. Nhân dần dà trở nên hư hỏng. Bị công an bắt mấy lần vì những chuyện hư hỏng lặt vặt, bà lên đồn nói khó với các đồng chí công an xin tha, nó được ra. Nhưng chứng nào tật ấy, nó không chừa.

Rồi đến một ngày ông bố không chịu nổi nữa, ông điệu nó lên đồn: "Nhờ Đảng và Chính phủ, nhờ các đồng chí giáo dục". Nó được nhận. Vắng con, bà khóc lóc, nhưng ông không chuyển lòng.

"Mình không giáo dục được con thì phải nhờ Đảng và Chính phủ giáo dục, còn kêu ca nỗi gì?" Ông chịu đựng được tiếng khóc của bà một tháng. Khi không chịu được nữa, ông lại lên đòn: "Chắc một tháng qua cháu nó đã biết sợ, xin các đồng chí cho cháu về, kẻo mẹ cháu khóc quá". Các đồng chí công an lạnh lùng: "Ô hay, về là thế nào? Đâu có thể như thế được! Đồng chí xin chính quyền giáo dục cháu, chúng tôi đã cho cháu đi trại rồi. Ở đấy nó sẽ được giáo dục cho kỳ ngoan". Ông vật nài: "Các đồng chí thông cảm cho nhà tôi, cấp cho tôi cái giấy, vợ chồng tôi tự lên trại đưa cháu về". "Đưa về là làm sao? Cháu đã được thành phố cho một lệnh tập trung cải tạo. Ít nhất thì hết ba năm nó mới về được".

Hết lệnh, thằng bé được một lệnh tiếp. Người ta bảo: nó cải tạo chưa tốt. Sau đấy nó trốn trại, rồi trở thành tên giết người.

Cùng đi chuyến này với tôi còn có những người bạn mới từ Vĩnh Quang vừa chuyển lên Tân Lập. Phần lớn, đó là những sĩ quan trong quân đội Pháp và quân đội Bảo Đại. Sau sự kiện Vịnh Bắc bộ (8. 1964) hầu hết những ai đã ở trong quân ngũ phía bên kia trong chiến tranh Việt-Pháp đều bị gom vào các trại tập trung. Người ta sợ Mỹ tấn công ra miền Bắc thì những người này sẽ theo Mỹ.

Cựu đại úy quân đội Pháp, rồi quân đội quốc gia Việt Nam, Kiều Duy Vĩnh là người đối với tôi thân tình hơn cả. Anh không nhìn tôi như người của cái chính quyền đưa anh đi tù<sup>1</sup>. Nhìn phong thái của anh thì thấy có vẻ như cái sự tù không gây ra cho anh nhiều phiền nhiễu. Anh thong dong như không phải đang ở trong tù. Nói cách khác, Vĩnh ít có vẻ tù nhất trong những người tù, "Jean Valjean gọi bằng cụ" nhận xét như thế. Kiều Duy Vĩnh thản nhiên đối với số phận, như thể anh chỉ đến thăm thú trại tù ít lâu rồi đi, chứ không có ý định ở lại.

Vĩnh tâm sự: "Các anh ở ngoài kháng chiến không hiểu tâm trạng tụi tôi, chứ trong lòng địch chúng tôi đâu có thích cầm súng cho Pháp. Trong đám chúng tôi hiện ở đây ít người theo Pháp thực lòng lầm. Người thì bị bắt lính, người thì thất nghiệp phải đăng lính để kiếm cơm, chứ chúng tôi đều hướng về kháng chiến đấy. Phàm người Việt Nam, ai không muốn độc lập, tự do? Kháng chiến thành công, chúng tôi mới ở lại, không đi Nam. Chúng tôi vui lắm chứ! Chúng tôi tin các anh không trả thù, các anh hứa thế mà. Qua cuộc bắt bớ này mới thấy - các anh là những con người quay quắt, tiền hậu bất nhất".

Kiều Duy Vĩnh kể trong trận càn Mandarin ở Thái Bình, năm 1952, lính của anh bắt được một cán bộ Việt Minh, anh đã giả lệnh trên đưa về khai thác rồi bỏ lên xe chở đi. Giữa đường, anh dừng xe, mở khóa cho anh cán bộ: "Tôi lũy tre kia là vùng các anh rồi, chạy đi!" Anh ta chạy, vừa chạy vừa ngoài lái, sợ bị bắn sau lưng. Vĩnh nói thêm: "Nếu anh ta dừng quá sợ, nếu anh ta can đảm một chút, dừng lại thêm vài giây để khuyên tôi đi theo anh ta thì có dễ hôm đó tôi đã theo các anh rồi!"

- Đáng tiếc! - tôi nói.

<sup>1</sup> Cần biết trong lập trường 8 điểm do phái đoàn VNDCCH đưa ra trong Hội nghị Genève 1954, có long trọng ghi nhận: các bên tham gia cuộc chiến Đông Dương sẽ không truy bức những người từng hợp tác với đối phương. Rõ ràng phía VNDCCH đã không tôn trọng lập trường đó.

Vĩnh nhún vai:

- Không biết có đáng tiếc hay không, nhưng trong chín năm chống Pháp các anh luôn luôn là hình mẫu lý tưởng của chúng tôi, chúng tôi nhìn các anh trong ánh hào quang rực rỡ của những nhà ái quốc.

Cựu trung úy Lê Trình, tức Trình Hàng Vải, kể cho tôi nghe một lần anh thấy tên lính trong đơn vị anh lầy báng súng đánh tù binh, anh đã nện cho nó một trận trước mặt đồng ngũ rồi bắt nó đi khuôn những thùng casse-croute<sup>1</sup> về cho tù binh ăn. Một trong những tù binh gặp anh sau hòa bình đã mời anh đi ăn một bữa tái ngộ rất vui vẻ. "Tách từng người ra, các anh dễ thương lắm. Nhưng gộp lại, các anh có nhiều chất quái vật".

Kể cho tôi những chuyện đó chẳng phải các anh muốn kể công với tôi. Tôi có là cái gì để mà họ kể công. Tôi cũng tù như họ. Cũng chẳng phải họ nói tốt để tôi báo cáo với Ban Giám thị - họ thừa biết tôi không phải chỉ điểm. Đáng lẽ họ còn phải trút lên đầu tôi nỗi căm giận chất chứa trong lòng nữa kia. Giả định, tôi đã là một cán bộ cộng sản. Tôi cho rằng họ kể những chuyện đó cho tôi nghe vì trong những ngày ấy lòng họ vẫn còn một chút gì ấm áp dành cho những người cộng sản thật tâm vì đồng bào, vì đất nước. Tôi hiểu thế nên không cãi, không trấn tĩnh. Tôi cười.

Chúng tôi trở thành bạn của nhau, những người đã từng ở hai bên chiến tuyến. Những viên đạn của chúng tôi đã bay vèo vèo sang nhau, nhưng may mắn, hay không may mắn, đã không trúng.

Cùng nhóm tù Vĩnh Quang còn có Văn Thợ Mộc, tôi không nhớ họ anh, cũng chẳng nhớ anh cấp bậc gì, cũng trung úy đại úy chi đó, không hơn. Anh cực kỳ hiền lành, tính lại hay giúp đỡ người, được cả trại mến, từ người tù cho tới viên quản giáo coi đội. Anh ngồi lắc lư trên xe, trong một góc khuất, chẳng buồn ngó nghiêng ra ngoài. Cuộc chuyển trại này làm anh khổ tâm lắm - anh phải xa thằng con nuôi. Đó là một thằng bé có gương mặt thông minh, và cũng hiền lắm, chẳng hiểu sao lại rơi vào đám số chẵn. Trong đám lưu manh, nó không ở trong hàng sĩ quan, cũng không phải lính vét, một thằng bé rất trì, nghĩa là lì lợm, cứng đầu, không chịu một ai. Bạn sĩ quan vẫn phải kiêng nó ra. Bạn tù cho tôi biết nó là con người tình năm xưa của anh. Anh chăm sóc nó bằng tấm lòng của người cha, nhường nhịn mọi thứ hiềm hoi trong tù cho nó. Bù lại, thằng bé cứng đầu mềm nhũn ra bên cạnh cha nuôi, như một con mèo con.

Phổ Gián Điệp lầm lì ngồi bên Văn Thợ Mộc. Anh sống trong tù như một ốc đảo, không dính dáng với ai, không chơi với ai. Có người nói anh trước hoạt động trong nội thành, sau mất liên lạc với cấp chỉ huy. Một hôm thợ sửa mái phát hiện trên trần có một máy phát tin, thế là anh bị bắt, bị buộc tội làm gián điệp. Những người hoạt động cùng với anh đã đi Nam, xác minh không được vì trước anh chỉ liên lạc với họ bằng mật danh, mật hiệu bây giờ không dùng nữa...

<sup>1</sup> Khẩu pháo sáng của binh lính trong quân đội viễn chinh Pháp, được cung cấp cho cả binh lính quốc gia thuộc chính quyền Bảo Đại.

Khi qua thị xã Yên Bái, xe dừng, tôi được thiếu úy Nhẩm rủ xuống đi xem phố. Trong chuyến đi này những người tù số lẻ không bị khóa tay. Trên xe chỉ có hai công an đeo tiêu liên canh chừng với tinh thần cảnh giác không sắc bén. Những người tù bị bắt vì cẩn thận không bao giờ trốn. Họ đã đứng tuổi, hoặc đã già, không thích hợp với sự phiêu lưu.

Tôi đi lang thang dọc phố ngắm cảnh. Không giống như khi vừa từ xà lim ra, tôi không còn háo hức muốn nhìn ngó. Thị xã là một dãy nhà thấp hèn, ám khói, nằm xiêu vẹo ven đường ô tô. Một cửa hàng ăn mậu dịch đông đúc bán cơm phiếu, *phở không người lái*. Một cửa hàng bách hóa lèo tèo. Còn lại là những ngôi nhà rách rưới, tạm bợ. Từ những mái tranh xập xệ mùi mốc thêch của cái nghèo phả ra đường. Lác đác mấy cái máy khâu im lìm chõi ra mặt phố, mấy ông thợ cao ngẩng ngơ bên những cái ghế không khách. Những tấm biển gày còm: *Ở Đây Lộn Cổ Lộn Gối, Vá Chữa Quần Áo Lấy Ngay, Cắt Tóc, Cắt Tóc...* Cứ như thể người ở đây ra đời chỉ để cắt tóc, đem sơ mi đi lộn cổ, đem quần đi lộn gối, vá mông rồi chết.

- Nước mình nghèo quá, phải không anh? - Nhẩm đi bên tôi, nói. - Khác Liên Xô quá, phải không?

Tôi cười thay lời đáp.

Nhẩm rủ tôi vào quán. Tất nhiên, anh ta muốn chiêu đãi tôi. Nhưng tôi từ chối. Cái việc tôi được đặc cách xuống xe đi lông nhông cũng đủ làm các bạn tù ngứa mắt rồi.

Trại Phong Quang nằm trong một lòng chảo sát biên giới Việt-Trung, cách đường Hữu Nghị là con đường do nước cộng sản Cuba mới xây dựng giúp khoảng hơn chục cây số. Đó là theo những gì người ta kể, một hình dung địa lý mờ mịt được chắp vá bởi những câu nói không rõ ràng của những người đi tiếp tế và dân địa phương, chứ từ thường bị chuyển tới nơi ở mới vào ban đêm không bao giờ biết chính xác nơi mình đến là đâu.

Khi tôi vừa tới, những câu chuyện về khí hậu độc địa của vùng này làm tôi phát ớn. Trước hết là sự vắng bóng chim sẻ, được những người tù có học giải thích bằng bản năng trời cho của loài vật - chúng mẫn cảm với tai họa nên tránh xa những vùng nguy hiểm. Thực vậy, chim sẻ có mặt khắp nơi, nhưng ở Phong Quang tịnh không thấy chúng. Các giống chim khác cũng không. Chỉ đêm đến mới nghe văng vẳng tiếng từ quy khắc khoải gọi nhau. Nước Phong Quang có độc hay không, độc đến mức nào, không ai biết, nhưng tù ở các đội nông nghiệp nói rằng ở đây có những khu ruộng sinh mà lội xuống bước lên đã thấy lông chân tuột hết không còn cái nào.

Trong các trại tôi đã qua, Phong Quang bị liệt vào loại trại khắc nghiệt. Không người tù nào muốn bị chuyển tới trại này. Những người tù lâu năm an ủi những người tù ít năm rằng dù sao Phong Quang cũng chưa phải trại dữ nhất. Dữ nhất, theo họ, vẫn là Cổng Trời mà tôi đã nói tới ở trên.

Xe tù vừa tới Phong Quang tôi đã thấy ngay trại này khác hẳn trại Tân Lập. Cán bộ công an ở đây sát khí đằng đằng, đi lại hùng hổ, luôn miệng quát tháo. Đập vào mắt tôi là cảnh mấy người tù bị “khóa cánh tiên”, lồng ngực căng ra hết mức, mặt đỏ bừng, lử lả ngoài cổng trại. Sau mới biết người bị

"khóa cánh tiên" bao giờ cũng bị khóa ở đấy, nơi mọi người dù đều thấy rõ, một kiểu triển lãm ngoài trời. Thảo nào, khi chia tay với tôi, Nhẩm tần ngần: "Thôi, tôi về nhá, anh Hiên nhá! Anh ở đây cố gắng mà chịu đựng. Tôi đã bàn giao với cán bộ ở đây cẩn thận về trường hợp của anh rồi. Nhưng dù sao thì đây cũng không phải Tân Lập. Mong anh chóng được ra. Cơn bĩ cực nào rồi mà chẳng có lúc hết".

Cơn bĩ cực của tôi xem ra còn dài.

Trời bù cho tôi. Trại Phong Quang thú vị bởi những nhân vật đặc sắc. Tôi gặp ở đây một bộ sưu tập tù độc đáo. Không kể tín đồ các đạo và các bậc chức sắc của họ, các thứ đảng phái tôi chưa một lần nghe tên, tôi còn gặp một người Âu, mấy anh Lào, mấy anh Miên, cả những anh hùng lao động nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Lại có cả hai anh "xét lại" chẳng dính dáng gì tới vụ chúng tôi. Tôi nhớ tới Paustovsky: "Nhà văn cứ thản nhiên mà sống. Chẳng có gì của cuộc đời đi qua mà không để lại dấu vết, không trở thành tài liệu văn học". Ông đúng. Những bức chân dung không cố ý giữ lại trong trí nhớ mà cứ còn mãi, như thể chúng được khắc sâu bằng dao, xù xì, góc cạnh, không thể tẩy xóa.

Nghe nói có tù "xét lại" ở đây tôi vội bỏ đi làm quen.

Thì ra có thật. Một người là sinh viên du học ở Budapest bị sứ quán đuổi về nước<sup>1</sup> vì tội dám yêu một cô gái Hung. Anh ta trốn để ở lại với người yêu, nhưng bị công an nước bạn Hungari bắt, để trả cho sứ quán Việt Nam. Bị áp giải về nước, anh này ở Hỏa Lò một thời gian rồi bị đưa lên Phong Quang. Anh thứ hai là một thanh niên đã học ở Nga, về ngôn ngữ hay văn học gì đó tôi không nhớ. Hồi làm sao anh bị bắt thì anh ấp úng, nói có lẽ do anh có qua lại với mấy người Nga dạy học ở Hà Nội. Cả hai đều bị gọi là "xét lại", ít nhất thì cũng là cách gọi của công an. Không rõ trong hồ sơ tập trung cải tạo của hai anh người ta ghi tội danh gì, nhưng rõ ràng họ không thuộc vụ chúng tôi.

Thế là vẫn như trước, ở đây tôi chỉ có một mình.

Trong những người tù Phong Quang mà tôi quen đầu tiên, tôi đặc biệt nhớ một thanh niên Trung Quốc bởi ý chí kiên cường của anh ta. Theo anh ta tự giới thiệu thì ở Trung Quốc anh là sinh viên một trường đại học ở Vũ Hán. Mấy ông già biết phiên âm Hán Việt gọi anh ta là Lý Phương, phiên âm từ tên Trung Quốc Li Fang hay Li Feng, không biết phiên âm thế có đúng hay không. Những người Trung Quốc mới sang trong đợt chạy cách mạng văn hóa vô sản nói chung không có tên gọi theo âm Hán Việt. Tên Việt của họ là do cán bộ đặt theo kiểu hầm bà làng, miễn sao dễ gọi.

<sup>1</sup> Chuyện chính quyền nghiêm cấm sinh viên Việt Nam yêu người nước ngoài là chuyện bình thường trong nhiều năm dài sau khi kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Người ta nói rằng chính ông Hồ Chí Minh ra lệnh này từ năm 1953, trong cuộc nói chuyện với những sinh viên Việt Nam được xuất ngoại, tuy Hiến pháp và luật pháp đều không có một điều nào về chuyện này. Người phá rào cấm của ông Hồ năm 1957 là một nữ sinh viên. Sau này chị mang quốc tịch Ba Lan, trở thành một chuyên gia xuất sắc trong ngành kiến trúc. Vào đầu thập niên 80, khi con gái Lê Duẩn bỏ chồng Việt lấy chồng người nước ngoài thì lệnh miệng này mới hoàn toàn mất hiệu lực.

Không hiểu nghe ai nói tôi là nhà báo, Lý Phương tự tìm tới tôi:

- Tôi có việc muốn nhờ anh. - Lý Phương nói bằng tiếng Việt, rất rõ ràng, rất chuẩn, do đó không được Việt lầm.

- Có chuyện gì vậy?

- Tôi muốn anh giúp tôi trong việc tìm ra cách la-tinh hóa tiếng Trung Quốc.

Tôi ngần ngừ:

- Tôi không biết tiếng Trung Quốc, không biết những đặc điểm của cách phát âm Trung Quốc, làm sao giúp anh được?

- Anh giúp được. Tôi chỉ hỏi anh khi cần thôi. Tự tôi nghiên cứu là chính. Anh người Hà Nội, phát âm tiếng Việt chuẩn, lại có hiểu biết về ngôn ngữ, thế là tốt cho tôi lắm rồi. Anh biết không, tôi thấy tiếng Việt được la-tinh hóa rất hay. Cần phải bắt chước cách la-tinh hóa tiếng Việt để ký âm tiếng Trung Quốc, la-tinh hóa nó...

Không một lời nào nói tới cuộc sống tù tội, không một câu hỏi thăm về án hình, vốn là đề tài muôn thuở trong những cuộc làm quen ở chốn này.

Trung Quốc không bao giờ hết những con người vĩ đại.

Cho đến lúc rời Phong Quang tôi vẫn không biết chính xác lý do Lý Phương rời vào nhà tù Việt Nam. Có người nói anh ta ở trong một tổ chức chống Mao. Trong cuộc đại cách mạng văn hóa vô sản, Lý Phương bị bắt, vượt ngục chạy sang Việt Nam. Trong trường hợp một người ở nước mình nhân thân bị đe dọa vì lý do chính trị đến xin tá túc một nước khác, gọi là xin cư trú chính trị, thì nước nọ thường cho phép anh ta cư trú, lại còn giúp đỡ điều kiện sinh sống. Trừ Việt Nam. Những người Trung Quốc tị nạn đến Việt Nam, nếu may mắn không bị trả về Trung Quốc thì họ được Việt Nam cho tị nạn trong tù.

Lý Phương không bị trả về Trung Quốc là may. Nhưng có thật anh ta chống Mao không thì tôi không biết. Chỉ biết trong trại Phong Quang Lý Phương kết nghĩa anh em với một người tù, cũng rất đặc biệt, là Lý Cà Sa.

Về Lý Cà Sa tôi đã được nghe tiếng từ trại Tân Lập. Người tù rất đặc biệt này đã qua nhiều trại, do đó được anh em tù biết đến nhiều. Anh ta hình như là thổ phỉ thì phải. Tôi nói hình như vì chính tai tôi chưa nghe Lý Cà Sa nói về tội trạng mình lần nào, cũng không nghe cán bộ trại giam nói, hoặc nghe người ta đọc tội danh của anh trong khi kiểm kê tù hàng năm. Theo tôi quan sát thì Lý Cà Sa giống tù số lẻ hơn tù số chẵn. Đó là một người Trung Quốc hoàn toàn, nhưng không phải một người Trung Quốc hiện đại, mà từ thời hòa thượng Lỗ Trí Thâm, thời đề mục Lâm Xung<sup>1</sup>, lạc vào đây. Cao, to, cân

---

<sup>1</sup> Nhân vật trong truyện Thuỷ Hử của Trung Quốc.

đối, gương mặt sáng sủa, với đường nét ngay thẳng, trông thoảng cũng thấy anh là người tính tình cởi mở, trung thực, Lý Cà Sa nổi tiếng là người có sức khoẻ kỳ lạ. Tám người tù lèo khuêo ì ạch kéo một cái xe bò lên dốc không nổi, Lý Cà Sa chạy lại giúp, anh xua mọi người ra, lôi nó đi băng băng bằng một tay. Hơn một chục tù tát từ sáng tới trưa không cạn một cái giếng, Lý Cà Sa cũng xua họ đi, một mình một gầu thau xong giếng trước khi trời tối. Vì sức khỏe, và vì cả nết chăm làm của anh, Ban giám thị các trại đều trọng nể anh. Họ cho anh một đặc ân không người tù nào có được là suất ăn hàng ngày gấp đôi tù thường. Có điều, với sức khoẻ của Lý Cà Sa, suất ăn như thế chẳng đi đến đâu.

Lý Cà Sa rất thương Lý Phương. Kiếm được cái gì anh cũng nhường cho Lý Phương. Lý Phương nhận sự nhường nhịn của đàn anh như lẽ đương nhiên, suốt ngày chỉ chăm chú vào việc cải tiến chữ Trung Quốc. Trông cách làm việc của Lý Phương thì có thể nghĩ rằng anh thanh niên này không phải bị tù, mà anh ta sang Việt Nam để có điều kiện nghiên cứu cho việc hoàn tất một công trình ngôn ngữ học rất quan trọng.

Không biết rồi công trình của nhà ái quốc Lý Phương có giúp ích gì cho ngôn ngữ Trung Hoa hay không, nhưng anh ta đã làm việc, như chúng ta thường nói, quên mình.

Về sau tôi có điều kiện giúp Lý Phương được nhiều hơn nữa nhờ ông Lê Hữu Qua, cục trưởng Cục quản lý trại giam. Sau đợt lên thanh tra trại của ông cục trưởng, trung úy Bưởi, cán bộ phụ trách giáo dục, người Hà Tĩnh, một thanh niên trẻ và đẹp trai, gọi tôi lên:

- Ban giám thị có ý để anh làm văn hóa trại, ý anh thế nào?

Tôi nhìn Bưởi.

- Tôi muốn biết công việc gồm có những gì?

- Cũng chẳng có chi mô. Rất đơn giản. Đại khái là thông báo cho phạm biết những quyết định của Ban, kiểm tra vệ sinh, nếp sống văn hóa mới, thỉnh thoảng phát tin trong báo Đảng cho phạm nghe, trong trại có hiện tượng gì thì báo cáo cho Ban biết...

Tôi ngần ngừ, rồi quyết định:

- Tôi nhận công việc này, trừ hai việc.

- Việc chi?

- Tôi không báo cáo về những việc xảy ra trong trại, là một. – tôi nói, dứt khoát - Tôi không làm công việc chỉ điểm.

Bưởi cau mặt.

- Nhưng nếu trong trại có một âm mưu giết nhau, chẳng lẽ anh cũng không báo cáo để chúng ta cùng nhau ngăn chặn?

- Những chuyện như thế thì tôi sẽ báo cáo.

- Còn việc thứ hai?

- Tôi sẽ không “khóa cánh tiên” các trại viên khi có cán bộ hạ lệnh.

Bưởi ngần ngừ:

- Anh cho đó là nhục hình?

- Hơn thế, nó còn hạ thấp nhân phẩm của cả người hạ lệnh khóa lẩn người thực hiện hình phạt ấy.

- Anh sẽ không phải làm việc đó. - Bưởi nói - Công việc của anh trực thuộc Ban giáo dục trại. Có gì anh cứ trực tiếp gặp tôi để giải quyết.

Tôi hiểu rằng không phải do lòng tốt của Bưởi mà tôi được chọn làm “văn hoá trại”. Đó là do có chỉ thị từ trên, trong trường hợp của tôi là do quyết định của Cục trưởng Lê Hữu Qua.

Bưởi giữ đúng lời hứa. Tôi được tự do trong công việc của mình. Anh ta cho tôi một căn phòng ở sát hội trường để làm việc. Tôi được nhận báo Nhân Dân, báo Văn Nghệ cũ của Ban Giám thị để dùng cho công việc. Những tờ báo hiếm hoi và không liên tục trở thành nguồn thông tin quý báu cho những người tù bị cắt đứt với cuộc sống bên ngoài, đặc biệt là tù số lẻ. Tôi làm những cái bảng treo chúng ở từng khu, khu này đọc xong thì chuyển qua khu khác. Chưa từng có anh “văn hoá trại” nào làm chuyện này. Anh em khoái trá vỗ vai tôi:

- Tốt lắm!

Thấy Bưởi dễ tính, tôi xin phép tổ chức một trường bổ túc văn hóa trong trại. Bưởi tán thành. Trong việc này anh còn tỏ ra sорт sáng là khác. Chúng tôi tìm những người tù có học, bố trí họ làm giáo viên, khuyến khích trại viên đi học. Lúc đầu, các cháu số chẵn không muốn học, nhưng sau khi đi “học thử” vài buổi, chúng rất chăm đến lớp. Mà không phải chỉ có tù đi học, một số cán bộ, chiến sĩ công an cũng đến nghe giảng, nhất là những buổi bình văn hoặc lịch sử. Họ ngồi ở cuối lớp để ra vẻ không học chung với tù, nhưng nhiều lần nghe giảng rồi họ còn đến “phòng văn hóa” hỏi các giáo viên mỗi khi có thắc mắc. Lý Phương cũng đến nghe giảng, mặc dầu anh ta không hiểu được bao nhiêu, trông mặt anh ta cứ nghẹt ra thì biết.

Công việc của tôi và Bưởi hợp tác đã đem lại kết quả tốt. Kỳ thi tốt nghiệp cấp hai được tổ chức ngay trong trại, do các giám thị ở ngoài đưa vào coi, rất có kỷ luật, sĩ số đủ điểm tốt nghiệp thuộc loại cao nhất tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Trại Phong Quang được coi là lá cờ đầu về bổ túc văn hóa trong ngành quản lý trại giam.

Bưởi ngày một gần tôi hơn.

Tôi phải mà cả rõ ràng mọi điều kiện với cán bộ giáo dục trại vì tôi không muốn các bạn tù hiểu nhầm tôi làm tay sai cho công an. Ở trại Phong Quang có một anh cán bộ Bộ Ngoại giao, cũng bị bắt về tội liên lạc với người nước ngoài, trong đó có cả tội giao thiệp với sứ quán Liên Xô. Giao thiệp với

người nước ngoài cũng là một dạng “xét lại”, cũng là một tội, theo cách hiểu của công an ngành trại giam, mặc dầu anh không được hân hạnh nằm trong sự quản lý của Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ. Anh ở trại này trước tôi, được Ban giám thị trại cho làm “trật tự”. Nếu như họ cho tôi làm cái chân này, chắc tôi phải chối từ. Nhưng anh bạn đã nhận, vì anh em yêu cầu, theo anh kể. Trong đám số lẻ có người làm trật tự thì vẫn hơn trật tự toàn số *chǎn*. Nhưng làm “trật tự” có nghĩa là làm tay sai trực tiếp của đủ mọi loại cán bộ, kể từ Ban giám thị trở xuống. Họ bắt lấy roi quất anh em thì phải quất, bắt “khóa cánh tiên” anh em thì phải khóa. Anh cán bộ ngoại giao nọ đã sai lầm khi nhận làm “trật tự” để trở thành tay sai thực thụ cho những kẻ bất nhân, bị anh em số lẻ vừa khinh vừa ghét.

Nhờ có sự thỏa thuận trước giữa tôi và trung úy Bưởi, nên khi các quản giáo sai tôi “khóa cánh tiên” những người tù phạm kỷ luật, tôi từ chối thẳng. Họ bức tức, họ giận dữ, kiện lên cả Ban giám thi, nhưng không thấy Ban giám thi khiển trách tôi. Ban giám thi hiểu rằng tôi sẵn sàng trở lại đội thợ xe bất cứ lúc nào, chứ tôi kiên quyết không nghe lời các quản giáo làm chuyện bất nhân đó. Vả lại, tôi hiểu rằng nếu họ muốn không cho tôi làm “văn hoá trại” nữa, mà việc này chẳng qua chỉ nhầm giảm nhẹ lao động cho tôi, thì họ cũng phải báo cáo cục trưởng để xin ý kiến<sup>1</sup>.

Gần trung úy Bưởi một thời gian, tôi kết luận: anh là người nhân hậu trong bản tính. Tôi chưa thấy anh hạ lệnh “khóa cánh tiên” một người tù nào, mặc dầu đó là một trò chơi thích thú của bất cứ anh quản giáo nào muốn tỏ ra mình có quyền uy. Bưởi bắn khoan rất nhiều trước khi buộc lòng phải cho một phạm nhân đi kèm. Tôi còn nhớ một hôm có anh chàng số *chǎn* tên Lộc, biệt hiệu Lộc Ca-lô-ba, đến giờ đi lao động cứ nằm ì, nhất định không chịu đi. Bưởi hỏi tại sao không chịu đi thì Lộc Ca-lô-ba chỉ khóc, rồi nói “việc của tôi ông không giải quyết được, chỉ có chú Hiên mới giải quyết được thôi”. Bưởi cho “trật tự” đi gọi tôi. Thì ra anh chàng này, ở ngoài là một võ sĩ quyền Anh hạng ruồi, vào tù đói quá, không chịu nổi, thế là vay nợ lung tung. Lệ trong tù vay một trả hai, vay một cái bánh mì hôm nay, mai phải trả bằng hai suất cơm, không trả được thì hôm sau nợ nhân lên gấp đôi. Lộc Ca-lô-ba bụng to hơn con mắt, cứ đói là vay bừa, trả thì bừa được bừa cái, nợ cứ thế tăng lên, cho tới hôm đó đã là một trăm bốn mươi suất. Lộc đói lả là do bị chủ nợ cúp cơm liên tục.

Trước mặt Bưởi, Lộc van xin tôi giúp đỡ. Tôi mắng Lộc mấy câu qua loa cho có lệ rồi đề nghị Bưởi cho phép anh ta được nghỉ lao động hôm đó.

- Anh mần rằng giúp hắn? - Bưởi hỏi khi chúng tôi trở về “phòng văn hoá”.

- Tôi đang nghĩ. Nhưng phải giúp. Đó là một cái tệ trong tù. Cứ đà này, bị cúp cơm dài dài, hắn sẽ chết đói.

<sup>1</sup> Sau khi ra tù tôi mới biết ông Lê Giản đã nói với cục trưởng Lê Hữu Qua tìm cách giúp tôi. Lê Hữu Qua là cán bộ dưới quyền ông Lê Giản khi ông còn là Tổng giám đốc Nha Công an Việt Nam. Ông Qua là một trong số ít cán bộ công an có học cũ còn được giữ lại làm việc khi thủ trưởng ra đi. Vừa nhậm chức Trần Quốc Hoàn đã gạt hết các cán bộ của Lê Giản ra ngoài.

- Để tôi cho lũ chủ nợ đi kèm. - Bưởi tức giận - Chúng nó làm loạn quá!

Tôi lắc đầu:

- Không được đâu. Đây là quy ước hai bên thỏa thuận. Không ai bắt buộc Lộc Ca-lô-ba phải vay nợ. Anh làm thế, người ta cho là bất công.

- Rứa thì chịu à?

- Không. Nhưng phải tìm cách khác.

Tôi gọi các chủ nợ đến:

- Hôm nọ chúng mà có thấy mẹ thằng Lộc Ca-lô-ba không?

- Có. Quả “tắc” của nó còng lắm.

- Chúng mà siết cả rồi, phải không?

- Nó nợ chúng em nhiều lắm.

- Tao có gặp bà ta. Mới biết nó là con một. Bà lão già rồi, chẳng còn biết trông cậy vào ai, trừ nó ra.

Các chủ nợ đoán được tôi định dẫn câu chuyện tới đâu.

Tôi nói tiếp:

- Mấy hôm nay thằng Lộc Ca-lô-ba xem ra yếu lắm rồi. Cứ bị cúp cơm thế này nó sẽ chết.

- Chúng em không bắt nó vay. Nợ thì phải trả.

Tôi nhẹ nhàng bảo:

- Đành là thế. Nhưng nếu nó chết, mẹ nó sẽ không còn nơi nương tựa trong tuổi già, chúng mà hiểu thế chứ? Vậy thì thế này. Anh, chúng mà biết đấy, vẫn tập yoga. Mà người tập yoga ngày ăn một bữa là chuyện thường. Anh thương bà lão, chứ không thương thằng Lộc, anh đề nghị chúng mà cho anh trả thay cho nó, với điều kiện là số nợ đến đây là dừng, không tính thêm nữa.

- Không được. - các chủ nợ nhao nhao phản đối - Chúng em mà lại đi cúp cơm anh sao được?!

Tôi nắn nì:

- Cứ bữa chiều chúng mà lên lấy. Anh chịu được mà.

Các chủ nợ kiên quyết:

- Không.

- Vậy thì cho anh xin chúng mày số nợ ấy. – tôi nói - Vì mẹ thằng Lộc. Nhưng thằng này thì phải trùng trại cho sáng mắt ra, để từ sau nó chừa, không dám thế nữa... Chúng mày cho anh chứ?

Các chủ nợ suy nghĩ một lát:

- Vâng, thế cũng được. Nhưng anh phải để chúng em cho nó một trận.

Tôi mừng.

- Thì anh vừa nói rồi, thằng ấy hư lắm, không tha được. Nhưng nó yếu quá rồi, chúng mày được phép đánh nó, nhưng anh sẽ giám sát, chỉ được đánh nó bằng bàn tay xòe, thằng nào nắm tay đứng trách...

Sáng hôm sau Lộc Ca-lô-ba bị một trận tơi bời. Những bàn tay xòe không làm cho võ sĩ hạng ruồi bị đơ ván. Nhưng mặt y sưng lên như cái bị.

Bưởi quan sát cách giải quyết của tôi, cười tersed tím:

- Hay thật đấy! Tôi được một bài học: phải tôn trọng những quy ước, dù chúng là thế nào.

Bưởi cũng nương nhẹ đối với những người cộng sản Trung Quốc thuộc "vụ Quảng Ninh".

- Họ giữ tư cách đàng hoàng lắm - Bưởi nhận xét - Đáng phục.

- Căn cứ tuổi họ thì đây là những người đã tham gia giải phóng Trung Quốc. - tôi nói - Vào thời gian đó chỉ những người có tư cách mới lãnh đạo được quần chúng.

Những người cộng sản này đến Việt Nam bằng con đường khá vòng vèo. Khoảng đầu thập niên 60, tôi không còn nhớ rõ năm nào, vùng Hoa Nam bị lâm vào một nạn đói cực kỳ khủng khiếp. Người chết đầy đường. Dân đói ùn ùn kéo đi Hồng Kông, nghe nói cả triệu người. Chính quyền Trung Hoa lục địa không tài nào ngăn nổi một cuộc di dân ồ ạt như thế. Nó không thể xảy ra nếu không được những người dày kinh nghiệm đấu tranh lãnh đạo. Chính những người cộng sản địa phương đã tổ chức cuộc chạy trốn ấy. Chính quyền Hồng Kông giam dân di tản lại rồi báo cho Bắc Kinh biết. Bắc Kinh tuyên bố: "Không hề có chuyện các công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa bỏ chạy tới Hồng Kông". Đảo quốc Đài Loan giang tay đón những đứa con đói khát của tổ quốc, nhưng không phải chỉ vì tình thương, mà còn vì những mục đích chính trị - họ nghĩ tới những đội biệt kích rồi đây sẽ được phái về "giải phóng tổ quốc". Những người cộng sản được lọc ra, được huấn luyện, rồi được bồi lên những con thuyền buồm, nhằm hướng Hoa lục. Không hiểu là bàn hỏng, thuyền trưởng tồi, hay vì những trực trặc nào khác, nhưng họ lại cập bến Quảng Ninh sau một cơn bão, tưởng mình đã ở trên đất đai của tổ tiên.

Tôi hỏi một cựu bí thư huyện ủy (huyện của Trung Quốc to bằng tỉnh của ta):

- Anh thất vọng về chủ nghĩa cộng sản, và chống lại nó?

- Đâu có. Tôi vẫn thích chủ nghĩa cộng sản. Tôi vẫn tin chỉ có nó mới mang lại cho chúng tôi công bằng và hạnh phúc.

- Thế mà anh đã ra đi khỏi nơi đang xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Tại sao?

- Mao Trạch Đông không phải cộng sản. Tôi có trách nhiệm trước dân chúng mà tôi lãnh đạo. Họ đói. Đã có những người chết. Chủ nghĩa cộng sản thì xa. Nồi cơm gần hơn.

Anh Nguyễn Chí Thiện, một tù nhân có tâm hồn đáng kính, một nhà thơ được ưu ái trong tầng lớp trí thức của xã hội tù, bùi môi:

- Các anh nói thối bỏ mẹ: "trách nhiệm trước dân chúng mà tôi lãnh đạo". Dân chúng chẳng cần tới sự lãnh đạo của các anh. Vì các anh dân mới đói. Vì các anh dân Trung Quốc mới thân tàn ma dại.

Ông bí thư huyện, anh hùng lao động nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, nhìn Thiện, nín lặng.

Những người cộng sản Trung Quốc sống trong nhà tù Việt Nam như khách. Họ chỉ quan tâm tới tình hình Việt Nam trong chừng mực những gì liên quan tới họ. Ngoại giả, họ mặc. Là tù đày, nhưng họ không quý lụy cán bộ trại, cũng không hòa nhập với cộng đồng tù Việt. Cán bộ có quát nạt họ cũng giả vờ điếc, không nghe thấy, không hiểu. Thỉnh thoảng hứng lên họ hát đồng ca những bài hát cách mạng của Trung Quốc, như bài "Xì lai!"<sup>1</sup> mà chúng tôi cũng biết. Hoặc "Quốc tế ca". Nhưng không bao giờ họ hát bài "Đông phương hồng"<sup>2</sup>. mặt trời lên. Trung Hoa chúng ta có Mao Trạch Đông!".

- Nạn đói là kinh niên đối với một nước như Trung Quốc. - tôi nói với Thiện - Không phải những người cộng sản là nguyên nhân duy nhất. Thời Tưởng, tôi biết, nạn đói còn xảy ra nhiều hơn. Hãy nhớ lại bọn Tàu phù sang ta năm 1945. Không phải chỉ đói, mà còn man rợ nữa...

Thiện trợn mắt nhìn tôi. Anh không thích một câu đế ngang xương như thế. Với anh, cộng sản là xấu, là tồi tệ, là kinh tởm, chấm hết. Không một cái gì của cộng sản có thể là tốt. Cái cách tôi đánh đồng loạt chính quyền Thưởng Giới Thạch với chính quyền Mao Trạch Đông như thế là không được. Không hiểu sao anh vẫn chấp nhận tôi như một ngoại lệ. Nguyễn Chí Thiện làm nhiều thơ. Chiều chiều chúng tôi tụ họp nhau ở sau trại ngắm hoàng hôn, uống trà và nghe thơ. Nhìn cảnh những Kiều Duy Vĩnh, Nguyễn Chí Thiện, Lê Trình, Văn Thợ Mộc, Phổ Gián điệp, Tôn Thất Tần... kẻ đứng người ngồi

<sup>1</sup> Vùng lên! (tiếng Trung Hoa). Bài hát cách mạng phổ biến ở Trung Quốc, mở đầu bằng câu: "Vùng lên, không cam tâm làm ngựa trâu ngu dân!"

<sup>2</sup> Bài hát ca ngợi Mao Trạch Đông, mở đầu bằng mấy câu: "Đông phương hồng, mặt trời lên. Trung Hoa chúng ta có Mao Trạch Đông. Với nhân dân người là cứu tinh..."

trong ráng chiều bàng bạc của một vùng rừng núi âm u bắt đầu ngả sang màu tím, tôi nhớ tới bức tranh nổi tiếng Những Người Tháng Chạp<sup>1</sup> trong cảnh lưu đày ở Sibir thời Sa hoàng.

Những bài thơ của Nguyễn Chí Thiện không hợp với tặng tôi. Thơ của anh trần trụi, bỗ bã, nói thẳng vào vấn đề, mà tôi thì lại thích thơ gợi, thơ kích thích trí tưởng tượng, thứ thơ cho phép người đọc được tham gia thêm vào cái đã có sẵn trong bài thơ, câu thơ, một chút tâm hồn mình. Nhưng cũng có bài của anh đọng lại trong trí nhớ:

*Không có chỗ trên con tàu Trái đất*

*Tôi là người hành khách bơ vơ.*

*Lỡ chuyến, lầm ga, mất cắp, bây giờ*

*Tôi ủ rũ trên sàn toa lạnh ngắt,*

*Cái toa đen dành cho súc vật.*

hoặc:

*Người xưa ngẩng đầu nhìn trăng sáng*

*Rồi cúi đầu thương nhớ cố hương...<sup>2</sup>*

*Còn tôi đây ngẩng đầu nhìn nhện chăng tơ vướng*

*Rồi cúi đầu nhặt hạt cơm vương...*

Cao lênh khênh giữa các bạn tù, Nguyễn Chí Thiện nhìn đời qua cặp kính trăng mà đằng sau chúng là cặp mắt lồi ngơ ngác. Bộ quần áo trại phát, dự tính cho người tù có chiều cao trung bình, quá cũn cõn trên người anh, làm thò doi căng chân khẳng khiu ra ngoài. Thiện không bao giờ đi dép, tú thời anh diện đôi guốc mộc tự đẽo, làm anh cao thêm mấy phân nữa. Thiện không phải là người tù bướng bỉnh, chống đối bất cứ ai, vào bất cứ lúc nào. Anh còn thuộc loại hiền lành nữa là khác. Có vẻ lúc nào anh cũng ngơ ngác, cũng ngạc nhiên trước cuộc đời bụi bặm và uế tạp. Anh ghê tởm nó, nhưng cũng không có ý định dọn dẹp nó hay sửa chữa nó. Nói tóm lại, anh chẳng gây sự với cán bộ trại giam. Nhưng đó là một người tù không thể bẻ gãy. Tinh thần bất khuất trong những người tù không biểu hiện ở thái độ ngang tàng mà ở thái độ bất cần, thái độ khinh mạn.

<sup>1</sup> Những Người Tháng Chạp với ý muốn cách tân nước Nga vào đầu thế kỷ XX đã bị Nga hoàng Nikolai II đày đi Sibir. Sự hy sinh của họ đã dẫn tới cuộc nổi dậy năm 1905.

<sup>2</sup> Theo tú thơ của Lý Bạch (chết năm 762): "Cử đầu vọng minh nguyệt. Đê đầu tư cố hương".

Có lần đi lao động về tôi thấy Nguyễn Chí Thiện đã bị "*khóa cánh tiên*" ngoài cổng trại. Trông anh như bộ xương người trong giờ học cách trí - lồng ngực ưỡn ra nhìn rõ từng rẽ sườn. Nhìn thấy tôi Thiện mặt đỏ gay còn cố mỉm cười thay lời chào.

Trình Hàng Vải thì thào với tôi:

- Chúng nó bắt được mấy bài thơ của Thiện.

Những người tù số lẻ lặng lẽ đi ngang bạn mình đang bị hành hạ. Mặt họ đanh lại. Tôi nghĩ: chỉ cần nhìn thấy cảnh này chứ không cần ném nó người dân cũng khó mà yêu được chế độ.

Kiều Duy Vĩnh đánh giá cao cái ngoại lệ mà người tù chống cộng đến cùng dành cho tôi:

- Thiện nó tin anh lầm đấy! Mà cũng trọng anh lầm đấy! Nếu không nó chẳng đọc thơ cho anh nghe đâu.

Tôi hiểu Kiều Duy Vĩnh quý tôi. Trong cái sự trọng tôi của Nguyễn Chí Thiện có ảnh hưởng tình cảm của Kiều Duy Vĩnh dành cho tôi. Nhưng không có Kiều Duy Vĩnh thì Nguyễn Chí Thiện cũng vẫn tin tôi không làm ăng-ten. Những người tù trí thức khác cũng tin như vậy.

Nguyễn Chí Thiện có trọng tôi hay không là chuyện không quan trọng. Trong tù tôi học được cách sống tự tại, mặc kệ người ta nghĩ về mình thế nào. Tôi mãi mãi vẫn là tôi, không phụ thuộc vào sự đánh giá của bất kỳ ai.

Vả lại, tôi chẳng việc gì phải đấm ngực trước Nguyễn Chí Thiện hay người tù chống cộng nào khác chỉ vì tôi đã có lúc chân thành đi theo sự vãy gọi của niềm tin mang tên chủ nghĩa cộng sản.

## 41

- Malêlết ló mốn cặp (gặp) mày! - Cố Thủ Chẩu đứng trước mặt tôi, ngúc ngắc cái đầu húi cua, nói bằng giọng khàn khàn.

- Có chuyện gì thế? - tôi nhìn đôi mắt một mí không chớp của anh ta.

- Không pết! - Cố Thủ Chẩu nói.

- Sao lại không biết?

- Ló bảo ngộ tến lói.

- Sao anh ta không tự đến?

Cố Thủ Chẩu nhăn nhó:

- Mà mày pằng lòng chớ, có không?

Cố Thủ Chẩu dặng hắng, đôi mắt tròn xoe đã bắt đầu mờ đục buồn rầu nhìn tôi. Tôi kiên nhẫn chờ, nhưng mãi vẫn chẳng thấy anh ta nói gì.

"Rõ ngốc!" Tôi rửa thầm tôi ngu. Ai cũng biết Cố Thủ Chẩu nói tiếng Việt không sõi. Mỗi lần phải dùng đến tiếng Việt là một lần anh ta mệt. Chỉ nghĩ đến phải nói tiếng Việt là anh ta đã muốn thở rốc, gương mặt đặc Tàu đờ đẫn hẳn ra trên cái cổ bánh như cổ trâu. Trong đám tù chính trị họ Cố nổi tiếng hèn tiện lời vì lẽ đó. Ngay cả với cán bộ trại anh ta cũng chẳng buồn trả lời khi họ hỏi. Lúc đầu họ còn nỗi sùng, riết rồi quen.

- Thì ít nhất cũng phải cho tôi biết có chuyện gì chứ. - tôi nói.

Tôi vừa viết vội cho xong bản báo cáo hình thức hàng tháng về lớp bổ túc văn hóa trại để nộp lên Ban giáo dục trại vừa cố đoán tiếp lý do khiến Marinet muốn gặp tôi. Trong trại mấy ngày qua mọi

chuyện đều bình thường. Cả tuần chẳng có sự cố gì đặc biệt. Mà Marinet muốn gặp tôi theo kiểu này, có hỏi trước, nghĩa là phải có vấn đề. Từ khi tôi được Ban Giám thị cử làm chân “văn hóa trại” thì, theo một thỏa thuận không thành văn được toàn thể tù nhân tán thành, những người tù có chuyện lùng củng với nhau không báo cáo vụ việc thẳng với cán bộ như trước nữa mà đến bàn với tôi để tìm cách giải quyết nội bộ.

Cố Thủ Chầu cụp mắt xuống, chân nọ gãi chân kia:

- Malélết pảo thế! Ló mốn nhều.

Tôi gật đầu:

- Được, tôi sẽ đến.

- Tốt hảo a!

Cố Thủ Chầu nhẹ răng cười hài lòng, bỏ đi.

Tù ở trại A Phong Quang không đông, lối năm trăm nhân mạng là cùng, phần lớn là số lẻ. Như ở bất cứ trại nào, những người tù ít khi chơi thân với nhau. Người ta sợ, cái sợ cổ hữu được Đảng cấy vào người họ, nó bám theo họ vào trong tù, cộng thêm cái sợ mới sinh ra bởi hệ thống ăng-ten dày đặc và thói quen bẩm bao để kiểm xác. Để tạo ra những ốc đảo an toàn, những người tù họp lại với nhau thành những nhóm nhỏ, gồm những người đã quen biết nhau ở ngoài hoặc những người đã được quan sát kỹ, thậm chí đã được thử thách trong cuộc sống giam cầm. Thường mỗi nhóm như thế chỉ hai người một, ba người một, gọi là gia đình, hiếm khi đông hơn. Tuy không giao du với nhau, nhưng cùng trong một trại, ra đụng vào chạm chan chát, mọi người đều nhẫn mặt nhau, thậm chí quen nhau tuốt tuột, có thể nói như thế. Chẳng hạn, tôi không phải bạn Cố Thủ Chầu, ấy thế mà gặp nhau chúng tôi bao giờ cũng chào hỏi xã giao như những người quen biết, dù sau đó chỉ nói với nhau đôi ba câu bâng quơ.

Marinet, hay Malélết theo cách phát âm của Cố Thủ Chầu, là một cái lạ của trại Phong Quang. Mà có thể nó còn là cái lạ trong mọi trại giam. Lần đầu tiên tôi gặp trong bộ lạc tù số lẻ một người Âu. Một người Âu trăm phần trăm, Âu hoàn toàn, từ đầu đến chân - mũi lõi, tóc vàng, mắt xanh, da trắng. Không phải tây lai. Lại không phải phi công Mỹ. Cũng không phải tù binh còn sót lại của chiến tranh Đông Dương. Nghĩa là không thể nào giải thích được vì sao anh ta lại có mặt giữa vùng lam sơn chướng khí chỉ dành cho bọn tù số lẻ, lũ kẻ thù giai cấp của chính quyền vô sản. Mà khốn nạn làm sao, anh chàng lại không biết tiếng Việt để có thể trò chuyện với bạn tù, để cảm thấy đỡ cô đơn trong cảnh sống bị trói buộc. Cán bộ trại gọi tên anh ta theo hồ sơ hay anh ta tự xưng không biết, nhưng mọi người đều gọi anh ta là Ma Ri Nết. Chắc là tên chứ không phải họ.

Làm lũi như một cái bóng, cao lênh khênh, nước da xanh xao, cái nhìn bất động, Marinet ngồi yên lặng xếp hàng trên sân trại mỗi buổi sáng chờ đi lao động. Khi đội anh ta được gọi tới, anh ta lặng lẽ đội nón lên đầu, đứng dậy cùng đi với các bạn tù. Bên cạnh những người tù thấp bé, ốm o,

Marinet trong hình hài lênh khênh, tách ra khỏi đám đông xám xịt. Như một Gulliver ở xứ người Liliput, anh nhẫn nhục sống, lảng lặng đi, lảng lặng làm.

Theo lời kể của những người tù, thường tò mò và thích ngồi lê đói mách, thì Marinet là một thương gia Hà Lan chuyên buôn bán mě cốc trong vùng Thái Bình Dương. Sự có mặt của anh ta ở đây được giải thích bằng một nguyên nhân không cần tới lô-gích. Ấy là anh ta bị Chúa trừng phạt. Theo lời họ, câu chuyện là thế này.

Marinet vì quá sốt ruột muốn hưởng ngay lập tức phần gia tài kếch sù được ghi trong di chúc của ông nhạc, đã mưu mô với vợ đầu độc ông ta. Vụ giết người không bị phát giác. Nhưng oan hồn ông bố vợ không tha cho Marinet. Trong một chuyến áp tải hàng trên Thái Bình Dương, giữa bữa rượu mừng sinh nhật mình, Marinet say túy túy đã rời tõm xuống biển mà không ai biết. Nhưng Marinet không chết. Marinet dạt vào Việt Nam.

Chắc hẳn Marinet có kể cho ai đó, cho nên người ta mới biết chuyện này. Chứ nếu anh ta không kể thì ai có thể bịa ra câu chuyện với những chi tiết như thế được? Mà chẳng cứ bạn tù, các cán bộ trại cũng tin câu chuyện đó. Hắn Marinet đã khai với công an như vậy. Mà cũng có thể Marinet kể cho Cố Thủ Chầu nghe, rồi Cố Thủ Chầu kể lại cho người khác. Trong trại Marinet chẳng chơi với một ai trừ Cố Thủ Chầu.

Cố Thủ Chầu là thổ phỉ. Nhưng trông họ Cố lại chẳng có thớ ăn cướp tẹo nào. Đậm người, đi đứng chậm chạp, tay chân vụng về, da mặt bóng nhẫy, trông Cố Thủ Chầu có vẻ một ông chủ tiệm chạp phô ở một thị trấn hẻo lánh vùng biên giới. Để làm một tên cướp, họ Cố có vẻ người lù đù quá, khờ khạo quá, trong đối nhân xử thế thì lại tử tế quá, ân nghĩa quá. Cố Thủ Chầu cũng dân “boọc”, cũng ác tù mù. Từ bên Lào sang họ Cố được phiên vào một toán số lẻ, mặc dầu thổ phỉ là tội thuộc số chẵn.

Làm xong công việc hàng ngày của anh văn hóa trại, nghĩa là có mặt trong giờ điểm danh, đi kiểm tra vệ sinh lán trại, treo báo luân phiên trong các khu cho anh em tù đọc, tôi lững thững đi gặp Marinet.

- Chào đồng chí!

Đôi mắt xanh biếc của Marinet cười rộng, bàn tay to và xương xẩu xiết chặt tay tôi. Chưa hết ngạc nhiên với câu chào của Marinet, tôi đã bị anh lôi vào trong nhà.

Chúng tôi theo nhau trèo lên tầng trên cái giường chạy dài suốt năm gian. Giang sơn của Marinet là một manh chiếu, sát vách là khói chǎn màn vuông vức, kẽ cả tay nải. Marinet nghèo, anh không có cái hòm gỗ mộc như những dân “boọc” số lẻ khác (là những người ít tin ở ngày về hơn bất cứ thứ tù nào). Cũng khác với tất cả, bên trên vách, ở đầu chỗ nằm của anh, có một thập giá tết bằng lá cọ non, đã khô xác và xám xịt vì lâu ngày. Theo nguyên tắc trại giam, những người tù theo đạo Thiên Chúa không được phép treo thập giá ở đầu giường, nếu ai treo cán bộ trại sẽ thu rồi quẳng đi, nhưng Marinet được hưởng ngoại lệ. Dù sao anh ta cũng là người nước ngoài.

Không vội vã Marinet châm đóm. Lửa bùng lên trong bóng tối ẩm ướt buổi sáng đầu đông có sương mù, tạo ra không khí ấm cúng. Tay phải Marinet cầm đóm huơ những vòng lửa nhỏ dưới trôn cái ống bơ cầm chắc trong tay trái, nước trong ống bơ chắt mấy chốc đã sôi sùng sục. Trong tù, thủ tục tiếp khách bao giờ cũng trang trọng. Cái bát men thủng làm bếp, ống bơ sữa bò làm ấm đun, cái ca men sứt sẹo thay ấm pha, chén đựng trà làm bằng nứa tép cắt ngắn - bộ đồ trà của tù là thế.

- Mời! - Marinet đưa cho tôi một chén trà nóng bỏng bằng hai tay.

- Mời! - tôi nâng chén, cũng bằng hai tay.

Chúng tôi lảng lặng thưởng trà như hai nhà ngoại giao đại diện cho hai dân tộc Âu-Á trong một cuộc gặp gỡ vào những thế kỷ đã xa.

- Anh không lấy làm lạ thấy tôi gọi anh bằng đồng chí sao?

Marinet néo mắt cười qua hơi nước sôi nghi ngút. Hóa ra anh ta biết tiếng Việt. Mà biết không tôi.

- Thú thật, tôi lấy làm lạ. – tôi nói - Ở trong tù người ta không gọi nhau như thế. Tôi nghĩ anh chưa rành tiếng Việt.

- Tôi cố ý. Tôi nói có câu nhắc - Marinet nói.

- Thật vậy à?

- Tôi quan sát anh từ khi anh vừa tới trại này. Mọi việc anh làm, nhân cách của anh, kể từ khi anh làm văn hóa trại, đều được chúng tôi theo dõi. - Marinet nhẩn nha giải thích - Và tôi kết luận: anh là một người cộng sản.

Một kết luận kỳ cục, tôi nghĩ.

- Vâng, một người cộng sản. - Marinet nói thêm - Như tôi.

Tôi nhìn Marinet, không nói được lời nào.

- Vâng, tôi là đảng viên Đảng cộng sản Trung Quốc.

Tôi còn sững sốt hơn nữa:

- Anh? Là đảng viên Đảng cộng sản... Trung Quốc?

- Vâng.

- Cả Cố Thủ Chầu?

- Không, Cố Thủ Chầu khác. - Marinet cười khe khẽ, lắc đầu - Anh ta là người của Khun Sa<sup>1</sup>.

- Tôi lại càng không hiểu... - tôi nói – Hoàn toàn không hiểu.

Sao mà cuộc đời lầm chuyện lạ lùng đến thế? Tôi chờ đợi nhìn Marinet. Anh nhẩn nha uống ly trà đặc.

- Người ta nói anh còn là écrivain<sup>2</sup> – Marinet uống xong ly trà rồi mới đứng đĩnh hồn - Phải vậy không?

- Trước kia cũng có lúc tôi làm công việc viết lách.

Tôi miễn cưỡng xác nhận. Tôi không thích nghe ai nói tới cái tôi trước kia.

Marinet pha tuần trà thứ hai.

- Hôm nay tôi muốn gặp anh chính là để kể cho anh về những cái tôi vừa nói, về cuộc đời tôi... Nếu anh muốn nghe...

Tôi vội vã trả lời:

- Tất nhiên, tôi muốn nghe.

Marinet cười:

- Tôi biết mà, tôi không lầm khi chọn anh để nói về những bí mật của đời tôi. Mà cuộc đời tôi đáng được kể lại... Nó không giống những gì anh đã nghe đâu. Đó là chuyện bịa. Gặp anh tôi mừng lắm. Không phải ai cũng may mắn được gặp một écrivain ở trong tù.

Chao ôi, cuộc đời tôi mới kỳ cục làm sao! Cứ như thể tôi sinh ra chỉ để làm một việc duy nhất là làm nhân chứng cho những sự kiện, đặc biệt là cho những sự kiện không bình thường. Mà những sự kiện không bình thường thì ở trong nhà tù vô số kể. Chẳng hạn như Marinet đây.

Mà Marinet cũng chẳng phải là người nước ngoài đầu tiên tôi gặp trong tù.

Trước Marinet tôi đã gặp một người khác - một thanh niên Triều Tiên. Tôi gặp anh chàng họ Kim này tại Tân Lập, mùa thu năm 1971. Cũng là một dân số /é, cũng “booc”. Lạ lắm. Mà cũng bi thảm lắm. Tôi sẽ kể về anh chàng này sau.

Marinet nói tiếng Việt còn kém, nhưng hiểu tốt. Anh sợ người ta tò mò về anh, thành thử anh chỉ chăm chú nghe mọi người nói rồi quay mặt vào vách mà lầm bẩm những lời học được ban ngày, người không biết tưởng anh cầu nguyện Chúa. Gặp những từ anh chưa biết, hoặc quên mất, Marinet

<sup>1</sup> Người đứng đầu các lực lượng vũ trang sản xuất và buôn bán ma túy ở Tam Giác Vàng.

<sup>2</sup> Nhà văn (tiếng Pháp)

chêm tiếng Pháp, tiếng Anh vào. Cuộc đối thoại lúc đầu có trục trặc chút ít, nhưng chúng tôi mau chóng tìm được cách hiểu nhau.

Câu chuyện Marinet kể như sau:

Anh là người Trung Quốc tính theo quốc tịch. Nhưng về dòng máu, Marinet là người Hà Lan. Cha của Marinet, một bác sĩ, là con một gia đình trí thức nghèo ở Amsterdam. Ông học nghề thày thuốc theo truyền thống gia đình - cụ nội Marinet làm nghề cứu nhân độ thế, ông nội Marinet nối nghiệp. Có một con trai, cụ cho vào trường y. Ngay sau khi ra trường, cha của Marinet xin đi thực tập tại Trung Quốc. Sở dĩ ông chọn nước này vì ở đây có điều kiện tốt cho một bác sĩ trẻ trưởng thành, có thể mau chóng trở thành bác sĩ lành nghề. Trung Quốc vào đầu thế kỷ XX là một nước lạc hậu, nghèo nàn, luôn có dịch bệnh. Người thày thuốc được điều trị nhiều thì chóng giỏi. Hơn nữa, lương trả cho bác sĩ thực tập ở một bệnh viện Hà Lan tại Thượng Hải, nơi ông phải tới, cao hơn ở các nước khác. Mẹ Marinet người Trung Quốc chính gốc, cũng sinh viên ngành y. Là một thanh niên đầy nhiệt huyết cách mạng, bà lôi kéo người bạn Hà Lan vào những hoạt động của lớp thanh niên thiên tả thuộc thế hệ bà. Họ yêu nhau, rồi cả hai cùng gia nhập Đảng cộng sản. Khi lực lượng cách mạng rời các thành phố duyên hải chuyển vào sâu nội địa, tiếp đến cuộc Vạn lý Trường Chinh lên phía Bắc, đôi vợ chồng trẻ với đứa con năm tuổi đã cùng Mao Trạch Đông, Bành Đức Hoài, Chu Đức vượt qua những gian khổ không kể xiết lên tới tận căn cứ địa Diên An.

Marinet lớn lên trong lòng cuộc cách mạng Trung Quốc. Mẹ anh qua đời vì một cơn bạo bệnh thiếu thuốc chữa. Cha anh suy sụp hẳn sau cái chết của bà. Ông làm việc như một cái xác không hồn. Sau này, lớn lên, Marinet mới biết ông không bao giờ tha thứ cho Đảng của ông về cái chết của vợ. Dường như thuốc để chữa cho mẹ anh lúc bấy giờ có, nhưng nó đã được dùng một cách vô ích cho một trường hợp khác, chỉ vì Mao Trạch Đông muốn biểu diễn sự quan tâm của ông ta tới một đối thủ chính trị.

Marinet trở thành chiến sĩ Hồng quân rất sớm, anh vào Đảng cộng sản Trung Quốc ngay từ khi 17 tuổi. Trung Hoa lục địa hoàn toàn giải phóng, anh được cử đi học một lớp huấn luyện công an và chuyển hẳn sang ngành này. Học xong anh được điều về Quảng Châu, địa đầu của nhiều ngả thông thương giữa Trung Quốc và nước ngoài, phụ trách công tác phản gián. Chính ở đây Marinet gặp Cố Thủ Chầu.

- Cố Thủ Chầu người Quảng Châu? – tôi hỏi.

- Không phải. Chính anh ta cũng chẳng biết mình quê ở đâu. Họ Cố là một tay mất gốc. Trông lù đù thế mà, anh biết không, Cố Thủ Chầu đã lê gót khắp thế giới rồi đấy. Anh ta đã ở trong những khách sạn sang nhất của Washington, New York, Paris...

- Cố Thủ Chầu làm nghề gì?

- Cố Thủ Chầu không có nghề. Anh ta là một trong những boss<sup>1</sup> của Tam Giác Vàng, vừa thuở phiện của thế giới...

- Anh quen Cố Thủ Chầu ở Quảng Châu?

Marinet chưa kịp trả lời thì Cố Thủ Chầu trở về. Anh ta cười hể hả, lồm cồm leo lên “nhậm xà” cùng chúng tôi.

Cố Thủ Chầu được coi là một người tù cải tạo tốt nhờ tính tình hiền lành và đức cần mẫn. Đã hơn một năm nay anh được Ban Giám thị cho tự giác, trông nom trạm thủy điện. Công việc này nhàn lắm. Trạm thủy điện nhỏ dùng dòng chảy suốt ngày đêm. Người trông trại chỉ phải đóng mở mấy cái cầu dao cho dòng điện lúc thì chạy máy bơm nước, lúc thì thắp sáng. Trong những ngày nước lũ thì vất vả hơn một chút, phải thức khuya dậy sớm trông nom cái tua-bin và máy phát điện, không để chúng bị trôi đi.

- Tang lói chuyện dề? - Cố Thủ Chầu khẽ khà hỏi. Anh đặt lên chiếu trước mặt chúng tôi một gói trà “tự biên tự diễn”, có túi ba lạng. - Hôm lay ngộ hên lắm, vót lờ ngoài suối tược cả kí lô cá, mới sang bên lâm sản tối xà (đổi trà) ngon về cho các pạn...

- Đang hỏi chuyện hai anh quen nhau thế nào? - tôi nói.

- Quen quen cấy chi! - Cố Thủ Chầu ngửa mặt cười hắc hắc - Malélết ló pắt ngộ chớ. Chính cấy thẳng lèy lèy. Pô tù a. Hồi cung a. Tủ cả. Malélết pắn chéch (bắn chết) ngộ lồi lếu ngộ không có cấy hộ chiếu Mỹ, phảy thế khôông?

- Böyle nào. Bắn là bắn làm sao?

- Thị pắn pằng cấy tận (cái đạn) tung tung chớ pằng cấy chi. Trung Cộng cố tận nhiều nhều. Người cũng nhiều nhều. Pắn không cố tếc (tiếc).

Marinet ở Quảng Châu được ít lâu thì xảy ra tam phản hay ngũ phản chi chi đó, anh kể mà tôi không nhớ. Trong những cuộc thường trực phản như vậy cán bộ cách mạng đều lần lượt bị dính, hết người này tới người khác đi tù, đi học "trường thất ngũ", một thứ trại cải tạo.

Marinet gặp may – qua rất nhiều thứ “phản” anh không hề hấn gì. Đùng một cái, các bạn đồng đội từ thời Diên An đang đêm bí mật đến lôi anh khỏi nhà, bỏ anh lên một chiếc thuyền nhỏ, dùng ca nô hải quân kéo ra hải phận quốc tế. “Đồng chí thấy có tàu thuyền treo cờ nước ngoài thì vẫy họ xin cứu, họ dặn anh. Còn hơn chết trong trại tập trung, mà đồng chí thì chắc chắn bị bắt nếu chúng tôi không đến kịp. Thôi, vĩnh biệt Marinet!”

Lênh đênh trên biển hai tuần liền, Marinet không gọi được một chiếc tàu nước ngoài nào. Anh có nhìn thấy chúng trên đường chân trời, nhưng con thuyền nhỏ bé của anh chỉ là một chấm đen trên

<sup>1</sup> Ông chủ (tiếng Anh).

mặt biển mênh mông, nên người ta không thấy anh. Nắng như đổ lửa trên đại dương vô vọng. Nhờ những đồng đội thông minh, anh đã không chết khát sau khi lượng nước ngọt dự trữ cạn - trong đam lương khô anh tìm thấy cả một bao tải khoai lang, thứ khoai ngoài tinh bột còn chứa rất nhiều nước ngọt trong củ.

Thế rồi bão nổi, tung lên dìm xuống con thuyền của anh. Nó rơi tả bay lượn trên những ngọn sóng như một cọng rơm. Marinet tỉnh dậy khi chân anh đụng thềm cát của đất liền. Trong cơn u mê anh vẫn còn đủ tỉnh trí để trút bỏ bộ quần áo. Không thể để cho người ta biết anh từ đâu tới trước khi anh biết những người cứu anh là ai. Những người du kích Việt Nam tìm thấy Marinet trong trạng thái trần truồng bất tỉnh trên bờ biển. Họ đưa anh về trụ sở ủy ban xã. Marinet nhận ra chân dung ông Hồ Chí Minh. Anh hiểu anh đang ở đâu. Biết chắc nếu khai thật anh sẽ bị chính quyền Việt Nam trả anh về Trung Quốc ngay lập tức, anh rút nốt cái quần lót trong nhà vệ sinh khi xin đi đại tiện. Nó là vật chứng duy nhất tố cáo anh là người Trung Quốc. Sau đó, có lẽ trong thời kỳ khai cung, anh đã sáng tác ra câu chuyện anh đầu độc bố vợ và bị Chúa phạt.

Anh không ngờ lại gặp Cố Thủ Chầu trong nhà tù Việt Nam.

- Tôi ngẩn người, không nói được câu nào khi thấy Cố Thủ Chầu trước cổng trại, đang chăn mấy con trâu.

- Ngộ cũng thế. Ngộ cứ há cấy mồm (há cái mồm).

Cố Thủ Chầu kể: anh đi ăn cưới em gái một người anh em kết nghĩa ở Thương Lào. Không thể nào từ chối lời mời của người anh em thân thiết cho được. Họ uống say bí tỉ. Tỉnh dậy, Cố Thủ Chầu thấy mình bị trói gô. Người anh em kết nghĩa bị bắt về tội làm thổ phỉ. Không biết Cố Thủ Chầu là ai, người ta buộc anh là thổ phỉ nốt. Cho tiện. Sau đó là các nhà tù Lào, rồi nhà tù Việt Nam.

- Tôi dặn Cố Thủ Chầu chớ nói với công an Việt Nam tôi là ai.

- Ngộ cũng pảo ló thế. - Cố Thủ Chầu nói - Công an Việt Nam ló pết mềnh ở Tam Dác Vàng thì lôi thôi lắm à, rách vẹc nhều nhều.

Tôi hỏi Marinet:

- Công an Việt Nam hoàn toàn không biết tí gì về anh?

- Không. Nếu họ biết tôi đã không còn ngồi đây nói chuyện với anh.

- Và anh dám tin tôi?

Marinet nhún vai.

- Tại sao tôi lại không tin?

- Cảm ơn anh đã tin.

- Tôi phải cảm ơn Chúa đã cho tôi được gặp anh để mà tin.

Marinet ngược mắt nhìn lên cái thập giá và tôi hiểu: người cộng sản Marinet bây giờ tin thật có Chúa Trời.

- Vì sao anh muốn kể cho tôi nghe cuộc đời anh?

Trên mặt Marinet thoảng qua một nụ cười cay đắng.

- Bởi vì tôi biết tôi không còn sống lâu nữa. Tôi muốn kể cho anh nghe về cuộc đời tôi để rồi một lúc nào đó anh kể lại cho người khác.

- Anh nghĩ rằng tôi còn cơ hội để kể lại sao?

Tới năm thứ tám của đời tù tôi gần như không tin mình sẽ còn sống cho tới ngày trở về. Thời hạn ba năm cho một lệnh tập trung cải tạo là thời hạn hình thức, nó chẳng được ai tính đến, trừ thói quen của guồng máy quan liêu, đến ngày thì cho đánh máy thêm một lệnh mới, kéo dài thêm cái lệnh cũ. Tôi là tên tù “xử lý nội bộ”, tức là tên vừa-tù-vừa-không-phải-tù, số phận tôi là do Đảng quyết định, nếu tin vào lời người đứng đầu Ban bảo vệ Đảng. Mặt khác tôi lại là tên tù tập trung cải tạo, có hạn ba năm một, nếu tin lời phổ biến của tên đại úy công an đẹp trai nói cho tôi và Phùng Mỹ. Tất cả cái mớ bòng bong những lời bịp bợm cố tình hoặc dối trá hồn nhiên ấy chẳng có gì đáng tin,

- Tại sao lại không thể nghĩ như thế? - Marinet phản bác - Anh còn trẻ mà.

- Chúng ta đều còn trẻ. Nói cho đúng hơn, chúng ta đang già đi ở đây...

- Nhưng anh sẽ còn sống.

- Anh cũng vậy.

- Không, tôi không sống đến ngày ra khỏi đây đâu, tôi biết. Anh xem này.

Marinet lê ra gần cửa sổ, húng hăng ho rời khạc vào một tờ giấy. Anh vẩy tay lại gần. Trên tờ giấy, lẫn trong đờm là những tia máu kéo dài. Anh gấp tờ giấy vứt ra ngoài cửa sổ.

- Anh bị lao?

- Rõ ràng là thế.

- Cần phải chữa.

Nghe tôi nói Cố Thủ Chầu kêu lên bằng một thổ ngữ Trung Quốc lạ tai, nhưng tôi hiểu - anh ta chửi thề. Marinet lườm bạn:

- Nay, đừng nói bậnh!

- Chỡ, chỡ cấy... tẩu na má! Khám lồi, khám nhiều nhều lồi, thằng ê sī cho mấy vên thốc ho lồi pảo ti vè, ti vè.

Marinet cười hiền lành:

- Nhà tù chứ có phải an dưỡng đường đâu. Nơi để chết chứ không phải nơi để sống...

Anh chàng Triều Tiên họ Kim mà tôi nhắc tới ở trên chắc đã chết. Tôi vẫn quan tâm tới anh ta, nhưng không nghe ai nói tới một người Triều Tiên ở trại nào nữa, mặc dầu ở Phong Quang có đủ mặt tù từ các trại khác tới.

Kim đến Tân Lập trong một chuyến tù từ Hà Nội. Những người tù mới chỉ trả anh ta cho chúng tôi thấy, khoe với chúng tôi của lạ trong đám họ. Anh chàng Triều Tiên đứng ngắn ngơ một mình, không biết nói chuyện với ai. Tôi “nỉ hào”<sup>1</sup> với anh ta bằng tiếng Trung Quốc rồi hỏi có phải anh ta là người Triều Tiên không?

- Tuây!<sup>2</sup>

Tôi hiểu. Nhưng vốn liếng tiếng Trung Quốc của tôi đến đây là hết. May, Kim rõ rẽ biết tiếng Nga. Tôi hỏi vì sao anh bị bắt.

- Tôi không hiểu. - Kim nói, mặt ngây độn - Tôi không hiểu gì cả. Tại sao người ta lại bắt tôi? Tôi là sinh viên Triều Tiên học ở Bắc Kinh. Tôi yêu Việt Nam. Tôi tình nguyện đi kháng Mỹ viện Việt, chẳng ai nhận tôi cả. Tôi mới đáp tàu hỏa xuống phía Nam, ở đó chắc chắn có đường qua Việt Nam. Tới Ping Seng<sup>3</sup>, tôi thấy hàng dãy xe tải chở những ống lớn chờ qua biên giới. Mới chui vào một cái ống, quả nhiên sang được. Đó là những ống dẫn dầu viện trợ cho Việt Nam. Đến Bắc Giang, tôi chui ra. Tôi đi tìm chính quyền Việt Nam xin chiến đấu chống Mỹ thì bị bắt...

- Người ta không tin?

- Họ chẳng nói gì hết. Cho ăn, cho uống. Bảo sẽ kiểm tra việc này. Họ hỏi sứ quán nước tôi tại Hà Nội...

- Sứ quán trả lời ra sao?

- Qua lời anh phiên dịch thì hình như sứ quán nói: ở Triều Tiên không có những công dân vô kỷ luật, tùy các đồng chí Việt Nam xử lý. Thế là tôi bị tù.

- Anh phản đối chứ?

- Tôi phản đối. Họ bảo: hãy yên tâm, cứ ở tạm đây đã để người ta còn điều tra thêm.

Kim thở dài.

<sup>1</sup> Anh khoẻ không? Tiếng chào hỏi của người Trung Hoa.

<sup>2</sup> Đúng! (tiếng Trung Hoa).

<sup>3</sup> Đọc theo âm Hán Việt là Bằng Tường, một thời là địa điểm đặt trạm biên phòng Trung Quốc.

Không hiểu sao lúc ấy trong tôi lại nảy ra một ý nghĩ đùa cợt, bây giờ nghĩ lại thấy thật là ác.

- Anh Kim à, - tôi nói - tôi nghĩ anh bị tình nghi về một tội khác... Mà người ta không nói ra với anh.

- Tôi gì? Tôi đã khai thực với họ: tôi chỉ muốn tham gia chống Mỹ cùng với nhân dân Việt Nam.

Tôi làm bộ suy nghĩ một lát.

- Có thể, người ta nghi anh là gián điệp.

- Bozhe moy!<sup>1</sup> Tại sao người ta có thể nghĩ bậy thế được! Tôi mà làm gián điệp cho Mỹ sao?

- Chắc anh biết một trong những thế mạnh của nền xuất khẩu Triều Tiên là nhân sâm, jinseng...

- Đúng!

- Việt Nam cũng có một thứ jinseng. – tôi hạ giọng, thì thầm - Chỉ có nó mới cạnh tranh được với jinseng Triều Tiên, và nhà nước Việt Nam rất bảo vệ bí mật ginseng của mình...

- Chà!

- Có phải jinseng Triều Tiên to chừng này không? - tôi chìa ngón tay cái - Ít có củ to hơn.

- Phải. Một củ và hai hoặc ba chẽ.

- Anh chờ một lát sẽ thấy jinseng Việt Nam lớn đến thế nào!

Khi những đội nông nghiệp kìn kìn gánh săn thu hoạch về cho nhà bếp thì Kim trọn tròn mắt, kêu lên mấy thán từ bằng tiếng Triều Tiên mà tôi không hiểu.

Tối hôm đó, tôi tưởng anh chàng Triều Tiên sau khi đã được đứng lẩn với tù Việt Nam thì sẽ được đưa vào một toán số lẻ nào đó, nhưng không phải. Anh ta bị biệt giam trong một xà lim kỷ luật. Ban đêm tôi nghe tiếng Kim đập phá, la hét cho tới tận sáng. Mấy ngày kế tiếp cũng vậy. Rồi khu biệt giam im lặng hoàn toàn - anh ta đã được đưa đi nơi khác, hoặc đã chết.

Marinet nói:

- Anh hứa sẽ viết về cuộc đời tôi chứ?

- Nếu tôi còn sống.

Marinet đưa tay ra, buộc tôi phải ký kết giao ước vừa thỏa thuận với nhau bằng cái bắt tay chặt.

<sup>1</sup> Trời ơi! (tiếng Nga)

- Chủ nghĩa lăng mạn giết chết con người chẳng kém gì dịch hạch. - Marinet trầm ngâm - Anh thử nghĩ mà xem: có biết bao nhiêu người đã thành tâm đi theo chủ nghĩa cộng sản và trở thành nạn nhân của nó?

Tôi nghĩ tới Kim. Trường hợp của Marinet, của tôi, còn phải lý giải dài dài, nhưng trường hợp của Kim thật rõ ràng.

Chủ nghĩa lăng mạn không phải chỉ có mặt trong những bi kịch có dính líu tới chủ nghĩa cộng sản. Một tù nhân chính trị mà tôi gặp ở Phong Quang còn làm cho tôi sững sờ hơn bởi lòng yêu nước kỳ lạ trong anh ta. Là một thanh niên nông dân, trình độ học vấn chỉ khoảng lớp bốn lớp năm, Phong rơi vào tù (cũng không có án xử) do những bức thư gửi cho Trung ương Đảng, trong đó anh ta lên án các bậc chèo lái quốc gia mời quân Trung Quốc vào Việt Nam là "công rắn cắn gà nhà". Để bàn về chuyện đúng sai trong việc này còn phải mất nhiều giấy mực, nhưng điều không phải bàn là lòng yêu nước trong anh ta.

Phong không có chân trong bất kỳ đảng phái "phản động" nào, cũng không giáo điều hoặc xét lại - anh ta chỉ có tràn trui một lòng yêu nước chẳng cần biết đến đúng sai.

Lòng yêu nước này có thể gọi là cực đoan hay mù quáng là tùy ở mỗi người, nhưng nó gợi lên trong tôi sự kính trọng. Mà không phải chỉ trong tôi.

Một hôm trung úy Bưởi mời tôi tới phòng giáo dục rồi đưa cho tôi một tập hồ sơ.

- Anh đọc đi.

Đó là những bức thư Phong gửi Trung ương Đảng. Không phải những bức thư đã đưa anh ta vào tù, mà những bức thư kế tiếp, vừa mới viết, những bức thư nằm trong tiêu chuẩn hiếm hoi mà người tù được phép gửi ra ngoài. "Tôi kêu gọi các người hãy tỉnh lại, đừng mơ hồ với mưu toan bành trướng của Trung Quốc. - một bức thư viết - Tham vọng mở mang bờ cõi của họ tổ tiên ta đã biết từ lâu. Nếu con cháu không nghe lời để chúng xâm lấn đất đai tổ tiên một lần nữa thì tôi ấy ngàn đời không rửa sạch..." Trong một bức thư khác Phong dọa Trung ương Đảng rằng lịch sử sẽ không tha thứ cho họ, nếu như họ ngoan cố kết liên với kẻ thù truyền kiếp để mang họa cho đất nước.

- Anh này thậm chí nhịn đói chứ không ăn cơm nấu bằng gạo Trung Quốc viện trợ.

- Tôi cũng có nghe chuyện này. Những ngày trại ăn gạo Trung Quốc anh ta ăn săn mót trên nương.

Bưởi lắc đầu buồn bã.

- Anh muốn nghe ý kiến gì ở tôi? - tôi hỏi Bưởi.

- Tôi muốn hỏi anh: nếu ở địa vị tôi anh sẽ xử trí với những bức thư này như thế nào?

- Tôi có thể không đồng ý cách nhìn bất biến của anh ta với Trung Quốc cũng như với bất cứ kẻ thù cũ nào. - tôi nói chậm, tìm những lời lẽ không thể bắt bẻ được - Lịch sử là lịch sử. Nếu dân tộc

Chàm nhìn người Kinh hiện nay như kẻ thù thì sẽ ra sao<sup>1</sup>? Tôi không nói anh ta sai trong cách nhìn nhận cụ thể đối với Trung Quốc hiện tại. Hình như cách nhìn Trung Quốc của Đảng năm nay, 1974, cũng đã thay đổi so với năm 1964...

Trung thành với nghề nghiệp, Bưởi nín lặng. Qua báo Nhân dân là tờ báo duy nhất tù được đọc, tôi nhận thấy giọng tờ báo không còn nồng nàn đối với Trung Quốc như hồi ban lãnh đạo Đảng dưới sự lãnh đạo của ông bέ ghi Lê Duẩn còn hào hứng thấy "trung tâm cách mạng đã chuyển về phương Đông".

- Điều rõ ràng là những bức thư này được viết ra dưới sự thôi thúc của lòng yêu nước, - tôi kết luận - còn yêu theo cách nào là chuyện khác, tôi không bàn đến.

- Nếu những bức thư này được đính thêm vào hồ sơ anh ta, chắc chắn anh ta sẽ còn ở tù còn lâu... - Bưởi nói - Theo anh, ta nên làm gì với những bức thư này?

- Tôi nghĩ chúng chẳng có ích gì, tức là tôi muốn nói, chẳng thay đổi được gì trong đường lối của Đảng nếu nó được gửi tới đúng địa chỉ...

- Chính vì vậy mà tôi đã không gửi.

- Anh nên đốt đi. - tôi khuyên Bưởi - Đó có lẽ là cách tốt nhất, nếu ta còn biết kính trọng lòng yêu nước của một con người.

Bưởi đưa cho tôi cái bật lửa.

- Anh đốt hộ tôi.

Tôi ra đầu hồi châm lửa vào mẩy bức thư. Chúng cháy cong queo, tàn bay lả tả trong gió. Tôi hiểu vì sao Bưởi không tự tay đốt những bức thư. Chẳng phải Bưởi sợ cái gì. Chẳng qua anh ta muốn tôi thấy anh ta tin tôi tới mức nào.

Marinet mỗi ngày một yếu. Tôi không có cách nào cứu anh. Tôi viết một bức thư về cho vợ tôi, bảo vợ tôi tới bác sĩ Hoài nhờ anh kiếm thuốc chữa lao gửi lên cho tôi. Tôi hơi ngần ngại khi viết bức thư này, sợ vợ tôi tưởng tôi bị lao. Nhưng bức thư không có hồi âm. Người đi tiếp tế mà Cố Thủ Chầu Nhờ chuyển thư đã không chuyển.

Marinet bảo tôi:

<sup>1</sup> Vương quốc Chàm (Champa) nằm ở vùng Trung-Nam Việt Nam hiện nay, là một bộ lạc có cùng nguồn gốc với dòng Indonesia, đã cát cứ tại đây từ thời kỳ đồ đá mới. Vương quốc Champa được thành lập khoảng thế kỷ II trước CN. Thủ đô của Champa ở các thế kỷ VII – IX là Indrapura (Trà Kiệu), vào thế kỷ XI dời đến Vijaya (gần Quy Nhơn). Khoảng năm 1470 Việt Nam thôn tính hoàn toàn vương quốc này.

- Đừng lo lắng cho tôi, đồng chí! Tôi đã cố gắng vật lộn với cái bệnh khốn kiếp này, nhưng xem ra không ăn thua. Tôi đã nuốt cả những con thạch thùng sống theo lời khuyên của những người tù già, họ nói đó là bài thuốc dân gian cổ truyền. Tôi đã ăn những con giun, nghe nói chúng làm tăng sức đề kháng. Có người còn bảo tôi nướng những con giun giống con cóc nhưng bụng rất to mà da nhẵn thín, tôi ăn và nôn mửa gần chết... Tất cả đều vô ích. Tốt nhất là thỉnh thoảng chúng ta kiểm cách gặp nhau để tôi có thể kể thêm cho đồng chí về cuộc đời tôi và về số phận những người cộng sản Trung Quốc. Biết đâu đấy, đồng chí lại chẳng cho người đọc biết thêm một chút gì bên trong bức màn sắt của Trung Quốc bao la đầy bi kịch...

Tôi đã không viết gì hết sau khi ra khỏi nhà tù. Tôi sợ. Và cũng vì tôi không thích sự nửa vời. Nếu viết thì tôi phải viết tất cả những gì tôi nghĩ. Những người Trung Quốc dũng cảm đã làm việc đó hơn hẳn người Việt Nam. Thế giới được biết những việc xảy ra ở Trung Quốc nhiều hơn hẳn những gì xảy ra ở Việt Nam. Việt Nam, xét cho cùng, là một quốc gia nhỏ bé. Người ta không biết đến cũng phải.

Tôi cũng đã không viết về cuộc đời của ông già Bát. Ông ở cùng đội với tôi, nhưng giống như những người tù số/lẻ khác, ông lầm lì và không thích nói tới nguyên nhân dẫn ông vào tù. Cái sự vào tù một cách dở dang, chẳng ra đâu vào đâu, tưởng chừng chỉ riêng kẻ bắt người bỏ tù oan phải xấu hổ, hóa ra nó còn làm cho cả người bị tù oan cũng cảm thấy ngượng ngùng, mới lạ. Cứ như thể họ không xứng đáng với danh hiệu tù chính trị bị khoác cho một cách bất đắc dĩ, như thể họ là kẻ nhặt vơ, mà nhận vơ cái không phải của mình là sự rất đáng chê cười.

Tôi thường chọn một góc vắng ngồi đan tranh cùng ông trong thời kỳ trại sơ tán vào rừng để tránh máy bay Mỹ. Ngồi với ông thú vị ở chỗ mình có thể tha hồ suy nghĩ mà không bị cản trở - ông lão cây miệng cũng chẳng nói một câu. Tán lá rừng xòe ra, đan kết với nhau, làm thành một tấm che khổng lồ, chỉ ở phía dưới là thoáng đãng, lác đác từng nhóm tù ngồi cặm cụi đan lát. Một anh lính canh ôm súng nhìn bao quát tất cả, canh chừng. Những người tù số/lẻ hiền lành, chẳng bao giờ trốn, đôi khi anh lính tự cho phép mình gà gật một lát hoặc kê một vật phẳng lên đùi cặm cụi viết thư về nhà. Cái đời lính đóng trên vùng sơn cước, xét cho cùng, chẳng khác đời tù là mấy. Cũng sáng dậy đi làm, tối về chui vào màn. Không vợ con, không bếp lửa gia đình.

Một hôm, ông Bát đang đan tranh bỗng nổi khùng. Ông vứt toet con dao xuống đất, ngồi thử ra, không thèm đan nữa. Rồi hai hàng nước mắt lăn chả, ông vật vã nghiêng ngả như lên đồng, miệng lẩm bẩm xuýt xoa những tiếng vừa run rẩy, vừa luống cuống, nghe não lòng lắm, như trong một cơn đau đớn mức không nói được.

Tôi cuống lên, chồm tới bên ông:

- Bác làm sao thế?

Ông không trả lời mà chỉ lắc đầu rền rĩ:

- Ối giờ cao đất dày ôi! Tôi đau quá, đau quá, ông ơi! Sao cái số kiếp tôi khổ thế này hở giờ?!

Tôi hiểu. Ông không lên cơn đau bệnh, mà lên cơn đau lòng. Tôi đã vài lần chứng kiến cảnh tương tự. Những người tù đang yên lành bỗng nổi cơn điên, chửi bới, đập phá lung tung. Công an sầm sập chạy vào, trói tay trói chân, nhét giẻ vào miệng, sai trật tự khiêng đi. Sau mấy ngày nầm xà lim kỷ luật họ trở ra, mặt mũi phờ phạc, cái nhìn vô cảm, bước chân đờ đẫn, đi mà như không đi.

Anh lính canh khoác súng lên vai đứng đinh bùi lại:

- È, hai anh kia, mần đi chớ!
- Bác ấy bị trúng gió. - tôi nói.

Anh lính nheo mắt nhìn ông già vật vã trên đống tranh, nói nhẹ nhàng:

- Rứa nghỉ đi chút. Tôi có hộp dầu xoa đây.

Anh lục túi, đưa cho tôi hộp dầu cao.

Tôi đỡ lấy, cảm ơn anh lính tốt bụng. Không phải anh lính canh nào cũng được như anh. Nhưng có thứ dầu nào xoa dịu được nỗi đau trong lòng ông bạn già của tôi lúc này? Tôi ôm lấy ông Bát trong vòng tay, đung đưa ông như ru đứa trẻ. Ông nhẹ bỗng, không thể tưởng tượng nỗi ông già có thể nhẹ như thế. Trông bè ngoài ông cũng không đến nỗi nào. Có lẽ những tấm áo bông mặc đắp lên nhau làm cho tôi có cảm giác ông to hơn, nặng hơn.

Ông choàng tay ôm lấy tôi:

- Đời tôi khổ lắm, ông ơi!
- Chúng mình ở đây có ai sướng đâu!
- Nhưng tôi khổ hơn cả. Người ta còn có tội, chứ tôi thì tội tình gì đâu!
- Cũng nhiều người không có tội đấy.
- Ông nghe tôi nói này. - ông thì thào - Ông chớ có tin chúng nó. Đám số lẻ này toàn chống chế độ cả đấy! Chúng nó phản động cả đấy. Không oan đâu. Tôi ở tù lâu, tôi biết. Ông thì không, ông cũng như tôi...

Tôi cười buồn:

- Tôi cũng chống chế độ đấy. Người ta bảo thế.
- Người ta nói mặc người ta! Mình biết mình - không là không!
- Bác làm sao bị bắt?

Ông già nắc lên từng chặp.

- Tôi theo cách mạng cướp chính quyền, cũng đã làm thôn đội rồi xã đội một hồi kháng chiến chống Pháp... Tôi theo cụ Hồ...

- Thì vẫn...

- Sao, ông không tin hở?

- Tôi tin chứ.

Ông rên rĩ:

- Sau, hòa bình lập lại rồi, tôi nghỉ. Tôi nghĩ mình làm đủ phận sự rồi, giờ để người khác làm. Thế là mọi sự khốn khó bắt đầu...

- Người ta bảo bác bất mãn?

- Không. Nhưng ở chế độ ta không làm cán bộ nữa là hết, thì người ta không tin mình nữa, không còn coi trọng mình nữa. Mà làm dân thì, ối giờ ơi, khổ lắm, khổ đủ đường, khổ từ đời cha xuống đời con, ông chắc cũng biết, có cần kể cho ông nghe không?

- Không cần.

- Cho nên các cháu nhà tôi đều nhaud đi làm cán bộ. Thằng cả chưa đủ tuổi xung phong đi bộ đội. Con bé sau nó xin làm chân văn thư cho ủy ban xã không được, xin làm công an xã. Rồi nó được cảm tình Đảng<sup>1</sup>...

- Tiến bộ quá!

- Tiến bộ cái con mẹ nó, tiến bộ cái nỗi gì? Con bé nhà tôi năm nay hăm nhăm rồi. Vẫn chưa chồng. Khốn nạn, nó xinh, ông ạ. Mắt đen lay láy, mà nhanh lắm. Má lúm đồng tiền. Da cứ trắng hồng. Nó trông mẹ nó, như lột.

Ông nấc lên, kéo vạt áo lau mắt.

- Cô ấy làm sao?

- Chẳng làm sao cả. - ông mếu máo - Thằng công an xã, chi ủy viên, cứ gọi nó đi hội ý hội báo, bồi dưỡng... Rồi con bé nhà tôi phênh bụng ra.

-...

Câu chuyện của ông Bát không ly kỳ. Nó là chuyện thường. Ở đâu cũng có. Mà có nhiều.

<sup>1</sup> Người “tiến bộ”, được Đảng để mắt đến, có ý định kết nạp.

- Tôi phẫn chí. Chưa ai biết cả, nhưng bà nhà tôi biết, tôi biết. Tôi uống rượu, say rồi, tôi mới chửi cha chúng nó lên, tôi mới chửi cả lò nhà chúng nó...

- Chết thật!

- Đến khi làng phong phanh biết con tôi chửa hoang, thì tôi chửi cả cái Đảng của chúng nó...

- Chật chật, khiếp quá! Sao bác dại thế?

- Không chửi để cho chúng nó muốn làm gì thì làm à? Đảng gì mà họp thì thot, bồi dưỡng cảm tình đảng gì mà cứ tối đến mới í ới gọi nhau đi bồi dưỡng, bồi dưỡng cái mả cha chúng bay à?!

Bị chửi quá, bí thư xã, chủ tịch xã vội vã cho con gái ông đi dự lớp huấn luyện, kỳ thực là đi lên tỉnh, vào nhà thương để phá thai. Ông đoán ra, rồi ông biết, ông cấm con gái ông phá. Cái thai nó tội tình gì? Nó cũng là một con người chứ. Nó chưa ra đời. Nó chưa làm hại ai. Nó không như cái quân chó dái chạy nhông, quân ăn cút uống đá làm hại đồng bào. Con kia, tao truyền đời báo danh cho mà biết: không được phá, cứ đẻ, xấu thì đã xấu rồi, cháu tao tao nuôi, giết cái thai trong bụng là bất nhân, là vô đạo... Ông bảo thế. Ông trói con ông vào chân giường mà dạy. Nhưng con ông xấu hổ, nó không chịu nghe ông, nó cứ đi phá thai, lén ông mà đi. Ông uống rượu nhiều hơn nữa, chửi dữ hơn nữa.

Tóm lại, ông Bát chửi sướng miệng thì thôi. Còn những đứa bị ông chửi thì thù ông mục mả. Trưởng công an xã báo cáo công an huyện. Công an huyện lập hồ sơ. Cứ mỗi lần ông Bát chửi là một lần công an xã báo cáo, cứ mỗi lần báo cáo được gửi lên huyện là hồ sơ tên phản động Nguyễn Thái Bát lại dày thêm một chút. Cho tới ngày người ta quyết định bắt ông đi cải tạo về tội "tuyên truyền phản động, chống Đảng, chống chế độ".

Tôi đứng dung. Những câu chuyện tương tự nghe nhiều, đậm ngán.

- Tôi kể cho ông nghe để ông là nhà văn ông nhớ lấy, ông kể cho mọi người biết. Đừng nói đến tên tôi là được rồi, kẻ tội cháu. Nó còn lấy chồng.

Ông Bát dặn tôi thế.

- Nhà văn gì tôi! – tôi ậm ừ - Ở nước ta cứ viết dăm bài báo là người ta bốc nhau lên, gọi là nhà văn rồi.

- Thì ông đưa lên báo cũng được.

- Biết bao giờ tôi về? Tôi cũng như bác thôi, cũng án cao su cả...

Ông thở dài:

- Ủ nhẩy!

- Mà giá có ra được, viết thế lại đi tù nữa, tôi ngán lắm rồi!

Ông không nói gì nữa.

Ông chết vào ngày Quốc Khánh, cái ông Bát đã đi cướp chính quyền năm bốn lăm. Ông đã ốm liệt trước đó gần một tháng, được trại cho đi nằm bệnh xá. Nằm được một tuần ông nằng nặc đòi về đội. Người ông phù thũng, trong ra, như một con búp bê sứt sẹo chứa đầy nước. Trại cũng không bắt ông đi làm lao động nữa, cho ông ở nhà. Hàng ngày ông ra đầu hè ngồi sưởi nắng, bắt rận.

Hai ngày trước khi chết ông không dậy, cứ nằm thiêm thiếp. Ông chỉ tỉnh lại khi nghe tiếng dao thớt ầm ĩ phía nhà bếp vọng lại. Ông mở mắt ra, vãy tơi lại gần rồi thều thào bảo tôi:

- Ông xem giúp chúng nó chia có đều không?

Tôi nể ông, giả vờ ra ngoài, chõ tù đang xúm đông xúm đỏ chia thịt. Nhưng tôi chỉ đứng đó, chứ chẳng buồn nhìn. Tôi biết ông Bát chẳng còn sống được bao lâu. Không hiểu sao ông còn quan tâm tới suất thịt đến thế? Mà có theo dõi hộ ông cũng vô ích. Tôi đã kể, tù số lẻ chia theo kiểu quay mặt đặt tên, nói chung là rất công bằng, hơn kém nhau không đáng kể. Vả lại, cảnh tượng những con người đói khổ hau háu theo dõi những miếng thịt tí xíu được đặt vào những cái bát sứt sẹo trông thảm lắm, tôi không muốn nhìn.

Cuộc chia thịt đã xong, ông bạn nằm cạnh ông Bát mang cái tô tráng men có ba miếng thịt to bằng ba quân cờ với bát canh săn sền sệt - khẩu phần của ông Bát - đến bên ông. Ông Bát đang khò khè, người thấy hơi thịt là tỉnh hẳn.

- Phần ông đây! - ông bạn ông Bát nói - Dậy mà ăn đi. Ngon lắm!

- Tôi xem cho bác rồi. Chia đều. - tôi nói chêm vào - Suất của bác có phần còn nhỉnh hơn các suất khác kia đấy. Bác cố dậy mà ăn kẻo nguội.

Ông gật đầu, hoặc tôi nghĩ rằng ông gật đầu. Ông cố gắng chống hai tay để ngồi lên, nhưng ngồi không được, ông ngã xuống. Cố thêm một lần nữa cũng không được, ông nghển cổ ngó vào bát thịt một cái rồi nói:

- Thịt rang à? Tí nữa tôi ăn.

Ông nằm xuống và “đi” ngay. Người ta nói thế. Tôi không có mặt lúc ông Bát “đi”. Lúc tôi ra ngoài sân, ông ngủ thiêm thiếp. Hoặc ông đã “đi” mà tôi tưởng ông ngủ.

Anh em tù ăn xong, vào tận chỗ ngó ông, mặt buồn rầu.

Không ai nói câu nào. Như thế gọi là viếng.

Suất cơm của ông để chỏng chờ. Mọi người bảo cứ để đó, khi chôn thì đặt nó lên mộ ông thay cho bát cơm quả trứng.

Xác ông được đưa xuống trạm xá chờ cán bộ trại mang hồ sơ xuống xác nhận chính là tên phản động Nguyễn Thái Bát đã chết chứ không phải tên nào khác.

Khi cửa các phòng giam đã khóa lại rồi, tôi cứ ngồi bên cửa sổ mà nhìn về phía trạm xá. Trời tối hẳn mới thấy nghe tiếng búa nện chan chát trên ván thiêng - dấu chấm hết cho một kiếp người. Rồi quan tài được khiêng ra dưới ánh sáng của một bó đuốc. Đi lững thững sau quan tài là một anh công an mang AK.

Không thấy suất ăn tươi của ông đâu. Chắc hẳn ai đó trong những người đào huyệt tiếc của giờ đã ăn rồi. Còn hai cái bát của ông họ sẽ đánh rửa sạch sẽ lại rồi đem “chắc” cho tù mới.

## Thay lời nói cuối

Chương này chỉ là mấy dòng ghi chép lộn xộn về số phận của một số nhân vật được nói tới ở trên. Nó được viết thêm do lời nhắc của bạn bè đã đọc bản thảo cuốn sách muốn biết thêm những gì tiếp theo, nằm ngoài những hồi tưởng.

Tôi rời Phong Quang ngày 7 tháng Chín năm 1976.

Cuộc giã biệt đời tù của tôi, trái với hình dung thông thường, diễn ra không êm ả.

Chuyện thế này. Theo lệ, người tù ra trại (tức là được tha, mãn hạn hoặc không có hạn chế mà mãn) phải viết một bản nhận tội, một bản cam đoan không tái phạm, không tiết lộ bí mật của trại giam. Bản nhận tội, bản cam đoan đã được soạn sẵn thành mẫu, chỉ việc chép lại, ký tên, là xong. Từ được tha làm cái roẹt, nộp Ban Giám thị rồi cuốn xéo. Không ai nấn ná thêm một phút.

Không hiểu sao mà đúng cái thời khắc sung sướng nhất đời tù tôi lại nổi điên, nhất định không chịu làm cái việc đối với mọi người chỉ có giá trị hình thức ấy. Tôi nói với những cán bộ bàn giấy của trại giam rằng tôi sẵn sàng ở tù thêm, ở bao lâu nữa cũng được, nhưng tôi sẽ chờ cho tới khi việc giam giữ tôi được làm cho sáng tỏ. Tôi nói: tôi không có tội. Mà đã không có tội thì không thể nhận tội được.

Nhưng nhằng một hồi, người ta hỏi nhau, chụm đầu lại bàn tán, rồi chạy đi thỉnh thị cấp trên. Viên phó giám thị đến, gãi đầu suy nghĩ, rồi rủ tôi về phòng anh uống trà. Đó là một anh công an đã đứng tuổi, tốt bụng, dễ thương, được tù mến. "Chúng tôi chẳng qua chỉ là một thứ thủ kho thôii, anh ạ. Lệnh trên bảo nhập thì chúng tôi cho hàng vào, lệnh trên bảo xuất thì tôi cho hàng ra, - anh phân trần, giọng phiền não - Trên lệnh xuống bảo xuất mà anh không chịu ra thì chỉ khổ mấy thằng tôi thôi. Ai biết các ông ấy tính cái gì, mình không thực hiện được việc các ông ấy bảo làm, thì rồi ra các ông ấy hỏi han, kiểm điểm, rắc rối lắm"... Tôi nhìn anh ái ngại. Tôi thông cảm với anh trong hoàn cảnh khó xử. Trong thâm tâm, tôi mến anh. Anh đối xử với tôi tử tế. Mấy hôm trước chính anh chạy vào trại ra hiệu gọi tôi ra một chỗ vắng rồi thì thào báo có tin đồn Mao sắp chết: "Anh được về đến nơi rồi! – anh nói, giọng hò hởi, vui vẻ - Mao chết là xong hết". Tôi bảo anh: "Chớ vội mừng. Con cháu Mao đông lắm!". Trà thuốc xong, chúng tôi thỏa thuận với nhau mỗi bên nhân nhượng một ít. Tôi ra về không viết bản nhận tội nữa, anh làm thế nào thì làm, tự anh phải xoay xở, tìm cách mà chống đỡ với trên. Nhưng đổi lại, tôi phải nhận tờ Lệnh Tạm Tha, trong đó tội của tôi được ghi rõ ràng là "phản động chống chế độ" .

Cái Lệnh Tạm Tha tôi giữ được hơn một tuần. Anh công an khu vực, lại cũng một chàng trai dễ thương nốt, đến hỏi thăm tôi, đòi xem, xem xong anh ta nhét luôn vào xà-cột, bảo để làm chứng từ gốc cho việc nhập hộ khẩu sau này. Anh Hoàng Minh Chính tiếc mãi: "Bằng ấy anh em, mỗi mình cậu nắm được tờ giấy quý như thế làm bằng mà để xổng mất. Tài liệu lịch sử đấy!". Đúng là chỉ mình tôi có tờ giấy như thế, anh em khác chỉ được công an đọc cho nghe chứ không cho giữ. Tiếc thật! Nhưng nếu nhà cầm quyền đã quyết không thích chúng tôi giữ nó trong tay thì họ chẳng thiếu gì cách, tôi nghĩ. Mà đúng thế. Lũ đệ tử ruột của Duẩn-Thọ, những Trần Trọng Tân, Đào Duy Tùng, Nguyễn Đức Bình... về sau này, khi Duẩn-Thọ băng hà hết cả rồi, vẫn lấp liếm vụ án chúng tôi bằng đủ mọi giọng lưỡi trá, mặc kệ thiên hạ, dù biết thừa rằng thiên hạ chẳng tin. Tôi có giữ được tờ giấy ấy cho tới bây giờ thì đám ấy cũng chẳng lấy làm ngại. Ai chứ họ thì dám xưng xung bảo rằng giấy giả lắm. Tôi cũng không nghĩ ra phải giữ nó làm bằng cớ, hoặc làm kỷ niệm. Ý nghĩ ấy không đến với tôi, đơn giản là như vậy. Vả lại, hồi ấy Hà Nội chưa có tiệm photocopy nào. Chụp ảnh lại cũng nhiêu khê lắm. Tôi không có máy ảnh, đưa đi chụp chắc chẳng tiệm ảnh nào dám chụp thứ giấy tờ kiểu như thế. Với tinh thần cảnh giác bảo vệ nỗi cơm họ sẽ lẽ phép hỏi tôi chụp nó để làm gì, nhằm mục đích gì?

Thế là vật chứng cuối cùng và duy nhất về vụ "nhóm xét lại chống Đảng" mất tiêu. Giờ thậm chí người ta có chối bằng rằng chúng tôi không hề bị giam giữ cũng được. Có lệnh tổng giam tổng giếc gì đâu. Được cái nhà cầm quyền không đến nỗi mặt trơ trán bóng quá. Họ tránh không nói tới chuyện họ đã bỏ tù chúng tôi, quả có vậy, nhưng họ cũng không chối rằng không. Khi cần dằn mặt, họ khéo léo nhắc chúng tôi chớ quên chúng tôi là kẻ đã có "tiền sự". Kẻ có "tiền sự" trong xã hội do họ cai trị chỉ khác kẻ có "tiền án" như con vẹt khác với con mực ở bộ lông.

Ngày rằm Tháng Tám năm ấy gia đình chúng tôi ăn bữa cơm đoàn tụ đầu tiên sau chín năm mỗi người mỗi ngả. Cha tôi cũng đã được trở về Hà Nội sau ba năm lưu đày ở Nam Định. Ông già xombok, da bọc xương. Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Trường Chinh, Trần Quốc Hoàn nhìn thấy ông lúc này chắc hẳn dạ. Mẹ tôi vẫn lúc trên nhà lúc dưới bếp, tất tả đủ việc, y như trong ngôi nhà chưa hề có bão táp đi qua. Con gái út tôi đứng từ xa quan sát tôi, chào tôi bằng chú. Sau khi so kỹ bức ảnh tôi chụp với vợ con trước khi bị bắt với người vừa từ nhà tù trở về, tin rằng con người già còm xa lạ kia chính là bố nó, nó mới bắt đầu ngượng nghịu gọi tôi bằng bố. Vợ tôi xanh xao, các con tôi vỗ vàng trong quần áo và chằng vá đụp.

Tôi được tha có điều kiện: Bộ Nội Vụ báo cho gia đình tôi biết Đảng chủ trương tha tôi rồi, nhưng phải có một cơ quan nhận tôi vào làm thì mới cho tôi về. Mẹ tôi, vợ tôi, cả nhà tôi nhờ hết người này tới người khác, chạy vạy khắp nơi để kiếm cho tôi một chỗ làm. Cái điều kiện Đảng ra khó quá, oái oăm quá - chẳng ai dại gì nhận một tên chống Đảng về cơ quan, xí nghiệp mình. Rách việc lắm. Không dung lại bị công an theo dõi. Thời buổi thì khó khăn, trong mọi việc làm ai cũng phải sai một tí để mà sống, cái gì cũng làm đúng chính sách thì chết nhẵn răng. Thế mà rồi cũng có người dám nhận, mới quý. Tôi được thả ra, nhưng không phải thả về nguyên quán, mà về Công ty cung ứng vật liệu xây dựng Hà-Sơn-Bình. Tiếng là tôi được nhận về công ty làm chân bốc vác (cái hợp đồng tạm tuyển làm công nhân bốc vác đến nay tôi còn giữ được), nhưng các anh lãnh đạo công ty không cho tôi đi bốc vác lấy một buổi, giữ tôi ở văn phòng công ty gọi là để giúp việc ban giám đốc.

Về mặt chính trị, cái xã hội từ đó tôi rời vào tù, với cái xã hội khi tôi bước ra khỏi chốn ấy không có gì khác. Vẫn thể chế ấy, vẫn những gương mặt ấy, với ít nhiều chính sách bè ngoài có vẻ khác, được cải biến chút ít, tựa trung nó vẫn là nó.

Sau chín năm tù của tôi, cuộc sống có nhiều biến đổi. Bạn bè người mất người còn. Nhiều cháu khi tôi ở ngoài còn đánh khăng đính đáo nay đã thành liệt sĩ, đến thăm gia đình bạn chỉ thấy cháu từ trên ban thờ hờ hững ngó mình.

Chiến thắng 1975 làm cho chế độ chuyên chế được củng cố, càng thêm khắc nghiệt. Những vị cầm cân nảy mực ở thượng tầng quyền lực tha hồ tự tung tự tác – những chính sách mới thay nhau ra đời, không cần giải thích. Người ta hô hào triệt tận gốc mọi biểu hiện tư bản, cấm đoán mọi thứ có dính dấp tới buôn bán: ra chỉ thị đánh những người dám xây nhà hơn hai tầng, ngăn sông cấm chợ giữa các vùng, các tỉnh, đủ kiểu.

Anh Nguyễn Trọng Luật đã qua đời mấy năm trước, tôi ở trong tù không được tin. Thành thử cái dự định ôm ấp mãi rằng khi trở về thế nào tôi cũng phải đến thăm anh không thành. Chị và các cháu vẫn ở ngõ Chân Cầm, cuộc sống vẫn đạm bạc như khi anh còn sống. Chị nói anh chẳng để lại gì cho vợ con. Tôi an ủi chị, rằng theo chỗ tôi biết thì những người cách mạng chân chính đều chẳng để lại gì cho những người thân. Trừ lòng kính trọng của người đời. Thế đã là nhiều lắm rồi, đã quý lắm rồi. Tôi đạp xe đi Văn Điển thăm mộ anh, cùng với bác sĩ Hoài. Hoài cho biết trước khi chết anh Luật thường nhắc đến tôi. Anh buồn, nói rằng anh là người thua cuộc, nhưng thua trong canh bạc bip vĩ đại với một bande des grand salauds<sup>1</sup> thì cũng chẳng xấu hổ cho lắm. Anh được chôn ở Khu A, khu "vĩnh viễn", là khu không phải cải táng để rời đi nơi khác. Chúng tôi thấp hương cho anh và cho những ngôi mộ gần đấy, của những người đáng kính và của cả những người không đáng kính bao nhiêu.

Tôi được bác sĩ Hoài và anh Đích nhiệt tình giúp đỡ trong việc điều trị cấp tốc những bệnh mạn tính đeo đẳng theo tôi từ nhà tù. Anh Đích không trách tôi một câu về vụ tôi khuyên anh trở lại công tác để bị thả hồi. Bạn bè mang tới cho tôi số quần áo đủ dùng ít nhất cũng hai mươi năm, đến nỗi tôi phải mang cho bớt các bạn nghèo hơn. Tuy tôi vừa ở tù ra, nhưng số bạn còn nghèo hơn tôi trong tình trạng đó hóa ra cũng không ít.

Hà Nội còn tiêu điều hơn khi tôi chưa bị bắt. Người ta vẫn nháo nhác đi Nam, "miền Nam nhận họ, miền Bắc nhận hàng". Nhà tôi đã có vô tuyến truyền hình, cũng quà của họ hàng miền Nam cho. Tôi đến cả nhà quây quần xem phim tình báo Trên Từng Cây Số của Bulgaria. Cơm độn mì sợi, mì bột, bo bo, ngô, cái gì cũng có mùi bao tải. Một lần, mẹ tôi hót hải từ dưới bếp chạy lên: "Sao, có phát thêm phiếu sa-tanh à?". Cả nhà cười ầm. Mẹ tôi lầm - đó là phát thanh viên báo trên tivi chương trình chiếu phim sắp tới: "Miếu Sa-tăng".

<sup>1</sup> Một lũ đểu cáng vĩ đại (tiếng Pháp).

Dương Tường tất tả kiếm việc cho tôi làm. Công việc đầu tiên tôi có được là dịch các bài báo khoa học và làm tổng thuật các sách nước ngoài cho Viện thông tin khoa học xã hội. Trong sự cấp việc cho tôi làm chị Đỗ Thúy Hà, cán bộ của Viện, là người đỡ đầu rất háng hái của tôi. Tình hình chính trị tuy có khác trước, nhưng khác không nhiều lắm, ai giúp đỡ tôi người đó phải bỏ ra nếu không nhiều thì cũng một ít tinh thần dũng cảm.

Anh Lê Sĩ Thiện, giảng viên thông tin thời trường Lục quân, tìm được tôi trong lúc tôi đang lú tung quẫn. Cũng như Trần Quốc Thành, trong anh có một anh bộ đội sống dai. Anh thương tôi lắm. Anh khuyến khích tôi mạnh dạn bước vào những công việc trước kia nằm mơ cũng không thấy mình có thể làm để kiếm sống. Tôi theo anh đi làm thợ cán cao su, đúc tay phanh xe đạp bằng nhôm, đùn đồ nhựa, nấu gang dẻo, làm "ve" quét tường, làm bột nở cho các bà bán cháo quẩy... Cái gì tôi không hiểu, anh giảng cho tôi nghe cặn kẽ. Tôi cũng cố học các nghề anh dạy. Vất vả rất nhiều, nhưng tôi cảm thấy sung sướng vì mình được là mình. Giá họ có cho tôi trở về với nghề báo tôi cũng chối từ.

Có hôm đi làm ở xưởng cao su về qua Yết Kiêu tôi rẽ vào thăm Văn Cao. Nhìn tôi gày còm lam lũ, Văn Cao để rơi một giọt nước mắt xuống chén rượu.

Những công việc phải làm ở chỗ khác thì thôi, chứ công việc nào làm ở nhà đều có bàn tay vợ tôi tham gia. Nhất là hồi tôi làm nhuộm mạ kim loại, chốc lại rửa, nhát lại rửa, vợ tôi chạy trên gác xuống nhà, dưới nhà lên gác, cứ như đèn cù, da tay ngâm nước nhiều bợt ra, trông mà thương. Có qua những ngày gian khổ với nhau tôi mới biết mình thật hạnh phúc có được người vợ như vậy.

Có công việc thì có tiền, vợ con tôi dần có da có thịt, không đến nỗi gày còm như trước, là điều phấn khởi nhất cho tôi. Có tiền rồi, tôi mua cái tủ lạnh trước tiên, sau mua xe máy, tivi. Hồi đó ở Hà Nội có câu: "Tivi, tủ lạnh, Honda. Có ba thứ ấy mới ra con người". Lại nhớ tới Huỳnh Ngự và câu nói của anh ta "Đảng nuôi dạy anh nên người. Không có Đảng ấy à, có mà rã honh!". Thời đại bắt đầu đổi thay. Người ta cảm thấy hoàn toàn có thể làm người được mà không cần có Đảng, nhất là cái Đảng lúc nào cũng lải nhải kể công với những kẻ gắn bó với Đảng bằng sợi xích.

Trong thời gian còn ở Hà Nội tôi muốn tìm anh Trần Quốc Thành lắm, nhưng không sao tìm được. Vụ của anh người nói có xử, người nói không xử. Cũng như vụ xét lại Đảng quyết định chỉ "xử lý nội bộ" để tránh tiếng. Không biết nên tin ai. Có người nói anh đã vào Sài Gòn, nhưng ở trong Sài Gòn mấy năm, tôi hỏi thăm đã nhiều mà cũng không tìm thấy anh. Nếu tình cờ cuốn sách tới tay anh, xin anh tin cho tôi biết anh ở đâu.

Trung úy Dứa cũng biệt tăm. Nghe nói anh về Mỹ Tho. Thế mà mấy lần đi Mỹ Tho, tôi đều hỏi thăm mọi người có thể cho tôi biết tin anh, tôi vào cả Ty Công an để hỏi, nhưng chẳng ai biết anh ở đâu. Thế mới biết "nhất ẩm nhất trác giai do tiền định"<sup>1</sup>, không phải cứ muốn mà được.

---

<sup>1</sup> Một chén (rượu), một bát (cơm) đều do Trời định trước.

Bận kiếm sống, khi ở Hà Nội mấy lần tôi định đi Vĩnh Phú tìm Nguyễn Xuân Cao nhưng rồi lại không đi được. Vả lại, tôi chỉ nhớ được một cái tên làng là Đình Chu. Làng này nằm ở huyện nào trong tỉnh Vĩnh Phú tôi không biết. Cứ chần chờ mãi. Đến khi vào Sài Gòn rồi thì lại ít khi ra. Nhưng nỗi nhớ Cao vẫn canh cánh bên lòng.

Trung úy Bưởi được chọn đi học đại học công an. Tôi đến anh em làm công tác nghiên cứu xin họ sách và tài liệu cho Bưởi. Tên "phản động" Phan Kế Hoành là người cho nhiều nhất: "Nếu có một cậu công an tốt thì phải giúp cho cậu ta nên người". Đưa sách cho Bưởi, tôi nói: "Đây không có tài liệu chống chế độ đâu, toàn sách nhà nước cả, chú đừng sợ". Bưởi bùi ngùi: "Bằng ấy thời gian em ở bên anh, em không hiểu anh sao. Em không tin những gì người ta nói về anh đâu. Cũng mong anh đừng vì bộ quần áo em mặc mà hiểu sai về em". Tôi tin Bưởi sẽ trở thành một cán bộ công an tốt. Chế độ nào cũng cần tới công an. Nhưng phải là công an tốt.

Marinet chết ở trong tù, như anh tiên đoán về cuộc đời mình. Chẳng bao giờ có ai tới để đặt lên mồ anh một nhành hoa, thắp cho anh một nén hương. Rồi thời gian sẽ xóa nhòa mọi dấu tích của một con người đã từng sống, đã từng chiến đấu và mơ ước về một thế giới đại đồng, bốn biển là anh em. Hôm đặt nhành hoa lên lò thiêu người ở Katowicze để tưởng niệm những nạn nhân đã chết trong trại tập trung Auschwitz-Birkenau (Ba Lan), tôi nhớ anh nhiều quá, thương anh nhiều quá, Marinet ạ.

Rồi đến kỳ mối tình Trung-Việt "vừa là đồng chí vừa là anh em" tan vỡ, những cuộc xung đột biên giới ngày càng trở nên gay gắt, dẫn đến việc "đồng chí" Đặng Tiểu Bình đòi "dạy cho Việt Nam một bài học", lần này không "tiểu na má" trên miệng nữa, mà bằng pháo hạng nặng và tên lửa, với hàng vạn bộ binh vũ trang đến tận răng, vượt biên giới tiến vào tàn phá mấy tỉnh biên giới phía Bắc, thì rất bất ngờ tôi nghe tin Huỳnh Ngự bị phát hiện là người Việt gốc Hoa, bị buộc phải về hưu. Không biết tin có đúng không, tôi nghe mà thương Huỳnh Ngự! Mới biết cái kiếp đảng viên theo đàm lầm, mong manh lầm. Nếu đúng thế thì lần này Đảng lại nhầm mất rồi - Huỳnh Ngự là người rất mực trung thành với Đảng, cho dù có gốc gì đi chăng nữa.

Lại cũng có tin đồn Lý Cà Sa, lúc ấy đã được tha ra một nông trường, được quân đội Trung Quốc vượt biên giới đón về. Ít lâu sau mấy người tù cũ đi lang thang bị quân Trung Quốc bắt. Họ nhận ra tướng chỉ huy của phía bên kia chính là Lý Cà Sa. Lý Cà Sa cũng nhận ra bạn tù cũ, hô hởi đón tiếp họ, mở tiệc chiêu đãi nồng hậu rồi tha về. Những người này có lẽ không biết quân hàm Trung Quốc thế nào, cho nên người nói họ Lý đeo lon trung tướng, người nói không phải, lon thượng tướng. Nếu tin này đúng thì cái lời đồn về đạo quân thứ năm của Trung Quốc là có cơ sở lầm.

Một buổi tối tôi ngồi uống chè chén trong một quán ở phố Hàm Long thì nghe người ta đùa cợt chuyện anh chàng Căn bị bắn hụt. Anh ta cũng ngồi đấy, béo tròn, cười hi hí. Tôi cũng tham gia câu chuyện, như một khách qua đường. Căn chăm chú nhìn tôi. Đường như anh ta nhận ra giọng tôi. Nhưng tôi tảng lờ như không biết. Chắc anh ta nghĩ mình nhận nhầm, không để ý đến tôi nữa. Thế là cuối cùng rồi Căn cũng sống sót, cũng ra khỏi nhà tù. Kiếp người lận đận đến thế, nhưng vẫn còn gặp may, không chết.

Việt Hùng vẫn làm công an. Anh đối với tôi mặn mà hơn trước, bè bạn hơn trước nhiều. Anh cũng nhiệt tình giúp tôi trong sự quan hệ với nhà cầm quyền. Chắc chắn họ hỏi anh về tôi và anh đã nói những lời nếu không trung thực thì cũng không dối trả.

Tôi có hỏi Việt Hùng về Hoàng. Thì ra họ biết nhau. Việt Hùng khen Hoàng là người có học, tử tế, có tư cách. Đến giai đoạn này những cặp khái niệm đúng - sai, phải - trái không còn được đương nhiên là khái niệm thống trị nữa. Người ta bỗng nói nhiều tới những cặp khái niệm đối xứng bị bỏ quên như tử tế - ba que, đứng đắn - vô lại, quân tử - tiểu nhân. Nghe nói sau khi làm việc với đám tù "xử lý nội bộ" mà không đạt được thành tích mà người ta muốn có, Hoàng bị điều động vào công tác ở Huế. Tôi tính có dịp qua Huế thế nào cũng phải ghé thăm anh, nhưng rồi chưa đến Huế được lần nào, trừ nửa giờ phơi nắng trên sân bay Phú Bài trong một lần hạ cánh bắt buộc. Bây giờ chắc Hoàng cũng đã về hưu. Tôi vẫn còn để đấy một chai rượu cho buổi tái ngộ.

Trước khi qua đời ít lâu Nguyễn Tuân một hôm dùng dùng kéo tôi đi ăn chả cá Lã Vọng. Ngồi vào bàn ông rút trong túi vải ra một chai rượu. "Rượu bộ, thưa bác?", tôi hỏi ông. "Không phải, rượu bộ hết rồi, ông nói. Cả cái thời rượu bộ cũng hết rồi!". Chúng tôi uống. Tôi xin lỗi ông, nói tôi xa ông gần chục năm là tại tôi không thuộc cái véc-bờ sợ mà ông dạy. Ông lắc đầu bảo tôi: thời này lẽ ra mình không nên làm văn. Làm văn mà sợ, mà lấm lét, mà run rẩy thì còn ra cái quái gì nữa! Nhưng thôi, cái gì đã qua thì nó cũng qua rồi, ông nói tiếp trong hơi rượu, tôi bây giờ đếch sợ nữa, tôi quyết không sợ nữa, thì đã muộn mất rồi. Bây giờ các anh phải sống theo cách khác cái lũ già hèn nhát chúng tôi, phải học chia một véc-bờ khác: "Tôi đếch sợ anh, anh đếch sợ tôi, chúng ta đếch sợ chúng nó... , thế mới phải, hè hè!"

Bùi Xuân Phái thiết tôi một chầu cà phê nhân dịp tôi ra tù. Anh vẫn trung thành với chủ nghĩa sợ. "Tôi là thằng nhát nhất thế giới!", anh nhỏ nhẹ tuyên bố. Nguyễn Sáng lầm lì cẩm cung trong căn phòng của anh, bên cạnh con nghê vỡ trán đựng gạo, vẫn vẽ những bức tranh không bán được, vẫn nghèo. Cách phòng anh mấy bước Trần Đông Lương sống sung túc nhờ vẽ bưu thiếp lụa, sáng tác mẫu rồi cho gia công, theo cách hiện đại. Kiếm được tiền rồi, anh mới vẽ tranh cho mình, anh nói thế. Nguyễn Sáng biết sống như Trần Đông Lương có thể là hay, nhưng theo không được.

Ông Lâm toét tiếp tục cho các họa sĩ ăn chịu, uống chịu. Phòng tranh của ông ngày một phong phú. Nguyễn Sáng rủ tôi "đi Lâm đi". Gặp tôi, ông Lâm vẫn vồn vã. Chúng tôi lại có dịp ngồi với nhau trên gác, phòng triển lãm tranh của riêng ông, được ông đãi rượu, thuốc lá Samit và thưởng tranh. Nếu ông Lâm giàu hơn, ông có thể trở thành một Mạnh Thường quân cho nền hội họa Việt Nam lắm. Kém gì đại phú gia Tretiakov của nước Nga. Ông rất tế nhị, không hỏi tôi một câu rằng mấy năm nay tôi đi đâu, ở đâu. Ông làm như thể ông không biết từ cuộc gặp gỡ lần trước tới giờ đã có chín năm nước chảy qua cầu.

Một trong những điều không ngờ nhất đã xảy ra – Liên Xô, thành trì của cách mạng vô sản toàn thế giới, vào một ngày đẹp trời đã sụp đổ tan tành. Ngày hôm đó tôi có mặt tại Moskva. Đêm 18 rạng ngày 19 tháng 8 năm 1991, cả khách sạn Thế giới (Mir), gần Nhà Trắng của tổng thống Nga Eltsin, chìm trong bóng tối – điện mất hoàn toàn. Ở chêt có rất nhiều bóng áo da đi lại lại, nhân viên khách

sạn thì thào rằng đó là người của KGB. Vắng lại trong đêm mây tràng tiểu liên rì rạc. Điện thoại vẫn còn. Tôi gọi điện cho anh Glazunov, trưởng ban đối ngoại Đảng cộng sản Liên Xô, gọi cho anh Nguyễn Nhạc, trưởng đoàn Việt Nam ở khối CEB (Hội đồng Tương trợ Kinh tế), cả hai đều hoang mang, không biết chuyện gì đang xảy ra.

Sáng ngày ra, cả Moskva xuống đường. Cuộc đảo chính cung đình của những uỷ viên Bộ Chính trị bảo thủ<sup>1</sup> chống lại đường lối mới của Gorbatchov đã quật lại chính họ. Eltsin lãnh đạo cuộc phản đảo chính, kéo theo cả khối nhân dân bất bình và chán ngán chế độ xô-viết đã giật sập cái tưởng chừng muôn năm bền vững. Bài học mà tôi rút ra từ sự sụp đổ của Liên Xô là chế độ độc tài thường không bị phá vỡ bởi sự can thiệp từ bên ngoài, nó sụp đổ bởi chính những ung nhọt trong lòng nó phát tác. Quá trình mục ruỗng tự nó sẽ dẫn đến điểm nổ bùng, trong đó thời cơ là yếu tố quan trọng nhất. Nếu bọn Yanaev, Kruytchkov không làm đảo chính Gorbatchov thì vị tất đã có cuộc phản đảo chính thắng lợi của Eltsin. Vào thời điểm Yeltsin đứng lên phá nát nền chuyên chế đã tồn tại vững chắc 74 năm, đằng sau ông ta không có một phong trào dân chủ hay một tổ chức dân chủ nào. Tại đại sảnh của ngôi Nhà Trắng nổi tiếng trong những ngày đó, số người đến đấy để biểu thị sự ủng hộ đối với Eltsin sáng ngày 19.8 chỉ vỏn vẹn có khoảng 300 người, kể cả những người đến vì tò mò như tôi.

Bốn chục năm đi qua cái hèo, tôi đã ở lại nước ngoài, mọi sự khốn khó để lại sau lưng, chỉ thỉnh thoảng mới sực nhớ đến một chuyện nào đó thuộc về quá khứ. Ông bạn họa sĩ học cùng trường với tôi ở Moskva, người đã đánh cắp cuốn nhật ký của tôi theo lệnh đại sứ Nguyễn Văn Kỉnh để cho Kỉnh nộp công an, bỗng dung tìm con con rể tôi nhờ nhắn lời rằng ông xin lỗi tôi vì hành động hèn mạt nọ. Tôi nhắn lại rằng chuyện cũ quá rồi, tôi đã quên. Mà Kỉnh thì cũng đã chết rồi. Trước khi Kỉnh chết, công an bắt được mấy tên lưu manh mang kim cương đi bán; chúng khai lấy ở nhà Kỉnh, nhưng hỏi Kỉnh thì Kỉnh không nhận mình mất trộm. Dù sao thì sau việc này, Kỉnh chết không được chôn ở nghĩa trang Mai Dịch là nơi yên nghỉ của các bậc chức sắc cao cấp, theo lời bình của anh bạn công an kể cho tôi nghe câu chuyện trên. Thì ra tôi đoán đúng: cái sự lập công, ra cái điều trung thành với Đảng thường được dùng để che giấu những việc làm tồi tệ, và ngài đại sứ trung thành với Đảng không quên bỏ lỡ dịp may buôn lậu. Kim cương ở Liên Xô vốn rẻ hơn ở thị trường thế giới, lại mua được bằng đồng rúp giấy, chứ không phải bằng đồng rúp vàng, theo tỷ hối chính thức.

Về chuyện "nhóm xét lại chống Đảng", tôi luôn gặp những câu hỏi khó trả lời. Bộ máy tuyên truyền của Đảng làm việc theo kiểu Goebbels<sup>2</sup>: "nói mãi, nói mãi, thì sự giả cũng thành sự thật", làm cho nhiều người cứ ngẩn ngơ, bán tín bán nghi, không biết có nên tin tôi hay không khi tôi nói rằng tôi chưa hề ở trong một nhóm nào như thế, rằng theo tôi thì chẳng hề có một nhóm nào như thế cả. Họ

<sup>1</sup> Nhóm các uỷ viên Bộ Chính trị này gồm Kruytchkov, Yazov, Yanaev, Pavlov đã thành lập Uỷ ban Tình trạng Khẩn cấp, dùng KGB (Uỷ ban An ninh Quốc gia) và quân đội, nhằm lật đổ Gorbatchov lúc ấy đang nghỉ ở Krum (Krimê).

<sup>2</sup> Goebbels, Paul Joseph (1897-1945), chính trị gia Đức, vào Đảng Quốc Xã (Nazi) năm 1922. Trở thành bộ trưởng Bộ Tuyên truyền và Giáo dục trong thời kỳ Hitler lên nắm quyền (1933).

tin rằng Đảng là một tập thể lớn, còn tôi là một cá nhân, không lẽ Đảng nói dối. Họ chưa đủ trưởng thành để hiểu rằng một tập thể lớn khi nói dối thì đó là chỉ là lời nói dối lớn mà thôi. Chẳng cứ người ngoài, ngay khi tôi vừa được thả, Huy Vân ra tù trước tôi ba năm còn hỏi tôi: "Cậu có ở trong tổ chức chống Đảng nào không đấy?". Tôi cười: "Chắc chắn là tờ không ở trong tổ chức chống Đảng của cậu rồi. Nếu có cái đó, chắc cậu với mình phải sinh hoạt cùng trong một tiểu tổ hoặc một chi bộ". Hắn Huy Vân cho rằng có "nhóm xét lại chống Đảng" thật, và anh bị bắt oan là vì người ta tưởng anh ở trong nhóm đó. Đến khi biết chắc chắn có "nhóm xét lại chống Đảng" nào hết thì anh tức lắm, anh nói anh sẽ làm cho ra nhẽ. Cách anh sẽ làm cho ra nhẽ thế nào thì chẳng ai biết, anh cũng không nói cho tôi nghe. Anh yêu nghề điện ảnh lắm, vì nó anh đã bỏ phút cái hoạn lộ thênh thang của anh. Huy Vân là một trong những người biết tiếng Nga đầu tiên ở Việt Nam. Anh học tiếng Nga ở Trung Quốc cùng với Nguyễn Mạnh Cầm, bộ trưởng Bộ Ngoại giao sau này. Vào năm đó, khi Huy Vân là ngôi sao sáng, thì Nguyễn Mạnh Cầm "chưa là cái gì", theo cách người ta thường nói bây giờ. Được thả rồi, Huy Vân đã cúi mình xuống chạy chọt, thậm chí xin lỗi những bạn đồng sự cũ nay làm quan trong ngành điện ảnh, vì anh còn yêu nghề lắm, nhưng chẳng ma nào dám liều mạng nhận anh trở lại Xưởng phim. Năm 1977, anh lại bị bắt, lần này vì tội ăn cắp xe đạp. Thiên hạ kể: anh cứ lùng lùng dắt khỏi cổng cơ quan một cái xe đạp không khóa và cũng chẳng buồn bỏ chạy khi thấy công an đuổi bắt. Anh ra tù, tôi hỏi tại sao anh lại làm chuyện bậy bạ thế, thì Huy Vân trả lời: "Mình cần được ra tòa để nói lại chuyện trước, nhưng cả lần này nữa chúng nó cũng không chịu xử. Thế là lỗ vốn". Anh bị bắt lần thứ ba trên một ngọn đồi giáp biên giới Trung Quốc cùng với một nữ biên tập viên báo Phụ Nữ hay Nhà xuất bản Phụ Nữ, tôi không rõ. Người ta buộc anh tội vượt biên. Tôi không tin anh có ý định vượt biên sang Trung Quốc - đi đâu khác còn có thể, chứ anh sang nước Trung Quốc cộng sản làm gì? Huy Vân bị đưa về Hỏa Lò Hà Nội, sau chết trong tù, không rõ ở nhà tù nào, Hỏa Lò hay một trại Trung ương. Có người nói anh chết ở Sơn La. Chuyện Huy Vân ăn cắp xe đạp chứng tỏ những năm dài ở xà lim đã làm cho anh thành một bệnh nhân tâm thần mà không ai biết.

Anh là người thứ ba qua đời trong số những người thuộc "nhóm xét lại chống Đảng".

Người thứ hai là ông Bùi Công Trừng, một trong những tên "xét lại hiện đại" là ủy viên Trung ương nên được Đảng xử lý nhẹ nhàng, chỉ khai trừ Đảng chứ không tống vào Hỏa Lò. Ông mất sau khi tôi được tha ít lâu. Trước khi chết ông nói với tôi: "Bác thương nước quá!". Ông nói trong nước mắt giàn giụa.

Người thứ tư là Trần Minh Việt, nhà lý luận của "nhóm xét lại chống Đảng", theo sự phong chức hào phόng của những người tự xưng bảo vệ Đảng. Anh từ giã cuộc đời bình thản, hiền lành, nho nhã, chẳng giống bất cứ kẻ thù nào của bất cứ ai. Tôi đi theo linh cữu, đưa anh đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Sau anh đến lượt tướng Đặng Kim Giang, rồi cha tôi, rồi tướng Lê Liêm, rồi ông Ung Văn Khiêm.

Một người nữa cần phải kể như một tên "xét lại", tuy không nằm trong danh sách những người bị bắt cùng đợt với chúng tôi là Tuân Nguyễn, cũng qua đời vào những năm ấy. Tôi vào Sài Gòn

khi Tuân Nguyễn đã mất. Dương Tường gọi điện tìm tôi, nhưng tìm tôi khó, tôi không có mặt ở nơi nào nhất định, thành thử khi tìm được tôi để bảo tôi thay mặt anh em ngoài Bắc đến đưa chân anh thì không kịp nữa rồi – tang lễ đã xong. Tuân Nguyễn không phải là một nhân vật đáng để người ta đăng cáo phó trên mấy tờ báo đảng hoặc trên truyền hình. Tôi chỉ còn có thể đến nhà anh để thấp nén hương tưởng niệm. Nhưng nén hương cũng không được thấp, chị Tuân Nguyễn không cho. Hoá ra sinh thời Tuân Nguyễn rất ghét mùi hương (nó gợi tới cái chết chăng?), vì thế mặc dầu tục lệ xưa chị Tuân Nguyễn không thấp hương cho anh. Bù lại, Tuân Nguyễn rất thích hoa. Chị dẫn tôi ra vườn, ở đó có nhiều thứ hoa không tên tuổi mà Tuân Nguyễn đã mang về trồng. Chúng tôi hái vài bông hoa đồng nội ấy đặt lên ban thờ. Tôi đứng đấy, ngước nhìn anh, thầm khấn anh hãy phù hộ cho những kẻ khổ khổ như anh vẫn còn phải sống dặt dẹo trên thế gian. Anh là tên “xét lại” đầu tiên bị bắt, nhưng không mấy ai biết điều đó. Vào sống ở Sài Gòn anh có được một người bạn thân thiết hiểu anh và yêu anh là Trịnh Công Sơn.

Nguyễn Lộc không trở lại với triết học và mỹ học nữa. Anh không viết gì, làm nghề dịch thuê để nuôi vợ con. Thỉnh thoảng chúng tôi vẫn gặp nhau. Trong những lần gặp ấy Lộc chỉ cười hiền lành, anh chán chính trị đến tận cổ, thứ chính trị “lăn tròn trên mọi lưỡi”. Tôi được tin anh chết trong cảnh nghèo khổ khi tôi đã không còn ở Việt Nam. Anh mới đích thực là người thua cháy túi trong canh bạc bip vĩ đại.

Phùng Mỹ làm kế toán cho một lò gốm Bát Tràng. Năm thì mười họa anh tạt qua Hà Nội. Gày và giờ đi rất nhanh, Phùng Mỹ nhìn đời bằng cặp mắt hờ hững. Anh chán ngán tất cả, thậm chí không buồn phục hồi kinh tế gia đình như một số anh em khác, cho rằng đó là sự bon chen. Anh chỉ vui ở chỗ được chia tay một lần cho mãi mãi với Đảng của anh.

Vũ Huy Cương tiếp tục cuộc sống độc thân trong căn phòng nhỏ xíu nằm sâu sau mặt đường Bà Triệu. Tôi giục anh lấy vợ. Cương cười méo mó: “Cô nào lấy mình bây giờ là phải lấy kèm mấy anh công an mật, mấy anh cán bộ tổ chức, như thế thì nhiều quá, vất vả quá!” Anh là người quảng giao. Nhờ bạn bè giúp đỡ, anh làm công việc in ấn trám thứ bà dẵn, nghe nói cũng sống được. Cho tới khi tôi viết những dòng này Vũ Huy Cương vẫn chưa lấy vợ. Bây giờ anh nói: “Ai lấy mà lấy? Lấy nhau bây giờ để dắt díu nhau đi Hoàn Vũ<sup>1</sup> à?”

Vợ Trần Châu đi lấy chồng khi anh ở tù. Anh trở về, sống cô độc mấy năm rồi gá nghĩa với vợ một liệt sĩ thời chống Mỹ, hai vợ chồng mở một quán tạp hóa trong làng bán vở và kẹo bột cho học sinh, nước mắm và mì ăn liền cho người lớn, nghe nói sống cũng được.

Hoàng Thế Dũng điếc đặc sau những năm tù, lěo đěo theo tôi làm ve quét tường, buổi tối trở về mặt xanh lè bột màu phtalocyanine. Anh làm hợp đồng cho tờ Lịch Sử Quân Sự, viết được nhiều tài

<sup>1</sup> Lò thiêu xác ở ngoại thành Hà Nội.

liệu tổng kết các chiến dịch, trong đó có mấy bài hay về cuộc vượt biên giới của quân đội Việt Nam giải phóng vùng Thập Vạn Đại Sơn cho Trung Quốc. Hoàng Thế Dũng có kể cho tôi nghe một câu chuyện cảm động. Một hôm anh đi cùng một phái đoàn quân sự tới thăm một quân khu, việc của anh là thu thập các tài liệu lịch sử của quân khu này cho Tập san, thì tư lệnh trưởng quân khu, một thiếu tướng chạy tới trước mặt anh rập gót, đưa tay lên vành mũ chào anh theo đúng quân phong: "Chào thủ trưởng!". Thị ra đó là một cán bộ cấp dưới của anh từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Sau khi chào phái đoàn, tư lệnh trưởng mời thủ trưởng cũ ngồi bên cạnh mình, điềm nhiên như không hề biết chuyện gì xảy ra với anh những năm qua.

Lê Trọng Nghĩa thỉnh thoảng lại vào Sài Gòn. Chị Thảo, vợ anh, công tác tại đây lâu, có một chỗ ở trên đường Võ Thị Sáu. Nhà lãnh đạo ngành tình báo quân đội trong suốt cuộc chiến tranh Việt-Pháp già đi nhanh, nhưng còn rất minh mẫn. Những nhận định thời cuộc của anh vẫn sắc sảo như khi anh còn trẻ. Tôi uống trà với anh, nghe anh kể chuyện bằng cách nào Cục 2 đã phát hiện người Pháp chuẩn bị mặt trận Điện Biên Phủ, chuyện cán bộ Cục 2 đi vào Nam ngay từ khi Hiệp nghị Genève về Đông Dương vừa được ký kết. Chị Thảo kể khi đại tướng Hoàng Văn Thái sắp nhận chức bộ trưởng Bộ Quốc phòng, ông mời chị tới nhờ chị nói với anh hãy bỏ qua chuyện cũ để trở lại công tác với ông. Nhưng nói chuyện với chị hôm trước thì hôm sau ông đột tử. Hà Nội đồn cái chết của ông do Lê Đức Thọ gây ra. Tiếp đến cái chết của đại tướng Lê Trọng Tấn. Ông cũng sửa soạn nhận chức bộ trưởng Bộ Quốc phòng thì lại đột tử. Cái chết của ông cũng được buộc cho Lê Đức Thọ. Đúng là một lần ỉa bậy, lần sau thấy cứt người ta gọi đến.

Trần Thư bắt đầu cuộc sống ngoài biên chế bằng cách chữa nước mắm thối, làm nước mắm từ cá khô, in nhãn hương và dịch sách. Mấy năm nay anh mang một khối ung thư trong bụng. Cuốn Chuyện Người Tù Xử Lý Nội Bộ của anh, mới xong phần đầu, đã được in ở nước ngoài, hé mở một phần vụ án được Đảng giữ bí mật. Nguyễn Kiến Giang cũng ra được một tuyển tập những bài viết về chủ nghĩa Marx thời hiện đại trong mối quan hệ với vận mệnh đất nước, được người đọc chú ý. Cũng như phần lớn anh em trong vụ án, anh sống bằng nghề dịch - sách văn học, sách chính trị, sách triết học, tài liệu thương mại, đủ thứ.

Lưu Động vẫn ầm ầm chửi "bọn tiếm quyền khốn nạn", nhưng Lê Đức Thọ trước khi chết đã ngán Lưu Động lắm, giả vờ điếc không nghe thấy. Không thể bắt Lưu Động một lần nữa. Lại càng không thể bắt Lưu Động câm mồm. Thấy quan thầy không dám động tới Lưu Động, lũ đệ tử cũng đành làm ngơ. Khi tôi rời Việt Nam, nghe sức khoẻ anh đã kém lắm, nhưng vẫn còn minh mẫn.

Được biết nhiều trường hợp oan ức xảy ra với dân chúng trong những nhà tù mà tôi đi qua, vừa từ nhà tù về tới nhà tôi viết ngay một bức thư cho ông Nguyễn Lương Bằng: "Chuyện của cháu hãy để đẩy cho lịch sử. Nhưng nỗi oan của dân thì phải giải quyết ngay. Cháu đề nghị bác hãy tới các nhà tù để nghe dân khiếu oan. Cháu tình nguyện làm người dẫn đường cho bác..." Ông Nguyễn Lương Bằng im lặng như một lãnh tụ chính công trước lời khẩn cầu của dân đen. Tôi hoàn toàn thất vọng về người anh hùng cách mạng trong thuở ấu thơ của mình. Lúc đó tôi cũng còn chưa được biết về vai trò của ông trong vụ "nhóm xét lại chống Đảng". Chỉ khi đi tìm tư liệu cho cuốn sách này tôi mới phát hiện

ra rằng rồi ông cũng nhảy vào Ban chuyên án xử lý vụ án, chính thức trở thành một trong những cai ngục của tôi. Tôi tiếc đã viết bức thư nọ - cái hi vọng mới hão huyền làm sao! Hôm đưa tang ông, cha tôi rủ tôi cùng đi. Cha tôi vẫn giữ tình bạn cũ với ông. Tôi vốn là đứa con vâng lời, nhưng hôm ấy tôi đã từ chối. Tôi không có mối quan hệ thân thiết trong quá khứ với Nguyễn Lương Bằng như cha tôi. Tôi không rộng lượng như cha tôi. Tôi cũng không thừa thời giờ cho một con người đã bán mình cho danh vọng.

Trường Chinh sau khi rút lui khỏi cuộc đọ sức với Lê Đức Thọ vào chân tống bí thư, buồn bã ngồi nhà. Ông qua đời vì chấn thương não trong một cú ngã ở cầu thang. Người ta đồn rằng ông bị người của Trần Quốc Hoàn, hạ sát. Tên này do Lê Đức Thọ cử tới thay cho nhân viên bảo vệ trước vừa bị ông sa thải. Lẽ ra, theo nguyên tắc, người bảo vệ phải đi sát ông từng bước, nhưng y đã để ông ngã khi có một mình, theo kết luận chính thức. Vết thương ở gáy có thể do mép bậc thang gây ra, mà cũng có thể do một vật bằng gỗ khác đập vào. Mà cũng có thể do lườn bàn tay chém vào, chẳng có gì khó với người có võ thuật. Việt Nam nghèo cái gì thì nghèo nhưng không nghèo tin đồn. Chẳng biết hư thực ra sao.

Hoàng Minh Chính, người chiến sĩ kiên cường, vẫn tiếp tục cuộc đấu tranh cho dân chủ và tự do. Anh bị bắt lần thứ ba<sup>1</sup>, năm 1995, lần này bị xử án hắn hoi, vì tội "lợi dụng các quyền tự do dân chủ". Trước tòa anh bình thản nhận bản án một năm tù, không khiếu nại, đơn giản vì "tôi không công nhận cái bản án xử tôi, cũng như tôi không công nhận cái toà án đã tuyên bản án ấy", như anh phát biểu. Hoàng Minh Chính không công nhận bản án là phải. Nó không những vô lý mà còn vô đạo.

Cùng với vụ xử Hoàng Minh Chính bắt đầu một thời kỳ mới, thời kỳ cuộc đổi mới cài số lùi, thời kỳ ông Đỗ Mười hạ lệnh cho các quan tòa xử lấy được, bất chấp đúng sai. Với cách giải thích luật pháp của Đảng không ai có thể biết cái lằn ranh các quyền tự do dân chủ được Đảng đặt ở đâu, cho nên công dân nào đi luquent quặng đều có cơ may bị các cảnh sát viên mác-xít thổi còi tống vào bót. Lê Đức Thọ chết rồi, nhưng hồn ma của Thọ vẫn lớn vởn trong cung đình.

Nhưng khác với thời trấn áp "nhóm chống Đảng", vụ bắt Hoàng Minh Chính lần này dấy lên cả một làn sóng phản đối, âm ỉ ở trong nước, ồn ào trên thế giới. Có cả một ủy ban bảo vệ Hoàng Minh

<sup>1</sup> Mãi tới cuối năm 1996, Hoàng Minh Chính mới biết lý do thật khiến anh bị vào tù lần chót. Số là vào tháng 5 năm 1995 anh và một số cựu đảng viên Đảng dân chủ Việt Nam, là những đảng viên đầu tiên của đảng này trước khi nó trở thành một đảng bù nhìn, có gặp nhau trong một bữa trà dư tửu hậu tại nhà anh. Trong cuộc gặp gỡ này có người nêu ý kiến nên có một cuộc họp mặt rộng hơn nhân ngày kỷ niệm Đảng dân chủ Việt Nam ra đời, vào giữa tháng 6. Cuộc nói chuyện bị ghi âm trộm. Thế là người ta tá hỏa, nghĩ rằng Hoàng Minh Chính và các cựu đảng viên Đảng dân chủ Việt Nam có ý tái lập đảng, do đó vội vã bắt ngay Hoàng Minh Chính. Lý do thì không có, người ta viện cớ Hoàng Minh Chính dám gửi hộ Đỗ Trung Hiếu những kiến nghị của ông tới địa chỉ các vị lãnh đạo, là hành động tán phát những tài liệu chống nhà nước và chủ nghĩa xã hội, để buộc tội. Thế là ông Đỗ Trung Hiếu trở thành đầu vụ một cách oan uổng.

Chính và Đỗ Trung Hiếu được thành lập ở Paris gồm những trí thức đã từng ủng hộ Việt Nam trong cuộc chiến vừa qua. Một luật sư Pháp gửi đơn xin chiếu khán đi Việt Nam để bảo vệ Hoàng Minh Chính, nhưng đại sứ quán Việt Nam, theo thói quen không cần đến lịch sự và truyền thống ngoại giao lì lợm, không trả lời. Những người nào cổ không đúng cõi "lợi dụng các quyền tự do dân chủ" thì đã có cái tròng khác, đại loại như "chiếm đoạt bí mật nhà nước" như trường hợp xảy ra với Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiến Giang... Những người này bị trấn áp, nhưng, vẫn như thường lệ, không được xử đúng cái tội mà chính quyền chuyên chính vô sản muốn trị, mà vì một cớ khác, được bịa ra một cách ngớ ngẩn, như mọi người đều biết. Vở kịch xử án họ do chính Bộ Chính trị Trung ương Đảng đạo diễn không được hưởng dù chỉ vài tiếng vỗ tay lẹt đẹt ngay trong đám khán giả được Đảng cử tới.

Cũng khác với "nhóm xét lại chống Đảng" những người đổi lập mới không còn đòi xét lại chủ nghĩa Marx nữa, mà thẳng thắn bác bỏ nó. Nền tảng của cái gọi là nhà nước vô sản chuyên chính bị xói mòn bởi trào lưu dân chủ trên thế giới, bởi nền kinh tế thị trường, bởi tình hình tồi tệ trong các nước xã hội chủ nghĩa, cho nên cái cum của nó cũng rệu rã, lỏng lẻo hơn trước nhiều. Với cuốn sách nổi tiếng Từ Bỏ Ý Thức Hệ, Hà Sĩ Phu kêu gọi sự tổng tiến ôn hòa có tình có nghĩa đối với chủ nghĩa Marx ngoại lai ra khỏi Việt Nam, đặt tên cho chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta là triều đại phong kiến cuối cùng. Ngang tàng là thế, ngạo ngược là thế, mà tác giả chỉ bị có một năm tù.

Một buổi tối năm 1983 Hoàng Đạo đến thăm tôi. Anh vừa biết địa chỉ của tôi ở Sài Gòn là tối liền, rủ tôi đi nhậu để hàn huyên. Tác giả vụ điệp báo lùng danh một thời già xombok, người như thấp đi, cặp mắt đã mờ, cái nhìn buồn bã. Tôi nhắc chuyện "Jean Valjean gọi bằng cụ". Anh nói suốt từ năm 1946 anh không nghe nói tới Tôn Thất Tần nữa, nhưng "chuyện anh ấy kể là có thật, đúng như thế". Tiếc rằng tối đó tôi có cái hẹn không thể bỏ, đành hẹn anh bữa khác. Chúng tôi chỉ ngồi với nhau được một lát. Bữa khác ấy rồi không có. Người nói anh đã bỏ đi Đồng Nai, người nói anh ở trong rừng Đồng Tháp. Năm 1995 tôi thấy hình anh trên một tờ báo công an. Người ta kỷ niệm vụ đánh đắm thông báo hạm Amyot d'Inville và nhắc đến cái chết của chị Lợi. Trước đây, trong một thời gian dài người ta không nói tới cái chết cảm tử của chị. Có người có chức quyền hẳn hoi còn nói chị mang vali thuốc nổ lên chiến hạm để tự sát - chị bị lao nặng đã hết cách chữa. Vì thế mà Trung ương không phong cho chị danh hiệu anh hùng. Cũng có thể ngày ấy người ta còn sợ uy Trường Chinh. Danh hiệu này chỉ được truy tặng cho người nữ anh hùng khi ở Việt Nam bắt đầu có "đổi mới".

Nguyễn Chí Thiện được thả ra năm 1977. Từ ga Trần Quý Cáp anh tới thẳng nhà tôi, ăn với tôi bữa cơm rồi mới về Hải Phòng. Thỉnh thoảng anh lên Hà Nội chơi lại rẽ vào thăm tôi. Vẫn ngơ ngác nhìn đori qua cặp kính trắng, ít nói hơn cả trong khi ở tù, còn ít cười hơn nữa, Nguyễn Chí Thiện hoàn toàn thu mình vào nội tâm. Tôi giao cho anh bột nở về bán cho các hàng cháo quẩy của thành phố cảng. Khi tôi chế bột nở cho cao su, anh cũng bán được một ít cho những người buôn hàng vào Nam. Nhưng anh không có kinh nghiệm thương mại. Tôi vào Sài Gòn hẳn từ năm 1983. Năm 1988 tôi ra chơi, Lê Trình báo tin Nguyễn Chí Thiện đã bị bắt lại. Anh chạy vào sứ quán Anh ở Hà Nội, trao cho họ tập thơ anh làm trong tù rồi bước ra để vào Hỏa Lò, ở thêm mấy năm nữa. Trình kêu gọi anh em bạn tù góp tiền cho gia đình Nguyễn Chí Thiện tiếp tế cho anh. Năm 1994 Nguyễn Chí Thiện sang Mỹ, từ đó anh đi khắp thế giới để chửi chính quyền Hà Nội. Tôi đọc báo và buồn lòng thấy anh chống cộng vung vít,

chống luôn cả những hành động cứu trợ nhân đạo cho đồng bào, chỉ vì những khoản cứu trợ, theo anh nói, nuôi béo chính quyền cộng sản. Tôi biết có những vụ tham ô hàng và tiền cứu trợ, nhưng không phải tất cả đều thế. Anh còn nói rằng không thể tin được bọn cộng sản ly khai, quên khuấy rằng họ cũng là những người yêu nước không kém gì anh, ít nhất là như thế. Nhưng nghĩ tới những gì Nguyễn Chí Thiện đã trải qua, tôi hiểu nỗi căm giận của anh. Có điều, như các cụ nói, no mất ngon, giận mất khôn, nên anh mới khai trừ thẳng cánh những người trước kia là cộng sản ra khỏi đám con cháu Lạc Hồng, vĩnh viễn tước của họ cái quyền yêu nước.

Sau khi ra khỏi nhà tù, khoảng năm 1977, Kiều Duy Vĩnh và tôi gặp nhau luôn. Anh sảng khoái hơn bao giờ hết vì chuyến viễn du bất đắc dĩ cuối cùng rồi cũng đã kết thúc. Chúng tôi kéo nhau lên Hàng Vải Thâm rủ Lê Trình đi uống cà phê. Đôi khi có cả Văn Thợ Mộc, Phổ Gián Diệp. Vĩnh giàu nhất trong bọn chúng tôi, vì chị Vĩnh có sạp bán trà ở chợ Bắc Qua. Nhưng Trình Hàng Vải, cao niên hơn cả, bao giờ cũng tranh trả tiền. Có thể nói đây là hạt nhân của Hội Cựu Tù Nhân Chính trị Việt Nam, nếu như một ngày nào đó nó ra đời.

Phổ Gián Diệp được các đồng chí cũ thanh minh, được thả ra, nhưng gia đình đã tan nát, ngôi nhà bị thu vẫn chưa lấy lại được.

Văn Thợ Mộc đã lấy vợ. Cuộc hôn nhân bắt nguồn từ việc ông thợ mộc hiền lành của chúng tôi đi đóng giường thuê cho vợ một liệt sĩ. Chị kể với anh chị ước mong có một ban thờ tử tế để thờ chồng mà mãi chưa thực hiện được. Đúng ngày 27 tháng Bảy<sup>1</sup> anh xuất hiện ở nhà chị, hì hục đóng cho chị cái ban thờ mà chị muốn có, không lấy tiền. Chị xúc động trước tấm lòng cởi mở của anh. Hai người trở thành bạn. Rồi anh trở thành chồng chị, chăm nom những đứa con của người mà lẽ ra anh phải coi là kẻ thù. Những đứa con của người đã khuất rất yêu quý anh.

"Jean Valjean gọi bằng cụ" cũng đã ra khỏi nhà tù. Như tôi đã kể, thật ra chính quyền cũng không có ý định nâng cao kỷ lục tù cho ông, nhưng vì lúng túng không biết thả ông thế nào, nên dành để ông đó cái đã. Tiến tôi ra trại, trung úy Bưởi hứa với tôi sẽ giúp đỡ "Jean Valjean gọi bằng cụ". Anh cho tôi biết nếu bây giờ có người nhận, ông sẽ được về ngay. Tôi tới gặp nhà sử học Chiêm Tế, cũng là người trong hoàng tộc, đề nghị anh bảo lãnh cho Tôn Thất Tần thì Chiêm Tế kêu lên: "Anh bị chín năm chưa chán sao mà còn dây vào những chuyện này! Tôi sợ lắm!". Chỉ có Bửu Tiến là hăng hái giúp. Anh vào Nam, tìm được con gái Tôn Thất Tần. Cô làm đơn xin bảo lãnh cho người cha chưa biết mặt. Qua nhà thơ Trần Mạnh Hảo tôi mới gặp lại Tôn Thất Tần. Hóa ra anh là con rể người tù vĩ đại.

Một hôm tôi đang phóng xe máy trên đường Thụy Khê thì bị một công an viên nhảy ra giơ hai tay chặn lại. Thì ra thiếu úy Nguyễn Văn Nhẩm.

- Anh còn nhớ em không?

---

<sup>1</sup> Ngày thương binh liệt sĩ.

- Nhớ chứ! - tôi ôm lấy anh - Tôi quên những tên khốn nạn, nhưng nhớ rất lâu những con người tốt bụng.

Nhẩm khoe với tôi anh đã ra khỏi ngành quản lý trại giam, bây giờ làm công an đường phố. Chúng tôi kéo nhau vào một quán bia gần đấy, uống bia Thanh Đảo và ôn lại chuyện những ngày ở Tân Lập. Nhẩm hẹn tôi một bữa ăn trên nhà hàng nổi Hồ Tây.

Tôi hỏi Nhẩm về số phận của gián điệp quốc tế Dịp Pún Mǎn. Nhẩm cho biết anh ta đã được tha ra một nông trường gồm những tù nhân không nơi nương tựa ở gần trại. Sau anh ta có về Hải Phòng không thì Nhẩm không biết. Tôi hỏi Nhẩm đã gặp bao nhiêu gián điệp quốc tế kiểu như Diệp Bản Minh thì Nhẩm nói mới gặp có một. Tôi nói thế thì hồng phúc cho nước nhà.

Một năm sau khi tôi ra tù tôi gặp lại Trần Độ, người mấy năm sau bỗng trở thành một trong những con chim đầu đàn của phong trào dân chủ. Tôi nói "bỗng trở thành" vì lúc ấy anh còn tin ở cái đảng của anh lầm. Trong chiến trường, anh mù tịt về những việc xảy ra ở miền Bắc, thậm chí không biết tôi bị ở tù. Anh bảo tôi: "Nếu chú không làm gì sai trái thì sao Đảng lại bắt chú?" Tôi cười buồn: "Anh tự tìm hiểu chuyện này, rồi anh sẽ có kết luận. Anh hứa sẽ tìm hiểu chứ?". Tao hứa, anh nói thế. Tôi tin rằng sự tìm hiểu vụ án của chúng tôi đã góp phần thay đổi đến tận gốc cái nhìn của anh về thể chế mà anh tham gia xây dựng để khẳng định phải xoá bỏ nó.

Kể từ khi tôi ra tù, sự kiện ồn ào nhất về vụ "nhóm xét lại chống Đảng" là vụ ông Nguyễn Trung Thành, nguyên vụ trưởng Vụ Bảo vệ Đảng, cánh tay phải của Lê Đức Thọ trong thời kỳ chúng tôi bị trấn áp, bỗng dưng đùng đùng lén tiếng đòi xét lại vụ án. Ông tuyên bố chúng tôi hoàn toàn vô tội. Ông nói việc tham gia vụ án này làm cho ông bị lương tâm cắn rứt ngày đêm. Đến lúc ông không còn có thể im lặng.

Bức thư gửi Ban chấp hành Trung ương Đảng đề ngày 3.2.1995 là một tiếng sét giữa trời quang, làm sững sờ không phải chỉ các nhà lãnh đạo mà cả chúng tôi, những nạn nhân trong vụ án. Có ai ngờ một người như ông mà lại đủ can đảm làm một việc tày trời như thế - trước hết là lòng dũng cảm phủ định chính mình, sau là sự dấn thân vào một việc khó khăn, vô vọng mà hậu quả chắc chắn là rất nặng nề.

Nguyên vụ trưởng Vụ tổng hợp Bộ Nội vụ vào thời gian nói trên là ông Lê Hồng Hà, cũng có dính líu với vụ án của chúng tôi, đã nhiệt tình ủng hộ ông Nguyễn Trung Thành trong việc lập lại lẽ công bằng cho những người cộng sản yêu nước bị đàn áp.

Tổng bí thư Đỗ Mười nổi giận. Ông gọi Nguyễn Trung Thành lên gặp ông. Ông trách móc, ông khuyên can, rồi ông dọa nạt. Nhưng Nguyễn Trung Thành vẫn trợn trơ.

Lê Hồng Hà còn đi xa hơn. Nhân dịp này ông rà soát lại nhận thức của mình, rồi thảng thắn vạch ra rằng mọi điều tồi tệ xảy ra là hậu quả sự du nhập chủ nghĩa Marx ngoại lai vào Việt Nam, sự áp dụng những nguyên tắc "dân chủ tập trung" và "chuyên chính vô sản", về thực chất là nền tảng của thói chuyên quyền, độc đoán.

Khi người ta giận dữ thì sự khôn nếu không mất đi ăn cũng thiếu. Cùng với Lê Hồng Hà, một số người dân chủ cũng vào hùa, chửi chủ nghĩa Marx ngoại lai, vì nó ngoại lai nên nó gây hại, quên bẵng rằng chủ nghĩa tam dân cũng là ngoại lai, và nhiều thứ khác cũng ngoại lai, nhưng ta vẫn dùng tốt. Tôi cho rằng thái độ lén án kiểu như vậy dễ thành bài ngoại lầm. Chủ nghĩa Marx không tốt cho chúng ta không phải vì nó là ngoại lai, mà vì những cái chứa trong lòng nó. Trong gia tài của nhân loại, cái gì tốt, hợp với ta thì ta xài, cái gì không hợp hay chưa hợp thì ta không xài hoặc chưa xài vội. Chỉ có sự lựa chọn như thế mới có lợi cho dân tộc.

Không làm gì được hai nhân vật phản tỉnh, tổng bí thư Đỗ Mười ra lệnh khai trừ họ khỏi Đảng. Chưa đủ. Lê Hồng Hà bị bắt, cùng một lượt với Hà Sĩ Phu, bị tòa xử hai năm tù giam, nhưng không phải vì lập trường chống chủ nghĩa Marx, vì thái độ phản kháng sự bạo hành của chính quyền đối với nhân dân, mà vì... "có hành vi chiếm đoạt bí mật nhà nước". Mà bí mật nhà nước ở đây là cái gì? Là bức thư của đảng viên Võ Văn Kiệt gửi các đồng chí của ông trong Bộ Chính trị, mà đồng bào Việt Nam ở nước ngoài đã được biết từ lâu.

Sau khi biết việc ông Nguyễn Trung Thành gửi thư cho Trung ương Đảng, mẹ tôi đi xích-lô lên tận nhà ông ở Ngọc Hà để nói với ông:

- Trước kia, tôi căm thù anh không kém gì căm thù Lê Đức Thọ. Nhưng nay tôi lại thấy ở anh một đồng chí, hay nếu ta không dùng cái chữ ấy nữa vì nó bị người ta làm cho ô uế rồi thì ta dùng chữ khác vậy, anh là một người tử tế...

- Cảm ơn chị.

- Mà này, tuổi đời cũng như tuổi cách mạng anh đều kém tôi, chỉ bằng tôi gọi anh bằng chú cho thân mật.

- Thưa chị, - ông Nguyễn Trung Thành nói - chị đã tha tội cho tôi, lại còn nhận tôi làm em nữa thì lòng chị thật là rộng rãi, thật là bao dung! Tôi rất biết ơn chị.

Mẹ tôi cười vui vẻ:

- Đã coi là em rồi thì mọi sự là tình nghĩa chị em, đâu còn chuyện ai rộng rãi với ai, ai bao dung với ai?

- Nhưng nếu thằng em rồi cũng bị bắt, thì chị lại đi tiếp tế cho nó nhá?

- Chú yên tâm. - mẹ tôi nói - Cái việc này chị quen rồi. Thời Pháp chị đã đi tiếp tế, thời Nhật chị đã đi tiếp tế, thời ta lại được đi tiếp tế cả cho chồng lẫn cho con, như thế gọi là có thâm niên đấy. Chị sẽ đi tiếp tế cho chú...

Hà Nội - Moskva- Warszawa-Paris

1993-1997

---